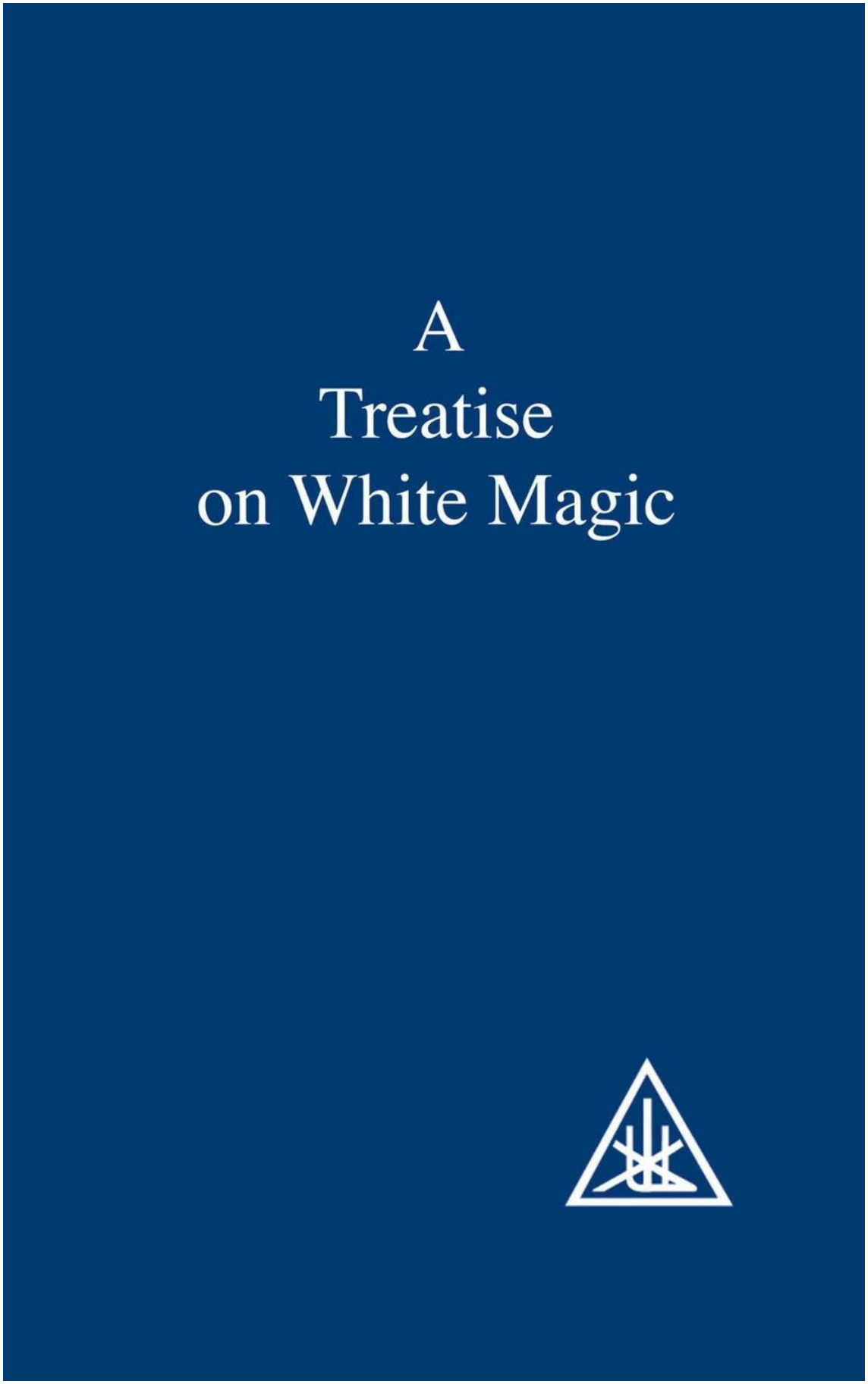
A Treatise on White Magic





A TREATISE LUẬN

ON WHITE MAGIC

or

The Way of the Disciple

by

ALICE A. BAILEY.

INDEX EDITION

Published by the Lucis Publishing Companies

The first and only publisher of the complete

works of Alice A. Bailey

http://www.lucistrust.org/books

Dedicated with affection and gratitude to my co-workers

and fellow students in THE ARCANE SCHOOL

BOOKS BY ALICE A. BAILEY

Initiation, Human and Solar

Letters on Occult Meditation

The Consciousness of the Atom

A Treatise on Cosmic Fire

The Light of the Soul

VỀ CHÁNH THUẬT

hay

Con Đường của Người Đệ Tử

của

ALICE A. BAILEY.

ẤN BẢN CÓ MỤC LỤC TRA CỨU

Do Công ty Xuất bản Lucis ấn hành

Nhà xuất bản đầu tiên và duy nhất của toàn bộ

các tác phẩm của Alice A. Bailey

http://www.lucistrust.org/books

Kính tặng với lòng quý mến và biết ơn đến các cộng sự của tôi

và các học viên đồng môn trong TRƯỜNG ARCANE

CÁC SÁCH CỦA ALICE A. BAILEY

Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương

Thư Về Tham thiền Huyền môn

Tâm Thức của Nguyên Tử

Luận về Lửa Vũ Trụ

Ánh Sáng của Linh Hồn

The Soul and its Mechanism	*Linh Hồn và Bộ Máy của Nó*
From Intellect to Intuition	*Từ Trí Tuệ đến Trực Giác*
A Treatise on White Magic	*Luận về Chánh Thuật*
From Bethlehem to Calvary	*Từ Bethlehem đến Calvary*
Discipleship in the New Age–Vol. I	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển I*
Discipleship in the New Age–Vol. II	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển II*
Problems of Humanity	*Các Vấn Đề của Nhân Loại*
The Reappearance of the Christ	*Sự Tái Lâm của Đức Christ*
The Destiny of the Nations	*Vận Mệnh của các Quốc Gia*
Glamour: A World Problem	*Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới*
Telepathy and the Etheric Vehicle	*Viễn Cảm và Hiện Thể Dĩ Thái*
The Unfinished Autobiography	*Tự Truyện Chưa Hoàn Tất*
Education in the New Age	*Giáo Dục Trong Kỷ Nguyên Mới*
The Externalisation of the Hierarchy	*Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn*
A Treatise on the Seven Rays:	*Luận về Bảy Cung:*
Vol. I–Esoteric Psychology	*Quyển I–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. II–Esoteric Psychology	*Quyển II–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. III–Esoteric Astrology	*Quyển III–Chiêm Tinh Học Nội Môn*
Vol. IV–Esoteric Healing	*Quyển IV–Trị Liệu Huyền Môn*

THE GREAT INVOCATION

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
"The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	"Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the Divine Plan work out."

ALICE A. BAILEY

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ bề ngoài, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

ALICE A. BAILEY

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant offers to the Guru and Master Whom he is as

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng

yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity-not to the Master.

tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters can be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư *có thể* được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG 8 NĂM 1934

RULES FOR MAGIC

RULE ONE

The Solar Angel collects himself, scatters not his force, but, in meditation deep, communicates with his reflection.

Quy Luật I

Thái Dương Thiên Thần thu mình lại, không phân tán thần lực của Ngài mà, trong thiền định sâu sắc, giao tiếp với phản ảnh của Ngài.

RULE TWO

When the shadow hath responded, in meditation deep the work proceedeth. The lower light is thrown upward; the greater light illuminates the three, and the work of the four proceedeth.

Quy Luật II

Khi cái bóng đã đáp ứng, trong thiền định sâu thẳm, công việc tiến triển. Ánh sáng thấp được ném lên trên; ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba, và công việc của bốn tiến triển.

RULE THREE

The Energy circulates. The point of light, the product of the labours of the four, waxeth and groweth. The myriads gather round its glowing warmth until its light recedes. Its fire grows dim. Then shall the second sound go forth.

Quy Luật III

Năng Lượng tuần hoàn. Điểm ánh sáng, sản phẩm do công sức của bốn, trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng. Vô số sinh linh tập trung quanh hơi ấm rực rỡ của nó cho đến khi ánh sáng của nó mờ dần. Ngọn lửa của nó mờ đi. Kế đó, âm thanh thứ hai sẽ phát ra.

RULE FOUR

Sound, light, vibration, and the form blend and merge, and thus the work is one. It proceedeth under the law, and naught can hinder now the work from going forward. The man breathes deeply. He concentrates his forces, and drives the thought-form from him.

Quy Luật IV

Âm thanh, ánh sáng, rung động, và hình tướng hòa trộn và dung hợp, và như thế công việc trở thành một. Công việc tiến hành theo định luật, và không gì có thể ngăn cản công việc tiến tới. Con người hít thở sâu. Y tập trung các lực của mình và đẩy hình tư tưởng ra khỏi y.

RULE FIVE

Three things engage the Solar Angel before the sheath created passes downward; the condition of the waters, the safety of the one who thus creates, and steady contemplation. Thus are

Quy Luật V

Ba điều thu hút Thái Dương Thiên Thần trước khi cái vỏ được tạo ra đi xuống; tình trạng của các dòng nước, sự an toàn của người tạo ra hình tư tưởng như vậy, và sự chiêm ngưỡng đều

the heart, the throat, and eye, allied for triple service. [xiii]

đặn. Như vậy, tim, cổ họng và mắt, được liên kết cho sự phụng sự tam phân. [xiii]

RULE SIX

Quy Luật VI

The devas of the lower four feel the force when the eye opens; they are driven forth and lose their master.

Các thiên thần của bốn cõi thấp cảm nhận được mãnh lực khi con mắt mở ra; họ bị xua đuổi và đánh mất chủ nhân của mình.

RULE SEVEN

Quy Luật VII

The dual forces of the plane whereon the vital power must be sought are seen; the two paths face the solar Angel; the poles vibrate. A choice confronts the one who meditates.

Các mãnh lực kép của cõi mà trên đó quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy; hai con đường đối diện với Thái Dương Thiên Thần; các cực rung động. Một sự lựa chọn đối mặt với người đang tham thiền.

RULE EIGHT

QUY LUẬT TÁM

The Agnisuryans respond to the sound. The waters ebb and flow. Let the magician guard himself from drowning at the point where land and water meet. The midway spot, which is neither dry nor wet, must provide the standing place whereon his feet are set. When water, land and air meet, there is the place for magic to be wrought.

Các Agnisuryans đáp ứng với âm thanh. Các vùng nước lên xuống và chảy. Hãy để nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi chết đắm tại điểm nơi đất và nước gặp nhau. Nơi ở giữa, không khô cũng không ướt, phải cung cấp vị trí đứng mà trên đó y phải đặt bàn chân. Khi nước, đất và không khí gặp nhau, đó là nơi để huyền thuật được thực hiện.

RULE NINE

QUY LUẬT CHÍN

Condensation next ensues. The fire and waters meet, the form swells and grows. Let the magician set his form upon the proper path.

Sự ngưng tụ tiếp theo xảy ra. Lửa và nước gặp nhau, hình tướng phồng lên và tăng trưởng. Hãy để nhà huyền thuật đặt hình tướng của mình trên con đường thích hợp.

RULE TEN

QUY LUẬT MƯỜI

As the waters bathe the form created, they are absorbed and used. The form increases in its strength; let the magician thus continue until the work suffices. Let the outer builders cease

Khi các vùng nước tắm rửa hình tướng được tạo ra, chúng được hấp thụ và sử dụng. Hình tướng tăng lên về sức mạnh của nó; hãy để nhà huyền thuật tiếp tục cho đến khi công việc đã đủ. Khi đó, hãy để các đấng kiến tạo bên ngoài

their labors then, and let the inner workers enter on their cycle.

ngừng các công việc của họ, và hãy để các công nhân bên trong bước vào chu kỳ của họ.

RULE ELEVEN

QUY LUẬT MƯỜI MỘT

Three things the worker with the law must now accomplish. First, ascertain the formula which will confine the lives within the ensphering wall; next, pronounce the words which will tell them what to do and where to carry [xiv] that which has been made; and finally, utter forth the mystic phrase which will save him from their work.

Ba điều người làm việc với định luật bây giờ phải hoàn thành. Trước hết, xác định công thức sẽ giới hạn các sự sống trong bức tường bao quanh; tiếp theo, xướng các từ ngữ sẽ nói cho chúng biết phải làm gì và mang [xiv] cái gì đã được tạo ra đến đâu; và cuối cùng, thốt ra cụm từ thần bí sẽ cứu y khỏi công việc của chúng.

RULE TWELVE

QUY LUẬT MƯỜI HAI

The web pulsates. It contracts and expands. Let the magician seize the midway point and thus release those "prisoners of the planet" whose note is right and justly tuned to that which must be made.

Mạng lưới đập nhịp. Nó co lại và giãn ra. Hãy để nhà huyền thuật nắm bắt điểm ở giữa và như vậy giải phóng những "tù nhân của hành tinh" mà âm điệu đúng và được điều chỉnh chính xác với cái phải được tạo ra.

RULE THIRTEEN

QUY LUẬT MƯỜI BA

The magician must recognize the four; note in his work the shade of violet they evidence, and thus construct the shadow. When this is so, the shadow clothes itself, and the four become the seven.

Nhà huyền thuật phải nhận ra bộ bốn; lưu ý trong công việc của mình sắc thái tím mà chúng thể hiện, và như vậy xây dựng cái bóng. Khi điều này được như vậy, cái bóng tự khoác quần áo, và bốn trở thành bảy.

RULE FOURTEEN

QUY LUẬT MƯỜI BỐN

The sound swells out. The hour of danger to the soul courageous draweth near. The waters have not hurt the white creator and naught could drown nor drench him. Danger from fire and flame menaces now, and dimly yet the rising smoke is seen. Let him again, after the cycle of peace, call on the solar Angel.

Âm thanh vang dội. Giờ phút nguy hiểm đối với linh hồn quả cảm đang đến gần. Nước đã không làm tổn hại nhà sáng tạo chánh thuật, và không gì có thể nhấn chìm hay làm y ướt đẫm. Giờ đây, hiểm nguy từ lửa và ngọn lửa đang đe dọa, và làn khói bốc lên mới chỉ hiện ra lờ mờ. Sau chu kỳ bình an, hãy để y một lần nữa cầu gọi Thái dương Thiên Thần.

RULE FIFTEEN

QUY LUẬT MƯỜI LĂM

The fires approach the shadow, yet burn it not. The fire sheath is completed. Let the magician chant the words that blend the fire and water.

Các ngọn lửa tiếp cận cái bóng, nhưng không đốt cháy nó. Lớp vỏ lửa đã hoàn thành. Hãy để nhà huyền thuật xướng lên những lời kết hợp lửa và nước.

From "A Treatise on Cosmic Fire"

Trích từ "Luận Về Lửa Vũ trụ"

INTRODUCTORY REMARKS

[3]

In the study of the ideas outlined in this book and their careful consideration certain basic concepts are borne in mind:

First, that the matter of prime importance to each student is not the fact of a particular teacher's personality but the measure of truth for which he stands, and the student's power to discriminate between truth, partial truth, and falsity.

Second, that with increased esoteric teaching comes increased exoteric responsibility. Let each student with clarity therefore take stock of himself, remembering that understanding comes through application of the measure of truth grasped to the immediate problem and environment, and that the consciousness expands through use of the truth imparted.

Third, that a dynamic adherence to the chosen path and a steady perseverance that overcomes and remains unmoved by aught that may eventuate, is a prime requisite and leads to the portal admitting to a kingdom, a dimension and a state of being which is inwardly or subjectively known. It is this state of realisation which produces changes in form and environment commensurate with its power.

These three suggestions will merit a close consideration by all, and their significance must be somewhat grasped before further real progress is possible. It is not my

[3]

Trong quá trình nghiên cứu các ý tưởng được nêu ra trong quyển sách này và cân nhắc chúng một cách cẩn thận, cần ghi nhớ một số khái niệm cơ bản:

Thứ nhất, điều có tầm quan trọng hàng đầu đối với mỗi đạo sinh không phải là sự kiện về phàm ngã của một huấn sư cụ thể, mà là mức độ chân lý mà vị ấy đại diện, và năng lực của đạo sinh trong việc phân biện giữa chân lý, chân lý một phần và điều giả dối.

Thứ hai, khi giáo huấn nội môn gia tăng thì trách nhiệm ngoại môn cũng gia tăng. Vì vậy, mỗi đạo sinh hãy tự kiểm điểm mình một cách sáng suốt, nhớ rằng sự thấu hiểu đến nhờ áp dụng mức độ chân lý đã nắm bắt vào vấn đề và môi trường trước mắt, và rằng tâm thức mở rộng thông qua việc sử dụng chân lý được truyền đạt.

Thứ ba, sự gắn bó năng động với con đường đã chọn và sự kiên trì vững bền, vượt thắng và vẫn bất lay chuyển trước bất cứ điều gì có thể xảy ra, là một điều kiện tiên quyết hàng đầu và dẫn đến cánh cổng mở vào một giới, một chiều kích và một trạng thái hiện hữu được nhận biết từ bên trong hay về mặt chủ quan. Chính trạng thái chứng nghiệm này tạo ra những thay đổi trong hình tướng và môi trường tương xứng với quyền năng của nó.

Ba gợi ý này đáng để mọi người cân nhắc kỹ lưỡng, và thâm nghĩa của chúng phải được nắm bắt phần nào trước khi có thể có sự tiến bộ thật sự sâu xa hơn. Chức năng của Tôi

function to make individual and personal application of the teaching given. That must be done by each student for himself.

không phải là áp dụng giáo huấn đã trao truyền vào hoàn cảnh riêng của từng cá nhân. Điều đó mỗi đạo sinh phải tự mình thực hiện.

You have wisely guarded the teaching from the taint of superimposed authority, and there lies back of your [4] books no esoteric principle of hierarchical authority or support, such as has produced the narrow limits of certain ecclesiastical bodies and groups, differing as widely as the Catholic Church, Christian Science, those who believe in the verbal inspiration of the Scriptures, and numerous (so-called) esoteric organisations. The curse of many groups has been the whispered word that "Those who know wish...." "The Master says...." "The Great Ones command..." and the group of silly sheep feebly and blindly tumble over themselves to obey. They think thereby, through their misplaced devotion, to contact certain authoritative personages, and to get into heaven by some short cut.

Các bạn đã khôn ngoan bảo vệ giáo huấn khỏi vết nhiễm của quyền uy áp đặt, và đằng sau các [4] quyển sách của các bạn không có nguyên tắc nội môn nào của quyền uy hay sự hỗ trợ mang tính Thánh Đoàn, kiểu đã tạo ra những giới hạn hẹp hòi của một số tổ chức và nhóm giáo hội, khác biệt rất rộng như Giáo hội Công giáo, Khoa học Kitô, những người tin vào sự linh hứng từng lời của Kinh Thánh, và nhiều tổ chức được gọi là nội môn. Lời nguyền của nhiều nhóm là lời thì thầm rằng "Những Đấng Biết mong muốn...." "Chân sư nói...." "Các Đấng Cao Cả ra lệnh..." và bầy cừu ngu muội lảo đảo và mù quáng chen lấn nhau để vâng theo. Họ tưởng rằng nhờ lòng sùng tín đặt sai chỗ ấy, họ sẽ tiếp xúc được với một số nhân vật có thẩm quyền, và vào thiên đường bằng một lối tắt nào đó.

You have wisely guarded your books from the reaction accorded to those who claim to be masters, adepts and initiates. My anonymity and status must be preserved, and my rank be regarded as only that of a senior student and of an aspirant to that expansion of consciousness which is for me the next step forward. What I say of truth alone is of moment; the inspiration and help I can accord to any pilgrim on the path is alone vital; that which I have learned through experience is at the disposal of the earnest aspirant; and the wideness of the vision which I can impart (owing to my having climbed higher up the mountain than some) is my main contribution. Upon these points the students are at liberty to ponder, omitting idle speculation as to the

Các bạn đã khôn ngoan bảo vệ các quyển sách của mình khỏi phản ứng dành cho những người tự nhận là Chân sư, chân sư thành tựu và điểm đạo đồ. Tính ẩn danh và địa vị của Tôi phải được giữ gìn, và cấp bậc của Tôi chỉ nên được xem là cấp bậc của một đạo sinh đi trước và của một người chí nguyện hướng tới sự mở rộng tâm thức vốn là bước tiến kế tiếp đối với Tôi. Chỉ điều Tôi nói về chân lý mới là quan trọng; chỉ nguồn cảm hứng và sự trợ giúp mà Tôi có thể ban cho bất kỳ người hành hương nào trên Đường Đạo mới là thiết yếu; điều Tôi đã học được qua kinh nghiệm luôn sẵn dành cho người chí nguyện chân thành; và độ rộng của tầm nhìn mà Tôi có thể truyền đạt, do Tôi đã leo cao hơn trên núi so với một số người, là đóng góp chính của Tôi. Về những điểm này, các đạo sinh được tự do suy ngẫm,

exact details of unimportant personalities, and environing conditions.

đồng thời gạt bỏ mọi suy đoán vô ích về các chi tiết chính xác của những phàm ngã không quan trọng và các điều kiện bao quanh.

Our theme is to be that of the Magic of the Soul, and the key thought, underlying all that may appear in this book, is to be found in the words of the *Bhagavad Gita* which runs as follows:

Chủ đề của chúng ta sẽ là Huyền thuật của Linh hồn, và tư tưởng chủ đạo, nằm bên dưới tất cả những gì có thể xuất hiện trong quyển sách này, được tìm thấy trong những lời của *Bhagavad Gita* như sau:

"Though I am Unborn, the Soul that passes not away, though I am the Lord of Beings, yet as Lord over My nature I become manifest, through the magical power of the Soul." Gita IV.6. [5]

"Mặc dù Ta là Đấng Vô Sinh, là Linh hồn không hề mất đi; mặc dù Ta là Chúa Tể của các Sinh Linh, nhưng với tư cách là Chúa Tể đối với bản chất của Ta, Ta trở nên biểu hiện thông qua quyền năng huyền thuật của Linh hồn." Gita IV.6. [5]

The statistical and the academic is a necessary basis and a preliminary step for most scientific study, but in this book we will centre our attention on the life aspect, and the practical application of truth to the daily life of the aspirant. Let us study how we can become practical magicians, and in what way we can best live the life of a spiritual man, and of an aspirant to accepted discipleship in our own peculiar times, state and environment.

Yếu tố thống kê và học thuật là nền tảng cần thiết và là bước sơ khởi cho hầu hết mọi nghiên cứu khoa học, nhưng trong quyển sách này chúng ta sẽ tập trung sự chú ý vào phương diện sự sống, và vào việc áp dụng thực tiễn chân lý vào đời sống hằng ngày của người chí nguyện. Chúng ta hãy nghiên cứu cách mình có thể trở thành những nhà huyền thuật thực tiễn, và bằng cách nào chúng ta có thể sống tốt nhất đời sống của một con người tinh thần, cũng như của một người chí nguyện hướng tới địa vị đệ tử được chấp nhận trong thời đại, trạng thái và môi trường đặc thù của chính chúng ta.

To do this we will take the Fifteen Rules for Magic to be found in my earlier book, entitled *A Treatise on Cosmic Fire*. I will comment on them, dealing not with their cosmic significance or with solar and other correspondences and analogies, but applying them to the work of the aspirant, and giving practical suggestions for the better development of soul contact and soul manifestation. I shall take for granted certain knowledges and assume the

Để làm điều này, chúng ta sẽ lấy Mười Lăm Quy Luật về Huyền thuật được tìm thấy trong quyển sách trước của Tôi, nhan đề *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Tôi sẽ bình giảng về chúng, không bàn đến thâm nghĩa vũ trụ của chúng hay các tương ứng và tương đồng thuộc thái dương và những loại khác, mà áp dụng chúng vào công việc của người chí nguyện, đồng thời đưa ra những gợi ý thực tiễn nhằm phát triển tốt hơn sự tiếp xúc với linh hồn và sự biểu hiện của linh hồn. Tôi sẽ

students can follow and comprehend certain technical terms that I may be led to use. I am not dealing with babes but with matured men and women who have chosen a certain way and who are pledged to “walk in the light.”

xem như các đạo sinh đã có một số tri thức nhất định và giả định rằng họ có thể theo dõi cũng như lĩnh hội một số thuật ngữ kỹ thuật mà Tôi có thể được dẫn dắt để sử dụng. Tôi không đề cập đến trẻ thơ mà đến những người nam và nữ trưởng thành, những người đã chọn một con đường nhất định và đã nguyện “bước đi trong ánh sáng.”

I seek in this book to do four things, and to make appeal to three types of people. It is based, as regards its teaching, upon four fundamental postulates. These are intended to:

Trong quyển sách này, Tôi tìm cách thực hiện bốn điều và kêu gọi ba loại người. Về giáo huấn, nó được đặt trên bốn định đề căn bản. Bốn điều này nhằm:

1. Teach the laws of spiritual psychology as distinguished from mental and emotional psychology.

1. Giảng dạy các định luật của tâm lý học tinh thần, khác với tâm lý học trí tuệ và cảm xúc.

2. Make clear the nature of the soul of man and its systemic and cosmic relationships. This will include its group relationship as a preliminary step.

2. Làm rõ bản chất linh hồn của con người và các mối liên hệ của nó trong thái dương hệ và trong vũ trụ. Điều này sẽ bao gồm mối liên hệ nhóm của nó như một bước sơ khởi.

3. Demonstrate the relations between the self and the sheaths which that self may use, and thus clarify public thought as to the constitution of man.

3. Chứng minh các mối quan hệ giữa bản ngã và các lớp vỏ mà bản ngã ấy có thể sử dụng, và nhờ đó làm sáng tỏ tư tưởng công chúng về cấu tạo của con người.

4. Elucidate the problem of the supernormal powers, [6] and give the rules for their safe and useful development.

4. Làm sáng tỏ vấn đề các quyền năng siêu thường, [6] và đưa ra các quy luật để phát triển chúng một cách an toàn và hữu ích.

1. Dạy các định luật của tâm lý học tinh thần phân biệt với tâm lý học trí tuệ và cảm xúc.

1. Dạy các định luật của tâm lý học tinh thần phân biệt với tâm lý học trí tuệ và cảm xúc.

2. Làm rõ bản chất của linh hồn con người và các mối quan hệ hệ thống và vũ trụ của nó. Điều này sẽ bao gồm mối quan hệ nhóm của nó như một bước sơ bộ.

2. Làm rõ bản chất của linh hồn con người và các mối quan hệ hệ thống và vũ trụ của nó. Điều này sẽ bao gồm mối quan hệ nhóm của nó như một bước sơ bộ.

3. Chứng minh mối quan hệ giữa Chân ngã và các thể mà Chân ngã có thể sử dụng, qua

3. Chứng minh mối quan hệ giữa Chân ngã và các thể mà Chân ngã có thể sử dụng, qua

đó làm sáng tỏ suy nghĩ của công chúng về cấu trúc của con người.

4. Làm sáng tỏ vấn đề các năng lực siêu thường, [6] và đưa ra các quy tắc để phát triển chúng một cách an toàn và hữu ích.

We stand now towards the close of a great transition period and the subtler realms of life are closer than ever before; unusual phenomena and inexplicable happenings are commoner than at any time heretofore, whilst matters telepathic, psychic, and peculiar occupy the attention even of sceptics, scientists, and religionists. Reasons for the appearance of phenomena are being everywhere sought, and societies are formed for their investigation and demonstration. Many are likewise going astray in the effort to induce in themselves psychic conditions and the energy-producing factors which give rise to the manifestation of peculiar powers. This book will endeavor to fit the information given into the scheme of life as we today recognize it and will show how basically natural and true is all that is termed mysterious. All is under law, and the laws need elucidation now that man's development has reached the stage of a juster appreciation of their beauty and reality.

Three types of people will respond to this book. They are:

1. Those *open minded investigators* who are willing to accept its fundamentals as a working hypothesis until these are demonstrated to be erroneous. They will be frankly agnostic, but willing temporarily, in their search for truth, to try out the methods

đó làm sáng tỏ suy nghĩ của công chúng về cấu trúc của con người.

4. Làm sáng tỏ vấn đề các năng lực siêu thường, [6] và đưa ra các quy tắc để phát triển chúng một cách an toàn và hữu ích.

Giờ đây chúng ta đang đứng gần cuối một thời kỳ chuyển tiếp lớn, và các cõi vi tế hơn của sự sống đang gần hơn bao giờ hết; các hiện tượng bất thường và những biến cố không thể giải thích trở nên phổ biến hơn bất kỳ thời nào trước đây, trong khi các vấn đề viễn cảm, thông linh và kỳ lạ thu hút sự chú ý ngay cả của những người hoài nghi, các nhà khoa học và các nhà tôn giáo. Khắp nơi người ta đang tìm kiếm các lý do cho sự xuất hiện của các hiện tượng, và các hội đoàn được thành lập để khảo sát và chứng minh chúng. Nhiều người cũng đang lạc đường trong nỗ lực tự tạo nơi mình những trạng thái thông linh và các yếu tố sản sinh năng lượng làm phát sinh sự biểu hiện của những quyền năng đặc biệt. Quyển sách này sẽ cố gắng đặt thông tin được trao truyền vào trong khuôn khổ đời sống như chúng ta nhận biết ngày nay, và sẽ chỉ ra rằng mọi điều được gọi là huyền bí, về căn bản, tự nhiên và chân thật đến mức nào. Tất cả đều ở dưới định luật, và các định luật cần được làm sáng tỏ, giờ đây khi sự phát triển của con người đã đạt đến giai đoạn có sự trân trọng đúng đắn hơn đối với vẻ đẹp và thực tại của chúng.

Ba loại người sẽ đáp ứng với quyển sách này. Họ là:

1. Những *nhà khảo cứu có tâm trí cởi mở*, sẵn sàng chấp nhận các nguyên lý nền tảng của quyển sách này như một giả thuyết thực hành cho đến khi chúng được chứng minh là sai lầm. Họ sẽ thẳng thắn theo lập trường bất khả tri, nhưng trong khi tìm kiếm chân

and follow the suggestions laid down for their consideration.

lý, họ sẵn sàng tạm thời thử nghiệm các phương pháp và làm theo những gợi ý được nêu ra để họ xem xét.

2. *Aspirants and disciples.* They will study this treatise in order to understand themselves better and because they seek to help their brother man. They will not accept its dicta blindly but will experiment, check and corroborate with care the stages [7] and steps laid down for them in this section of the teachings of the Ageless Wisdom.

2. *Những người chí nguyện và các đệ tử.* Họ sẽ nghiên cứu khảo luận này để hiểu rõ hơn về chính mình và vì họ tìm cách trợ giúp người huynh đệ nhân loại của mình. Họ sẽ không chấp nhận các lời khẳng định trong đó một cách mù quáng, mà sẽ thử nghiệm, kiểm chứng và xác nhận cẩn thận các giai đoạn [7] và các bước được nêu ra cho họ trong phần giáo huấn này của Minh Triết Ngàn Đời.

3. *Initiates.* These persons will arrive at a meaning which will not be apparent to those in the first group and which will only be suspected by the more advanced members of the second. Within themselves they know the truth of many of its statements and will realise the subjective working out of many of the laws. These laws of nature have effects in three distinct realms:

3. *Các điểm đạo đồ.* Những người này sẽ đạt đến một ý nghĩa vốn không hiển nhiên đối với những người thuộc nhóm thứ nhất, và chỉ được những thành viên tiến bộ hơn của nhóm thứ hai linh cảm. Trong chính mình, họ biết chân lý của nhiều phát biểu trong đó và sẽ nhận ra sự vận hành chủ quan của nhiều định luật. Những định luật tự nhiên này có các hiệu quả trong ba lĩnh vực rõ rệt:

a. Physically, where they demonstrate as effects in the dense form.

a. Về mặt hồng trần, nơi chúng biểu hiện như các hiệu quả trong hình tướng đậm đặc.

b. Etherically, where they demonstrate as the energy lying back of those effects.

b. Về mặt dĩ thái, nơi chúng biểu hiện như năng lượng nằm phía sau những hiệu quả ấy.

c. Mentally, where they concern the impulses which produce the other two.

c. Về mặt trí tuệ, nơi chúng liên quan đến các xung động tạo ra hai điều kia.

The *Treatise on Cosmic Fire* dealt primarily with the solar system and only touched upon human aspects and correspondences insofar as they demonstrated the relation of the part to the whole, and of the unit to the totality.

Luận về Lửa Vũ Trụ chủ yếu đề cập đến hệ mặt trời và chỉ chạm đến các phương diện và tương ứng của con người trong chừng mực chúng biểu hiện mối liên hệ của phần với toàn thể, và của đơn vị với tổng thể.

The present book will deal more specifically with human development and unfoldment, elucidating the causes which are responsible

Quyển sách hiện tại sẽ đề cập chuyên biệt hơn đến sự phát triển và sự khai mở của con người, làm sáng tỏ các nguyên nhân tạo nên

for the present effects, and pointing to the future and its possibilities, and to the nature of the unfolding potentialities.

những kết quả hiện nay, đồng thời chỉ về tương lai cùng các khả năng của nó, và về bản chất của những tiềm năng đang khai mở.

This book will be based also upon four fundamental postulates which must be admitted by the student of the succeeding pages as providing an hypothesis worthy of his consideration and trial. No true investigator of the Ageless Wisdom is asked to give blind adherence to any presentation of truth; he is asked, however, to have an open mind and seriously to weigh and consider the theories and ideals, the laws and the truths which have guided so many out of darkness into the light of knowledge [8] and experience. The postulates might be enumerated as follows and are given in the order of their importance.

Quyển sách này cũng sẽ dựa trên bốn định đề căn bản mà đạo sinh của các trang tiếp theo phải thừa nhận như một giả thuyết đáng để y xem xét và thử nghiệm. Không một nhà khảo cứu chân chính nào của Minh Triết Ngàn Đời được yêu cầu phải mù quáng tuân theo bất kỳ trình bày nào về chân lý; tuy nhiên, y được yêu cầu giữ một tâm trí cởi mở và nghiêm túc cân nhắc, xem xét các lý thuyết và lý tưởng, các định luật và các chân lý đã dẫn dắt biết bao người ra khỏi bóng tối vào ánh sáng của tri thức [8] và kinh nghiệm. Các định đề có thể được liệt kê như sau và được đưa ra theo thứ tự tầm quan trọng của chúng.

I. First, that there exists in our manifested universe the expression of an Energy or Life which is the responsible cause of the diverse forms and the vast hierarchy of sentient beings who compose the sum total of all that is. This is the so-called hylozoistic theory, though the term but serves to confuse. This great Life is the basis of Monism, and all enlightened men are Monists. “God is One” is the utterance of truth. One life pervades all forms and those forms are the expressions, in time and space, of the central universal energy. Life in manifestation produces existence and being. It is the root cause, therefore, of duality. This duality which is seen when objectivity is present and which disappears when the form aspect vanishes is covered by many terms, of which for the sake of clarity, the most usual might be here listed:

I. Trước hết, trong vũ trụ biểu hiện của chúng ta có sự biểu lộ của một Năng lượng hay Sự Sống, vốn là nguyên nhân tạo nên các hình tướng đa dạng và Huyền Giai rộng lớn gồm những sinh thể hữu cảm, hợp thành tổng thể của tất cả những gì hiện hữu. Đây là thuyết vật hoạt luận, dù thuật ngữ này chỉ khiến vấn đề thêm rối. Sự Sống vĩ đại này là nền tảng của chủ nghĩa nhất nguyên, và mọi người đã được soi sáng đều là những nhà nhất nguyên. “Thượng đế là Một” là lời phát biểu của chân lý. Một sự sống thấm nhuần mọi hình tướng, và các hình tướng ấy là những biểu hiện, trong thời gian và không gian, của năng lượng vũ trụ trung tâm. Sự sống trong biểu hiện tạo ra tồn tại và hiện hữu. Vì vậy, nó là nguyên nhân gốc rễ của Nhị nguyên. Nhị nguyên này, được thấy khi khách quan tính hiện diện và biến mất khi phương diện hình tướng tan biến, được bao hàm trong nhiều thuật ngữ; để rõ ràng, những thuật ngữ thông dụng nhất có thể được liệt kê ở đây:

Spirit.....Matter

Life.....Form

Father.....Mother

Positive.....Negative

Darkness.....Light

Students must clearly have this essential unity in mind e'en when they talk (as they needs must) in finite terms of that duality which is everywhere, cyclically, apparent.

II. The second postulate grows out of the first and states that the one Life, manifesting through matter, produces a third factor which is consciousness. This consciousness, which is the result of the union of the two poles of spirit and matter is the soul of all things; it permeates all substance or objective energy; it underlies all forms, whether it be the form of that unit of energy which we call an atom, or the form of man, a planet, or a solar system. This is the *Theory of Self-determination* [9] or the teaching that all the lives of which the one life is formed, in their sphere and in their state of being, become, so to speak, grounded in matter and assume forms whereby their peculiar specific state of consciousness may be realised and their vibration stabilised; thus they may know themselves as existences. Thus again the one life becomes a stabilised and conscious entity through the medium of the solar system, and is essentially, therefore the sum total of energies, of all states of consciousness, and of all forms in existence. The homogeneous becomes the heterogeneous, and yet remains a unity; the

Tinh thần.....Vật chất

Sự sống.....Hình tướng

Cha.....Mẹ

Dương tính.....Âm tính

Bóng tối.....Ánh sáng

Các đạo sinh phải giữ rõ trong trí sự thống nhất cốt yếu này, ngay cả khi họ nói—như họ buộc phải nói—bằng những thuật ngữ hữu hạn về Nhị nguyên vốn hiển hiện khắp nơi theo chu kỳ.

II. Định đề thứ hai phát sinh từ định đề thứ nhất và nêu rằng sự sống duy nhất, biểu hiện qua vật chất, tạo ra một yếu tố thứ ba là tâm thức. Tâm thức này, vốn là kết quả của sự hợp nhất giữa hai cực tinh thần và vật chất, là linh hồn của mọi sự; nó thấm nhuần mọi chất liệu hay năng lượng khách quan; nó nằm bên dưới mọi hình tướng, dù đó là hình tướng của đơn vị năng lượng mà chúng ta gọi là nguyên tử, hay hình tướng của con người, một hành tinh, hoặc một hệ mặt trời. Đây là *Thuyết Tự Quyết* [9] hay giáo huấn rằng mọi sự sống cấu thành sự sống duy nhất, trong phạm vi và trạng thái hiện hữu của chúng, có thể nói là trở nên cắm rễ trong vật chất và khoác lấy các hình tướng, nhờ đó trạng thái tâm thức đặc thù riêng của chúng có thể được nhận biết và rung động của chúng được ổn định; nhờ vậy, chúng có thể biết mình như những tồn tại. Như thế, một lần nữa, sự sống duy nhất trở thành một thực thể ổn định và có ý thức thông qua phương tiện là hệ mặt trời, và vì vậy, về căn bản, là tổng số của các năng lượng, của mọi trạng thái tâm thức và của mọi hình tướng đang hiện hữu. Cái đồng nhất trở thành cái dị biệt, nhưng vẫn là một sự thống nhất; cái

one manifests in diversity and yet is unchanged; the central unity is known in time and space as composite and differentiated and yet, when time and space are not (being but states of consciousness), only the unity will remain, and only spirit will persist, plus an increased vibratory action, plus capacity for an intensification of the light when again the cycle of manifestation returns.

duy nhất biểu hiện trong đa dạng mà vẫn không đổi thay; sự thống nhất trung tâm được biết đến trong thời gian và không gian như là hợp thành và biến phân, nhưng khi thời gian và không gian không còn—vì chúng chỉ là những trạng thái tâm thức—thì chỉ còn lại sự thống nhất, và chỉ tinh thần còn tồn tại, cộng với một tác động rung động gia tăng, cộng với năng lực làm tăng cường ánh sáng khi chu kỳ biểu hiện lại quay về.

Within the vibratory pulsation of the one manifesting Life all the lesser lives repeat the process of being, —Gods, angels, men, and the myriad lives which express themselves through the forms of the kingdoms of nature and the activities of the evolutionary process. All become self-centered and self-determined.

Bên trong nhịp rung động của Sự Sống duy nhất đang biểu hiện, mọi sự sống nhỏ hơn đều lặp lại tiến trình hiện hữu: các Thượng đế, các thiên thần, con người, và vô số sự sống tự biểu lộ qua các hình tướng của những giới trong tự nhiên và qua các hoạt động của tiến trình tiến hoá. Tất cả đều trở nên tập trung vào bản thân và tự quyết.

III. The third basic postulate is that the object for which life takes form and the purpose of manifested being is the unfoldment of consciousness, or the revelation of the soul. This might be called the *Theory of the Evolution of Light*. When it is realised that even the modern scientist is saying that light and matter are synonymous terms, thus echoing the teaching of the East, it becomes apparent that through the interplay of the poles, and through the friction of the pairs of opposites light flashes forth. The goal of evolution is found to be a gradual series of light demonstrations. Veiled and [10] hidden by every form lies light. As evolution proceeds, matter becomes increasingly a better conductor of the light, thus demonstrating the accuracy of the statement of the Christ "I am the Light of the World".

III. Định đề căn bản thứ ba là mục tiêu khiến sự sống khoác lấy hình tướng, và mục đích của hiện hữu biểu hiện, là sự khai mở tâm thức, hay sự mặc khải của linh hồn. Điều này có thể được gọi là *Thuyết Tiến Hoá của Ánh Sáng*. Khi nhận ra rằng ngay cả nhà khoa học hiện đại cũng nói ánh sáng và vật chất là những thuật ngữ đồng nghĩa, qua đó vang vọng giáo huấn của phương Đông, thì rõ ràng rằng nhờ sự tương tác giữa các cực, và nhờ sự ma sát của các cặp đối lập, ánh sáng bừng lóe. Mục tiêu của tiến hoá được thấy là một chuỗi biểu hiện ánh sáng diễn ra dần dần. Bị che phủ và [10] ẩn giấu trong mọi hình tướng là ánh sáng. Khi tiến hoá tiếp diễn, vật chất ngày càng trở thành một chất dẫn tốt hơn của ánh sáng, nhờ đó chứng minh tính chính xác của lời Đức Christ: "Ta là Ánh Sáng của Thế Gian".

IV. The fourth postulate consists of the statement that all lives manifest cyclically. This is the *Theory of Rebirth or of re-*

IV. Định đề thứ tư gồm lời khẳng định rằng mọi sự sống đều biểu hiện theo chu kỳ. Đây

incarnation, the demonstration of the law of periodicity.

là *Thuyết Tái Sinh hay Tái Lâm Phàm*, tức sự biểu hiện của định luật chu kỳ.

Such are the great underlying truths which form the foundation of the Ageless Wisdom —the existence of life, and the development of consciousness through the cyclic taking of form.

Đó là những chân lý lớn lao nằm bên dưới, tạo thành nền tảng của Minh Triết Ngàn Đời —sự hiện hữu của sự sống, và sự phát triển tâm thức thông qua việc khoác lấy hình tướng theo chu kỳ.

In this book, however, the emphasis will be laid upon the little life; upon man "made in the image of God", who through the method of re-incarnation unfolds his consciousness until it flowers forth as the perfected soul, whose nature is light and whose realisation is that of a self-conscious identity. This developed unit has eventually to be merged, with full intelligent participation, in the greater consciousness of which it is a part.

Tuy nhiên, trong quyển sách này, trọng tâm sẽ được đặt vào sự sống nhỏ bé; vào con người "được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế", là kẻ, nhờ phương pháp tái sinh, khai mở tâm thức của mình cho đến khi nó nở hoa như linh hồn hoàn thiện, có bản chất là ánh sáng và có sự chứng nghiệm là một bản sắc tự ý thức. Đơn vị đã phát triển này rốt cuộc phải được hòa nhập, với sự tham dự đầy đủ và thông minh, vào tâm thức lớn hơn mà y là một phần.

Before we take up our subject it might be of value if we defined certain words which will be in constant use, so that we will know what we are talking about, and the significance of the terms we use.

Trước khi chúng ta đi vào chủ đề của mình, có lẽ sẽ hữu ích nếu chúng ta định nghĩa một số từ sẽ được dùng thường xuyên, để chúng ta biết mình đang nói về điều gì và thâm nghĩa của các thuật ngữ mà chúng ta sử dụng.

1. *Occult.* This term concerns the hidden forces of being and those springs of conduct which produce the objective manifestation. The word "conduct" is used here deliberately, for all manifestation, in all the kingdoms of nature, is the expression of the life, purpose and type of activity of some being or existence, and thus is literally the conduct (or outer nature or quality) of a life. These springs of action lie hid in the purpose of any life, whether it be a solar life, a planetary entity, a man, or that Being who is the *sum total* of the states of consciousness and of the forms of any kingdom in nature.

1. *Huyền bí.* Thuật ngữ này liên quan đến các mãnh lực ẩn giấu của hiện hữu và những suối nguồn của hành vi tạo ra biểu hiện khách quan. Từ "hành vi" được dùng ở đây một cách chủ ý, vì mọi biểu hiện, trong tất cả các giới của tự nhiên, đều là sự biểu lộ của sự sống, mục đích và loại hoạt động của một sinh thể hay một tồn tại nào đó; và vì vậy, theo nghĩa đen, đó là hành vi, hay bản chất hoặc phẩm tính bên ngoài, của một sự sống. Những suối nguồn hành động này nằm ẩn trong mục đích của bất kỳ sự sống nào, dù đó là một sự sống thái dương, một Thực Thể Hành Tinh, một con người, hay Đấng là *tổng thể* của các trạng thái tâm thức và các hình tướng của bất kỳ giới nào trong tự nhiên.

2. *Laws.* A law presupposes a superior being who, [11] gifted with purpose, and aided by intelligence, is so coordinating his forces that a plan is being sequentially and steadily matured. Through a clear knowledge of the goal, that entity sets in activity those steps and stages which when carried forward in order will bring the plan to perfection. The word "law", as usually understood, conveys the idea of subjection to an activity which is recognised as inexorable and undeviating, but which is not understood by the one who is subjected to it; it involves, from one standpoint, the attitude of the submersed unit in the group impulse and the inability of that unit to change the impulse or evade the issue; it inevitably brings about in the consciousness of the man who is considering these laws, a feeling of being a victim—of being driven forward like a leaf before the breeze towards an end about which speculation only is possible, and of being governed by a force which acts apparently with an unavoidable pressure and thus produces group results, at the expense of the unit. This attitude of mind is inevitable until the consciousness of man

2. *Định luật.* Một định luật giả định có một sinh thể cao hơn, [11] được phú cho mục đích và được trí tuệ trợ giúp, đang phối hợp các mãnh lực của mình đến mức một Thiên Cơ được tuần tự và vững chắc làm cho chín muồi. Nhờ tri thức rõ ràng về mục tiêu, thực thể ấy khởi động những bước và giai đoạn mà khi được tiến hành theo trật tự sẽ đưa Thiên Cơ đến chỗ hoàn thiện. Từ "định luật", như thường được hiểu, hàm ý sự lệ thuộc vào một hoạt động được nhìn nhận là không thể cưỡng lại và không sai lệch, nhưng lại không được kẻ chịu nó thấu hiểu; từ một quan điểm, nó bao hàm thái độ của đơn vị bị chìm trong xung lực nhóm và sự bất lực của đơn vị ấy trong việc thay đổi xung lực hay tránh né kết quả; điều đó tất yếu tạo ra trong tâm thức của người đang xem xét các định luật này cảm giác mình là nạn nhân—bị thúc đẩy tiến tới như chiếc lá trước làn gió, hướng về một cứu cánh mà người ta chỉ có thể suy đoán, và bị cai quản bởi một mãnh lực dường như tác động với một áp lực không thể tránh, nhờ vậy tạo ra các kết quả nhóm với cái giá mà đơn vị phải trả. Thái độ trí tuệ này là điều không thể tránh khỏi cho đến khi tâm thức của con người có thể được

can be so expanded that he becomes aware of the greater issues. When, through contact with his own higher self, he participates in the knowledge of the objective, and when through climbing the mountain of vision his perspective changes and his horizon enlarges, he comes to the realisation that a law is but the spiritual impulse, incentive and life manifestation of that Being in which he lives and moves. He learns that that impulse demonstrates an intelligent purpose, wisely directed, and based on love. He then himself begins to wield the law or to pass wisely, lovingly and intelligently through himself as much of that spiritual life impulse which his particular organism can respond to, transmit and utilise. He ceases to obstruct and begins to transfer. He brings to an end the cycle of the closed self-centered life, and opens the doors wide to spiritual energy. In so doing he finds that the law [12] which he has hated and mistrusted is the vitalising, purifying agency which is sweeping him and all God's creatures on to a glorious consummation.

mở rộng đến mức y trở nên nhận biết những vấn đề lớn lao hơn. Khi, nhờ tiếp xúc với chân ngã của chính mình, y tham dự vào tri thức về mục tiêu, và khi nhờ leo lên ngọn núi của tầm nhìn, viễn cảnh của y thay đổi và chân trời của y mở rộng, y đi đến nhận thức rằng một định luật chỉ là xung lực tinh thần, động lực thúc đẩy và biểu hiện sự sống của Đấng mà trong Ngài y sống và chuyển động. Y học được rằng xung lực ấy biểu hiện một mục đích thông minh, được hướng dẫn minh triết và đặt nền trên tình thương. Bấy giờ chính y bắt đầu vận dụng định luật, hoặc để cho trong chính y đi qua một cách minh triết, đầy tình thương và thông minh, phần xung lực sự sống tinh thần mà cơ cấu riêng biệt của y có thể đáp ứng, truyền đạt và sử dụng. Y ngừng cản trở và bắt đầu chuyển dịch. Y kết thúc chu kỳ của đời sống khép kín, tập trung vào bản thân, và mở rộng các cánh cửa cho năng lượng tinh thần. Khi làm như vậy, y thấy rằng định luật [12] mà y từng ghét bỏ và không tin cậy chính là tác nhân tiếp sinh lực và thanh luyện, đang cuốn y cùng mọi tạo vật của Thượng đế tiến tới một sự viên mãn vinh quang.

3. *Psychic*. There are two types of the above force in manifestation as far as the human kingdom is concerned, and these must be clearly grasped. There is the force which animates the subhuman kingdoms in nature, —the ensouling energy which, brought into conjunction with the energy of matter and self, produces all forms. The effect of this junction is to add to the embryo intelligence of substance itself a latent sentiency and responsiveness that produces that subjective something we call the animal soul. This exists in four degrees or states of sentient awareness:

3. *Thông linh*. Có hai loại mãnh lực nói trên trong biểu hiện, xét theo giới nhân loại, và cần phải nắm rõ chúng. Có mãnh lực làm sinh động các giới dưới nhân loại trong tự nhiên—năng lượng phú linh, khi được đưa vào kết hợp với năng lượng của vật chất và bản ngã, tạo ra mọi hình tướng. Hiệu quả của sự kết hợp này là thêm vào trí tuệ phôi thai của chính chất liệu một tính cảm nhận và khả năng đáp ứng tiềm tàng, tạo ra một cái gì đó chủ quan mà chúng ta gọi là linh hồn động vật. Điều này hiện hữu trong bốn cấp độ hay trạng thái nhận biết hữu cảm:

a. The consciousness of the mineral kingdom.

a. Tâm thức của giới kim thạch.

b. The consciousness of the vegetable kingdom.

b. Tâm thức của giới thực vật.

c. The consciousness of the animal kingdom.

c. Tâm thức của giới động vật.

d. The consciousness of the animal form through which the spiritual man functions, which after all is but a department of the former group in its highest presentation.

d. Tâm thức của hình tướng động vật mà qua đó con người tinh thần hoạt động, xét cho cùng chỉ là một bộ phận của nhóm trước trong biểu hiện cao nhất của nó.

Secondly, there is that psychic force which is the result of the union of the spirit with sentient matter in the human kingdom and which produces a psychic centre which we call the soul of man. This psychic centre is a force centre, and the force of which it is the custodian or which it demonstrates, brings into play a responsiveness and an awareness which is that of the soul of the planetary life, a group consciousness which brings with it faculties and knowledge of a different order than that in the animal soul. These supersede eventually the powers of the animal soul which limit, distort, and imprison, and give man a range of contacts and a knowledge which is infallible, free from error, and which admits him to "the freedom of the heavens". The effect of the free [13] play of the soul of man serves to demonstrate the fallibility and relative uselessness of the powers of the animal soul. All I desire to do here is to show the two senses in which the word "psychic" is used. Later we will deal with the growth and development of the lower psychic nature or the soul of the vehicles in which man functions in the three worlds, and then will seek to elucidate the true nature of the soul of man and of the powers which can be brought into play once a man can contact his own spiritual centre, the soul, and live in that soul consciousness.

Thứ hai, có mãnh lực thông linh là kết quả của sự hợp nhất giữa tinh thần với vật chất hữu cảm trong giới nhân loại, và tạo ra một trung tâm thông linh mà chúng ta gọi là linh hồn của con người. Trung tâm thông linh này là một trung tâm mãnh lực, và mãnh lực mà nó gìn giữ hay biểu hiện đưa vào hoạt động một khả năng đáp ứng và một sự nhận biết thuộc về linh hồn của sự sống hành tinh, một tâm thức nhóm đem theo những năng lực và tri thức thuộc một trật tự khác với linh hồn động vật. Những điều này rốt cuộc thay thế các quyền năng của linh hồn động vật vốn giới hạn, bóp méo và giam hãm, đồng thời ban cho con người một phạm vi tiếp xúc và một tri thức không sai lầm, không có lỗi, và cho phép y bước vào "sự tự do của các cõi trời". Hiệu quả của sự vận hành tự do [13] của linh hồn con người là chứng minh tính có thể sai lầm và sự tương đối vô dụng của các quyền năng thuộc linh hồn động vật. Tất cả những gì tôi muốn làm ở đây là chỉ ra hai nghĩa mà từ "thông linh" được dùng. Về sau, chúng ta sẽ đề cập đến sự tăng trưởng và phát triển của bản chất thông linh thấp, hay linh hồn của các hiện thể mà trong đó con người hoạt động trong ba cõi giới; rồi chúng ta sẽ tìm cách làm sáng tỏ bản chất đích thực của linh hồn con người và của các quyền năng có thể được đưa vào hoạt động một khi con người có thể tiếp xúc với trung tâm tinh thần của chính mình, tức

linh hồn, và sống trong tâm thức linh hồn ấy.

4. *Unfoldment.* The life at the heart of the solar system is producing an evolutionary unfoldment of the energies of that universe which it is not possible for finite man as yet to vision. Similarly the centre of energy which we call the spiritual aspect in man is (through the utilisation of matter or substance) producing an evolutionary development of that which we call the soul, and which is the highest of the *form* manifestations—the human kingdom. Man is the highest product of existence in the three worlds. By man, I mean the spiritual man, a son of God in incarnation. The forms of all the kingdoms of nature—human, animal, vegetable and mineral—contribute to that manifestation. The energy of the third aspect of divinity tends to the revelation of the soul or the second aspect which in turn reveals the highest aspect. It must ever be remembered that *The Secret Doctrine* of H. P. Blavatsky expresses this with accuracy in the words "Life we look upon as the one form of existence, manifesting in what is called Matter; or what, incorrectly separating them, we name spirit, soul and matter in man. Matter is the vehicle for the manifestation of soul on this plane of existence, and soul is the vehicle on a higher plane for the manifestation of spirit, and these three are a trinity synthesized by life, [14] which pervades them all." (*The Secret Doctrine*. Vol: I. p. 79. 80.)

4. *Sự khai mở.* Sự sống ở trung tâm của hệ mặt trời đang tạo ra một sự khai mở tiến hoá của các năng lượng thuộc vũ trụ ấy, điều mà con người hữu hạn hiện nay vẫn chưa thể hình dung. Tương tự, trung tâm năng lượng mà chúng ta gọi là phương diện tinh thần trong con người, thông qua việc sử dụng vật chất hay chất liệu, đang tạo ra một sự phát triển tiến hoá của điều chúng ta gọi là linh hồn, vốn là biểu hiện cao nhất trong các biểu hiện *hình tướng*—giới nhân loại. Con người là sản phẩm cao nhất của sự tồn tại trong ba cõi giới. Nói đến con người, tôi muốn nói con người tinh thần, một Con của Thượng đế đang lâm phàm. Các hình tướng của mọi giới trong tự nhiên—nhân loại, động vật, thực vật và kim thạch—đều góp phần vào biểu hiện ấy. Năng lượng của phương diện thứ ba của thiên tính có khuynh hướng đưa đến sự mặc khải của linh hồn, hay phương diện thứ hai, và phương diện này đến lượt mình mặc khải phương diện cao nhất. Cần luôn nhớ rằng *Giáo Lý Bí Nhiệm* của H. P. Blavatsky diễn đạt điều này một cách chính xác bằng những lời sau: "Chúng ta xem Sự Sống là hình thức duy nhất của tồn tại, biểu hiện trong cái được gọi là Vật Chất; hoặc cái mà, do phân tách chúng một cách không đúng, chúng ta gọi là tinh thần, linh hồn và vật chất trong con người. Vật chất là hiện thể cho sự biểu hiện của linh hồn trên cõi tồn tại này, và linh hồn là hiện thể trên một cõi cao hơn cho sự biểu hiện của tinh thần; và ba điều này là một Ba Ngôi được tổng hợp bởi sự sống, [14] vốn thấm nhuần tất cả chúng." (*Giáo Lý Bí Nhiệm*. Quyển: I. tr. 79. 80.)

Through the use of matter the soul unfolds and finds its climax in the soul of man, and this treatise will concern itself with the

Thông qua việc sử dụng vật chất, linh hồn khai mở và đạt đến đỉnh cao trong linh hồn con người; khảo luận này sẽ bàn đến sự khai

unfoldment of that soul and its discovery by man.

5. *Knowledge* might be divided into three categories: —First, there is theoretical knowledge. This includes all knowledge of which man is aware but which is accepted by him on the statements of other people, and by the specialists in the various branches of knowledge. It is founded on authoritative statements and has in it the element of trust in the writers and speakers, and in the trained intelligences of the workers in any of the many and varied fields of thought. The truths accepted as such have not been formulated or verified by the one who accepts them, lacking as he does the necessary training and equipment. The dicta of science, the theologies of religion, and the findings of the philosophers and thinkers everywhere colour the point of view and meet with a ready acquiescence from the untrained mind, and that is the average mind.

Then, secondly, we have *discriminative knowledge*, which has in it a selective quality and which posits the intelligent appreciation and practical application of the more specifically scientific method, and the utilisation of test, the elimination of that which cannot be proved, and the isolation of those factors which will bear investigation and are in conformity with what is understood as law. The rational, argumentative, scholastic, and concretising mind is brought into play with the result that much that is childish, impossible and unverifiable is rejected and a consequent clarifying of the fields of thought results. This discriminating and scientific process has enabled man to arrive at much truth in relation to the three worlds. The scientific method is, in relation to the [15] mind of

mở của linh hồn ấy và việc con người khám phá ra nó.

5. *Tri thức* có thể được chia thành ba loại: — Thứ nhất, có tri thức lý thuyết. Điều này bao gồm mọi tri thức mà con người nhận biết nhưng được y chấp nhận dựa trên các tuyên bố của người khác và của các chuyên gia trong nhiều ngành tri thức khác nhau. Nó đặt nền trên những phát biểu có thẩm quyền, và trong đó có yếu tố tin cậy vào các tác giả và diễn giả, cũng như vào trí tuệ được rèn luyện của những người hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực tư tưởng nào trong vô số lĩnh vực đa dạng. Những chân lý được chấp nhận như vậy chưa được người chấp nhận chúng tự mình hình thành hay kiểm chứng, vì y thiếu sự huấn luyện và phương tiện cần thiết. Các luận thuyết của khoa học, các thần học của tôn giáo, và các kết luận của các triết gia cùng những nhà tư tưởng khắp nơi đều tô màu cho quan điểm và dễ dàng nhận được sự thuận theo của thể trí chưa được rèn luyện; và đó là thể trí trung bình.

Rồi, thứ hai, chúng ta có *tri thức phân biện*, vốn có trong nó một phẩm tính tuyển chọn và giả định sự nhận thức sáng suốt cùng sự áp dụng thực tiễn phương pháp khoa học chuyên biệt hơn, cũng như việc vận dụng sự kiểm nghiệm, loại bỏ những gì không thể chứng minh, và cô lập những yếu tố nào có thể chịu được khảo sát và phù hợp với điều được thấu hiểu như là định luật. Trí tuệ duy lý, biện luận, kinh viện và cụ thể hóa được đưa vào hoạt động, với kết quả là nhiều điều trẻ con, bất khả và không thể kiểm chứng bị bác bỏ, và từ đó các lĩnh vực tư tưởng được làm sáng tỏ. Tiến trình phân biện và khoa học này đã giúp con người đạt đến nhiều chân lý liên quan đến ba cõi thấp. Phương pháp khoa học, trong tương quan với thể trí [15] của nhân loại, đang đảm nhiệm cùng một chức năng như phương pháp tham

humanity, playing the same function as the occult method of meditation (in its first two stages of concentration and prolonged concentration or meditation) plays in relation to the individual. Through it right processes of thought are engendered, non-essentials and incorrect formulations of truth are ultimately eliminated or corrected, and the steady focussing of the attention either upon a seed thought, a scientific problem, a philosophy or a world situation results in an ultimate clarifying and the steady seeping in of right ideas and sound conclusions. The foremost thinkers in any of the great schools of thought are simply exponents of occult meditation and the brilliant discoveries of science, the correct interpretations of nature's laws, and the formulations of correct conclusions whether in the fields of science, of economics, of philosophy, psychology or elsewhere is but the registering by the mind (and subsequently by the brain) of the eternal verities, and the indication that the race is beginning also to bridge the gap between the objective and the subjective, between the world of form and the world of ideas.

thiền huyền bí, trong hai giai đoạn đầu của nó là tập trung và tập trung kéo dài hay tham thiền, đảm nhiệm đối với cá nhân. Nhờ đó, các tiến trình tư tưởng đúng đắn được sinh khởi, những điều không thiết yếu và những công thức sai lạc về chân lý cuối cùng bị loại bỏ hoặc được chỉnh sửa, và sự tập trung bền bỉ của chú tâm vào một tư tưởng hạt giống, một vấn đề khoa học, một triết lý hoặc một tình hình thế giới đưa đến sự sáng tỏ sau cùng và sự thấm nhập đều đặn của các ý tưởng đúng đắn cùng những kết luận lành mạnh. Những tư tưởng gia hàng đầu trong bất cứ trường phái tư tưởng lớn nào chỉ đơn giản là những người biểu đạt tham thiền huyền bí; và những khám phá rực rỡ của khoa học, những diễn giải đúng đắn về các định luật của thiên nhiên, cùng những công thức hóa các kết luận đúng đắn, dù trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, triết học, tâm lý học hay nơi nào khác, chỉ là sự ghi nhận bởi thể trí, và sau đó bởi bộ não, về các chân lý vĩnh cửu, đồng thời là dấu hiệu cho thấy nhân loại cũng đang bắt đầu bắc cầu qua khoảng cách giữa khách quan và chủ quan, giữa thế giới hình tướng và thế giới ý tưởng.

This leads inevitably to the emergence of the third branch of *knowledge, the intuitive*. The intuition is in reality only the appreciation by the mind of some factor in creation, some law of manifestation and some aspect of truth, known by the soul, emanating from the world of ideas, and being of the nature of those energies which produce all that is known and seen. These truths are always present, and these laws are ever active, but only as the mind is trained and developed, focussed, and open-minded can they be recognized, later understood, and finally adjusted to the needs and demands of the cycle and time. Those who have thus trained the mind in the art of clear thinking, the focussing of the attention, and consequent

Điều này tất yếu dẫn đến sự xuất hiện của nhánh thứ ba của *tri thức, tức trực giác*. Trực giác, trong thực tại, chỉ là sự nhận thức của thể trí về một yếu tố nào đó trong sáng tạo, một định luật nào đó của biểu hiện và một phương diện nào đó của chân lý, vốn được linh hồn biết đến, xuất phát từ thế giới ý tưởng, và có bản chất của những năng lượng tạo ra tất cả những gì được biết và được thấy. Những chân lý này luôn hiện diện, và các định luật này luôn hoạt động, nhưng chỉ khi thể trí được rèn luyện và phát triển, được tập trung và rộng mở, chúng mới có thể được nhận ra, về sau được thấu hiểu, và cuối cùng được điều chỉnh cho phù hợp với các nhu cầu và đòi hỏi của chu kỳ và thời đại. Những người đã rèn luyện thể trí như thế trong

receptivity to truth have always been with us, but hitherto have been few and far between. They [16] are the outstanding minds of the ages. But now they are many and increasingly found. The minds of the race are in process of training and many are hovering on the borders of a new knowledge. The intuition which guides all advanced thinkers into the newer fields of learning is but the forerunner of that omniscience which characterises the soul. The truth about all things exists, and we call it omniscience, infallibility, the "correct knowledge" of the Hindu philosophy. When man grasps a fragment of it and absorbs it into the racial consciousness we call it the formulation of a law, a discovery of one or other of nature's processes. Hitherto this has been a slow and piecemeal undertaking. Later, and before so very long, light will pour in, truth will be revealed and the race will enter upon its heritage—the heritage of the soul.

nghệ thuật tư duy sáng tỏ, tập trung chú tâm, và nhờ đó trở nên tiếp nhận chân lý, luôn hiện diện giữa chúng ta, nhưng cho đến nay họ vẫn ít ỏi và thưa thớt. Họ [16] là những trí tuệ nổi bật của các thời đại. Nhưng hiện nay họ đã nhiều hơn và ngày càng được thấy nhiều hơn. Các thể trí của nhân loại đang trong tiến trình rèn luyện, và nhiều người đang lơ lửng trên ranh giới của một tri thức mới. Trực giác hướng dẫn mọi tư tưởng gia tiến bộ vào những lĩnh vực học hỏi mới hơn chỉ là điềm báo trước của sự toàn tri vốn đặc trưng cho linh hồn. Chân lý về mọi sự đều hiện hữu, và chúng ta gọi đó là toàn tri, là tính bất khả ngộ, là "tri thức đúng đắn" của triết học Ấn Độ. Khi con người nắm bắt một mảnh của chân lý ấy và hấp thu nó vào tâm thức nhân loại, chúng ta gọi đó là sự phát biểu một định luật, là sự khám phá một trong những tiến trình của thiên nhiên. Cho đến nay, đây là một công việc chậm chạp và từng mảnh. Về sau, và không còn bao lâu nữa, ánh sáng sẽ tuôn vào, chân lý sẽ hiển lộ và nhân loại sẽ bước vào di sản của mình—di sản của linh hồn.

In some of our considerations, speculation must perforce enter in. Those who see a vision that is withheld from those lacking the necessary equipment for its apprehension are regarded as fanciful, and unreliable. When many see the vision, its possibility is admitted, but when humanity itself has the awakened and open eye, the vision is no longer emphasised but a fact is stated and a law enunciated. Such has been the history of the past and such will be the process in the future.

Trong một vài khảo sát của chúng ta, sự suy đoán tất phải chen vào. Những ai thấy một tầm nhìn mà những người thiếu năng lực cần thiết không thể lĩnh hội thường bị xem là giàu tưởng tượng và không đáng tin cậy. Khi nhiều người thấy tầm nhìn ấy, khả năng của nó được thừa nhận; nhưng khi chính nhân loại có con mắt thức tỉnh và rộng mở, tầm nhìn không còn được nhấn mạnh nữa, mà một sự kiện được nêu ra và một định luật được công bố. Lịch sử quá khứ đã như thế, và tiến trình tương lai cũng sẽ như thế.

The past is purely speculative from the standpoint of the average man and the future is equally so, but he himself is the result of that past and the future will work out of the sum total of his present

Quá khứ hoàn toàn mang tính suy đoán theo quan điểm của con người trung bình, và tương lai cũng như vậy; nhưng chính y là kết quả của quá khứ ấy, và tương lai sẽ được triển khai từ tổng số các đặc tính và phẩm

characteristics and qualities. If this is true of the individual it is then also equally true of mankind as a whole. That unit in nature, which we call the fourth or human kingdom, represents that which is the product of its physical heritage; its characteristics are the sum of its emotional and mental unfoldments and its assets are those which it has succeeded in accumulating during the cycles wherein it has [17] been wrestling with its environment—the sum total of the other kingdoms in nature. Within the human kingdom lie potentialities and latencies, characteristics and assets which the future will reveal and which in their turn determine that future.

tính hiện tại của y. Nếu điều này đúng đối với cá nhân, thì nó cũng đúng như vậy đối với toàn thể nhân loại. Đơn vị trong thiên nhiên mà chúng ta gọi là giới thứ tư hay giới nhân loại biểu hiện điều vốn là sản phẩm của di sản hồng trần của nó; các đặc tính của nó là tổng số những sự khai mở cảm xúc và trí tuệ của nó, và tài sản của nó là những gì nó đã thành công tích lũy trong các chu kỳ mà trong đó nó đã [17] vật lộn với môi trường của mình—tổng số các giới khác trong thiên nhiên. Bên trong giới nhân loại có những tiềm năng và năng lực tiềm ẩn, những đặc tính và tài sản mà tương lai sẽ mặc khải, và đến lượt chúng, chúng quyết định tương lai ấy.

I have purposely chosen to begin with the undefinable and the unrecognised. The soul is as yet an unknown quantity. It has no real place in the theories of the academic and scientific investigators. It is unproven and regarded by even the more open-minded of the academicians as a possible hypothesis, but lacking demonstration. It is not accepted as a fact in the consciousness of the race. Only two groups of people accept it as a fact; one is the gullible, undeveloped, childlike person who, brought up on a scripture of the world, and being religiously inclined, accepts the postulates of religion—such as the soul, God and immortality—without questioning. The other is that small but steadily growing band of Knowers of God, and of reality, who know the soul to be a fact in their own experience but are unable to prove its existence satisfactorily to the man who admits only that which the concrete mind can grasp, analyse, criticise and test.

Tôi đã cố ý chọn bắt đầu bằng điều không thể định nghĩa và chưa được công nhận. Linh hồn cho đến nay vẫn là một đại lượng chưa biết. Nó không có vị trí thực sự trong các lý thuyết của những nhà khảo cứu hàn lâm và khoa học. Nó chưa được chứng minh và ngay cả những học giả cởi mở hơn cũng xem nó như một giả thuyết có thể có, nhưng thiếu sự chứng minh. Nó không được chấp nhận như một sự kiện trong tâm thức của nhân loại. Chỉ có hai nhóm người chấp nhận nó như một sự kiện; một là người nhẹ dạ, chưa phát triển, như trẻ thơ, được nuôi dưỡng bằng một thánh thư của thế giới, và do có khuynh hướng tôn giáo nên chấp nhận các tiền đề của tôn giáo—như linh hồn, Thượng đế và sự bất tử—mà không đặt câu hỏi. Nhóm kia là đoàn nhỏ nhưng đang tăng trưởng đều đặn gồm những Thức giả của Thượng đế và của thực tại, những người biết linh hồn là một sự kiện trong kinh nghiệm riêng của họ, nhưng không thể chứng minh sự tồn tại của nó một cách thỏa đáng cho người chỉ thừa nhận những gì trí cụ thể có thể nắm bắt, phân tích, phê phán và kiểm nghiệm.

The ignorant and the wise meet on common ground as extremes always do. In between are those who are neither totally ignorant nor intuitively wise. They are the mass of the educated people who have knowledge but not understanding, and who have yet to learn the distinction between that which can be grasped by the rational mind, that which can be seen by the mind's eye, and that which only the higher or abstract mind can formulate and know. This ultimately merges in the intuition, which is the "knowing faculty" of the intelligent and practical mystic who—relegating the emotional and feeling nature to its own place—uses the mind as a focussing [18] point and looks out through that lens upon the world of the soul.

Người vô minh và người minh triết gặp nhau trên nền tảng chung, như các cực đoan vẫn thường làm. Ở giữa là những người không hoàn toàn vô minh cũng không minh triết bằng trực giác. Họ là khối đông những người có học thức, có tri thức nhưng chưa có sự thấu hiểu, và còn phải học phân biệt giữa điều mà trí tuệ duy lý có thể nắm bắt, điều mà con mắt của thể trí có thể thấy, và điều mà chỉ thượng trí hay trí trừu tượng mới có thể công thức hóa và biết. Điều này cuối cùng hòa nhập vào trực giác, vốn là "quan năng biết" của nhà thần bí thông minh và thực tiễn, người—khi đặt bản chất cảm xúc và cảm giác vào đúng vị trí của nó—sử dụng thể trí như một điểm tập trung [18] và nhìn qua thấu kính ấy vào thế giới của linh hồn.

Man's Three Aspects

One of the main means whereby man arrives at an understanding of that great sum total we call the Macrocosm—God, functioning through a solar system—is by an understanding of himself, and the Delphic injunction "Man, know thyself" was an inspired utterance, intended to give man the clue to the mystery of deity. Through the Law of Analogy, or correspondences, the cosmic processes, and the nature of the cosmic principles are indicated in the functions, structure, and characteristics of a human being. They are indicated but not explained or elaborated. They serve simply as sign posts, directing man along the path whereon future sign posts may be found and more definite indications noted.

Một trong những phương tiện chính nhờ đó con người đạt đến sự thấu hiểu tổng thể vĩ đại mà chúng ta gọi là Đại thiên địa—Thượng đế, hoạt động qua một hệ mặt trời—là nhờ sự thấu hiểu chính mình; và lời huấn thị Delphi "Hỡi con người, hãy biết chính mình" là một phát ngôn được cảm hứng, nhằm trao cho con người chìa khóa mở vào mầu nhiệm của Thượng đế. Nhờ Định luật Tương đồng, hay các tương ứng, các tiến trình vũ trụ và bản chất của các nguyên khí vũ trụ được chỉ ra trong các chức năng, cấu trúc và đặc tính của một con người. Chúng được chỉ ra nhưng không được giải thích hay triển khai. Chúng chỉ đơn giản đóng vai trò như các cột mốc chỉ đường, hướng dẫn con người dọc theo con đường nơi những cột mốc tương lai có thể được tìm thấy và những chỉ dẫn xác định hơn có thể được ghi nhận.

The comprehension of that triplicity of spirit, soul, and body lies as yet beyond

Sự lĩnh hội bộ ba tinh thần, linh hồn và thân thể cho đến nay vẫn vượt ngoài thành tựu

man's achievement, but an idea as to their relationship and their general coordinated function may be indicated by a consideration of man from the physical side, and his objective functioning.

của con người; nhưng một ý niệm về mối quan hệ của chúng và chức năng phối hợp tổng quát của chúng có thể được chỉ ra bằng cách xem xét con người từ phương diện hồng trần và hoạt động khách quan của y.

There are three aspects of man's organism which are symbols, and symbols only, of the three aspects of being.

Có ba phương diện trong cơ cấu của con người vốn là biểu tượng, và chỉ là biểu tượng, của ba phương diện của bản thể.

1. The energy, or activating principle, which withdraws mysteriously at death, partially withdraws in the hours of sleep or of unconsciousness, and which seems to use the brain as its main seat of activity and from there to direct the functioning of the organism. This energy has a primary direct relation with the three parts of the organism which we call the brain, the heart, and the breathing apparatus. This is the microcosmic symbol of spirit.

1. Năng lượng, hay nguyên khí hoạt hóa, vốn rút lui một cách huyền nhiệm lúc chết, rút lui một phần trong những giờ ngủ hoặc vô thức, và dường như sử dụng bộ não làm trung tâm hoạt động chính của nó, rồi từ đó điều khiển sự vận hành của cơ cấu. Năng lượng này có một liên hệ trực tiếp chủ yếu với ba phần của cơ cấu mà chúng ta gọi là bộ não, trái tim và bộ máy hô hấp. Đây là biểu tượng tiểu thiên địa của tinh thần.

2. The nervous system, with its complexities of nerves, nerve centres and that multiplicity of interrelated and sensitive parts which serve to coordinate the organism, [19] to produce the sensitive response which exists between the many organs and parts which form the organism as a whole, and which serve also to make the man aware of, and sensitive to, his environment. This entire sensory apparatus is that which produces the organised awareness and coordinated sensitivity of the entire human being, first, within itself as a unit, and secondly, its responsiveness and sensitive reaction to the world within which it plays its part. This nervous structure, coordinating, correlating, and producing an outer and inner group activity demonstrates primarily through the three parts of the nervous system.

2. Hệ thần kinh, với những phức tạp của các dây thần kinh, các trung tâm thần kinh và vô số bộ phận nhạy cảm liên hệ với nhau, vốn phục vụ để phối hợp cơ cấu, [19] tạo ra sự đáp ứng nhạy cảm hiện hữu giữa nhiều cơ quan và bộ phận hợp thành cơ cấu như một toàn thể, và cũng phục vụ để khiến con người nhận biết và nhạy cảm với môi trường của mình. Toàn bộ bộ máy cảm giác này là cái tạo ra sự nhận biết có tổ chức và sự nhạy cảm được phối hợp của toàn thể con người, trước hết, bên trong chính nó như một đơn vị, và thứ hai, trong tính đáp ứng cùng phản ứng nhạy cảm của nó đối với thế giới nơi nó đóng vai trò của mình. Cấu trúc thần kinh này, vốn phối hợp, liên kết và tạo ra một hoạt động nhóm bên ngoài và bên trong, biểu lộ chủ yếu qua ba phần của hệ thần kinh.

a. Cerebro-spinal system.

a. Hệ não-tủy.

b. Sensory system of nerves.

b. Hệ thần kinh cảm giác.

c. Peripheral system of nerves.

c. Hệ thần kinh ngoại biên.

It is closely associated with the energy aspect, being the apparatus utilised by that energy to vitalise the body, to produce its coordinated activity and functioning, and to bring about an intelligent rapport with the world in which it has to play its part. It lies back, if one might use such an expression, of the body-nature proper, back of the mass of the flesh and bone and muscle. It in its turn, is motivated by and controlled by two factors:

Nó liên hệ mật thiết với phương diện năng lượng, vì là bộ máy được năng lượng ấy sử dụng để tiếp sinh lực cho thể xác, tạo ra hoạt động và chức năng phối hợp của nó, và đem lại mối giao cảm thông minh với thế giới trong đó nó phải đóng vai trò của mình. Nếu có thể dùng một cách nói như vậy, nó nằm phía sau bản chất thể xác đúng nghĩa, phía sau khối thịt, xương và cơ. Đến lượt nó, hai yếu tố thúc đẩy và kiểm soát nó:

a. The sum total of the energy which is the individual quota of vital energy.

a. Tổng số năng lượng vốn là phần năng lượng sinh lực riêng của cá nhân.

b. The energy of the environment in which the individual finds himself and within which he has to function and to play his part.

b. Năng lượng của môi trường trong đó cá nhân thấy mình hiện diện và trong đó y phải hoạt động và đóng vai trò của mình.

This coordinating nervous system, this network of interrelating and sensitive nerves is the symbol in man of the soul, and an outer and visible form of an inner spiritual reality.

Hệ thần kinh phối hợp này, mạng lưới các dây thần kinh liên hệ và nhạy cảm này, là biểu tượng nơi con người của linh hồn, và là một hình tướng bên ngoài, hữu hình của một thực tại tinh thần bên trong.

3. There is finally what might be described as the body, the sum total of flesh, of muscle, and of bone which the [20] man carries around, correlated by the nervous system and energised by what we vaguely call his "life".

3. Sau cùng có điều có thể được mô tả như là thể xác, tổng số thịt, cơ và xương mà con người [20] mang theo, do hệ thần kinh liên kết và do điều mà chúng ta mơ hồ gọi là "sự sống" của y tiếp năng lượng.

In these three, the life, the nervous system and the body mass we find the reflection and the symbol of the greater whole, and by a

Trong ba điều này—sự sống, hệ thần kinh và khối thể xác—chúng ta thấy sự phản chiếu và biểu tượng của toàn thể lớn hơn; và bằng

close study of these, and a comprehension of their functions and group relation, we can arrive at an understanding of some of the laws and principles which direct the activities of "God in nature"—a phrase, sublimely true and equally finitely false.

sự nghiên cứu kỹ lưỡng về chúng, cùng sự lĩnh hội các chức năng và mối quan hệ nhóm của chúng, chúng ta có thể đạt đến sự thấu hiểu một vài định luật và nguyên khí điều khiển các hoạt động của "Thượng đế trong thiên nhiên"—một cụm từ vừa siêu tuyệt chân thật, vừa hữu hạn sai lầm.

The three aspects of divinity, the central energy, or spirit, the coordinating force or soul, and that which these two use and unify are in reality one vital principle manifesting in diversity. These are the Three in One, the One in Three, God in nature, and nature itself in God.

Ba phương diện của thiên tính, năng lượng trung tâm hay tinh thần, mãnh lực phối hợp hay linh hồn, và cái mà hai điều này sử dụng và hợp nhất, trong thực tại là một nguyên khí sống động biểu hiện trong tính đa dạng. Chúng là Ba trong Một, Một trong Ba, Thượng đế trong thiên nhiên, và chính thiên nhiên trong Thượng đế.

Carrying the concept, for the sake of illustration, into other realms of thought this trinity of aspects can be seen functioning in the religious world as the esoteric teaching, the fundamental symbology and doctrines of the great world religions and the exoteric organisations; in government it is the sum total of the will of the people whatever that will may be, the formulated laws, and the exoteric administration; in education it is the will to learn, the arts and sciences, and the great exoteric educational systems; in philosophy it is the urge to wisdom, the interrelated schools of thought, and the outer presentation of the teachings. Thus this eternal triplicity runs through every department of the manifested world, whether viewed as that which is tangible, or as that which is sensitive and coherent, or that which is energising. It is that intelligent activity which has been clumsily called "awareness"; it is the capacity of awareness itself, involving as it does sensitive response to environment, and the apparatus of that response, the divine duality of the soul; it is finally the sum total of that which is

Để minh họa, nếu đem khái niệm này vào các lĩnh vực tư tưởng khác, tam vị phương diện này có thể được thấy đang hoạt động trong thế giới tôn giáo như giáo huấn nội môn, biểu tượng học căn bản và các giáo lý của những tôn giáo lớn trên thế giới, cùng các tổ chức ngoại môn; trong chính quyền, nó là tổng số ý chí của dân chúng, bất kể ý chí ấy là gì, các luật lệ đã được công thức hóa, và nền hành chính ngoại môn; trong giáo dục, nó là ý chí học hỏi, các nghệ thuật và khoa học, cùng những hệ thống giáo dục ngoại môn lớn; trong triết học, nó là xung lực hướng đến minh triết, các trường phái tư tưởng liên hệ với nhau, và sự trình bày bên ngoài của các giáo huấn. Như vậy, bộ ba vĩnh cửu này xuyên suốt mọi ngành của thế giới biểu hiện, dù được xem như cái hữu hình, hay như cái nhạy cảm và cố kết, hoặc như cái tiếp năng lượng. Nó là hoạt động thông minh đã bị gọi một cách vụng về là "sự nhận biết"; nó là chính năng lực nhận biết, bao hàm như nó vốn có sự đáp ứng nhạy cảm với môi trường, cùng bộ máy của sự đáp ứng ấy, tức nhị nguyên thiêng liêng của linh hồn; sau cùng, nó là tổng số những gì được tiếp xúc và được biết; nó là điều mà bộ máy nhạy

contacted and known; it is that of which the sensitive apparatus [21] becomes aware. This, as we shall see later, is a gradually growing realisation, shifting ever into more esoteric and inner realms.

cảm [21] trở nên nhận biết. Điều này, như chúng ta sẽ thấy về sau, là một sự chứng nghiệm tăng trưởng dần dần, luôn chuyển dịch vào những lĩnh vực huyền bí và nội tại hơn.

These three aspects are seen in man, the divine unit of life. First he recognises them in himself; then he sees them in every form in his environment, and finally he learns to relate these aspects of himself to the similar aspects in other forms of divine manifestation. Correct relation between forms will result in the harmonising and right adjustment of physical plane life. Correct response to one's environment will result in correct rapport with the soul aspect, hidden in every form, and will produce right relations between the various parts of the inner nervous structure to be found in every kingdom of nature, subhuman and superhuman. This is as yet practically unknown but is rapidly coming into recognition, and when it is proven and realised it will be discovered that therein lies the basis of brotherhood and of unity. As the liver, the heart, the lungs, the stomach, and other organs in the body are separate in existence and in function and yet are unified and brought into relation through the medium of the nervous system throughout the body, so will it be found that in the world such organisms as the kingdoms in nature have their separate life and functions yet are correlated and coordinated by a vast intricate sensory system which is sometimes called the soul of all things, the anima mundi, the underlying consciousness.

Ba phương diện này được thấy nơi con người, đơn vị thiêng liêng của sự sống. Trước hết, y nhận ra chúng trong chính mình; rồi y thấy chúng trong mọi hình tướng trong môi trường của mình; và cuối cùng y học cách liên hệ các phương diện này của chính mình với những phương diện tương tự trong các hình tướng khác của biểu hiện thiêng liêng. Mối liên hệ đúng đắn giữa các hình tướng sẽ đưa đến sự hài hòa và điều chỉnh đúng đắn đời sống cõi hồng trần. Sự đáp ứng đúng đắn với môi trường của mình sẽ đưa đến mối giao cảm đúng đắn với phương diện linh hồn, ẩn trong mọi hình tướng, và sẽ tạo ra các mối liên hệ đúng đắn giữa những phần khác nhau của cấu trúc thần kinh bên trong vốn được tìm thấy trong mọi giới của thiên nhiên, dưới nhân loại và siêu nhân loại. Điều này cho đến nay trên thực tế vẫn chưa được biết đến, nhưng đang nhanh chóng được công nhận; và khi nó được chứng minh và chứng nghiệm, người ta sẽ khám phá rằng chính trong đó có nền tảng của tình huynh đệ và sự hợp nhất. Cũng như gan, tim, phổi, dạ dày và các cơ quan khác trong thân thể tồn tại và hoạt động riêng biệt, nhưng vẫn được hợp nhất và đưa vào liên hệ nhờ trung gian của hệ thần kinh khắp thân thể, thì trong thế giới cũng sẽ thấy rằng những cơ cấu như các giới trong thiên nhiên có sự sống và chức năng riêng biệt của chúng, nhưng vẫn được liên kết và phối hợp bởi một hệ thống cảm giác rộng lớn và phức tạp, đôi khi được gọi là linh hồn của vạn vật, linh hồn thế giới, tâm thức nền tảng.

In dealing with the triplicities so often used when speaking of deity, such as spirit, soul,

Khi đề cập đến các bộ ba thường được dùng khi nói về Thượng đế, như tinh thần, linh

and body, —life, consciousness, and form, — it is of value to remember that they refer to differentiations of the one life, and that the more of these triplicities with which one can familiarise oneself the more one will be in rapport with a wider circle of men. But when one is dealing with things occult and subjective, and when the subject about which [22] one writes deals with the undefinable, then difficulty is encountered. It is no difficult matter to describe a man's personal appearance, his clothing, his form, and the things with which he is surrounded. Language suffices satisfactorily to deal with the concrete and with the world of form. But when one endeavours to convey an idea of his quality, character, and nature one is immediately faced with the problem of the unknown, with that undefinable unseen part which we sense, but which remains in a large sense unrevealed, and unrealised even by the man himself. How then shall we describe him through the medium of language?

hồn và thân thể,—sự sống, tâm thức và hình tướng,—điều hữu ích là nhớ rằng chúng chỉ các biến phân của một sự sống duy nhất, và càng quen thuộc với nhiều bộ ba như vậy, người ta càng ở trong mối giao cảm với một vòng người rộng lớn hơn. Nhưng khi người ta đề cập đến những sự việc huyền bí và chủ quan, và khi đề tài mà [22] người ta viết liên quan đến điều không thể định nghĩa, thì khó khăn xuất hiện. Không khó để mô tả vẻ ngoài cá nhân của một người, y phục của y, hình tướng của y, và những sự vật bao quanh y. Ngôn ngữ đủ để xử lý một cách thỏa đáng cái cụ thể và thế giới hình tướng. Nhưng khi người ta cố gắng truyền đạt một ý niệm về phẩm tính, tính cách và bản chất của y, người ta lập tức đối diện với vấn đề của điều chưa biết, với phần vô hình không thể định nghĩa mà chúng ta cảm nhận, nhưng phần lớn vẫn chưa được mặc khải, và ngay cả chính người ấy cũng chưa chứng nghiệm được. Vậy làm sao chúng ta mô tả y bằng phương tiện ngôn ngữ?

If this is so of man, how much greater is the difficulty when we seek through words to express that inexpressible sum total of which the terms spirit, soul, and body are regarded as the main component differentiations? How shall we define that undefinable life that men have (for the sake of understanding) limited and separated into a trinity of aspects, or persons, calling the whole by the name of God?

Nếu điều này đúng đối với con người, thì khó khăn còn lớn hơn biết bao khi chúng ta tìm cách dùng lời để diễn đạt tổng thể không thể diễn đạt, mà các thuật ngữ tinh thần, linh hồn và thân thể được xem là những biến phân thành phần chính? Làm sao chúng ta định nghĩa sự sống không thể định nghĩa ấy, mà con người, vì mục đích thấu hiểu, đã giới hạn và phân chia thành một tam vị các phương diện hay ngôi vị, rồi gọi toàn thể ấy bằng danh xưng Thượng đế?

Yet where this differentiation of God into a trinity is universal and age-long in use, where every people—ancient and modern—employ the same triplicity of ideation to express an intuitive realisation, there is warrant for the usage. That some day we may think and express the truth differently

Tuy nhiên, nơi nào sự biến phân Thượng đế thành một tam vị được sử dụng phổ quát và lâu đời, nơi nào mọi dân tộc—cổ xưa và hiện đại—đều dùng cùng một bộ ba ý niệm để diễn đạt một chứng nghiệm trực giác, thì việc sử dụng ấy có cơ sở. Rằng một ngày nào đó chúng ta có thể suy nghĩ và diễn đạt chân

may indeed be so, but for the average thinker of today the terms spirit, soul, and body stand for the aggregate of divine manifestation, both in the deity of the universe and in that lesser divinity, man himself. As this treatise is intended for the thinking human being and not for the crystallised theologians or the theoretically biassed scientists we will adhere to the well-used terminology and seek to understand what has lain back of the phrases in which man has sought to explain God Himself.

lý theo cách khác quả thật có thể như vậy; nhưng đối với tư tưởng gia trung bình ngày nay, các thuật ngữ tinh thần, linh hồn và thân thể biểu thị tổng hợp của biểu hiện thiêng liêng, cả trong Thượng đế của vũ trụ lẫn trong thiên tính nhỏ hơn, chính con người. Vì khảo luận này dành cho con người biết suy tư chứ không dành cho các nhà thần học kết tinh hay các nhà khoa học thiên lệch về lý thuyết, chúng ta sẽ giữ thuật ngữ đã được dùng rộng rãi và tìm cách thấu hiểu điều nằm phía sau những cụm từ mà con người đã dùng để cố giải thích chính Thượng đế.

"God is Spirit, and they that worship Him must worship [23] Him in Spirit and in Truth," states one of the scriptures of the world. "Man became a living soul," is to be found in another place in the same scripture. "I pray God your whole spirit and soul and body may be preserved blameless," said a great initiate of the White Lodge; and the greatest of them all yet present with us in physical form on earth, repeated the words of an earlier sage when He said: "I have said ye are Gods, and ye are all the children of the most High". In those words the triplicity of man, his divinity and his relationship to the life in Whom he lives and moves and has his being, is touched upon from the Christian standpoint, and all the great religions deal in analogous phrases with that relationship.

"Thượng đế là Tinh thần, và những ai thờ phượng Ngài phải thờ phượng [23] Ngài trong Tinh thần và trong Chân lý," một trong các thánh thư của thế giới tuyên bố. "Con người trở thành một linh hồn sống động," được tìm thấy ở một chỗ khác trong cùng thánh thư ấy. "Tôi cầu xin Thượng đế gìn giữ toàn thể tinh thần, linh hồn và thân thể của các bạn được không chỗ trách," một điểm đạo đồ vĩ đại của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo đã nói; và Đấng vĩ đại nhất trong các Ngài, hiện vẫn đang có mặt với chúng ta trong hình tướng hồng trần trên Trái Đất, đã lặp lại lời của một bậc hiền triết xưa hơn khi Ngài nói: "Ta đã nói các ngươi là các Thượng đế, và tất cả các ngươi là con cái của Đấng Tối Cao." Trong những lời ấy, bộ ba của con người, thiên tính của y và mối quan hệ của y với sự sống trong Đấng mà y sống, chuyển động và có sự hiện hữu của mình, được đề cập theo quan điểm Cơ Đốc giáo; và tất cả các tôn giáo lớn đều đề cập đến mối quan hệ ấy bằng những cụm từ tương tự.

a. Spirit, Life, Energy.

a. Tinh thần, Sự sống, Năng lượng.

The word spirit is applied to that undefinable, elusive, essential impulse or Life which is the cause of all manifestation.

Từ tinh thần được áp dụng cho xung lực hay Sự sống thiết yếu, khó nắm bắt, không thể định nghĩa, vốn là nguyên nhân của mọi

It is the breath of Life and is that rhythmic inflow of vital energy which manifests in its turn as the attractive force, as the consciousness, or soul, and is the sum total of atomic substance. It is the correspondence in the great Existence or Macrocosm of that which in the little existence or microcosm is the vital inspiring factor which we call the life of man; this is indicated by the breath in his body, which is abstracted or withdrawn when the life course is run.

biểu hiện. Nó là hơi thở của Sự sống và là dòng tuôn vào nhịp nhàng của năng lượng sinh lực, đến lượt nó biểu hiện như mãnh lực hấp dẫn, như tâm thức hay linh hồn, và là tổng số chất liệu nguyên tử. Nó là sự tương ứng trong Đại Hiện Hữu hay Đại thiên địa với điều mà trong tiểu hữu thể hay tiểu thiên địa là yếu tố truyền cảm hứng sinh động mà chúng ta gọi là sự sống của con người; điều này được chỉ ra bởi hơi thở trong thân thể y, vốn bị rút ra hay thu hồi khi hành trình sự sống đã hoàn tất.

What this something is, who shall say? We trace it back to the soul or consciousness aspect, and from the soul to the spirit (as we call the three aspects of the one breath) but what these words really signify, who has the courage to declare? We call this unknown something by differing names, according to our particular school of thought; we seek to express it in words, and end by call it Spirit, the One Life, the Monad, Energy. Again we must remember that understanding as to the nature [24] of this one life is purely relative. Those who are engrossed in the form side of existence think in terms of physical vitality, of feeling, impulse, or of mental force and do not pass beyond that unified life-consciousness of which all the above are differentiations. Those again who are interested in the more metaphysical approach and in the soul-life more than in the form aspect express their concept in terms of soul manifestation and—passing beyond the personal selfish reactions of the body nature—think in terms of life, in terms of quality, of group will or power, group coordination or love-wisdom, and of group intelligence or knowledge, covering all by the generic term of brotherhood.

Điều gì là cái gì đó này, ai có thể nói? Chúng ta truy nó về phương diện linh hồn hay tâm thức, và từ linh hồn đến tinh thần, như chúng ta gọi ba phương diện của một hơi thở duy nhất, nhưng các từ này thật sự hàm nghĩa gì, ai có đủ can đảm để tuyên bố? Chúng ta gọi cái gì đó chưa biết này bằng những danh xưng khác nhau, tùy theo trường phái tư tưởng riêng của mình; chúng ta tìm cách diễn đạt nó bằng lời, và cuối cùng gọi nó là Tinh thần, Sự Sống Duy Nhất, Chân thần, Năng lượng. Một lần nữa, chúng ta phải nhớ rằng sự thấu hiểu về bản chất [24] của sự sống duy nhất này hoàn toàn tương đối. Những ai bị cuốn hút vào phương diện hình tướng của sự hiện hữu thì suy nghĩ theo các thuật ngữ sinh lực hồng trần, cảm giác, xung lực, hoặc mãnh lực trí tuệ, và không vượt quá sự sống-tâm thức hợp nhất mà tất cả những điều trên chỉ là các biến phân. Những người khác, quan tâm đến cách tiếp cận siêu hình hơn và đến đời sống linh hồn nhiều hơn phương diện hình tướng, diễn đạt quan niệm của họ bằng các thuật ngữ biểu hiện linh hồn và—vượt quá các phản ứng ích kỷ cá nhân của bản chất thể xác—suy nghĩ theo các thuật ngữ sự sống, phẩm tính, ý chí hay quyền năng nhóm, sự phối hợp nhóm hay Bác Ái – Minh Triết, và trí tuệ hay tri thức nhóm, bao trùm tất cả bằng thuật ngữ chung là tình huynh đệ.

But even that is found to be separative, through the separation into larger units than the lower is capable of grasping. Therefore the initiate, especially after the third initiation, begins to think even more synthetically and to express truth to himself in terms of Spirit, Life, the One. These terms mean to him something significant, but something so far removed from the concept of ordinary thinking humanity that it is needless for me to enlarge further upon it.

Nhưng ngay cả điều đó cũng được thấy là còn chia rẽ, do sự phân tách thành những đơn vị lớn hơn mức mà cái thấp có thể nắm bắt. Vì vậy, điểm đạo đồ, đặc biệt sau lần điểm đạo thứ ba, bắt đầu suy nghĩ theo cách tổng hợp hơn nữa và diễn đạt chân lý cho chính mình bằng các thuật ngữ Tinh thần, Sự sống, Đấng Duy Nhất. Đối với y, các thuật ngữ này có một ý nghĩa thâm sâu, nhưng là điều quá xa khỏi quan niệm của nhân loại tư duy thông thường đến nỗi tôi không cần mở rộng thêm về nó.

This brings me to a point, that should be dealt with here, prior to any further expansion of our subject. In the *Treatise on Cosmic Fire* and in the above passage it frequently appears that teaching is carried forward to a certain point and then dropped with the statement that, owing to the point in evolution of the average man, his reaction to truth and the reaction of the disciple-student or the initiate will differ. This is necessarily so; each will read into the words his own state of consciousness; each will fail to interpret in terms of the more advanced reaction of those on a higher stage of the ladder of evolution. The average reader, however, objects to being forced to recognise wider points of view than his own, and the phraseology which says: "It is needless to enlarge on [25] this for it would only be understood by the initiate", serves only to aggravate him, tends to make him believe that evasion is intended, and that the writer (having got out of his depth) is seeking to save his face by some such statement. Just as a scientific treatise would prove meaningless and a mere jumble of words to the average grammar school child, but would carry a clear definition and meaning to experts in the subject owing to training and mental development, so there are those to whom the subject of the soul and its nature as dealt

Điều này đưa tôi đến một điểm cần được đề cập ở đây, trước khi mở rộng thêm đề tài của chúng ta. Trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* và trong đoạn văn trên, thường thấy giáo huấn được đưa đến một điểm nhất định rồi dừng lại với lời tuyên bố rằng, do điểm tiến hoá của con người trung bình, phản ứng của y đối với chân lý và phản ứng của đạo sinh-đệ tử hay điểm đạo đồ sẽ khác nhau. Điều này tất yếu là như vậy; mỗi người sẽ đọc vào các lời ấy chính trạng thái tâm thức của mình; mỗi người sẽ không thể diễn giải theo các thuật ngữ của phản ứng tiến bộ hơn nơi những người ở một bậc cao hơn trên chiếc thang tiến hoá. Tuy nhiên, độc giả trung bình phản đối việc bị buộc phải thừa nhận các quan điểm rộng hơn quan điểm của chính mình, và lối diễn đạt nói rằng: "Không cần mở rộng về [25] điều này vì chỉ điểm đạo đồ mới hiểu được," chỉ làm y thêm bực bội, khiến y có khuynh hướng tin rằng có ý né tránh, và rằng tác giả, vì đã đi quá tầm của mình, đang tìm cách giữ thể diện bằng một lời tuyên bố như vậy. Cũng như một khảo luận khoa học sẽ trở nên vô nghĩa và chỉ là một mớ từ ngữ lộn xộn đối với một học sinh phổ thông trung bình, nhưng lại mang định nghĩa và ý nghĩa rõ ràng đối với các chuyên gia trong đề tài ấy nhờ sự rèn luyện và phát triển trí tuệ, thì cũng có những người mà đối với họ, đề tài về linh hồn và bản chất của linh hồn như

with in such an instruction as this is as clear and lucid as current literature is to the average reader, and the best sellers, as you call them, to the general public. Equally, though fewer in number, there are those advanced souls to whom the spirit and its nature is also a rational and understandable subject, to be appreciated and comprehended through the medium of the soul and its powers just as it is possible to arrive at an understanding of the soul through the medium of the mind, correctly employed. On a lower level altogether, we know it is easy to understand the nature of the physical body through a study and right use of the desire nature. It is a form of pride, and a refusal to recognize one's temporary limitations that awakens in readers a dislike for phrases which aptly and truly say: "When you are further developed, you will understand the above." This should be made clear.

được bàn đến trong một huấn thị như thế này, rõ ràng và sáng tỏ như văn chương hiện hành đối với độc giả trung bình, và như những sách bán chạy nhất, theo cách các bạn gọi, đối với công chúng nói chung. Cũng vậy, tuy ít hơn về số lượng, có những linh hồn tiến bộ mà đối với họ tinh thần và bản chất của tinh thần cũng là một đề tài hợp lý và có thể thấu hiểu, được nhận thức và lĩnh hội nhờ trung gian của linh hồn và các quyền năng của nó, cũng như có thể đạt đến sự thấu hiểu linh hồn nhờ trung gian của thể trí được sử dụng đúng đắn. Ở một cấp độ hoàn toàn thấp hơn, chúng ta biết dễ dàng thấu hiểu bản chất của thể xác qua sự nghiên cứu và sử dụng đúng đắn bản chất ham muốn. Chính một dạng kiêu hãnh, và sự từ chối thừa nhận các giới hạn tạm thời của mình, đã làm nảy sinh trong độc giả sự khó chịu đối với những cụm từ nói một cách thích đáng và chân thật rằng: "Khi các bạn phát triển hơn, các bạn sẽ hiểu điều trên." Điều này cần được làm sáng tỏ.

To the Master of the Wisdom, the nature of the spirit, or that positive centre of life which every form hides is no more a mystery than is the nature of the soul to the esoteric psychologist. The source of the one life, the plane, or state from which that life emanates is the great Hidden Mystery to the members of the hierarchy of adepts. The nature of spirit, its quality and type of cosmic energy, its rate of vibration and its basic cosmic differentiations are the study of initiates above the third degree and the subject of their investigations. They [26] bring to that study a fully developed intuition, plus that mental interpretive capacity which their cycle of incarnation has developed. They employ the awakened and developed inner light of their souls to interpret and comprehend that life which (divorced from the world of form) persists on the higher levels of consciousness and

Đối với Chân sư Minh Triết, bản chất của tinh thần, hay trung tâm dương tính của sự sống mà mọi hình tướng che giấu, không còn là một mầu nhiệm hơn bản chất của linh hồn đối với nhà tâm lý học nội môn. Nguồn của sự sống duy nhất, cõi hay trạng thái từ đó sự sống ấy xuất phát, là Đại Mầu Nhiệm Ẩn Tàng đối với các thành viên của thánh đoàn các chân sư. Bản chất của tinh thần, phẩm tính và loại năng lượng vũ trụ của nó, tốc độ rung động và các biến phân vũ trụ căn bản của nó, là đối tượng nghiên cứu của các điểm đạo đồ trên cấp ba và là đề tài khảo sát của họ. Họ [26] đem vào sự nghiên cứu ấy một trực giác đã phát triển đầy đủ, cộng với năng lực diễn giải trí tuệ mà chu kỳ lâm phàm của họ đã phát triển. Họ sử dụng ánh sáng bên trong đã thức tỉnh và phát triển của linh hồn mình để diễn giải và lĩnh hội sự sống ấy, vốn tách khỏi thế giới hình tướng, vẫn tồn tại trên các cấp độ tâm thức cao hơn

penetrates into our solar system from some exterior centre of being. They throw this light (which is in them and which they manipulate and use) in two directions therefore, standing as they do in the midmost state and functioning as they choose to function on the plane of the intuition or of buddhi. They cast that light into the world of form and know all things, interpreting all with correctness; they cast that light into the formless realms of the higher three planes (formless from the standpoint of man in the three worlds below the intuitional plane) and seek to understand, through steady expansive growth, the nature and purpose of that which is neither body nor soul, neither force nor matter, but which is the cause of both in the universe.

và thâm nhập vào hệ mặt trời của chúng ta từ một trung tâm hiện hữu nào đó bên ngoài. Do đó, đứng như họ đang đứng trong trạng thái trung gian và hoạt động tùy ý trên cõi trực giác hay Bồ đề, họ phóng ánh sáng này, vốn ở trong họ và được họ điều khiển và sử dụng, theo hai hướng. Họ chiếu ánh sáng ấy vào thế giới hình tướng và biết mọi sự, diễn giải tất cả một cách đúng đắn; họ chiếu ánh sáng ấy vào các lĩnh vực vô sắc của ba cõi cao, vô sắc theo quan điểm của con người trong ba cõi thấp dưới cõi trực giác, và tìm cách thấu hiểu, qua sự tăng trưởng mở rộng bền bỉ, bản chất và mục đích của điều không phải thân thể cũng không phải linh hồn, không phải mãnh lực cũng không phải vật chất, nhưng là nguyên nhân của cả hai trong vũ trụ.

Eventually, when the initiate has undergone the higher solar initiations and can function in the full consciousness of the monad, awareness of that which is divorced even from group form and from those nebulous sheaths which veil and hide the One, becomes possible. The highest types of consciousness work from the plane of the monad as the initiate of lower degree works from the plane of the soul and uses the organs of perception (if such an unsatisfactory phrase is legitimate) and means of knowledge of which average man has no idea; they penetrate or include within their radius of awareness that sum total of life, consciousness and form which we designate God. These initiates of high degree then begin to be aware of a vibration, a revealing light, a note or directional indicating sound which emanates from outside our solar system altogether. The only way in which [27] we can get an appreciation of the process followed in the expansion of the divine consciousness in man is to study the relation of the mind and

Cuối cùng, khi điểm đạo đồ đã trải qua các cuộc điểm đạo thái dương cao hơn và có thể hoạt động trong tâm thức đầy đủ của chân thần, y có thể nhận biết điều đã tách khỏi cả hình tướng nhóm lẫn những lớp vỏ mơ hồ che phủ và ẩn giấu Đấng Duy Nhất. Những loại tâm thức cao nhất hoạt động từ cõi chân thần, cũng như điểm đạo đồ cấp thấp hơn hoạt động từ cõi linh hồn và sử dụng các cơ quan tri giác, nếu một cụm từ không thỏa đáng như thế có thể được chấp nhận, cùng các phương tiện tri thức mà con người trung bình không có ý niệm gì; họ thâm nhập hoặc bao gồm trong bán kính nhận biết của mình tổng số sự sống, tâm thức và hình tướng mà chúng ta gọi là Thượng đế. Bấy giờ các điểm đạo đồ bậc cao này bắt đầu nhận biết một rung động, một ánh sáng mặc khải, một âm điệu hay âm thanh chỉ hướng phát xuất hoàn toàn từ bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta. Cách duy nhất mà [27] chúng ta có thể có được sự nhận thức về tiến trình được theo trong sự mở rộng tâm thức thiêng liêng nơi con người là nghiên cứu mối quan hệ giữa thể trí và bộ não, và ghi nhận điều xảy

the brain and note what follows when the brain becomes the intelligent instrument of the mind; then study the relation of the soul to the mind and what eventuates when man is directed by his soul and utilises the mind to control the physical plane activities through the medium of the brain. In these three—soul, mind and brain—we have the analogy and the clue to the understanding of spirit, soul and body, and their mutual functions. This was the subject matter of the book, *The Light of the Soul.* Upon the perfecting of the conditions dealt with in that book there follows still another expansion when the spirit aspect, man's emanating source of energy, begins to use the soul (via the intuition) and to impress upon the soul-consciousness those laws, knowledges, forces and inspirations which will make the soul the instrument of the spirit or monad, just as the personal man became, at an earlier stage (via the mind), the instrument of the soul. In that earlier stage the development was two-fold. As the soul assumed control, via the mind, so the brain became responsive to the soul. Man was awakened to a knowledge of himself as he really was and to the three worlds of his normal evolution; later he became group conscious and was no longer a separated individual. As the soul is brought under the dominance of the spirit, an analogous two stages are likewise seen:

ra khi bộ não trở thành khí cụ thông minh của thể trí; rồi nghiên cứu mối quan hệ giữa linh hồn và thể trí, và điều phát sinh khi con người được linh hồn mình hướng dẫn và sử dụng thể trí để kiểm soát các hoạt động cõi hồng trần qua trung gian của bộ não. Trong ba điều này—linh hồn, thể trí và bộ não—chúng ta có sự tương đồng và chìa khóa để thấu hiểu tinh thần, linh hồn và thân thể, cùng các chức năng hỗ tương của chúng. Đây là đề tài của quyển sách *Ánh Sáng của Linh Hồn.* Khi các điều kiện được bàn đến trong quyển sách ấy được hoàn thiện, sẽ theo sau một sự mở rộng khác nữa, khi phương diện tinh thần, nguồn năng lượng phát xuất của con người, bắt đầu sử dụng linh hồn, qua trực giác, và in vào tâm thức linh hồn những định luật, tri thức, mãnh lực và cảm hứng sẽ khiến linh hồn trở thành khí cụ của tinh thần hay chân thần, cũng như phàm nhân đã trở thành, ở một giai đoạn trước, qua thể trí, khí cụ của linh hồn. Ở giai đoạn trước ấy, sự phát triển có tính nhị phân. Khi linh hồn nắm quyền kiểm soát qua thể trí, thì bộ não trở nên đáp ứng với linh hồn. Con người được thức tỉnh để biết chính mình như y thật sự là, và biết ba cõi giới của sự tiến hoá bình thường của mình; về sau y trở nên có tâm thức nhóm và không còn là một cá nhân tách biệt. Khi linh hồn được đặt dưới quyền thống trị của tinh thần, cũng thấy có hai giai đoạn tương tự:

First, the disciple becomes aware not only of his group and allied groups, but his consciousness is expanded until it might be called planetary consciousness.

Thứ nhất, đệ tử trở nên nhận biết không chỉ nhóm của mình và các nhóm liên hệ, mà tâm thức của y còn được mở rộng cho đến mức có thể gọi là tâm thức hành tinh.

Secondly, he begins to merge that planetary awareness into something more synthetic still, and gradually develops the consciousness of the greater life which [28] includes the planetary life as man includes

Thứ hai, y bắt đầu hòa nhập sự nhận biết hành tinh ấy vào một điều còn tổng hợp hơn nữa, và dần dần phát triển tâm thức của sự sống lớn hơn vốn [28] bao gồm sự sống hành tinh, cũng như con người bao gồm trong

in his physical expression such living organisms as his heart or brain. When this takes place, he begins to comprehend the significance of spirit, the one life back of all forms, the central energy which is the cause of all manifestation.

biểu hiện hồng trần của mình những cơ cấu sống động như tim hay bộ não của y. Khi điều này xảy ra, y bắt đầu lĩnh hội thâm nghĩa của tinh thần, sự sống duy nhất đứng sau mọi hình tướng, năng lượng trung tâm vốn là nguyên nhân của mọi biểu hiện.

The first reaction of the average student on reading the above is to think immediately of the body nature as it expresses some type or other of energy. Thus the duality is the thing noted, and that which employs the thing is present in his mind. Yet one of the main necessities before occult aspirants at this time is to endeavour to think in terms of the one reality which is energy itself and nothing else. Therefore, it is of value to emphasise in our discussion of this abstruse subject, the fact that spirit and energy are synonymous terms and are interchangeable. Only in the realisation of this can we arrive at the reconciliation of science and religion and at a true understanding of the world of active phenomena by which we are surrounded and in which we move.

Phản ứng đầu tiên của đạo sinh trung bình khi đọc điều trên là lập tức nghĩ đến bản chất thể xác khi nó biểu đạt một loại năng lượng nào đó. Như vậy, nhị nguyên là điều được ghi nhận, và cái sử dụng sự vật ấy hiện diện trong trí y. Tuy nhiên, một trong những nhu cầu chính trước mắt các người chí nguyện huyền bí vào lúc này là cố gắng suy nghĩ theo các thuật ngữ của một thực tại duy nhất, vốn chính là năng lượng và không gì khác. Vì vậy, trong cuộc bàn luận của chúng ta về đề tài thâm áo này, điều hữu ích là nhấn mạnh sự kiện rằng tinh thần và năng lượng là các thuật ngữ đồng nghĩa và có thể thay thế cho nhau. Chỉ trong sự chứng nghiệm điều này, chúng ta mới có thể đạt đến sự hòa giải giữa khoa học và tôn giáo, cũng như sự thấu hiểu chân thật về thế giới hiện tượng năng động bao quanh chúng ta và trong đó chúng ta chuyển động.

The terms, organic and inorganic, are largely responsible for much of the confusion and the sharp differentiation existing in the minds of many people between body and spirit, between life and form, and have led to a refusal to admit the essential identity in nature of these two. The world in which we live is regarded by the majority as really solid and tangible, yet possessing some mysterious power (lying concealed within it) which produces movement, activity and change. This is of course putting it crudely, but it suffices to sum up the unintelligent attitude.

Các thuật ngữ hữu cơ và vô cơ phần lớn chịu trách nhiệm cho nhiều sự rối rắm và sự phân biệt sắc bén hiện hữu trong tâm trí của nhiều người giữa thân thể và tinh thần, giữa sự sống và hình tướng, và đã dẫn đến sự từ chối thừa nhận sự đồng nhất về bản chất của hai điều này. Thế giới trong đó chúng ta sống được đa số xem là thật sự rắn chắc và hữu hình, nhưng lại sở hữu một quyền năng huyền nhiệm nào đó, ẩn giấu bên trong nó, tạo ra chuyển động, hoạt động và biến đổi. Dĩ nhiên đây là cách nói thô sơ, nhưng đủ để tóm lược thái độ thiếu hiểu biết.

The orthodox scientist is largely occupied with structures and relationships, with the composition of forms and with the activity produced by the component form parts and their interrelations and dependencies. The [29] chemicals and elements, and the functions and parts they play, and their mutual interactions as them compose all forms in all the kingdoms of nature, are the subject of their investigation. The nature of the atom, of the molecule, and the cell, their functions, the qualities of their force manifestations and the varying types of activity, the solving of the problem as to the character and nature of the energies—focalised or localised in the differing forms of the natural or material world—demand the consideration of the ablest minds in the world of thought. Yet, the questions, What is Life? or What is Energy? or What is the process of Becoming and the nature of Being? remain unanswered. The problem as to the Why and the Wherefore is regarded as fruitless and speculative and almost insoluble.

Nhà khoa học chính thống phần lớn bận tâm đến các cấu trúc và mối quan hệ, đến thành phần của các hình tướng, và đến hoạt động do các bộ phận thành phần của hình tướng cùng các mối liên hệ và lệ thuộc lẫn nhau của chúng tạo ra. Các [29] hóa chất và nguyên tố, các chức năng và vai trò chúng đảm nhiệm, cùng các tương tác lẫn nhau của chúng khi chúng cấu thành mọi hình tướng trong tất cả các giới của thiên nhiên, là đề tài khảo sát của họ. Bản chất của nguyên tử, phân tử và tế bào, các chức năng của chúng, các phẩm tính của những biểu hiện mãnh lực của chúng và các loại hoạt động khác nhau, việc giải quyết vấn đề về tính chất và bản chất của các năng lượng—được tập trung hay định vị trong những hình tướng khác nhau của thế giới tự nhiên hay vật chất—đòi hỏi sự chú tâm của những trí tuệ xuất sắc nhất trong thế giới tư tưởng. Tuy nhiên, các câu hỏi: Sự sống là gì? Năng lượng là gì? Tiến trình Trở Thành và bản chất của Bản Thể là gì? vẫn chưa được trả lời. Vấn đề về tại sao và vì đâu bị xem là vô ích, suy đoán và gần như không thể giải quyết.

Nevertheless, through pure reason, and through the correct functioning of the intuition these problems can be solved and these questions answered. Their solution is one of the ordinary revelations and attainments of initiation. The only true biologists are initiates of the mysteries, for they have an understanding of life and its purpose and are so identified with the life principle that they think and speak in terms of energy and its effects, and all their activities in connection with the work of the planetary hierarchy are based on a few fundamental formulas which concern life as it makes itself felt through its three differentiations or aspects: —energy, force, matter.

Tuy vậy, nhờ lý trí thuần túy và nhờ sự hoạt động đúng đắn của trực giác, các vấn đề này có thể được giải quyết và các câu hỏi này được trả lời. Lời giải của chúng là một trong những mặc khải và thành tựu thông thường của điểm đạo. Những nhà sinh học chân thật duy nhất là các điểm đạo đồ của các bí nhiệm, vì họ có sự thấu hiểu về sự sống và mục đích của nó, và đồng hóa với nguyên khí sự sống đến mức họ suy nghĩ và nói bằng các thuật ngữ năng lượng và các hiệu quả của nó; mọi hoạt động của họ liên quan đến công việc của Thánh Đoàn hành tinh đều dựa trên một vài công thức căn bản liên quan đến sự sống khi nó tự làm cho mình được cảm nhận qua ba biến phân hay phương diện của nó: năng lượng, mãnh lực, vật chất.

It should be noted here, that only as a man understands himself can he arrive at an understanding of that which is the sum total that we call God. This is a truism and an occult platitude but when acted upon leads to a revelation which makes the present 'Unknown God' a recognised reality. Let me illustrate.

Cần lưu ý ở đây rằng chỉ khi con người thấu hiểu chính mình, y mới có thể đạt đến sự thấu hiểu điều là tổng thể mà chúng ta gọi là Thượng đế. Đây là một chân lý hiển nhiên và một lời lẽ quen thuộc của huyền bí học, nhưng khi được đem ra thực hành, nó dẫn đến một mặc khải khiến "Thượng đế Chưa Biết" hiện nay trở thành một thực tại được công nhận. Hãy để tôi minh họa.

Man knows himself to be a living being and calls death that mysterious process wherein something which he [30] commonly designates as the breath of life is withdrawn. On its withdrawal, the form disintegrates. The cohesive vitalising force is gone and this produces a falling apart into its essential elements of that which has hitherto been regarded as the body.

Con người biết mình là một hữu thể sống động và gọi cái chết là tiến trình huyền nhiệm trong đó một điều mà y [30] thường gọi là hơi thở của sự sống bị rút lui. Khi nó rút lui, hình tướng tan rã. Mãnh lực cố kết tiếp sinh lực đã ra đi, và điều này tạo ra sự phân rã thành các yếu tố thiết yếu của cái cho đến nay vẫn được xem là thể xác.

This life principle, this basic essential of Being, and this mysterious elusive factor is the correspondence in man of that which we call spirit or life in the macrocosm. Just as the life in man holds together, animates,

Nguyên khí sự sống này, yếu tố căn bản thiết yếu của Bản Thể này, và yếu tố huyền nhiệm khó nắm bắt này là sự tương ứng trong con người của điều mà chúng ta gọi là tinh thần hay sự sống trong Đại thiên địa. Cũng như sự

vitalises and drives into activity the form and so makes of him a living being, so the life of God—as the Christian calls it, — performs the same purpose in the universe and produces that coherent, living, vital ensemble which we call a solar system.

sống trong con người giữ cho hình tướng kết hợp, làm nó linh hoạt, tiếp sinh lực cho nó và thúc đẩy nó vào hoạt động, qua đó biến y thành một hữu thể sống động, thì sự sống của Thượng đế, như người Cơ Đốc gọi, cũng thực hiện cùng mục đích ấy trong vũ trụ và tạo ra tổng thể cố kết, sống động, đầy sinh lực mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời.

This life principle in man manifests in a triple manner:

Nguyên khí sự sống này trong con người biểu hiện theo cách tam phân:

1. As the directional will, purpose, basic incentive. This is the dynamic energy which sets his being functioning, brings him into existence, fixes the term of his life, carries him through the years, long or short, and abstracts itself at the close of his life cycle. This is the spirit in man, manifesting as the will to live, to be, to act, to pursue, to evolve. In its lowest aspect this works through the mental body or nature, and in connection with the dense physical makes itself felt through the brain.

1. Như ý chí định hướng, mục đích, động cơ căn bản. Đây là năng lượng năng động khiến con người y hoạt động, đưa y vào hiện hữu, ấn định thời hạn đời sống của y, đưa y qua các năm tháng dài hay ngắn, và tự rút lui vào cuối chu kỳ đời sống của y. Đây là tinh thần trong con người, biểu hiện như ý chí sống, hiện hữu, hành động, theo đuổi, tiến hoá. Ở phương diện thấp nhất, nó hoạt động qua thể trí hay bản chất trí tuệ, và trong liên hệ với thể xác đậm đặc, nó tự làm cho mình được cảm nhận qua bộ não.

2. As the coherent force. It is that significant essential quality which makes each man different, which produces that complex manifestation of moods, desires, qualities, complexes, inhibitions, feelings, and characteristics which produce a man's peculiar psychology. This is the result of the interplay between the spirit or energy aspect and the matter or body nature. This is the distinctive subjective man, his colouring, or individual note; this it is which sets the [31] rate of vibratory activity of his body, produces his particular type of form, is responsible for the condition and nature of his organs, his glands, and his outer aspects. This is the soul and—in its lowest aspect—is to be seen working through the emotional or astral nature and, in connection with the dense physical body, through the heart.

2. Như mãnh lực cố kết. Đó là phẩm tính thiết yếu có thâm nghĩa khiến mỗi người khác biệt, tạo ra biểu hiện phức tạp của tâm trạng, ham muốn, phẩm tính, phức cảm, ức chế, cảm giác và đặc tính, vốn tạo nên tâm lý riêng biệt của một người. Đây là kết quả của sự tương tác giữa phương diện tinh thần hay năng lượng và bản chất vật chất hay thể xác. Đây là con người chủ quan đặc thù, sắc thái của y, hay âm điệu cá nhân của y; chính điều này ấn định [31] tốc độ hoạt động rung động của thể xác y, tạo ra loại hình tướng riêng của y, chịu trách nhiệm về tình trạng và bản chất của các cơ quan, các tuyến và các phương diện bên ngoài của y. Đây là linh hồn và—trong phương diện thấp nhất của nó—được thấy hoạt động qua bản chất cảm xúc hay cảm dục, và trong liên hệ với thể xác đậm đặc, qua trái tim.

3. As the activity of the atoms and cells of which the physical body is composed. It is the sum total of those little lives of which the human organs, comprising the entire man, are composed. These have a life of their own and a consciousness which is strictly individual and identified. This aspect of the life principle works through the etheric or vital body and, in connection with the solid mechanism of the tangible form, through the spleen.

3. Như hoạt động của các nguyên tử và tế bào cấu thành thể xác. Đó là tổng số những sự sống nhỏ bé cấu thành các cơ quan con người, bao gồm toàn thể con người. Chúng có sự sống riêng và một tâm thức hoàn toàn cá biệt và có bản sắc xác định. Phương diện này của nguyên khí sự sống hoạt động qua thể dĩ thái hay thể sinh lực, và trong liên hệ với bộ máy đặc của hình tướng hữu hình, qua lá lách.

Therefore let us remember that the definition of spirit is not possible of accomplishment, nor is the definition of God. When one says that spirit is the inexpressible, undefinable cause, the emanating energy, the one life and source of being, the totality of all forces, of all states of consciousness and of all forms, the aggregate of life and that which is actively manifested of that life, the self and the not-self, force, and all that force motivates, one is in reality evading the issue, attempting the impossible and hiding truth behind a form of words. This cannot however be avoided until such time as the soul-consciousness is touched and known and the formless One can be perceived through the clear light of the intuition.

Vì vậy, chúng ta hãy nhớ rằng không thể hoàn thành việc định nghĩa tinh thần, cũng không thể định nghĩa Thượng đế. Khi người ta nói rằng tinh thần là nguyên nhân không thể diễn đạt, không thể định nghĩa, là năng lượng phát xuất, là sự sống duy nhất và nguồn của bản thể, là tổng thể của mọi mãnh lực, mọi trạng thái tâm thức và mọi hình tướng, là tổng hợp của sự sống và những gì được biểu hiện một cách năng động từ sự sống ấy, là ngã và phi-ngã, là mãnh lực và tất cả những gì mãnh lực thúc đẩy, thì trong thực tại người ta đang né tránh vấn đề, cố làm điều bất khả và che giấu chân lý sau một hình thức ngôn từ. Tuy nhiên, điều này không thể tránh được cho đến khi tâm thức linh hồn được chạm đến và được biết, và Đấng Vô Sắc có thể được nhận biết qua ánh sáng trong trẻo của trực giác.

One of the first lessons we need to learn is that our minds, being as yet unresponsive to the hidden intuitions, make it impossible for us to say with assurance that such a condition is this, that or the other; that, until we can function in our soul-consciousness, it is not for us to say what is or what is not; that until we have submitted ourselves [32] to the needed training we are in no position to deny or affirm anything. Our attitude should be that of reasonable enquiry and our interest that of the

Một trong những bài học đầu tiên chúng ta cần học là: thể trí của chúng ta, vì vẫn chưa đáp ứng với những trực giác ẩn tàng, khiến chúng ta không thể nói một cách chắc chắn rằng một tình trạng như thế là điều này, điều kia hay điều khác; rằng, cho đến khi chúng ta có thể hoạt động trong tâm thức linh hồn của mình, chúng ta không có quyền nói điều gì là có hay không có; rằng, cho đến khi chúng ta đã đặt chính mình [32] vào sự huấn luyện cần thiết, chúng ta không ở vị thế để phủ nhận hay khẳng định bất cứ điều gì.

investigating philosopher, willing to accept an hypothesis on the basis of its possibility, but being unwilling to acknowledge as proven truth anything until we know it for and in ourselves. I, an aspirant to the higher mysteries, and one who has searched into them for a longer period than has been possible as yet to many, may write of things as yet impossible of demonstration to you or to the public who may read these instructions. To me they may be and are truth and proven fact and for me that may suffice. For you they should be regarded as significant possibilities and hints as to the direction in which truth may be sought, but beyond that you should not permit yourself to go. The value of these instructions lies in their sum total and is to be found in the underlying structure or skeleton of coordinated and correlated statements which must be considered as a whole and not in detail and this for two reasons:

Thái độ của chúng ta nên là thái độ tìm hiểu hợp lý, và mối quan tâm của chúng ta nên là của một triết gia đang khảo sát, sẵn lòng chấp nhận một giả thuyết trên cơ sở tính khả hữu của nó, nhưng không sẵn lòng thừa nhận bất cứ điều gì như chân lý đã được chứng minh cho đến khi chúng ta biết nó cho chính mình và trong chính mình. Tôi, một người chí nguyện hướng đến các huyền nhiệm cao siêu, và là người đã khảo sát chúng trong một thời gian dài hơn điều cho đến nay còn khả hữu đối với nhiều người, có thể viết về những điều hiện vẫn chưa thể chứng minh cho các bạn hoặc cho công chúng có thể đọc các huấn thị này. Đối với tôi, chúng có thể là, và quả thật là, chân lý và sự kiện đã được chứng minh, và đối với tôi điều đó có thể là đủ. Đối với các bạn, chúng nên được xem như những khả năng đầy thâm nghĩa và những gợi ý về phương hướng trong đó chân lý có thể được tìm kiếm; nhưng các bạn không nên cho phép mình đi xa hơn thế. Giá trị của các huấn thị này nằm trong tổng thể của chúng, và được tìm thấy trong cấu trúc nền tảng hay bộ khung của những mệnh đề được phối hợp và tương quan với nhau, vốn phải được xem xét như một toàn thể chứ không phải trong chi tiết; và điều này vì hai lý do:

1. Language, as earlier said, hides truth and does not reveal it. If truth is recognised, it is because the investigating student has found a point of truth in himself which serves to illumine his steps as he slowly and gradually presses forward.

1. Ngôn ngữ, như đã nói trước đây, che giấu chân lý chứ không mặc khải nó. Nếu chân lý được nhận ra, ấy là vì đạo sinh đang khảo sát đã tìm thấy một điểm chân lý trong chính mình, điểm ấy giúp soi sáng các bước của y khi y chậm rãi và dần dần tiến tới.

2. There are many types of minds, and it is not to be expected that the information given, for instance, in this Treatise will appeal to all. It should be remembered that all people are units of consciousness breathed forth on one of the seven emanations from God. Therefore, even their

2. Có nhiều loại thể trí, và không thể kỳ vọng rằng thông tin được đưa ra, chẳng hạn trong Khảo luận này, sẽ hấp dẫn tất cả. Cần nhớ rằng mọi người đều là những đơn vị tâm thức được thở ra trên một trong bảy phát xạ từ Thượng đế. Vì vậy, ngay cả các chân thần hay các phương diện tinh thần của họ cũng

monads or spiritual aspects are inherently different just as in the prism (which is one) there are the seven differentiated colours. Even this is so only because of the nature and point of view and the perceiving apparatus of the man whose eye [33] registers and differentiates the varying rates of vibratory light. These seven subsidiary groups again produce a varying outlook, mentality, and approach, all equally right, but all presenting a slightly different angle of vision. When the above realisation is coupled to such factors as the different points in evolution, varying nationalities and characteristics, the inherent distinctions brought about through the interplay between the physical body involved and the environment, it will be apparent that no approach to such abstruse subjects as the nature of spirit and soul could have a general definition and submit themselves to a universal terminology.

vốn khác nhau, cũng như trong lăng kính vốn là một lại có bảy màu sắc được biến phân. Ngay cả điều này cũng chỉ như thế do bản chất, quan điểm và bộ máy tri nhận của con người, người có mắt [33] ghi nhận và phân biệt các tốc độ rung động khác nhau của ánh sáng. Bảy nhóm phụ này lại tạo ra một nhãn quan, một tâm thái và một cách tiếp cận khác nhau, tất cả đều đúng như nhau, nhưng mỗi nhóm đều trình bày một góc nhìn hơi khác biệt. Khi nhận thức trên đây được kết hợp với những yếu tố như các điểm tiến hoá khác nhau, các quốc tịch và đặc tính khác nhau, những phân biệt cố hữu phát sinh qua sự tương tác giữa thể xác liên hệ và môi trường, thì sẽ thấy rõ rằng không một cách tiếp cận nào đối với các chủ đề sâu kín như bản chất của tinh thần và linh hồn có thể có một định nghĩa phổ quát và quy phục một hệ thuật ngữ phổ quát.

b. The Soul, the Mediator or Middle Principle.

b. Linh hồn, Đấng Trung Gian hay Nguyên khí Trung Gian.

There are two angles or points of view from which the nature of the soul must be grasped: one is the aspect of the soul in relation to the fourth kingdom in nature, i.e. the human, and the other that of the subhuman kingdoms in nature, which, it must be remembered, are reflections of the three higher.

Có hai góc độ hay quan điểm từ đó bản chất của linh hồn phải được thấu hiểu: một là phương diện của linh hồn trong liên hệ với giới thứ tư trong thiên nhiên, tức là giới nhân loại; và góc độ kia là của các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên, vốn, cần nhớ rằng, là những phản chiếu của ba giới cao hơn.

It should be borne in mind that the soul of matter, the anima mundi, is the sentient factor in substance itself. It is the responsiveness of matter throughout the universe and that innate faculty in all forms, from the atom of the physicist, to the solar system of the astronomer, which produces the undeniable intelligent activity which all demonstrate. It can be called attractive

Cần ghi nhớ rằng linh hồn của vật chất, linh hồn thế giới, là yếu tố cảm nhận trong chính chất liệu. Đó là tính đáp ứng của vật chất trong khắp vũ trụ, và là năng lực bẩm sinh trong mọi hình tướng, từ nguyên tử của nhà vật lý học đến hệ mặt trời của nhà thiên văn học, vốn tạo ra hoạt động thông minh không thể phủ nhận mà tất cả đều biểu lộ. Nó có thể được gọi là năng lượng hấp dẫn, sự cố kết,

energy, coherency, sentiency, aliveness, awareness or consciousness, but perhaps the most illuminating term is that the soul is the *quality* which every form manifests. It is that subtle something which distinguishes one element from another, one mineral from another. It is the intangible essential nature of the form which in the vegetable kingdom determines whether a rose or a cauliflower, an elm [34] or a watercress shall come into being; it is a type of energy which distinguishes the varying species of the animal kingdom and makes one man different from another in his appearance, nature and character. The scientist has tabulated, investigated and analysed the forms; names have been selected and given to the elements, and the minerals, the forms of vegetable life and the varying species of animals; the structure of the forms and the history of their evolutionary progress have been studied and deductions and conclusions have been reached, but the solution of the problem of life itself still eludes the wisest, and until the understanding of the "web of life" or of the body of vitality which underlies every form and links every part of a form with every other part is recognised and known to be a fact in nature, the problem will remain unsolved.

tính cảm nhận, tính sống động, sự tỉnh thức hay tâm thức; nhưng có lẽ thuật ngữ soi sáng nhất là: linh hồn là *phẩm tính* mà mọi hình tướng biểu lộ. Đó là một điều vi tế nào đó phân biệt nguyên tố này với nguyên tố khác, khoáng vật này với khoáng vật khác. Đó là bản chất thiết yếu vô hình của hình tướng, vốn trong giới thực vật quyết định liệu một hoa hồng hay một bông cải, một cây du [34] hay một cây cải xoong sẽ xuất hiện; đó là một loại năng lượng phân biệt các loài khác nhau của giới động vật và khiến người này khác người kia về vẻ ngoài, bản chất và tính cách. Nhà khoa học đã lập bảng, khảo sát và phân tích các hình tướng; các tên gọi đã được chọn và đặt cho các nguyên tố, các khoáng vật, các hình tướng của sự sống thực vật và các loài khác nhau của động vật; cấu trúc của các hình tướng và lịch sử tiến bộ tiến hoá của chúng đã được nghiên cứu, các suy luận và kết luận đã được rút ra, nhưng lời giải cho vấn đề của chính sự sống vẫn lẩn tránh cả những người minh triết nhất; và cho đến khi sự thấu hiểu về "mạng lưới sự sống" hay về thể sinh lực nằm bên dưới mọi hình tướng và liên kết mọi phần của một hình tướng với mọi phần khác được nhận ra và biết là một sự kiện trong thiên nhiên, vấn đề ấy vẫn sẽ còn chưa được giải quyết.

The definition of the soul may be regarded as somewhat more feasible than that of spirit owing to the fact that there are many people who have experienced at sometime or another an illumination, an unfoldment, an uplifting, and a beatitude which has convinced them that there is a state of consciousness so far removed from that normally experienced as to bring them into a new state of being and a new level of awareness. It is something felt and experienced, and involves that psychic expansion which the mystic has registered

Định nghĩa về linh hồn có thể được xem là phần nào khả thi hơn định nghĩa về tinh thần, do sự kiện rằng có nhiều người, vào lúc này hay lúc khác, đã trải nghiệm một sự soi sáng, một sự khai mở, một sự nâng cao và một trạng thái phúc lạc khiến họ tin chắc rằng có một trạng thái tâm thức cách rất xa trạng thái thường được kinh nghiệm, đến mức đưa họ vào một trạng thái hiện tồn mới và một cấp độ tỉnh thức mới. Đó là điều được cảm nhận và trải nghiệm, và bao hàm sự mở rộng thông linh mà nhà thần bí đã ghi nhận qua các thời đại, và điều mà Thánh Phao-lô

down the ages, and which St. Paul referred to when he spoke of being "caught up to the third Heaven," and of hearing things there which it is not lawful for man to utter. When hearing and sight on those levels are both producing registered experience then we have the occultist plus the mystic.

đã nói đến khi ông nói về việc được "đưa lên tầng trời thứ ba", và nghe ở đó những điều con người không được phép thốt ra. Khi thính giác và thị giác trên các cấp độ ấy đều tạo ra kinh nghiệm được ghi nhận, bấy giờ chúng ta có nhà huyền bí học cộng với nhà thần bí.

1. The soul, macrocosmic and microcosmic, universal and human, is that entity which is brought into being when the spirit aspect and the matter aspect are related to each other. [35]

1. Linh hồn, đại thiên địa và tiểu thiên địa, vũ trụ và nhân loại, là thực thể được đưa vào hiện hữu khi phương diện tinh thần và phương diện vật chất liên hệ với nhau. [35]

a. The soul therefore is neither spirit nor matter but is the relation between them.

a. Do đó linh hồn không phải là tinh thần cũng không phải là vật chất, mà là mối liên hệ giữa hai điều ấy.

b. The soul is the mediator between this duality; it is the middle principle, the link between God and His form.

b. Linh hồn là trung gian giữa nhị nguyên này; nó là nguyên khí trung gian, mối liên kết giữa Thượng đế và hình tướng của Ngài.

c. Therefore the soul is another name for the Christ principle, whether in nature or in man.

c. Vì vậy linh hồn là một tên gọi khác của nguyên khí Đức Christ, dù trong thiên nhiên hay trong con người.

2. The soul is the attractive force of the created universe and (when functioning) holds all forms together so that the life of God may manifest or express itself through them.

2. Linh hồn là mãnh lực hấp dẫn của vũ trụ được tạo dựng, và khi hoạt động, nó giữ mọi hình tướng lại với nhau để sự sống của Thượng đế có thể biểu lộ hay tự biểu đạt qua chúng.

a. Therefore the soul is the form-building aspect, and is that attractive factor in every form in the universe, in the planet, in the kingdoms of nature and in man (who sums up in himself all the aspects) which brings the form into being, which enables it to develop and grow so as to house more adequately the indwelling life, and which drives all God's creatures forward along the path of evolution, through one kingdom

a. Do đó linh hồn là phương diện kiến tạo hình tướng, và là yếu tố hấp dẫn trong mọi hình tướng trong vũ trụ, trong hành tinh, trong các giới của thiên nhiên và trong con người, người tổng hợp trong chính mình mọi phương diện; yếu tố ấy đưa hình tướng vào hiện hữu, giúp nó phát triển và tăng trưởng để chứa đựng một cách thích hợp hơn sự sống nội tại, và thúc đẩy mọi tạo vật của Thượng đế tiến tới trên con đường tiến hoá, qua giới này đến giới khác, hướng đến

after another, towards an eventual goal and a glorious consummation.

một mục tiêu tối hậu và một sự viên mãn huy hoàng.

b. The soul is the force of evolution itself and this was in the mind of St. Paul when he spoke of the "Christ in you, the hope of glory."

b. Linh hồn là chính mãnh lực của tiến hoá, và điều này đã ở trong trí của Thánh Phao-lô khi ông nói về "Đức Christ trong các bạn, niềm hy vọng vinh quang".

3. This soul manifests differently in the various kingdoms of nature, but its function is ever the same, whether we are dealing with an atom of substance and its power to preserve its identity and form, and carry forward its activity along its own lines, or whether we deal with a form in one of the three kingdoms of nature, held coherently together, demonstrating characteristics, pursuing its own instinctual life and working as a whole towards something higher and better. [36]

3. Linh hồn biểu lộ khác nhau trong các giới khác nhau của thiên nhiên, nhưng chức năng của nó bao giờ cũng giống nhau, dù chúng ta đang đề cập đến một nguyên tử chất liệu và quyền năng của nó trong việc duy trì bản sắc và hình tướng của nó, và tiếp tục hoạt động theo đường lối riêng của nó, hay chúng ta đang đề cập đến một hình tướng trong một trong ba giới của thiên nhiên, được giữ lại với nhau một cách cố kết, biểu lộ các đặc tính, theo đuổi đời sống bản năng riêng của nó và hoạt động như một toàn thể hướng đến điều gì cao hơn và tốt đẹp hơn. [36]

a. Therefore the soul is that which gives distinctive characteristics and differing form manifestations.

a. Do đó linh hồn là điều ban cho các đặc tính phân biệt và những biểu lộ hình tướng khác nhau.

b. The soul plays upon matter, forcing it to assume certain shapes, to respond to certain vibrations and to build those specified phenomenal forms which we recognise in the world of the physical plane as mineral, vegetable, animal and human, —and for the initiate certain other forms as well.

b. Linh hồn tác động lên vật chất, buộc nó phải khoác lấy những hình dạng nhất định, đáp ứng với những rung động nhất định và xây dựng những hình tướng hiện tượng được xác định mà chúng ta nhận biết trong thế giới của cõi hồng trần như khoáng vật, thực vật, động vật và nhân loại, và đối với điểm đạo đồ còn có những hình tướng khác nữa.

4. The qualities, vibrations, colours, and characteristics in all the kingdoms of nature are soul qualities, as are the latent powers in any form seeking expression, and demonstrating potentiality. In their sum total at the close of the evolutionary period, they will reveal what is the nature of the

4. Các phẩm tính, rung động, màu sắc và đặc tính trong mọi giới của thiên nhiên đều là các phẩm tính linh hồn, cũng như các quyền năng tiềm ẩn trong bất cứ hình tướng nào đang tìm cách biểu đạt và biểu lộ tiềm năng. Trong tổng thể của chúng vào cuối thời kỳ tiến hoá, chúng sẽ mặc khải bản chất của sự

divine life and of the world soul, —that oversoul which is revealing the character of God.

sống thiêng liêng và của linh hồn thế giới, tức đại hồn đang mặc khải tính cách của Thượng đế.

a. Therefore the soul, through these qualities and characteristics, manifests as conscious response to matter, for the qualities are brought into being through the interplay of the pairs of opposites, spirit and matter, and their effect upon each other. This is the basis of consciousness.

a. Do đó linh hồn, qua các phẩm tính và đặc tính này, biểu lộ như sự đáp ứng có ý thức đối với vật chất; vì các phẩm tính được đưa vào hiện hữu qua sự tương tác của các cặp đối lập, tinh thần và vật chất, và ảnh hưởng của chúng lên nhau. Đây là nền tảng của tâm thức.

b. The soul is the conscious factor in all forms, the source of that awareness which all forms register and of that responsiveness to surrounding group conditions which the forms in every kingdom of nature demonstrate.

b. Linh hồn là yếu tố có ý thức trong mọi hình tướng, nguồn gốc của sự tỉnh thức mà mọi hình tướng ghi nhận, và của tính đáp ứng đối với các điều kiện nhóm chung quanh mà các hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên biểu lộ.

c. Therefore the soul might be defined as that significant aspect in every form (made through this union of spirit and matter) which feels, registers awareness, attracts and repels, responds or denies response and keeps all forms in a constant condition of vibratory activity.

c. Do đó linh hồn có thể được định nghĩa là phương diện đầy thâm nghĩa trong mọi hình tướng, được tạo ra qua sự hợp nhất này của tinh thần và vật chất, vốn cảm nhận, ghi nhận sự tỉnh thức, hấp dẫn và đẩy lùi, đáp ứng hoặc từ chối đáp ứng, và giữ mọi hình tướng trong một trạng thái hoạt động rung động thường hằng.

d. The soul is the perceiving entity produced through the union of Father-Spirit and Mother-Matter. It is that which in the vegetable world, for instance, produces [37] response to the sun's rays, and the unfolding of the bud; it is that in the animal kingdom which enables it to love its master, hunt its prey, and follow out its instinctual life; it is that in man which makes him aware of his environment and his group, which enables him to live his life in the three worlds of his normal evolution as the onlooker, the perceiver, the actor. This it is which enables him eventually to discover that this soul in him is dual and that part of him responds to the animal soul and part of him recognises

d. Linh hồn là thực thể tri nhận được tạo ra qua sự hợp nhất của Cha-Tinh thần và Mẹ-Vật chất. Đó là điều, chẳng hạn trong giới thực vật, tạo ra [37] sự đáp ứng với các tia mặt trời và sự khai mở của nụ hoa; đó là điều trong giới động vật giúp nó yêu thương chủ, săn đuổi con mồi và theo đuổi đời sống bản năng của nó; đó là điều trong con người khiến y nhận biết môi trường và nhóm của mình, giúp y sống đời mình trong ba cõi thấp của sự tiến hoá bình thường như người quan sát, người tri nhận, người hành động. Chính điều này cuối cùng giúp y khám phá rằng linh hồn này trong y là nhị phân, và một phần của y đáp ứng với linh hồn động vật, còn một phần của y nhận ra linh hồn

his divine soul. The majority however, at this time will be found to be functioning fully as neither purely animal nor purely divine, but can be regarded as human souls.

thiêng liêng của mình. Tuy nhiên, đa số vào lúc này sẽ được thấy là không hoạt động trọn vẹn như thuần tuý động vật cũng không thuần tuý thiêng liêng, mà có thể được xem là các linh hồn nhân loại.

5. The soul of the universe is—for the sake of clarity—capable of differentiation or rather (owing to the limitations of the form through which that soul has to function) capable of recognition at differing rates of vibration and stages of development. The soul nature in the universe therefore manifests in certain great states of awareness with many intermediate conditions, of which the major can be enumerated as follows:

5. Linh hồn của vũ trụ, vì mục đích làm sáng tỏ, có khả năng biến phân, hay đúng hơn, do các giới hạn của hình tướng mà qua đó linh hồn ấy phải hoạt động, có khả năng được nhận biết ở những mức rung động và những giai đoạn phát triển khác nhau. Vì vậy, bản chất linh hồn trong vũ trụ biểu lộ trong một số trạng thái tỉnh thức lớn lao, với nhiều điều kiện trung gian; các trạng thái chính có thể được liệt kê như sau:

a. *Consciousness*, or that state of awareness in matter itself, due to the fact that Mother-Matter has been fecundated by Father-Spirit and thus life and matter have been brought together. This type of consciousness concerns the atom, molecule and cell of which all forms are constructed. Thus the form of the solar system, of a planet, and of all that is found upon or within a planet is produced.

a. *Tâm thức*, hay trạng thái nhận biết trong chính vật chất, do sự kiện Mẹ-Vật chất đã được Cha-Tinh thần thụ tinh, và nhờ vậy sự sống và vật chất đã được đưa lại với nhau. Loại tâm thức này liên quan đến nguyên tử, phân tử và tế bào, những thành phần từ đó mọi hình tướng được kiến tạo. Như thế hình tướng của hệ mặt trời, của một hành tinh, và của tất cả những gì được tìm thấy trên hay trong một hành tinh được tạo ra.

b. *Intelligent sentient consciousness*, i.e. that evidenced in the mineral and vegetable kingdoms. It is this which is responsible for the quality, shape, and colouring of the vegetable and mineral forms and for their specific natures.

b. *Tâm thức cảm nhận thông minh*, tức là tâm thức được chứng tỏ trong giới kim thạch và giới thực vật. Chính điều này tạo nên phẩm tính, hình dạng và màu sắc của các hình tướng thực vật và khoáng vật, cũng như về bản chất đặc thù của chúng.

c. *Animal consciousness,* the awareness of soul response [38] of all forms in the animal kingdom, producing their distinctions, species and nature.

c. *Tâm thức động vật*, sự nhận biết về đáp ứng linh hồn [38] của mọi hình tướng trong giới động vật, tạo ra các phân biệt, loài và bản chất của chúng.

d. *Human consciousness, or self-consciousness*, towards which the development of the life, form and awareness in the other three

d. *Tâm thức nhân loại, hay ngã thức*, là điều mà sự phát triển của sự sống, hình tướng và sự tỉnh thức trong ba giới kia đã dần dần

kingdoms has gradually tended. This term concerns the individual consciousness of man; and in the early stages is more animal than divine, owing to the dominance of the animal body with its instincts and tendencies. H.P.B. defines man accurately as "an animal plus a God". Later it is more strictly human, neither purely animal nor entirely divine, but fluctuating between the two stages, thus making the human kingdom the great battleground between the pairs of opposites, between the urge or pull of spirit and the lure of matter or mother-nature, and between that called the lower self and the spiritual man.

hướng tới. Thuật ngữ này liên quan đến tâm thức cá nhân của con người; và trong các giai đoạn đầu, nó mang tính động vật hơn là thiêng liêng, do sự thống trị của thể động vật với các bản năng và khuynh hướng của nó. Bà Blavatsky định nghĩa con người một cách chính xác là "một con vật cộng với một Thượng đế". Về sau, nó mang tính nhân loại nghiêm ngặt hơn, không thuần tuý động vật cũng không hoàn toàn thiêng liêng, mà dao động giữa hai giai đoạn; do đó khiến giới nhân loại trở thành bãi chiến trường lớn giữa các cặp đối lập, giữa sự thúc đẩy hay lực kéo của tinh thần và sức quyến rũ của vật chất hay mẹ-thiên nhiên, và giữa điều được gọi là phàm ngã với con người tinh thần.

e. *Group consciousness,* which is the consciousness of the great sum totals, is arrived at by man through the development, first of all, of his individual consciousness, the sum total of the lives of his animal, emotional and mental natures, plus the spark of divinity dwelling within the form which they make. Then comes awareness of his group, as specified for him in that group of disciples, working under some one Master who represents to him the Hierarchy. The Hierarchy might be defined as the sum total of those sons of men who are no longer centered in the individualised self-consciousness, but who have entered into a wider realisation, that of the planetary group life. There are stages in this realisation, mounting all the way from that tiny group recognition of the probationary disciple up to the completed group awareness of the life in Whom all forms have their being, the consciousness of the planetary Logos, that "Spirit before the Throne" Who manifests through the form of a planet, [39] as man manifests through his form in the human kingdom.

e. *Tâm thức nhóm*, vốn là tâm thức của các tổng thể lớn lao, được con người đạt đến qua sự phát triển, trước hết, của tâm thức cá nhân của y, tức tổng thể các sự sống thuộc bản chất động vật, cảm xúc và trí tuệ của y, cộng với tia lửa thiên tính cư ngụ trong hình tướng mà chúng tạo nên. Kế đó đến sự tỉnh thức về nhóm của y, như được xác định cho y trong nhóm đệ tử ấy, hoạt động dưới một Chân sư nào đó, Đấng đại diện cho Thánh đoàn đối với y. Thánh đoàn có thể được định nghĩa là tổng thể của những người con của nhân loại không còn tập trung trong ngã thức đã biệt ngã hóa, mà đã bước vào một sự chứng nghiệm rộng lớn hơn, tức đời sống nhóm hành tinh. Có các giai đoạn trong sự chứng nghiệm này, vươn lên từ sự nhận biết nhóm nhỏ bé của đệ tử dự bị cho đến sự tỉnh thức nhóm hoàn tất của sự sống trong Đấng mà mọi hình tướng có hiện hữu của chúng, tức tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế, "Tinh thần trước Thánh Ngai" ấy, Đấng biểu lộ qua hình tướng của một hành tinh, [39] như con người biểu lộ qua hình tướng của mình trong giới nhân loại.

The soul therefore may be regarded as the unified sentiency and the relative awareness of that which lies back of the form of a planet and of a solar system. These latter are the sum total of all forms, organic or inorganic, as the materialist differentiates them. The soul, though constituting one great total, is, however, limited in its expression by the nature and quality of the form in which it is found and there are consequently forms which are highly responsive to and expressive of the soul, and others which—owing to their density and the quality of the atoms of which they are composed—are incapable of recognising the higher aspects of the soul or of expressing more than its lower vibration, tone or color. The infinitely small is recognised, the infinitely vast is assumed; but it remains as yet a concept until such time as the consciousness of man is inclusive, as well as exclusive. This concept will be understood when the second aspect is contacted and men understand the nature of the soul. It must be also remembered that just as the basic triplicity of manifestation worked out symbolically in man as his quota of energy (physical energy), his nervous system and the body mass, so the soul can also be known as a triplicity, the higher correspondences of the lower.

Vì vậy linh hồn có thể được xem là tính cảm nhận hợp nhất và sự tỉnh thức tương đối của điều nằm sau hình tướng của một hành tinh và của một hệ mặt trời. Những hình tướng vừa nêu là tổng thể của mọi hình tướng, hữu cơ hay vô cơ, như nhà duy vật phân biệt chúng. Tuy linh hồn cấu thành một tổng thể lớn lao, nó vẫn bị giới hạn trong sự biểu đạt bởi bản chất và phẩm tính của hình tướng trong đó nó được tìm thấy; do đó có những hình tướng đáp ứng cao độ với linh hồn và biểu đạt linh hồn, và có những hình tướng khác, do tính đậm đặc của chúng và phẩm tính của các nguyên tử cấu thành chúng, không có khả năng nhận biết các phương diện cao hơn của linh hồn, hay biểu đạt gì nhiều hơn rung động, âm điệu hoặc màu sắc thấp hơn của nó. Cái vô cùng nhỏ được nhận biết; cái vô cùng lớn được giả định; nhưng nó vẫn còn là một khái niệm cho đến khi tâm thức của con người có tính bao gồm cũng như tính loại trừ. Khái niệm này sẽ được thấu hiểu khi phương diện thứ hai được tiếp xúc và con người thấu hiểu bản chất của linh hồn. Cũng phải nhớ rằng, cũng như bộ ba căn bản của sự biểu lộ được thể hiện một cách biểu tượng trong con người như phần năng lượng của y, tức năng lượng hồng trần, hệ thần kinh của y và khối thân thể, thì linh hồn cũng có thể được biết như một bộ ba, những tương ứng cao hơn của phần thấp.

There is first of all what might be called *the spiritual will,* —that quota of the universal will which any one soul can express, and which is adequate for the purpose of enabling the spiritual man to co-operate in the plan and purpose of the great life in which he has his being. There is also the second soul quality which is *spiritual love*, the quality of group consciousness, of inclusiveness, of mediatorship, of attraction and of unification. This is the paramount soul characteristic, for only the soul has [40]

Trước hết có điều có thể được gọi là *ý chí tinh thần*, tức phần của ý chí phổ quát mà bất cứ linh hồn nào cũng có thể biểu đạt, và phần ấy thích hợp với mục đích giúp con người tinh thần hợp tác trong Thiên Cơ và Thiên Ý của sự sống vĩ đại trong đó y có hiện hữu của mình. Cũng có phẩm tính linh hồn thứ hai là *bác ái tinh thần*, phẩm tính của tâm thức nhóm, của tính bao gồm, của vai trò trung gian, của sự hấp dẫn và của sự hợp nhất. Đây là đặc tính tối thượng của linh hồn, vì chỉ linh hồn mới có [40] nó như yếu tố năng

it as the dynamic factor. The spirit, or monad is primarily the expression of will with love and intelligence as secondary principles, and the body nature, the personality, is paramountly distinguished by intelligence, but the soul has outstandingly the quality of love which demonstrates as wisdom also when the intelligence of the body nature is fused with the love of the soul. The following tabulation may make the thought clearer.

động. Tinh thần, hay chân thần, chủ yếu là sự biểu đạt của ý chí với bác ái và trí tuệ như các nguyên khí thứ yếu; còn bản chất thân thể, tức phàm ngã, được phân biệt nổi bật bởi trí tuệ; nhưng linh hồn có phẩm tính nổi bật là bác ái, phẩm tính ấy cũng biểu lộ như minh triết khi trí tuệ của bản chất thân thể được dung hợp với bác ái của linh hồn. Bảng sau đây có thể làm tư tưởng này rõ hơn.

Monad.....Will.....Purpose	*Chân thần.....Ý chí.....Mục đích*
Phương diện thứ nhất	Ý chí, cho phép Chân thần tham gia vào mục đích vũ trụ.
1st Aspect	*Will, enabling the Monad to participate in the universal purpose.*
Phương diện thứ hai	Bác ái, năng lượng tuôn đổ vào linh hồn, làm cho linh hồn là chính nó.
2nd Aspect	*Love, the energy which is poured forth into the soul, making it what it is.*
Phương diện thứ ba	Trí thông tuệ, được truyền qua linh hồn và đưa vào biểu hiện thông qua thân thể.
3rd Aspect	*Intelligence, transmitted via the soul and brought into manifestation through the medium of the body.*
Soul.....Love.....the Method	*Linh hồn.....Bác ái.....Phương pháp*
Phương diện thứ nhất	Ý chí, được giữ trong trạng thái tiềm tàng nhưng tự biểu lộ qua phương diện trí tuệ của phàm ngã

và qua Kundalini; khi được khơi dậy đúng cách, Kundalini khiến các cuộc điểm đạo cuối cùng vào tâm thức Chân thần trở nên khả hữu.

1st Aspect

Will, held in abeyance but expressing itself through the mind aspect of the personality and through Kundalini, which when aroused correctly makes possible the final initiations into the consciousness of the Monad.

Phương diện thứ hai

Bác ái, mãnh lực chi phối sự sống linh hồn; thông qua phẩm tính mà mình sở hữu và loại năng lượng này, linh hồn có thể giao cảm với mọi linh hồn. Qua thể cảm xúc, linh hồn có thể tiếp xúc với mọi linh hồn động vật hay dưới nhân loại; qua công việc trên cõi riêng của mình, linh hồn có thể tiếp xúc với các linh hồn đang tham thiền của mọi người; và qua nguyên khí Bồ đề, với phương diện thứ hai của Chân thần.

2nd Aspect

Love, the dominating force of the soul life; through this possession and this type of energy, the soul can be en rapport with all souls. Through the emotional body, the soul can be in touch with all animal or subhuman souls, through its work on its own plane, with the meditating souls of all men; and through the principle of buddhi, with the second aspect of the Monad.

Phương diện thứ ba

Tri thức. Phương diện này được đưa vào tiếp xúc với trí thông tuệ của mọi tế bào trong bộ máy thân thể tam phân.

3rd Aspect

Knowledge. This aspect is brought into touch with the intelligence of all cells in the threefold body mechanism.

By a close study of the above it becomes apparent in what way the soul acts as the mediator between the soul and the personality.

Qua sự nghiên cứu kỹ lưỡng phần trên, sẽ trở nên rõ ràng bằng cách nào linh hồn hành động như trung gian giữa linh hồn và phàm ngã.

The personality hides within itself, as a casket hides [41] the jewel, that point of soul light which we call the light in the head. This is found within the brain, and is only discovered and later used when the highest aspect of the personality, the mind, is developed and functioning. Then the union with the soul is made and the soul functions through the lower personal nature.

Phàm ngã ẩn chứa trong chính nó, như một tráp ẩn chứa [41] viên ngọc, điểm ánh sáng linh hồn mà chúng ta gọi là ánh sáng trong đầu. Điểm này được tìm thấy trong bộ não, và chỉ được khám phá rồi về sau được sử dụng khi phương diện cao nhất của phàm ngã, tức thể trí, đã được phát triển và hoạt động. Khi ấy sự hợp nhất với linh hồn được thực hiện, và linh hồn hoạt động qua bản chất phàm ngã thấp.

The soul hides within itself, as the "jewel in the lotus," that faculty of dynamic energy which is the manifested attribute of the monad, the will. When the soul has unfolded all its powers and has learnt to include within its consciousness all that is connoted by the "myriad forms that Being takes," then in turn a higher or more inclusive state becomes possible and soul life is superseded by monadic life. This involves an ability to know, to love, and to participate in the plans of a life which has the power to include within its radius of consciousness not only the sum total of the lives and consciousness of the life of the Logos of our planet, but all the lives and consciousnesses within our solar system. The nature of this awareness is only possible of comprehension by the man who has arrived at soul-knowledge. The great need at this time is for experts in the life of the soul and for a group of men and women who, undertaking the great experiment and transition, add their testimony to the truth of the statements of the mystics and occultists of the ages.

Linh hồn ẩn chứa trong chính nó, như "viên ngọc trong hoa sen", năng lực của năng lượng năng động vốn là thuộc tính đã biểu lộ của chân thần, tức ý chí. Khi linh hồn đã khai mở tất cả các quyền năng của nó và đã học cách bao gồm trong tâm thức của mình tất cả những gì được hàm chứa bởi "muôn vàn hình tướng mà Bản Thể khoác lấy", thì đến lượt một trạng thái cao hơn hay bao gồm hơn trở nên khả hữu, và đời sống linh hồn được thay thế bởi đời sống chân thần. Điều này bao hàm khả năng biết, yêu thương và tham dự vào các Thiên Cơ của một sự sống có quyền năng bao gồm trong phạm vi tâm thức của mình không chỉ tổng thể các sự sống và tâm thức thuộc sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, mà còn tất cả các sự sống và các tâm thức trong hệ mặt trời của chúng ta. Bản chất của sự tỉnh thức này chỉ có thể được thấu hiểu bởi người đã đạt đến tri thức linh hồn. Nhu cầu lớn lao vào lúc này là cần có những chuyên gia trong đời sống linh hồn, và một nhóm những người nam và nữ, khi đảm nhận cuộc thử nghiệm và chuyển tiếp lớn lao, thêm chứng ngôn của họ vào chân lý của các phát biểu do các nhà thần bí và các nhà huyền bí học qua các thời đại đưa ra.

c. The Body, the Phenomenal Appearance.

c. Thân thể, Sắc tướng Hiện tượng.

Not much need be written here anent this, for the body nature and the form aspect have been the object of investigation and the subject of thought and discussion of thinking men for many centuries. Much at which they have arrived is basically correct. The modern investigator will admit the Law of Analogy as the basis of his premises and recognise sometimes the Hermetic theory that "As above, so below" may throw much light on the [42] present problems. The following postulates may serve to clarify: —

Không cần viết nhiều ở đây về điều này, vì bản chất thể xác và phương diện hình tướng đã là đối tượng khảo sát và chủ đề suy tư, bàn luận của những người biết tư duy trong nhiều thế kỷ. Phần lớn những gì họ đạt tới về căn bản là đúng. Nhà khảo sát hiện đại sẽ thừa nhận Định luật Tương đồng như nền tảng cho các tiền đề của mình, và đôi khi nhận ra rằng lý thuyết Hermetic "trên sao, dưới vậy" có thể soi nhiều ánh sáng lên [42] các vấn đề hiện tại. Các định đề sau đây có thể giúp làm sáng tỏ:

1. Man, in his body nature, is a sum total, a unity.

1. Con người, trong bản chất thể xác của y, là một tổng thể, một đơn vị hợp nhất.

2. This sum total is subdivided into many parts and organisms.

2. Tổng thể này được phân chia thành nhiều phần và cơ quan.

3. Yet these many subdivisions function in a unified manner and the body is a correlated whole.

3. Tuy vậy, nhiều phân phần này hoạt động theo một cách hợp nhất, và thể xác là một toàn thể tương quan.

4. Each of its parts differs in form and in function but all are inter-dependent.

4. Mỗi phần của nó khác nhau về hình tướng và chức năng, nhưng tất cả đều tùy thuộc lẫn nhau.

5. Each part and each organism is, in its turn, composed of molecules, cells, and atoms and these are held together in the form of the organism by the life of the sum total.

5. Mỗi phần và mỗi cơ quan, đến lượt nó, được cấu thành bởi các phân tử, tế bào và nguyên tử; và sự sống của tổng thể giữ những phần tử này lại với nhau trong hình tướng của cơ quan.

6. The sum total called man is roughly divided into five parts some of greater importance than others, but all completing that living organism we call a human being.

6. Tổng thể được gọi là con người được chia đại lược thành năm phần, một số phần quan trọng hơn các phần khác, nhưng tất cả đều hợp thành cơ thể sống mà chúng ta gọi là một con người.

a. The head.

a. Đầu.

b. The upper torso, or that part which lies above the diaphragm.

b. Thân trên, hay phần nằm phía trên cơ hoành.

c. The lower torso, or that part lying below the diaphragm.

c. Thân dưới, hay phần nằm phía dưới cơ hoành.

d. The arms.

d. Hai tay.

e. The legs.

e. Hai chân.

7. These organisms serve varied purposes and upon their due functioning and proper adjustment the comfort of the whole depends.

7. Các cơ quan này phục vụ những mục đích khác nhau, và sự thoải mái của toàn thể tùy thuộc vào hoạt động đúng đắn và sự điều chỉnh thích hợp của chúng.

8. Each of these has its own life which is the sumtotal of the life of its atomic structure and is also animated by the unified life of the whole, directed from the head by the intelligent will or energy of the spiritual man.

8. Mỗi cơ quan này có sự sống riêng của nó, vốn là tổng thể sự sống của cấu trúc nguyên tử của nó, và sự sống hợp nhất của toàn thể cũng làm nó linh hoạt, dưới sự định hướng từ đầu của ý chí hay năng lượng thông minh của con người tinh thần.

9. The important part of the body is that triple division, the head, upper and lower torso. A man can function and live without his arms and legs.

9. Phần quan trọng của thể xác là sự phân chia tam phân: đầu, thân trên và thân dưới. Một người có thể hoạt động và sống mà không có tay và chân.

10. Each of these three parts is also triple from the [43] physical side, making the analogy to the three parts of man's nature and the nine of perfected monadic life. There are other organs, but those enumerated are those which have an esoteric significance of greater value than the other parts.

10. Mỗi trong ba phần này cũng là tam phân xét từ phía [43] hồng trần, tạo nên sự tương đồng với ba phần trong bản chất của con người và chín phần của đời sống chân thần đã hoàn thiện. Có những cơ quan khác, nhưng những cơ quan được liệt kê là những cơ quan có thâm nghĩa huyền bí có giá trị lớn hơn các phần khác.

a. Within the head are:

a. Trong đầu có:

1. The five ventricles of the brain, or what we might call the brain as a unified organism.

1. Năm não thất, hay điều chúng ta có thể gọi là bộ não như một cơ quan hợp nhất.

2. The three glands, carotid, pineal and pituitary.

2. Ba tuyến: cảnh, tùng quả và yên.

3. The two eyes.

3. Hai mắt.

b. within the upper body are:

b. Trong thân trên có:

1. The throat.

1. Cổ họng.

2. The lungs.

2. Phổi.

3. The heart.

3. Tim.

c. Within the lower body are:

c. Trong thân dưới có:

1. The spleen.

1. Lá lách.

2. The stomach.

2. Dạ dày.

3. The sex organs.

3. Các cơ quan sinh dục.

11. The sum total of the body is also triple:

11. Tổng thể của thể xác cũng là tam phân:

a. The skin and bony structure.

a. Da và cấu trúc xương.

b. The vascular or blood system.

b. Hệ mạch hay hệ máu.

c. The three-fold nervous system.

c. Hệ thần kinh tam phân.

12. Each of these triplicities corresponds to the three parts of man's nature:

12. Mỗi bộ ba này tương ứng với ba phần trong bản chất của con người:

a. Physical nature: —The skin and bony structure are the analogy to the dense and etheric body of man.

a. Bản chất hồng trần: —Da và cấu trúc xương là sự tương đồng với thể xác đậm đặc và thể dĩ thái của con người.

b. Soul nature: —The blood vessels and circulatory system are the analogy to that all pervading soul which penetrates to all parts

b. Bản chất linh hồn: —Các mạch máu và hệ tuần hoàn là sự tương đồng với linh hồn thấm nhuần tất cả ấy, vốn thâm nhập vào

of the solar system, as the blood goes to all parts of the body.

mọi phần của hệ mặt trời, như máu đi đến mọi phần của thân thể.

c. Spirit nature: —The nervous system, as it energises and acts throughout the physical man is the correspondence to the energy of spirit.

c. Bản chất tinh thần: —Hệ thần kinh, khi nó truyền năng lượng và tác động khắp con người hồng trần, là sự tương ứng với năng lượng của tinh thần.

13. In the head we have the analogy to the spirit aspect, the directing will, the monad, the one: [44]

13. Trong đầu, chúng ta có sự tương đồng với phương diện tinh thần, ý chí chỉ đạo, chân thần, Đấng Duy Nhất: [44]

a. The brain with its five ventricles is the analogy to the physical form which the spirit animates in connection with man, that fivefold sum total which is the medium through which the spirit on the physical plane has to express itself.

a. Bộ não với năm não thất của nó là sự tương đồng với hình tướng hồng trần mà tinh thần làm linh hoạt trong liên hệ với con người, tổng thể ngũ phân ấy là trung gian qua đó tinh thần trên cõi hồng trần phải tự biểu đạt.

b. The three glands in the head are closely related to the soul or psychic nature (higher and lower).

b. Ba tuyến trong đầu liên hệ mật thiết với linh hồn hay bản chất thông linh, cao và thấp.

c. The two eyes are the physical plane correspondences to the monad, who is will and love-wisdom, or atma-buddhi, according to the occult terminology.

c. Hai mắt là các tương ứng trên cõi hồng trần với chân thần, vốn là ý chí và bác ái-minh triết, hay atma-bồ đề, theo thuật ngữ huyền bí học.

14. In the upper body we have an analogy to the triple soul nature.

14. Trong thân trên, chúng ta có một sự tương đồng với bản chất linh hồn tam phân.

a. The throat, corresponding to the third creative aspect or the body nature, the active intelligence of the soul.

a. Cổ họng, tương ứng với phương diện sáng tạo thứ ba hay bản chất thể xác, trí tuệ hoạt động của linh hồn.

b. The heart, the love wisdom of the soul, the buddhi or Christ principle.

b. Tim, bác ái-minh triết của linh hồn, bồ đề hay nguyên khí Đức Christ.

c. The lungs, the analogy for the breath of life, is the correspondence of spirit.

c. Phổi, sự tương đồng với hơi thở của sự sống, là sự tương ứng của tinh thần.

15. In the lower torso again we have this triple system carried out:

a. The sex organs, the creative aspect, the fashioner of the body.

b. The stomach, as the physical manifestation of the solar plexus is the analogy to the soul nature.

c. The spleen, the receiver of energy and therefore the physical plane expression of the centre which receives this energy is the analogy to the energising spirit.

The vital body is the expression of the soul energy and has the following function:

1. It unifies and links into one whole the sum total of all forms. [45]

2. It gives to every form its particular quality, and this is due to:

a. The type of matter drawn into that particular part of the web of life.

b. The position in the body of the planetary Logos, for instance, of any specific form.

c. The particular kingdom in nature which is being vitalised.

3. It is the principle of integration and the cohesive force of manifestation, from the strictly physical sense.

4. This web of life is the subjective analogy to the nervous system, and beginners in the

15. Trong thân dưới, chúng ta lại có hệ thống tam phân này được thể hiện:

a. Các cơ quan sinh dục, phương diện sáng tạo, kẻ tạo dáng thể xác.

b. Dạ dày, như sự biểu lộ hồng trần của tùng thái dương, là sự tương đồng với bản chất linh hồn.

c. Lá lách, cơ quan tiếp nhận năng lượng, và do đó là sự biểu đạt trên cõi hồng trần của trung tâm tiếp nhận năng lượng này, là sự tương đồng với tinh thần truyền năng lượng.

Thể sinh lực là sự biểu đạt của năng lượng linh hồn và có chức năng sau đây:

1. Nó hợp nhất và liên kết tổng thể mọi hình tướng thành một toàn thể. [45]

2. Nó ban cho mọi hình tướng phẩm tính riêng của nó, và điều này là do:

a. Loại vật chất được hút vào phần đặc thù ấy của mạng lưới sự sống.

b. Vị trí trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, chẳng hạn, của bất cứ hình tướng đặc thù nào.

c. Giới đặc thù trong thiên nhiên đang được tiếp sinh lực.

3. Nó là nguyên khí của sự tích hợp và mãnh lực cố kết của sự biểu lộ, xét theo nghĩa hồng trần nghiêm ngặt.

4. Mạng lưới sự sống này là sự tương đồng chủ quan với hệ thần kinh; và những người

esoteric sciences can, if they remember this, picture to themselves a network of nerves and plexus running throughout the entire body, or the sum total of all forms, coordinating and linking, and producing an essential unity.

mới bắt đầu trong các khoa học huyền bí, nếu họ nhớ điều này, có thể hình dung cho chính mình một mạng lưới các dây thần kinh và các đám rối chạy khắp toàn bộ thể xác, hay tổng thể của mọi hình tướng, phối hợp và liên kết, đồng thời tạo ra một sự hợp nhất thiết yếu.

5. Within that unity is diversity. Just as the varied organs of the human body are inter-related by the ramification of the nervous system, so within the body of the planetary Logos are the various kingdoms in nature and the multiplicity of forms. Back of the objective universe is the subtler sensitive body—one organism, not many, one sentient, responsive, connected form.

5. Trong sự hợp nhất ấy có sự đa dạng. Cũng như các cơ quan khác nhau của thân thể con người liên hệ với nhau qua sự phân nhánh của hệ thần kinh, thì trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế cũng có các giới khác nhau trong thiên nhiên và vô số hình tướng. Phía sau vũ trụ khách quan là thể nhạy cảm vi tế hơn, một cơ thể duy nhất chứ không phải nhiều cơ thể, một hình tướng cảm nhận, đáp ứng và liên kết.

6. This sensitive form is not only that which responds to the environment but is the transmitter (from inner sources) of certain types of energy, and the object of the Treatise might here be stated to be that of considering the various types of energy transmitted to the form in the human kingdom, the responsiveness of the form to the types of force, the effects of that force upon man, and his gradual responsiveness to force emanating: [46]

6. Hình tướng nhạy cảm này không chỉ là điều đáp ứng với môi trường, mà còn là tác nhân truyền dẫn, từ các nguồn bên trong, một số loại năng lượng nhất định; và mục tiêu của Khảo luận này ở đây có thể được nêu là xem xét các loại năng lượng khác nhau được truyền đến hình tướng trong giới nhân loại, tính đáp ứng của hình tướng đối với các loại mãnh lực, các hiệu quả của mãnh lực ấy lên con người, và tính đáp ứng dần dần của y đối với mãnh lực xuất lộ: [46]

a. From his environment, plus his own outer physical body.

a. Từ môi trường của y, cộng với thể xác bên ngoài của chính y.

b. From the emotional plane, or astral force.

b. Từ cõi cảm xúc, hay mãnh lực cảm dục.

c. The mental plane or thought currents.

c. Cõi trí hay các dòng tư tưởng.

d. Egoic force, a force only registered by man and of which the fourth kingdom in nature is the custodian and which has mysterious and peculiar effects.

d. Mãnh lực chân ngã, một mãnh lực chỉ được con người ghi nhận, và giới thứ tư trong thiên nhiên là người gìn giữ nó, đồng thời nó có những hiệu quả huyền bí và đặc thù.

e. The type of energy which produces the concretion of ideas on the physical plane.

e. Loại năng lượng tạo ra sự cụ thể hóa các ý tưởng trên cõi hồng trần.

f. Strictly spiritual energy, or force from the plane of the monad.

f. Năng lượng tinh thần nghiêm ngặt, hay mãnh lực từ cõi của chân thần.

The different types of force can all be registered in the human kingdom. Some of them can be registered in the subhuman kingdoms, and the apparatus of the vital body in man is so constructed that through its three objective manifestations, the triple nervous system, through the seven major plexi, the lesser nerve ganglia, and the many thousands of nerves, the entire objective man can be responsive to:

Các loại mãnh lực khác nhau đều có thể được ghi nhận trong giới nhân loại. Một số trong chúng có thể được ghi nhận trong các giới dưới nhân loại; và bộ máy của thể sinh lực nơi con người được cấu tạo sao cho, qua ba biểu lộ khách quan của nó, tức hệ thần kinh tam phân, qua bảy đám rối chính, các hạch thần kinh nhỏ hơn và nhiều ngàn dây thần kinh, toàn thể con người khách quan có thể đáp ứng với:

a. The above mentioned types of force.

a. Các loại mãnh lực đã nêu trên.

b. Energies generated in and emanating from any part of the planetary etheric web of life.

b. Các năng lượng được sinh ra trong và xuất lộ từ bất cứ phần nào của mạng lưới sự sống dĩ thái hành tinh.

c. The solar web of life.

c. Mạng lưới sự sống thái dương.

d. The constellations of the Zodiac which appear to have a real effect upon our planet and of which astrology is as yet the immature study.

d. Các chòm sao Hoàng đạo, vốn dường như có một ảnh hưởng thực sự lên hành tinh của chúng ta, và chiêm tinh học cho đến nay vẫn là sự nghiên cứu còn non trẻ về điều ấy.

e. Certain cosmic forces which, it will be recognised later, play upon and produce changes in our solar system and consequently upon our planet and upon all forms upon and within that planetary life. This has been touched upon in the *Treatise on Cosmic Fire.*

e. Một số mãnh lực vũ trụ nhất định, về sau sẽ được nhận ra là tác động lên và tạo ra những thay đổi trong hệ mặt trời của chúng ta, và do đó trên hành tinh của chúng ta, cũng như trên mọi hình tướng trên và trong sự sống hành tinh ấy. Điều này đã được đề cập trong *Luận về Lửa Vũ Trụ.*

To all of these the planetary web of life is responsive, and, when astrologers work in the occult way and consider [47] the planetary horoscope, they will arrive more

Mạng lưới sự sống hành tinh đáp ứng với tất cả những điều này; và khi các nhà chiêm tinh hoạt động theo cách huyền bí và xem xét [47] lá số chiêm tinh hành tinh, họ sẽ

quickly at an understanding of the zodiacal and cosmic influences.

nhanh chóng đạt đến sự thấu hiểu hơn về các ảnh hưởng hoàng đạo và vũ trụ.

The anima mundi is that which lies back of the web of life. The latter is but the physical symbol of that universal soul; it is the outer and visible sign of the inner reality, the concretion of the sensitive responsive entity which links spirit and matter together. This entity we call the Universal Soul, the middle principle from the standpoint of the planetary life. When we narrow the concept down to the human family, and consider the individual man, we call it the mediating principle, for the soul of mankind is not only an entity linking spirit and matter, and mediating between monad and personality, but the soul of humanity has a unique function to perform in mediating between the higher three kingdoms in nature and the lower three. The higher three are:

Linh hồn thế giới là điều nằm phía sau mạng lưới sự sống. Mạng lưới này chỉ là biểu tượng hồng trần của linh hồn phổ quát ấy; nó là dấu hiệu bên ngoài và hữu hình của thực tại bên trong, sự cụ thể hóa của thực thể nhạy cảm và đáp ứng, vốn liên kết tinh thần và vật chất với nhau. Thực thể này chúng ta gọi là Linh hồn Phổ quát, nguyên khí trung gian xét từ lập trường của sự sống hành tinh. Khi chúng ta thu hẹp khái niệm xuống gia đình nhân loại và xem xét con người cá nhân, chúng ta gọi nó là nguyên khí trung gian; vì linh hồn của nhân loại không chỉ là một thực thể liên kết tinh thần và vật chất, và làm trung gian giữa chân thần và phàm ngã, mà linh hồn của nhân loại còn có một chức năng độc nhất phải thực hiện trong việc làm trung gian giữa ba giới cao hơn trong thiên nhiên và ba giới thấp hơn. Ba giới cao hơn là:

1. The Spiritual Hierarchy of our planet, nature spirits or angels and human spirits, who stand at a peculiar point on the ladder of evolution. Of these Sanat Kumara, embodying a principle of the planetary Logos is the highest, and an initiate of the first degree is the lowest, with corresponding entities in what we call the angel or deva kingdom.

1. Huyền Giai Tinh Thần của hành tinh chúng ta, các tinh linh tự nhiên hay thiên thần và các tinh thần nhân loại, những vị đứng ở một điểm đặc biệt trên nấc thang tiến hoá. Trong số này, Đức Sanat Kumara, hiện thân cho một nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế, là Đấng cao nhất; và một điểm đạo đồ bậc nhất là vị thấp nhất, cùng với các thực thể tương ứng trong điều chúng ta gọi là giới thiên thần hay giới deva.

2. The Hierarchy of Rays—certain groupings of the seven rays in relation to our planet.

2. Huyền Giai các Cung, tức những tập hợp nhất định của bảy cung trong liên hệ với hành tinh của chúng ta.

3. A Hierarchy of Lives, gathered by an evolutionary process out of our planetary evolution and from four other planets, who embody in themselves the purpose and plan of the solar Logos in relation to the five planets involved.

3. Một Huyền Giai các Sự Sống, được tập hợp bởi một tiến trình tiến hoá từ cuộc tiến hoá hành tinh của chúng ta và từ bốn hành tinh khác, những Đấng hiện thân trong chính Các Ngài mục đích và Thiên Cơ của Thái dương

Thượng đế trong liên hệ với năm hành tinh liên hệ.

In narrowing the concept down to the microcosm, the ego or soul acts verily as the middle principle connecting [48] the Hierarchy of Monads with outer diversified forms which they use sequentially in the process of:

Khi thu hẹp khái niệm xuống tiểu thiên địa, chân ngã hay linh hồn quả thật hành động như nguyên khí trung gian nối kết [48] Huyền Giai các Chân thần với những hình tướng bên ngoài đa dạng mà các Ngài sử dụng tuần tự trong tiến trình:

a. Gaining certain experiences, resulting in acquired attributes.

a. Thu nhận một số kinh nghiệm nhất định, đưa đến các thuộc tính đạt được.

b. Working out certain effects, initiated in an earlier system.

b. Thực hiện một số hiệu quả nhất định, đã được khởi phát trong một thái dương hệ trước.

c. Cooperating in the plan of the solar Logos in relation to His (if one may use a pronoun in speaking of a life which is an existence and yet is an extended concept) Karma—a point oft overlooked. This Karma of His must be worked out through the method of incarnation and the subsequent result of the incarnated energy upon the substance of the form. This is symbolised for us, if we could but grasp it, in the relation of the sun to the moon. "The Solar Lord with his warmth and light galvanises the moribund Lunar Lords into a spurious life. This is the great deception; and the Maya of His Presence."—So runs the Old Commentary oft quoted by me in earlier books. The above concept has in it truth for the individual soul likewise.

c. Hợp tác trong Thiên Cơ của Thái dương Thượng đế liên quan đến Nghiệp quả của Ngài, nếu có thể dùng một đại từ khi nói về một sự sống vừa là một hiện hữu, vừa là một khái niệm mở rộng, một điểm thường bị bỏ qua. Nghiệp quả này của Ngài phải được thực hiện qua phương pháp lâm phàm và kết quả tiếp theo của năng lượng đã lâm phàm trên chất liệu của hình tướng. Điều này được biểu tượng hóa cho chúng ta, nếu chúng ta có thể nắm bắt, trong mối liên hệ giữa mặt trời và mặt trăng. "Chúa Tể Thái dương, bằng hơi ấm và ánh sáng của mình, kích động các Nguyệt tinh quân đang hấp hối vào một sự sống giả tạo. Đây là sự lừa dối lớn; và là Ảo lực của Sự Hiện Diện của Ngài." Cổ Luận, mà tôi thường trích dẫn trong các sách trước đây, nói như thế. Khái niệm trên cũng chứa đựng chân lý đối với linh hồn cá nhân.

This middle principle is in process of revelation now. The lower aspect is functioning. The higher remains unknown, but that which links them (and at the same time reveals the nature of the higher) is on the verge of discovery. The structure, the mechanism, is now ready and developed to

Nguyên khí trung gian này hiện đang trong tiến trình mặc khải. Phương diện thấp đang hoạt động. Phương diện cao vẫn chưa được biết đến, nhưng điều liên kết chúng, đồng thời mặc khải bản chất của phương diện cao, đang ở ngưỡng được khám phá. Cấu trúc, bộ máy, nay đã sẵn sàng và phát triển đến điểm

its point of usefulness; the vital life that can guide and motivate the machine is likewise present, and man now can intelligently use and control, not only the machine, but the active principle.

hữu dụng của nó; sự sống sinh lực có thể hướng dẫn và thúc đẩy cỗ máy cũng hiện diện, và nay con người có thể sử dụng và kiểm soát một cách thông minh không chỉ cỗ máy, mà cả nguyên khí hoạt động.

The great symbol of the soul in man is his vital or etheric body and for the following reasons:

Biểu tượng lớn lao của linh hồn trong con người là thể sinh lực hay thể dĩ thái của y, vì các lý do sau:

1. It is the physical correspondence to the inner light body we call the soul body, the spiritual body. It [49] is called the "golden bowl" in the Bible and is distinguished by:

1. Nó là sự tương ứng hồng trần với thể ánh sáng bên trong mà chúng ta gọi là thể linh hồn, thể tinh thần. Nó [49] được gọi là "chén vàng" trong Kinh Thánh và được phân biệt bởi:

a. Its light quality.

a. Phẩm tính ánh sáng của nó.

b. Its rate of vibration, which synchronises always with the development of the soul.

b. Tốc độ rung động của nó, vốn luôn đồng bộ với sự phát triển của linh hồn.

c. Its coherent force, linking and connecting every part of the body structure.

c. Mãnh lực cố kết của nó, liên kết và nối kết mọi phần của cấu trúc thân thể.

2. It is the microcosmic "web of life" for it underlies every part of the physical structure and has three purposes:

2. Nó là "mạng lưới sự sống" tiểu thiên địa, vì nó nằm bên dưới mọi phần của cấu trúc hồng trần và có ba mục đích:

a. To carry throughout the body the life principle, the energy which produces activity. This it does through the medium of the blood, and the focal point for this distribution is the heart. It is the conveyor of physical vitality.

a. Mang nguyên khí sự sống, năng lượng tạo ra hoạt động, đi khắp thân thể. Điều này được thực hiện qua trung gian của máu, và tiêu điểm cho sự phân phối này là trái tim. Nó là phương tiện chuyên chở sinh lực hồng trần.

b. To enable the soul, or human yet spiritual man to be en rapport with his environment. This is carried forward through the medium of the entire nervous system and the focal point of that activity is the brain. This is the seat of conscious receptivity.

b. Giúp linh hồn, hay con người thuộc nhân loại nhưng mang bản chất tinh thần, liên hệ mật thiết với môi trường của mình. Điều này được tiến hành qua trung gian của toàn bộ hệ thần kinh, và tiêu điểm của hoạt động ấy là bộ não. Đây là nơi trú ngụ của khả năng tiếp nhận hữu thức.

c. To produce eventually, through life and consciousness, a radiant activity, or manifestation of glory which will make of each human being a centre of activity for the distribution of light and attractive energy to others in the human kingdom, and through the human kingdom, to the subhuman kingdoms. This is a part of the plan of the planetary Logos for the vitalising and renewing of the vibration of those forms which we designate subhuman.

c. Sau cùng, nhờ sự sống và tâm thức, tạo ra một hoạt động rạng rỡ, hay một sự biểu hiện vinh quang, khiến mỗi con người trở thành một trung tâm hoạt động để phân phối ánh sáng và năng lượng hấp dẫn cho những người khác trong giới nhân loại, và qua giới nhân loại, cho các giới dưới nhân loại. Đây là một phần trong Thiên Cơ của Hành Tinh Thượng Đế nhằm tiếp sinh lực và đổi mới rung động của những hình tướng mà chúng ta gọi là dưới nhân loại.

3. This microcosmic symbol of the soul not only underlies the entire physical structure and thus is a symbol of the anima mundi, or the world soul, but is indivisible, coherent and a unified entity, thereby symbolising the unity and homogeneity [50] of God. There are no separated organisms in it, but it is simply a body of freely flowing force, that force being a blend or unification of two types of energy in varying quantities, dynamic energy, and attractive or magnetic energy. These two types characterise the universal soul likewise—the force of will, and of love, or of atma and buddhi, and it is the play of these two forces on matter that attracts to the etheric body of all forms the needed physical atoms and that—having so attracted them—by the will force drives them into certain activities.

3. Biểu tượng tiểu thiên địa này của linh hồn không chỉ nằm bên dưới toàn bộ cấu trúc hồng trần và do đó là biểu tượng của linh hồn thế giới, mà còn bất khả phân, cố kết và là một thực thể hợp nhất, qua đó tượng trưng cho sự hợp nhất và tính đồng nhất [50] của Thượng đế. Trong đó không có những cơ quan tách biệt, mà chỉ đơn giản là một khối mãnh lực lưu chuyển tự do; mãnh lực ấy là sự pha trộn hay hợp nhất của hai loại năng lượng theo những lượng khác nhau: năng lượng năng động, và năng lượng hấp dẫn hay từ tính. Hai loại này cũng đặc trưng cho linh hồn vũ trụ — mãnh lực của ý chí và của bác ái, hay của atma và Bồ đề; và chính sự vận hành của hai mãnh lực này trên vật chất thu hút về thể dĩ thái của mọi hình tướng những nguyên tử hồng trần cần thiết, rồi — sau khi đã thu hút chúng — bằng mãnh lực ý chí, thúc đẩy chúng vào những hoạt động nhất định.

4. This coherent unified body of light and energy is the symbol of the soul in that it has within it seven focal points, wherein the condensation, if it must be so called, of the two blended energies is intensified. These correspond to the seven focal points in the solar system, wherein the Solar Logos, through the seven Planetary Logoi, focusses His energies. This will be later elaborated. The point to be noted here is simply the

4. Thể ánh sáng và năng lượng cố kết, hợp nhất này là biểu tượng của linh hồn, vì trong nó có bảy tiêu điểm, nơi sự ngưng tụ, nếu phải gọi như vậy, của hai năng lượng đã hòa trộn được tăng cường. Những tiêu điểm này tương ứng với bảy tiêu điểm trong hệ mặt trời, nơi Thái dương Thượng đế, thông qua bảy Hành Tinh Thượng Đế, tập trung các năng lượng của Ngài. Điều này sẽ được triển khai về sau. Điểm cần lưu ý ở đây chỉ là bản

symbolic nature of the etheric or vital body, for it is by understanding the nature of the energies displayed and the unified nature of the form and work that some idea as to the work of the soul, the middle principle in nature, can be grasped.

chất biểu tượng của thể dĩ thái hay thể sinh lực, vì nhờ thấu hiểu bản chất của các năng lượng được biểu lộ, cùng bản chất hợp nhất của hình tướng và công việc, người ta mới có thể nắm được phần nào ý niệm về công việc của linh hồn, nguyên khí trung gian trong thiên nhiên.

5. The symbolism is also carried forward when one remembers that the etheric body links the purely physical, or dense body with the purely subtle, the astral or emotional body. In this is seen the reflection of the soul in man which links the three worlds (corresponding to the solid, liquid and gaseous aspects of the strictly physical body of man) to the higher planes in the solar system, linking thus the mental to the buddhic and the mind to the intuitional states of consciousness.

5. Tính biểu tượng cũng được tiếp tục khi người ta nhớ rằng thể dĩ thái liên kết thể thuần hồng trần, hay thể đậm đặc, với thể thuần vi tế, tức thể cảm dục hay cảm xúc. Trong điều này có thể thấy sự phản chiếu của linh hồn trong con người, vốn liên kết ba cõi giới tương ứng với các phương diện rắn, lỏng và khí của thể hồng trần đúng nghĩa của con người, với các cõi cao hơn trong hệ mặt trời; nhờ vậy, nó liên kết cõi trí với cõi Bồ đề, và thể trí với các trạng thái tâm thức trực giác.

RULE ONE

The Solar Angel collects himself, scatters not his force but, in meditation deep, communicates with his reflection.

Thái Dương Thiên Thần thu mình lại, không phân tán thần lực của Ngài mà, trong thiền định sâu sắc, giao tiếp với phản ảnh của Ngài.

Some Basic Assumptions

[53]

[53]

We are entering upon a course of study wherein the entire tendency will be to throw the student back upon himself, and thus upon that larger self which has only, in most cases, made its presence felt at rare and highly emotional intervals. When the self is known and not simply felt and, when the realisation is mental as well as sensory, then truly can the aspirant be prepared for initiation.

Chúng ta đang bước vào một khóa học mà toàn bộ khuynh hướng sẽ là đưa đạo sinh trở về với chính mình, và do đó trở về với Bản Ngã rộng lớn hơn ấy, vốn trong đa số trường hợp chỉ làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận vào những khoảng hiếm hoi và đầy cảm xúc mạnh. Khi bản ngã được nhận biết chứ không chỉ được cảm nhận, và khi sự chứng nghiệm vừa thuộc trí tuệ vừa thuộc cảm quan, bấy giờ người chí nguyện mới thật sự có thể được chuẩn bị cho điểm đạo.

I would like to point out that I am basing my words upon certain basic assumptions, which for the sake of clarity, I want briefly to state.

Tôi muốn nêu rõ rằng tôi đặt lời mình trên một số giả định căn bản, và vì sự sáng tỏ, tôi muốn trình bày vắn tắt các giả định ấy.

Firstly, that the student is sincere in his aspiration, and is determined to go forward no matter what may be the reaction of and upon the lower self. Only those who can clearly differentiate between the two aspects of their nature, the real self and the illusory self, can work intelligently. This has been well expressed in the *Yoga Sutras of Patanjali*.

Thứ nhất, đạo sinh chân thành trong khát vọng của mình, và quyết tâm tiến tới bất kể phản ứng của phàm ngã sẽ ra sao và tác động lên phàm ngã thế nào. Chỉ những ai có thể phân biệt rõ ràng giữa hai phương diện của bản chất mình, bản ngã chân thật và bản ngã ảo tưởng, mới có thể làm việc một cách thông minh. Điều này đã được diễn đạt rất hay trong *Kinh Yoga của Patanjali*.

"Experience (of the pairs of opposites) comes from the inability of the soul to distinguish between the personal self, and the purusa (or spirit). The objective forms exist for the use and experience of the spiritual man. By

"Kinh nghiệm về các cặp đối cực phát sinh từ sự bất lực của linh hồn trong việc phân biệt giữa bản ngã cá nhân và tinh thần. Các hình tướng khách quan hiện hữu để con người tinh thần sử dụng và trải nghiệm. Nhờ tham

meditation upon this arises the intuitive perception of the spiritual man." Book III.35.

thiền về điều này, tri giác trực giác của con người tinh thần phát sinh." Quyển III.35.

The forty-eighth Sutra in the same book gives a statement covering a later stage of this discriminative realisation. This discerning quality is fostered by a re-collected attitude of mind, and by careful attention to the method of a constant review of the life. [54]

Câu kinh thứ bốn mươi tám trong cùng quyển đưa ra một phát biểu bao quát một giai đoạn về sau của sự chứng nghiệm phân biện này. Phẩm tính phân biện tinh thần ấy được nuôi dưỡng bằng một thái độ thể trí hồi tâm, và bằng sự chú tâm cẩn thận vào phương pháp thường xuyên ôn xét đời sống. [54]

Secondly, I am acting upon the assumption that all have lived long enough and battled sufficiently with deterrent forces of life to have enabled them to develop a fairly true sense of values. I assume they are endeavouring to live as those who know something of the true eternal values of the soul. They are not to be kept back by any happenings to the personality or by the pressure of time and circumstance, by age or physical disability. They have wisely learnt that enthusiastic rushing forward and a violent energetic progress has its drawbacks, and that a steady, regular, persistent endeavour will carry them further in the long run. Spasmodic spurts of effort and temporary pressure peter out into disappointment and a weighty sense of failure. It is the tortoise and not the hare that arrives first at the goal, though both achieve eventually.

Thứ hai, tôi hành động dựa trên giả định rằng tất cả các bạn đã sống đủ lâu và đã chiến đấu đủ nhiều với các mãnh lực cản trở của đời sống để phát triển một ý thức khá đúng về các giá trị. Tôi giả định rằng các bạn đang nỗ lực sống như những người biết đôi chút về các giá trị vĩnh cửu chân thật của linh hồn. Các bạn không được để bất cứ biến cố nào xảy đến với phàm ngã, hay áp lực của thời gian và hoàn cảnh, tuổi tác hoặc khuyết tật hồng trần, giữ mình lại. Các bạn đã học một cách khôn ngoan rằng sự lao tới đầy nhiệt huyết và một tiến trình mãnh liệt, đầy năng lực, cũng có những bất lợi của nó; và rằng một nỗ lực đều đặn, thường xuyên, bền bỉ, về lâu dài sẽ đưa các bạn đi xa hơn. Những đợt cố gắng bộc phát và áp lực tạm thời sẽ tàn lụi trong thất vọng và một cảm thức nặng nề về thất bại. Chính con rùa, chứ không phải con thỏ, đến đích trước, dù cuối cùng cả hai đều đạt tới.

Thirdly, I assume that those who set themselves seriously to benefit by the instructions in this book are prepared to carry out the simple requirements, to read what is written thoughtfully, to attempt to organise their minds and adhere to their meditation work. The organising of the mind is an all-day affair, and the application of the mind to the thing in hand throughout the daily avocations, is the best way to make

Thứ ba, tôi giả định rằng những ai nghiêm túc đặt mình vào việc hưởng lợi từ các huấn thị trong quyển sách này đều sẵn sàng thực hiện những yêu cầu đơn giản, đọc điều được viết ra một cách suy tư, cố gắng tổ chức thể trí của mình và kiên trì với công việc tham thiền. Việc tổ chức thể trí là công việc của cả ngày, và việc áp dụng thể trí vào việc đang làm trong suốt các bổn phận hằng ngày là cách tốt nhất để làm cho các thời kỳ học hỏi

study and meditation periods fruitful and bring about fitness for the vocation of disciple.

và tham thiền sinh hoa kết quả, đồng thời tạo nên sự thích hợp cho thiên chức của người đệ tử.

With these assumptions clearly understood, my words are for those who are seeking to measure up to the need for trained servers. I say not, you note, those who measure up. Intention and effort are considered by us of prime importance, and are the two main requisites for all disciples, initiates and masters, plus the power of persistence.

Khi những giả định này đã được thấu hiểu rõ ràng, lời tôi dành cho những ai đang tìm cách đáp ứng nhu cầu về những người phụng sự được huấn luyện. Các bạn lưu ý, tôi không nói là những người đã đáp ứng. Ý định và nỗ lực được chúng tôi xem là có tầm quan trọng hàng đầu, và là hai điều kiện chính yếu cho mọi đệ tử, điểm đạo đồ và Chân sư, cộng thêm quyền năng bền bỉ.

In our consideration of these rules, I am not so much interested in their application to the magical work itself as in training the magician, and in developing him from [55] the standpoint of his own character. Later we may get down to the application of knowledge to the outer manifestation of world forces, but now our objective is something different; I seek to interest the minds and brains (and therefore the lower self) of students in the higher self, thereby keying up their mental interest so that sufficient impetus is generated to enable them to go forward.

Trong khi xem xét các quy luật này, tôi không quan tâm nhiều đến việc áp dụng chúng vào chính công việc huyền thuật cho bằng việc huấn luyện nhà huyền thuật, và phát triển y từ [55] quan điểm Tính cách của chính y. Về sau, chúng ta có thể đi vào việc áp dụng tri thức vào sự biểu hiện bên ngoài của các mãnh lực thế giới; nhưng hiện nay mục tiêu của chúng ta là một điều khác. Tôi tìm cách khơi dậy nơi thể trí và bộ não, và do đó nơi phàm ngã, của các đạo sinh sự quan tâm đến chân ngã, nhờ vậy nâng cao hứng thú trí tuệ của họ đến mức tạo ra đủ xung lực để giúp họ tiến tới.

Also, let it not be forgotten that once the magic of the soul is grasped by the personality, that soul steadily dominates and can be trusted to carry forward the training of the man to fruition, unhampered (as you necessarily are) by thoughts of time and space, and by an ignorance of the past career of the soul concerned. It should always be borne in mind that, when dealing with individuals, the work required is twofold:

Cũng đừng quên rằng một khi huyền thuật của linh hồn được phàm ngã nắm bắt, linh hồn ấy sẽ đều đặn làm chủ và có thể được tin cậy để đưa việc huấn luyện con người đến chỗ viên mãn, không bị cản trở như các bạn tất yếu bị cản trở bởi những tư tưởng về thời gian và không gian, cũng như bởi sự không biết về tiến trình quá khứ của linh hồn liên hệ. Cần luôn ghi nhớ rằng khi đề cập đến các cá nhân, công việc cần làm có tính nhị phân:

1. To teach them how to link up the personal lower self with the overshadowing soul so that in the physical brain there is an assured

1. Dạy họ cách liên kết phàm ngã cá nhân với linh hồn đang phủ bóng, để trong bộ não hồng trần có một tâm thức chắc chắn về

consciousness as to the reality of that divine fact. This knowledge renders the hitherto assumed reality of the three worlds futile to attract and hold, and is the first step, out of the fourth, into the fifth kingdom.

thực tại của sự kiện thiêng liêng ấy. Tri thức này khiến cho thực tại của ba cõi thấp, vốn trước đây được giả định là có thật, trở nên vô ích trong việc thu hút và cầm giữ; và đây là bước đầu tiên, từ giới thứ tư, đi vào giới thứ năm.

2. To give such practical instruction as will enable the aspirant to—

2. Đưa ra những huấn thị thực tiễn giúp người chí nguyện có thể—

a. Understand his own nature. This involves some knowledge of the teaching of the past as to the constitution of man and an appreciation of the interpretations of modern Eastern and Western investigators.

a. Thấu hiểu bản chất của chính mình. Điều này bao hàm một ít tri thức về giáo huấn quá khứ liên quan đến cấu tạo của con người, và sự đánh giá đúng các diễn giải của những nhà khảo cứu hiện đại ở Đông phương và Tây phương.

b. Control the forces of his own nature and learn something of the forces with which he is surrounded.

b. Kiểm soát các mãnh lực thuộc bản chất của chính mình, và học biết đôi chút về các mãnh lực bao quanh y.

c. Enable him so to unfold his latent powers that he can deal with his own specific problems, stand on his own feet, handle his own life, solve his [56] own difficulties and become so strong and poised in spirit that he forces recognition of his fitness to be recognized as a worker in the plan of evolution, as a white magician, and as one of that band of consecrated disciples whom we call the “hierarchy of our planet”.

c. Giúp y khai mở những quyền năng tiềm tàng của mình đến mức y có thể xử lý các vấn đề riêng biệt của chính mình, tự đứng vững trên đôi chân của mình, điều khiển đời sống của mình, giải quyết [56] những khó khăn của mình, và trở nên mạnh mẽ, quân bình trong tinh thần đến mức y buộc người ta phải công nhận sự thích hợp của y để được nhận biết như một người hoạt động trong Thiên Cơ tiến hoá, như một nhà huyền thuật chánh đạo, và như một thành viên của đoàn thể các đệ tử thánh hiến mà chúng ta gọi là “Thánh đoàn của hành tinh chúng ta”.

Students of these matters are therefore begged to extend their concept of that hierarchy of souls so that they include all the exoteric fields of human life (political, social, economic, and religious). They are begged not to narrow down the concept as so many do, to only those who have brought their own little particular organisation into being, or to those who are working purely on the

Vì vậy, các đạo sinh về những vấn đề này được khẩn thiết yêu cầu mở rộng quan niệm của mình về Thánh đoàn các linh hồn ấy, để họ bao gồm tất cả các lĩnh vực ngoại môn của đời sống nhân loại: chính trị, xã hội, kinh tế và tôn giáo. Họ được khẩn thiết yêu cầu đừng thu hẹp quan niệm ấy, như rất nhiều người vẫn làm, vào chỉ những ai đã tạo lập một tổ chức nhỏ bé riêng biệt của

subjective side of life, and along what are reoognised by the conservative as the so-called religious or spiritual lines. All that tends to lift the status of humanity on any plane of manifestation is religious work and has a spiritual goal, for matter is but spirit on the lowest plane, and spirit, we are told, is but matter on the highest. All is spirit and these differentiations are but the products of the finite mind. Therefore, all workers and knowers of God in or out of fleshly bodies, and working in any field of divine manifestation form part of the planetary hierarchy and are integral units in that great cloud of witnesses who are the "onlookers and observers". They possess the power of spiritual insight or perception as well as objective or physical vision.

mình, hay vào những ai làm việc thuần túy ở mặt chủ quan của đời sống, và theo những đường lối mà người bảo thủ công nhận là những đường lối được gọi là tôn giáo hay tinh thần. Tất cả những gì có khuynh hướng nâng cao địa vị của nhân loại trên bất cứ cõi biểu hiện nào đều là công việc tôn giáo và có mục tiêu tinh thần; vì vật chất chỉ là tinh thần trên cõi thấp nhất, và tinh thần, như chúng ta được dạy, chỉ là vật chất trên cõi cao nhất. Tất cả đều là tinh thần, và những biến phân này chỉ là sản phẩm của thể trí hữu hạn. Vì vậy, tất cả những người hoạt động và những thức giả của Thượng đế, dù ở trong hay ngoài thân xác bằng thịt, và đang làm việc trong bất cứ lĩnh vực biểu hiện thiêng liêng nào, đều là một phần của Thánh đoàn hành tinh và là những đơn vị toàn vẹn trong đám mây lớn gồm các chứng nhân, những "người đứng nhìn và quan sát". Họ có quyền năng của tuệ kiến hay tri giác tinh thần, cũng như thị giác khách quan hay hồng trần.

In studying Rule I we could summarize it simply yet profoundly under the following words: —

Khi nghiên cứu Quy Luật I, chúng ta có thể tóm lược nó một cách đơn giản nhưng sâu xa dưới những từ sau: —

1. Egoic Communication.

1. Giao tiếp chân ngã.

2. Cyclic Meditation.

2. Tham thiền theo chu kỳ.

3. Coordination, or At-one-ment.

3. Phối hợp, hay Hợp Nhất.

The rules start off in *A Treatise on Cosmic Fire* with a brief summary of the process and a statement as to the nature of the white magician.[57]

Các quy luật khởi đầu trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* bằng một bản tóm lược ngắn gọn về tiến trình và một phát biểu về bản chất của nhà huyền thuật chánh đạo.[57]

I would like in this first consideration of our subject to enumerate briefly the facts given in the commentary so as to demonstrate to the aspirant how much is given him for his

Trong lần xem xét đầu tiên này về chủ đề của chúng ta, tôi muốn liệt kê vắn tắt những sự kiện được đưa ra trong phần bình giải, để chứng minh cho người chí nguyện thấy y đã

consideration and helping if he knows how to read and ponder upon that which he reads. The brief exegesis of Rule I gives the following statements:

được trao cho biết bao điều để suy xét và để giúp đỡ y, nếu y biết cách đọc và suy ngẫm về điều mình đọc. Phần chú giải ngắn của Quy Luật I đưa ra những phát biểu sau:

1. The white magician is one who is in touch with his soul.

1. Nhà huyền thuật chánh đạo là người tiếp xúc với linh hồn của mình.

2. He is receptive to and aware of the purpose and the plan of his soul.

2. Y tiếp nhận và nhận biết mục đích cùng Thiên Cơ của linh hồn mình.

3. He is capable of receiving impressions from the realm of spirit and of registering them in his physical brain.

3. Y có khả năng tiếp nhận các ấn tượng từ cõi tinh thần và ghi nhận chúng trong bộ não hồng trần của mình.

4. It is stated also that white magic—

4. Cũng có phát biểu rằng Chánh Thuật—

a. Works from above downwards.

a. Hoạt động từ trên xuống dưới.

b. Is the result of solar vibration, and therefore of egoic energy.

b. Là kết quả của rung động thái dương, và do đó của năng lượng chân ngã.

c. Is not an effect of the vibration of the form side of life, being divorced from emotion and mental impulse.

c. Không phải là hiệu quả của rung động thuộc phía hình tướng của đời sống, vì tách khỏi cảm xúc và xung lực trí tuệ.

5. The downflow of energy from the soul is the result of

5. Dòng năng lượng tuôn xuống từ linh hồn là kết quả của

a. Constant internal re-collectedness.

a. Sự hồi tâm nội tại liên tục.

b. Concentrated one-pointed communication by the soul with the mind and the brain.

b. Sự giao tiếp tập trung, nhất tâm, của linh hồn với thể trí và bộ não.

c. Steady meditation upon the plan of evolution.

c. Sự tham thiền đều đặn về Thiên Cơ tiến hoá.

6. The soul is, therefore, in deep meditation during the whole cycle of physical

6. Vì vậy, linh hồn ở trong thiền định sâu suốt toàn bộ chu kỳ lâm phàm hồng trần, và

incarnation, which is all that concerns the student here.

đây là tất cả những gì liên hệ đến đạo sinh ở đây.

7. This meditation is rhythmic and cyclic in nature as is all else in the cosmos. The soul breathes and its form lives thereby.

7. Sự tham thiền này có bản chất nhịp nhàng và theo chu kỳ, như mọi điều khác trong vũ trụ. Linh hồn thở, và nhờ đó hình tướng của nó sống.

8. When the communication between the soul and its instrument is conscious and steady, the man becomes a white magician.

8. Khi sự giao tiếp giữa linh hồn và khí cụ của nó trở nên hữu thức và đều đặn, con người trở thành một nhà huyền thuật chánh đạo.

9. Therefore workers in white magic are invariably, and through the very nature of things, advanced human beings, for it takes many cycles of lives to train a magician.

9. Vì vậy, những người hoạt động trong Chánh Thuật luôn luôn, và do chính bản chất của sự việc, là những con người tiến bộ, vì phải mất nhiều chu kỳ sống mới huấn luyện được một nhà huyền thuật.

10. The soul dominates its form through the medium of the sutratma or life thread, and (through it) vitalises its triple instrument (mental, emotional and physical) and thus sets up a communication with the [58] brain. Through the brain, consciously controlled, the man is galvanised into intelligent activity on the physical plane.

10. Linh hồn làm chủ hình tướng của mình qua trung gian của sinh mệnh tuyến, hay Sợi dây Sự Sống, và nhờ đó tiếp sinh lực cho khí cụ tam phân của nó, tức thể trí, thể cảm xúc và thể xác; như vậy thiết lập một sự giao tiếp với [58] bộ não. Qua bộ não được kiểm soát một cách hữu thức, con người được kích hoạt vào hoạt động thông minh trên cõi hồng trần.

The above is a brief analysis of the first rule for magic and I would like to suggest that in the future as the students meditate on the rules that they make such an analysis themselves. If they do this during their consideration of each rule they will approach the whole matter with greater interest and knowledge. They will also save themselves much looking back and reference.

Trên đây là một phân tích ngắn về quy luật thứ nhất dành cho huyền thuật, và tôi muốn đề nghị rằng trong tương lai, khi các đạo sinh tham thiền về các quy luật, họ hãy tự mình thực hiện một phân tích như thế. Nếu họ làm điều này trong khi xem xét từng quy luật, họ sẽ tiếp cận toàn bộ vấn đề với sự quan tâm và tri thức lớn hơn. Họ cũng sẽ tránh được nhiều việc phải quay lại và tra cứu.

It will be seen from a consideration of the above analysis that a very clear summation is given and that the student is started in his

Từ việc xem xét phân tích trên, người ta sẽ thấy rằng một bản tổng kết rất rõ ràng đã được đưa ra, và đạo sinh được khởi đầu việc

study of magic with a brief understanding of the past situation, his equipment and the method of approach. Let us realize from the start the simplicity of the idea intended to be conveyed by my remarks hitherto. Just as in the past the instrument and its relation to the outer world has been the paramount fact in the experience of the spiritual man, so now it is possible for a readjustment to take place wherein the outstanding fact will be the spiritual man, the solar angel or soul. It will also be realised that his relationship (through the form side) will be to the inner as well as the outer worlds. Man has included in his relation only the form side of the field of average human evolution.

nghiên cứu huyền thuật với một sự thấu hiểu ngắn gọn về tình trạng quá khứ, trang bị của y và phương pháp tiếp cận. Ngay từ đầu, chúng ta hãy nhận ra tính đơn giản của ý tưởng mà những nhận xét của tôi từ trước đến nay muốn truyền đạt. Cũng như trong quá khứ khí cụ và mối liên hệ của nó với thế giới bên ngoài là sự kiện tối quan trọng trong kinh nghiệm của con người tinh thần, thì nay một sự điều chỉnh lại có thể diễn ra, trong đó sự kiện nổi bật sẽ là con người tinh thần, Thái dương Thiên Thần hay linh hồn. Người ta cũng sẽ nhận ra rằng mối liên hệ của y, thông qua phía hình tướng, sẽ hướng đến các thế giới bên trong cũng như bên ngoài. Con người chỉ mới bao gồm trong mối liên hệ của mình phía hình tướng của trường tiến hoá nhân loại trung bình.

He has used it and has been dominated by it. He has also suffered from it and consequently in time revolted, through utter satiety, from all that pertains to the material world. Dissatisfaction, disgust, distaste, and a deep fatigue are characteristic very frequently of those who are on the verge of discipleship. For what is a disciple? He is one who seeks to learn a new rhythm, to enter a new field of experience, and to follow the steps of that advanced humanity who have trodden ahead of him the path, leading from darkness to light, from the unreal to the real. He has tasted the joys of life in the [59] world of illusion and has learnt their powerlessness to satisfy and hold him. Now he is in a state of transition between the new and the old states of being. He is vibrating between the condition of soul awareness and form awareness. He is “seeing double”.

Y đã sử dụng nó và đã bị nó chi phối. Y cũng đã chịu đau khổ vì nó, và do đó, theo thời gian, qua sự no chán hoàn toàn, đã nổi dậy chống lại tất cả những gì thuộc về thế giới vật chất. Sự bất mãn, ghê chán, chán ngấy và một mệt mỏi sâu xa rất thường là đặc trưng của những ai đang ở ngưỡng cửa địa vị đệ tử. Vì đệ tử là gì? Y là người tìm cách học một nhịp điệu mới, bước vào một trường kinh nghiệm mới, và đi theo bước chân của nhân loại tiến bộ đã đi trước y trên con đường dẫn từ bóng tối đến ánh sáng, từ điều không thật đến điều thật. Y đã nếm trải những niềm vui của đời sống trong [59] thế giới ảo tưởng, và đã học biết sự bất lực của chúng trong việc thỏa mãn và cầm giữ y. Nay y đang ở trong một trạng thái chuyển tiếp giữa các trạng thái hiện tồn mới và cũ. Y rung động giữa tình trạng nhận biết linh hồn và nhận biết hình tướng. Y đang “nhìn đôi”.

His spiritual perception grows slowly and surely as the brain becomes capable of illumination from the soul, via the mind. As the intuition develops, the radius of

Tri giác tinh thần của y tăng trưởng chậm rãi và chắc chắn khi bộ não trở nên có khả năng nhận sự soi sáng từ linh hồn, qua thể trí. Khi trực giác phát triển, bán kính nhận

awareness grows and new fields of knowledge unfold.

biết tăng lên và những lĩnh vực tri thức mới khai mở.

The first field of knowledge receiving illumination might be described as comprising the totality of forms to be found in the three worlds of human endeavour, etheric, astral and mental. The would-be disciple, through this process, becomes aware of his lower nature and begins to realize the extent of his imprisonment and (as Patanjali puts it) "the modifications of the versatile psychic nature." The hindrances to achievement and the obstacles to progress are revealed to him and his problem becomes specific. Frequently then he reaches the position in which Arjuna found himself, confronted by enemies who are those of his own household, confused as to his duty and discouraged as he seeks to balance himself between the pairs of opposites. His prayer then should be the famous prayer of India, uttered by the heart, comprehended by the head, and supplemented by an ardent life of service to humanity.

Lĩnh vực tri thức đầu tiên nhận được sự soi sáng có thể được mô tả là bao gồm toàn thể các hình tướng có trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại: dĩ thái, cảm dục và cõi trí. Qua tiến trình này, người muốn làm đệ tử trở nên nhận biết bản chất thấp của mình và bắt đầu nhận ra mức độ giam hãm của mình, cũng như "những biến thái của bản chất thông linh linh hoạt", như Patanjali diễn đạt. Những chướng ngại đối với thành tựu và những vật cản đối với tiến bộ được mặc khải cho y, và vấn đề của y trở nên cụ thể. Khi đó, y thường đạt đến vị thế mà Arjuna đã gặp: đối diện với những kẻ thù vốn là người trong chính nhà mình, bối rối về bổn phận và nản lòng khi tìm cách giữ quân bình giữa các cặp đối cực. Bấy giờ lời cầu nguyện của y nên là lời cầu nguyện nổi tiếng của Ấn Độ, được thốt ra bằng trái tim, được thấu hiểu bằng đầu óc, và được bổ sung bằng một đời sống phụng sự nhân loại nồng nhiệt.

"Unveil to us the face of the true spiritual sun,

"Xin vén mở cho chúng con khuôn mặt của mặt trời tinh thần chân thật,

Hidden by a disk of golden light,

Đang bị che khuất bởi một đĩa ánh sáng vàng,

That we may know the truth and do our whole duty

Để chúng con có thể biết chân lý và làm trọn bổn phận của mình

As we journey to Thy sacred feet."

Khi chúng con hành trình đến đôi chân thiêng liêng của Ngài."

As he perseveres and struggles, surmounts his problems and brings his desires and thoughts under control, the second field of knowledge is revealed—knowledge of the

Khi y kiên trì và tranh đấu, vượt qua các vấn đề của mình và đưa những ham muốn cùng tư tưởng của mình vào vòng kiểm soát, lĩnh vực tri thức thứ hai được mặc khải — tri

self in the spiritual body, knowledge of the ego as it expresses itself through the medium of the causal body, [60] the Karana Sarira, and awareness of that source of spiritual energy which is the motivating impulse behind the lower manifestation. The "disk of golden light" is pierced; the true sun is seen; the path is found and the aspirant struggles forward into ever clearer light.

thức về bản ngã trong thể tinh thần, tri thức về chân ngã khi nó biểu lộ qua trung gian của thể nguyên nhân, [60] và sự nhận biết về nguồn năng lượng tinh thần là xung lực thúc đẩy đằng sau sự biểu hiện thấp. "Đĩa ánh sáng vàng" bị xuyên thủng; mặt trời chân thật được nhìn thấy; con đường được tìm ra và người chí nguyện phấn đấu tiến tới trong ánh sáng ngày càng rõ ràng hơn.

As the knowledge of the self and as the consciousness of that which the self sees, hears, knows and contacts is stabilized, the Master is found; his group of disciples is contacted; the plan for the immediate share of work he must assume is realized and gradually worked out on the physical plane. Thus the activity of the lower nature decreases, and the man little by little enters into conscious contact with his Master and his group. But this follows upon the "lighting of the lamp"—the aligning of the lower and higher and the downflow of illumination to the brain.

Khi tri thức về bản ngã và tâm thức về những gì bản ngã thấy, nghe, biết và tiếp xúc được ổn định, Chân sư được tìm thấy; nhóm đệ tử của Ngài được tiếp xúc; Thiên Cơ cho phần công việc trước mắt mà y phải đảm nhận được nhận ra và dần dần được thực hiện trên cõi hồng trần. Như vậy hoạt động của bản chất thấp giảm dần, và con người từng chút một bước vào sự tiếp xúc hữu thức với Chân sư của mình và nhóm của Ngài. Nhưng điều này theo sau "việc thắp sáng ngọn đèn" — tức sự chỉnh hợp của cái thấp và cái cao, cùng dòng soi sáng tuôn xuống bộ não.

It is essential that these points should be grasped and studied by all aspirants so that they may take the needed steps and develop the desired awareness. Until this is done, the Master, no matter how willing He may be, is powerless, and can take no steps to admit a man to His group and thus take him into His auric influence, making him an outpost of His consciousness. Every step of the way has to be carried out by a man himself, and there is no short or easy road out of darkness into light.

Điều thiết yếu là mọi người chí nguyện phải nắm bắt và nghiên cứu những điểm này, để họ có thể thực hiện các bước cần thiết và phát triển sự nhận biết mong muốn. Cho đến khi điều này được thực hiện, Chân sư, dù Ngài có thiện chí đến đâu, cũng bất lực và không thể thực hiện bước nào để thu nhận một người vào nhóm của Ngài, và như vậy đưa y vào ảnh hưởng hào quang của Ngài, khiến y trở thành một tiền đồn của tâm thức Ngài. Mỗi bước trên đường đều phải do chính con người thực hiện, và không có con đường ngắn hay dễ dàng nào ra khỏi bóng tối để đi vào ánh sáng.

The white magician is ever one who, through conscious alignment with his ego, with his "angel", is receptive to his plans and purposes, and therefore capable of receiving the higher impression. We must remember that while magic works from above downwards, and is the result of solar vibration, and not the impulses emanating from one or the other of the lunar pitris, the downflow of the impressing energy from the solar pitri is the result of his internal recollectedness, the indrawing of his [61] forces, prior to sending them concentratedly to his shadow, man, and his steady meditation upon the purpose and the plan. It may be of use to the student if he here remembers that the ego (as well as the Logos) is in deep meditation during the whole cycle of physical incarnation. This meditation is cyclic in nature, the pitri involved sending out to his "reflection" rhythmic streams of energy, which streams are recognised by the man concerned as his "high impulses," his dreams and aspirations. Therefore, it will be apparent why workers in white magic are ever advanced and spiritual men, for the "reflection" is seldom responsive to the ego or the solar angel until many cycles of incarnation have transpired. The solar pitri communicates with his "shadow" or reflection by means of the sutratma, which passes down through the bodies to a point of entrance in the physical brain, if I might so express it, but the man, as yet, cannot focus or see clearly in any direction.

Nhà huyền thuật chánh đạo luôn là người, nhờ sự chỉnh hợp hữu thức với chân ngã của mình, với "thiên thần" của mình, mà tiếp nhận các Thiên Cơ và mục đích của Ngài, và do đó có khả năng tiếp nhận ấn tượng cao hơn. Chúng ta phải nhớ rằng, dù huyền thuật hoạt động từ trên xuống dưới, và là kết quả của rung động thái dương chứ không phải các xung lực phát xuất từ một thái âm tổ phụ này hay khác, dòng năng lượng gây ấn tượng tuôn xuống từ thái dương tổ phụ là kết quả của sự hồi tâm nội tại của Ngài, của việc thu vào các [61] mãnh lực của Ngài trước khi gửi chúng một cách tập trung đến cái bóng của Ngài, tức con người, và của sự tham thiền đều đặn của Ngài về mục đích và Thiên Cơ. Có thể hữu ích cho đạo sinh nếu ở đây y nhớ rằng chân ngã, cũng như Thượng đế, ở trong thiền định sâu suốt toàn bộ chu kỳ lâm phàm hồng trần. Sự tham thiền này có bản chất theo chu kỳ, vị tổ phụ liên hệ gửi đến "phản ảnh" của mình những dòng năng lượng nhịp nhàng, và những dòng này được con người liên hệ nhận biết như "các xung lực cao" của mình, các giấc mơ và khát vọng của mình. Vì vậy, sẽ thấy rõ vì sao những người hoạt động trong Chánh Thuật luôn là những người tiến bộ và tinh thần, bởi "phản ảnh" hiếm khi đáp ứng với chân ngã hay Thái dương Thiên Thần cho đến khi nhiều chu kỳ lâm phàm đã trôi qua. Thái dương tổ phụ giao tiếp với "cái bóng" hay phản ảnh của mình bằng sinh mệnh tuyến, vốn đi xuống xuyên qua các thể đến một điểm vào trong bộ não hồng trần, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy; nhưng con người, cho đến lúc này, vẫn chưa thể tập trung hay nhìn rõ theo bất cứ hướng nào.

If he looks backward he can see only the fogs and miasmas of the planes of illusion, and fails to be interested. If he looks forward he

Nếu y nhìn về phía sau, y chỉ có thể thấy những màn sương và khí độc của các cõi ảo tưởng, và không còn hứng thú. Nếu y nhìn

sees a distant light which attracts him, but he cannot as yet see that which the light reveals. If he looks around, he sees but shifting forms and the cinematograph of the form side of life. If he looks within, he sees the shadows cast by the light, and becomes aware of much impedimenta which must be discarded before the light he sees in the distance can be approached, and then enter within him. Then he can know himself as light itself, and walk in that light and transmit it likewise to others.

về phía trước, y thấy một ánh sáng xa xăm thu hút y, nhưng y chưa thể thấy điều mà ánh sáng ấy mặc khải. Nếu y nhìn chung quanh, y chỉ thấy những hình tướng biến dịch và cuộn phim của phía hình tướng của đời sống. Nếu y nhìn vào bên trong, y thấy những bóng đổ do ánh sáng tạo ra, và nhận biết nhiều trở ngại phải được loại bỏ trước khi ánh sáng y thấy ở xa có thể được tiếp cận, rồi đi vào trong y. Khi ấy y có thể biết mình chính là ánh sáng, bước đi trong ánh sáng ấy và cũng truyền nó cho người khác.

It is perhaps well to remember that the stage of discipleship is in many ways the most difficult part of the entire ladder of evolution. The solar angel is unceasingly in deep meditation. The impulses of energy, emanating from him are increasing in vibratory rate and are becoming more and more powerful. The energy is [62] affecting more and more the forms through which the soul is seeking expression, and endeavouring to control.

Có lẽ nên nhớ rằng giai đoạn địa vị đệ tử, theo nhiều cách, là phần khó khăn nhất của toàn bộ nấc thang tiến hoá. Thái dương Thiên Thần không ngừng ở trong thiền định sâu. Các xung lực năng lượng phát xuất từ Ngài đang gia tăng tốc độ rung động và ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Năng lượng ấy [62] ngày càng tác động nhiều hơn đến các hình tướng qua đó linh hồn đang tìm cách biểu lộ và nỗ lực kiểm soát.

This brings me to the consideration of the seventh point I made in my earlier analysis of Rule I. I said, “The soul’s meditation is rhythmic and cyclic in its nature as is all else in the cosmos. The soul breathes and its form lives thereby”. The rhythmic nature of the soul’s meditation must not be overlooked in the life of the aspirant. There is an ebb and flow in all nature, and in the tides of the ocean we have a wonderful picturing of an eternal law. As the aspirant adjusts himself to the tides of the soul life he begins to realise that there is ever a flowing in, a vitalising and a stimulating which is followed by a flowing out as sure and as inevitable as the immutable laws of force. This ebb and flow can be seen functioning in the processes of death and incarnation. It can be seen also over the entire process of a

Điều này đưa tôi đến việc xem xét điểm thứ bảy mà tôi đã nêu trong phân tích trước đây về Quy Luật I. Tôi đã nói: “Sự tham thiền của linh hồn có bản chất nhịp nhàng và theo chu kỳ, như mọi điều khác trong vũ trụ. Linh hồn thở, và nhờ đó hình tướng của nó sống”. Bản chất nhịp nhàng của sự tham thiền của linh hồn không được bỏ qua trong đời sống của người chí nguyện. Trong toàn thể thiên nhiên có sự lên xuống, và trong thủy triều của đại dương, chúng ta có một hình ảnh kỳ diệu về một định luật vĩnh cửu. Khi người chí nguyện tự điều chỉnh theo thủy triều của đời sống linh hồn, y bắt đầu nhận ra rằng luôn có một dòng chảy vào, một sự tiếp sinh lực và kích thích, rồi sau đó là một dòng chảy ra chắc chắn và tất yếu như các định luật bất biến của mãnh lực. Sự lên xuống này có thể được thấy đang vận hành trong các tiến

man's lives, for some lives can be seen to be apparently static and uneventful, slow and inert from the angle of the soul's experience, whilst others are vibrant, full of experience and of growth. This should be remembered by all of you who are workers when you are seeking to help others to live rightly. Are they on the ebb or are they being subjected to the flow of the soul energy? Are they passing through a period of temporary quiescence, preparatory to greater impulse and effort, so that the work to be done must be that of strengthening and stabilising in order to enable them to "stand in spiritual being", or are they being subjected to a cyclic inflow of forces? In this case the worker must seek to aid in the direction and utilisation of the energy which (if misdirected) will eventuate in wrecked lives but which when wisely utilised will produce a full and fruitful service.

trình của sự chết và lâm phàm. Nó cũng có thể được thấy trong toàn bộ tiến trình các kiếp sống của một con người; vì có những kiếp sống dường như tĩnh tại và không biến cố, chậm chạp và trì trệ xét từ góc độ kinh nghiệm của linh hồn, trong khi những kiếp khác thì rung động mạnh, đầy kinh nghiệm và tăng trưởng. Tất cả các bạn là những người hoạt động nên nhớ điều này khi tìm cách giúp người khác sống đúng. Họ đang ở thời kỳ suy triều hay đang chịu tác động của dòng chảy năng lượng linh hồn? Họ đang trải qua một giai đoạn tạm thời yên lặng, chuẩn bị cho một xung lực và nỗ lực lớn hơn, để công việc cần làm phải là củng cố và ổn định nhằm giúp họ "đứng vững trong hiện tồn tinh thần"; hay họ đang chịu tác động của một dòng mãnh lực tuôn vào theo chu kỳ? Trong trường hợp này, người hoạt động phải tìm cách trợ giúp trong việc định hướng và sử dụng năng lượng ấy; nếu bị hướng sai, nó sẽ dẫn đến những đời sống đổ vỡ, nhưng khi được sử dụng khôn ngoan, nó sẽ tạo ra một sự phụng sự đầy đủ và phong phú.

The above thoughts can also be applied by the student of humanity to the great racial cycles and much of interest will be discovered. Again, and of more vital importance [63] to us, these cyclic impulses in the life of the disciple are of a greater frequency and speed and forcefulness than in the life of the average man. They alternate with a distressing rapidity. The hill and valley experience of the mystic is but one way of expressing this ebb and flow. Sometimes the disciple is walking in the sunlight and at other times in the dark; sometimes he knows the joy of full communion and again all seems dull and sterile; his service is on occasion a fruitful and satisfying experience and he seems to be able to really aid; at other times he feels that he has naught to offer and his service is arid and apparently without results. All is

Những tư tưởng trên cũng có thể được đạo sinh về nhân loại áp dụng vào các đại chu kỳ nhân loại, và nhiều điều thú vị sẽ được khám phá. Một lần nữa, và có tầm quan trọng thiết yếu hơn [63] đối với chúng ta, những xung lực theo chu kỳ này trong đời sống của người đệ tử có tần suất, tốc độ và sức mạnh lớn hơn trong đời sống của người trung bình. Chúng thay phiên nhau với một sự nhanh chóng gây đau khổ. Kinh nghiệm đỉnh núi và thung lũng của nhà thần bí chỉ là một cách diễn đạt sự lên xuống này. Có lúc người đệ tử bước đi trong ánh mặt trời, và lúc khác trong bóng tối; có lúc y biết niềm hoan hỉ của sự hiệp thông trọn vẹn, rồi lại có lúc tất cả dường như u ám và cằn cỗi; sự phụng sự của y có khi là một kinh nghiệm phong phú và thỏa mãn, và y dường như thật sự có thể trợ giúp; lúc khác, y cảm thấy mình không có gì để hiến dâng, và sự phụng sự của y khô cằn,

clear to him some days and he seems to stand on the mountain top looking out over a sunlit landscape, where all is clear to his vision. He knows and feels himself to be a son of God. Later, however, the clouds seem to descend and he is sure of nothing, and seems to know nothing. He walks in the sunlight and is almost overpowered by the brilliance and heat of the solar rays, and wonders how long this uneven experience and the violent alternation of these opposites is to go on.

dường như không có kết quả. Có những ngày mọi sự đều rõ ràng đối với y, và y dường như đứng trên đỉnh núi nhìn ra một phong cảnh ngập nắng, nơi mọi sự đều sáng tỏ trước tầm nhìn của y. Y biết và cảm thấy mình là Con của Thượng đế. Tuy nhiên, về sau, mây dường như kéo xuống, và y không chắc chắn về điều gì, dường như chẳng biết gì. Y bước đi trong ánh mặt trời và gần như bị choáng ngợp bởi vẻ rực rỡ và sức nóng của các tia thái dương, rồi tự hỏi kinh nghiệm không đều này và sự luân phiên dữ dội của các đối cực ấy sẽ còn tiếp diễn bao lâu.

Once however that he grasps the fact he is watching the effect of the cyclic impulses and the effect of the soul's meditation upon his form nature, the meaning becomes clearer and he realises that it is that form aspect which is failing in its response, and re-acting to energy with unevenness. He then learns that once he can live in the soul consciousness and attain that 'high altitude' (if I might so express it) at will, the fluctuations of the form life will not touch him. He then perceives the narrow-edged razor path which leads from the plane of physical life to the soul realm, and finds that when he can tread it with steadiness it leads him out of the ever changing world of the senses into the clear light of day and into the world of reality.

Tuy nhiên, một khi y nắm bắt được sự kiện rằng y đang quan sát hiệu quả của các xung lực theo chu kỳ và hiệu quả của sự tham thiền của linh hồn trên bản chất hình tướng của mình, ý nghĩa trở nên rõ ràng hơn; và y nhận ra rằng chính phương diện hình tướng ấy đang thất bại trong sự đáp ứng của nó, và đang phản ứng với năng lượng một cách không đều. Khi đó y học biết rằng một khi y có thể sống trong tâm thức linh hồn và đạt đến "độ cao" ấy theo ý muốn, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, những dao động của đời sống hình tướng sẽ không chạm đến y. Khi đó y nhận ra con đường lưỡi dao hẹp dẫn từ cõi đời sống hồng trần đến cõi giới linh hồn, và thấy rằng khi y có thể bước trên đó một cách vững vàng, nó dẫn y ra khỏi thế giới giác quan luôn biến đổi để đi vào ánh sáng ban ngày trong trẻo và vào thế giới của thực tại.

The form side of life then becomes to him simply a [64] field for service and not a field of sensuous perception. Let the student ponder upon this last sentence. Let him aim to live as a soul. Then the cyclic impulses, emanating from the soul, are known to be impulses for which he himself is responsible and which he has sent forth; he then knows

Khi ấy, phía hình tướng của đời sống đối với y chỉ còn là một [64] lĩnh vực để phụng sự, chứ không phải là một lĩnh vực của tri giác cảm quan. Hãy để đạo sinh suy ngẫm về câu cuối này. Hãy để y nhắm đến việc sống như một linh hồn. Khi đó các xung lực theo chu kỳ phát xuất từ linh hồn được nhận biết là những xung lực mà chính y chịu trách nhiệm và đã gửi ra; bấy giờ y biết mình là

himself to be the initiating cause and is not subject to the effects.

nguyên nhân khởi phát và không còn lệ thuộc vào các hiệu quả.

Looked at from another angle we get two factors, the breath and the form which the breath energises and drives into activity. Upon careful study, it becomes apparent that we have, for aeons of time, identified ourselves with the form; we have emphasised the effects of the imparted activity but have not understood the nature of the breath, nor known the nature of the One who breathes. Now in our work we are concerning ourselves with that One Who, breathing rhythmically, will drive the form into right action and right control. This is our objective and our goal. A right understanding is necessary nevertheless if we are to appreciate intelligently our task and its effects.

Nhìn từ một góc độ khác, chúng ta có hai yếu tố: hơi thở và hình tướng mà hơi thở tiếp năng lượng và thúc đẩy vào hoạt động. Khi nghiên cứu kỹ, điều trở nên hiển nhiên là qua vô số thời đại, chúng ta đã đồng hoá mình với hình tướng; chúng ta đã nhấn mạnh các hiệu quả của hoạt động được truyền vào nhưng chưa thấu hiểu bản chất của hơi thở, cũng chưa biết bản chất của Đấng đang thở. Nay trong công việc của mình, chúng ta đang liên hệ đến Đấng ấy, Đấng khi thở một cách nhịp nhàng sẽ thúc đẩy hình tướng vào hành động đúng và sự kiểm soát đúng. Đây là mục tiêu và đích đến của chúng ta. Tuy nhiên, một sự thấu hiểu đúng là cần thiết nếu chúng ta muốn đánh giá một cách thông minh nhiệm vụ của mình và các hiệu quả của nó.

Much more could be said on this rule but enough has been here given for the average applicant to discipleship to consider and upon which to base action. Most of us are average, are we not? If we regard ourselves otherwise, we divorce ourselves from others and become guilty of the sin of separateness —the one real sin.

Có thể nói thêm rất nhiều về quy luật này, nhưng những gì đã được đưa ra ở đây là đủ để người xin vào địa vị đệ tử ở mức trung bình xem xét và dựa vào đó mà hành động. Phần lớn chúng ta đều là người trung bình, phải vậy không? Nếu chúng ta tự xem mình khác đi, chúng ta tách mình khỏi người khác và phạm vào tội chia rẽ — tội lỗi thật sự duy nhất.

An appreciation of the above thoughts should build in the aspirant a realisation of the value of his meditation work, whilst the idea of a cyclic response to soul impulse lies back of the activities of a morning meditation, a noonday recollection, and an evening review. A larger ebb and flow is also indicated in the two aspects of the full moon and the new moon. Let this be borne in mind.

Sự đánh giá đúng các tư tưởng trên sẽ xây dựng trong người chí nguyện một nhận thức về giá trị của công việc tham thiền của y, trong khi ý tưởng về một sự đáp ứng theo chu kỳ đối với xung lực linh hồn nằm sau các hoạt động của tham thiền buổi sáng, sự hồi tâm giữa trưa, và việc ôn xét buổi tối. Một sự lên xuống rộng lớn hơn cũng được chỉ ra trong hai phương diện của trăng tròn và trăng non. Hãy ghi nhớ điều này.

May there be a full and steady play of cyclic force from the kingdom of spirit upon each one of us calling us forth into the realm of light, love and service and producing [65] a cyclic response from each one! May there be a constant interchange between those who teach and the disciple who seeks instruction!

Cầu mong có sự vận hành đầy đủ và đều đặn của mãnh lực theo chu kỳ từ giới tinh thần tác động lên mỗi người chúng ta, gọi chúng ta tiến vào cõi giới của ánh sáng, tình thương và phụng sự, và tạo ra [65] một sự đáp ứng theo chu kỳ từ mỗi người! Cầu mong có sự trao đổi liên tục giữa những người dạy và người đệ tử tìm cầu huấn thị!

Much preliminary work will have to be done. The disciple on the physical plane and the inner teacher (whether one of the Great Ones or the "Master within the Heart") need to know each other somewhat, and to accustom themselves to each other's vibration. Teachers on the inner planes have much to contend with owing to the slowness of the mental processes of students in physical bodies. But confidence and trust will set up the right vibration which will produce eventually accurate work. Lack of faith, of calmness, of application, and the presence of emotional unrest will hinder. Long patience those on the inner side need in dealing with all who must, for lack of other and better material, be utilized. Some physical injudiciousness may make the physical body non-receptive; some worry or care may cause the astral body to vibrate to a rhythm impossible for the right reception of the inner purpose; some prejudice, some criticism, some pride, may be present that will make the mental vehicle of no use. Aspirants to this difficult work must watch themselves with infinite care, and keep the inner serenity and peace and a mental pliability that will tend to make them of some use in the guarding and guiding of humanity.

Nhiều công việc sơ bộ sẽ phải được thực hiện. Người đệ tử trên cõi hồng trần và huấn sư bên trong, dù là một trong Các Đấng Cao Cả hay "Chân sư trong Tim", cần biết nhau phần nào, và tập quen với rung động của nhau. Các huấn sư trên các cõi bên trong phải đối phó với nhiều điều do sự chậm chạp của các tiến trình trí tuệ nơi các đạo sinh trong thân xác hồng trần. Nhưng lòng tin và sự tín nhiệm sẽ thiết lập rung động đúng, cuối cùng tạo ra công việc chính xác. Thiếu đức tin, thiếu sự điềm tĩnh, thiếu chuyên cần, và sự hiện diện của bất ổn cảm xúc sẽ cản trở. Những vị ở phía bên trong cần có sự kiên nhẫn lâu dài khi làm việc với tất cả những ai, vì thiếu chất liệu khác và tốt hơn, phải được sử dụng. Một chút thiếu khôn ngoan về hồng trần có thể làm cho thể xác không tiếp nhận; một lo âu hay bận tâm nào đó có thể khiến thể cảm dục rung theo một nhịp điệu không thể tiếp nhận đúng mục đích bên trong; một định kiến, một sự phê bình, một lòng kiêu hãnh nào đó có thể hiện diện, khiến thể trí trở nên vô dụng. Những người chí nguyện với công việc khó khăn này phải tự quan sát mình với sự cẩn trọng vô hạn, và giữ sự tĩnh lặng cùng an bình bên trong, cũng như một sự mềm dẻo trí tuệ có khuynh hướng khiến họ phần nào hữu dụng trong việc gìn giữ và dẫn dắt nhân loại.

The following rules might therefore be given:

Vì vậy, có thể đưa ra các quy luật sau:

1. It is essential that there should be an endeavor to arrive at absolute purity of motive.

1. Điều thiết yếu là phải có nỗ lực đạt đến sự thuần khiết tuyệt đối của động cơ.

2. The ability to enter the silence of the high places will follow next. The stilling of the mind depends upon the law of rhythm. If you are vibrating in many directions and registering thoughts from all sides, this law will be unable to touch you. Balance and poise must be restored before equilibrium can be reached. The law of vibration and the study of atomic substance are closely [66] intertwined. When more is known about these atoms and their action, reaction and inter-action, then people will control their bodies scientifically, synchronizing the laws of vibration and of rhythm. They are the same and yet unlike. They are phases of the law of gravitation. The earth is itself an entity which, by the force of will, holds all things to itself. This is an obscure matter, little has been learned about it as yet. The inbreathing and outbreathing of the entity of the earth affects vibration potently, —that is the vibration of the physical plane matter. There is a connection also between this and the moon. Those members of humanity who are specially under lunar influence respond to this attraction more than any others, and they are difficult to use as transmitters. The silence that comes from the inner calm is the one to cultivate. Aspirants are urged to remember that the time will come when they too will form part of the group of teachers on the inner side of the veil. If then they have not learnt the silence that comes from strength and from knowledge, how will they bear the apparent lack of communication that they will then find exists between them and those on the outer side? Learn therefore, how to keep quiet or usefulness will be hampered by astral fretfulness when on the other side of death.

2. Tiếp theo sẽ là khả năng bước vào sự im lặng của những nơi cao. Việc làm lắng yên thể trí tùy thuộc vào định luật nhịp điệu. Nếu các bạn đang rung động theo nhiều hướng và ghi nhận tư tưởng từ mọi phía, định luật này sẽ không thể chạm đến các bạn. Sự quân bình và ổn định phải được phục hồi trước khi có thể đạt đến thế cân bằng. Định luật rung động và việc nghiên cứu chất liệu nguyên tử có liên hệ [66] mật thiết với nhau. Khi người ta biết nhiều hơn về các nguyên tử này và về tác động, phản tác động cùng tương tác của chúng, bấy giờ con người sẽ kiểm soát các thể của mình một cách khoa học, đồng bộ hóa các định luật rung động và nhịp điệu. Chúng là một mà cũng không giống nhau. Chúng là các phương diện của định luật hấp dẫn. Chính Trái Đất là một thực thể, bằng mãnh lực ý chí, giữ mọi sự lại với mình. Đây là một vấn đề mờ tối; cho đến nay người ta mới học biết rất ít về nó. Sự hít vào và thở ra của thực thể Trái Đất tác động mạnh mẽ đến rung động — tức rung động của vật chất cõi hồng trần. Cũng có một mối liên hệ giữa điều này và mặt trăng. Những thành viên của nhân loại đặc biệt chịu ảnh hưởng mặt trăng đáp ứng với sức hút này nhiều hơn bất cứ ai khác, và họ khó được dùng làm những người truyền dẫn. Sự im lặng phát sinh từ sự an tĩnh bên trong là điều cần được vun bồi. Những người chí nguyện được thôi thúc nhớ rằng sẽ đến lúc chính họ cũng sẽ trở thành một phần của nhóm huấn sư ở phía bên trong bức màn. Nếu khi đó họ chưa học được sự im lặng phát sinh từ sức mạnh và tri thức, họ sẽ chịu đựng thế nào tình trạng dường như thiếu giao tiếp mà khi ấy họ sẽ thấy tồn tại giữa họ và những người ở phía bên ngoài? Vì vậy, hãy học cách giữ yên lặng, nếu không sự hữu

dụng sẽ bị cản trở bởi sự bồn chồn cảm dục khi ở phía bên kia của sự chết.

3. Remember always that lack of calm in the daily life prevents the teachers on egoic levels from reaching you. Endeavor therefore to remain quiescent as life unrolls, work, toil, strive, aspire, and hold the inner calm. Withdraw steadily into interior work and so cultivate a responsiveness with the higher planes. A perfect steadiness of inner poise is what the Masters need in those whom They seek to use. It is an inner poise that holds to the vision yet does its outer work on the physical plane with a concentrated physical brain attention which is in no way deviated by the inner receptiveness. It involves a dual activity. [67]

3. Hãy luôn nhớ rằng sự thiếu điềm tĩnh trong đời sống hằng ngày ngăn cản các huấn sư trên các cấp độ chân ngã chạm đến các bạn. Vì vậy, hãy cố gắng giữ an tĩnh khi đời sống diễn tiến; hãy làm việc, lao nhọc, phấn đấu, khát vọng, và giữ sự an tĩnh bên trong. Hãy đều đặn rút vào công việc nội tâm và nhờ đó vun bồi sự đáp ứng với các cõi cao hơn. Một sự vững vàng hoàn hảo của thế quân bình bên trong là điều các Chân sư cần nơi những người mà Các Ngài tìm cách sử dụng. Đó là một thế quân bình bên trong vẫn bám giữ tầm nhìn, nhưng đồng thời thực hiện công việc bên ngoài trên cõi hồng trần với sự chú tâm tập trung của bộ não hồng trần, không bị lệch hướng chút nào bởi khả năng tiếp nhận bên trong. Nó bao hàm một hoạt động kép. [67]

4. Learn to control thought. It is necessary to guard what you think. These are days when the race as a whole is becoming sensitive and telepathic and responsive to thought interplay. The time is approaching when thought will become public property, and others will sense what you think. Thought has, therefore, to be carefully guarded. Those who are contacting the higher truths and becoming sensitive to the Universal Mind must protect some of their knowledge from the intrusion of other minds. Aspirants must learn to inhibit certain thoughts, and prevent certain knowledge from leaking out into the public consciousness when in contact with their fellow men.

4. Hãy học kiểm soát tư tưởng. Cần phải canh giữ những gì các bạn nghĩ. Đây là những ngày mà nhân loại nói chung đang trở nên nhạy cảm, có tính viễn cảm và đáp ứng với sự tương tác tư tưởng. Thời điểm đang đến gần khi tư tưởng sẽ trở thành tài sản chung, và người khác sẽ cảm nhận được điều các bạn nghĩ. Vì vậy, tư tưởng phải được canh giữ cẩn thận. Những ai đang tiếp xúc với các chân lý cao hơn và trở nên nhạy cảm với Vũ Trụ Trí phải bảo vệ một phần tri thức của mình khỏi sự xâm nhập của những thể trí khác. Những người chí nguyện phải học cách ngăn giữ một số tư tưởng nhất định, và ngăn không cho một số tri thức rò rỉ vào tâm thức công cộng khi tiếp xúc với đồng loại.

It is of course of vital interest to appreciate the significance of the words “scatters not his force.” There are so many lines of activity into which the soul-inspired disciple may throw himself. Assurance as to varying lines

Dĩ nhiên, việc đánh giá đúng thâm nghĩa của những lời “không phân tán thần lực của Ngài” có tầm quan trọng thiết yếu. Có rất nhiều đường hoạt động mà người đệ tử được linh hồn gợi hứng có thể lao mình vào.

of activity is not easy to reach and every aspirant knows perplexity. Let us put the problem in the form of a question, relegating it to the plane of every-day endeavour, as we are not yet in a position to comprehend in what way a soul can "scatter its forces" on the higher planes.

Không dễ đạt đến sự chắc chắn về các đường hoạt động khác nhau, và mọi người chí nguyện đều biết sự bối rối. Chúng ta hãy đặt vấn đề dưới dạng một câu hỏi, đưa nó xuống cõi của nỗ lực hằng ngày, vì chúng ta chưa ở trong vị thế để thấu hiểu linh hồn có thể "phân tán các mãnh lực của mình" trên các cõi cao hơn theo cách nào.

What is the criterion whereby a man may know which out of several lines of activity is the right line to take? Is there, in other words, a revealing something which will enable a man unerringly to choose the right action and go the right way? The question has no reference to a choice existing between the path of spiritual endeavour and the way of the man of the world. It refers to right action when faced with a choice.

Đâu là tiêu chuẩn nhờ đó một người có thể biết trong số nhiều đường hoạt động, đâu là đường đúng để theo? Nói cách khác, có điều gì mặc khải giúp con người chọn đúng hành động một cách không sai lầm và đi đúng đường hay không? Câu hỏi này không liên quan đến sự chọn lựa giữa con đường nỗ lực tinh thần và con đường của người thế gian. Nó liên quan đến hành động đúng khi đứng trước một sự chọn lựa.

There is no question but that a man is faced, in his progress, with increasingly subtle distinctions. The crude discrimination between right and wrong which occupies the child soul is succeeded by the finer distinctions of right, or of more right, of high, or higher, and the [68] moral or spiritual values have to be faced with the most meticulous spiritual perception. In the stress and toil of life and in the constant pressure on each one from those who constitute their group, the complexity of the problem is very great.

Không còn nghi vấn gì rằng trong bước tiến của mình, con người phải đối diện với những phân biệt ngày càng tinh tế. Sự phân biện thô sơ giữa đúng và sai, vốn chiếm lĩnh linh hồn non trẻ, được tiếp nối bằng những phân biệt tinh tế hơn về điều đúng, hoặc điều đúng hơn, điều cao, hoặc cao hơn, và các giá trị [68] đạo đức hay tinh thần phải được đối diện bằng nhận thức tinh thần tỉ mỉ nhất. Trong sự căng thẳng và nhọc nhằn của đời sống, và dưới áp lực liên tục đè lên mỗi người từ những người cấu thành nhóm của họ, tính phức tạp của vấn đề trở nên rất lớn.

In solving such problems, certain broad discriminations can precede the more subtle and when these decisions have been made the more subtle can then take their place. The choice between selfish and unselfish action is the most obvious one to follow upon the choice between right and wrong, and is easily settled by the honest soul. A choice which involves discrimination between individual benefit and group

Trong việc giải quyết những vấn đề như thế, một vài phân biện rộng lớn có thể đi trước những phân biện tinh tế hơn; và khi các quyết định ấy đã được đưa ra, những phân biện tinh tế hơn bấy giờ có thể chiếm vị trí của mình. Sự lựa chọn giữa hành động ích kỷ và hành động vô ngã là điều hiển nhiên nhất tiếp theo sau sự lựa chọn giữa đúng và sai, và được linh hồn chân thật giải quyết dễ dàng. Một lựa chọn bao hàm sự phân biện giữa lợi

responsibility rapidly eliminates other factors, and is easy to the man who shoulders his just responsibility. Note the use of the words "just responsibility." We are considering the normal, sane man and not the over-conscientious morbid fanatic. There follows next the distinction between the expedient, involving factors of physical plane relations of business and of finance, leading up to a consideration of the highest good for all parties concerned. But having through this triple eliminative process arrived at a certain position, cases arise where choice still remains in which neither common sense nor logical, discerning reason seem to help. The desire is only to do the right thing; the intent is to act in the highest possible way and to take that line of action which will produce the best good of the group apart from personal considerations altogether. Yet light upon the path, which must be trodden, is not seen; the door which should be entered is unrecognized and the man remains in the state of constant indecision. What, then, must be done? One of two things:

ích cá nhân và trách nhiệm nhóm nhanh chóng loại bỏ các yếu tố khác, và trở nên dễ dàng đối với người gánh vác trách nhiệm chính đáng của mình. Hãy lưu ý cách dùng các từ "trách nhiệm chính đáng." Chúng ta đang xét đến con người bình thường, lành mạnh, chứ không phải kẻ cuồng tín bệnh hoạn và quá câu nệ về đạo đức. Kế đó là sự phân biện về điều thích hợp với hoàn cảnh, bao hàm các yếu tố của những quan hệ trên cõi hồng trần về công việc và tài chính, dẫn đến việc cân nhắc điều thiện cao nhất cho tất cả các bên liên hệ. Nhưng sau khi, qua tiến trình loại trừ tam phân này, đã đi đến một lập trường nào đó, vẫn nảy sinh những trường hợp trong đó sự lựa chọn còn tồn tại, mà cả lẽ thường lẫn lý trí hợp lý, có phân biện dường như đều không giúp được. Ước muốn chỉ là làm điều đúng; ý định là hành động theo cách cao nhất có thể và chọn đường lối hành động sẽ tạo ra điều thiện tốt nhất cho nhóm, hoàn toàn tách khỏi mọi cân nhắc cá nhân. Tuy vậy, ánh sáng trên Đường Đạo phải bước đi lại không được nhìn thấy; cánh cửa cần bước vào lại không được nhận ra, và con người vẫn ở trong trạng thái do dự liên miên. Vậy phải làm gì? Một trong hai điều:

First the aspirant can follow his inclination and choose that line of action out of the residue of possible lines which seems to him the wisest and the best. This involves belief in the working of the law of Karma and also [69] a demonstration of that firm decisiveness which is the best way in which his personality can learn to abide by the decisions of his own soul. It involves also the ability to go forward upon the grounds of the decision made, and so to abide by the results without forebodings or regrets.

Thứ nhất, người chí nguyện có thể đi theo khuynh hướng của mình và chọn, trong phần còn lại của những đường lối khả hữu, đường lối hành động nào đối với y dường như minh triết nhất và tốt nhất. Điều này bao hàm niềm tin vào sự vận hành của định luật Nghiệp quả, và cũng [69] là một sự biểu lộ của tính quyết đoán vững chắc, vốn là cách tốt nhất để phàm ngã của y học cách tuân theo các quyết định của chính linh hồn mình. Nó cũng bao hàm khả năng tiến tới trên nền tảng của quyết định đã được đưa ra, và như thế chấp nhận các kết quả mà không lo sợ hay hối tiếc.

Secondly, he can wait, resting back upon an inner sense of direction, knowing that in due time he will ascertain, through the closing of all doors but one, which is the way he should go. For there is only one open door through which such a man can go. Intuition is needed for its recognition. In the first case mistakes may be made, and the man thereby learns and is enriched; in the second case, mistakes are impossible and only right action can be taken.

Thứ hai, y có thể chờ đợi, nương tựa vào một cảm thức định hướng bên trong, biết rằng đúng lúc y sẽ xác định được, qua việc mọi cánh cửa đều khép lại ngoại trừ một cánh, đâu là con đường y phải đi. Vì chỉ có một cánh cửa mở qua đó một người như thế có thể đi. Trực giác là cần thiết để nhận ra cánh cửa ấy. Trong trường hợp thứ nhất, sai lầm có thể xảy ra, và nhờ đó con người học hỏi và được làm phong phú; trong trường hợp thứ hai, sai lầm là không thể có, và chỉ hành động đúng mới có thể được thực hiện.

It is obvious, therefore, that all resolves itself into an understanding of one's place upon the ladder of evolution. Only the highly advanced man can know the times and seasons and can adequately discern the subtle distinction between a psychic inclination and the intuition.

Do đó, rõ ràng là tất cả quy về việc thấu hiểu vị trí của mình trên chiếc thang tiến hoá. Chỉ người rất tiến hoá mới có thể biết thời điểm và chu kỳ, và có thể phân biện đầy đủ sự khác biệt tinh tế giữa một khuynh hướng thông linh và trực giác.

In considering these two ways of ultimate decision let not the man who should use his common sense and take a line of action based upon the use of the concrete mind, practice the higher method of waiting for a door to open. He is expecting too much in the place where he is. He has to learn through right decision and right use of the mind to solve his problems. Through this method he will grow, for the roots of intuitive knowledge are laid deep within the soul and the soul, therefore, must be contacted before the intuition can work. One hint only can here be given: —the intuition ever concerns itself with group activity and not with petty personal affairs. If you are still a man centered in the personality, recognize it, and with the equipment available, govern your actions. If you know yourself to be functioning as a soul and are lost in the interest of others, untrammeled by selfish desire, then [70] your just obligation will be met, your responsibilities

Khi xét hai cách quyết định tối hậu này, đừng để người cần dùng lẽ thường của mình và chọn một đường lối hành động dựa trên việc sử dụng trí cụ thể lại thực hành phương pháp cao hơn là chờ một cánh cửa mở ra. Y đang mong đợi quá nhiều ở vị trí hiện tại của mình. Y phải học cách giải quyết các vấn đề của mình qua quyết định đúng và việc sử dụng đúng thể trí. Nhờ phương pháp này y sẽ trưởng thành, vì các rễ của tri thức trực giác được đặt sâu trong linh hồn, và do đó phải tiếp xúc được với linh hồn trước khi trực giác có thể hoạt động. Ở đây chỉ có thể đưa ra một gợi ý: trực giác luôn liên quan đến hoạt động nhóm, chứ không liên quan đến những việc cá nhân nhỏ nhặt. Nếu bạn vẫn là một người tập trung trong phàm ngã, hãy nhận ra điều đó, và với trang bị sẵn có, hãy điều khiển các hành động của mình. Nếu bạn biết mình đang vận hành như một linh hồn và quên mình trong mối quan tâm đến người khác, không bị ham muốn ích kỷ trói buộc, thì [70] nghĩa vụ chính đáng của

shouldered, your group work carried forward, and the way will unfold before you, whilst you do the next thing and fulfill the nest duty. Out of duty, perfectly performed, will emerge those larger duties which we call world work; out of the carrying of family responsibilities will come that strengthening of our shoulders which will enable us to carry those of the larger group. What, then, is the criterion?

bạn sẽ được đáp ứng, trách nhiệm của bạn sẽ được gánh vác, công việc nhóm của bạn sẽ được tiến hành, và con đường sẽ khai mở trước bạn, trong khi bạn làm điều kế tiếp và chu toàn bổn phận kế tiếp. Từ bổn phận được thực hiện một cách hoàn hảo sẽ nảy sinh những bổn phận lớn lao hơn mà chúng ta gọi là công việc thế giới; từ việc gánh vác trách nhiệm gia đình sẽ đến sự làm mạnh đôi vai chúng ta, giúp chúng ta có thể gánh vác trách nhiệm của nhóm lớn hơn. Vậy tiêu chuẩn là gì?

For the high grade aspirant, let me repeat, the choice of action depends upon a sound use of the lower mind, the employment of a sane common-sense and the forgetfulness of selfish comfort and personal ambition. This leads to the fulfillment of duty. For the disciple there will be the automatic and necessary carrying forward of all the above, plus the use of the intuition which will reveal the moment when wider group responsibilities can be justly shouldered and carried simultaneously with those of the smaller group. Ponder on this. The intuition reveals not the way ambition can be fed, nor the manner in which desire for selfish advancement can be gratified.

Đối với người chí nguyện bậc cao, tôi xin nhắc lại, sự lựa chọn hành động tùy thuộc vào việc sử dụng lành mạnh hạ trí, vào việc vận dụng lẽ thường đúng đắn, và vào sự quên đi tiện nghi ích kỷ cùng tham vọng cá nhân. Điều này dẫn đến sự chu toàn bổn phận. Đối với đệ tử, tất cả những điều trên sẽ được thực hiện một cách tự động và cần thiết, cộng thêm việc sử dụng trực giác, vốn sẽ mặc khải thời điểm khi các trách nhiệm nhóm rộng lớn hơn có thể được gánh vác một cách chính đáng và được mang đồng thời với trách nhiệm của nhóm nhỏ hơn. Hãy suy ngẫm về điều này. Trực giác không mặc khải cách nuôi dưỡng tham vọng, cũng không chỉ ra phương thức thỏa mãn ham muốn tiến thân ích kỷ.

RULE TWO

When the shadow hath responded, in meditation deep the work proceedeth. The lower light is thrown upward; the greater light illuminates the three, and the work of the four proceedeth.

Khi cái bóng đã đáp ứng, trong thiền định sâu thẳm, công việc tiến triển. Ánh sáng thấp được ném lên trên; ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba, và công việc của bốn tiến triển.

Hindrances to Occult Study

[73]

This rule is one of the most difficult in the book and yet one of the most comprehensive. It will take us some time rightly to handle it. We have in it an interesting illustration of the microcosmic correspondence to the macrocosm. It can be elucidated in two ways in relation to the light it mentions.

[73]

Quy luật này là một trong những quy luật khó nhất trong sách, nhưng cũng là một trong những quy luật bao quát nhất. Chúng ta sẽ cần một thời gian để tìm hiểu nó một cách đúng đắn. Trong quy luật này, chúng ta có một minh họa thú vị về sự tương ứng giữa tiểu thiên địa và đại thiên địa. Có thể làm sáng tỏ quy luật này theo hai cách, xét trong mối liên hệ với ánh sáng được đề cập trong đó.

Reference is made to the "greater light" which illuminates the three and, secondly, to the throwing upward of the "lower light".

Trước hết, quy luật nói đến "ánh sáng lớn hơn" soi sáng cả ba, và thứ hai, đến việc phóng "ánh sáng thấp hơn" lên trên.

The "greater light" is that of the soul, who is light itself illuminating the manifestation of the three-fold personality. Herein lies the correspondence to the macrocosm as it is symbolized for us in God, the manifesting light of the solar system. The solar system is three in one, or one in three, and the light of the Logos illuminates the whole. The "lower light" is that which is hidden within the human being on the physical plane. This light, at a certain stage of man's experience, is awakened throughout the physical body and blends eventually with the "greater light". The light and life of God Himself may emanate from the central Spiritual Sun, but

"Ánh sáng lớn hơn" là ánh sáng của linh hồn, vốn chính là ánh sáng, soi sáng sự biểu hiện của phàm ngã tam phân. Chính trong điều này có sự tương ứng với Đại thiên địa, như được biểu tượng hóa cho chúng ta nơi Thượng đế, ánh sáng biểu hiện của hệ mặt trời. Hệ mặt trời là ba trong một, hay một trong ba, và ánh sáng của Thượng đế soi sáng toàn thể. "Ánh sáng thấp" là ánh sáng ẩn trong con người trên cõi hồng trần. Ánh sáng này, ở một giai đoạn nào đó trong kinh nghiệm của con người, được đánh thức khắp thể xác và sau cùng hòa nhập với "ánh sáng lớn hơn". Ánh sáng và sự sống của chính Thượng đế có thể phát ra từ Mặt trời Tinh

it is only as the light within the solar system itself is awakened and aroused that there will come that eventual blazing forth which will typify the glory of the Sun shining in its strength. Similarly, the light of the soul may emanate from the Monad, but it is only as the light within the little system (directed by the soul) is awakened and aroused that there will come the eventual shining forth of a son of God.

thần Trung Ương, nhưng chỉ khi ánh sáng bên trong chính hệ mặt trời được đánh thức và khơi dậy thì sự bừng sáng cuối cùng mới xảy đến, biểu thị vinh quang của Mặt Trời chiếu rạng trong sức mạnh của nó. Tương tự, ánh sáng của linh hồn có thể phát ra từ chân thần, nhưng chỉ khi ánh sáng trong hệ thống nhỏ bé, do linh hồn điều khiển, được đánh thức và khơi dậy thì sự tỏa sáng cuối cùng của một Con của Thượng đế mới xuất hiện.

[74]

[74]

In these instructions, however, we are dealing primarily with the microcosm and the light within it; we shall not enlarge upon the macrocosmic analogies.

Tuy nhiên, trong các huấn thị này, chúng ta chủ yếu đề cập đến Tiểu thiên địa và ánh sáng bên trong nó; chúng ta sẽ không mở rộng về các tương đồng Đại thiên địa.

In considering this second rule, we must note that a conscious relation has been established between the soul and its shadow, the man on the physical plane. Both have been meditating. Students would do well to note this and to remember that one of the objectives of the daily meditation is to enable the brain and mind to vibrate in unison with the soul as it seeks "in meditation deep" to communicate with its reflection.

Khi xét quy luật thứ hai này, chúng ta phải lưu ý rằng một mối liên hệ có ý thức đã được thiết lập giữa linh hồn và bóng của nó, tức con người trên cõi hồng trần. Cả hai đều đã tham thiền. Các đạo sinh nên lưu ý điều này và nhớ rằng một trong những mục tiêu của tham thiền hằng ngày là làm cho bộ não và thể trí có thể rung động đồng điệu với linh hồn khi linh hồn tìm cách, "trong thiền định sâu sắc," giao tiếp với hình phản chiếu của mình.

The correspondence to this relation, or synchronizing vibration is interesting:

Sự tương ứng với mối liên hệ này, hay sự rung động đồng bộ này, thật thú vị:

Soul.....Man on the Physical Plane

Linh hồn.....Con người trên Cõi Hồng Trần

Mind.....Brain

Thể trí.....Bộ não

Pineal Gland.....Pituitary Body

Tuyến tùng.....Tuyến yên

The relation also between the centers, and their synchronization is interesting and in it

Mối liên hệ giữa các trung tâm, cùng sự đồng bộ của chúng, cũng thật thú vị; và trong đó được tóm lược sự tiến hoá của nhân loại

is epitomized the evolution of the race as well as the racial unit, man.

cũng như của đơn vị nhân loại, tức con người.

Head Center.....Base of the Spine

Trung tâm đầu.....Đáy cột sống

Heart Center.....Solar Plexus

Trung tâm tim.....Tùng thái dương

Throat Center.....Sacral Center

Trung tâm cổ họng.....Trung tâm xương cùng

In the above lies a hint for the more advanced student (and he is the one who hesitates so to regard himself). It is also symbolized for us in the relation between the Eastern and the Western hemispheres and between those great bodies of truth which we call Religion and Science.

Trong những điều trên có một gợi ý dành cho đạo sinh tiến xa hơn, và y chính là người do dự khi tự xem mình như vậy. Điều này cũng được biểu tượng hóa cho chúng ta trong mối liên hệ giữa bán cầu Đông và bán cầu Tây, cũng như giữa những khối chân lý lớn lao mà chúng ta gọi là Tôn giáo và Khoa học.

The life of meditation proceeds and the rapport between the soul and its triple instrument becomes steadily closer, and the resulting vibration more powerful. How many lives this will take depends upon various factors, which are too numerous to be mentioned here but which the student will find it useful to consider. Let him list the factors which he feels he needs to take into account as he seeks to decide his evolutionary standpoint. [75]

Đời sống tham thiền tiếp diễn, mối giao cảm giữa linh hồn và khí cụ tam phân của nó ngày càng trở nên gần gũi hơn, và rung động phát sinh ngày càng mạnh mẽ hơn. Điều này sẽ cần bao nhiêu kiếp sống tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, quá nhiều để có thể nêu ra ở đây, nhưng đạo sinh sẽ thấy hữu ích khi suy xét chúng. Hãy để y liệt kê những yếu tố mà y cảm thấy cần lưu ý khi tìm cách xác định vị trí tiến hoá của mình. [75]

The result of this response is a reorientation of the lower man in order to produce a synthesis of the Three and the One so that the work of the Four may proceed. Here you have the reflection consummated in the microcosm of that with which the Solar Logos started, the “Sacred Four” of the Cosmos; man in his turn becomes a “Sacred Four”—spirit and the three of manifestation.

Kết quả của sự đáp ứng này là sự tái định hướng của phàm nhân nhằm tạo ra một tổng hợp của Ba và Một, để công việc của Bốn có thể tiếp diễn. Ở đây các bạn có sự phản chiếu được hoàn tất trong Tiểu thiên địa của điều mà Thái dương Thượng đế đã khởi đầu: “Bộ Bốn Thiêng Liêng” của Vũ trụ; đến lượt mình, con người trở thành một “Bộ Bốn Thiêng Liêng” — tinh thần và bộ ba của sự biểu hiện.

Four words should be pondered upon here:

1. Communication

2. Response

3. Reorientation

4.Union

The Old Commentary expresses it in the following terms:

"When communion is established, words are forthwith used, and mantric law assumes its rightful place, provided that the One communicates the words and the three remain in silence.

"When response is recognized as emanating from the three, the One, in silence, listens. The roles are changed. A three-fold word issues from out the triple form. A turning round is caused. The eyes no longer look upon the world of form; they turn within, focus the light, and see, revealed, an inner world of being. With this the Manas stills itself, for eyes and mind are one.

"The heart no longer beats in tune with low desire, nor wastes its love upon the things that group and hide the Real. It beats with rhythm new; it pours its love upon the Real, and Maya fades away. Kama and heart are close allied; love and desire form one whole —one seen at night, the other in the light of day....

Bốn từ cần được suy ngẫm ở đây:

1. Giao tiếp

2. Đáp ứng

3. Tái định hướng

4. Hợp nhất

Cổ Luận diễn đạt điều này bằng những lời sau:

"Khi sự giao cảm được thiết lập, linh từ liền được sử dụng, và định luật mantram đảm nhận vị trí chính đáng của nó, miễn là Đấng Duy Nhất truyền đạt lời, còn bộ ba giữ im lặng.

"Khi sự đáp ứng được nhận ra là phát ra từ bộ ba, Đấng Duy Nhất, trong im lặng, lắng nghe. Các vai trò được đổi thay. Một lời tam phân phát ra từ hình tướng tam phân. Một sự xoay chiều được gây nên. Đôi mắt không còn nhìn vào thế giới của hình tướng; chúng quay vào trong, tập trung ánh sáng, và thấy, được mặc khải, một thế giới bản thể nội tại. Với điều này, trí tuệ lắng yên, vì mắt và thể trí là một.

"Trái tim không còn đập theo nhịp với dục vọng thấp, cũng không lãng phí tình thương của nó trên những sự vật tụ hợp và che giấu Cái Thực. Nó đập theo nhịp điệu mới; nó tuôn tình thương của mình lên Cái Thực, và ảo lực phai tàn. Dục vọng và trái tim liên minh chặt chẽ; tình thương và ham muốn tạo thành một toàn thể — cái này được thấy trong đêm, cái kia trong ánh sáng ban ngày....

.....

"When fire and love and mind submit themselves, sounding the three-fold word, there comes response.

"The One enunciates a word which drowns the triple sound. God speaks. A quivering and a shaking in the form responds. The new stands forth, a man remade; the form rebuilt; the house prepared. The fires unite, and [76] great the light that shines: the three merge with the One and through the blaze a four-fold fire is seen."

In this pictorial writing which I have sought to convey in modern English, the sages of old embodied an idea. *The Old Commentary* from which these words are taken has no assignable date. Should I endeavor to tell you its age I have no means of proving the truth of my words and hence would be faced with credulity—a thing aspirants must avoid in their search for the essential and Real. I have sought in the above few phrases to give the gist of what is expressed in the Commentary, through the means of a few symbols and a cryptic text. These old Scriptures are not read in the way modern students read books. They are seen, touched and realized. The meaning is disclosed in a flash. Let me illustrate: —The words "the One enunciates the word which drowns the triple sound" are depicted by a shaft of light ending in a symbolic word in gold superimposed over three symbols in black, rose and green. Thus are the secrets guarded with care.

.....

"Khi lửa, tình thương và thể trí tự quy phục, xướng lên lời tam phân, thì sự đáp ứng xuất hiện.

"Đấng Duy Nhất phát âm một lời nhấn chìm âm thanh tam phân. Thượng đế phán. Một sự rung động và chấn động trong hình tướng đáp ứng. Cái mới hiện ra, một con người được tái tạo; hình tướng được xây dựng lại; ngôi nhà được chuẩn bị. Các ngọn lửa hợp nhất, và [76] ánh sáng chiếu rạng thật lớn lao: bộ ba hòa vào Đấng Duy Nhất, và xuyên qua ánh rực cháy, một ngọn lửa tứ phân được thấy."

Trong lối viết bằng hình ảnh này, điều mà tôi đã tìm cách chuyển tải bằng tiếng Anh hiện đại, các bậc hiền triết xưa đã kết tinh một ý tưởng. *Cổ Luận*, nơi những lời này được trích ra, không có niên đại có thể xác định. Nếu tôi cố nói cho các bạn biết tuổi của nó, tôi không có phương tiện nào để chứng minh sự thật trong lời mình, và vì thế sẽ phải đối diện với sự cả tin — một điều mà những người chí nguyện phải tránh trong cuộc tìm kiếm cái cốt yếu và Cái Thực. Trong vài câu trên, tôi đã tìm cách đưa ra phần cốt lõi của điều được diễn đạt trong Luận, qua phương tiện của một vài biểu tượng và một văn bản bí ẩn. Những Thánh thư cổ này không được đọc theo cách các đạo sinh hiện đại đọc sách. Chúng được thấy, được chạm đến và được chứng nghiệm. Ý nghĩa được hé lộ trong một tia chớp. Hãy để tôi minh họa: những lời "Đấng Duy Nhất phát âm lời nhấn chìm âm thanh tam phân" được mô tả bằng một tia sáng kết thúc nơi một từ biểu tượng bằng vàng, chồng lên trên ba biểu tượng màu đen, hồng và xanh lục. Như vậy các bí mật được gìn giữ cẩn trọng.

I felt it might be of interest to students to know this much about this ancient test book of the Adepts.

Tôi cảm thấy có thể sẽ hữu ích cho các đạo sinh khi biết được bấy nhiêu về sách giáo khoa cổ xưa này của các Chân sư.

Our consideration of this rule will fall into two parts:

Việc chúng ta xét quy luật này sẽ chia thành hai phần:

The relation between the soul and the personality. This will be handled particularly with reference to meditation in the daily life, more than from the theoretical and the academical.

Mối liên hệ giữa linh hồn và phàm ngã. Điều này sẽ được xử lý đặc biệt trong tương quan với tham thiền trong đời sống hằng ngày, hơn là từ phương diện lý thuyết và hàn lâm.

The significance of the words, “the lower light is thrown upward.” These deal with the centers and the Kundalini Fire.

Thâm nghĩa của những lời “Ánh sáng thấp được ném lên trên.” Những lời này đề cập đến các trung tâm và Lửa hỏa xà.

I would like here to point out the advisability of each student arriving at an understanding of his etheric body, and this for certain reasons.

Ở đây, tôi muốn chỉ ra rằng mỗi đạo sinh nên đi đến một sự thấu hiểu về thể dĩ thái của mình, và điều này vì một số lý do nhất định.

First, the etheric body is the next aspect of the world substance to be studied by scientists and investigators. This time will be hastened if thinking men and women [77] can formulate intelligent ideas anent this interesting subject. We can aid in the revelation of the truth by our clear thinking and from the standpoint of the present pronouncements about the ether, scientists will eventually arrive at an understanding of etheric forms or bodies.

Thứ nhất, thể dĩ thái là phương diện kế tiếp của chất liệu thế giới sẽ được các nhà khoa học và nhà nghiên cứu khảo sát. Thời điểm này sẽ được thúc nhanh nếu những người nam và nữ biết suy nghĩ [77] có thể hình thành những ý tưởng thông minh về chủ đề thú vị này. Chúng ta có thể hỗ trợ sự mặc khải chân lý bằng tư duy rõ ràng của mình; và từ lập trường của những tuyên bố hiện nay về dĩ thái, các nhà khoa học rốt cuộc sẽ đi đến sự thấu hiểu các hình tướng hay các thể dĩ thái.

Secondly, the etheric body is composed of force currents, and in it are vital centers linked by lines of force with each other and with the nervous system of the physical man. Through these lines of force, it is connected also with the etheric body of the environing system. Note that in this lies the basis for a belief in immortality, for the law

Thứ hai, thể dĩ thái được cấu thành bởi các dòng mãnh lực, và trong đó có các trung tâm sinh lực được liên kết với nhau và với hệ thần kinh của con người hồng trần bằng các đường mãnh lực. Qua những đường mãnh lực này, nó cũng được nối kết với thể dĩ thái của hệ thống bao quanh. Hãy lưu ý rằng chính trong điều này có nền tảng cho niềm

of brotherhood or unity and for astrological truth.

tin vào sự bất tử, cho định luật huynh đệ hay hợp nhất, và cho chân lý chiêm tinh.

Thirdly, the need of realizing that the etheric body is vitalized and controlled by thought and can (through thought) be brought into full functioning activity. This is done by right thinking and not by breathing exercises and holding the nose. When this is grasped, much dangerous practice will be avoided and people will come into a normal and safe control of that most potent instrument, the vital body. That this end may rapidly be consummated is my earnest wish.

Thứ ba, cần nhận ra rằng tư tưởng tiếp sinh lực và kiểm soát thể dĩ thái, và có thể, qua tư tưởng, được đưa vào hoạt động đầy đủ. Điều này được thực hiện bằng tư duy đúng, chứ không phải bằng các bài tập thở và việc bịt mũi. Khi điều này được nắm vững, nhiều thực hành nguy hiểm sẽ được tránh, và con người sẽ đi đến sự kiểm soát bình thường và an toàn đối với khí cụ đầy quyền năng ấy, tức thể sinh lực. Ước nguyện tha thiết của tôi là mục tiêu này có thể nhanh chóng được hoàn tất.

Occult study is of profound importance, and students of these sciences must bring to bear upon them, all that they have of mental application and concentrated attention. It involves also the steady working out of the truths learnt.

Việc nghiên cứu huyền bí có tầm quan trọng sâu xa, và các đạo sinh của những khoa học này phải đem vào đó tất cả năng lực ứng dụng trí tuệ và sự chú tâm tập trung mà họ có. Nó cũng bao hàm việc kiên trì thực hành các chân lý đã học.

Occult study, as understood in the Occident, is intellectually investigated but not practically followed. Theoretically some glimmering of light may be appreciated by the man who aspires to the occult path, but the systematic working out of the laws involved has made small progress as yet.

Nghiên cứu huyền bí, như được hiểu ở phương Tây, được khảo sát bằng trí năng nhưng chưa được thực hành trong thực tế. Về mặt lý thuyết, một vài tia sáng lờ mờ có thể được người khát vọng bước vào con đường huyền bí nhận biết, nhưng việc thực hành có hệ thống các định luật liên quan cho đến nay vẫn đạt rất ít tiến bộ.

Wherein lies the hindrance? It may be of value if we study three things: [78]

Trở ngại nằm ở đâu? Có thể hữu ích nếu chúng ta nghiên cứu ba điều: [78]

1. The Occidental hindrances to correct occult study.

1. Những trở ngại của phương Tây đối với việc nghiên cứu huyền bí đúng đắn.

2. How these hindrances may be surmounted.

2. Làm thế nào các trở ngại này có thể được vượt qua.

3. Certain things the aspirant may safely undertake in the equipping of himself for

3. Một số điều người chí nguyện có thể an toàn đảm nhận trong việc trang bị cho mình

treading the occult path, for that is the stage, and for the majority, the only stage at present possible.

để bước trên con đường huyền bí, vì đó là giai đoạn, và đối với đa số, là giai đoạn duy nhất hiện nay có thể có.

One of the main hindrances to the correct apprehension of the laws of occultism and their practical application lies in the fact of the comparative newness of the occident, and the rapid changes which have been the outstanding feature of European and American civilisation. The history of Europe dates back a bare three thousand years, and that of America, as we know, barely as many centuries. Occultism flourishes in a prepared atmosphere, in a highly magnetised environment, and in a settled condition which is the result of age-long work upon the mental plane.

Một trong những trở ngại chính đối với sự lĩnh hội đúng đắn các định luật của huyền bí học và sự áp dụng thực tiễn của chúng nằm ở sự kiện rằng phương Tây tương đối còn mới, và những thay đổi nhanh chóng đã là đặc điểm nổi bật của nền văn minh châu Âu và châu Mỹ. Lịch sử châu Âu chỉ lùi lại vỏn vẹn ba nghìn năm, còn lịch sử châu Mỹ, như chúng ta biết, chỉ xấp xỉ ba thế kỷ. Huyền bí học phát triển trong một bầu không khí đã được chuẩn bị, trong một môi trường được từ hóa cao độ, và trong một tình trạng ổn định vốn là kết quả của công việc lâu dài trên cõi trí.

This is one reason why India provides such an adequate school of endeavour. There knowledge of occultism dates back tens of thousands of years and time has set its mark even upon the physique of the people, providing them with bodies which offer not that resistance which occidental bodies so oft afford. The environment has been long permeated with the strong vibrations of the great Ones who reside within its borders and who, in Their passage to and fro, and through Their proximity, continuously magnetise the environing ether. This in itself affords another line of least resistance, for this etheric magnetisation affects the etheric bodies of the contacted population. These two facts, of time and of high vibration, result in that stability of rhythm which facilitates occult work, and offer a quiet field for mantric and ceremonial enterprise.

Đây là một lý do khiến Ấn Độ cung cấp một trường học nỗ lực thích hợp đến thế. Ở đó, tri thức về huyền bí học có từ hàng chục nghìn năm, và thời gian đã ghi dấu ấn ngay cả trên thể chất của người dân, cung cấp cho họ những thân thể không tạo ra sự kháng cự mà các thân thể phương Tây thường gây nên. Môi trường đã từ lâu thấm nhuần các rung động mạnh mẽ của các Đấng Cao Cả cư ngụ trong biên giới của nó, và các Ngài, trong khi qua lại và nhờ sự gần gũi của mình, liên tục từ hóa dĩ thái bao quanh. Chính điều này tạo nên một con đường ít trở ngại nhất khác, vì sự từ hóa dĩ thái này ảnh hưởng đến các thể dĩ thái của dân cư được tiếp xúc. Hai sự kiện này, về thời gian và rung động cao, dẫn đến sự ổn định của nhịp điệu, vốn tạo thuận lợi cho công việc huyền bí, và cung cấp một trường yên tĩnh cho công trình mantram và nghi lễ.

These conditions are not to be found in the West, where constant change in every branch of life is found, where [79] frequent

Những điều kiện này không có ở phương Tây, nơi người ta thấy sự thay đổi liên tục trong mọi ngành của đời sống, nơi [79] sự

rapid shifting of the scene of action causes wide areas of disturbance which militate against any work of a magic nature. The amount of force required to effect certain results does not warrant their use, and time has been allowed to elapse in an effort to produce an equilibrising effect.

chuyển dịch nhanh chóng và thường xuyên của khung cảnh hành động gây ra những vùng xáo trộn rộng lớn, chống lại bất kỳ công việc nào có bản chất huyền thuật. Lượng mãnh lực cần thiết để tạo ra một số kết quả nào đó không biện minh cho việc sử dụng chúng, và thời gian đã được phép trôi qua trong nỗ lực tạo ra một hiệu quả quân bình.

The climax of the disturbed condition has been passed, and a more stable state of affairs is gradually being brought about, and this may permit of definite occult work being attempted with success. The Master R. is working upon this problem, and likewise the Master of the English race, —not the Master who occupies Himself with the Labour Movement or the betterment of social conditions. They are aided by a disciple of rare capability in Sweden, and by an initiate in the southern part of Russia, who works much on the mental levels. Their aim is so to tap the resources of force stored up by the Nirmanakayas that its downflow may sweep out lower grade matter, and thus permit the free play of a higher vibration.

Đỉnh điểm của tình trạng xáo trộn đã qua, và một trạng thái sự việc ổn định hơn đang dần được tạo lập; điều này có thể cho phép công việc huyền bí xác định được thử nghiệm với thành công. Chân sư R. đang làm việc trên vấn đề này, và tương tự là Chân sư của dân tộc Anh — không phải Chân sư bận tâm đến Phong trào Lao động hay việc cải thiện các điều kiện xã hội. Các Ngài được trợ giúp bởi một đệ tử có năng lực hiếm có tại Thụy Điển, và bởi một điểm đạo đồ ở miền nam nước Nga, người làm việc nhiều trên các cấp độ trí tuệ. Mục tiêu của các Ngài là khai mở các nguồn mãnh lực được tích trữ bởi những Đấng phụng sự đã siêu thoát, để dòng tuôn đổ của nó có thể quét sạch vật chất cấp thấp, và như thế cho phép một rung động cao hơn hoạt động tự do.

Another hindrance may be found in the strong development of the concrete mind. I would here impress upon you that this development must in no way be considered a detriment. All has been in due course of evolution, and later when the Orient and the Occident have reached a point of better understanding and interplay their interaction will be of mutual benefit; the East will profit from the mental stimulation afforded by the strong mental vibration of its Western brother, whilst the Occidental will gain much from the abstract reasoning of the Oriental, and, through the effort to grasp that which the first subrace of the

Một trở ngại khác có thể được thấy trong sự phát triển mạnh mẽ của trí cụ thể. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh với các bạn rằng sự phát triển này tuyệt đối không nên được xem là một điều bất lợi. Tất cả đã diễn ra theo đúng tiến trình tiến hoá, và về sau, khi Đông phương và Tây phương đã đạt đến một điểm thấu hiểu và tương tác tốt hơn, sự tác động qua lại của họ sẽ đem lại lợi ích hỗ tương; phương Đông sẽ hưởng lợi từ sự kích thích trí tuệ do rung động trí tuệ mạnh mẽ của người huynh đệ phương Tây đem lại, trong khi người phương Tây sẽ thu được nhiều từ lý luận trừu tượng của người phương Đông; và qua nỗ lực nắm bắt điều mà giống dân

Aryan root race so easily apprehended, he will contact his higher mind, and thus build with greater facility the bridge between the higher and the lower mind. The two types need each other, and their effect upon each other tends to eventual synthesis. [80]

phụ thứ nhất của giống dân gốc Arya đã lĩnh hội rất dễ dàng, y sẽ tiếp xúc với Thượng trí của mình, và như thế xây dựng dễ dàng hơn cây cầu giữa thượng trí và hạ trí. Hai loại hình này cần nhau, và ảnh hưởng của họ đối với nhau hướng đến tổng hợp cuối cùng. [80]

The concrete mind, in itself, offers opportunity for a treatise of great length, but here it will suffice to point out a few of the ways in which it hinders those races who so paramountly represent it.

Trí cụ thể, tự nó, cung cấp cơ hội cho một khảo luận rất dài, nhưng ở đây chỉ cần chỉ ra một vài cách thức mà nó cản trở những nhân loại đại diện nổi bật cho nó.

a. By its intense activity and stimulated action it hinders the downflow of inspiration from on high. It acts as a dark curtain that shuts out the higher illumination. Only through steadiness and a stable restfulness can that illumination percolate, via the higher bodies, to the physical brain and so be available for practical service.

a. Bằng hoạt động mãnh liệt và tác động được kích thích của mình, nó cản trở dòng chảy xuống của cảm hứng từ trên cao. Nó hoạt động như một bức màn tối che khuất sự soi sáng cao hơn. Chỉ qua sự vững vàng và trạng thái an nghỉ ổn định, sự soi sáng ấy mới có thể thấm qua các thể cao hơn đến bộ não hồng trần, và nhờ vậy trở nên khả dụng cho phụng sự thực tiễn.

b. The wisdom of the Triad exists for the use of the personality, but is barred by the disquisitions of the lower mind. When the fire of mind burns too fiercely, it forms a current which counteracts the higher downflow, and forces the lower fire back into seclusion. Only when the three fires meet, through the regulation of the middle fire of mind, can a full light be achieved, and the whole body be full of light, the fire from above—the triadal light—the fire of the lower self, —kundalini—and the fire of mind, —cosmic manas—must meet upon the altar. In their union comes the burning away of all that hinders and the completed emancipation.

b. Minh triết của Tam Nguyên Tinh Thần hiện hữu để phàm ngã sử dụng, nhưng bị ngăn chặn bởi các luận giải của hạ trí. Khi lửa của trí tuệ cháy quá dữ dội, nó tạo thành một dòng chảy chống lại dòng chảy xuống cao hơn, và buộc lửa thấp rút lui vào ẩn kín. Chỉ khi ba ngọn lửa gặp nhau, qua sự điều hòa ngọn lửa trung gian của trí tuệ, thì ánh sáng trọn vẹn mới có thể đạt được, và toàn bộ thân thể sẽ đầy ánh sáng; lửa từ trên cao — ánh sáng của Tam Nguyên Tinh Thần — lửa của phàm ngã, tức hỏa xà, và lửa của trí tuệ, tức manas vũ trụ, phải gặp nhau trên bàn thờ. Trong sự hợp nhất của chúng, tất cả những gì cản trở bị thiêu rụi và sự giải thoát hoàn tất xuất hiện.

c. By discrimination—a faculty of the concrete mental body—the lower bodies are trained in the art of distinguishing illusion from the centre of reality, the real from the

c. Bằng sự phân biện — một năng lực của thể trí cụ thể — các thể thấp được rèn luyện trong nghệ thuật phân biệt ảo tưởng với trung tâm của thực tại, cái thực với cái

unreal, the self from the not-self. Then ensues, consequently, a period that must be surmounted wherein the attention of the Ego is centred necessarily on the lower self and its vehicles, and wherein, therefore, the vibrations of the Triad, the laws that deal with macrocosmic evolution, and the subjugation of fire for the use of the [81] Divine, have temporarily to be in abeyance. When man quickly sees the truth in all that he contacts, and automatically chooses truth or the real, then he learns next the lesson of joyful action, and the path of bliss opens before him. When this is so, the path of occultism becomes possible for him, for the concrete mind has served its purpose, and has become his instrument and not his master, his interpreter and not his hinderer.

không thực, bản ngã với phi-ngã. Khi đó, hệ quả là xuất hiện một giai đoạn phải được vượt qua, trong đó sự chú ý của Chân ngã tất yếu tập trung vào phàm ngã và các hiện thể của nó; và do đó, các rung động của Tam Nguyên Tinh Thần, các định luật liên quan đến sự tiến hoá Đại thiên địa, và sự chế ngự lửa để dùng cho [81] cái Thiêng Liêng, tạm thời phải ở trong trạng thái đình chỉ. Khi con người nhanh chóng thấy chân lý trong mọi điều y tiếp xúc, và tự động chọn chân lý hay cái thực, bấy giờ y kế tiếp học bài học về hành động hoan hỉ, và con đường chí phúc mở ra trước y. Khi điều này xảy ra, con đường huyền bí học trở nên khả hữu đối với y, vì trí cụ thể đã phục vụ mục đích của nó, và đã trở thành khí cụ của y chứ không phải chủ nhân của y, thông dịch viên của y chứ không phải kẻ cản trở y.

d. The concrete mind hinders in another and more unusual way, and one that is not realised by the student who attempts, at first, to tread the thorny road of occult development. When the concrete mind is rampant, and dominates the entire personality the aspirant cannot cooperate with these other lives and diverse evolutions until love supersedes concrete mind (even though he may, in theory, comprehend the laws that govern the evolution of the Logoic plan and the development of other solar entities besides his own Hierarchy). Mind separates; love attracts. Mind creates a barrier betwixt a man and every suppliant deva. Love breaks down every barrier, and fuses diverse groups in union. Mind repels by a powerful, strong vibration, casting off all that is contacted, as a wheel casts off all that hinders its whirling periphery. Love gathers all to itself, and carries all on with itself, welding separated units into a unified homogeneous whole. Mind repels through its own abundant heat, scorching and burning aught that approaches it. Love

d. Trí cụ thể cản trở theo một cách khác và khác thường hơn, một cách mà đạo sinh, khi lần đầu cố bước trên con đường gai góc của sự phát triển huyền bí, không nhận ra. Khi trí cụ thể lan tràn và thống trị toàn bộ phàm ngã, người chí nguyện không thể hợp tác với các sự sống khác và các dòng tiến hoá đa dạng này cho đến khi tình thương thay thế trí cụ thể, dù về mặt lý thuyết y có thể thấu hiểu các định luật chi phối sự tiến hoá của Thiên Cơ Thượng đế và sự phát triển của các thực thể thái dương khác ngoài chính Huyền Giai của mình. Trí tuệ phân cách; tình thương thu hút. Trí tuệ tạo nên một rào chắn giữa con người và mọi thiên thần thỉnh cầu. Tình thương phá đổ mọi rào chắn, và dung hợp các nhóm đa dạng trong hợp nhất. Trí tuệ đẩy lui bằng một rung động mạnh mẽ và cường liệt, hất văng mọi điều được tiếp xúc, như một bánh xe hất văng mọi thứ cản trở chu vi đang quay của nó. Tình thương gom tất cả về với mình, và mang tất cả đi cùng mình, hàn gắn các đơn vị tách rời thành một toàn thể đồng nhất, hợp nhất. Trí tuệ đẩy lui qua sức nóng dồi dào của chính

soothes and heals by the similarity of its heat to the heat in that which it contacts, and blends its warmth and flame with the warmth and flame of other evolving lives. Finally, mind disrupts and destroys whilst love produces coherence and heals. [82]

nó, thiêu sém và đốt cháy bất cứ điều gì đến gần nó. Tình thương xoa dịu và chữa lành nhờ sự tương đồng giữa sức nóng của nó và sức nóng trong điều mà nó tiếp xúc, và hòa trộn hơi ấm cùng ngọn lửa của nó với hơi ấm và ngọn lửa của các sự sống đang tiến hoá khác. Sau cùng, trí tuệ phá vỡ và hủy diệt, trong khi tình thương tạo ra sự cố kết và chữa lành. [82]

Every change, in human life, is subject to immutable laws, if such a paradoxical statement may be permitted. In the attempt to find out those laws, in order to conform to them, the occultist begins to offset karma, and thus colours not the astral light. The only method whereby these laws can as yet be apprehended by the many who are interested is by a close study of the vicissitudes of daily existence, as spread over a long period of years. By the outstanding features of a cycle of ten years, for instance, as they are contrasted with the preceding or succeeding similar period a student can approximate the trend of affairs and guide himself thereby. When the point in evolution is reached where the student can contrast preceding lives, and gain knowledge of the basic colouring of his previous life cycle, then rapid progress in adjusting the life to law is made. When succeeding lives can be likewise apprehended by the student, and their colouring seen and known, then karma (as known in the three worlds) ceases, and the adept stands master of all causes and effects as they condition and regulate his lower vehicle.

Mọi thay đổi trong đời sống con người đều chịu sự chi phối của các định luật bất biến, nếu được phép nói một câu có vẻ nghịch lý như thế. Trong nỗ lực tìm ra các định luật ấy để thuận theo chúng, nhà huyền bí học bắt đầu hóa giải nghiệp quả, và nhờ vậy không nhuộm màu ánh sáng cảm dục. Phương pháp duy nhất mà nhờ đó các định luật này cho đến nay có thể được đông đảo những người quan tâm lĩnh hội là nghiên cứu kỹ các thăng trầm của đời sống hằng ngày, trải dài qua một thời kỳ nhiều năm. Chẳng hạn, qua những đặc điểm nổi bật của một chu kỳ mười năm, khi được đối chiếu với một thời kỳ tương tự trước đó hoặc sau đó, đạo sinh có thể ước đoán xu hướng của sự việc và nhờ đó tự hướng dẫn mình. Khi đạt đến điểm tiến hoá mà đạo sinh có thể đối chiếu các kiếp sống trước, và thu được tri thức về sắc thái căn bản của chu kỳ đời sống trước của mình, bấy giờ sự tiến bộ nhanh chóng trong việc điều chỉnh đời sống theo định luật được thực hiện. Khi các kiếp sống kế tiếp cũng có thể được đạo sinh lĩnh hội tương tự, và sắc thái của chúng được thấy và được biết, bấy giờ nghiệp quả, như được biết trong ba cõi thấp, chấm dứt, và chân sư đứng làm chủ mọi nguyên nhân và kết quả khi chúng tác động và điều hòa hiện thể thấp của y.

He aspires to the occult path and considers changes and events in the light of all preceding events, and the longer and more

Y khát vọng bước vào con đường huyền bí và xem xét các thay đổi cùng biến cố dưới ánh sáng của mọi biến cố trước đó; ký ức của y

accurate his memory the more he can dominate all possible situations.

càng dài và càng chính xác, y càng có thể làm chủ mọi tình huống khả hữu.

Thus two of the hindrances will be found to be:

Như vậy, hai trong số các trở ngại sẽ được thấy là:

a. The comparative newness and change which is characteristic of the Occident.

a. Tính tương đối mới mẻ và sự thay đổi vốn là đặc trưng của phương Tây.

b. The development of the concrete mind.

b. Sự phát triển của trí cụ thể.

Our third hindrance grows out of the preceding one. It consists of the emphasis that has been laid in the West upon the material side of things. This has resulted in a three-fold condition of affairs. First, the world of spirit, or the formless abstract world of subjective consciousness is not recognised in a scientific sense. It is recognised [83] innately by those of mystic temperament, and by those who are able to study the subjective history of men and races, but science recognises not this aspect of manifestation, nor do scientific men, as a whole, believe in a world of super-physical endeavour. All that in the earlier races held paramount place in the lives and thought of the peoples is now approached sceptically, and discussions are preceded by a question mark. But progress has been made and much has arisen out of the war. The question, for instance, is rapidly changing from the formula "Is there a life after death?" to the enquiry "Of what nature is the future life?" and this is a portent of much encouragement.

Trở ngại thứ ba của chúng ta phát sinh từ trở ngại trước. Nó gồm sự nhấn mạnh đã được đặt ở phương Tây vào mặt vật chất của sự vật. Điều này đã dẫn đến một tình trạng sự việc tam phân. Thứ nhất, thế giới của tinh thần, hay thế giới trừu tượng vô hình tướng của tâm thức chủ quan, không được thừa nhận theo nghĩa khoa học. Nó được thừa nhận [83] một cách bẩm sinh bởi những người có khí chất thần bí, và bởi những người có khả năng nghiên cứu lịch sử chủ quan của con người và các nhân loại, nhưng khoa học không thừa nhận phương diện này của sự biểu hiện, và nói chung, các nhà khoa học không tin vào một thế giới nỗ lực siêu hồng trần. Tất cả những gì trong các nhân loại sơ khai từng giữ vị trí tối thượng trong đời sống và tư tưởng của các dân tộc, nay được tiếp cận bằng thái độ hoài nghi, và các cuộc thảo luận được đặt trước một dấu hỏi. Nhưng đã có tiến bộ, và nhiều điều đã nảy sinh từ chiến tranh. Chẳng hạn, câu hỏi đang nhanh chóng chuyển từ công thức "Có sự sống sau khi chết không?" sang sự tìm hiểu "Đời sống tương lai có bản chất như thế nào?", và đây là một điềm báo rất đáng khích lệ.

Secondly, the masses of the people are suffering from suppression and from the effects of inhibition. Science has said, There is no God and no spirit within man. Religion has said, There must be a God, but where

Thứ hai, quần chúng đang chịu khổ vì sự đè nén và các tác động của sự ức chế. Khoa học đã nói: Không có Thượng đế và không có tinh thần trong con người. Tôn giáo đã nói: Phải có một Thượng đế, nhưng Ngài có thể

may He be found? The masses say, We desire not a God constructed by the brains of theologians. Therefore the true inner comprehension finds no room for expansion, and the activity that should be finding its legitimate expression in the higher aspiration, turns itself to the deification of things, —things pertaining to flesh, connected with the emotions, or having a relation to the mind. The war, again, has accomplished much by relegating things to their just position, and, by the removal of possessions, many have learnt the value of essentials, and the necessity of eliminating that which is superfluous.

được tìm thấy ở đâu? Quần chúng nói: Chúng tôi không muốn một Thượng đế do bộ não của các nhà thần học dựng nên. Do đó, sự thấu hiểu nội tại chân thật không tìm được chỗ để mở rộng, và hoạt động vốn phải tìm thấy sự biểu lộ chính đáng của nó trong khát vọng cao hơn lại quay sang thần thánh hóa các sự vật — những sự vật thuộc về xác thịt, liên hệ với cảm xúc, hoặc có quan hệ với thể trí. Một lần nữa, chiến tranh đã làm được nhiều điều bằng cách đưa sự vật về vị trí chính đáng của chúng; và qua việc mất đi tài sản, nhiều người đã học được giá trị của những điều thiết yếu và sự cần thiết phải loại bỏ những gì dư thừa.

A third condition of affairs grows out of the above two. A right apprehension of the future does not exist. When the life of the spirit is negated, when the manifesting life concentrates itself on things concrete and apparent then the true goal of existence disappears, the true incentive to right living is lost, and the sarcastic words of the initiate, Paul, “Let us eat and drink for tomorrow we die” characterise the attitude of the majority of men. [84]

Một tình trạng sự việc thứ ba phát sinh từ hai điều trên. Không tồn tại sự lĩnh hội đúng đắn về tương lai. Khi đời sống của tinh thần bị phủ nhận, khi sự sống đang biểu hiện tập trung vào những điều cụ thể và hiển hiện, thì mục tiêu chân thật của hiện hữu biến mất, động cơ chân thật cho đời sống đúng đắn bị mất đi, và những lời châm biếm của điểm đạo đồ Phao-lô: “Hãy ăn và uống, vì ngày mai chúng ta chết,” đặc trưng cho thái độ của đa số con người. [84]

Men deaden the inner voice that bears witness to the life hereafter, and they drown the words that echo in the silence by the noise and whirl of business, pleasure and excitement.

Con người làm tê liệt tiếng nói bên trong vốn làm chứng cho đời sống mai sau, và họ nhấn chìm những lời vang vọng trong im lặng bằng tiếng ồn và vòng xoáy của công việc, khoái lạc và kích động.

The whole secret of success in treading the occult path depends upon an attitude of mind; when the attitude is one of concrete materialism, of concentration upon form, and a desire for the things of the present moment, little progress can be made in apprehending the higher esoteric truth.

Toàn bộ bí quyết thành công trong việc bước trên con đường huyền bí tùy thuộc vào một thái độ của thể trí; khi thái độ ấy là chủ nghĩa duy vật cụ thể, là sự tập trung vào hình tướng, và là ham muốn những sự vật của khoảnh khắc hiện tại, thì rất ít tiến bộ có thể được thực hiện trong việc lĩnh hội chân lý huyền bí cao hơn.

A fourth hindrance is found in the physical body, which has been built up by the aid of meat and fermented foods and drinks, and nurtured in an environment in which fresh air and sunlight are not paramount factors. I am here generalising, and speaking for the masses of men, and not for the would-be earnest occult student. For long centuries food that has been decomposing, and hence in a condition of fermentation, has been the basic food of the occidental races; and the result can be seen in bodies unfitted for any strain such as occultism imposes, and which form a barrier to the clear shining forth of the life within. When fresh fruit and vegetables, clear water, nuts and grains, cooked and uncooked, form the sole diet of the evolving sons of men, then will be built bodies fitted to be vehicles for highly evolved Egos. They patiently await the turning of the wheel, and the coming in of a cycle which will permit of their fulfilling their destiny. The time is not yet, and the work of elimination and adjustment must be slow and tedious.

Một trở ngại thứ tư được tìm thấy trong thể xác, vốn đã được xây dựng với sự hỗ trợ của thịt, thức ăn và đồ uống lên men, và được nuôi dưỡng trong một môi trường nơi không khí trong lành và ánh sáng mặt trời không phải là những yếu tố chủ đạo. Ở đây tôi đang nói khái quát, và nói cho đại chúng, chứ không nói cho người đạo sinh huyền bí nghiêm túc đang mong muốn trở thành như vậy. Trong nhiều thế kỷ dài, thức ăn đang phân hủy, và do đó ở trong trạng thái lên men, đã là thức ăn căn bản của các nhân loại phương Tây; và kết quả có thể thấy trong những thân thể không thích hợp với bất kỳ sự căng thẳng nào như huyền bí học áp đặt, và tạo thành một rào chắn đối với sự tỏa sáng rõ ràng của sự sống bên trong. Khi trái cây và rau củ tươi, nước trong, các loại hạt và ngũ cốc, đã nấu hoặc chưa nấu, trở thành chế độ ăn duy nhất của những người con của nhân loại đang tiến hoá, bấy giờ những thân thể thích hợp làm hiện thể cho các Chân ngã tiến hoá cao sẽ được xây dựng. Các Ngài kiên nhẫn chờ bánh xe xoay chuyển, và sự xuất hiện của một chu kỳ cho phép các Ngài hoàn thành định mệnh của mình. Thời điểm ấy chưa đến, và công việc loại bỏ cùng điều chỉnh phải chậm rãi và nhọc nhằn.

The Overcoming of the Hindrances

Certain paramount realisations must precede this work of removing hindrances, and they might be enumerated as follows:

Một vài nhận thức tối quan trọng phải đi trước công việc loại bỏ các trở ngại này, và chúng có thể được liệt kê như sau:

a. A realisation that in obedience to the next duty and [85] adherence to the highest known form of truth lies the path of further revelation.

a. Một nhận thức rằng trong việc tuân theo bổn phận kế tiếp và [85] bám sát hình thức chân lý cao nhất đã biết, có con đường của sự mặc khải xa hơn.

b. A realisation that dispassion is the great thing to cultivate, and that a willingness to undergo joyously any amount of temporary

b. Một nhận thức rằng sự vô dục là điều lớn lao cần vun trồng, và rằng phải phát triển sự sẵn lòng vui vẻ chịu đựng bất kỳ mức độ bất

inconvenience, pain or agony, must be developed, having in view the future glory which will blot out the clouds of the passing hour.

tiện, đau đớn hay thống khổ tạm thời nào, với tầm nhìn hướng đến vinh quang tương lai vốn sẽ xóa tan những đám mây của giờ phút thoáng qua.

c. A realisation that synthesis is the method whereby comprehension is attained, and that, by blending the pairs of opposites, the middle path is gained that leads straight to the heart of the citadel.

c. Một nhận thức rằng tổng hợp là phương pháp nhờ đó sự thấu hiểu được đạt đến, và rằng bằng cách hòa trộn các cặp đối nghịch, con đường trung đạo được đạt tới, dẫn thẳng đến trái tim của thành trì.

With these three things paramountly controlling his views on life, the student may hope, by strenuous endeavour, to overcome the four hindrances which we have touched upon.

Với ba điều này giữ vai trò chi phối tối thượng trong quan điểm của y về đời sống, đạo sinh có thể hy vọng, bằng nỗ lực mạnh mẽ, vượt qua bốn trở ngại mà chúng ta đã đề cập.

In taking up our consideration of the second Rule we will deal first with the relation of the soul to the personality, primarily from the standpoint of meditation. We are dealing therefore with “the greater light” and will take up later the “throwing upward of the lower light”. This is in line also with the law of occult knowledge that one begins with universals.

Khi bắt đầu xét Quy luật thứ hai, trước hết chúng ta sẽ bàn đến mối liên hệ của linh hồn với phàm ngã, chủ yếu từ lập trường tham thiền. Do đó, chúng ta đang đề cập đến “ánh sáng lớn hơn” và về sau sẽ xét đến “việc phóng lên trên của ánh sáng thấp”. Điều này cũng phù hợp với định luật của tri thức huyền bí rằng người ta bắt đầu với những điều phổ quát.

It should be borne in mind that these rules are only for those whose personality is coordinated and whose minds are gradually being brought under control. The man therefore is utilising the lower mind, the reasoning mind, whilst the soul is utilising the higher or abstract mind. Both units are working with two aspects of the universal principle of mind, and on this ground their relation becomes possible. The man’s work with his mind is to render it negative and receptive to the soul, and this is his positive occupation (note the use here of the word ‘positive’ in the attempt to make the mind receptive, for herein lies the clue to right action). The soul’s work in [86] meditation is to make the point of that meditation so

Cần ghi nhớ rằng các quy luật này chỉ dành cho những người có phàm ngã đã được phối hợp và có thể trí đang dần được đưa vào kiểm soát. Do đó, con người đang sử dụng hạ trí, tức trí lý luận, trong khi linh hồn đang sử dụng thượng trí hay trí trừu tượng. Cả hai đơn vị đều làm việc với hai phương diện của nguyên khí trí tuệ phổ quát, và trên nền tảng này mối liên hệ của chúng trở nên khả hữu. Công việc của con người với thể trí của mình là làm cho nó trở nên âm tính và tiếp nhận đối với linh hồn; và đây là công việc mang tính dương của y, hãy lưu ý cách dùng từ “dương” ở đây trong nỗ lực làm cho thể trí trở nên tiếp nhận, vì chính trong điều này có chìa khóa cho hành động đúng. Công việc của linh hồn trong [86] tham thiền là làm

positive that the lower mind can be impressed, and so the lower man can be brought into line with the Eternal Plan.

cho tiêu điểm của sự tham thiền ấy trở nên dương tính đến mức hạ trí có thể được in dấu, và nhờ đó phàm nhân có thể được điều chỉnh cho phù hợp với Thiên Cơ vĩnh cửu.

Thus, again, we have a relation established between a positive and a negative vibration, and the study of these relations carries much information to the student, and is part of the teaching given in preparation for the first initiation. A list of these related situations might here be given showing them in their progressive relation on the path of evolution.

Như vậy, một lần nữa, chúng ta có một mối liên hệ được thiết lập giữa một rung động dương tính và một rung động âm tính; và việc nghiên cứu các mối liên hệ này mang lại nhiều thông tin cho đạo sinh, đồng thời là một phần của giáo huấn được đưa ra để chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất. Ở đây có thể đưa ra một danh sách các tình huống liên hệ này, cho thấy chúng trong mối quan hệ tiến triển của chúng trên con đường tiến hoá.

1. The relation between male and female physical bodies, called by man, the sex relation, and deemed of such paramount importance at this time. In the vale of illusion, the symbol oft engrosses attention and that which it represents is forgotten. In the solving of this relationship will come racial initiation, and it is with this that the race is now engrossed.

1. Mối liên hệ giữa các thể xác nam và nữ, được con người gọi là quan hệ tính dục, và được xem là có tầm quan trọng tối thượng vào thời điểm này. Trong thung lũng ảo tưởng, biểu tượng thường chiếm trọn sự chú ý, còn điều mà nó đại diện thì bị lãng quên. Trong việc giải quyết mối quan hệ này sẽ đến sự điểm đạo của nhân loại, và chính điều này hiện đang thu hút sự bận tâm của nhân loại.

2. The relation between the astral body and the physical, which, for the majority, is the control, by the positive astral nature, of the negative automatic physical. The physical body, the instrument of desire, is swayed and controlled by desire, —desire for physical life, and desire for the acquisition of the tangible.

2. Mối liên hệ giữa thể cảm dục và thể xác, vốn đối với đa số là sự kiểm soát của bản chất cảm dục dương tính đối với thể xác âm tính, tự động. Thể xác, khí cụ của ham muốn, bị ham muốn lay chuyển và kiểm soát — ham muốn đối với đời sống hồng trần, và ham muốn chiếm hữu những điều hữu hình.

3. The relation between the mind and the brain, which constitutes the problem of the more advanced men and races and of which the vast system of schools, colleges, and universities indicate the importance. Much progress in this relation has been made during the past fifty years, and the work of the psychologists marks its highest point.

3. Mối liên hệ giữa thể trí và bộ não, vốn cấu thành vấn đề của những người và những nhân loại tiến hoá hơn, và tầm quan trọng của nó được chỉ ra bởi hệ thống rộng lớn các trường học, học viện và đại học. Nhiều tiến bộ trong mối liên hệ này đã được thực hiện trong năm mươi năm qua, và công trình của các nhà tâm lý học đánh dấu điểm cao nhất

When this is understood, the mind will be regarded as the positive factor and the other two aspects of the form nature will respond receptively. They will be the automatons of the mind.

của nó. Khi điều này được thấu hiểu, thể trí sẽ được xem là yếu tố dương tính, và hai phương diện kia của bản chất hình tướng sẽ đáp ứng một cách tiếp nhận. Chúng sẽ là các cơ cấu tự động của thể trí.

4. The relation between the soul and the personality, which is the problem engrossing the attention of aspirants now, for they are the pioneers of the human family, the pathfinders into the world of the soul. With this [87] relation, the mystics and the occultists concern themselves.

4. Mối liên hệ giữa linh hồn và phàm ngã, vốn là vấn đề đang thu hút sự chú ý của những người chí nguyện hiện nay, vì họ là những người tiên phong của gia đình nhân loại, những người mở đường vào thế giới của linh hồn. Với mối [87] liên hệ này, các nhà thần bí và các nhà huyền bí học bận tâm.

5. The relation between the centres below the diaphragm and those above, or between:

5. Mối liên hệ giữa các trung tâm bên dưới cơ hoành và các trung tâm bên trên, hay giữa:

a. The centre at the base of the spine and the thousand petalled lotus, the head centre. In this the four petals of the basic centre become the many, or the quaternary is lost in the universal.

a. Trung tâm ở đáy cột sống và Hoa sen nghìn cánh, tức trung tâm đầu. Trong điều này, bốn cánh hoa của trung tâm căn bản trở thành nhiều cánh, hay tứ phân mất hút trong cái phổ quát.

b. The sacral centre and the throat. In this there comes a union between the twelve Creative Hierarchies and the quaternary, and the secret of the sixteen petals of the throat lotus is seen.

b. Trung tâm xương cùng và trung tâm cổ họng. Trong điều này, có sự hợp nhất giữa mười hai Huyền Giai Sáng Tạo và tứ phân, và bí mật của mười sáu cánh hoa nơi Hoa sen cổ họng được nhìn thấy.

c. The solar plexus centre and the heart, in which the ten of the perfect man in this solar system is lost in the consummated twelve. As the twelve Creative Hierarchies (in their outer and creative aspect) are contacted by the man, who is the perfected quaternary from the standpoint of the form, so in the relation between the solar plexus and heart is the second aspect perfected; the love of the soul can express itself perfectly through the emotional nature.

c. Trung tâm tùng thái dương và trái tim, trong đó con số mười của con người hoàn thiện trong hệ mặt trời này mất hút trong con số mười hai đã viên mãn. Khi mười hai Huyền Giai Sáng Tạo, trong phương diện bên ngoài và sáng tạo của các Ngài, được con người tiếp xúc — con người vốn là tứ phân đã hoàn thiện theo quan điểm của hình tướng — thì trong mối liên hệ giữa tùng thái dương và trái tim, phương diện thứ hai cũng được hoàn thiện; tình thương của linh hồn có thể biểu lộ một cách hoàn hảo qua bản chất cảm xúc.

6. The relation between the two head centres, or between the centre between the eyebrows and the centre above the head. This relation is set up and stabilised when soul and body are a functioning unit.

6. Mối liên hệ giữa hai trung tâm đầu, hay giữa trung tâm giữa hai chân mày và trung tâm phía trên đầu. Mối liên hệ này được thiết lập và ổn định khi linh hồn và thân thể là một đơn vị đang vận hành.

7. The relation between the pineal gland and the pituitary body as a result of the above.

7. Mối liên hệ giữa tuyến tùng và tuyến yên như kết quả của điều trên.

8. The relation between the higher and the lower mind, involving steady and increasing soul contact. The meditative attitude of the soul is duplicated in the three bodies (or by the spiritual man) and the steady meditation of the soul goes on also on its own plane. It is with this and with its effects that we are primarily concerned in this rule.

8. Mối liên hệ giữa thượng trí và hạ trí, bao hàm sự tiếp xúc linh hồn vững chắc và ngày càng tăng. Thái độ tham thiền của linh hồn được tái hiện trong ba thể, hay bởi con người tinh thần, và sự tham thiền bền bỉ của linh hồn cũng tiếp diễn trên chính cõi của nó. Chính điều này và các hiệu quả của nó là điều chúng ta chủ yếu quan tâm trong quy luật này.

A later relationship, which in no way concerns us, is [88] set up after the third initiation between the soul and the monad, and throughout the course of cosmic evolution these relationships will emerge. The race as a whole is, however, only concerned with the setting up of a relation between soul and body and beyond this there is no need to go.

Một mối liên hệ về sau, vốn không liên quan gì đến chúng ta, được [88] thiết lập sau lần điểm đạo thứ ba giữa linh hồn và chân thần, và trong suốt tiến trình tiến hoá vũ trụ, các mối liên hệ này sẽ xuất hiện. Tuy nhiên, toàn thể nhân loại chỉ liên quan đến việc thiết lập một mối liên hệ giữa linh hồn và thân thể, và không cần đi xa hơn điều này.

As the man seeks to reach control of the mind, the soul in its turn becomes more actively aggressive. The work of the solar Angel has hitherto been largely in its own world and concerned with its relation to spirit, and with this the man, working through his cycles on the physical plane, has had no concern. The main expenditure of energy by the soul has been general, and outward-going into the fifth kingdom. Now the solar Angel approaches a time of crisis and of re-orientation. In the early history of humanity there was a great crisis which we call individualisation. At that time the solar

Khi con người tìm cách đạt quyền kiểm soát thể trí, linh hồn đến lượt mình trở nên tích cực và mạnh mẽ hơn. Công việc của Thái dương Thiên Thần cho đến nay phần lớn diễn ra trong thế giới riêng của Ngài, và liên quan đến mối liên hệ của Ngài với tinh thần; còn con người, khi hoạt động qua các chu kỳ của mình trên cõi hồng trần, đã không liên quan đến điều này. Sự tiêu hao năng lượng chính của linh hồn đã có tính tổng quát, và hướng ra ngoài vào giới thứ năm. Giờ đây Thái dương Thiên Thần tiến đến một thời kỳ khủng hoảng và tái định hướng. Trong lịch sử sơ khai của nhân loại, đã có một cuộc

Angels, in response to a demand or a pull from the race of animal-men (as a whole, note that), sent a portion of their energy, embodying the quality of mentalisation, to these animal-men. They fecundated, if I might so express it, the brain. Thus was humanity brought into being. This germ, however, carried within it two other potentialities, that of spiritual love and spiritual life. These must in due time make their appearance.

khủng hoảng lớn mà chúng ta gọi là biệt ngã hóa. Vào thời điểm đó, các Thái dương Thiên Thần, đáp ứng một nhu cầu hay một sức kéo từ nhân loại người thú, xét như một toàn thể, hãy lưu ý điều đó, đã gửi một phần năng lượng của các Ngài, mang phẩm tính trí tuệ hóa, đến những người thú này. Nếu có thể diễn đạt như vậy, các Ngài đã thụ tinh cho bộ não. Như thế, nhân loại được đưa vào hiện hữu. Tuy nhiên, mầm này mang trong nó hai tiềm năng khác: tình thương tinh thần và sự sống tinh thần. Đến đúng thời, hai điều này phải xuất hiện.

The flowering forth of the mind in men, which so distinguishes the present age, indicates to the solar Angel a second crisis, of which the first was but the symbol. That for which the solar Angel exists is making its presence felt within humanity, and another strong pull is being exerted upon the solar Angel which this time will produce a second fecundation. This will give to man those qualities which will enable him to transcend human limitations, and become a part of the fifth or spiritual Kingdom in nature. The first effort of the solar Angel turned animal-men into human beings; the second will [89] turn human beings into spiritual entities, plus the gains of experience in the human family.

Sự nở rộ của trí tuệ nơi con người, vốn phân biệt thời đại hiện nay một cách rõ rệt, báo hiệu cho Thái dương Thiên Thần một cuộc khủng hoảng thứ hai, mà cuộc khủng hoảng thứ nhất chỉ là biểu tượng. Điều vì đó Thái dương Thiên Thần hiện hữu đang làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong nhân loại, và một sức kéo mạnh mẽ khác đang tác động lên Thái dương Thiên Thần; lần này sức kéo ấy sẽ tạo nên một sự thụ tinh thứ hai. Điều này sẽ ban cho con người những phẩm tính giúp y vượt qua các giới hạn của con người, và trở thành một phần của giới thứ năm hay giới tinh thần trong thiên nhiên. Nỗ lực đầu tiên của Thái dương Thiên Thần đã biến những người thú thành những con người; nỗ lực thứ hai sẽ [89] biến con người thành các thực thể tinh thần, cộng thêm những thành quả kinh nghiệm trong gia đình nhân loại.

For this the solar Angel, the soul, is organising itself and re-orienting itself so that its power can be redirected into the world of men. Contact must be made by the soul between the lower aspect of its triple nature and the aspect which has already found lodgment in the brain of man. Intelligent activity and love wisdom must be united, and the union must take place on the

Vì điều này, Thái dương Thiên Thần, tức linh hồn, đang tự tổ chức và tự tái định hướng để quyền năng của Ngài có thể được chuyển hướng vào thế giới của con người. Linh hồn phải tạo sự tiếp xúc giữa phương diện thấp của bản chất tam phân của nó và phương diện đã tìm được chỗ trú trong bộ não của con người. Hoạt động thông tuệ và Bác Ái – Minh Triết phải được hợp nhất, và sự hợp

physical plane. In order to do this the soul is entering into "meditation deep", in union with all other souls who may have brought their instrument into a responsive state. This is the basic group meditation, and when a man achieves what the oriental books call "samadhi", he has succeeded in participating, as a soul, in this group meditation, and enters upon that cycle of service which expresses itself through the planetary Hierarchy. The rational mind and the abstract mind function as a unit, and the motivating principle is love. The soul, expressing love and abstract intelligence, is at one with its expression on the physical plane through the brain, and, when this is the case, the lower man has synchronised his meditation with that of the soul.

nhất ấy phải diễn ra trên cõi hồng trần. Để làm điều này, linh hồn đang bước vào "thiền định sâu sắc", trong sự hợp nhất với tất cả những linh hồn khác có thể đã đưa khí cụ của mình vào trạng thái đáp ứng. Đây là sự tham thiền nhóm căn bản, và khi một người đạt được điều mà các sách phương Đông gọi là "đại định", y đã thành công trong việc tham dự, với tư cách linh hồn, vào sự tham thiền nhóm này, và bước vào chu kỳ phụng sự biểu lộ qua Thánh Đoàn hành tinh. Trí lý luận và trí trừu tượng vận hành như một đơn vị, và nguyên khí thúc đẩy là tình thương. Linh hồn, biểu lộ tình thương và trí tuệ trừu tượng, hợp nhất với sự biểu lộ của nó trên cõi hồng trần qua bộ não; và khi điều này xảy ra, phàm nhân đã đồng bộ sự tham thiền của mình với sự tham thiền của linh hồn.

This is the objective of our work. Let this not be forgotten, and let every effort be made to bring mind and brain into such a functioning condition that a man can slip out of his own meditation and (losing sight of his own thoughts) become the soul, the thinker in the kingdom of the soul.

Đây là mục tiêu công việc của chúng ta. Đừng quên điều này, và hãy thực hiện mọi nỗ lực để đưa thể trí và bộ não vào một tình trạng vận hành đến mức con người có thể thoát ra khỏi sự tham thiền riêng của mình và, khi không còn chú ý đến các tư tưởng riêng, trở thành linh hồn, tức chủ thể tư duy trong giới của linh hồn.

It is perhaps a new thought to some that the soul is organising itself for effort, re-orienting its forces, and preparing for a fresh and powerful impulse, but so it is. All forms of life under the force of evolution pass from initiation to initiation and the soul is not exempt from the process. Just as the soul of animal-man became united with another divine principle, and so brought into [90] being the fourth kingdom in nature, so the soul in humanity is seeking contact with another divine aspect. When that contact is made the Kingdom of God will come on earth; the physical plane will thereby be transformed and that peculiar period,

Có lẽ đối với một số người, ý tưởng rằng linh hồn đang tự tổ chức cho nỗ lực, tái định hướng các mãnh lực của nó, và chuẩn bị cho một xung lực mới mẻ và mạnh mẽ là một tư tưởng mới, nhưng sự thật là như vậy. Mọi hình tướng của sự sống dưới mãnh lực tiến hoá đều đi từ điểm đạo này đến điểm đạo khác, và linh hồn không được miễn trừ khỏi tiến trình ấy. Cũng như linh hồn của người thú đã hợp nhất với một nguyên khí thiêng liêng khác, và nhờ vậy đưa [90] giới thứ tư trong thiên nhiên vào hiện hữu, thì linh hồn trong nhân loại cũng đang tìm cách tiếp xúc với một phương diện thiêng liêng khác. Khi sự tiếp xúc ấy được tạo lập, Thiên Giới sẽ đến

presented symbolically under the term millennium, will come.

trên Trái Đất; nhờ đó cõi hồng trần sẽ được chuyển đổi, và thời kỳ đặc biệt ấy, được trình bày một cách biểu tượng dưới thuật ngữ thiên niên kỷ, sẽ đến.

The Knowers of God in that era will preponderate over those who are simply aspiring to that knowledge, and their contact and the results of the force they transmit will be felt in all the kingdoms of nature. Dominion over all forms, and the power to act as transmitters of that spiritual energy we call love is the promised reward of the triumphant solar Angels, and the prized goal of their meditation work. The Sons of God will triumph on earth in full incarnated expression, and will bring light (therefore life) to all the manifested forms. This is the "life more abundant" of which the Christ speaks. This is the achievement of the true Nirvanee who, living in unbroken meditation in the spiritual realm yet can work on earth. The work of initiation is to enable a man to live ever at the centre, but to act as a distributor of divine energy in any direction and—after the later initiations—in all directions.

Những thức giả của Thượng đế trong thời đại ấy sẽ chiếm ưu thế hơn những người chỉ đơn thuần khát vọng đến tri thức ấy, và sự tiếp xúc của họ cùng các kết quả của mãnh lực họ truyền dẫn sẽ được cảm nhận trong mọi giới của thiên nhiên. Quyền thống trị trên mọi hình tướng, và quyền năng hoạt động như những vị truyền dẫn năng lượng tinh thần mà chúng ta gọi là tình thương, là phần thưởng đã hứa dành cho các Thái dương Thiên Thần chiến thắng, và là mục tiêu quý báu trong công việc tham thiền của các Ngài. Các Con của Thượng đế sẽ khải hoàn trên Trái Đất trong sự biểu lộ nhập thể trọn vẹn, và sẽ đem ánh sáng, do đó là sự sống, đến mọi hình tướng đã biểu hiện. Đây là "sự sống dồi dào hơn" mà Đức Christ nói đến. Đây là thành tựu của nirvani chân chính, người sống trong sự tham thiền không gián đoạn trong cõi tinh thần mà vẫn có thể hoạt động trên Trái Đất. Công việc của điểm đạo là giúp con người luôn sống tại trung tâm, nhưng hành động như một vị phân phối năng lượng thiêng liêng theo bất cứ hướng nào và, sau các lần điểm đạo về sau, theo mọi hướng.

We will now, in our consideration of the next rule, take up the work of the "lesser light" of man on the physical plane. I, who have entered somewhat into an understanding of the life of the solar Angel, seek to assure my fellow pilgrims that the passing things of the senses are but trivial, and of no value compared to the rewards, here and in this life, to the man who seeks to merge his everyday consciousness with that of his own soul. He enters then into the community of souls, and stands not alone.

Giờ đây, khi xem xét quy luật kế tiếp, chúng ta sẽ bàn đến công việc của "ánh sáng nhỏ hơn" của con người trên cõi hồng trần. Tôi, người đã phần nào đi vào sự thấu hiểu đời sống của Thái dương Thiên Thần, tìm cách bảo đảm với các bạn đồng hành của tôi rằng những điều thoáng qua của giác quan chỉ là tầm thường, và không có giá trị gì so với các phần thưởng, ngay tại đây và trong đời sống này, dành cho người tìm cách hòa nhập tâm thức hằng ngày của mình với tâm thức của linh hồn mình. Khi ấy y bước vào cộng đồng

The only lonely periods are the result of wrong orientation and the holding on to that which hides the vision, and fills the hands so full that they cannot grasp what has been called “the jewel in the lotus.”

các linh hồn, và không đứng một mình. Những giai đoạn cô đơn duy nhất là kết quả của định hướng sai lầm và sự bám giữ vào điều che khuất tầm nhìn, làm cho đôi tay đầy ắp đến mức chúng không thể nắm lấy điều đã được gọi là “viên ngọc trong Hoa sen”.

RULE THREE

The Energy circulates. The point of light, the product of the labours of the four, waxeth and groweth. The myriads gather round ita glowing warmth until its light recedes. Its fire grows dim. Then shall the second sound go forth.

Năng Lượng tuần hoàn. Điểm ánh sáng, sản phẩm do công sức của bốn, trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng. Vô số sinh linh tập trung quanh hơi ấm rực rỡ của nó cho đến khi ánh sáng của nó mờ dần. Ngọn lửa của nó mờ đi. Kế đó, âm thanh thứ hai sẽ phát ra.

Soul Light and Body Light

[93]

[93]

In these Rules for Magic, the laws of creative work are embodied and the means whereby man can function as an incarnated soul. They do not deal primarily with the rules governing man's development. Incidentally, of course, much may be learnt in this connection, for man grows through creative work and understanding, but this is not the primary objective of the teaching.

Trong các Quy Luật về Huyền Thuật này, các định luật của công việc sáng tạo được hàm chứa, cũng như các phương tiện nhờ đó con người có thể vận hành như một linh hồn nhập thể. Chúng không chủ yếu đề cập đến các quy luật chi phối sự phát triển của con người. Dĩ nhiên, qua đó có thể học được nhiều điều trong liên hệ này, vì con người tăng trưởng qua công việc sáng tạo và sự thấu hiểu, nhưng đó không phải là mục tiêu chính của giáo huấn.

Through the gradually growing synthesis of the meditation process carried on by the soul on its own plane and that of the aspirant the man manifests (in the physical brain) a point of light which has been occultly lighted on the plane of the mind. Light ever signifies two things, energy and its manifestation in form of some kind, for light and matter are synonymous terms. The thought of the man and the idea of the soul have found a point of rapport, and the germ of a thought form has come into being. This thought form, when completed, will embody as much of the great plan (on which the Hierarchy is working) as the man can vision, grasp, and embody on the mental plane. This, in the early stages of a man's

Thông qua sự tổng hợp tăng trưởng dần dần giữa tiến trình tham thiền do linh hồn thực hiện trên cõi riêng của nó và tiến trình tham thiền của người chí nguyện, con người biểu hiện, trong bộ não hồng trần, một điểm ánh sáng đã được thắp lên một cách huyền bí trên cõi trí. Ánh sáng bao giờ cũng chỉ hai điều: năng lượng và sự biểu hiện của nó trong một loại hình tướng nào đó, vì ánh sáng và vật chất là những thuật ngữ đồng nghĩa. Tư tưởng của con người và ý tưởng của linh hồn đã tìm thấy một điểm tương giao, và mầm của một hình tư tưởng đã đi vào hiện hữu. Hình tư tưởng này, khi hoàn tất, sẽ hiện thân được chừng nào mà con người có thể nhìn thấy, nắm bắt và thể hiện trên cõi trí của Thiên Cơ vĩ đại, mà Thánh

aspiration, in his first steps along the Path of Discipleship, and for the first two initiations, is covered by the word "Service". He grasps, gropingly at first, the idea of the unity of the Life, and its manifestation as the Brotherhood existing between all forms of that divine Life. This subjective ideal gradually leads to an appreciation of the way in which this essential relationship can work out practically. This can be seen finding its expression in the great humanitarian efforts, in the organisations [94] for the relief of human and animal suffering, and in world wide efforts for the betterment of the internal relations of nations, religions and groups.

Đoàn đang hoạt động theo đó. Điều này, trong các giai đoạn đầu của khát vọng nơi con người, trong những bước đầu tiên của y trên Con Đường Đệ Tử, và trong hai lần điểm đạo đầu, được bao hàm trong từ "Phụng sự". Y nắm bắt, lúc đầu còn dò dẫm, ý tưởng về sự hợp nhất của Sự sống, và sự biểu hiện của nó như tình huynh đệ hiện hữu giữa mọi hình tướng của Sự sống thiêng liêng ấy. Lý tưởng chủ quan này dần dần dẫn đến sự đánh giá đúng phương cách mà mối liên hệ thiết yếu này có thể được thực hiện một cách thực tiễn. Điều này có thể được thấy đang tìm sự biểu lộ của nó trong những nỗ lực nhân đạo lớn lao, trong các tổ chức [94] cứu trợ nỗi đau khổ của con người và động vật, và trong những nỗ lực trên toàn thế giới nhằm cải thiện các quan hệ nội tại giữa các quốc gia, tôn giáo và nhóm.

Enough human units have now contacted the hierarchical plan so that it may be safely concluded that the collective brain of the human family (that entity which we call the fourth Kingdom of Nature) is susceptible to the vision, and has fashioned its lighted form on the mental plane. Later, the thought of service and of self will be found inadequate, and a more suitable form of expression will be found, but this suffices for the present.

Hiện nay đã có đủ các đơn vị nhân loại tiếp xúc với Thiên Cơ của Thánh Đoàn, đến mức có thể kết luận một cách an toàn rằng bộ não tập thể của gia đình nhân loại, thực thể mà chúng ta gọi là giới thứ tư trong Thiên nhiên, có khả năng tiếp nhận tầm nhìn, và đã tạo nên hình tướng được soi sáng của nó trên cõi trí. Về sau, tư tưởng về phụng sự và về bản ngã sẽ được nhận thấy là không còn thích đáng, và một hình thức biểu lộ phù hợp hơn sẽ được tìm ra, nhưng hiện tại điều này là đủ.

This thought form, created by the aspirant, is brought into being by the focussed energies of the soul and the re-oriented forces of the personality. This is pictured as covering three stages.

Hình tư tưởng này, do người chí nguyện tạo ra, được đưa vào hiện hữu bởi các năng lượng được tập trung của linh hồn và các mãnh lực được tái định hướng của phàm ngã. Điều này được mô tả như bao gồm ba giai đoạn.

1. The period wherein the aspirant struggles to achieve that inner quiet and directed attentiveness which will enable him to hear the Voice of the Silence. That voice expresses to him, through symbol and interpreted life

1. Thời kỳ trong đó người chí nguyện phấn đấu để đạt sự yên tĩnh nội tâm và sự chú tâm có định hướng, nhờ đó y có thể nghe Tiếng Nói của Im Lặng. Tiếng nói ấy biểu lộ cho y, qua biểu tượng và kinh nghiệm sống đã

experience the purposes and plans with which he may cooperate. According to his stage of development those plans will express either:

a. The already materialized plans, taking group form on the physical plane, with which he may cooperate and in whose interest he may submerge his own.

b. The plan, or fraction of a plan, which is his individual privilege to bring through into manifestation and thus cause to materialize as a group activity on the physical plane. It is the function of some aspirants to aid and help those groups which are already in functioning activity. It is the function of others to bring into being those forms of activity which are, as yet, on the subjective plane. Only those aspirants who are freed from personal [95] ambition can truly cooperate in this second aspect of the work. Therefore "Kill out ambition."

2. The period wherein he habituates himself to the clear hearing and correct interpretation of the inner voice of the soul and broods reflectively upon the imparted message. During this period "the Energy circulates." A constant rhythmic response to the thought energy of the soul is set up, and, figuratively speaking, there is a steady flow of force between that centre of energy we call the soul on its own plane, and that centre of force which is a human being. The energy travels along the "thread" we call the sutratma and sets up a vibratory response between the brain and the soul.

An interesting angle of information might here be given, as it is my intent in these Instructions ever to link up the analogies between the different aspects of divinity, as

được giải thích, các mục đích và kế hoạch mà y có thể cộng tác. Tùy theo giai đoạn phát triển của y, các kế hoạch ấy sẽ biểu lộ hoặc là:

a. Các kế hoạch đã hiện hình, đang mang hình thức nhóm trên cõi hồng trần, mà y có thể cộng tác và vì lợi ích của chúng mà y có thể làm chìm mất lợi ích riêng của mình.

b. Kế hoạch, hay một phần của kế hoạch, mà y có đặc ân cá nhân là đưa xuyên qua vào biểu hiện và nhờ đó khiến nó hiện hình như một hoạt động nhóm trên cõi hồng trần. Chức năng của một số người chí nguyện là trợ giúp và hỗ trợ những nhóm đã đang hoạt động. Chức năng của những người khác là đưa vào hiện hữu những hình thức hoạt động hiện còn ở trên cõi chủ quan. Chỉ những người chí nguyện đã được giải thoát khỏi tham vọng cá nhân [95] mới có thể thật sự cộng tác trong phương diện thứ hai này của công việc. Vì vậy, "Hãy diệt trừ tham vọng".

2. Thời kỳ trong đó y tự tập cho quen với việc nghe rõ và giải thích đúng tiếng nói bên trong của linh hồn, và trầm tư suy ngẫm về thông điệp được truyền trao. Trong thời kỳ này, "Năng Lượng tuần hoàn". Một sự đáp ứng nhịp nhàng liên tục đối với năng lượng tư tưởng của linh hồn được thiết lập, và, nói theo nghĩa bóng, có một dòng mãnh lực đều đặn giữa trung tâm năng lượng mà chúng ta gọi là linh hồn trên cõi riêng của nó, và trung tâm mãnh lực là một con người. Năng lượng đi dọc theo "sợi dây" mà chúng ta gọi là sinh mệnh tuyến, và thiết lập một đáp ứng rung động giữa bộ não và linh hồn.

Ở đây có thể đưa ra một góc nhìn thông tin thú vị, vì ý định của tôi trong các Huấn thị này luôn là nối kết các tương đồng giữa những phương diện khác nhau của thiên

they express themselves in man or in the macrocosm, the Heavenly Man.

tính, khi chúng biểu lộ nơi con người hay nơi Đại thiên địa, Đấng Thiên Nhân.

The ancient yoga of Atlantean days (which has come down to us in the necessarily fragmentary teaching of the yoga of the centres) conveys to us the information that the reflection of the sutratma in the human organism is called the spinal cord, and expresses itself in three nerve channels. These three are called ida, pingala, and the central channel, the sushumna. When the negative and positive forces of the body, which express themselves via the ida and pingala nerve routes, are equilibrized, the forces can ascend and descend by the central channel to and from the brain, passing through the centres up the spine without hindrance. When this is the case we have perfected soul expression in the physical man.

Yoga cổ xưa của thời Atlantis, vốn đã truyền đến chúng ta trong giáo huấn tất yếu là rời rạc của yoga về các trung tâm, cho chúng ta biết rằng phản ảnh của sinh mệnh tuyến trong cơ thể con người được gọi là tủy sống, và biểu lộ qua ba kinh mạch thần kinh. Ba kinh này được gọi là kinh trái, kinh phải và kinh trung ương. Khi các mãnh lực âm và dương của thể xác, biểu lộ qua các đường thần kinh trái và phải, được quân bình, các mãnh lực có thể đi lên và đi xuống qua kinh trung ương đến và từ bộ não, đi qua các trung tâm dọc theo cột sống mà không bị cản trở. Khi điều này xảy ra, chúng ta có sự biểu lộ linh hồn hoàn thiện nơi con người hồng trần.

This is in reality a correspondence to the sutratma as it links the physical man and the soul, for the sutratma in its turn expresses the positive energy of spirit, the negative energy of matter, and the equilibrized energy [96] of the soul—the attainment of equilibrium being the present objective of humanity. During the period of the later initiations, the positive use of the spiritual energy supersedes the equilibrized use of soul force, but that is a later stage with which the aspirant need not as yet trouble himself. Let him find the "noble middle Path" between the pairs of opposites, and incidentally he will find that the forces he uses on the physical plane will employ the central nerve channel up the spine. This will occur as the transmission of light and truth to the physical brain, via the central channel of the linking sutratma, really works out into satisfactory usefulness. Those ideas and concepts (speaking in symbol) which come

Điều này thật ra là một tương ứng với sinh mệnh tuyến khi nó nối kết con người hồng trần và linh hồn, vì đến lượt mình, sinh mệnh tuyến biểu lộ năng lượng dương của tinh thần, năng lượng âm của vật chất, và năng lượng quân bình [96] của linh hồn — việc đạt được quân bình là mục tiêu hiện nay của nhân loại. Trong thời kỳ của các lần điểm đạo về sau, việc vận dụng năng lượng tinh thần theo cực dương thay thế cho việc sử dụng quân bình mãnh lực linh hồn, nhưng đó là một giai đoạn về sau mà người chí nguyện chưa cần bận tâm. Hãy để y tìm thấy "Con Đường trung dung cao quý" giữa các cặp đối nghịch, và nhân tiện y sẽ thấy rằng các mãnh lực y sử dụng trên cõi hồng trần sẽ vận dụng kinh thần kinh trung ương dọc theo cột sống. Điều này sẽ xảy ra khi việc truyền dẫn ánh sáng và chân lý đến bộ não hồng trần, qua kinh trung ương của sinh mệnh tuyến nối kết, thật sự được thể hiện thành sự hữu dụng thỏa đáng. Những ý

via the sutratmic negative channel are well meaning, but lack force and peter out into insignificance. They are emotionally coloured, and lack the organized form which pure mind can give. Those which come via the opposite channel (speaking figuratively) produce too rapid concretion, and are motivated by the personal ambition of a ruling mentality. The mind is ever egoistic, self-seeking, and expresses that personal ambition which carries within it the germ of its own destruction.

tưởng và khái niệm, nói theo biểu tượng, đến qua kinh âm của sinh mệnh tuyến thì có thiện chí, nhưng thiếu mãnh lực và tàn lụi thành vô nghĩa. Chúng bị nhuộm màu cảm xúc, và thiếu hình thức có tổ chức mà trí tuệ thuần khiết có thể đem lại. Những điều đến qua kinh đối nghịch, nói theo nghĩa bóng, tạo ra sự kết tinh quá nhanh, và được thúc đẩy bởi tham vọng cá nhân của một trí tuệ thích cai trị. Thể trí bao giờ cũng vị kỷ, tìm kiếm cho bản thân, và biểu lộ tham vọng cá nhân vốn mang trong nó mầm mống tự hủy diệt.

When, however, the sutratmic sushumna, the central nerve channel and its energy is employed, the soul, as a magnetic intelligent creator, transmits its energies. The plans can then mature according to divine purpose and proceed with their building activities "in the light". The point of egoic and lunar contact emits ever the point of light, as we have seen from our Rules for Magic, and that has its focus at the point in the sutratma which has its correspondence in the light in the head of the aspirant.

Tuy nhiên, khi kinh trung ương của sinh mệnh tuyến, tức kinh thần kinh trung ương và năng lượng của nó, được sử dụng, linh hồn, với tư cách một đấng sáng tạo thông tuệ, mang từ tính, truyền dẫn các năng lượng của mình. Khi ấy các kế hoạch có thể chín muồi phù hợp với Thiên Ý và tiến hành các hoạt động kiến tạo của chúng "trong ánh sáng". Điểm tiếp xúc giữa chân ngã và phương diện thái âm luôn phát ra điểm ánh sáng, như chúng ta đã thấy từ các Quy Luật về Huyền Thuật, và điểm ấy có tiêu điểm tại điểm trong sinh mệnh tuyến có sự tương ứng của nó trong ánh sáng nơi đầu của người chí nguyện.

3. The period wherein he sounds the sacred Word and—blending it with the voice of the Ego or Soul—sets in motion mental matter for the building of his thought form. It is the man on the physical plane who now sounds the Word, and he does it in four ways: [97]

3. Thời kỳ trong đó y xướng Linh từ thiêng liêng và, hòa nó với tiếng nói của Chân ngã hay Linh hồn, làm cho vật chất cõi trí chuyển động để kiến tạo hình tư tưởng của y. Chính con người trên cõi hồng trần giờ đây xướng Linh từ, và y làm điều đó theo bốn cách: [97]

a. He becomes the Word incarnated, and endeavours "to be what he is."

a. Y trở thành Linh từ nhập thể, và cố gắng "hiện hữu đúng như điều y là".

b. He sounds the Word within himself, seeking to do it as the soul. He visualizes himself as the soul breathing out energy

b. Y xướng Linh từ bên trong chính mình, tìm cách làm điều đó như linh hồn. Y hình dung chính mình là linh hồn đang thở ra

through the medium of that Word through the entire system which his soul animates—his mental, emotional, vital, and physical instruments.

năng lượng qua phương tiện của Linh từ ấy, xuyên suốt toàn bộ hệ thống mà linh hồn y làm linh hoạt — các khí cụ của y: thể trí, thể cảm dục, thể sinh lực và thể xác.

c. He sounds the Word literally on the physical plane, thus affecting the three grades of matter in his environment. All the time that he is thus occupied he is "holding the mind steady in the light", and is keeping his consciousness immovably in the realm of the soul.

c. Y xướng Linh từ theo nghĩa đen trên cõi hồng trần, nhờ đó tác động đến ba cấp độ vật chất trong môi trường của y. Trong suốt thời gian y bận rộn như vậy, y đang "giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng", và đang giữ tâm thức của mình bất lay chuyển trong cõi giới của linh hồn.

d. Also he carries forward (and this is the most difficult stage) a paralleling activity of a steady visualization of the thought form through which he hopes to express that aspect of the plan which he has contacted, and which he hopes to bring into active being through his own life and in his own environment.

d. Y cũng tiếp tục, và đây là giai đoạn khó khăn nhất, một hoạt động song hành là sự hình dung bền bỉ về hình tư tưởng mà qua đó y hy vọng biểu lộ phương diện của Thiên Cơ mà y đã tiếp xúc, và y hy vọng đưa vào hiện hữu và hoạt động qua đời sống riêng của mình và trong môi trường riêng của mình.

This is only truly possible when a steady rapport has been established between the soul and the brain. The process involves the capacity of the brain to register what the soul is visioning and becoming aware of in the Kingdom of the Soul. It involves also a paralleling activity in the mind, for the aspirant must interpret the vision and utilize the concrete intelligent faculty for the wise adaptation of time and of form to the true expression of that which has been learnt. This is by no means an easy thing to do, but the aspirant has eventually to learn to express himself in full consciousness in more than one way and that simultaneously. He begins to learn a triple activity in this manner. This the *Old Commentary* expresses as follows: [98]

Điều này chỉ thật sự có thể xảy ra khi một tương giao vững chắc đã được thiết lập giữa linh hồn và bộ não. Tiến trình này bao hàm năng lực của bộ não ghi nhận điều linh hồn đang nhìn thấy và đang nhận biết trong Giới của Linh hồn. Nó cũng bao hàm một hoạt động song hành trong thể trí, vì người chí nguyện phải giải thích tầm nhìn và sử dụng năng lực thông tuệ cụ thể để thích ứng thời gian và hình tướng một cách khôn ngoan với sự biểu lộ chân thật của điều đã học được. Điều này tuyệt nhiên không dễ thực hiện, nhưng cuối cùng người chí nguyện phải học cách biểu lộ chính mình trong tâm thức trọn vẹn theo hơn một cách, và đồng thời như vậy. Y bắt đầu học một hoạt động tam phân theo cách này. *Cổ Luận* diễn tả điều này như sau: [98]

The Solar Orb shines forth in radiant splendor. The illuminated mind reflects the solar glory. The lunar orb rises from the

Quả cầu Thái dương tỏa sáng trong vẻ huy hoàng rực rỡ. Thể trí được soi sáng phản chiếu vinh quang Thái dương. Quả cầu mặt

centre to the summit, and is transformed into a radiant sun of light. When these three suns are one, Brahma breaks forth. A lighted world is born.

trăng vươn lên từ trung tâm đến đỉnh cao, và được chuyển đổi thành một mặt trời ánh sáng rạng rỡ. Khi ba mặt trời này là một, Brahma bừng hiện. Một thế giới được soi sáng ra đời.

This literally means that when the soul (symbolized as the Solar Orb) the mind, and the light in the head form one unit, the creative power of the solar Angel can express itself in the three worlds, and can construct a form through which its energy can actively express itself. The lunar orb is a symbolic way of expressing the solar plexus which eventually must do two things:

Điều này theo nghĩa đen có nghĩa là khi linh hồn, được biểu tượng như Quả cầu Thái dương, thể trí, và ánh sáng trong đầu hình thành một đơn vị, quyền năng sáng tạo của Thái dương Thiên Thần có thể biểu lộ trong ba cõi thấp, và có thể kiến tạo một hình tướng qua đó năng lượng của Ngài có thể biểu lộ một cách tích cực. Quả cầu mặt trăng là một cách biểu tượng để chỉ tùng thái dương, vốn cuối cùng phải làm hai điều:

1. Blend and fuse the energies of the lower two centres of force, and

1. Hòa trộn và dung hợp các năng lượng của hai trung tâm mãnh lực thấp hơn, và

2. Raise these fused energies and so, blending with the energies of the other and higher centres, reach the head.

2. Nâng các năng lượng đã được dung hợp này lên, rồi nhờ hòa trộn với các năng lượng của những trung tâm khác và cao hơn, đạt đến đầu.

All the above embodies a teaching and a theory. This has to be wrought out in the practical experiment and experience and conscious activity of the aspirant.

Tất cả những điều trên hiện thân một giáo huấn và một lý thuyết. Điều này phải được thực hiện trong thí nghiệm thực tiễn, trong kinh nghiệm và hoạt động hữu thức của người chí nguyện.

I would like also to point out the nature of the service humanity as a whole is rendering in the general plan of evolution. The rule under our consideration applies not only to the individual man but to the predestined activity of the fourth Kingdom in Nature. Through his meditation, discipline and service, man fans into radiant light, illuminating the three worlds, that point of light which flickered into being at the time of his individualization in past ages. This finds its reflection in the light in the head. Thus a rapport is set up, which permits not

Tôi cũng muốn chỉ ra bản chất của sự phụng sự mà toàn thể nhân loại đang thực hiện trong Thiên Cơ chung của tiến hoá. Quy luật chúng ta đang xem xét không chỉ áp dụng cho từng con người riêng lẻ mà còn cho hoạt động đã được tiền định của giới thứ tư trong Thiên nhiên. Qua sự tham thiền, kỷ luật và phụng sự của mình, con người thổi bùng thành ánh sáng rạng rỡ, soi sáng ba cõi thấp, điểm ánh sáng đã le lói đi vào hiện hữu vào thời điểm y biệt ngã hóa trong các thời đại quá khứ. Điều này tìm thấy phản ảnh của nó trong ánh sáng nơi đầu. Như vậy, một tương

only of vibratory synchronization but of a radiation and display of magnetic force, permitting of its recognition in the three worlds of a man's immediate environment.

giao được thiết lập, cho phép không chỉ sự đồng bộ rung động mà còn sự bức xạ và phô diễn mãnh lực từ tính, nhờ đó nó có thể được nhận ra trong ba cõi thấp thuộc môi trường trực tiếp của con người.

So it is with the human kingdom. As its illumination increases, as its light waxes more potent, its effect upon [99] the sub-human kingdoms is analogous to that of the individual soul, its reflection, upon man in physical incarnation. I say analogous as a causative force, though not a correspondence in effects. Note this difference. Humanity is macrocosmic in relation to the sub-human states of consciousness, and this H. P. B. has well pointed out. The effect upon these lesser and more material states is primarily four-fold.

Đối với giới nhân loại cũng như vậy. Khi sự soi sáng của nó gia tăng, khi ánh sáng của nó trở nên mạnh mẽ hơn, hiệu quả của nó trên [99] các giới dưới nhân loại tương tự với hiệu quả của linh hồn cá nhân, phản ảnh của nó, trên con người đang lâm phàm. Tôi nói là tương tự như một mãnh lực nguyên nhân, dù không phải là một tương ứng về các hiệu quả. Hãy lưu ý sự khác biệt này. Nhân loại có tính Đại thiên địa trong quan hệ với các trạng thái tâm thức dưới nhân loại, và H. P. B. đã chỉ rõ điều này. Hiệu quả trên các trạng thái thấp hơn và vật chất hơn này chủ yếu là tứ phân.

1. The stimulating of the spiritual aspect, expressing itself as the soul in all forms, such as the form of a mineral, a flower, or an animal. The positive aspect of energy in all these forms will wax stronger, producing radiation, for instance, increasingly in the mineral kingdom. In this lies a hint of the nature of the process that will set a term to our own planetary existence and eventually, to our solar system. In the vegetable kingdom, the effect will be the demonstration of increased beauty and diversity, and the evolution of new species with an objective impossible to explain to those not yet initiate. The production of nutritive forms which will serve the needs of the lesser devas and angels will be one of the results.

1. Sự kích thích phương diện tinh thần, biểu lộ như linh hồn trong mọi hình tướng, chẳng hạn hình tướng của một khoáng vật, một bông hoa, hay một con vật. Phương diện dương của năng lượng trong tất cả những hình tướng này sẽ trở nên mạnh hơn, tạo ra sự bức xạ, chẳng hạn ngày càng tăng trong giới kim thạch. Chính trong điều này có một gợi ý về bản chất của tiến trình sẽ đặt dấu chấm hết cho sự hiện hữu hành tinh của chúng ta và cuối cùng cho hệ mặt trời của chúng ta. Trong giới thực vật, hiệu quả sẽ là sự biểu lộ vẻ đẹp và tính đa dạng gia tăng, và sự tiến hoá của các loài mới với một mục tiêu không thể giải thích cho những ai chưa là điểm đạo đồ. Việc tạo ra các hình tướng dinh dưỡng sẽ phục vụ nhu cầu của các thiên thần và các thiên sứ thấp hơn sẽ là một trong những kết quả.

In the animal kingdom the effect will be the elimination of pain and suffering and a return to the ideal conditions of the Garden

Trong giới động vật, hiệu quả sẽ là sự loại trừ đau đớn và khổ đau, và sự trở lại những điều kiện lý tưởng của Vườn Ê-đen. Khi con người

of Eden. When man functions as a soul, he heals; he stimulates and vitalizes; he transmits the spiritual forces of the universe, and all harmful emanations and all destructive forces find in the human kingdom a barrier. Evil and its effects are largely dependent upon humanity for a functioning channel. Humanity's function is to transmit and handle force. This is done in the early and ignorant stages destructively and with harmful results. Later when acting under the influence of the soul, force is rightly and wisely handled and good eventuates. True indeed it is that "the whole creation travaileth in pain until now, waiting for the manifestation of the sons of God." [100]

vận hành như một linh hồn, y chữa lành; y kích thích và tiếp sinh lực; y truyền dẫn các mãnh lực tinh thần của vũ trụ, và mọi phát xạ có hại cùng mọi mãnh lực phá hoại đều tìm thấy trong giới nhân loại một hàng rào ngăn chặn. Điều ác và các hiệu quả của nó phần lớn tùy thuộc vào nhân loại để có một kênh vận hành. Chức năng của nhân loại là truyền dẫn và xử lý mãnh lực. Trong các giai đoạn đầu và vô minh, điều này được thực hiện một cách phá hoại và với những kết quả có hại. Về sau, khi hành động dưới ảnh hưởng của linh hồn, mãnh lực được xử lý đúng đắn và khôn ngoan, và điều thiện xảy ra. Quả thật đúng rằng "toàn thể tạo vật vẫn quằn quại trong đau đớn cho đến nay, chờ đợi sự hiển lộ của các Con của Thượng đế". [100]

2. The bringing of light. Humanity is the planetary light bearer, transmitting the light of knowledge, of wisdom, and of understanding, and this in the esoteric sense. These three aspects of light carry three aspects of soul energy to the soul in all forms, through the medium of the anima mundi, the world soul. Physically speaking, this can be realized if we can appreciate the difference between our planetary illumination today and that of five hundred years ago—our brilliantly lit cities, our rural districts, shining through the night with their lighted streets and homes; our airways, outlined with their search-lights and fields of blazing globes; our oceans, dotted with their lighted ships, and increasingly our lighted airships will be seen, darting through the skies.

2. Việc đem lại ánh sáng. Nhân loại là vị mang ánh sáng của hành tinh, truyền dẫn ánh sáng của tri thức, của minh triết và của sự thấu hiểu, và điều này theo nghĩa huyền bí. Ba phương diện ánh sáng này mang ba phương diện của năng lượng linh hồn đến linh hồn trong mọi hình tướng, qua phương tiện của linh hồn thế giới. Nói theo hồng trần, điều này có thể được nhận ra nếu chúng ta có thể đánh giá đúng sự khác biệt giữa sự chiếu sáng của hành tinh chúng ta ngày nay và sự chiếu sáng cách đây năm trăm năm — các thành phố rực rỡ ánh đèn của chúng ta, những vùng thôn quê của chúng ta, sáng lên suốt đêm với đường phố và nhà cửa được thắp sáng; các tuyến đường hàng không của chúng ta, được vạch rõ bằng đèn pha và những sân bãi đầy các quả cầu sáng rực; các đại dương của chúng ta, điểm xuyết những con tàu sáng đèn, và ngày càng nhiều khí cầu sáng đèn của chúng ta sẽ được thấy lao qua bầu trời.

These are but the result of man's growing illumination. His knowledge aspect of light

Những điều này chỉ là kết quả của sự soi sáng ngày càng tăng của con người. Phương

has brought this into being. Who shall say what will eventuate when the wisdom aspect predominates? When these are welded by understanding, the soul will control in the three worlds and in all kingdoms of nature.

diện ánh sáng của tri thức nơi y đã đưa điều này vào hiện hữu. Ai có thể nói điều gì sẽ xảy ra khi phương diện minh triết chiếm ưu thế? Khi những điều này được hợp nhất bằng sự thấu hiểu, linh hồn sẽ kiểm soát trong ba cõi thấp và trong mọi giới của thiên nhiên.

3. The transmission of energy. The clue to the significance of this can be grasped as a concept, though as yet it will fail of comprehension, in the realization that the human kingdom acts upon and affects the three sub-human kingdoms. The downpouring spiritual Triangle and the upraising matter Triangle meet point to point in humanity when the point of balance can be found. In man's achievement and spiritualization is the hope of the world. Mankind itself is the world Saviour, of which all world Saviours have been but the symbol and the guarantee.

3. Sự truyền dẫn năng lượng. Chìa khóa cho thâm nghĩa của điều này có thể được nắm bắt như một khái niệm, dù hiện nay nó vẫn chưa thể được thấu hiểu đầy đủ, trong nhận thức rằng giới nhân loại tác động lên và ảnh hưởng đến ba giới dưới nhân loại. Tam giác tinh thần tuôn xuống và Tam giác vật chất nâng lên gặp nhau đầu mút với đầu mút trong nhân loại khi điểm quân bình có thể được tìm thấy. Trong thành tựu và sự tinh thần hóa của con người có niềm hy vọng của thế giới. Chính nhân loại là Đấng Cứu Thế của thế giới, mà tất cả các Đấng Cứu Thế của thế giới chỉ là biểu tượng và bảo chứng.

4. The blending of the deva or angel evolution and the human. This is a mystery which will be solved as man arrives at the consciousness of his own solar Angel, only to discover that that too is also but a form of life which, [101] having served its purpose, must be left behind. The angel or deva evolution is one of the great lines of force, contained in the divine expression and the solar Angels, the Agnishvattas of *The Secret Doctrine* and of *A Treatise on Cosmic Fire* belong—in their form aspect—to this line.

4. Sự hòa trộn của dòng tiến hoá thiên thần và dòng tiến hoá nhân loại. Đây là một huyền nhiệm sẽ được giải quyết khi con người đạt đến tâm thức của chính Thái dương Thiên Thần của mình, chỉ để khám phá rằng điều ấy cũng chỉ là một hình thức của sự sống, [101] sau khi đã phục vụ mục đích của nó, phải được bỏ lại phía sau. Dòng tiến hoá thiên thần là một trong những đường mãnh lực lớn, được chứa trong sự biểu lộ thiêng liêng; và các Thái dương Thiên Thần, các Agnishvatta của *Giáo Lý Bí Nhiệm* và của *Luận về Lửa Vũ Trụ*, thuộc về đường này trong phương diện hình tướng của các Ngài.

Thus humanity serves, and in the development of a conscious aptitude for service, in the growth of a conscious understanding of the individual part to be played in the working out of the plan and in the rendering of the personality subject to

Như vậy nhân loại phụng sự, và trong sự phát triển của một năng lực hữu thức đối với phụng sự, trong sự tăng trưởng của một sự thấu hiểu hữu thức về phần việc cá nhân phải đảm nhận trong việc thực hiện Thiên Cơ, và trong việc khiến phàm ngã phục tùng

the soul, will come the steady progress of humanity towards its goal of world service.

linh hồn, sẽ đến sự tiến bộ vững chắc của nhân loại hướng tới mục tiêu phụng sự thế giới của mình.

May I speak a word here so as to make this consummation a practical goal in your life? Harmful magnetic conditions, as the result of man's wrong handling of force are the causes of evil in the world around us, including the three sub-human kingdoms. How can we, as individuals, change this? By the development in ourselves of Harmlessness. Therefore, study yourself from this angle. Study your daily conduct and words and thoughts so as to make them utterly harmless. Set yourself to think those thoughts about yourself and others which will be constructive and positive, and hence harmless in their effects. Study your emotional effect on others so that by no mood, no depression, and no emotional reaction can you harm a fellow-man. Remember in this connection, violent spiritual aspiration and enthusiasm, misplaced or misdirected, may quite easily harm a fellow-man, so look not only at your wrong tendencies but at the use of your virtues.

Tôi có thể nói một lời ở đây để làm cho sự viên mãn này trở thành một mục tiêu thực tiễn trong đời sống của các bạn không? Các tình trạng từ tính có hại, như kết quả của việc con người xử lý mãnh lực sai lầm, là nguyên nhân của điều ác trong thế giới quanh chúng ta, bao gồm cả ba giới dưới nhân loại. Làm thế nào chúng ta, với tư cách những cá nhân, có thể thay đổi điều này? Bằng sự phát triển trong chính mình tính vô tổn hại. Vì vậy, hãy nghiên cứu chính mình từ góc độ này. Hãy nghiên cứu hành vi, lời nói và tư tưởng hằng ngày của bạn để làm cho chúng hoàn toàn vô tổn hại. Hãy tự đặt mình vào việc suy nghĩ những tư tưởng về chính mình và về người khác mang tính xây dựng và tích cực, và do đó vô tổn hại trong các hiệu quả của chúng. Hãy nghiên cứu hiệu quả cảm xúc của bạn trên người khác để không một tâm trạng nào, không một sự chán nản nào, và không một phản ứng cảm xúc nào có thể khiến bạn gây hại cho một đồng loại. Trong liên hệ này, hãy nhớ rằng khát vọng và nhiệt thành tinh thần mãnh liệt, nếu đặt sai chỗ hay hướng sai đường, rất dễ gây hại cho một đồng loại; vì vậy, hãy nhìn không chỉ vào các khuynh hướng sai lầm của bạn mà còn vào cách bạn sử dụng các đức tính của mình.

If harmlessness is the keynote of your life, you will do more to produce right harmonious conditions in your personality than any amount of discipline along other lines. The drastic purgation brought about by the attempt to be harmless will go far to eliminate wrong [102] states of consciousness. See to it therefore, and bring this idea in your evening review.

Nếu tính vô tổn hại là chủ âm của đời sống bạn, bạn sẽ làm được nhiều hơn để tạo ra những điều kiện hài hòa đúng đắn trong phàm ngã của mình so với bất cứ mức độ kỷ luật nào theo các đường hướng khác. Sự thanh lọc quyết liệt do nỗ lực trở nên vô tổn hại đem lại sẽ tiến xa trong việc loại trừ các trạng thái tâm thức [102] sai lầm. Vì vậy, hãy chú tâm đến điều đó, và đưa ý tưởng này vào phần hồi quán buổi tối của bạn.

I would like to urge each one who reads these pages to make a fresh beginning in spiritual living. I would say to him, forget all past achievements, realize fervour, and concentrate upon the Plan.

Tôi muốn thúc giục mỗi người đọc những trang này hãy khởi đầu lại trong đời sống tinh thần. Tôi muốn nói với y rằng: hãy quên mọi thành tựu quá khứ, hãy khơi dậy nhiệt tâm, và hãy tập trung vào Thiên Cơ.

By this time some progress in group realization has surely been made, and less interest in the separated self has been gained. More faith in the Good Law which guides all creation to ultimate perfection has been visioned without doubt, and, through this vision, has come the capacity to take one's eyes off the affairs of individual experience, and fasten them on the working out of the purpose for the whole. This is the objective and the goal. Breadth of vision, inclusiveness of understanding and a widened horizon are the preliminary essentials to all work under the guidance of the hierarchy of adepts; the stabilizing of the consciousness in the one life, and the recognition of the basic unity of all creation has to be somewhat developed before any one can be trusted with certain knowledges and Words of Power and the manipulation of those forces which bring the subjective reality into outer manifestation.

Đến lúc này, chắc chắn đã có một vài tiến bộ trong sự chứng nghiệm nhóm, và sự quan tâm đến bản ngã tách biệt đã giảm bớt. Không nghi ngờ gì, đã có thêm niềm tin vào Định luật Thiện lành đang hướng dẫn toàn thể tạo vật đến sự hoàn thiện tối hậu; và qua tầm nhìn này đã đến năng lực rời mắt khỏi các sự vụ của kinh nghiệm cá nhân, và hướng chúng vào việc thực hiện mục đích cho toàn thể. Đây là mục tiêu và cứu cánh. Tầm nhìn rộng lớn, sự thấu hiểu bao gồm và chân trời mở rộng là những điều thiết yếu sơ khởi cho mọi công việc dưới sự hướng dẫn của Thánh đoàn các chân sư; sự ổn định tâm thức trong sự sống duy nhất, và sự nhận biết về sự hợp nhất căn bản của toàn thể tạo vật, phải được phát triển phần nào trước khi bất cứ ai có thể được tin cậy trao cho một số tri thức và Quyền năng từ nhất định, cũng như việc vận dụng những mãnh lực đưa thực tại chủ quan vào biểu hiện bên ngoài.

Therefore, I say to you at this time, I—an older and perhaps more experienced disciple and worker in the great vineyard of the Lord —practice harmlessness with zest and understanding, for it is (if truly carried out) the destroyer of all limitation. Harmfulness is based on selfishness, and on an ego-centric attitude. It is the demonstration of forces concentrated for self-enforcement, self-aggrandisement, and self-gratification. Harmlessness is the expression of the life of the man who realizes himself to be everywhere, who lives consciously as a soul, whose nature is love, whose method is inclusiveness, and to whom all forms are

Vì vậy, vào lúc này, tôi — một đệ tử và người hoạt động lớn tuổi hơn và có lẽ nhiều kinh nghiệm hơn trong vườn nho lớn của Chúa — nói với các bạn: hãy thực hành tính vô tổn hại với nhiệt tâm và sự thấu hiểu, vì nếu được thực hiện thật sự, nó là kẻ hủy diệt mọi giới hạn. Tính gây hại đặt nền trên tính ích kỷ và trên một thái độ lấy bản thân làm trung tâm. Nó là sự biểu lộ của các mãnh lực được tập trung để tự củng cố, tự khuếch trương và tự thỏa mãn. Tính vô tổn hại là sự biểu lộ đời sống của con người nhận ra chính mình ở khắp nơi, sống một cách hữu thức như một linh hồn, có bản chất là tình thương, có phương pháp là tính bao gồm, và

alike in that they veil and hide the light, and are but externalizations of [103] the one Infinite Being. This realization, let me remind you, will demonstrate in a true comprehension of a brother's need, divorced from sentiment and expediency. It will lead to that silence of the tongue which grows out of non-reference to the separate self. It will produce that instantaneous response to true need which characterizes the Great Ones who (passing beneath the outer appearance) see the inner cause which produces the conditions noted in the outer life, and so, from that point of wisdom, true help and guidance can be given. Harmlessness brings about in the life caution in judgment, reticence in speech, ability to refrain from impulsive action, and the demonstration of a non-critical spirit. So, free passage can be given to the forces of true love, and to those spiritual energies which seem to vitalize the personality, leading consequently to right action.

đối với y mọi hình tướng đều như nhau ở chỗ chúng che phủ và giấu kín ánh sáng, và chỉ là các sự ngoại hiện của [103] Đấng Hiện Hữu Vô Biên duy nhất. Sự nhận biết này, hãy để tôi nhắc các bạn, sẽ biểu lộ trong một sự thấu hiểu chân thật về nhu cầu của huynh đệ, tách khỏi tình cảm ủy mị và sự tiện lợi. Nó sẽ dẫn đến sự im lặng của lưỡi, vốn phát sinh từ việc không quy chiếu về bản ngã riêng biệt. Nó sẽ tạo ra sự đáp ứng tức thời đối với nhu cầu chân thật, điều đặc trưng cho Các Đấng Cao Cả, những Đấng khi vượt qua bên dưới vẻ ngoài, thấy nguyên nhân bên trong tạo ra các điều kiện được ghi nhận trong đời sống bên ngoài, và vì thế, từ điểm minh triết ấy, sự giúp đỡ và hướng dẫn chân thật có thể được trao. Tính vô tổn hại đem lại trong đời sống sự thận trọng khi phán xét, sự dè dặt trong lời nói, năng lực kiềm chế hành động bốc đồng, và sự biểu lộ một tinh thần không phê phán. Nhờ vậy, lối đi tự do có thể được trao cho các mãnh lực của tình thương chân thật, và cho những năng lượng tinh thần dường như tiếp sinh lực cho phàm ngã, do đó dẫn đến hành động đúng đắn.

Let harmlessness, therefore, be the keynote of your life. An evening review should be carried forward entirely along this line; divide the review work in three parts and consider:

Vì vậy, hãy để tính vô tổn hại là chủ âm của đời sống bạn. Một cuộc hồi quán buổi tối nên được tiến hành hoàn toàn theo đường hướng này; hãy chia công việc hồi quán thành ba phần và xem xét:

1. Harmlessness in thought. This will primarily result in the control of speech.

1. Tính vô tổn hại trong tư tưởng. Điều này chủ yếu sẽ dẫn đến việc kiểm soát lời nói.

2. Harmlessness in emotional reaction. This will result in being a channel for the love aspect of the soul.

2. Tính vô tổn hại trong phản ứng cảm xúc. Điều này sẽ dẫn đến việc trở thành một kênh dẫn cho phương diện tình thương của linh hồn.

3. Harmlessness in act. This will produce poise, skill in action and the release of the creative will.

3. Tính vô tổn hại trong hành động. Điều này sẽ tạo ra sự quân bình, kỹ năng trong hành động và sự giải phóng ý chí sáng tạo.

These three approaches to the subject should be studied from their effects upon one's own self and development, and from their effect upon those whom one contacts and upon one's environing associates.

Ba cách tiếp cận này đối với chủ đề cần được nghiên cứu từ các hiệu quả của chúng trên bản thân và sự phát triển của chính mình, cũng như từ hiệu quả của chúng trên những người mà mình tiếp xúc và trên các cộng sự bao quanh mình.

May I interpolate here the remark that I make suggestions, based on experience in occult work. There is no obligation to obey. We seek to train intelligent servers of the race, and these are developed by self-initiated [104] effort, freedom in action and discrimination in method and not by unquestioning obedience, negative acquiescence, and blind following. Let this not be forgotten. If any command may ever emanate from the subjective band of teachers of whom I am a humble member, let it be to follow the dictates of your own soul and the promptings of your higher self.

Tôi có thể xen vào đây nhận xét rằng tôi đưa ra các gợi ý, dựa trên kinh nghiệm trong công việc huyền bí. Không có nghĩa vụ phải tuân theo. Chúng tôi tìm cách đào luyện những người phụng sự thông tuệ của nhân loại, và những người này được phát triển bằng nỗ lực [104] tự khởi xướng, bằng tự do trong hành động và phân biện trong phương pháp, chứ không bằng sự vâng phục không thắc mắc, sự thuận phục thụ động và sự đi theo mù quáng. Đừng quên điều này. Nếu có bất cứ mệnh lệnh nào có thể từng phát ra từ nhóm huấn sư chủ quan mà tôi là một thành viên khiêm tốn, thì hãy để đó là: hãy đi theo các mệnh lệnh của chính linh hồn bạn và những thôi thúc của chân ngã của bạn.

Before we proceed to an analysis of this Rule and of the previous one, for Rules II and III are the two halves of a whole, I would like to remind you that, in this series of meditations upon these ancient formulas, we are concerned with the magical work of the aspirant as a co-worker in the enterprises of the Great White Lodge. We are dealing with the methods of white magic. Let me remind you also, that the magical work of our planetary Hierarchy consists of tending the psyche in the world of forms, so that the unfolding flower of the soul may be nurtured and fostered in such wise that radiant glory, magnetic force and (ultimately) spiritual energy may be demonstrated through the medium of the form. Thus the power of the three Rays of divine Manifestation may be seen.

Trước khi chúng ta tiến hành phân tích Quy luật này và quy luật trước, vì Quy luật Hai và Quy luật Ba là hai nửa của một toàn thể, tôi muốn nhắc các bạn rằng, trong loạt tham thiền này về những công thức cổ xưa, chúng ta đang quan tâm đến công việc huyền thuật của người chí nguyện với tư cách một cộng sự trong các công cuộc của Thánh đoàn. Chúng ta đang đề cập đến các phương pháp của Chánh Thuật. Tôi cũng xin nhắc các bạn rằng công việc huyền thuật của Thánh Đoàn hành tinh của chúng ta cốt ở việc chăm sóc tâm hồn trong thế giới của các hình tướng, để đóa hoa linh hồn đang khai mở có thể được nuôi dưỡng và vun bồi theo cách mà vinh quang rạng rỡ, mãnh lực từ tính và cuối cùng là năng lượng tinh thần có thể được biểu lộ qua phương tiện của hình tướng. Như vậy, quyền năng của ba Cung của sự Biểu Hiện thiêng liêng có thể được nhìn thấy.

First Ray..... Spiritual Energy

Cung một..... Năng lượng tinh thần

Second Ray..... Magnetic Force

Cung hai..... Mãnh lực từ tính

Third Ray..... Radiant Glory

Cung ba..... Vinh quang rạng rỡ

These rays likewise find their microcosmic reflections in the aura of perfected man.

Các cung này cũng tìm thấy những phản ảnh Tiểu thiên địa của chúng trong hào quang của con người hoàn thiện.

First Ray... Monadic... Spiritual Energy... Head Centre

Cung một... Chân thần... Năng lượng tinh thần... Trung tâm đầu

Second Ray. Egoic..... Magnetic Force... Heart Centre

Cung hai. Chân ngã..... Mãnh lực từ tính... Trung tâm tim

Third Ray.. Personality..Radiant Glory.... Solar Plexus

Cung ba.. Phàm ngã..Vinh quang rạng rỡ.... Tùng thái dương

You inquire, Why do I not say the throat centre? Because the centres below the

Các bạn hỏi: Tại sao tôi không nói trung tâm cổ họng? Bởi vì các trung tâm bên dưới cơ

diaphragm symbolize primarily the personal lower self, and in their synthesising centre, the solar plexus, express the magnetic force of the matter aspect in man. The throat centre is swept [105] into increasing creative activity as the personality vibrates to the soul.

hoành chủ yếu tượng trưng cho phàm ngã thấp cá nhân, và trong trung tâm tổng hợp của chúng, tức tùng thái dương, biểu lộ mãnh lực từ tính của phương diện vật chất trong con người. Trung tâm cổ họng được cuốn [105] vào hoạt động sáng tạo ngày càng tăng khi phàm ngã rung động theo linh hồn.

Let us now consider the words at the end of the previous rule: "The lower light is thrown upward and the greater light illuminates the three; the work of the four proceedeth."

Giờ đây chúng ta hãy xem xét các lời ở cuối quy luật trước: "Ánh sáng thấp được ném lên trên; ánh sáng lớn hơn soi sáng bộ ba, và công việc của bốn tiến triển."

What of this lower light? The student should remember that for the present purposes he has three bodies of light to consider:

Ánh sáng thấp hơn này là gì? Đạo sinh cần nhớ rằng, cho các mục đích hiện nay, y có ba thể ánh sáng cần xem xét:

There is the radiant body of the soul itself, found on its own plane, and called, frequently, the Karana Sarira or the causal body.

Có một thể rạng rỡ của chính linh hồn, được tìm thấy trên cõi riêng của nó, và thường được gọi là thể nguyên nhân.

There is the vital or etheric body, the vehicle of prana which is the body of golden light, or rather the flame coloured vehicle.

Có một thể sinh lực hay thể dĩ thái, vận cụ của prana, là thể ánh sáng vàng, hay đúng hơn là vận cụ màu lửa.

There is the body of "dark light", which is the occult way of referring to the hidden light of the physical body, and to the light latent in the atom itself.

Có một thể "ánh sáng tối", là cách nói huyền bí chỉ ánh sáng ẩn tàng của thể xác, và ánh sáng tiềm tàng trong chính nguyên tử.

These three types of energy are referred to in the *Old Commentary* under the following symbolic terms:

Ba loại năng lượng này được nhắc đến trong *Cổ Luận* dưới các thuật ngữ biểu tượng sau:

"When the radiant light of the Solar Angel is fused with the golden light of the cosmic intermediary, it awakens from darkness the rush light of anu, the speck."

"Khi ánh sáng rạng rỡ của Thái dương Thiên Thần được dung hợp với ánh sáng vàng của trung gian vũ trụ, nó đánh thức từ bóng tối ánh sáng nhỏ bé của nguyên tử, đốm vi trần."

The “cosmic intermediary” is the term given to the etheric body, which is part and parcel of the universal ether. It is through the etheric body that all the energies flow, whether emanating from the soul, or from the sun, or from a planet. Along those living lines of fiery essence pass all the contacts that do not emanate specifically from the tangible world.

“Trung gian vũ trụ” là thuật ngữ chỉ thể dĩ thái, vốn là một phần không thể tách rời của dĩ thái phổ quát. Chính qua thể dĩ thái mà mọi năng lượng tuôn chảy, dù xuất phát từ linh hồn, từ mặt trời, hay từ một hành tinh. Dọc theo những đường sống động của tinh chất rực lửa ấy đi qua mọi tiếp xúc không xuất phát một cách đặc thù từ thế giới hữu hình.

The dark light of the tiny atoms of which the physical vehicle is constructed is responsive to the stimulation passing down from the soul into its vehicle, and, when the man is under control of the soul, there eventuates the shining forth of the light throughout the body. This [106] shows as the radiance emanating from the bodies of adepts and saints, giving the effect of bright and shining light.

Ánh sáng tối của những nguyên tử bé nhỏ cấu tạo nên vận cụ hồng trần đáp ứng với sự kích thích truyền xuống từ linh hồn vào vận cụ của nó; và khi con người ở dưới sự kiểm soát của linh hồn, ánh sáng bừng tỏa khắp thể xác. Điều này [106] biểu hiện như hào quang phát ra từ các thể của các chân sư và các thánh nhân, tạo nên ấn tượng về ánh sáng rực rỡ và chói lọi.

When the radiant light of the soul is blended with the magnetic light of the vital body, it stimulates the atoms of the physical body to such an extent that each atom becomes in turn a tiny radiant centre. This only becomes possible when the head, heart, the solar plexus and the centre at the base of the spine are connected in a peculiar fashion, which is one of the secrets of the first initiation. When these four are in close cooperation the “floor of the triangle” as it is symbolically called, is prepared for the magical work. In other words—these can be enumerated as follows:

Khi ánh sáng rạng rỡ của linh hồn hòa trộn với ánh sáng từ tính của thể sinh lực, nó kích thích các nguyên tử của thể xác đến mức mỗi nguyên tử lần lượt trở thành một trung tâm rạng rỡ bé nhỏ. Điều này chỉ có thể xảy ra khi đầu, tim, tùng thái dương và trung tâm ở đáy cột sống được nối kết theo một cách đặc biệt, vốn là một trong những bí mật của lần điểm đạo thứ nhất. Khi bốn trung tâm này hợp tác mật thiết, “đáy của tam giác”, như cách gọi biểu tượng, được chuẩn bị cho công việc huyền thuật. Nói cách khác, các yếu tố này có thể được liệt kê như sau:

a. The physical material form with its centre at the base of the spine.

a. Hình tướng vật chất hồng trần, với trung tâm của nó ở đáy cột sống.

b. The vital body working through the heart centre where the life principle has its seat. The activities of the body which are due to

b. Thể sinh lực hoạt động qua trung tâm tim, nơi nguyên khí sự sống an tọa. Các hoạt động của thể xác do sự kích thích này tạo ra được thực hiện qua tuần hoàn máu.

this stimulation are carried through the circulation of the blood.

c. The emotional body, working through the solar plexus centre.

d. The head centre, the direct agent of the soul and its interpreter, the mind. These four are in complete accord and alignment.

When this is the case, the work of initiation and its interludes of active discipleship become possible. Before this time the work cannot proceed. This is foreshadowed in the aspirant when there is enacted a symbolic happening in the light in the head which is the forerunner of the later stage of initiation.

In this stage, the soul light penetrates into the region of the pineal gland; there it produces an irradiation of the ethers of the head, of the vital airs; this produces a stimulation of the atoms of the brain so that their light [107] is fused and blended with the other two, the etheric light and the soul light, and there is then produced that inner radiant sun of which the aspirant becomes conscious in his physical brain experience. Frequently students speak of a diffused light or glow, this is the light of the physical plane atoms of which the brain is composed; later they may speak of seeing what appears to be like a sun in the head. This is the contacting of the etheric light, plus the physical atomic light. Later they become aware of an intensely bright electric light; this is the soul light, plus the etheric and the atomic. When that is seen, they frequently become aware of a dark centre within the radiant sun. This is the entrance to the Path disclosed by the "shining of the light upon the door."

c. Thể cảm xúc, hoạt động qua trung tâm tùng thái dương.

d. Trung tâm đầu, tác nhân trực tiếp của linh hồn và của thể trí, vốn là khí cụ diễn giải của linh hồn. Bốn yếu tố này hoàn toàn hòa hợp và chỉnh hợp.

Khi tình trạng này hiện hữu, công việc điểm đạo và các giai đoạn xen kẽ của địa vị đệ tử tích cực trở nên khả hữu. Trước thời điểm này, công việc không thể tiến hành. Điều này được báo trước nơi người chí nguyện khi một sự kiện biểu tượng diễn ra trong ánh sáng nơi đầu, vốn là tiền thân của giai đoạn điểm đạo về sau.

Ở giai đoạn này, ánh sáng linh hồn thâm nhập vào vùng tuyến tùng; tại đó nó tạo ra sự chiếu rạng trong các chất dĩ thái của đầu, trong các luồng sinh khí; điều này kích thích các nguyên tử của bộ não, khiến ánh sáng của chúng [107] được dung hợp và hòa trộn với hai ánh sáng kia: ánh sáng dĩ thái và ánh sáng linh hồn; bấy giờ mặt trời rạng rỡ bên trong được tạo ra, và người chí nguyện trở nên có ý thức về nó trong kinh nghiệm của bộ não hồng trần. Các đạo sinh thường nói đến một ánh sáng hay vầng sáng lan tỏa; đó là ánh sáng của các nguyên tử cõi hồng trần cấu tạo nên bộ não. Về sau, họ có thể nói đến việc thấy một điều gì tựa như mặt trời trong đầu. Đó là sự tiếp xúc với ánh sáng dĩ thái, cộng với ánh sáng nguyên tử hồng trần. Về sau nữa, họ trở nên nhận biết một ánh sáng điện cực kỳ chói lọi; đó là ánh sáng linh hồn, cộng với ánh sáng dĩ thái và ánh sáng nguyên tử. Khi điều ấy được thấy, họ thường nhận biết một trung tâm tối nằm trong mặt trời rạng rỡ. Đây là lối vào Đường Đạo, được

hiển lộ nhờ "ánh sáng chiếu rạng trên cánh cửa".

Students must remember that it is possible to have reached a high stage of spiritual consciousness without seeing any of this brain radiance. This is altogether in the nature of phenomena, and is largely determined by the calibre of the physical body, by past karma and achievement, and by the ability of the aspirant to bring down "power from on high", and to hold that energy steady in the brain centre whilst he himself in meditation is detached from the form aspect, and can look serenely at it.

Các đạo sinh phải nhớ rằng có thể đạt tới một giai đoạn cao của tâm thức tinh thần mà không thấy bất kỳ ánh sáng rạng rỡ nào trong bộ não. Điều này hoàn toàn thuộc về bản chất của hiện tượng, và phần lớn được quyết định bởi phẩm chất của thể xác, bởi nghiệp quả và thành tựu trong quá khứ, cũng như bởi khả năng của người chí nguyện trong việc đưa "quyền năng từ trên cao" xuống và giữ năng lượng ấy ổn định trong trung tâm bộ não, trong khi chính y, khi tham thiền, vẫn tách rời khỏi phương diện hình tướng và có thể nhìn nó một cách tĩnh lặng.

When this has been accomplished (and it is not an objective to be worked for, but is simply an indication to be registered in the consciousness and then dismissed) the consequent stimulation produces a reaction of the physical body. The magnetic power of the light in the head, and the radiant force of the soul produce stimulation. The centres begin to vibrate, and their vibration awakens the atoms of the material body until eventually the powers of the vibrating etheric body have swung even the lowest centre into line with the highest. Thus the fires of the body (the sum total of the energy of the atoms) are swept into increased activity until such time [108] as there is a rising up the spine of that fiery energy. This is brought about by the magnetic control of the soul, seated "on the throne between the eyebrows".

Khi điều này đã được hoàn tất — và đó không phải là một mục tiêu cần cố đạt, mà chỉ đơn giản là một dấu hiệu cần ghi nhận trong tâm thức rồi buông bỏ — sự kích thích phát sinh sẽ tạo ra một phản ứng nơi thể xác. Quyền năng từ tính của ánh sáng trong đầu và mãnh lực rạng rỡ của linh hồn tạo nên sự kích thích. Các trung tâm bắt đầu rung động, và rung động của chúng đánh thức các nguyên tử của thể vật chất cho đến khi, cuối cùng, các quyền năng của thể dĩ thái đang rung động đã chỉnh hợp ngay cả trung tâm thấp nhất với trung tâm cao nhất. Như vậy, các lửa của thể xác — tổng số năng lượng của các nguyên tử — được cuốn vào hoạt động gia tăng cho đến thời điểm [108] có sự trỗi dậy dọc theo cột sống của năng lượng bốc lửa ấy. Điều này được tạo nên bởi sự kiểm soát từ tính của linh hồn, an tọa "trên ngai giữa hai lông mày".

Here enters in the work of one of the means of yoga, abstraction or withdrawal. Where the three lights are blended, where the centres are aroused and the atoms are also vibrating, it becomes possible for the man to

Ở đây, công việc của một trong các phương tiện yoga bước vào: sự trừu xuất hay rút lui. Nơi ba ánh sáng đã hòa trộn, nơi các trung tâm được khơi động và các nguyên tử cũng đang rung động, con người có thể tập trung

centre all three in the head at will. Then, by the act of the will and the knowledge of certain words of Power he can enter into samadhi and be withdrawn from his body, carrying the light with him. In this way the greater light (the three fused and blended) illuminates the three worlds of man's endeavours and "the light is thrown upward" and illuminates all the spheres of man's conscious and unconscious experience. This is spoken of in the occult writings of the Masters in these words:

cả ba nơi đầu tùy ý. Khi đó, bằng hành động của ý chí và tri thức về một số Quyền năng từ, y có thể nhập đại định và rút khỏi thể xác, mang ánh sáng theo mình. Bằng cách này, ánh sáng lớn hơn — ba ánh sáng đã dung hợp và hòa trộn — soi sáng ba cõi giới của nỗ lực con người; "ánh sáng được ném lên trên" và soi sáng mọi phạm vi thuộc kinh nghiệm hữu thức và vô thức của con người. Trong các trước tác huyền bí của các Chân sư, điều này được nói bằng những lời sau:

"Then the Bull of God carries the light in his forehead, and his eye transmits the radiance; His head, with magnetic force, resembles the blazing sun, and from the lotus of the head, the path of light issues. It enters into the Greater Being, producing a living fire. The Bull of God sees the Solar Angel, and knows that Angel to be the light wherein he walks."

"Bấy giờ Bò Đực của Thượng đế mang ánh sáng nơi trán, và mắt của Ngài truyền phát hào quang; đầu Ngài, với mãnh lực từ tính, giống như mặt trời rực cháy, và từ Hoa sen nơi đầu, con đường ánh sáng phát xuất. Nó đi vào Hữu Thể vĩ đại hơn, tạo nên một ngọn lửa sống. Bò Đực của Thượng đế thấy Thái dương Thiên Thần, và biết Thiên Thần ấy là ánh sáng trong đó Ngài bước đi."

Then the work of the four proceeds. The four are at-one. The Solar Angel is identified with his instrument; the life of the sheaths is subordinated to the life of the inner divinity; the light of the sheaths is fused with the light of the soul. The head, the heart, and the base of the spine are geometrically aligned and certain developments then become possible.

Bấy giờ công việc của bốn yếu tố tiếp diễn. Bốn yếu tố là một. Thái dương Thiên Thần đồng hoá với khí cụ của Ngài; sự sống của các lớp vỏ phục tùng sự sống của thiên tính bên trong; ánh sáng của các lớp vỏ được dung hợp với ánh sáng của linh hồn. Đầu, tim và đáy cột sống được chỉnh hợp theo hình học, và khi ấy một số phát triển nhất định trở nên khả hữu.

In these two Rules, the foundation of the magical work of the soul has been laid down. Let us list, for the sake of clarity, the steps outlined:

Trong hai Quy luật này, nền tảng của công việc huyền thuật của linh hồn đã được đặt ra. Để rõ ràng, chúng ta hãy liệt kê các bước đã được phác thảo:

1. The Solar Angel begins the work of initiating the Personality.[109]

1. Thái dương Thiên Thần bắt đầu công việc điểm đạo Phàm ngã.[109]

2. Ngài rút các mãnh lực của mình khỏi những công việc của linh hồn trong giới tinh

2. He withdraws his forces from soul enterprises in the spiritual Kingdom, and centres his attention on the work to be done.

thần, và tập trung sự chú ý vào công việc phải làm.

3. He enters into deep meditation.

3. Ngài đi vào thiền định sâu.

4. Magnetic rapport with the instrument in the three worlds is instituted.

4. Mối liên hệ từ tính với khí cụ trong ba cõi được thiết lập.

5. The instrument, man, responds, and also enters into meditation.

5. Khí cụ, tức con người, đáp ứng và cũng đi vào tham thiền.

6. The work proceeds in ordered stages and with cyclic activity.

6. Công việc tiến hành theo các giai đoạn có trật tự và với hoạt động theo chu kỳ.

7. The light of the soul is thrown downwards.

7. Ánh sáng của linh hồn được phóng xuống dưới.

8. The light of the vital body and the physical form is synchronised with that of the head.

8. Ánh sáng của thể sinh lực và hình tướng hồng trần được đồng bộ với ánh sáng của đầu.

9. The centres swing into activity.

9. Các trung tâm chuyển vào hoạt động.

10. The light of the soul and the two other aspects of light are so intense that now all life in the three worlds is illumined.

10. Ánh sáng của linh hồn và hai phương diện ánh sáng kia mãnh liệt đến mức bấy giờ toàn bộ sự sống trong ba cõi đều được soi sáng.

11. Alignment is produced, the work of discipleship and of initiation becomes possible and proceeds according to the Law of Being.

11. Sự chỉnh hợp được tạo ra; công việc địa vị đệ tử và điểm đạo trở nên khả hữu và tiến hành theo Định luật Bản Thể.

Principles and Personalities

There is, however, a point which merits consideration and which could be approached in the form of a question. The student might well enquire into the matter as follows:

Tuy nhiên, có một điểm đáng được xem xét và có thể được tiếp cận dưới hình thức một câu hỏi. Đạo sinh có thể tìm hiểu vấn đề như sau:

“Some people approach the problem of Being through mental appreciation; others through heart understanding; some are motivated through the head and others through the heart; some do things or avoid doing them because they know, rather than feel; some react to their surroundings mentally rather than emotionally.

“Một số người tiếp cận vấn đề Bản Thể qua sự lĩnh hội trí tuệ; những người khác qua sự thấu hiểu của tim; một số được thúc đẩy qua đầu, những người khác qua tim; một số làm hoặc tránh làm các việc vì họ biết hơn là vì họ cảm thấy; một số đáp ứng với môi trường xung quanh bằng trí tuệ hơn là bằng cảm xúc.

“The point on which to seek illumination is whether the path for some is not to serve because they know rather than love God, Who, after all, is but their innermost selves. Is [110] this not the path of the occultist and of the sage rather than of the mystic and the saint? When all is said and done, is it not a question, primarily, of the ray one is on and the Master under whom one serves one's apprenticeship? Is not true knowledge a species of intellectual love? If a poet can pen an ode to intellectual beauty why may not we express appreciation of a unity that is conceived of the head rather than of the heart? Hearts are well enough in their way but they are not suited to the world's rough usage.

“Điểm cần tìm sự soi sáng là liệu con đường của một số người có phải là phụng sự bởi vì họ biết Thượng đế hơn là yêu Thượng đế — Đấng, xét cho cùng, chỉ là bản ngã sâu kín nhất của họ. Đây [110] chẳng phải là con đường của nhà huyền bí học và bậc hiền triết hơn là của nhà thần bí và thánh nhân sao? Sau cùng, chẳng phải chủ yếu là vấn đề cung mà một người thuộc về và Chân sư dưới quyền người ấy học việc phụng sự sao? Chẳng phải tri thức chân thật là một loại tình thương trí tuệ sao? Nếu một thi sĩ có thể viết một bài tụng ca vẻ đẹp trí tuệ, tại sao chúng ta lại không thể bày tỏ sự trân trọng đối với một sự hợp nhất được nhận thức bằng đầu hơn là bằng tim? Tim có giá trị theo cách riêng của nó, nhưng nó không thích hợp với sự va đập thô nhám của thế gian.

“Can one do aught but accept his present limitation while seeking such transcendence as is his by the Divine Law of evolution? Is there not such a thing (by comparison) as a spiritual inferiority complex on the part of such as are sensible (and perhaps over-sensitive) of the fact that while their lives intellectually are replete with interest, the desert of their hearts has not yet been made to blossom like the rose?

“Một người có thể làm gì khác hơn là chấp nhận giới hạn hiện tại của mình, trong khi tìm kiếm sự siêu vượt vốn thuộc về mình theo Định luật thiêng liêng của tiến hóa? Chẳng phải có một điều như vậy — nếu so sánh — là phức cảm tự ti tinh thần nơi những người ý thức rõ, và có lẽ quá nhạy cảm, rằng dù đời sống trí tuệ của họ đầy hứng thú, sa mạc trong tim họ vẫn chưa được làm cho nở hoa như hoa hồng sao?

“In other words, provided one repairs to his appointed station and there serves in his acceptance of Brotherhood in the Presence of Fatherhood, what difference does it make

“Nói cách khác, miễn là một người trở về vị trí đã được chỉ định cho mình và tại đó phụng sự trong sự chấp nhận tình huynh đệ trước Sự Hiện Diện của Tình Phụ Tử, thì có gì

that the fundamental postulate is with him a thing of the head rather than of the heart?"

khác biệt nếu định đề căn bản nơi người ấy là một điều thuộc về đầu hơn là thuộc về tim?"

I would answer such a questioning as follows:

Tôi xin đáp lại câu hỏi ấy như sau:

It is not a question of ray or even of the basic distinction between the occultist and the mystic. In the rounded-out individual both head and heart must function with equal power. In time and space, however, and during the process of evolution, individuals are distinguished by a predominating tendency in any one life; it is only because we do not see all the picture that we draw these temporary distinctions. In one life a man may be predominantly mental and for him the path of the Love of God would be unsuited. The Love of God is shed abroad in his heart and to a considerable degree his occult approach is based on the mystic perception of past lives. For him the problem is to know God, with the view of interpreting that knowledge in love to all. Responsible [111] love, demonstrated in duty to group and family, is therefore for him the line of least resistance. Universal love, raying out to all nature and all forms of life, will follow on a more developed knowledge of God, but this will be part of his development in another life.

Đây không phải là vấn đề cung, hay thậm chí là sự phân biệt căn bản giữa nhà huyền bí học và nhà thần bí. Trong cá nhân đã phát triển trọn vẹn, cả đầu lẫn tim phải vận hành với quyền năng ngang nhau. Tuy nhiên, trong thời gian và không gian, và trong tiến trình tiến hóa, các cá nhân được phân biệt bởi một khuynh hướng trội hơn trong một đời sống nào đó; chỉ vì chúng ta không thấy toàn bộ bức tranh nên chúng ta mới đưa ra những phân biệt tạm thời này. Trong một đời sống, một người có thể thiên về trí tuệ, và đối với y, con đường yêu kính Thượng đế sẽ không thích hợp. Tình thương của Thượng đế được tuôn rải trong tim y, và ở một mức độ đáng kể, cách tiếp cận huyền bí của y đặt nền trên tri giác thần bí của các kiếp trước. Vấn đề của y là biết Thượng đế, với mục đích diễn giải tri thức ấy trong tình thương đối với tất cả. Tình thương có trách nhiệm [111], được biểu lộ qua bổn phận đối với nhóm và gia đình, vì thế đối với y là con đường ít trở ngại nhất. Tình thương phổ quát, tỏa chiếu đến toàn thể thiên nhiên và mọi hình thái sự sống, sẽ theo sau một tri thức phát triển hơn về Thượng đế; nhưng điều này sẽ là một phần trong sự phát triển của y ở một đời sống khác.

Students of human nature (and this all aspirants should be) would do well to bear in mind that there are temporary differences. People differ in:

Những đạo sinh về bản chất con người — và tất cả người chí nguyện nên là như vậy — cần ghi nhớ rằng có những khác biệt tạm thời. Con người khác nhau về:

a. Ray (which affects predominantly the magnetism of the life).

a. Cung, vốn ảnh hưởng chủ yếu đến từ tính của sự sống.

b. Approach to truth, either the occult or the mystic path having the stronger drawing power.

b. Cách tiếp cận chân lý, trong đó con đường huyền bí học hoặc con đường thần bí có sức hút mạnh hơn.

c. Polarisation, deciding the emotional, mental or physical intent of a life.

c. Sự phân cực, quyết định ý hướng cảm xúc, trí tuệ hay hồng trần của một đời sống.

d. Status in evolution, leading to the diversities seen among men.

d. Địa vị trong tiến hóa, dẫn đến những sai biệt được thấy giữa người với người.

e. Astrological sign, determining the trend of any particular life.

e. Dấu hiệu chiêm tinh, quyết định khuynh hướng của một đời sống cụ thể.

f. Race, bringing the personality under the peculiar racial thought form.

f. Giống dân, đặt phàm ngã dưới hình tư tưởng đặc thù của chủng tộc.

The sub-ray on which a man is found, that minor ray which varies from incarnation to incarnation, largely gives him his coloring for this life. It is his secondary hue. Forget not, the primary ray of the Monad continues through the aeon. It changes not. It is one of the three primary rays that eventually synthesise the sons of men. The ray of the ego varies from round to round, and, in more evolved souls, from race to race, and comprises one of the five rays of our present evolution. It is the predominating ray to which a man's causal body vibrates. It may correspond to the ray of the monad, or it may be one of the complementary colours to the primary. The ray of the personality varies from [112] life to life, till the gamut of the seven sub-rays of the Monadic ray has been passed through.

Cung phụ mà một người thuộc về, cung nhỏ thay đổi từ kiếp lâm phàm này sang kiếp lâm phàm khác, phần lớn đem lại sắc thái cho y trong đời sống này. Đó là màu sắc thứ yếu của y. Đừng quên rằng cung chính của chân thần vẫn tiếp tục suốt đại kiếp. Nó không thay đổi. Nó là một trong ba cung chính cuối cùng tổng hợp những người con của nhân loại. Cung của chân ngã thay đổi từ cuộc tuần hoàn này sang cuộc tuần hoàn khác, và nơi các linh hồn tiến hóa hơn, từ giống dân này sang giống dân khác; nó là một trong năm cung của cuộc tiến hóa hiện tại của chúng ta. Đó là cung chủ đạo mà thể nguyên nhân của một người rung động theo. Nó có thể tương ứng với cung của chân thần, hoặc có thể là một trong các màu bổ sung cho cung chính. Cung của phàm ngã thay đổi từ [112] đời sống này sang đời sống khác, cho đến khi toàn bộ thang bảy cung phụ của cung chân thần đã được đi qua.

Therefore, in dealing with people whose monads are on a similar or complementary ray it will be found that they approach each other sympathetically. We must remember however that evolution must be far

Do đó, khi tiếp xúc với những người có chân thần ở trên một cung tương tự hoặc bổ sung, người ta sẽ thấy họ tiếp cận nhau một cách cảm thông. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng tiến hóa phải rất cao thì cung của chân

advanced for the ray of the monad to influence extensively. So the majority of cases come not under this category.

thần mới có ảnh hưởng rộng rãi. Vì vậy, đa số trường hợp không thuộc phạm trù này.

With average advanced men, who are struggling to approximate themselves to the ideal, similarity of the egoic ray will produce mutual comprehension, and friendship follows. It is easy for two people on the same egoic ray to comprehend each other's point of view, and they become great friends, with unshaken faith in each other, for each recognizes the other acting as he himself would act.

Với những người trung bình nhưng tiến hóa cao, đang nỗ lực tiến gần đến lý tưởng, sự tương đồng của cung chân ngã sẽ tạo ra sự thấu hiểu lẫn nhau, và tình bạn tiếp theo sau. Hai người ở trên cùng cung chân ngã dễ dàng thấu hiểu quan điểm của nhau, và họ trở thành bạn thân, với niềm tin không lay chuyển nơi nhau, vì mỗi người nhận ra người kia hành động như chính mình sẽ hành động.

But when (added to the egoic similarity of ray) you have the same ray of personality, then you have one of those rare things a perfect friendship, a successful marriage, an unbreakable link between two. This is rare indeed.

Nhưng khi, ngoài sự tương đồng về cung chân ngã, bạn còn có cùng cung phàm ngã, thì bạn có một trong những điều hiếm có: một tình bạn hoàn hảo, một cuộc hôn nhân thành công, một mối liên kết không thể phá vỡ giữa hai người. Điều này quả thật hiếm.

When you have two people on the same personality ray but with the egoic ray dissimilar, you may have those brief and sudden friendships and affinities, that are as ephemeral as a butterfly. These things need bearing in mind and with their recognition comes the ability to be adaptable. Clarity of vision results in a circumspect attitude.

Khi có hai người ở cùng cung phàm ngã nhưng khác cung chân ngã, bạn có thể thấy những tình bạn và sự tương hợp ngắn ngủi, đột ngột, phù du như cánh bướm. Những điều này cần được ghi nhớ, và cùng với sự nhận biết chúng, khả năng thích nghi sẽ đến. Sự sáng rõ của tầm nhìn đưa đến một thái độ thận trọng.

Another cause of difference can be due to the polarization of the bodies. Unless this too meets with recognition in dealing with people lack of comprehension ensues. When you use the term: “a man polarized in his astral body”—you really mean a man whose ego works principally through that vehicle. Polarity indicates the clarity of the channel. Let me illustrate. The ego of the average [113] man has its home on the third sub-plane of the mental plane. If a man has an astral vehicle largely composed of third sub-plane astral matter, and a mental vehicle

Một nguyên nhân khác của sự khác biệt có thể do sự phân cực của các thể. Nếu điều này cũng không được nhận biết khi tiếp xúc với con người, sự thiếu thấu hiểu sẽ xảy ra. Khi bạn dùng thuật ngữ “một người phân cực trong thể cảm dục của mình”, bạn thật sự muốn nói đến một người mà chân ngã của y hoạt động chủ yếu qua hiện thể ấy. Sự phân cực chỉ ra độ sáng rõ của kênh dẫn. Hãy để tôi minh họa. Chân ngã của người trung bình [113] có trú sở trên cõi phụ thứ ba của cõi trí. Nếu một người có hiện thể cảm dục phần lớn được cấu tạo bằng vật chất cảm dục

mostly on the fifth sub-plane, the ego will centre his endeavour on the astral body. If he has a mental body of fourth sub-plane matter and an astral body of fifth sub-plane, the polarization will be mental.

của cõi phụ thứ ba, và hiện thể trí chủ yếu ở cõi phụ thứ năm, chân ngã sẽ tập trung nỗ lực của mình vào thể cảm dục. Nếu y có thể trí bằng vật chất của cõi phụ thứ tư và thể cảm dục thuộc cõi phụ thứ năm, sự phân cực sẽ là trí tuệ.

When you speak of the ego taking more or less control of a man you really mean that he has built into his bodies matter of the higher sub-planes.

Khi bạn nói về việc chân ngã kiểm soát một người ít hay nhiều, bạn thật sự muốn nói rằng y đã xây vào các thể của mình vật chất của các cõi phụ cao hơn.

The ego takes control with interest only when the man has almost entirely eliminated matter of the seventh, sixth, and fifth sub-planes from his vehicles. When he has built in a certain proportion of matter of the fourth sub-plane the ego extends his control; when there is a certain proportion of the third sub-plane, then the man is on the Path; when second sub-plane matter predominates then he takes initiation, and when he has matter only of atomic substance, he becomes a Master. Therefore, the sub-plane a man is on is of importance, and the recognition of his polarization elucidates life.

Chân ngã chỉ thật sự quan tâm nắm quyền kiểm soát khi con người gần như đã loại bỏ hoàn toàn vật chất của các cõi phụ thứ bảy, thứ sáu và thứ năm khỏi các hiện thể của mình. Khi y đã xây vào một tỷ lệ nhất định vật chất của cõi phụ thứ tư, chân ngã mở rộng sự kiểm soát của mình; khi có một tỷ lệ nhất định của cõi phụ thứ ba, bấy giờ con người ở trên Đường Đạo; khi vật chất của cõi phụ thứ hai chiếm ưu thế, y thọ điểm đạo; và khi y chỉ có vật chất thuộc chất liệu nguyên tử, y trở thành một Chân sư. Do đó, cõi phụ mà một người đang ở trên đó có tầm quan trọng, và sự nhận biết về sự phân cực của y soi sáng đời sống.

The third thing you need to remember is that even when these two points are admitted, the age of the soul's experience frequently causes lack of comprehension. The above two points do not carry us very far, for the capacity to sense a man's ray is not for this race as yet. Approximate supposition and the use of the intuition is all that is now possible. The little evolved cannot comprehend completely the much evolved, and in a lesser degree, the advanced ego comprehends not an initiate. The greater can apprehend the lesser but the reverse is not the case.

Điều thứ ba bạn cần nhớ là, ngay cả khi hai điểm này được thừa nhận, tuổi đời kinh nghiệm của linh hồn thường gây ra sự thiếu thấu hiểu. Hai điểm trên không đưa chúng ta đi xa lắm, vì năng lực cảm nhận cung của một người hiện nay chưa thuộc về nhân loại này. Điều duy nhất hiện có thể là phỏng đoán gần đúng và sử dụng trực giác. Người tiến hóa ít không thể hoàn toàn thấu hiểu người tiến hóa nhiều; và ở mức độ thấp hơn, chân ngã tiến hóa cao cũng không thấu hiểu một điểm đạo đồ. Cái lớn hơn có thể nhận thức cái nhỏ hơn, nhưng điều ngược lại thì không.

As regards the action of those whose point of attainment greatly transcends your own, I can only ask you to do three things: [114]

Về hành động của những vị có điểm thành tựu vượt xa chính bạn, tôi chỉ có thể yêu cầu bạn làm ba điều: [114]

a. Reserve judgment. Their vision is greater. Forget not that one of the greatest qualities members of the Lodge have achieved is their ability to view the destruction of form as unimportant. Their concern is with the evolving life.

a. Khoan phán xét. Tầm nhìn của các Ngài rộng lớn hơn. Đừng quên rằng một trong những phẩm tính lớn nhất mà các thành viên của Thánh đoàn đã đạt được là khả năng xem sự hủy hoại hình tướng là không quan trọng. Mối quan tâm của các Ngài là sự sống đang tiến hóa.

b. Realize that all events are brought around by the Brothers with a wise purpose in view. Lesser grade initiates, though utterly free agents, fit into the plans of their superiors just as do you in your lesser way. They have their lessons to learn, and the rule of learning is that all experience has to be bought. Apprehension comes by the punishment that follows an ill-judged act. Their superiors stand by to turn to good account situations brought about by the errors of those inferior in point of development.

b. Nhận ra rằng mọi biến cố đều được các Huynh Đệ đưa đến với một mục đích minh triết trong tầm nhìn. Các điểm đạo đồ cấp thấp hơn, dù hoàn toàn là những tác nhân tự do, vẫn ăn khớp với các thiên cơ của những vị cao hơn họ, cũng như bạn theo cách nhỏ bé hơn của mình. Họ có những bài học phải học, và quy luật của việc học là mọi kinh nghiệm đều phải được trả giá. Sự nhận thức đến qua hình phạt theo sau một hành động phán đoán sai lầm. Những vị cao hơn họ đứng bên để chuyển các tình huống do sai lầm của những người thấp hơn về điểm phát triển thành điều hữu ích.

c. Remember also that the Law of Rebirth holds hidden the secret of the present crisis. Groups of egos come together to work out certain karma involved in past days. Men have erred grievously in the past. Punishment and transmutation are the natural working out. Violence and cruelty in the past will reap its heavy karma, but it lies in the hands of you all now to transmute the old mistakes.

c. Cũng hãy nhớ rằng Định luật Tái sinh che giấu bí mật của cuộc khủng hoảng hiện tại. Các nhóm chân ngã đến với nhau để giải quyết một số nghiệp quả nhất định liên quan đến những ngày đã qua. Con người đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong quá khứ. Hình phạt và sự chuyển hoá là kết quả vận hành tự nhiên. Bạo lực và tàn ác trong quá khứ sẽ gặt lấy nghiệp quả nặng nề của chúng, nhưng hiện nay việc chuyển hoá các sai lầm xưa nằm trong tay tất cả các bạn.

Also bear in mind that principles are eternal, personalities temporal. Principles are to be viewed in the light of eternity; personalities from the standpoint of time. The trouble is

Cũng hãy ghi nhớ rằng các nguyên lý là vĩnh cửu, các phàm ngã là tạm thời. Các nguyên lý phải được nhìn trong ánh sáng của vĩnh cửu; các phàm ngã từ quan điểm của thời gian.

that, in many situations, two principles are involved, one of which is secondary. The difficulty lies in the fact that (both being principles) both are right. It is a rule for safe guidance always to remember that usually basic principles (for their wise comprehension and fruitful working out) call for the play of the intuition whilst secondary principles are more purely mental. The methods hence necessarily differ. When holding to the basic principles, the wisest methods are [115] silence and a joyful confidence that the Law works, an avoidance of all personality innuendo except wise and loving comment, and a determination to see all in the light of eternity and not of time, coupled with a constant endeavour to follow the law of love and see only the divine in your brothers, e'en if on an opposing side.

Vấn đề là, trong nhiều tình huống, có hai nguyên lý cùng liên quan, một trong hai là thứ yếu. Khó khăn nằm ở chỗ, vì cả hai đều là nguyên lý, nên cả hai đều đúng. Một quy luật để hướng dẫn an toàn là luôn nhớ rằng các nguyên lý căn bản thường đòi hỏi sự vận dụng của trực giác để được thấu hiểu minh triết và triển khai hữu hiệu, trong khi các nguyên lý thứ yếu thuần túy thuộc trí tuệ hơn. Vì thế, các phương pháp tất yếu khác nhau. Khi giữ vững các nguyên lý căn bản, những phương pháp minh triết nhất là [115] im lặng và một niềm tin hoan hỉ rằng Định luật đang vận hành; tránh mọi ám chỉ phàm ngã ngoại trừ nhận xét minh triết và đầy tình thương; và một quyết tâm nhìn mọi sự trong ánh sáng của vĩnh cửu chứ không phải của thời gian, đi đôi với nỗ lực thường xuyên tuân theo định luật bác ái và chỉ thấy điều thiêng liêng nơi các huynh đệ của bạn, ngay cả khi họ ở phía đối lập.

In secondary principles, which all opposing forces are at present emphasizing, the use of the lower mind involves the danger of criticism, the employment of methods sanctioned by time in the three worlds—methods involving personal attack, invective and the expenditure of force along destructive lines, and a spirit contrary to the law of the plane of unity. The term “opposing forces” is used rightly if you employ it only in a scientific sense and mean the contrasting pole that leads to equilibrium. Remember therefore, that opposing groups may be quite sincere, but the concrete mind acts in them as a barrier to the free play of the higher vision. Their sincerity is great but their point of attainment along some lines less than that of those who adhere to basic principles, seen in the light of the intuition.

Trong các nguyên lý thứ yếu, mà tất cả các mãnh lực đối lập hiện nay đang nhấn mạnh, việc sử dụng hạ trí kéo theo nguy cơ chỉ trích, việc dùng những phương pháp được thời gian trong ba cõi chuẩn nhận — các phương pháp bao hàm công kích cá nhân, lời mắng nhiếc và sự tiêu hao mãnh lực theo các đường lối phá hoại — cùng một tinh thần trái với định luật của cõi hợp nhất. Thuật ngữ “các mãnh lực đối lập” được dùng đúng nếu bạn chỉ dùng nó theo nghĩa khoa học và hiểu là cực tương phản dẫn đến quân bình. Vì vậy, hãy nhớ rằng các nhóm đối lập có thể hoàn toàn chân thành, nhưng trí cụ thể hoạt động nơi họ như một rào cản đối với sự vận hành tự do của tầm nhìn cao hơn. Sự chân thành của họ rất lớn, nhưng điểm thành tựu của họ theo một số đường lối lại thấp hơn điểm thành tựu của những người bám giữ các nguyên lý căn bản, được thấy trong ánh sáng của trực giác.

A principle is that which embodies some aspect of the truth on which this system of ours is based; it is the seeping through to the consciousness of the man of a little of the idea on which our Logos bases all He does. The basis of all Logoic action is love in activity, and the fundamental idea on which He bases action connected with the human Hierarchy is the power of love to drive onward, —call it evolution, if you like, call it inherent urge, should you so prefer, but it is love causing motion and urging onward to completion. It is the driving of one and all to further expression. Hence, this principle should underlie all activity, and the government of the lesser organizations, if founded on love leading to activity, would lead to a divine urge in all its members, driving them likewise on to fullest expression, and thus tend [116] to more adequate completeness and more satisfactory endeavour.

Một nguyên lý là điều thể hiện một phương diện nào đó của chân lý mà thái dương hệ của chúng ta đặt nền trên đó; đó là sự thấm vào tâm thức con người một chút ý tưởng mà Thượng đế của chúng ta đặt nền cho mọi điều Ngài làm. Nền tảng của mọi hành động thuộc Thượng đế là bác ái trong hoạt động, và ý tưởng căn bản mà Ngài đặt nền cho hành động liên quan đến Huyền Giai nhân loại là quyền năng của tình thương thúc đẩy tiến tới — hãy gọi đó là tiến hóa nếu bạn muốn, hãy gọi đó là thôi thúc nội tại nếu bạn thích hơn — nhưng đó là tình thương gây nên chuyển động và thúc giục tiến tới hoàn tất. Đó là sự thúc đẩy từng người và tất cả đi đến sự biểu lộ xa hơn. Vì thế, nguyên lý này phải nằm dưới mọi hoạt động; và việc quản trị các tổ chức nhỏ hơn, nếu được đặt nền trên tình thương dẫn đến hoạt động, sẽ đưa đến một thôi thúc thiêng liêng nơi tất cả thành viên của chúng, cũng thúc đẩy họ tiến tới sự biểu lộ trọn vẹn nhất, và như vậy có khuynh hướng [116] đưa đến sự hoàn chỉnh thích đáng hơn và nỗ lực thỏa đáng hơn.

A principle, when really fundamental, appeals at once to the intuition and calls out an immediate re-action of assent from the man's higher Self. It makes little or no appeal to the personality. It embodies a conception of the ego in his relationship to others. A principle is that which governs always the action of the ego on his own plane, and it is only as we come more and more under the guidance of that ego that our personality conceives of, and responds to these ideas. This is a point to be borne in mind in all dealings with others and should modify judgments. To apprehend a principle justly marks a point in evolution.

Một nguyên lý, khi thật sự căn bản, lập tức kêu gọi trực giác và khơi dậy một phản ứng tán đồng tức thời từ Bản Ngã Cao Siêu của con người. Nó ít hoặc hầu như không kêu gọi phàm ngã. Nó thể hiện một quan niệm của chân ngã trong mối quan hệ của y với những người khác. Một nguyên lý là điều luôn luôn chi phối hành động của chân ngã trên cõi riêng của y, và chỉ khi chúng ta ngày càng ở dưới sự hướng dẫn của chân ngã ấy thì phàm ngã của chúng ta mới nhận thức và đáp ứng với các ý tưởng này. Đây là một điểm cần ghi nhớ trong mọi giao tiếp với người khác và phải làm dịu các phán xét. Nhận thức một nguyên lý một cách đúng đắn đánh dấu một điểm trong tiến hóa.

A principle is that which ensouls a statement dealing with the highest good of

Một nguyên lý là điều phú linh cho một phát biểu liên quan đến lợi ích cao nhất của số

the greatest number. That a man should love his wife is a statement of a principle governing the personality but it must later be transmuted into the greater principle that a man must love his fellow men. Principles are of three kinds and the higher must be reached via the lower:

đông lớn nhất. Việc một người nên yêu vợ mình là một phát biểu về một nguyên lý chi phối phàm ngã, nhưng về sau nó phải được chuyển hoá thành nguyên lý lớn hơn rằng một người phải yêu đồng loại của mình. Các nguyên lý có ba loại, và cái cao hơn phải được đạt tới qua cái thấp hơn:

(a) Principles governing the lower personal self, dealing with the actions or active life of that lower self. They embody the third aspect or the activity aspect of logoic manifestation and form the basis of later progress. They control the man during his little evolved state, and during his period of thoughtlessness and might be comprehended more easily if I were to say that they are embodied in the commonly accepted rules of decent living. Thou shalt not kill, thou shalt not steal, have to do with a man's active life, with the building up of character.

(a) Các nguyên lý chi phối phàm ngã thấp, liên quan đến các hành động hay đời sống hoạt động của phàm ngã thấp ấy. Chúng thể hiện phương diện thứ ba, hay phương diện hoạt động, của sự biểu lộ thuộc Thượng đế và tạo thành nền tảng cho bước tiến về sau. Chúng kiểm soát con người trong trạng thái còn ít tiến hóa và trong giai đoạn thiếu suy nghĩ của y; có thể thấu hiểu chúng dễ hơn nếu tôi nói rằng chúng được thể hiện trong các quy luật sống đứng đắn được chấp nhận phổ biến. "Ngươi không được giết", "ngươi không được trộm cắp" liên quan đến đời sống hoạt động của con người, đến việc lập hạnh.

(b) Principles governing the higher self and dealing with the love or wisdom aspect. It is with these that we are now concerned and half the troubles in [117] the world at present arise from the fact that these higher principles, having to do with love or wisdom in all their fullness, are only now beginning to be apprehended by the rank and file of mankind. In the quick recognition of their truthfulness and the attempt to make them facts, without previously adjusting the environment to those ideals, comes the frequent clashing and warfare between those actuated by the principles governing the personality and those governing the higher Self. Until more of the race are governed by the soul consciousness this warfare is inevitable and cannot be avoided. When the emotional plane is dominated by

(b) Các nguyên lý chi phối chân ngã và liên quan đến phương diện bác ái hay minh triết. Chính với những nguyên lý này mà chúng ta hiện đang quan tâm, và một nửa những rắc rối trong [117] thế giới hiện nay phát sinh từ sự kiện rằng các nguyên lý cao hơn này, liên quan đến bác ái hay minh triết trong toàn bộ sự viên mãn của chúng, chỉ mới bắt đầu được đại đa số nhân loại nhận thức. Trong sự nhanh chóng nhận ra tính chân thật của chúng và nỗ lực biến chúng thành sự kiện, mà chưa điều chỉnh môi trường trước cho phù hợp với các lý tưởng ấy, thường phát sinh sự va chạm và chiến tranh giữa những người được thúc đẩy bởi các nguyên lý chi phối phàm ngã và những người được thúc đẩy bởi các nguyên lý chi phối Bản Ngã Cao Siêu. Cho đến khi nhiều người hơn trong nhân loại được tâm thức linh hồn chi phối, cuộc chiến này là không tránh khỏi. Khi cõi

the intuitional, then will come universal comprehension.

trực giác chế ngự cõi cảm xúc, bấy giờ sự thấu hiểu phổ quát sẽ đến.

The first set of principles is learnt by the man through grasping, and the subsequent disaster that results from that seizure. He stole, he suffered the penalty and he stole no more. The principle was wrought into him by pain and he learnt that only that which was his by right and not by seizure could be enjoyed. The world is learning this lesson in groups now, for, as its revolutionaries seize and unlawfully hold, they find the stolen property suffices not but brings sorrow. Thus in time they learn the principles.

Nhóm nguyên lý thứ nhất được con người học qua sự chiếm đoạt, và qua tai họa theo sau hành vi chiếm đoạt ấy. Y đã trộm cắp, y chịu hình phạt, và y không trộm nữa. Nguyên lý được rèn vào y bằng đau khổ, và y học rằng chỉ điều gì thuộc về y theo lẽ phải, chứ không do chiếm đoạt, mới có thể được hưởng thụ. Thế giới hiện nay đang học bài học này theo nhóm; vì khi những người cách mạng chiếm lấy và giữ một cách phi pháp, họ thấy tài sản bị đánh cắp không đủ dùng mà còn đem lại đau khổ. Như vậy, theo thời gian họ học các nguyên lý.

The second set of principles is learnt through renunciation and service. A man looks away (having learnt first principles) from the things of the personality and in service learns the power of love in its occult significance. He spends and consequently receives; he lives the life of renunciation and the wealth of the heavens pours in on him; he gives all and is full to completeness; he asks nothing for himself and is the richest man on earth.

Nhóm nguyên lý thứ hai được học qua sự từ bỏ và phụng sự. Một người quay mắt khỏi những sự vật của phàm ngã — sau khi đã học các nguyên lý đầu tiên — và trong phụng sự, y học quyền năng của tình thương theo thâm nghĩa huyền bí của nó. Y cho đi và do đó nhận lại; y sống đời từ bỏ và sự giàu có của các cõi trời tuôn đổ vào y; y cho tất cả và được đầy trọn đến viên mãn; y không cầu xin gì cho bản thân và là người giàu có nhất trên Trái Đất.

First principles deal with the differentiated unit and with evolution through heterogeneity. Principles such as the race is learning now have to do with groups; the [118] question is not — "What will be best for the man?" but "What will be best for the many?" and only those who can think with vision of the many as one, can state these principles satisfactorily. They are the most important, for they are the basic principles of this love system. The trouble today is that men are confused. Certain first principles, the lower activity fundamentals are ingrained and inherent now, and a few of the higher egoic or love principles are seeping

Các nguyên lý đầu tiên liên quan đến đơn vị đã biến phân và đến tiến hóa qua tính dị biệt. Những nguyên lý mà nhân loại hiện đang học liên quan đến các nhóm; vấn đề [118] không phải là: "Điều gì sẽ tốt nhất cho một người?" mà là "Điều gì sẽ tốt nhất cho nhiều người?" và chỉ những ai có thể suy nghĩ bằng tầm nhìn về nhiều người như một mới có thể phát biểu các nguyên lý này một cách thỏa đáng. Chúng là những nguyên lý quan trọng nhất, vì chúng là các nguyên lý căn bản của thái dương hệ bác ái này. Khó khăn ngày nay là con người bị lẫn lộn. Một số nguyên lý đầu tiên, các nền tảng hoạt động thấp, hiện đã ăn sâu và trở thành bẩm sinh;

through into their bewildered brains causing an apparent momentary clashing of ideas. Therefore like Pilate they say: "What is truth?" If they will but remember that the higher principles deal with the good of the group and the lower with the good of the individual, mayhap clarity, will ensue. The lower activity of personal life, no matter how good or how worthy, must eventually be transcended by the higher love life that seeks the good of the group and not of the unit.

và một vài nguyên lý chân ngã hay nguyên lý bác ái cao hơn đang thấm vào các bộ não rối bời của họ, gây nên một sự va chạm ý tưởng có vẻ nhất thời. Vì vậy, như Pilate, họ nói: "Chân lý là gì?" Nếu họ chỉ cần nhớ rằng các nguyên lý cao hơn liên quan đến lợi ích của nhóm, còn các nguyên lý thấp hơn liên quan đến lợi ích của cá nhân, có lẽ sự sáng rõ sẽ theo sau. Hoạt động thấp của đời sống cá nhân, dù tốt đẹp hay xứng đáng đến đâu, cuối cùng phải được siêu vượt bởi đời sống bác ái cao hơn, vốn tìm kiếm lợi ích của nhóm chứ không phải của đơn vị.

All that tends to synthesis and divine expression in collections of units is approaching closer to the ideal and approximating the higher principles. In thinking out these ideas may come some helpfulness. You have an illustration of what I say in the fact that many of the struggles that arise in organizations are based on the fact that some worthy people follow personalities, sacrificing themselves for a principle, yes, but a principle governing the personality life. Others, dimly glimpsing something higher and seeking the good of the groups and not of a person, stumble onto a higher principle, and in so doing bring in the force of the ego. They are working for others and aiming at the helping of their group. When egos and personalities clash, the victory of the higher is sure; the lower principle must give way to the higher. One is concentrated on what seems to him to be of paramount value, the fulfilling of the wish of the personal life, and (at this period) is only secondarily [119] interested in the good of the many though he may have moments when he thinks that is his primary intent. The other cares naught for what becomes of the personal self and is only interested in the helping of the many. It boils down, to use an apt expression, to the question of selfish or unselfish motive, and, as you know, motives

Tất cả những gì có khuynh hướng đưa đến tổng hợp và sự biểu lộ thiêng liêng trong các tập hợp đơn vị đều tiến gần hơn đến lý tưởng và gần với các nguyên lý cao hơn. Khi suy ngẫm các ý tưởng này, có thể nảy sinh một sự trợ giúp nào đó. Bạn có một minh họa cho điều tôi nói trong sự kiện rằng nhiều cuộc đấu tranh phát sinh trong các tổ chức đặt nền trên việc một số người xứng đáng đi theo các phàm ngã, hy sinh chính mình cho một nguyên lý — đúng vậy — nhưng là một nguyên lý chi phối đời sống phàm ngã. Những người khác, lờ mờ thoáng thấy điều gì cao hơn và tìm kiếm lợi ích của các nhóm chứ không phải của một cá nhân, tình cờ chạm đến một nguyên lý cao hơn, và khi làm như vậy, họ đưa mãnh lực của chân ngã vào. Họ đang làm việc cho người khác và nhắm đến việc trợ giúp nhóm của mình. Khi các chân ngã và các phàm ngã va chạm, chiến thắng của cái cao hơn là điều chắc chắn; nguyên lý thấp phải nhường chỗ cho nguyên lý cao. Một người tập trung vào điều dường như đối với y có giá trị tối thượng: sự hoàn thành ước muốn của đời sống cá nhân; và trong giai đoạn này, y chỉ quan tâm thứ yếu [119] đến lợi ích của nhiều người, dù y có thể có những lúc nghĩ rằng đó là ý hướng chính của mình. Người kia không bận tâm đến điều gì sẽ xảy đến cho phàm ngã cá nhân và chỉ quan tâm đến việc trợ giúp nhiều người.

vary as time speeds by and the man nears the goal of the probationary path.

Nói cho cùng, dùng một cách diễn đạt thích hợp, vấn đề quy về động cơ ích kỷ hay vô kỷ; và như bạn biết, động cơ thay đổi khi thời gian trôi nhanh và con người tiến gần mục tiêu của Con Đường Dự Bị.

(c) Still higher principles are those comprehended by the Spirit and are only readily comprehended by the monadic consciousness. Only as the man transcends his active personal life and substitutes the life of love or wisdom as led by the ego can he begin to understand the scope of that life of love and know it as demonstrated power. Just as the personality deals with the principles governing the life of activity of the lower self, and the ego works with the law of love as demonstrated in group work, or love showing itself in the synthesis of the many into the few, so the Monad deals with the active life of love shown in power through the synthesis of the few into the one.

(c) Các nguyên lý còn cao hơn nữa là những nguyên lý được Tinh thần thấu hiểu và chỉ dễ dàng được thấu hiểu bởi tâm thức chân thần. Chỉ khi con người siêu vượt đời sống cá nhân hoạt động của mình và thay thế bằng đời sống bác ái hay minh triết do chân ngã dẫn dắt, y mới có thể bắt đầu hiểu phạm vi của đời sống bác ái ấy và biết nó như quyền năng được biểu lộ. Cũng như phàm ngã liên quan đến các nguyên lý chi phối đời sống hoạt động của phàm ngã thấp, và chân ngã làm việc với định luật bác ái được biểu lộ trong công việc nhóm, tức bác ái tự biểu lộ trong sự tổng hợp nhiều thành ít, thì chân thần liên quan đến đời sống hoạt động của bác ái được biểu lộ trong quyền năng qua sự tổng hợp ít thành một.

One deals with the life of the man on the physical plane, or in the three worlds, the second with his life on causal levels, and the last with his life after the attainment of the goal of present human endeavour. One deals with units, another with groups and the last with unity. One deals with differentiation at its most diverse point, the second with the many resolved into the egoic groups, whilst the third sees the differentiation resolved back into the seven, which marks unity for the human hierarchy.

Một nguyên lý liên quan đến đời sống của con người trên cõi hồng trần, hay trong ba cõi; nguyên lý thứ hai liên quan đến đời sống của y trên các cấp độ nguyên nhân; và nguyên lý sau cùng liên quan đến đời sống của y sau khi đạt mục tiêu của nỗ lực nhân loại hiện tại. Một nguyên lý liên quan đến các đơn vị, một nguyên lý khác liên quan đến các nhóm, và nguyên lý sau cùng liên quan đến sự hợp nhất. Một nguyên lý liên quan đến sự biến phân ở điểm đa dạng nhất của nó; nguyên lý thứ hai liên quan đến nhiều người được quy về các nhóm chân ngã; trong khi nguyên lý thứ ba thấy sự biến phân được quy trở lại thành bảy, điều đánh dấu sự hợp nhất đối với Huyền Giai nhân loại.

All these factors and many others produce differences among human beings, and in

Tất cả những yếu tố này và nhiều yếu tố khác tạo nên các khác biệt giữa con người, và

sizing himself up a man must needs bring them into his consideration.

khi tự đánh giá mình, con người tất yếu phải đưa chúng vào sự xem xét.

It should therefore be borne in mind that a disciple of any of the Masters will have his peculiar equipment, and his individual assets and deficiencies. He can nevertheless [120] rest assured that, until the path of Knowledge has been added to the path of Love, he can never take the major initiations, for these are undergone on the higher levels of the mental plane. Until the path of light is united to the path of life the great transition from the fourth into the fifth kingdom cannot be taken. Certain expansions of consciousness are possible; initiations on the astral and lower mental planes can be taken; some of the vision can be seen, the sense of the Presence can be felt; the Beloved can be reached by love, and the bliss and the joy of this contact can carry with it its abiding joy, but that clear perception which comes from the experience undergone on the Mount of Illumination is a different thing to the joy experienced on the Mount of Blessing. The Heart leads in the one, the Head leads in the other.

Vì vậy, cần ghi nhớ rằng một đệ tử của bất kỳ Chân sư nào cũng sẽ có trang bị riêng, cùng những tài sản và thiếu sót cá nhân của mình. Tuy nhiên, y có thể [120] yên tâm rằng, cho đến khi con đường Tri thức được thêm vào con đường Bác ái, y không bao giờ có thể thọ các cuộc điểm đạo lớn, vì các cuộc điểm đạo này được trải qua trên các cấp độ cao hơn của cõi trí. Cho đến khi con đường ánh sáng được hợp nhất với con đường sự sống, cuộc chuyển tiếp lớn từ giới thứ tư sang giới thứ năm không thể được thực hiện. Một số mở rộng tâm thức là khả hữu; các cuộc điểm đạo trên cõi cảm dục và cõi hạ trí có thể được thọ nhận; một phần tầm nhìn có thể được thấy; cảm thức về Sự Hiện Diện có thể được cảm nhận; Đấng Yêu Dấu có thể được đạt tới bằng tình thương, và chí phúc cùng sự hoan hỉ của sự tiếp xúc này có thể mang theo niềm hoan hỉ bền vững của nó; nhưng tri giác sáng rõ đến từ kinh nghiệm được trải qua trên Núi Soi Sáng là điều khác với niềm hoan hỉ được kinh nghiệm trên Núi Chúc Phúc. Trong trường hợp này, Tim dẫn dắt; trong trường hợp kia, Đầu dẫn dắt.

To answer categorically: The path of knowledge is that of the occultist and the sage; that of love is that of the mystic and the saint. The head or the heart approach is not dependent upon the ray, for both ways must be known; the mystic must become the occultist; the white occultist has been the saintly mystic. True knowledge is intelligent love, for it is the blending of the intellect and the devotion. Unity is sensed in the heart; its intelligent application to life has to be worked out through knowledge.

Trả lời một cách dứt khoát: Con đường tri thức là con đường của nhà huyền bí học và bậc hiền triết; con đường bác ái là con đường của nhà thần bí và thánh nhân. Cách tiếp cận bằng đầu hay bằng tim không tùy thuộc vào cung, vì cả hai con đường đều phải được biết; nhà thần bí phải trở thành nhà huyền bí học; nhà huyền bí học chánh đạo đã từng là nhà thần bí thánh thiện. Tri thức chân thật là tình thương thông minh, vì đó là sự hòa trộn của trí năng và sự sùng tín. Sự hợp nhất được cảm nhận trong tim; việc áp dụng nó một cách thông minh vào đời sống phải được thực hiện qua tri thức.

It is of prime value to recognize the tendency of the life purpose, and to know whether the head or the heart method is the objective of any specific life. A fine spiritual discrimination is needed here however, lest the glamour of illusion tempt to the path of inertia. Ponder these words with care, and see that the question is based on a true foundation and does not grow out of an inferiority complex, the consideration of a brother's enterprise and a consequent jealous tendency, or upon a placid complacency which negates activity. [121]

Điều có giá trị hàng đầu là nhận ra khuynh hướng của mục đích đời sống, và biết liệu phương pháp của đầu hay của tim là mục tiêu của một đời sống cụ thể nào đó. Tuy nhiên, ở đây cần có sự phân biện tinh thần tinh tế, kẻo ảo cảm của ảo tưởng cám dỗ người ta vào con đường của Quán tính. Hãy suy ngẫm kỹ những lời này, và hãy thấy rằng câu hỏi được đặt trên một nền tảng chân thật, chứ không phát sinh từ một phức cảm tự ti, từ việc cân nhắc công việc của một huynh đệ và khuynh hướng ghen tị theo sau, hay từ một sự tự mãn bình thản phủ định hoạt động. [121]

As a general rule for the average aspirant to discipleship, it may be safely assumed that the past has seen much application of the heart way, and that in this incarnation the mental unfoldment is of prime importance.

Như một quy luật tổng quát đối với người chí nguyện trung bình hướng đến địa vị đệ tử, có thể an toàn giả định rằng quá khứ đã chứng kiến nhiều sự áp dụng con đường của tim, và trong lần lâm phàm này, sự khai mở trí tuệ có tầm quan trọng hàng đầu.

An ancient Scripture says:

Một Kinh văn cổ nói:

“Seek not, Oh twice-blessed One, to attain the spiritual essence before the mind absorbs. Not thus is wisdom sought. Only he who hath the mind in leash, and seeth the world as in a mirror can be safely trusted with the inner senses. Only he who knoweth the five senses to be illusion, and that naught remaineth save the two ahead, can be admitted into the secret of the Cruciform transposed.

“Hỡi Đấng hai lần được ban phúc, đừng tìm cách đạt tới tinh hoa tinh thần trước khi thể trí hấp thu. Minh triết không được tìm kiếm theo cách ấy. Chỉ người nào giữ thể trí trong dây cương, và thấy thế gian như trong một tấm gương, mới có thể được tin cậy an toàn với các giác quan bên trong. Chỉ người nào biết năm giác quan là ảo tưởng, và không còn gì ngoài hai giác quan phía trước, mới có thể được nhận vào bí mật của Thập Giá được chuyển vị.

“The path that is trodden by the Server is the path of fire that passeth through his heart and leadeth to the head. It is not on the path of pleasure, nor on the path of pain that liberation may be taken nor that wisdom cometh. It is by the transcendence of the two, by the blending of pain with pleasure,

“Con đường mà Người Phụng Sự bước đi là con đường lửa đi qua tim y và dẫn đến đầu. Không phải trên con đường khoái lạc, cũng không phải trên con đường đau khổ mà sự giải thoát có thể được đạt tới hay minh triết đến. Chính bằng sự siêu vượt cả hai, bằng sự hòa trộn đau khổ với khoái lạc, mà mục tiêu

that the goal is reached, that goal that lieth ahead, like a point of light seen in the darkness of a winter's night. That point of light may call to mind the tiny candle in some attic drear, but—as the path that leadeth to that light is trodden through the blending of the pairs of opposites—that pin-point, cold and flickering, groweth with steady radiance till the warm light of some blazing lamp cometh to the mind of the wanderer by the way.

được đạt tới — mục tiêu nằm phía trước như một điểm sáng được thấy trong bóng tối của một đêm đông. Điểm sáng ấy có thể gợi nhớ ngọn nến nhỏ trong một căn gác buồn tẻ nào đó; nhưng khi con đường dẫn đến ánh sáng ấy được bước đi qua sự hòa trộn các cặp đối cực, thì điểm sáng nhỏ xíu, lạnh lẽo và chập chờn ấy lớn dần với hào quang ổn định, cho đến khi ánh sáng ấm áp của một ngọn đèn rực cháy hiện ra trong trí người lữ hành trên đường.

"Pass on, O Pilgrim, with steady perseverance. No candle is there nor earth lamp fed with oil. Ever the radiance groweth till the path ends within a blaze of glory, and the wanderer through the night becometh the child of the sun, and entereth within the portals of that radiant orb."

"Hãy tiến lên, hỡi Người Hành Hương, với sự kiên trì vững chắc. Ở đó không có ngọn nến nào, cũng không có đèn trần thế nào được nuôi bằng dầu. Hào quang mãi lớn dần cho đến khi con đường kết thúc trong một ánh rực rỡ vinh quang, và kẻ lang thang trong đêm trở thành đứa con của mặt trời, đi vào các cổng của quầng sáng rạng rỡ ấy."

RULE FOUR

Sound, light, vibration, and the form blend and merge, and thus the work is one. It proceedeth under the law, and naught can hinder now the work from going forward. The man breathes deeply. He concentrates his forces, and drives the thought-form from him.

Âm thanh, ánh sáng, rung động, và hình tướng hòa trộn và dung hợp, và như thế công việc trở thành một. Công việc tiến hành theo định luật, và không gì có thể ngăn cản công việc tiến tới. Con người hít thở sâu. Y tập trung các lực của mình và đẩy hình tư tưởng ra khỏi y.

The Creative Work of Sound

[125]

[125]

Before centering our attention upon this rule, it would be well to recollect certain things, so that our reflection on the rule may proceed with profit.

Trước khi tập trung sự chú ý của chúng ta vào quy luật này, sẽ hữu ích nếu nhớ lại một vài điều, để sự suy ngẫm của chúng ta về quy luật có thể tiến hành có lợi.

First, the rule we are at present considering concerns work on the mental plane, and before such work is possible it is important to have a developed mind, a well-nurtured intelligence, and also to have achieved some measure of mind control. These rules are not for beginners in the occult sciences; they are for those who are ready for magical work and for labour on the plane of mind. Love is the great unifier, the prime attractive impulse, cosmic and microcosmic, but the mind is the main creative factor and the utiliser of the energies of the cosmos. Love attracts, but the mind attracts, repels and co-ordinates, so that its potency is inconceivable. Is it not possible dimly to sense a state of affairs in mental realms analogous to that now seen in the emotional? Can we picture the condition of the world when the intellect is as potent and as compelling as is the emotional nature at this time? The race is progressing into an era wherein men will function as minds; when intelligence will be stronger than desire, and

Trước hết, quy luật mà chúng ta hiện đang xem xét liên quan đến công việc trên cõi trí; và trước khi công việc như thế trở nên khả hữu, điều quan trọng là phải có một thể trí phát triển, một trí tuệ được nuôi dưỡng tốt, và cũng phải đạt được một mức độ kiểm soát thể trí nào đó. Những quy luật này không dành cho người mới bắt đầu trong các khoa học huyền bí; chúng dành cho những ai đã sẵn sàng cho công việc huyền thuật và cho công việc trên cõi trí. Tình thương là yếu tố hợp nhất vĩ đại, xung lực hấp dẫn chủ yếu, cả vũ trụ lẫn tiểu thiên địa; nhưng thể trí là yếu tố sáng tạo chính và là khí cụ sử dụng các năng lượng của vũ trụ. Tình thương thu hút, nhưng thể trí thu hút, đẩy lùi và phối hợp, đến mức quyền năng của nó không thể quan niệm nổi. Chẳng phải có thể lờ mờ cảm nhận một tình trạng trong các cõi trí tương đồng với điều hiện nay được thấy trong cõi cảm xúc sao? Chúng ta có thể hình dung tình trạng thế giới khi trí năng mạnh mẽ và có sức cưỡng dẫn như bản chất cảm xúc vào lúc này không? Nhân loại đang tiến vào một kỷ

when thought powers will be used for appeal and for the guidance of the world, as now physical and emotional means are employed.

nguyên trong đó con người sẽ vận hành như các thể trí; khi trí tuệ sẽ mạnh hơn dục vọng, và khi các quyền năng tư tưởng sẽ được dùng để kêu gọi và hướng dẫn thế giới, như hiện nay các phương tiện hồng trần và cảm xúc đang được sử dụng.

There lies in this thought a profoundly necessary incentive for a right understanding of the laws of thought, and a correct instruction to be given of the use of mental [126] matter, and the building of that matter into thought forms.

Trong tư tưởng này có một động lực hết sức cần thiết để thấu hiểu đúng các định luật của tư tưởng, và để đưa ra sự huấn luyện đúng đắn về cách sử dụng chất liệu cõi trí [126], cũng như việc kiến tạo chất liệu ấy thành các hình tư tưởng.

These rules concern themselves with this information. The second necessary recollection is that the worker in magic and the potent entity wielding these forces must be the soul, the spiritual man, and this for the following reasons:

Các quy luật này liên quan đến thông tin ấy. Điều cần ghi nhớ thứ hai là người hoạt động trong huyền thuật và thực thể mạnh mẽ vận dụng các mãnh lực này phải là linh hồn, con người tinh thần, vì những lý do sau đây:

1. Only the soul has a direct and clear understanding of the creative purpose and of the plan.

1. Chỉ linh hồn mới có sự thấu hiểu trực tiếp và rõ ràng về mục đích sáng tạo và về Thiên Cơ.

2. Only the soul, whose nature is intelligent love can be trusted with the knowledge, the symbols and the formulas which are necessary to the correct conditioning of the magical work.

2. Chỉ linh hồn, với bản chất là tình thương sáng suốt, mới có thể được tin cậy giao phó tri thức, các biểu tượng và các công thức cần thiết cho việc định hình đúng đắn công việc huyền thuật.

3. Only the soul has power to work in all three worlds at once, and yet remain detached, and therefore karmically free from the results of such work.

3. Chỉ linh hồn mới có quyền năng hoạt động đồng thời trong cả ba cõi thấp mà vẫn tách rời, và do đó tự do về mặt nghiệp quả đối với các kết quả của công việc ấy.

4. Only the soul is truly group-conscious and actuated by pure unselfish purpose.

4. Chỉ linh hồn mới thật sự có tâm thức nhóm và được thúc đẩy bởi mục đích thanh khiết, vô tư lợi.

5. Only the soul, with the open eye of vision, can see the end from the beginning, and can

5. Chỉ linh hồn, với con mắt tầm nhìn đã mở, mới có thể thấy kết cuộc ngay từ khởi đầu, và

hold in steadiness the true picture of the ultimate consummation.

giữ vững hình ảnh chân thật của sự viên mãn tối hậu.

You ask, whether workers in black magic possess not an equal power? I answer, no. They can work in the three worlds, but they work from and in the plane of mind, and do not function, therefore, outside their field of endeavour, as does the soul. They can achieve, from their proximity and identification with their working materials, results more potent temporarily and more rapid in accomplishment than the worker in the White Brotherhood, but the results are ephemeral; they carry destruction and disaster in their wake, and the black magician is eventually submerged in the resulting cataclysm.

Các bạn hỏi liệu những người hoạt động trong Hắc thuật có sở hữu một quyền năng ngang bằng hay không? Tôi trả lời là không. Họ có thể hoạt động trong ba cõi thấp, nhưng họ hoạt động từ và trong cõi trí, và do đó không vận hành bên ngoài phạm vi nỗ lực của họ như linh hồn vẫn làm. Nhờ sự gần gũi và đồng hoá với chất liệu làm việc của họ, họ có thể đạt được những kết quả tạm thời mạnh mẽ hơn và thành tựu nhanh chóng hơn người hoạt động trong Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, nhưng các kết quả ấy chóng tàn; chúng kéo theo sự hủy diệt và tai họa, và nhà hắc thuật cuối cùng bị nhấn chìm trong cơn đại biến do chính kết quả ấy gây ra.

Let us therefore remember the necessity of a correct [127] use of the mind, and (at the same time) let us ever hold a position beyond and detached from the creative work of our minds, desires and physical accomplishment.

Vì vậy, chúng ta hãy nhớ đến sự cần thiết phải sử dụng thể trí một cách đúng đắn [127], đồng thời luôn giữ một vị thế vượt lên trên và tách rời khỏi công việc sáng tạo của thể trí, dục vọng và thành tựu hồng trần của chúng ta.

Four words stand forth as one considers Rule IV. First, sound, the formula, or word of power which the soul communicates and so starts the work. This word is dual. It is sounded forth on the note to which the soul responds, his own peculiar note, blended with that of his personality. This chord of two notes is the producer of the resulting effects, and is more important than the set phrase composing the word of power.

Bốn từ nổi bật khi người ta xem xét Quy luật IV. Trước hết là âm thanh, công thức, hay Quyền năng từ mà linh hồn truyền đạt và nhờ đó khởi động công việc. Linh từ này có tính nhị phân. Nó được xướng lên theo âm điệu mà linh hồn đáp ứng, âm điệu riêng biệt của chính y, hòa quyện với âm điệu của phàm ngã y. Hợp âm gồm hai âm điệu này tạo ra các hiệu quả tiếp theo, và quan trọng hơn cụm từ cố định cấu thành Quyền năng từ.

Herein lies the problem—to sound these two notes synchronously and with the mind focussed. Herein lies a clue to the significance of the AUM or OM. In the early stages of meditation work, the word is

Chính trong đó có vấn đề: xướng hai âm điệu này đồng thời và với thể trí được tập trung. Chính trong đó có một chìa khóa cho thâm nghĩa của AUM hay OM. Trong những giai đoạn đầu của công việc tham thiền, Linh từ

sounded audibly, whilst later it is sounded inaudibly. This training in the sound of the AUM is an unconscious preparation for the dual work of spiritual creation; and facility comes as the attentive aspirant accustoms himself to hear within his brain the soundless sound of OM.

được xướng thành tiếng; về sau, nó được xướng không thành tiếng. Sự rèn luyện trong âm thanh của AUM này là một sự chuẩn bị vô thức cho công việc nhị phân của sáng tạo tinh thần; và sự thuần thục đến khi người chí nguyện chăm chú tự tập quen nghe trong bộ não của mình âm thanh vô thanh của OM.

I would suggest here, that students accustom themselves to work in this manner, sounding the word audibly and with much frequency at the close of the morning meditation, but emphasizing in the early part that close attention to the inaudible hearing which will develop the sensitivity of the inner ear, the etheric ear. Later, when the personal note or sound is established and the inner sound is sensed, there can be definite practise in blending the two. This entails the closest attention and the power to perform two activities simultaneously, with the mental attitude of attention to both.

Ở đây, tôi muốn đề nghị rằng các đạo sinh nên tự tập quen làm việc theo cách này, xướng Linh từ thành tiếng và thường xuyên vào cuối buổi tham thiền buổi sáng, nhưng trong phần đầu cần nhấn mạnh sự chú tâm sát sao vào việc nghe không thành tiếng, điều sẽ phát triển độ nhạy của nội nhĩ, tức tai dĩ thái. Về sau, khi âm điệu hay âm thanh cá nhân đã được thiết lập và âm thanh bên trong được cảm nhận, có thể thực hành rõ ràng việc hòa quyện hai âm ấy. Điều này đòi hỏi sự chú tâm cao độ nhất và quyền năng thực hiện đồng thời hai hoạt động, với thái độ trí tuệ chú ý đến cả hai.

Students whose aspiration is keen and clear would do well to face the issue where the magical work is concerned, and study their aptitude in meditation and their willingness to proceed with stability and caution with the needed discipline. To facilitate this I would suggest [128] that any who are deeply concerned in the work should study and answer the following questions in the light of their souls, and to their higher selves make reply.

Những đạo sinh có khát vọng mãnh liệt và rõ ràng nên đối diện vấn đề liên quan đến công việc huyền thuật, và nghiên cứu khả năng của mình trong tham thiền cũng như sự sẵn lòng tiến tới với sự ổn định và thận trọng, cùng với kỷ luật cần thiết. Để tạo thuận lợi cho điều này, tôi đề nghị [128] rằng bất cứ ai thật sự quan tâm sâu xa đến công việc này nên nghiên cứu và trả lời các câu hỏi sau đây trong ánh sáng của linh hồn mình, và đáp lại chân ngã của mình.

1. Do you feel you have reached the stage wherein you can:

1. Bạn có cảm thấy mình đã đạt đến giai đoạn trong đó bạn có thể:

a. Eliminate the meditation form as you now have it.

a. Loại bỏ hình thức tham thiền như hiện nay bạn đang có.

b. Enter with relative facility into the state of contemplation.

b. Đi vào trạng thái chiêm ngưỡng với sự tương đối dễ dàng.

c. Recognize the vibration of your own soul.

c. Nhận ra rung động của linh hồn chính mình.

2. Does the Sacred Word mean anything to you, and could you formulate clearly the reason you sound it?

2. Linh từ Thiêng liêng có ý nghĩa gì đối với bạn không, và bạn có thể trình bày rõ ràng lý do bạn xướng Linh từ ấy không?

3. Are you anxious to proceed in this work because your personality aspires, or because your soul is beginning consciously to utilize its mechanism?

3. Bạn nóng lòng tiến hành công việc này vì phàm ngã của bạn khát vọng, hay vì linh hồn của bạn đang bắt đầu sử dụng bộ máy của nó một cách có ý thức?

In connection with this last question, a close analysis is called for, and I conjure you to speak truth to yourself and thus clearly ascertain the true position. This question lies between a man's soul and himself.

Liên quan đến câu hỏi cuối cùng này, cần có một sự phân tích sát sao, và tôi khẩn thiết kêu gọi các bạn hãy nói thật với chính mình, nhờ đó xác định rõ vị trí chân thật. Câu hỏi này nằm giữa linh hồn của một người và chính y.

I would like to interpolate here a few words in connection with myself. Students can side-track their energies in idle speculation as to my identity. Of what moment is it? My province in relation to the group is to give needed assistance to those who seek to fit themselves for active work as disciples. I am a disciple and, having progressed further along the Path of Return than the aspirants who study these instructions, know somewhat the pitfalls, understand what is needed, and can aid in the preparation for the momentous moment when they pass the portal. Is more necessary? Is not truth of equal value if enunciated by an aspirant, a disciple or a Master, or e'en a Christ? Mayhap the nearer I am to you the greater may be my usefulness. My anonymity will not be broken and speculations as to my identity are fruitless [129] waste of time. Suffice it that I am an Oriental, that I am on the

Ở đây, tôi muốn chen vào vài lời liên quan đến chính tôi. Các đạo sinh có thể làm lệch hướng năng lượng của mình vào những suy đoán vô ích về lai lịch của tôi. Điều đó quan trọng gì? Phạm vi của tôi trong liên hệ với nhóm là đem lại sự trợ giúp cần thiết cho những ai tìm cách tự chuẩn bị cho công việc tích cực với tư cách là các đệ tử. Tôi là một đệ tử và, vì đã tiến xa hơn trên Con Đường Trở Về so với những người chí nguyện đang nghiên cứu các huấn thị này, tôi biết phần nào các cạm bẫy, thấu hiểu điều cần thiết, và có thể trợ giúp trong việc chuẩn bị cho thời điểm trọng đại khi họ đi qua cánh cửa. Cần gì hơn nữa? Chân lý há chẳng có cùng giá trị dù được phát biểu bởi một người chí nguyện, một đệ tử hay một Chân sư, thậm chí bởi một Đức Christ sao? Có lẽ tôi càng gần các bạn thì sự hữu ích của tôi càng lớn. Sự ẩn danh của tôi sẽ không bị phá vỡ, và những suy đoán về lai lịch của tôi chỉ là sự lãng phí

Teaching Ray, and closely associated with the Master K. H., that part of my work is the steady search for aspirants of strong heart, fervent devotion and trained minds, and that I am a disciple, as are all from the humblest probationer up to the greatest of the Great Ones. One lesson all aspirants need to learn and to learn early and that is, that concentration upon the personality of the Teacher, hoping for personal contact with him, and constant visioning of that condition called "accepted chelaship" serves to postpone that contact and delay the acceptance. Seek to equip your instrument, learn to function in quietness, fulfill your obligations and do your duty, develop restraint of speech and that calm poise that comes from an unselfish life motive and forget the selfish satisfaction that might well up in the heart when recognition of faithfulness comes from the watching Hierarchy.

thời gian vô ích [129]. Chỉ cần biết rằng tôi là một người phương Đông, rằng tôi thuộc Cung Giáo Huấn và liên hệ mật thiết với Chân sư K.H.; rằng một phần công việc của tôi là kiên trì tìm kiếm những người chí nguyện có trái tim mạnh mẽ, lòng sùng tín nhiệt thành và thể trí được rèn luyện; và rằng tôi là một đệ tử, cũng như tất cả mọi người, từ người dự bị khiêm tốn nhất cho đến vị vĩ đại nhất trong Các Đấng Cao Cả. Một bài học mà mọi người chí nguyện cần học, và học từ sớm, là việc tập trung vào phàm ngã của Huấn sư, hy vọng có sự tiếp xúc cá nhân với Ngài, và liên tục hình dung tình trạng được gọi là "địa vị đệ tử được chấp nhận" chỉ làm trì hoãn sự tiếp xúc ấy và làm chậm sự chấp nhận. Hãy tìm cách trang bị khí cụ của bạn, học cách vận hành trong tĩnh lặng, hoàn thành các bổn phận và làm tròn trách nhiệm, phát triển sự kiềm chế lời nói và sự quân bình điềm tĩnh phát sinh từ động cơ sống vô tư lợi, và quên đi sự thỏa mãn ích kỷ có thể dâng lên trong tim khi sự trung thành được Thánh đoàn đang quan sát công nhận.

Give this Instruction careful consideration. These are days wherein many adjustments and changes are being wrought in the world of men. In the resulting confusion, individuals are appreciating the necessity for the uniting of their forces and for cooperation in their efforts, and the need for group work is more apparent than ever before. These are days, therefore, wherein quietness and confidence must be your strength, and wherein the only safeguard lies in a close searching of all underlying motives. As seen on the surface, many apparently diverse principles emerge and the surge of battle appears to go, first one way and then another. As seen on the inner side, the emerging factors are simpler. The contest leads primarily to a testing of motives, and through this testing it is made

Hãy xem xét kỹ Huấn thị này. Đây là những ngày mà nhiều điều chỉnh và thay đổi đang được thực hiện trong thế giới của con người. Trong sự hỗn loạn phát sinh, các cá nhân đang nhận ra sự cần thiết phải hợp nhất các mãnh lực của họ và hợp tác trong các nỗ lực của họ, và nhu cầu về công việc nhóm hiện rõ hơn bao giờ hết. Vì vậy, đây là những ngày trong đó sự tĩnh lặng và lòng tin cậy phải là sức mạnh của các bạn, và trong đó sự bảo vệ duy nhất nằm ở việc khảo sát kỹ lưỡng mọi động cơ nền tảng. Khi nhìn trên bề mặt, nhiều nguyên tắc dường như khác biệt xuất hiện, và làn sóng chiến đấu dường như lúc nghiêng bên này, lúc nghiêng bên kia. Khi nhìn từ phía bên trong, các yếu tố đang xuất hiện đơn giản hơn. Cuộc tranh đấu chủ yếu dẫn đến một cuộc thử thách các động cơ, và qua cuộc thử thách này, các Đấng Hướng

apparent (to the watching Guides) who, in every group, are capable of clear thinking, accurate discrimination, patient endurance, and an ability to proceed along the probationary path toward the portal of initiation, [130] untrammelled and undisturbed in their inner life by the upheavals on the surface. Could you but see it, the unrest and difficulty everywhere is producing a good which far outweighs the seeming evil. Souls are finding themselves and learning dependence upon the inner Ruler. When all outward props fail and when all the apparent authorities differ in the solution proffered, then souls are thrown back upon themselves and learn to seek within. This inner contact with the higher self is becoming apparent in gradually unfolding degree, and leads to that self-reliance and inward calm which is based upon the rule of the inner God and which, therefore, makes a man an instrument for service in the world.

Đạo đang quan sát thấy rõ ai, trong mỗi nhóm, có khả năng tư duy rõ ràng, phân biện chính xác, chịu đựng kiên nhẫn, và có khả năng tiến bước trên con đường dự bị hướng đến cổng điểm đạo [130], không bị trói buộc và không bị xáo động trong đời sống nội tâm bởi những biến động trên bề mặt. Nếu các bạn có thể thấy được, sự bất ổn và khó khăn ở khắp nơi đang tạo ra một điều thiện vượt xa điều ác bề ngoài. Các linh hồn đang tìm thấy chính mình và học nương tựa vào Đấng Cai Quản bên trong. Khi mọi chỗ dựa bên ngoài sụp đổ và khi mọi thẩm quyền bề ngoài khác nhau trong giải pháp được đưa ra, bấy giờ các linh hồn bị đẩy trở lại với chính mình và học tìm kiếm bên trong. Sự tiếp xúc nội tâm này với chân ngã đang trở nên rõ ràng theo mức độ khai mở dần dần, và dẫn đến sự tự lực cùng sự an tĩnh bên trong vốn dựa trên quyền cai quản của Thượng đế nội tâm, và do đó khiến con người trở thành một khí cụ phụng sự trong thế gian.

Several things are apparent at this juncture to the careful thoughtful student of men and of motives.

Vào thời điểm này, có vài điều trở nên rõ ràng đối với đạo sinh biết suy tư cẩn trọng về con người và các động cơ.

First: That idealism and the sensing of the plan for humanity have a close relationship. Idealism is analogous to the thought that precedes creation. The capacity for abstract thought and for concentration on the ideal is only now in process of development, for this capacity involves the utilization of certain atoms, the employment of matter of the higher sub-planes and the ability to synchronize one's vibrations with the Great Ones. Only a few people in the race are true idealists (though their numbers are increasing); the small minority only, employ the concrete mind; while the masses are swayed entirely by the emotions. The time is coming when the intuitional body (the

Trước hết: chủ nghĩa lý tưởng và sự cảm nhận Thiên Cơ dành cho nhân loại có một mối liên hệ mật thiết. Chủ nghĩa lý tưởng tương tự với tư tưởng đi trước sự sáng tạo. Khả năng tư duy trừu tượng và tập trung vào lý tưởng hiện chỉ mới đang trong tiến trình phát triển, vì khả năng này liên quan đến việc sử dụng một số nguyên tử nhất định, dùng chất liệu của các cõi phụ cao hơn, và khả năng đồng bộ hóa các rung động của mình với Các Đấng Cao Cả. Chỉ một ít người trong nhân loại là những nhà lý tưởng đích thực, dù số lượng của họ đang tăng lên; chỉ một thiểu số nhỏ sử dụng trí cụ thể; còn quần chúng thì hoàn toàn bị cảm xúc chi phối. Thời điểm đang đến khi thể trực giác,

buddhic vehicle) will be organized, utilizing the higher spiritual mind as its medium. When that organization is completed the lower concrete mind will be nothing but a transmitter or an interpreter. Even abstract or concrete thought will be superseded, and we shall have simply the inflow of the intuition, taking form through the medium of the mind stuff. We shall, therefore, have the apprehension of much that is now incomprehensible to our lower plane vision.

tức vận cụ Bồ đề, sẽ được tổ chức, sử dụng trí tuệ tinh thần cao hơn làm trung gian. Khi sự tổ chức ấy hoàn tất, hạ trí cụ thể sẽ không là gì khác ngoài một bộ truyền dẫn hay một người diễn giải. Ngay cả tư tưởng trừu tượng hay cụ thể cũng sẽ bị thay thế, và chúng ta sẽ chỉ có dòng tuôn nhập của trực giác, mang hình tướng qua trung gian chất liệu cõi trí. Vì vậy, chúng ta sẽ có sự lĩnh hội nhiều điều hiện nay còn không thể hiểu được đối với tầm nhìn ở cõi thấp của chúng ta.

[131]

[131]

In all great movements you have some thought or aggregation of thoughts cast into the minds of the so-called idealists by the Great White Brotherhood. The idea is sounded forth by Them. They choose a man or a group of men and cast into their minds some idea. There it germinates and is embodied by them in other thoughts, not so pure or so wise but necessarily colored by the individuality of the thinker. These thought-forms are, in their turn, picked up by the concrete thinkers of the world who—grasping the main outline of the idea—crystallize it and build it into more definite shape, into one more easily apprehended by the general public. It has therefore now reached the lower levels of the mental plane, and a further development becomes possible. It is then seized upon as desirable by those who are focussed upon the astral plane; to them it makes an emotional appeal, becoming public opinion. It is now practically ready to take shape upon the physical plane, and we have the practical adaptation of an ideal to the needs of the physical life. It has been stepped down; it has lost much of its original beauty; it is not as pure and as lovely as when first conceived, and it is distorted from its original shape but it is, nevertheless, more adapted to public

Trong mọi phong trào lớn, các bạn có một tư tưởng hay một tập hợp tư tưởng được Huynh đệ Đoàn Chánh đạo gieo vào thể trí của những người được gọi là các nhà lý tưởng. Ý tưởng được Các Ngài xướng ra. Các Ngài chọn một người hoặc một nhóm người và gieo vào thể trí họ một ý tưởng nào đó. Ở đó, nó nảy mầm và được họ thể hiện trong những tư tưởng khác, không thuần khiết hay minh triết bằng, nhưng tất yếu được nhuộm màu bởi cá tính của người tư duy. Đến lượt mình, các hình tư tưởng này được những người tư duy cụ thể của thế gian tiếp nhận; khi nắm được đường nét chính của ý tưởng, họ kết tinh nó và kiến tạo nó thành hình dạng xác định hơn, dễ được công chúng nói chung lĩnh hội hơn. Do đó, nó nay đã đạt đến các cấp độ thấp hơn của cõi trí, và một sự phát triển tiếp theo trở nên khả hữu. Rồi nó được những người tập trung trên cõi cảm dục nắm lấy như một điều đáng mong muốn; đối với họ, nó có sức hấp dẫn cảm xúc và trở thành công luận. Lúc này, nó gần như đã sẵn sàng mang hình tướng trên cõi hồng trần, và chúng ta có sự thích nghi thực tiễn của một lý tưởng với các nhu cầu của đời sống hồng trần. Nó đã được hạ xuống; nó đã mất đi nhiều vẻ đẹp nguyên thủy; nó không còn thuần khiết và đẹp đẽ như khi mới được hình thành, và nó bị méo mó so với hình

use and can be employed as a stepping-stone to higher things.

dạng ban đầu, nhưng dù vậy, nó thích hợp hơn cho việc sử dụng của công chúng và có thể được dùng như một bậc thang dẫn đến những điều cao hơn.

Secondly: In this sensing of the plan and its later materialization, human units are involved and men have perforce to be employed. A vision is given of tremendous possibilities and indications are also granted of the manner in which these possibilities may become facts, but beyond that the Great Ones do not go. The detail and the method of concretizing the ideal and the necessary work is left to the sons of men. To the disciple who is an organizer and transmitter of the Plan falls the work of filling in the details and of taking the necessary action. At this point it is wise for him to remember that he comes (with his little plans) under the same law as do the Great [132] Ones in Their large endeavours, and that it is in his dealings with people and his manipulation of the human equation that the difficulties arise.

Thứ hai: trong sự cảm nhận Thiên Cơ này và sự hiện hình về sau của nó, các đơn vị nhân loại đều có liên quan, và con người tất yếu phải được sử dụng. Một tầm nhìn về những khả năng vô cùng lớn lao được ban cho, và những chỉ dẫn cũng được trao về cách thức qua đó các khả năng ấy có thể trở thành sự kiện, nhưng Các Đấng Cao Cả không đi xa hơn thế. Chi tiết và phương pháp cụ thể hóa lý tưởng cùng công việc cần thiết được giao lại cho những người con của nhân loại. Đối với người đệ tử là nhà tổ chức và người truyền dẫn Thiên Cơ, công việc lấp đầy các chi tiết và thực hiện hành động cần thiết được trao phó. Ở điểm này, y nên nhớ rằng y, với những kế hoạch nhỏ bé của mình, cũng ở dưới cùng một định luật như Các [132] Đấng Cao Cả trong những nỗ lực lớn lao của Các Ngài, và chính trong các giao tiếp của y với con người cùng việc xử lý phương trình nhân loại mà các khó khăn phát sinh.

Units for work fall into three groups:

Các đơn vị cho công việc chia thành ba nhóm:

(a) Those who can sense the plan and are commissioned to work it out.

(a) Những người có thể cảm nhận Thiên Cơ và được ủy nhiệm để thực hiện nó.

(b) Those who can be used but who are blind to the greater issues.

(b) Những người có thể được sử dụng nhưng mù lòa trước các vấn đề lớn hơn.

(c) Those who can sense nothing except those things which concern their own selfish interests.

(c) Những người không thể cảm nhận điều gì ngoài những điều liên quan đến các lợi ích ích kỷ của riêng họ.

The first group the Masters can contact. They work with these units of the human family and expect fair promise of average

Nhóm thứ nhất, các Chân sư có thể tiếp xúc. Các Ngài làm việc với những đơn vị này của gia đình nhân loại và kỳ vọng một triển

success. These both hear the sound, and vision the Plan. The second group have to be utilized as best may be, by the disciples of the world. The final group are frequently to be offset from the energy standpoint, and only used when necessary.

vọng hợp lý về thành công trung bình. Những người này vừa nghe âm thanh, vừa thấy Thiên Cơ. Nhóm thứ hai phải được các đệ tử của thế gian tận dụng tốt nhất có thể. Nhóm cuối cùng thường phải được hóa giải từ lập trường năng lượng, và chỉ được sử dụng khi cần thiết.

One of the primary conditions that a disciple has to cultivate, in order to sense the plan and be used by the Master, is solitude. In solitude the rose of the soul flourishes; in solitude the divine self can speak; in solitude the faculties and the graces of the higher self can take root and blossom in the personality. In solitude also the Master can approach and impress upon the quiescent soul the knowledge that He seeks to impart, the lesson that must be learnt, the method and plan for work that the disciple must grasp. In solitude the sound is heard. The Great Ones have to work through human instruments and the plan and the vision are much handicapped by failure on the part of these instruments.

Một trong những điều kiện chính yếu mà một đệ tử phải vun bồi để cảm nhận Thiên Cơ và được Chân sư sử dụng là sự cô tịch. Trong cô tịch, đóa hồng của linh hồn nở rộ; trong cô tịch, bản ngã thiêng liêng có thể lên tiếng; trong cô tịch, các năng lực và ân huệ của chân ngã có thể bén rễ và nở hoa trong phàm ngã. Cũng trong cô tịch, Chân sư có thể đến gần và ghi khắc lên linh hồn tĩnh lặng tri thức mà Ngài tìm cách truyền đạt, bài học phải được học, phương pháp và kế hoạch công việc mà đệ tử phải nắm bắt. Trong cô tịch, âm thanh được nghe thấy. Các Đấng Cao Cả phải làm việc qua các khí cụ nhân loại, và Thiên Cơ cùng tầm nhìn bị cản trở rất nhiều do sự thất bại của các khí cụ này.

Third: This brings me to the third point, the problems and the difficulties with which the Masters have to contend as They seek to further the plans of evolution through the medium of the sons of men. In conclave wise They make Their plans; with judgment, after due [133] discussion, They apportion the tasks; then, to those who offer themselves for service and who have some measure of soul contact, They seek to transmit as much of the plan as possible. They impress the plan and some suggestion as to its scope upon the mind of some man or some woman upon the physical plane. If that mind is unstable or oversatisfied, if it is filled with pride, with despair, or with self-depreciation, the vision does not come through with clarity of outline; if the

Thứ ba: điều này đưa tôi đến điểm thứ ba, các vấn đề và khó khăn mà các Chân sư phải đối diện khi Các Ngài tìm cách thúc đẩy các kế hoạch tiến hoá qua trung gian những người con của nhân loại. Trong mật nghị minh triết, Các Ngài lập kế hoạch; với sự phán đoán, sau khi thảo luận [133] đầy đủ, Các Ngài phân chia các nhiệm vụ; rồi đối với những ai tự hiến dâng cho phụng sự và có một mức độ tiếp xúc linh hồn nào đó, Các Ngài tìm cách truyền đạt càng nhiều Thiên Cơ càng tốt. Các Ngài ghi khắc Thiên Cơ và một vài gợi ý về phạm vi của nó lên thể trí của một người nam hay một người nữ trên cõi hồng trần. Nếu thể trí ấy bất ổn hoặc quá tự mãn, nếu nó đầy kiêu hãnh, tuyệt vọng hay tự hạ thấp mình, tầm nhìn sẽ không truyền xuống với đường nét rõ ràng; nếu thể

emotional body is vibrating violently with some rhythm set up by the personality, or if the physical vehicle is ailing and concentrated attention is therefore prevented, what will happen? The Master will turn sadly away, distressed to think of the opportunity for service that the worker has lost through his own fault, and He will seek someone else to fill the need, — someone perhaps not so fundamentally suitable, but the only one available on account of the failure of the first one approached.

cảm dục rung động dữ dội theo một nhịp điệu nào đó do phàm ngã thiết lập, hoặc nếu vận cụ hồng trần đau yếu và vì thế sự chú tâm tập trung bị ngăn cản, điều gì sẽ xảy ra? Chân sư sẽ buồn bã quay đi, đau lòng khi nghĩ đến cơ hội phụng sự mà người hoạt động đã đánh mất do lỗi của chính y, và Ngài sẽ tìm một người khác để đáp ứng nhu cầu — có lẽ một người không phù hợp căn bản bằng, nhưng là người duy nhất hiện có vì người đầu tiên được tiếp cận đã thất bại.

It might incidentally be of value here to remind aspirants to service that much work done by many is the result of over-zealousness and is not a carrying forward of the Master's work. With wise discrimination He apportions the work and never lays upon one human being more than he can adequately accomplish. He can and does train His disciple so that it appears to the on-looking world as if he accomplishes miracles but forget not that the vast amount of work accomplished by one useful disciple only becomes possible when the control of all his three bodies is co-ordinated and his alignment accomplished. He who has a stable mental body that is strongly positive in reception from above, whilst negative to lower vibrations, he who has an astral body that is clear, uncoloured and still, he who also has a physical body with steady nerves and stable rhythm (it will be like a casket, beautiful, yet strong as steel) will serve as a vessel meet for the Master's use, a channel [134] through which He can unhindered pour His blessing upon the world.

Nhân đây, có thể hữu ích khi nhắc nhở những người chí nguyện phụng sự rằng nhiều công việc do nhiều người thực hiện là kết quả của sự quá nhiệt thành, chứ không phải là việc xúc tiến công việc của Chân sư. Với sự phân biện sáng suốt, Ngài phân chia công việc và không bao giờ đặt lên một con người nhiều hơn những gì y có thể hoàn thành một cách thích đáng. Ngài có thể và thật sự huấn luyện đệ tử của Ngài đến mức đối với thế gian quan sát, dường như y làm được các phép lạ; nhưng đừng quên rằng khối lượng công việc lớn lao mà một đệ tử hữu dụng hoàn thành chỉ trở nên khả hữu khi sự kiểm soát cả ba thể của y được phối hợp và sự chỉnh hợp của y được hoàn tất. Người nào có thể trí ổn định, mang tính dương mạnh mẽ trong việc tiếp nhận từ bên trên, đồng thời mang tính âm đối với các rung động thấp hơn; người nào có thể cảm dục trong sáng, không nhuốm màu và tĩnh lặng; người nào cũng có thể xác với thần kinh vững vàng và nhịp điệu ổn định, giống như một chiếc tráp đẹp đẽ mà bền chắc như thép, người ấy sẽ phụng sự như một bình chứa thích hợp cho Chân sư sử dụng, một vận hà [134] qua đó Ngài có thể tuôn đổ phúc lành của Ngài xuống thế gian mà không bị cản trở.

Fourth: It should be noted that even the Great Ones Themselves have to lay Their plans largely allowing for the lack of perception of those on the physical plane through whom They have to work. They are handicapped and dependent upon Their physical plane instruments and Their main trouble concerns the point of evolution reached by the mass of men in the Occident.

Thứ tư: cần lưu ý rằng ngay cả chính Các Đấng Cao Cả cũng phải lập kế hoạch phần lớn có xét đến sự thiếu tri giác của những người trên cõi hồng trần mà qua họ Các Ngài phải làm việc. Các Ngài bị hạn chế và tùy thuộc vào các khí cụ trên cõi hồng trần của Các Ngài, và khó khăn chính của Các Ngài liên quan đến điểm tiến hoá mà khối đông con người ở phương Tây đã đạt tới.

Remember that this point is indicative of the success of the evolutionary process and not of its failure but, because much yet remains to be done, the work of the Lodge is often hindered. The point reached at this time might be expressed as a swinging from the rank materialism of the past into a growing and profound realization of the unseen worlds without the balance that comes from self-acquired knowledge. The forces that have been set in motion by the thinkers—the scientists of the world, the truly advanced religious men, the Spiritualists, the Christian Scientists, the New Thought workers, the Theosophists and the modern philosophers and workers in other fields of human thought—are gradually and steadily affecting the subtler bodies of humanity and are bringing them to a point where they are beginning to realize three things:

Hãy nhớ rằng điểm này biểu thị sự thành công của tiến trình tiến hoá chứ không phải sự thất bại của nó; nhưng vì còn nhiều điều phải làm, công việc của Thánh đoàn thường bị cản trở. Điểm đã đạt được vào lúc này có thể được diễn tả như một sự dao động từ chủ nghĩa vật chất thô thiển của quá khứ sang một sự nhận biết ngày càng sâu sắc về các thế giới vô hình, nhưng chưa có sự cân bằng đến từ tri thức tự mình đạt được. Các mãnh lực đã được các nhà tư tưởng khởi động — các nhà khoa học của thế gian, những người tôn giáo thật sự tiến bộ, các nhà thần linh học, các nhà Khoa học Kitô giáo, những người hoạt động trong Tư tưởng Mới, các nhà Thông Thiên Học, và các triết gia hiện đại cùng những người hoạt động trong các lĩnh vực khác của tư tưởng nhân loại — đang dần dần và đều đặn ảnh hưởng đến các thể tinh anh hơn của nhân loại và đưa họ đến điểm bắt đầu nhận ra ba điều:

a. The reality of the unseen worlds.

a. Thực tại của các thế giới vô hình.

b. The terrific power of thought.

b. Quyền năng khủng khiếp của tư tưởng.

c. The need for scientific knowledge on these two matters.

c. Nhu cầu về tri thức khoa học đối với hai vấn đề này.

Fifth: Certain dangers which aspirants must watch as they seek to be of use should here be mentioned:

Thứ năm: ở đây cần nêu ra một số nguy cơ mà những người chí nguyện phải canh chừng khi họ tìm cách trở nên hữu ích:

They must guard against overemphasizing one aspect at the expense of another part of the plan or vision.

Họ phải đề phòng việc nhấn mạnh quá mức một phương diện gây thiệt hại cho một phần khác của Thiên Cơ hay tầm nhìn.

They must avoid unequal concentration of thought [135] upon that part of the plan which appeals the most to them personally.

Họ phải tránh sự tập trung tư tưởng không cân bằng [135] vào phần Thiên Cơ hấp dẫn họ nhất về mặt cá nhân.

They must recognize the inability of the workers to continue to bring through the plans and to work together peacefully and steadily. Friction is oft unavoidable.

Họ phải nhận ra sự bất lực của những người hoạt động trong việc tiếp tục truyền dẫn các kế hoạch và làm việc chung với nhau một cách hòa bình, đều đặn. Ma sát thường khó tránh khỏi.

They must watch for the creeping in of self-interest and of ambition.

Họ phải canh chừng sự len lỏi của tư lợi và tham vọng.

They must guard against fatigue, due to long effort in materializing the plan and the strain incident upon high endeavour.

Họ phải đề phòng sự mệt mỏi do nỗ lực lâu dài trong việc hiện hình Thiên Cơ và sức căng phát sinh từ nỗ lực cao cả.

They must develop the capacity to recognize those who are sent to help them in the work.

Họ phải phát triển khả năng nhận ra những người được gửi đến để giúp họ trong công việc.

They must above all watch against failure to keep in touch with the higher self and with the Master.

Trên hết, họ phải canh chừng nguy cơ không duy trì được sự tiếp xúc với chân ngã và với Chân sư.

Another point that has to be remembered is that the problem to be solved by all who are seeking to co-operate with the Great White Lodge has four objects in view.

Một điểm khác cần được ghi nhớ là vấn đề phải được giải quyết bởi tất cả những ai tìm cách hợp tác với Thánh đoàn có bốn mục tiêu trước mắt.

First, that in the working out of the plan there is also the working out of karma. This karma is not merely individual nor purely national, but is part of the total working out of world karma.

Thứ nhất, trong việc thực hiện Thiên Cơ cũng có việc thực hiện nghiệp quả. Nghiệp quả này không chỉ là cá nhân cũng không thuần túy là quốc gia, mà là một phần của toàn bộ sự vận hành nghiệp quả thế giới.

Second. Another object is the preparing of an instrument for service in the inauguration

Thứ hai. Một mục tiêu khác là chuẩn bị một khí cụ để phụng sự trong việc khai mở Kỷ

of the New Age during the next two hundred years. The integration of a group of knowers and of mystics is going on steadily in all parts of the world and in all organizations. One group is being gathered but its members belong to many groups. To this group of knowers and mystics is given the opportunity of being the channel through which the Hierarchy can work, and through which the Great Ones can send Their illuminating thought. Through it also they can work for the uplift (in the occult sense) of humanity and thus aid evolution on every plane. According to the response of disciples, of mystics and of knowers everywhere, so will be the rapid coming in of the New Age.

Nguyên Mới trong hai trăm năm tới. Sự tích hợp của một nhóm các thức giả và nhà thần bí đang diễn ra đều đặn ở mọi nơi trên thế giới và trong mọi tổ chức. Một nhóm đang được quy tụ, nhưng các thành viên của nó thuộc về nhiều nhóm. Nhóm các thức giả và nhà thần bí này được trao cơ hội trở thành vận hà qua đó Thánh đoàn có thể làm việc, và qua đó Các Đấng Cao Cả có thể gửi tư tưởng soi sáng của Các Ngài. Qua nhóm ấy, Các Ngài cũng có thể làm việc để nâng cao nhân loại theo nghĩa huyền bí, và nhờ đó trợ giúp tiến hoá trên mọi cõi. Tùy theo sự đáp ứng của các đệ tử, các nhà thần bí và các thức giả ở khắp nơi, Kỷ Nguyên Mới sẽ đến nhanh chóng như thế.

[136]

[136]

I here seek to sound a word of warning: In the failure to respond, in the failure to adjust, construct and refine, in the failure to turn the inner ear to those voices on the subtler planes which utter “the Words of Reconstruction” may come the ultimate transference of the forces of reconstruction to other channels, the consequent withholding of opportunities and the ultimate discarding of the instrumentality of the group as a medium of service. I would like to emphasize the statement anent “the Words of Reconstruction,” begging all of you who earnestly desire to hear these words to study the Introduction to the book, Light on the Path. Let it be remembered that if the Great Ones have to change Their plans as to this integrating group of mystics, it will be changed by the mystics themselves—viewed as a group.

Ở đây, tôi tìm cách xướng lên một lời cảnh báo: trong sự thất bại đáp ứng, trong sự thất bại điều chỉnh, kiến tạo và tinh luyện, trong sự thất bại quay nội nhĩ về phía những tiếng nói trên các cõi tinh anh đang thốt ra “những Linh từ Tái thiết”, có thể xảy ra sự chuyển dịch tối hậu các mãnh lực tái thiết sang những vận hà khác, hệ quả là các cơ hội bị giữ lại và cuối cùng khí cụ nhóm bị loại bỏ như một phương tiện phụng sự. Tôi muốn nhấn mạnh lời phát biểu liên quan đến “những Linh từ Tái thiết”, khẩn cầu tất cả các bạn, những người tha thiết mong muốn nghe các Linh từ này, hãy nghiên cứu phần Dẫn nhập của sách Ánh sáng trên Đường Đạo. Hãy nhớ rằng nếu Các Đấng Cao Cả phải thay đổi kế hoạch của Các Ngài liên quan đến nhóm các nhà thần bí đang được tích hợp này, thì sự thay đổi ấy sẽ do chính các nhà thần bí thực hiện, khi được nhìn như một nhóm.

The third objective is the development of the intuition and discrimination of the disciples in the world, and their ability to sense the

Mục tiêu thứ ba là phát triển trực giác và sự phân biện của các đệ tử trong thế gian, cũng như khả năng của họ cảm nhận tầm nhìn

higher vision and to achieve at the cost of the lower, the consciousness of that higher plane. They will have to remember that the lower objective, owing to its proximity, will loom in many ways more attractive, and can only be transcended at infinite cost. Intuition must be developed in many people, and their sense of values adequately adjusted before this group, which must inaugurate the New Age, can measure up to the requirements.

cao hơn và đạt được tâm thức của cõi cao ấy với cái giá là cái thấp. Họ sẽ phải nhớ rằng mục tiêu thấp hơn, do ở gần hơn, sẽ hiện ra theo nhiều cách hấp dẫn hơn, và chỉ có thể được vượt qua với cái giá vô cùng lớn. Trực giác phải được phát triển nơi nhiều người, và ý thức về giá trị của họ phải được điều chỉnh thích đáng trước khi nhóm này, vốn phải khai mở Kỷ Nguyên Mới, có thể đáp ứng các yêu cầu.

Present day troubles are largely due to the lack of intuitive perception in the past and this fault lies primarily among the mystics of the world and not so much among the lower aspirants. The trouble has not lain in lack of idealism or even in a lack of intelligence and sincerity, it consists in the failure to sacrifice the personality at all times in order to make the intuitive realization demonstrate its realities. Compromise has been permitted and in the occult world compromise is forbidden. When indulged in, it leads to disaster and sweeps away eventually, [137] in ruin and in storm, the personalities of those who so stoop. People have sought to adjust the truth to the hour instead of adjusting the hour to the truth, and in diplomacy they have endeavored to bring about as much of the reality as they deem wise. The Masters are looking out for those with clear vision, uncompromising adherence to the truth as sensed, and capacity to drive steadily forward toward the ideal. This entails the following factors:

Những rắc rối ngày nay phần lớn do sự thiếu tri giác trực giác trong quá khứ, và lỗi này chủ yếu nằm nơi các nhà thần bí của thế gian hơn là nơi những người chí nguyện thấp hơn. Rắc rối không nằm ở sự thiếu chủ nghĩa lý tưởng, cũng không hẳn ở sự thiếu trí tuệ và lòng thành thật; nó nằm ở sự thất bại trong việc luôn luôn hy sinh phàm ngã để sự nhận biết trực giác có thể biểu lộ các thực tại của nó. Sự thỏa hiệp đã được cho phép, và trong thế giới huyền bí, thỏa hiệp bị cấm. Khi được nuông chiều, nó dẫn đến tai họa và cuối cùng cuốn phăng [137] trong đổ nát và bão tố các phàm ngã của những kẻ hạ mình như thế. Con người đã tìm cách điều chỉnh chân lý cho phù hợp với thời điểm, thay vì điều chỉnh thời điểm cho phù hợp với chân lý; và bằng ngoại giao, họ đã cố gắng đem lại thực tại trong chừng mực mà họ cho là khôn ngoan. Các Chân sư đang tìm kiếm những người có tầm nhìn rõ ràng, sự trung thành không thỏa hiệp với chân lý như đã cảm nhận, và khả năng tiến thẳng vững vàng về phía lý tưởng. Điều này đòi hỏi các yếu tố sau:

1. A recognition of that ideal through meditation.

1. Nhận ra lý tưởng ấy qua tham thiền.

2. Its application to the present through one-pointedness.

2. Áp dụng nó vào hiện tại qua sự nhất tâm.

3. Removal of the old and hindering thought-forms through self-sacrifice.

3. Loại bỏ các hình tư tưởng cũ kỹ và cản trở qua sự tự hy sinh.

4. A refusal to compromise, through clear vision.

4. Từ chối thỏa hiệp qua tầm nhìn rõ ràng.

5. A discrimination that enables the disciple always to distinguish between the acts of an individual and the individual himself.

5. Sự phân biện giúp đệ tử luôn phân biệt giữa hành vi của một cá nhân và chính cá nhân ấy.

6. Realization that, in the occult work, it is not permitted to interfere with personal karma any more than it is permitted to shield from the consequences of action. This entails therefore a refusal to interfere in anyone's business—that is, as regards the personality life, and yet involves a refusal to shirk the business of the larger cause. It is essential that the workers learn to discriminate between the factors which make for personal liberty and those which militate against group liberty.

6. Nhận biết rằng trong công việc huyền bí, không được phép can thiệp vào nghiệp quả cá nhân, cũng như không được phép che chắn khỏi các hệ quả của hành động. Do đó, điều này đòi hỏi sự từ chối can thiệp vào công việc của bất cứ ai, tức là liên quan đến đời sống phàm ngã, nhưng đồng thời cũng bao hàm sự từ chối né tránh công việc của chính nghĩa lớn hơn. Điều thiết yếu là những người hoạt động phải học phân biện giữa các yếu tố tạo nên tự do cá nhân và những yếu tố chống lại tự do nhóm.

The fourth result to be brought about by the present opportunity to work is the bringing in the new cycle and the new group of participants. Workers in the new era will be drawn from all groups and the test of their choice depends largely upon the measure of impersonality with which they work and the strength of their [138] inner contact with the soul. It is not easy for any of you, therefore, submerged as you are in the smoke and roar of battle, to judge results with accuracy or to judge people with perfect propriety. These things have to be dealt with on the inner planes and are noted by the watching guides of the race. I would like here briefly to point out a few of the things for which the Great Ones look.

Kết quả thứ tư cần được đem lại bởi cơ hội làm việc hiện nay là sự đưa vào chu kỳ mới và nhóm những người tham dự mới. Những người hoạt động trong kỷ nguyên mới sẽ được rút ra từ mọi nhóm, và sự thử thách cho việc chọn lựa họ phần lớn tùy thuộc vào mức độ phi cá nhân mà họ thể hiện trong công việc và sức mạnh của sự tiếp xúc [138] nội tâm với linh hồn. Vì vậy, không dễ cho bất cứ ai trong các bạn, khi đang chìm trong khói và tiếng gầm của trận chiến, phán đoán kết quả một cách chính xác hay phán đoán con người một cách hoàn toàn thích đáng. Những điều này phải được xử lý trên các cõi bên trong và được các vị hướng đạo đang quan sát nhân loại ghi nhận. Ở đây, tôi muốn vắn tắt chỉ ra một vài điều mà Các Đấng Cao Cả tìm kiếm.

They look to see whether the inner flame—the result of effort wisely to work and think and do—burns with increased brilliance; they note whether it remains hidden and dim through the whirl of astral currents and by thought forms of personal antagonism, ambition and envy. As a result of world work some will be drawn into closer connection with the work of the Hierarchy, and others will be temporarily set back. Capacity to dominate the astral and to work from mental levels will largely count.

Các Ngài quan sát xem ngọn lửa bên trong, kết quả của nỗ lực làm việc, suy nghĩ và hành động một cách sáng suốt, có cháy sáng hơn không; Các Ngài ghi nhận liệu nó có vẫn bị che khuất và mờ nhạt bởi vòng xoáy của các dòng cảm dục và bởi các hình tư tưởng của sự đối kháng cá nhân, tham vọng và ganh tị hay không. Do kết quả của công việc thế giới, một số người sẽ được kéo vào mối liên hệ gần gũi hơn với công việc của Thánh đoàn, còn những người khác sẽ tạm thời bị đẩy lùi. Khả năng chế ngự cảm dục và làm việc từ các cấp độ của cõi trí sẽ có giá trị rất lớn.

They look to see who can struggle and contend for principle with personalities, and yet keep the link of love intact. This counts perhaps more than men realize and a man who can stand for principle and yet love all human beings—refusing compromise and yet refusing hate—has something rare to offer in these days and the Great Ones can use him. See to it, therefore, all of you who work, that with clear vision, upright purpose and firm undeviating action you forge ahead. See to it that you deal with patience and forbearance with those of your brothers who choose the lesser principle and the lesser right, who sacrifice the good of the group for their own personal ends or who use unworthy methods. Give to them love and care and a ready helping hand, for they will stumble on the way and sound the depth of the law. Stand ready then to lift them up and to offer to them opportunities for service, knowing that service is the great healer and teacher.

Các Ngài quan sát xem ai có thể đấu tranh và tranh đấu vì nguyên tắc với các phàm ngã, mà vẫn giữ nguyên vẹn mối dây tình thương. Điều này có lẽ quan trọng hơn con người nhận ra; và một người có thể đứng vững vì nguyên tắc mà vẫn thương yêu mọi con người, từ chối thỏa hiệp nhưng cũng từ chối thù hận, có một điều hiếm quý để dâng hiến trong những ngày này, và Các Đấng Cao Cả có thể sử dụng y. Vì vậy, tất cả các bạn đang hoạt động, hãy đảm bảo rằng với tầm nhìn rõ ràng, mục đích ngay thẳng và hành động vững chắc không lệch hướng, các bạn tiến lên phía trước. Hãy đảm bảo rằng các bạn đối xử bằng kiên nhẫn và khoan dung với những huynh đệ của mình, những người chọn nguyên tắc nhỏ hơn và điều đúng nhỏ hơn, những người hy sinh lợi ích của nhóm cho mục đích cá nhân của riêng họ, hoặc những người sử dụng các phương pháp không xứng đáng. Hãy trao cho họ tình thương, sự chăm sóc và bàn tay trợ giúp sẵn sàng, vì họ sẽ vấp ngã trên đường và thăm dò chiều sâu của định luật. Khi ấy, hãy sẵn sàng nâng họ dậy và trao cho họ các cơ hội phụng sự, biết rằng phụng sự là người chữa lành và huấn sư vĩ đại.

[139]

The Great Ones look to see the faculty of pliability and adaptability working out, that faculty of adaptation that is one of the fundamental laws of species which nature so wonderfully demonstrates. The transference of this law to the inner planes and its working out in the new cycle of effort must be undertaken. This law of adaptation involves the appreciation of the need, the recognition of the new force coming in with the new cycle and the consequent bringing together in wide synthesis of the need and of the force, regarding the personal self simply as a focal point for action and transmutation. It involves the transmutation of the five senses and their extension into the subtler planes so that sight, hearing, touch, taste and smell are welded into one synthetic cooperating whole, for use in the great work. On the physical plane, these tend to the unification of the personal life and to the adaptation of the physical world to the needs of the personal self. On the subtler planes they must be transmuted until they are adequate to the needs of the group of which the individual forms a fragmentary part. The ability to do this is one of the things that the Great Ones look for in those individuals whose privilege it may be to inaugurate the New Age.

Above all, They look for an enlarged channel from the soul to the physical brain, via the mind. Such an enlarged channel indicates that a man can be used. One might almost express it by saying that They look for the perfecting of the antaskarana, that channel of communication between the soul consciousness and the brain whose possessor is one whom the Masters can successfully use. They are guided in their

[139]

Các Đấng Cao Cả quan sát xem năng lực mềm dẻo và thích nghi có được thể hiện hay không, năng lực thích nghi vốn là một trong những định luật căn bản của các loài mà thiên nhiên biểu lộ một cách kỳ diệu. Việc chuyển định luật này sang các cõi bên trong và thực hiện nó trong chu kỳ nỗ lực mới phải được đảm nhận. Định luật thích nghi này bao hàm sự nhận thức nhu cầu, sự nhận ra mãnh lực mới đang đi vào cùng với chu kỳ mới, và hệ quả là sự kết hợp trong một tổng hợp rộng lớn giữa nhu cầu và mãnh lực, xem bản ngã cá nhân chỉ như một điểm tập trung cho hành động và sự chuyển hoá. Nó bao hàm sự chuyển hoá năm giác quan và sự mở rộng của chúng vào các cõi tinh anh hơn, để thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác và khứu giác được hàn kết thành một toàn thể tổng hợp hợp tác, dùng cho công việc vĩ đại. Trên cõi hồng trần, các giác quan này có khuynh hướng thống nhất đời sống cá nhân và thích nghi thế giới hồng trần với các nhu cầu của bản ngã cá nhân. Trên các cõi tinh anh hơn, chúng phải được chuyển hoá cho đến khi chúng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của nhóm mà cá nhân chỉ là một phần mảnh nhỏ trong đó. Khả năng làm điều này là một trong những điều Các Đấng Cao Cả tìm kiếm nơi những cá nhân có thể có đặc ân khai mở Kỷ Nguyên Mới.

Trên hết, Các Ngài tìm kiếm một vận hà được mở rộng từ linh hồn đến bộ não hồng trần, qua thể trí. Một vận hà được mở rộng như thế cho thấy rằng một người có thể được sử dụng. Hầu như có thể diễn tả điều ấy bằng cách nói rằng Các Ngài tìm kiếm sự hoàn thiện của antahkarana, vận hà giao tiếp giữa tâm thức linh hồn và bộ não, mà người sở hữu nó là người các Chân sư có thể sử dụng thành công. Các Ngài được hướng dẫn trong

choice of workers by a man's personally achieved capacity and by his own hard won ability. When there is capacity, ability, and faculty, then the Great Ones joyfully employ him. The wrong angle has been, at times, over-emphasized and the reverse of this taught. The Masters must not be sought [140] because a man seeks capacity. They will be found when a man has capacity—capacity that makes him available for group work and that can be extended under careful instruction into the higher powers of the soul. Leadership in groups controlling the work of the New Age will grow out of the discipline of the individual, and leaders will be found among those who sense the inner issue. Leadership that endures does not come to those who strive for place and power nor for those who have their eyes only on outward conditions and overlook the underlying causes. Leadership does not come to those who place the personal self and its position and power before the good of the group. It comes enduringly to those who seek nothing for the separated self, to those who lose themselves in the good of the whole.

việc chọn lựa những người hoạt động bởi khả năng do cá nhân đạt được của một người và năng lực mà chính y đã gian khổ giành được. Khi có khả năng, năng lực và bản lĩnh, bấy giờ Các Đấng Cao Cả hoan hỉ sử dụng y. Đôi khi, góc nhìn sai đã bị nhấn mạnh quá mức và điều ngược lại đã được dạy. Không nên tìm kiếm các Chân sư [140] vì một người tìm kiếm khả năng. Các Ngài sẽ được tìm thấy khi một người có khả năng — khả năng khiến y sẵn sàng cho công việc nhóm và có thể được mở rộng, dưới sự huấn luyện cẩn trọng, thành các quyền năng cao hơn của linh hồn. Quyền lãnh đạo trong các nhóm kiểm soát công việc của Kỷ Nguyên Mới sẽ phát sinh từ kỷ luật của cá nhân, và các nhà lãnh đạo sẽ được tìm thấy giữa những người cảm nhận vấn đề bên trong. Quyền lãnh đạo bền vững không đến với những ai cố gắng giành địa vị và quyền lực, cũng không đến với những ai chỉ chăm chú vào các điều kiện bên ngoài mà bỏ qua các nguyên nhân nền tảng. Quyền lãnh đạo không đến với những ai đặt bản ngã cá nhân cùng địa vị và quyền lực của nó lên trước lợi ích của nhóm. Nó đến một cách bền vững với những ai không tìm kiếm điều gì cho bản ngã biệt lập, với những ai đánh mất chính mình trong lợi ích của toàn thể.

To resume our consideration of the AUM. The Sound or the Sacred Word when correctly used has various effects which might be touched upon here.

Trở lại việc xem xét AUM. Âm thanh hay Linh từ Thiêng liêng, khi được sử dụng đúng, có nhiều hiệu quả khác nhau có thể được đề cập ở đây.

OM sounded forth, with intent thought behind it, acts as a disturber, a loosener of the coarse matter of the body of thought, of emotion, and of the physical body. When sounded forth with intense spiritual aspiration behind it, it acts as an attractive medium, and gathers in particles of pure matter to fill the places of those earlier thrown out. Students should strive to have

OM được xướng ra, với tư tưởng có chủ đích phía sau, hoạt động như một tác nhân khuấy động, làm lỏng ra chất liệu thô của thể tư tưởng, thể cảm xúc và thể xác. Khi được xướng ra với khát vọng tinh thần mãnh liệt phía sau, nó hoạt động như một trung gian hấp dẫn, quy tụ các hạt chất liệu tinh khiết để lấp vào chỗ của những hạt trước đó đã bị đẩy ra. Các đạo sinh nên cố gắng giữ hai hoạt

these two activities in their minds as they use the Word in their meditation. This utilization of the Word is of practical value, and results in the building of good bodies for the use of the soul.

động này trong thể trí khi họ sử dụng Linh từ trong tham thiền. Việc sử dụng Linh từ này có giá trị thực tiễn và đem lại kết quả là kiến tạo các thể tốt đẹp cho linh hồn sử dụng.

The use of the OM serves also to indicate to the workers on the universal planes, and to those in the outer world who are gifted with spiritual perception that a disciple is available for work and can be utilized actively in the needed places of the earth. This should be borne in mind by all aspirants and should serve as an [141] incentive in making the outer phenomenal life coincide with the spiritual impulse.

Việc sử dụng OM cũng nhằm báo hiệu cho những người hoạt động trên các cõi phổ quát, và cho những người ở thế giới bên ngoài có thiên phú tri giác tinh thần, rằng một đệ tử đang sẵn sàng cho công việc và có thể được sử dụng tích cực tại những nơi cần thiết trên Trái Đất. Điều này nên được mọi người chí nguyện ghi nhớ và nên đóng vai trò như một [141] động lực để khiến đời sống hiện tượng bên ngoài phù hợp với xung lực tinh thần.

The use of the Sacred Word has its place also in the magical work of the Hierarchy. Thought forms are created for the embodiment of ideas and these embodied forms are sent forth to contact the minds of the disciples who are responsible in the group of a Master for the carrying forward of the plan.

Việc sử dụng Linh từ Thiêng liêng cũng có vị trí của nó trong công việc huyền thuật của Thánh đoàn. Các hình tư tưởng được tạo ra để thể hiện các ý tưởng, và các hình tướng đã được thể hiện này được gửi đi để tiếp xúc với thể trí của những đệ tử chịu trách nhiệm trong nhóm của một Chân sư về việc xúc tiến Thiên Cơ.

Through the cultivated receptivity of the developed and controlled mental body, aspirants become aware of the ideas which the Masters bring through from the plane of the Universal Mind, and hence are in a position to co-operate intelligently. They, in their turn, as this Rule seeks to indicate, create thought forms of those received ideas, and utilize them in their groups for the helping of the world. The main work of a disciple on the mental plane is to train himself to do four things:

Nhờ khả năng tiếp nhận được vun bồi của thể trí đã phát triển và được kiểm soát, những người chí nguyện trở nên nhận biết các ý tưởng mà các Chân sư truyền xuống từ cõi của Vũ Trụ Trí, và do đó ở trong vị thế có thể hợp tác một cách thông minh. Đến lượt họ, như Quy luật này tìm cách chỉ ra, họ tạo ra các hình tư tưởng từ những ý tưởng đã tiếp nhận ấy, và sử dụng chúng trong các nhóm của họ để trợ giúp thế gian. Công việc chính của một đệ tử trên cõi trí là tự rèn luyện để làm bốn điều:

1. To be receptive to the mind of the Master.

1. Có khả năng tiếp nhận từ thể trí của Chân sư.

2. To cultivate a right intuitive understanding of the thoughts sent him by the Master.

2. Vun bồi sự thấu hiểu trực giác đúng đắn về những tư tưởng được Chân sư gửi đến cho y.

3. To embody the ideas received in such form as will be suitable for those he is engaged in helping.

3. Thể hiện các ý tưởng đã nhận được trong hình tướng thích hợp với những người mà y đang tham gia trợ giúp.

4. Through sound, light and vibration to make his thought form active (embodying as much of the universal thought as is desirable) so that other minds may contact it.

4. Qua âm thanh, ánh sáng và rung động, làm cho hình tư tưởng của y trở nên hoạt động, thể hiện nhiều tư tưởng phổ quát đến mức thích hợp, để các thể trí khác có thể tiếp xúc với nó.

Thus are groups gathered, organized, taught and lifted, and thus the Hierarchy of Adepts can reach the world.

Nhờ vậy, các nhóm được quy tụ, tổ chức, giảng dạy và nâng cao, và nhờ vậy Thánh đoàn các Chân sư có thể vươn tới thế gian.

There are many other uses, of course, but if the students will ponder on these three they will make it possible for further uses to be imparted later.

Dĩ nhiên còn nhiều cách sử dụng khác, nhưng nếu các đạo sinh suy ngẫm về ba cách này, họ sẽ khiến những cách sử dụng tiếp theo có thể được truyền đạt về sau.

May I add, that the sound is only truly potent when the disciple has learnt to subordinate the lesser sounds. Only as the sounds he sends forth normally into the [142] three worlds are reduced in volume and in activity, as well as in quantity will it be possible for the Sound to be heard, and so to accomplish its purpose. Only as the multitude of spoken words is reduced, and silence in speech is cultivated, will it be possible for the Word to make its power felt on the physical plane. Only when the many voices of the lower nature and of our environment are silenced, will the “Voice that speaketh in the stillness” make its presence felt. Only when the sound of many waters dies away in the adjustment of the emotions will the clear note of the God of the waters be heard.

Tôi xin nói thêm rằng âm thanh chỉ thật sự mạnh mẽ khi đệ tử đã học cách đặt các âm thanh thấp hơn vào vị trí phụ thuộc. Chỉ khi các âm thanh mà y thường phát ra vào [142] ba cõi thấp được giảm bớt về âm lượng, hoạt động cũng như số lượng, thì Âm Thanh mới có thể được nghe thấy và nhờ đó hoàn thành mục đích của nó. Chỉ khi vô số lời nói được giảm bớt, và sự im lặng trong lời nói được vun bồi, Linh từ mới có thể khiến quyền năng của nó được cảm nhận trên cõi hồng trần. Chỉ khi nhiều tiếng nói của bản chất thấp và của môi trường quanh ta được làm im lặng, thì “Tiếng Nói lên tiếng trong tĩnh lặng” mới khiến sự hiện diện của nó được cảm nhận. Chỉ khi âm thanh của nhiều dòng nước lắng xuống trong sự điều chỉnh các cảm xúc, âm điệu trong trẻo của Thượng đế của các dòng nước mới được nghe thấy.

People seldom realize the potency of a word, yet it is stated, "In the beginning was the Word, and the Word was God. Without Him was not anything made that was made." When therefore we read those words our minds go back to the dawn of the creative process when, through the medium of sound, God spoke and the worlds were made.

Con người hiếm khi nhận ra quyền năng của một lời, tuy vậy có lời chép rằng: "Ban đầu là Linh từ, và Linh từ là Thượng đế. Không có Ngài thì chẳng có điều gì đã được tạo ra mà được tạo ra." Vì vậy, khi đọc những lời ấy, thể trí chúng ta quay về buổi bình minh của tiến trình sáng tạo, khi qua trung gian âm thanh, Thượng đế đã phán và các thế giới được tạo nên.

It has been said that, "the chief agency by which Nature's wheel is moved in a phenomenal direction is sound," for the original sound or word sets in vibration the matter of which all forms are made and initiates that activity which characterizes even the atom of substance.

Người ta đã nói rằng: "tác nhân chính nhờ đó bánh xe của Thiên nhiên được chuyển động theo hướng hiện tượng là âm thanh," vì âm thanh hay Linh từ nguyên thủy làm rung động chất liệu mà mọi hình tướng được tạo nên từ đó, và khởi phát hoạt động vốn đặc trưng ngay cả cho nguyên tử chất liệu.

The literature and the scriptures of all the ancient nations and great religions bear testimony to the efficacy of sound in producing all that is tangible and visible. The Hindus say very beautifully that "the Great Singer built the worlds, and the Universe is His Song." This is another way of expressing the same idea. If this is realized and the science of this concept somewhat understood, the significance of our own words and the utterance of sound in speech, becomes almost a momentous happening.

Văn học và kinh điển của mọi dân tộc cổ xưa và các tôn giáo lớn đều làm chứng cho hiệu lực của âm thanh trong việc tạo ra mọi điều hữu hình và khả kiến. Người Ấn nói rất đẹp rằng "Đấng Ca Sĩ Vĩ Đại đã xây dựng các thế giới, và Vũ trụ là Bài Ca của Ngài." Đây là một cách khác để diễn đạt cùng một ý tưởng. Nếu điều này được nhận ra và khoa học của quan niệm này được thấu hiểu phần nào, thì thâm nghĩa của chính lời nói chúng ta và việc phát ra âm thanh trong ngôn từ trở thành một sự kiện gần như trọng đại.

Sound or speech and the use of words have been regarded [143] by the ancient philosophers (and are increasingly so regarded by modern thinkers) as the highest agent used by man in moulding himself and his surroundings. Thought, speech and the resultant activity on the physical plane complete the triplicity which make a man what he is, and place him where he is.

Âm thanh hay lời nói và việc sử dụng ngôn từ đã được các triết gia cổ xưa xem [143] là tác nhân cao nhất mà con người dùng để uốn nắn chính mình và môi trường quanh mình, và các nhà tư tưởng hiện đại ngày càng nhìn nhận như vậy. Tư tưởng, lời nói và hoạt động phát sinh trên cõi hồng trần hoàn tất bộ ba khiến một người trở thành điều y là, và đặt y vào nơi y đang ở.

The purpose of all speech is to clothe thought and thus make our thoughts

Mục đích của mọi lời nói là khoác áo cho tư tưởng và nhờ đó làm cho tư tưởng của chúng

available for others. When we speak we evoke a thought and make it present, and we bring that which is concealed within us into audible expression. Speech reveals, and right speech can create a form of beneficent purpose, just as wrong speech can produce a form which has a malignant objective. Without realizing this, however, ceaselessly and irresponsibly, day after day, we speak; we use words; we multiply sounds; and surround ourselves with form worlds of our own creation. Is it not essential, therefore, that before we speak we should think, thus remembering the injunction, "You must attain to knowledge, ere you can attain to speech"? Having thought, let us then choose the right words to express the right thought, attempting to give correct pronunciation, proper values, and true tonal quality to every word we utter.

ta trở nên khả dụng đối với người khác. Khi nói, chúng ta gợi lên một tư tưởng và làm cho nó hiện diện, và chúng ta đưa điều vốn ẩn giấu bên trong mình vào sự biểu đạt có thể nghe được. Lời nói mặc khải, và lời nói đúng đắn có thể tạo nên một hình tướng của mục đích thiện ích, cũng như lời nói sai lầm có thể tạo ra một hình tướng mang mục tiêu ác hại. Tuy nhiên, không nhận ra điều này, chúng ta nói không ngừng và thiếu trách nhiệm, ngày này qua ngày khác; chúng ta dùng lời; chúng ta nhân bội âm thanh; và bao quanh mình bằng những thế giới hình tướng do chính mình tạo ra. Do đó, chẳng phải điều thiết yếu là trước khi nói, chúng ta phải suy nghĩ, nhờ đó ghi nhớ huấn thị: "Bạn phải đạt tới tri thức, trước khi bạn có thể đạt tới lời nói" sao? Sau khi đã suy nghĩ, chúng ta hãy chọn những lời đúng đắn để biểu đạt tư tưởng đúng đắn, cố gắng đem lại cách phát âm chuẩn xác, giá trị thích hợp, và phẩm tính âm điệu chân thực cho mỗi lời chúng ta thốt ra.

Then will our spoken word create a thought form which will embody the idea we have in our minds. Then too will our words carry no discord, but will add their quota to that great harmonizing chord or unifying word which it is the function of mankind ultimately to utter. Wrong speech separates, and it is interesting to bear in mind that the word, the symbol of unity, is divine, whereas speech in its many diversifications is human.

Bấy giờ lời nói của chúng ta sẽ tạo ra một hình tư tưởng thể hiện ý tưởng mà chúng ta có trong thể trí. Khi ấy, lời của chúng ta cũng sẽ không mang sự bất hòa, mà sẽ đóng góp phần của mình vào hợp âm điều hòa vĩ đại ấy, hay linh từ hợp nhất ấy, vốn là chức năng mà nhân loại cuối cùng phải xướng lên. Lời nói sai lầm gây chia rẽ, và điều đáng ghi nhớ là linh từ, biểu tượng của sự hợp nhất, là thiêng liêng, trong khi lời nói trong nhiều biến thể của nó là thuộc về con người.

As evolution proceeds, and the human family rises into its true position in the great plan of the universe, right and correct speech will be increasingly cultivated, because we shall think more before we utter words, or, as a great teacher has said, "through meditation we shall [144] rectify the mistakes of wrong speech;" and the

Khi tiến hoá tiếp diễn, và gia đình nhân loại vươn lên vị trí chân thực của mình trong Thiên Cơ vĩ đại của vũ trụ, lời nói đúng đắn và chuẩn xác sẽ ngày càng được vun bồi, bởi vì chúng ta sẽ suy nghĩ nhiều hơn trước khi thốt lời, hoặc như một huấn sư vĩ đại đã nói, "qua tham thiền chúng ta sẽ [144] sửa chữa những sai lầm của lời nói sai trái;" và thâm

significance of word forms, true and correct sounds, and vocal quality will become ever more apparent.

nghĩa của các hình tướng lời nói, các âm thanh chân thực và chuẩn xác, cùng phẩm tính giọng nói sẽ ngày càng trở nên hiển nhiên hơn.

The second word of importance in this fourth Rule is the word light. First the sound and then the first effect of sound, the pouring forth of light, causing the revelation of the thought form.

Từ thứ hai có tầm quan trọng trong Quy luật thứ tư này là từ ánh sáng. Trước hết là âm thanh, rồi đến hiệu quả đầu tiên của âm thanh, tức sự tuôn đổ ánh sáng, gây nên sự mặc khải của hình tư tưởng.

Light is known by what is revealed. The absence of light produces the fading away, into apparent non-existence, of the phenomenal world.

Ánh sáng được nhận biết qua điều được mặc khải. Sự vắng mặt của ánh sáng khiến thế giới hiện tượng phai mờ đi, đi vào trạng thái dường như không hiện hữu.

The thought form created by the Sound is intended to be a source of revelation. It must reveal truth, and bring an aspect of reality to the cognisance of the onlooker. Hence the second quality of the thought form in its highest use is that it brings light to those who need it, to those who walk in darkness.

Hình tư tưởng do Âm Thanh tạo ra được dự định là một nguồn mặc khải. Nó phải mặc khải chân lý, và đưa một phương diện của thực tại đến sự nhận biết của người quan sát. Do đó, phẩm tính thứ hai của hình tư tưởng trong công dụng cao nhất của nó là nó đem ánh sáng đến cho những ai cần ánh sáng, cho những ai bước đi trong bóng tối.

I deal not here with light as the soul, cosmically or individually. I touch not upon light as the universal second aspect of divinity. I seek only in these Instructions to deal with that aspect of truth which will make the aspirant a practical worker, and so enable him to work with intelligence. His main work (and increasingly he will find this to be so) is to create thought-forms to carry revelation to thinking human beings. To do this he must work occultly, and through the sound of his breathed forth work, through the truth revealed in form, will he carry light and illumination into the dark places of the earth

Ở đây tôi không đề cập đến ánh sáng như là linh hồn, dù theo vũ trụ hay theo cá nhân. Tôi không chạm đến ánh sáng như phương diện thứ hai phổ quát của thiên tính. Trong các Huấn thị này, tôi chỉ tìm cách đề cập đến phương diện chân lý nào sẽ làm cho người chí nguyện trở thành một người hoạt động thực tiễn, và nhờ vậy giúp y làm việc bằng trí tuệ. Công việc chính của y, và y sẽ ngày càng thấy điều này là đúng, là tạo ra các hình tư tưởng để chuyển tải sự mặc khải đến những người biết suy nghĩ trong nhân loại. Để làm điều này, y phải làm việc một cách huyền bí, và qua âm thanh của công việc được y thở ra, qua chân lý được mặc khải trong hình tướng, y sẽ mang ánh sáng và sự soi sáng vào những nơi tối tăm của Trái Đất.

Then he finally makes his thought form live through the power of his own assurance, spiritual understanding and vitality. Thus the significance of the third word, vibration, appears. His message is heard, for it is sounded forth; it carries illumination, for it conveys the Truth and reveals Reality; it is of vital import, for it vibrates with the life of its creator, and is held in being as long as his thought and sound and intelligence animate [145] it. This is true of a message, of an organization, and of all forms of life, which are but the embodied ideas of a cosmic or a human creator.

Rồi cuối cùng y làm cho hình tư tưởng của mình sống động nhờ quyền năng của sự xác tín, thấu hiểu tinh thần và sinh lực của chính mình. Như vậy thâm nghĩa của từ thứ ba, rung động, xuất hiện. Thông điệp của y được nghe thấy, vì nó được xướng ra; nó mang sự soi sáng, vì nó truyền đạt Chân lý và mặc khải Thực tại; nó có tầm quan trọng sống còn, vì nó rung động bằng sự sống của người tạo ra nó, và được giữ trong hiện hữu chừng nào tư tưởng, âm thanh và trí tuệ của y còn làm linh hoạt [145] nó. Điều này đúng với một thông điệp, một tổ chức, và mọi hình tướng sự sống, vốn chỉ là các ý tưởng được thể hiện của một đấng sáng tạo vũ trụ hay con người.

Students would find it of value to take these three vital words and trace their relation to all embodied thought forms—a cosmos, a plane, a kingdom in nature, a race, a nation, a human being. Consider the diverse groups of creating agencies—solar Logoi, solar Angels, human beings, and others. Consider the spheres of the creative process and see how true the *Old Commentary* is when it says:

Các đạo sinh sẽ thấy có giá trị khi lấy ba từ thiết yếu này và truy nguyên mối liên hệ của chúng với mọi hình tư tưởng được thể hiện —một vũ trụ, một cõi, một giới trong thiên nhiên, một giống dân, một quốc gia, một con người. Hãy xem xét các nhóm tác nhân sáng tạo khác nhau—các Thái dương Thượng đế, các Thái dương Thiên Thần, con người, và những tác nhân khác. Hãy xem xét các phạm vi của tiến trình sáng tạo và nhận thấy *Cổ Luận* chân thực biết bao khi nói:

"The sound reverberated amidst varying wheels of uncreated matter; and lo, the sun and all the lesser wheels appeared. The light shone forth amidst the many wheels, and thus the many forms of God, the diverse aspects of his radiant robe blazed forth.

"Âm thanh vang vọng giữa những bánh xe khác nhau của vật chất chưa được tạo thành; và kìa, mặt trời cùng mọi bánh xe nhỏ hơn xuất hiện. Ánh sáng chiếu rạng giữa nhiều bánh xe, và như thế nhiều hình tướng của Thượng đế, những phương diện khác nhau của chiếc áo rực rỡ của Ngài, bừng sáng.

"The vibrant palpitating wheels turned over. Life, in its many stages and in its many grades commenced the process of unfolding, and lo, the law began to work. Forms arose, and disappeared, but life moved on. Kingdoms arose, holding their many forms

"Những bánh xe rung động và đập nhịp quay chuyển. Sự sống, trong nhiều giai đoạn và ở nhiều cấp bậc, bắt đầu tiến trình khai mở, và kìa, định luật bắt đầu vận hành. Các hình tướng xuất hiện rồi biến mất, nhưng sự sống vẫn tiến bước. Các giới xuất hiện, chứa đựng nhiều hình tướng của chúng, những hình

which drew together, turned together, and later separated, but still the life moved on.

tướng tụ lại, cùng xoay chuyển, rồi về sau tách rời, nhưng sự sống vẫn tiến bước.

"Mankind, hiding the Son of God, the Word incarnate, broke forth into the light of revelation. Races appeared and disappeared. The forms, veiling the radiant soul, emerged, achieved their purpose and vanished into night, but lo, the life moved on, blended this time with light. Life merged with light, both blending to reveal a beauty and a power, an active liberating force, a wisdom and a love that we call a Son of God.

"Nhân loại, che giấu Con của Thượng đế, Linh từ nhập thể, bừng ra trong ánh sáng của sự mặc khải. Các giống dân xuất hiện rồi biến mất. Các hình tướng, che phủ linh hồn rạng ngời, hiện ra, hoàn thành mục đích của chúng rồi tan vào đêm tối, nhưng kìa, sự sống vẫn tiến bước, lần này hòa quyện với ánh sáng. Sự sống hợp nhất với ánh sáng, cả hai hòa quyện để mặc khải một vẻ đẹp và một quyền năng, một mãnh lực giải thoát linh hoạt, một minh triết và một bác ái mà chúng ta gọi là Con của Thượng đế.

"Through the many Sons of God, who in their inmost centre are but one, God in his Fatherhood is known. Yet still that lighted life moved on to a dread point of power, of force creative, concerning which we say: It is the All, the Container of the Universe, the persistent centre of the Spheres, the One."

"Qua nhiều Con của Thượng đế, những Đấng trong trung tâm sâu thẳm nhất của mình chỉ là một, Thượng đế trong cương vị Cha được nhận biết. Tuy vậy, sự sống được soi sáng ấy vẫn tiến bước đến một điểm quyền năng đáng sợ, của mãnh lực sáng tạo, mà về đó chúng ta nói: Đó là Toàn Thể, Đấng Chứa Đựng Vũ Trụ, trung tâm bền bỉ của các Khối Cầu, Đấng Duy Nhất."

We have touched upon two words of significance in the fourth Rule, —sound and light, —and one paramount idea emerges. The soul is to be known as light, as the [146] revealer, whilst the Spirit aspect will later be recognized as sound. Complete light and illumination is the right of the disciple who attains to the third initiation, whilst the true comprehension of the sound, of the triple AUM, the synthesizing factor in manifestation appears only to the one who stands master of the three worlds.

Chúng ta đã chạm đến hai từ có thâm nghĩa trong Quy luật thứ tư—âm thanh và ánh sáng—và một ý tưởng tối quan trọng xuất hiện. Linh hồn phải được nhận biết như ánh sáng, như đấng [146] mặc khải, trong khi phương diện Tinh thần về sau sẽ được nhận ra như âm thanh. Ánh sáng và sự soi sáng trọn vẹn là quyền của đệ tử đạt đến lần điểm đạo thứ ba, trong khi sự lĩnh hội chân thực về âm thanh, về AUM tam phân, yếu tố tổng hợp trong biểu hiện, chỉ xuất hiện đối với người đứng làm chủ ba cõi giới.

The word *vibration* must next engage our attention but it may not be dissociated from the next word in the sequence *form*. Vibration, the effect of divine activity, is two-fold. There is the first effect in which

Tiếp theo, từ *rung động* phải thu hút sự chú ý của chúng ta, nhưng nó không thể bị tách rời khỏi từ kế tiếp trong chuỗi là *hình tướng*. Rung động, hiệu quả của hoạt động thiêng liêng, có tính nhị phân. Có hiệu quả đầu tiên

the vibration (issuing from the realm of subjectivity in response to sound and light) produces response in matter, and therefore attracts or calls together the atoms out of which molecules, cells, organisms and finally the integrated form can be built. This effected, the aspect of vibration is to be noted as a duality.

trong đó rung động, phát xuất từ cõi giới chủ quan để đáp ứng với âm thanh và ánh sáng, tạo ra sự đáp ứng trong vật chất, và do đó thu hút hoặc triệu tập các nguyên tử, từ đó các phân tử, tế bào, cơ thể và cuối cùng hình tướng tích hợp có thể được xây dựng. Khi điều này đã được thực hiện, phương diện rung động phải được ghi nhận như một nhị nguyên.

The form, through the medium of the five senses, becomes aware of the vibratory aspect of all forms in the environment wherein it, itself, is a functioning entity. Later, in time and space, that functioning form becomes increasingly aware of its own interior vibration, and by tracing back that vibration to its originating source becomes aware of the Self, and later of the Kingdom of the Self. Humanity as a whole is aware of its environment and, through the information conveyed by the sense of sight, hearing, touch, taste and smell, the phenomenal world, the outer garment of God, is known, and communication between the Self and what we call the natural world is set up. As the mind appropriates and synthesizes this knowledge, the dweller in the form passes through the following stages:

Hình tướng, qua trung gian của năm giác quan, trở nên nhận biết phương diện rung động của mọi hình tướng trong môi trường nơi chính nó là một thực thể đang hoạt động. Về sau, trong thời gian và không gian, hình tướng đang hoạt động ấy ngày càng nhận biết rung động nội tại của chính nó, và bằng cách truy ngược rung động ấy đến nguồn gốc phát sinh, nó trở nên nhận biết Bản Ngã, và về sau là Giới của Bản Ngã. Nhân loại nói chung nhận biết môi trường của mình, và qua thông tin được truyền đạt bởi thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác và khứu giác, thế giới hiện tượng, lớp áo bên ngoài của Thượng đế, được nhận biết, và sự giao tiếp giữa Bản Ngã với điều chúng ta gọi là thế giới tự nhiên được thiết lập. Khi thể trí chiếm hữu và tổng hợp tri thức này, cư dân trong hình tướng trải qua các giai đoạn sau:

1. Vibration is registered, and the environment has its effect upon the form.

1. Rung động được ghi nhận, và môi trường tạo hiệu quả của nó lên hình tướng.

2. This effect is noted, but not understood. The man, under the slow and steady impact of this vibratory [147] effect, slowly awakens to consciousness or awareness.

2. Hiệu quả này được nhận thấy, nhưng chưa được thấu hiểu. Con người, dưới tác động chậm rãi và đều đặn của hiệu quả rung động [147] này, dần dần thức tỉnh đến tâm thức hay sự nhận biết.

3. The environment begins to interest the man and he regards it as desirable. Steadily the attraction of the three worlds grows and holds the man in reiterated incarnation.

3. Môi trường bắt đầu làm con người quan tâm và y xem nó là đáng khao khát. Sức hấp dẫn của ba cõi giới đều đặn gia tăng và giữ con người trong sự nhập thể tái diễn. Từ “tái

(The word “re-iterated” is literally and more academically correct than the word “repeated.” Each of us is really a re-iterated word, sounding in time and space.)

diễn” theo nghĩa đen và theo học thuật thì chính xác hơn từ “lặp lại.” Mỗi chúng ta thật sự là một linh từ được tái xướng, vang lên trong thời gian và không gian.

4. Later, when the vibration of the environing forms of the natural world becomes monotonous through constant impact over many lives, the man begins to turn a deaf ear and an un-seeing eye upon the familiar phenomenal world of desire. He becomes insensitive to its vibratory impact and increasingly aware of the vibration of the Self.

4. Về sau, khi rung động của các hình tướng bao quanh thuộc thế giới tự nhiên trở nên đơn điệu do tác động liên tục qua nhiều kiếp sống, con người bắt đầu ngoảnh tai không nghe và nhắm mắt không nhìn đối với thế giới hiện tượng quen thuộc của dục vọng. Y trở nên không nhạy cảm với tác động rung động của nó và ngày càng nhận biết rung động của Bản Ngã.

5. Later, on the Path of Probation and of Discipleship, this subtler vibratory activity exerts an increasing allure. The outer world ceases to attract. The inner world of the self assumes paramount place in the desire nature.

5. Về sau, trên Con Đường Dự Bị và Con Đường Đệ Tử, hoạt động rung động tinh tế hơn này tạo nên một sức lôi cuốn ngày càng tăng. Thế giới bên ngoài không còn hấp dẫn. Thế giới bên trong của bản ngã chiếm vị trí tối quan trọng trong bản chất dục vọng.

6. Little by little, using the language of modern psychology, within the outer form, which is the response apparatus for the process of becoming aware of the phenomenal world, the disciple builds a new subtler response apparatus whereby the subjective worlds can be known.

6. Từng chút một, dùng ngôn ngữ của tâm lý học hiện đại, bên trong hình tướng bên ngoài, vốn là bộ máy đáp ứng cho tiến trình trở nên nhận biết thế giới hiện tượng, đệ tử xây dựng một bộ máy đáp ứng mới tinh tế hơn, nhờ đó các thế giới chủ quan có thể được nhận biết.

When this stage is reached there ensues a steady turning away from vibratory contact with the outer worlds of form, and an atrophying of desire in that direction. All seems arid and undesirable, and all fails to satisfy the ardent and aspiring soul. The difficult process of re-orientation toward a new world, a new state of being and a new condition of awareness is set up, and because the inner subtle response apparatus is only in an embryonic [148] condition there is a devastating sense of loss, a groping in the dark, and a period of spiritual wrestling and exploration that tests the

Khi đạt đến giai đoạn này, sẽ tiếp theo một sự quay lưng đều đặn khỏi sự tiếp xúc rung động với các thế giới hình tướng bên ngoài, và một sự teo mòn của dục vọng theo hướng ấy. Mọi sự dường như khô cằn và không đáng khao khát, và mọi sự đều không làm thỏa mãn linh hồn nồng nhiệt và đầy khát vọng. Tiến trình khó khăn của sự tái định hướng về một thế giới mới, một trạng thái hiện hữu mới và một tình trạng nhận biết mới được thiết lập, và vì bộ máy đáp ứng tinh tế bên trong chỉ mới ở trong tình trạng phôi thai [148] nên có một cảm thức mất mát tàn phá, một sự mò mẫm trong bóng tối, và một giai

endurance and steadfastness of purpose of the aspirant to the very limits.

đoạn vật lộn và thăm dò tinh thần thử thách sức chịu đựng và sự kiên định mục đích của người chí nguyện đến tận giới hạn.

But (and this is the encouraging point to be remembered) all *"proceedeth under the law and naught can hinder the work from going forward."* Note these words in Rule IV. There comes a stage when a man is verily and indeed "founded on the rock," and though he may experience the alternation of light and shade, though the waves of the purifying waters may roll over him, and threaten to sweep him off his feet, and though he may feel himself deaf and dumb and blind, naught can ultimately defeat the purpose of the soul. All that is lacking is the developed spiritual body which is equipped to respond to the vibration of the inner spiritual world. It exists in embryo, and the secret of its use lies in the attitude of the brain to the functions of the etheric body, as it exists as an intermediary between the brain, nervous system and the mind, or between the soul, mind and the brain. This cannot be elaborated here but the hint can be given for the reflection of the keen aspirant.

Nhưng, và đây là điểm khích lệ cần được ghi nhớ, tất cả *"đều tiến hành theo định luật và không gì có thể ngăn cản công việc tiến tới."* Hãy lưu ý những lời này trong Quy luật IV. Có một giai đoạn khi con người thật sự và đúng nghĩa "được đặt nền trên đá," và dù y có thể trải nghiệm sự luân phiên của ánh sáng và bóng tối, dù những làn sóng của nước thanh luyện có thể cuộn qua y và đe dọa cuốn y khỏi chỗ đứng, và dù y có thể cảm thấy mình điếc, câm và mù, cuối cùng không gì có thể đánh bại mục đích của linh hồn. Điều còn thiếu chỉ là thể tinh thần đã phát triển, được trang bị để đáp ứng với rung động của thế giới tinh thần bên trong. Nó hiện hữu trong phôi thai, và bí mật của việc sử dụng nó nằm trong thái độ của bộ não đối với các chức năng của thể dĩ thái, khi thể này hiện hữu như một trung gian giữa bộ não, hệ thần kinh và thể trí, hoặc giữa linh hồn, thể trí và bộ não. Điều này không thể được khai triển ở đây, nhưng gợi ý có thể được đưa ra để người chí nguyện sắc bén suy ngẫm.

We have therefore the following stages dealt with in Rule IV and pointed out with lucid clarity, yet with that parsimony of phrase which distinguishes all occult and symbolic writings:

Do đó, chúng ta có các giai đoạn sau được bàn đến trong Quy luật IV và được chỉ ra với sự sáng tỏ minh bạch, nhưng bằng sự tiết kiệm ngôn từ vốn phân biệt mọi trước tác huyền bí và biểu tượng:

1. The integration of the form, as the result of the activity of the soul, through the use of

1. Sự tích hợp của hình tướng, như kết quả của hoạt động của linh hồn, qua việc sử dụng

a. Sound,

a. Âm thanh,

b. Light,

b. Ánh sáng,

c. Vibration.

c. Rung động.

2. The development of a response apparatus for use in the phenomenal world.

2. Sự phát triển một bộ máy đáp ứng để sử dụng trong thế giới hiện tượng.

3. The eventual turning away from the phenomenal world, as the result of use and consequent satiety, [149] and the gradual use of the subtler response apparatus.

3. Sự quay lưng cuối cùng khỏi thế giới hiện tượng, như kết quả của việc sử dụng và sự no chán theo sau, [149] và việc sử dụng dần dần bộ máy đáp ứng tinh tế hơn.

4. The response apparatus of the soul—mind, etheric body, brain and nervous system—is re-oriented, and the man becomes aware of the kingdom of the soul, another kingdom in nature.

4. Bộ máy đáp ứng của linh hồn—thể trí, thể dĩ thái, bộ não và hệ thần kinh—được tái định hướng, và con người trở nên nhận biết giới của linh hồn, một giới khác trong thiên nhiên.

5. The turning away from the kingdom of the world to the kingdom of the soul becomes an esoteric habit, and in this thought lies hid the secret of esoteric psychology. The man is stabilized in the spiritual life. Naught can now hinder.

5. Sự quay lưng khỏi giới của thế gian để hướng về giới của linh hồn trở thành một thói quen huyền bí, và trong tư tưởng này ẩn giấu bí mật của Tâm Lý Học Nội Môn. Con người được ổn định trong đời sống tinh thần. Giờ đây không gì có thể ngăn cản.

The Science of the Breath

Now we come to the significant words in Rule IV. “The man breathes deeply.” This is a phrase covering many aspects of rhythmic living. It is the magical formula for the science of pranayama. It covers the art of the creative life. It sweeps a man into tune with the pulsating life of God Himself, and this through detachment and re-orientation.

Bây giờ chúng ta đến với những lời có thâm nghĩa trong Quy luật IV. “Con người hít thở sâu.” Đây là một cụm từ bao hàm nhiều phương diện của đời sống có nhịp điệu. Nó là công thức huyền thuật cho khoa học pranayama. Nó bao trùm nghệ thuật của đời sống sáng tạo. Nó đưa con người vào hòa điệu với sự sống đang đập nhịp của chính Thượng đế, và điều này được thực hiện qua sự tách rời và tái định hướng.

It is notably interesting as a demonstration of the succinctness and inclusiveness of occult phrases as in Rule IV. The art of breathing is dealt with in three phases, and these I commend to each of you for the most careful consideration.

Điều này đặc biệt thú vị như một minh chứng cho tính hàm súc và tính bao gồm của các cụm từ huyền bí, như trong Quy luật IV. Nghệ thuật thở được bàn đến trong ba giai đoạn, và tôi khuyên mỗi bạn hãy xem xét những giai đoạn này hết sức cẩn trọng.

There is first the aspect of *Inhalation*. "The man breathes deeply." From the very depths of his being he draws the breath. In the process of phenomenal living, he draws the very breath of life from the soul. This is the first stage. In the process of detaching himself from phenomenal living, he draws from the depths of his being and experiences the life, that it may be rendered again back to the source from whence it came. In the occult life of the disciple, as he develops a new and subtler use of his response apparatus, he practices the science of the breath, and discovers that through deep [150] breathing (including the three stages of the deep, middle, and top breath) he can bring into activity, in the world of esoteric experiences, his vital body with its force centres. Thus the three aspects of "deep breathing" cover the entire soul experience, and the relationship to the three types of breath, touched upon above, can be worked out by the interested aspirant.

Trước hết có phương diện *Hít vào*. "Con người hít thở sâu." Từ tận chiều sâu của bản thể mình, y rút vào hơi thở. Trong tiến trình sống hiện tượng, y rút chính hơi thở sự sống từ linh hồn. Đây là giai đoạn đầu tiên. Trong tiến trình tách mình khỏi đời sống hiện tượng, y rút từ những chiều sâu của bản thể mình và trải nghiệm sự sống, để sự sống ấy có thể được trao trả lại nguồn cội từ đó nó đã đến. Trong đời sống huyền bí của đệ tử, khi y phát triển một cách sử dụng mới và tinh tế hơn đối với bộ máy đáp ứng của mình, y thực hành khoa học về hơi thở, và khám phá rằng qua việc thở sâu [150], bao gồm ba giai đoạn của hơi thở sâu, giữa và trên, y có thể đưa thể sinh lực với các trung tâm mãnh lực của nó vào hoạt động trong thế giới của những kinh nghiệm huyền bí. Như vậy ba phương diện của "thở sâu" bao trùm toàn bộ kinh nghiệm của linh hồn, và mối liên hệ với ba loại hơi thở đã được chạm đến ở trên có thể được người chí nguyện quan tâm tự mình khai triển.

Next we read "he concentrates his forces." Here we have the stage indicated which can be called *retention of the breath.* It is a holding of all the forces of the life steadily in the place of silence, and when this can be done with ease and with forgetfulness of process through familiarity and experience, then the man can see and hear and know in a realm other than the phenomenal world. In the higher sense this is the stage of contemplation, that "lull between two activities" as it has been so aptly called. The soul, the breath, the life has withdrawn out of the three worlds, and in the "secret place of the most high" is at rest and at peace, contemplating the beatific vision. In the life of the active disciple it produces those interludes which every disciple knows, when (through detachment and the capacity to withdraw) he is held by nothing in the

Kế tiếp chúng ta đọc: "Y tập trung các lực của mình." Ở đây chúng ta có giai đoạn được chỉ ra, có thể gọi là *sự giữ hơi thở.* Đó là việc giữ vững tất cả các mãnh lực của sự sống nơi chốn im lặng, và khi điều này có thể được thực hiện dễ dàng, với sự quên đi tiến trình nhờ quen thuộc và kinh nghiệm, bấy giờ con người có thể thấy, nghe và biết trong một cõi giới khác với thế giới hiện tượng. Theo nghĩa cao hơn, đây là giai đoạn chiêm ngưỡng, là "khoảng lặng giữa hai hoạt động" như đã được gọi rất thích đáng. Linh hồn, hơi thở, sự sống đã rút khỏi ba cõi giới, và trong "nơi kín nhiệm của Đấng Tối Cao" nó nghỉ ngơi và an bình, chiêm ngưỡng linh ảnh chí phúc. Trong đời sống của đệ tử linh hoạt, điều này tạo ra những khoảng xen kẽ mà mọi đệ tử đều biết, khi, nhờ sự tách rời và khả năng rút lui, y không bị điều gì trong thế giới hình tướng giữ lại. Vì y chỉ đang vật lộn hướng tới

world of form. As he is but wrestling toward perfection and has not yet attained, these interludes of silence, withdrawingness, and of detachment are frequently difficult and dark. All is silence and he stands appalled by the unknown, and by the apparently empty stillness in which he finds himself. This is called, in advanced cases, "the dark night of the soul"—the moment before the dawn, the hour before the light streams forth.

sự hoàn thiện và chưa đạt tới, nên những khoảng xen kẽ của im lặng, rút lui và tách rời này thường khó khăn và tối tăm. Tất cả đều im lặng và y đứng kinh hãi trước điều chưa biết, và trước sự tĩnh lặng dường như trống rỗng trong đó y thấy mình hiện diện. Trong những trường hợp tiến bộ, điều này được gọi là "đêm tối của linh hồn"—khoảnh khắc trước bình minh, giờ trước khi ánh sáng tuôn trào.

In the science of Pranayama it is the moment following upon inhalation wherein all the forces of the body have (through the medium of the breath) been carried upward to the head and concentrated there, prior to the stage of breathing forth. This moment of retention, when [151] properly carried forward, produces an interlude of intense concentration and it is in this moment that the aspirant must seize opportunity. Herein lies a hint.

Trong khoa học Pranayama, đó là khoảnh khắc theo sau việc hít vào, khi mọi mãnh lực của thân thể, qua trung gian của hơi thở, đã được đưa lên đầu và tập trung ở đó, trước giai đoạn thở ra. Khoảnh khắc giữ lại này, khi [151] được tiến hành đúng đắn, tạo ra một khoảng xen kẽ của sự tập trung mãnh liệt, và chính trong khoảnh khắc này người chí nguyện phải nắm lấy cơ hội. Chính trong đó có một gợi ý.

Then comes the process of *exhalation.* We read in Rule IV "he drives the thought-form from him." This is ever the result of the final stage of the science of the breath. The form, vitalized by the one who breathes in correct rhythm, is sent forth to do its work and fulfil its mission. Study this idea with care, for it holds the secret of creative work.

Rồi đến tiến trình *thở ra.* Chúng ta đọc trong Quy luật IV: "Y đẩy hình tư tưởng ra khỏi y." Đây luôn là kết quả của giai đoạn cuối cùng trong khoa học về hơi thở. Hình tướng, được tiếp sinh lực bởi người thở theo nhịp điệu đúng đắn, được gửi đi để làm công việc của nó và hoàn thành sứ mệnh của nó. Hãy nghiên cứu ý tưởng này cẩn trọng, vì nó nắm giữ bí mật của công việc sáng tạo.

In the experience of the soul, the form for manifestation in the three worlds is created through intense meditation, which is ever the paralleling activity of breathing. Then by an act of the will, resulting in a "breathing forth", and engendered or arrived at dynamically in the interlude of contemplation or retention of the breath, the created form is sent forth into the phenomenal world, to serve as a channel of experience, a medium of expression and a

Trong kinh nghiệm của linh hồn, hình tướng để biểu hiện trong ba cõi giới được tạo ra qua tham thiền mãnh liệt, vốn luôn là hoạt động song hành với hơi thở. Rồi bằng một hành vi của ý chí, dẫn đến một "sự thở ra", và được phát sinh hoặc đạt tới một cách năng động trong khoảng xen kẽ của chiêm ngưỡng hay giữ hơi thở, hình tướng đã được tạo ra được gửi vào thế giới hiện tượng, để phụng sự như một kênh kinh nghiệm, một

response apparatus in the three worlds of human living.

phương tiện biểu đạt và một bộ máy đáp ứng trong ba cõi giới của đời sống con người.

In the life of the disciple, through meditation and discipline he learns to reach high moments of interlude whenever he concentrates his forces on the plane of soul life, and then again by an act of his will, he breathes forth his spiritual purposes, plans and life into the world of experience. The thought form that he has constructed as to the part he has to play, and the concentration of energy which he has succeeded in bringing about become effective. The energy needed for the next step is breathed forth by the soul and passes down into the vital body, thus galvanizing the physical instrument with the needed constructive activity. That aspect of the plan which he has appreciated in contemplation, and that part of the general purpose of the Hierarchy in which his soul feels called upon to co-operate is breathed forth simultaneously, [152] via the mind into the brain, and thus "he drives the thought forms from him."

Trong đời sống của đệ tử, qua tham thiền và kỷ luật, y học cách đạt tới những khoảnh khắc cao của khoảng xen kẽ bất cứ khi nào y tập trung các mãnh lực của mình trên cõi của đời sống linh hồn, rồi một lần nữa bằng một hành vi của ý chí, y thở ra các mục đích, kế hoạch và sự sống tinh thần của mình vào thế giới kinh nghiệm. Hình tư tưởng mà y đã kiến tạo về phần việc y phải đóng, và sự tập trung năng lượng mà y đã thành công trong việc tạo nên, trở nên hữu hiệu. Năng lượng cần thiết cho bước kế tiếp được linh hồn thở ra và đi xuống thể sinh lực, nhờ đó kích hoạt khí cụ hồng trần bằng hoạt động kiến tạo cần thiết. Phương diện của Thiên Cơ mà y đã nhận thức trong chiêm ngưỡng, và phần của mục đích chung của Thánh Đoàn mà linh hồn y cảm thấy được kêu gọi cộng tác, được thở ra đồng thời, [152] qua thể trí vào bộ não, và như vậy "y đẩy các hình tư tưởng ra khỏi mình."

Finally, in the science of Pranayama, this stage covers that exhaling breath which, when carried forward with thought and conscious purpose behind it, serves to vitalize the centres and fill each of them with dynamic life. More need not be said here.

Cuối cùng, trong khoa học Pranayama, giai đoạn này bao hàm hơi thở ra, khi được tiến hành với tư tưởng và mục đích có ý thức phía sau, sẽ phụng sự để tiếp sinh lực cho các trung tâm và làm đầy mỗi trung tâm bằng sự sống năng động. Không cần nói thêm ở đây.

Thus, in this science of "breathing deeply" we have the whole process of creative work and of the evolutionary unfoldment of God in nature covered. It is the process whereby the Life, the One Existence, has brought the phenomenal world into being, and Rule IV is a digest of the Creation. It is equally the formula under which the individual soul works as it centres its forces for

Như vậy, trong khoa học "thở sâu" này, chúng ta có toàn bộ tiến trình của công việc sáng tạo và sự khai mở tiến hoá của Thượng đế trong thiên nhiên được bao hàm. Đó là tiến trình nhờ đó Sự Sống, Hiện Hữu Duy Nhất, đã đưa thế giới hiện tượng vào hiện hữu, và Quy luật IV là bản tóm lược của Sự Sáng Tạo. Nó cũng chính là công thức theo đó linh hồn cá nhân làm việc khi linh hồn ấy

manifestation in the three worlds of human experience.

tập trung các mãnh lực của mình để biểu hiện trong ba cõi giới của kinh nghiệm con người.

The right use of the Life-Breath is the whole art at which the aspirant, the disciple, and the initiate work, bearing in mind however that the science of the physical breath is the least important aspect and follows sequentially upon the right use of energy, which is the word we apply to the divine breath or life.

Việc sử dụng đúng đắn Hơi Thở-Sự Sống là toàn bộ nghệ thuật mà người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đồ làm việc hướng tới; tuy nhiên cần ghi nhớ rằng khoa học về hơi thở hồng trần là phương diện ít quan trọng nhất và theo sau một cách tuần tự việc sử dụng đúng đắn năng lượng, là từ chúng ta áp dụng cho hơi thở hay sự sống thiêng liêng.

Finally, in the mental life of the disciple, and in the great work of learning to be a conscious creator in mental matter and so produce results in the phenomenal world, this fourth Rule holds the instructions upon which the work is based. It embodies the science of the entire magical work.

Cuối cùng, trong đời sống trí tuệ của đệ tử, và trong công việc vĩ đại học cách trở thành một đấng sáng tạo có ý thức trong chất liệu cõi trí để nhờ đó tạo ra các kết quả trong thế giới hiện tượng, Quy luật thứ tư này chứa đựng những huấn thị làm nền tảng cho công việc. Nó thể hiện khoa học của toàn bộ công việc huyền thuật.

Therefore, this Rule warrants the closest consideration and study. Rightly understood and rightly studied it would lead each aspirant out of the phenomenal world into the kingdom of the soul. Its instructions, if carried out, would lead the soul back again into the phenomenal world as the creating force in soul magic and as the manipulator and dominating factor of, and through, the medium of the form.

Do đó, Quy luật này xứng đáng được xem xét và nghiên cứu kỹ lưỡng nhất. Nếu được thấu hiểu đúng đắn và nghiên cứu đúng đắn, nó sẽ dẫn mỗi người chí nguyện ra khỏi thế giới hiện tượng vào giới của linh hồn. Các huấn thị của nó, nếu được thực hiện, sẽ dẫn linh hồn trở lại thế giới hiện tượng như mãnh lực sáng tạo trong huyền thuật của linh hồn và như tác nhân điều khiển, yếu tố chi phối của hình tướng và thông qua trung gian của hình tướng.

In the training of the occidental student, blind unquestioning [153] obedience is never asked. Suggestions are made as to method and as to a technique which has proved effective for thousands of years and with many disciples. Some rules as to breathing, as to helpful process and as to practical living on the physical plane will be imparted, but in the training of the new type of disciple during the coming age, it is the

Trong việc huấn luyện đạo sinh phương Tây, sự vâng lời mù quáng không thắc mắc [153] không bao giờ được đòi hỏi. Những gợi ý được đưa ra về phương pháp và về một kỹ thuật đã chứng tỏ hiệu quả qua hàng ngàn năm và với nhiều đệ tử. Một số quy luật về hơi thở, về tiến trình hữu ích và về đời sống thực tiễn trên cõi hồng trần sẽ được truyền đạt, nhưng trong việc huấn luyện kiểu đệ tử mới trong thời đại sắp đến, ý muốn của các

will of the watching Gurus and Rishis that they be left freer than has heretofore been the case. This may mean a slightly slower development at the beginning but will result, it is hoped, in a more rapid unfoldment during the later stages upon the Path of Initiation.

Đạo sư và Thánh triết đang quan sát là họ được để tự do hơn so với trước đây. Điều này có thể hàm ý một sự phát triển hơi chậm hơn vào lúc khởi đầu, nhưng hy vọng sẽ đưa đến một sự khai mở nhanh hơn trong các giai đoạn về sau trên Con Đường Điểm Đạo.

Therefore, students are urged to go forward during their period of training with courage and with joy, knowing that they are members of a band of disciples, knowing that they are not alone but that the strength of the band is theirs, the knowledge of the band is theirs too as they develop the capacity to apprehend it, —and knowing also that the love and wisdom and understanding of the watching Elder Brothers are back of every aspiring Son of God, e'en though apparently (and wisely) he is left to wrestle through to the light in the strength of his own omnipotent soul.

Do đó, các đạo sinh được thúc giục tiến bước trong thời kỳ huấn luyện của mình với lòng can đảm và sự hoan hỉ, biết rằng họ là thành viên của một đoàn đệ tử, biết rằng họ không đơn độc mà sức mạnh của đoàn là của họ, tri thức của đoàn cũng là của họ khi họ phát triển khả năng lĩnh hội nó,—và cũng biết rằng bác ái, minh triết và sự thấu hiểu của các Huynh Trưởng đang quan sát đứng sau mỗi Con của Thượng đế đầy khát vọng, dù bề ngoài, và một cách minh triết, y được để tự mình vật lộn đi tới ánh sáng trong sức mạnh của linh hồn toàn năng của chính mình.

RULE FIVE

Three things engage the Solar Angel before the sheath created passes downward; the condition of the waters, the safety of the one who thus creates, and steady contemplation. Thus are the heart, the throat, and eye, allied for triple service.

Ba điều thu hút Thái Dương Thiên Thần trước khi cái vỏ được tạo ra đi xuống; tình trạng của các dòng nước, sự an toàn của người tạo ra hình tư tưởng như vậy, và sự chiêm ngưỡng đều đặn. Như vậy, tim, cổ họng và mắt, được liên kết cho sự phụng sự tam phân.

The Soul and Its Thought Forms

[157]

[157]

We have been dealing with the processes of creation as they concern:

Chúng ta đã bàn đến các tiến trình sáng tạo khi chúng liên quan đến:

1. The Creator of a solar system or a planetary scheme.

1. Đấng Sáng Tạo của một hệ mặt trời hay một hệ hành tinh.

2. The Ego, as it creates its body of manifestation. It should here be remembered that the entire human family has been brought into manifestation by a paralleling group of egos.

2. Chân ngã, khi nó tạo ra thể biểu hiện của mình. Ở đây cần nhớ rằng toàn thể gia đình nhân loại đã được đưa vào biểu hiện bởi một nhóm chân ngã song hành.

3. Man, as he creates those thought-forms by which he expresses himself, through which he works, and by which he is surrounded. It should also here be borne in mind that this definite creative work is only possible to those who function on mental levels—the thinkers of the world and the disciples of the Masters.

3. Con người, khi y tạo ra những hình tư tưởng nhờ đó y biểu đạt chính mình, qua đó y làm việc, và bởi đó y được bao quanh. Ở đây cũng cần ghi nhớ rằng công việc sáng tạo xác định này chỉ có thể thực hiện bởi những ai hoạt động trên các cấp độ của cõi trí—những nhà tư tưởng của thế giới và các đệ tử của các Chân sư.

In every case, as we have seen, the objective form has been the result of meditation on the part of the creating agency, of response from the material acted upon by the force generated in meditation, thus producing the building of the form, and its utilization through sound. This is succeeded by the stage wherein the form is seen objectively

Trong mọi trường hợp, như chúng ta đã thấy, hình tướng khách quan là kết quả của tham thiền về phía tác nhân sáng tạo, của sự đáp ứng từ vật liệu chịu tác động bởi mãnh lực được sinh ra trong tham thiền, nhờ đó tạo nên việc xây dựng hình tướng, và sự sử dụng nó qua âm thanh. Tiếp theo là giai đoạn trong đó hình tướng được thấy một

and becomes a vibrant living entity. Thus is "the Word made Flesh," and thus do all forms—universes, men, and ensouled thoughts—come into being.

cách khách quan và trở thành một thực thể sống động, rung động. Như vậy "Linh từ trở thành Xác thịt," và như vậy mọi hình tướng —các vũ trụ, con người, và các tư tưởng được phú linh—đi vào hiện hữu.

This fifth rule touches upon three factors which engage the attention of the creating agent before the physical form emerges into view on the exterior plane. These three are: [158]

Quy luật thứ năm này chạm đến ba yếu tố thu hút sự chú ý của tác nhân sáng tạo trước khi hình tướng hồng trần hiện ra trên cõi bên ngoài. Ba yếu tố này là: [158]

1. The condition of the waters.

1. Tình trạng của các dòng nước.

2. The safety of the one who thus creates.

2. Sự an toàn của người tạo ra hình tư tưởng như vậy.

3. Steady contemplation.

3. Sự chiêm ngưỡng đều đặn.

We will deal briefly with these three and then we will consider the three factors which the disciple needs to relate if he ever aims to become an active and potent co-operator with the Hierarchy. These are the Eye, the Heart, the Throat. The interpretation and significance of these rules can be carried forward along several lines. For our purposes, the one followed will be that relating to the disciple and his work, and will deal with his training in the magical work of the ego, as that ego occupies and employs a physical form. These teachings are intended to be practical; they will emphasize the training and discipline of the disciple, and, scattered throughout, will be found those hints and esoteric suggestions which, when followed, will lead the aspirant on to experiment and to experience of truth. Those who are not true aspirants will fail to recognize the hints and thus will be preserved from danger and premature experience.

Chúng ta sẽ bàn ngắn gọn về ba yếu tố này, rồi sẽ xem xét ba yếu tố mà đệ tử cần liên hệ nếu y từng nhắm đến việc trở thành một cộng sự viên linh hoạt và có quyền năng với Thánh Đoàn. Đó là Mắt, Tim, Cổ Họng. Việc diễn giải và thâm nghĩa của các quy luật này có thể được tiến hành theo nhiều đường hướng. Vì mục đích của chúng ta, đường hướng được theo sẽ là đường hướng liên quan đến đệ tử và công việc của y, và sẽ bàn đến việc huấn luyện y trong công việc huyền thuật của chân ngã, khi chân ngã ấy chiếm hữu và sử dụng một hình tướng hồng trần. Những giáo huấn này nhằm có tính thực tiễn; chúng sẽ nhấn mạnh việc huấn luyện và kỷ luật của đệ tử, và rải rác trong đó sẽ tìm thấy những gợi ý và đề nghị huyền bí, những điều khi được noi theo sẽ dẫn người chí nguyện đến sự thử nghiệm và kinh nghiệm chân lý. Những ai không phải là người chí nguyện chân chính sẽ không nhận ra các gợi ý và nhờ vậy sẽ được gìn giữ khỏi nguy hiểm và kinh nghiệm quá sớm.

Let us therefore take up the three factors which engage our attention, and let us consider them from the standpoint of the human being who is creating thought-forms, and not primarily from the standpoint of a solar Creator or of an ego, preparing to take incarnation through the medium of form. Two collateral thoughts are here of value. One is that the process of creating thought-forms is part of the work done by every aspirant in the daily meditation process. If the student would remember that every time he sits down to his morning meditation he is learning to build and vitalize thought-forms, his work might assume greater interest. The tendency of most aspirants is to be occupied with their deficiencies in the work of meditation and their inability to control their minds, whereas both those aspects of their endeavour [159] would be aided if they were to be occupied by the profoundly engrossing work of thought-form building.

Vậy chúng ta hãy tiếp nhận ba yếu tố thu hút sự chú ý của mình, và hãy xem xét chúng từ quan điểm của con người đang tạo ra các hình tư tưởng, chứ không chủ yếu từ quan điểm của một Đấng Sáng Tạo thái dương hay của một chân ngã đang chuẩn bị nhập thể qua trung gian của hình tướng. Hai tư tưởng phụ trợ ở đây có giá trị. Một là tiến trình tạo ra các hình tư tưởng là một phần công việc được mọi người chí nguyện thực hiện trong tiến trình tham thiền hằng ngày. Nếu đạo sinh nhớ rằng mỗi lần y ngồi xuống tham thiền buổi sáng, y đang học cách xây dựng và tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng, công việc của y có thể trở nên thú vị hơn. Khuynh hướng của hầu hết người chí nguyện là bận tâm với những thiếu sót của họ trong công việc tham thiền và sự bất lực của họ trong việc kiểm soát thể trí, trong khi cả hai phương diện ấy của nỗ lực [159] sẽ được trợ giúp nếu họ bận tâm với công việc xây dựng hình tư tưởng vô cùng cuốn hút.

A secondary and less important thought is that as egos, preparing to take human bodies, are deeply engaged in meditation work, it is highly improbable that they can be reached by the ordinary medium in the ordinary seance. At the most, only those who have passed over quite recently can be thus contacted, and they are, in most cases, in a condition of deep abstraction of a different kind. There is no time or purpose in enlarging upon this theme here but it is of interest to those investigating these matters.

Một tư tưởng thứ yếu và ít quan trọng hơn là, vì các chân ngã đang chuẩn bị nhận lấy các thân thể con người đang dấn sâu vào công việc tham thiền, nên rất khó có khả năng họ có thể được tiếp xúc bởi đồng tử thông thường trong buổi gọi hồn thông thường. Nhiều nhất, chỉ những người vừa mới qua đời gần đây mới có thể được tiếp xúc theo cách ấy, và trong hầu hết các trường hợp, họ ở trong một tình trạng trừu xuất sâu thuộc một loại khác. Không có thời gian hay mục đích để mở rộng chủ đề này ở đây, nhưng nó có điều đáng quan tâm đối với những ai đang khảo cứu các vấn đề này.

1. The Condition of the Waters

1. Tình Trạng của Các Dòng Nước

The creating agency, man, has through the incentives of a co-ordinating purpose, intent meditation, and creative activity built the

Tác nhân sáng tạo, con người, qua các động cơ của một mục đích phối hợp, tham thiền chuyên chú, và hoạt động sáng tạo, đã xây

thought-form which he is ensouling with his own vitality and directing with his will. The time has come for that thought-form to be sent upon its mission and to carry out the purpose of its being. As we saw in the earlier rule, the form is "driven" from its creator by the power of the expulsive breath. This is a symbolic statement but, at the same time, an experimental fact in the magical work. In the disciple's work, there is often failure owing to his inability to understand both the esoteric and the literal significance of this expulsive breath as he carries forward his meditation work. This expulsive breath is the result of a preceding period of rhythmic breathing, paralleled by concentrated meditation work, then a definite focussing of the attention and the breath, as the purpose of the created form is mentally defined, and finally, the vitalizing of the thought-form, by its creator, and its consequent energizing into independent life and activity.

dựng hình tư tưởng mà y đang phú linh bằng sinh lực của chính mình và định hướng bằng ý chí của mình. Thời điểm đã đến để hình tư tưởng ấy được gửi đi trong sứ mệnh của nó và thực hiện mục đích hiện hữu của nó. Như chúng ta đã thấy trong quy luật trước, hình tướng được "đẩy" ra khỏi người tạo ra nó bằng quyền năng của hơi thở tống xuất. Đây là một phát biểu biểu tượng nhưng đồng thời cũng là một sự kiện thực nghiệm trong công việc huyền thuật. Trong công việc của đệ tử, thường có thất bại do y không thể thấu hiểu cả thâm nghĩa huyền bí lẫn nghĩa đen của hơi thở tống xuất này khi y tiến hành công việc tham thiền. Hơi thở tống xuất này là kết quả của một giai đoạn trước đó của hơi thở có nhịp điệu, song hành với công việc tham thiền tập trung, rồi một sự tập trung xác định của sự chú ý và hơi thở, khi mục đích của hình tướng được tạo ra được xác định trong trí, và cuối cùng là việc người tạo ra hình tư tưởng tiếp sinh lực cho nó, cùng sự cấp năng lượng theo sau khiến nó đi vào đời sống và hoạt động độc lập.

The first hindrance to the potency of the work comes through the failure of the disciple to carry on these activities [160] simultaneously. The second cause of failure lies in his neglecting to consider the condition of the waters or the state of the emotional substance into which this mental form must go and so gather to itself the matter of the astral plane which will enable it to become a functioning entity on that plane. If it cannot do this, it becomes simply and eventually a dead form on the plane of mind, for it will lack that motivating power of desire which is necessary to carry it forward to completion on the physical plane.

Chướng ngại đầu tiên đối với quyền năng của công việc đến từ sự thất bại của đệ tử trong việc tiến hành các hoạt động này [160] đồng thời. Nguyên nhân thất bại thứ hai nằm ở việc y bỏ qua không xem xét tình trạng của các vùng nước hay trạng thái của chất liệu cảm xúc mà hình tướng cõi trí này phải đi vào, để nhờ đó thu hút vào nó vật chất của cõi cảm dục, vốn sẽ giúp nó trở thành một thực thể hoạt động trên cõi ấy. Nếu nó không thể làm điều này, cuối cùng nó chỉ trở thành một hình tướng chết trên cõi trí, vì nó sẽ thiếu quyền năng thúc đẩy của dục vọng cần thiết để đưa nó tiến tới sự hoàn thành trên cõi hồng trần.

It is interesting to remember this: If a thought-form is sent forth into the emotional world to gather to itself a body of

Điều này đáng ghi nhớ: Nếu một hình tư tưởng được phóng ra vào thế giới cảm xúc để thu hút vào nó một thể dục vọng, tức mãnh

desire (the impelling force which produces all objectivity) and is immersed in a "condition of the waters" which can best be described as purely selfish, all that occurs is as follows: It is lost, by being drawn into the astral body of the disciple, which is the focal point for all astral energy employed by the disciple. It is swept into a vortex of which the individual astral body is the centre and loses its separate existence. The simile of the whirlpool is of value here. The thinker is like a man throwing a toy boat from the shore into a stream of water. If he throws it into a whirlpool, it is sucked in time into the central vortex and so disappears. Many forms, thus constructed by an aspirant in his meditation work are lost and fail in their objective because of the chaotic and whirling state of the aspirant's emotional body. Thus good intentions come to naught; thus good purpose and planned work for the Master fail to materialize because, as the thought-form passes downward on to the plane of desire and emotion, it contacts only the seething waters of fear, of suspicion, of hatred, of vicious or purely physical desire. These being more potent than the little form, drown it, and it passes out of sight and out of existence, and the man becomes conscious of another abortive effort.

lực thúc đẩy tạo ra mọi tính khách quan, và bị nhúng vào một "tình trạng của các dòng nước" mà tốt nhất có thể mô tả là thuần túy ích kỷ, thì tất cả những gì xảy ra là như sau: Nó bị mất đi, do bị kéo vào thể cảm dục của đệ tử, vốn là tiêu điểm cho mọi năng lượng cảm dục mà đệ tử sử dụng. Nó bị cuốn vào một xoáy nước mà thể cảm dục cá nhân là trung tâm, và đánh mất sự hiện hữu riêng biệt của nó. Hình ảnh ví von về xoáy nước ở đây có giá trị. Nhà tư tưởng giống như một người ném chiếc thuyền đồ chơi từ bờ vào một dòng nước. Nếu y ném nó vào một xoáy nước, nó sẽ dần dần bị hút vào xoáy trung tâm và biến mất. Nhiều hình tướng do một người chí nguyện xây dựng như thế trong công việc tham thiền của y bị mất đi và thất bại trong mục tiêu của chúng vì trạng thái hỗn loạn và xoáy cuộn của thể cảm xúc nơi người chí nguyện. Như vậy các ý định tốt đẹp trở nên vô ích; như vậy mục đích tốt đẹp và công việc đã hoạch định cho Chân sư không thể hiện hình, bởi vì khi hình tư tưởng đi xuống cõi dục vọng và cảm xúc, nó chỉ tiếp xúc với những vùng nước sôi sục của sợ hãi, nghi ngờ, hận thù, dục vọng xấu xa hoặc thuần túy hồng trần. Những điều này mạnh hơn hình tướng nhỏ bé ấy, nhận chìm nó, và nó khuất khỏi tầm nhìn và khỏi hiện hữu, còn con người trở nên ý thức về một nỗ lực thất bại khác.

[161]

[161]

Or again, the "condition of the waters" is not that of a self-engendered whirlpool, but is more allied to that of a pool, stirred into a frothy and boiling surge, through the activities of others. There are many disciples who have achieved a fair measure of self-control and of personal disinterestedness. They are not the victims of personality desire and aims, and are comparatively free from the whirlpool of selfish tendencies. But

Hoặc nữa, "tình trạng của các dòng nước" không phải là một xoáy nước tự sinh, mà giống hơn một ao nước bị khuấy lên thành một đợt dâng sủi bọt và sôi sục do các hoạt động của người khác. Có nhiều đệ tử đã đạt được một mức độ khá về tự chủ và vô tư cá nhân. Họ không phải là nạn nhân của dục vọng và mục tiêu phàm ngã, và tương đối tự do khỏi xoáy nước của những khuynh hướng ích kỷ. Nhưng thể cảm dục của họ hết lần

their astral bodies are again and again swept into a state of agitation by the group for, and in which, they work. They are elated or depressed, satisfied or dissatisfied by the results they achieve or fail to achieve; this achievement or lack of achievement and the steadiness or disloyalties of their fellow servers produce agitation and emotional upset, and on this powerful reaction their thought-forms, constructed so diligently and prayerfully, come to naught. Their "skill in action" is lost, because they are tied to the desired result and so their labour produces nothing.

này đến lần khác bị cuốn vào trạng thái kích động bởi nhóm mà họ làm việc cho và trong đó. Họ phấn chấn hoặc chán nản, thỏa mãn hoặc bất mãn bởi những kết quả họ đạt được hoặc không đạt được; sự thành tựu hay thiếu thành tựu này, và sự vững vàng hay bất trung của các bạn đồng phụng sự, tạo ra sự kích động và xáo trộn cảm xúc, và trên phản ứng mạnh mẽ này các hình tư tưởng của họ, được xây dựng hết sức chuyên cần và đầy cầu nguyện, trở nên vô ích. "Kỹ năng trong hành động" của họ bị mất, vì họ bị ràng buộc vào kết quả mong muốn, và vì thế lao động của họ không tạo ra gì.

There are many other "conditions of the waters" which each aspirant can for himself supply. There is one more however upon which I would like to touch. The emotional body of the disciple which must feed and nurture the baby thought-form (with its mental nucleus) is necessarily part of the planetary emotional form and hence vibrates in unison with that form. This should also be carefully considered, for the emotional body is thrown into a state of activity by the general astral condition and must be handled wisely from this angle.

Có nhiều "tình trạng của các dòng nước" khác mà mỗi người chí nguyện có thể tự mình bổ sung. Tuy nhiên, có một điều nữa mà tôi muốn chạm đến. Thể cảm xúc của đệ tử, vốn phải nuôi dưỡng và chăm sóc hình tư tưởng non trẻ với hạt nhân trí tuệ của nó, tất yếu là một phần của hình tướng cảm xúc hành tinh và vì thế rung động đồng điệu với hình tướng ấy. Điều này cũng cần được xem xét cẩn thận, vì thể cảm xúc bị đưa vào trạng thái hoạt động bởi tình trạng cảm dục chung và phải được xử lý một cách minh triết từ góc độ này.

At this time there are three qualities predominating in the planetary form—fear, expectancy and a climaxing desire (in the human family) for material possession. Note the word "climaxing". The summation of human desire for material happiness has been reached, and the peak of that desire has been passed; thus mankind has achieved and surmounted much. But the rhythm of the ages is strong.

Vào lúc này có ba phẩm tính đang chiếm ưu thế trong hình tướng hành tinh—sợ hãi, mong đợi và một dục vọng đang lên tới đỉnh điểm trong gia đình nhân loại đối với sở hữu vật chất. Hãy lưu ý từ "đang lên tới đỉnh điểm". Dục vọng của con người về hạnh phúc vật chất đã đạt đến đỉnh điểm, và đỉnh cao của dục vọng ấy đã được vượt qua; như vậy nhân loại đã đạt được và vượt qua nhiều điều. Nhưng nhịp điệu của các thời đại vẫn mạnh mẽ.

[162]

[162]

These three qualities have to be grasped and discounted by the aspirant as he seeks to serve from mental levels. In the place of fear he must substitute that peace which is the prerogative of those who live always in the Light of the Eternal; in the place of questioning expectancy he must substitute that placid, yet active, assurance of the ultimate objective which comes from a vision of the Plan and his contact with other disciples and later with the Master. Desire for material possession must be superseded by aspiration for those possessions which are the joy of the soul—wisdom, love and power to serve. Peace, assurance and right aspiration! These three words, when understood and experienced in the life of every day, will bring about that right "condition of the waters" which will ensure the survival of every thought-form, rightly engendered in meditation by the man, functioning as a soul.

Ba phẩm tính này phải được người chí nguyện nắm bắt và loại trừ ảnh hưởng khi y tìm cách phụng sự từ các cấp độ của cõi trí. Thay cho sợ hãi, y phải đặt vào sự an bình vốn là đặc quyền của những ai luôn sống trong Ánh sáng của Đấng Vĩnh Cửu; thay cho sự mong đợi đầy nghi vấn, y phải đặt vào sự xác tín bình thản nhưng linh hoạt về mục tiêu tối hậu, vốn đến từ tầm nhìn về Thiên Cơ và sự tiếp xúc của y với các đệ tử khác, và về sau với Chân sư. Dục vọng đối với sở hữu vật chất phải được thay thế bằng khát vọng hướng tới những sở hữu là niềm hoan hỉ của linh hồn—minh triết, bác ái và quyền năng phụng sự. An bình, xác tín và khát vọng đúng đắn! Ba từ này, khi được thấu hiểu và trải nghiệm trong đời sống hằng ngày, sẽ tạo nên "tình trạng của các dòng nước" đúng đắn, bảo đảm sự sống còn của mọi hình tư tưởng được sinh ra đúng đắn trong tham thiền bởi con người đang hoạt động như một linh hồn.

2. The Safety of the One Who Thus Creates

2. Sự An Toàn của Người Tạo Ra Hình Tư Tưởng Như Vậy

It might be said here with emphasis, even if it is a recognized truism, that people are frequently slain (in the occult and therefore in the more important sense) by their own thought-forms. Thought creation, through concentration and meditation, is a potently dangerous matter. This must never be forgotten. There are forms of thought, unencumbered by much desire matter, which, failing to pass downward, poison the man on mental levels. This they do in two ways:

Ở đây có thể nói một cách nhấn mạnh, dù đó là một sự thật hiển nhiên được công nhận, rằng con người thường bị sát hại, theo nghĩa huyền bí và do đó là nghĩa quan trọng hơn, bởi chính các hình tư tưởng của mình. Việc tạo ra tư tưởng, qua tập trung và tham thiền, là một vấn đề nguy hiểm đầy quyền năng. Điều này không bao giờ được quên. Có những hình tướng tư tưởng, không bị nhiều vật chất dục vọng làm nặng nề, khi không thể đi xuống, sẽ đầu độc con người trên các cấp độ của cõi trí. Chúng làm điều này theo hai cách:

1. By growing so potent on the mental plane that the man falls a victim to the thing he has created. This is the "idée fixe" of the psychiatrist; the obsession which drives to

1. Bằng cách trở nên mạnh mẽ đến mức trên cõi trí, con người trở thành nạn nhân của chính điều y đã tạo ra. Đây là "ý tưởng cố định" của nhà tâm thần học; là sự ám ảnh

lunacy; the one-pointed line of thought which eventually terrorises its creator.

thúc đẩy đến điên loạn; là đường tư tưởng nhất tâm cuối cùng làm kinh hoàng chính người tạo ra nó.

2. By multiplying so fast that the mental aura of the man becomes like unto a thick and dense cloud, through [163] which the light of the soul must fail to penetrate, and through which the love of human beings, the lovely and beautiful and comforting activities of nature and of life in the three worlds equally fail to pierce. The man is smothered, is suffocated by his own thought-forms, and succumbs to the miasma which he himself has engendered.

2. Bằng cách nhân bội nhanh đến mức hào quang cõi trí của con người trở nên giống như một đám mây dày đặc, qua [163] đó ánh sáng của linh hồn không thể xuyên thấu, và qua đó tình thương của con người, các hoạt động đáng yêu, đẹp đẽ và an ủi của thiên nhiên và của đời sống trong ba cõi giới cũng không thể xuyên qua. Con người bị bóp nghẹt, bị ngạt thở bởi chính các hình tư tưởng của mình, và gục ngã trước khí độc do chính y đã sinh ra.

Or again, there are lines of thought which draw forth from the emotional body a reaction of a poisonous nature. A certain line of thought is followed by a human being in relation to his brethren. It breeds hatred, jealousy and envy, and works through into manifestation in such a manner that it produces those physical plane activities which cause the death of their creator. This may be literal as in the case of murder, which is in many cases the result of crystallised intent, or it may result in disease. Pure thought, right motive and loving desire are the true correctives of disease, and where the desire for these (which does animate many) is raised to constructive thinking there will be the gradual elimination of disease. As yet, though many desire, few think. Let it never be forgotten that the Great Ones do not look for those who only desire and aspire. They look for those who blend with their desire the determination to learn to use their mental bodies and become creators, and who will work constructively towards these ends.

Lại nữa, có những dòng tư tưởng khơi ra từ thể cảm xúc một phản ứng có tính độc hại. Một dòng tư tưởng nào đó được con người theo đuổi trong tương quan với các huynh đệ của y. Nó sinh ra hận thù, ganh ghét và đố ky, rồi tác động xuyên qua để đi vào biểu hiện theo cách tạo ra những hoạt động trên cõi hồng trần gây nên cái chết cho chính kẻ đã tạo ra chúng. Điều này có thể theo nghĩa đen, như trong trường hợp sát nhân, vốn trong nhiều trường hợp là kết quả của ý định đã kết tinh, hoặc có thể đưa đến bệnh tật. Tư tưởng thanh khiết, động cơ đúng đắn và ước muốn đầy tình thương là những phương thuốc sửa chữa chân thật đối với bệnh tật; và nơi nào ước muốn về những điều này, vốn quả thật đang làm sinh động nhiều người, được nâng lên thành tư duy xây dựng, nơi đó bệnh tật sẽ dần dần được loại trừ. Cho đến nay, dù nhiều người ước muốn, nhưng ít người tư duy. Đừng bao giờ quên rằng Các Đấng Cao Cả không tìm kiếm những người chỉ biết ước muốn và khát vọng. Các Ngài tìm kiếm những người biết hòa vào ước muốn của mình quyết tâm học cách sử dụng thể trí và trở thành những người sáng tạo, và những người sẽ làm việc một cách xây dựng hướng tới các mục tiêu ấy.

Thus it will be seen why, in all systems of true occult training, the emphasis is laid on right thinking, loving desire, and pure, clean living. Only thus can the creative work be carried forward with safety, and only thus can the thought-form pass downward into objectivity, and be a constructive agent on the plane of human existence.

Do đó, có thể thấy vì sao, trong mọi hệ thống huấn luyện huyền bí chân chính, trọng tâm được đặt vào tư duy đúng đắn, ước muốn đầy tình thương, và đời sống thanh khiết, trong sạch. Chỉ như thế công việc sáng tạo mới có thể được tiến hành an toàn, và chỉ như thế hình tư tưởng mới có thể đi xuống vào tính khách quan, trở thành một tác nhân xây dựng trên cõi hiện tồn của nhân loại.

3. Steady Contemplation

3. Sự Chiêm ngưỡng Đều đặn

You will note here that the word 'meditation' is not used. The thought is a different one. The meditation [164] process, involving the use of thought and the mental building of the form so that it can be completed and rounded out and in line with the thought-form of the disciple's group of co-disciples, and therefore with the Plan, has been completed to the best of the man's ability. Now he must, with steadiness, contemplate that which he has created, and with equal steadiness inspire it with needed life, so that it can fulfill its function.

Ở đây các bạn sẽ lưu ý rằng từ "tham thiền" không được dùng. Ý tưởng ở đây là một ý tưởng khác. Tiến trình tham thiền [164], bao gồm việc sử dụng tư tưởng và việc kiến tạo hình tướng bằng trí tuệ để hình tướng ấy có thể được hoàn tất, được làm tròn đầy, và phù hợp với hình tư tưởng của nhóm các đệ tử đồng môn của đệ tử, và do đó phù hợp với Thiên Cơ, đã được hoàn tất đến mức tốt nhất theo khả năng của con người ấy. Giờ đây y phải, với sự vững vàng, chiêm ngưỡng điều mà y đã tạo ra, và với cùng một sự vững vàng ấy, tiếp cho nó sự sống cần thiết, để nó có thể hoàn thành chức năng của mình.

He ceases to reason, to think, to formulate, and to build in mental matter. He simply pours his life into the form and sends it forth to carry out his will. Just as long as he can contemplate and hold steady, so will his creation fulfill his intention and act as his agent.

Y thôi lý luận, thôi suy nghĩ, thôi hình thành công thức, và thôi xây dựng trong chất liệu cõi trí. Y chỉ đơn giản tuôn sự sống của mình vào hình tướng và phóng nó ra để thi hành ý chí của y. Chừng nào y còn có thể chiêm ngưỡng và giữ vững, chừng ấy sáng tạo của y sẽ hoàn thành ý định của y và hành động như tác nhân của y.

Just so long as he can focus his attention on the ideal for which he created his thought-form and can link the form and the ideal together in one steady vision, just so long will it serve his purpose and express his

Chừng nào y còn có thể tập trung sự chú ý vào lý tưởng mà vì đó y đã tạo ra hình tư tưởng của mình, và có thể nối kết hình tướng cùng lý tưởng trong một tầm nhìn vững bền duy nhất, chừng ấy nó sẽ phụng sự mục đích của y và biểu lộ lý tưởng của y.

ideal. Herein lies the secret of all successful co-operation with the Plan.

Chính trong điều này có bí quyết của mọi sự hợp tác thành công với Thiên Cơ.

We will now study for a while the words "heart, throat, and eye," for they have a peculiar significance. These three form the apparatus to be employed by all disciples during the world cycle which is so rapidly coming.

Bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu trong một thời gian các từ "tim, cổ họng và mắt", vì chúng có một thâm nghĩa đặc biệt. Ba điều này tạo thành bộ khí cụ sẽ được mọi đệ tử sử dụng trong chu kỳ thế giới đang đến rất nhanh.

That there is not as yet a very large body of disciples in incarnation at this time, and that the apparatus with many who are functioning on the level of discipleship is but in embryo, is profoundly true. It should be remembered however, that the world cycle has only just been inaugurated and will cover a vast period of time. There are only about four hundred accepted disciples in the world at this time—that is, men and women who really know they are disciples and know what their work is and are doing it. There are nevertheless many hundreds (out of the present generation of young people) who stand on the verge of acceptance, and thousands are upon the probationary path.

Việc hiện nay chưa có một đoàn thể đệ tử rất đông đảo đang lâm phàm, và bộ khí cụ nơi nhiều người đang hoạt động ở cấp độ địa vị đệ tử mới chỉ ở trạng thái phôi thai, là điều hết sức đúng. Tuy nhiên, cần nhớ rằng chu kỳ thế giới chỉ vừa mới được khai mở và sẽ bao trùm một thời kỳ rộng lớn. Hiện nay trên thế giới chỉ có khoảng bốn trăm đệ tử được chấp nhận, nghĩa là những người nam và nữ thật sự biết mình là đệ tử, biết công việc của mình là gì và đang thực hiện công việc ấy. Tuy vậy, có nhiều trăm người, trong thế hệ trẻ hiện nay, đang đứng trên ngưỡng cửa của sự chấp nhận, và hàng ngàn người đang ở trên Con Đường Dự Bị.

[165]

[165]

In all truly esoteric groups, there should be forming a group in which an intellectual understanding of this mechanism of heart, throat, and eye, will be found. It should be constituted of those who are submitting themselves to a discipline and a training which will make its use a demonstrated fact in nature to them. I would call attention to those words, and request their careful study.

Trong mọi nhóm nội môn chân chính, cần phải hình thành một nhóm trong đó có sự thấu hiểu bằng trí tuệ về cơ cấu tim, cổ họng và mắt này. Nhóm ấy nên được cấu thành bởi những người đang tự đặt mình dưới một kỷ luật và một sự huấn luyện sẽ khiến việc sử dụng cơ cấu ấy trở thành một sự kiện đã được chứng minh trong tự nhiên đối với họ. Tôi muốn lưu ý đến những từ này, và yêu cầu các bạn nghiên cứu chúng cẩn thận.

A mechanism in the natural body comes into use in two ways: First, its use is involuntary, and there is no comprehension

Một cơ cấu trong thân thể tự nhiên được đưa vào sử dụng theo hai cách: Thứ nhất, việc sử dụng nó là không chủ ý, và không có sự thấu

of how, or why, or when, the apparatus is used. An animal employs a mechanism, analogous in many respects to that employed by man. He sees, and hears and functions organically along similar lines to the human, but lacks the mental understanding and the linking of cause and effect which are characteristic of the higher kingdom in nature.

hiểu về cách thức, lý do, hay thời điểm bộ khí cụ ấy được dùng. Một con vật sử dụng một cơ cấu, về nhiều phương diện tương tự với cơ cấu con người sử dụng. Nó thấy, nghe và hoạt động về mặt cơ thể theo những đường lối tương tự như con người, nhưng thiếu sự thấu hiểu trí tuệ và sự nối kết nguyên nhân với kết quả vốn là đặc điểm của giới cao hơn trong tự nhiên.

A similar state of affairs exists in the early stages of the path of discipleship, and the final stages of the probationary path. The disciple becomes aware of capacities and powers which are not as yet intelligently under his control. He experiences flashes of insight, and of knowledge which seem unaccountable and of no immediate value. He contacts vibrations and the phenomena of other realms but remains unaware of the process whereby he has done so, and is incompetent either to renew or recall the experience. Within his etheric body, he senses active forces. Sometimes he can localise them, and in any case he admits theoretically that there is awakening into conscious activity, a sevenfold structure, which is symbolic in form, and potent when employed. He cannot as yet control it and he is quite incapable of calling it into intelligent co-operation with his purposes and ideas, no matter how hard he tries. All that he can do is to register such phenomena and keep a record of these experiences, bearing always in mind that in the early stages of his unfoldment only the coarsest and most material [166] of the vibrations will be registered on his brain consciousness. He simply has to wait and to bring his mind to bear upon the purifying of his vehicles and the elimination of all that he recognises as liable to distort his vision. This period may be long or short according as the aspirant is entering into the subjective consciousness

Một tình trạng tương tự tồn tại trong các giai đoạn đầu của Con Đường Đệ Tử, và trong các giai đoạn cuối của Con Đường Dự Bị. Đệ tử trở nên ý thức về những năng lực và quyền năng chưa nằm dưới sự kiểm soát thông minh của y. Y trải nghiệm những tia chớp linh thị và tri thức dường như không thể giải thích và không có giá trị tức thời. Y tiếp xúc với các rung động và hiện tượng của những cõi khác, nhưng vẫn không biết tiến trình nhờ đó y đã làm như vậy, và không có khả năng tái lập hay hồi tưởng kinh nghiệm ấy. Trong thể dĩ thái của mình, y cảm nhận những mãnh lực đang hoạt động. Đôi khi y có thể định vị chúng, và trong mọi trường hợp, y thừa nhận về mặt lý thuyết rằng có một cấu trúc thất phân đang thức tỉnh vào hoạt động hữu thức, cấu trúc ấy có hình thức biểu tượng và đầy uy lực khi được sử dụng. Y chưa thể kiểm soát nó, và hoàn toàn không có khả năng kêu gọi nó hợp tác một cách thông minh với các mục đích và ý tưởng của mình, dù y cố gắng đến đâu. Tất cả những gì y có thể làm là ghi nhận các hiện tượng ấy và giữ một hồ sơ về những kinh nghiệm này, luôn luôn ghi nhớ rằng trong các giai đoạn đầu của sự khai mở nơi y, chỉ những rung động thô nhất và vật chất nhất [166] mới được ghi nhận trong tâm thức bộ não của y. Y chỉ cần chờ đợi và đem thể trí của mình tác động vào việc thanh lọc các hiện thể của mình, cũng như loại bỏ tất cả những gì y nhận ra là có khả năng làm méo mó tầm nhìn của y. Thời kỳ này có thể dài hoặc ngắn tùy theo việc người chí nguyện lần đầu tiên

for the first time or is taking up the thread of an older or partially achieved undertaking.

bước vào tâm thức chủ quan, hay đang tiếp nối sợi dây của một công trình cũ hơn hoặc đã được thành tựu một phần.

I would like here, to make perfectly clear to all true and earnest aspirants that, in the training to be given during the next few decades, the unfoldment of astral vision and hearing will be entirely ruled out, or (if it exists) will eventually have to be overcome. The true disciple has endeavoured to centre himself on the mental plane with the object in view of transferring his consciousness higher still, into the wider and inclusive awareness of the soul.

Ở đây, tôi muốn làm cho mọi người chí nguyện chân thật và nghiêm túc hoàn toàn rõ rằng, trong sự huấn luyện sẽ được trao trong vài thập niên tới, sự khai mở thị giác và thính giác cảm dục sẽ bị loại trừ hoàn toàn, hoặc nếu đã có, cuối cùng sẽ phải được vượt qua. Đệ tử chân chính đã cố gắng đặt trung tâm của mình trên cõi trí, với mục tiêu chuyển tâm thức của mình lên cao hơn nữa, vào nhận thức rộng lớn và bao gồm hơn của linh hồn.

His aim is to include the higher, and there is no need for him, at this stage, to regain that astral facility which was the possession, as you well know, of the little evolved races of the earth, and of many of the higher animals. Later on, when adeptship has been reached, he can function on the astral plane should he so choose, but it should be remembered, that the Master works with the soul aspect of humanity (and of all forms) and does not work with their astral bodies. This has been oft forgotten by teachers both in the East and in the West.

Mục tiêu của y là bao gồm cái cao hơn; và ở giai đoạn này, y không cần khôi phục lại khả năng cảm dục vốn, như các bạn biết rõ, là sở hữu của các giống dân ít tiến hóa trên Trái Đất và của nhiều loài thú cao hơn. Về sau, khi đã đạt đến địa vị chân sư, y có thể hoạt động trên cõi cảm dục nếu y chọn như vậy; nhưng cần nhớ rằng Chân sư làm việc với phương diện linh hồn của nhân loại, và của mọi hình tướng, chứ không làm việc với các thể cảm dục của họ. Điều này thường bị các huấn sư ở cả Đông phương lẫn Tây phương quên mất.

In working with souls the true technique of evolution is carried forward, for it is the soul within the forms in every kingdom in nature which is responsible for the developing work of, and within, the form. May I say therefore to students that their main objective is to become aware of the soul, to cultivate soul consciousness, and to learn to live and work as souls. Until such time as their use of their apparatus becomes voluntary they would be well advised to train their minds, study the [167] laws governing manifestation, and learn to include all that which we now cover by the

Trong việc làm việc với các linh hồn, kỹ thuật chân chính của tiến hóa được tiến hành, vì chính linh hồn bên trong các hình tướng, trong mọi giới của tự nhiên, chịu trách nhiệm cho công việc phát triển của hình tướng và bên trong hình tướng. Vì vậy, tôi có thể nói với các đạo sinh rằng mục tiêu chính của họ là trở nên ý thức về linh hồn, vun trồng tâm thức linh hồn, và học sống cùng làm việc như các linh hồn. Cho đến khi việc sử dụng bộ khí cụ của họ trở nên chủ động, họ nên huấn luyện thể trí của mình, nghiên cứu các [167] định luật chi phối sự biểu hiện, và học bao gồm tất cả những gì

word ‘higher’—a misnomer, but it must suffice.

hiện nay chúng ta gọi bằng từ “cao hơn”, một cách gọi sai, nhưng phải tạm đủ dùng.

Second, when the use of the subjective instrument becomes *voluntary* and a man knows how it should be employed, when he is using it, and can discontinue its use or resume it at will, then his whole status changes and his usefulness increases. Through the use of the mind, humanity has become aware of the purposes and employment of the physical apparatus. Now through the use of a still higher faculty, which is a characteristic of the soul, he enters into voluntary and intelligent control of his instrument and learns to understand the purposes for which it exists. This higher faculty is the *intuition*.

Thứ hai, khi việc sử dụng khí cụ chủ quan trở nên *chủ động* và một người biết nó phải được dùng như thế nào, khi nào y đang sử dụng nó, và có thể ngưng sử dụng hoặc tiếp tục sử dụng nó tùy ý, bấy giờ toàn bộ địa vị của y thay đổi và sự hữu dụng của y tăng lên. Nhờ sử dụng thể trí, nhân loại đã trở nên ý thức về các mục đích và công dụng của bộ khí cụ hồng trần. Giờ đây, nhờ sử dụng một quan năng còn cao hơn, vốn là đặc tính của linh hồn, y bước vào sự kiểm soát chủ động và thông minh đối với khí cụ của mình, và học thấu hiểu các mục đích mà vì đó khí cụ ấy hiện hữu. Quan năng cao hơn này là *trực giác*.

May I add with emphasis that only as the man becomes intuitive does he become of use in a Master’s group and I commend to all aspirants that they most carefully study the meaning and significance of the intuition. When it is beginning to function, then the disciple can pass from the stage of probation to that of acceptance in a Master’s group.

Tôi xin nhấn mạnh thêm rằng chỉ khi con người trở nên trực giác, y mới trở nên hữu dụng trong nhóm của một Chân sư; và tôi khuyên tất cả những người chí nguyện hãy nghiên cứu thật cẩn thận ý nghĩa và thâm nghĩa của trực giác. Khi trực giác bắt đầu hoạt động, bấy giờ đệ tử có thể chuyển từ giai đoạn dự bị sang giai đoạn được chấp nhận trong nhóm của một Chân sư.

You might ask here how this can be known or ascertained by the probationer.

Ở đây các bạn có thể hỏi làm sao điều này có thể được người dự bị biết hay xác định.

A great deal of training is given to a probationer without his really recognising it consciously. Fault tendencies are indicated to him as he seeks with sincerity to train himself for service, and the analysis of motive when truthfully undertaken, serves amazingly to lift the would-be disciple out of the astral or emotional world into that of the mind. It is in the mental world that the Masters are first contacted, and there They must be sought.

Rất nhiều sự huấn luyện được trao cho một người dự bị mà y không thật sự nhận biết một cách hữu thức. Những khuynh hướng sai lỗi được chỉ ra cho y khi y chân thành tìm cách huấn luyện mình để phụng sự; và việc phân tích động cơ, khi được thực hiện một cách trung thực, có tác dụng kỳ diệu trong việc nâng người muốn làm đệ tử ra khỏi thế giới cảm dục hay cảm xúc, vào thế giới của thể trí. Chính trong thế giới cõi trí mà các Chân sư lần đầu được tiếp xúc, và chính ở đó Các Ngài phải được tìm kiếm.

But the time has come when the Light in the head is not only present but can be somewhat used. The karma of the aspirant is such that it becomes possible for him, through strenuously applied effort, to handle his life in [168] such a way that he can not only fulfill his karma and carry out his obligations, but has sufficient determination to enable him to handle the problems and obligations of discipleship also. His service to others is carried out with the right motive, and is beginning to count and make its power felt, and he is losing sight of his own interests in those of others. When this occurs certain esoteric happenings take place.

Nhưng thời điểm đã đến khi Ánh sáng trong đầu không chỉ hiện diện mà còn có thể được sử dụng phần nào. Nghiệp quả của người chí nguyện là như thế, đến nỗi nhờ nỗ lực được áp dụng mạnh mẽ, y có thể điều khiển đời sống mình theo [168] cách không chỉ hoàn thành nghiệp quả và thi hành các bổn phận của mình, mà còn có đủ quyết tâm để giúp y xử lý cả những vấn đề và bổn phận của địa vị đệ tử. Sự phụng sự của y đối với người khác được thực hiện với động cơ đúng đắn, và bắt đầu có giá trị cùng làm cho quyền năng của nó được cảm nhận; và y đang quên đi các lợi ích riêng của mình để quan tâm đến lợi ích của người khác. Khi điều này xảy ra, một số sự kiện nội môn diễn ra.

The Master confers with some of His senior disciples as to the advisability of admitting the aspirant within the group aura, and of blending his vibration with that of the group. Then, if decision is arrived at, for the space of two years a senior disciple acts as the intermediary betwixt the Master and the newly accepted aspirant. He works with the new disciple, stepping down (if I so might express it) the vibration of the Master so as to accustom the disciple's bodies to the higher increased rate. He impresses the disciple's mind, via his Ego, with the group plans and ideals, and he watches his reaction

Chân sư bàn bạc với một số đệ tử cao cấp của Ngài về sự thích hợp của việc thu nhận người chí nguyện vào trong hào quang nhóm, và hòa rung động của y với rung động của nhóm. Rồi, nếu quyết định được đưa ra, trong khoảng thời gian hai năm, một đệ tử cao cấp đóng vai trò trung gian giữa Chân sư và người chí nguyện mới được chấp nhận. Vị ấy làm việc với đệ tử mới, hạ thấp, nếu tôi có thể diễn tả như vậy, rung động của Chân sư để làm cho các thể của đệ tử quen với nhịp độ cao hơn và gia tăng ấy. Vị ấy gây ấn tượng lên thể trí của đệ tử, qua Chân ngã của y, bằng các kế hoạch và lý tưởng của nhóm, và

to life's occurrences and opportunities. He practically assumes, pro tem, the duties and position of Master.

theo dõi phản ứng của y trước những biến cố và cơ hội của đời sống. Trên thực tế, vị ấy tạm thời đảm nhận các bổn phận và vị trí của Chân sư.

All this time the aspirant remains in ignorance of what has happened and is unaware of his subjective contacts. He, however, recognizes in himself three things:

Trong suốt thời gian này, người chí nguyện vẫn không biết điều gì đã xảy ra và không ý thức về các tiếp xúc chủ quan của mình. Tuy nhiên, y nhận ra trong chính mình ba điều:

Increased mental activity. This at first will give him much trouble, and he will feel as if he were losing in mind control instead of gaining it, but this is only a temporary condition and gradually he will assume command.

Hoạt động trí tuệ gia tăng. Ban đầu điều này sẽ gây cho y nhiều phiền toái, và y sẽ cảm thấy như thể mình đang mất sự kiểm soát thể trí thay vì đạt được nó; nhưng đây chỉ là một tình trạng tạm thời, và dần dần y sẽ nắm quyền điều khiển.

Increased responsiveness to ideas and increased capacity to vision the plan of the Hierarchy. This will make him, in the early stages, fanatical to a degree. He will be continually swept off his feet with new ideals, new isms, new modes of living, new dreams for race betterment. He will take up one cult after another as they seem to make possible the coming millennium. But after [169] a time he regains his poise, and purpose assumes control of his life. He works at his own job, and carries forward his contribution to the activity of the whole, to the best of his ability.

Sự đáp ứng gia tăng đối với các ý tưởng và năng lực gia tăng để thấy Thiên Cơ của Thánh Đoàn. Trong các giai đoạn đầu, điều này sẽ khiến y trở nên cuồng tín ở một mức độ nào đó. Y sẽ liên tục bị cuốn đi bởi những lý tưởng mới, những chủ thuyết mới, những lối sống mới, những giấc mơ mới về sự cải thiện nhân loại. Y sẽ lần lượt tiếp nhận hết giáo phái này đến giáo phái khác, khi chúng dường như làm cho thiên niên kỷ sắp đến trở nên khả hữu. Nhưng sau [169] một thời gian, y lấy lại sự quân bình, và mục đích nắm quyền kiểm soát đời sống của y. Y làm công việc riêng của mình, và tiến hành phần đóng góp của mình vào hoạt động của toàn thể, theo khả năng tốt nhất của y.

Increased psychic sensitiveness. This is both an indication of growth and at the same time a test. He is apt to be taken in by the allurements of the psychic powers; he will be tempted to side-track his efforts from specialised service to the race into the exploitation of the psychic powers, and their use for self assertion. The aspirant has to grow in all parts of his nature, but until he can function as the soul, the psyche,

Sự nhạy cảm thông linh gia tăng. Điều này vừa là dấu hiệu của sự tăng trưởng, đồng thời cũng là một thử thách. Y dễ bị lôi cuốn bởi những quyến rũ của các quyền năng thông linh; y sẽ bị cám dỗ chuyển hướng nỗ lực của mình khỏi sự phụng sự chuyên biệt cho nhân loại sang việc khai thác các quyền năng thông linh, và sử dụng chúng để tự khẳng định. Người chí nguyện phải tăng trưởng trong mọi phần của bản chất mình;

consciously and with the use of cooperative intelligence, the lower powers must be quiescent. They can only be safely used by advanced disciples and initiates. They are weapons and instruments of service to be then used in the three worlds by those who are still tied by the Law of Rebirth to those worlds. Those who have passed through the great Liberation and have "occultly crossed the bridge" have no need to employ the powers inherent in the lower sheaths. They can use the infallible knowledge of the intuition, and the illumination of the principle of Light.

nhưng cho đến khi y có thể hoạt động như linh hồn, như nguyên lý tâm linh, một cách hữu thức và với việc sử dụng trí tuệ hợp tác, các quyền năng thấp phải ở trạng thái yên lặng. Chúng chỉ có thể được sử dụng an toàn bởi các đệ tử tiến bộ và các điểm đạo đồ. Khi ấy, chúng là vũ khí và khí cụ phụng sự được dùng trong ba cõi thấp bởi những người vẫn còn bị Định luật Tái sinh ràng buộc với các cõi ấy. Những ai đã trải qua cuộc Giải Thoát lớn lao và đã "vượt qua cây cầu một cách huyền bí" thì không cần sử dụng các quyền năng vốn có trong những lớp vỏ thấp. Họ có thể sử dụng tri thức không sai lầm của trực giác và sự soi sáng của nguyên khí Ánh sáng.

There is much misapprehension in people's minds as to how a Master lets an accepted disciple become aware that he is accepted. An impression is abroad that he is told so and that an interview is accorded wherein the Master accepts him and starts him to work. Such is not the case. The occult law holds good in discipleship as in initiation, and the man goes forward blindly. He hopes, but he does not know; he expects that it may be so, but no tangible assurance is given; from a study of himself and of the requirements he arrives at the conclusion that perhaps he has reached the status of accepted disciple. He therefore acts on that assumption and with care he watches his acts, guards his words, and controls his thoughts so that no overt act, unnecessary word or unkind [170] thought will break the rhythm which he believes has been set up. He proceeds with his work but intensifies his meditation; he searches his motives; he seeks to equip his mental body; he sets before himself the ideal of service and seeks ever to serve; and then (when he is so engrossed in the work on hand that he has forgotten himself), suddenly one day he sees the One Who has for so long seen him.

Có nhiều sự hiểu lầm trong tâm trí con người về cách một Chân sư cho một đệ tử được chấp nhận biết rằng y đã được chấp nhận. Có một ấn tượng lan truyền rằng y được thông báo như vậy, và được ban cho một cuộc phỏng vấn trong đó Chân sư chấp nhận y và khởi sự giao công việc cho y. Sự việc không phải như thế. Định luật huyền bí vẫn đúng trong địa vị đệ tử cũng như trong điểm đạo, và con người tiến bước trong mù mờ. Y hy vọng, nhưng y không biết; y mong rằng có thể đúng như vậy, nhưng không có sự bảo đảm hữu hình nào được trao; từ việc nghiên cứu chính mình và các đòi hỏi, y đi đến kết luận rằng có lẽ y đã đạt đến địa vị đệ tử được chấp nhận. Vì thế, y hành động trên giả định ấy, và cẩn thận quan sát các hành vi của mình, giữ gìn lời nói, và kiểm soát tư tưởng, để không hành vi lộ liễu nào, lời nói không cần thiết nào, hay tư tưởng không tử tế nào [170] phá vỡ nhịp điệu mà y tin rằng đã được thiết lập. Y tiếp tục công việc của mình nhưng tăng cường tham thiền; y khảo sát các động cơ của mình; y tìm cách trang bị cho thể trí của mình; y đặt trước mình lý tưởng phụng sự và luôn tìm cách phụng sự; rồi khi y quá mải mê với công việc đang làm

đến nỗi quên chính mình, bỗng một ngày kia y thấy Đấng đã thấy y từ rất lâu.

This may come in two ways: in full waking consciousness or by the registering of the interview on the physical brain as it has been participated in during the hours of sleep.

Điều này có thể đến theo hai cách: trong tâm thức tỉnh thức đầy đủ, hoặc qua việc ghi nhận cuộc gặp gỡ trên bộ não hồng trần như một điều đã được tham dự trong những giờ ngủ.

But accompanying this recognition of the event by the disciples will come certain other recognitions.

Nhưng đi kèm với việc các đệ tử nhận ra biến cố này sẽ có một số nhận biết khác.

1. The event is recognised as fact past all controversy. No doubt remains in the disciple's mind.

1. Biến cố được nhận ra như một sự kiện vượt ngoài mọi tranh cãi. Không còn nghi ngờ nào trong tâm trí đệ tử.

2. There is recognised an inhibition on the disciple's part to mention the happening to any one. Months or years may slip away before the disciple will mention it, and then only to those who are also recognised as disciples or to some fellow worker, also under the same *group influence,* whose right it is to know and whose right is sanctioned by the Master of the group.

2. Đệ tử nhận ra nơi mình có một sự kìm giữ, không được nhắc đến sự việc ấy với bất kỳ ai. Nhiều tháng hoặc nhiều năm có thể trôi qua trước khi đệ tử nhắc đến nó, và khi ấy chỉ với những người cũng được nhận ra là đệ tử, hoặc với một bạn đồng sự cũng ở dưới cùng một *ảnh hưởng nhóm,* người có quyền được biết, và quyền ấy được Chân sư của nhóm chuẩn nhận.

3. Certain factors, governing the Master's relation to the disciple, are gradually recognised and begin increasingly to govern the disciple's life.

3. Một số yếu tố chi phối mối liên hệ của Chân sư với đệ tử dần dần được nhận ra và ngày càng bắt đầu chi phối đời sống của đệ tử.

a. He recognises that his points of contact with his Master are governed by group emergency and need, and deal with his group service. It gradually dawns on him that his Master is only interested in him insofar as his ego can be used in service, through the personality on the physical plane. He begins to realise that his Master works with his soul and that it is his ego, therefore, which is en rapport with the Master and not the personal self. His

a. Y nhận ra rằng các điểm tiếp xúc của y với Chân sư được chi phối bởi nhu cầu và tình thế khẩn cấp của nhóm, và liên quan đến sự phụng sự nhóm của y. Dần dần y hiểu ra rằng Chân sư chỉ quan tâm đến y trong chừng mực Chân ngã của y có thể được sử dụng trong phụng sự, thông qua phàm ngã trên cõi hồng trần. Y bắt đầu nhận ra rằng Chân sư làm việc với linh hồn của y, và do đó chính chân ngã của y ở trong sự giao cảm với Chân sư, chứ không phải phàm ngã cá nhân.

problem, therefore, becomes increasingly clear and this is the problem of all disciples. It is to keep the [171] channel of communication open between the soul and the brain, via the mind, so that when the Master seeks to communicate, He can do so at once and easily. Sometimes a Master has to wait weeks before He can get His disciple's ear, for the channel upward is closed and the soul is not en rapport with the brain. This is especially true of the early stages of discipleship.

Vì vậy, vấn đề của y ngày càng trở nên rõ ràng, và đây là vấn đề của mọi đệ tử. Đó là giữ cho [171] kênh giao tiếp giữa linh hồn và bộ não, qua thể trí, luôn mở, để khi Chân sư tìm cách giao tiếp, Ngài có thể làm điều đó ngay lập tức và dễ dàng. Đôi khi một Chân sư phải chờ nhiều tuần trước khi Ngài có thể khiến đệ tử của Ngài lắng nghe, vì kênh hướng thượng bị đóng lại và linh hồn không ở trong sự giao cảm với bộ não. Điều này đặc biệt đúng trong các giai đoạn đầu của địa vị đệ tử.

b. He finds that it is *he* who shuts the door in the majority of cases through lower psychism, physical disability, and lack of mind control, and he therefore discovers that he has to work constantly and ceaselessly with his lower self.

b. Y thấy rằng trong đa số trường hợp, chính *y* là người đóng cánh cửa lại qua thông linh thấp, khiếm khuyết hồng trần, và thiếu kiểm soát thể trí; vì vậy y khám phá rằng y phải làm việc liên tục và không ngừng với phàm ngã của mình.

c. He finds that one of the first things he has to do is to learn to discriminate between:

c. Y thấy rằng một trong những điều đầu tiên y phải làm là học phân biện giữa:

His own soul's vibration.

Rung động của linh hồn chính y.

The vibration of the group of disciples with whom he is associated.

Rung động của nhóm đệ tử mà y liên kết.

The vibration of the Master.

Rung động của Chân sư.

All three are different and it is easy to confuse them, especially at first. It is a safe rule for aspirants to assume when they contact a high vibration and stimulus, that it is their own soul contacting them, the Master in the heart, and not run off with the idea (so flattering to their pride and personality) that the Master is endeavouring to reach them.

Cả ba đều khác nhau, và rất dễ nhầm lẫn chúng, đặc biệt lúc ban đầu. Một quy luật an toàn cho người chí nguyện là, khi họ tiếp xúc với một rung động và kích thích cao, hãy giả định rằng đó là linh hồn của chính họ đang tiếp xúc với họ, Chân sư trong tim, và đừng vội chạy theo ý tưởng, vốn rất nịnh nọt lòng kiêu hãnh và phàm ngã của họ, rằng Chân sư đang cố gắng tiếp cận họ.

d. He finds also that it is not the habit of the Masters to flatter or to make promises to their disciples. They are too busy and too

d. Y cũng thấy rằng các Chân sư không có thói quen tâng bốc hay hứa hẹn với các đệ tử của Các Ngài. Các Ngài quá bận rộn và quá

wise, nor do They trouble Themselves to tell Their disciples that they are destined for high office, or that they are Their intermediaries and that the Hierarchy is depending upon them. Ambition, love of power, and the self-sufficiency which characterises many mental types test out the struggling aspirant, and he gets from his personality all that he needs in that line. These qualities delude him and lead him astray, forcing [172] him onto a pedestal from which eventually he must descend. The Masters say nothing to feed pride in Their disciples, nor do They speak words to them which could foster in Their chelas the spirit of separateness.

minh triết, cũng không bận tâm nói với các đệ tử rằng họ được định sẵn cho chức vụ cao, hoặc rằng họ là các trung gian của Các Ngài và Thánh Đoàn đang nương tựa vào họ. Tham vọng, lòng yêu quyền lực, và sự tự mãn vốn đặc trưng cho nhiều kiểu người trí tuệ sẽ thử thách người chí nguyện đang phấn đấu, và y nhận được từ phàm ngã của mình tất cả những gì y cần theo đường lối ấy. Những phẩm tính này mê hoặc y và dẫn y lạc đường, buộc [172] y bước lên một bệ cao mà cuối cùng y phải đi xuống. Các Chân sư không nói điều gì để nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh nơi các đệ tử của Các Ngài, cũng không nói với họ những lời có thể nuôi lớn nơi các đệ tử tinh thần chia rẽ.

e. The disciple soon finds also that the Masters are not easily accessible. They are busy men, ill able to spare even a few moments in which to communicate with the disciple, and only in emergencies, in the case of a beginner on the Path of Discipleship, do the Masters expend the necessary energy with which to get en rapport. With old and tried disciples, the contacts are more frequent, being more easily achieved and bearing more rapid results. It should be remembered, however, that the newer the disciple the more he demands attention and considers he should have it. The old and more experienced servers seek to fulfil their obligations and carry forward their work with as little contact with the Masters as possible. They seek to save the Master's time and frequently consider an interview with the Master as demonstrating failure on their part, and producing, therefore, regret that they have had to take the Master's precious time, and force Him to use His energy in order to safeguard the work from error and the disciple perhaps from harm. The aim of every high disciple is to carry out his work and be en rapport with the spiritual force centre which is his group, and thus in steady

e. Đệ tử cũng sớm thấy rằng các Chân sư không dễ tiếp cận. Các Ngài là những người bận rộn, khó có thể dành ra dù chỉ vài khoảnh khắc để giao tiếp với đệ tử; và chỉ trong những trường hợp khẩn cấp, đối với một người mới bước vào Con Đường Đệ Tử, các Chân sư mới sử dụng năng lượng cần thiết để thiết lập sự giao cảm. Với các đệ tử lâu năm và đã được thử thách, các tiếp xúc thường xuyên hơn, vì chúng dễ đạt được hơn và đem lại kết quả nhanh hơn. Tuy nhiên, cần nhớ rằng đệ tử càng mới thì càng đòi hỏi sự chú ý và cho rằng mình phải được nhận điều đó. Những người phụng sự lâu năm và nhiều kinh nghiệm hơn tìm cách hoàn thành các bổn phận của mình và tiến hành công việc với càng ít tiếp xúc với các Chân sư càng tốt. Họ tìm cách tiết kiệm thời gian của Chân sư và thường xem một cuộc gặp với Chân sư là dấu hiệu cho thấy họ đã thất bại phần nào, do đó sinh ra sự tiếc nuối vì họ đã phải lấy thời gian quý báu của Chân sư, và buộc Ngài sử dụng năng lượng của Ngài để bảo vệ công việc khỏi sai lầm, và có lẽ bảo vệ đệ tử khỏi tổn hại. Mục tiêu của mọi đệ tử cao cấp là thực hiện công việc của mình và ở trong sự giao cảm với trung tâm mãnh lực tinh thần là nhóm của mình, và như thế ở

touch with the Master, without interviews and phenomenal contacts. Many only expect to contact their Master once a year, usually at the time of the full moon in May.

trong sự liên hệ vững bền với Chân sư, không cần các cuộc gặp gỡ hay những tiếp xúc hiện tượng. Nhiều người chỉ mong tiếp xúc với Chân sư của mình mỗi năm một lần, thường vào thời điểm trăng tròn tháng Năm.

f. He finds also that the relationship between Master and disciple is governed by law and that there are definite stages of contact and grades in the desired rapport. These can be enumerated, but cannot be enlarged upon.

f. Y cũng thấy rằng mối quan hệ giữa Chân sư và đệ tử được chi phối bởi định luật, và có những giai đoạn tiếp xúc cùng các cấp độ rõ ràng trong sự giao cảm mong muốn. Những điều này có thể được liệt kê, nhưng không thể được khai triển.

1. The stage wherein a disciple is contacted by the Master through another chela on the physical plane. This is the stage of "Little Chelaship".

1. Giai đoạn trong đó một đệ tử được Chân sư tiếp xúc thông qua một đệ tử khác trên cõi hồng trần. Đây là giai đoạn "Địa vị tiểu đệ tử".

[173]

[173]

2. The stage wherein a higher disciple directs the chela from the egoic level. This is the stage called a "Chela in the Light".

2. Giai đoạn trong đó một đệ tử cao hơn hướng dẫn đệ tử từ cấp độ chân ngã. Đây là giai đoạn được gọi là "Đệ tử trong Ánh sáng".

3. The stage wherein, according to necessity, the Master contacts the chela through:

3. Giai đoạn trong đó, tùy theo nhu cầu, Chân sư tiếp xúc với đệ tử qua:

a. A vivid dream experience.

a. Một kinh nghiệm mộng sống động.

b. A symbolic teaching.

b. Một giáo huấn biểu tượng.

c. A using of a thought form of the Master.

c. Việc sử dụng một hình tư tưởng của Chân sư.

d. A contact in meditation.

d. Một tiếp xúc trong tham thiền.

e. A definite, remembered interview in the Master's Ashram.

e. Một cuộc gặp rõ ràng, được ghi nhớ, trong ashram của Chân sư.

This is definitely the stage of Accepted Disciple.

Đây rõ ràng là giai đoạn của Đệ tử được chấp nhận.

4. The stage wherein, having shown his wisdom in work, and his appreciation of the Master's problem, the disciple is taught how (in emergencies) to attract the Master's attention and thus draw on His strength and knowledge and advice. This is an instantaneous happening, and practically takes none of the Master's time. This stage has the peculiar name of "a chela on the Thread, or Sutratma."

4. Giai đoạn trong đó, sau khi đã chứng tỏ minh triết trong công việc và sự thấu hiểu vấn đề của Chân sư, đệ tử được dạy cách, trong các trường hợp khẩn cấp, thu hút sự chú ý của Chân sư và nhờ đó rút lấy sức mạnh, tri thức và lời khuyên của Ngài. Đây là một sự kiện tức thời, và trên thực tế hầu như không lấy chút thời gian nào của Chân sư. Giai đoạn này có tên đặc biệt là "đệ tử trên Sợi dây, hay sinh mệnh tuyến".

5. The stage wherein he is permitted to know the method whereby he may set up a vibration and a call which will entitle him to an interview with the Master. This is only permitted to those trusted chelas who can be depended upon not to use the knowledge for anything except the need of the work; no personality reason or distress would prompt them to use it. At this stage the disciple is called "one within the aura."

5. Giai đoạn trong đó y được phép biết phương pháp nhờ đó y có thể thiết lập một rung động và một lời kêu gọi, khiến y có quyền được gặp Chân sư. Điều này chỉ được cho phép đối với những đệ tử đáng tin cậy, những người có thể được trông cậy rằng sẽ không sử dụng tri thức ấy cho bất cứ điều gì ngoài nhu cầu của công việc; không một lý do hay nỗi đau khổ phàm ngã nào thúc đẩy họ sử dụng nó. Ở giai đoạn này, đệ tử được gọi là "người ở trong hào quang".

6. The stage wherein the disciple can get his Master's ear at any time. He is in close touch always. This is the stage wherein a chela is being definitely prepared for an immediate initiation or, having taken initiation, is being given specialised work to do in collaboration with his ——. At this stage he is described as "one within his Master's heart."

6. Giai đoạn trong đó đệ tử có thể được Chân sư lắng nghe bất cứ lúc nào. Y luôn ở trong sự tiếp xúc mật thiết. Đây là giai đoạn trong đó một đệ tử đang được chuẩn bị rõ ràng cho một cuộc điểm đạo sắp tới, hoặc sau khi đã thọ điểm đạo, đang được giao một công việc chuyên biệt để làm trong sự cộng tác với vị —— của mình. Ở giai đoạn này, y được mô tả là "người ở trong tim của Chân sư mình".

[174]

[174]

There is a later stage of a still closer identification, where there is a blending of the Lights, but there is no adequate paraphrase of the terms used to cover the name. The six stages above mentioned have been paraphrased for occidental understanding and must in no way be

Có một giai đoạn về sau của sự đồng hóa còn mật thiết hơn nữa, nơi có sự hòa nhập của các Ánh sáng, nhưng không có cách diễn giải thích đáng nào cho các thuật ngữ được dùng để bao hàm danh xưng ấy. Sáu giai đoạn nêu trên đã được diễn giải cho sự thấu hiểu của phương Tây, và tuyệt đối không được xem là những bản dịch của các thuật ngữ cổ xưa.

considered as translations of the ancient terms.

Such are some of the teachings concerning disciples and their recognitions and it is valuable for aspirants to ponder them. It should be realised that though good character, high ethics, sound morality and spiritual aspiration are basic and unalterable requirements, yet more is needed if the right to enter the Master's Ashram is to be granted.

Đó là một vài giáo huấn liên quan đến các đệ tử và những nhận biết của họ, và rất hữu ích cho người chí nguyện suy ngẫm về chúng. Cần nhận ra rằng dù tính cách tốt, đạo đức cao, luân lý lành mạnh và khát vọng tinh thần là những đòi hỏi căn bản và bất biến, song vẫn cần nhiều hơn nữa nếu quyền được vào ashram của Chân sư phải được ban.

To be admitted to the privilege of being an outpost of His consciousness requires an unselfishness and a self-surrender for which few are prepared; to be drawn within His aura so that the disciple's aura forms an integral part of the group aura presupposes a purity which few can cultivate; to have the ear of the Master and to earn the right to contact Him at will necessitates a sensitiveness and a fine discrimination which few would care to purchase at the price. Yet a door stands wide open to all who care to come, and no earnest, sincere soul, who meets the requirements, ever receives a rebuff.

Để được nhận vào đặc ân làm một tiền đồn của tâm thức Ngài đòi hỏi một sự vô ngã và một sự tự hiến mà ít người chuẩn bị sẵn; để được thu hút vào trong hào quang của Ngài, sao cho hào quang của đệ tử tạo thành một phần không thể tách rời của hào quang nhóm, giả định một sự thanh khiết mà ít người có thể vun trồng; để được Chân sư lắng nghe và giành được quyền tiếp xúc với Ngài tùy ý đòi hỏi một sự nhạy cảm và một năng lực phân biện tinh tế mà ít người sẵn lòng mua bằng cái giá phải trả. Tuy nhiên, một cánh cửa vẫn mở rộng cho tất cả những ai muốn đến, và không một linh hồn nghiêm túc, chân thành nào, khi đáp ứng các đòi hỏi, lại từng bị xua đuổi.

There is no question at this time that those who are in any way advanced in evolution are having that evolution hastened as never before in the history of the world. The crisis is so grave and the need of the world so great, that those who can contact the inner side of life, who can even in a small way sense the vibrations of the senior disciples and the Elder Brothers of the race, and who can bring down the ideals, as known on the higher planes, are being very carefully, forcefully, yet strenuously trained. It is necessary that they should be enabled to act

Hiện nay không còn nghi ngờ gì rằng những ai đã tiến xa trong tiến hóa theo bất cứ cách nào đang được thúc đẩy tiến hóa nhanh hơn bao giờ hết trong lịch sử thế giới. Cuộc khủng hoảng nghiêm trọng đến thế và nhu cầu của thế giới lớn lao đến thế, đến nỗi những người có thể tiếp xúc với phía bên trong của sự sống, những người dù chỉ phần nào có thể cảm nhận các rung động của các đệ tử cao cấp và các Huynh Trưởng của nhân loại, và những người có thể đem xuống các lý tưởng như chúng được biết trên các cõi cao, đang được huấn luyện rất cẩn thận, mạnh mẽ, nhưng cũng đầy gian khổ. Cần phải làm

accurately and adequately as transmitters and interpreters.

cho họ có khả năng hành động chính xác và đầy đủ như những người truyền đạt và diễn giải.

I would like to point out certain factors and methods [175] which should be borne in mind in connection with inspirational writing and mediumship, and which have a bearing on the writing of such books as *The Secret Doctrine,* the Scriptures of the world and those transmitted volumes which potently affect the thought of the race. The interpretation of the process arises from many causes; the status of the writers can be overestimated or not sufficiently appreciated; the terms used by the transmitter being dependent upon his educational status may also be incorrect or give rise to misinterpretation. It is necessary, therefore, that some understanding of the process should be found.

Tôi muốn chỉ ra một số yếu tố và phương pháp [175] cần được ghi nhớ liên quan đến việc viết do cảm hứng và đồng tử thuật, và có liên quan đến việc viết những quyển sách như *Giáo Lý Bí Nhiệm,* các kinh sách của thế giới và những tập sách được truyền đạt vốn ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng của nhân loại. Việc diễn giải tiến trình này phát sinh từ nhiều nguyên nhân; địa vị của các tác giả có thể bị đánh giá quá cao hoặc không được đánh giá đầy đủ; các thuật ngữ mà người truyền đạt sử dụng, vì tùy thuộc vào trình độ giáo dục của y, cũng có thể không chính xác hoặc làm phát sinh sự diễn giải sai lầm. Vì vậy, cần phải có một sự thấu hiểu nào đó về tiến trình này.

Some transmitters work entirely on astral levels and their work is necessarily part of the great illusion. They are unconscious mediums and are unable to check the source from whence the teachings come; if they claim to know that source, they are frequently in error. Some receive teaching from discarnate entities of no higher evolution, and frequently of lower, than themselves. Some are simply abstracting the content of their own subconsciousnesses, and hence we have the beautiful platitudes, couched in Christian phraseology, and tinctured by the mystical writings of the past, which litter the desks of disciples, working consciously on the physical plane.

Một số người truyền đạt làm việc hoàn toàn trên các cấp độ cảm dục, và công việc của họ tất yếu là một phần của ảo tưởng lớn lao. Họ là những đồng tử vô thức và không thể kiểm chứng nguồn gốc từ đó các giáo huấn đến; nếu họ tuyên bố biết nguồn ấy, họ thường sai lầm. Một số nhận giáo huấn từ các thực thể không còn xác thân, có mức tiến hóa không cao hơn, và thường thấp hơn, chính họ. Một số chỉ đơn giản rút ra nội dung từ tiềm thức của chính mình, và do đó chúng ta có những lời sáo ngữ đẹp đẽ, được đặt trong ngôn ngữ Cơ Đốc và nhuốm màu bởi các tác phẩm thần bí của quá khứ, chất đầy trên bàn làm việc của các đệ tử đang làm việc một cách hữu thức trên cõi hồng trần.

Some work only on mental levels, learning, through telepathy, that which the Elder Brothers of the race and their own souls have to impart. They tap the sources of knowledge stored in the egoic

Một số chỉ làm việc trên các cấp độ của cõi trí, học qua viễn cảm những gì các Huynh Trưởng của nhân loại và linh hồn của chính họ phải truyền đạt. Họ chạm đến các nguồn tri thức được lưu giữ trong tâm thức chân

consciousness. They become aware of the knowledge stored up in the brains of disciples on the same ray as themselves. Some of them, being outposts of the Master's consciousness, become also cognizant of His thought. Some use several of the methods, either consciously or unconsciously. When they work consciously, it is then possible for them to correlate the teaching given and, under the Law of Correspondences [176] and through the use of symbols (which they see through mental clairvoyance), to ascertain the accuracy of their teaching. Those who work unconsciously (I refer not to astral psychics), can use only trust and discrimination until they are further evolved. They must accept nothing that contradicts facts imparted through the Lodge's great Messengers, and they must be ready to superimpose upon the modicum of knowledge which they possess a further structure of greater extent.

ngã. Họ trở nên ý thức về tri thức được tích lũy trong bộ não của các đệ tử cùng cung với họ. Một số người trong họ, vì là những tiền đồn của tâm thức Chân sư, cũng trở nên biết được tư tưởng của Ngài. Một số sử dụng nhiều phương pháp, hoặc hữu thức hoặc vô thức. Khi họ làm việc một cách hữu thức, bấy giờ họ có thể tương quan giáo huấn được trao và, dưới Định luật Tương Ứng [176] cùng qua việc sử dụng các biểu tượng mà họ thấy bằng thông nhãn trên cõi trí, xác định sự chính xác của giáo huấn mình. Những người làm việc vô thức, tôi không nói đến những nhà thông linh cảm dục, chỉ có thể dùng lòng tin và sự phân biện cho đến khi họ tiến hóa hơn nữa. Họ không được chấp nhận điều gì mâu thuẫn với các sự kiện được truyền đạt qua những Sứ giả vĩ đại của Thánh đoàn, và họ phải sẵn sàng đặt lên trên phần tri thức nhỏ bé mà họ sở hữu một cấu trúc rộng lớn hơn.

Each generation now should produce its seers. I like the word spelt "see-ers", for to see is to know. The fault of all of you is that you see not; you perceive an angle, a point of vision, a partial aspect of the great fabric of truth, but all that lies hidden behind is occult to your three dimensional vision. It is necessary for those who want to act as true transmitters and intermediaries between the Knowers of the race and the "little ones" that they keep their eyes on the horizon and seek thus to extend their vision; that they hold steadily the inner realization that they already have and seek to increase its scope; that they hold on to the truth that all things are headed towards the revelation, and that the form matters not. They must seek pre-eminently to be dependable instruments, unswayed by passing storms. They must endeavor to remain free from depression, no matter what occurs; liberated from discouragement; with a keen sense of

Mỗi thế hệ hiện nay nên sản sinh ra những nhà thông nhãn của mình. Tôi thích hiểu từ ấy là "những người thấy", vì thấy là biết. Lỗi của tất cả các bạn là các bạn không thấy; các bạn chỉ nhận biết một góc độ, một điểm nhìn, một phương diện phần nào của tấm thảm chân lý vĩ đại, nhưng tất cả những gì ẩn phía sau vẫn còn huyền ẩn đối với tầm nhìn ba chiều của các bạn. Điều cần thiết đối với những ai muốn hành động như những người truyền đạt chân chính và những trung gian giữa các thức giả của nhân loại và "những người bé nhỏ" là họ phải giữ mắt mình hướng về chân trời và nhờ đó tìm cách mở rộng tầm nhìn; họ phải giữ vững nhận thức nội tâm mà họ đã có và tìm cách gia tăng phạm vi của nó; họ phải bám giữ chân lý rằng mọi sự đang tiến về phía sự mặc khải, và hình tướng không quan trọng. Trước hết, họ phải tìm cách trở thành những khí cụ đáng tin cậy, không bị lay chuyển bởi những cơn bão thoáng qua. Họ phải cố gắng giữ

proportion; a right judgment in all things; a regulated life; a disciplined physical body and a whole-hearted devotion to humanity. Where these qualities are present, the Masters can begin to use Their destined workers; where they are absent, other instruments must be found.

mình thoát khỏi sự chán nản, bất kể điều gì xảy ra; thoát khỏi sự nhụt chí; với Ý thức về tỉ lệ sắc bén; phán đoán đúng đắn trong mọi việc; một đời sống điều hòa; một thể xác được kỷ luật và một sự sùng hiến trọn vẹn cho nhân loại. Nơi nào có những phẩm tính này, các Chân sư có thể bắt đầu sử dụng những người hoạt động đã được định sẵn của Các Ngài; nơi nào chúng vắng mặt, những khí cụ khác phải được tìm thấy.

Some people learn at night and regularly bring over into their physical brain consciousness the facts they need to know and the teachings they should transmit. Many methods are tried, suited to the nature of the aspirant [177] or chela. Some have brains that act telepathically as transmitters. I deal with safer and rarer methods which utilize the mental vehicle as the intermediary between the soul and the brain, or between the teacher and the disciple. Methods of communication on the astral level, such as the ouija board, the planchette pencil, automatic writing, the direct voice and statements made by the temporarily obsessed medium are not utilized as a rule by chelas, though the direct voice has had its use at times. The higher mental methods are more advanced and surer—even if rarer.

Một số người học vào ban đêm và đều đặn đem vào tâm thức bộ não hồng trần của mình những sự kiện họ cần biết và những giáo huấn họ nên truyền đạt. Nhiều phương pháp được thử nghiệm, phù hợp với bản chất của người chí nguyện [177] hoặc đệ tử. Một số có bộ não hoạt động theo viễn cảm như các máy truyền đạt. Tôi đề cập đến những phương pháp an toàn hơn và hiếm hơn, sử dụng thể trí làm trung gian giữa linh hồn và bộ não, hoặc giữa huấn sư và đệ tử. Các phương pháp giao tiếp trên cấp độ cảm dục, như bàn cầu cơ, bút cầu cơ, viết tự động, tiếng nói trực tiếp và những lời tuyên bố do đồng tử tạm thời bị ám đưa ra, thông thường không được các đệ tử sử dụng, dù tiếng nói trực tiếp đôi lúc cũng đã có công dụng của nó. Các phương pháp trí tuệ cao hơn thì tiến bộ hơn và chắc chắn hơn, dù hiếm hơn.

The true transmitters from the higher egoic levels to the physical plane proceed in one or other of the following ways:

Những người truyền đạt chân chính từ các cấp độ chân ngã cao xuống cõi hồng trần tiến hành theo một trong những cách sau:

1. They write from personal knowledge, and therefore employ their concrete minds at the task of stating this knowledge in terms that will reveal the truth to those that have the eyes to see, and yet will conceal that which is dangerous from the curious and the blind. This is a hard task to accomplish, for the concrete mind expresses the abstract most

1. Họ viết từ tri thức cá nhân, và do đó sử dụng trí cụ thể của mình trong nhiệm vụ diễn đạt tri thức ấy bằng những thuật ngữ sẽ mặc khải chân lý cho những ai có mắt để thấy, nhưng đồng thời che giấu điều nguy hiểm khỏi kẻ tò mò và mù lòa. Đây là một nhiệm vụ khó thực hiện, vì trí cụ thể diễn đạt cái trừu tượng một cách rất không đầy

inadequately and, in the task of embodying the truth in words, much of the true significance is lost.

đủ, và trong nhiệm vụ hiện thân chân lý bằng lời, nhiều thâm nghĩa chân thật bị mất đi.

2. They write because they are inspired. Because of their physical equipment, their purity of life, their singleness of purpose, their devotion to humanity and the very karma of service itself, they have developed the capacity to touch the higher sources from which pure truth, or symbolic truth, flows. They can tap thought currents that have been set in motion by that great band of Contemplators, called Nirmanakayas, or those definite, specialized thought currents originated by one of the great staff of teachers. Their brains, being receptive transmitters, enable them to express these contacted thoughts on paper—the accuracy of the transmission being dependent upon the receptivity of the instrument (that is, [178] the mind and the brain) of the transmitter. In these cases, the form of words and the sentences are largely left to the writer. Therefore, the appropriateness of the terms used and the correctness of the phraseology will depend upon his mental equipment, his educational advantages, the extent of his vocabulary and his inherent capacity to understand the nature and quality of the imparted thought and ideas.

2. Họ viết vì họ được cảm hứng. Nhờ trang bị hồng trần của họ, sự thanh khiết của đời sống họ, mục đích nhất tâm của họ, sự sùng hiến của họ đối với nhân loại và chính nghiệp quả phụng sự, họ đã phát triển năng lực chạm đến các nguồn cao hơn, từ đó chân lý thanh khiết hoặc chân lý biểu tượng tuôn chảy. Họ có thể chạm đến các dòng tư tưởng đã được nhóm lớn những Đấng Chiêm ngưỡng, được gọi là các vị Hóa Thân, khởi động, hoặc những dòng tư tưởng rõ ràng, chuyên biệt do một vị trong đội ngũ huấn sư vĩ đại khởi phát. Bộ não của họ, vì là các cơ quan truyền đạt có khả năng tiếp nhận, giúp họ biểu lộ trên giấy những tư tưởng đã được tiếp xúc ấy, độ chính xác của sự truyền đạt tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận của khí cụ, tức là [178] thể trí và bộ não, của người truyền đạt. Trong những trường hợp này, hình thức từ ngữ và câu văn phần lớn được để cho người viết. Vì vậy, sự thích hợp của các thuật ngữ được dùng và sự chính xác của lối diễn đạt sẽ tùy thuộc vào trang bị trí tuệ của y, các thuận lợi giáo dục của y, phạm vi từ vựng của y, và năng lực bẩm sinh của y trong việc thấu hiểu bản chất và phẩm tính của tư tưởng cùng các ý tưởng được truyền trao.

3. They write because of the development of the inner hearing. Their work is largely stenographic, yet is also partially dependent upon their standard of development and their education. A certain definite unfoldment of the centres, coupled with karmic availability, constitutes the basis of choice by the teacher on the subtler planes who seeks to impart a definite instruction and a specialized line of thought. The responsibility as to accuracy is therefore

3. Họ viết nhờ sự phát triển của thính giác bên trong. Công việc của họ phần lớn mang tính tốc ký, tuy cũng phần nào tùy thuộc vào mức độ phát triển và nền giáo dục của họ. Một sự khai mở rõ ràng nào đó của các trung tâm, kết hợp với khả năng theo nghiệp quả, tạo thành nền tảng cho sự lựa chọn của huấn sư trên các cõi tinh vi hơn, khi vị ấy tìm cách truyền trao một huấn thị rõ ràng và một đường lối tư tưởng chuyên biệt. Do đó, trách nhiệm về sự chính xác được chia giữa người

divided between the one who imparts the teaching and the transmitting agent. The physical plane agent must be carefully chosen and the accuracy of the imparted information, as expressed on the physical plane, will depend upon his willingness to be used, his positive mental polarization, and his freedom from astralism. To this must be added the fact that the better educated a man may be, the wider his range of knowledge and scope of world interests, the easier it will be for the teacher on the inner side to render, through his agency, the knowledge to be imparted. Frequently the dictated data may be entirely foreign to the receiver. He *must* have a certain amount, therefore, of education, and be himself a profound seeker of truth before he will be chosen to be the recipient of teachings that are intended for the general public or for esoteric use. Above everything else, he must have learnt through meditation to focus himself on the mental plane. Similarity of vibration and of interests hold the clue to the choice of a transmitter. [179] Note that I say; similarity of vibration and of interests and not equality of vibration and of interests.

truyền trao giáo huấn và tác nhân truyền đạt. Tác nhân trên cõi hồng trần phải được chọn lựa cẩn thận, và độ chính xác của thông tin được truyền trao, như được biểu lộ trên cõi hồng trần, sẽ tùy thuộc vào sự sẵn lòng được sử dụng của y, sự phân cực dương trên cõi trí của y, và sự tự do của y khỏi khuynh hướng cảm dục. Thêm vào đó phải kể đến sự kiện rằng một người càng được giáo dục tốt, phạm vi tri thức và tầm quan tâm thế giới của y càng rộng, thì huấn sư ở phía bên trong càng dễ chuyển đạt, qua trung gian của y, tri thức cần được truyền trao. Thường khi dữ liệu được đọc truyền có thể hoàn toàn xa lạ với người tiếp nhận. Vì vậy, y *phải* có một mức độ giáo dục nào đó, và chính y phải là một người tìm kiếm chân lý sâu xa trước khi y được chọn làm người tiếp nhận các giáo huấn dành cho công chúng nói chung hoặc cho việc sử dụng nội môn. Trên hết mọi điều, y phải đã học qua tham thiền cách tập trung chính mình trên cõi trí. Sự tương đồng về rung động và về mối quan tâm nắm giữ chìa khóa cho việc lựa chọn một người truyền đạt. [179] Hãy lưu ý rằng tôi nói: sự tương đồng về rung động và về mối quan tâm, chứ không phải sự bằng nhau về rung động và về mối quan tâm.

This form of work might be divided into three methods: There is first the higher clairaudience that speaks directly from mind to mind. This is not exactly telepathy but a form of direct hearing. The teacher will speak to the disciple as person to person. A conversation is therefore carried on entirely on mental levels with the higher faculties as the focusing point. The use of the head centres is involved and they must both be vivified before this method can be employed. In the astral body the centres corresponding to the physical have to be awakened before astral psychism is possible. The work that I refer to here involves a corresponding

Hình thức công việc này có thể được chia thành ba phương pháp: Trước hết có thông nhĩ cao, nói trực tiếp từ trí này sang trí khác. Đây không hẳn là viễn cảm mà là một hình thức nghe trực tiếp. Huấn sư sẽ nói với đệ tử như người với người. Vì vậy, một cuộc đối thoại được tiến hành hoàn toàn trên các cấp độ của cõi trí, với các quan năng cao hơn làm điểm tập trung. Việc sử dụng các trung tâm đầu có liên quan, và cả hai phải được tiếp sinh lực trước khi phương pháp này có thể được sử dụng. Trong thể cảm dục, các trung tâm tương ứng với các trung tâm hồng trần phải được đánh thức trước khi thông linh cảm dục có thể xảy ra. Công việc mà tôi đề

vivification in the mental body counterparts.

cập ở đây liên quan đến một sự tiếp sinh lực tương ứng trong các đối phần của thể trí.

Secondly, we have telepathic communication. This is the registry in the physical brain consciousness of information imparted:

Thứ hai, chúng ta có Giao tiếp viễn cảm. Đây là việc ghi nhận trong tâm thức bộ não hồng trần thông tin được truyền đạt:

a. Direct from Master to pupil; from disciple to disciple; from student to student.

a. Trực tiếp từ Chân sư đến môn sinh; từ đệ tử đến đệ tử; từ đạo sinh đến đạo sinh.

b. From Master or disciple to the ego and thence to the personality, via the atomic sub-planes. You will note therefore that only those in whose bodies atomic sub-plane matter is found can work this way. Safety and accuracy lie in this equipment.

b. Từ Chân sư hoặc đệ tử đến chân ngã và từ đó đến phàm ngã, qua các cõi phụ nguyên tử. Vì vậy, các bạn sẽ lưu ý rằng chỉ những ai trong các thể của họ có chất liệu cõi phụ nguyên tử mới có thể làm việc theo cách này. Sự an toàn và chính xác nằm trong trang bị này.

c. From ego to ego via the causal body and transmitted direct according to the preceding method or stored up to work through gradually and at need.

c. Từ chân ngã đến chân ngã qua thể nguyên nhân, và được truyền đạt trực tiếp theo phương pháp trước, hoặc được tích trữ để tác động dần dần và khi cần.

Thirdly, we have inspiration. This involves another aspect of development. Inspiration is analogous to mediumship, but is entirely egoic. It utilizes the mind as the medium of transmission to the brain of that which the soul knows. Mediumship usually describes the process when confined entirely to the astral levels. On the egoic plane this involves inspiration. Ponder on this explanation for it explains much. Mediumship is dangerous. [180] Why is this so? Because the mental body is not involved and so the soul is not in control. The medium is an unconscious instrument, he is not himself the controlling factor; he is controlled. Frequently also the discarnate entities who employ this method of communication, utilizing the brain or voice apparatus of the medium, are not

Thứ ba, chúng ta có cảm hứng. Điều này bao hàm một phương diện phát triển khác. Cảm hứng tương tự như trạng thái đồng tử, nhưng hoàn toàn thuộc về chân ngã. Nó sử dụng thể trí như trung gian truyền đạt đến bộ não những gì linh hồn biết. Trạng thái đồng tử thường mô tả tiến trình khi nó hoàn toàn bị giới hạn trong các cấp độ cảm dục. Trên cõi chân ngã, điều này bao hàm cảm hứng. Hãy suy ngẫm về lời giải thích này, vì nó giải thích được nhiều điều. Trạng thái đồng tử là nguy hiểm. [180] Tại sao lại như vậy? Vì thể trí không tham dự, nên linh hồn không nắm quyền kiểm soát. Đồng tử là một công cụ vô thức; y không phải là yếu tố kiểm soát; y bị kiểm soát. Thường khi, các thực thể đã lìa xác sử dụng phương pháp giao tiếp này, bằng cách dùng bộ não hoặc bộ máy phát âm của đồng tử, cũng không tiến hoá

highly evolved, and are quite incapable of employing mental plane methods.

cao, và hoàn toàn không có khả năng dùng các phương pháp thuộc cõi trí.

Some people combine the method of inspiration and of receiving instruction along various lines and, when this is the case, great accuracy of transmission is found. Occasionally again, as in the case of H. P. B. you have deep knowledge, ability to be inspired and mental clairaudience combined. When this is the case you have a rare and useful instrument for the aiding of humanity.

Một số người kết hợp phương pháp cảm hứng với việc tiếp nhận giáo huấn theo nhiều đường lối khác nhau; và khi điều này xảy ra, sự truyền đạt có độ chính xác lớn. Đôi khi nữa, như trong trường hợp của H. P. B., các bạn có sự kết hợp giữa tri thức sâu xa, khả năng được cảm hứng và thông nhĩ trên cõi trí. Khi điều này xảy ra, các bạn có một công cụ hiếm có và hữu ích để trợ giúp nhân loại.

Inspiration originates on the higher levels; it presupposes a very high point in evolution, for it involves the egoic consciousness and necessitates the use of atomic matter, thus opening up a wide range of communicators. It spells safety. It should be remembered that the soul is always good; it may lack knowledge in the three worlds and in this way be deficient; but it harbors no evil. Inspiration is always safe, whereas mediumship is always to be avoided. Inspiration may involve telepathy, for the person inspiring may do three things:

Cảm hứng bắt nguồn từ các cấp độ cao hơn; nó giả định một điểm tiến hoá rất cao, vì nó bao hàm tâm thức chân ngã và đòi hỏi việc sử dụng vật chất nguyên tử, nhờ đó mở ra một phạm vi rộng lớn các nguồn giao tiếp. Nó hàm ý sự an toàn. Cần nhớ rằng linh hồn luôn luôn thiện; linh hồn có thể thiếu tri thức trong ba cõi giới và theo cách ấy có thể còn khiếm khuyết; nhưng nó không chứa chấp điều ác. Cảm hứng luôn luôn an toàn, trong khi trạng thái đồng tử luôn luôn cần tránh. Cảm hứng có thể bao hàm viễn cảm, vì người truyền cảm hứng có thể làm ba điều:

a. He may use the brain of the appointed channel, throwing thoughts into it.

a. Y có thể sử dụng bộ não của kênh đã được chỉ định, ném các tư tưởng vào đó.

b. He may occupy his disciple's body, the latter standing aside, consciously, in his subtler bodies, but surrendering his physical body.

b. Y có thể chiếm lấy thể xác của đệ tử mình, trong khi người sau đứng sang một bên, một cách hữu thức, trong các thể vi tế hơn của mình, nhưng nhường lại thể xác của mình.

c. A third method is one of a temporary fusing, if I might so call it, —an intermingling when the user and the used alternate or supplement, as needed, to do the appointed work. I cannot explain more clearly.

c. Phương pháp thứ ba là một sự dung hợp tạm thời, nếu Tôi có thể gọi như vậy, — một sự hòa trộn trong đó người sử dụng và người được sử dụng thay phiên nhau hoặc bổ sung cho nhau, tùy nhu cầu, để thực hiện công

việc đã được chỉ định. Tôi không thể giải thích rõ hơn.

4. They write what they see. This method is not of such a high order. You will note that in the first case [181] you have wisdom or availability on buddhic or intuitional levels; in the second case you have transmission from the causal body, from the higher mental levels; in the third case you have sufficient development to enable the aspirant to receive dictation. In the fourth case, you have the ability to read in the astral light but frequently no ability to differentiate between that which is past, that which is, and that which will be. Therefore you have illusion and inaccuracy. This is a method, however, sometimes used but—unless directly used under stimulation applied by a Master—it is liable to be most misleading, as is its corollary, astral clairaudience. It is the method of mental clairvoyance, and requires a trained interpreting mind, which is rare indeed to find.

4. Họ viết những gì họ thấy. Phương pháp này không thuộc một cấp độ cao như vậy. Các bạn sẽ lưu ý rằng trong trường hợp thứ nhất [181] các bạn có minh triết hoặc khả năng sẵn có trên các cấp độ Bồ đề hay trực giác; trong trường hợp thứ hai, các bạn có sự truyền đạt từ thể nguyên nhân, từ các cấp độ thượng trí; trong trường hợp thứ ba, các bạn có sự phát triển đủ để giúp người chí nguyện tiếp nhận sự đọc cho chép. Trong trường hợp thứ tư, các bạn có khả năng đọc trong ánh sáng cảm dục, nhưng thường không có khả năng phân biệt giữa điều đã qua, điều đang là, và điều sẽ đến. Do đó các bạn có ảo tưởng và sự thiếu chính xác. Tuy nhiên, đây là một phương pháp đôi khi được sử dụng, nhưng — trừ phi được dùng trực tiếp dưới sự kích thích do một Chân sư áp dụng — nó rất dễ gây lầm lạc, cũng như hệ quả của nó là thông nhĩ cảm dục. Đó là phương pháp thông nhãn trên cõi trí, và đòi hỏi một thể trí diễn giải đã được huấn luyện, điều quả thật hiếm gặp.

In all these cases that I have cited error may creep in owing to physical limitation and the handicap of words, but in the case of those who write from personal knowledge the errors in expression will be of no real moment; whilst in the second and third cases the errors will be dependent upon the point in evolution of the transmitting agent. If, however, he couples intelligence, devotion and service, with his capacity to receive and hear, he will soon correct the errors himself and his understanding will grow.

Trong tất cả các trường hợp Tôi đã nêu, sai lầm có thể len vào do giới hạn hồng trần và sự bất lợi của ngôn từ; nhưng trong trường hợp những người viết từ tri thức cá nhân, các sai lầm trong cách diễn đạt sẽ không có ý nghĩa thực sự; còn trong trường hợp thứ hai và thứ ba, các sai lầm sẽ tùy thuộc vào điểm tiến hoá của tác nhân truyền đạt. Tuy nhiên, nếu y kết hợp trí tuệ, sự sùng tín và phụng sự với khả năng tiếp nhận và nghe của mình, y sẽ sớm tự sửa chữa các sai lầm, và sự thấu hiểu của y sẽ tăng trưởng.

Later two new methods will be employed which will facilitate the transmission of truth from the inner side to the outer plane. Precipitated writing will be given to those

Về sau, hai phương pháp mới sẽ được sử dụng, giúp việc truyền đạt chân lý từ phía bên trong ra cõi bên ngoài trở nên dễ dàng hơn. Chữ viết ngưng tụ sẽ được ban cho

who can be trusted, but the time is not yet for its general use. It will be necessary to wait until the work of the esoteric schools has reached a more definite phase of development. Conditions as yet are not appropriate, but humanity is urged to be ready and open-minded and prepared for this development. Later will come the power to materialize thought-forms. People will come into incarnation who will have the ability temporarily to create and vitalize these thought-forms, and [182] so enable the general public to see them. The time, however, is not yet. There is too much fear, and not enough experience of truth in the world. More knowledge must be acquired as to the nature of thought and of matter, and this must be followed experimentally by those with acute trained minds, a high rate of vibration, and bodies built of the finest matter. The attainment of this will involve discipline, pain, self-abnegation and abstinence. See you to it.

những người có thể được tin cậy, nhưng thời điểm chưa đến để nó được sử dụng rộng rãi. Cần phải chờ cho đến khi công việc của các trường huyền bí đạt tới một giai đoạn phát triển rõ ràng hơn. Các điều kiện hiện nay chưa thích hợp, nhưng nhân loại được thúc giục hãy sẵn sàng, cởi mở trong trí tuệ và chuẩn bị cho sự phát triển này. Về sau sẽ đến quyền năng hiện hình các hình tư tưởng. Những người sẽ lâm phàm có khả năng tạm thời tạo ra và tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng này, và [182] nhờ đó giúp công chúng nói chung có thể thấy chúng. Tuy nhiên, thời điểm chưa đến. Có quá nhiều sợ hãi, và chưa đủ kinh nghiệm về chân lý trong thế gian. Cần phải đạt được nhiều tri thức hơn về bản chất của tư tưởng và của vật chất, và điều này phải được theo đuổi bằng thực nghiệm bởi những người có thể trí sắc bén đã được huấn luyện, có mức rung động cao, và có các thể được kiến tạo bằng vật chất tinh anh nhất. Việc đạt tới điều này sẽ bao hàm kỷ luật, đau đớn, sự từ bỏ bản thân và tiết chế. Các bạn hãy chú tâm thực hiện điều đó.

The group of Teachers with whom the average aspirants and probationary disciples may be in touch on the mental plane are but men of like passions but with a longer experience upon the path and a wiser control of themselves. They do not work with aspirants because They personally like or care for them, but because the need is great and They seek those whom They can train. The attitude of mind that They look for is that of teachableness and the ability to record and refrain from questioning until more is known. Then the aspirant is urged to question everything. May I remind you of the words of one Teacher who said, “Know us for sane and balanced men who teach as we taught on earth, not flattering our pupils but disciplining them. We lead them on, not forcing them forward by feeding their

Nhóm các Huấn sư mà những người chí nguyện trung bình và các đệ tử dự bị có thể tiếp xúc trên cõi trí chỉ là những con người có cùng những cảm xúc như họ, nhưng có kinh nghiệm lâu dài hơn trên Đường Đạo và có sự tự chủ minh triết hơn. Các Ngài không làm việc với những người chí nguyện vì Các Ngài thích hoặc quan tâm đến họ về mặt cá nhân, mà vì nhu cầu rất lớn và Các Ngài tìm kiếm những người có thể được huấn luyện. Thái độ trí tuệ mà Các Ngài tìm kiếm là khả năng học hỏi, khả năng ghi nhận và kiềm chế không chất vấn cho đến khi biết nhiều hơn. Khi đó, người chí nguyện được thúc giục hãy chất vấn mọi điều. Tôi xin nhắc các bạn những lời của một Huấn sư đã nói: “Hãy biết chúng tôi là những người lành mạnh và quân bình, giảng dạy như chúng tôi đã giảng dạy trên Trái Đất, không tâng bốc học trò

ambitions by promises of power, but giving them information and leading them to use it in their work, knowing that right use of knowledge leads to experience and achievement of the goal."

của mình mà kỷ luật họ. Chúng tôi dẫn họ tiến lên, không ép họ tiến tới bằng cách nuôi dưỡng tham vọng của họ bằng những lời hứa hẹn về quyền năng, mà trao cho họ thông tin và dẫn họ sử dụng nó trong công việc của họ, vì biết rằng việc sử dụng tri thức đúng đắn đưa đến kinh nghiệm và thành tựu mục tiêu."

How often does one find a student more occupied with the Master and what He will do than he is with his own side of the question! And yet the fitting of himself for service and the equipping of himself for useful cooperation is, or should be, his main preoccupation.

Biết bao lần người ta thấy một đạo sinh quan tâm đến Chân sư và những gì Ngài sẽ làm hơn là quan tâm đến phần việc của chính mình trong vấn đề ấy! Thế nhưng, việc chuẩn bị chính y cho phụng sự và trang bị chính y để hợp tác hữu ích mới là, hoặc phải là, mối bận tâm chính của y.

Inquiry about the Master is more interesting than inquiry about the needed qualifications for discipleship. Interest for the data available in relation to the Adepts is more potent than the steadfast investigation into limitations [183] and disabilities which should engross the aspirant's attention. Curiosity as to the habits and methods of specific Masters and Their ways of handling Their disciples is more prone to be displayed than patient application to right habits and ways of work in the life of the would-be disciple. All these matters are side issues and only handicap and limit, and one of the first things we advise one who would enter into communication with the Masters is to take his eyes off those things which concern him not, focus his attention on the needed steps and stages which should demonstrate in his life, and eliminate those wasted moments, moods and thought periods which so often occupy the major part of his thought life.

Việc tìm hiểu về Chân sư thú vị hơn việc tìm hiểu về những phẩm tính cần thiết cho địa vị đệ tử. Sự quan tâm đến dữ kiện sẵn có liên quan đến các Chân sư mạnh mẽ hơn việc bền bỉ khảo sát những hạn chế [183] và khiếm khuyết lẽ ra phải chiếm trọn sự chú ý của người chí nguyện. Sự tò mò về các thói quen và phương pháp của những Chân sư cụ thể, cùng cách Các Ngài xử lý các đệ tử của Các Ngài, dễ được biểu lộ hơn là sự kiên nhẫn áp dụng vào các thói quen đúng đắn và các phương cách làm việc đúng đắn trong đời sống của người muốn trở thành đệ tử. Tất cả những điều này đều là vấn đề phụ, chỉ gây trở ngại và giới hạn; và một trong những điều đầu tiên chúng tôi khuyên người muốn bước vào giao tiếp với các Chân sư là hãy rời mắt khỏi những điều không liên quan đến y, tập trung sự chú ý vào các bước và giai đoạn cần thiết phải được thể hiện trong đời sống y, và loại bỏ những khoảnh khắc, tâm trạng và thời kỳ tư tưởng bị lãng phí, vốn rất thường chiếm phần lớn đời sống tư tưởng của y.

When a Master seeks to find those fitted to be instructed and taught by Him, He looks

Khi một Chân sư tìm kiếm những người thích hợp để được Ngài giáo huấn và dạy dỗ,

for three things first of all. Unless these are present, no amount of devotion or aspiration, and no purity of life and mode of living suffices. It is essential that all aspirants should grasp these three factors and so save themselves much distress of mind and wasted motion.

trước hết Ngài tìm kiếm ba điều. Nếu ba điều này không hiện diện, thì không mức độ sùng tín hay khát vọng nào, cũng như không sự thanh khiết nào trong đời sống và cách sống, là đủ. Điều thiết yếu là mọi người chí nguyện phải nắm vững ba yếu tố này, nhờ đó tự cứu mình khỏi nhiều khổ tâm và những nỗ lực vô ích.

1. The Master looks for the light in the head.

1. Chân sư tìm kiếm ánh sáng trong đầu.

2. He investigates the karma of the aspirant.

2. Ngài khảo sát nghiệp quả của người chí nguyện.

3. He notes his service in the world.

3. Ngài ghi nhận sự phụng sự của y trong thế gian.

Unless there is indication that the man is what is termed esoterically “a lighted lamp” it is useless for the Master to waste His time. The light in the head, when present, is indicative of:

Nếu không có dấu hiệu cho thấy con người là điều mà một cách huyền bí được gọi là “một ngọn đèn được thắp sáng”, thì việc Chân sư dành thời gian cho y sẽ vô ích. Ánh sáng trong đầu, khi hiện diện, là dấu hiệu của:

a. The functioning to a greater or less extent of the pineal gland, which is (as is well known) the seat of the soul and the organ of spiritual perception. It is in this gland that the first physiological changes take place incident upon soul contact and this contact is brought about through definite work along meditation lines, mind control, and the inflow of spiritual force.

a. Sự hoạt động, ở mức độ lớn hơn hoặc nhỏ hơn, của tuyến tùng, vốn là — như đã biết rõ — trụ sở của linh hồn và cơ quan của tri giác tinh thần. Chính trong tuyến này, những biến đổi sinh lý đầu tiên xảy ra do tiếp xúc với linh hồn; và sự tiếp xúc này được tạo ra nhờ công việc xác định theo các đường lối tham thiền, kiểm soát thể trí, và luồng tuôn vào của mãnh lực tinh thần.

[184]

[184]

b. The aligning of the man on the physical plane with his ego, soul or higher self, on the mental plane and the subordination of the physical plane life and nature to the impress and control of the soul. This is covered sufficiently in the first two or three chapters of *Letters on Occult Meditation* and these should be studied by aspirants.

b. Sự chỉnh hợp của con người trên cõi hồng trần với chân ngã, linh hồn hay chân ngã của y trên cõi trí, và sự đặt đời sống cũng như bản chất trên cõi hồng trần dưới ấn tượng và sự kiểm soát của linh hồn. Điều này đã được đề cập đầy đủ trong hai hoặc ba chương đầu của *Thư Về Tham thiền Huyền môn,* và những

chương này cần được người chí nguyện nghiên cứu.

c. The downflow of force via the sutratma, magnetic cord, or thread from the soul to the brain via the mind body. The whole secret of spiritual vision, correct perception and right contact lies in the proper appreciation of the above statement, and therefore the *Yoga Sutras of Patanjali* are ever the text-book of disciples, initiates and adepts, for therein are found those rules and methods which bring the mind under control, stabilize the astral body and so develop and strengthen the thread soul that it can and does become a veritable channel of communication between the man and his ego. The light of illumination streams down into the brain cavity and throws into objectivity three fields of knowledge. This is often forgotten and hence the undue distress and premature interpretations of the partially illuminated disciple or probationer.

c. Dòng mãnh lực tuôn xuống qua sutratma, dây từ tính, hay sợi dây từ linh hồn đến bộ não qua thể trí. Toàn bộ bí mật của tầm nhìn tinh thần, tri giác đúng đắn và tiếp xúc đúng đắn nằm trong sự thấu hiểu đúng mức lời phát biểu trên; và vì vậy *Yoga Sutras của Patanjali* luôn là sách giáo khoa của các đệ tử, điểm đạo đồ và chân sư, vì trong đó có các quy luật và phương pháp đưa thể trí vào dưới sự kiểm soát, ổn định thể cảm dục, và nhờ đó phát triển cũng như củng cố sợi dây linh hồn để nó có thể và thật sự trở thành một kênh giao tiếp chân thực giữa con người và chân ngã của y. Ánh sáng soi sáng tuôn xuống vào khoang não và đưa ba lĩnh vực tri thức ra thành khách quan. Điều này thường bị quên lãng, và từ đó phát sinh sự đau khổ quá mức cùng những diễn giải non sớm của đệ tử hoặc người dự bị chỉ được soi sáng một phần.

The light first throws into relief and brings into the foreground of consciousness those thought-forms and entities which depict the lower life, and which (in their aggregate) form the Dweller on the Threshold.

Trước hết, ánh sáng làm nổi bật và đưa lên tiền cảnh của tâm thức những hình tư tưởng và thực thể mô tả đời sống thấp, và những điều này, trong tổng thể của chúng, tạo thành Kẻ Chận Ngõ.

Thus the first thing of which the aspirant becomes aware is that which he knows to be undesirable and the revelation of his own unworthiness and limitations, and the undesirable constituents of his own aura burst on his vision. The darkness which is in him is intensified by the light which glimmers faintly from the centre of his being and frequently he despairs of himself and descends into the depths of depression. All mystics bear witness to this and it is a period which must be [185] lived through until the pure light of day drives all shadows and darkness away and little by little the life

Như vậy, điều đầu tiên mà người chí nguyện nhận biết là điều y biết là không đáng mong muốn, cùng sự mặc khải về sự bất xứng và các giới hạn của chính y; và những thành phần không đáng mong muốn trong chính hào quang của y bùng hiện trước tầm nhìn của y. Bóng tối ở trong y được tăng cường bởi ánh sáng le lói từ trung tâm bản thể của y, và thường khi y tuyệt vọng về chính mình, rơi xuống những vực sâu của trầm uất. Tất cả các nhà thần bí đều làm chứng cho điều này; và đó là một giai đoạn phải được [185] sống qua cho đến khi ánh sáng tinh khiết của ban ngày xua tan mọi bóng râm và bóng tối, và

is brightened and lightened until the sun in the head is shining in all its glory.

từng chút một đời sống được làm sáng lên, nhẹ đi, cho đến khi mặt trời trong đầu chiếu rạng trong toàn bộ vinh quang của nó.

d. Finally, the light in the head is indicative of the finding of the Path and there remains then for the man to study and understand the technique whereby the light is centralized, intensified, entered and eventually becomes that magnetic line (like unto a spider's thread) which can be followed back until the source of the lower manifestation is reached and the soul consciousness is entered. The above language is symbolic and yet vitally accurate but is expressed thus in order to convey information to those who know, and protect those who as yet know not.

d. Cuối cùng, ánh sáng trong đầu là dấu hiệu cho thấy Đường Đạo đã được tìm thấy; và khi đó con người còn phải nghiên cứu và thấu hiểu kỹ thuật nhờ đó ánh sáng được tập trung, tăng cường, đi vào, và cuối cùng trở thành đường từ tính ấy — giống như sợi tơ nhện — có thể được lần ngược trở lại cho đến khi nguồn của biểu hiện thấp được đạt tới và tâm thức linh hồn được bước vào. Ngôn ngữ trên là biểu tượng, nhưng vẫn chính xác một cách thiết yếu; tuy nhiên, nó được diễn đạt như vậy nhằm truyền đạt thông tin cho những ai biết, và bảo vệ những ai hiện chưa biết.

"The path of the just is as a shining Light" and yet at the same time a man has to become that path itself. He enters the light and becomes the light and functions then as a lamp set in a dark place, carrying illumination to others and lighting the way before them.

"Con đường của người công chính như Ánh sáng chói rạng", và đồng thời con người phải trở thành chính con đường ấy. Y đi vào ánh sáng và trở thành ánh sáng, rồi hoạt động như một ngọn đèn đặt nơi tối tăm, mang sự soi sáng đến cho người khác và chiếu sáng con đường trước mặt họ.

The next point that a Master has to consider before admitting a man into His group is whether or no such a step is karmically possible or whether there exist in a man's record those conditions which negate his admission in this life.

Điểm kế tiếp mà một Chân sư phải xem xét trước khi nhận một người vào nhóm của Ngài là liệu bước ấy có khả thi về mặt nghiệp quả hay không, hoặc liệu trong hồ sơ của người ấy có tồn tại những điều kiện phủ nhận việc y được nhận vào trong đời này hay không.

There are three main factors to be considered separately and in their relation to each other.

Có ba yếu tố chính cần được xem xét riêng rẽ và trong mối liên hệ với nhau.

First, are there such karmic obligations in a man's present life as would render it impossible for him to function as a disciple? In this connection it must be carefully borne in mind that a man can become a disciple

Trước hết, trong đời sống hiện tại của một người có những nghĩa vụ nghiệp quả nào khiến y không thể hoạt động như một đệ tử hay không? Trong mối liên hệ này, cần ghi nhớ cẩn thận rằng một người chỉ có thể trở

and merit the attention of a Master only when his life counts for something in the world of men, when he is an influence in his sphere, and when he is moulding and acting upon the minds and hearts of other men.

thành đệ tử và xứng đáng với sự chú ý của một Chân sư khi đời sống của y có giá trị nào đó trong thế giới loài người, khi y là một ảnh hưởng trong phạm vi của mình, và khi y đang uốn nắn cũng như tác động lên trí tuệ và trái tim của những người khác.

Until that is the case it is waste of a Master's time to [186] personally deal with him, for he can be adequately helped in other ways and has, for instance, much knowledge from books and teachers which is as yet theory and not practice, and much experience to pass through under the guidance of his own ego, the Master in his heart. When a man is a disciple he is one because he can be used for working out the plan of the Hierarchy, and can be influenced to materialize those endeavours which are planned to enable humanity to make the needed forward steps. This involves (in his physical plane life) time, and thought, right circumstance, and other considerations and it is quite possible for a man to have reached the stage *from the character standpoint,* where he merits the recognition of a Master, and yet have obligations and duties to work through which would handicap him for active service in some particular life. This the Master has to consider and this a man's own ego also considers.

Cho đến khi điều ấy xảy ra, Chân sư sẽ lãng phí thời gian nếu [186] đích thân làm việc với y, vì y có thể được trợ giúp đầy đủ bằng những cách khác; chẳng hạn, y có nhiều tri thức từ sách vở và các huấn sư, vốn cho đến nay vẫn là lý thuyết chứ chưa phải thực hành, và còn nhiều kinh nghiệm phải trải qua dưới sự hướng dẫn của chính chân ngã mình, vị Chân sư trong trái tim y. Khi một người là đệ tử, y là đệ tử vì y có thể được sử dụng để thực hiện Thiên Cơ của Thánh Đoàn, và có thể được ảnh hưởng để hiện hình những nỗ lực đã được hoạch định nhằm giúp nhân loại thực hiện những bước tiến cần thiết. Điều này bao hàm, trong đời sống trên cõi hồng trần của y, thời gian, tư tưởng, hoàn cảnh đúng đắn và những xét đoán khác; và hoàn toàn có thể có trường hợp một người đã đạt tới giai đoạn, *xét từ quan điểm Tính cách,* trong đó y xứng đáng được một Chân sư công nhận, nhưng vẫn có những nghĩa vụ và bổn phận phải hoàn tất, vốn sẽ cản trở y trong việc phụng sự tích cực ở một đời sống cụ thể nào đó. Điều này Chân sư phải xem xét, và chính chân ngã của người ấy cũng xem xét.

The result quite frequently at this time is that (perhaps unconsciously to the physical brain) a man will shoulder a great amount of experience, and undertake the working out of an abnormal amount of responsibility in one particular life, in order to free himself for service and chelaship in a later life. He works then at the equipping of himself for the next life, and at the patient performance of duty in his home, his circle of friends, and

Kết quả khá thường thấy vào lúc này là, có lẽ một cách vô thức đối với bộ não hồng trần, một người sẽ gánh lấy một lượng lớn kinh nghiệm, và đảm nhận việc thực hiện một lượng trách nhiệm bất thường trong một đời sống cụ thể, nhằm tự giải phóng cho phụng sự và địa vị đệ tử trong một đời sống sau. Khi ấy y làm việc để tự trang bị cho đời sống kế tiếp, và kiên nhẫn chu toàn bổn phận trong gia đình, trong vòng bạn bè và trong công

his business. He realises that from the egoic standpoint one life is but a short matter and soon gone and that by study, intelligent activity, loving service, and patient endurance, he is working out of those conditions which are preventing his prompt acceptance in a Master's group.

việc của mình. Y nhận ra rằng, từ quan điểm chân ngã, một đời sống chỉ là một việc ngắn ngủi và sớm qua đi; và rằng bằng học hỏi, hoạt động thông minh, phụng sự đầy tình thương và chịu đựng kiên nhẫn, y đang thoát ra khỏi những điều kiện ngăn trở việc y được chấp nhận nhanh chóng vào nhóm của một Chân sư.

A Master also studies the condition of an aspirant's physical body and of the subtler bodies to see whether in them are to be found states of consciousness which would hinder usefulness and act as obstacles. These conditions are likewise karmic and must be adjusted before his admission among other chelas becomes possible. A sick [187] physical body, an astral body prone to moods, emotions and psychic delusions, and a mental body uncontrolled or ill-equipped are all dangerous to the student unless straightened out and perfected. A chela is subjected constantly to the play of force coming to him from three main sources:

Một Chân sư cũng nghiên cứu tình trạng thể xác và các thể vi tế hơn của người chí nguyện, để xem trong chúng có những trạng thái tâm thức nào cản trở sự hữu dụng và hoạt động như chướng ngại hay không. Những điều kiện này cũng thuộc về nghiệp quả và phải được điều chỉnh trước khi việc y được nhận vào giữa các đệ tử khác trở nên khả thi. Một thể xác bệnh tật [187], một thể cảm dục dễ rơi vào tâm trạng, cảm xúc và những ảo tưởng thông linh, cùng một thể trí không được kiểm soát hoặc trang bị kém, tất cả đều nguy hiểm cho đạo sinh nếu chưa được chỉnh đốn và hoàn thiện. Một đệ tử thường xuyên chịu tác động của mãnh lực đến với y từ ba nguồn chính:

1. His own ego,

1. Chân ngã của chính y,

2. His Master,

2. Chân sư của y,

3. The group of co-disciples,

3. Nhóm các đệ tử đồng môn,

and unless he is strong, purified and controlled, these forces will serve but to stimulate undesirable conditions, to foster that which should be eliminated and to bring to the surface all the hidden weaknesses. That this has to be done inevitably is so, but much must be done along this line before admission into a group of disciples; otherwise much of the Master's valuable time will perforce be given to the elimination and nullifying of the effects of the chela's violent reactions on other chelas

và nếu y không mạnh mẽ, thanh luyện và được kiểm soát, những mãnh lực này chỉ sẽ kích thích các tình trạng không đáng mong muốn, nuôi dưỡng điều cần phải loại bỏ và đưa lên bề mặt mọi yếu điểm ẩn giấu. Điều này chắc chắn phải được thực hiện, nhưng nhiều việc theo đường lối này cần phải được làm trước khi được nhận vào một nhóm đệ tử; nếu không, nhiều thời gian quý báu của Chân sư tất yếu sẽ phải dành cho việc loại bỏ và vô hiệu hóa các tác động do những phản ứng dữ dội của đệ tử đối với các đệ tử khác

in the same group. It is better to wait and work gradually and intelligently oneself than force one's way unprepared into lines of forces before one can handle either them or their consequences.

trong cùng nhóm. Tốt hơn là chờ đợi và tự mình làm việc dần dần, một cách thông minh, hơn là chưa chuẩn bị mà ép mình đi vào các đường mãnh lực trước khi có thể xử lý chúng hoặc các hậu quả của chúng.

Another factor that an adept has to consider is whether there are in incarnation those chelas with whom a man has to work and who are karmically linked to him by ancient ties and old familiarity in similar work.

Một yếu tố khác mà một chân sư phải xem xét là liệu hiện đang lâm phàm có những đệ tử mà một người phải làm việc cùng, những người liên kết nghiệp quả với y bằng những mối dây cổ xưa và sự quen thuộc lâu đời trong công việc tương tự hay không.

Sometimes it may be deemed wiser for a man to wait a little while before being permitted to step off the physical path until a life comes in which his own co-workers, keyed to his vibration, and accustomed to work with him, are also in physical bodies, for a Master's group is entered in service to be rendered and specific work to be done, and not because a man is to receive a cultural training which will make him an adept some day. Chelas train themselves and when ready for any work a Master uses [188] them. They develop themselves and work out their own salvation and as step by step is taken their particular Master lays more and more responsibility upon them. He will train them in service technique, and in vibratory response to the Plan, but they learn to control themselves and to fit themselves for service.

Đôi khi, có thể được xem là khôn ngoan hơn nếu một người chờ đợi thêm một thời gian trước khi được phép bước ra khỏi con đường hồng trần, cho đến khi một đời sống đến trong đó các đồng sự của chính y, được điều chỉnh theo rung động của y và quen làm việc với y, cũng đang ở trong các thể xác; vì người ta bước vào nhóm của một Chân sư để phụng sự cần được thực hiện và công việc cụ thể cần được làm, chứ không phải vì một người sẽ nhận được sự huấn luyện văn hóa giúp y một ngày nào đó trở thành chân sư. Các đệ tử tự huấn luyện chính mình; và khi họ sẵn sàng cho bất cứ công việc nào, Chân sư sử dụng [188] họ. Họ phát triển chính mình và thực hiện sự giải thoát của chính mình; và khi từng bước được thực hiện, Chân sư riêng của họ đặt ngày càng nhiều trách nhiệm lên họ. Ngài sẽ huấn luyện họ về kỹ thuật phụng sự và về đáp ứng rung động đối với Thiên Cơ, nhưng họ học cách kiểm soát chính mình và làm cho mình thích hợp để phụng sự.

There are other karmic factors to be considered by a Master but these are the three paramount ones and of the most importance for aspirants to consider now. They are specified so that no true and earnest worker need be depressed and discouraged if he has no conscious link with

Có những yếu tố nghiệp quả khác mà một Chân sư phải xem xét, nhưng ba yếu tố này là tối quan trọng và là điều quan trọng nhất để những người chí nguyện hiện nay suy xét. Chúng được nêu rõ để không một người hoạt động chân thành và đúng đắn nào phải buồn nản hay nản lòng nếu y không có liên hệ hữu

the Master and is unaware of any affiliation with an esoteric group of chelas. It may not be because he is not fit. It may simply be because his ego has chosen this life to clear the decks for later action, to eliminate hindrances in one or other, or all of the three lower bodies, or to wait for that time when his admission may count the most.

thức với Chân sư và không biết đến bất cứ sự liên kết nào với một nhóm đệ tử huyền bí. Có thể không phải vì y không thích hợp. Có thể chỉ đơn giản là vì chân ngã của y đã chọn đời sống này để dọn đường cho hành động về sau, để loại bỏ các chướng ngại trong một hoặc nhiều, hay trong cả ba thể thấp, hoặc để chờ thời điểm khi việc y được nhận vào có thể mang lại hiệu quả lớn nhất.

The third factor, that of service, for which the Master looks is one upon which the aspirant has the least to say and may very probably misinterpret. Spiritual ambition, the desire to function as the centre of a group, the longing to hear oneself speaking, teaching, lecturing, or writing are often wrongly interpreted by the aspirant as service. The Master looks not at a worker's worldly force or status, not at the numbers of people who are gathered around his personality but at the motives which prompt his activity and at the effect of his influence upon his fellowmen. True service is the spontaneous outflow of a loving heart and an intelligent mind; it is the result of being in the right place and staying there; it is produced by the inevitable inflow of spiritual force and not by strenuous physical plane activity; it is the effect of a man's being what he truly is, a divine Son of God, and not by the studied effect of his words or deeds. A true server gathers around him those whom it is his duty to serve [189] and aid by the force of his life and his spiritualised personality, and not by his claims or loud speaking. In self-forgetfulness he serves; in self-abnegation he walks the earth, and he gives no thought to the magnitude or the reverse of his accomplishment and has no pre-conceived ideas as to his own value or usefulness. He lives, serves, works and influences, asking nothing for the separated self.

Yếu tố thứ ba, tức phụng sự, mà Chân sư tìm kiếm là điều mà người chí nguyện ít có tiếng nói nhất và rất có thể diễn giải sai. Tham vọng tinh thần, mong muốn hoạt động như trung tâm của một nhóm, niềm khao khát được nghe chính mình nói, giảng dạy, thuyết trình hoặc viết lách, thường bị người chí nguyện diễn giải sai là phụng sự. Chân sư không nhìn vào mãnh lực hay địa vị thế gian của một người hoạt động, cũng không nhìn vào số người quy tụ quanh phàm ngã của y, mà nhìn vào các động cơ thúc đẩy hoạt động của y và tác động của ảnh hưởng của y lên đồng loại. Phụng sự chân chính là dòng tuôn trào tự phát của một trái tim đầy tình thương và một thể trí thông minh; nó là kết quả của việc ở đúng nơi và ở lại đó; nó được tạo ra bởi luồng tuôn vào tất yếu của mãnh lực tinh thần, chứ không phải bởi hoạt động căng thẳng trên cõi hồng trần; nó là hiệu quả của việc một người là điều y thật sự là — một Con thiêng liêng của Thượng đế — chứ không phải bởi hiệu quả được sắp đặt của lời nói hay hành động của y. Một người phụng sự chân chính quy tụ quanh mình những người mà y có bổn phận phụng sự [189] và trợ giúp bằng mãnh lực của đời sống mình và phàm ngã đã được tinh thần hóa của mình, chứ không bằng những tuyên bố hay lời nói ồn ào. Trong sự quên mình, y phụng sự; trong sự từ bỏ bản thân, y bước đi trên Trái Đất; và y không nghĩ đến tầm vóc lớn hay nhỏ của thành tựu mình, cũng không có những ý tưởng định sẵn về giá trị hay sự hữu dụng của chính mình. Y sống, phụng sự, làm

việc và ảnh hưởng, không đòi hỏi điều gì cho bản ngã biệt lập.

When a Master sees this manifestation in a man's life, as the result of the awakening of the inner light and the adjustment of his karmic obligations, then He sounds out a note and waits to see if the man recognises his own group note. On this recognition, he is admitted into his own group of co-workers, and can stand in the presence of his Master.

Khi một Chân sư thấy sự biểu hiện này trong đời sống của một người, như kết quả của sự thức tỉnh ánh sáng bên trong và sự điều chỉnh các nghĩa vụ nghiệp quả của y, khi ấy Ngài xướng lên một âm điệu và chờ xem người ấy có nhận ra âm điệu nhóm của chính mình hay không. Trên sự nhận ra này, y được nhận vào nhóm đồng sự của chính mình, và có thể đứng trước sự hiện diện của Chân sư mình.

Heart, Throat and Eye

Later, when the knowledge here conveyed is assimilated, the aspirant will come to an understanding of the true meaning of the heart, the throat, and the eye—which it is the object of the Guides of the race to stimulate into functioning activity at this time. We will therefore consider now:

Về sau, khi tri thức được truyền đạt ở đây được đồng hóa, người chí nguyện sẽ đi đến sự thấu hiểu ý nghĩa chân thật của tim, cổ họng và mắt — những điều mà các Đấng Dẫn Dắt nhân loại đang nhằm kích thích để đi vào hoạt động trong thời điểm này. Vì vậy, giờ đây chúng ta sẽ xem xét:

1. The heart centre, the throat centre, and the centre between the eyes.

1. Trung tâm tim, trung tâm cổ họng, và trung tâm giữa hai mắt.

2. Their awakening and co-ordination.

2. Sự thức tỉnh và phối hợp của chúng.

3. To what uses they will be put in the coming world cycle.

3. Những công dụng mà chúng sẽ được dùng đến trong chu kỳ thế giới sắp tới.

This subject is of vital importance to the modern aspirant, for the mechanism of the heart, the throat, and the eye—constituting part of the inner structure which he must learn to use—has to be mastered and consciously employed by him before any true creative work is possible. When I use the words 'creative work' I am speaking esoterically and am not referring to the valuable work [190] done by the artists of the world in their many lines of expression.

Chủ đề này có tầm quan trọng thiết yếu đối với người chí nguyện hiện đại, vì bộ máy của tim, cổ họng và mắt — cấu thành một phần của cấu trúc bên trong mà y phải học cách sử dụng — phải được y làm chủ và vận dụng một cách hữu thức trước khi bất cứ công việc sáng tạo chân chính nào có thể xảy ra. Khi Tôi dùng các từ "công việc sáng tạo", Tôi đang nói một cách huyền bí và không ám chỉ công việc giá trị [190] được các nghệ sĩ của thế gian thực hiện trong nhiều đường lối

Their efforts, to the seer, are indicative of an inner stirring, of an inner co-ordination and a motivated activity which will lead to true esoteric endeavour and to creative work on the subtler planes.

biểu đạt của họ. Đối với nhà thông nhãn, các nỗ lực của họ là dấu hiệu của một sự khuấy động bên trong, một sự phối hợp bên trong và một hoạt động có động cơ, những điều sẽ dẫn tới nỗ lực huyền bí chân chính và công việc sáng tạo trên các cõi vi tế hơn.

I am assuming in the student an elementary knowledge of the vital body and of its force centres and I am assuming that these seven centres or lotuses have, theoretically, a place in his imagination. I use the word imagination with purposeful intent, for until there is knowledge and clear vision, imaginative assumption is a potent factor in bringing about the activity of the centres.

Tôi giả định nơi đạo sinh một tri thức sơ đẳng về thể sinh lực và các trung tâm mãnh lực của nó; và Tôi giả định rằng bảy trung tâm hay hoa sen này, về mặt lý thuyết, có một vị trí trong sự tưởng tượng của y. Tôi dùng từ sự tưởng tượng với ý định có chủ đích, vì cho đến khi có tri thức và tầm nhìn rõ ràng, sự giả định bằng tưởng tượng là một yếu tố mạnh mẽ trong việc đưa các trung tâm vào hoạt động.

Let us, for the sake of clarity, list these lotuses with their petal numbers, and their location. Their colours are immaterial at present from the standpoint of the student, for much that has been given out is erroneous or in the nature of a blind, and in any case, the esoteric colours are widely different from the exoteric.

Để rõ ràng, chúng ta hãy liệt kê các hoa sen này với số cánh hoa và vị trí của chúng. Từ quan điểm của đạo sinh, màu sắc của chúng hiện không quan trọng, vì nhiều điều đã được đưa ra là sai lầm hoặc mang tính che đậy; và trong mọi trường hợp, các màu sắc huyền bí khác xa với các màu sắc ngoại môn.

1. The base of the spine.....4 petals.

1. Đáy cột sống.....4 cánh hoa.

2. The sacral centre.....6 petals.

2. Trung tâm xương cùng.....6 cánh hoa.

3. The solar plexus centre.....10 petals.

3. Trung tâm tùng thái dương.....10 cánh hoa.

Diaphragm.

Cơ hoành.

4. Heart centre.....12 petals.

4. Trung tâm tim.....12 cánh hoa.

5. Throat centre.....16 petals.

5. Trung tâm cổ họng.....16 cánh hoa.

6. Centre between the eyebrows..2 petals.

6. Trung tâm giữa hai lông mày..2 cánh hoa.

7. Head centre.....1000 petals.

7. Trung tâm đầu.....1000 cánh hoa.

Next, let the student remember two important facts, which may be regarded as elementary and preliminary but which nevertheless have to be worked out into conscious realisation and become part of the purposed intent of the aspirant's training. It is easy to generalise. It is difficult to realise. It is simple to grasp the informative intellectual data regarding the centres of force; it is most difficult to bring about the rearrangement of the forces flowing through these vortices, and to learn to function consciously through the higher centres, subordinating the [191] lower ones. This has to be done also without laying the emphasis upon the form aspect as is the case in many practices used to vitalise the centres. The two facts of importance are:

Kế tiếp, đạo sinh hãy nhớ hai sự kiện quan trọng, có thể được xem là sơ đẳng và mở đầu, nhưng dù vậy vẫn phải được khai triển thành sự chứng nghiệm hữu thức và trở thành một phần trong ý định có chủ đích của việc huấn luyện người chí nguyện. Khái quát hóa thì dễ. Chứng nghiệm thì khó. Nắm bắt dữ kiện trí năng mang tính thông tin về các trung tâm mãnh lực thì đơn giản; nhưng tạo ra sự sắp xếp lại các mãnh lực tuôn chảy qua những xoáy lực này, và học cách hoạt động hữu thức qua các trung tâm cao hơn, đặt các trung tâm [191] thấp dưới quyền phụ thuộc, là điều hết sức khó. Điều này cũng phải được thực hiện mà không đặt nhấn mạnh lên phương diện hình tướng, như trường hợp trong nhiều thực hành được dùng để tiếp sinh lực cho các trung tâm. Hai sự kiện quan trọng là:

1. The three centres below the diaphragm,

1. Ba trung tâm dưới cơ hoành,

a. Base of spine,

a. Đáy cột sống,

b. Sacral centre,

b. Trung tâm xương cùng,

c. Solar plexus centre,

c. Trung tâm tùng thái dương,

which are, at present, the most potent in average humanity and the most 'alive', require to be re-organised, re-oriented, and to be brought from a state of positivity into that of negativity.

vốn hiện nay là những trung tâm mạnh nhất nơi nhân loại trung bình và "sống động" nhất, cần được tái tổ chức, tái định hướng, và được đưa từ trạng thái dương tính sang trạng thái âm tính.

Equally, the four centres above the diaphragm,

Tương tự, bốn trung tâm trên cơ hoành,

a. The heart centre,

b. The throat centre,

c. The centre between the eyebrows,

d. The head centre,

must be awakened and brought fr om a state of negativity into that of positivity.

This has to be brought about in two ways. First, by the transference of the positive energy of the lower centres into that of the higher, and secondly by the awakening of the head centre by the demonstration of the activity of the will. The first effect is produced by character building, and by the purification of the bodies, as used by the soul in the three worlds. The second is the result of meditation and the development of organised purpose, imposed by the will upon the daily life. Character building, clean living, controlled emotional reactions, and right thinking are the platitudes of all religious systems and have lost weight from our very familiarity with them. It is not easy to remember that as we live purely and rightly, we are verily and indeed working with forces, subjecting energies to our needs, subordinating [192] elemental lives to the requirements of spiritual being, and bringing into activity a mechanism and a vital structure which has hitherto been only latent and quiescent. Nevertheless, it remains a fact that when the energies, latent at the base of the spine, are carried to the head and are brought (via the solar plexus, that clearing house of energy, and the medulla oblongata) to the centre between the eyebrows, then the personality, the matter aspect, reaches its apotheosis and the Virgin Mary—in the individual sense, which

a. Trung tâm tim,

b. Trung tâm cổ họng,

c. Trung tâm giữa hai lông mày,

d. Trung tâm đầu,

phải được đánh thức và đưa từ trạng thái âm tính sang trạng thái dương tính.

Điều này phải được thực hiện theo hai cách. Thứ nhất, bằng sự chuyển dịch năng lượng dương tính của các trung tâm thấp vào các trung tâm cao; và thứ hai, bằng sự thức tỉnh trung tâm đầu nhờ sự biểu lộ hoạt động của ý chí. Hiệu quả thứ nhất được tạo ra bằng lập hạnh và bằng sự thanh luyện các thể, như linh hồn sử dụng trong ba cõi giới. Hiệu quả thứ hai là kết quả của tham thiền và sự phát triển mục đích có tổ chức, được ý chí áp đặt lên đời sống hằng ngày. Lập hạnh, đời sống trong sạch, các phản ứng cảm xúc được kiểm soát và tư duy đúng đắn là những điều sáo mòn của mọi hệ thống tôn giáo, và đã mất sức nặng vì chúng ta quá quen thuộc với chúng. Không dễ nhớ rằng khi chúng ta sống thanh khiết và đúng đắn, chúng ta thật sự và quả thực đang làm việc với các mãnh lực, đặt các năng lượng dưới nhu cầu của mình, đặt [192] các sự sống hành khí dưới các yêu cầu của bản thể tinh thần, và đưa vào hoạt động một bộ máy cùng một cấu trúc sinh lực vốn cho đến nay chỉ tiềm tàng và yên lặng. Tuy nhiên, vẫn là sự thật rằng khi các năng lượng tiềm tàng ở đáy cột sống được đưa lên đầu và được mang, qua tùng thái dương — trạm trung chuyển năng lượng ấy — và hành tủy, đến trung tâm giữa hai lông mày, thì phàm ngã, phương diện vật chất, đạt tới sự tôn vinh tối cao của nó; và Đức Mẹ Đồng Trinh Maria — theo nghĩa cá nhân, vốn là một song đối hữu hạn của một Thực Tại vô

is a finite parallel of an infinite Reality—is "carried up into Heaven" there to sit by the side of her son, the Christ, the soul.

hạn — được "đưa lên Thiên Đường" để ngồi bên cạnh con của bà, Đức Christ, tức linh hồn.

When the energies of the sacral centre, focussed hitherto on the work of physical creation and generation and therefore the source of physical sex life and interest, are sublimated, re-oriented and carried up to the throat centre, then the aspirant becomes a conscious creative force in the higher worlds; he enters within the veil, and begins to create the pattern of things which will bring about eventually the new heavens and the new earth.

Khi các năng lượng của trung tâm xương cùng, vốn cho đến nay tập trung vào công việc sáng tạo và sinh sản hồng trần, và do đó là nguồn của đời sống và sự quan tâm tính dục hồng trần, được thăng hoa, tái định hướng và đưa lên trung tâm cổ họng, khi ấy người chí nguyện trở thành một mãnh lực sáng tạo hữu thức trong các thế giới cao hơn; y đi vào bên trong bức màn, và bắt đầu tạo ra mô hình của những sự vật sẽ cuối cùng đem lại trời mới và đất mới.

When the energies of the solar plexus—expressions hitherto of the potent desire nature, feeding the emotional life of the personality—are equally transmuted and re-oriented, then they are carried to the heart centre and there is brought about as a result a realisation of group consciousness, of group love, and group purpose which makes the aspirant a server of humanity and a fit associate of the Elder Brethren of the race.

Khi các năng lượng của tùng thái dương — cho đến nay là các biểu hiện của bản chất dục vọng mạnh mẽ, nuôi dưỡng đời sống cảm xúc của phàm ngã — cũng được chuyển hoá và tái định hướng, khi ấy chúng được đưa đến trung tâm tim; và kết quả là sự chứng nghiệm về tâm thức nhóm, tình thương nhóm và mục đích nhóm được tạo ra, điều này làm cho người chí nguyện trở thành người phụng sự nhân loại và một cộng sự thích hợp của các Huynh Trưởng của nhân loại.

When these three transfers have been consummated then an activity transpires in the head centre, the ultimate governing factor, and by an act of the will of the indwelling ruling soul, certain happenings take place which we can consider later in our studies.

Khi ba sự chuyển dịch này đã hoàn tất, bấy giờ một hoạt động diễn ra trong trung tâm đầu, yếu tố cai quản tối hậu; và bằng một hành động của ý chí từ linh hồn cai quản nội tại, một số biến cố xảy ra mà chúng ta có thể xem xét về sau trong các nghiên cứu của mình.

2. The second fact to bear in mind is that as these changes and re-orientations take place, the disciple begins to awaken psychologically to new states of consciousness, [193] to new states of existence, and to new states of being. It will be apparent therefore how necessary it is to

2. Sự kiện thứ hai cần ghi nhớ là khi những thay đổi và tái định hướng này xảy ra, đệ tử bắt đầu thức tỉnh về mặt tâm lý đối với các trạng thái tâm thức mới, [193] các trạng thái hiện hữu mới, và các trạng thái bản thể mới. Do đó sẽ hiển nhiên rằng cần thiết biết bao phải tiến hành chậm rãi trong những vấn đề

go slowly in these matters, so that the mental apprehension and ability to reason logically and sanely may parallel the growth of the intuition and of spiritual perception. Many schools are simply forcing schools, prematurely developing the higher faculties and leading the aspirant (if I might express it in mystical language) directly out of the realm of feeling and of desire into that of the intuition, but leaving the intellectual faculties and the mental apparatus totally undeveloped and latent. When this is the case then—again speaking mystically—an hiatus or a gap occurs, in part of the equipment which the soul must perforce use in the three worlds of its endeavour. The interpreting, organising, understanding mind is unable to play its part. Where there is lack of understanding and of mental ability, there is danger of misapprehension, of credulity and of wrong interpretation of the phenomena of other states of being. A sense of values will be lacking, and the aspirant will over-estimate the non-essentials and fail to grasp the value of the spiritual realities.

này, để sự nắm bắt trí tuệ và khả năng lý luận hợp lý, lành mạnh có thể song hành với sự tăng trưởng của trực giác và tri giác tinh thần. Nhiều trường phái chỉ đơn giản là những trường phái cưỡng bức, phát triển non sớm các năng lực cao hơn và dẫn người chí nguyện — nếu Tôi có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ thần bí — trực tiếp ra khỏi lĩnh vực cảm xúc và dục vọng vào lĩnh vực trực giác, nhưng để các năng lực trí năng và bộ máy trí tuệ hoàn toàn chưa phát triển và còn tiềm tàng. Khi điều này xảy ra, thì — lại nói một cách thần bí — có một khoảng gián đoạn hay khoảng trống xuất hiện trong một phần của trang bị mà linh hồn tất yếu phải sử dụng trong ba cõi giới nỗ lực của nó. Thể trí diễn giải, tổ chức và thấu hiểu không thể đóng vai trò của mình. Nơi nào thiếu sự thấu hiểu và năng lực trí tuệ, nơi đó có nguy cơ hiểu lầm, cả tin và diễn giải sai các hiện tượng của những trạng thái bản thể khác. Ý thức về giá trị sẽ thiếu vắng, và người chí nguyện sẽ đánh giá quá cao những điều không thiết yếu, đồng thời không nắm bắt được giá trị của các thực tại tinh thần.

Energy may pour into the force centres in these cases, but because there is no directing intelligence it will run riot and we then have those sad cases which strew the path of occult endeavour and have brought the work of the Lodge into disrepute—cases of over-emphasized personalities, of superstitious devotees, of credulous followers of leaders, of fanatical unbalanced idealists, and of those warped minds which arrogate to themselves powers which are not theirs. Men and women become swayed by astralism and wander in the vale of illusion regarding themselves as different from other men, placing themselves upon a pedestal far above average humanity. They fall consciously into the sin of separateness. Add to the above category, the cases of sex

Trong những trường hợp này, năng lượng có thể tuôn vào các trung tâm mãnh lực, nhưng vì không có trí tuệ chỉ đạo nên nó sẽ chạy loạn; và khi đó chúng ta có những trường hợp đáng buồn rải rác trên con đường nỗ lực huyền bí, đã khiến công việc của Thánh đoàn bị mang tiếng — những trường hợp của các phàm ngã được nhấn mạnh quá mức, các tín đồ mê tín, các môn đồ cả tin của những người lãnh đạo, các nhà lý tưởng cuồng tín và mất quân bình, và những tâm trí lệch lạc tự nhận cho mình các quyền năng không thuộc về họ. Những người nam và nữ bị chi phối bởi tính cảm dục và lang thang trong thung lũng ảo tưởng, tự xem mình khác với những người khác, đặt mình lên một bệ cao vượt xa nhân loại trung bình. Họ rơi một cách hữu thức vào tội chia rẽ. Hãy

perversion, [194] brought about by over-stimulation of the sacral centre, the cases of neuroticism and over-sensitivity and emotionalism, brought about by the premature vitalisation of the solar plexus centre, and lastly the cases of insanity, brought about by over-stimulation of the brain cells through unwise meditation work, and it will become increasingly clear why it is deemed necessary to proceed slowly and to develop the mental processes as well as the spiritual nature.

thêm vào loại trên các trường hợp lệch lạc tính dục, [194] do sự kích thích quá mức trung tâm xương cùng gây ra; các trường hợp nhiễu tâm, quá nhạy cảm và duy cảm, do việc tiếp sinh lực non sớm cho trung tâm tùng thái dương gây ra; và sau cùng các trường hợp mất trí, do sự kích thích quá mức các tế bào não qua công việc tham thiền thiếu khôn ngoan; và điều sẽ ngày càng rõ ràng là tại sao cần phải tiến hành chậm rãi và phát triển các tiến trình trí tuệ cũng như bản chất tinh thần.

The average student starts with the knowledge that he has centres, and with a desire for purity of character. He is assured by those who know that, as he strives, meditates, studies and serves, certain changes will take place within him, and that there will arise from the depths of his being, an awakening which will be dynamic. He is told that there will follow a breathing forth, a stirring and a vitalising which will bring his subjective spiritual life into prominence. This subjective life expresses itself as spiritual energy, through the medium of the energy or vital body and the energy thus expressed will change his life focus and interests, and produce a magnetic and dynamic effect which will attract and lift humanity. This energy is sevenfold in nature and utilises seven focal points in the etheric body as its agents.

Đạo sinh trung bình bắt đầu với tri thức rằng y có các trung tâm, và với một mong muốn về sự thanh khiết của Tính cách. Y được những người biết bảo đảm rằng, khi y nỗ lực, tham thiền, học hỏi và phụng sự, những thay đổi nhất định sẽ diễn ra trong y, và từ các chiều sâu của bản thể y sẽ phát sinh một sự thức tỉnh có tính năng động. Y được nói rằng tiếp theo đó sẽ có một sự thở ra, một sự khuấy động và một sự tiếp sinh lực, điều sẽ đưa đời sống tinh thần nội tại của y lên vị trí nổi bật. Đời sống nội tại này tự biểu hiện như năng lượng tinh thần, qua trung gian của thể năng lượng hay thể sinh lực; và năng lượng được biểu hiện như vậy sẽ thay đổi trọng tâm đời sống và các mối quan tâm của y, đồng thời tạo ra một hiệu quả từ tính và năng động, sẽ thu hút và nâng cao nhân loại. Năng lượng này có bản chất thất phân và sử dụng bảy điểm tập trung trong thể dĩ thái làm các tác nhân của nó.

It is not possible for the aspirant to work with and utilise all these seven types of energy intelligently in the early stages of the Path of Discipleship. The emphasis, for training purposes, is laid upon only three of them. These are:

Người chí nguyện không thể làm việc với và sử dụng một cách thông minh tất cả bảy loại năng lượng này trong các giai đoạn đầu của Con Đường Đệ Tử. Vì mục đích huấn luyện, sự nhấn mạnh chỉ được đặt lên ba loại trong số đó. Đó là:

1. *That of Will, strength or power,* through the medium of the head centre. This is the

1. *Năng lượng của Ý chí, sức mạnh hay quyền năng,* qua trung gian của trung tâm đầu. Đây

energy of the spiritual man, and comes directly from the Monad, via the soul. Up to the third initiation however, all that the disciple needs to grasp is that the will aspect of the soul should control the personality, via the mental [195] body to the head centre. When this is the case the thousand-petalled lotus begins to function. The line of this stream of force is:

là năng lượng của con người tinh thần, và đến trực tiếp từ chân thần, qua linh hồn. Tuy nhiên, cho đến lần điểm đạo thứ ba, tất cả những gì đệ tử cần nắm bắt là phương diện ý chí của linh hồn phải kiểm soát phàm ngã, qua thể trí [195] đến trung tâm đầu. Khi điều này xảy ra, hoa sen nghìn cánh bắt đầu hoạt động. Đường của dòng mãnh lực này là:

Monad.

Chân thần.

Atma. Spiritual will.

Atma. Ý chí tinh thần.

The inner circle of petals in the egoic lotus, the will petals.

Vòng cánh hoa bên trong của Hoa Sen Chân Ngã, các cánh hoa ý chí.

The mental body.

Thể trí.

The head centre in the etheric body.

Trung tâm đầu trong thể dĩ thái.

The nervous system and brain.

Hệ thần kinh và bộ não.

2. *That of Love-Wisdom*, through the medium of the heart centre. This centre, when awakened, leads to that expansion of consciousness which initiates a man into his group life. He loses the sense of separateness, and finally emerges into the full light of realisation—a realisation of unity with his own indwelling God, with all humanity, with all souls in all forms of nature, and so with the Oversoul. This force stream comes likewise from the Monad, via the soul, and its line is as follows:

2. *Năng lượng của Bác Ái – Minh Triết*, qua trung gian của trung tâm tim. Trung tâm này, khi được đánh thức, dẫn đến sự mở rộng tâm thức vốn điểm đạo con người vào đời sống nhóm của y. Y mất đi ý thức chia rẽ, và cuối cùng đi vào ánh sáng trọn vẹn của chứng nghiệm — chứng nghiệm về sự hợp nhất với Thượng đế nội tại của chính mình, với toàn thể nhân loại, với mọi linh hồn trong mọi hình tướng của tự nhiên, và do đó với đại hồn. Dòng mãnh lực này cũng đến từ chân thần, qua linh hồn, và đường của nó như sau:

Monad.

Chân thần.

Buddhi. Spiritual love. The intuition.

Bồ đề. Tình thương tinh thần. Trực giác.

The second circle of petals in the egoic lotus, the love petals.

Vòng cánh hoa thứ hai trong Hoa Sen Chân Ngã, các cánh hoa bác ái.

The astral body.

Thể cảm dục.

The heart centre.

Trung tâm tim.

The blood stream.

Dòng máu.

In the little evolved man, this force stream simply passes through the heart centre direct to the solar plexus and expends its two aspects of vital life and of soul quality, one energising the blood stream and the other awakening the solar plexus centre. This then becomes the dominant factor in the energy life of the man, and the force through which his desire nature expresses itself, until such time as the aspirant brings [196] about the needed transmutation and re-orientation of his emotional desire nature. Then the heart awakens into activity and the life of the solar plexus centre becomes subordinated to that of the heart. This is brought about by the development of group interests, by the cultivation of inclusiveness and the steady loss of interest in the personality, and in things separative and selfish.

Ở người ít tiến hoá, dòng mãnh lực này chỉ đơn giản đi qua trung tâm tim thẳng đến tùng thái dương và tiêu dùng hai phương diện của nó là sự sống sinh lực và phẩm tính linh hồn, một phương diện tiếp năng lượng cho dòng máu, còn phương diện kia đánh thức trung tâm tùng thái dương. Khi ấy, trung tâm này trở thành yếu tố chi phối trong đời sống năng lượng của con người, và là mãnh lực qua đó bản chất dục vọng của y tự biểu hiện, cho đến khi người chí nguyện tạo ra [196] sự chuyển hoá và tái định hướng cần thiết đối với bản chất dục vọng cảm xúc của mình. Khi đó, tim thức tỉnh vào hoạt động, và đời sống của trung tâm tùng thái dương trở nên phụ thuộc vào đời sống của tim. Điều này được tạo ra nhờ sự phát triển các mối quan tâm nhóm, nhờ việc vun bồi tính bao gồm và sự mất dần mối quan tâm đối với phàm ngã, cũng như đối với những điều chia rẽ và ích kỷ.

3. *That of active intelligence,* or the energy which animates the form aspect, and which creates forms in line with the subjective purposes of the presiding intelligence—God or man, human or divine. This also proceeds from the third aspect of the Monad, and the line of its contact is:

3. *Năng lượng của trí tuệ hoạt động,* hay năng lượng làm sinh động phương diện hình tướng, và tạo ra các hình tướng phù hợp với các mục đích nội tại của trí tuệ chủ quản — Thượng đế hay con người, nhân loại hay thiêng liêng. Năng lượng này cũng phát xuất từ phương diện thứ ba của chân thần, và đường tiếp xúc của nó là:

Monad.

Chân thần.

Manas. Spiritual intelligence. The higher mind.

Manas. Trí tuệ tinh thần. Thượng trí.

The third or outer circle of petals in the egoic lotus, the knowledge petals.

Vòng thứ ba hay vòng ngoài của các cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã, tức các cánh hoa tri thức.

The etheric body as a whole, as it pervades the dense physical body.

Thể dĩ thái xét như một toàn thể, khi nó thấm khắp thể xác đậm đặc.

The throat centre.

Trung tâm cổ họng.

The cells of the body.

Các tế bào của thể xác.

In the little evolved man, as in the case of the second aspect and its unfoldment, the energy simply passes through the throat centre and goes directly to the sacral centre, and thus brings into activity the generative processes and creative faculties, utilised in the reproductive work and sex life of the race.

Nơi người kém tiến hóa, cũng như trong trường hợp phương diện thứ hai và sự khai mở của nó, năng lượng chỉ đơn giản đi xuyên qua trung tâm cổ họng và đi thẳng đến trung tâm xương cùng, nhờ đó đưa các tiến trình sinh sản và những năng lực sáng tạo vào hoạt động, được sử dụng trong công việc sinh sản và đời sống tính dục của nhân loại.

This is a broad and general outline of the three main streams of force or divine energy and their direction.

Đây là một phác thảo rộng và tổng quát về ba dòng chính của mãnh lực hay năng lượng thiêng liêng và hướng đi của chúng.

The relationship of the head centre to the base of the spine, where lies the sleeping fire, will not be considered here, nor will the function of the solar plexus centre as a clearing-house for the lower energies be touched upon. I [197] am anxious for the students simply to grasp the general idea and the skeleton of the teaching.

Mối liên hệ giữa trung tâm đầu và đáy cột sống, nơi lửa đang ngủ yên, sẽ không được xét đến ở đây; chức năng của trung tâm tùng thái dương như một trạm trung chuyển cho các năng lượng thấp cũng sẽ không được đề cập. Tôi [197] mong các đạo sinh chỉ nắm được ý tưởng tổng quát và bộ khung của giáo huấn.

Every human being in the course of time works his way back on the Path of Return to one of the three major rays. All have eventually to express intelligent creative faculty, to be animated by divine love, and to

Theo thời gian, mọi con người đều tự mở đường trở lại trên Con Đường Trở Về để đến một trong ba cung chính. Cuối cùng, tất cả đều phải biểu lộ năng lực sáng tạo thông minh, được linh hoạt bởi tình thương thiêng

bring into functioning activity the Will, as it works out divine purpose and plan.

liêng, và đưa Ý Chí vào hoạt động chức năng, khi nó thực hiện Thiên Ý và Thiên Cơ.

The first centre which the aspirant seeks consciously to energise and on which he concentrates during the early stages of his novitiate, is the heart centre. He has to learn to be group conscious, to be sensitive to group ideals, and to be inclusive in his plans and concepts; he has to learn to love collectively and purely, and not be actuated by personality attraction, and the motive of reward. Until there is this awakening in the heart, he cannot be trusted to wield the creative powers of the throat centre, for they would be subordinated to self-aggrandisement and ambitions of various kinds.

Trung tâm đầu tiên mà người chí nguyện tìm cách tiếp sinh lực một cách có ý thức, và cũng là trung tâm mà y tập trung vào trong các giai đoạn đầu của thời kỳ sơ tu, là trung tâm tim. Y phải học trở nên có tâm thức tập thể, nhạy cảm với các lý tưởng tập thể, và bao gồm trong các kế hoạch cùng quan niệm của mình; y phải học yêu thương một cách tập thể và trong sạch, chứ không bị thúc đẩy bởi sự hấp dẫn của phàm ngã hay động cơ được tưởng thưởng. Cho đến khi có sự thức tỉnh này trong tim, y chưa thể được tin cậy để sử dụng các quyền năng sáng tạo của trung tâm cổ họng, vì chúng sẽ bị lệ thuộc vào sự tự tôn và những tham vọng đủ loại.

Here it should be noted that none of these unfoldments can ever be approached from the standpoint of complete static passivity or from the angle of an entirely new undertaking. We are in process of evolution. Certain aspects of our force centres are already awakened, and functioning in relation to the form aspect, but are not yet expressing soul qualities. We have behind us a long and fruitful past. We are none of us purely selfish or separative. Human society is now cohesive and inter-dependent. Humanity, as a whole, has already done much in bringing the heart centre into partial activity, and in awakening some of the more important aspects of the throat centre.

Ở đây cần lưu ý rằng không một sự khai mở nào trong các sự khai mở này có thể được tiếp cận từ lập trường hoàn toàn thụ động tĩnh tại, hay từ góc độ của một công việc hoàn toàn mới. Chúng ta đang ở trong tiến trình tiến hóa. Một vài phương diện của các trung tâm mãnh lực nơi chúng ta đã thức tỉnh và đang hoạt động trong liên hệ với phương diện hình tướng, nhưng chưa biểu lộ các phẩm tính của linh hồn. Phía sau chúng ta là một quá khứ dài lâu và phong phú. Không ai trong chúng ta hoàn toàn ích kỷ hay chia rẽ. Xã hội nhân loại hiện nay có tính cố kết và nương tựa lẫn nhau. Nhân loại, xét như một toàn thể, đã làm được nhiều điều trong việc đưa trung tâm tim vào hoạt động một phần, và trong việc đánh thức một vài phương diện quan trọng hơn của trung tâm cổ họng.

The problem with many aspirants today is that of the solar plexus, for it is wide open, actively functioning and almost fully awakened. The work of transmutation is however going on simultaneously, leading—

Vấn đề của nhiều người chí nguyện ngày nay là vấn đề của tùng thái dương, vì trung tâm này đang rộng mở, hoạt động mạnh mẽ và hầu như đã thức tỉnh hoàn toàn. Tuy nhiên, công việc chuyển hóa đang diễn ra đồng

as one might [198] naturally suppose—to a good deal of difficulty and to chaotic conditions. The heart centre is also beginning to vibrate, but is not yet awakened; the throat centre is frequently prematurely awakened, through the transfer of energy from the sacral centre. This is due to several causes—sometimes to spiritual purpose and intent, but more frequently to a negation of the normal sex life, owing to economic conditions, or to a lack of physical vitality, which predisposes to celibacy. This lack of vital force is in its turn due to many factors, but primarily to a long heredity, producing a degeneracy of the physical body, or to enforced celibacy in past lives; this enforced celibacy was very often the result of monasticism and the living of the mystical life. When this creative awakening finds expression through any of the arts—literature, painting, music, —or in group organization and executive work there is no harm wrought, for the energy finds a normal creative outlet. These points should he remembered by the aspirant. He is facing a most complex problem. He enters blindly into a situation which is the result of a long evolutionary process and to which he has not the key. Especially in the early stages and prior to the first initiation is this the case, for he has no knowledge of the history of the past, nor any prevision as to the future. He has simply to take his equipment and his opportunity and do the best he can, guided by the age-old rules of Raja Yoga, and the light of his own soul.

thời, dẫn đến — như người ta có thể [198] tự nhiên giả định — nhiều khó khăn và những tình trạng hỗn loạn. Trung tâm tim cũng đang bắt đầu rung động, nhưng chưa thức tỉnh; trung tâm cổ họng thường thức tỉnh quá sớm do sự chuyển dịch năng lượng từ trung tâm xương cùng. Điều này do nhiều nguyên nhân — đôi khi do mục đích và ý hướng tinh thần, nhưng thường hơn là do sự phủ nhận đời sống tính dục bình thường, vì các điều kiện kinh tế, hoặc do thiếu sinh lực thể chất, điều khiến người ta dễ thiên về đời sống độc thân. Sự thiếu mãnh lực sống này, đến lượt nó, do nhiều yếu tố, nhưng chủ yếu do di truyền lâu đời tạo nên sự suy thoái của thể xác, hoặc do đời sống độc thân bị cưỡng ép trong các kiếp trước; đời sống độc thân bị cưỡng ép này rất thường là kết quả của đời sống tu viện và đời sống thần bí. Khi sự thức tỉnh sáng tạo này được biểu lộ qua bất cứ nghệ thuật nào — văn chương, hội họa, âm nhạc — hoặc trong tổ chức tập thể và công việc điều hành, thì không gây hại gì, vì năng lượng tìm được một lối thoát sáng tạo bình thường. Người chí nguyện cần ghi nhớ những điểm này. Y đang đối diện với một vấn đề hết sức phức tạp. Y bước vào một tình huống một cách mù quáng, tình huống ấy là kết quả của một tiến trình tiến hóa lâu dài mà y không có chìa khóa để hiểu. Điều này đặc biệt đúng trong các giai đoạn đầu và trước lần điểm đạo thứ nhất, vì y không biết lịch sử quá khứ, cũng không có tiên kiến nào về tương lai. Y chỉ phải tiếp nhận trang bị và cơ hội của mình, rồi làm hết sức mình, được hướng dẫn bởi các quy luật ngàn xưa của Yoga Vương giả và ánh sáng của chính linh hồn mình.

As the heart centre is awakened and the throat centre swings into creative work, a definite relation is set up and there is an interplay of energy between the two. This activity in its turn brings about a response from that aspect of the thousand petalled

Khi trung tâm tim được đánh thức và trung tâm cổ họng chuyển vào công việc sáng tạo, một mối liên hệ xác định được thiết lập và có sự tương tác năng lượng giữa hai trung tâm. Hoạt động này, đến lượt nó, tạo ra một đáp ứng từ phương diện của hoa sen ngàn cánh,

lotus (a synthetic lotus) through which the energy always animating the heart and throat centres normally passes. This responsive [199] activity and inter-action brings about two results, and these should be most carefully noted.

tức một hoa sen tổng hợp, qua đó năng lượng vốn luôn linh hoạt các trung tâm tim và cổ họng thường đi qua. Hoạt động [199] đáp ứng và tương tác này tạo nên hai kết quả, và những điều này cần được ghi nhận hết sức cẩn thận.

First, the light in the head makes its appearance. A sparking (if I might so express it) is set up between the higher positive over-shadowing energy as it is centralised within the form of the thousand-petalled lotus, and the steadily heightening vibration of the heart and throat centres or lotuses. These two lower centres in their turn are responding to the energies being lifted and raised from the centres below the diaphragm.

Thứ nhất, ánh sáng trong đầu xuất hiện. Một sự phát tia, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, được thiết lập giữa năng lượng cao hơn, mang tính dương, đang phủ bóng và được tập trung bên trong hình tướng của hoa sen ngàn cánh, với rung động ngày càng cao của các trung tâm hay các hoa sen tim và cổ họng. Đến lượt mình, hai trung tâm thấp hơn này đang đáp ứng với các năng lượng được nâng lên từ những trung tâm bên dưới cơ hoành.

Secondly, the centre between the eyebrows also begins to make its presence felt, and this significant two-petalled lotus begins to vibrate. It symbolises the work of at-one-ing the soul and the body, the subjective and the objective. In some occult books it is called the lotus with the ninety-six petals, but this is only a differentiation dealing with the energies focussed in the two petals. It will be noted that the sum total of the force petals in the centres (excluding the two head centres) amount in all to forty-eight petals. These energies in their two aspects of physical vital energy and soul qualities make up the ninety-six aspects or vibrations of the two petals of the Ajna or eyebrow centre. It must be remembered also that the word ‘petal’ only symbolises an expression of force and its apparent effect in matter.

Thứ hai, trung tâm giữa hai chân mày cũng bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận, và hoa sen hai cánh đầy thâm nghĩa này bắt đầu rung động. Nó tượng trưng cho công việc hợp nhất linh hồn và thân thể, cái chủ quan và cái khách quan. Trong một vài sách huyền bí, nó được gọi là hoa sen chín mươi sáu cánh, nhưng đây chỉ là một sự biến phân liên quan đến các năng lượng được tập trung trong hai cánh. Cần lưu ý rằng tổng số các cánh mãnh lực trong các trung tâm, không kể hai trung tâm đầu, cộng lại là bốn mươi tám cánh. Các năng lượng này, trong hai phương diện là năng lượng sinh lực hồng trần và các phẩm tính của linh hồn, hợp thành chín mươi sáu phương diện hay rung động của hai cánh thuộc trung tâm ajna hay trung tâm giữa hai chân mày. Cũng cần nhớ rằng từ “cánh hoa” chỉ tượng trưng cho một biểu lộ của mãnh lực và hiệu quả biểu kiến của nó trong vật chất.

The five centres with their forty-eight petals are synthesised therefore into the two-

Do đó, năm trung tâm với bốn mươi tám cánh của chúng được tổng hợp vào hoa sen

petalled lotus, and then we have forty-eight plus two equals fifty, the number of the perfected personality, for five is the number of man and ten is that of perfection. Symbolically also, if the sum total of the forty-eight petals of the five centres is added to the ninety-six petals of the centre between the eyebrows, the number one hundred and forty-four appears. This number signifies the completed work of the twelve creative Hierarchies, twelve times twelve, and thus the bringing together of the subjective soul and the [200] objective body in perfect union and at-one-ment. This is the consummation. To these figures, one hundred and forty-four add that of the number one thousand (the number of the petals in the lotus of the head centre) and you have the number of the saved in the Book of Revelations, the one hundred and forty-four thousand who can stand before God, for the three ciphers which are found indicate the personality. When man has completed within himself the great work, when the number one hundred and forty-four thousand is seen as symbolising his point of attainment, then he can stand before God—standing now not only before the Angel of the Presence, but before the very Presence Itself.

hai cánh; khi ấy ta có bốn mươi tám cộng hai bằng năm mươi, con số của phàm ngã đã hoàn thiện, vì năm là con số của con người và mười là con số của sự hoàn thiện. Về mặt biểu tượng cũng vậy, nếu tổng số bốn mươi tám cánh của năm trung tâm được cộng với chín mươi sáu cánh của trung tâm giữa hai chân mày, con số một trăm bốn mươi bốn xuất hiện. Con số này biểu thị công việc đã hoàn tất của mười hai Huyền Giai Sáng Tạo, mười hai nhân mười hai, và như vậy là sự kết hợp linh hồn chủ quan với [200] thân thể khách quan trong sự hợp nhất và hiệp nhất hoàn hảo. Đây là sự viên mãn. Cộng vào con số một trăm bốn mươi bốn này con số một ngàn, tức số cánh của hoa sen trung tâm đầu, và các bạn có con số những người được cứu trong Sách Khải Huyền: một trăm bốn mươi bốn ngàn người có thể đứng trước Thượng đế, vì ba số không trong đó chỉ phàm ngã. Khi con người đã hoàn tất công trình vĩ đại bên trong chính mình, khi con số một trăm bốn mươi bốn ngàn được thấy như tượng trưng cho điểm thành tựu của y, bấy giờ y có thể đứng trước Thượng đế — không chỉ đứng trước Thiên Thần của Hiện Diện, mà còn đứng trước chính Sự Hiện Diện.

The Awakening of the Centres

The question now arises: How can this awakening and co-ordination be brought about? What steps must be taken in order to produce this vitalisation and the eventual synthetic activity of the three centres? Faced with these questions, the true teacher finds a difficulty. It is not easy to make clear the esoteric and paralleling activities which are the result of character building. So oft the aspirant is anxious to be told some new thing and when he is told some old truth—

Bấy giờ câu hỏi nảy sinh: Làm thế nào sự thức tỉnh và phối hợp này có thể được thực hiện? Những bước nào phải được thực hiện để tạo ra sự tiếp sinh lực này và hoạt động tổng hợp sau cùng của ba trung tâm? Đối diện với các câu hỏi này, vị huấn sư chân chính gặp một khó khăn. Không dễ làm sáng tỏ các hoạt động huyền bí và song hành vốn là kết quả của lập hạnh. Người chí nguyện rất thường nóng lòng muốn được chỉ dạy một điều mới, và khi y được nói cho nghe

so old and so familiar that it fails to call forth a registering response—he feels that the teacher has failed him and so succumbs to a sense of futility and depression. However, this must be met and the questions must be answered. I will state therefore the necessary requirements as succinctly as possible, giving them in their sequential order and according to their importance from the standpoint of the average aspirant. Let us then enumerate them in tabulated form, and then we will deal briefly with each point afterwards.

một chân lý cũ — cũ đến mức quá quen thuộc, đến nỗi không gợi lên được một đáp ứng ghi nhận — y cảm thấy vị huấn sư đã làm mình thất vọng, rồi rơi vào cảm giác vô ích và chán nản. Tuy nhiên, điều này phải được đối diện và các câu hỏi phải được trả lời. Vì vậy, tôi sẽ nêu các yêu cầu cần thiết một cách ngắn gọn nhất có thể, trình bày chúng theo thứ tự tuần tự và theo tầm quan trọng của chúng từ lập trường của người chí nguyện trung bình. Vậy chúng ta hãy liệt kê chúng dưới dạng bảng, rồi sau đó sẽ bàn vắn tắt từng điểm.

1. Character building, the first and essential requisite.

1. Lập hạnh, điều kiện đầu tiên và thiết yếu.

2. Right motive. [201]

2. Động cơ đúng. [201]

3. Service.

3. Phụng sự.

4. Meditation.

4. Tham thiền.

5. A technical study of the science of the centres.

5. Nghiên cứu kỹ thuật về khoa học các trung tâm.

6. Breathing exercises.

6. Các bài tập thở.

7. Learning the technique of the Will.

7. Học kỹ thuật của Ý Chí.

8. The development of the power to employ time.

8. Phát triển năng lực sử dụng thời gian.

9. The arousing of the Kundalini fire.

9. Khơi dậy lửa hỏa xà.

This last and ninth point will not be considered at this stage of our training. The reason is obvious. Most aspirants are at the stage of the third and fourth points and are just beginning to work at the fifth and sixth. Let us touch briefly upon each of these necessary steps, and let me enjoin upon you

Điểm cuối cùng, điểm thứ chín này, sẽ không được xét đến ở giai đoạn huấn luyện hiện nay của chúng ta. Lý do rất hiển nhiên. Phần lớn người chí nguyện đang ở giai đoạn của điểm thứ ba và thứ tư, và chỉ mới bắt đầu làm việc với điểm thứ năm và thứ sáu. Chúng ta hãy đề cập vắn tắt từng bước cần

the need there is to realise in some measure the responsibility entailed by knowledge. Do you appreciate the fact that if you were making full use of each piece of information given in the course of the training, and making it a fact in your experience, and were living out in your daily life the teaching so steadily imparted, you would be standing ere now before the Portal of Initiation? Do you realise that truth has to be wrought out in the texture of daily living before new truth can be safely imparted?

thiết này, và tôi xin nhấn mạnh với các bạn nhu cầu phải nhận biết, trong một mức độ nào đó, trách nhiệm mà tri thức kéo theo. Các bạn có nhận thức được sự thật rằng nếu các bạn sử dụng trọn vẹn từng mảnh thông tin được trao trong tiến trình huấn luyện, biến nó thành một sự kiện trong kinh nghiệm của mình, và sống giáo huấn được truyền dạy đều đặn ấy trong đời sống hằng ngày, thì giờ đây các bạn đã đứng trước Cổng Điểm Đạo rồi chăng? Các bạn có nhận ra rằng chân lý phải được thực hiện trong kết cấu của đời sống hằng ngày trước khi chân lý mới có thể được truyền đạt một cách an toàn chăng?

1. *Character building.* These nine points are to be studied from their force aspect, and not from their ethical or spiritual import. It is the "world of force into which the initiate enters," and it is the training he receives as an aspirant that makes such a step possible. Each of us enters life with a certain equipment—the product of past lives of endeavour and of experience. That equipment has in it certain deficiencies or lacks, and is seldom of a balanced nature. One man is too mental. Another is too psychic. A third is primarily physical, and still another is too mystical. One man is sensitive, irritable, and impressionable. Another is the reverse of all these qualities. One person is centred in [202] his animal nature, or is strictly material in his outlook on life, whilst another is visionary and free from the sins of the flesh. The diversities among men are innumerable, but in each life there is a predominant trend towards which all the energies of his nature turn. Perhaps he is swayed strongly by his physical forces and lives consequently the life of an animal. Or he is swayed by astral energy and lives a potently emotional and psychic life. Perhaps —like so many—he is swayed by three types of energy, physical, emotional and an

1. *Lập hạnh.* Chín điểm này phải được nghiên cứu từ phương diện mãnh lực của chúng, chứ không từ ý nghĩa đạo đức hay tinh thần. Chính "thế giới của mãnh lực mà điểm đạo đồ bước vào", và chính sự huấn luyện mà y nhận được với tư cách người chí nguyện làm cho bước ấy trở nên khả hữu. Mỗi người chúng ta bước vào đời với một trang bị nào đó — sản phẩm của những kiếp sống quá khứ đầy nỗ lực và kinh nghiệm. Trong trang bị ấy có những thiếu sót hay khiếm khuyết nhất định, và hiếm khi nó có tính cân bằng. Một người quá trí tuệ. Một người khác quá thông linh. Người thứ ba chủ yếu là hồng trần, và một người khác nữa quá thần bí. Một người nhạy cảm, dễ cáu kỉnh và dễ bị ấn tượng. Người khác lại trái ngược với tất cả các phẩm tính ấy. Một người tập trung trong [202] bản chất thú tính của mình, hoặc có cái nhìn về đời sống hoàn toàn vật chất, trong khi một người khác lại có tầm nhìn và thoát khỏi các tội lỗi của xác thịt. Sự đa dạng giữa con người là vô số, nhưng trong mỗi đời sống có một khuynh hướng chủ đạo mà mọi năng lượng trong bản chất của y đều hướng về. Có thể y bị các mãnh lực thể chất chi phối mạnh mẽ và do đó sống đời sống của một con vật. Hoặc y bị năng lượng cảm dục chi phối và sống một đời sống cảm xúc

occasional flow of soul energy. The point to be remembered is that the bodies in which we, as souls, are functioning, constitute primarily energy bodies. They are composed of energy units, atoms in a state of constant flux and movement and find their place in an environment of a similar nature. Acting as the positive nucleus in these energy bodies, and at present, in the majority of cases relatively static, is the soul. It exerts as yet little pressure upon its sheaths and identifies itself with them, thus temporarily negating its own intrinsic life.

và thông linh mãnh liệt. Có lẽ — như rất nhiều người — y bị ba loại năng lượng chi phối: thể chất, cảm xúc và một dòng chảy thỉnh thoảng của năng lượng linh hồn. Điểm cần ghi nhớ là các thể mà trong đó chúng ta, với tư cách các linh hồn, đang hoạt động, trước hết là các thể năng lượng. Chúng được cấu thành bởi các đơn vị năng lượng, các nguyên tử ở trong trạng thái luôn biến động và chuyển động, và tìm vị trí của chúng trong một môi trường có bản chất tương tự. Hành động như hạt nhân dương trong các thể năng lượng này, và hiện nay trong đa số trường hợp tương đối tĩnh tại, là linh hồn. Cho đến nay, linh hồn chỉ tạo rất ít áp lực lên các lớp vỏ của mình và đồng hóa với chúng, do đó tạm thời phủ nhận sự sống nội tại của chính mình.

The day comes, however, when the soul awakens to the need of dominating the situation and of asserting its own authority. Then the man (spasmodically at the beginning) takes stock of the situation. He has to discover first which type of energy preponderates and is the motivating force in his daily experience. Having discovered this, he begins to re-organize, to re-orient and to re-build his bodies. The whole of this teaching can be summed up in two words: Vice and Virtue.

Tuy nhiên, ngày đến khi linh hồn thức tỉnh trước nhu cầu làm chủ tình thế và khẳng định uy quyền của mình. Khi ấy con người, lúc đầu một cách rời rạc, bắt đầu xem xét tình trạng. Trước hết y phải khám phá loại năng lượng nào chiếm ưu thế và là mãnh lực thúc đẩy trong kinh nghiệm hằng ngày của mình. Khi đã khám phá điều này, y bắt đầu tái tổ chức, tái định hướng và tái xây dựng các thể của mình. Toàn bộ giáo huấn này có thể được tóm gọn trong hai từ: thói xấu và đức hạnh.

Vice is the energy of the sheaths, individual or synthesised in the personality, as it controls the life activities and subordinates the soul to the sheaths and to the impulses and tendencies of the lower self.

Thói xấu là năng lượng của các lớp vỏ, riêng rẽ hoặc được tổng hợp trong phàm ngã, khi nó kiểm soát các hoạt động đời sống và khiến linh hồn lệ thuộc vào các lớp vỏ, vào các xung lực và khuynh hướng của phàm ngã.

Virtue is the calling in of new energies and of a new vibratory rhythm so that the soul becomes the positive controlling factor and the soul forces supersede those of [203] the bodies. This process is that of character

Đức hạnh là sự kêu gọi các năng lượng mới và một nhịp điệu rung động mới, để linh hồn trở thành yếu tố kiểm soát mang tính dương và các mãnh lực linh hồn thay thế những mãnh lực của [203] các thể. Tiến trình này là

building. Let me illustrate! A man is the victim of an irritable and nervous disposition. We say to him that he needs to be calm and peaceful and to cultivate detachment and so gain control of himself. We teach him that in place of a cross disposition there should be sweetness and calm. This sounds a platitude and most uninteresting. Yet what is really being stated is that in place of the restless self-centered emotional nature and the activity of the solar plexus centre (carrying the powerful forces of the astral plane) there should be imposed the steady detached and harmonising rhythm of the soul, the higher self. This work of imposing the higher vibration on the lower is character building, the first pre-requisite upon the Path of Probation. On reading this the earnest student can begin to sum up his energy assets; he can tabulate the forces which he feels control his life, and thus arrive at a reasonable and truthful understanding of the forces which require to be subordinated and those which require to be strengthened. Then in the light of true knowledge, let him go forward upon the path of his destiny.

lập hạnh. Hãy để tôi minh họa. Một người là nạn nhân của một khí chất dễ cáu kỉnh và căng thẳng thần kinh. Chúng ta nói với y rằng y cần trở nên bình thản và an hòa, cần vun bồi sự tách rời, và nhờ đó đạt được sự tự chủ. Chúng ta dạy y rằng thay cho tính khí gắt gỏng phải có sự dịu dàng và điềm tĩnh. Điều này nghe như một lời sáo rỗng và hết sức không thú vị. Tuy nhiên, điều thật sự được nói ở đây là: thay cho bản chất cảm xúc bất an, tập trung vào bản thân và hoạt động của trung tâm tùng thái dương, vốn mang các mãnh lực mạnh mẽ của cõi cảm dục, phải áp đặt nhịp điệu vững vàng, tách rời và hài hòa của linh hồn, tức chân ngã. Công việc áp đặt rung động cao hơn lên rung động thấp hơn này chính là lập hạnh, điều kiện tiên quyết đầu tiên trên Con Đường Dự Bị. Khi đọc điều này, đạo sinh nghiêm túc có thể bắt đầu tổng kết các tài sản năng lượng của mình; y có thể lập bảng các mãnh lực mà y cảm thấy đang kiểm soát đời sống mình, và nhờ đó đi đến một sự thấu hiểu hợp lý và chân thật về những mãnh lực cần phải được đặt dưới quyền và những mãnh lực cần được tăng cường. Rồi trong ánh sáng của tri thức chân thật, y hãy tiến bước trên con đường định mệnh của mình.

2. *Right Motive*. The Master of the Wisdom, we are told, is the "rare efflorescence of a generation of enquirers." The question which the seeker now asks and which he only has the right to answer is: What is the motive governing my aspiration and my endeavour? Why do I seek to build upon a true foundation? Why do I so diligently invoke my soul?

2. *Động cơ đúng*. Như chúng ta được cho biết, Chân sư Minh Triết là "đóa hoa hiếm hoi của một thế hệ những người tìm kiếm". Câu hỏi mà người tìm đạo bây giờ đặt ra, và chỉ y mới có quyền trả lời, là: Động cơ nào chi phối khát vọng và nỗ lực của tôi? Vì sao tôi tìm cách xây dựng trên một nền tảng chân thật? Vì sao tôi khẩn cầu linh hồn mình một cách chuyên cần đến vậy?

The development of right motive is a progressive effort, and constantly one shifts the focus of one's incentive when one discovers himself, as the Light shines ever more steadily upon one's way, and

Sự phát triển động cơ đúng là một nỗ lực tiệm tiến, và người ta không ngừng chuyển dịch trọng tâm của động lực thúc đẩy khi tự khám phá chính mình, khi Ánh sáng chiếu ngày càng vững chắc trên đường đi, và khi

constantly a newer and higher motive emerges. Again, let me illustrate: An aspirant in the early stages is practically always a devotee. To measure up to the standard set by a loved friend and teacher, he struggles and strives and gains [204] ground. Later, this object of his devotion and ardent effort is superseded by devotion to one of the Great Ones, the Elder Brothers of the race. He bends all his powers and the forces of his nature to Their service. This incentive is, in its turn, surely and steadily superseded by a vital love for humanity, and love of one individual (be he ever so perfect) is lost sight of in love for the whole brotherhood of men. Unceasingly, as the soul takes more and more control of its instrument and the soul nature steadily manifests, this too is superseded by love of the ideal, of the Plan, and of the purposes underlying the universe itself. The man comes to know himself as naught but a channel through which spiritual agencies can work, and realises himself as a corporate part of the One Life. Then he sees even humanity as relative and fractional, and becomes immersed in the great Will.

một động cơ mới hơn, cao hơn không ngừng xuất hiện. Một lần nữa, hãy để tôi minh họa: Người chí nguyện trong các giai đoạn đầu hầu như luôn là một người sùng tín. Để đạt đến chuẩn mực do một người bạn và huấn sư được yêu quý đặt ra, y phấn đấu, nỗ lực và tiến bộ [204] từng bước. Về sau, đối tượng của sự sùng tín và nỗ lực nồng nhiệt ấy được thay thế bằng sự sùng tín đối với một trong Các Đấng Cao Cả, các Huynh Trưởng của nhân loại. Y dồn mọi quyền năng và các mãnh lực trong bản chất của mình vào việc phụng sự Các Ngài. Động lực này, đến lượt nó, chắc chắn và đều đặn được thay thế bằng một tình thương sống động dành cho nhân loại; và tình thương dành cho một cá nhân, dù người ấy có hoàn hảo đến đâu, cũng bị khuất lấp trong tình thương dành cho toàn thể huynh đệ nhân loại. Không ngừng, khi linh hồn ngày càng kiểm soát khí cụ của nó và bản chất linh hồn biểu lộ đều đặn, điều này cũng được thay thế bằng tình thương đối với lý tưởng, đối với Thiên Cơ, và đối với các mục đích nằm bên dưới chính vũ trụ. Con người đi đến chỗ biết mình chẳng là gì ngoài một kênh dẫn qua đó các tác nhân tinh thần có thể làm việc, và nhận biết mình là một phần hữu cơ của Sự Sống Duy Nhất. Khi ấy y thấy ngay cả nhân loại cũng chỉ là tương đối và phân mảnh, và y đắm mình trong Ý Chí vĩ đại.

3. *Service*. A study of right motive leads naturally to right service, and often parallels in its objective form, the motivating consciousness. From service to an individual as an expression of love, to the family, or to the nation, there grows service to a member of the Hierarchy, to a Master's group and thence service to humanity. Eventually there is developed a consciousness of and service of the Plan, and a consecration to the underlying purpose of the great Existence

3. *Phụng sự*. Việc nghiên cứu động cơ đúng tự nhiên dẫn đến phụng sự đúng, và trong hình thức khách quan của nó thường song hành với tâm thức thúc đẩy. Từ việc phụng sự một cá nhân như một biểu lộ của tình thương, đến gia đình, hay đến quốc gia, phát triển thành phụng sự một thành viên của Thánh đoàn, một nhóm của Chân sư, và từ đó là phụng sự nhân loại. Cuối cùng, một tâm thức về Thiên Cơ và sự phụng sự Thiên Cơ được phát triển, cùng với sự thánh hiến cho mục đích nền tảng của Đấng Hiện Hữu vĩ

Who has brought all into being for the fulfillment of some specific objective.

4. *Meditation.* Upon this matter we will not enlarge as it has formed the basis of much of the teaching in my other books and many of you are working steadily upon the work of meditation. I have placed it fourth upon the list, for meditation is dangerous and unprofitable to the man who enters upon it without the basis of a good character and of clean living. Meditation then becomes only a medium for the bringing in of energies which but serve to stimulate the undesirable aspects of his life, just [205] as the fertilising of a garden full of weeds will produce a stupendous crop of them, and so crush out the weak and tiny flowers. Meditation is dangerous where there is wrong motive, such as desire for personal growth and for spiritual powers, for it produces, under these conditions only a strengthening of the shadows in the vale of illusion and brings to full growth the serpent of pride, lurking in the valley of selfish desire. Meditation is dangerous when the desire to serve is lacking. Service is another word for the utilisation of soul force for the good of the group. Where this impulse is lacking, energy may pour into the bodies, but—lacking use and finding no outlet—will tend to over-stimulate the centres, and produce conditions disastrous to the neophyte. Assimilation and elimination are laws of the soul life as well as of the physical life, and when this simple law is disregarded serious consequences will follow as inevitably as in the physical body.

5. *Study of the centres.* This we are now beginning. It is a study as yet in its infancy in the West, and little applied in the East. Our approach will be somewhat new, for

đại, Đấng đã đưa tất cả vào hiện tồn để hoàn thành một mục tiêu đặc thù nào đó.

4. *Tham thiền.* Về vấn đề này, chúng ta sẽ không bàn rộng, vì nó đã là nền tảng của nhiều giáo huấn trong các sách khác của tôi, và nhiều người trong các bạn đang đều đặn làm công việc tham thiền. Tôi đặt nó ở vị trí thứ tư trong danh sách, vì tham thiền nguy hiểm và không đem lại lợi ích cho người bước vào đó mà không có nền tảng của tính cách tốt và đời sống trong sạch. Khi ấy tham thiền chỉ trở thành một phương tiện đưa vào các năng lượng vốn chỉ kích thích những phương diện không đáng mong muốn trong đời sống của y, [205] cũng như việc bón phân cho một khu vườn đầy cỏ dại sẽ tạo ra một vụ cỏ dại khổng lồ, và như vậy bóp nghẹt những bông hoa yếu ớt, nhỏ bé. Tham thiền nguy hiểm khi có động cơ sai lầm, như ham muốn sự phát triển cá nhân và các quyền năng tinh thần, vì trong các điều kiện ấy, nó chỉ tạo ra sự củng cố các bóng tối trong thung lũng ảo tưởng, và làm cho con rắn kiêu hãnh, ẩn náu trong thung lũng của ham muốn ích kỷ, lớn mạnh đầy đủ. Tham thiền nguy hiểm khi thiếu ước muốn phụng sự. Phụng sự là một từ khác chỉ việc sử dụng mãnh lực linh hồn vì lợi ích của tập thể. Khi xung lực này thiếu vắng, năng lượng có thể tuôn vào các thể, nhưng vì thiếu sự sử dụng và không tìm được lối thoát, nó sẽ có khuynh hướng kích thích quá mức các trung tâm và tạo ra những tình trạng tai hại cho người sơ cơ. Đồng hóa và loại thải là các định luật của đời sống linh hồn cũng như của đời sống hồng trần; và khi định luật đơn giản này bị xem nhẹ, những hậu quả nghiêm trọng sẽ xảy ra tất yếu như trong thể xác.

5. *Nghiên cứu các trung tâm.* Điều này hiện nay chúng ta đang bắt đầu. Đó là một ngành nghiên cứu vẫn còn ở thời kỳ ấu thơ tại phương Tây, và ít được áp dụng ở phương

though we will accustom ourselves to the names, locations and relationships of the centres *we shall do no meditation work upon them.* Eventually we shall arrive at an appreciation of their vibration, of their tone and colours and of the astrological significances. We shall not work with the centres down the spinal column, nor aim at their conscious utilisation as does the clairvoyant and clairaudient person. All the work done by students must be done entirely in the head and from the head. There is the seat of the Will, or Spirit aspect, working through the soul. There also is the synthetic expression of the personality, and in the understanding of the relation of the two head centres and their mutual interplay will come gradually the domination of the personality by the soul. This will lead to the consequent and subsequent [206] guided activity of the five other centres. The work in these five centres will eventually be as automatic as the present functioning of the heart and the lungs in the physical body.

Đông. Cách tiếp cận của chúng ta sẽ hơi mới, vì mặc dù chúng ta sẽ làm quen với tên gọi, vị trí và các mối liên hệ của các trung tâm, *chúng ta sẽ không làm công việc tham thiền trên chúng.* Cuối cùng, chúng ta sẽ đi đến sự nhận thức về rung động, âm điệu và màu sắc của chúng, cũng như các thâm nghĩa chiêm tinh của chúng. Chúng ta sẽ không làm việc với các trung tâm dọc theo cột sống, cũng không nhằm đến việc sử dụng chúng một cách có ý thức như người thông nhãn và thông nhĩ thường làm. Mọi công việc do các đạo sinh thực hiện phải được thực hiện hoàn toàn trong đầu và từ đầu. Tại đó là trụ sở của Ý Chí, hay phương diện Tinh thần, hoạt động thông qua linh hồn. Tại đó cũng là biểu lộ tổng hợp của phàm ngã; và trong sự thấu hiểu mối liên hệ giữa hai trung tâm đầu cùng sự tương tác lẫn nhau của chúng, dần dần sẽ đến sự thống trị phàm ngã bởi linh hồn. Điều này sẽ dẫn đến hoạt động được hướng dẫn, như hệ quả và tiếp sau đó, [206] của năm trung tâm còn lại. Công việc trong năm trung tâm này cuối cùng sẽ tự động như sự vận hành hiện nay của tim và phổi trong thể xác.

The presiding Intelligence, the Self, "seated on the throne between the eyebrows" and guided by the Light in the head will be awake to the interests of the soul and as alert as is the 'I' consciousness of the average self-centered man. By the rhythm of his divine life and by his conscious cooperation with the Plan, and functioning through the use of the Will, must the disciple in incarnation act as the agent of his soul in the three worlds.

Trí Tuệ chủ trì, Bản Ngã, "ngự trên ngai giữa hai chân mày" và được hướng dẫn bởi Ánh sáng trong đầu, sẽ tỉnh thức trước các lợi ích của linh hồn và tỉnh táo như tâm thức "cái tôi" của người bình thường tập trung vào bản thân. Bằng nhịp điệu của đời sống thiêng liêng của mình, bằng sự hợp tác có ý thức với Thiên Cơ, và hoạt động thông qua việc sử dụng Ý Chí, đệ tử đang lâm phàm phải hành động như tác nhân của linh hồn mình trong ba cõi thấp.

6. B*reathing Exercises*. Little by little as progress is made will the needed instruction be imparted. Let me point out however that no breathing exercises can be safely used where there is no attempt to impose rhythm

6. *Các bài tập thở*. Từng chút một, khi có tiến bộ, sự chỉ dạy cần thiết sẽ được truyền đạt. Tuy nhiên, hãy để tôi chỉ ra rằng không một bài tập thở nào có thể được sử dụng an toàn khi không có nỗ lực áp đặt nhịp điệu lên đời

upon the life of every day. The two activities must go hand in hand.

sống hằng ngày. Hai hoạt động này phải song hành với nhau.

The effect of breathing exercises is varied:

Tác dụng của các bài tập thở rất đa dạng:

a. There is an oxygenating effect. The blood stream is purified and pressure is relieved. A symbolism underlies this: —for as the blood is oxygenated so is the life of the man in the three worlds permeated by spiritual energy.

a. Có tác dụng bổ sung oxy. Dòng máu được thanh lọc và áp lực được giảm nhẹ. Một biểu tượng nằm bên dưới điều này: vì như máu được bổ sung oxy, đời sống của con người trong ba cõi thấp cũng được thấm nhuần bởi năng lượng tinh thần.

b. There is the imposition of a peculiar rhythm, brought about by the particular spacing and time limit of the breaths—inhalation, retention, and exhalation—and this will vary according to the counts.

b. Có sự áp đặt một nhịp điệu đặc thù, được tạo ra bởi khoảng cách và thời lượng riêng của các hơi thở — hít vào, giữ lại và thở ra — và điều này sẽ thay đổi tùy theo số đếm.

c. There is a subtle effect of prana (which is the subjective element underlying the air breathed in and out) which affects most potently the body of prana, the vital or etheric body. Students should remember that subtle effects are more powerful than the physical effects. They produce results [207] in two directions; on the physical body and on the etheric body. The entire vital body assumes a particular rhythm according to the breathing exercises. This kept up for a long period of time will have a shattering or a cohesive effect upon the physical body, and devitalise or vitalise the etheric body correspondingly.

c. Có một tác dụng vi tế của sinh khí, tức yếu tố chủ quan nằm bên dưới không khí được hít vào và thở ra, tác động hết sức mạnh mẽ lên thể sinh khí, tức thể sinh lực hay thể dĩ thái. Các đạo sinh nên nhớ rằng các tác dụng vi tế mạnh hơn các tác dụng hồng trần. Chúng tạo ra kết quả [207] theo hai hướng: trên thể xác và trên thể dĩ thái. Toàn bộ thể sinh lực nhận lấy một nhịp điệu đặc thù tùy theo các bài tập thở. Nếu duy trì điều này trong một thời gian dài, nó sẽ có tác dụng phá vỡ hoặc cố kết đối với thể xác, và tương ứng sẽ làm suy giảm sinh lực hoặc tiếp sinh lực cho thể dĩ thái.

d. There is the effect upon the centres, which is most effectual and which follows the trend of the aspirant's thought. If, for instance, a man thinks upon the solar plexus, that centre will inevitably be vitalised and his emotional nature be strengthened. Hence the need for students to hold their meditation *steady in the head* and so awaken the head centre.

d. Có tác dụng lên các trung tâm, một tác dụng rất hữu hiệu và đi theo chiều hướng tư tưởng của người chí nguyện. Chẳng hạn, nếu một người nghĩ đến tùng thái dương, trung tâm ấy tất yếu sẽ được tiếp sinh lực và bản chất cảm xúc của y sẽ được tăng cường. Vì vậy, các đạo sinh cần giữ tham thiền của mình *vững chắc trong đầu* và nhờ đó đánh thức trung tâm đầu.

Let no one doubt the effect of breathing exercises upon the vital body. As surely as eating and drinking build or destroy the physical body, and aid or hinder its right functioning, so do breathing exercises produce potent effects, if rightly used over a long enough period of time.

Đừng ai nghi ngờ tác dụng của các bài tập thở đối với thể sinh lực. Cũng chắc chắn như việc ăn uống xây dựng hoặc phá hủy thể xác, trợ giúp hoặc cản trở sự vận hành đúng của nó, các bài tập thở cũng tạo ra những tác dụng mạnh mẽ nếu được sử dụng đúng trong một thời gian đủ dài.

And what shall I say about the last three requirements? Nothing much, for the time is not yet ripe for their correct understanding. Step by step must the aspirant proceed and his theory must not persistently run ahead of his experience. Perhaps I can give the clue to each of these three through the formulation of a simple rule for daily living. This will be grasped by those for whom it is intended and will not work harm to the unevolved. This rule, when followed will bring about, gently and subjectively, the necessary conditions for the manifestation of the requirement.

Và tôi sẽ nói gì về ba yêu cầu cuối cùng? Không nhiều, vì thời điểm chưa chín muồi để thấu hiểu đúng về chúng. Người chí nguyện phải tiến từng bước, và lý thuyết của y không được liên tục chạy trước kinh nghiệm của mình. Có lẽ tôi có thể trao chìa khóa cho từng yêu cầu trong ba yêu cầu này qua việc hình thành một quy luật đơn giản cho đời sống hằng ngày. Những ai được dành cho điều đó sẽ nắm bắt được, và nó sẽ không gây hại cho người chưa tiến hóa. Quy luật này, khi được tuân theo, sẽ nhẹ nhàng và chủ quan tạo ra các điều kiện cần thiết cho sự biểu lộ của yêu cầu.

Learn to use the will through the development of steady purpose and the organising of the daily life, so that that purpose may reach fulfillment.

Hãy học sử dụng ý chí qua việc phát triển mục đích vững chắc và tổ chức đời sống hằng ngày, để mục đích ấy có thể đi đến hoàn thành.

Learn to do something else with time besides organise [208] it and use it. Learn to do several things simultaneously, and utilise therefore all the three bodies synchronously. Let me illustrate: —When you are practicing your daily breathing exercise keep your count with accuracy, listen attentively for the sound that “soundeth in the silence” of the interlude. At the same time think of yourself as the soul, the imposer of rhythm, and the voice that speaks. This is something which can be acquired by practice by each of you.

Hãy học làm một điều gì khác với thời gian ngoài việc tổ chức [208] và sử dụng nó. Hãy học làm nhiều việc đồng thời, và do đó sử dụng đồng bộ cả ba thể. Hãy để tôi minh họa: Khi các bạn thực hành bài tập thở hằng ngày, hãy giữ số đếm chính xác, lắng nghe chăm chú âm thanh “vang lên trong im lặng” của khoảng lặng. Đồng thời, hãy nghĩ về mình như linh hồn, như Đấng áp đặt nhịp điệu, và như tiếng nói đang cất lời. Đây là điều mà mỗi người trong các bạn có thể đạt được nhờ thực hành.

Discover the serpent of illusion by the help of the serpent of wisdom and then will the sleeping serpent mount upwards to the place of meeting.

Hãy khám phá con rắn ảo tưởng nhờ sự trợ giúp của con rắn minh triết; khi ấy con rắn đang ngủ sẽ vươn lên đến nơi gặp gỡ.

RULE SIX

The devas of the lower four feel the force when the eye opens; they are driven forth and lose their master.

Các thiên thần của bốn cõi thấp cảm nhận được mãnh lực khi con mắt mở ra; họ bị xua đuổi và đánh mất chủ nhân của mình.

The Work of the Eye

[211]

[211]

We have for consideration now one of the simplest of the Rules for Magic yet at the same time one of the most practical, and one upon which the entire success of all magical work depends.

Bây giờ chúng ta phải xem xét một trong những Quy luật về huyền thuật đơn giản nhất, nhưng đồng thời cũng là một trong những quy luật thực tiễn nhất, và là một quy luật mà toàn bộ sự thành công của mọi công việc huyền thuật tùy thuộc vào.

I would like to point out to the investigating aspirant that the key to the situation depicted in the rule lies in the word *contemplation* found in the preceding one. Let us therefore study that word with care and seek its accurate definition.

Tôi muốn chỉ ra cho người chí nguyện đang khảo cứu rằng chìa khóa của tình huống được mô tả trong quy luật nằm trong từ *chiêm ngưỡng* đã xuất hiện trong quy luật trước. Vì vậy, chúng ta hãy nghiên cứu từ ấy một cách cẩn thận và tìm định nghĩa chính xác của nó.

To contemplate involves steady vision, one-pointedly directed towards a specific objective. The soul or solar angel might be regarded as gazing in three directions.

Chiêm ngưỡng hàm ý tầm nhìn vững chắc, được hướng nhất tâm về một mục tiêu xác định. Linh hồn hay Thái dương Thiên Thần có thể được xem như đang nhìn theo ba hướng.

1. Towards the Light Supernal, towards that central Life or Energy which holds hid within Itself the purpose and plan towards which all Being tends. I know not how to express this more clearly. What that directive force may be, what is the secret of Being Itself is only revealed during the more advanced initiations, and is only finally grasped when the causal body itself, the karana sarira, disintegrates and the final limitation slips away. With this direction of

1. Hướng về Ánh sáng Thiên thượng, hướng về Sự Sống hay Năng lượng trung tâm, vốn giữ kín bên trong Chính Nó mục đích và Thiên Cơ mà mọi Bản Thể đều hướng đến. Tôi không biết diễn đạt điều này rõ ràng hơn thế nào. Mãnh lực chỉ đạo ấy là gì, bí mật của chính Bản Thể là gì, chỉ được mặc khải trong các cuộc điểm đạo cao hơn, và chỉ được nắm bắt sau cùng khi thể nguyên nhân tan rã và giới hạn cuối cùng rơi đi. Chúng ta không

the solar Angel's vision we need not concern ourselves.

cần bận tâm đến hướng nhìn này của Thái dương Thiên Thần.

2. Over the kingdom wherein the solar Angel reigns supreme, over the world of souls, or egoic impulses, of hierarchical work and of pure thought. This is the Kingdom of God, the world of heavenly Being. It is the state whereof disciples are becoming increasingly aware, wherein initiates work, and from which the Masters in Their graded ranks direct the evolutionary process of [212] the planet. These two directions in which the soul looks constitute the world of its spiritual experience and the object of its aspiration. Let it not be forgotten that the spiritual man, the solar Angel, has also his goal of endeavour, and that his becomes the predominant impulse once the subjugation of the vehicle in the three worlds is brought about. Just as the fully intelligent human being can only begin consciously to function as a soul and to contact the kingdom of the soul, so only the fully active and dominant soul, in which the buddhic principle is potentially controlling, can begin to contact the state of pure Being in which the monad or spirit eternally rests.

2. Trên giới mà Thái dương Thiên Thần trị vì tối thượng, trên thế giới của các linh hồn, hay các xung lực chân ngã, của công việc thánh đoàn và của tư tưởng thuần khiết. Đây là Thiên Giới, thế giới của Bản Thể thiên thượng. Đó là trạng thái mà các đệ tử ngày càng ý thức hơn, nơi các điểm đạo đồ làm việc, và từ đó các Chân sư trong những cấp bậc phân định của Các Ngài chỉ đạo tiến trình tiến hóa của [212] hành tinh. Hai hướng nhìn này của linh hồn cấu thành thế giới kinh nghiệm tinh thần của nó và đối tượng khát vọng của nó. Đừng quên rằng con người tinh thần, Thái dương Thiên Thần, cũng có mục tiêu nỗ lực của riêng mình, và mục tiêu ấy trở thành xung lực chi phối khi sự khuất phục vận cụ trong ba cõi thấp đã được thực hiện. Cũng như con người hoàn toàn thông minh chỉ có thể bắt đầu hoạt động một cách có ý thức như một linh hồn và tiếp xúc với giới của linh hồn, thì chỉ linh hồn hoàn toàn hoạt động và thống trị, trong đó nguyên khí Bồ đề đang có tiềm năng kiểm soát, mới có thể bắt đầu tiếp xúc với trạng thái Bản Thể thuần khiết, nơi chân thần hay tinh thần an trụ vĩnh cửu.

The development of the intellect in man marks his fitness for the work of treading the Path, back to full soul consciousness. The development of the buddhic or wisdom-love aspect in the solar Angel demonstrates his fitness for further progression in the awareness of the state of pure Being.

Sự phát triển trí năng nơi con người đánh dấu sự thích hợp của y đối với công việc bước trên Đường Đạo, trở về với tâm thức linh hồn trọn vẹn. Sự phát triển phương diện Bồ đề hay minh triết-bác ái nơi Thái dương Thiên Thần chứng tỏ sự thích hợp của Ngài đối với sự tiến bộ xa hơn trong nhận thức về trạng thái Bản Thể thuần khiết.

3. The third direction in which the soul looks and wherein he exercises the faculty of contemplative vision is towards his reflection in the three worlds. The object of the long struggle between the higher and

3. Hướng thứ ba mà linh hồn nhìn về, và trong đó Ngài vận dụng năng lực của tầm nhìn chiêm ngưỡng, là hướng về phản ảnh của Ngài trong ba cõi thấp. Mục tiêu của cuộc đấu tranh lâu dài giữa con người cao và con

the lower man has been to make the lower responsive to and sensitively aware of the forces emanating from the soul as the soul "contemplates" his triple instrument.

người thấp là làm cho cái thấp trở nên đáp ứng và nhạy bén nhận biết các mãnh lực phát xuất từ linh hồn khi linh hồn "chiêm ngưỡng" khí cụ tam phân của mình.

There is an interesting relation between these three "directions of contemplation" and the awakening in the three major centres. This cannot be more than hinted at owing to the abstruseness of the subject. So many factors govern this awakening, and each aspirant has to determine for himself the order and mode of his awakening.

Có một mối liên hệ thú vị giữa ba "hướng chiêm ngưỡng" này và sự thức tỉnh trong ba trung tâm chính. Điều này chỉ có thể được gợi ý, vì đề tài quá thâm sâu. Quá nhiều yếu tố chi phối sự thức tỉnh này, và mỗi người chí nguyện phải tự xác định cho mình trình tự và phương thức thức tỉnh của mình.

The centre between the eyebrows, commonly called the third eye has a unique and peculiar function. As I have pointed out elsewhere, students must not confound the pineal gland with the third eye. They are related, but not the same. In *The Secret Doctrine* they are apparently [213] regarded as the same, and the casual reader can easily confound them but they are by no means identical. This H. P. B. knew, but the apparent confusion was permitted until more of the etheric nature of forms was known. The third eye manifests as a result of the vibratory interaction between the forces of the soul, working through the pineal gland, and the forces of the personality, working through the pituitary body. These negative and positive forces interact, and when potent enough produce the light in the head. Just as the physical eye came into being in response to the light of the sun so the spiritual eye equally comes into being in response to the light of the spiritual sun. As the aspirant develops he becomes aware of the light. I refer to the light in all forms, veiled by all sheaths and expressions of the divine life, and not just to the light within the aspirant himself. As his awareness of this light increases so does the apparatus of vision develop, and the mechanism whereby

Trung tâm giữa hai chân mày, thường được gọi là con mắt thứ ba, có một chức năng độc đáo và đặc thù. Như tôi đã chỉ ra ở nơi khác, các đạo sinh không được lẫn lộn tuyến tùng với con mắt thứ ba. Chúng có liên hệ, nhưng không phải là một. Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, dường như [213] chúng được xem là một, và độc giả đọc lướt có thể dễ dàng nhầm lẫn chúng, nhưng chúng tuyệt nhiên không đồng nhất. Bà Blavatsky biết điều này, nhưng sự lẫn lộn biểu kiến ấy được cho phép cho đến khi người ta biết nhiều hơn về bản chất dĩ thái của các hình tướng. Con mắt thứ ba biểu lộ như kết quả của sự tương tác rung động giữa các mãnh lực của linh hồn, hoạt động qua tuyến tùng, và các mãnh lực của phàm ngã, hoạt động qua tuyến yên. Các mãnh lực âm và dương này tương tác với nhau, và khi đủ mạnh, chúng tạo ra ánh sáng trong đầu. Cũng như mắt hồng trần xuất hiện để đáp ứng với ánh sáng của mặt trời, con mắt tinh thần cũng xuất hiện để đáp ứng với ánh sáng của mặt trời tinh thần. Khi người chí nguyện phát triển, y trở nên ý thức về ánh sáng. Tôi nói đến ánh sáng trong mọi hình tướng, bị che phủ bởi mọi lớp vỏ và các biểu lộ của sự sống thiêng liêng, chứ không chỉ ánh sáng bên trong chính người chí nguyện. Khi nhận thức của y về ánh sáng này tăng lên, bộ máy của tầm nhìn cũng

he can see things in the spiritual light comes into being in the etheric body.

phát triển, và cơ chế nhờ đó y có thể thấy các sự vật trong ánh sáng tinh thần xuất hiện trong thể dĩ thái.

This is the eye of Shiva, for it is only fully utilized in the magical work when the monadic aspect, the will aspect, is controlling.

Đây là con mắt của Shiva, vì nó chỉ được sử dụng trọn vẹn trong công việc huyền thuật khi phương diện chân thần, phương diện ý chí, đang kiểm soát.

By means of the third eye the soul accomplishes three activities:

Nhờ con mắt thứ ba, linh hồn hoàn thành ba hoạt động:

1. *It is the eye of vision.* By its means, the spiritual man sees behind the forms of all aspects of divine expression. He becomes aware of the light of the world, and contacts the soul within all forms. Just as the physical eye registers forms, so does the spiritual eye register the illumination within those forms which "illumination" indicates a specific state of being. It opens up the world of radiance.

1. *Nó là con mắt của tầm nhìn.* Nhờ nó, con người tinh thần nhìn thấy phía sau các hình tướng của mọi phương diện biểu lộ thiêng liêng. Y trở nên ý thức về ánh sáng của thế giới và tiếp xúc với linh hồn bên trong mọi hình tướng. Cũng như mắt hồng trần ghi nhận các hình tướng, con mắt tinh thần ghi nhận sự soi sáng bên trong các hình tướng ấy; "sự soi sáng" này chỉ một trạng thái hiện tồn đặc thù. Nó mở ra thế giới của hào quang rực rỡ.

2. *It is the controlling factor of the magical work.* All white magical work is carried forward with a definitely constructive purpose, made possible through the use of the intelligent will. In other words, the soul knows the [214] plan, and when the alignment is right and the attitude correct, the will aspect of the divine man can function and bring about results in the three worlds. The organ used is the third eye. The analogy to this can be seen in the often noticed power of the human eye as it controls other human beings and animals by a look, and through steady gazing can act magnetically. Force flows through the focused human eye. Force flows through the focused third eye.

2. *Nó là yếu tố kiểm soát của công việc huyền thuật.* Mọi công việc chánh thuật được tiến hành với một mục đích xây dựng xác định, điều này trở nên khả hữu nhờ việc sử dụng ý chí thông minh. Nói cách khác, linh hồn biết [214] Thiên Cơ; và khi sự chỉnh hợp đúng đắn, thái độ chính xác, phương diện ý chí của con người thiêng liêng có thể hoạt động và tạo ra kết quả trong ba cõi thấp. Cơ quan được sử dụng là con mắt thứ ba. Sự tương đồng với điều này có thể được thấy trong quyền năng thường được nhận ra của mắt người, khi nó kiểm soát những con người khác và thú vật bằng một cái nhìn, và qua việc nhìn chăm chú vững vàng có thể tác động một cách từ tính. Mãnh lực tuôn chảy qua mắt người được tập trung. Mãnh lực tuôn chảy qua con mắt thứ ba được tập trung.

3. *It has a destructive aspect* and the energy flowing through the third eye can have a disintegrating and destroying effect. It can, through its focused attention, directed by the intelligent will, drive out physical matter. It is the agent of the soul in the purificatory work.

3. *Nó có một phương diện phá hủy*, và năng lượng tuôn qua con mắt thứ ba có thể tạo ra một tác dụng làm tan rã và phá hủy. Nhờ sự chú tâm được tập trung, do ý chí thông minh điều hướng, nó có thể xua đuổi vật chất hồng trần. Nó là tác nhân của linh hồn trong công việc thanh lọc.

It should be noted here that in each of the subtle bodies in the three worlds there is a corresponding point of focus, and the centre between the eyebrows is but the physical counterpart (for etheric matter is physical) of inner correspondences.

Ở đây cần lưu ý rằng trong mỗi thể vi tế thuộc ba cõi thấp đều có một điểm tập trung tương ứng, và trung tâm giữa hai chân mày chỉ là đối phần hồng trần, vì vật chất dĩ thái là hồng trần, của các tương ứng bên trong.

Through this point of focus the soul looks out upon, or contemplates the mental plane, including the mental mechanism. Similarly on the emotional plane, the soul is brought into a state of awareness or vision of its emotional sheath and the world of astral phenomena, and the physical parallel exists for the etheric body.

Qua điểm tập trung này, linh hồn nhìn ra, hay chiêm ngưỡng, cõi trí, bao gồm cả bộ máy trí tuệ. Tương tự, trên cõi cảm xúc, linh hồn được đưa vào trạng thái nhận biết hay tầm nhìn về lớp vỏ cảm xúc của mình và thế giới các hiện tượng cảm dục; và sự song hành hồng trần tồn tại đối với thể dĩ thái.

It is this third work of the soul that is touched upon here, the destructive work of getting rid of the old forms, of shaking out of the bodies matter of an undesirable nature and of breaking down the barriers and limitations to true soul activity.

Chính công việc thứ ba này của linh hồn được đề cập ở đây: công việc phá hủy nhằm loại bỏ các hình tướng cũ, rũ bỏ khỏi các thể loại vật chất có bản chất không đáng mong muốn, và phá vỡ các rào cản cùng giới hạn đối với hoạt động chân thật của linh hồn.

These three activities of the soul, through the medium of the third eye, are the correspondences to the three aspects, and students would find it of interest to work these out.

Ba hoạt động này của linh hồn, qua trung gian con mắt thứ ba, là các tương ứng với ba phương diện, và các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi tự triển khai chúng.

The seeing of the light within all forms through the agency of the third eye (brought into being through the realization of the light in the head, the spiritual light) is [215] but the correspondence to the physical eye,

Việc thấy ánh sáng bên trong mọi hình tướng nhờ tác nhân con mắt thứ ba, được đưa vào hiện tồn qua sự nhận ra ánh sáng trong đầu, tức ánh sáng tinh thần, [215] chỉ là sự tương ứng với mắt hồng trần, vốn mặc khải các hình tướng trong ánh sáng của mặt

revealing forms in the light of the physical sun. This corresponds to the personality.

trời hồng trần. Điều này tương ứng với phàm ngã.

The aspect of control through magnetic energy and the attractive force in the spiritual eye, which is the dominant factor in magical work, is the correspondence to the soul. In a most mysterious sense, the soul is the eye of the monad, enabling the monad, which is pure Being, to work, to contact, to know, and to see.

Phương diện kiểm soát qua năng lượng từ tính và mãnh lực hấp dẫn trong con mắt tinh thần, vốn là yếu tố chi phối trong công việc huyền thuật, là sự tương ứng với linh hồn. Theo một ý nghĩa hết sức huyền nhiệm, linh hồn là con mắt của chân thần, giúp chân thần, vốn là Bản Thể thuần khiết, có thể làm việc, tiếp xúc, hiểu biết và thấy.

The aspect of destruction is the correspondence to the monad or will aspect; in the last analysis it is the monad that brings about the final abstraction, destroys all forms, withdraws itself from manifestation and ends the cycle of creative work.

Phương diện phá hủy là sự tương ứng với chân thần hay phương diện ý chí; rốt cuộc, chính chân thần tạo ra sự trừu xuất cuối cùng, phá hủy mọi hình tướng, rút chính mình khỏi biểu lộ và kết thúc chu kỳ của công việc sáng tạo.

Bringing these concepts down to practical expression in relation to the Rule under consideration, it can be noted that all these three activities are dealt with in this Rule. The third eye opens as the result of conscious development, right alignment and the inflow of soul life. Then its magnetic controlling force makes itself felt, controlling the lives of the lower bodies, driving forth the lower four elementals (of earth, water, fire, air) and forcing the lunar lords to abdicate. The personality, which has hitherto been the master, no longer can control, and the soul comes into full domination in the three worlds.

Khi đưa các quan niệm này xuống biểu lộ thực tiễn trong liên hệ với Quy luật đang được xem xét, có thể lưu ý rằng cả ba hoạt động này đều được đề cập trong Quy luật này. Con mắt thứ ba mở ra như kết quả của sự phát triển có ý thức, sự chỉnh hợp đúng và dòng tuôn vào của sự sống linh hồn. Khi ấy mãnh lực kiểm soát từ tính của nó làm cho chính nó được cảm nhận, kiểm soát các sự sống của các thể thấp, xua đuổi bốn hành khí thấp, tức đất, nước, lửa, khí, và buộc các nguyệt tinh quân phải thoái vị. Phàm ngã, vốn cho đến nay là chủ nhân, không còn có thể kiểm soát, và linh hồn đi vào sự thống trị trọn vẹn trong ba cõi thấp.

The elemental of earth, who is the sum total of the many lives which form the physical body, is controlled and feels the eye of the Master (the one Master in the head) upon it. The gross elements constituting that body are “driven forth” and better and more adequate atoms or lives are built in.

Hành khí của đất, tức tổng thể của nhiều sự sống tạo thành thể xác, được kiểm soát và cảm nhận con mắt của Chân sư, vị Chân sư duy nhất trong đầu, đang đặt trên nó. Các nguyên tố thô trược cấu thành thể ấy bị “xua đi”, và những nguyên tử hay sự sống tốt hơn, thích hợp hơn được xây dựng vào.

The elemental of the astral or body of water undergoes a similar activity plus a stabilising effect which brings to an end the restlessness and fluidic tempestuousness which have hitherto characterised it. Through the controlling magnetic power of the spiritual eye, the soul [216] rebuilds the astral body and holds it steady and coherent through its focused attention.

Hành khí của thể cảm dục, hay thể nước, trải qua một hoạt động tương tự, cộng thêm một tác dụng ổn định, chấm dứt sự bất an và tính bão tố linh động vốn cho đến nay đã đặc trưng cho nó. Nhờ quyền năng từ tính kiểm soát của con mắt tinh thần, linh hồn [216] xây dựng lại thể cảm dục và giữ nó vững vàng, cố kết nhờ sự chú tâm tập trung của mình.

Again, an analogous process goes forward in the mental body. Old forms disappear before the clear light in which the spiritual man is working and as the *Old Commentary* puts it:

Một lần nữa, một tiến trình tương đồng diễn ra trong thể trí. Các hình tướng cũ biến mất trước ánh sáng trong trẻo nơi con người tinh thần đang làm việc, và như *Cổ Luận* diễn tả:

"One glance the soul doth cast upon the forms of mind. A ray of light streams out and darkness disappears; distortions and evil forms fade out, and all the little fires die out; the lesser lights are no more seen.

"Linh hồn phóng một thoáng nhìn lên các hình tướng của trí. Một tia sáng tuôn ra và bóng tối biến mất; những biến dạng và các hình tướng xấu ác phai tàn, và mọi ngọn lửa nhỏ đều tắt; các ánh sáng nhỏ hơn không còn được thấy nữa.

"The eye through light awakens into life the needed modes of Being. To the disciple this will carry knowledge. To the ignorant no sense is seen for a sense lacks."

"Con mắt, nhờ ánh sáng, đánh thức vào sự sống những phương thức cần thiết của Bản Thể. Đối với đệ tử, điều này sẽ mang lại tri thức. Đối với kẻ vô minh, không thấy ý nghĩa nào, vì thiếu một giác quan."

The elemental of the air symbolically understood is that substratum of energy which works through the forms of the etheric body, which is dealt with through the breath, and handled through the science of pranayama. This elemental form is the intricate etheric structure, the nadis and centres, and all advanced students know well how these are controlled by the focused attention of the soul in contemplation, acting through the head centre, focused in the region of the third eye and swept into right and specific activity by an act of the will. In the above sentence I have concentrated the formula for all magical

Hành khí của khí, hiểu theo nghĩa biểu tượng, là nền tảng năng lượng hoạt động qua các hình tướng của thể dĩ thái, được đề cập đến qua hơi thở, và được xử lý bằng khoa học pranayama. Hình tướng hành khí này là cấu trúc dĩ thái phức tạp, các kinh mạch và các trung tâm, và mọi đạo sinh cao cấp đều biết rõ những điều này được kiểm soát bởi sự chú tâm tập trung của linh hồn trong chiêm ngưỡng, tác động qua trung tâm đầu, tập trung tại vùng con mắt thứ ba và được đưa vào hoạt động đúng đắn, chuyên biệt bằng một hành vi của ý chí. Trong câu trên, tôi đã cô đọng công thức cho mọi công việc huyền thuật trên cõi hồng trần. Chính qua thể dĩ

work on the physical plane. It is through the etheric body and the force, directed through one or other of the centres, that the soul carries on the work in magic.

thái và mãnh lực, được hướng dẫn qua một trong các trung tâm, mà linh hồn tiến hành công việc trong huyền thuật.

It is through the intense focusing of intention in the head and the turning of the attention through the third eye towards the centre to be used that the force finds its correct outlet. That force is made potent by the energising, directed intelligent will. Study these points, for in them you will find the clue to the magical work in your own life reconstruction, to the magical work of human reconstruction which certain adepts are carrying on, and to the magical work of the evolution of the divine plan which is the motivating power of the occult Hierarchy.

Chính nhờ sự tập trung mãnh liệt của ý định trong đầu và sự chuyển hướng chú tâm qua con mắt thứ ba về phía trung tâm sẽ được dùng mà mãnh lực tìm được lối thoát đúng đắn của nó. Mãnh lực ấy trở nên mạnh mẽ nhờ ý chí thông minh có định hướng và có khả năng tiếp năng lượng. Hãy nghiên cứu những điểm này, vì trong đó các bạn sẽ tìm thấy chìa khóa cho công việc huyền thuật trong việc tái kiến tạo đời sống của chính mình, cho công việc huyền thuật tái kiến tạo nhân loại mà một số chân sư đang tiến hành, và cho công việc huyền thuật của sự tiến hoá Thiên Cơ thiêng liêng, vốn là quyền năng thúc đẩy của Thánh Đoàn huyền bí.

RULE SEVEN

Webinar Program 1 – Rule 7.1

The dual forces on the plane (whereon the vital power must be sought) are seen; the two paths face the solar Angel; the poles vibrate. A choice confronts the one who meditates.

Các mãnh lực kép của cõi mà trên đó quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy; hai con đường đối diện với Thái Dương Thiên Thần; các cực rung động. Một sự lựa chọn đối mặt với người đang tham thiền.

The Battleground of the Astral Plane

[219]

[219]

We must start our study and consideration of the seventh Rule for Magic. We have completed the first six Rules which deal specifically with work on the mental plane, and hence have a practical value only for those who are beginning to utilize the power of the mind in the magical work of creation.

Chúng ta phải bắt đầu nghiên cứu và suy xét Quy Luật thứ bảy về Huyền Thuật. Chúng ta đã hoàn tất sáu Quy Luật đầu, vốn đề cập chuyên biệt đến công việc trên cõi trí, và vì thế chỉ có giá trị thực tiễn đối với những ai đang bắt đầu sử dụng quyền năng của trí trong công việc huyền thuật của sự sáng tạo.

It is interesting to note in this connection that, as humanity enters into its heritage of mind, there appears simultaneously a growing tendency towards magical work. Schools of affirmation are cropping up on all sides, whose announced intent is to create those natural conditions wherein a man may have what he deems to be admirable and advisable. Books on the subject of the creative mind are flooding the markets, and discussions on the force back of the creative arts are deemed of vital interest. Psychologists are giving the entire matter much consideration, and though at present the ideal is viewed almost entirely in terms of the physical plane, yet the sum total indicates a vibratory activity in the world soul, as it expresses itself through humanity, and issues forth from the mental realm. The pioneers of the race, and the foremost thinkers and creative workers of humanity

Trong mối liên hệ này, thật thú vị khi lưu ý rằng, khi nhân loại bước vào di sản trí tuệ của mình, đồng thời xuất hiện một khuynh hướng ngày càng tăng hướng về công việc huyền thuật. Các trường phái khẳng định đang mọc lên khắp nơi, với ý định được tuyên bố là tạo ra những điều kiện tự nhiên trong đó con người có thể có được điều y cho là đáng ngưỡng mộ và đáng khuyên dùng. Sách vở về đề tài trí sáng tạo đang tràn ngập thị trường, và các cuộc thảo luận về mãnh lực đứng sau các nghệ thuật sáng tạo được xem là có tầm quan trọng thiết yếu. Các nhà tâm lý học đang xem xét toàn bộ vấn đề này rất nhiều, và tuy hiện nay lý tưởng hầu như được nhìn hoàn toàn theo thuật ngữ của cõi hồng trần, song tổng thể vẫn cho thấy một hoạt động rung động trong linh hồn thế giới, khi nó biểu hiện qua nhân loại và tuôn ra từ cõi trí. Những người tiên phong của nhân loại, cùng các nhà tư tưởng và những người

are but the sensitives who respond most readily to the mental impulses. They are in the minority as yet, and most people respond to the forces and vibrations emanating from the plane of the emotions and of desire. More and more however are awakening, and the significance of the six first Rules of Magic will become increasingly apparent.

hoạt động sáng tạo hàng đầu của nhân loại, chỉ là những người nhạy cảm đáp ứng dễ dàng nhất với các xung lực trí tuệ. Hiện nay họ vẫn là thiểu số, và đa số con người đáp ứng với các mãnh lực và rung động xuất phát từ cõi của cảm xúc và ham muốn. Tuy nhiên, ngày càng nhiều người đang thức tỉnh, và thâm nghĩa của sáu Quy Luật Huyền Thuật đầu tiên sẽ ngày càng trở nên rõ ràng.

[220]

[220]

These fifteen rules are divided into:

Mười lăm quy luật này được chia thành:

Six rules on the mental plane.

Sáu quy luật trên cõi trí.

Five rules on the desire or astral plane.

Năm quy luật trên cõi ham muốn hay cõi cảm dục.

Four rules on the physical plane.

Bốn quy luật trên cõi hồng trần.

The main thought to be held clearly in the mind is that they confine themselves to the use of energy in the three worlds, and that this energy is either consciously manipulated by the governing soul or is swept into activity by the force inherent in the matter of the three worlds, independently of the soul. When this is the case, the man is a victim of his own form energies and the matter aspect of all manifestation. In the other case, he is the intelligent ruler, controller of his own destinies, and swings the lower energies into forms and activities through the power of his mind impulses, and the focussed attention of his own soul. In the six rules already considered one or two thoughts most clearly emerge and might be summed up in the following terms:

Tư tưởng chính cần được giữ rõ ràng trong thể trí là: các quy luật này tự giới hạn vào việc sử dụng năng lượng trong ba cõi thấp, và năng lượng này hoặc được linh hồn chủ quản thao tác một cách có ý thức, hoặc bị cuốn vào hoạt động bởi mãnh lực cố hữu trong vật chất của ba cõi thấp, độc lập với linh hồn. Khi trường hợp sau xảy ra, con người là nạn nhân của các năng lượng hình tướng của chính mình và của phương diện vật chất trong mọi biểu hiện. Trong trường hợp kia, y là người cai quản thông minh, người kiểm soát các định mệnh của chính mình, và đưa các năng lượng thấp vào các hình tướng và hoạt động nhờ quyền năng của các xung lực trí tuệ cùng sự chú tâm tập trung của chính linh hồn y. Trong sáu quy luật đã được xem xét, một hoặc hai tư tưởng nổi bật rõ ràng nhất và có thể được tóm lược như sau:

Quy Luật 1—Hồi tâm, đưa đến tập trung.

Rule 1—Recollection, resulting in concentration.

Rule 2—Response, resulting in an interaction between higher and lower.

Quy Luật 2—Đáp ứng, đưa đến sự tương tác giữa cao và thấp.

Rule 3—Radiation, resulting in a sounding forth.

Quy Luật 3—Phóng xạ, đưa đến sự xướng vang.

Rule 4—Respiration, resulting in creative work.

Quy Luật 4—Hô hấp, đưa đến công việc sáng tạo.

Rule 5—Re-union, resulting in the at-one-ment.

Quy Luật 5—Tái hợp, đưa đến sự hợp nhất.

Rule 6—Re-orientation, resulting in a clear vision of the Plan.

Quy Luật 6—Tái định hướng, đưa đến một tầm nhìn rõ ràng về Thiên Cơ.

Students would do well to consider these relationships, and to work out the underlying synthesis.

Các đạo sinh nên suy xét những mối liên hệ này và tự tìm ra tổng hợp ẩn bên dưới.

In the words of this rule the astral plane, with its function and problem, is ably synthesized. Note the terms used in the description given in a few short phrases:

Trong lời của quy luật này, cõi cảm dục, với chức năng và vấn đề của nó, được tổng hợp một cách tài tình. Hãy lưu ý các thuật ngữ được dùng trong phần mô tả được đưa ra bằng vài cụm ngắn:

1. The plane of dual forces.

1. Cõi của các mãnh lực kép.

2. The plane of the two paths.

2. Cõi của hai con đường.

3. The plane whereon the vital power is sought. [221]

3. Cõi nơi quyền năng thiết yếu được tìm kiếm. [221]

4. The plane of the vibrating poles.

4. Cõi của các cực rung động.

5. The plane whereon a choice is made.

5. Cõi nơi một lựa chọn được thực hiện.

One of the most vital things every aspirant has to do is to learn to understand the astral

Một trong những điều thiết yếu nhất mà mỗi người chí nguyện phải làm là học cách thấu

plane, to comprehend its nature and to learn both to stand free from it and then to work on it. In this instruction, I seek to give some clear teaching on this plane, for the moment a man can "see" on the astral plane, and can achieve equilibrium and hold steady in the midst of its vibrating forces, that moment he is ready for initiation.

hiểu cõi cảm dục, lĩnh hội bản chất của nó, và học cả cách đứng tự do khỏi nó rồi sau đó làm việc trên đó. Trong huấn thị này, tôi tìm cách đưa ra một giáo huấn rõ ràng về cõi này, vì khoảnh khắc một người có thể "thấy" trên cõi cảm dục, có thể đạt được quân bình và đứng vững giữa các mãnh lực rung động của nó, chính khoảnh khắc ấy y đã sẵn sàng cho điểm đạo.

Webinar Program 2 – Rule 7.2

First, let us gather together some of the terms which are used to describe this sphere of divine Being wherewith a man has first to identify himself, penetrate to the centre, pierce through its veiled illusion, and eventually stand poised, untouched, detached, uninfluenced and free.

Trước hết, chúng ta hãy tập hợp một số thuật ngữ được dùng để mô tả cõi Bản Thể thiêng liêng này, nơi con người trước hết phải đồng hoá với nó, thâm nhập đến trung tâm, xuyên qua ảo tưởng che phủ của nó, và cuối cùng đứng quân bình, không bị chạm đến, tách rời, không bị ảnh hưởng và tự do.

The term "astral" so often used is in reality a misnomer. H. P. B. was basically right when she used the term in connection with the etheric or vital planes of the physical plane. When contact is made with the etheric world, the first impression given is always of a starry light, of brilliance, of scintillation. Gradually, however, the word became identified with Kama or desire, and so was used for the plane of emotional reaction.

Thuật ngữ "cảm dục" thường được dùng thật ra là một cách gọi sai. H. P. B. về căn bản đã đúng khi bà dùng thuật ngữ ấy liên hệ với các cõi dĩ thái hay sinh lực của cõi hồng trần. Khi tiếp xúc với thế giới dĩ thái, ấn tượng đầu tiên được trao truyền luôn là một ánh sáng đầy sao, rực rỡ, lấp lánh. Tuy nhiên, dần dần, từ này trở nên đồng nhất với Kama hay ham muốn, và vì thế được dùng cho cõi của phản ứng cảm xúc.

It is interesting to note this for it is in itself an instance of the effect of the astral plane upon the human brain, which in its uninformed condition reverses the reality and sees things in an upside down state. The appearance of the astral plane when first definitely seen by the "opened eye" of the aspirant is one of dense fog, confusion, changing forms, interpenetrating and intermingling colours, and is of such a kaleidoscopic appearance that the hopelessness of the enterprise seems overwhelming. It is not light, or starry or

Điều này thật thú vị để lưu ý, vì tự nó là một trường hợp về tác động của cõi cảm dục lên bộ não con người, vốn trong tình trạng chưa được thông hiểu của nó đã đảo ngược thực tại và thấy sự vật trong trạng thái lộn ngược. Vẻ ngoài của cõi cảm dục khi lần đầu được "con mắt mở" của người chí nguyện thấy một cách xác định là một màn sương dày đặc, hỗn loạn, các hình tướng biến đổi, các màu sắc xuyên nhập và hòa lẫn vào nhau, và có vẻ ngoài như kính vạn hoa đến mức sự vô vọng của công việc dường như áp đảo. Nó không phải là ánh sáng, hay đầy sao, hay

clear. It is apparently impenetrable disorder, for it is the meeting ground of forces. Because the forces in the aspirant's [222] own body are equally in disorder, he blends in with the surrounding chaos to such an extent that it is at first almost impossible for the onlooking soul to dissociate its own astral mechanism from the astral mechanism of humanity as a whole, and from the astral mechanism of the world.

trong trẻo. Bề ngoài nó là sự rối loạn không thể xuyên thấu, vì nó là nơi gặp gỡ của các mãnh lực. Bởi các mãnh lực trong chính thân thể của người chí nguyện [222] cũng ở trong tình trạng rối loạn như thế, y hòa lẫn với sự hỗn mang chung quanh đến mức ban đầu linh hồn quan sát hầu như không thể tách biệt bộ máy cảm dục của chính mình khỏi bộ máy cảm dục của toàn thể nhân loại và khỏi bộ máy cảm dục của thế giới.

One of the first things then that the aspirant has to learn is to dissociate his own aura in the emotional sense from that of his surroundings and much time is expended in learning to do this. It is for this reason that one of the first qualifications of discipleship is *discrimination*, for it is through the use of the mind, as analyzer and separator, that the astral body is brought under control.

Vậy một trong những điều đầu tiên người chí nguyện phải học là tách rời hào quang của chính mình, theo nghĩa cảm xúc, khỏi hào quang của môi trường chung quanh, và nhiều thời gian được dùng để học làm điều này. Chính vì lý do này mà một trong những phẩm chất đầu tiên của địa vị đệ tử là *phân biện*, vì chính nhờ sử dụng thể trí như công cụ phân tích và tách biệt mà thể cảm dục được đưa vào sự kiểm soát.

Secondly, the astral plane is the plane of illusion, of glamour, and of a distorted presentation of reality. The reason for this is that every individual in the world is busy working in astral matter, and the potency of human desire and of world desire produces that constant "out-picturing" and form building which leads to the most concrete effects of astral matter. Individual desire, national desire, racial desire, the desire of humanity as a whole, plus the instinctual desire of all subhuman lives causes a constant changing and shifting of the substance of the plane; there is a building of the temporary forms, some of rare beauty, some of no beauty, and a vitalising by the astral energy of its creator. Add to these forms that persistent and steadily growing scenario we call the "akashic records" which concern the emotional history of the past, add the activities of the discarnate lives which are passing through the astral plane,

Thứ hai, cõi cảm dục là cõi của ảo tưởng, của ảo cảm, và của sự trình hiện thực tại một cách méo mó. Lý do là vì mỗi cá nhân trong thế giới đều đang bận rộn làm việc trong vật chất cảm dục, và quyền năng của ham muốn con người cùng ham muốn thế giới tạo ra sự "phóng ảnh ra ngoài" và kiến tạo hình tướng liên tục, dẫn đến các hiệu quả cụ thể nhất của vật chất cảm dục. Ham muốn cá nhân, ham muốn quốc gia, ham muốn chủng tộc, ham muốn của toàn thể nhân loại, cộng với ham muốn bản năng của mọi sự sống dưới nhân loại, gây ra sự biến đổi và dịch chuyển không ngừng của chất liệu cõi này; có sự kiến tạo các hình tướng tạm thời, một số có vẻ đẹp hiếm có, một số không có vẻ đẹp, và có sự tiếp sinh lực bởi năng lượng cảm dục của kẻ sáng tạo ra chúng. Hãy thêm vào các hình tướng này kịch bản dai dẳng và ngày càng tăng trưởng mà chúng ta gọi là "các ký ảnh tiên thiên", liên quan đến lịch sử cảm xúc của quá khứ; thêm vào các hoạt động

either out of or towards incarnation, add the potent desire, purified and intelligent, of all superhuman Lives, including those of the occult planetary Hierarchy, and the sum total of forces present is stupendous. All play upon, around and through every human being, and according to the calibre of his physical body, and the condition of his centres [223] will be his response. Through this illusory panorama, the aspirant has to make his way, finding the clue or thread which will lead him out of the maze, and holding fast to each tiny fragment of reality as it presents itself to him, learning to distinguish truth from glamour, the permanent from the impermanent and the certainty from the unreal. As the *Old Commentary* puts it:

của những sự sống đã rời xác đang đi qua cõi cảm dục, hoặc ra khỏi hoặc hướng về sự lâm phàm; thêm vào ham muốn mạnh mẽ, đã được thanh luyện và thông minh, của mọi Sự Sống siêu nhân, kể cả các Sự Sống của Thánh Đoàn hành tinh huyền bí, thì tổng số các mãnh lực hiện diện là khổng lồ. Tất cả đều tác động lên, quanh và xuyên qua mỗi con người, và tùy theo phẩm chất của thể xác y cùng tình trạng các trung tâm của y [223] mà y sẽ đáp ứng. Xuyên qua toàn cảnh ảo tưởng này, người chí nguyện phải tìm đường đi, tìm chìa khóa hay sợi dây sẽ dẫn y ra khỏi mê cung, và bám chặt vào từng mảnh thực tại nhỏ bé khi nó hiện ra với y, học cách phân biệt chân lý với ảo cảm, cái thường tồn với cái vô thường, và điều chắc thật với điều không thực. Như *Cổ Luận* diễn tả:

"Let the disciple seize hold of the tail of the serpent of wisdom, and having with firmness grasped it, let him follow it into the deepest centre of the Hall of Wisdom. Let him not be betrayed into the trap set for him by the serpent of illusion, but let him shut his eyes to the colourful tracery upon its back, and his ears to the melody of its voice. Let him discern the jewel, set in the forehead of the serpent whose tail he holds, and by its radiance traverse the miry halls of maya."

"Hãy để đệ tử nắm lấy đuôi con rắn minh triết, và khi đã nắm vững chắc, hãy để y theo nó vào trung tâm sâu nhất của Phòng Minh triết. Đừng để y bị dụ vào cái bẫy được con rắn ảo tưởng đặt ra cho y, mà hãy để y nhắm mắt trước đường nét đầy màu sắc trên lưng nó, và bịt tai trước giai điệu của tiếng nó. Hãy để y phân biện viên ngọc, được đặt nơi trán của con rắn mà y đang nắm đuôi, và nhờ hào quang của nó băng qua các phòng lầy lội của ảo lực."

No glamour, no illusion can long hold the man who has set himself the task of treading the razor-edged Path which leads through the wilderness, through the thick-set forest, through the deep waters of sorrow and distress, through the valley of sacrifice and over the mountains of vision to the gate of Deliverance. He may travel sometimes in the dark (and the illusion of darkness is very real); he may travel sometimes in a light so dazzling and bewildering that he can scarcely see the way ahead; he may know

Không ảo cảm nào, không ảo tưởng nào có thể giữ lâu người đã tự đặt cho mình nhiệm vụ bước trên Đường Đạo sắc như lưỡi dao cạo, dẫn qua hoang địa, qua khu rừng rậm rạp, qua những dòng nước sâu của sầu khổ và thống khổ, qua thung lũng hi sinh và vượt qua các ngọn núi của tầm nhìn đến cổng Giải Thoát. Y đôi khi có thể đi trong bóng tối, và ảo tưởng của bóng tối rất thực; y đôi khi có thể đi trong một ánh sáng chói lòa và gây bối rối đến mức hầu như không thấy con đường phía trước; y có thể biết thế nào là

what it is to falter on the Path, and to drop under the fatigue of service and of strife; he may be temporarily sidetracked and wander down the by-paths of ambition, of self-interest and of material enchantment, but the lapse will be but brief. Nothing in heaven or hell, on earth or elsewhere can prevent the progress of the man who has awakened to the illusion, who has glimpsed the reality beyond the glamour of the astral plane, and who has heard, even if only once, the clarion call of his own soul.

chao đảo trên Đường Đạo, và gục xuống dưới sự mệt mỏi của phụng sự và tranh đấu; y có thể tạm thời bị đưa lệch đường và lang thang xuống các lối phụ của tham vọng, tư lợi và sự mê hoặc vật chất, nhưng sự sa sút ấy chỉ ngắn ngủi. Không điều gì trên thiên đường hay địa ngục, trên Trái Đất hay nơi nào khác có thể ngăn cản bước tiến của người đã thức tỉnh trước ảo tưởng, đã thoáng thấy thực tại vượt ngoài ảo cảm của cõi cảm dục, và đã nghe, dù chỉ một lần, tiếng kèn vang dội của chính linh hồn mình.

Webinar Program 3 – Rule 7.3

The astral plane is also the Kurukshetra, both of humanity [224] as a whole and of the individual human unit. It is the battle-ground whereon must be found the Waterloo of every aspirant. In some one life, there comes an emotional crisis in which decisive action is taken, and the disciple proves his control of his emotional nature. This may take the form of some great and vital test, covering a brief time but calling forth every resource of wisdom and of purity that the disciple possesses, or it may be a long and protracted emotional strain, carried over many years of living. But in the attaining of success and in the achievement of clear vision and right discernment (through right discrimination) the disciple testifies to his fitness for the second initiation.

Cõi cảm dục cũng là Kurukshetra, cả của toàn thể nhân loại [224] lẫn của đơn vị con người cá biệt. Đó là chiến trường nơi phải tìm thấy Waterloo của mỗi người chí nguyện. Trong một kiếp sống nào đó, có một khủng hoảng cảm xúc trong đó hành động quyết định được thực hiện, và đệ tử chứng tỏ quyền kiểm soát của mình đối với bản chất cảm xúc. Điều này có thể mang hình thức của một thử thách lớn lao và thiết yếu nào đó, diễn ra trong thời gian ngắn nhưng kêu gọi mọi nguồn minh triết và thanh khiết mà đệ tử có, hoặc có thể là một sức căng cảm xúc kéo dài và dai dẳng, trải qua nhiều năm sống. Nhưng trong việc đạt được thành công, và trong việc đạt được tầm nhìn rõ ràng cùng phân biện tinh thần đúng đắn qua sự phân biện đúng, đệ tử chứng tỏ y xứng đáng với lần điểm đạo thứ hai.

I would like to point out that it is this test and crisis through which humanity is now passing, and which began in those conditions which culminated in the world war and the present world strain. The first initiation of humanity, as an entity, took place when individualization became possible, and the soul was born in the body of humanity. This was preceded by a period

Tôi muốn chỉ ra rằng chính thử thách và khủng hoảng này là điều nhân loại hiện đang trải qua, và nó đã bắt đầu trong những điều kiện đạt cao điểm nơi cuộc chiến tranh thế giới và sự căng thẳng thế giới hiện nay. Lần điểm đạo thứ nhất của nhân loại, với tư cách một thực thể, đã diễn ra khi sự biệt ngã hóa trở nên khả hữu, và linh hồn được sinh ra trong toàn thể nhân loại. Điều này được đi

of fearful stress and strain, dimly sensed by the pioneers into the human kingdom from the ranks of the animal-men. Should this crisis be successfully passed, the second initiation of humanity will be the result—the passing through the baptism and the entering of the stream. So the world war and its resulting effects constitute the Kurukshetra of the world Arjuna, and the outcome is still in the balance. Let this not be forgotten. There is however no cause for pessimism. The outcome of good is inevitable. It is however a question of a slow or a rapid realization and liberation from the great world illusion, and to this end every aspirant is begged to work strenuously and to lend his aid. Every man who liberates himself, who sees clearly, and who releases himself from the glamour of illusion aids in the Great Work. [225]

trước bởi một thời kỳ căng thẳng và áp lực đáng sợ, được những người tiên phong tiến vào giới nhân loại từ hàng ngũ người thú cảm nhận mơ hồ. Nếu khủng hoảng này được vượt qua thành công, lần điểm đạo thứ hai của nhân loại sẽ là kết quả—sự đi qua phép rửa và bước vào dòng nước. Vì thế, cuộc chiến tranh thế giới và các hệ quả của nó tạo thành Kurukshetra của Arjuna thế giới, và kết quả vẫn còn chưa ngã ngũ. Đừng quên điều này. Tuy nhiên, không có lý do gì để bi quan. Kết quả tốt là tất yếu. Tuy vậy, vấn đề là sự nhận biết và giải thoát khỏi ảo tưởng lớn lao của thế giới sẽ chậm hay nhanh, và vì mục đích này, mỗi người chí nguyện được khẩn thiết yêu cầu làm việc mạnh mẽ và góp phần trợ giúp. Mỗi người tự giải thoát mình, thấy rõ ràng, và giải phóng mình khỏi ảo cảm của ảo tưởng đều trợ giúp Công Việc Vĩ Đại. [225]

Again, the astral plane is that whereon the pairs of opposites act and interact, and whereon the pull of the great dualities is most potently felt. Primarily, the interaction is between the soul and its vehicle, matter, but there are many lesser dualities which play their part and are more easily recognized by the average man.

Một lần nữa, cõi cảm dục là nơi các cặp đối lập tác động và tương tác, và là nơi sức kéo của các nhị nguyên lớn được cảm nhận mạnh mẽ nhất. Trước hết, sự tương tác là giữa linh hồn và vận cụ của nó, tức vật chất, nhưng có nhiều nhị nguyên nhỏ hơn cùng đóng vai trò của chúng và dễ được người trung bình nhận ra hơn.

Light and darkness interact, as do pleasure and pain; good and evil meet and form the playground of the Gods, and poverty and riches are offset one against the other. The entire modern economic situation is of an astral nature; it is the outcome of desire and the result of a certain selfish use of the forces of matter. Heat and cold, as we understand the term, in a most peculiar manner are the result of the interplay of the pairs of opposites, and an interesting line of occult study concerns itself with the effects of racial emotions on climatic conditions. We most truly make our climate in one

Ánh sáng và bóng tối tương tác, cũng như khoái lạc và đau khổ; thiện và ác gặp nhau và tạo thành sân chơi của các Thượng đế, và nghèo khó cùng giàu sang hóa giải lẫn nhau. Toàn bộ tình trạng kinh tế hiện đại có bản chất cảm dục; nó là kết quả của ham muốn và là hệ quả của một cách sử dụng ích kỷ nào đó đối với các mãnh lực của vật chất. Nóng và lạnh, như chúng ta hiểu thuật ngữ này, theo một cách rất đặc biệt, là kết quả của sự tương tác giữa các cặp đối lập, và một hướng nghiên cứu huyền bí thú vị liên quan đến các tác động của cảm xúc chủng tộc lên điều kiện khí hậu. Theo một ý nghĩa quan trọng,

significant sense. When desire has burnt itself out, planetary life comes to an end, as climatic conditions will negate form-life as we understand it.

chính chúng ta thật sự tạo nên khí hậu của mình. Khi ham muốn đã tự thiêu rụi, sự sống hành tinh đi đến kết thúc, vì các điều kiện khí hậu sẽ phủ định sự sống hình tướng như chúng ta hiểu.

In relation to the human unit, the secret of liberation lies in the balancing of the forces and the equilibrising of the pairs of opposites. The Path is the narrow line between these pairs which the aspirant finds and treads, turning neither to the right nor to the left.

Liên quan đến đơn vị con người, bí quyết giải thoát nằm trong việc quân bình các mãnh lực và làm cân bằng các cặp đối lập. Đường Đạo là đường hẹp giữa các cặp này, mà người chí nguyện tìm thấy và bước đi, không rẽ sang phải cũng không rẽ sang trái.

It must be remembered always that when the pairs of opposites are discerned, when a man balances the forces of his own nature, when he has found the Path and become the Path, then he can work with the world forces, can preserve the balance and the equilibrium of the energies of the three worlds and so become a co-worker with the Masters of the Wisdom. Let us pray and hope that this may be the practical outcome of our understanding of the nature of the battleground of the astral plane.

Cần luôn nhớ rằng khi các cặp đối lập được phân biện, khi con người quân bình các mãnh lực của bản chất chính mình, khi y đã tìm thấy Đường Đạo và trở thành Đường Đạo, khi ấy y có thể làm việc với các mãnh lực thế giới, có thể gìn giữ sự cân bằng và quân bình của các năng lượng trong ba cõi thấp, và do đó trở thành cộng sự viên với các Chân sư Minh Triết. Chúng ta hãy cầu nguyện và hy vọng rằng đây có thể là kết quả thực tiễn từ sự thấu hiểu của chúng ta về bản chất chiến trường của cõi cảm dục.

Webinar Program 4 – Rule 7.4

The Two Paths

[226]

[226]

Passing from our consideration of the nature of the astral plane we will deal with its functions and the relation of the disciple to its activities. Let us remember certain things about it. First, it is pre-eminently the battle-ground, and on it is fought the warfare which eventuates in the final release of the imprisoned soul. It is useful to have in mind the outstanding characteristics of the three

Rời khỏi sự suy xét của chúng ta về bản chất của cõi cảm dục, chúng ta sẽ đề cập đến các chức năng của nó và mối liên hệ của đệ tử với các hoạt động của nó. Chúng ta hãy nhớ một số điều về nó. Trước hết, nó nổi bật là chiến trường, và trên đó diễn ra cuộc chiến đưa đến sự giải thoát cuối cùng của linh hồn bị giam cầm. Thật hữu ích khi ghi nhớ các đặc điểm nổi bật của ba cõi và ba thể hoạt động trên đó.

planes and the three bodies which function on them.

The *physical* plane is the plane of active experience in and through matter. It is the plane of externalisation and, according to the condition and point of development of the inner man, so will be the outer form and its activities.

Cõi *hồng trần* là cõi của kinh nghiệm linh hoạt trong và qua vật chất. Đó là cõi của sự ngoại hiện, và tùy theo tình trạng cùng điểm phát triển của con người bên trong, hình tướng bên ngoài và các hoạt động của nó cũng sẽ như vậy.

The *astral* plane is the plane whereon the man passes through three stages of consciousness:

Cõi *cảm dục* là cõi nơi con người đi qua ba giai đoạn tâm thức:

a. He gains, through his sensory apparatus, consciousness in the world of forms, and develops ability to re-act to those forms with wisdom and intelligence. This consciousness he shares with the animal world, though he goes far beyond them in some respects, owing to his possession of a correlating and co-ordinating mind.

a. Nhờ bộ máy giác quan của mình, y đạt được tâm thức trong thế giới hình tướng, và phát triển khả năng phản ứng với các hình tướng ấy bằng minh triết và trí thông minh. Tâm thức này y chia sẻ với thế giới động vật, dù y vượt xa chúng ở một số phương diện, nhờ sở hữu một thể trí có khả năng tương liên và phối hợp.

b. Sensitivity, or awareness of moods, emotions and feelings, desires and aspirations which have their roots within him in the principle of self-consciousness, or in the ahamkara principle, as the occultist (who loves difficult phrases) is apt to call it. This he shares in common with his fellow-men.

b. Sự nhạy cảm, hay nhận biết về các tâm trạng, cảm xúc và tình cảm, ham muốn và khát vọng vốn có gốc rễ trong y nơi nguyên khí ngã thức, hay nơi nguyên khí tạo-ngã, như nhà huyền bí học, vốn ưa các cụm từ khó, thường gọi. Điều này y có chung với các đồng loại của mình.

c. Spiritual awareness or sensitiveness to the spiritual world, and the feeling aspect of the higher consciousness. This has its roots in the soul, presupposes the dominance of the mental nature, and is that faculty [227] which constitutes him a mystic. This awareness he shares in common with all disciples and it is the reward of the gained victories of his astral plane experience.

c. Sự nhận biết tinh thần hay tính nhạy cảm đối với thế giới tinh thần, và phương diện cảm nhận của tâm thức cao hơn. Điều này có gốc rễ trong linh hồn, giả định sự chi phối của bản chất trí tuệ, và là năng lực [227] khiến y trở thành một nhà thần bí. Sự nhận biết này y có chung với mọi đệ tử, và đó là phần thưởng của những chiến thắng đã đạt được qua kinh nghiệm cõi cảm dục của y.

The *mental* plane comes next. In it the right use of the intellect is the outstanding achievement. This is also characterised by three stages:

Cõi *trí* kế tiếp. Trong đó, việc sử dụng đúng trí năng là thành tựu nổi bật. Điều này cũng được đặc trưng bởi ba giai đoạn:

a. The stage wherein the mind is the receiver of impressions from the outer world, via the five senses and the brain. This is a negative condition, and, in it, the "modifications of the thinking principle" are brought about through the impacts of the external world, and the re-actions of the astral world.

a. Giai đoạn trong đó thể trí là nơi tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài, qua năm giác quan và bộ não. Đây là một tình trạng âm tính, và trong đó, "những biến thái của nguyên khí tư tưởng" được tạo ra do các va chạm của thế giới bên ngoài và các phản ứng của thế giới cảm dục.

b. The stage wherein the mind initiates its own activities, and wherein the intellect is a dominating factor. Though thrown into activity by the factors enumerated above, it is responsive also to the thought currents of the mental plane as well, and becomes exceedingly active as the result of these two contacts. Out of these a third activity supervenes wherein the reasoning principle acts upon the information gained in these two ways, sets its own streams of thoughts, and formulates its own thought forms, as well as registering those of others.

b. Giai đoạn trong đó thể trí khởi phát các hoạt động riêng của nó, và trong đó trí năng là một yếu tố chi phối. Dù được đưa vào hoạt động bởi các yếu tố đã liệt kê ở trên, nó cũng đáp ứng với các dòng tư tưởng của cõi trí, và trở nên cực kỳ linh hoạt do hai tiếp xúc này. Từ đó phát sinh một hoạt động thứ ba, trong đó nguyên khí lý luận tác động lên thông tin thu được theo hai cách này, thiết lập các dòng tư tưởng của riêng nó, và tạo lập các hình tư tưởng của riêng nó, đồng thời ghi nhận các hình tư tưởng của người khác.

c. The stage wherein the soul, through concentration and meditation succeeds in imposing its ideas and impressions upon the mind held "steady in the light" and so enables the mental body to respond to impressions and contacts emanating from the subjective and spiritual worlds.

c. Giai đoạn trong đó linh hồn, nhờ tập trung và tham thiền, thành công trong việc in các ý tưởng và ấn tượng của mình lên thể trí được giữ "vững vàng trong ánh sáng", và nhờ vậy khiến thể trí có thể đáp ứng với các ấn tượng và tiếp xúc phát ra từ các thế giới nội tâm và tinh thần.

Yet the battle, par excellence, is fought out in the astral body, and only reaches its most intense point and its potent fierceness when there is a good physical instrument and a well-equipped mentality. The greater the sensitivity of the astral body, the greater its reactions to [228] the physical world and to the mental condition and hence the fact

Tuy nhiên, trận chiến đúng nghĩa nhất được chiến đấu trong thể cảm dục, và chỉ đạt đến điểm mãnh liệt nhất cùng sự dữ dội mạnh mẽ của nó khi có một công cụ hồng trần tốt và một trí tuệ được trang bị đầy đủ. Thể cảm dục càng nhạy cảm bao nhiêu, các phản ứng của nó đối với [228] thế giới hồng trần và tình trạng trí tuệ càng lớn bấy nhiêu, và từ

emerges that disciples and the more highly evolved people in the world have a more potent astral body and work under greater emotional strain than the less highly evolved and the liberated sons of God.

đó nảy sinh sự kiện rằng các đệ tử và những người tiến hoá cao hơn trong thế giới có một thể cảm dục mạnh mẽ hơn và làm việc dưới sức căng cảm xúc lớn hơn so với những người kém tiến hoá hơn và các Con của Thượng đế đã được giải thoát.

Students are therefore begged to deal drastically and potently with their emotional natures, remembering that victory descends from above and cannot be worked up to from below. The soul *must* govern and its instrument in the warfare is the consecrated mind.

Do đó, các đạo sinh được khẩn thiết yêu cầu xử lý bản chất cảm xúc của mình một cách quyết liệt và mạnh mẽ, nhớ rằng chiến thắng đi xuống từ trên cao và không thể được xây dựng từ dưới lên. Linh hồn *phải* cai quản và công cụ của nó trong cuộc chiến là thể trí đã được thánh hiến.

It is interesting to note the occult sequence in the description given of this plane in the rule under consideration.

Thật thú vị khi lưu ý trình tự huyền bí trong phần mô tả về cõi này trong quy luật đang được xem xét.

It is first of all the plane of dual forces. The first thing the aspirant becomes aware of is duality. The little evolved man is aware of synthesis, but it is the synthesis of his material nature. The highly spiritual man is aware also of synthesis but it is that in his soul, whose consciousness is that of unity. But in between is the wretched aspirant, conscious of duality above all else and pulled hither and thither between the two. His first step has, for its objective, to make him aware of the pairs of opposites and of the necessity to choose between them. Through the light, which he has discovered in himself, he becomes aware of the dark. Through the good which attracts him, he sees the evil which is for him the line of least resistance. Through the activity of pain, he can visualize and become aware of pleasure, and heaven and hell become to him realities. Through the activity of the attractive life of his soul, he realizes the attraction of matter and of form, and is forced to recognize the urge and pull of both of them. He learns to feel himself as “pendant ‘twixt the two great

Trước hết, đó là cõi của các mãnh lực kép. Điều đầu tiên người chí nguyện trở nên nhận biết là nhị nguyên. Người kém tiến hoá nhận biết tổng hợp, nhưng đó là tổng hợp của bản chất vật chất của y. Người có tinh thần cao cũng nhận biết tổng hợp, nhưng đó là tổng hợp trong linh hồn y, mà tâm thức của linh hồn là tâm thức của hợp nhất. Nhưng ở giữa là người chí nguyện khốn khổ, ý thức về nhị nguyên hơn bất cứ điều gì khác và bị kéo qua kéo lại giữa hai bên. Bước đầu tiên của y có mục tiêu là khiến y nhận biết các cặp đối lập và sự cần thiết phải chọn lựa giữa chúng. Nhờ ánh sáng mà y đã khám phá trong chính mình, y trở nên nhận biết bóng tối. Nhờ cái thiện thu hút y, y thấy cái ác, vốn đối với y là con đường ít trở ngại nhất. Nhờ hoạt động của đau khổ, y có thể hình dung và nhận biết khoái lạc, và thiên đường cùng địa ngục trở thành các thực tại đối với y. Nhờ hoạt động của sự sống hấp dẫn của linh hồn mình, y nhận ra sức hấp dẫn của vật chất và hình tướng, và buộc phải nhận biết sự thôi thúc cùng sức kéo của cả hai. Y học cảm thấy chính mình như “treo lơ lửng giữa hai mãnh

forces", and, once the dualities are grasped, it dawns on him slowly and surely that the deciding factor in the struggle is his divine will, in contradistinction to his selfish will. [229] Thus the dual forces play their part until they are seen as two great streams of divine energy, pulling in opposite directions, and he becomes then aware of the two paths, mentioned in our rule. One path leads back into the dreary land of rebirth, and the other leads through the golden gate to the city of free souls. One is therefore involutionary and involves him in deepest matter; the other leads him out of the body nature, and makes him eventually aware of his spiritual body, through which he can function in the kingdom of the soul. One path, later on (when he is a true and pledged chela) is known to him as the left hand path and the other the path of right activity.

lực lớn", và một khi các nhị nguyên được nắm bắt, dần dần và chắc chắn y sáng tỏ rằng yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh là ý chí thiêng liêng của y, đối lập với ý chí ích kỷ của y. [229] Như vậy, các mãnh lực kép đóng vai trò của chúng cho đến khi chúng được thấy như hai dòng năng lượng thiêng liêng lớn, kéo theo hai hướng ngược nhau, và khi ấy y trở nên nhận biết hai con đường được nhắc đến trong quy luật của chúng ta. Một con đường dẫn trở lại vùng đất tái sinh ảm đạm, và con đường kia dẫn qua cổng vàng vào thành phố của các linh hồn tự do. Do đó, một con đường là giáng hạ tiến hoá và lôi kéo y vào vật chất sâu nhất; con đường kia dẫn y ra khỏi bản chất thân thể, và cuối cùng khiến y nhận biết thể tinh thần của mình, nhờ đó y có thể hoạt động trong giới của linh hồn. Một con đường, về sau, khi y là một đệ tử chân chính và đã cam kết, được y biết đến như tả đạo, và con đường kia là con đường của hoạt động đúng đắn.

Webinar Program 5- Rule 7.5

On one path, he becomes proficient in black magic, which is only the developed powers of the personality, subordinated to the selfish purposes of a man whose motives are those of self interest and worldly ambition. These confine him to the three worlds and shut the door which opens on to life. On the other path, he subordinates his personality and exercises the magic of the White Brotherhood, working always in the light of the soul with the soul in all forms, and laying no emphasis upon the ambitions of the personal self. Clear discrimination of these two paths reveals what is called in some occult books that "narrow razor-edged Path" which lies between the two. This is the "noble middle Path" of the Buddha and marks the fine line of demarcation between the pairs of opposites, and between the two

Trên một con đường, y trở nên thành thạo trong Hắc thuật, vốn chỉ là các quyền năng đã phát triển của phàm ngã, bị đặt dưới các mục đích ích kỷ của một người mà động cơ là tư lợi và tham vọng thế gian. Những điều này giam giữ y trong ba cõi thấp và đóng cánh cửa mở vào sự sống. Trên con đường kia, y đặt phàm ngã của mình dưới quyền và thực hành huyền thuật của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, luôn làm việc trong ánh sáng của linh hồn cùng với linh hồn trong mọi hình tướng, và không nhấn mạnh vào các tham vọng của bản ngã cá nhân. Sự phân biện rõ ràng giữa hai con đường này mặc khải điều được gọi trong một số sách huyền bí là "Đường Đạo hẹp sắc như lưỡi dao cạo" nằm giữa hai con đường ấy. Đây là "Trung Đạo cao quý" của Đức Phật và đánh dấu ranh giới tinh tế giữa các cặp đối lập, cũng như giữa

streams which he has learnt to recognize—one going up unto the gates of heaven, and the other passing down into the nethermost hell.

hai dòng mà y đã học nhận biết—một dòng đi lên đến các cổng thiên đường, và dòng kia đi xuống địa ngục thấp nhất.

By the exercise of the two main weapons of the aspirant, discrimination and dispassion, he gains that quality which is called in this rule "the vital power". Just as the eye is the instrument of choice in choosing the way of travel on the physical plane and has besides a potency all its own whereby it attracts and develops its [230] own sign language, so a vital power is felt in the aspirant. This eventually brings the third eye into activity, and so there is gained a potency and a clear vision which make right choice and quick progress upon the way a steady progression. We are told that power is grown or developed in silence, and only he who can find a centre of peace within his head, where the paths of the bodily forces and the spiritual inflowing tides meet, can rightly practice true discrimination and that dispassion which bring the controlled astral and mental bodies under the guidance of the soul.

Bằng việc vận dụng hai khí cụ chính của người chí nguyện, phân biện và vô dục, y đạt được phẩm tính được gọi trong quy luật này là "quyền năng thiết yếu". Giống như con mắt là công cụ lựa chọn trong việc chọn đường đi trên cõi hồng trần, và ngoài ra còn có một quyền năng riêng nhờ đó nó thu hút và phát triển [230] ngôn ngữ dấu hiệu riêng của mình, cũng vậy, một quyền năng thiết yếu được cảm nhận trong người chí nguyện. Điều này cuối cùng đưa con mắt thứ ba vào hoạt động, và nhờ đó đạt được một quyền năng cùng một tầm nhìn rõ ràng, khiến sự lựa chọn đúng đắn và sự tiến nhanh trên con đường trở thành một tiến trình vững chắc. Chúng ta được dạy rằng quyền năng lớn lên hay phát triển trong im lặng, và chỉ người nào có thể tìm thấy một trung tâm bình an trong đầu mình, nơi các con đường của những mãnh lực thuộc thể xác và các dòng tuôn nhập tinh thần gặp nhau, mới có thể thực hành đúng sự phân biện chân chính và vô dục vốn đưa thể cảm dục và thể trí đã được kiểm soát vào dưới sự hướng dẫn của linh hồn.

Then he can understand the significance of "the vibrating poles", and achieve that point of equilibrium which is the result of their interaction and vibration.

Khi ấy, y có thể thấu hiểu thâm nghĩa của "các cực rung động", và đạt được điểm quân bình vốn là kết quả của sự tương tác và rung động của chúng.

The sensing of the dual forces and the clear discrimination of the two paths leads to the development of the vital power. This vital power demonstrates its first activity in enabling the aspirant to achieve a point of balance and so stand on that pinnacle of achievement whereon "a choice is made".

Việc cảm nhận các mãnh lực kép và sự phân biện rõ ràng hai con đường dẫn đến sự phát triển của quyền năng thiết yếu. Quyền năng thiết yếu này biểu lộ hoạt động đầu tiên của nó qua việc giúp người chí nguyện đạt được một điểm cân bằng, và do đó đứng trên đỉnh cao thành tựu nơi "một lựa chọn được thực hiện".

What is that choice? For the aspirant, it is that between rapid and slow progress. For the disciple, accepted and loyal, it is the choice between methods of service. For the initiate it oft lies betwixt spiritual advancement and the arduous work of staying with the group and working out the plan. For the Master it is the choice between the seven Paths, and it will therefore be apparent how much more strenuous and difficult is his problem.

Lựa chọn ấy là gì? Đối với người chí nguyện, đó là lựa chọn giữa tiến bộ nhanh và chậm. Đối với đệ tử đã được chấp nhận và trung thành, đó là lựa chọn giữa các phương pháp phụng sự. Đối với điểm đạo đồ, nó thường nằm giữa sự tiến bộ tinh thần và công việc gian khổ của việc ở lại với nhóm và thực hiện Thiên Cơ. Đối với Chân sư, đó là lựa chọn giữa bảy Con Đường, và do đó sẽ thấy rõ vấn đề của Ngài cam go và khó khăn hơn biết bao.

All however prepares the aspirant for right choice through right discrimination leading to right action, and made possible through practiced dispassion. In this sentence is summed up the technique of the warrior upon the battle-field of the desire plane.

Tuy nhiên, tất cả đều chuẩn bị người chí nguyện cho sự lựa chọn đúng đắn qua phân biện đúng, dẫn đến hành động đúng, và được làm cho khả hữu nhờ vô dục đã được thực hành. Trong câu này được tóm lược kỹ thuật của chiến sĩ trên chiến trường của cõi ham muốn.

It should here be noted that in the steadily developing power of choice, and the loyally fought battle of the astral [231] plane, the consciousness in the man shifts stage by stage. First, it is the battered earth-weary aspirant who has to struggle with desire, with glamour, with ambition and with his sensitive emotional body. He thinks the battle is stupendous but from the wider angle it is relatively small—yet all that he can stand.

Ở đây cần lưu ý rằng trong quyền năng lựa chọn đang phát triển đều đặn, và trong trận chiến được chiến đấu trung thành trên cõi cảm dục [231], tâm thức trong con người chuyển dịch từng giai đoạn. Trước hết, đó là người chí nguyện bị vùi dập và mệt mỏi với đời sống trần thế, phải vật lộn với ham muốn, với ảo cảm, với tham vọng và với thể cảm xúc nhạy cảm của mình. Y nghĩ trận chiến là khổng lồ, nhưng từ góc nhìn rộng hơn, nó tương đối nhỏ—tuy vậy đó là tất cả những gì y có thể chịu đựng.

Later, it is the experienced probationary disciple who wrestles in the vale of illusion, and deals not alone with his own nature but with the forces of that vale also, recognising its dual nature. Then, the disciple comes forth to battle and faces with courage (and often with clear vision) the forces arrayed against him. They involve not only those in his own nature and in those aspects of the astral plane to which he naturally re-acts, but also involve the forces of illusion arrayed

Về sau, đó là đệ tử dự bị có kinh nghiệm, vật lộn trong thung lũng ảo tưởng, và không chỉ xử lý bản chất riêng của mình mà còn cả các mãnh lực của thung lũng ấy, nhận biết bản chất nhị nguyên của nó. Rồi đệ tử bước ra chiến đấu và đối diện với lòng can đảm, và thường với tầm nhìn rõ ràng, các mãnh lực được dàn ra chống lại y. Chúng không chỉ bao gồm những mãnh lực trong bản chất riêng của y và trong các phương diện của cõi cảm dục mà y tự nhiên phản ứng, mà còn

against the group of disciples to which he belongs. Let all disciples take note of this and have it in mind in these difficult and strenuous days. Such disciples are in conscious contact at times with their soul forces and for them there is no defeat nor turning back. They are the tried warriors, scarred and tired, yet knowing that triumphant victory lies ahead, for the soul is omnipotent. Accepted disciples, who battle all the above enumerated factors, plus the black forces arrayed against the Elder Brothers, can call upon the spiritual energies of their group and at rare and indicated moments upon the Master under whom they work. Thus the work and labour expands; thus the responsibility and struggle steadily increases; yet at the same time there is also a steadily growing reception of potencies which can be contacted and utilized and which when correctly contacted insure victory at the end.

bao gồm các mãnh lực ảo tưởng được dàn ra chống lại nhóm đệ tử mà y thuộc về. Tất cả các đệ tử hãy lưu ý điều này và ghi nhớ trong những ngày khó khăn và căng thẳng này. Những đệ tử như thế đôi khi tiếp xúc có ý thức với các mãnh lực linh hồn của họ, và đối với họ không có thất bại cũng không có quay lui. Họ là những chiến sĩ đã được thử thách, đầy sẹo và mệt mỏi, nhưng biết rằng chiến thắng khải hoàn đang ở phía trước, vì linh hồn là toàn năng. Các đệ tử được chấp nhận, những người chiến đấu với tất cả các yếu tố đã liệt kê ở trên, cộng với các mãnh lực đen tối dàn ra chống lại các Huynh Trưởng, có thể kêu gọi các năng lượng tinh thần của nhóm họ, và vào những thời điểm hiếm hoi, được chỉ định, kêu gọi Chân sư mà dưới quyền Ngài họ làm việc. Như thế, công việc và lao động mở rộng; như thế, trách nhiệm và cuộc đấu tranh tăng lên đều đặn; tuy nhiên, đồng thời cũng có sự tiếp nhận ngày càng tăng đều đặn các quyền năng có thể được tiếp xúc và sử dụng, và khi được tiếp xúc đúng đắn, chúng bảo đảm chiến thắng sau cùng.

Webinar Program 6 – Rule 7.6

The phrase “the one who meditates” relates to the soul. Arjuna, the aspiring disciple, resigns the struggle and hands the weapons and the reins of government to Krishna, the soul, and is rewarded at last by understanding [232] and by a vision of the divine form which veils the Son of God Who is Himself.

Cụm từ “người đang tham thiền” liên hệ đến linh hồn. Arjuna, đệ tử chí nguyện, từ bỏ cuộc đấu tranh và trao vũ khí cùng dây cương cai quản cho Krishna, linh hồn, và cuối cùng được tưởng thưởng bằng sự thấu hiểu [232] cùng một linh ảnh về hình tướng thiêng liêng che phủ Con của Thượng đế, chính là Ngài.

When this battle has been fought and won the disciple steps into the ranks of the white magicians of our planet and can wield forces, cooperate with the plan, command the elementals, and bring order out of chaos. He is no longer immersed in the world illusion but has risen above it. He can no

Khi trận chiến này đã được chiến đấu và chiến thắng, đệ tử bước vào hàng ngũ các nhà huyền thuật chánh đạo của hành tinh chúng ta và có thể vận dụng các mãnh lực, hợp tác với Thiên Cơ, chỉ huy các hành khí, và đem trật tự ra khỏi hỗn mang. Y không còn chìm đắm trong ảo tưởng thế giới mà đã

longer be held down by the chains of his own past habits and his karma. He has gained the vital power and stands forth an Elder Brother.

vượt lên trên nó. Y không còn có thể bị trói buộc bởi xiềng xích của các thói quen quá khứ và nghiệp quả của chính mình. Y đã đạt được quyền năng thiết yếu và đứng ra như một Huynh Trưởng.

Such is the path ahead of each and all who dare to tread it. Such is the opportunity offered to all students who have made their choice with dispassion and are prompted by love and the desire to serve.

Đó là con đường phía trước của mỗi người và tất cả những ai dám bước đi trên đó. Đó là cơ hội được trao cho mọi đạo sinh đã thực hiện lựa chọn của mình với vô dục và được thúc đẩy bởi tình thương cùng ham muốn phụng sự.

RULE EIGHT

Webinar Program 7- Rule 8.1

The Agnisuryans respond to the sound. The waters ebb and flow. Let the magician guard himself from drowning, at the point where land and water meet. The midway spot, which is neither dry nor wet, must provide the standing place whereon his feet are set. When water, land and air meet there is the place for magic to be wrought.

Các Agnisuryans đáp ứng với âm thanh. Các vùng nước lên xuống và chảy. Hãy để nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi chết đắm tại điểm nơi đất và nước gặp nhau. Nơi ở giữa, không khô cũng không ướt, phải cung cấp vị trí đứng mà trên đó y phải đặt bàn chân. Khi nước, đất và không khí gặp nhau, đó là nơi để huyền thuật được thực hiện.

Types of Astral Force

[235]

[235]

It would be advisable for the student to read with care the commentary on this rule as given in the *Treatise on Cosmic Fire.* It will be noted how extremely abstruse it is and how full of almost blind occult information. This should however be studied. The word "astral plane" should also be looked up and a general idea gained as to its nature and its function as the battle-ground of the senses, and as the place from which magic is wrought. The intelligent and constructive desire of the white magician, acting under the instruction of his own soul and therefore occupied with group work, is the motivating power back of all magical phenomena. This magical work is begun in the magician's own life, extends to the world of the astral plane and from thence (when potent there) can begin to demonstrate on the physical plane and on the higher planes eventually.

Sẽ là điều đáng khuyên cho đạo sinh khi đọc kỹ phần bình giải về quy luật này như được đưa ra trong *Luận về Lửa Vũ Trụ.* Cần lưu ý rằng nó cực kỳ khó hiểu và đầy những thông tin huyền bí gần như được che đậy. Tuy nhiên, điều này cần được nghiên cứu. Từ "cõi cảm dục" cũng cần được tra cứu, và cần đạt được một ý niệm tổng quát về bản chất và chức năng của nó như chiến trường của các giác quan, và như nơi từ đó huyền thuật được thực hiện. Ham muốn thông minh và xây dựng của nhà huyền thuật chánh đạo, hành động dưới huấn thị của chính linh hồn mình và do đó bận tâm với công việc nhóm, là quyền năng thúc đẩy đứng sau mọi hiện tượng huyền thuật. Công việc huyền thuật này được bắt đầu trong đời sống riêng của nhà huyền thuật, mở rộng đến thế giới của cõi cảm dục và từ đó, khi đã mạnh mẽ tại đó, có thể bắt đầu biểu lộ trên cõi hồng trần và cuối cùng trên các cõi cao hơn.

We shall, therefore, take a good deal of time over this rule for it covers the immediate work and activity of the intelligent aspirant. It is the most important in the book from the

Vì vậy, chúng ta sẽ dành khá nhiều thời gian cho quy luật này, vì nó bao quát công việc và hoạt động trước mắt của người chí nguyện thông minh. Nó là quy luật quan trọng nhất

standpoint of the average student. It cannot be understood where there is no soul contact, nor can the magical force of the soul work out in manifestation upon the physical plane until the meaning of its esoteric phrases has been somewhat wrought out in the inner experience of the magician.

trong sách xét từ quan điểm của đạo sinh trung bình. Nó không thể được thấu hiểu nơi không có tiếp xúc linh hồn, và mãnh lực huyền thuật của linh hồn cũng không thể vận hành ra biểu hiện trên cõi hồng trần cho đến khi ý nghĩa của các cụm từ huyền bí của nó đã phần nào được thực hiện trong kinh nghiệm nội tâm của nhà huyền thuật.

Most true aspirants are now at the midway spot, and can either drown (and so make no further progress this life), stand and so hold the ground gained, or become true practicing magicians, efficient in white magic, which is [236] based on love, animated by wisdom and intelligently applied to forms.

Hầu hết những người chí nguyện chân chính hiện nay đang ở Nơi ở giữa, và có thể hoặc chết đuối, do đó không tiến thêm được nữa trong kiếp sống này, hoặc đứng vững và nhờ vậy giữ được vị trí đã đạt, hoặc trở thành những nhà huyền thuật thực hành chân chính, hữu hiệu trong Chánh Thuật, vốn [236] dựa trên tình thương, được làm sinh động bởi minh triết và được áp dụng một cách thông minh vào các hình tướng.

We will, therefore, divide this rule into several parts, the more easily to study it and take them up step by step, so as to grasp their application to the average life of the probationary disciple, and to gain a wise understanding of their wide implications.

Vì vậy, chúng ta sẽ chia quy luật này thành nhiều phần để dễ nghiên cứu hơn, và sẽ lần lượt bàn đến từng phần, nhằm nắm được cách áp dụng của chúng vào đời sống trung bình của đệ tử dự bị, và đạt được một sự thấu hiểu minh triết về các hàm ý rộng lớn của chúng.

These three divisions are:

Ba phần này là:

1. The response of the astral elementals and the consequent ebb and flow of the waters.

1. Sự đáp ứng của các hành khí cảm dục và hệ quả là sự rút xuống và dâng lên của nước.

2. The dangers of the midway spot, its nature and the opportunity it affords.

2. Các nguy hiểm của Nơi ở giữa, bản chất của nó và cơ hội mà nó đem lại.

3. The place where magic is wrought.

3. Nơi huyền thuật được thực hiện.

We will study now the first point which is summed up for us in the words:

Bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu điểm thứ nhất, được tóm lược cho chúng ta trong những lời:

"The Agnisuryans respond to the sound.

The waters ebb and flow."

The situation might be stated in the following terse statements. The rules already studied convey the truth anent the magician.

1. The soul has communicated with his instrument in the three worlds.

2. The man on the physical plane recognises the contact, and the light in the head shines forth, sometimes recognised and sometimes unrecognised by the aspirant.

3. The soul sounds forth its note. A thought-form is created in consonance with the *united* meditation of the soul and the man, his instrument.

4. This thought-form, embodying the will of the ego or soul, cooperating with the personality, takes to itself a triple form, constituted of the matter of all three planes, and vitalized through the activity and by the emanations from the heart, throat and [237] ajna centres of the white magician—the soul in conjunction with its instrument.

5. The personality sheaths, each with its own individual life, feel they are losing their power and the battle between the forces of matter and the force of the soul is violently renewed.

6. This battle must be fought out on the astral plane and will decide three things:

a. Whether the soul will, in any one life (for some life holds the critical stage), be the

"Các Agnisuryans đáp ứng với âm thanh.

Các vùng nước lên xuống và chảy."

Tình huống có thể được trình bày trong các phát biểu ngắn gọn sau đây. Các quy luật đã được nghiên cứu truyền đạt chân lý liên quan đến nhà huyền thuật.

1. Linh hồn đã giao tiếp với công cụ của mình trong ba cõi thấp.

2. Con người trên cõi hồng trần nhận ra sự tiếp xúc, và ánh sáng trong đầu tỏa rạng, đôi khi được người chí nguyện nhận ra và đôi khi không được nhận ra.

3. Linh hồn xướng lên chủ âm của nó. Một hình tư tưởng được tạo ra phù hợp với sự tham thiền *hợp nhất* của linh hồn và con người, là khí cụ của nó.

4. Hình tư tưởng này, hiện thân cho ý chí của chân ngã hay linh hồn, hợp tác với phàm ngã, khoác lấy một hình tướng tam phân, được cấu thành bằng vật chất của cả ba cõi, và được tiếp sinh lực nhờ hoạt động cùng các phát xạ từ những trung tâm tim, cổ họng và [237] ajna của nhà huyền thuật chánh đạo — tức linh hồn liên kết với khí cụ của nó.

5. Các lớp vỏ của phàm ngã, mỗi lớp có sự sống cá biệt riêng, cảm thấy chúng đang mất quyền lực, và cuộc chiến giữa các mãnh lực của vật chất với mãnh lực của linh hồn lại bùng lên dữ dội.

6. Cuộc chiến này phải được quyết định trên cõi cảm dục và sẽ định đoạt ba điều:

a. Liệu linh hồn, trong một kiếp sống nào đó (vì có một kiếp sống chứa giai đoạn quyết

dominant factor and the personality from henceforth be the servant of the soul.

định), có trở thành yếu tố chủ đạo hay không, và từ đó trở đi phàm ngã có trở thành kẻ phụng sự linh hồn hay không.

b. Whether the astral plane is no longer the plane of illusion, but can become the field of service.

b. Liệu cõi cảm dục không còn là cõi của ảo tưởng nữa, mà có thể trở thành lĩnh vực phụng sự hay không.

c. Whether the man can become an active co-operator with the Hierarchy, able to create and to wield mental matter, and so work out the purposes of the Universal Mind, which are prompted by boundless and infinite love, and are the expression of the One Life.

c. Liệu con người có thể trở thành một cộng sự viên tích cực của Thánh đoàn, có khả năng tạo ra và vận dụng chất liệu cõi trí, và nhờ đó thực hiện các mục đích của Vũ Trụ Trí, vốn được thúc đẩy bởi tình thương vô biên vô hạn, và là biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất hay không.

This is the crux of the entire situation, and when the man has mastered the forces opposed to him, he is ready for the second initiation which marks the release of the soul from the prison of the astral body. Henceforth the soul will use the astral body, and mould desire into line with divine purpose.

Đây là điểm then chốt của toàn bộ tình thế, và khi con người đã làm chủ các mãnh lực chống đối mình, y sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ hai, đánh dấu sự giải thoát của linh hồn khỏi nhà tù của thể cảm dục. Từ đó về sau, linh hồn sẽ sử dụng thể cảm dục và uốn nắn dục vọng cho phù hợp với Thiên Ý.

It is of value for the student to know where he stands and what his particular problem is. The average man is learning the control of the physical body and the organizing of his physical plane life. The student on the probationary path is learning a similar lesson in relation to his astral body, its focus, its desires and its work. The student on the path of accepted discipleship has to demonstrate this control and begin to discipline the mind nature and so function consciously in the mental body. [238] The work of the initiate and the adept grows out of these achievements and they need not be dealt with here.

Đối với đạo sinh, biết mình đang đứng ở đâu và vấn đề riêng của mình là gì là điều có giá trị. Người bình thường đang học cách kiểm soát thể xác và tổ chức đời sống của mình trên cõi hồng trần. Đạo sinh trên Con Đường Dự Bị đang học một bài học tương tự liên quan đến thể cảm dục, điểm tập trung, các dục vọng và công việc của nó. Đạo sinh trên con đường địa vị đệ tử được chấp nhận phải chứng minh sự kiểm soát này và bắt đầu kỷ luật bản chất thể trí, nhờ đó hoạt động một cách có ý thức trong thể trí. [238] Công việc của điểm đạo đồ và chân sư phát sinh từ những thành tựu này, và không cần được bàn đến ở đây.

The battle is spread over quite a series of lives, but in some one life it becomes critical; the final stand is made and Arjuna triumphs

Cuộc chiến trải dài qua cả một chuỗi kiếp sống, nhưng trong một kiếp sống nào đó nó trở nên quyết định; cuộc kháng cự cuối cùng

in the fight, but only by letting Krishna assume the reins of control, by learning mind control and by the revelation of the form of God. By distinguishing between the soul and the form, and by a vision of the perfection of the glory which can radiate from the forms "indwelt by God", he learns to choose the way of light and to see his form and all forms as custodians of the light. So he buckles down to the work of making the astral body simply a reflector of that light and by the quelling of desire, through the subjugation of the "Agnisuryans" who constitute his astral body and are the living substance of the astral plane, he learns to function as an adept on that plane, to pierce through its illusion and to see life *true*.

diễn ra và Arjuna chiến thắng trong cuộc chiến, nhưng chỉ bằng cách để Krishna nắm lấy dây cương điều khiển, bằng cách học kiểm soát thể trí và nhờ sự mặc khải về hình tướng của Thượng đế. Bằng cách phân biệt giữa linh hồn và hình tướng, và nhờ tầm nhìn về sự toàn thiện của vinh quang có thể tỏa ra từ những hình tướng "có Thượng đế ngự bên trong", y học cách chọn con đường ánh sáng và nhìn thấy hình tướng của mình cùng mọi hình tướng như những nơi gìn giữ ánh sáng. Vì vậy, y chuyên tâm vào công việc làm cho thể cảm dục chỉ đơn thuần là một tấm gương phản chiếu ánh sáng ấy; và bằng cách dập tắt dục vọng, qua việc chế phục các "Agnisuryan" cấu thành thể cảm dục của y và là chất liệu sống của cõi cảm dục, y học cách hoạt động như một chân sư trên cõi ấy, xuyên thấu ảo tưởng của nó và thấy sự sống *đúng như thật*.

Webinar Program 8 – Rule 8.2

Speaking symbolically the substance of the astral plane is animated by three types of divine force, which, when brought together, produce the great Illusion. These are:

Nói theo biểu tượng, chất liệu của cõi cảm dục được linh hoạt hóa bởi ba loại mãnh lực thiêng liêng; khi được đưa lại cùng nhau, chúng tạo ra Ảo Tưởng Lớn Lao. Đó là:

First, the force of selfish desire. This involutionary energy plays a big part in bringing about evolution, for selfishness is the nursery of infant souls. Hence the aspirant refuses to be held by it.

Thứ nhất, mãnh lực của dục vọng ích kỷ. Năng lượng giáng hạ tiến hoá này giữ một vai trò lớn trong việc đưa đến tiến hoá, vì tính ích kỷ là vườn ươm của các linh hồn ấu thơ. Vì thế, người chí nguyện từ chối để nó nắm giữ mình.

Second, the force of fear. This is the product of ignorance, and in its initial stages it is not the product of wrong thinking. It is basically instinctual and is found dominating in the non-mental animal kingdom as well as in the human kingdom. But in the human, its power is increased potently through the powers of the mind, and through *memory* of past pain and grievance and through

Thứ hai, mãnh lực của sợ hãi. Đây là sản phẩm của vô minh, và trong những giai đoạn ban đầu, nó không phải là sản phẩm của tư duy sai lầm. Về căn bản, nó thuộc bản năng và được thấy đang thống trị trong giới động vật chưa có trí tuệ cũng như trong giới nhân loại. Nhưng nơi con người, quyền lực của nó được gia tăng mạnh mẽ nhờ các quyền năng của thể trí, và nhờ *ký ức* về đau

anticipation of those we foresee, the power of fear is enormously aggravated by the thought-form we ourselves have built of our own individual fears and [239] phobias. This thought form grows in power as we pay attention to it, for "energy follows thought" till we become dominated by it. Second ray people are peculiarly a prey to this. For the majority of them it constitutes the "dweller on the threshold", just as ambition and love of power, backed by frantic desire and unscrupulousness form the "Dweller" for the first ray types. The crystallized thought form of intellectual achievement for selfish ends, and the use of knowledge for personality objectives stand before the portal of the path in the case of the third ray person, and unless broken up and destroyed will dominate him and turn him into a black magician.

đớn cùng bất bình trong quá khứ, cũng như nhờ sự dự đoán những điều ta thấy trước, quyền lực của sợ hãi bị làm trầm trọng thêm rất nhiều bởi hình tư tưởng mà chính chúng ta đã xây dựng từ những nỗi sợ và [239] ám ảnh cá biệt của mình. Hình tư tưởng này tăng thêm quyền lực khi chúng ta chú ý đến nó, vì "năng lượng đi theo tư tưởng", cho đến khi chúng ta bị nó thống trị. Những người cung hai đặc biệt dễ trở thành nạn nhân của điều này. Đối với phần đông trong số họ, nó tạo thành "Kẻ Chận Ngõ", cũng như tham vọng và lòng yêu quyền lực, được hậu thuẫn bởi dục vọng cuồng loạn và sự vô lương tâm, tạo thành "Kẻ Chận Ngõ" đối với những người cung một. Hình tư tưởng kết tinh của thành tựu trí tuệ vì những mục đích ích kỷ, và việc sử dụng tri thức cho các mục tiêu của phàm ngã, đứng trước cổng của Đường Đạo trong trường hợp người cung ba; nếu không bị phá vỡ và tiêu hủy, nó sẽ thống trị y và biến y thành một nhà hắc thuật.

You oft have been told that fear is an illusion. Yet this statement does not help. It is a generalisation that one can admit, yet which remains profoundly difficult to apply individually. The fears to which aspirants are subject (note the mode of wording this) are seldom of a selfish nature except insofar as suffering has caused them to recoil from a further continuation of untoward happenings. Their fears are wrapt in seeming love around their loved ones. Yet should each disciple ask himself a most practical question: How many of the torturing hours have been expended on realities and on tangible happenings, and how many on illusory premonitions and on doubts and questionings, based on that which has never happened? I would like to point out to my brothers that they need to do two things: To meditate on *truth in daily life,* using the concept of *truth practised and lived by* as their seed thought in meditation;

Các bạn thường được bảo rằng sợ hãi là một ảo tưởng. Tuy vậy, lời khẳng định này không giúp được gì nhiều. Đó là một sự khái quát hóa mà người ta có thể thừa nhận, nhưng vẫn vô cùng khó áp dụng cho từng cá nhân. Những nỗi sợ mà người chí nguyện phải chịu, hãy lưu ý cách diễn đạt này, hiếm khi có bản chất ích kỷ, ngoại trừ trong chừng mực đau khổ đã khiến họ co rút trước khả năng tiếp diễn thêm của các biến cố bất lợi. Những nỗi sợ của họ được bọc trong tình thương có vẻ như dành cho những người thân yêu. Tuy vậy, mỗi đệ tử nên tự hỏi mình một câu hỏi hết sức thực tiễn: Bao nhiêu giờ phút dằn vặt đã được tiêu phí cho những thực tại và các biến cố hữu hình, và bao nhiêu cho những linh cảm hư ảo, những nghi ngờ và chất vấn dựa trên điều chưa từng xảy ra? Tôi muốn chỉ cho các huynh đệ của tôi rằng họ cần làm hai điều: tham thiền về *chân lý trong đời sống hằng ngày,* dùng quan niệm về *chân lý được thực hành và sống*

to this end I would suggest that they memorise and use at all times when swept by illusory fears and needless foreboding the following formula or prayer:

theo làm tư tưởng hạt giống trong tham thiền; nhằm mục đích này, tôi đề nghị họ ghi nhớ và sử dụng mọi lúc, khi bị cuốn đi bởi những sợ hãi hư ảo và những linh cảm không cần thiết, công thức hay lời cầu nguyện sau đây:

"Let reality govern my every thought, and truth be the master of my life."

"Nguyện thực tại cai quản mọi tư tưởng của tôi, và chân lý là chủ nhân đời tôi."

Let each say this to himself as constantly as need requires, [240] forcing his mind to focus attention upon the significance of these spoken words.

Mỗi người hãy tự nói điều này với chính mình thường xuyên như nhu cầu đòi hỏi, [240] buộc thể trí tập trung chú ý vào thâm nghĩa của những lời được nói ra này.

I would suggest also sound common sense and the cultivation of an attitude of mind which refuses to permit *time* for illusory fears to grow.

Tôi cũng đề nghị lẽ thường lành mạnh và việc vun bồi một thái độ trí tuệ từ chối cho các sợ hãi hư ảo có *thời gian* để lớn lên.

Fear is the main obstacle frequently to a very vital step forward which could be taken in this life, but may have to be delayed to another if due opportunity is not taken and the will nature powerfully excited.

Sợ hãi thường là chướng ngại chính đối với một bước tiến rất thiết yếu có thể được thực hiện trong kiếp sống này, nhưng có thể phải trì hoãn sang một kiếp khác nếu cơ hội đúng lúc không được nắm lấy và bản chất ý chí không được khơi dậy mạnh mẽ.

The first ray aspirant who fails to overcome his Dweller may become a "destroyer of souls", as it is called, and be condemned (until he learns his lesson) to work in the forces of matter, and with the forms which hold all souls in prison. This is the occult significance of the misunderstood words, death and destruction. Of this type, the Devil is the great prototype.

Người chí nguyện cung một không vượt qua được Kẻ Chận Ngõ của mình có thể trở thành một "kẻ hủy diệt linh hồn", như cách gọi, và bị kết án, cho đến khi y học được bài học của mình, phải làm việc trong các mãnh lực của vật chất và với các hình tướng đang giam giữ mọi linh hồn trong tù ngục. Đây là ý nghĩa huyền bí của những từ bị hiểu sai là chết và hủy diệt. Kiểu mẫu vĩ đại của loại này là Quỷ Vương.

The second ray aspirant who builds his Dweller and permits its steady and increasing control becomes a "deluder of souls". He is the true Anti-Christ, and through false teaching and the working of

Người chí nguyện cung hai xây dựng Kẻ Chận Ngõ của mình và cho phép nó kiểm soát ngày càng vững chắc và gia tăng thì trở thành một "kẻ mê hoặc linh hồn". Y là Kẻ Phản Đức Christ đích thực, và qua giáo huấn

so-called miracles, through hypnotism and mass suggestion he draws a veil over the world and forces men to walk in the great illusion. It is interesting to note that the work of the Devil, the imprisoner of souls, is beginning to lose its power, for the race is on the verge of understanding that true death is immersion in form, and that matter is but a part of the divine whole. The thought form of this "Dweller on the Threshold" which humanity has built for millions of years is on the verge of destruction. But the work of Anti-Christ is only rising now to its height, and the delusion of riches, of possession, of false teaching will increasingly hold sway but the term of the delusion will be shorter than the term of destruction, for all these factors function under their own cycles and have their own ebb and flow.

sai lạc, qua việc thực hiện những điều gọi là phép lạ, qua thôi miên và ám thị quần chúng, y kéo một bức màn phủ lên thế giới và buộc con người bước đi trong Ảo Tưởng Lớn Lao. Điều thú vị cần lưu ý là công việc của Quỷ Vương, kẻ giam giữ các linh hồn, đang bắt đầu mất quyền lực, vì nhân loại đang ở ngưỡng thấu hiểu rằng cái chết đích thực là sự chìm đắm trong hình tướng, và vật chất chỉ là một phần của toàn thể thiêng liêng. Hình tư tưởng của "Kẻ Chận Ngõ" này mà nhân loại đã xây dựng trong hàng triệu năm đang ở ngưỡng bị hủy diệt. Nhưng công việc của Kẻ Phản Đức Christ hiện nay mới đang vươn tới đỉnh cao, và sự mê hoặc của của cải, của sự chiếm hữu, của giáo huấn sai lạc sẽ ngày càng chiếm ưu thế; tuy nhiên thời hạn của sự mê hoặc sẽ ngắn hơn thời hạn của sự hủy diệt, vì tất cả các yếu tố này hoạt động theo các chu kỳ riêng của chúng và có sự triều lên, triều xuống riêng.

The third ray person who also fails to shatter his [241] "Dweller" becomes what is called a "manipulator of souls" and uses the mind to destroy the real and to put a veil between the man and reality. It must be remembered that none of these names and these activities refer to the soul on its own plane but only to human souls in incarnation on the physical plane. This must be stressed, for on its own plane the souls of all men stand free from illusion, and neither can be destroyed, deluded nor manipulated. It is only "the souls in prison" who are subject to the activities of the forces of evil and only for a term. The first group works through governments, through politics, and the interplay between nations and is relatively small in number. The second ray group who delude and deceive, work through religious agencies, through mass psychology, and the misuse and misapplication of devotion and of the arts. They are largest in number. The third group work primarily through

Người cung ba cũng không phá vỡ được [241] "Kẻ Chận Ngõ" của mình sẽ trở thành điều được gọi là một "kẻ thao túng linh hồn", và sử dụng thể trí để hủy hoại cái chân thật, đặt một bức màn giữa con người và thực tại. Cần nhớ rằng không một danh xưng hay hoạt động nào trong số này liên quan đến linh hồn trên cõi riêng của nó, mà chỉ liên quan đến các linh hồn con người đang nhập thể trên cõi hồng trần. Điều này phải được nhấn mạnh, vì trên cõi riêng của mình, linh hồn của mọi người đều đứng tự do khỏi ảo tưởng, và không thể bị hủy diệt, bị mê hoặc hay bị thao túng. Chỉ có "các linh hồn trong tù ngục" mới chịu sự chi phối của các hoạt động thuộc những mãnh lực của điều ác, và chỉ trong một thời hạn. Nhóm thứ nhất hoạt động qua các chính phủ, qua chính trị và sự tương tác giữa các quốc gia, và tương đối ít về số lượng. Nhóm cung hai, những kẻ mê hoặc và lừa dối, hoạt động qua các cơ quan tôn giáo, qua tâm lý quần chúng, và qua việc lạm dụng, áp dụng sai lòng sùng tín cùng các

commercial relations in the business world, and through the use of money, the concretisation of prana or universal energy, and the outer symbol of the universal flux and flow. These thoughts are suggestive but not vital, dealing as they do with the cosmic tendencies.

nghệ thuật. Họ đông đảo nhất. Nhóm thứ ba hoạt động chủ yếu qua các quan hệ thương mại trong thế giới kinh doanh, và qua việc sử dụng tiền bạc, tức sự cụ thể hóa của prana hay năng lượng vũ trụ, và là biểu tượng bên ngoài của dòng lưu chuyển và tuôn chảy vũ trụ. Những tư tưởng này có tính gợi ý nhưng không thiết yếu, vì chúng bàn đến các khuynh hướng vũ trụ.

Webinar Program 9 – Rule 8.3

Thirdly, the force of sex attraction. This is a pull from the physical plane and the swinging back of a type of involutionary energy on to the path of return. Cosmically speaking, it manifests as the attractive force between spirit and matter; spiritually speaking, it is demonstrated as the activity of the soul, as it seeks to draw the lower self into full realisation. Physically speaking, it is the urge which tends to unite male and female for the purpose of procreation. When man was purely animal, no sin was involved. When to this urge was added emotional desire, then sin crept in, and the purpose for which the urge manifested was perverted into the satisfaction of desire. Now that the race is more mental, and the force of mind is making itself felt in [242] the human body, an even more serious situation is apparent, which can only be safely worked out when the soul assumes control of its triple instrument.

Thứ ba, mãnh lực của sức hút tính dục. Đây là một lực kéo từ cõi hồng trần và là sự quay ngược của một loại năng lượng giáng hạ tiến hoá vào Con Đường Trở Về. Nói theo vũ trụ, nó biểu hiện như mãnh lực hấp dẫn giữa tinh thần và vật chất; nói theo tinh thần, nó được chứng minh như hoạt động của linh hồn khi linh hồn tìm cách lôi kéo phàm ngã vào sự chứng nghiệm trọn vẹn. Nói theo hồng trần, nó là thôi thúc có khuynh hướng hợp nhất nam và nữ nhằm mục đích sinh sản. Khi con người còn thuần túy là động vật, không có tội lỗi liên quan. Khi dục vọng cảm xúc được thêm vào thôi thúc này, lúc đó tội lỗi len vào, và mục đích mà thôi thúc biểu hiện bị xuyên tạc thành sự thỏa mãn dục vọng. Nay khi nhân loại đã trí tuệ hơn, và mãnh lực của thể trí đang khiến chính nó được cảm nhận trong [242] thể xác con người, một tình thế còn nghiêm trọng hơn lộ rõ, chỉ có thể được giải quyết an toàn khi linh hồn nắm quyền kiểm soát khí cụ tam phân của mình.

Humanity is now at the midway point as this rule shows. Man is swept by selfish desire and by ambition, for all of us have first ray qualities. He is racked by fear—his own, family fears, national fears and racial, for all of us swing to the rhythm of the second ray. He is dominated by sex and by money which is another manifestation of

Nhân loại hiện nay đang ở Điểm ở giữa, như quy luật này cho thấy. Con người bị cuốn đi bởi dục vọng ích kỷ và tham vọng, vì tất cả chúng ta đều có các phẩm tính cung một. Y bị dày vò bởi sợ hãi — sợ hãi của chính mình, sợ hãi của gia đình, của quốc gia và của giống dân, vì tất cả chúng ta đều dao động theo nhịp điệu của cung hai. Y bị thống trị

the energy of matter and hence has a triple problem with which he is well equipped to deal through the medium of his triple vehicle and the triple potencies of his divine soul. Let us close the instruction on that note—well equipped to deal. We can overcome mental inertia and begin to function as souls in command of our environment. The soul is omniscient and omnipotent.

bởi tính dục và tiền bạc, vốn là một biểu hiện khác của năng lượng vật chất; do đó y có một vấn đề tam phân mà y được trang bị đầy đủ để xử lý qua trung gian của vận cụ tam phân và các quyền năng tam phân của linh hồn thiêng liêng mình. Chúng ta hãy khép lại huấn thị này trên chủ âm ấy — được trang bị đầy đủ để xử lý. Chúng ta có thể vượt qua Quán tính trí tuệ và bắt đầu hoạt động như những linh hồn làm chủ môi trường của mình. Linh hồn toàn tri và toàn năng.

Cyclic Ebb and Flow

Let us consider now the words "the ebb and flow of the waters."

Bây giờ chúng ta hãy xem xét những lời "sự triều xuống và triều lên của các dòng nước."

In the understanding of the law of cycles, we gain knowledge of the underlying laws of evolution and come to a realization of the rhythmic work of creation. Incidentally also we gain poise as we study our own life impulses, for they also have their ebb and flow, and alternate between periods of light and periods of darkness.

Trong sự thấu hiểu định luật về các chu kỳ, chúng ta đạt được tri thức về những định luật nền tảng của tiến hoá và đi đến sự nhận biết về công việc sáng tạo có nhịp điệu. Đồng thời, chúng ta cũng đạt được sự quân bình khi nghiên cứu các xung lực sống của chính mình, vì chúng cũng có sự triều xuống và triều lên, và luân phiên giữa các thời kỳ ánh sáng và các thời kỳ bóng tối.

We have with us always that symbolic daily occurrence wherein the part of the world in which we live swings out into the clear light of the sun, and later returns into the healing dark of the night. Our very familiarity with the phenomenon causes us to lose sight of its symbolic significance and to forget that under the great law, periods of light and dark, of good and evil, of submergence and emergence, of progress into illumination [243] and apparent betrayal into darkness, characterize the growth of all forms, distinguish the development of races and nations, and constitute the problem of the aspirant who has built for himself a picture of walking in a constant illumined condition and of leaving all dark places behind.

Chúng ta luôn có bên mình biến cố hằng ngày đầy biểu tượng, trong đó phần thế giới nơi chúng ta sống xoay ra vào ánh sáng trong trẻo của mặt trời, rồi sau đó trở về trong bóng tối chữa lành của đêm. Chính sự quen thuộc của chúng ta với hiện tượng này khiến chúng ta không còn thấy thâm nghĩa biểu tượng của nó, và quên rằng dưới định luật vĩ đại, các thời kỳ sáng và tối, thiện và ác, chìm xuống và nổi lên, tiến vào sự soi sáng [243] và dường như bị đẩy vào bóng tối, đều đặc trưng cho sự tăng trưởng của mọi hình tướng, phân biệt sự phát triển của các giống dân và quốc gia, và tạo thành vấn đề của người chí nguyện đã tự dựng cho mình một hình ảnh về việc bước đi trong một tình

trạng được soi sáng liên tục và bỏ lại mọi nơi tối tăm phía sau.

In these Instructions, it is not possible for me to deal with the ebb and flow of the divine life as it manifests in the various kingdoms in nature and through the evolutionary growth of humanity, through experience in races, nations and families. I seek, however, to elaborate somewhat the cyclic experience of a soul in incarnation, indicating the apparent ebb and flow of its unfoldment.

Trong các Huấn Thị này, tôi không thể bàn đến sự triều xuống và triều lên của sự sống thiêng liêng khi nó biểu hiện trong các giới khác nhau của thiên nhiên và qua sự tăng trưởng tiến hoá của nhân loại, qua kinh nghiệm trong các giống dân, quốc gia và gia đình. Tuy nhiên, tôi tìm cách khai triển phần nào kinh nghiệm chu kỳ của một linh hồn đang nhập thể, chỉ ra sự triều xuống và triều lên bề ngoài của sự khai mở của nó.

The outstanding cycle for every soul is that of its forthgoing into incarnation and its return or flowing back into the centre from whence it came. According to the point of view will be the understanding of this ebb and flow. Souls might esoterically be regarded as those "seeking the light of experience" and therefore turned towards physical expression, and those "seeking the light of understanding", and therefore retreating from the realm of human undertaking to forge their way inward into the soul consciousness, and so become "dwellers in the light eternal". Without appreciating the significance of the terms, the psychologists have sensed these cycles and call certain types, extraverts, and others, introverts. These mark an ebb and flow in individual experience and are the tiny life correspondences to the great soul cycles. This passing into, and passing out of, the web of incarnated existence are the major cycles of any individual soul, and a study of the types of pralaya dealt with in *The Secret Doctrine* and *A Treatise on Cosmic Fire* would be found of real value by the student.

Chu kỳ nổi bật đối với mỗi linh hồn là chu kỳ đi ra nhập thể và trở về, hay chảy ngược lại vào trung tâm từ đó nó đã đến. Tùy theo quan điểm mà sự thấu hiểu về sự triều xuống và triều lên này sẽ khác nhau. Một cách huyền bí, các linh hồn có thể được xem như những kẻ "tìm kiếm ánh sáng của kinh nghiệm" và vì vậy quay về phía biểu hiện hồng trần, và những kẻ "tìm kiếm ánh sáng của sự thấu hiểu" và vì vậy rút lui khỏi lĩnh vực của nỗ lực nhân loại để mở đường đi vào bên trong, vào tâm thức linh hồn, và nhờ đó trở thành "những cư dân trong ánh sáng vĩnh cửu". Dù không đánh giá đầy đủ thâm nghĩa của các thuật ngữ, các nhà tâm lý học đã cảm nhận được những chu kỳ này và gọi một số loại người là hướng ngoại, còn những loại khác là hướng nội. Chúng đánh dấu một sự triều xuống và triều lên trong kinh nghiệm cá nhân, và là những tương ứng nhỏ bé trong đời sống đối với các chu kỳ lớn của linh hồn. Sự đi vào và đi ra khỏi mạng lưới của hiện hữu nhập thể này là những chu kỳ lớn của bất cứ linh hồn cá biệt nào, và việc nghiên cứu các loại Giai kỳ qui nguyên được bàn đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và *Luận về Lửa Vũ Trụ* sẽ được đạo sinh thấy là thật sự có giá trị.

There is also an ebb and flow in soul experience on any one plane and this, in the early stages of development, will cover many lives. They are usually quite extreme in [244] their expression. A study of the racial ebb and flow will make this clearer. In Lemurian days the "flow", or the outward going cycle, spent itself on the physical plane and the ebb carried the life aspect right back to the soul itself, and there was no secondary ebb and flow on the astral or mental planes.

Cũng có một sự triều xuống và triều lên trong kinh nghiệm của linh hồn trên bất cứ cõi nào, và trong các giai đoạn phát triển ban đầu, điều này sẽ bao trùm nhiều kiếp sống. Chúng thường khá cực đoan trong [244] biểu hiện. Việc nghiên cứu sự triều xuống và triều lên của các giống dân sẽ làm điều này rõ hơn. Trong những ngày Lemuria, "dòng triều lên", hay chu kỳ đi ra ngoài, tự tiêu hao trên cõi hồng trần, còn dòng triều xuống mang phương diện sự sống trở thẳng về chính linh hồn, và không có sự triều xuống, triều lên thứ yếu nào trên cõi cảm dục hay cõi trí.

Later, the tide broke on the shores of the astral plane, though including the physical in less degree. The flow directed its attention to the emotional life, and the drift back to the centre took no account of the mental life at all. This was at its height for humanity in Atlantean days and is true also of many today. Now the ebb and flow is increasingly inclusive, and the mental experience has its place so that all three aspects are swept by the life of the soul; all are included in the outgoing energy of the incarnating soul, and for many lives and series of lives this cyclic force spends itself. Within the aspirant there arises an understanding of what is going on and he awakens to the desire to control consciously this ebb and flow or (to put it in simple words) to turn the forces of the outgoing energy in any direction he chooses, or to withdraw to his centre at will. He seeks to arrest this process of being swept out into incarnation without having any conscious purpose, and refuses to see the tide of his life beat out on emotional or mental spheres of existence, and then again see that life withdrawn without his conscious volition. He stands at the midway point and wants to

Về sau, thủy triều vỗ vào bờ của cõi cảm dục, dù vẫn bao gồm cõi hồng trần ở mức độ ít hơn. Dòng triều lên hướng sự chú ý của nó vào đời sống cảm xúc, và dòng trôi trở về trung tâm hoàn toàn không kể đến đời sống trí tuệ. Điều này đạt đến đỉnh cao đối với nhân loại trong những ngày Atlantis, và ngày nay cũng đúng với nhiều người. Giờ đây, sự triều xuống và triều lên ngày càng bao gồm hơn, và kinh nghiệm trí tuệ có vị trí của nó, đến mức cả ba phương diện đều được sự sống của linh hồn cuốn vào; tất cả đều được bao gồm trong năng lượng đi ra của linh hồn đang nhập thể, và trong nhiều kiếp sống cũng như nhiều chuỗi kiếp sống, mãnh lực chu kỳ này tự tiêu hao. Trong người chí nguyện nảy sinh sự thấu hiểu về điều đang diễn ra, và y thức tỉnh trước mong muốn kiểm soát một cách có ý thức sự triều xuống và triều lên này, hay nói đơn giản, hướng các mãnh lực của năng lượng đi ra theo bất cứ hướng nào y chọn, hoặc rút về trung tâm của mình theo ý muốn. Y tìm cách chặn đứng tiến trình bị cuốn ra nhập thể mà không có bất cứ mục đích có ý thức nào, và từ chối nhìn thấy thủy triều của đời sống mình tràn ra trên các lĩnh vực hiện hữu cảm xúc hay trí

control his own cycles, the "ebb and flow" as he himself may determine it. With conscious purpose he longs to walk in the dark places of incarnated existence and with equally conscious purpose he seeks to withdraw into his own centre. Hence he becomes an aspirant.

tuệ, rồi lại thấy sự sống ấy bị rút đi mà không có ý chí hữu thức của mình. Y đứng tại Điểm ở giữa và muốn kiểm soát các chu kỳ của chính mình, "sự triều xuống và triều lên" như chính y có thể quyết định. Với mục đích có ý thức, y khao khát bước đi trong những nơi tối tăm của hiện hữu nhập thể, và với mục đích có ý thức tương tự, y tìm cách rút về trung tâm riêng của mình. Vì thế y trở thành một người chí nguyện.

The life of the aspirant begins to repeat earlier cycles. He is assailed by a sudden stimulation of the physical nature and violently swept by ancient desires and lusts. [245] This may be succeeded by a cycle wherein the physical body is conscious of the flowing away from it of vital energy and is devitalised, because not the subject of attention. This accounts for much of the sickness and lack of vitality of many of our most cherished servers. The same process can affect the emotional body, and periods of exaltation and of highest aspiration alternate with periods of the deepest depression and lack of interest. The flow may pass on to the mental body and produce a cycle of intense mental activity. Constant study, much thought, keen investigation and a steady intellectual urge will characterize the mind of the aspirant. To this may succeed a cycle wherein all study is distasteful, and the mind seems to lie entirely fallow and inert. It is an effort to think, and the futility of phases of thought assail the mind. The aspirant decides that *to be* is better far than *to do.* "Can these dry bones live?" he asks, and has no desire to see them revitalised.

Đời sống của người chí nguyện bắt đầu lặp lại các chu kỳ trước kia. Y bị tấn công bởi một sự kích thích đột ngột của bản chất hồng trần và bị cuốn đi dữ dội bởi những dục vọng và ham muốn cổ xưa. [245] Điều này có thể được tiếp nối bởi một chu kỳ trong đó thể xác ý thức được rằng năng lượng sinh lực đang chảy ra khỏi nó và trở nên mất sinh lực, vì nó không còn là đối tượng của sự chú ý. Điều này giải thích phần lớn bệnh tật và sự thiếu sinh lực của nhiều người phụng sự đáng quý nhất của chúng ta. Cùng tiến trình ấy có thể ảnh hưởng đến thể cảm xúc, và các thời kỳ hưng phấn cùng khát vọng cao nhất luân phiên với những thời kỳ trầm cảm sâu nhất và thiếu hứng thú. Dòng triều có thể chuyển sang thể trí và tạo ra một chu kỳ hoạt động trí tuệ mãnh liệt. Sự học hỏi liên tục, nhiều suy tư, tìm tòi sắc bén và một thôi thúc trí tuệ đều đặn sẽ đặc trưng cho thể trí của người chí nguyện. Điều này có thể được tiếp nối bởi một chu kỳ trong đó mọi học hỏi đều trở nên chán ngán, và thể trí dường như hoàn toàn bỏ hoang và trì trệ. Suy nghĩ trở thành một nỗ lực, và sự vô ích của các giai đoạn tư tưởng tấn công thể trí. Người chí nguyện quyết định rằng *hiện tồn* tốt hơn nhiều so với *hành động*. Y hỏi: "Những xương khô này có thể sống lại chăng?" và không có chút ham muốn nào thấy chúng được tiếp sinh lực.

All true seekers after truth are conscious of this unstable experience and frequently regard it as a sin or as a condition to be strenuously fought. Then is the time to appreciate that "the midway spot which is neither dry nor wet must provide the standing place whereon his feet are set."

Mọi người tìm kiếm chân lý chân thật đều ý thức về kinh nghiệm bất ổn này và thường xem nó như một tội lỗi hay như một tình trạng phải kiên quyết chiến đấu. Khi ấy là lúc cần nhận ra rằng "Nơi ở giữa, không khô cũng không ướt, phải cung cấp vị trí đứng mà trên đó y phải đặt bàn chân."

This is a symbolic way of saying that he needs to realize two things:

Đây là cách nói biểu tượng rằng y cần nhận ra hai điều:

1. That states of feeling are quite immaterial and are no indication of the state of the soul. The aspirant must centre himself in the soul consciousness, refuse to be influenced by the alternating conditions to which he seems subjected, and simply "stand in spiritual being" and then "having done all, stand."

1. Rằng các trạng thái cảm xúc hoàn toàn không quan trọng và không phải là chỉ dấu về trạng thái của linh hồn. Người chí nguyện phải đặt mình vào tâm thức linh hồn, từ chối bị ảnh hưởng bởi những tình trạng luân phiên mà y dường như phải chịu, và chỉ đơn giản "đứng trong bản thể tinh thần", rồi "sau khi đã làm tất cả, hãy đứng vững."

2. That the achievement of equilibrium is only possible where alternation has been the rule, and that the cyclic ebb and flow will continue just as long as the soul's [246] attention fluctuates between one or other aspect of the form and the true spiritual man.

2. Rằng việc đạt được quân bình chỉ có thể xảy ra nơi sự luân phiên từng là quy luật, và sự triều xuống, triều lên theo chu kỳ sẽ tiếp tục chừng nào sự chú ý của linh hồn [246] còn dao động giữa một phương diện nào đó của hình tướng và con người tinh thần chân thật.

The ideal is to achieve such a condition of conscious control that at will a man may be focussed in his soul consciousness or focussed in his form aspect, —each act of focussed attention being brought about through a realised and specific objective, necessitating such a focussing.

Lý tưởng là đạt đến một tình trạng kiểm soát hữu thức đến mức con người có thể tùy ý tập trung trong tâm thức linh hồn hoặc tập trung trong phương diện hình tướng của mình — mỗi hành vi tập trung chú ý đều được tạo ra nhờ một mục tiêu đã được nhận biết và xác định, đòi hỏi sự tập trung như thế.

Later when the words of the great Christian teacher have significance, he will be able to say "whether in the body or out of the body" is a matter of no moment. The act of service to be rendered will determine the point where the self is concentrated, but it will be

Về sau, khi lời của vị huấn sư Ki-tô giáo vĩ đại có thâm nghĩa, y sẽ có thể nói rằng "ở trong thân thể hay ngoài thân thể" đều không quan trọng. Hành động phụng sự cần được thực hiện sẽ quyết định điểm nơi bản ngã được tập trung, nhưng đó vẫn là cùng một

the same self, whether freed temporarily from the form consciousness or immersed in the form in order to function in different aspects of the divine whole. The spiritual man seeks for the furthering of the plan and to identify himself with the divine mind in nature. Withdrawing to the midway spot, he endeavours to realize his divinity and then, having done so, he focusses himself in his mental form which puts him en rapport with the Universal Mind. He endures limitation so that thereby he may know and serve. He seeks to reach the hearts of men and to carry to them "inspiration" from the depths of the heart of spiritual being. Again he asserts the fact of his divinity and then, through a temporary identification with his body of sensory perception, of feeling, and of emotion, he finds himself at-one with the sensitive apparatus of divine manifestation which carries the love of God to all forms on the physical plane.

bản ngã, dù tạm thời được giải phóng khỏi tâm thức hình tướng hay chìm trong hình tướng để hoạt động trong các phương diện khác nhau của toàn thể thiêng liêng. Con người tinh thần tìm cách thúc đẩy Thiên Cơ và đồng hoá với trí tuệ thiêng liêng trong thiên nhiên. Khi rút về Nơi ở giữa, y nỗ lực chứng nghiệm thiên tính của mình, rồi sau khi đã làm như vậy, y tập trung mình trong hình tướng cõi trí, điều đặt y vào tương quan với Vũ Trụ Trí. Y chịu đựng giới hạn để nhờ đó có thể biết và phụng sự. Y tìm cách chạm đến trái tim con người và mang đến cho họ "cảm hứng" từ chiều sâu của trái tim bản thể tinh thần. Một lần nữa, y khẳng định sự thật về thiên tính của mình, rồi qua sự đồng hoá tạm thời với thể tri giác giác quan, cảm thọ và cảm xúc của mình, y thấy mình hợp nhất với bộ máy nhạy cảm của biểu hiện thiêng liêng, bộ máy mang tình thương của Thượng đế đến mọi hình tướng trên cõi hồng trần.

Again he seeks to aid in the materialising of the divine plan on the physical plane. He knows that all forms are the product of energy rightly used and directed. With full knowledge of his divine Sonship and a potent mind realisation of all that that term conveys, he focusses his forces in the vital body and becomes a focal point for the transmission of divine energy and hence a builder in [247] union with the building energies of the Cosmos. He carries the energy of illumined thought and sanctified desire down into the body of ether, and so works with intelligent devotion.

Một lần nữa, y tìm cách hỗ trợ việc hiện hình Thiên Cơ trên cõi hồng trần. Y biết rằng mọi hình tướng đều là sản phẩm của năng lượng được sử dụng và định hướng đúng đắn. Với tri thức đầy đủ về địa vị Con của Thượng đế nơi mình, và với sự nhận biết mạnh mẽ bằng trí tuệ về tất cả những gì thuật ngữ ấy truyền đạt, y tập trung các mãnh lực của mình trong thể sinh lực và trở thành một điểm tập trung để truyền dẫn năng lượng thiêng liêng, và do đó là một đấng kiến tạo trong [247] sự hợp nhất với các năng lượng kiến tạo của Vũ Trụ. Y đưa năng lượng của tư tưởng được soi sáng và dục vọng được thánh hóa xuống thể dĩ thái, và như vậy làm việc với lòng sùng tín thông tuệ.

You ask for a clearer definition of the "midway" spot.

Các bạn hỏi về một định nghĩa rõ hơn của "Nơi ở giữa".

For the *probationer* it is the emotional plane, the Kurukshetra, or the plane of illusion, where land (physical nature) and water (emotional nature) meet.

Đối với *người dự bị*, đó là cõi cảm xúc, chiến trường Kurukshetra, hay cõi ảo tưởng, nơi đất, tức bản chất hồng trần, và nước, tức bản chất cảm xúc, gặp nhau.

For the *disciple* it is the mental plane where form and soul make contact and the great transition becomes possible. For the advanced disciple and the initiate, the midway spot is the causal body, the karana sarira, the spiritual body of the soul, standing as the intermediary between Spirit and matter, Life and form, the monad and the personality.

Đối với *đệ tử*, đó là cõi trí, nơi hình tướng và linh hồn tiếp xúc và cuộc chuyển tiếp lớn trở nên khả hữu. Đối với đệ tử tiến bộ và điểm đạo đồ, Nơi ở giữa là thể nguyên nhân, thể tinh thần của linh hồn, đứng như trung gian giữa Tinh thần và vật chất, Sự Sống và hình tướng, chân thần và phàm ngã.

This can also be discussed and understood in terms of the centres.

Điều này cũng có thể được bàn luận và thấu hiểu theo các trung tâm.

As every student knows, there are two centres in the head. One centre is between the eyebrows and has the pituitary body as its objective manifestation. The other is in the region at the top of the head and has the pineal gland as its concrete aspect. The pure mystic has his consciousness centred in the top of the head, almost entirely in the etheric body.

Như mọi đạo sinh đều biết, có hai trung tâm trong đầu. Một trung tâm nằm giữa hai lông mày và có tuyến yên làm biểu hiện khách quan. Trung tâm kia nằm ở vùng đỉnh đầu và có tuyến tùng làm phương diện cụ thể. Nhà thần bí thuần túy có tâm thức tập trung ở đỉnh đầu, hầu như hoàn toàn trong thể dĩ thái.

Webinar Program 11 – Rule 8.5

The advanced worldly man is centred in the pituitary region. When, through occult unfoldment and esoteric knowledge, the relation between the personality and the soul is established there is a midway spot in the centre of the head in the magnetic field which is called the “light in the head”, and it is here that the aspirant takes his stand. This is the spot of vital import. It is neither land or physical, nor water or emotional. It might be regarded as the vital or etheric body which has become the field of conscious

Con người thế tục tiến bộ tập trung ở vùng tuyến yên. Khi, nhờ sự khai mở huyền bí và tri thức nội môn, mối quan hệ giữa phàm ngã và linh hồn được thiết lập, có một Nơi ở giữa tại trung tâm đầu trong trường từ tính được gọi là “ánh sáng trong đầu”, và chính tại đây người chí nguyện đứng vững. Đây là điểm có tầm quan trọng sinh tử. Nó không phải là đất hay hồng trần, cũng không phải là nước hay cảm xúc. Nó có thể được xem như thể sinh lực hay thể dĩ thái đã trở thành lĩnh vực phụng sự hữu thức, kiểm soát có

service, of directed control, and of force utilisation towards specific ends.

định hướng và sử dụng mãnh lực hướng đến những mục đích xác định.

Here the magician takes his stand and through the [248] medium of his force or energy body performs the magical creative work.

Tại đây nhà huyền thuật đứng vững, và qua [248] trung gian của thể mãnh lực hay thể năng lượng của mình, y thực hiện công việc sáng tạo huyền thuật.

One point is rather abstrusely dealt with in this rule, but it clarifies, if the words are studied with care. At the close of the rule we are told that when "water, land and air meet" there is the place for the working of magic. Curiously in these phrases the idea of location is omitted and only the time equation considered.

Một điểm được bàn đến khá thâm áo trong quy luật này, nhưng sẽ sáng tỏ nếu những lời ấy được nghiên cứu cẩn thận. Ở cuối quy luật, chúng ta được bảo rằng khi "nước, đất và không khí gặp nhau", đó là nơi cho công việc huyền thuật. Điều kỳ lạ là trong các cụm từ này, ý tưởng về vị trí bị bỏ qua và chỉ yếu tố thời gian được xem xét.

Air is the symbol of the buddhic vehicle, of the plane of spiritual love, and when the three above enumerated (in their energy aspects) meet, it is indicative of a focussing in the soul consciousness and a centralisation of the man in the spiritual body. From that point of power, outside of form, from the central sphere of unification and from the focussed point within that circle of consciousness, the spiritual man projects his consciousness into the midway spot within the brain cavity where the magical work must, in relation to the physical plane, be carried out. This ability to project the consciousness from the plane of soul realisation into that of creative magical work on the etheric subplanes is gradually made possible as the student in his meditation work develops facility in focussing his attention in one or other of the centres in the body. This is accomplished through the medium of the force centres in the etheric body. He gradually gains that plasticity and that fluidity of the self-directed consciousness which will enable him to play on the centres, as a musician utilises the seven notes of music. When this

Khí là biểu tượng của vận cụ Bồ đề, của cõi tình thương tinh thần; và khi ba yếu tố được liệt kê ở trên, trong các phương diện năng lượng của chúng, gặp nhau, điều đó chỉ ra sự tập trung trong tâm thức linh hồn và sự quy tụ của con người trong thể tinh thần. Từ điểm quyền năng ấy, bên ngoài hình tướng, từ khối cầu trung tâm của sự hợp nhất và từ điểm tập trung trong vòng tròn tâm thức ấy, con người tinh thần phóng chiếu tâm thức của mình vào Nơi ở giữa trong khoang não, nơi công việc huyền thuật, liên quan đến cõi hồng trần, phải được thực hiện. Khả năng phóng chiếu tâm thức từ cõi chứng nghiệm linh hồn vào cõi của công việc huyền thuật sáng tạo trên các cõi phụ dĩ thái dần dần trở nên khả hữu khi đạo sinh, trong công việc tham thiền của mình, phát triển sự thuần thục trong việc tập trung chú ý vào một hay một trung tâm khác trong thân thể. Điều này được hoàn thành qua trung gian của các trung tâm mãnh lực trong thể dĩ thái. Y dần dần đạt được tính mềm dẻo và tính linh động của tâm thức tự định hướng, nhờ đó y có thể tác động lên các trung tâm như một nhạc sĩ sử dụng bảy nốt nhạc. Khi điều này đã đạt được, y có thể bắt đầu tự rèn luyện

has been achieved he can begin to train himself in wider and more extended focussings and must learn to withdraw his consciousness, not only to the brain, but to the soul on its own plane and thence re-direct his energies in the performance of the magical work of the soul.

trong những sự tập trung rộng hơn và mở rộng hơn, và phải học cách rút tâm thức của mình, không chỉ về bộ não, mà về linh hồn trên cõi riêng của nó, rồi từ đó tái định hướng các năng lượng của mình trong việc thực hiện công việc huyền thuật của linh hồn.

The fundamental secret of the cycles lies in this withdrawal and the subsequent re-focussing of attention and [249] it must be remembered in this connection that the basic law underlying all magical work is that "energy follows thought". If aspirants would remember this they would live through their periods of aridity with greater ease and would be conscious of the underlying purpose.

Bí nhiệm căn bản của các chu kỳ nằm trong sự rút lui này và sự tái tập trung chú ý tiếp theo, và [249] trong mối liên hệ này cần nhớ rằng định luật căn bản nằm dưới mọi công việc huyền thuật là "năng lượng đi theo tư tưởng". Nếu những người chí nguyện nhớ điều này, họ sẽ đi qua các thời kỳ khô cằn của mình dễ dàng hơn và sẽ ý thức được mục đích nền tảng.

It might here be asked what are the dangers of this midway spot?

Ở đây có thể hỏi: những nguy hiểm của Nơi ở giữa này là gì?

The dangers of too violent fluctuation between land and water, or between the emotional response to life and truth or life on the physical plane. Some aspirants are too emotional in their reactions; others too materialistic. The effect of this is felt in the midway spot and produces a violent instability. This instability has a direct effect on the solar plexus centre which was the "midway spot" in early Atlantean times, and is still the midway point in the transmutation processes of the aspiring personality. It transmutes and transmits the energies of the sacral centre and of the centre at the base of the spine, and is the clearing house for all energies focussed in the centres below the diaphragm.

Đó là những nguy hiểm của sự dao động quá dữ dội giữa đất và nước, hay giữa sự đáp ứng cảm xúc đối với đời sống và chân lý, hoặc đời sống trên cõi hồng trần. Một số người chí nguyện phản ứng quá cảm xúc; những người khác quá duy vật. Tác động của điều này được cảm nhận tại Nơi ở giữa và tạo ra một sự bất ổn dữ dội. Sự bất ổn này có tác động trực tiếp lên trung tâm tùng thái dương, vốn là "Nơi ở giữa" trong thời Atlantis sơ khai, và vẫn là Điểm ở giữa trong các tiến trình chuyển hoá của phàm ngã đang khát vọng. Nó chuyển hoá và truyền dẫn các năng lượng của trung tâm xương cùng và trung tâm ở đáy cột sống, đồng thời là nơi trung chuyển mọi năng lượng tập trung trong các trung tâm bên dưới cơ hoành.

Webinar Program 12 – Rule 8.6

The dangers incident to a premature and uncontrolled pouring in of pure spiritual energy to the mechanism of the personality. That vital spiritual force enters through the cranial aperture, and pours into the head centres. From them will follow the line of least resistance which is determined by the daily trend of the aspirant's thought life.

Đó là những nguy hiểm phát sinh từ việc năng lượng tinh thần thuần khiết tràn vào quá sớm và không được kiểm soát trong bộ máy của phàm ngã. Mãnh lực tinh thần thiết yếu ấy đi vào qua lỗ sọ và tuôn vào các trung tâm trong đầu. Từ đó, nó sẽ đi theo con đường ít trở ngại nhất, vốn được quyết định bởi khuynh hướng hằng ngày của đời sống tư tưởng nơi người chí nguyện.

Another and rather potent danger is the result, literally, of the bringing together of the land and water. It demonstrates as the pouring into the brain consciousness (the land aspect) of the knowledges of the astral plane. One of the first things an aspirant becomes aware of is a tendency to the lower psychism. It is a reaction from the solar plexus centre. But this midway point can be utilised as a "jumping off place" into the world of astral phenomena. This will produce "death by drowning", [250] for the aspirant's spiritual life can be swamped and entirely submerged in the interests of the lower psychical experiences. It is here that many worthy aspirants go astray—temporarily it may be, but the times are so critical that it is a matter to be deplored if any time is lost in futile experimentation and the retracing of any path chosen.

Một nguy hiểm khác và khá mạnh mẽ là kết quả, theo nghĩa đen, của việc đưa đất và nước lại với nhau. Nó biểu hiện như sự tuôn vào tâm thức bộ não, tức phương diện đất, của các tri thức thuộc cõi cảm dục. Một trong những điều đầu tiên mà người chí nguyện nhận biết là khuynh hướng hướng về năng lực thông linh thấp. Đó là một phản ứng từ trung tâm tùng thái dương. Nhưng Điểm ở giữa này có thể được sử dụng như một "điểm phóng" vào thế giới của các hiện tượng cảm dục. Điều này sẽ tạo ra "cái chết do chết đuối", [250] vì đời sống tinh thần của người chí nguyện có thể bị ngập chìm và hoàn toàn chìm xuống trong các mối quan tâm đến những kinh nghiệm thông linh thấp. Chính tại đây mà nhiều người chí nguyện xứng đáng đi lạc — có thể chỉ tạm thời, nhưng thời đại quá hệ trọng đến mức thật đáng tiếc nếu bất cứ thời gian nào bị mất trong những thử nghiệm vô ích và trong việc phải đi lại một con đường đã chọn.

A clue to the significance of these words is to be found in the recognition of the following occult fact. The place where water and land meet is the solar plexus centre. The place where water, land and air meet is in the head. Land is the symbol of the physical plane life, and of the exoteric form. Water is the symbol of the emotional nature. It is from the great centre of the personality life,

Một manh mối về thâm nghĩa của những lời này được tìm thấy trong sự nhận biết sự kiện huyền bí sau đây. Nơi nước và đất gặp nhau là trung tâm tùng thái dương. Nơi nước, đất và khí gặp nhau là trong đầu. Đất là biểu tượng của đời sống cõi hồng trần và của hình tướng ngoại môn. Nước là biểu tượng của bản chất cảm xúc. Chính từ trung tâm lớn của đời sống phàm ngã, tức tùng thái

the solar plexus, that the life is usually ruled and government administered. When the centre of direction lies below the diaphragm there is no magic possible. The animal soul controls and the spiritual soul is perforce quiescent. Air is the symbol of the higher life in which the Christ principle dominates, in which freedom is experienced and the soul comes to full expression. It is the symbol of the buddhic plane, as water is of the emotional. When the life of the personality is carried up into Heaven, and the life of the soul comes down on to earth, there is the place of meeting, and there the work of transcendental magic becomes possible.

dương, mà đời sống thường được cai quản và sự điều hành được thực hiện. Khi trung tâm điều hướng nằm dưới cơ hoành, không có huyền thuật nào khả hữu. Linh hồn động vật kiểm soát và linh hồn tinh thần bắt buộc phải yên lặng. Khí là biểu tượng của đời sống cao siêu, trong đó nguyên khí Đức Christ thống trị, tự do được kinh nghiệm và linh hồn đi đến biểu hiện trọn vẹn. Nó là biểu tượng của cõi Bồ đề, cũng như nước là biểu tượng của cõi cảm xúc. Khi đời sống của phàm ngã được nâng lên Thiên giới, và đời sống của linh hồn đi xuống trần gian, nơi đó là nơi gặp gỡ, và tại đó công việc huyền thuật siêu việt trở nên khả hữu.

This meeting place is the place of fire, the plane of mind. Fire is the symbol of the intellect and all magical work is an intelligent process, carried out in the strength of the soul, and by the use of the mind. To make itself felt on the physical plane, a brain is required which is receptive to higher impulses and which can be impressed by the soul utilizing the “chitta” or mental substance in order to create the needed thought forms, and so express the ideas and purposes of the intelligent loving soul. These are recognized by the brain and are [251] photographed upon the “vital airs” found in the brain cavity. When these vital airs can be sensed by the magician in meditation, and the thought-forms imprinted on this miniature reflection of the astral light, then the real potency in magic can begin to make itself felt. The brain has “heard” occultly the injunctions and instructions of the mind as it relays the behests of the soul. The vital airs are swept into form-making activity just as their higher correspondence, the “modifications of the thinking principle, the mind stuff” (as Patanjali calls it), are thrown into an analogous form-making activity. These can then be seen interiorly by the man who is

Nơi gặp gỡ này là nơi của lửa, cõi trí. Lửa là biểu tượng của trí năng, và mọi công việc huyền thuật là một tiến trình thông tuệ, được thực hiện trong sức mạnh của linh hồn và bằng việc sử dụng thể trí. Để tự khiến mình được cảm nhận trên cõi hồng trần, cần có một bộ não tiếp nhận được các xung lực cao hơn và có thể được linh hồn in ấn, khi linh hồn sử dụng “tâm chất” hay chất liệu cõi trí để tạo ra các hình tư tưởng cần thiết, và như vậy biểu hiện các ý tưởng cùng mục đích của linh hồn thông tuệ và đầy tình thương. Những điều này được bộ não nhận biết và được [251] ghi lại trên các “sinh khí” có trong khoang não. Khi những sinh khí này có thể được nhà huyền thuật cảm nhận trong tham thiền, và các hình tư tưởng được in lên phản ảnh thu nhỏ này của ánh sáng cảm dục, lúc ấy quyền năng thật sự trong huyền thuật có thể bắt đầu khiến chính nó được cảm nhận. Bộ não, theo nghĩa huyền bí, đã “nghe” các mệnh lệnh và huấn thị của thể trí khi thể trí chuyển tiếp các chỉ thị của linh hồn. Các sinh khí được cuốn vào hoạt động tạo hình, cũng như đối ứng cao hơn của chúng, tức “các biến thái của nguyên khí tư duy, chất liệu cõi trí”, như Patanjali gọi, được đẩy vào một hoạt động tạo hình tương tự. Khi ấy, những điều này có thể được nhìn

seeking to perform the magical work and much of his success is dependent upon his ability to register impressions exactly, and to see with clarity the *forms* of the process in magic which he is seeking to demonstrate as magical work in the outer world.

thấy bên trong bởi con người đang tìm cách thực hiện công việc huyền thuật, và phần lớn thành công của y tùy thuộc vào khả năng ghi nhận các ấn tượng một cách chính xác, và nhìn rõ các *hình tướng* của tiến trình trong huyền thuật mà y tìm cách chứng minh như công việc huyền thuật trong thế giới bên ngoài.

It might therefore be said that there are three stages in the form-making process. First, the soul or spiritual man, centered in the soul consciousness and functioning in "the secret place of the Most High", visualizes the work to be done. This is not a sequential act, but the *finished* completed work of magic is visioned by a process that does not involve the time element or spatial concepts at all. Secondly, the mind responds to the soul (calling attention to the work to be performed), and is swept into thought-form making activity by this impression. According to the lucidity and illumination of the mind-stuff so will be the response to the impression. If the mind is a true reflector and receiver of soul impress, the corresponding thought-form will be true to its prototype. If it is not true (as is usually the case in the early stages of the work) then the thought-form created will be distorted and incorrect, unbalanced and "out of drawing".

Vì vậy, có thể nói rằng có ba giai đoạn trong tiến trình tạo hình tướng. Trước hết, linh hồn hay con người tinh thần, tập trung trong tâm thức linh hồn và hoạt động trong "nơi bí mật của Đấng Tối Cao", hình dung công việc cần làm. Đây không phải là một hành động theo trình tự, mà công việc huyền thuật đã *hoàn tất* trọn vẹn được thấy bằng tầm nhìn qua một tiến trình hoàn toàn không liên quan đến yếu tố thời gian hay các khái niệm không gian. Thứ hai, thể trí đáp ứng với linh hồn, vốn kêu gọi sự chú ý đến công việc phải được thực hiện, và nhờ ấn tượng này mà thể trí được cuốn vào hoạt động tạo hình tư tưởng. Tùy theo độ sáng rõ và sự soi sáng của chất liệu cõi trí mà sẽ có sự đáp ứng với ấn tượng. Nếu thể trí là tấm gương phản chiếu và bộ tiếp nhận chân thật của ấn tượng linh hồn, hình tư tưởng tương ứng sẽ đúng với nguyên mẫu của nó. Nếu nó không đúng, như thường xảy ra trong các giai đoạn đầu của công việc, thì hình tư tưởng được tạo ra sẽ bị méo mó và sai lệch, mất cân đối và "không đúng bản vẽ".

It is in meditation that this work of accurate reception [252] and correct building is learnt and hence the emphasis laid in all true schools of esoteric training upon a focussed mind, a capacity to visualize, an ability to build thought-forms, and an accurate grasp of egoic intent. Hence also the need of the magician beginning the practical work of magic with himself as the subject of the magical experiment. He begins to grasp the

Chính trong tham thiền mà công việc tiếp nhận chính xác [252] và xây dựng đúng đắn này được học, và vì thế trong mọi trường đào luyện nội môn chân chính, người ta nhấn mạnh đến một thể trí tập trung, khả năng hình dung, năng lực xây dựng các hình tư tưởng, và sự nắm bắt chính xác ý định của chân ngã. Vì thế cũng có nhu cầu để nhà huyền thuật bắt đầu công việc thực tiễn của huyền thuật với chính mình làm đối tượng

vision of the spiritual man, as he is in essence. He realizes the virtues and reactions which that spiritual man would evidence in physical plane life. He builds a thought-form of himself as the ideal man, the true server, the perfect master. He gradually coordinates his forces so that power to be these things in external reality begins to take shape so that all men can see. He creates a pattern in his mind which hews as true as he can make it to the prototype, and which serves to model the lower man and force conformity to the ideal. As he perfects his technique he finds a transmuting, transforming power at work upon the energies which constitute his lower nature, until all is subordinated and he becomes in practical manifestation what he is esoterically and essentially. As this takes place, he begins to be interested in the magical work in which it is the function of all true souls to participate.

của thí nghiệm huyền thuật. Y bắt đầu nắm bắt tầm nhìn về con người tinh thần, như y vốn là trong yếu tính. Y nhận ra các đức hạnh và phản ứng mà con người tinh thần ấy sẽ biểu lộ trong đời sống cõi hồng trần. Y xây dựng một hình tư tưởng về chính mình như con người lý tưởng, người phụng sự chân thật, vị chân sư toàn thiện. Y dần dần phối hợp các mãnh lực của mình để quyền năng trở thành những điều ấy trong thực tại bên ngoài bắt đầu thành hình, đến mức mọi người có thể thấy. Y tạo ra một mô hình trong thể trí mình, cắt gọt nó sao cho trung thành nhất có thể với nguyên mẫu, và mô hình ấy dùng để khuôn đúc phàm nhân cũng như buộc y phải phù hợp với lý tưởng. Khi y hoàn thiện kỹ thuật của mình, y thấy một quyền năng chuyển hoá, chuyển đổi đang tác động lên các năng lượng cấu thành bản chất thấp của mình, cho đến khi tất cả đều được đặt dưới quyền, và y trở thành trong biểu hiện thực tiễn điều mà y vốn là một cách huyền bí và trong yếu tính. Khi điều này diễn ra, y bắt đầu quan tâm đến công việc huyền thuật mà mọi linh hồn chân thật đều có chức năng tham gia.

Then the third aspect of the form-making process can manifest. The brain is synchronized with the mind, and the mind with the soul, and the plan is sensed. The vital airs in the head can be modified and respond to the force of the building magical work. A thought-form exists then as the result of the previous two activities, but it exists in the place of the brain activity and becomes a focussing centre for the soul, and a point through which energy can flow for the performance of the magical work.

Khi ấy, phương diện thứ ba của tiến trình tạo hình tướng có thể biểu hiện. Bộ não được đồng bộ với thể trí, và thể trí với linh hồn, và Thiên Cơ được cảm nhận. Các sinh khí trong đầu có thể được biến đổi và đáp ứng với mãnh lực của công việc huyền thuật kiến tạo. Khi ấy, một hình tư tưởng hiện hữu như kết quả của hai hoạt động trước đó, nhưng nó hiện hữu trong nơi hoạt động của bộ não và trở thành một trung tâm tập trung cho linh hồn, cũng như một điểm qua đó năng lượng có thể tuôn chảy để thực hiện công việc huyền thuật.

This magical work, carried out under the direction of the soul (inspiring the mind which in its turn impresses the brain), leads

Công việc huyền thuật này, được thực hiện dưới sự điều hướng của linh hồn, linh hồn truyền cảm hứng cho thể trí, còn thể trí đến

then (as the result of this triple coordinated activity) to the creation of a focussing centre, [253] or form, within the head of the magician. The energy which flows through this focal point acts through three distributing agents, and hence all three are involved in all magical work.

lượt nó in ấn bộ não, khi ấy dẫn đến, như kết quả của hoạt động phối hợp tam phân này, việc tạo ra một trung tâm tập trung, [253] hay hình tướng, trong đầu của nhà huyền thuật. Năng lượng tuôn qua điểm tập trung này tác động qua ba tác nhân phân phối, và do đó cả ba đều liên hệ trong mọi công việc huyền thuật.

1. The right eye, through which the vital energy of the spirit can express itself.

1. Mắt phải, qua đó năng lượng sinh lực của tinh thần có thể biểu hiện chính nó.

2. The throat centre, through which the Word, the second aspect or the soul expresses itself.

2. Trung tâm cổ họng, qua đó Linh từ, phương diện thứ hai hay linh hồn, biểu hiện chính nó.

3. The hands, through which the creative energy of the third aspect works.

3. Đôi tay, qua đó năng lượng sáng tạo của phương diện thứ ba hoạt động.

"The White Magician" works "with the eyes open, the voice proclaiming and the hands conferring."

"Nhà Huyền Thuật Chánh Đạo" làm việc "với đôi mắt mở, giọng nói tuyên xưng và đôi tay ban truyền."

These points are or technical interest to the experienced worker in magic, but of symbolic interest only to the aspirants for whom these letters are intended.

Những điểm này có tính kỹ thuật đối với người hoạt động kinh nghiệm trong huyền thuật, nhưng chỉ có ý nghĩa biểu tượng đối với những người chí nguyện mà các bức thư này được dành cho.

That the inner vision may be ours, the eye see clearly the glory of the Lord, and the voice speak only in benediction, and the hands be used only in helpfulness, may well be the prayer of each of us.

Nguyện linh thị bên trong thuộc về chúng ta, con mắt thấy rõ vinh quang của Chúa, tiếng nói chỉ thốt ra lời ban phúc, và đôi tay chỉ được dùng trong sự trợ giúp — đó rất có thể là lời cầu nguyện của mỗi người chúng ta.

RULE NINE

Webinar Program 13 – Rule 9.1

Condensation next ensues. The fire and waters meet, the form swells and grows. Let the magician get his form upon the proper path.

Sự ngưng tụ tiếp theo xảy ra. Lửa và nước gặp nhau, hình tướng phồng lên và tăng trưởng. Hãy để nhà huyền thuật đặt hình tướng của mình trên con đường thích hợp.

The Necessity for Purity

[257]

[257]

Rule number nine is found on page 1017 in *A Treatise on Cosmic Fire*, and the comment given in the Treatise is noticeably brief:

Quy luật số chín được thấy ở trang 1017 trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, và lời bình được đưa ra trong Luận ấy ngắn gọn một cách đáng chú ý:

"This rule is very briefly summed up in the injunction: Let desire and mind be so pure and so equally apportioned and the created form so justly balanced that it cannot be attracted towards the destructive or 'left-hand' path."

"Quy luật này được tóm lược rất ngắn gọn trong huấn lệnh: Hãy để dục vọng và thể trí được thanh khiết đến mức, được phân phối quân bình đến mức, và hình tướng được tạo ra được cân bằng đúng đắn đến mức, nó không thể bị hút về phía con đường hủy diệt hay 'tả đạo'."

The reasons for this brevity may be stated to be due to the extreme simplicity of this rule in the consciousness of the man who knows, and its extreme complexity from the standpoint of the casual reader. Only the simplest and most practical of its significances is there given but perhaps a few of the deeper meanings can be imparted.

Có thể nói rằng lý do của sự ngắn gọn này là do tính cực kỳ đơn giản của quy luật này trong tâm thức của người biết, và tính cực kỳ phức tạp của nó theo quan điểm của độc giả thông thường. Ở đó chỉ đưa ra thâm nghĩa đơn giản nhất và thực tiễn nhất của nó, nhưng có lẽ một vài ý nghĩa sâu hơn có thể được truyền đạt.

It is interesting to note that as progress is made upon the path, the forms in which truth can be given become more and more simple, whilst the meaning grasped becomes more and more wide and inclusive, and hence involves (on analysis) more and more complexity. Finally, resort is had to

Điều đáng chú ý là khi tiến bộ được thực hiện trên Đường Đạo, những hình tướng qua đó chân lý có thể được trao truyền ngày càng trở nên đơn giản hơn, trong khi ý nghĩa được nắm bắt ngày càng rộng lớn và bao gồm hơn, và vì thế, khi phân tích, hàm chứa ngày càng nhiều phức tạp hơn. Sau cùng, người ta phải

symbols and the cosmic plan is grasped through the presentation of geometrical forms to the inner eye of the aspirant.

viện đến các biểu tượng, và Thiên Cơ vũ trụ được nắm bắt qua sự trình hiện các hình thể hình học trước nội nhãn của người chí nguyện.

The cardinal point emphasized in this rule is purity and, in the last analysis, purity is largely a question of motive. If the incentive to action of any kind in the three worlds is based on personality desire and brought about by the applied use of the mind, then impurity characterizes that action. If the impulse emanates from the [258] Dweller in the form, it is then subordinated and controlled by the Dweller to the desired end. Then the characteristic is purity within the group limitations, for absolute purity only exists when entire freedom from control has been brought about. The soul is group conscious and group controlled, and (until the causal body has been overcome and liberation from its control achieved) the real significance of purity will not be comprehended. Suffice it to say that there is a close connotation between impurity and limitation of any kind, physical, emotional and mental.

Điểm chủ yếu được nhấn mạnh trong quy luật này là sự thanh khiết, và xét đến cùng, thanh khiết phần lớn là vấn đề động cơ. Nếu động lực thúc đẩy mọi loại hành động trong ba cõi thấp đặt nền trên dục vọng phàm ngã và được tạo ra bằng việc sử dụng thể trí, thì hành động ấy mang đặc tính bất tịnh. Nếu xung lực phát xuất từ [258] Kẻ Cư Ngụ trong hình tướng, thì nó được Kẻ Cư Ngụ đặt dưới quyền và kiểm soát để hướng đến mục tiêu mong muốn. Khi ấy đặc tính là thanh khiết trong các giới hạn của nhóm, vì sự thanh khiết tuyệt đối chỉ hiện hữu khi đã đạt được sự tự do hoàn toàn khỏi mọi kiểm soát. Linh hồn có tâm thức nhóm và chịu sự kiểm soát của nhóm, và cho đến khi thể nguyên nhân đã được vượt qua và sự giải thoát khỏi quyền kiểm soát của nó đã đạt được, thâm nghĩa thật sự của thanh khiết sẽ không được thấu hiểu. Chỉ cần nói rằng có một mối liên hệ chặt chẽ giữa bất tịnh và mọi loại giới hạn, dù là hồng trần, cảm xúc hay trí tuệ.

But absolute purity need not here be considered by the aspirant. No one in the esoteric groups of the world has yet achieved the fifth initiation, wherein the meaning will enter the consciousness in a blaze of intensest realisation. For the majority, physical and emotional purity are the objectives, and primarily therefore liberation from emotional control and desire. Hence the constant, e'en though badly worded injunction in many of the esoteric books "Kill out desire". Perhaps a more just rendering for the immediate present would be "re-orient desire" or "re-direct desire", for a constant process of re-orientation of the entire desire nature so

Nhưng người chí nguyện không cần xét đến sự thanh khiết tuyệt đối ở đây. Chưa một ai trong các nhóm huyền bí của thế giới đạt đến lần điểm đạo thứ năm, nơi ý nghĩa ấy sẽ đi vào tâm thức trong một bừng sáng của sự chứng nghiệm mãnh liệt nhất. Đối với đa số, thanh khiết hồng trần và cảm xúc là các mục tiêu, và do đó trước hết là sự giải thoát khỏi sự kiểm soát và dục vọng cảm xúc. Vì thế có huấn lệnh thường xuyên, dù diễn đạt chưa tốt, trong nhiều sách huyền bí: "Hãy diệt trừ dục vọng." Có lẽ một cách diễn đạt đúng hơn cho hiện tại trước mắt sẽ là "tái định hướng dục vọng" hoặc "chuyển hướng dục vọng", vì tiến trình tái định hướng liên tục toàn bộ bản chất dục vọng, để cuối cùng nó trở

that it eventually becomes a habitual state of mind is the clue to all the transmutation processes, and to effective magical work.

thành một trạng thái quen thuộc của thể trí, chính là chìa khóa cho mọi tiến trình chuyển hoá và cho công việc huyền thuật hữu hiệu.

As progress on the Path is made the thought processes of the aspirant become more potent, and the thought-forms—created with definite purpose and in the meditation work—become more effective in the bringing about of results. It will be apparent therefore that in magical work (which has ever to be wrought out on the physical plane) there will always exist the tendency towards the "left-hand path" until soul consciousness is permanently established, and purity of motive has become a habit of the mind.

Khi tiến bộ được thực hiện trên Đường Đạo, các tiến trình tư tưởng của người chí nguyện trở nên mạnh mẽ hơn, và các hình tư tưởng —được tạo ra với mục đích xác định và trong công việc tham thiền—trở nên hữu hiệu hơn trong việc tạo ra các kết quả. Vì vậy, điều hiển nhiên là trong công việc huyền thuật, vốn luôn phải được thực hiện trên cõi hồng trần, khuynh hướng hướng về "tả đạo" sẽ luôn tồn tại cho đến khi tâm thức linh hồn được thiết lập thường hằng, và sự thanh khiết của động cơ đã trở thành một thói quen của thể trí.

[259]

[259]

May I remind all who read that the establishing and stabilizing of right habits is, for the aspirant to discipleship, a prime requisite. Those who are working in the field of planetary evolution are looking for dependable instruments, and this cannot be too emphatically impressed upon all of you. People whose emotional moods and feelings run riot or who lack physical control cannot be counted upon in an emergency by Those who are seeking helpers. People whose minds are clouded or whose inability to hold the mind "steady in the light" is inherent, are unsuitable workers in the high places of world endeavour. This remark need deter no one in these groups from pushing forward, for the recognition of a defect is a preliminary step towards its overcoming. These groups are in training and this must be borne in mind or else discouragement is apt to ensue when the ideal is enunciated. World need and opportunity go hand in hand at this time. The Great Ones, Who stand as a wall between humanity and

Xin tôi nhắc tất cả những ai đọc rằng việc thiết lập và ổn định các thói quen đúng đắn là một điều kiện tiên quyết hàng đầu đối với người chí nguyện hướng tới địa vị đệ tử. Những Đấng đang hoạt động trong lĩnh vực tiến hoá hành tinh đang tìm kiếm những khí cụ đáng tin cậy, và điều này không thể được nhấn mạnh quá mức với tất cả các bạn. Những người có các tâm trạng và cảm xúc buông thả, hoặc thiếu sự kiểm soát hồng trần, không thể được Các Ngài, những Đấng đang tìm kiếm người trợ giúp, trông cậy trong trường hợp khẩn cấp. Những người có thể trí mờ đục, hoặc vốn không có khả năng giữ thể trí "vững vàng trong ánh sáng", không thích hợp làm người hoạt động ở những vị trí cao trong nỗ lực thế giới. Nhận xét này không nên làm bất cứ ai trong các nhóm này nản lòng mà không tiến tới, vì sự nhận biết một khiếm khuyết là bước sơ khởi để vượt qua nó. Các nhóm này đang được huấn luyện, và điều này phải được ghi nhớ, nếu không sự nản lòng dễ xảy ra khi lý tưởng được nêu lên. Nhu cầu thế giới và cơ hội

planetary Karma are, we are told, hard pressed at this time, and I assure you that this is but an inadequate statement of the case.

đang đi đôi với nhau vào lúc này. Các Đấng Cao Cả, những Đấng đứng như một bức tường giữa nhân loại và nghiệp quả hành tinh, như chúng ta được cho biết, đang chịu sức ép nặng nề vào lúc này; và tôi bảo đảm với các bạn rằng đây chỉ là một cách nói chưa đủ về tình trạng ấy.

The thoughts of men since the middle of the Atlantean period have steadily been attracted toward the destructive or left-hand path, because selfishness has been the motive, and self-interest the dominant factor. Part of the work of the Christ when He came 2000 years ago was to offset this tendency by the inculcation, through example and precept, of sacrifice and unselfishness, and the martyr spirit (tinctured as it oft was by hysteria and a heavenly self-interest) was one of the results of this endeavour. Seen from the standpoint of the Hierarchy, the effort has been successful, for the Christian spirit stands for re-orientation to heavenly things. Hence purity of motive and the instinct for service, which latter keynote is new from the standpoint of the past eternities.

Từ giữa thời kỳ Atlantis, tư tưởng của con người đã đều đặn bị hút về con đường hủy diệt hay tả đạo, vì ích kỷ là động cơ, và tư lợi là yếu tố chi phối. Một phần công việc của Đức Christ khi Ngài đến cách đây 2000 năm là hóa giải khuynh hướng này bằng cách truyền dạy, qua gương mẫu và giáo huấn, tinh thần hi sinh và vị tha; và tinh thần tử đạo, dù thường nhuốm màu cuồng loạn và một thứ tư lợi hướng thiên, là một trong những kết quả của nỗ lực này. Nhìn từ quan điểm của Thánh Đoàn, nỗ lực ấy đã thành công, vì tinh thần Kitô giáo tượng trưng cho sự tái định hướng về những điều thuộc thiên giới. Do đó có sự thanh khiết của động cơ và bản năng phụng sự, mà chủ âm phụng sự này là điều mới mẻ theo quan điểm của các vĩnh cửu đã qua.

[260]

[260]

In spite of this, however, the tendency to selfish interest is the most potent factor in the world at this time, and hence the critical situation existing between the Hierarchy of Light and the hierarchy controlling the left-hand path, or the path of control by form and desire.

Tuy nhiên, bất chấp điều này, khuynh hướng tư lợi ích kỷ là yếu tố mạnh mẽ nhất trong thế giới vào lúc này, và vì thế có tình thế nguy kịch đang tồn tại giữa Thánh Đoàn Ánh sáng và huyền giai đang kiểm soát tả đạo, hay con đường kiểm soát bằng hình tướng và dục vọng.

Let there be no discouragement, however, for the spiritual thought, resulting in magical work, of one brother of pure intent is of far greater potency than that of many brothers who follow the tendencies of the personality. Though every true aspirant as

Tuy nhiên, đừng nản lòng, vì tư tưởng tinh thần đưa đến công việc huyền thuật của một huynh đệ có ý định thanh khiết thì có uy lực lớn hơn rất nhiều so với tư tưởng của nhiều huynh đệ đi theo các khuynh hướng của phàm ngã. Dù mọi người chí nguyện chân

he grasps the magnitude of the Plan and surveys the forces arrayed against him may be overcome by the apparent futility of his effort and the seeming smallness of the part he plays, let him remember that there is a steadily growing group of those similar to him and that this is a group effort. Under the Law the Great Ones work through Their disciples in all countries and never before have there been so many endeavouring to fit themselves for this function of being "Transmitters of the Purpose," and never before has there existed such a strong inner integrity and subjective relation between workers in all fields in all parts of the world. For the first time in history is there a coherent group for the Masters to use. Heretofore, there have been lonely isolated workers or tiny detached groups, and this has greatly hampered the work. Now this is changed.

chính, khi y nắm bắt tầm vóc của Thiên Cơ và quan sát các mãnh lực dàn trận chống lại y, có thể bị lấn át bởi vẻ vô ích của nỗ lực mình và sự nhỏ bé dường như của vai trò mình, y hãy nhớ rằng có một nhóm những người giống như y đang đều đặn lớn mạnh, và đây là một nỗ lực nhóm. Theo Định luật, các Đấng Cao Cả làm việc qua các đệ tử của Các Ngài trong mọi quốc gia; và chưa bao giờ có nhiều người đến thế đang nỗ lực làm cho mình thích hợp với chức năng làm "Những Người Truyền Dẫn Thiên Ý" này, và chưa bao giờ có một sự toàn vẹn nội tại cùng mối liên hệ chủ quan mạnh mẽ đến thế giữa những người hoạt động trong mọi lĩnh vực ở khắp nơi trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử có một nhóm cố kết để các Chân sư sử dụng. Trước đây, chỉ có những người hoạt động cô độc, biệt lập, hoặc những nhóm nhỏ bé tách rời, và điều này đã cản trở công việc rất nhiều. Nay điều này đã thay đổi.

I want to charge you all to realize this and to work to substantiate this group integrity and to develop the power to recognize all such workers everywhere under any name or organization and to cooperate with them when so recognized. This is no easy thing to do. It presupposes the following:

Tôi muốn giao phó cho tất cả các bạn nhận ra điều này, và làm việc để làm vững chắc sự toàn vẹn nhóm này, cũng như phát triển năng lực nhận ra tất cả những người hoạt động như thế ở khắp mọi nơi, dưới bất cứ danh xưng hay tổ chức nào, và hợp tác với họ khi đã nhận ra. Đây không phải là điều dễ làm. Nó giả định những điều sau:

Webinar Program 14 – Rule 9.2

1. An inner sensitiveness to the Plan.

1. Một sự nhạy bén nội tâm đối với Thiên Cơ.

2. An ability to recognize principles, governing conduct and administration. [261]

2. Một khả năng nhận ra các nguyên tắc chi phối hành vi và quản trị. [261]

3. A capacity to overlook the non-essentials and to emphasize the essentials.

3. Một năng lực bỏ qua những điều không thiết yếu và nhấn mạnh những điều thiết yếu.

4. A submergence of personal ambition and interest in the furthering of the group ideals and

4. Sự chìm lắng của tham vọng và lợi ích cá nhân trong việc thúc đẩy các lý tưởng của nhóm, và

5. A steady preservation of the inner contact through meditation and the overlooking and non-emphasis of personality reactions.

5. Sự duy trì vững vàng tiếp xúc nội tâm qua tham thiền, cùng việc bỏ qua và không nhấn mạnh các phản ứng của phàm ngã.

These are basic pre-requisites and should receive the attention of workers and students in all groups.

Đây là những điều kiện tiên quyết căn bản và cần nhận được sự chú tâm của những người hoạt động và đạo sinh trong mọi nhóm.

It would be of value if each student would link up every day at five o'clock by an act of the will with this rapidly integrating group of servers, mystics and brothers. To this end it might be wise to commit to memory the following brief dedication to be said silently at that hour with the attention focussed in the head:

Sẽ có giá trị nếu mỗi đạo sinh, mỗi ngày vào lúc năm giờ, bằng một hành động của ý chí, liên kết với nhóm những người phụng sự, các nhà thần bí và các huynh đệ đang nhanh chóng tích hợp này. Vì mục đích ấy, có lẽ nên học thuộc lời thánh hiến ngắn sau đây, để đọc thầm vào giờ ấy với sự chú tâm tập trung trong đầu:

"May the Power of the one Life pour through the group of all true servers.

Cầu xin Quyền Năng của Sự Sống Duy Nhất tuôn chảy qua nhóm của tất cả những người phụng sự chân chính.

"May the Love of the One Soul characterize the lives of all who seek to aid the Great Ones.

Cầu xin Tình Thương của Linh Hồn Duy Nhất biểu hiện đặc trưng trong đời sống của tất cả những ai tìm cách trợ giúp các Đấng Cao Cả.

"May I fulfil my part in the One work through self-forgetfulness, harmlessness and right speech."

Cầu xin cho con hoàn thành phần việc của mình trong Công Việc Duy Nhất qua sự quên mình, tính vô tổn hại và lời nói đúng đắn.

Then carry the thought forward from the rapidly forming group of world-servers to the Great Ones who stand back of our world evolution.

Rồi hãy đưa tư tưởng tiến xa hơn, từ nhóm những người phụng sự thế giới đang nhanh chóng thành hình đến các Đấng Cao Cả đứng phía sau tiến hoá thế giới của chúng ta.

This can be done in a few seconds of time wherever one may be and in whatever company, and will not only aid in the

Điều này có thể được thực hiện trong vài giây, ở bất cứ nơi nào người ta có mặt và trong bất cứ nhóm người nào; và nó sẽ

magical work of the forces of light, but will serve to stabilize the individual, to increase his group consciousness, and to teach him the process of carrying forward interior subjective activities in the face of and in spite of outer exoteric functioning.

không chỉ trợ giúp công việc huyền thuật của các mãnh lực ánh sáng, mà còn phụng sự cho việc ổn định cá nhân, gia tăng tâm thức nhóm của y, và dạy y tiến trình đưa các hoạt động chủ quan nội tâm tiến tới, đối diện với và bất chấp chức năng ngoại môn bên ngoài.

Fundamental forms

The simplicity of this Rule nine is such that in a few words the entire process of creative evolution is summarized. On the mental plane an idea takes form. On [262] the desire plane sentient energy pervades that form. Under the evolutionary process the form "swells and grows". Through the right direction of the form and its orientation in the needed direction, the purpose of the thinker is fulfilled.

Tính đơn giản của Quy luật chín này đến mức chỉ trong vài lời, toàn bộ tiến trình tiến hoá sáng tạo đã được tóm lược. Trên cõi trí, một ý tưởng mang lấy hình tướng. Trên [262] cõi dục vọng, năng lượng cảm thụ thấm nhuần hình tướng ấy. Dưới tiến trình tiến hoá, hình tướng "phồng lên và tăng trưởng". Qua sự điều hướng đúng đắn của hình tướng và sự định hướng của nó theo chiều hướng cần thiết, mục đích của người tư tưởng được hoàn thành.

All life is vibration and the result of vibration is form, dense or subtle, and ever subtler as ascension takes place. As the pulsating life progresses its rate of vibration changes, and in this changing of vibration lies hid the secret of form-shattering and form-building. Forms are of four kinds in this era of the fourth round:

Mọi sự sống đều là rung động, và kết quả của rung động là hình tướng, đậm đặc hay tinh tế, và ngày càng tinh tế hơn khi sự thăng lên diễn ra. Khi sự sống đang rung nhịp tiến bước, tốc độ rung động của nó thay đổi, và trong sự thay đổi rung động này ẩn giấu bí mật của việc phá vỡ hình tướng và xây dựng hình tướng. Các hình tướng có bốn loại trong kỷ nguyên này của cuộc tuần hoàn thứ tư:

1. *The Form of the Personality,* that vehicle of physical, astral and mental matter that provides the means of contact in the three worlds. It is built in each life, the key of the vibration being set up in the life preceding the present. That form proves adequate for the average man and serves him till death. The man who is entering on the occult path starts with the vehicle provided, but during incarnation builds for himself ever a newer and better vehicle, and the more progressed

1. *Hình Tướng của Phàm Ngã,* vận cụ bằng vật chất cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi trí, cung cấp phương tiện tiếp xúc trong ba cõi thấp. Nó được xây dựng trong mỗi đời sống, chủ âm của rung động được thiết lập trong đời sống trước đời hiện tại. Hình tướng ấy tỏ ra thích hợp cho người trung bình và phụng sự y cho đến khi chết. Người đang bước vào con đường huyền bí bắt đầu với vận cụ đã được cung cấp, nhưng trong khi lâm phàm, y luôn xây dựng cho mình một vận cụ mới

he is the more consciously he works. Hence eventuates that constant turmoil and frequent ill-health of the beginner in the occult life. He senses the law, he realises the need of raising his key, and frequently he begins with mistakes. He starts to build anew his physical body by diet and discipline, instead of working from the inner outward. In the careful discipline of the mind and the manipulation of thought-matter and in transmutation of emotion comes the working out on the physical plane. Add to the two above, physical plane purity as to food and manner of life, and in seven years time the man has built for himself three new bodies around the permanent atoms.

hơn và tốt hơn; và y càng tiến bộ, y càng làm việc một cách có ý thức hơn. Vì thế phát sinh sự xáo trộn liên tục và tình trạng sức khỏe thường xuyên kém của người mới bắt đầu trong đời sống huyền bí. Y cảm nhận định luật, y nhận ra nhu cầu nâng cao chủ âm của mình, và thường y bắt đầu bằng những sai lầm. Y khởi sự xây dựng lại thể xác của mình bằng chế độ ăn uống và kỷ luật, thay vì làm việc từ bên trong ra bên ngoài. Trong sự kỷ luật cẩn thận thể trí, sự vận dụng chất liệu tư tưởng và sự chuyển hoá cảm xúc, công việc được thực hiện ra trên cõi hồng trần. Thêm vào hai điều trên sự thanh khiết trên cõi hồng trần về thức ăn và lối sống, thì trong bảy năm, con người đã xây dựng cho mình ba thể mới quanh các nguyên tử trường tồn.

Webinar Program 15 – Rule 9.3

2. *The Form of the Environment.* This is really the evolutionary working out of the involutionary group soul. It relates to our contacts, not just exterior, but on the inner planes as well. In similarity of vibration [263] comes coherency. When therefore a man raises his vibration and builds anew from the beginning, and alters consequently his key, it results in dissonance in his surroundings and subsequent discord. Therefore—under the law—there comes always to the striver after the Mysteries and the manipulator of the law, a period of *aloneness* and of sorrow when no man stands by and isolation is his lot. In lesser degree this comes to all, and to the arhat (or initiate of the fourth degree) this complete isolation is a characteristic feature. He stands midway between life in the three worlds and that in the world of adepts. His vibration does not synchronise, prior to initiation with the vibrations of either group. Under the law he is alone. But this is

2. *Hình Tướng của Môi Trường.* Đây thật ra là sự thực hiện thăng thượng tiến hoá của hồn nhóm giáng hạ tiến hoá. Nó liên quan đến các tiếp xúc của chúng ta, không chỉ bên ngoài mà cả trên các cõi bên trong. Trong sự tương đồng rung động [263] có sự cố kết. Vì vậy, khi một người nâng cao rung động của mình, xây dựng lại từ đầu, và do đó thay đổi chủ âm của mình, kết quả là sự bất hòa trong môi trường chung quanh và sau đó là xung đột. Vì thế, theo định luật, đối với người nỗ lực hướng tới các Bí Nhiệm và người vận dụng định luật, luôn luôn có một thời kỳ *đơn độc* và đau buồn, khi không ai đứng bên cạnh và sự cô lập là số phận của y. Ở mức độ thấp hơn điều này đến với tất cả, và đối với vị arhat, hay điểm đạo đồ bậc bốn, sự cô lập hoàn toàn này là một đặc điểm nổi bật. Ngài đứng ở điểm giữa giữa đời sống trong ba cõi thấp và đời sống trong thế giới của các chân sư. Rung động của Ngài, trước điểm đạo, không đồng bộ với rung động của nhóm nào cả. Theo định luật, Ngài đơn độc. Nhưng

only temporary. When the environment satisfies then is the moment of anxiety; it indicates stagnation. The application of the law causes primary disruption.

điều này chỉ tạm thời. Khi môi trường làm thỏa mãn, đó là lúc đáng lo ngại; nó chỉ ra sự trì trệ. Việc áp dụng định luật gây ra sự tan vỡ ban đầu.

3. *The Form of the Devotee.* Yes, I mean just that word, for it expresses an abstract idea. Each person of every degree has his devotion, that for which he lives, that for which—in ignorance, in knowledge or in wisdom—he wields as much of the law as he can grasp. Purely physical may that devotion be, centred in flesh, in lust for gold, in possessions concrete. He bends all his energies to the search for the satisfaction of that concrete form and therein learns. Purely astral may be the aim of the devotee —love of wife or child, or family, pride of race, love of popularity, or lust of some kind —to them he devotes the whole of his energy, using the physical body to fulfil the desire of the astral.

3. *Hình Tướng của Người Sùng Tín.* Vâng, tôi muốn nói đúng từ đó, vì nó diễn tả một ý tưởng trừu tượng. Mỗi người ở mọi cấp độ đều có sự sùng tín của mình, điều mà y sống vì nó, điều mà—trong vô minh, trong tri thức hay trong minh triết—y vận dụng bao nhiêu định luật tùy mức y có thể nắm bắt. Sự sùng tín ấy có thể thuần túy hồng trần, tập trung nơi xác thịt, nơi lòng ham muốn vàng bạc, nơi các sở hữu cụ thể. Y dồn mọi năng lượng của mình vào việc tìm kiếm sự thỏa mãn cho hình tướng cụ thể ấy, và trong đó y học hỏi. Mục tiêu của người sùng tín có thể thuần túy cảm dục—tình yêu đối với vợ hay con, hoặc gia đình, niềm tự hào về chủng tộc, lòng yêu thích sự nổi tiếng, hoặc một dục vọng nào đó—đối với những điều ấy y hiến dâng toàn bộ năng lượng của mình, sử dụng thể xác để hoàn thành dục vọng của cõi cảm dục.

Higher still may be the form of his devotion, —love of art, or science or philosophy, the life religious, scientific, or artistic—to them he consecrates his energies, physical, astral and mental, and always the form is that of devotion. Always the vibration measures up to the goal, finds that goal, passes it and disintegrates. Pain enters [264] into all shattering of the form, and changing of the key. Many lives, for millennia of years, are spent under the lower vibrations. As evolution progresses, more rapid is the development, and the key changes from life to life, whereas in the earlier stages one key or tone might be sounded for several lives in their entirety. As a man nears the Path, the Probationary Path becomes strewn with many shattered forms, and from lesser cycle

Cao hơn nữa có thể là hình tướng của sự sùng tín của y—tình yêu nghệ thuật, hoặc khoa học hay triết học, đời sống tôn giáo, khoa học hay nghệ thuật—đối với những điều ấy y thánh hiến các năng lượng của mình, hồng trần, cảm dục và trí tuệ; và hình tướng luôn luôn là hình tướng của sự sùng tín. Rung động luôn đo lường tương ứng với mục tiêu, tìm thấy mục tiêu ấy, vượt qua nó và tan rã. Đau khổ đi vào [264] mọi sự phá vỡ hình tướng và mọi sự thay đổi chủ âm. Nhiều đời sống, trong hàng thiên niên kỷ, được trải qua dưới các rung động thấp. Khi tiến hoá tiến triển, sự phát triển trở nên nhanh hơn, và chủ âm thay đổi từ đời này sang đời khác, trong khi ở các giai đoạn trước, một chủ âm hay âm điệu có thể được xướng lên trọn vẹn trong nhiều đời. Khi một

to lesser cycle he changes the key, often in one life heightening his vibration several times. See therefore how the life of all aspirants, if progressing with the desired rapidity, is one of constant movement, constant changes and differentiations, and continuous building and breaking, planning and seeing those plans disrupted. It is a life of ceaseless suffering, of frequent clashing with the environing circumstances, of numerous friendships made and transferred, of mutation ceaseless and consequent agony. Ideals are transcended only to be found to be stations on the road to higher; visions are seen, only to be replaced by others; dreams are dreamt only to be realized and discarded; friends are made, to be loved and left behind, and to follow later and more slowly the footsteps of the striving aspirant; and all the time the fourth form is being built.

người đến gần Đường Đạo, Con Đường Dự Bị trở nên rải đầy nhiều hình tướng đã bị phá vỡ; và từ chu kỳ nhỏ này sang chu kỳ nhỏ khác, y thay đổi chủ âm, thường trong một đời nâng cao rung động của mình nhiều lần. Vì vậy, hãy thấy rằng đời sống của tất cả những người chí nguyện, nếu tiến triển với tốc độ mong muốn, là đời sống của chuyển động liên tục, những thay đổi và biến phân liên tục, cùng sự xây dựng và phá vỡ không ngừng, lập kế hoạch và nhìn thấy các kế hoạch ấy bị phá tan. Đó là một đời sống đau khổ không ngừng, thường xuyên va chạm với các hoàn cảnh chung quanh, nhiều tình bạn được thiết lập rồi chuyển dịch, sự biến đổi không dứt và nỗi thống khổ theo sau. Các lý tưởng được vượt qua chỉ để nhận ra rằng chúng là những trạm trên con đường hướng tới điều cao hơn; các linh ảnh được thấy, chỉ để được thay thế bằng những linh ảnh khác; các giấc mơ được mơ, chỉ để được chứng nghiệm rồi bị gạt bỏ; các bạn hữu được kết giao, để được yêu thương rồi để lại phía sau, và về sau theo chậm hơn các bước chân của người chí nguyện đang nỗ lực; và trong suốt thời gian ấy, hình tướng thứ tư đang được xây dựng.

4. *The Form of the Causal Body.* This is the vehicle of the higher consciousness, the temple of the indwelling God, which seems of a beauty so rare and of a stability of so sure a nature that, when the final shattering comes of even that masterpiece of many lives, bitter indeed is the cup to drink, and unutterably bereft seems the unit of consciousness. Conscious then only of the innate Divine Spirit, conscious only of the Truth of the Godhead, realizing profoundly and to the depths of his being the ephemeral nature of the form and of all forms, standing alone in the vortex of initiatory rites, bereft of all on which he may have leant (be it friend, Master, doctrine [265] or environment), well may the Initiate cry out:

4. *Hình Tướng của Thể Nguyên Nhân.* Đây là vận cụ của tâm thức cao siêu, ngôi đền của Thượng đế nội tại, dường như có một vẻ đẹp hiếm có và một sự ổn định chắc chắn đến mức, khi sự phá vỡ cuối cùng xảy đến ngay cả với kiệt tác của nhiều đời sống ấy, chén phải uống quả thật đắng cay, và đơn vị tâm thức dường như bị tước đoạt không lời nào tả xiết. Khi ấy chỉ còn ý thức về Tinh Thần Thiêng Liêng bẩm sinh, chỉ còn ý thức về Chân Lý của Thần Tính, nhận ra sâu xa đến tận đáy bản thể mình bản chất phù du của hình tướng và của mọi hình tướng, đứng một mình trong xoáy lốc của các nghi thức điểm đạo, bị tước khỏi tất cả những gì y có thể đã tựa vào, dù là bạn hữu, Chân sư, giáo lý [265] hay môi trường, thì điểm đạo đồ rất

"I am that I am, and there is naught else." Well may he then figuratively place his hand in that of his Father in Heaven, and hold the other out in blessing on the world of men, for only the hands that have let slip all within the three worlds are free to carry the ultimate blessing to struggling humanity. Then he builds for himself a form such as he desires, —a new form that is no longer subject to shattering, but suffices for his need, to be discarded or used as occasion warrants.

có thể thốt lên: "Tôi là cái Tôi là, và không có gì khác." Khi ấy, một cách biểu tượng, y rất có thể đặt tay mình vào tay của Cha mình trên Trời, và đưa tay kia ra ban phúc cho thế giới loài người; vì chỉ những bàn tay đã buông bỏ tất cả trong ba cõi thấp mới tự do mang phúc lành tối hậu đến cho nhân loại đang phấn đấu. Khi ấy y xây dựng cho mình một hình tướng như y mong muốn—một hình tướng mới không còn chịu sự phá vỡ nữa, nhưng đủ cho nhu cầu của y, để được gạt bỏ hay sử dụng tùy hoàn cảnh đòi hỏi.

Webinar Program 16 – Rule 9.4

In these days you will need to ponder on this matter of the form, for with the entering in of a new ray, and the commencement of a new era comes ever a period of much disruption until the forms that be have adapted themselves to the newer vibration. In that adaptation those who have cultivated pliability and adaptability, or who have that for their personality ray, progress with less disruption than those more crystallized and fixed.

Trong những ngày này, các bạn sẽ cần suy ngẫm về vấn đề hình tướng này, vì với sự nhập cuộc của một cung mới và sự khởi đầu của một kỷ nguyên mới, luôn luôn có một thời kỳ nhiều tan vỡ cho đến khi các hình tướng hiện hữu tự thích nghi với rung động mới hơn. Trong sự thích nghi ấy, những ai đã vun bồi tính mềm dẻo và khả năng thích ứng, hoặc có cung mới ấy làm cung phàm ngã của mình, sẽ tiến bộ với ít tan vỡ hơn so với những người kết tinh và cố định hơn.

Particularly now should pliability and responsiveness of form be aimed at, for when He Whom we all adore comes, think you His vibration will not cause disruption if crystallization is present? It was so before; it will be so again.

Đặc biệt lúc này, nên nhắm tới tính mềm dẻo và sự đáp ứng của hình tướng, vì khi Đấng mà tất cả chúng ta tôn kính đến, các bạn có nghĩ rằng rung động của Ngài sẽ không gây tan vỡ nếu có sự kết tinh hiện diện chăng? Trước kia đã như vậy; rồi sẽ lại như vậy.

Cultivate responsiveness to the Great Ones, aim at mental expansion and keep learning. Think whenever possible in terms abstract or numerical, and by loving all, work at the plasticity of the astral body. In love of all that breathes comes capacity to vibrate universally, and in that astral pliability will come responsiveness to the vibration of the Great Lord.

Hãy vun bồi sự đáp ứng đối với các Đấng Cao Cả, nhắm đến sự mở rộng trí tuệ và tiếp tục học hỏi. Khi có thể, hãy tư duy bằng các thuật ngữ trừu tượng hoặc số học, và bằng tình thương đối với tất cả, hãy làm việc để tạo tính uyển chuyển cho thể cảm dục. Trong tình thương đối với tất cả những gì đang thở, năng lực rung động một cách phổ quát sẽ đến; và trong tính mềm dẻo cảm dục

ấy sẽ đến sự đáp ứng với rung động của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại.

This summation of process and of the forms is equally true of God and His cosmic creative work; of the soul, as it builds its instrument for expression, either unconsciously in the early stages or consciously in the later; of the disciple, as he seeks to express his realization of the work through group work and the organization of his [266] life; and of perfected man, as he learns, through experience, to centre his forces on the mental plane and from there accomplish his purpose in generating and producing those thought-forms which mould the minds of men, and embody in themselves that aspect of the Universal Mind which is needed for the right production of that immediate fraction of the Plan which his age and generation require.

Sự tổng kết này về tiến trình và các hình tướng cũng đúng như nhau đối với Thượng đế và công việc sáng tạo vũ trụ của Ngài; đối với linh hồn, khi nó xây dựng khí cụ của mình để biểu hiện, hoặc vô ý thức trong các giai đoạn đầu, hoặc hữu thức trong các giai đoạn sau; đối với đệ tử, khi y tìm cách biểu hiện sự chứng nghiệm của mình về công việc qua công việc nhóm và sự tổ chức đời sống [266] của y; và đối với con người hoàn thiện, khi y học, qua kinh nghiệm, cách tập trung các mãnh lực của mình trên cõi trí và từ đó hoàn thành mục đích của mình trong việc tạo sinh và sản xuất những hình tư tưởng uốn nắn thể trí của con người, và tự chúng hiện thân cho phương diện ấy của Vũ Trụ Trí cần thiết cho việc tạo ra đúng đắn phần nhỏ trước mắt của Thiên Cơ mà thời đại và thế hệ của y đòi hỏi.

All these various applications of the rule could be elucidated and enlarged upon. Our problem, however, must be kept clearly in mind. We are conscious souls, or in process of becoming conscious. We are beginning, through our meditation work and our application to study, to work on mental levels. We are creating forms continuously, pervading them with energy and sending them out to fulfill their function in line with our realized subjective purpose.

Tất cả những ứng dụng khác nhau này của quy luật có thể được làm sáng tỏ và mở rộng. Tuy nhiên, vấn đề của chúng ta phải được giữ rõ ràng trong trí. Chúng ta là các linh hồn có ý thức, hoặc đang trong tiến trình trở nên có ý thức. Chúng ta đang bắt đầu, qua công việc tham thiền và sự chuyên cần học tập, làm việc trên các cấp độ của cõi trí. Chúng ta liên tục tạo ra các hình tướng, thấm nhuần chúng bằng năng lượng và gửi chúng ra để hoàn thành chức năng của chúng phù hợp với mục đích chủ quan mà chúng ta đã nhận biết.

The emphasis should be laid upon the word *realized* in the above paragraph. According to the clarity of vision and the depth of the inner realization so will be the adequacy of the created form, and so will be the strength of the life which will enable it to perform its intended function.

Trong đoạn trên, cần đặt trọng tâm vào từ *đã nhận biết*. Tùy theo độ rõ ràng của tầm nhìn và độ sâu của sự chứng nghiệm nội tâm, hình tướng được tạo ra sẽ thích đáng đến mức ấy, và sức mạnh của sự sống sẽ có thể làm cho nó thực hiện chức năng dự định đến mức ấy.

Up to the present time the majority of aspirants in the world express the results of little and weak thought, but rapid action. The goal for students should at this time be rapid concentrated thought and slow action. That slow action however will be potent in result; there will be no lost motion, no delayed reactions, and no tendency towards hesitation. The attention of the thinker being focussed on the mental plane, the progress of his manifested thought will be sure and inevitable. When the idea is clearly grasped, the attention closely focussed, and the energy or life aspect steadily applied, the result will be irresistible appearance and potent action on the physical plane.

Cho đến hiện nay, đa số người chí nguyện trên thế giới biểu hiện các kết quả của suy nghĩ ít ỏi và yếu ớt, nhưng hành động nhanh chóng. Mục tiêu cho các đạo sinh vào lúc này nên là tư tưởng tập trung nhanh chóng và hành động chậm rãi. Tuy nhiên, hành động chậm rãi ấy sẽ mạnh mẽ trong kết quả; sẽ không có nỗ lực lãng phí, không có phản ứng trì hoãn, và không có khuynh hướng do dự. Khi sự chú tâm của người tư tưởng được tập trung trên cõi trí, sự tiến triển của tư tưởng đã biểu hiện của y sẽ chắc chắn và tất yếu. Khi ý tưởng được nắm bắt rõ ràng, sự chú tâm được tập trung chặt chẽ, và năng lượng hay phương diện sự sống được áp dụng vững vàng, kết quả sẽ là sự xuất hiện không thể cưỡng lại và hành động mạnh mẽ trên cõi hồng trần.

[267]

[267]

This thought must be borne in mind if the dangers of the left hand path are to be avoided. Let me here make some statements in brief tabulated form, which will produce a truer understanding of the words “left hand path”. We are dealing here primarily with those thought-forms which man creates:

Tư tưởng này phải được ghi nhớ nếu các nguy hiểm của tả đạo cần được tránh. Ở đây, hãy để tôi đưa ra một vài phát biểu ngắn gọn dưới dạng liệt kê, điều sẽ tạo ra một sự thấu hiểu đúng hơn về các từ “tả đạo”. Ở đây chúng ta chủ yếu đang đề cập đến những hình tư tưởng mà con người tạo ra:

1. The left hand path concerns the matter aspect and the life poured into the form serves only to vitalize the atoms in substance. The potency of the love aspect—as wielded by the soul—is lacking.

1. Tả đạo liên quan đến phương diện vật chất, và sự sống được đổ vào hình tướng chỉ phụng sự để tiếp sinh lực cho các nguyên tử trong chất liệu. Uy lực của phương diện bác ái, như được linh hồn vận dụng, thì thiếu vắng.

2. The form created is constituted of mental matter, of astral matter and of physical substance. It lacks the soul contribution. Its purpose is in line with the development of form, but not in line with soul expression.

2. Hình tướng được tạo ra được cấu thành từ chất liệu cõi trí, chất liệu cõi cảm dục và chất liệu cõi hồng trần. Nó thiếu sự đóng góp của linh hồn. Mục đích của nó phù hợp với sự phát triển của hình tướng, nhưng không phù hợp với sự biểu hiện của linh hồn.

3. The left hand path, therefore, is the path of progress for substance or matter. It is not the path of progress for the soul aspect. It is the "way of the Holy Ghost" but not the way of the Son of God. I express this truth in these words as it serves peculiarly to make the distinction clear and yet preserves the integrity of substance-matter and their Unity within the One Life.

3. Vì vậy, tả đạo là con đường tiến bộ cho chất liệu hay vật chất. Nó không phải là con đường tiến bộ cho phương diện linh hồn. Nó là "con đường của Chúa Thánh Thần" nhưng không phải là con đường của Con của Thượng đế. Tôi diễn đạt chân lý này bằng những lời này vì nó đặc biệt giúp làm rõ sự phân biệt, đồng thời vẫn giữ nguyên tính toàn vẹn của chất liệu-vật chất và sự Hợp Nhất của chúng trong Sự Sống Duy Nhất.

4. All forms created at every stage are either confined to the left hand path or embrace it and yet go beyond it, and follow the right hand way. This sentence provides food for thought and its meaning is difficult to gather. It should be borne in mind that all forms, whether they follow the right or left hand way are alike up to a certain point; they travel the same progressive stages and at one time in their career they appear uniform and alike. Only when their purpose appears does the distinction become apparent, and hence the training of the aspirant in right motive as a preparatory step to true occult work.

4. Mọi hình tướng được tạo ra ở mọi giai đoạn hoặc bị giới hạn trong tả đạo, hoặc bao hàm nó nhưng vượt qua nó, và đi theo chánh đạo. Câu này cung cấp nhiều điều đáng suy ngẫm, và ý nghĩa của nó khó nắm bắt. Cần ghi nhớ rằng mọi hình tướng, dù chúng đi theo chánh đạo hay tả đạo, đều giống nhau cho đến một điểm nào đó; chúng đi qua cùng các giai đoạn tiến bộ, và vào một thời điểm trong hành trình của mình, chúng có vẻ đồng dạng và giống nhau. Chỉ khi mục đích của chúng xuất hiện thì sự phân biệt mới trở nên rõ ràng; vì thế người chí nguyện được huấn luyện về động cơ đúng đắn như một bước chuẩn bị cho công việc huyền bí chân chính.

[268]

[268]

The question might be asked: What is meant by occult work?

Câu hỏi có thể được đặt ra: Công việc huyền bí nghĩa là gì?

True occult work involves:

Công việc huyền bí chân chính bao hàm:

1. The contacting of the Plan.

1. Sự tiếp xúc với Thiên Cơ.

2. Right desire to co-operate with the Plan.

2. Dục vọng đúng đắn muốn hợp tác với Thiên Cơ.

3. The work of thought-form building and the confining of the attention of the creator of these thought-forms to the mental plane. This is of so potent a nature that the

3. Công việc xây dựng hình tư tưởng và sự giữ sự chú tâm của người sáng tạo các hình tư tưởng ấy trên cõi trí. Điều này có bản chất mạnh mẽ đến mức các hình tư tưởng được

thought-forms created have a life cycle of their own and never fail to manifest and perform their work.

tạo ra có một chu kỳ sống riêng của chúng và không bao giờ không biểu hiện và thực hiện công việc của chúng.

4. The direction of the thought-form from the mental plane and the confining of the attention to that specific enterprise, knowing that right thought and right orientation lead to correct functioning and the sure avoidance of the left hand path.

4. Sự điều hướng hình tư tưởng từ cõi trí và sự giữ sự chú tâm vào công việc đặc thù ấy, biết rằng tư tưởng đúng đắn và định hướng đúng đắn đưa đến sự vận hành chính xác và chắc chắn tránh được tả đạo.

This is a lesson little appreciated by aspirants. They engage in emotional desire for the appearance of their thought-form and the manifestation of the idea. They spend much time following the orthodox methods of work and in physical plane activities. They wear themselves out by identifying themselves with the form they have created instead of remaining detached from it, and acting solely as the directing agents. Learn to work on the plane of mind. Build there your form, remembering that if you submerge yourself in the form for which you are responsible it may obsess and dominate you and then the form will be the dominant factor and not the purpose of its existence. When the form controls then comes the danger that it may be turned in the wrong direction and find its way on to the left hand path and so increase the power of matter and its hold over sentient souls.

Đây là một bài học ít được người chí nguyện đánh giá đúng. Họ dấn vào dục vọng cảm xúc về sự xuất hiện của hình tư tưởng của mình và sự biểu hiện của ý tưởng. Họ dành nhiều thời gian theo các phương pháp làm việc chính thống và trong các hoạt động trên cõi hồng trần. Họ làm mình kiệt sức bằng cách đồng hoá với hình tướng mà họ đã tạo ra, thay vì vẫn tách rời khỏi nó và chỉ hành động như các tác nhân điều hướng. Hãy học làm việc trên cõi trí. Hãy xây dựng hình tướng của các bạn ở đó, nhớ rằng nếu các bạn nhấn chìm mình trong hình tướng mà các bạn chịu trách nhiệm, nó có thể ám ảnh và thống trị các bạn; khi ấy hình tướng sẽ là yếu tố chi phối chứ không phải mục đích hiện hữu của nó. Khi hình tướng kiểm soát, khi ấy nảy sinh nguy hiểm rằng nó có thể bị chuyển theo hướng sai lầm và tìm đường đi vào tả đạo, do đó gia tăng quyền năng của vật chất và sự nắm giữ của nó trên các linh hồn cảm thụ.

It might be briefly added that anything that tends to increase the power of matter and add to the potent energy of form-substance produces a tendency to the left [269] hand path and a gradual attraction away from the Plan and the Purpose which it veils and hides.

Có thể thêm ngắn gọn rằng bất cứ điều gì có khuynh hướng gia tăng quyền năng của vật chất và thêm vào năng lượng mạnh mẽ của chất liệu-hình tướng đều tạo ra khuynh hướng hướng về [269] tả đạo và một sức hút dần dần rời xa Thiên Cơ và Thiên Ý mà nó che phủ và ẩn giấu.

All work and all created thought-forms (whether they materialize as an

Mọi công việc và mọi hình tư tưởng được tạo ra, dù chúng hiện hình thành một tổ chức,

organization, a religion, a school of thought, a book or a life work of any kind) which express spiritual ideals and lay the emphasis upon the life-aspect come under the category of white magic. They then form part of the stream of life which we call the right hand Path, because it leads humanity out of form into life, and away from matter into consciousness.

một tôn giáo, một trường phái tư tưởng, một quyển sách hay bất cứ công trình đời sống nào, nếu biểu hiện các lý tưởng tinh thần và đặt trọng tâm vào phương diện sự sống, đều thuộc phạm trù chánh thuật. Khi ấy chúng trở thành một phần của dòng sự sống mà chúng ta gọi là chánh đạo, vì nó dẫn nhân loại ra khỏi hình tướng vào sự sống, và rời khỏi vật chất vào tâm thức.

In an ashram of one of the Great Ones not long ago, a disciple asked his master to express this truth to him in such a way that though the words might be few yet the import would be worthy of continuous consideration. His master made this reply:

Cách đây không lâu, trong một ashram của một trong các Đấng Cao Cả, một đệ tử xin Chân sư của mình diễn đạt chân lý này cho y theo cách mà tuy lời ít nhưng ý nghĩa đáng được suy ngẫm liên tục. Chân sư của y đáp:

“Only the Sons of Men know the distinction between the magic of the right and left hand ways and when they have achieved, these two ways will disappear. When the Sons of Men know the distinction which exists between matter and substance, the lesson of this epoch will be grasped. Other lessons will be left but this one passes. Matter and substance together work out the way of darkness. Substance and purpose blended indicate the way of light.”

“Chỉ các Con của Nhân Loại mới biết sự phân biệt giữa huyền thuật của chánh đạo và tả đạo; và khi họ đã thành tựu, hai con đường này sẽ biến mất. Khi các Con của Nhân Loại biết sự phân biệt hiện hữu giữa vật chất và chất liệu, bài học của kỷ nguyên này sẽ được nắm bắt. Những bài học khác sẽ còn lại, nhưng bài học này qua đi. Vật chất và chất liệu cùng nhau thực hiện con đường của bóng tối. Chất liệu và mục đích được hòa trộn chỉ ra con đường của ánh sáng.”

RULE TEN

Webinar Program 17 – Rule 10.1

[273]

As the waters bathe the form created, they are absorbed and used. The form increases in its strength; let the magician thus continue until the work suffices. Let the outer builders cease their labours then, and let the inner workers enter on their cycle.

[273]

Khi các vùng nước tắm rửa hình tướng được tạo ra, chúng được hấp thụ và sử dụng. Hình tướng tăng lên về sức mạnh của nó; hãy để nhà huyền thuật tiếp tục cho đến khi công việc đã đủ. Khi đó, hãy để các đấng kiến tạo bên ngoài ngừng các công việc của họ, và hãy để các công nhân bên trong bước vào chu kỳ của họ.

Thought-Form Building

In Rule Ten two facts about the form are stated, which are true of all forms, and three strong injunctions are given in the following terms:

Trong Quy luật Mười, hai sự kiện về hình tướng được nêu ra, vốn đúng với mọi hình tướng, và ba huấn lệnh mạnh mẽ được đưa ra như sau:

The facts are:

Các sự kiện là:

1. The form absorbs and uses the waters in which it is immersed.

1. Hình tướng hấp thu và sử dụng nước mà nó được ngâm trong đó.

2. As a result it grows in strength.

2. Kết quả là nó tăng trưởng trong sức mạnh.

The three injunctions are:

Ba huấn lệnh là:

1. Let the magician go on building his form until its adequate potency is assured.

1. Hãy để nhà huyền thuật tiếp tục xây dựng hình tướng của mình cho đến khi uy lực thích đáng của nó được bảo đảm.

2. Then let the “outer builders” cease from labour.

2. Khi ấy hãy để “các đấng kiến tạo bên ngoài” ngừng lao tác.

3. Let the “inner builders” enter on their cycle.

3. Hãy để “các đấng kiến tạo bên trong” bước vào chu kỳ của họ.

We have seen how, in the process of thought-form building, the time came when the form had to be oriented in the right direction and set upon the proper path in order to carry out its creator's will and purpose. This takes place fairly early in the work and after the process of orientation the work of building proceeds, for the thought-form is not yet ready for an independent life. There is a true analogy between the gestation period of an infant and that of a thought-form. The importance of the right placement of the child within the womb is never overlooked by a good physician, and where there is analogously a wrong position upon the path to be followed into manifested existence, death and trouble oft ensue. The analogy is close—as you well know. Birth is preceded by the "breaking of the waters" (in medical [274] parlance), and before the thought-form brings about the desired results on the physical plane there comes too a similar reaction; the waters of desire become so potent as to cause precipitation, and the consequent appearance of the desired form of expression.

Chúng ta đã thấy rằng trong tiến trình xây dựng hình tư tưởng, đã đến lúc hình tướng phải được định hướng theo chiều hướng đúng và đặt trên con đường thích hợp để thực hiện ý chí và mục đích của người sáng tạo nó. Điều này xảy ra khá sớm trong công việc, và sau tiến trình định hướng, công việc xây dựng tiếp tục, vì hình tư tưởng chưa sẵn sàng cho một đời sống độc lập. Có một sự tương đồng chân thực giữa thời kỳ thai nghén của một hài nhi và của một hình tư tưởng. Tầm quan trọng của vị trí đúng đắn của đứa trẻ trong tử cung không bao giờ bị một thầy thuốc giỏi xem nhẹ; và tương tự, khi có một vị trí sai lầm trên con đường phải theo để đi vào hiện hữu biểu hiện, sự chết và rắc rối thường xảy ra. Sự tương đồng rất gần gũi, như các bạn biết rõ. Sự sinh ra được đi trước bởi việc "vỡ nước ối", theo [274] ngôn ngữ y khoa; và trước khi hình tư tưởng tạo ra các kết quả mong muốn trên cõi hồng trần, cũng có một phản ứng tương tự: nước của dục vọng trở nên mạnh mẽ đến mức gây ra sự ngưng tụ, và theo sau là sự xuất hiện của hình tướng biểu hiện được mong muốn.

Let us take the facts and analogies as they stand and study them from the standpoint both of the macrocosm and the microcosm.

Chúng ta hãy lấy các sự kiện và tương đồng như chúng đang là, và nghiên cứu chúng từ quan điểm của cả Đại thiên địa lẫn Tiểu thiên địa.

We note that the form absorbs and uses the substance wherein it is immersed. Our solar system is one of many, and not the greatest. It constitutes a fragment of a greater whole. This greater whole, formed of seven parts (or seven solar systems), is itself immersed in the waters of space, is born of desire and, therefore, a child of necessity. It draws its life from its surroundings. Streaming into our solar system from all sides are force currents, emanating from what *A Treatise on*

Chúng ta ghi nhận rằng hình tướng hấp thu và sử dụng chất liệu trong đó nó được ngâm. Hệ mặt trời của chúng ta là một trong nhiều hệ, và không phải là hệ lớn nhất. Nó cấu thành một mảnh của một toàn thể lớn hơn. Toàn thể lớn hơn này, được tạo thành từ bảy phần, hay bảy hệ mặt trời, chính nó được ngâm trong nước của không gian, được sinh ra từ dục vọng, và vì vậy là một đứa con của nhu cầu tất yếu. Nó rút sự sống của mình từ môi trường chung quanh. Từ mọi phía, các

Cosmic Fire calls the "One about Whom naught may be said". These currents embody His will and desire, express His love or attractive capacity, and manifest as that great thought-form we call our system.

dòng mãnh lực đang tuôn vào hệ mặt trời của chúng ta, phát xuất từ Đấng mà *Luận về Lửa Vũ Trụ* gọi là "Đấng Bất Khả Tư Nghị". Những dòng này hiện thân cho ý chí và dục vọng của Ngài, biểu hiện tình thương hay năng lực thu hút của Ngài, và hiển lộ như hình tư tưởng vĩ đại mà chúng ta gọi là hệ của chúng ta.

In parentheses, it is well to note that this Existence is termed "the One about Whom naught may be said", not because of secrecy or mystery, but because all formulation of ideas about His life and purpose are impossible until one has completed the term of evolution in our solar system. Note, I say, our solar system, not just our planetary existence. Speculation about the Existence who, through His life, informs seven solar systems is wasted energy. On our planet, only such great lives as the Buddha, the Kumaras and the planetary Logos, are beginning to sense the dynamic impulse of the greater Whole, and even they are only sensitive to it but are, as yet, utterly unable to conceive of its trend, for it lies beyond mind and love and will. It brings into play factors [275] for which we have no terms and tendencies which are as yet not even remotely visioned on our planet.

Trong ngoặc, nên lưu ý rằng Đấng Hiện Hữu này được gọi là "Đấng Bất Khả Tư Nghị", không phải vì bí mật hay huyền nhiệm, mà vì mọi sự định hình ý tưởng về sự sống và mục đích của Ngài đều không thể có được cho đến khi người ta hoàn tất kỳ hạn tiến hoá trong hệ mặt trời của chúng ta. Hãy lưu ý, tôi nói hệ mặt trời của chúng ta, chứ không chỉ sự hiện hữu hành tinh của chúng ta. Suy đoán về Đấng Hiện Hữu, Đấng qua sự sống của Ngài thấm nhuần bảy hệ mặt trời, là năng lượng lãng phí. Trên hành tinh của chúng ta, chỉ những sự sống vĩ đại như Đức Phật, các Kumaras và Đức Hành Tinh Thượng Đế mới đang bắt đầu cảm nhận xung lực năng động của Toàn Thể lớn hơn; và ngay cả Các Ngài cũng chỉ nhạy cảm với nó, nhưng cho đến nay hoàn toàn chưa thể quan niệm về khuynh hướng của nó, vì nó nằm ngoài thể trí, tình thương và ý chí. Nó đưa vào hoạt động các yếu tố [275] mà chúng ta không có thuật ngữ để gọi, và các khuynh hướng mà trên hành tinh của chúng ta cho đến nay thậm chí chưa được mường tượng từ xa.

We have generated a term we call the ether. Occultly speaking, this is the modern way of expressing "the waters of space", which are the waters of desire, in which we are immersed. It is in constant ebb and flux, and is the stream of life, constituted of forty-nine types of energy, which pours through the cosmic egoic lotus, and (radiating forth from it) feeds with its measure of

Chúng ta đã tạo ra một thuật ngữ gọi là dĩ thái. Nói một cách huyền bí, đây là cách hiện đại để diễn đạt "nước của không gian", tức nước của dục vọng, trong đó chúng ta được ngâm. Nó ở trong sự rút xuống và dâng lên liên tục, và là dòng sự sống, được cấu thành từ bốn mươi chín loại năng lượng, tuôn chảy qua Hoa Sen Chân Ngã vũ trụ, và từ đó tỏa ra, nuôi dưỡng bằng phần sinh lực của nó

sustenance the form—solar, planetary, or human—for which it is responsible. This is dealt with in *A Treatise on Cosmic Fire.*

hình tướng—mặt trời, hành tinh hay con người—mà nó chịu trách nhiệm. Điều này được bàn đến trong *Luận về Lửa Vũ Trụ.*

Man is immersed in forces which are to him as the waters of space are to our solar system. He finds himself, as does our sun and its attendant planets, forming part of a whole, and just as our system is but one of seven systems, drawn together to form the body, or manifested expression of a life, so is the human kingdom of which he is an infinitesimal part, one of seven kingdoms. These are the correspondences in the life of the planetary Logos to the seven solar systems. When he begins to sense the life of the solar Logos as it expresses itself through the seven planetary schemes we will have touched the consciousness of the planetary Logos of our special scheme, who is sensing somewhat the united vibrations of the lives of the seven solar Logoi.

Con người được ngâm trong các mãnh lực, vốn đối với y cũng như nước của không gian đối với hệ mặt trời của chúng ta. Y thấy mình, cũng như mặt trời của chúng ta và các hành tinh đi kèm, là một phần của một toàn thể; và cũng như hệ của chúng ta chỉ là một trong bảy hệ được kéo lại với nhau để tạo thành thân thể, hay biểu hiện hiển lộ của một sự sống, thì giới nhân loại, mà y là một phần vô cùng nhỏ bé, cũng là một trong bảy giới. Đây là các tương ứng trong đời sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế đối với bảy hệ mặt trời. Khi y bắt đầu cảm nhận sự sống của Thái dương Thượng đế khi nó biểu hiện qua bảy hệ hành tinh, chúng ta sẽ chạm đến tâm thức của Đức Hành Tinh Thượng Đế thuộc hệ hành tinh riêng của chúng ta, Đấng đang phần nào cảm nhận các rung động hợp nhất của sự sống của bảy Thái dương Thượng đế.

Webinar Program 18 – Rule 10.2

Bringing the analogy down closer still, the human kingdom itself is an analogous state of consciousness to the human unit through its subjective force existence, and from the standpoint of consciousness provides “the waters of space” in which a human being thrives and grows. Again, we are met in the fourth kingdom with expressions of the same seven forces, and as man awakens to a recognition of the seven rays or types, and begins to work consciously with them, he is taking the first step towards transcending them and controlling them [276] within his field of operation. This is now taking place. Knowledge of the seven ray types is beginning to permeate among the thinkers of the race and this knowledge was in past

Đưa sự tương đồng xuống gần hơn nữa, chính giới nhân loại là một trạng thái tâm thức tương tự đối với đơn vị con người qua sự hiện hữu mãnh lực chủ quan của nó, và theo quan điểm tâm thức, cung cấp “nước của không gian” trong đó một con người sinh trưởng và lớn lên. Một lần nữa, trong giới thứ tư, chúng ta gặp các biểu hiện của cùng bảy mãnh lực; và khi con người thức tỉnh để nhận biết bảy cung hay bảy loại, và bắt đầu làm việc một cách có ý thức với chúng, y đang thực hiện bước đầu tiên để vượt lên trên chúng và kiểm soát chúng [276] trong phạm vi hoạt động của mình. Điều này hiện đang diễn ra. Tri thức về bảy loại cung đang bắt đầu thấm vào những người tư tưởng của nhân loại, và tri thức này

aeons the prerogative of the initiates of the time. Held latent in the astrological presentation is that information which will lead disciples to realization, and which will put them en rapport with the seven planetary schemes. Real developments in astrology may not be looked for, however, until the New Age is really with us and the new orientation achieved.

trong các thời đại đã qua là đặc quyền của các điểm đạo đồ thời ấy. Được giữ tiềm tàng trong sự trình bày chiêm tinh là thông tin sẽ dẫn các đệ tử đến sự chứng nghiệm và đặt họ vào mối liên hệ hòa hợp với bảy hệ hành tinh. Tuy nhiên, không thể mong đợi những phát triển thực sự trong chiêm tinh học cho đến khi Kỷ Nguyên Mới thật sự ở cùng chúng ta và sự định hướng mới đã đạt được.

The form of humanity is completed. Its right placement within the womb of matter is the objective of the Hierarchy, with all the consequent implications. Note these words. The need at this time is terrific, and the soul is at the birthing in humanity as a whole. Cosmically speaking, if right direction of the forces of the human kingdom is now achieved, there will be manifested on the earth a humanity which will manifest a purpose, a beauty and a form which will be full expressions of an inner spiritual reality and in line with egoic purpose. Other eventualities can be sensed as sadly possible but these we will not consider for it is the hope and the belief of the watching Brothers that men will transcend all undesirable eventualities and make the goal. One word here, and one hint. The Hierarchy of the planet constitutes symbolically the head centre of humanity and their forces constitute the brain forces. On the physical plane are a large band of aspirants, probationary disciples and accepted disciples who are seeking to be responsive to the "head centre", some consciously, others unconsciously. They are gathered from all fields of expression but are all creative in some way or other. They in their turn constitute what might be symbolically called the "pineal gland" of humanity. As in individual man this is usually dormant and asleep, so, in humanity, this group of cells within the brain of the body corporate is dormant, [277] but thrilling to the

Hình tướng của nhân loại đã hoàn tất. Việc đặt nó đúng vị trí trong lòng mẹ của vật chất là mục tiêu của Thánh Đoàn, cùng với mọi hàm ý theo sau. Hãy ghi nhận những lời này. Nhu cầu vào lúc này thật khủng khiếp, và linh hồn đang đi đến cuộc sinh nở trong toàn thể nhân loại. Nói theo vũ trụ, nếu hiện nay đạt được sự định hướng đúng đắn các mãnh lực của giới nhân loại, thì trên Trái Đất sẽ biểu hiện một nhân loại biểu lộ một mục đích, một vẻ đẹp và một hình tướng vốn là những biểu hiện trọn vẹn của một thực tại tinh thần bên trong và phù hợp với mục đích chân ngã. Có thể cảm nhận những khả năng khác như những điều đáng buồn có thể xảy ra, nhưng chúng ta sẽ không xét đến chúng, vì niềm hy vọng và niềm tin của các Huynh Đệ đang quan sát là con người sẽ vượt lên trên mọi khả năng bất hảo và đạt được mục tiêu. Ở đây có một lời, và một gợi ý. Thánh Đoàn của hành tinh, về mặt biểu tượng, cấu thành trung tâm đầu của nhân loại, và các mãnh lực của các Ngài cấu thành các mãnh lực của bộ não. Trên cõi hồng trần có một đoàn đông đảo gồm những người chí nguyện, các đệ tử dự bị và các đệ tử được chấp nhận, đang tìm cách đáp ứng với "trung tâm đầu", một số có ý thức, số khác vô thức. Họ được quy tụ từ mọi lĩnh vực biểu hiện, nhưng tất cả đều sáng tạo theo cách này hay cách khác. Đến lượt họ, họ cấu thành điều có thể gọi một cách biểu tượng là "tuyến tùng" của nhân loại. Như nơi con người cá biệt, tuyến này thường bất động và ngủ yên, thì trong nhân loại, nhóm tế bào

vibrations of the head centre—the occult Hierarchy. Some of the cells are awake. Let them intensify their endeavour and so awaken others. The pioneers of the human family, the scientists, thinkers and artists constitute the pituitary body. They express the concrete mind but lack that intuitive perception and idealism which would place them (symbolically speaking) in the pineal gland; they are nevertheless brilliant, expressive and investigating. The objective of the Hierarchy (again symbolically speaking) is to make the pineal gland so potent and, therefore, so attractive that the pituitary body of cell lives may be stimulated and thus a close interplay be brought about. This will lead to such potent action that there will be a streaming forth of new cells to the pineal gland and at the same time such a strong reaction set up that the entire body will be affected, resulting in the streaming upward of many stimulated lives to take the places of those who are finding their way into the centre of hierarchical endeavour.

này bên trong bộ não của cơ thể tập thể cũng bất động, [277] nhưng đang rung cảm trước các rung động của trung tâm đầu — Thánh Đoàn huyền bí. Một số tế bào đã thức tỉnh. Hãy để họ tăng cường nỗ lực của mình và nhờ vậy đánh thức những người khác. Những người tiên phong của gia đình nhân loại, các nhà khoa học, nhà tư tưởng và nghệ sĩ, cấu thành tuyến yên. Họ biểu lộ trí cụ thể nhưng thiếu sự tri nhận trực giác và chủ nghĩa lý tưởng vốn sẽ đặt họ, nói theo biểu tượng, vào tuyến tùng; tuy nhiên họ vẫn rực sáng, giàu khả năng biểu hiện và đầy tinh thần khảo sát. Mục tiêu của Thánh Đoàn, lại nói theo biểu tượng, là làm cho tuyến tùng trở nên mạnh mẽ đến mức, do đó, có sức hấp dẫn đến mức, tuyến yên của các sự sống tế bào có thể được kích thích và nhờ vậy tạo nên một sự tương tác mật thiết. Điều này sẽ dẫn đến một hoạt động mạnh mẽ đến nỗi sẽ có một dòng các tế bào mới tuôn chảy đến tuyến tùng, đồng thời tạo nên một phản ứng mạnh đến mức toàn thể cơ thể sẽ chịu ảnh hưởng, đưa đến sự tuôn chảy hướng thượng của nhiều sự sống được kích thích để thay thế những sự sống đang tìm đường đi vào trung tâm của nỗ lực Thánh Đoàn.

The “waters of space”, in which this re-orientation and reversal of tendencies is progressing, are in a state of violent turmoil. The vortex of conflicting desire in which men find themselves is now chaotic and so potent that these waters are stirred to the very depths. Students of modern history and of social order are faced with an unprecedented condition, corresponding in the corporate body of humanity to that upheaval in the life of an individual aspirant which always precedes the passing onto the Path of Discipleship. Hence there is no cause for depression or undue anxiety, but only ardent desire that the transition may be made in due time and order and be neither too rapid—hence destructive to all right ties

“Các dòng nước của không gian”, trong đó sự tái định hướng và đảo ngược các khuynh hướng này đang tiến triển, đang ở trong tình trạng xáo động dữ dội. Vòng xoáy của dục vọng xung đột, trong đó con người đang thấy mình bị cuốn vào, hiện nay hỗn loạn và mạnh đến mức các dòng nước này bị khuấy động tận đáy sâu. Các đạo sinh nghiên cứu lịch sử hiện đại và trật tự xã hội đang đối diện với một tình trạng chưa từng có, tương ứng trong cơ thể tập thể của nhân loại với cuộc chấn động trong đời sống của một người chí nguyện cá biệt, vốn luôn luôn đi trước việc bước sang Con Đường Đệ Tử. Vì thế, không có lý do gì để chán nản hay lo âu quá mức, mà chỉ cần có ước vọng nồng nhiệt rằng sự chuyển tiếp có thể được thực hiện

and affiliations—nor too prolonged and so strain beyond endurance the sorely tried fabric of humanity. All new manifestations in all kingdoms in all ages must come slowly, and therefore safely, to the birthing. [278] All new forms, if they are ultimately to carry weight and gather adequate momentum to carry them through their life cycle, must be built in silent subjectivity, in order that the building may be strong and sure and the inner contact with the creator (human or divine) and true conformity to the pattern may be substantial and unbreakable. This is true of a universe, a kingdom in nature, or a thought-form created by a human thinker.

đúng thời và đúng trật tự, không quá nhanh — vì như vậy sẽ phá hoại mọi mối liên kết và liên hệ đúng đắn — cũng không quá kéo dài, khiến kết cấu nhân loại vốn bị thử thách đau đớn phải căng ra quá sức chịu đựng. Mọi biểu hiện mới trong mọi giới và mọi thời đại đều phải đi đến cuộc sinh nở một cách chậm rãi, và do đó an toàn. [278] Mọi hình tướng mới, nếu cuối cùng phải có trọng lượng và tích lũy đủ đà để mang chúng đi qua chu kỳ sống của mình, đều phải được xây dựng trong tính chủ quan thầm lặng, để công trình xây dựng có thể vững mạnh và chắc chắn, và để sự tiếp xúc bên trong với đấng sáng tạo, dù là con người hay thiêng liêng, cùng sự phù hợp chân thực với mô hình, có thể trở nên bền vững và không thể phá vỡ. Điều này đúng với một vũ trụ, một giới trong thiên nhiên, hoặc một hình tư tưởng do một con người tư duy tạo ra.

In all form-building the technique of construction remains basically the same, and the rules and realizations may be summed up in the following aphoristic phrases.

Trong mọi sự xây dựng hình tướng, kỹ thuật kiến tạo về cơ bản vẫn như nhau, và các quy luật cùng những chứng nghiệm có thể được tóm lược trong các câu cách ngôn sau đây.

Let the creator know himself to be the builder, and not the building.

Hãy để đấng sáng tạo biết mình là đấng kiến tạo, chứ không phải là công trình được kiến tạo.

Let him desist from dealing with the raw material on the physical plane, and let him study the pattern and the blue prints, acting as the agent of the Divine Mind.

Hãy để y ngừng xử lý nguyên liệu thô trên cõi hồng trần, và hãy để y nghiên cứu mô hình cùng các bản thiết kế, hành động như tác nhân của Trí Thiêng Liêng.

Let him use two energies and work with three laws. These are the dynamic energy of purpose, conforming to the Plan, and the magnetic energy of desire, drawing the builders to the centre of endeavour.

Hãy để y sử dụng hai năng lượng và làm việc với ba định luật. Đó là năng lượng năng động của mục đích, phù hợp với Thiên Cơ, và năng lượng từ tính của dục vọng, thu hút các đấng kiến tạo về trung tâm nỗ lực.

Let these three laws hold sway, the law of synthetic limitation, of vibratory interplay,

Hãy để ba định luật này nắm quyền: định luật của sự giới hạn tổng hợp, của sự tương

and of active precipitation. The one concerns the life, the second concerns the building, and the third produces manifested existence.

tác rung động, và của sự ngưng tụ tích cực. Định luật thứ nhất liên quan đến sự sống, định luật thứ hai liên quan đến việc xây dựng, và định luật thứ ba tạo ra sự tồn tại biểu hiện.

Let him deal first with the outer builders, sending his call to the periphery of his circle of influence.

Hãy để y trước hết làm việc với các đấng kiến tạo bên ngoài, gửi tiếng gọi của mình đến chu vi của vòng ảnh hưởng của y.

Let him set the waters of living substance in motion by his idea and impulse, bending the builders to his purpose and plan.

Hãy để y đặt các dòng nước của chất liệu sống vào chuyển động bằng ý tưởng và xung lực của mình, uốn các đấng kiến tạo theo mục đích và Thiên Cơ của y.

Let him build with judgment and with skill, preserving always the “stool of the director” and coming not down into close contact with his thought-form.

Hãy để y xây dựng với phán đoán và kỹ năng, luôn giữ “chiếc ghế của người điều khiển” và không đi xuống để tiếp xúc quá gần với hình tư tưởng của mình.

Let him project, in time and space, his form through [279] visualization, meditation and skill in action, and so produce that which his will commands, his love desires, and his need creates.

Hãy để y phóng chiếu hình tướng của mình trong thời gian và không gian qua [279] sự hình dung, tham thiền và kỹ năng trong hành động, và nhờ vậy tạo ra điều mà ý chí của y truyền lệnh, tình thương của y mong muốn, và nhu cầu của y tạo thành.

Let him withdraw the builders of the outer form, and let the inner builders of dynamic force push it forth into manifestation. Through the eye of the creator are these inner builders brought to functioning, directed action. Through the word of the creator were the outer builders guided. Through the ear of the creator the volume of the greater Word vibrates through the waters of space.

Hãy để y rút lui các đấng kiến tạo của hình tướng bên ngoài, và hãy để các đấng kiến tạo bên trong của mãnh lực năng động đẩy nó ra ngoài vào biểu hiện. Qua con mắt của đấng sáng tạo, các đấng kiến tạo bên trong này được đưa vào hoạt động có định hướng. Qua lời của đấng sáng tạo, các đấng kiến tạo bên ngoài đã được hướng dẫn. Qua tai của đấng sáng tạo, âm lượng của Linh từ lớn hơn rung động qua các dòng nước của không gian.

Let him remember the order of creative work. The waters of space respond to the word. The builders build. The cycle of creation ends and the form is adequate in manifestation. The cycle of performance

Hãy để y nhớ trật tự của công việc sáng tạo. Các dòng nước của không gian đáp ứng với lời. Các đấng kiến tạo xây dựng. Chu kỳ sáng tạo kết thúc và hình tướng trở nên đầy đủ trong biểu hiện. Chu kỳ hoạt động kế tiếp, và

succeeds and depends for its duration on the potency of the inner builders, who constitute the subjective form and transmit the vitalising life.

thời gian kéo dài của nó tùy thuộc vào quyền năng của các đấng kiến tạo bên trong, vốn cấu thành hình tướng chủ quan và truyền dẫn sự sống tiếp sinh lực.

Let him remember that the cessation of the form ensues when purpose is achieved, or when impotency of will produces failure of functioning in the cycle of performance.

Hãy để y nhớ rằng sự chấm dứt của hình tướng xảy ra khi mục đích đã đạt được, hoặc khi sự bất lực của ý chí tạo ra thất bại trong chức năng hoạt động của chu kỳ thực hiện.

Students would do well to study these cycles of creative building, of performance and of subsequent disintegration. They are true of a solar system, of a human being, and of the thought-forms of a creative thinker. The secret of all beauty lies in the right functioning of these cycles. The secret of all success on the physical plane lies in right understanding of law and of order. For the aspirant the goal of his endeavour is the correct building of forms in mental matter remembering that "as a man thinketh so is he"; that for him the control of mental substance and its use in clear thinking is an essential to progress.

Các đạo sinh nên nghiên cứu kỹ các chu kỳ xây dựng sáng tạo, hoạt động và tan rã theo sau. Chúng đúng với một hệ mặt trời, một con người, và các hình tư tưởng của một nhà tư tưởng sáng tạo. Bí mật của mọi vẻ đẹp nằm trong sự vận hành đúng đắn của các chu kỳ này. Bí mật của mọi thành công trên cõi hồng trần nằm trong sự thấu hiểu đúng đắn về định luật và trật tự. Đối với người chí nguyện, mục tiêu nỗ lực của y là xây dựng đúng đắn các hình tướng trong vật chất cõi trí, luôn nhớ rằng "con người nghĩ thế nào thì y là như thế"; rằng đối với y, việc kiểm soát chất liệu cõi trí và sử dụng nó trong tư tưởng rõ ràng là điều thiết yếu cho sự tiến bộ.

This will demonstrate in organization of the outer life, [280] in creative work of some kind—a book written, a picture painted, a home functioning rhythmically, a business run along sound and true lines, a life salvaged, and the outer dharma carried out with precision, whilst the inner adjustments proceed in the silence of the heart.

Điều này sẽ biểu lộ trong việc tổ chức đời sống bên ngoài, [280] trong công việc sáng tạo thuộc một loại nào đó — một quyển sách được viết ra, một bức tranh được vẽ, một mái nhà vận hành theo nhịp điệu, một doanh nghiệp được điều hành theo những đường lối lành mạnh và chân chính, một đời sống được cứu vãn, và bổn phận bên ngoài được thực hiện chính xác, trong khi các điều chỉnh bên trong tiến hành trong sự im lặng của trái tim.

For the disciple, the work extends. For him there has to be realization of the group plan and purpose and not simply of his own individual spiritual problem. There has to be conformity to the purpose for his immediate

Đối với đệ tử, công việc mở rộng hơn. Đối với y, cần có sự chứng nghiệm Thiên Cơ và mục đích của nhóm, chứ không chỉ đơn giản là vấn đề tinh thần cá biệt của riêng y. Cần có sự phù hợp với mục đích của chu kỳ và giai

cycle and life period; the subordinating of his personal dharma and ideas to the need and service of that cycle. For him there has to be that attainment of knowledge, of strength, and of coordination between the personal self and the soul which will result in ability to build organized forms and groups on the physical plane and to hold them coherently together. This he does, not through the force of his own character and equipment but because that character and equipment enable him to act as a transmitter of the greater life energies and to serve as an efficient cooperator with a plan of which he can only vision a fragment. He works, however, faithfully at the building of his aspect of the great plan and finds one day when the building is completed and he sees the whole, that he has built true to design and in conformity with the blue prints as they have been carried in the minds of the architects (the Elder Brothers) who—in Their turn—are in touch with the Mind of the one Existence.

đoạn đời sống trước mắt của y; sự đặt bổn phận và ý tưởng cá nhân của y dưới nhu cầu và sự phụng sự của chu kỳ ấy. Đối với y, cần có sự đạt được tri thức, sức mạnh và sự phối hợp giữa bản ngã cá nhân và linh hồn, điều này sẽ đưa đến khả năng xây dựng các hình tướng và nhóm có tổ chức trên cõi hồng trần, và giữ chúng kết hợp với nhau một cách mạch lạc. Y làm điều này, không phải nhờ mãnh lực của tính cách và trang bị riêng của mình, mà vì tính cách và trang bị ấy cho phép y hành động như một người truyền dẫn các năng lượng sự sống lớn hơn, và phụng sự như một cộng tác viên hữu hiệu với một Thiên Cơ mà y chỉ có thể thấy được một mảnh nhỏ. Tuy nhiên, y làm việc trung thành trong việc xây dựng phương diện của mình trong Thiên Cơ lớn, và một ngày kia, khi công trình đã hoàn tất và y thấy được toàn thể, y nhận ra rằng mình đã xây dựng đúng theo thiết kế và phù hợp với các bản thiết kế như chúng đã được giữ trong trí của các kiến trúc sư, tức các Huynh Trưởng, những Đấng — đến lượt các Ngài — đang tiếp xúc với Trí của Đấng Hiện Tồn Duy Nhất.

The practical application of these truths is of utmost importance. There is no life so circumscribed and no person so situated who cannot begin to work intelligently and to build thought-forms under law and with understanding. There is no day in any man's life, particularly if he is an aspirant or a disciple, when a man cannot work in mental matter, control his use of thought, watch the effect of his mental processes on those he contacts, and [281] so handle his "chitta" or mind-stuff (as Patanjali calls it) that he becomes more and more useful.

Việc áp dụng thực tiễn những chân lý này có tầm quan trọng tối thượng. Không có đời sống nào bị giới hạn đến mức, và không có người nào ở trong hoàn cảnh đến mức, không thể bắt đầu làm việc một cách thông minh và xây dựng các hình tư tưởng theo định luật và với sự thấu hiểu. Không có ngày nào trong đời sống của bất cứ người nào, đặc biệt nếu y là người chí nguyện hay đệ tử, mà y không thể làm việc trong vật chất cõi trí, kiểm soát cách dùng tư tưởng của mình, quan sát ảnh hưởng của các tiến trình trí tuệ của y trên những người y tiếp xúc, và [281] nhờ vậy xử lý "chitta" hay chất liệu cõi trí của mình, như Patanjali gọi, để y ngày càng trở nên hữu ích hơn.

Webinar Program 19 – Rule 10.3

The Centres, Energies and Rays

There are two connections in which this Rule Ten can be studied and thereby results of practical value can be achieved. We can study it from the standpoint of the work which the soul does in relation to its instrument, the human being, and we can also study it from the standpoint of organisation work and of that form-building which the disciple does in relation to his service for the Hierarchy.

Có hai mối liên hệ trong đó Quy luật Mười này có thể được nghiên cứu, và nhờ vậy có thể đạt được những kết quả có giá trị thực tiễn. Chúng ta có thể nghiên cứu nó từ lập trường của công việc mà linh hồn thực hiện trong liên hệ với khí cụ của nó, tức con người, và chúng ta cũng có thể nghiên cứu nó từ lập trường của công việc tổ chức và của việc xây dựng hình tướng mà đệ tử thực hiện trong liên hệ với sự phụng sự của y cho Thánh Đoàn.

Back of the outer form of a human being, responsible for its creation, its maintenance and its use, lies, we know, the soul. Back of all activity for the furthering of human evolution as well as of other evolutionary processes stands the Hierarchy. Both represent centres of energy; both work under Law creatively; both proceed from subjective activity to objective manifestation and both are responsive (in the great sequence of graded lives) to vitalisation and stimulation from higher centres of energy. Some of the factors that the disciple has to learn to recognize as his particular series of lives unfolds falls into two main groups, each of them bringing his form aspect under seven types of energy, or influences.

Đằng sau hình tướng bên ngoài của một con người, chịu trách nhiệm về sự tạo thành, duy trì và sử dụng nó, như chúng ta biết, là linh hồn. Đằng sau mọi hoạt động nhằm thúc đẩy tiến hoá nhân loại cũng như các tiến trình tiến hoá khác là Thánh Đoàn. Cả hai đều đại diện cho các trung tâm năng lượng; cả hai đều làm việc một cách sáng tạo dưới Định luật; cả hai đều tiến từ hoạt động chủ quan đến biểu hiện khách quan; và cả hai đều đáp ứng, trong chuỗi lớn của các sự sống được phân cấp, với sự tiếp sinh lực và kích thích từ các trung tâm năng lượng cao hơn. Một số yếu tố mà đệ tử phải học nhận ra khi chuỗi sự sống đặc thù của y khai mở thuộc về hai nhóm chính, mỗi nhóm đưa phương diện hình tướng của y vào dưới bảy loại năng lượng hay ảnh hưởng.

There is first the group of forces which concerns purely the form side, that are the work of the outer Builders, and which are the predominant factors right up to the stage of the Probationary Path. These are the forces inherent in matter itself; they deal with the body nature and might be listed as follows:

Trước hết có nhóm mãnh lực chỉ liên quan đến phương diện hình tướng, là công việc của các Đấng Kiến Tạo bên ngoài, và là các yếu tố chi phối cho đến tận giai đoạn của Con Đường Dự Bị. Đây là các mãnh lực vốn có trong chính vật chất; chúng liên hệ đến bản chất thân thể và có thể được liệt kê như sau:

1. Physical forces. These are due to the life of the cells which constitute the body. This cell life is responsive to the cell life of the environment. Never let it be forgotten that the occultist always sees the correlation [282] between the factors in himself and the corresponding factors in his surroundings. We live in a world of forms. These forms are made up of lives and these lives have their own emanatory and contributory influence. They fall in their turn into three main groups:

1. Các mãnh lực hồng trần. Chúng phát sinh từ sự sống của các tế bào cấu thành thể xác. Sự sống tế bào này đáp ứng với sự sống tế bào của môi trường. Đừng bao giờ quên rằng nhà huyền bí học luôn thấy mối tương quan [282] giữa các yếu tố trong chính mình và các yếu tố tương ứng trong hoàn cảnh chung quanh. Chúng ta sống trong một thế giới của các hình tướng. Các hình tướng này được tạo thành bởi những sự sống, và các sự sống này có ảnh hưởng phát xạ và đóng góp riêng của chúng. Đến lượt chúng, chúng rơi vào ba nhóm chính:

a. Those emanations, which issuing from the cells themselves and dependent upon their quality, produce a good or a bad effect, are coarsening or refining in their influence, and raise or lower the physical vibration of the united cell body. Thus, as we well know, the physical effect of a coarse brutal animal natured man will be different to that of the refined beautifying results of contact with an older soul, functioning in a body, cultured, clean, disciplined and purified.

a. Những phát xạ xuất ra từ chính các tế bào và tùy thuộc vào phẩm tính của chúng, tạo ra một hiệu quả tốt hoặc xấu, có ảnh hưởng làm thô trược hoặc tinh luyện, và nâng cao hoặc hạ thấp rung động hồng trần của cơ thể tế bào hợp nhất. Như chúng ta đều biết rõ, ảnh hưởng hồng trần của một người có bản chất thú tính thô bạo sẽ khác với những kết quả tinh luyện và làm đẹp phát sinh từ sự tiếp xúc với một linh hồn già dặn hơn, đang vận hành trong một thể xác có văn hóa, sạch sẽ, kỷ luật và thanh lọc.

b. Those emanations, of a purely physical kind which are responsible for that chemical affinity between one animal body and another which produces the coming together of the sexes. It is an aspect of animal magnetism and is the response of the cells to the call of other cells, acting under the Law of Attraction and Repulsion. It is shared by man with the animals, and is instinctive and free from all mental reactions.

b. Những phát xạ thuộc loại thuần túy hồng trần, chịu trách nhiệm về ái lực hóa học giữa một thân thể động vật này với một thân thể động vật khác, tạo nên sự đến với nhau của hai giới. Đó là một phương diện của từ tính động vật và là sự đáp ứng của các tế bào trước tiếng gọi của các tế bào khác, hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Con người chia sẻ điều này với loài vật, và nó thuộc bản năng, không có mọi phản ứng trí tuệ.

c. Those forces or emanations, which are the response of the cells to harmonious rhythms and therefore dependent upon the cell having in itself something of that to which it responds. These emanations are little

c. Những mãnh lực hay phát xạ là sự đáp ứng của các tế bào đối với các nhịp điệu hài hòa, và do đó tùy thuộc vào việc tế bào có trong chính nó điều gì đó thuộc về cái mà nó đáp ứng. Những phát xạ này hiện vẫn còn ít được

understood as yet, but will increasingly come to the fore as the race progresses. This type of force is that mysterious something which enables the physical body to recognise as harmonious or congenial a physical surrounding or environment, for instance. It is that undefinable reaction which results in two human beings (apart [283] from all sex attraction, for people of the same sex experience it with each other) having a harmonious effect physically upon each other. This is, on the outer plane, the esoteric basis for all group relation, and it is the understanding of these emanations that enables the isolation and segregation of races to be carried forward under the great evolutionary plan.

thấu hiểu, nhưng sẽ ngày càng nổi bật khi nhân loại tiến bộ. Loại mãnh lực này là điều gì đó huyền nhiệm cho phép thể xác nhận biết một môi trường hay hoàn cảnh hồng trần là hài hòa hoặc thích hợp, chẳng hạn. Đó là phản ứng không thể định nghĩa, đưa đến việc hai con người, ngoài [283] mọi hấp dẫn giới tính, vì những người cùng giới cũng trải nghiệm điều đó với nhau, có ảnh hưởng hài hòa về mặt hồng trần đối với nhau. Trên cõi bên ngoài, đây là nền tảng huyền bí cho mọi quan hệ nhóm, và chính sự thấu hiểu các phát xạ này cho phép việc cô lập và phân tách các giống dân được tiến hành dưới Thiên Cơ tiến hoá vĩ đại.

These three might be described as the *quality* of the cell forces operating entirely on the physical plane which produce a peculiar type of physical body, the *magnetic attraction* between two physical bodies, and the *racial types*. These three factors guide the Manu of the race as He builds a new race and impresses the outer Builders with His ideas. They also guide a Master of the Wisdom as He builds His physical body at will for the carrying forward of His work in any time or place. These emanations should, in measure, be understood somewhat by all those engaged in forming organisations and groups for active service in the world. What, should the disciple ask himself, should be the vibratory quality of the cells of that body, of the individuals who compose it? What should be the quality of its attractive force, and of the magnetic effect it is to have in the world? What does the group possess through the medium of its corporate units which will put it en rapport with other groups and so make it harmonious in its relations with them? These questions

Ba điều này có thể được mô tả như *phẩm tính* của các mãnh lực tế bào hoạt động hoàn toàn trên cõi hồng trần, tạo ra một kiểu thể xác đặc thù, *sự hấp dẫn từ tính* giữa hai thể xác, và *các kiểu mẫu giống dân*. Ba yếu tố này hướng dẫn Đức Manu của giống dân khi Ngài xây dựng một giống dân mới và in khắc các ý tưởng của Ngài lên các Đấng Kiến Tạo bên ngoài. Chúng cũng hướng dẫn một Chân sư Minh Triết khi Ngài xây dựng thể xác của Ngài theo ý chí để xúc tiến công việc của Ngài ở bất cứ thời gian hay nơi chốn nào. Ở một mức độ nào đó, những phát xạ này nên được tất cả những ai tham gia vào việc hình thành các tổ chức và nhóm để phụng sự tích cực trong thế gian thấu hiểu phần nào. Đệ tử nên tự hỏi: phẩm tính rung động của các tế bào trong cơ thể ấy, tức các cá nhân cấu thành nó, nên là gì? Phẩm tính của mãnh lực hấp dẫn của nó, và của hiệu quả từ tính mà nó phải có trong thế gian, nên là gì? Nhóm sở hữu điều gì qua trung gian các đơn vị tập thể của nó, điều sẽ đưa nó vào sự hòa điệu với các nhóm khác và nhờ vậy làm cho nó hài hòa trong các quan hệ với họ? Những câu hỏi

warrant careful attention and should be considered by all group builders.

2. Vital forces. These are often regarded by the materialists as intangible and therefore not material at all. But the occultist regards the etheric medium as a form or aspect of matter and as relatively tangible as the outer objective form. To him the ether of space, which term necessarily includes the etheric form of all bodies, the [284] astral or emotional sentient body and the mental body, constituted of mind-stuff, are all of them material and are the substance of the form side of life. As the basis of correct understanding, it should be noted that the cell life to which we have above referred is coordinated, influenced and vitalised by the blood stream, that intricate system which interpenetrates every part of the body, is responsible for its welfare and demonstrates in a manner not yet truly comprehended the fact that the "blood is the life". The blood is an aspect of energy, as is the sap in the vegetable kingdom.

The sympathetic nervous system, that marvellous apparatus of sensation, is closely related to the emotional or astral body. The contact is made via the solar plexus, just as the vitality, governing the quality of the blood stream, makes its contact via the heart. In the heart is the centre of physical plane existence. The cerebrospinal system works in close relation to the chitta or mind stuff. Therefore we have the following to consider:

này đáng được chú ý cẩn thận và nên được mọi người xây dựng nhóm xem xét.

2. Các mãnh lực sinh lực. Chúng thường bị các nhà duy vật xem là không thể sờ thấy và do đó hoàn toàn không thuộc vật chất. Nhưng nhà huyền bí học xem môi trường dĩ thái như một hình tướng hay phương diện của vật chất, và tương đối có thể sờ thấy như hình tướng khách quan bên ngoài. Đối với y, dĩ thái của không gian, thuật ngữ này tất nhiên bao gồm hình tướng dĩ thái của mọi thể, thể [284] cảm dục hay thể cảm thụ xúc cảm, và thể trí được cấu thành bằng chất liệu cõi trí, tất cả đều là vật chất và là chất liệu của phương diện hình tướng của sự sống. Như nền tảng cho sự thấu hiểu đúng đắn, cần lưu ý rằng sự sống tế bào mà chúng ta đã nói đến ở trên được phối hợp, ảnh hưởng và tiếp sinh lực bởi dòng máu, hệ thống phức tạp thâm nhập mọi phần của cơ thể, chịu trách nhiệm cho sự an lành của nó, và biểu lộ theo một cách chưa được thật sự thấu hiểu sự kiện rằng "máu là sự sống". Máu là một phương diện của năng lượng, cũng như nhựa sống trong giới thực vật.

Hệ thần kinh giao cảm, bộ máy cảm giác kỳ diệu ấy, liên hệ mật thiết với thể xúc cảm hay thể cảm dục. Sự tiếp xúc được tạo qua tùng thái dương, cũng như sinh lực, vốn chi phối phẩm tính của dòng máu, tạo sự tiếp xúc qua tim. Trong tim là trung tâm của sự tồn tại trên cõi hồng trần. Hệ não-tủy hoạt động trong liên hệ mật thiết với chitta hay chất liệu cõi trí. Vì thế, chúng ta có những điều sau đây để xem xét:

1. Sự sống tế bào	Dòng máu	Luân xa tim	Tuyến ức.
1. Cell life	*Blood stream*	*Heart centre*	*Thymus gland.*

2. Sự sống giác quan	Hệ thần kinh giao cảm	Luân xa tùng thái dương	Tuyến tụy.
2. Sensory life	*Sympathetic nervous system*	*Solar plexus centre*	*Pancreas.*
3. Sự sống trí tuệ	Hệ não–tủy sống	Luân xa ajna	Tuyến yên
3. Mental life	*Cerebro-spinal system*	*Ajna centre*	*Pituitary body*
4. Sự sống sinh lực	Bảy trung tâm		Lá lách.
4. Vital life	*Seven centres*		*Spleen.*

This, as you see, governs the manifestations of the quaternary, but there are other aspects of humanity which manifest through the objective form and which complete the entire man and make the seven of his manifold objective existence.

Như các bạn thấy, điều này chi phối các biểu hiện của bộ tứ, nhưng có những phương diện khác của nhân loại biểu hiện qua hình tướng khách quan, hoàn tất toàn thể con người và tạo nên con số bảy của sự tồn tại khách quan đa dạng của y.

5. Hữu thức về bản thân	phần trên của bộ não	Luân xa đầu	Tuyến tùng.
5. Self-conscious	*upper brain*	*Head centre*	*Pineal gland.*
6. Tự biểu lộ	phần dưới của bộ não	Luân xa cổ họng	Tuyến giáp.
6. Self-expression	*lower brain*	*Throat centre*	*Thyroid.*
7. Tự duy trì nòi giống	các cơ quan sinh dục	Luân xa xương cùng	Các cơ quan sinh sản.
7. Self-perpetuation	*sex organs*	*Sacral centre*	*Reproductive organs.*
8. Tự khẳng định	toàn bộ con người	Luân xa ở đáy cột sống	Các tuyến thượng thận.

8. Self-assertion	*entire man*	*Centre at base of spine*	*Adrenals.*

[285] You will notice that eight factors are here enumerated, and it is here that many of the schools go astray. The heading 'vital life' is a comprehensive one, but it must be remembered that it relates entirely to the physical vitalisation of man through the lowest aspect of the centres. This vital life of the universe of matter enters into the human organism through the spleen.

The centres have three main functions: —

First, to vitalise the physical body.

Second, to bring about the development of self-consciousness in man.

Third, to transmit spiritual energy and sweep the entire man into a state of spiritual being.

The vitality aspect is shared by man with the animals and with all created forms, and his capacity to move freely in a three dimensional world is the outstanding achievement of that aspect. The self-consciousness aspect is the prerogative of the human family. When man has evolved, when all parts of his nervous system, his endocrine system, and his centres are coordinated and working in harmonious rhythm then the highest aspect (the spiritual) makes its presence felt. The spiritual energy and not just the consciousness or sentient energy pours through Man, the instrument of divine Life, and the custodian of forces, to be held and used for the other and lower kingdoms in nature.

[285] Các bạn sẽ nhận thấy rằng tám yếu tố được liệt kê ở đây, và chính ở đây nhiều trường phái đã đi lạc. Đề mục "sự sống sinh lực" là một đề mục bao quát, nhưng cần nhớ rằng nó hoàn toàn liên quan đến sự tiếp sinh lực hồng trần của con người qua phương diện thấp nhất của các trung tâm. Sự sống sinh lực này của vũ trụ vật chất đi vào cơ thể con người qua lá lách.

Các trung tâm có ba chức năng chính: —

Thứ nhất, tiếp sinh lực cho thể xác.

Thứ hai, đem lại sự phát triển ngã thức trong con người.

Thứ ba, truyền dẫn năng lượng tinh thần và cuốn toàn thể con người vào một trạng thái hiện tồn tinh thần.

Phương diện sinh lực được con người chia sẻ với loài vật và với mọi hình tướng được tạo ra, và khả năng di chuyển tự do trong một thế giới ba chiều là thành tựu nổi bật của phương diện đó. Phương diện ngã thức là đặc quyền của gia đình nhân loại. Khi con người đã tiến hoá, khi mọi phần của hệ thần kinh, hệ nội tiết và các trung tâm của y được phối hợp và hoạt động trong nhịp điệu hài hòa, thì phương diện cao nhất, tức phương diện tinh thần, làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận. Năng lượng tinh thần, chứ không chỉ là tâm thức hay năng lượng cảm thụ, tuôn đổ qua Con Người, khí cụ của Sự Sống thiêng liêng và người giữ gìn các mãnh lực, để được nắm giữ và sử dụng cho các giới khác thấp hơn trong thiên nhiên.

The above enumeration might therefore be arranged in the following order. The table gives man as he is intended to be and not as he now is in the course of his evolutionary progress.[286]

Vì thế, bảng liệt kê trên có thể được sắp xếp theo thứ tự sau đây. Bảng này trình bày con người như y được dự định phải trở thành, chứ không phải như y hiện đang là trong tiến trình tiến hoá của mình.[286]

Webinar Program 20 – Rule 10.4

1. Tự khẳng định (phát triển đầy đủ)	bộ bốn đã phối hợp	Luân xa ở đáy cột sống	Các tuyến thượng thận.
1. Self-assertion (full development)	*the coordinated quaternary*	*Centre at base of spine*	*Adrenals.*
2. Tự biểu lộ (công việc sáng tạo)	Phần dưới của bộ não	Luân xa cổ họng	Tuyến giáp.
2. Self-expression (creative work)	*Lower brain*	*Throat centre*	*Thyroid.*
3. Sự sống hữu thức về bản thân (phàm ngã).	Phần trên của Bộ não	Luân xa đầu	Tuyến tùng.
3. Self-conscious life (personality).	*Upper Brain*	*Head centre*	*Pineal gland.*
4. Tự duy trì nòi giống	Các cơ quan sinh dục	Luân xa xương cùng	Các tuyến sinh dục.
4. Self-perpetuation	*Sex organs*	*Sacral centre*	*Sex glands.*
5. Sự sống trí tuệ	Hệ não–tủy sống	Luân xa ajna	Tuyến yên.
5. Mental life	*Cerebro-spinal system*	*Ajna centre*	*Pituitary.*
6. Sự sống giác quan	Hệ thần kinh giao cảm	tùng thái dương	Tuyến tụy.
6. Sensory life	*Sympathetic nervous system*	*Solar plexus*	*Pancreas.*
7. Sự sống tế bào	Dòng máu	Luân xa tim	Tim.
7. Cell life	*Blood stream*	*Heart centre*	*Heart.*

The eighth point, the vital life, functioning through the seven centres and a whole system of lesser chakras and the nadis (which underlie the nerves and are the cause of their existence as the centres are of the glands) is the medium of many forces and energies—some purely physical, others related to the Anima Mundi, the World Soul, and others unknown as yet, because they will only make their presence felt later in the evolutionary programme. They will then express divinity, the energy of the Father or the highest aspect.

Điểm thứ tám, sự sống sinh lực, vận hành qua bảy trung tâm và toàn bộ hệ thống các chakra nhỏ hơn cùng các nadi, vốn nằm dưới các dây thần kinh và là nguyên nhân của sự tồn tại của chúng, cũng như các trung tâm là nguyên nhân của các tuyến, là phương tiện của nhiều mãnh lực và năng lượng — một số thuần túy hồng trần, một số khác liên hệ đến Linh Hồn Thế Giới, và một số khác hiện vẫn chưa được biết, vì chúng chỉ sẽ làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận về sau trong chương trình tiến hoá. Khi ấy, chúng sẽ biểu lộ thiên tính, năng lượng của Cha hay phương diện cao nhất.

It should be noted that the above tabulation pictures the second ray unfoldment, and also that the self referred to is the self-realisation of the spiritual man. The lowest aspect of the vital life of God is the perpetuation of the species, and this is the result of the livingness of the incarnated Life; and the next is simply expressive of the stage when the "I" consciousness is dominant and has reached its consummation in the completed personality. Then comes the expression of the indwelling self, hidden by the personality, through its creative activity of a non-physical character. Finally, we have the assertion or full manifestation of the divine nature. This, curiously enough, can only occur when the lower spinal centre is aroused, when the energy of the material nature is carried by an act of the will up into Heaven, and when therefore the entire nature—material, sensitive or psychic, and the existence aspect—are unified and realised. Meditate upon these words, for they connote the consummation as far as humanity is concerned.

Cần lưu ý rằng bảng trên phác họa sự khai mở cung hai, và cũng cần lưu ý rằng bản ngã được nói đến là sự tự chứng nghiệm của con người tinh thần. Phương diện thấp nhất của sự sống sinh lực của Thượng đế là sự duy trì nòi giống, và đây là kết quả của tính sống động của Sự Sống lâm phàm; phương diện kế tiếp chỉ đơn giản biểu lộ giai đoạn trong đó tâm thức "tôi" chiếm ưu thế và đã đạt đến sự viên mãn trong phàm ngã hoàn tất. Rồi đến sự biểu lộ của bản ngã nội tại, bị phàm ngã che giấu, qua hoạt động sáng tạo có tính chất phi-hồng trần của nó. Cuối cùng, chúng ta có sự khẳng định hay biểu hiện trọn vẹn của bản chất thiêng liêng. Điều này, kỳ lạ thay, chỉ có thể xảy ra khi trung tâm thấp ở cột sống được khơi dậy, khi năng lượng của bản chất vật chất được đưa bằng một hành động của ý chí lên Thiên Đường, và khi do đó toàn bộ bản chất — vật chất, nhạy cảm hay thông linh, và phương diện tồn tại — được hợp nhất và chứng nghiệm. Hãy tham thiền về những lời này, vì chúng hàm ý sự viên mãn xét theo nhân loại.

[287]

[287]

The occult aphorism: "*To will, to know, to dare, and to be silent*", has a special significance not hitherto revealed and at which it is only possible for me to hint. Those of you who have the inner knowledge will comprehend at once.

Câu cách ngôn huyền bí: "*Ý chí, biết, dám làm, và im lặng*", có một thâm nghĩa đặc biệt chưa từng được mặc khải trước đây, và tôi chỉ có thể gợi ý về nó. Những ai trong các bạn có tri thức bên trong sẽ hiểu ngay.

To Will. These words relate to the ultimate achievement, when, by an act of the combined will of the soul and of the lower man, unification and realisation are brought about. It concerns the centre at the base of the spine.

Ý Chí. Những lời này liên quan đến thành tựu tối hậu, khi, bằng một hành động của ý chí phối hợp giữa linh hồn và phàm nhân, sự hợp nhất và chứng nghiệm được tạo nên. Điều này liên quan đến trung tâm ở đáy cột sống.

To Know. These words concern the Ajna centre, the centre between the eyebrows. A hint lies in the words 'Let the Mother know the Father'. It has relation to the marriage in the Heavens.

Biết. Những lời này liên quan đến trung tâm ajna, trung tâm giữa hai lông mày. Một gợi ý nằm trong lời "Hãy để Mẹ biết Cha". Nó liên hệ đến cuộc hôn phối trên Thiên Đường.

To Dare. These words give the clue to the subordination of the personality, and have a close connection with the solar plexus, the great clearing house of desire and of the astral forces, and also the main centre of the transmutative work.

Dám Làm. Những lời này đưa ra chìa khóa cho sự đặt phàm ngã dưới quyền, và có mối liên hệ mật thiết với tùng thái dương, kho trung chuyển lớn của dục vọng và của các mãnh lực cảm dục, đồng thời cũng là trung tâm chính của công việc chuyển hoá.

To Be Silent. This phrase relates to the transmutation of the lower creative energy into the higher creative life. The sacral centre has to relapse into silence.

Im Lặng. Cụm từ này liên quan đến sự chuyển hoá năng lượng sáng tạo thấp thành sự sống sáng tạo cao. Trung tâm xương cùng phải lui vào im lặng.

It will be seen then that for the disciple the following centres are of paramount importance:

Như vậy sẽ thấy rằng đối với đệ tử, các trung tâm sau đây có tầm quan trọng tối thượng:

1. The ajna centre, through which the purified personality expresses itself.

1. Trung tâm ajna, qua đó phàm ngã đã được thanh lọc tự biểu lộ.

2. The centre at the base of the spine, which is the centre through which complete and utter control and coordination is achieved,

2. Trung tâm ở đáy cột sống, là trung tâm qua đó sự kiểm soát và phối hợp hoàn toàn,

through the arousing of the purifying agency of fire.

tuyệt đối được đạt đến, nhờ việc khơi dậy tác nhân thanh lọc của lửa.

3. The sacral centre, wherein the basic force of our particular solar system, the force of attraction of form to form is transmuted, and the attractive force of the soul takes the place of the reproductive creative material activity.[288]

3. Trung tâm xương cùng, nơi mãnh lực căn bản của hệ mặt trời đặc thù của chúng ta, tức mãnh lực hấp dẫn của hình tướng đối với hình tướng, được chuyển hoá, và mãnh lực hấp dẫn của linh hồn thay thế hoạt động vật chất sáng tạo có tính sinh sản.[288]

4. The solar plexus centre which, situated in the centre of the body and being the organ of the astral body and of the lower psychism, gathers together all lower forces and redirects them under the impulse of the soul to their higher repositories.

4. Trung tâm tùng thái dương, nằm ở trung tâm của cơ thể và là cơ quan của thể cảm dục cũng như của thông linh thấp, tập hợp mọi mãnh lực thấp và chuyển hướng chúng, dưới xung lực của linh hồn, đến những kho chứa cao hơn của chúng.

I realise that the teaching given here is both deep and abstruse, but it is needed for the few, and their numbers will increase as time elapses.

Tôi nhận ra rằng giáo huấn được đưa ra ở đây vừa sâu xa vừa khó hiểu, nhưng nó cần thiết cho một số ít người, và số lượng của họ sẽ tăng lên khi thời gian trôi qua.

The complexity of the subject is also increased by the fact that each ray holds within its teaching a different approach and a different method for those souls who are found responsive to its peculiar impulse.

Tính phức tạp của đề tài cũng tăng lên bởi sự kiện rằng mỗi cung giữ trong giáo huấn của nó một cách tiếp cận khác và một phương pháp khác dành cho những linh hồn đáp ứng với xung lực đặc thù của nó.

Webinar Program 21 – Rule 10.5

I give here the seven keys for each of the ray methods. These can be studied in relation to the above tabulations and in connection with the four words we have been considering. We must remember that 'To Will' is the prerogative of Spirit, 'To Know' is the function of the Soul, 'To Dare' is the duty of the personality, and 'To Be Silent' is the ultimate dharma or destiny of the matter aspect, of the animal nature in its interplay with the soul.

Ở đây tôi đưa ra bảy chìa khóa cho từng phương pháp của các cung. Chúng có thể được nghiên cứu trong liên hệ với các bảng trên và trong mối liên hệ với bốn lời mà chúng ta đã xem xét. Chúng ta phải nhớ rằng "Ý Chí" là đặc quyền của Tinh thần, "Biết" là chức năng của Linh hồn, "Dám Làm" là bổn phận của phàm ngã, và "Im Lặng" là dharma hay định mệnh tối hậu của phương diện vật chất, của bản chất động vật trong sự tương tác của nó với linh hồn.

First Ray: — "Let the Forces come together. Let them mount to the High Place, and from that lofty eminence, let the soul look out upon a world destroyed. Then let the word go forth: 'I still persist!'"

Cung Một: — "Hãy để các Mãnh lực hội tụ. Hãy để chúng tiến lên Chốn Cao, và từ đỉnh cao ấy, hãy để linh hồn nhìn ra một thế giới đã bị hủy diệt. Rồi hãy để lời phát ra: 'Tôi vẫn tồn tại!'"

Second Ray: — "Let all the life be drawn to the Centre, and enter thus into the Heart of Love Divine. Then from that point of sentient Life, let the soul realise the consciousness of God. Let the word go forth, reverberating through the silence: 'Naught is but Me!'"

Cung Hai: — "Hãy để mọi sự sống được kéo về Trung Tâm, và như vậy đi vào Trái Tim của Tình Thương Thiêng Liêng. Rồi từ điểm của Sự Sống cảm thụ ấy, hãy để linh hồn chứng nghiệm tâm thức của Thượng đế. Hãy để lời phát ra, vang vọng qua sự im lặng: 'Không gì tồn tại ngoài Tôi!'"

Third Ray: — "Let the Army of the Lord, responsive to the word, cease their activities. Let knowledge end in wisdom. Let the point vibrating become the point quiescent, and all lines gather into One. Let the soul realise the One in Many and let the word go forth in [289] perfect understanding: 'I am the Worker and the Work, the One that Is.'"

Cung Ba: — "Hãy để Đạo Quân của Chúa, đáp ứng với lời, chấm dứt các hoạt động của họ. Hãy để tri thức đạt đến minh triết. Hãy để điểm rung động trở thành điểm tĩnh lặng, và mọi đường quy tụ vào Đấng Duy Nhất. Hãy để linh hồn chứng nghiệm Đấng Duy Nhất trong Nhiều, và hãy để lời phát ra trong [289] sự thấu hiểu hoàn hảo: 'Tôi là Người Hoạt Động và Công Việc, Đấng Duy Nhất Hiện Tồn.'"

Webinar Program 22 – Rule 10.6

Fourth Ray: — "Let the outer glory pass away and the beauty of the inner Light reveal the One. Let dissonance give place to harmony, and from the centre of the hidden Light, let the soul speak: Let the word roll forth: 'Beauty and glory veil me not. I stand revealed. I am.'"

Cung Bốn: — "Hãy để vinh quang bên ngoài qua đi và vẻ đẹp của Ánh Sáng bên trong mặc khải Đấng Duy Nhất. Hãy để bất hòa nhường chỗ cho hài hòa, và từ trung tâm của Ánh Sáng ẩn giấu, hãy để linh hồn nói: Hãy để lời cuộn vang: 'Vẻ đẹp và vinh quang không che phủ tôi. Tôi đứng trong sự mặc khải. Tôi hiện tồn.'"

Fifth Ray: — "Let the three forms of energy electric pass upward to the Place of Power. Let the forces of the head and heart and all the nether aspects blend. Then let the soul look out upon an inner world of light divine. Let the Word triumphant go forth: 'I

Cung Năm: — "Hãy để ba hình tướng của năng lượng điện đi lên Chốn Quyền Năng. Hãy để các mãnh lực của đầu và tim cùng mọi phương diện thấp hòa nhập. Rồi hãy để linh hồn nhìn ra một thế giới bên trong của ánh sáng thiêng liêng. Hãy để Linh từ chiến thắng phát ra: 'Tôi đã làm chủ năng lượng, vì

mastered energy for I am energy Itself. The Master and the mastered are but One.'"

tôi chính là Năng Lượng. Người làm chủ và điều được làm chủ chỉ là Một.'"

Sixth Ray: — "Let all desire cease. Let aspiration end. The search is over. Let the soul realise that it has reached the goal, and from that gateway to eternal Life and cosmic Peace, let the word sound: 'I am the seeker and the sought. I rest!'"

Cung Sáu: — "Hãy để mọi dục vọng chấm dứt. Hãy để khát vọng kết thúc. Cuộc tìm kiếm đã qua. Hãy để linh hồn nhận ra rằng nó đã đạt mục tiêu, và từ cánh cổng ấy dẫn đến Sự Sống vĩnh cửu và Hòa Bình vũ trụ, hãy để lời vang lên: 'Tôi là người tìm kiếm và là điều được tìm kiếm. Tôi an nghỉ!'"

Seventh Ray: — "Let the builders cease their work. The Temple is completed. Let the soul enter into its heritage and from the Holy Place command all work to end. Then in the silence subsequent, let him chant forth the Word: 'The creative work is over. I, the Creator, Am. Naught else remains but Me.'"

Cung Bảy: — "Hãy để các đấng kiến tạo chấm dứt công việc của họ. Đền Thờ đã hoàn tất. Hãy để linh hồn bước vào cơ nghiệp của mình và từ Nơi Thánh truyền lệnh cho mọi công việc kết thúc. Rồi trong sự im lặng tiếp theo, hãy để y xướng lên Linh từ: 'Công việc sáng tạo đã xong. Tôi, Đấng Sáng Tạo, Hiện Tồn. Không còn gì khác ngoài Tôi.'"

The vital forces, which are simply the passing through the outer sheath of the constantly moving ether of space, are of many kinds. One of the concepts, lying back of the astrological theories, is that the etheric body of any form constitutes part of the etheric body of the solar system, and is therefore the medium for the transmission of solar energies, of planetary forces, and of extra-solar or cosmic impulses, esoterically called 'breaths'. These forces and energies of the cosmic rays are constantly circulating and following definite paths through the ether [290] of space in all parts, and are therefore constantly passing through the etheric bodies of every exoteric form. This is a basic truth and must be carefully borne in mind, for its implications are many and varied; but all lead back to the idea of unity, and of the Oneness of all manifestation, only to be known and realised on the subjective side.

Các mãnh lực sinh lực, vốn chỉ là sự lưu chuyển của dĩ thái không gian luôn chuyển động qua lớp vỏ bên ngoài, có nhiều loại. Một trong những quan niệm nằm đằng sau các lý thuyết chiêm tinh là thể dĩ thái của bất cứ hình tướng nào cấu thành một phần của thể dĩ thái của hệ mặt trời, và do đó là phương tiện truyền dẫn các năng lượng thái dương, các mãnh lực hành tinh, và các xung lực ngoài hệ mặt trời hay vũ trụ, được gọi một cách huyền bí là "các hơi thở". Những mãnh lực và năng lượng này của các cung vũ trụ liên tục lưu chuyển và đi theo những đường đi xác định qua dĩ thái [290] của không gian trong mọi phần, và do đó liên tục đi xuyên qua các thể dĩ thái của mọi hình tướng ngoại môn. Đây là một chân lý căn bản và phải được ghi nhớ cẩn thận, vì các hàm ý của nó nhiều và đa dạng; nhưng tất cả đều dẫn trở lại ý tưởng về sự hợp nhất, và về Tính Duy Nhất của mọi biểu hiện, điều chỉ có thể được biết và chứng nghiệm ở phía chủ quan.

The second basic idea is that the response of the etheric vehicle of all forms and its capacity to appropriate, to utilise, and to transmit are dependent upon the condition of the centres, of the chakras, as they are called in the East. These include not only the well known seven major centres but numbers of lesser vortices of force, as yet unnamed and unknown in the occident. It is dependent also upon the quality of the etheric vehicle, upon its aliveness, and also upon the interlacing network in which the centres have their place, and which in its entirety is called 'the web' or the 'golden bowl'. If this is clear of impediments and of sediment, and if its channels are not clogged then the circulating rays, energies and forces can find an easy medium and can circulate unimpeded throughout the entire body. They can then utilise those centres which are responsive to their vibrations, and can be passed on and through to forms in other or the same kingdoms in nature. Here lies the secret of all scientific and occult healing. Healers are experimenting with the etheric body and yet little real knowledge is theirs. They know little or nothing of the centres in their own body through which the magnetic or other currents must flow; they are unaware of the condition of the etheric centres of those they seek to heal and of the nature of the forces they wish to employ. All they can do is to discipline their lives, and so control their appetites that they build a clean body and provide clear channels for the passage of forces from and through themselves to others.

Ý tưởng căn bản thứ hai là sự đáp ứng của vận cụ dĩ thái của mọi hình tướng, cùng khả năng thu nhận, sử dụng và truyền dẫn của nó, tùy thuộc vào tình trạng của các trung tâm, của các chakra, như chúng được gọi ở phương Đông. Chúng bao gồm không chỉ bảy trung tâm chính được biết rõ, mà còn nhiều vòng xoáy mãnh lực nhỏ hơn, hiện chưa được đặt tên và chưa được biết đến ở phương Tây. Điều này cũng tùy thuộc vào phẩm tính của vận cụ dĩ thái, vào tính sống động của nó, và vào mạng lưới đan xen trong đó các trung tâm có vị trí của chúng, và toàn thể mạng lưới ấy được gọi là "tấm lưới" hay "chiếc chén vàng". Nếu mạng lưới này sạch khỏi các chướng ngại và cặn lắng, và nếu các kênh của nó không bị tắc nghẽn, thì các cung, năng lượng và mãnh lực đang lưu chuyển có thể tìm được một phương tiện dễ dàng và có thể lưu thông không bị cản trở khắp toàn thể cơ thể. Khi ấy chúng có thể sử dụng những trung tâm đáp ứng với các rung động của chúng, và có thể được chuyển tiếp đến và xuyên qua các hình tướng trong các giới khác hoặc cùng giới trong thiên nhiên. Ở đây nằm bí mật của mọi phương pháp trị liệu khoa học và huyền bí. Các nhà trị liệu đang thử nghiệm với thể dĩ thái, nhưng họ có rất ít tri thức thực sự. Họ biết rất ít hoặc hầu như không biết gì về các trung tâm trong chính cơ thể mình, qua đó các dòng từ tính hay các dòng khác phải chảy; họ không biết tình trạng của các trung tâm dĩ thái nơi những người họ tìm cách chữa lành, cũng như bản chất của các mãnh lực họ muốn sử dụng. Tất cả những gì họ có thể làm là kỷ luật đời sống của mình, và nhờ vậy kiểm soát các ham muốn, để xây dựng một thể xác trong sạch và cung cấp các kênh thông suốt cho sự đi qua của các mãnh lực từ chính họ, xuyên qua chính họ, đến những người khác.

The third concept to be noted is that forms are, as yet [291] primarily responsive to the

Quan niệm thứ ba cần ghi nhận là các hình tướng hiện nay [291] chủ yếu đáp ứng với

forces which reach them from other forms on the planet, to the seven basic types of energies emanating from the seven planets, and also to the life-giving solar ray. All forms in all the four kingdoms respond to these many forces, to these seven energies and to the one ray. The human family are responsive also to other energies and to solar rays, —all however coloured by the force generated within the solar ring-pass-not.

các mãnh lực đến với chúng từ những hình tướng khác trên hành tinh, với bảy loại năng lượng căn bản phát xạ từ bảy hành tinh, và cũng với cung thái dương ban sự sống. Mọi hình tướng trong cả bốn giới đều đáp ứng với nhiều mãnh lực này, với bảy năng lượng này và với một cung duy nhất. Gia đình nhân loại cũng đáp ứng với những năng lượng khác và với các cung thái dương — tuy nhiên tất cả đều được nhuộm màu bởi mãnh lực phát sinh bên trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời.

Webinar Program 23 – Rule 10.7

The work of the occultist and of the aspirant is to arrive at an understanding of these forces and so learn their nature and their use, their potency and vibratory rate. He has also to learn to recognise their source and be able to differentiate between forces, energies and rays. For the beginner a clear distinction can be made between forces and energies by appreciating the fact that personalities affect us through the forces emanating from their form aspect, but that these same personalities, purified and aligned, can be transmitters of the energies of the soul.

Công việc của nhà huyền bí học và của người chí nguyện là đi đến sự thấu hiểu các mãnh lực này, và nhờ vậy học biết bản chất và cách sử dụng của chúng, quyền năng và tốc độ rung động của chúng. Y cũng phải học nhận ra nguồn gốc của chúng và có khả năng phân biệt giữa các mãnh lực, năng lượng và cung. Đối với người mới bắt đầu, có thể tạo một sự phân biệt rõ ràng giữa mãnh lực và năng lượng bằng cách nhận thức sự kiện rằng các phàm ngã ảnh hưởng đến chúng ta qua các mãnh lực phát xạ từ phương diện hình tướng của họ, nhưng chính các phàm ngã ấy, khi đã được thanh lọc và chỉnh hợp, có thể trở thành những người truyền dẫn các năng lượng của linh hồn.

Broadly speaking, the work of the human kingdom is to transmit energy to the lower kingdoms in Nature, whilst the work of the Hierarchy, in its relation to the human kingdom, is to transmit energies from the spiritual realm, from other planetary centres, and from the solar system. These energies when stepped down for transmission differentiate into forces.

Nói rộng ra, công việc của giới nhân loại là truyền dẫn năng lượng đến các giới thấp hơn trong Thiên nhiên, trong khi công việc của Thánh Đoàn, trong liên hệ với giới nhân loại, là truyền dẫn các năng lượng từ cõi tinh thần, từ các trung tâm hành tinh khác, và từ hệ mặt trời. Khi được hạ giảm để truyền dẫn, các năng lượng này biến phân thành các mãnh lực.

Students must not get confused by the complexity of the subject. They must learn

Các đạo sinh không nên bị rối trí bởi tính phức tạp của đề tài. Họ phải học một số khái

certain large generalisations, and remember that as the omniscience of the soul is tapped, the more detailed knowledge will gradually fall into place.

quát lớn, và nhớ rằng khi sự toàn tri của linh hồn được khai thông, tri thức chi tiết hơn sẽ dần dần rơi vào đúng vị trí.

The other types of energy which concern the first two main groups with which the aspirant has to deal are related entirely to the form side. The third and succeeding groups are: [292]

Các loại năng lượng khác liên quan đến hai nhóm chính đầu tiên mà người chí nguyện phải xử lý đều hoàn toàn liên hệ với phương diện hình tướng. Nhóm thứ ba và các nhóm kế tiếp là: [292]

3. Astral energy.

3. Năng lượng cảm dục.

4. The energy of the lower concrete mind, of the chitta, the mind-stuff.

4. Năng lượng của hạ trí cụ thể, của chitta, tức chất liệu cõi trí.

5. The energy of the Personality.

5. Năng lượng của Phàm ngã.

6. Planetary energy.

6. Năng lượng hành tinh.

7. Solar energy, or the Life Breath.

7. Năng lượng thái dương, hay Hơi Thở Sự Sống.

These can be subdivided as follows:

Chúng có thể được phân chia như sau:

3. *Astral Energy.* Emanating from:

3. *Năng Lượng Cảm Dục.* Phát xuất từ:

a. A man's own astral or sentient body.

a. Thể cảm dục hay thể cảm thụ của chính một người.

b. The human family as a whole.

b. Gia đình nhân loại như một toàn thể.

c. The astral plane in the large sense.

c. Cõi cảm dục theo nghĩa rộng.

d. The 'heart of the Sun'.

d. "Trái tim của Mặt Trời".

4. *Mental Energy.* Emanating from:

4. *Năng Lượng Trí Tuệ.* Phát xuất từ:

a. The individual chitta or mind-stuff.

a. Chitta cá nhân hay chất liệu cõi trí.

b. The mentality of:

1. The human family as a whole.

2. The particular race to which a man belongs.

c. The mental plane as a whole.

d. The Universal Mind.

5. *Personality Energy*. Emanating from:

a. The coordinated form of man.

b. Advanced human beings who are dominant personalities.

c. Groups, i.e.

1. The Hierarchy of the Planet. Subjective.

2. The integrating group of Mystics. Objective.

6. *Planetary Energy*. Emanating from:

a. The seven planets. This is the basis of astrological practice.

b. The Earth.

c. The Moon.

7. *Solar Energy.* Emanating from:

a. The physical Sun.

b. Trí lực của:

1. Gia đình nhân loại như một toàn thể.

2. Giống dân đặc thù mà một người thuộc về.

c. Cõi trí như một toàn thể.

d. Vũ Trụ Trí.

5. *Năng Lượng Phàm Ngã*. Phát xuất từ:

a. Hình tướng đã phối hợp của con người.

b. Những con người tiến hóa cao vốn là các phàm ngã chi phối.

c. Các nhóm, tức là:

1. Thánh Đoàn của Hành Tinh. Chủ quan.

2. Nhóm tích hợp của các nhà thần bí. Khách quan.

6. *Năng Lượng Hành Tinh*. Phát xuất từ:

a. Bảy hành tinh. Đây là nền tảng của thực hành chiêm tinh.

b. Trái Đất.

c. Mặt Trăng.

7. *Năng Lượng Thái Dương.* Phát xuất từ:

a. Mặt Trời hồng trần.

b. The Sun, acting as a transmitter of cosmic Rays. [293]

b. Mặt Trời, hoạt động như một tác nhân truyền dẫn các Cung vũ trụ. [293]

Webinar Program 24 – Rule 10.8

Astral Energy and Fear

The subject now to be considered is of most practical application for it concerns the astral body—the body in which a man is pre-eminently polarised and of which he is more potently conscious than of any other body. The etheric body is really below the threshold of consciousness. Human beings remain unaware of the passage of forces through this vehicle and the nearest they get to the recognition of it is when they speak in terms of vitality or lack of vitality. The physical body makes its presence felt when something goes wrong or through the gratification of one or other of the appetites. The situation is however different in connection with the astral body for there is the vehicle of experience for the majority, and few there are who do not pass the greater part of their conscious life, recording the reactions of that body and vibrating between the two poles of happiness and misery, of satisfaction or non-satisfaction, of assurance or doubt, of courage or of fear. This really means that the inherent force and life of the emotional sentient vehicle govern the life-expression and mould the experience of the incarnated soul. Therefore, it is of value to us to understand something of what those forces are, where they come from, and how they act and react on the man. There lies his battleground and there also lies his field of victory.

Đề tài nay cần được xem xét có ứng dụng thực tiễn cao nhất, vì nó liên quan đến thể cảm dục — thể mà trong đó con người phân cực nổi bật nhất và y có ý thức mạnh mẽ hơn bất cứ thể nào khác. Thể dĩ thái thật ra nằm dưới ngưỡng tâm thức. Con người vẫn không hay biết về sự lưu chuyển của các mãnh lực qua vận cụ này, và điều gần nhất mà họ đạt tới trong việc nhận ra nó là khi họ nói về sinh lực hoặc sự thiếu sinh lực. Thể xác khiến sự hiện diện của nó được cảm nhận khi có điều gì trục trặc, hoặc qua sự thỏa mãn một trong các dục vọng. Tuy nhiên, tình trạng lại khác đối với thể cảm dục, vì đó là vận cụ kinh nghiệm của đa số, và hiếm có ai lại không trải qua phần lớn đời sống hữu thức của mình bằng cách ghi nhận các phản ứng của thể ấy và rung động giữa hai cực của hạnh phúc và khổ đau, của thỏa mãn hoặc không thỏa mãn, của xác tín hoặc hoài nghi, của can đảm hoặc sợ hãi. Điều này thật sự có nghĩa là mãnh lực và sự sống vốn có của vận cụ cảm thụ xúc cảm chi phối sự biểu lộ đời sống và khuôn đúc kinh nghiệm của linh hồn nhập thể. Vì vậy, điều hữu ích cho chúng ta là thấu hiểu phần nào các mãnh lực ấy là gì, chúng đến từ đâu, và chúng hành động cũng như phản ứng trên con người như thế nào. Ở đó là chiến trường của y, và ở đó cũng là lĩnh vực chiến thắng của y.

To begin with, it is advisable to bear in mind that all astral energy is part of the astral

Trước hết, nên ghi nhớ rằng mọi năng lượng cảm dục đều là một phần của năng lượng cảm dục của hệ mặt trời, và do đó:

energy of the solar system and that therefore:

1. The sentient body of a human being is an atom of substance in the sentient body of the planetary Logos.

2. The sentient body (a term I much prefer to the term astral, and which I shall continue to use) of [294] the planetary Logos is an aspect—not an atom—of the sentient body of the solar Logos.

3. This in its turn is influenced by, and is a channel for sentient forces, emanating from vast centres of energy outside our solar system altogether.

If this is borne in mind it becomes apparent that man, being but a tiny fragment of a vaster whole which in its turn is incorporated into a still vaster vehicle, is the meeting ground of forces greater and more diversified than his brain is capable of recognizing. Hence the complexity of his problem and hence all the possibilities growing out of those expansions of consciousness which we call initiation. Every stream of energy pouring through his body of desire and of sentient reaction, is but a pathway leading him to wider and every widening contacts and realisations. Here also lies the safeguard for the majority of human beings, in the fact that they possess as yet an apparatus inadequate for the registering and recording of those infinite possibilities which these avenues of realisation offer. Until the mental apparatus is sufficiently awakened and controlled it would not be possible for man to interpret rightly and utilise correctly the information

1. Thể cảm thụ của một con người là một nguyên tử chất liệu trong thể cảm thụ của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

2. Thể cảm thụ — một thuật ngữ mà Tôi thích hơn nhiều so với thuật ngữ cảm dục, và Tôi sẽ tiếp tục dùng — của [294] Đức Hành Tinh Thượng Đế là một phương diện, chứ không phải một nguyên tử, của thể cảm thụ của Thái dương Thượng đế.

3. Đến lượt nó, thể này chịu ảnh hưởng của, và là một vận hà cho, các mãnh lực cảm thụ phát xuất từ những trung tâm năng lượng bao la hoàn toàn ở ngoài hệ mặt trời của chúng ta.

Nếu ghi nhớ điều này, sẽ trở nên hiển nhiên rằng con người, chỉ là một mảnh nhỏ bé của một toàn thể rộng lớn hơn, mà đến lượt toàn thể ấy lại được bao hàm trong một vận cụ còn rộng lớn hơn nữa, là điểm gặp gỡ của những mãnh lực lớn lao và đa dạng hơn mức bộ não của y có thể nhận biết. Do đó có sự phức tạp trong vấn đề của y, và do đó cũng có mọi khả năng phát sinh từ những mở rộng tâm thức mà chúng ta gọi là điểm đạo. Mỗi luồng năng lượng tuôn qua thể dục vọng và phản ứng cảm thụ của y chỉ là một lối đi dẫn y đến những tiếp xúc và chứng nghiệm rộng lớn hơn, và ngày càng rộng lớn hơn. Ở đây cũng có sự bảo vệ dành cho đa số con người, trong sự kiện rằng họ vẫn còn sở hữu một bộ máy chưa đủ khả năng ghi nhận và lưu lại những khả năng vô tận mà các con đường chứng nghiệm này đem lại. Cho đến khi bộ máy trí tuệ được đánh thức và kiểm soát đầy đủ, con người không thể diễn giải đúng và sử dụng đúng thông tin mà thể đáp ứng nhạy cảm của y có thể, nhưng may mắn thay vẫn chưa, truyền đạt cho y.

which his body of sensitive response could, but fortunately does not yet, convey to him.

Apart from the constant circulation through his astral body of planetary and solar and cosmic energies, every human being has appropriated, out of the greater Whole, enough of the astral energy wherewith to construct his own individual and separate astral body, responsive to his peculiar note, coloured by his peculiar quality, and limiting him or not according to his point on the ladder of evolution.

Ngoài sự lưu chuyển thường xuyên qua thể cảm dục của y của các năng lượng hành tinh, thái dương và vũ trụ, mỗi con người đã chiếm hữu từ Toàn Thể lớn lao một lượng năng lượng cảm dục đủ để xây dựng thể cảm dục riêng biệt và cá nhân của mình, đáp ứng với âm điệu đặc thù của y, được tô màu bởi phẩm tính đặc thù của y, và giới hạn y hay không tùy theo điểm của y trên nấc thang tiến hoá.

This constitutes his astral ring-pass-not, defining the limits of his emotional response to life experience, embodying [295] in its quality the range of his desire life, but being at the same time capable of tremendous expansion, development, adjustment and control under the impulse of the mental body and of the soul. It is subject also to vibratory activity as the result of the interplay between it and the physical plane life experience, and thus the great wheel of experience is set in motion and will persist until the four Noble Truths of the Buddha are understood and realised.

Điều này cấu thành vòng-giới-hạn cảm dục của y, xác định các giới hạn của sự đáp ứng xúc cảm của y đối với kinh nghiệm đời sống, thể hiện [295] trong phẩm tính của nó phạm vi đời sống dục vọng của y, nhưng đồng thời có khả năng mở rộng, phát triển, điều chỉnh và kiểm soát vô cùng lớn lao dưới xung lực của thể trí và của linh hồn. Nó cũng chịu hoạt động rung động do kết quả của sự tương tác giữa nó và kinh nghiệm đời sống trên cõi hồng trần; và như thế, bánh xe kinh nghiệm vĩ đại được đưa vào chuyển động và sẽ tiếp diễn cho đến khi Tứ Diệu Đế của Đức Phật được thấu hiểu và chứng nghiệm.

This astral body has in it the counterparts of the etheric or laya centres, and through them stream the forces and energies, earlier dealt with, into the etheric body. These centres carry energies from the seven planets and from the sun to every part of the astral organism, thus putting man en rapport with all parts of the solar system. This results in the fixation of a man's life destiny, until such a time as the man awakens to his immortal heritage and so becomes sensitive to forces that are as yet—for the many—unrecognised. These emanate from the form. This is the reason why a horoscope is frequently quite accurate in its

Thể cảm dục này có trong nó các đối phần của những trung tâm dĩ thái hay laya, và qua chúng, các mãnh lực và năng lượng đã được bàn đến trước đây tuôn vào thể dĩ thái. Những trung tâm này mang các năng lượng từ bảy hành tinh và từ mặt trời đến mọi phần của cơ cấu cảm dục, nhờ đó đặt con người trong tương quan với mọi phần của hệ mặt trời. Điều này đưa đến sự cố định định mệnh đời sống của con người, cho đến khi y thức tỉnh trước di sản bất tử của mình và nhờ vậy trở nên nhạy cảm với những mãnh lực mà, đối với đa số, vẫn chưa được nhận biết. Những mãnh lực này phát xuất từ hình tướng. Đây là lý do vì sao một lá số chiêm

delineation for the unevolved and for the unawakened, but is quite in error and at fault in the case of the highly evolved man. Man is, en masse, what his desire body makes him. Later, "as a man thinketh so is he". The astral body, with its longings, appetites, moods, feelings, and cravings moulds the physical body through the attractive forces which flow through it, and so guides the man on unerringly to the fulfilment of his desires. If the cravings of the sentient nature are dominantly animal in their objective we shall have the man with strong appetites, living a life given over to the effort to satisfy them. If the craving is for comfort and for happiness, we shall have the man with a sensuous, beauty-loving and pleasure-loving disposition, governed practically entirely by selfish effort. So it is through all the many grades of desire, good, bad, [296] and ordinary, until that re-orientation takes place which so refocusses the astral energies that they are turned in a different direction. Desire becomes aspiration. Thus liberation from the wheel of birth is brought about and a man is freed from the necessity to reincarnate. Then the horoscope as now understood proves futile, untrue and useless and the term sometimes used, but wrongly, 'the horoscope of the ego or the soul' means nothing. The soul has no individual destiny, but is submerged into the One. Its destiny is the destiny of the group, and of the Whole; its desire is the working out of the great Plan, and its will is the glorification of the incarnated Logos.

tinh thường khá chính xác trong sự mô tả đối với người chưa tiến hoá và chưa thức tỉnh, nhưng lại hoàn toàn sai lạc và thiếu chính xác trong trường hợp người đã tiến hoá cao. Nhìn chung, con người là những gì thể dục vọng của y tạo nên. Về sau, "con người suy nghĩ thế nào, y là thế ấy". Thể cảm dục, với những khát khao, dục vọng, tâm trạng, cảm xúc và thèm muốn của nó, khuôn đúc thể xác qua các mãnh lực hấp dẫn tuôn qua nó, và như thế dẫn dắt con người một cách không sai chạy đến sự hoàn thành các dục vọng của y. Nếu các thèm muốn của bản chất cảm thụ có mục tiêu chủ yếu là thú tính, chúng ta sẽ có con người với những dục vọng mạnh mẽ, sống một đời dành trọn cho nỗ lực thỏa mãn chúng. Nếu sự thèm muốn là hướng đến tiện nghi và hạnh phúc, chúng ta sẽ có con người với khuynh hướng ham khoái cảm, yêu cái đẹp và yêu lạc thú, hầu như hoàn toàn bị chi phối bởi nỗ lực ích kỷ. Cứ như thế xuyên qua mọi cấp độ đa dạng của dục vọng, tốt, xấu [296] và bình thường, cho đến khi xảy ra sự tái định hướng khiến các năng lượng cảm dục được tái tập trung đến mức chúng quay sang một hướng khác. Dục vọng trở thành khát vọng. Như vậy sự giải thoát khỏi bánh xe sinh tử được đem lại, và con người được giải phóng khỏi sự cần thiết phải tái lâm phàm. Khi ấy lá số chiêm tinh, như hiện nay được hiểu, chứng tỏ là vô ích, không đúng và không dùng được; và thuật ngữ đôi khi được dùng, nhưng sai lầm, "lá số chiêm tinh của chân ngã hay linh hồn" không có nghĩa gì. Linh hồn không có định mệnh cá nhân, mà hòa nhập vào Đấng Duy Nhất. Định mệnh của nó là định mệnh của nhóm và của Toàn Thể; dục vọng của nó là việc thực hiện Thiên Cơ vĩ đại, và ý chí của nó là sự tôn vinh Thượng đế lâm phàm.

I would like to suggest to students that they procure if possible *The Science of the Emotions* by Bhagavan Das. It is an able treatise on the astral and sentient body, and

Tôi muốn gợi ý với các đạo sinh rằng nếu có thể, họ nên tìm đọc *Khoa Học về Cảm Xúc* của Bhagavan Das. Đó là một khảo luận xuất sắc về thể cảm dục và thể cảm thụ, và bàn đến

deals with the factors that most nearly concern the aspirant as he faces the problem of understanding and of controlling his emotional nature, of mastering the technique of development, and of reorienting it to wider experience and of preparing it for the tests and expansions of the second major initiation—the baptism and the final entering of the stream. Metaphorically speaking, the experience that lies ahead upon the Path is covered in the following esoteric phrases:

những yếu tố liên quan gần gũi nhất đến người chí nguyện khi y đối diện với vấn đề thấu hiểu và kiểm soát bản chất xúc cảm của mình, làm chủ kỹ thuật phát triển, tái định hướng nó đến kinh nghiệm rộng lớn hơn và chuẩn bị nó cho các thử thách cùng những mở rộng của lần điểm đạo lớn thứ hai — phép rửa và sự nhập lưu sau cùng. Nói theo ẩn dụ, kinh nghiệm đang nằm phía trước trên Đường Đạo được bao hàm trong những cụm từ huyền bí sau:

Webinar Program 25 – Rule 10.9

"When the stream enters the River of Life, its passage can be traced for a short moment and then is lost. When the currents of the sentient life meet where the river passes round the mountain's massive foot, then one vast stream is seen which floweth north."

"Khi dòng suối nhập vào Dòng Sông Sự Sống, lối đi của nó có thể được lần theo trong một khoảnh khắc ngắn ngủi rồi mất hút. Khi các dòng chảy của đời sống cảm thụ gặp nhau nơi dòng sông lượn quanh chân núi đồ sộ, bấy giờ người ta thấy một dòng lớn mênh mông chảy về phương bắc."

The symbology of this is apparent, and can be also used to depict the flow of the two currents—Ida and Pingala—and their blending in the river of energy that mounts to the head. There is the meeting place, and there the sacrifice, enacted upon the mount of Golgotha (the place of the skull). [297]

Biểu tượng của điều này rất rõ, và cũng có thể được dùng để mô tả dòng chảy của hai luồng — Ida và Pingala — cùng sự hòa hợp của chúng trong dòng sông năng lượng vươn lên đầu. Ở đó là nơi gặp gỡ, và ở đó là sự hy sinh, được thực hiện trên núi Golgotha (nơi sọ người). [297]

In considering the sentient body of a human being I will probably help the most if I deal with it in terms of its moods and ordinary expressions, for it is only in dealing with its effects and in seeking to master them that man arrives at knowledge of himself and so becomes a Master. The most ordinary manifestations of astral activity are:

Khi xem xét thể cảm thụ của một con người, có lẽ Tôi sẽ giúp ích nhiều nhất nếu bàn về nó theo các tâm trạng và các biểu hiện thông thường của nó, vì chỉ trong việc xử lý các hiệu quả của nó và tìm cách làm chủ chúng, con người mới đạt tới tri thức về chính mình và nhờ đó trở thành một Chân sư. Những biểu hiện thông thường nhất của hoạt động cảm dục là:

I. Fear.

I. Sợ hãi.

II. Depression or its opposite pole, hilarity.

II. Trầm cảm, hoặc cực đối lập của nó là sự vui nhộn quá độ.

III. Desire for the satisfaction of the animal appetites.

III. Dục vọng thỏa mãn các thèm muốn thú tính.

IV. Desire for happiness.

IV. Dục vọng về hạnh phúc.

V. Desire for liberation. Aspiration.

V. Dục vọng giải thoát. Khát vọng.

In these five are summed up practically most of the sentient experiences of man and we will consider each one from the following angles:

Trong năm điều này hầu như được tổng kết phần lớn các kinh nghiệm cảm thụ của con người, và chúng ta sẽ xem xét từng điều từ các góc độ sau:

1. The cause.

1. Nguyên nhân.

2. The effect.

2. Hiệu quả.

3. The method of direction.

3. Phương pháp định hướng.

You will note that I say 'method of direction' not method of control. Aspirants must learn that they are working with, and in, forces, and that right and wrong activity on the physical plane is due simply to a right or wrong direction of the force currents and not to anything inherently wrong or right in the energies themselves.

Các bạn sẽ lưu ý rằng Tôi nói "phương pháp định hướng", chứ không phải phương pháp kiểm soát. Những người chí nguyện phải học rằng họ đang làm việc với các mãnh lực và trong các mãnh lực, và rằng hoạt động đúng hay sai trên cõi hồng trần chỉ đơn giản là do sự định hướng đúng hay sai của các dòng mãnh lực, chứ không phải do điều gì vốn sai hay đúng trong chính các năng lượng ấy.

I. *Fear.* This is one of the most usual of the manifestations of astral energy, and is put first because it constitutes, for the vast majority, the Dweller on the Threshold and also in the last analysis is the basic astral evil. Every human being knows fear and the range of the fear vibrations extends from the instinctual fears of the savage man based on his ignorance of the laws and forces of nature, and on his terror of the dark and the unknown, to the fears so prevalent today of

I. *Sợ hãi.* Đây là một trong những biểu hiện thông thường nhất của năng lượng cảm dục, và được đặt trước tiên vì đối với đại đa số, nó cấu thành Kẻ Chận Ngõ, và trong phân tích sau cùng, cũng là cái ác cảm dục căn bản. Mọi con người đều biết sợ hãi, và phạm vi các rung động sợ hãi trải dài từ những nỗi sợ bản năng của con người man dã, dựa trên sự vô minh của y về các định luật và mãnh lực của thiên nhiên, cũng như nỗi kinh hoàng của y trước bóng tối và điều chưa biết, đến những

loss of friends and loved ones, of health, of money, of popularity [298] and on to the final fears of the aspirant—the fear of failure, the fear which has its roots in doubt, the fear of ultimate negation or of annihilation, the fear of death (which he shares equally with all humanity) the fear of the great illusion of the astral plane, of the phantasmagoria of life itself, and also fear of loneliness on the Path, even to the very fear of Fear itself. This list could be largely extended but suffices to indicate the prevalence of fears of all kinds. They dominate most situations and darken many happy moments. They reduce man to a timid and frightened atom of sentient life, standing afraid before the stupendousness of the problems of existence, aware of his insufficiency as a man to cope with all situations and unable to leave his fears and questionings behind and step into his heritage of freedom and of life. Often he is so ridden by fear that he becomes afraid of his very reason. The picture cannot be too blackly coloured, for fear is the dominant astral energy at this time and sensitive humanity succumbs all too easily to it.

nỗi sợ rất phổ biến ngày nay về việc mất bạn bè và người thân yêu, mất sức khỏe, tiền bạc, sự nổi tiếng [298] và tiếp đến là những nỗi sợ sau cùng của người chí nguyện — sợ thất bại, nỗi sợ có gốc rễ trong hoài nghi, nỗi sợ sự phủ định tối hậu hoặc sự hủy diệt, sợ chết, điều y chia sẻ ngang bằng với toàn thể nhân loại, sợ ảo tưởng lớn lao của cõi cảm dục, sợ ảo ảnh biến hiện của chính đời sống, và cũng sợ sự cô đơn trên Đường Đạo, thậm chí đến chính nỗi sợ Sợ Hãi. Danh sách này có thể được mở rộng rất nhiều, nhưng như vậy cũng đủ để chỉ ra sự phổ biến của mọi loại sợ hãi. Chúng chi phối phần lớn các tình huống và phủ bóng tối lên nhiều khoảnh khắc hạnh phúc. Chúng thu nhỏ con người thành một nguyên tử nhút nhát và khiếp sợ của đời sống cảm thụ, đứng run sợ trước tính đồ sộ của các vấn đề hiện hữu, nhận biết sự bất lực của mình với tư cách con người trong việc đương đầu với mọi tình huống, và không thể bỏ lại phía sau các nỗi sợ cùng những câu hỏi của mình để bước vào di sản tự do và sự sống. Thường khi y bị sợ hãi chế ngự đến mức trở nên sợ chính lý trí của mình. Dù tô bức tranh đen tối đến đâu cũng không phải là quá lời, vì sợ hãi là năng lượng cảm dục đang chi phối vào lúc này, và nhân loại nhạy cảm quá dễ dàng khuất phục trước nó.

Webinar Program 26 – Rule 10.10

You ask: What are the basic causes of fear? To that question, if carried far enough back into the esoteric history of the solar system there is no intelligible answer to be given. Only the advanced initiate can comprehend. Fear has its roots in the warp and woof of matter itself, and is par excellence, a formulation or effect of the mind principle, and a result of mental activity. The fact that birds and animals know fear puts the whole subject upon a wider footing than if it were simply a human failing and the result of the

Các bạn hỏi: Những nguyên nhân căn bản của sợ hãi là gì? Đối với câu hỏi ấy, nếu truy nguyên đủ xa vào lịch sử huyền bí của hệ mặt trời, thì không có câu trả lời nào có thể hiểu được. Chỉ điểm đạo đồ cao cấp mới có thể lĩnh hội. Sợ hãi có gốc rễ trong chính sợi dọc và sợi ngang của vật chất, và đặc biệt là một sự hình thành hay hiệu quả của nguyên khí trí tuệ, và là kết quả của hoạt động trí tuệ. Sự kiện chim chóc và thú vật biết sợ đặt toàn bộ đề tài này trên một nền tảng rộng hơn nhiều so với nếu nó chỉ đơn giản là một

activity of the functioning of the human mind. It is not incident upon a man's possessing a reasoning mind; if he used his reason in the correct way he could eliminate fear. It lies in what is called cosmic Evil—a high sounding phrase, conveying little. It is inherent in the fact of matter itself and in the play of the pairs of opposites—soul and matter. The sentient souls [299] of animals and of men are subconsciously aware of factors such as:

nhược điểm của con người và là kết quả của hoạt động vận hành của thể trí con người. Nó không phát sinh do con người sở hữu trí tuệ biết lý luận; nếu y dùng lý trí của mình đúng cách, y có thể loại bỏ sợ hãi. Nó nằm trong điều được gọi là Cái Ác vũ trụ — một cụm từ nghe cao xa nhưng truyền đạt rất ít. Nó vốn có trong chính sự kiện của vật chất và trong sự vận hành của các cặp đối cực — linh hồn và vật chất. Các linh hồn cảm thụ [299] của động vật và con người đều nhận biết một cách tiềm thức những yếu tố như:

1. The vastness and therefore the sensed oppression of the Whole.

1. Tính bao la, và vì vậy là sự áp bức được cảm nhận, của Toàn Thể.

2. The pressure of all other lives and existences.

2. Áp lực của mọi sự sống và hiện hữu khác.

3. The working of inexorable Law.

3. Sự vận hành của Định luật không thể cưỡng lại.

4. The sense of imprisonment, of limitation, and of consequent inadequacy.

4. Cảm thức bị giam hãm, bị giới hạn, và do đó bất túc.

In these factors, growing out of the manifested process itself and persisting and growing in potency during the ages, are found the causes of all modern fear and the basis of all terror, above all that which is purely psychological and not just the instinctual fear of the animal.

Trong các yếu tố này, phát sinh từ chính tiến trình biểu hiện và tồn tại cũng như tăng trưởng về uy lực qua các thời đại, người ta tìm thấy nguyên nhân của mọi nỗi sợ hiện đại và nền tảng của mọi kinh hoàng, trên hết là loại hoàn toàn thuộc tâm lý chứ không chỉ là nỗi sợ bản năng của con vật.

To concretise the matter more clearly would not help. Of what use is it to be told that fear is a quality of evil (or of matter) which colours fundamentally or characterises the astral or sentient body of our planetary Logos? What have you gained if I outlined to you the problem of the great Life in Whom we live and move and have our being as He, on His Own cosmic plane, seeks liberation and faces His Own peculiar trials and tests?

Cụ thể hóa vấn đề rõ hơn sẽ không giúp ích. Có ích gì khi được bảo rằng sợ hãi là một phẩm tính của cái ác, hay của vật chất, vốn tô màu căn bản hoặc đặc trưng cho thể cảm dục hay cảm thụ của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta? Các bạn đạt được gì nếu Tôi phác họa cho các bạn vấn đề của Sự Sống vĩ đại, trong Đấng mà chúng ta sống, chuyển động và có bản thể của mình, khi Ngài, trên cõi vũ trụ riêng của Ngài, tìm

How can words adequate be found to convey a cosmic struggle between Lives so impersonal and exalted in consciousness that the words his, or he or tests prove simply laughable and convey no possible aspect of truth or reality whatsoever? Cosmic evil, cosmic progression, or cosmic problems can well be left to that distant time when aspirants have taken the third initiation, have lost all sense of separateness, and—being identified with the Life Aspect and not with the form side—can therefore enter somewhat into the state of consciousness of our planetary Logos, sense His destiny, and vision fleetingly the wonder of the consummation.

kiếm giải thoát và đối diện với các thử thách cùng trắc nghiệm đặc thù của chính Ngài? Làm sao có thể tìm được lời lẽ thích đáng để truyền đạt một cuộc đấu tranh vũ trụ giữa những Sự Sống vô ngã và cao cả trong tâm thức đến mức các từ như "của Ngài", "Ngài" hay "thử thách" chỉ đơn giản trở nên buồn cười và không truyền đạt được bất cứ phương diện nào có thể có của chân lý hay thực tại? Cái ác vũ trụ, sự tiến triển vũ trụ, hay các vấn đề vũ trụ rất có thể được để lại cho thời điểm xa xôi khi những người chí nguyện đã nhận lần điểm đạo thứ ba, đã mất mọi cảm thức phân ly, và — nhờ đồng hoá với Phương diện Sự Sống chứ không với phía hình tướng — do đó có thể phần nào đi vào trạng thái tâm thức của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, cảm nhận định mệnh của Ngài, và thoáng thấy linh ảnh về sự kỳ diệu của cuộc viên thành.

Let us confine our attention therefore to man and more [300] particularly to average man, and see whence come the waves of fear which sweep him so constantly off his feet.

Vì vậy, chúng ta hãy giới hạn sự chú ý của mình vào con người, và đặc biệt hơn [300] vào con người trung bình, và xem những làn sóng sợ hãi thường xuyên cuốn y ngã quỵ đến từ đâu.

1. *The Fear of Death* is based upon:

1. *Nỗi sợ chết* dựa trên:

a. A terror of the final rending processes in the act of death itself.

a. Nỗi kinh hoàng trước các tiến trình xé lìa sau cùng trong chính hành vi chết.

b. Horror of the unknown and the indefinable.

b. Sự khiếp sợ trước điều chưa biết và điều không thể định nghĩa.

c. Doubt as to final immortality.

c. Hoài nghi về sự bất tử sau cùng.

d. Unhappiness at leaving loved ones behind or of being left behind.

d. Nỗi bất hạnh khi phải bỏ lại người thân yêu, hoặc bị bỏ lại.

e. Ancient reactions to past violent deaths, lying deep in the subconsciousness.

e. Các phản ứng cổ xưa đối với những cái chết dữ dội trong quá khứ, nằm sâu trong tiềm thức.

f. Clinging to form life, because primarily identified with it in consciousness.

f. Sự bám víu vào đời sống hình tướng, vì trong tâm thức chủ yếu đã đồng hoá với nó.

g. Old erroneous teaching as to Heaven and Hell, both equally unpleasant in prospect to certain types.

g. Giáo huấn sai lầm xưa cũ về Thiên đường và Địa ngục, cả hai đều là viễn cảnh khó chịu ngang nhau đối với một số loại người.

I speak about Death as one who knows the matter from both the outer world experience and the inner life expression: — There is no death. There is, as you know, entrance into fuller life. There is freedom from the handicaps of the fleshly vehicle. The rending process so such dreaded does not exist, except in the cases of violent and of sudden death and then the only true disagreeables are an instant and overwhelming sense of imminent peril and destruction, and something closely approaching an electric shock. No more. For the unevolved, death is literally a sleep and a forgetting, for the mind is not sufficiently awakened to react, and the storehouse of memory is as yet practically empty. For the average good citizen, death is a continuance of the living process in his consciousness and a carrying forward of the interests and tendencies of the life. His consciousness and his sense of awareness are the same and unaltered. He does not sense much difference, is well taken care of, and oft is unaware that he has passed [301] through the episode of death. For the wicked and cruelly selfish, for the criminal and for those few who live for the material side only, there eventuates that condition which we call ‘earth-bound’. The links they have forged with earth and the earthward bias of all their desires force them to remain close to the earth and their last setting in the earth

Tôi nói về Cái Chết như một người biết rõ vấn đề từ cả kinh nghiệm thế giới bên ngoài lẫn sự biểu lộ đời sống bên trong: không có cái chết. Như các bạn biết, chỉ có sự bước vào đời sống đầy đủ hơn. Có sự tự do khỏi những trở ngại của vận cụ bằng xác thịt. Tiến trình xé lìa bị kinh sợ đến thế không tồn tại, ngoại trừ trong các trường hợp chết dữ dội và đột ngột; và khi ấy những điều thật sự khó chịu duy nhất là một cảm giác tức thời và áp đảo về hiểm nguy và hủy diệt sắp xảy ra, cùng một điều gì đó rất gần với một cú sốc điện. Không hơn. Đối với người chưa tiến hoá, cái chết đúng nghĩa là một giấc ngủ và sự quên lãng, vì thể trí chưa đủ thức tỉnh để phản ứng, và kho ký ức thực tế vẫn còn trống rỗng. Đối với công dân trung bình tốt lành, cái chết là sự tiếp tục của tiến trình sống trong tâm thức của y và sự nối tiếp các mối quan tâm cùng khuynh hướng của đời sống. Tâm thức và cảm thức nhận biết của y vẫn như cũ và không đổi. Y không cảm thấy có nhiều khác biệt, được chăm sóc chu đáo, và thường không hay biết rằng mình đã đi qua [301] biến cố của cái chết. Đối với kẻ ác và ích kỷ tàn nhẫn, đối với tội phạm và đối với một số ít người chỉ sống cho phía vật chất, sẽ xảy ra tình trạng mà chúng ta gọi là “bị ràng buộc với trần gian”. Những mối liên kết mà họ đã rèn tạo với Trái Đất và khuynh hướng hướng xuống trần gian của mọi dục vọng buộc họ phải ở gần Trái Đất và bối cảnh sau cùng của họ trong môi trường trần gian. Họ

environment. They seek desperately and by every possible means to re-contact it and to re-enter. In a few cases, great personal love for those left behind or the non-fulfilment of a recognised and urgent duty holds the good and beautiful in a somewhat similar condition. For the aspirant, death is an immediate entrance into a sphere of service and of expression to which he is well accustomed and which he at once recognises as not new. In his sleeping hours he has developed a field of active service and of learning. He now simply functions in it for the entire twenty-four hours (talking in terms of physical plane time) instead of for his usual few hours of earthly sleep.

tuyệt vọng tìm cách, bằng mọi phương tiện có thể, để tái tiếp xúc với nó và tái nhập vào đó. Trong một vài trường hợp, tình thương cá nhân mãnh liệt đối với những người bị bỏ lại, hoặc việc chưa hoàn thành một bổn phận được nhận biết là khẩn thiết, giữ người tốt lành và đẹp đẽ trong một tình trạng phần nào tương tự. Đối với người chí nguyện, cái chết là sự bước vào tức khắc một phạm vi phụng sự và biểu lộ mà y đã rất quen thuộc và ngay lập tức nhận ra là không mới. Trong những giờ ngủ, y đã phát triển một lĩnh vực phụng sự và học hỏi tích cực. Giờ đây y chỉ đơn giản hoạt động trong đó suốt trọn hai mươi bốn giờ, nói theo thời gian cõi hồng trần, thay vì vài giờ ngủ trần gian thường lệ của mình.

As time progresses and before the close of the next century death will be finally seen to be non-existent in the sense in which it is now understood. Continuity of consciousness will be so widely developed and so many of the highest types of men will function simultaneously in the two worlds that the old fear will go and the intercourse between the astral plane and the physical plane will be so firmly established and so scientifically controlled that the work of the trance mediums will rightly and mercifully come to an end. The ordinary common trance mediumship and materialisations under controls and Indian guides are just as much perversions of the intercourse between the two planes as are sex perversions and the distortions of the true relationship and intercourse between the sexes. I refer not here to the work of clairvoyants, no matter how poor, nor to the taking possession of the body by entities of high calibre, but of [302] the unpleasant phenomena of the materialisation seance, of ectoplasm, and the blind unintelligent work done by old Atlantean degenerates and earthbound souls, the average Indian chief

Khi thời gian tiến triển và trước khi kết thúc thế kỷ tới, cái chết cuối cùng sẽ được thấy là không tồn tại theo ý nghĩa mà hiện nay nó được hiểu. Sự liên tục của tâm thức sẽ được phát triển rộng rãi đến mức, và nhiều loại người cao nhất sẽ hoạt động đồng thời trong hai thế giới đến mức, nỗi sợ xưa cũ sẽ mất đi; và sự giao tiếp giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần sẽ được thiết lập vững chắc và được kiểm soát một cách khoa học đến mức công việc của các đồng tử xuất thần sẽ kết thúc một cách đúng đắn và nhân từ. Đồng cốt xuất thần thông thường và các hiện hình dưới sự kiểm soát của những thực thể điều khiển và những người hướng dẫn da đỏ cũng là những sự xuyên tạc của mối giao tiếp giữa hai cõi, chẳng khác gì các lệch lạc tình dục và những bóp méo của mối quan hệ cũng như giao tiếp chân chính giữa hai giới. Ở đây Tôi không nói đến công việc của các nhà thông nhãn, dù còn kém đến đâu, cũng không nói đến việc thể xác bị các thực thể có phẩm chất cao chiếm hữu, mà nói đến [302] những hiện tượng khó chịu của buổi gọi hồn hiện hình, của chất ngoại hiện, và công việc mù quáng, thiếu thông minh do những kẻ Atlantis thoái hóa xưa cũ và các linh hồn bị ràng buộc

and guide. There is nothing to be learned from them and much to be avoided. The reign of the fear of death is well-nigh ended and we shall soon enter upon a period of knowledge and of certainty which will cut away the ground from under all our fears. In dealing with the fear of death, there is little to be done except to raise the whole subject onto a more scientific level, and—in this scientific sense—teach people to die. There is a technique of dying just as there is of living, but this technique has been lost very largely in the West and is almost lost except in a few centres of Knowers in the East. More of this can perhaps be dealt with later but the thought of the needed approach to this subject can rest in the minds of the students who read this and perhaps as they study and read and think, material of interest will come their way which could be gradually assembled and published.

với trần gian, vị tù trưởng da đỏ và người hướng dẫn trung bình, thực hiện. Không có gì để học từ họ và có rất nhiều điều cần tránh. Sự thống trị của nỗi sợ chết hầu như đã chấm dứt, và chúng ta sẽ sớm bước vào một thời kỳ của tri thức và sự chắc chắn, điều sẽ cắt mất nền tảng dưới mọi nỗi sợ của chúng ta. Trong việc xử lý nỗi sợ chết, chẳng có mấy điều cần làm ngoài việc nâng toàn bộ đề tài lên một cấp độ khoa học hơn, và — theo nghĩa khoa học này — dạy con người biết chết. Có một kỹ thuật của sự chết cũng như có một kỹ thuật của sự sống, nhưng kỹ thuật này phần lớn đã bị mất ở phương Tây và hầu như đã mất, ngoại trừ trong một vài trung tâm của các Thức Giả ở phương Đông. Có lẽ về sau có thể bàn thêm về điều này, nhưng tư tưởng về cách tiếp cận cần thiết đối với đề tài này có thể lưu lại trong trí của các đạo sinh đọc những dòng này; và có lẽ khi họ học, đọc và suy nghĩ, tài liệu đáng quan tâm sẽ đến với họ, có thể dần dần được tập hợp và xuất bản.

2. *Fear of the Future.* This is a fear that will as yet show a growing tendency to develop and will cause much distress in the world before it is obliterated. It grows out of three human capacities:

2. *Nỗi sợ tương lai.* Đây là một nỗi sợ hiện vẫn sẽ cho thấy khuynh hướng phát triển ngày càng tăng và sẽ gây nhiều đau khổ trên thế giới trước khi nó bị xóa bỏ. Nó phát sinh từ ba năng lực của con người:

a. *Instinctive psychological thought habits,* which have their roots deep in the animal nature and hark back to the primal instinct of self-preservation. Savage races however, have little of this. That forward looking anticipatory state of mind is predominantly a human characteristic and is that germ of the imaginative faculty, linked to the mental processes, which will eventually merge into that intuitive meditation, plus visualisation, which is the true basis of all creative work. But at present it is a menace and a hindrance. Ancient suffering, dire memories, haunting miseries, deep-seated

a. *Các thói quen tư tưởng tâm lý bản năng,* có gốc rễ sâu trong bản chất thú tính và quay về bản năng nguyên thủy tự bảo tồn. Tuy nhiên, các giống dân man dã ít có điều này. Trạng thái trí hướng về phía trước và dự đoán ấy chủ yếu là một đặc tính của con người, và là mầm của năng lực tưởng tượng, được liên kết với các tiến trình trí tuệ, cuối cùng sẽ hòa nhập vào sự tham thiền trực giác, cộng với sự hình dung, vốn là nền tảng chân chính của mọi công việc sáng tạo. Nhưng hiện nay nó là một mối đe dọa và một trở ngại. Khổ đau cổ xưa, ký ức thảm khốc, những nỗi khốn cùng ám ảnh, nằm

in the subconscious rise to the surface frequently and cause a condition [303] of fear and of distress which no amount of reasoning seems able to quiet. Facilities of communication put even the most unimportant en rapport with the tragedies, pains and sufferings of his brother thousands of miles away. The economic catastrophe of the present time has brought about a condition of mass terror, and the more sensitive the individual the more he will react to this state of mind. Fear of the future is therefore a distressing blend of instinctual memory and anticipatory imagination, and few there are who escape this menace. Worry and anxiety are the lot of every man and cannot and will not be offset and overcome by any lesser factor than the soul itself.

sâu trong tiềm thức, thường trồi lên bề mặt và gây nên một tình trạng [303] sợ hãi và đau khổ mà dường như không lượng lý luận nào có thể làm lắng dịu. Các phương tiện truyền thông đặt ngay cả người không quan trọng nhất vào tương quan với những bi kịch, đau đớn và khổ nạn của huynh đệ y ở cách xa hàng ngàn dặm. Thảm họa kinh tế của thời hiện tại đã tạo ra một tình trạng kinh hoàng tập thể, và cá nhân càng nhạy cảm thì y càng phản ứng với trạng thái trí này. Vì vậy, nỗi sợ tương lai là một sự pha trộn gây đau khổ giữa ký ức bản năng và trí tưởng tượng dự đoán, và hiếm có ai thoát khỏi mối đe dọa này. Lo âu và băn khoăn là phần số của mọi người, và không thể cũng sẽ không được hóa giải hay vượt qua bởi bất cứ yếu tố nào thấp hơn chính linh hồn.

b. *The flashes of prevision* emanating from the soul who is dwelling in the consciousness of the Eternal Now. When contact with the soul is firmly established and the consciousness of the Knower is stabilised in the brain then prevision will carry with it no terror. The picture will then be seen as a whole, and not as a passing and fragmentary glimpse as is now the case. So again, the remedy remains the same: the establishing of such close relations between the soul and the brain, via the trained and controlled mind, that cause and effect will be seen as one, and right steps can be taken to handle situations correctly and to the best advantage. Prevision seldom takes the form of forecasting happiness, and the reason is not far to seek. The race is at a point where the prodigal son is conscious of the husks and of the futility of earthly life. He is ready for a careful consideration of the Buddha's message, and he is ready because he has been devoured for centuries by war and famine, by desire and by the economic struggle. The vista he sees before him

b. *Những tia chớp tiên tri* phát xuất từ linh hồn đang ngự trong tâm thức của Hiện Tại Vĩnh Cửu. Khi sự tiếp xúc với linh hồn được thiết lập vững chắc và tâm thức của thức giả được ổn định trong bộ não, bấy giờ khả năng tiên tri sẽ không mang theo sự kinh hoàng. Bức tranh khi ấy sẽ được thấy như một toàn thể, chứ không như một thoáng nhìn thoáng qua và rời rạc như hiện nay. Vì vậy, một lần nữa, phương thuốc vẫn như cũ: thiết lập những mối liên hệ gần gũi đến mức giữa linh hồn và bộ não, qua thể trí được rèn luyện và kiểm soát, để nguyên nhân và kết quả được thấy như một, và các bước đúng đắn có thể được thực hiện nhằm xử lý các tình huống một cách đúng đắn và hữu ích nhất. Tiên tri hiếm khi mang hình thức dự báo hạnh phúc, và lý do không khó tìm. Nhân loại đang ở một điểm mà người con hoang đàng ý thức được những vỏ trấu và sự vô ích của đời sống trần gian. Y đã sẵn sàng để xem xét cẩn trọng thông điệp của Đức Phật, và y sẵn sàng vì trong nhiều thế kỷ y đã bị chiến tranh và đói kém, dục vọng và cuộc đấu tranh kinh tế nuốt chửng. Viễn cảnh y thấy trước mặt

appears black and forbidding and full of cataclysmic disaster.

mình có vẻ tối tăm, đáng sợ và đầy tai họa thảm khốc.

Yet if men carried the concept of brotherhood with all its implications into the life and work of every day, into [304] all intercourse whether between the capitalist and the labourer, the politician and the people, between nation and nation, or between race and race, there would emerge that peace on earth which nothing could upset or overturn. So simple a rule, and yet utterly beyond the mental grasp of the majority!

Tuy nhiên, nếu con người đưa khái niệm huynh đệ với mọi hàm ý của nó vào đời sống và công việc hằng ngày, vào [304] mọi giao tiếp, dù giữa nhà tư bản và người lao động, chính khách và dân chúng, giữa quốc gia với quốc gia, hay giữa chủng tộc với chủng tộc, thì sẽ xuất hiện nền hòa bình trên Trái Đất mà không gì có thể làm đảo lộn hay lật đổ. Một quy luật thật đơn giản, thế mà lại hoàn toàn vượt ngoài tầm nắm bắt của trí tuệ đa số!

Webinar Program 27 – Rule 10.11

c. *A mass of individual distress and fear* can be taken on by an individual and yet have nothing to do with him whatsoever. It is quite possible for a man to tune in on the fears of other people whilst he himself has literally nothing to fear of any kind. He can so identify himself with their forebodings of future disaster that he interprets them in terms of his own coming experience. He is unable to dissociate himself from their reactions and absorbs so much of the poison in their emotional and mental auras that he is swept into a very vortex of terror and of fear. Yet, if he did but know it, the future holds for him no hidden catastrophes. He is simply deluded, but the effect on his astral body and upon his solar plexus is identically the same. This is painfully the case now that there are so many thousands of sensitive aspiring souls, inexperienced in the handling of the world karma, wide open to the suffering of others and unable to distinguish between their own destiny in the immediate future and the destiny of others in their environment.

c. *Một khối đau khổ và sợ hãi cá nhân* có thể được một cá nhân tiếp nhận, nhưng lại không liên quan gì đến y cả. Hoàn toàn có thể một người bắt được làn sóng sợ hãi của người khác, trong khi bản thân y thật sự không có bất cứ điều gì phải sợ. Y có thể đồng hoá mình với những linh cảm của họ về tai họa tương lai đến mức diễn giải chúng như kinh nghiệm sắp đến của chính mình. Y không thể tách mình khỏi các phản ứng của họ và hấp thụ quá nhiều chất độc trong các hào quang xúc cảm và cõi trí của họ đến mức bị cuốn vào chính một xoáy lốc kinh hoàng và sợ hãi. Thế nhưng, nếu y chỉ biết điều đó, thì tương lai không chứa đựng cho y những tai họa ẩn giấu nào. Y chỉ đơn giản bị mê lầm, nhưng hiệu quả trên thể cảm dục và trên tùng thái dương của y thì hoàn toàn giống nhau. Điều này hiện nay là trường hợp rất đau đớn, khi có hàng ngàn linh hồn chí nguyện nhạy cảm, thiếu kinh nghiệm trong việc xử lý nghiệp quả thế giới, mở rộng trước khổ đau của người khác và không thể phân biệt giữa định mệnh của chính mình trong tương lai gần với định mệnh của những người khác trong môi trường của họ.

It is possible also for the more advanced aspirant and those upon the Path of Discipleship to contact ancient vibrations of evil and misery on the astral plane—evil long past and gone; it is possible for them to read a tiny fragment of the akashic records which concerns coming distress to an individual or a group, which they themselves may never see and yet nevertheless appropriate the conveyed information to themselves and suffer consequently.

Cũng có thể đối với người chí nguyện tiến bộ hơn và những người trên Con Đường Đệ Tử, họ tiếp xúc với các rung động cổ xưa của cái ác và khốn khổ trên cõi cảm dục — cái ác đã qua từ lâu và đã mất; cũng có thể họ đọc được một mảnh rất nhỏ của các ký ảnh tiên thiên liên quan đến nỗi khổ sắp đến cho một cá nhân hay một nhóm, điều mà chính họ có thể không bao giờ thấy, nhưng tuy vậy lại quy thông tin được truyền đạt ấy về chính mình và do đó chịu khổ.

3. *Fear of Physical Pain.* Some people have this fear as the underlying cause of all their anxieties, little though [305] they may recognise it. It is really a result of the other three classes of fears; of the strain which they put upon their astral body, and the tension caused by the use of the imaginative faculty and the reasoning tension in the physical nervous system. This system becomes very much over-sensitised and capable of the most acute physical suffering. Ills and ails which would seem of no vital importance to the ordinary and more phlegmatic types are aggravated into a condition of real agony. This should be recognised by those who care for the sick and steps should be taken to minimise the physical condition through the use of sedatives and of anesthetics so that undue strain should not be put on an already overworked nervous system.

3. *Nỗi sợ đau đớn thể xác.* Một số người có nỗi sợ này như nguyên nhân nền tảng của mọi lo âu của họ, dù [305] họ có thể ít nhận ra điều ấy. Nó thật ra là kết quả của ba loại sợ hãi kia; của sức căng mà chúng đặt lên thể cảm dục của họ, và của sự căng thẳng do việc sử dụng năng lực tưởng tượng cùng sức căng lý luận trong hệ thần kinh thể xác. Hệ thống này trở nên quá nhạy cảm và có thể trải qua nỗi đau thể xác dữ dội nhất. Những bệnh tật và đau yếu dường như không có tầm quan trọng sống còn đối với những loại người bình thường và điềm đạm hơn lại bị khuếch đại thành một tình trạng thống khổ thật sự. Điều này nên được những người chăm sóc bệnh nhân nhận biết, và cần thực hiện các bước để giảm thiểu tình trạng thể xác qua việc dùng thuốc an thần và thuốc gây mê, sao cho không đặt sức căng quá mức lên một hệ thần kinh vốn đã làm việc quá tải.

You ask me whether I am endorsing the use of ether and chloroform in operations, and of sedative drugs. Not basically, but most certainly temporarily. When man's contact with his soul is firmly established, and when he has developed the faculty of passing in and out of his physical body at will, these helps will no longer be needed. They may be regarded in the meantime as emergency

Các bạn hỏi Tôi liệu Tôi có tán thành việc dùng ê-te và clorofom trong phẫu thuật, cũng như các thuốc an thần hay không. Về căn bản thì không, nhưng chắc chắn là tạm thời thì có. Khi sự tiếp xúc của con người với linh hồn của mình được thiết lập vững chắc, và khi y đã phát triển năng lực ra khỏi và đi vào thể xác theo ý muốn, những trợ giúp này sẽ không còn cần thiết. Trong lúc này, chúng

measures, necessitated by world karma and the point of evolution of the race. I am not of course referring to the use of narcotics and of drugs by hysterical and unbalanced people, but to the judicious use of ameliorants of pain under the wise guidance of the physician.

có thể được xem như các biện pháp khẩn cấp, do nghiệp quả thế giới và điểm tiến hoá của nhân loại đòi hỏi. Dĩ nhiên, Tôi không nói đến việc dùng ma túy và thuốc men bởi những người cuồng loạn và mất quân bình, mà nói đến việc sử dụng thận trọng các phương tiện làm dịu đau dưới sự hướng dẫn minh triết của y sĩ.

4. *Fear of Failure*. This affects many people along many lines. The fear that one may fail to make good, the fear that we may not gain the love and admiration of those we love, the fear that others despise us or look down upon us, the fear that one may fail to see and grasp opportunity, these are all aspects of the fear complex which colours the lives of so many worthy people. This can be based upon an environment which is uncongenial and unappreciative, on an equipment which seems inadequate [306] to its task, and in many cases has its roots in the fact that a man is a disciple, or a really big soul ready to tread the Probationary Path.

4. *Nỗi sợ thất bại.* Điều này ảnh hưởng đến nhiều người trên nhiều đường hướng. Nỗi sợ rằng mình có thể không thành công, nỗi sợ rằng chúng ta có thể không giành được tình thương và sự ngưỡng mộ của những người chúng ta yêu, nỗi sợ rằng người khác khinh miệt hoặc xem thường chúng ta, nỗi sợ rằng mình có thể không thấy và nắm bắt được cơ hội — tất cả đều là các phương diện của phức cảm sợ hãi, vốn tô màu đời sống của rất nhiều người xứng đáng. Điều này có thể dựa trên một môi trường không thuận hợp và không biết trân trọng, trên một trang bị có vẻ không tương xứng [306] với nhiệm vụ của nó, và trong nhiều trường hợp có gốc rễ trong sự kiện rằng một người là đệ tử, hoặc là một linh hồn thật sự lớn lao, sẵn sàng bước vào Con Đường Dự Bị.

He has had a touch of soul contact; he has seen the vision and the possibility; he looks at his personality and ranges it up alongside the work to be done, and the quality of the people with whom that has brought him into contact. The result is an inferiority complex of a most powerful kind, because fed by real streams of force from above. Energy, we know, follows thought and is tinctured by the quality of that thought. The man turns a critical and disgusted eye upon his personality and by so doing feeds the very things which he deplores and thus renders himself still more inadequate to the task. It is a vicious circle of effort and must be offset by a complete realisation of the

Y đã có một chạm đến tiếp xúc linh hồn; y đã thấy linh ảnh và khả năng; y nhìn vào phàm ngã của mình và đặt nó bên cạnh công việc cần làm, cùng phẩm tính của những người mà công việc ấy đã đưa y vào tiếp xúc. Kết quả là một phức cảm tự ti thuộc loại mạnh mẽ nhất, vì nó được nuôi dưỡng bởi những dòng mãnh lực thật sự từ trên cao. Như chúng ta biết, năng lượng đi theo tư tưởng và bị nhuốm màu bởi phẩm tính của tư tưởng ấy. Con người hướng một con mắt phê phán và chán ghét vào phàm ngã của mình, và khi làm như vậy, y nuôi dưỡng chính những điều mà y than trách, nhờ đó khiến mình càng thêm bất túc đối với nhiệm vụ. Đó là một vòng luẩn quẩn của nỗ lực và phải

truth contained in the words: "As a man thinketh, so is he." As he dwells upon the nature of his omniscient soul, he becomes like that soul. His thought is focussed in the soul consciousness and he becomes that soul in manifestation through the medium of the personality.

được hóa giải bằng một sự nhận biết trọn vẹn chân lý chứa trong những lời: "Con người suy nghĩ thế nào, y là thế ấy." Khi y an trú trong bản chất của linh hồn toàn tri của mình, y trở nên giống như linh hồn ấy. Tư tưởng của y được tập trung trong tâm thức linh hồn, và y trở thành chính linh hồn ấy trong biểu hiện qua trung gian của phàm ngã.

This is but a brief summation of the major fears which afflict humanity and serves only to open up the subject and give opportunity for a few practical suggestions.

Đây chỉ là một tóm lược ngắn về những nỗi sợ chính yếu đang làm khổ nhân loại, và chỉ nhằm mở ra đề tài cũng như tạo cơ hội cho một vài gợi ý thực tiễn.

II. *Depression or its polar opposite, hilarity.* When we touch on the subject of depression we are dealing with something so widespread that few escape its attacks. It is like a miasma, a fog which environs the man and makes it impossible for him to see clearly, walk surely, and cognise Reality. It is part of the great astral illusion and, if this is grasped, it will become apparent why depression exists, for the cause of it is either astral or physical and incident to a world situation or a personal situation. We might therefore study depression in individuals and look at its causes. It is caused by: [307]

II. *Trầm cảm hoặc cực đối lập của nó là sự vui nhộn quá độ.* Khi chúng ta chạm đến đề tài trầm cảm, chúng ta đang xử lý một điều phổ biến đến mức ít người thoát khỏi các cuộc tấn công của nó. Nó giống như một chướng khí, một màn sương bao quanh con người và khiến y không thể thấy rõ, bước vững và nhận biết Thực Tại. Nó là một phần của ảo tưởng cảm dục lớn lao, và nếu điều này được nắm bắt, sẽ trở nên hiển nhiên vì sao trầm cảm tồn tại, bởi nguyên nhân của nó hoặc là cảm dục hoặc là hồng trần, và gắn liền với một tình trạng thế giới hoặc một tình trạng cá nhân. Vì vậy, chúng ta có thể nghiên cứu trầm cảm nơi các cá nhân và xem xét các nguyên nhân của nó. Nó do những điều sau gây ra: [307]

1. The world glamour. This sweeps an isolated unit, otherwise free from individual conditions producing depression, into the depths of a world reaction. This world glamour with its devitalising and depressing results has its roots in various factors which we have only the time to briefly indicate:

1. Ảo cảm thế giới. Điều này cuốn một đơn vị cô lập, vốn ngoài ra không bị các điều kiện cá nhân gây trầm cảm, vào chiều sâu của một phản ứng thế giới. Ảo cảm thế giới này, với các kết quả làm suy giảm sinh lực và gây trầm uất, có gốc rễ trong nhiều yếu tố khác nhau mà chúng ta chỉ có thời gian nêu vắn tắt:

a. Astrological factors, either affecting the planetary chart and hence individuals, or

a. Các yếu tố chiêm tinh, hoặc ảnh hưởng đến lá số hành tinh và do đó đến các cá nhân,

primarily racial. These two factors are oft overlooked.

hoặc chủ yếu thuộc về giống dân. Hai yếu tố này thường bị bỏ qua.

b. The path of the sun in the heavens. The southern path tends to a lowered vibratory influence and aspirants should bear this in mind in autumn and the early winter months.

b. Đường đi của mặt trời trên bầu trời. Đường đi phía nam có khuynh hướng tạo ảnh hưởng rung động thấp hơn, và những người chí nguyện nên ghi nhớ điều này trong các tháng mùa thu và đầu mùa đông.

c. The dark half of the moon, the period towards the end of the waning moon, and the early new moon. This, as you well know, affects the meditation work.

c. Nửa tối của mặt trăng, giai đoạn về cuối kỳ trăng tàn, và đầu kỳ trăng mới. Như các bạn biết rõ, điều này ảnh hưởng đến công việc tham thiền.

d. Psychological factors and mass inhibitions due undoubtedly to forces external to the planet and to plans, obscure in their intent to ordinary humanity. These forces, playing upon the human race, affect the most sensitive; they in their turn affect their environment and gradually a momentum is established which sweeps through a race or a nation, through a period or a cycle of years, and produces conditions of profound depression and of mutual distrust. It causes a sad self-absorption and this we term a panic or a wave of unrest. The fact that the working out may be military, economic, social or political, that it may take the form of a war, of a religious inquisition, of financial stringency or international distrust is incidental. The causes lie back in the blue prints of the evolutionary process

d. Các yếu tố tâm lý và những ức chế tập thể, chắc chắn do các mãnh lực bên ngoài hành tinh và do những kế hoạch có ý định mơ hồ đối với nhân loại bình thường. Những mãnh lực này, khi tác động lên nhân loại, ảnh hưởng đến những người nhạy cảm nhất; đến lượt họ, họ ảnh hưởng đến môi trường của mình, và dần dần một đà lực được thiết lập, quét qua một giống dân hay một quốc gia, qua một thời kỳ hay một chu kỳ năm tháng, và tạo ra những tình trạng trầm cảm sâu sắc cùng sự ngờ vực lẫn nhau. Nó gây nên một sự tự thu mình buồn bã, và điều này chúng ta gọi là một cơn hoảng loạn hay một làn sóng bất an. Việc sự biểu hiện có thể là quân sự, kinh tế, xã hội hay chính trị, có thể mang hình thức chiến tranh, cuộc truy bức tôn giáo, sự thắt chặt tài chính hay sự ngờ vực quốc tế, chỉ là điều phụ thuộc. Các nguyên nhân nằm sâu trong những bản thiết kế của tiến trình tiến hoá

and are governed—even if unrealised—by the good Law. [308]

và được chi phối — dù không được nhận ra — bởi Định luật thiện hảo. [308]

2. Astral polarisation. Just as long as a man identifies himself with his emotional body, just as long as he interprets life in terms of his moods and feelings, just as long as he reacts to desire, just so long will he have his

2. Sự phân cực cảm dục. Chừng nào con người còn đồng hoá mình với thể xúc cảm của mình, chừng nào y còn diễn giải đời sống theo các tâm trạng và cảm xúc của mình, chừng nào y còn phản ứng với dục

moments of despair, of darkness, of doubt, of dire distress, and of depression. They are due to delusion, to the glamour of the astral plane, which distorts, reverses and deceives. There is no need to dwell on this. If there is one factor aspirants recognise it is the need of freeing themselves from the Great Illusion. Arjuna knew this, yet succumbed to despair. Yet in his hour of need, Krishna failed him not, but laid down in the *Gita* the simple rules whereby depression and doubt can be overcome. They may be briefly summarised as follows:

vọng, thì chừng ấy y vẫn sẽ có những khoảnh khắc tuyệt vọng, tối tăm, hoài nghi, khổ đau dữ dội và trầm cảm. Chúng do mê lầm, do ảo cảm của cõi cảm dục, vốn bóp méo, đảo ngược và lừa dối. Không cần phải bàn dài về điều này. Nếu có một yếu tố mà những người chí nguyện nhận ra, thì đó là nhu cầu giải phóng mình khỏi Ảo Tưởng Lớn Lao. Arjuna biết điều này, nhưng vẫn khuất phục trước tuyệt vọng. Tuy nhiên, trong giờ phút cần thiết của ông, Đức Krishna đã không bỏ rơi ông, mà đã nêu ra trong *Chí Tôn Ca* những quy luật đơn giản nhờ đó trầm cảm và hoài nghi có thể được vượt qua. Chúng có thể được tóm tắt vắn tắt như sau:

a. Know thyself to be the undying One.

a. Hãy biết chính mình là Đấng bất tử.

b. Control thy mind, for through that mind the undying One can be known.

b. Hãy kiểm soát thể trí của ngươi, vì qua thể trí ấy Đấng bất tử có thể được biết.

c. Learn that the form is but the veil which hides the splendour of Divinity.

c. Hãy học rằng hình tướng chỉ là tấm màn che giấu huy hoàng của Thiên Tính.

d. Realise that the One Life pervades all forms so that there is no death, no distress, no separation.

d. Hãy nhận biết rằng Một Sự Sống thấm nhuần mọi hình tướng, nên không có cái chết, không có khổ đau, không có chia ly.

e. Detach thyself therefore from the form side and come to Me, so dwelling in the place where Light and Life are found. Thus illusion ends.

e. Vì vậy, hãy tách rời khỏi phía hình tướng và đến với Ta, nhờ đó an trú nơi Ánh sáng và Sự Sống được tìm thấy. Như thế ảo tưởng chấm dứt.

It is his astral polarisation which lays a man open to his many emotional reactions and to waves of mass feeling of any kind. This is the cause of his being swept into that vortex of uncontrolled energy and misdirected emotional force which eventuates in a world war, a financial panic, a religious revival, or a lynching. It is this also that raises him to the heights of hilarity and of spurious happiness in which the “light deceptive” of

Chính sự phân cực cảm dục của y đặt con người trước nhiều phản ứng xúc cảm và các làn sóng cảm xúc tập thể thuộc mọi loại. Đây là nguyên nhân khiến y bị cuốn vào xoáy lốc năng lượng không được kiểm soát và mãnh lực xúc cảm bị định hướng sai, điều dẫn đến chiến tranh thế giới, khủng hoảng tài chính, cuộc phục hưng tôn giáo hay hành động tư hình. Cũng chính điều này nâng y lên những đỉnh cao của sự vui nhộn quá độ và hạnh

the astral plane uncovers to him false sources of amusement, or the mass hilarity —owing to his sensitivity—sweeps him into that hysterical condition which finds its vent [309] in unrestrained merriment and which is the opposite pole of unrestrained weeping. I refer not here to true merriment nor the proper sense of humour, but to those hysterical outbreaks of hilarity which are so common among the rank and file of humanity and lead to reactions of fatigue.

phúc giả tạo, trong đó "ánh sáng lừa dối" của cõi cảm dục hé lộ cho y những nguồn vui giả, hoặc sự vui nhộn tập thể — do tính nhạy cảm của y — cuốn y vào tình trạng cuồng loạn tìm lối thoát [309] trong tiếng cười không kiềm chế, và là cực đối lập của sự khóc lóc không kiềm chế. Ở đây Tôi không nói đến niềm vui chân thật hay ý thức hài hước đúng đắn, mà nói đến những bộc phát cuồng loạn của sự vui nhộn quá độ rất phổ biến trong đại đa số nhân loại và dẫn đến các phản ứng mệt mỏi.

3. A devitalised condition of the physical body. This is due to various causes, such as:

3. Một tình trạng suy giảm sinh lực của thể xác. Điều này do nhiều nguyên nhân khác nhau, chẳng hạn:

a. A depleted etheric or vital body.

a. Một thể dĩ thái hay thể sinh lực bị cạn kiệt.

b. Physical disease, either inherent or brought over from another life, accidental, or due to wrong emotional reactions, or produced as the result of group karma, such as an epidemic.

b. Bệnh tật thể xác, hoặc vốn có, hoặc được mang qua từ một đời sống khác, do tai nạn, do các phản ứng xúc cảm sai lầm, hoặc được tạo ra như kết quả của nghiệp quả nhóm, chẳng hạn một trận dịch.

c. Atmospheric. This is sometimes overlooked, but the condition of the atmosphere, the nature of the climate, the density, humidity or dryness, the heat or cold have a definite effect upon the psychological outlook.

c. Khí quyển. Điều này đôi khi bị bỏ qua, nhưng tình trạng khí quyển, bản chất của khí hậu, độ đậm đặc, độ ẩm hay khô, nóng hay lạnh, có ảnh hưởng rõ rệt lên cái nhìn tâm lý.

You will find, if you study, that all subsidiary and temporary causes of depression and its opposite can be grouped under one of these three heads, and when one has ascertained the cause, the cures will become apparent.

Nếu các bạn nghiên cứu, các bạn sẽ thấy rằng mọi nguyên nhân phụ thuộc và tạm thời của trầm cảm cùng đối cực của nó có thể được nhóm dưới một trong ba đề mục này; và khi đã xác định được nguyên nhân, các phương thuốc sẽ trở nên hiển nhiên.

I have dealt somewhat at length with the two first manifestations of astral force—Fear —fear of death, of the future, of suffering, of failure, and the many lesser fears to which

Tôi đã bàn khá dài về hai biểu hiện đầu tiên của mãnh lực cảm dục—Sợ hãi—sợ chết, sợ tương lai, sợ đau khổ, sợ thất bại, và nhiều nỗi sợ nhỏ hơn mà nhân loại phải chịu—và

humanity is subject—and Depression—because these two fears constitute for man the Dweller on the Threshold in this age and cycle. Both of them indicate sentient reaction to psychological factors and cannot be dealt with by the use of another factor such as courage. They must be met by the omniscience of the soul working through the mind, —not by its omnipotence. In this is to be found an occult hint. I shall not deal with the other factors listed, such as desire for happiness, for the satisfaction of the animal appetites, and [310] for liberation, for these do not constitute for the majority such a problem as the first two. One could write at length on the manifestation and the cause of all these, but when fear and depression are overcome, the race will enter into its heritage of happiness, of true satisfaction (of which the cravings above indicated are but the symbols) and of liberation. Let us deal with the basic evils first. Once they have been dominated all that remains is right orientation and polarisation in the soul.

Chán nản—bởi vì hai nỗi sợ này tạo thành Kẻ Chận Ngõ đối với con người trong thời đại và chu kỳ này. Cả hai đều biểu thị phản ứng cảm thụ trước các yếu tố tâm lý và không thể được xử lý bằng cách dùng một yếu tố khác như lòng can đảm. Chúng phải được đối diện bằng sự toàn tri của linh hồn hoạt động qua thể trí, chứ không phải bằng sự toàn năng của linh hồn. Chính trong điều này có một gợi ý huyền bí. Tôi sẽ không bàn đến các yếu tố khác đã liệt kê, như ham muốn hạnh phúc, ham muốn thỏa mãn các dục vọng thú tính, và [310] ham muốn giải thoát, vì đối với đa số, những điều này không tạo thành một vấn đề như hai điều đầu. Người ta có thể viết rất dài về sự biểu hiện và nguyên nhân của tất cả những điều này, nhưng khi sợ hãi và chán nản được vượt qua, nhân loại sẽ bước vào di sản của mình: hạnh phúc, sự thỏa mãn chân thật—mà những thèm khát nêu trên chỉ là các biểu tượng—và sự giải thoát. Trước hết, chúng ta hãy bàn đến những điều ác căn bản. Một khi chúng đã bị chế ngự, tất cả những gì còn lại là sự định hướng đúng và sự phân cực trong linh hồn.

We will next consider the overcoming of wrong vibration in the astral body and the use of astral energy in the right direction.

Tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét việc vượt qua rung động sai lầm trong thể cảm dục và việc sử dụng năng lượng cảm dục theo chiều hướng đúng.

We have been dealing at length with the subject of the astral or sentient body, and have considered the various wrong ways in which it makes its presence felt. Humanity vibrates primarily in one or other of these ways, and the sentient body of the average human being is scarcely ever free from some mood, some fear, some excitement. This has provided a condition whereby the solar plexus centre is abnormally developed. In the bulk of humanity the sacral centre and the solar plexus govern the life, and that is why desire for material living and for the sex

Chúng ta đã bàn khá dài về đề tài thể cảm dục hay thể cảm thụ, và đã xem xét những cách sai lầm khác nhau qua đó nó làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận. Nhân loại rung động chủ yếu theo cách này hay cách khác trong số các cách ấy, và thể cảm thụ của con người trung bình hầu như không bao giờ thoát khỏi một tâm trạng nào đó, một nỗi sợ nào đó, một sự kích động nào đó. Điều này đã tạo nên một tình trạng trong đó trung tâm tùng thái dương phát triển bất thường. Trong phần lớn nhân loại, trung tâm xương cùng và tùng thái dương chi phối

life are so closely blended. The solar plexus in the animal is the brain and governs all the instinctual reactions, but is not so closely allied with the purely sex expression as it is in the human being. When the brain is becoming sensitive to the awakening mind and is not so entirely occupied with the mechanism which registers sensory impression, we shall have the orientation which will eventually raise the consciousness into those centres which lie above the diaphragm. The solar plexus will then again be relegated to its old function as a directing agent of the purely instinctual animal life. For the advanced pupil in the world, the solar plexus is largely the organ of psychic sensitivity and will remain so until the higher psychic powers supersede the lower [311] and man functions as a soul. Then the sensory life will drop below the threshold of consciousness.

đời sống, và đó là lý do vì sao ham muốn đời sống vật chất và đời sống tính dục lại hòa quyện chặt chẽ đến thế. Tùng thái dương nơi con vật là bộ não và chi phối mọi phản ứng bản năng, nhưng không liên kết mật thiết với biểu hiện tính dục thuần túy như nơi con người. Khi bộ não trở nên nhạy bén với thể trí đang thức tỉnh và không còn hoàn toàn bận rộn với bộ máy ghi nhận ấn tượng giác quan, chúng ta sẽ có sự định hướng rốt cuộc nâng tâm thức lên các trung tâm nằm phía trên cơ hoành. Khi ấy, tùng thái dương sẽ lại được đưa trở về chức năng cũ của nó như một tác nhân điều hướng đời sống thú tính thuần bản năng. Đối với người học trò tiến hóa trên thế gian, tùng thái dương phần lớn là cơ quan của sự nhạy cảm thông linh và sẽ vẫn như vậy cho đến khi các quyền năng thông linh cao thay thế các quyền năng thấp [311] và con người hoạt động như một linh hồn. Khi đó đời sống giác quan sẽ rơi xuống dưới ngưỡng của tâm thức.

Webinar Program 28 – Rule 10.12

The Right Use of Energy

In considering the overcoming of wrong vibration and the right direction of astral energy it might be of value here if we were very briefly to list the major energies which impress the human organism and circulate through the sentient body of man.

Khi xem xét việc vượt qua rung động sai lầm và hướng dẫn đúng đắn năng lượng cảm dục, có lẽ sẽ hữu ích nếu ở đây chúng ta liệt kê thật ngắn gọn các năng lượng chính tác động lên cơ cấu con người và lưu chuyển qua thể cảm thụ của con người.

1. Energies passing and repassing through the sentient body of the planet itself. This is, in other words, the astral body of the spirit of the earth. This entity is *not* the planetary Logos, but a being of great power on the involutionary arc, who holds the same relation to the planetary Logos as the astral elemental does to the human being. Facts about this life will be found in the *Treatise on Cosmic Fire*. Its life is the aggregate of a

1. Các năng lượng đi qua và trở lại xuyên qua thể cảm thụ của chính hành tinh. Nói cách khác, đây là thể cảm dục của tinh linh địa cầu. Thực thể này *không* phải là Đức Hành Tinh Thượng Đế, mà là một thực thể có quyền năng lớn trên cung giáng hạ tiến hoá, giữ cùng một mối quan hệ với Đức Hành Tinh Thượng Đế như hành khí cảm dục đối với con người. Các sự kiện về sự sống này sẽ được tìm thấy trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Sự

vast number of lives, and those lunar pitris or lesser builders who constitute the sentient life of the personality aspect of the planetary Logos—a more potent force for good and also for evil, as we use the word "evil". Evil, per se, is non-existent, as is good in the sense of the pairs of opposites. Only in time and in space are there varying states of consciousness, producing differing outer effects. The energy of this involutionary life has a potent effect on that other tiny involutionary life which constitutes our astral elemental. The fact that protects from complete sensitive identification with this greater life is man's individuality and the potency of his rapidly coordinating personality.

sống của nó là tổng hợp của một số lượng sự sống vô cùng lớn, và của những thái âm tổ phụ hay các vị tiểu kiến tạo cấu thành đời sống cảm thụ của phương diện phàm ngã của Đức Hành Tinh Thượng Đế—một mãnh lực mạnh mẽ hơn cho điều thiện và cũng cho điều ác, theo cách chúng ta dùng từ "ác". Điều ác, xét chính nó, không hiện hữu, cũng như điều thiện theo nghĩa của các cặp đối cực cũng không hiện hữu. Chỉ trong thời gian và không gian mới có những trạng thái tâm thức biến đổi, tạo ra các hiệu quả bên ngoài khác nhau. Năng lượng của sự sống giáng hạ tiến hoá này có một ảnh hưởng mạnh mẽ lên sự sống giáng hạ tiến hoá nhỏ bé khác cấu thành hành khí cảm dục của chúng ta. Điều bảo vệ con người khỏi sự đồng hoá cảm thụ hoàn toàn với sự sống lớn hơn này là cá tính của y và quyền năng của phàm ngã đang nhanh chóng phối hợp của y.

Man is an individual. He is the result of other factors and the combination of these factors constitutes his protection from complete absorption in the planetary sentient life, as is the case with the animals. At death, man's astral body disintegrates and then its particles [312] again constitute undifferentiated fragments of the great whole.

Con người là một cá thể. Y là kết quả của những yếu tố khác, và sự phối hợp của các yếu tố này tạo thành sự bảo vệ của y khỏi bị hấp thu hoàn toàn vào đời sống cảm thụ của hành tinh, như trường hợp nơi các loài vật. Khi chết, thể cảm dục của con người tan rã và rồi các hạt của nó [312] lại cấu thành những mảnh chưa biến phân của toàn thể vĩ đại.

2. Certain astral energies, emanating from some planetary forms which as yet exist not in the form of physical planets, nor yet in the etheric realm, but which are enclosed within the ring-pass-not of our solar system. They represent, in the planetary sense, two groups of lives: —First, those astral shells of decaying and disintegrating planets which are to be seen by the initiate, still revolving around our sun, but which are nevertheless fast disappearing. Our moon will join their number when the complete disintegration of the outer form has taken place. Second,

2. Một số năng lượng cảm dục nhất định, xuất lộ từ vài hình tướng hành tinh hiện chưa tồn tại dưới hình thức các hành tinh hồng trần, cũng chưa ở trong cõi dĩ thái, nhưng được bao bọc trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời chúng ta. Theo ý nghĩa hành tinh, chúng biểu thị hai nhóm sự sống: thứ nhất, các vỏ cảm dục của những hành tinh đang suy tàn và tan rã, mà điểm đạo đồ có thể thấy, vẫn còn xoay quanh mặt trời của chúng ta, nhưng tuy vậy đang nhanh chóng biến mất. Mặt trăng của chúng ta sẽ gia nhập số đó khi sự tan rã hoàn toàn của hình tướng

the astral forms of those lesser solar lives on the evolutionary arc who are taking form slowly but have not yet taken an etheric body, and will never in this world period take a physical body. These two groups are the planetary correspondences to the re-incarnating types of men, and to those who have passed over and are slowly shedding their bodies, prior to eventual rebirth, or who have completely vacated their shells.

bên ngoài đã xảy ra. Thứ hai, các hình tướng cảm dục của những sự sống thái dương nhỏ hơn trên cung thăng thượng tiến hoá, đang chậm rãi thành hình nhưng chưa khoác lấy một thể dĩ thái, và trong chu kỳ thế giới này sẽ không bao giờ khoác lấy một thể xác. Hai nhóm này là những tương ứng hành tinh với các kiểu người tái lâm phàm, và với những người đã qua đời và đang chậm rãi rũ bỏ các thể của mình trước khi rốt cuộc tái sinh, hoặc đã hoàn toàn rời bỏ các vỏ của mình.

There are two of these astral forms in close proximity to our Earth, which are rapidly "decomposing", if I may so term it, and yet have a very potent influence. On account of this close relation, they produce two types of desire or of astral tendency among men. One produces much of that instinctual tendency to cruelty which one sees in children and in certain types of men, and the other has an effect upon the sex life and produces some of those tendencies to perversions which cause so much difficulty now. Sadistic tendencies and sex perversions find much strengthening influence from these dying astral emanations. In ancient days they were still more potent, being closer to our earth than now; hence the ritualistic cruelties and the horrors, for instance, of Sodom and Gomorrah. Their power is rapidly declining and it should be remembered that they would have no [313] power at all were there not in humanity itself certain instincts upon which these energies can work. It should also be remembered that in Lemurian times their influence was constructive, for in those days, the lesson of sex and the intelligent registering of pain had a place in the schemes of those who were endeavouring to lead animal man into human consciousness —not into soul consciousness or even into self-consciousness in those very early times.

Có hai hình tướng cảm dục như thế ở rất gần Trái Đất chúng ta, đang nhanh chóng "phân hủy", nếu tôi có thể gọi như vậy, nhưng vẫn có ảnh hưởng rất mạnh. Do mối liên hệ gần gũi này, chúng tạo ra hai loại ham muốn hay khuynh hướng cảm dục nơi con người. Một loại tạo ra phần lớn khuynh hướng bản năng về sự tàn nhẫn mà người ta thấy nơi trẻ em và nơi một số kiểu người nhất định; loại kia ảnh hưởng lên đời sống tính dục và tạo ra một số khuynh hướng lệch lạc gây nên rất nhiều khó khăn hiện nay. Những khuynh hướng bạo dâm và các lệch lạc tính dục nhận được nhiều ảnh hưởng tăng cường từ các xuất lộ cảm dục đang tàn lụi này. Vào thời cổ, chúng còn mạnh hơn nữa, vì ở gần Trái Đất chúng ta hơn hiện nay; do đó có những sự tàn nhẫn nghi lễ và những điều ghê rợn, chẳng hạn như ở Sodom và Gomorrah. Quyền năng của chúng đang nhanh chóng suy giảm, và cần nhớ rằng chúng sẽ không có [313] chút quyền năng nào nếu trong chính nhân loại không có một số bản năng nhất định để các năng lượng này tác động lên. Cũng cần nhớ rằng trong thời Lemuria, ảnh hưởng của chúng mang tính kiến tạo, vì vào thời đó, bài học về tính dục và sự ghi nhận đau đớn một cách thông minh có một vị trí trong các kế hoạch của những Đấng đang nỗ lực dẫn dắt người thú vào tâm thức nhân loại—chứ không phải vào tâm thức

linh hồn, hay thậm chí vào ngã thức trong những thời kỳ rất sơ khai ấy.

Close to our earth, on the road to rebirth, is a great Life in process of taking etheric form. This Life, being on the evolutionary arc and not constituting the life of a decaying shell, is having a real effect in the inauguration of the New Age. This effect is twofold: — through the emanations from the astral body of this great Life the work of breaking down the separative wall of individualism which demonstrates in man as selfishness and in nations as nationalism is carried forward. Through this rapidly integrating etheric body this Life is bringing the etheric body of our planet into a state of increased rapid vibration. Reference will be found in the *Treatise on Cosmic Fire* to an avatar from Sirius who comes to bring about certain planetary effects. This Life is not that avatar but is in the nature of a forerunner—of a St. John the Baptist, who "baptiseth with water (astral emanations) and the Holy Ghost". More information along these lines is not possible, but mention is made of it, as the energies coming from these two factors must be borne in mind.

Gần Trái Đất chúng ta, trên con đường tái sinh, có một Sự Sống vĩ đại đang trong tiến trình khoác lấy hình tướng dĩ thái. Sự Sống này, vì ở trên cung thăng thượng tiến hoá và không cấu thành sự sống của một vỏ đang suy tàn, đang có một ảnh hưởng thật sự trong việc mở đầu Kỷ Nguyên Mới. Ảnh hưởng này có hai mặt: qua các xuất lộ từ thể cảm dục của Sự Sống vĩ đại này, công việc phá vỡ bức tường chia rẽ của chủ nghĩa cá nhân—biểu hiện nơi con người như sự ích kỷ và nơi các quốc gia như chủ nghĩa dân tộc—được xúc tiến. Qua thể dĩ thái đang nhanh chóng tích hợp này, Sự Sống ấy đang đưa thể dĩ thái của hành tinh chúng ta vào một trạng thái rung động nhanh hơn. Trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* có đề cập đến một Đấng Hoá Thân từ Sirius đến để tạo ra một số hiệu quả hành tinh nhất định. Sự Sống này không phải là Đấng Hoá Thân ấy, nhưng có bản chất của một vị tiền phong—một Thánh John Tẩy Giả, Đấng "làm phép rửa bằng nước, tức các xuất lộ cảm dục, và bằng Chúa Thánh Thần". Không thể cung cấp thêm thông tin theo các đường hướng này, nhưng điều ấy được nhắc đến vì các năng lượng đến từ hai yếu tố này phải được ghi nhớ.

3. Astral energies emanating from the new sign of the zodiac into which we are now entering, the sign Aquarius. This sign, that of the water-carrier, is a living sign and an emotional sign. It will (through the effect of its potent force) stimulate the astral bodies of men into a new coherency, into a brotherhood of humanity which will ignore all racial and national differences and will [314] carry the life of men forward into synthesis and unity. This means a tide of unifying life of such power that one cannot now vision it, but which—in a thousand

3. Các năng lượng cảm dục xuất lộ từ dấu hiệu hoàng đạo mới mà hiện nay chúng ta đang bước vào, dấu hiệu Bảo Bình. Dấu hiệu này, dấu hiệu của người mang nước, là một dấu hiệu sống động và là một dấu hiệu cảm xúc. Nó sẽ, qua ảnh hưởng của mãnh lực mạnh mẽ của nó, kích thích các thể cảm dục của con người đi vào một sự cố kết mới, vào một tình huynh đệ của nhân loại vốn sẽ không để ý đến mọi khác biệt chủng tộc và quốc gia, và sẽ [314] đưa đời sống con người tiến tới tổng hợp và hợp nhất. Điều này hàm ý một triều lưu sự sống hợp nhất có quyền

years—will have welded all mankind into a perfect brotherhood. Its emotional effect will be to "purify" the astral bodies of men so that the material world ceases to hold such potent allure, and may in its later stages bring about a state of exaggeration as potent in the line of sentiency as that which we have undergone in the line of materiality! The final stages of all signs produce over-development of the factor on which they most potently work. At present the effect of this sign is constructive among the pioneers of the race, and destructive among the rank and file of humanity. Facts about the coming Aquarian age can be searched for in the current books on the subject and it profits not for me to enlarge upon them here.

năng đến mức hiện nay người ta không thể hình dung được, nhưng trong một ngàn năm nữa sẽ hàn gắn toàn thể nhân loại thành một tình huynh đệ hoàn hảo. Ảnh hưởng cảm xúc của nó sẽ là "thanh lọc" các thể cảm dục của con người, đến nỗi thế giới vật chất không còn nắm giữ sức quyến rũ mạnh mẽ như thế nữa, và trong các giai đoạn về sau, có thể đem lại một trạng thái phóng đại mạnh mẽ theo tuyến cảm thụ như trạng thái mà chúng ta đã trải qua theo tuyến vật chất! Các giai đoạn cuối của mọi dấu hiệu đều tạo ra sự phát triển quá mức của yếu tố mà chúng tác động mạnh nhất. Hiện nay, ảnh hưởng của dấu hiệu này mang tính kiến tạo nơi những người tiên phong của nhân loại, và mang tính phá hoại nơi đại đa số nhân loại. Các sự kiện về thời đại Bảo Bình đang đến có thể được tìm kiếm trong các sách hiện hành về đề tài này, và tôi không cần mở rộng thêm ở đây.

4. Faint emanations from the sacred "heart of the sun", unrecognized by the masses but instantly calling forth response from the mystics of the race who are asserting increasingly a group integrity of a very real moment and interest. These emanations are too high to be sensed by humanity at large, but the mystics react and are drawn together by the sensing of the new vibration. Their work is then to step down the vibration so that its effects can be sensed in time by the foremost of the race. The work of this group of mystics must therefore inevitably grow, for the "heart of the solar Logos" beats now in closer rhythm with this planet than has heretofore been the case (this not being a sacred planet.) The love and thought of that divine Life is turned towards this "little daughter of a long lost son", as our planet is sometimes called in the occult books of the Great Ones.

4. Những xuất lộ yếu ớt từ "trái tim của mặt trời" thiêng liêng, không được quần chúng nhận ra nhưng tức khắc gợi lên đáp ứng từ các nhà thần bí của nhân loại, những người đang ngày càng khẳng định một sự toàn vẹn nhóm có ý nghĩa và giá trị rất thật. Những xuất lộ này quá cao để nhân loại nói chung cảm nhận được, nhưng các nhà thần bí phản ứng và được kéo lại với nhau nhờ cảm nhận rung động mới. Khi ấy, công việc của họ là hạ thấp rung động ấy xuống để đến kỳ, các hiệu quả của nó có thể được những người dẫn đầu nhân loại cảm nhận. Do đó, công việc của nhóm nhà thần bí này tất yếu phải tăng trưởng, vì "trái tim của Thái dương Thượng đế" hiện đang đập theo nhịp điệu gần gũi hơn với hành tinh này so với trước kia, hành tinh này vốn không phải là một hành tinh thiêng liêng. Tình thương và tư tưởng của Sự Sống thiêng liêng ấy đang hướng về "đứa con gái nhỏ của một người con trai đã thất lạc từ lâu", như hành tinh chúng ta đôi khi được

gọi trong các sách huyền bí của Các Đấng Cao Cả.

5. Another mass emanation which sweeps the astral body of man into strenuous activity is the impulsive desire of the astral body of the fourth or human kingdom, [315] viewing it as a whole, or as the expression of a life. This sentient body of humanity responds in an unrealised manner to all the four above types of astral energy and according to the calibre of the individual astral body, and according to the stage of development so will come response. It is in this fact that the roots of mass psychology and of mob rule lie. Also the roots of public opinion, so-called, are to be found here, but it will be long before the psychologists of the academic schools will recognize these four factors. It is with this type of sentient response that the leaders of men seek to work, moulding the thoughts of men in order to awaken desire for this, that and the other. They work with this type of sentient matter without the least understanding of the situation, and without any comprehension of the factors with which they are dealing; they work magnetically if on the second ray, and with the inspiring of fear through destruction if on the first ray. If on the third ray, they use the Law of Expediency. Thus all three work with the astral bodies of men, and their capacity to succeed is dependent largely upon their own type of astral body, and its power to attract others who are sufficiently developed to respond with adequate sentiency and then to carry forward the good work. The man in the street is therefore the victim of the astral potency of those who drive him either for their own ends or for the good of his soul—for it works in both directions.

5. Một xuất lộ đại chúng khác cuốn thể cảm dục của con người vào hoạt động căng thẳng là ham muốn thôi thúc của thể cảm dục thuộc giới thứ tư hay giới nhân loại, [315] xét như một toàn thể, hay như biểu hiện của một sự sống. Thể cảm thụ này của nhân loại đáp ứng một cách chưa được nhận ra với cả bốn loại năng lượng cảm dục nêu trên, và tùy theo tầm vóc của thể cảm dục cá nhân, cũng như tùy theo giai đoạn phát triển, đáp ứng sẽ xuất hiện. Chính trong sự kiện này nằm rễ của tâm lý quần chúng và sự thống trị của đám đông. Những rễ của cái gọi là dư luận công chúng cũng được tìm thấy ở đây, nhưng còn lâu các nhà tâm lý học thuộc các trường phái hàn lâm mới nhận ra bốn yếu tố này. Chính với loại đáp ứng cảm thụ này mà các nhà lãnh đạo con người tìm cách làm việc, uốn nắn tư tưởng của con người để khơi dậy ham muốn đối với điều này, điều kia và điều khác. Họ làm việc với loại chất liệu cảm thụ này mà không hề thấu hiểu tình thế, và không hề có bất kỳ nhận thức nào về các yếu tố mà họ đang xử lý; nếu thuộc cung hai, họ làm việc bằng từ tính, và nếu thuộc cung một, họ làm việc bằng cách khơi dậy sợ hãi qua sự phá hủy. Nếu thuộc cung ba, họ dùng Định luật Cơ Nghi. Như vậy, cả ba đều làm việc với các thể cảm dục của con người, và khả năng thành công của họ phần lớn tùy thuộc vào loại thể cảm dục của chính họ, và vào quyền năng của nó trong việc thu hút những người khác đã phát triển đủ để đáp ứng với sự cảm thụ thích đáng, rồi tiếp tục công việc tốt đẹp. Vì thế, người bình thường trên đường phố là nạn nhân của quyền năng cảm dục của những kẻ thúc đẩy y, hoặc vì mục đích riêng của họ, hoặc vì lợi ích của linh hồn y—vì nó hoạt động theo cả hai hướng.

6. The astral life, or sensitive emanations of a man's surrounding family or friends. They affect him far more than he may credit, or he may affect them, according to which side is positive and which is negative. Everyone we meet, or contact, every person with whom we live or daily consort has an effect upon us, either for good or evil. They either stir up our emotional nature in a good and high sense, and so aid its work of re-orientation, or they lower its standard so that progress is hindered and [316] the work of drawing downwards towards materiality is carried forward. This we know well, and it is unnecessary for me to enlarge upon it here.

6. Đời sống cảm dục, hay các xuất lộ nhạy cảm của gia đình hoặc bạn bè chung quanh một người. Chúng ảnh hưởng đến y nhiều hơn y có thể tin, hoặc y có thể ảnh hưởng đến họ, tùy bên nào là dương và bên nào là âm. Mỗi người chúng ta gặp hoặc tiếp xúc, mỗi người mà chúng ta sống chung hoặc giao du hằng ngày đều có ảnh hưởng đến chúng ta, hoặc theo hướng thiện hoặc theo hướng ác. Họ hoặc khuấy động bản chất cảm xúc của chúng ta theo một ý nghĩa tốt đẹp và cao thượng, và như vậy trợ giúp công việc tái định hướng của nó, hoặc họ hạ thấp tiêu chuẩn của nó khiến sự tiến bộ bị cản trở và [316] công việc kéo xuống vật chất được xúc tiến. Chúng ta biết rõ điều này, và tôi không cần mở rộng thêm ở đây.

Webinar Program 29 – Rule 10.13

7. The emotional (astral sentient) equipment with which a man enters into life, which he utilises, and which he builds as life progresses. Many a man is the victim of an emotional body which he has himself constructed as he responded to the energies of the groups enumerated above. The astral body reacts to all emanations of a sensitive character in three ways:

7. Trang bị cảm xúc, tức cảm thụ cảm dục, mà một người mang vào đời sống, sử dụng và xây dựng khi đời sống tiến triển. Biết bao người là nạn nhân của một thể cảm xúc do chính y tự kiến tạo khi y đáp ứng với các năng lượng của những nhóm đã được liệt kê ở trên. Thể cảm dục phản ứng với mọi xuất lộ có tính nhạy cảm theo ba cách:

a. *Emotional.* The astral body is swept into response of some kind to the emanations of the astral bodies—group bodies or individual—of those surrounding him. This phrase warrants careful study.

a. *Cảm xúc.* Thể cảm dục bị cuốn vào một loại đáp ứng nào đó trước các xuất lộ của các thể cảm dục—thể nhóm hay thể cá nhân—của những người chung quanh y. Cụm từ này đáng được nghiên cứu cẩn thận.

b. *Sensitive.* There is always a registering of all impressions by the sensitive astral body, even if emotional response lacks, and disciples have to learn to distinguish carefully between the two. Sometimes when emotional reaction lacks, as generally understood, there is nevertheless a

b. *Nhạy cảm.* Luôn luôn có sự ghi nhận mọi ấn tượng bởi thể cảm dục nhạy cảm, ngay cả khi thiếu đáp ứng cảm xúc; và các đệ tử phải học phân biệt cẩn thận giữa hai điều này. Đôi khi, khi thiếu phản ứng cảm xúc theo cách thường hiểu, vẫn có sự ghi nhận nguyên

registering of the originating cause which sought to bring about an effect on the emotional body.

nhân khởi phát đã tìm cách tạo ra một hiệu quả trên thể cảm xúc.

c. *Simple reaction.* The registering or the refusal to register or respond to an impact, to an emotional impression. This can be either good or bad.

c. *Phản ứng đơn giản.* Sự ghi nhận hoặc sự từ chối ghi nhận hay đáp ứng trước một tác động, một ấn tượng cảm xúc. Điều này có thể tốt hoặc xấu.

In all three cases, one or other of the pairs of opposites is chosen and the choice depends upon the quality of the astral mechanism of the man concerned. A fourth method involves complete detachment from the emotional body altogether, and a complete capacity to isolate oneself from any sensory impression at will—in order to serve with greater efficiency and to love with greater intelligence. Forget not that in the last analysis, love and emotion are *not* the same. [317]

Trong cả ba trường hợp, một bên này hay bên kia của các cặp đối cực được chọn, và sự chọn lựa tùy thuộc vào phẩm tính của cơ cấu cảm dục nơi người liên hệ. Một phương pháp thứ tư bao hàm sự tách rời hoàn toàn khỏi thể cảm xúc, và năng lực trọn vẹn để cô lập chính mình khỏi bất kỳ ấn tượng giác quan nào theo ý muốn—nhằm phụng sự hữu hiệu hơn và yêu thương với trí tuệ hơn. Đừng quên rằng xét đến cùng, tình thương và cảm xúc *không* phải là một. [317]

The practical question now arises: How is one to overcome the wrong vibration?

Giờ đây nảy sinh câu hỏi thực tiễn: Làm thế nào để vượt qua rung động sai lầm?

First: —It is necessary that one recognises what wrong vibration is, and that one is able to register reaction. A vibration, an impulse, an emotion, a desire originate in a lower aspect of the form side. They differ from an emanation coming from the soul. The two impacts upon the sentient body must be recognised as different. The question has to be asked: Is this reaction a response to personality life or is it a response to the soul consciousness? Does this impulse which seeks to sweep my sentient body into activity come from the divine Life within me or is it coming from the form aspect in any of its manifestations? Does it cause my astral body to become active in such a way that those who are en rapport with me are hurt thereby or helped? Are they hindered or aided?

Thứ nhất: cần phải nhận ra rung động sai lầm là gì, và có khả năng ghi nhận phản ứng. Một rung động, một xung lực, một cảm xúc, một ham muốn phát sinh từ một phương diện thấp của phía hình tướng. Chúng khác với một xuất lộ đến từ linh hồn. Hai tác động lên thể cảm thụ phải được nhận ra là khác nhau. Cần đặt câu hỏi: Phản ứng này là một đáp ứng với đời sống phàm ngã, hay là một đáp ứng với tâm thức linh hồn? Xung lực này, vốn tìm cách cuốn thể cảm thụ của tôi vào hoạt động, đến từ Sự Sống thiêng liêng bên trong tôi, hay đến từ phương diện hình tướng trong một biểu hiện nào đó của nó? Nó có khiến thể cảm dục của tôi trở nên hoạt động theo cách làm tổn hại hay trợ giúp những người có giao cảm với tôi không? Họ bị cản trở hay được trợ giúp?

A close study of one's emotional reactions brings one to the consideration of that basic characteristic which cannot be over-emphasized in view of the world's present condition. *Harmlessness*. I tell you that the achieving of harmlessness in the positive sense (not in the negative) means the attainment of that step which leads definitely to the Portal of Initiation. When first mentioned, it sounds of small moment, and to bring the whole subject of initiation into such small account that it becomes unimportant. But let him who so thinks practice that positive harmlessness which works out in right thought (because based on intelligent love), right speech (because governed by self-control), and right action (because founded on an understanding of the Law), and he will find that the attempt will call forth all the resources of his being and take much time to achieve. It is not the harmlessness that comes from weakness and sentimental loving disposition, which dislikes trouble because it upsets the settled

Việc nghiên cứu kỹ các phản ứng cảm xúc của mình đưa người ta đến việc xem xét đặc tính căn bản mà dù nhấn mạnh đến đâu cũng không quá mức, xét theo tình trạng hiện tại của thế giới. *Tính vô tổn hại*. Tôi nói với các bạn rằng việc đạt được tính vô tổn hại theo nghĩa tích cực, chứ không theo nghĩa tiêu cực, có nghĩa là đạt đến bước chắc chắn dẫn tới Cổng Điểm Đạo. Khi mới được nhắc đến, điều ấy nghe có vẻ không quan trọng, và dường như hạ toàn bộ đề tài điểm đạo xuống một mức nhỏ bé đến mức nó trở nên không đáng kể. Nhưng người nào nghĩ như vậy hãy thực hành tính vô tổn hại tích cực, vốn biểu hiện trong tư tưởng đúng—vì đặt nền trên tình thương thông minh—trong lời nói đúng—vì được chế ngự bởi sự tự chủ—và trong hành động đúng—vì đặt nền trên sự thấu hiểu Định luật; y sẽ thấy rằng nỗ lực ấy sẽ kêu gọi mọi tài nguyên của bản thể y và cần nhiều thời gian để đạt được. Đó không phải là tính vô tổn hại phát sinh từ sự yếu đuối và khuynh hướng yêu thương ủy mị, vốn không thích rắc rối vì nó làm xáo

harmony of life and leads to consequent [318] discomfort. It is not the harmlessness of the little evolved negative impotent man or woman, who has not the power to hurt because possessing so little equipment wherewith damage can be done.

trộn sự hòa hợp ổn định của đời sống và dẫn đến [318] sự khó chịu tiếp theo. Đó không phải là tính vô tổn hại của người nam hay người nữ tiêu cực, bất lực và ít tiến hóa, người không có năng lực gây tổn hại vì sở hữu quá ít trang bị để có thể gây hại.

It is the harmlessness that springs from true understanding and control of the personality by the soul, that leads inevitably to spiritual expression in every-day life. It emanates from a capacity to enter into the consciousness and to penetrate into the realisation of one's brother, and when this has been accomplished—all is forgiven and all is lost sight of in the desire to aid and to help.

Đó là tính vô tổn hại phát sinh từ sự thấu hiểu chân thật và sự kiểm soát phàm ngã bởi linh hồn, dẫn tất yếu đến biểu hiện tinh thần trong đời sống hằng ngày. Nó xuất lộ từ năng lực bước vào tâm thức và thâm nhập vào sự chứng nghiệm của huynh đệ mình; và khi điều này đã được hoàn thành, mọi sự đều được tha thứ và mọi sự đều bị lãng quên trong ham muốn nâng đỡ và trợ giúp.

Response to wrong vibration will not be basically prevented by the methods of either "building a shell", or by "insulation" through the power of mantrams and visualisation. These two methods are temporary expedients by which those who as yet have somewhat to learn seek to protect themselves. The building of a shell leads to separativeness, as you well know, and necessitates the eventual overcoming of the habit of shell-building, and a shattering and consuming of the shells already built. This latter can be more easily done than the overcoming of the habit. Automatically the building process goes on until finally the aspirant has built so many ramparts around himself that he can neither get out nor can any contacts be made with him. The process of insulation, which is a more advanced practice and calls for more magical knowledge, consists of the emanating of certain energies of the vital body in a particular direction, which serve to keep other energies at a distance through what is called impact. Through this impact upon approaching energies, they are reversed and

Đáp ứng với rung động sai lầm sẽ không được ngăn chặn tận gốc bằng các phương pháp "xây một cái vỏ" hay "cách ly" bằng quyền năng của các mantram và sự hình dung. Hai phương pháp này là những phương tiện tạm thời mà những người còn phải học hỏi thêm dùng để tìm cách tự bảo vệ. Việc xây dựng một cái vỏ dẫn đến sự chia rẽ, như các bạn biết rõ, và tất yếu đòi hỏi về sau phải vượt qua thói quen xây vỏ, đồng thời phá vỡ và thiêu hủy những cái vỏ đã được xây dựng. Điều sau có thể làm dễ dàng hơn so với việc vượt qua thói quen. Tiến trình xây dựng cứ tự động tiếp diễn cho đến cuối cùng người chí nguyện đã xây quá nhiều thành lũy chung quanh chính mình đến nỗi y không thể thoát ra, cũng không ai có thể tiếp xúc với y. Tiến trình cách ly, vốn là một thực hành cao hơn và đòi hỏi nhiều tri thức huyền thuật hơn, bao gồm việc phóng xuất một số năng lượng nhất định của thể sinh lực theo một hướng đặc biệt, nhằm giữ các năng lượng khác ở khoảng cách xa bằng cái được gọi là tác động. Qua tác động này lên các năng lượng đang tiến đến, chúng bị đảo chiều và được gửi sang

sent in another direction. But those energies must go somewhere, and should they damage another person, is not the one who reversed their direction through a desire to protect himself responsible?

một hướng khác. Nhưng các năng lượng ấy phải đi đến một nơi nào đó; và nếu chúng gây hại cho một người khác, chẳng phải người đã đảo chiều chúng vì ham muốn tự bảo vệ mình phải chịu trách nhiệm hay sao?

The practice of *harmlessness* is the best and easiest [319] way for the aspirant to work. There is then nothing in him which is inimical to any life in any form, and he therefore attracts to himself only that which is beneficent. He uses the beneficent forces thus attracted for the helping of other beings. This has to be the first step, and the discipline it entails and the constant supervision of all the activities on the three planes of human evolution and of all reactions bring the emotional body under the dominance of the illumined mind. They also bring about the understanding of one's fellow men.

Việc thực hành *tính vô tổn hại* là cách tốt nhất và dễ nhất [319] để người chí nguyện làm việc. Khi ấy, trong y không có gì thù nghịch với bất kỳ sự sống nào trong bất kỳ hình tướng nào, và do đó y chỉ thu hút về mình những gì thiện lành. Y sử dụng các mãnh lực thiện lành được thu hút như thế để trợ giúp các sinh linh khác. Đây phải là bước đầu tiên, và kỷ luật mà nó đòi hỏi cùng sự giám sát liên tục mọi hoạt động trên ba cõi của sự tiến hóa nhân loại và mọi phản ứng sẽ đưa thể cảm xúc vào dưới quyền chi phối của thể trí được soi sáng. Chúng cũng đem lại sự thấu hiểu đối với đồng loại của mình.

There is secondly, a later stage wherein the disciple learns to absorb and transmute the wrong vibrations and the energies which are destructive. He has no shells nor barriers. He does not insulate himself nor isolate himself from his brothers. Through harmlessness he has learnt to neutralise all evil emanations. Now he acts with a positiveness of a new kind. Definitely and with full awareness of what he is doing, he gathers into himself all the evil emanations (destructive energies, and wrong forces) and he breaks them up into their component parts and returns them whence they came, neutralised, impotent and harmless, yet intact in nature. You say that this is a hard teaching and conveys but little to the average aspirant? Such is ever the way in esoteric teaching, but those who know will understand and for them I speak.

Thứ hai, có một giai đoạn về sau trong đó đệ tử học cách hấp thu và chuyển hoá các rung động sai lầm cùng những năng lượng phá hoại. Y không có vỏ cũng không có rào chắn. Y không cách ly mình cũng không cô lập mình khỏi các huynh đệ. Qua tính vô tổn hại, y đã học cách trung hòa mọi xuất lộ ác. Giờ đây, y hành động với một tính tích cực thuộc loại mới. Một cách dứt khoát và với sự nhận biết đầy đủ về điều mình đang làm, y thu vào trong mình mọi xuất lộ ác—các năng lượng phá hoại và các mãnh lực sai lầm—rồi phân giải chúng thành các thành phần cấu tạo và trả chúng về nơi chúng đã đến, đã được trung hòa, bất lực và vô tổn hại, nhưng vẫn nguyên vẹn trong bản chất. Các bạn nói rằng đây là một giáo huấn khó và truyền đạt rất ít cho người chí nguyện trung bình chăng? Trong giáo huấn huyền bí, đường lối bao giờ cũng như thế; nhưng những ai biết sẽ thấu hiểu, và tôi nói với họ.

Another method is still more advanced and is utilised by the initiate. Through a knowledge of the law and of certain Words of Power he can command the energies to reverse themselves and to return to their originating centre. But with this method we have nothing to do. There must as yet be much practice in harmlessness and a close watch kept upon its application in the daily life.

Một phương pháp khác còn cao hơn nữa và được điểm đạo đồ sử dụng. Qua tri thức về định luật và về một số Quyền năng từ nhất định, y có thể ra lệnh cho các năng lượng tự đảo chiều và trở về trung tâm phát xuất của chúng. Nhưng chúng ta không liên quan đến phương pháp này. Hiện nay vẫn còn phải thực hành nhiều tính vô tổn hại và phải theo dõi chặt chẽ việc áp dụng nó trong đời sống hằng ngày.

The right direction of astral energy can be summed up in its three aspects from the ancient Book of Rules, given to chelas of the entering degrees. All true esoteric [320] schools begin with the control of the astral body and, the chela had to memorise and practice these three rules after he had made some real growth in the manifestation of harmlessness.

Việc hướng dẫn đúng năng lượng cảm dục có thể được tóm lược trong ba phương diện của nó từ Sách Quy Luật cổ xưa, được trao cho các đệ tử thuộc các cấp độ nhập môn. Mọi trường huyền bí chân chính [320] đều bắt đầu với việc kiểm soát thể cảm dục; và đệ tử phải ghi nhớ cũng như thực hành ba quy luật này sau khi y đã có một sự tăng trưởng thật sự trong biểu hiện của tính vô tổn hại.

Rule I. Enter thy brother's heart and see his woe. Then speak. Let the words spoken convey to him the potent force he needs to loose his chains. Yet loose them not thyself. Thine is the work to speak with understanding. The force received by him will aid him in his work.

Quy luật I. Hãy bước vào trái tim huynh đệ của ngươi và thấy nỗi khổ của y. Rồi hãy nói. Hãy để những lời được nói ra truyền cho y mãnh lực quyền năng mà y cần để tháo gỡ xiềng xích của mình. Nhưng ngươi đừng tự mình tháo gỡ chúng. Công việc của ngươi là nói với sự thấu hiểu. Mãnh lực mà y nhận được sẽ trợ giúp y trong công việc của y.

Rule II. Enter thy brother's mind and read his thoughts, but only when thy thoughts are pure. Then think. Let the thoughts thus created enter thy brother's mind and blend with his. Yet keep detached thyself, for none have the right to sway a brother's mind. The only right there is, will make him say: "He loves. He standeth by. He knows. He thinks with me and I am strong to do the right." Learn thus to speak. Learn thus to think.

Quy luật II. Hãy bước vào thể trí huynh đệ của ngươi và đọc tư tưởng của y, nhưng chỉ khi tư tưởng của ngươi thanh khiết. Rồi hãy suy nghĩ. Hãy để những tư tưởng được tạo ra như thế đi vào thể trí huynh đệ của ngươi và hòa nhập với tư tưởng của y. Nhưng ngươi hãy giữ mình tách rời, vì không ai có quyền chi phối thể trí của một huynh đệ. Quyền duy nhất hiện hữu sẽ khiến y nói: "Người ấy yêu thương. Người ấy đứng bên cạnh. Người ấy biết. Người ấy suy nghĩ cùng tôi, và tôi mạnh mẽ để làm điều đúng." Hãy học nói như thế. Hãy học suy nghĩ như thế.

Rule III. Blend with thy brother's soul and know him as he is. Only upon the plane of soul can this be done. Elsewhere the blending feeds the fuel of his lower life. Then focus on the plan. Thus will he see the part that he and you and all men play. Thus will he enter into life and know the work accomplished.

Quy luật III. Hãy hòa nhập với linh hồn huynh đệ của ngươi và biết y như y là. Chỉ trên cõi của linh hồn điều này mới có thể được thực hiện. Ở nơi khác, sự hòa nhập nuôi thêm nhiên liệu cho đời sống thấp của y. Rồi hãy tập trung vào Thiên Cơ. Như thế y sẽ thấy phần việc mà y, ngươi và mọi người đảm nhận. Như thế y sẽ bước vào sự sống và biết công việc đã hoàn thành.

A note, appended to these three rules says:

Một ghi chú được thêm vào ba quy luật này nói rằng:

"These three energies—of speech, of thought, and of purpose—when wielded with understanding by the chela and blended with the awakening forces of his brother whom he seeks to aid, are the three energies with which all adepts work."

"Ba năng lượng này—của lời nói, của tư tưởng và của mục đích—khi được đệ tử sử dụng với sự thấu hiểu và hòa trộn với các mãnh lực đang thức tỉnh của huynh đệ mà y tìm cách trợ giúp, chính là ba năng lượng mà mọi chân sư đều làm việc với."

It is almost impossible to translate these ancient formulas into adequate terms, but the above rough paraphrase will convey the idea to the illumined; these rules [321] sum up the few thoughts which the average aspirant needs to grasp about the right direction of energy, and for which he is ready.

Hầu như không thể dịch các công thức cổ xưa này thành những thuật ngữ thích đáng, nhưng bản diễn giải sơ lược trên sẽ truyền đạt ý tưởng cho người được soi sáng; các quy luật này [321] tóm lược một vài tư tưởng mà người chí nguyện trung bình cần nắm bắt về việc hướng dẫn đúng năng lượng, và điều mà y đã sẵn sàng tiếp nhận.

The Present Age and the Future

Thus we have seen the place that the tiny sentient unit, employed by an individual human being, plays in relation to the Great Whole. We have noted the various forms which astral evolution assumes. We have also recorded some of the sources from which astral energy comes. We have found that each of us is immersed in a sea of sentient forces which have their effect upon us because—under the Law—we have appropriated for our own use a portion of that universal energy, through the medium

Như vậy, chúng ta đã thấy vị trí mà đơn vị cảm thụ nhỏ bé, được một cá nhân con người sử dụng, đảm nhận trong mối quan hệ với Toàn Thể Vĩ Đại. Chúng ta đã ghi nhận các hình thức khác nhau mà sự tiến hóa cảm dục mang lấy. Chúng ta cũng đã ghi lại một số nguồn từ đó năng lượng cảm dục phát sinh. Chúng ta đã thấy rằng mỗi người chúng ta đều chìm trong một biển các mãnh lực cảm thụ, vốn có tác động lên chúng ta bởi vì—dưới Định luật—chúng ta đã chiếm dụng cho riêng mình một phần của năng

of which we are en rapport with the whole. One of the types of astral energy upon which we did not touch emanates, we are told, from the "Heart of the Sun". I cannot, however, touch upon it at length owing to the inability of the human brain to understand it or the human heart to appropriate it until such time as the heart centre is opened and functioning. This stream of living energy can nevertheless be sensed in a large way, though not as yet appropriated in its pure essence. We call it the "love of God". It is indeed that free flowing, outgoing, magnetically attractive force which leads each pilgrim home to the Father's House. It is that force which stirs in the heart of humanity and finds expression through the medium of world avatars, through the mystical yearning found in every human being, through all movements that have for their objective the welfare of humanity, through philanthropic and educational tendencies of every kind, and (in the natural world so-called) through the instinct of protective motherhood. But it is essentially a group sentiency, and only in the coming Aquarian Age will its true nature find correct understanding and right appropriation. I touch on it here as it is one of [322] the factors to be considered. Only those, however, whose "hearts are opened and lifted up unto the Lord" will know whereof I speak.

lượng phổ quát ấy, qua trung gian của nó chúng ta có giao cảm với toàn thể. Một trong các loại năng lượng cảm dục mà chúng ta chưa chạm đến được cho biết là xuất lộ từ "Trái Tim của Mặt Trời". Tuy nhiên, tôi không thể bàn dài về nó do bộ não con người không có khả năng thấu hiểu nó, hoặc trái tim con người không có khả năng tiếp nhận nó, cho đến khi trung tâm tim được mở ra và hoạt động. Dẫu vậy, dòng năng lượng sống động này có thể được cảm nhận một cách rộng lớn, tuy chưa thể được tiếp nhận trong tinh chất thuần khiết của nó. Chúng ta gọi nó là "tình thương của Thượng đế". Thật vậy, đó là mãnh lực tuôn chảy tự do, hướng ra ngoài, thu hút bằng từ tính, dẫn mỗi người hành hương trở về Nhà của Cha. Đó là mãnh lực khuấy động trong trái tim nhân loại và tìm thấy biểu hiện qua trung gian các Đấng Hoá Thân thế giới, qua niềm khát khao thần bí có trong mọi con người, qua mọi phong trào lấy phúc lợi của nhân loại làm mục tiêu, qua các khuynh hướng bác ái và giáo dục thuộc mọi loại, và trong cái gọi là thế giới tự nhiên, qua bản năng bảo vệ của người mẹ. Nhưng về bản chất, đó là một sự cảm thụ nhóm, và chỉ trong Kỷ Nguyên Bảo Bình đang đến, bản chất chân thật của nó mới tìm được sự thấu hiểu đúng và sự tiếp nhận đúng. Tôi chạm đến nó ở đây vì nó là một trong [322] các yếu tố cần được xem xét. Tuy nhiên, chỉ những ai có "trái tim được mở ra và được nâng lên tới Chúa" mới biết tôi đang nói về điều gì.

It is needless for us to concern ourselves with that which lies far ahead of the race. Immediate problems call for attention—problems which are personal or racial and which all concern the control of the astral vehicle. Opportunity is offered to demonstrate in chaos the potentialities of the ego or soul, and its capacity to control and dominate in its little sphere of influence. Therein lies for all aspirants at this time the

Chúng ta không cần bận tâm đến điều nằm rất xa phía trước nhân loại. Những vấn đề trước mắt đòi hỏi sự chú ý—những vấn đề cá nhân hay chủng tộc, và tất cả đều liên quan đến việc kiểm soát vận cụ cảm dục. Cơ hội được trao để biểu lộ trong hỗn loạn các tiềm năng của chân ngã hay linh hồn, và năng lực của nó trong việc kiểm soát và thống ngự trong phạm vi ảnh hưởng nhỏ bé của mình. Chính trong đó có nỗ lực đặc biệt của những

peculiar effort of the coming days, and I would—for your guidance—make certain suggestions to be followed by you or not as deemed wise.

ngày sắp tới đối với mọi người chí nguyện vào lúc này; và để hướng dẫn các bạn, tôi xin đưa ra một số gợi ý, các bạn có thể làm theo hoặc không tùy điều các bạn cho là minh triết.

We must remember that every aspirant is a focal point of energy and should be, in his place, a conscious focal point. In the midst of the whirl and storm he should make his presence felt. The Law of action and re-action works here, and often the Great Ones (foreseeing the need of just such points of inner contact in periods of world unrest, such as the present) gather into certain localities those who are aspirants to service. They act as a balance and aid the general plan, and at the same time they themselves learn much needed lessons.

Chúng ta phải nhớ rằng mỗi người chí nguyện là một điểm tập trung năng lượng và trong vị trí của mình, nên là một điểm tập trung có ý thức. Giữa cơn xoáy và bão tố, y nên làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận. Định luật hành động và phản ứng hoạt động ở đây, và thường Các Đấng Cao Cả, khi thấy trước nhu cầu về chính những điểm tiếp xúc nội tâm như thế trong các thời kỳ bất ổn thế giới như hiện nay, tập hợp vào một số địa phương nhất định những người chí nguyện phụng sự. Họ hành động như một sự quân bình và trợ giúp Thiên Cơ chung, đồng thời chính họ học được nhiều bài học cần thiết.

The effort on the part of all aspirants should not be to resist and repel the pressure or to fight and ward off. Such a method centres the attention upon the not-self and leads to added chaos. The effort should be along the lines of an endeavour to make contact with the higher self, and keep it stable and steady, and to be in such direct alignment that the force and power of the soul may be poured upon and through the lower threefold nature. This pouring through will bring about a steady radiation which will affect the surroundings exactly in proportion to the extent of the inner contact, and in direct relation to the clarity of the channel linking the [323] physical brain to the causal body. The aspirant should also strive after that self-forgetfulness which merges itself in the good of those contacted. This self-forgetfulness refers to the lower self. Self-recollectedness and self-forgetfulness should be companions.

Nỗ lực của mọi người chí nguyện không nên là chống lại và đẩy lùi áp lực, hoặc chiến đấu và ngăn chặn. Một phương pháp như thế tập trung sự chú ý vào phi-ngã và dẫn đến hỗn loạn thêm. Nỗ lực nên theo đường hướng cố gắng tiếp xúc với chân ngã, giữ cho tiếp xúc ấy ổn định và vững vàng, và ở trong một sự chỉnh hợp trực tiếp đến mức mãnh lực và quyền năng của linh hồn có thể được tuôn đổ lên và xuyên qua bản chất tam phân thấp. Sự tuôn đổ xuyên qua này sẽ tạo nên một bức xạ vững vàng, ảnh hưởng đến môi trường chung quanh đúng theo mức độ của tiếp xúc nội tâm, và trong mối liên hệ trực tiếp với độ trong sáng của kênh nối bộ não [323] hồng trần với thể nguyên nhân. Người chí nguyện cũng nên cố gắng đạt đến sự quên mình, hòa nhập vào điều thiện của những người được tiếp xúc. Sự quên mình này liên quan đến phàm ngã. Sự tự nhớ mình và sự quên mình nên là bạn đồng hành.

The man who aims at providing a point of contact, between conditions of chaos and Those Who work for constructive ends and order, should likewise use that most necessary factor of common-sense in all that he does. This involves always obedience to the law of economy of force, due to discrimination, and a true sense of values. Where these are present, time will be economised, strength will be husbanded, energy will be wisely distributed, excessive zeal will be eliminated, and the Great Ones will be able to depend upon an aspirant's sagacity and thus find a helper.

Người nào nhằm mục tiêu cung cấp một điểm tiếp xúc giữa các tình trạng hỗn loạn và Những Đấng làm việc cho các mục đích kiến tạo và trật tự, cũng nên dùng yếu tố vô cùng cần thiết là lương tri trong tất cả những gì y làm. Điều này luôn bao hàm sự tuân phục định luật tiết kiệm mãnh lực, do phân biện, và một ý thức chân thật về các giá trị. Nơi nào những điều này hiện diện, thời gian sẽ được tiết kiệm, sức lực sẽ được giữ gìn, năng lượng sẽ được phân phối một cách minh triết, lòng nhiệt thành quá mức sẽ bị loại bỏ, và Các Đấng Cao Cả sẽ có thể nương cậy vào sự sáng suốt của một người chí nguyện và như vậy tìm được một người trợ giúp.

All occult training has in view the development of the aspirant so that he may indeed be a focal point of spiritual energy. It should be remembered, however, that under the law, this training will be cyclic, and will have its ebb and flow, as all else in nature. Times of activity succeed times of pralaya, and periods of registered contact alternate with periods of apparent silence. Note here the choice of words. This alternation is due to the imposition of the Law of Periodicity and if the student develops as desired, each pralayic period is succeeded by one of greater activity, and of more potent achievement. Rhythm, ebb and flow, and the measured beat of the pulsating life are ever the law of the universe, and in learning to respond to time vibration of the high Places this rhythmic periodicity must be borne in mind. The same law governs a human being, a planet, a solar system—all centres or focal points of energy in some greater Life. If such work as you are doing is to succeed (and it is largely the work of developing the ability to touch certain currents on mental levels—currents which [324] emanate from the higher self, from your egoic group, or from

Mọi huấn luyện huyền bí đều nhằm phát triển người chí nguyện để y thật sự có thể là một điểm tập trung của năng lượng tinh thần. Tuy nhiên, cần nhớ rằng dưới định luật, sự huấn luyện này sẽ có tính chu kỳ, và sẽ có sự lên xuống như mọi điều khác trong thiên nhiên. Các thời kỳ hoạt động nối tiếp các thời kỳ Giai kỳ qui nguyên, và các giai đoạn tiếp xúc được ghi nhận luân phiên với các giai đoạn dường như im lặng. Ở đây hãy lưu ý cách chọn từ. Sự luân phiên này là do tác động của Định luật Chu Kỳ; và nếu đạo sinh phát triển như mong muốn, mỗi thời kỳ qui nguyên sẽ được tiếp nối bởi một thời kỳ hoạt động lớn hơn và thành tựu mạnh mẽ hơn. Nhịp điệu, sự lên xuống, và nhịp đập đều đặn của sự sống đang rung động luôn luôn là định luật của vũ trụ; và trong việc học đáp ứng với rung động thời gian của các Nơi Cao, cần ghi nhớ tính chu kỳ nhịp nhàng này. Cùng một định luật chi phối một con người, một hành tinh, một hệ mặt trời—tất cả đều là các trung tâm hay điểm tập trung năng lượng trong một Sự Sống lớn hơn nào đó. Nếu công việc như công việc các bạn đang làm muốn thành công, và đó phần lớn là công việc phát triển khả năng chạm đến

the Master) definite planned conditions must be provided. Certain factors must be present. If they do not exist, then the currents are (if I may so express it) deflected, and contact fails of accomplishment. If occupation with mundane affairs is necessitated—and such periods come in every life cycle—then the attention should be concentrated on these details, and the higher contact may be then temporarily unrealised. Such attention to affairs on the physical plane is not necessarily loss of time, for it may be as much a part of the plan at that particular time as any other kind of service. Full expression and consciousness on each and every plane is the objective, remembering that each plane with its varying states of consciousness is equally a part of the divine Life. What is lacking as yet with the majority of aspirants is a synthetic consciousness and the capacity to hold and register continuity.

một số dòng lưu trên các cấp độ cõi trí—những dòng lưu [324] xuất lộ từ chân ngã, từ nhóm chân ngã của các bạn, hoặc từ Chân sư—thì những điều kiện được hoạch định rõ ràng phải được cung cấp. Một số yếu tố nhất định phải hiện diện. Nếu chúng không tồn tại, thì các dòng lưu, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, bị lệch hướng, và sự tiếp xúc không thành tựu. Nếu cần phải bận rộn với các công việc thế gian—và những thời kỳ như thế đến trong mọi chu kỳ đời sống—thì sự chú ý nên được tập trung vào các chi tiết ấy, và khi đó sự tiếp xúc cao có thể tạm thời không được nhận ra. Sự chú ý như thế đối với các công việc trên cõi hồng trần không nhất thiết là mất thời gian, vì nó có thể là một phần của Thiên Cơ vào thời điểm đặc biệt đó nhiều như bất kỳ loại phụng sự nào khác. Biểu hiện trọn vẹn và tâm thức trên từng cõi và mọi cõi là mục tiêu, khi nhớ rằng mỗi cõi với các trạng thái tâm thức khác nhau của nó đều là một phần của Sự Sống thiêng liêng. Điều còn thiếu nơi đa số người chí nguyện hiện nay là một tâm thức tổng hợp và năng lực duy trì cũng như ghi nhận sự liên tục.

If emotional or mental chaos exists, then again the currents are deflected and the brain makes no record of that which may be inwardly seen and heard. If fatigue is present and the physical body is in need of rest, then likewise the inner fails to be recorded. It is the centres in the etheric vehicle which are vitalised and become active in this work of contact and consequent transmission of energy; if therefore the vitality is low and the pranic fluids are not assimilated, then the whole vibratory contact is lowered and the centre fails to register vibration and response. When again the stimulation is adequate and the other conditions are resolved into the necessary quietude, then again the currents may be encountered, response follows and a

Nếu có hỗn loạn cảm xúc hay trí tuệ, thì các dòng lưu lại bị lệch hướng và bộ não không ghi lại được điều có thể được thấy và nghe bên trong. Nếu có mệt mỏi và thể xác cần nghỉ ngơi, thì điều bên trong cũng không được ghi nhận. Chính các trung tâm trong vận cụ dĩ thái được tiếp sinh lực và trở nên hoạt động trong công việc tiếp xúc này và sự truyền dẫn năng lượng tiếp theo; do đó, nếu sinh lực thấp và các lưu chất prana không được đồng hóa, thì toàn bộ tiếp xúc rung động bị hạ thấp và trung tâm không ghi nhận được rung động và đáp ứng. Khi sự kích thích lại đầy đủ và các điều kiện khác được giải quyết thành sự tĩnh lặng cần thiết, thì các dòng lưu lại có thể được gặp gỡ, đáp ứng tiếp theo và một chu kỳ tiếp nhận mới xảy ra. Tôi đã đi vào giải thích như vậy vì tôi

fresh cycle of receptivity eventuates. I have entered thus into explanation as I have seen many questioning, and am anxious that the process followed may be somewhat clarified. It is wise that all who work should have a clear understanding [325] of that work and should—along lines so closely affecting their power to serve—be fully aware of each step taken.

thấy nhiều người thắc mắc, và tôi mong tiến trình được theo có thể phần nào được làm sáng tỏ. Điều minh triết là mọi người hoạt động đều nên có một sự thấu hiểu rõ ràng [325] về công việc ấy, và nên—trong những đường hướng ảnh hưởng rất mật thiết đến quyền năng phụng sự của họ—nhận biết đầy đủ từng bước đã được thực hiện.

As regards the problems occupying the attention of all of you who are living in this time of world unrest and upheaval, I have a word of cheer to give you. Though, to you, the whole situation may have seemed clouded and the horizon darkened by storms, bear in mind that when the disturbance is general, as now, and the whole area involved, then the end is near. In nature, a general electric storm serves to clear the atmosphere, and ushers in a period of sunshine and more grateful living conditions. We have had the electrical storm of the world war, and the period of gradual dispersion of the clouds has been with us, with the thunder rumbling round, and sudden sharp storms of wind and rain upsetting the hopefulness of those desiring sunshine. Those who with patience carry on the work, who keep the inner calm and surety who lose sight of the foreground of personalities, and bear only in mind the formless forces that are at work through all forms and seasons, will see order brought out of chaos, construction out of past destruction and present adjustments; they will see the setting loose of fresh life forces, hitherto shut out by the crystallising shells built by man. So hold the inner vision steadily and have that long patience which endures through the lesser cycle, because the key to the greater cycle has been held with firmness.

Về các vấn đề đang chiếm sự chú ý của tất cả các bạn, những người đang sống trong thời kỳ bất ổn và biến động thế giới này, tôi có một lời khích lệ để trao cho các bạn. Dù đối với các bạn, toàn bộ tình thế có thể dường như bị mây mù che phủ và chân trời bị bão tố làm tối sầm, hãy ghi nhớ rằng khi sự xáo trộn là chung, như hiện nay, và toàn bộ khu vực đều liên can, thì kết thúc đã gần. Trong thiên nhiên, một cơn giông điện tổng quát có tác dụng làm sạch bầu khí quyển và mở ra một thời kỳ nắng sáng cùng những điều kiện sống dễ chịu hơn. Chúng ta đã có cơn giông điện của cuộc chiến tranh thế giới, và thời kỳ tan dần của mây đã ở với chúng ta, với tiếng sấm vẫn rền vang chung quanh, và những cơn gió mưa bất chợt, dữ dội làm chao đảo niềm hy vọng của những người mong muốn nắng sáng. Những ai kiên nhẫn tiếp tục công việc, giữ sự bình an và xác tín nội tâm, không còn chú ý đến tiền cảnh của các phàm ngã, mà chỉ ghi nhớ các mãnh lực vô hình đang hoạt động qua mọi hình tướng và mọi mùa, sẽ thấy trật tự được đưa ra từ hỗn loạn, sự kiến tạo phát sinh từ sự phá hủy trong quá khứ và các điều chỉnh hiện tại; họ sẽ thấy sự phóng thích các mãnh lực sự sống mới, trước đây bị ngăn lại bởi những cái vỏ kết tinh do con người xây dựng. Vì vậy, hãy giữ vững tầm nhìn nội tâm và có sự kiên nhẫn lâu dài chịu đựng qua chu kỳ nhỏ, bởi vì chìa khóa của chu kỳ lớn đã được nắm giữ vững chắc.

It might be of value to touch briefly upon certain main lines of thought which are emerging at the present time and which are the outgrowth of the past and the promise of the future.

Có lẽ sẽ hữu ích nếu chạm ngắn gọn đến một số đường hướng tư tưởng chính đang nổi lên hiện nay, vốn là kết quả của quá khứ và lời hứa hẹn của tương lai.

The thoughts of men have ever been religious. There has never been a time when religion or the thoughts of men about God, about the infinite, and about the Life which has brought all into being has not been present. [326] Even the most ignorant of savage races have recognized a Power and have attempted to define their relationship to that Power in terms of fear, of sacrifice or of propitiation. From the rudiments of nature worship, from the fetichism and degraded idol worship of primitive man we have built up a structure of truth which though as yet imperfect and inadequate, does verily lay the foundation of the future Temple of Truth where the light of the Lord will be seen and which will prove adequate as an expression of Reality.

Tư tưởng của con người bao giờ cũng mang tính tôn giáo. Chưa bao giờ có một thời kỳ mà tôn giáo, hay tư tưởng của con người về Thượng đế, về vô hạn, và về Sự Sống đã đưa mọi sự vào hiện hữu, lại không hiện diện. [326] Ngay cả những chủng tộc hoang dã ngu dốt nhất cũng đã nhận ra một Quyền Năng và đã cố gắng xác định mối quan hệ của họ với Quyền Năng ấy bằng các thuật ngữ của sợ hãi, hiến tế hoặc xoa dịu. Từ những mầm mống của việc thờ phụng thiên nhiên, từ bái vật giáo và sự thờ thần tượng suy đồi của con người nguyên thủy, chúng ta đã xây dựng nên một cấu trúc chân lý; dù hiện còn bất toàn và chưa đầy đủ, nó thật sự đặt nền móng cho Thánh Điện Chân Lý tương lai, nơi ánh sáng của Chúa sẽ được thấy và sẽ chứng tỏ là thích đáng như một biểu hiện của Thực Tại.

Out of the darkness of time there have emerged the great religions. These religions though diverse in their theologies and forms of worship, though characterized by distinctions of organization and ceremonial, and though differing in their methods of application of truth, are united in three basic aspects:

Từ bóng tối của thời gian, các tôn giáo lớn đã xuất hiện. Các tôn giáo này, dù khác nhau trong thần học và hình thức thờ phượng, dù được đặc trưng bởi những khác biệt về tổ chức và nghi lễ, và dù khác nhau trong các phương pháp áp dụng chân lý, vẫn hợp nhất trong ba phương diện căn bản:

1. In their teaching as to the nature of God and of man.

1. Trong giáo huấn của chúng về bản chất của Thượng đế và của con người.

2. In their symbolism.

2. Trong hệ thống biểu tượng của chúng.

3. In certain fundamental doctrines.

3. Trong một số giáo lý nền tảng.

When men recognize this and succeed in isolating that inner significant structure of truth which is the same in all climes and in all races, then there will emerge the universal religion, the One Church, and that unified though not uniform approach to God, which will demonstrate the truth of St. Paul's words "One Lord, one faith, one baptism, one God and Father of all, who is above all and through all and in you all." Theologies will disappear into the knowledge of God; doctrines and dogmas will no longer be regarded as necessary, for faith will be based on experience, and authority will give place to personal appreciation of Reality. The power of the Church over the group will be supplanted by the power of the awakened soul in men; the age of miracles and the disputations as to the why and how of those miracles [327] with the consequent scepticism or agnosticism will give way to the understanding of the laws of nature which control the superhuman realm and the supernatural stage of the evolutionary process. Man will enter into his divine heritage and know himself as the Son of the Father, with all the divine characteristics, powers and capacities which are his because of his divine endowment. But in the meantime what have we? A breaking away from old established tradition, a revolt from authority, whether of the Church, of dogma, doctrine or theology; a tendency towards self-determination and an overthrowing of the old standards, and of old barriers of thought and the divisions existing between races and faiths.

Khi con người nhận ra điều này và thành công trong việc tách riêng cấu trúc thâm nghĩa bên trong của chân lý — vốn đồng nhất trong mọi miền khí hậu và trong mọi giống dân — bấy giờ tôn giáo phổ quát, Giáo hội Duy Nhất, và cách tiếp cận Thượng đế hợp nhất dù không đồng dạng sẽ xuất hiện; điều đó sẽ chứng minh chân lý trong lời của Thánh Phao-lô: "Một Chúa, một đức tin, một phép rửa, một Thượng đế và Cha của tất cả, Đấng ở trên tất cả, xuyên qua tất cả và ở trong tất cả các bạn." Các nền thần học sẽ tan biến vào tri thức về Thượng đế; các giáo lý và tín điều sẽ không còn được xem là cần thiết, vì đức tin sẽ đặt nền trên kinh nghiệm, và quyền uy sẽ nhường chỗ cho sự thẩm nhận cá nhân về Thực Tại. Quyền lực của Giáo hội đối với tập thể sẽ được thay thế bằng quyền năng của linh hồn đã thức tỉnh nơi con người; thời đại của các phép lạ và những tranh luận về lý do và cách thức của các phép lạ ấy [327] cùng với sự hoài nghi hay thuyết bất khả tri phát sinh từ đó, sẽ nhường chỗ cho sự thấu hiểu các định luật của thiên nhiên vốn chi phối lĩnh vực siêu nhân và giai đoạn siêu nhiên của tiến trình tiến hoá. Con người sẽ bước vào di sản thiêng liêng của y và biết mình là Con của Cha, với mọi đặc tính, quyền năng và năng lực thiêng liêng vốn thuộc về y do thiên phú thiêng liêng của y. Nhưng trong lúc này, chúng ta có gì? Một sự tách rời khỏi truyền thống cũ đã được thiết lập, một cuộc phản kháng chống lại quyền uy, dù là của Giáo hội, của tín điều, giáo lý hay thần học; một khuynh hướng hướng tới quyền tự quyết và sự lật đổ các chuẩn mực cũ, các rào cản tư tưởng cũ và những phân chia hiện hữu giữa các giống dân và các tín ngưỡng.

Hence we are passing through an intermediate stage of chaos and of questioning, of rebellion and consequent apparent license. The methods of science, —

Do đó, chúng ta đang đi qua một giai đoạn trung gian của hỗn độn và chất vấn, của phản kháng và sự buông thả có vẻ như là hệ quả. Các phương pháp của khoa học — khảo

investigation and analysis, comparison and deduction, —are being applied to religious belief. The history of religions, the foundations of doctrine, the origin of ideas and the growth of the God idea are being subjected to research and study. This leads to much disputation; to the rejection of old established ideas as to God, the soul, man and his destiny. Schools of thought have ever existed differing in their ideas and methods and the six Schools of Indian Philosophy have embodied in themselves practically all the basic speculations of man as to the why and wherefore of manifestation. Little which is new has been added by the occident to these six speculative schools, though the western mind, with its genius for scientific techniques and method, has elaborated the ideas and differentiated the six theories into a multiplicity of lesser propositions. Out of the medley of ideas, theories, speculations, religions, churches, cults, sects and organizations, two main lines of thought are emerging—one doomed eventually to die out, the other to strengthen and grow until it, in its turn, gives birth to that (for us) [328] ultimate formulation of truth which will suffice for the next age and carry man to a high pinnacle of the Temple to the Mount of Initiation. These two lines are:

sát và phân tích, so sánh và suy luận — đang được áp dụng vào niềm tin tôn giáo. Lịch sử các tôn giáo, nền tảng của giáo lý, nguồn gốc của các ý tưởng và sự tăng trưởng của ý niệm về Thượng đế đang được đặt dưới sự nghiên cứu và khảo cứu. Điều này dẫn đến nhiều tranh luận; đến sự bác bỏ những ý tưởng cũ đã được thiết lập về Thượng đế, linh hồn, con người và định mệnh của y. Các trường phái tư tưởng, khác nhau về ý tưởng và phương pháp, vẫn luôn tồn tại; và sáu Trường phái Triết học Ấn Độ đã hàm chứa trong chính chúng hầu như mọi suy tư căn bản của con người về lý do và nguyên nhân của sự biểu hiện. Tây phương đã thêm vào sáu trường phái suy tư này rất ít điều mới mẻ, dù trí tuệ Tây phương, với thiên tài về kỹ thuật và phương pháp khoa học, đã khai triển các ý tưởng và biến phân sáu lý thuyết ấy thành vô số mệnh đề nhỏ hơn. Từ hỗn hợp các ý tưởng, lý thuyết, suy tư, tôn giáo, giáo hội, giáo phái, tông phái và tổ chức, hai dòng tư tưởng chính đang xuất hiện — một dòng cuối cùng sẽ tiêu vong, dòng kia sẽ mạnh lên và tăng trưởng cho đến khi đến lượt nó sinh ra sự trình bày chân lý tối hậu đối với chúng ta [328], đủ cho thời đại kế tiếp và đưa con người lên một đỉnh cao của Đền thờ đến Núi Điểm Đạo. Hai dòng ấy là:

1. Those who look back to the past, who hang on to the old ways, the ancient theologies, and the reactionary rejection methods of finding truth. These are the people who recognize authority, whether that of a prophet, a bible or a theology. These are those who prefer obedience to imposed authority to the self-imposed guidance of an enlightened soul. These are the followers of a Church and a government, who are distinguished by a pure devotion and love, but refuse recognition to the divine intelligence with which they are gifted. Their devotion, their love of God, their strict

1. Những người nhìn về quá khứ, bám víu vào các đường lối cũ, các nền thần học cổ xưa, và các phương pháp phản động, phủ nhận trong việc tìm kiếm chân lý. Đây là những người thừa nhận quyền uy, dù là quyền uy của một tiên tri, một bộ kinh thánh hay một nền thần học. Đây là những người ưa thích sự vâng phục quyền uy áp đặt hơn là sự hướng dẫn tự nguyện của một linh hồn đã giác ngộ. Đây là những môn đồ của một Giáo hội và một chính quyền, được phân biệt bởi lòng sùng tín và tình thương thuần khiết, nhưng khước từ việc thừa nhận trí tuệ thiêng liêng mà họ được ban tặng.

but misguided conscience, their intolerance mark them out as devotees, but they are blinded by their own devotion and their growth is limited by their fanaticism. They belong mostly to the older generation and the hope for them lies in their devotion and the fact that evolution itself will carry them forward into the second group.

Lòng sùng tín của họ, tình thương Thượng đế của họ, lương tâm nghiêm khắc nhưng lầm hướng của họ, sự bất khoan dung của họ đánh dấu họ như những người sùng tín, nhưng họ bị chính lòng sùng tín của mình làm mù quáng và sự tăng trưởng của họ bị giới hạn bởi cuồng tín. Phần lớn họ thuộc thế hệ cũ, và hy vọng dành cho họ nằm trong lòng sùng tín của họ và trong sự kiện rằng chính tiến hoá sẽ đưa họ tiến vào nhóm thứ hai.

To this first group is committed the work of crystallization which will result in the complete destruction of the old form; to them is given the task of defining the old truths so that the mind of the race will be clarified, that non-essentials and essentials will be recognized for what they are, and fundamental ideas so contrasted with the formulation of dogmas that that which is basic will be seen and the secondary and unimportant beliefs therefore rejected, for only the basic and causative will be of value in the coming age.

Nhóm thứ nhất này được giao phó công việc kết tinh, vốn sẽ dẫn đến sự hủy diệt hoàn toàn hình tướng cũ; họ được trao nhiệm vụ xác định các chân lý cũ để trí tuệ của nhân loại được làm sáng tỏ, để những điều không cốt yếu và những điều cốt yếu được nhận ra đúng như chúng là, và để các ý tưởng nền tảng được đặt trong tương phản rõ rệt với sự lập thành các tín điều, hầu điều căn bản được thấy rõ và các niềm tin thứ yếu, không quan trọng, do đó bị loại bỏ; vì trong thời đại đang đến, chỉ những gì căn bản và có tính nguyên nhân mới có giá trị.

2. The second group is as yet a very small minority, but a steadily growing one. It is that inner group of lovers of God, the intellectual mystics, the knowers of reality who belong to no one religion or organization, but who regard themselves as members of the Church universal and as “members one of another”. They are [329] gathered out of every nation, race and people; they are of every color and school of thought, yet they speak the same language, learn by the same symbols, tread the same path, have rejected the same non-essentials, and have isolated the same body of essential beliefs. They recognize each other; they accord equal devotion to the spiritual leaders of all races, and use each other’s Bibles with equal freedom. They form the

2. Nhóm thứ hai hiện vẫn là một thiểu số rất nhỏ, nhưng đang tăng trưởng đều đặn. Đó là nhóm nội tại gồm những người yêu Thượng đế, các nhà thần bí trí tuệ, các thức giả về thực tại, không thuộc về bất cứ tôn giáo hay tổ chức nào, nhưng tự xem mình là thành viên của Giáo hội phổ quát và là “các chi thể của nhau”. Họ được [329] tập hợp từ mọi quốc gia, giống dân và dân tộc; họ thuộc mọi màu da và mọi trường phái tư tưởng, nhưng họ nói cùng một ngôn ngữ, học bằng cùng những biểu tượng, bước trên cùng một con đường, đã bác bỏ cùng những điều không cốt yếu, và đã tách riêng cùng một hệ thống các niềm tin cốt yếu. Họ nhận ra nhau; họ dành lòng sùng tín ngang nhau cho các nhà lãnh đạo tinh thần của mọi giống dân, và sử dụng các Kinh Thánh của nhau với cùng một sự tự

subjective background of the new world; they constitute the spiritual nucleus of the coming world religion; they are the unifying principle which will eventually save the world.

do. Họ tạo thành bối cảnh chủ quan của thế giới mới; họ cấu thành hạt nhân tinh thần của tôn giáo thế giới đang đến; họ là nguyên khí hợp nhất cuối cùng sẽ cứu thế giới.

In the past we have had world Saviours—Sons of God who have enunciated a world message and brought an increase of light to the peoples. Now, in the fullness of time, and through the work of evolution there is emerging a group who perhaps will bring salvation to the world, and who—embodying the group ideas and demonstrating the group nature, manifesting in a small way the true significance of the body of Christ, and giving to the world a picture of the true nature of a spiritual organism—will so stimulate and energize the thoughts and souls of men that the new age will be ushered in by an outpouring of the love, knowledge and harmony of God Himself.

Trong quá khứ, chúng ta đã có các Đấng Cứu Thế — các Con của Thượng đế đã tuyên thuyết một thông điệp thế giới và đem thêm ánh sáng cho các dân tộc. Giờ đây, trong sự viên mãn của thời gian, và qua công trình của tiến hoá, đang xuất hiện một nhóm có lẽ sẽ đem sự cứu rỗi đến cho thế giới; và nhóm ấy — hiện thân cho các ý tưởng tập thể và biểu lộ bản chất tập thể, biểu hiện theo một cách nhỏ bé thâm nghĩa đích thực của thân thể Đức Christ, và trao cho thế giới một hình ảnh về bản chất thật của một cơ cấu tinh thần — sẽ kích thích và tiếp sinh lực cho tư tưởng và linh hồn của con người đến mức thời đại mới sẽ được mở ra bằng một lần tuôn đổ tình thương, tri thức và sự hài hòa của chính Thượng đế.

Religions in the past have been founded by a great soul, by an Avatar, by an outstanding spiritual personality, and the stamp of their lives and words and teaching has been set upon the race and has persisted for many centuries. What will be the effect of the message of a group Avatar? What will be the potency of the work of a group of knowers of God, enunciating truth and banded together subjectively in the great work of saving the world? What will be the effect of the mission of a group of world Saviours, not as Christs, but all knowers of God in some degree, who supplement each other's efforts, reinforce each other's message, and constitute an organism [330] through which the spiritual energy and principle of spiritual life can make their presence felt in the world?

Các tôn giáo trong quá khứ đã được sáng lập bởi một linh hồn vĩ đại, bởi một Đấng Hoá Thân, bởi một phàm ngã tinh thần nổi bật, và dấu ấn của đời sống, lời nói và giáo huấn của các Ngài đã được đặt lên nhân loại và tồn tại qua nhiều thế kỷ. Hiệu quả của thông điệp từ một Đấng Hoá Thân tập thể sẽ là gì? Quyền năng của công trình do một nhóm thức giả về Thượng đế, tuyên thuyết chân lý và liên kết với nhau một cách chủ quan trong đại sự nghiệp cứu thế giới, sẽ là gì? Hiệu quả của sứ mệnh do một nhóm các Đấng Cứu Thế của thế giới, không phải như các Đức Christ, nhưng đều là những thức giả về Thượng đế ở một mức độ nào đó, bổ sung nỗ lực của nhau, củng cố thông điệp của nhau, và cấu thành một cơ cấu [330] qua đó năng lượng tinh thần và nguyên khí của sự sống tinh thần có thể làm cho sự hiện diện

của chúng được cảm nhận trong thế giới, sẽ là gì?

Such a body now exists with its members in every land. Relatively they are few and far between, but steadily their numbers are increasing and increasingly their message will be felt. In them is rested a spirit of construction; they are the builders of the new age; to them is given the work of preserving the spirit of truth, and the reorganizing of the thoughts of men so that the racial mind is controlled and brought into that meditative and reflective condition which will permit it to recognize the next unfoldment of divinity.

Một đoàn thể như thế hiện đang tồn tại, với các thành viên ở mọi xứ sở. Tương đối mà nói, họ còn ít và rải rác, nhưng số lượng của họ đang tăng lên đều đặn và thông điệp của họ sẽ ngày càng được cảm nhận. Nơi họ an trụ một tinh thần xây dựng; họ là những người kiến tạo của thời đại mới; họ được trao công việc gìn giữ tinh thần của chân lý, và tổ chức lại tư tưởng của con người để trí tuệ nhân loại được kiểm soát và được đưa vào trạng thái tham thiền và suy tư, cho phép nó nhận ra sự khai mở kế tiếp của thiên tính.

Connected with these two groups, the reactionary doctrinaires and the subjective band of mystics, is the majority of the new generation of young people who are part of neither band and whose ideas are largely disorganized by the recognition of both. This majority do not belong to the past and refuse to accept the authority of that past. They do not belong to the inner group of Knowers who are working at the task of swinging the thoughts of men into right channels, for they have not reached as yet the point of knowledge. They only recognize two things: their need for freedom, and an intense eagerness for knowledge. They despise the tradition of the past; they reject the old formulations of truth; and because as yet they stand on no sure ground but are only in the position of seekers and enquirers, we have our present state of world upheaval, of apparent license and disruption. It should not be forgotten that this world state is therefore the result of the clashing of the three types of force prevalent in the world of today.

Liên hệ với hai nhóm này — những nhà giáo điều thủ cựu và đoàn thể chủ quan của các nhà thần bí — là đa số thế hệ trẻ mới, những người không thuộc về đoàn thể nào trong hai đoàn thể ấy và có các ý tưởng phần lớn bị xáo trộn do nhận biết cả hai. Đa số này không thuộc về quá khứ và từ chối chấp nhận quyền uy của quá khứ ấy. Họ không thuộc về nhóm nội tại của các Thức giả đang làm công việc đưa tư tưởng của con người vào những kênh đúng đắn, vì họ chưa đạt đến điểm tri thức. Họ chỉ nhận ra hai điều: nhu cầu tự do của họ, và một sự háo hức mãnh liệt đối với tri thức. Họ khinh thường truyền thống của quá khứ; họ bác bỏ các công thức cũ của chân lý; và bởi vì hiện họ chưa đứng trên một nền tảng chắc chắn nào mà chỉ ở vị thế của những người tìm kiếm và chất vấn, nên chúng ta có tình trạng hiện nay của thế giới: biến động, buông thả có vẻ như vậy và đổ vỡ. Không nên quên rằng tình trạng thế giới này vì thế là kết quả của sự va chạm giữa ba loại mãnh lực đang thịnh hành trong thế giới ngày nay.

1. That emanating from the holders with the old tradition, who, emphasizing the forms and the past produce the destruction of those forms.

1. Mãnh lực phát ra từ những người bám giữ truyền thống cũ, những người, khi nhấn mạnh các hình tướng và quá khứ, tạo ra sự hủy diệt các hình tướng ấy.

2. That emanating from the inner group of mystics, [331] who, under the guidance of the planetary Hierarchy are building the new form.

2. Mãnh lực phát ra từ nhóm nội tại của các nhà thần bí, [331] những người, dưới sự hướng dẫn của Thánh Đoàn hành tinh, đang xây dựng hình tướng mới.

3. That emanating from the masses who belong to neither group and who are wielding force as yet blindly and often unwisely until such time comes when they recognize those constructive channels into which it can wisely be poured.

3. Mãnh lực phát ra từ quần chúng, những người không thuộc về nhóm nào và hiện vẫn còn sử dụng mãnh lực một cách mù quáng và thường thiếu minh triết, cho đến khi đến thời điểm họ nhận ra những kênh xây dựng mà mãnh lực ấy có thể được tuôn đổ vào một cách khôn ngoan.

Hence the problem of this transition period and hence the necessity for the giving out of teaching which will enable the seeking aspirant and enquirer to find himself. Hence the need for the laws of the soul and for the truth as to individual unfoldment to be made clear to those who, rejecting the old tradition, and refusing recognition to the mystic, yet seek to know themselves as liberated souls. With that knowledge will come the steady growth of the Building Mystics, for when a man has found his soul and recognizes its relationship to its mechanism of expression, the threefold lower man, he automatically passes into the consciousness of the subjective life, begins to work with cause and is no longer lost in the world of effects. Then he finds himself standing shoulder to shoulder with the mystics and knowers of all time. This is the trend of the religious impulse at this time and this is the glory of the coming age.

Do đó có vấn đề của thời kỳ chuyển tiếp này, và do đó có sự cần thiết phải ban ra giáo huấn giúp người chí nguyện và người chất vấn đang tìm kiếm tìm thấy chính mình. Do đó có nhu cầu làm sáng tỏ các định luật của linh hồn và chân lý về sự khai mở cá nhân cho những ai, trong khi bác bỏ truyền thống cũ và từ chối thừa nhận nhà thần bí, vẫn tìm cách biết mình như những linh hồn được giải thoát. Cùng với tri thức ấy sẽ đến sự tăng trưởng đều đặn của các Nhà Thần Bí Kiến Tạo, vì khi một người đã tìm thấy linh hồn mình và nhận ra mối quan hệ của nó với bộ máy biểu hiện của nó, tức phàm nhân tam phân, y tự động đi vào tâm thức của đời sống chủ quan, bắt đầu làm việc với nguyên nhân và không còn lạc mất trong thế giới của các hiệu quả. Khi ấy y thấy mình đứng vai kề vai với các nhà thần bí và các thức giả của mọi thời. Đây là khuynh hướng của xung lực tôn giáo vào lúc này và đây là vinh quang của thời đại đang đến.

If it is true that there is being gathered together in the background of our present

Nếu đúng là trong hậu trường của tình trạng thế giới hiện nay của chúng ta đang có một

world-state a group of mystics who are distinguished by knowledge, vision, and a power to work on mental levels, unseen and unrecognized by men, it could also be noted that this band is not confined to the strictly religious types. Men and women in every branch of human thought are found among this group including scientists and philosophers.

nhóm các nhà thần bí được tập hợp lại, những người nổi bật bởi tri thức, tầm nhìn và quyền năng làm việc trên các cấp độ cõi trí, không được con người thấy và không được công nhận, thì cũng có thể lưu ý rằng đoàn thể này không bị giới hạn trong các mẫu người thuần túy tôn giáo. Những người nam và nữ trong mọi ngành tư tưởng nhân loại đều được tìm thấy trong nhóm này, gồm cả các nhà khoa học và triết gia.

Like all else at this time, science itself is in process of transformation, and little as it is realized by many, their work with what they call matter, and their investigations of the atom are entering into a new field. In this [332] field the older techniques and mechanisms will gradually be discarded and a new approach and a different fundamental concept as to the nature of matter will mark the new age. Within the next twenty-five years, emerging out of the two seemingly different ideas as to the nature of the atom, a recognition of certain energy impulses will be seen and this will be based on the discovery of those energies which (playing on the atom and on atomic forms) produce the tangible concrete shapes to which we give names in the various kingdoms of nature. The truth of certain basic premises of the Ageless Wisdom will be demonstrated, such as:

Giống như mọi điều khác vào lúc này, chính khoa học cũng đang trong tiến trình chuyển đổi; và dù nhiều người ít nhận ra, công việc của họ với cái mà họ gọi là vật chất, cùng những khảo sát của họ về nguyên tử, đang bước vào một lĩnh vực mới. Trong lĩnh vực này [332], các kỹ thuật và bộ máy cũ sẽ dần dần bị loại bỏ, và một cách tiếp cận mới cùng một quan niệm nền tảng khác về bản chất của vật chất sẽ đánh dấu thời đại mới. Trong vòng hai mươi lăm năm tới, phát sinh từ hai ý tưởng có vẻ khác nhau về bản chất của nguyên tử, người ta sẽ thấy sự thừa nhận một số xung lực năng lượng nhất định; và điều này sẽ đặt nền trên sự khám phá những năng lượng vốn, khi tác động lên nguyên tử và các hình tướng nguyên tử, tạo ra những dạng thức cụ thể hữu hình mà chúng ta đặt tên trong các giới khác nhau của thiên nhiên. Chân lý của một số tiền đề căn bản thuộc Minh Triết Ngàn Đời sẽ được chứng minh, chẳng hạn như:

1. The soul is the form-building principle, producing attraction and cohesion.

1. Linh hồn là nguyên khí kiến tạo hình tướng, tạo ra sự hấp dẫn và cố kết.

2. This soul is an aspect or type of energy, distinguished from that of matter itself.

2. Linh hồn này là một phương diện hay một loại năng lượng, khác với năng lượng của chính vật chất.

3. The atom has been recognized as an energy unit, but as yet the energy which sweeps atoms into aggregates which we call

3. Nguyên tử đã được nhận ra như một đơn vị năng lượng, nhưng năng lượng cuốn các nguyên tử vào những tổ hợp mà chúng ta gọi

organisms and forms has not been isolated. This the mystics in the scientific world will sense and work to demonstrate during the next generation. It is this type of energy, the energy of the form building aspect of manifestation which is the source of all magical work; and it is this energy in the various kingdoms of nature that produces form, shape, species, kind, type and the differentiations which mark and distinguish the myriad forms through which life itself manifests. It is the quality of the energy which produces the quantity of forms; it is the light which causes the emergence into consciousness of the race of heterogeneous shapes which aggregates of atoms can assume.

là các cơ cấu và hình tướng vẫn chưa được tách riêng. Các nhà thần bí trong thế giới khoa học sẽ cảm nhận điều này và nỗ lực chứng minh nó trong thế hệ kế tiếp. Chính loại năng lượng này, năng lượng của phương diện kiến tạo hình tướng trong sự biểu hiện, là nguồn gốc của mọi công việc huyền thuật; và chính năng lượng này trong các giới khác nhau của thiên nhiên tạo ra hình tướng, dáng vẻ, loài, loại, mẫu và các biến phân đánh dấu và phân biệt vô số hình tướng qua đó chính sự sống biểu hiện. Chính phẩm tính của năng lượng tạo ra số lượng hình tướng; chính ánh sáng làm phát sinh vào trong tâm thức nhân loại những dạng thức dị biệt mà các tổ hợp nguyên tử có thể khoác lấy.

4. This type of energy which produces the shapes and forms and coherent organisms in all the kingdoms of nature is not the life principle. The life principle will remain undiscovered and unrecognized until such time as [333] the soul or qualifying principle, the builder of the forms is studied, recognized and in its turn investigated.

4. Loại năng lượng tạo ra các dạng thức, hình tướng và cơ cấu cố kết trong mọi giới của thiên nhiên này không phải là nguyên khí sự sống. Nguyên khí sự sống sẽ vẫn chưa được khám phá và chưa được nhận biết cho đến khi [333] linh hồn hay nguyên khí định phẩm, đấng kiến tạo các hình tướng, được nghiên cứu, được nhận ra và đến lượt nó được khảo sát.

5. This is only possible as man steps forth into a fuller conscious possession of his divine heritage, and working as a soul and in control of his mechanism (physical, emotional, and mental) can work consciously en rapport with the soul in all forms.

5. Điều này chỉ có thể xảy ra khi con người bước tới trong sự sở hữu có ý thức đầy đủ hơn đối với di sản thiêng liêng của mình, và khi y, làm việc như một linh hồn và kiểm soát bộ máy của mình — hồng trần, cảm xúc và trí tuệ — có thể làm việc một cách có ý thức trong quan hệ hòa hợp với linh hồn trong mọi hình tướng.

This will be possible only as the race grasps the above hypothesis, and recognizes it as a possibility and seeks to demonstrate the fact of the soul-factor lying back of its structure or body of manifestation, or equally, seeks to disprove it. All great scientists and workers in the realm of objective nature have worked

Điều này sẽ chỉ có thể xảy ra khi nhân loại nắm bắt giả thuyết trên, nhận ra nó như một khả thể và tìm cách chứng minh sự kiện về yếu tố linh hồn nằm phía sau cấu trúc hay thể biểu hiện của nó, hoặc cũng vậy, tìm cách bác bỏ nó. Mọi nhà khoa học vĩ đại và những người hoạt động trong lĩnh vực thiên

as souls, and all the most amazing of the developments in the realm of physics and chemistry, as in other departments of human knowledge, have been made when the worker in any particular field has launched forth with faith in some hypothesis he has formed, and has investigated and progressed his work forward stage by stage until he has contacted an aspect of the truth hitherto unformulated by man. Then, having through the use of his intuition entered into a new realm of thought, he takes the knowledge there discovered and formulates it in such way by theory, principle, experiment and mechanical contrivance that it becomes the possession of the group, and in due time is understood and utilized by the world. But in its genesis it has been mystical work and based on a mystical intuition.

nhiên khách quan đều đã làm việc như các linh hồn; và tất cả những phát triển đáng kinh ngạc nhất trong lĩnh vực vật lý và hóa học, cũng như trong các ngành tri thức nhân loại khác, đã được tạo ra khi người hoạt động trong một lĩnh vực đặc thù nào đó tiến bước với niềm tin vào một giả thuyết mà y đã hình thành, rồi khảo sát và thúc đẩy công việc của mình tiến lên từng giai đoạn cho đến khi y tiếp xúc với một phương diện của chân lý trước đó chưa từng được con người công thức hóa. Khi ấy, sau khi nhờ sử dụng trực giác mà bước vào một lĩnh vực tư tưởng mới, y lấy tri thức đã khám phá ở đó và công thức hóa nó bằng lý thuyết, nguyên lý, thí nghiệm và phương tiện cơ giới sao cho nó trở thành sở hữu của tập thể, và đúng thời được thế giới thấu hiểu và sử dụng. Nhưng trong nguồn gốc của nó, đó là công việc thần bí và đặt nền trên một trực giác thần bí.

It might be noted here that three great discoveries are imminent and during the next two generations will revolutionize modern thought and life.

Có thể lưu ý ở đây rằng ba khám phá lớn đang gần kề và trong hai thế hệ tới sẽ cách mạng hóa tư tưởng và đời sống hiện đại.

One is already sensed and is the subject of experiment and investigation, the releasing of the energy of the atom. This will completely change the economic and political situation in the world, for the latter is largely dependent upon the former. Our mechanical civilization will be simplified, and an era ushered in which will be [334] free from the incubus of money (its possession and its non-possession), and the human family will recognize universally its status as a bridging kingdom between the three lower kingdoms of nature and the fifth or spiritual kingdom. There will be time and freedom for a soul culture which will supersede our modern methods of education, and the significance of soul

Một khám phá đã được cảm nhận và đang là đối tượng của thí nghiệm và khảo sát: sự giải phóng năng lượng của nguyên tử. Điều này sẽ thay đổi hoàn toàn tình hình kinh tế và chính trị trong thế giới, vì tình hình sau phần lớn lệ thuộc vào tình hình trước. Nền văn minh cơ giới của chúng ta sẽ được giản lược, và một kỷ nguyên sẽ được mở ra, [334] thoát khỏi gánh nặng của tiền bạc — việc có nó và không có nó — và gia đình nhân loại sẽ nhận ra một cách phổ quát địa vị của mình như một giới bắc cầu giữa ba giới thấp của thiên nhiên và giới thứ năm hay giới tinh thần. Sẽ có thời gian và tự do cho một nền văn hóa linh hồn, vốn sẽ thay thế các phương pháp giáo dục hiện đại của chúng ta; và thâm nghĩa của các quyền năng linh hồn

powers and the development of the superhuman consciousness will engross the attention of educators and students everywhere.

cùng sự phát triển của tâm thức siêu nhân sẽ thu hút sự chú ý của các nhà giáo dục và đạo sinh ở khắp nơi.

A second discovery will grow out of the present investigations as to light and color. The effect of color on people, animals and units in the vegetable kingdom will be studied and the result of those studies will be the development of etheric vision or the power to see the next grade of matter with the strictly physical eye. Increasingly will people think and talk in terms of light, and the effect of the coming developments in this department of human thought will be triple.

Một khám phá thứ hai sẽ nảy sinh từ các khảo sát hiện nay về ánh sáng và màu sắc. Tác động của màu sắc lên con người, động vật và các đơn vị trong giới thực vật sẽ được nghiên cứu; và kết quả của những nghiên cứu ấy sẽ là sự phát triển của thị giác dĩ thái, hay quyền năng thấy cấp độ vật chất kế tiếp bằng chính con mắt hồng trần. Con người sẽ ngày càng suy nghĩ và nói năng theo các thuật ngữ của ánh sáng, và tác động của những phát triển đang đến trong ngành tư tưởng nhân loại này sẽ có tính tam phân.

a. People will possess etheric vision.

a. Con người sẽ sở hữu thị giác dĩ thái.

b. The vital or etheric body, lying as the inner structure of the outer forms, will be seen and noted and studied in all kingdoms of nature.

b. Thể sinh lực hay thể dĩ thái, nằm như cấu trúc bên trong của các hình tướng bên ngoài, sẽ được thấy, ghi nhận và nghiên cứu trong mọi giới của thiên nhiên.

c. This will break down all barriers of race and all distinctions of color; the essential brotherhood of man will be established. We shall see each other and all forms of divine manifestation as light units of varying degrees of brightness and shall talk and think increasingly in terms of electricity, of voltage, of intensity and of power. The age and status of men, in regard to the ladder of evolution, will be noted and become objectively apparent, the relative capacities of old souls, and young souls will be recognized, thereby re-establishing on earth the rule of the enlightened.

c. Điều này sẽ phá vỡ mọi rào cản giống dân và mọi phân biệt về màu da; tình huynh đệ cốt yếu của con người sẽ được thiết lập. Chúng ta sẽ thấy nhau và mọi hình tướng biểu hiện thiêng liêng như các đơn vị ánh sáng với những mức độ sáng chói khác nhau, và sẽ ngày càng nói và nghĩ bằng các thuật ngữ về điện, điện thế, cường độ và quyền năng. Tuổi và địa vị của con người, xét theo nấc thang tiến hoá, sẽ được ghi nhận và trở nên hiển nhiên một cách khách quan; các năng lực tương đối của những linh hồn già và những linh hồn trẻ sẽ được nhận ra, qua đó tái lập trên Trái Đất sự cai quản của những người đã giác ngộ.

Note here, that these developments will be the work of the scientists of the next two generations and the result [335] of their

Hãy lưu ý ở đây rằng những phát triển này sẽ là công việc của các nhà khoa học trong hai thế hệ tới và là kết quả [335] của các nỗ lực

efforts. Their work with the atom of substance, and their investigations in the realm of electricity, of light and of power, must inevitably demonstrate the relation between forms, which is another term for brotherhood, and the fact of the soul, the inner light and radiance of all forms.

của họ. Công việc của họ với nguyên tử chất liệu, cùng những khảo sát của họ trong lĩnh vực điện, ánh sáng và quyền năng, tất yếu phải chứng minh mối quan hệ giữa các hình tướng — vốn là một thuật ngữ khác cho tình huynh đệ — và sự kiện về linh hồn, ánh sáng và hào quang bên trong của mọi hình tướng.

The third development, which will be the last probably to take place, will be more strictly in the realm of what the occultists call magic. It will grow out of the study of sound and the effect of sound and will put into man's hands a tremendous instrument in the world of creation. Through the use of sound the scientist of the future will bring about his results; through sound, a new field of discovery will open up; the sound which every form in all kingdoms of nature gives forth will be studied and known and changes will be brought about and new forms developed through its medium. One hint only may I give here and that is, that the release of energy in the atom is linked to this new coming science of sound.

Phát triển thứ ba, có lẽ sẽ là điều cuối cùng xảy ra, sẽ thuộc về lĩnh vực mà các nhà huyền bí học gọi là huyền thuật theo nghĩa chặt chẽ hơn. Nó sẽ phát sinh từ việc nghiên cứu âm thanh và tác động của âm thanh, và sẽ đặt vào tay con người một công cụ phi thường trong thế giới sáng tạo. Qua việc sử dụng âm thanh, nhà khoa học tương lai sẽ tạo ra các kết quả của mình; qua âm thanh, một lĩnh vực khám phá mới sẽ mở ra; âm thanh mà mỗi hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên phát ra sẽ được nghiên cứu và biết đến, và các thay đổi sẽ được tạo ra, các hình tướng mới sẽ được phát triển thông qua môi giới của nó. Tôi chỉ có thể đưa ra một gợi ý ở đây, đó là sự giải phóng năng lượng trong nguyên tử có liên hệ với khoa học mới về âm thanh sắp đến này.

The significance of what has happened in the world during the last century in the realm of sound is not appreciated yet nor understood. Terrific effects are however being produced by the unbelievably increased noise and sound emanating from the planet at this time. The roar of machinery, the rumble of the transportation mechanisms in all parts of the world—trains, vessels and airplanes—the focussing of the sounds of men in such congested areas as the great cities, and, at this time, the universal use of the radio bringing musical sounds into every home and into street life are producing effects upon the bodies of men and upon all forms of life everywhere which will become apparent only as time

Thâm nghĩa của những gì đã xảy ra trong thế giới trong thế kỷ vừa qua thuộc lĩnh vực âm thanh vẫn chưa được đánh giá đúng cũng như chưa được thấu hiểu. Tuy nhiên, những hiệu quả khủng khiếp đang được tạo ra bởi tiếng ồn và âm thanh gia tăng đến mức khó tin phát ra từ hành tinh vào lúc này. Tiếng gầm của máy móc, tiếng ầm ì của các bộ máy vận chuyển ở khắp nơi trên thế giới — xe lửa, tàu bè và máy bay — sự tập trung các âm thanh của con người trong những khu vực đông nghẹt như các đại đô thị, và vào lúc này, việc sử dụng phổ quát vô tuyến truyền thanh đưa âm thanh âm nhạc vào mọi gia đình và vào đời sống đường phố, đang tạo ra các hiệu quả trên các thể của con người và trên mọi hình tướng sự sống ở khắp

elapses. Some forms of life in the animal kingdom, but primarily in the vegetable kingdom, will disappear and the response of the human mechanism to this world of sound, uproar and [336] music in which it will increasingly find itself will be most interesting.

nơi, vốn chỉ trở nên rõ ràng khi thời gian trôi qua. Một số hình tướng sự sống trong giới động vật, nhưng chủ yếu trong giới thực vật, sẽ biến mất; và sự đáp ứng của bộ máy con người đối với thế giới âm thanh, náo động và [336] âm nhạc này, trong đó nó sẽ ngày càng thấy mình hiện diện, sẽ vô cùng đáng chú ý.

These three developments will usher in the new age, will produce in this transition period the needed changes, and will inaugurate a new era wherein brotherhood will be the keynote, for it will be a demonstrated fact in nature. It will be an age wherein men will walk in the light, for it will be a world of recognized inner radiance, wherein the work of the world will be carried forward through the medium of sound, and eventually through the use of words of power and the work of the trained magician. These trained workers in substance, understanding the nature of matter, seeing always in terms of light and comprehending the purpose of sound will bring about those structural changes and those material transformations which will establish a civilization adequate for the work of the coming race. This work will be that of the conscious unification of the soul and its vehicle of manifestation. Those cultural methods also which will take the undeveloped of the race and carry them forward to a better manifestation, and a truer expression of themselves will be established and this it is the privilege of the coming generation of scientific investigators to bring about.

Ba phát triển này sẽ mở ra thời đại mới, sẽ tạo ra trong thời kỳ chuyển tiếp này những thay đổi cần thiết, và sẽ khai mở một kỷ nguyên mới trong đó tình huynh đệ sẽ là chủ âm, vì nó sẽ là một sự kiện đã được chứng minh trong thiên nhiên. Đó sẽ là một thời đại trong đó con người bước đi trong ánh sáng, vì đó sẽ là một thế giới của hào quang bên trong đã được nhận biết; trong đó công việc của thế giới sẽ được tiến hành qua môi giới của âm thanh, và cuối cùng qua việc sử dụng các Quyền năng từ và công việc của nhà huyền thuật đã được huấn luyện. Những người hoạt động đã được huấn luyện này trong chất liệu, thấu hiểu bản chất của vật chất, luôn thấy theo các thuật ngữ của ánh sáng và lĩnh hội mục đích của âm thanh, sẽ tạo ra những thay đổi cấu trúc và những chuyển hoá vật chất vốn sẽ thiết lập một nền văn minh thích hợp cho công việc của nhân loại đang đến. Công việc này sẽ là sự hợp nhất có ý thức giữa linh hồn và vận cụ biểu hiện của nó. Những phương pháp văn hóa có thể đưa những người chưa phát triển trong nhân loại tiến lên đến một sự biểu hiện tốt đẹp hơn và một sự biểu đạt chân thật hơn về chính họ cũng sẽ được thiết lập; và chính đặc quyền của thế hệ các nhà khảo sát khoa học đang đến là tạo nên điều này.

The outstanding characteristic, however, of the coming cycle will be an outgrowth of psychology. It will be the emergence of a new factor from the standpoint of the modern psychologist of the materialistic

Tuy nhiên, đặc tính nổi bật của chu kỳ đang đến sẽ là một sự phát triển từ tâm lý học. Đó sẽ là sự xuất hiện của một yếu tố mới xét từ lập trường của nhà tâm lý học hiện đại thuộc trường phái duy vật, và sẽ bao hàm sự thừa nhận linh hồn.

school and will involve the recognition of the soul.

The mechanistic school of psychologists has served and is serving an invaluable purpose, and the findings of the behaviorists are sound in fact, though erroneous in conclusion. They serve as a needed brake upon the more speculative and mystical school, which is dignified by the name of introspectionist. Like much else in the world at this time, from two great lines of thought, such [337] as the mechanistic and the introspective or subjective mentioned above, a third will manifest which will embody the truth in both positions and duly adjust them to each other. On a larger scale this is working out in the fusing of occident and orient, of mysticism and occultism. We have no quarrel with either, but in the evolution of thought the main trends of ideas at this time are rapidly approaching each other and from them a synthesis will emerge which will prove an adequate platform upon which the coming cycle may make its stand.

Trường phái tâm lý học cơ giới đã phụng sự và đang phụng sự một mục đích vô giá; và các phát hiện thực nghiệm của những nhà hành vi học là đúng về sự kiện, dù sai lầm trong kết luận. Họ đóng vai trò như một cái thắng cần thiết đối với trường phái thiên về suy tư và thần bí hơn, được gọi bằng danh xưng trang trọng là trường phái nội quan. Giống như nhiều điều khác trong thế giới vào lúc này, từ hai dòng tư tưởng lớn, chẳng hạn như cơ giới và nội quan hay chủ quan đã nêu trên, [337] một dòng thứ ba sẽ biểu hiện, dòng này sẽ hiện thân cho chân lý trong cả hai lập trường và điều chỉnh chúng một cách đúng đắn với nhau. Trên một quy mô lớn hơn, điều này đang diễn ra trong sự dung hợp giữa Tây phương và Đông phương, giữa Thần bí học và huyền bí học. Chúng ta không tranh cãi với bên nào, nhưng trong sự tiến hoá của tư tưởng, các khuynh hướng chính của ý tưởng vào lúc này đang nhanh chóng tiến lại gần nhau, và từ chúng sẽ xuất hiện một tổng hợp chứng tỏ là nền tảng thích đáng để chu kỳ đang đến có thể đứng vững.

It might be of value here if we noted the tendency of three lines of thought, roughly speaking in the field of psychology.

Có thể hữu ích ở đây nếu chúng ta ghi nhận khuynh hướng của ba dòng tư tưởng, nói một cách đại lược trong lĩnh vực tâm lý học.

1. The mechanistic, laying the emphasis upon structure, ascribing the reactions of the human organism, mental, emotional, and physical—entirely to the material aspect, and regarding the structure as responsible for and giving rise to all the lines of conduct and characteristics which man displays, both abnormal and normal.

1. Trường phái cơ giới, đặt trọng tâm vào cấu trúc, quy mọi phản ứng của cơ cấu con người — trí tuệ, cảm xúc và hồng trần — hoàn toàn cho phương diện vật chất, và xem cấu trúc là chịu trách nhiệm cho, cũng như làm phát sinh, mọi đường lối hành vi và đặc tính mà con người biểu lộ, cả bất thường lẫn bình thường.

2. The introspective school, positing a self or a conscious something which is responsible

2. Trường phái nội quan, đặt giả định về một bản ngã hay một cái gì đó có ý thức, chịu

for conditions and which, as has sometimes been said, is “aware of awareness”. This school of psychologists recognizes the structure but goes further and regards certain aspects of conduct, and certain reactions and problems as insoluble under the pure mechanistic process. They approach more nearly the occult position, but do not go so far.

trách nhiệm cho các tình trạng và, như đôi khi đã nói, “ý thức về sự ý thức”. Trường phái tâm lý học này thừa nhận cấu trúc nhưng đi xa hơn, và xem một số phương diện của hành vi, cùng một số phản ứng và vấn đề, là không thể giải quyết dưới tiến trình thuần cơ giới. Họ tiến gần hơn đến lập trường huyền bí học, nhưng không đi xa đến mức ấy.

3. Then there are what I might call the vitalists, or that group of psychologists who, admitting the fact of the structure, yet regard it as subjected to the influences of energies and forces emanating from an outer environment. These are the energies of a wider nature than those arising entirely within a man’s own self, and number among them the great basic urges for which nature itself is responsible and which can be seen and felt in units of organic life, other than the human.

3. Kế đó có những người mà tôi có thể gọi là các nhà sinh lực luận, hay nhóm các nhà tâm lý học, tuy thừa nhận sự kiện về cấu trúc, vẫn xem nó là chịu ảnh hưởng của các năng lượng và mãnh lực phát ra từ một môi trường bên ngoài. Đây là những năng lượng có bản chất rộng lớn hơn những năng lượng hoàn toàn phát sinh bên trong chính bản ngã của con người; và trong số đó có những thôi thúc căn bản vĩ đại mà chính thiên nhiên chịu trách nhiệm, những thôi thúc có thể được thấy và cảm nhận trong các đơn vị của sự sống hữu cơ khác với con người.

[338]

[338]

The truth which is safeguarded in all these schools is one truth and each aspect of it is correlated.

Chân lý được gìn giữ trong tất cả các trường phái này là một chân lý duy nhất, và mỗi phương diện của nó đều tương liên.

There is a mechanism through which the real man functions, and there is a structure which he has built up in conformity to the laws of nature and which he can learn to use and control. But, in accordance with the more subjective and speculative school he must learn to differentiate between himself, as the conscious centre of awareness, the “I” upon the throne of intelligence, and the apparatus through which he can contact the outer world. When the “I”, the user of the mechanism, can do this he becomes aware of another fact and that is that not only is he a generator and user of energy, and the

Có một bộ máy qua đó con người thật vận hành, và có một cấu trúc mà y đã xây dựng phù hợp với các định luật của thiên nhiên, và y có thể học cách sử dụng và kiểm soát. Nhưng, theo trường phái chủ quan và suy tư hơn, y phải học cách phân biệt giữa chính y, như trung tâm có ý thức của sự nhận biết, “cái ngã” trên ngai của trí tuệ, và bộ dụng cụ qua đó y có thể tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Khi “cái ngã”, người sử dụng bộ máy, có thể làm điều này, y trở nên nhận biết một sự kiện khác: không chỉ y là một nguồn phát sinh và người sử dụng năng lượng, cũng như là người điều khiển một phần sinh lực vốn

director of a quota of vitality which is his own, but that there are energies and forces in nature and the planet, and also extra-planetary or cosmic, to which he can also respond and which he can learn to use and adapt. The three present schools are therefore, in embryo, custodians of these three factors. Under the present system of quarrel and separation, these three schools are occupied largely with disproving each other's theories. But they are all three of them correct in their facts though wrong in their deductions. They all three need each other and from a blending of the three presentations there will emerge the fourth, which will be nearer the truth than any of the separated three.

thuộc về y, mà còn có những năng lượng và mãnh lực trong thiên nhiên và hành tinh, cũng như ngoài hành tinh hay vũ trụ, mà y cũng có thể đáp ứng và có thể học cách sử dụng, thích ứng. Do đó, ba trường phái hiện nay, trong phôi thai, là những người gìn giữ ba yếu tố này. Dưới hệ thống tranh cãi và chia rẽ hiện nay, ba trường phái này phần lớn bận rộn với việc bác bỏ các lý thuyết của nhau. Nhưng cả ba đều đúng trong các sự kiện của mình, dù sai trong các suy diễn. Cả ba đều cần nhau, và từ sự hòa trộn của ba cách trình bày sẽ xuất hiện cách thứ tư, gần chân lý hơn bất cứ trường phái nào trong ba trường phái tách biệt.

When we come to the consideration of other basic trends in the world of current thought it becomes apparent that one of the most dominant is the increasing emphasis laid upon group consciousness, or environal awareness. This has been recognized by the man in the street as a sense of responsibility and indicates in the individual an egoic vibration. It is one of the first signs that the soul is beginning to use its mechanism. No longer does the man live in the interests of the separated self but he begins to realize the need for adjustment to [339] and in the condition of his neighbor. He assumes the duty of being in a very real sense his brother's keeper, and realizes that in reality progress, contentment, peace of mind and prosperity do not exist for him apart from that of his brother. This realization is steadily expanding from the individual to the state and nation, from the family unit to the world, and hence the big organizations, fraternities, clubs, leagues and movements which have for their objective the uplift and welfare of men everywhere. The necessity of giving instead of getting is growing in the racial consciousness and the recognition of

Khi chúng ta xét đến các khuynh hướng căn bản khác trong thế giới tư tưởng hiện thời, điều trở nên rõ ràng là một trong những khuynh hướng nổi trội nhất là sự nhấn mạnh ngày càng tăng vào tâm thức tập thể, hay sự nhận biết về môi trường. Người bình thường đã nhận ra điều này như một ý thức trách nhiệm, và nó cho thấy nơi cá nhân một rung động chân ngã. Đó là một trong những dấu hiệu đầu tiên rằng linh hồn đang bắt đầu sử dụng bộ máy của nó. Con người không còn sống vì lợi ích của bản ngã tách biệt nữa, mà bắt đầu nhận ra nhu cầu điều chỉnh theo [339] tình trạng của người lân cận và trong tình trạng ấy. Y nhận lấy bổn phận, theo một ý nghĩa rất thật, là người gìn giữ huynh đệ của mình, và nhận ra rằng trong thực tại, sự tiến bộ, mãn nguyện, an bình của trí tuệ và thịnh vượng không tồn tại cho y nếu tách khỏi những điều ấy nơi huynh đệ của y. Sự nhận ra này đang mở rộng đều đặn từ cá nhân đến nhà nước và quốc gia, từ đơn vị gia đình đến thế giới; do đó có các tổ chức lớn, huynh đệ đoàn, câu lạc bộ, liên minh và phong trào lấy việc nâng cao và phúc lợi của con người ở khắp nơi làm mục tiêu. Nhu cầu cho đi thay vì nhận lấy

certain of the basic concepts connected with brotherhood is steadily growing. Brotherhood as a fact in nature is as yet largely a theory, but brotherhood as an ideal is now fashioned in the racial consciousness.

đang tăng trưởng trong tâm thức nhân loại, và sự thừa nhận một số khái niệm căn bản liên hệ đến tình huynh đệ đang tăng trưởng đều đặn. Tình huynh đệ như một sự kiện trong thiên nhiên hiện vẫn phần lớn là một lý thuyết, nhưng tình huynh đệ như một lý tưởng nay đã được định hình trong tâm thức nhân loại.

One of the great schools of thought or trend of ideas which is destined to pass away is that of the current philosophies as we now know them. Philosophy in its technical sense as the love of wisdom will increase as men understand increasingly the meaning of wisdom and become epochally wiser, but the present schools of philosophy have nearly served their purpose. This has been the formulation of ideas concerning God and His relation to man, concerning divinity, eschatology and spiritual relationships.

Một trong những trường phái tư tưởng lớn hay khuynh hướng ý tưởng được định sẵn sẽ qua đi là các nền triết học hiện hành như chúng ta hiện biết. Triết học theo nghĩa kỹ thuật là tình yêu minh triết sẽ gia tăng khi con người ngày càng thấu hiểu ý nghĩa của minh triết và trở nên minh triết hơn theo từng thời đại; nhưng các trường phái triết học hiện nay gần như đã phụng sự xong mục đích của chúng. Mục đích ấy là sự công thức hóa các ý tưởng liên quan đến Thượng đế và mối quan hệ của Ngài với con người, liên quan đến thiên tính, cánh chung luận và các mối quan hệ tinh thần.

The last great gestures of the philosophical schools remain yet to be made. Their place will be taken in later centuries by those who will in deed and in truth be cosmologists, for once the Word of Mankind is understood and grasped and the significance of the individual appreciated, the Word of the Cosmos will receive due and more correct attention, and the laws and nature of that great Being in Whom we live and move and have our being will be studied. The cosmic Christ can never be known by any except the individual Christ.

Những cử chỉ lớn cuối cùng của các trường phái triết học vẫn còn phải được thực hiện. Trong các thế kỷ sau, vị trí của họ sẽ do những người thật sự và đúng nghĩa là các nhà vũ trụ luận đảm nhận; vì một khi Linh từ của Nhân loại được thấu hiểu và nắm bắt, và thâm nghĩa của cá nhân được đánh giá đúng, Linh từ của Vũ trụ sẽ nhận được sự chú ý xứng đáng và chính xác hơn, và các định luật cùng bản chất của Đấng Vĩ Đại trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện tồn sẽ được nghiên cứu. Đức Christ vũ trụ không bao giờ có thể được biết bởi bất cứ ai ngoại trừ Đức Christ cá nhân.

Man, as we shall see as we proceed, is on the verge of [340] establishing his divinity. Evolution has carried forward the perfecting of the mechanism to such an extent that it is now a coordinated integrated organism, a

Như chúng ta sẽ thấy khi tiếp tục, con người đang ở ngưỡng [340] thiết lập thiên tính của mình. Tiến hoá đã đưa sự hoàn thiện của bộ máy tiến xa đến mức hiện nay nó là một cơ cấu phối hợp, tích hợp, một cấu trúc có thể

usable structure and ready for the divine user. In the course of the next few decades the fact of the soul will be established, and the work of the introspective thinkers, the mystics and occult students will be carried forward to the point where soul force will be established as a racial concept, and the laws of the soul will be recognized as superseding, though not abrogating (for the lesser is ever included in the greater) the laws of man. This in the sense that the law is ever kept by a manifesting soul, for, since there is no inclination to break it, there is no tendency on his part to infringe it.

sử dụng và sẵn sàng cho người sử dụng thiêng liêng. Trong vài thập kỷ tới, sự kiện về linh hồn sẽ được thiết lập, và công việc của các nhà tư tưởng nội quan, các nhà thần bí và đạo sinh huyền bí sẽ được đưa đến điểm mà mãnh lực linh hồn được thiết lập như một khái niệm của nhân loại; và các định luật của linh hồn sẽ được thừa nhận là thay thế, dù không bãi bỏ, các định luật của con người, vì cái thấp hơn bao giờ cũng được bao gồm trong cái lớn hơn. Điều này theo nghĩa rằng định luật luôn được linh hồn đang biểu hiện tuân giữ, bởi vì, do không có khuynh hướng phá vỡ nó, nên về phía y cũng không có xu hướng vi phạm nó.

This growing conviction as to the soul as the self is evidenced by the opposition to the theory called forth by the schools of thought which emphasize the dominance of matter and trace all phenomena, objective and subjective, to the activity of matter. Through the wrestling of those holding differing points of view truth emerges into the light, just as in a larger case, spirit "mounts on the shoulders of matter" back to its original position, plus the gain in quality which is the result of the experience. This being so, knowledge will take the place of theory, and direct evidence that of speculation. The theorising of men as to their divine nature must shortly give place to conviction and their philosophising to direct investigation of the soul. That which is recognized and admitted, even if not understood, is the object of attention and investigation and the day will dawn before so very long when an experimental science of the soul will have its place in the universities and public endowments and not the proving of the soul, but an analysis of its nature, purposes, and life will receive an attention equal to that now gives by modern scientists in their varying branches to the mechanism the soul seeks and eventually will use, [341] for

Niềm xác tín ngày càng tăng về linh hồn như bản ngã được chứng tỏ bởi sự phản đối lý thuyết mà các trường phái tư tưởng nhấn mạnh quyền thống trị của vật chất và truy nguyên mọi hiện tượng, khách quan lẫn chủ quan, về hoạt động của vật chất đã gây ra. Qua sự vật lộn của những người giữ các quan điểm khác nhau, chân lý xuất hiện vào ánh sáng; cũng như trong trường hợp lớn hơn, tinh thần "leo lên vai vật chất" trở về vị trí nguyên thủy của nó, cộng thêm lợi ích về phẩm tính là kết quả của kinh nghiệm. Nếu như vậy, tri thức sẽ thay thế lý thuyết, và bằng chứng trực tiếp sẽ thay thế suy tư. Sự lý thuyết hóa của con người về bản chất thiêng liêng của họ chẳng bao lâu phải nhường chỗ cho xác tín, và sự triết lý của họ phải nhường chỗ cho sự khảo sát trực tiếp về linh hồn. Điều được thừa nhận và chấp nhận, dù chưa được thấu hiểu, sẽ trở thành đối tượng của chú ý và khảo sát; và chẳng bao lâu nữa, ngày sẽ đến khi một khoa học thực nghiệm về linh hồn có vị trí của nó trong các đại học và các quỹ công, và không phải việc chứng minh linh hồn, mà là sự phân tích bản chất, mục đích và đời sống của nó sẽ nhận được sự chú ý ngang bằng với sự chú ý mà các nhà khoa học hiện đại trong các ngành khác nhau hiện dành cho bộ máy mà linh hồn tìm

naught can arrest that great evolutionary development.

kiếm và cuối cùng sẽ sử dụng, [341] vì không gì có thể ngăn cản sự phát triển thăng thượng tiến hoá vĩ đại ấy.

Certain words of warning I would like to give and also a summarisation of much earlier said:

Tôi muốn đưa ra một vài lời cảnh báo và cũng tóm lược nhiều điều đã nói trước đây:

First, hold not on to the form no matter what it be. All forms are but experiments, and reach the point where they are in balance—to be either discarded or vivified.

Thứ nhất, đừng bám giữ hình tướng, bất kể nó là gì. Mọi hình tướng chỉ là những cuộc thử nghiệm, và đạt đến điểm chúng ở trong thế cân bằng — hoặc bị loại bỏ, hoặc được tiếp sinh lực.

Secondly, remember that all personalities (your own included) have their periods of ebb and flow, under the law. The periods of ebb in the case of those holding prominent position cause at times consternation to all those who follow their personalities, and not the inner God within their own heart.

Thứ hai, hãy nhớ rằng mọi phàm ngã, kể cả của chính các bạn, đều có các thời kỳ thăng trầm của chúng, dưới định luật. Những thời kỳ suy giảm trong trường hợp những người giữ vị trí nổi bật đôi khi gây hoang mang cho tất cả những ai đi theo phàm ngã của họ, chứ không theo Thượng đế nội tại trong chính trái tim mình.

Thirdly, bear in mind, also, that just as in the individual life there come the periods wherein the vision is obscured, the valley is traversed, and the stars shut out by the fog, so in connection with groups will the same be seen. But bear equally in mind that after the valley is crossed (for all aspirants and for all truly spiritual groups) the Mount of Initiation is seen and ascended; after obscuration succeeds the vision, and after night comes the day. In the great cycles affecting cosmic groups this also can be seen; in the lesser cycles, controlling the races, the same eventuates and the same law persists in all the lesser groups down to the groups of tiny lives that hold sway in the vehicles of man. This needs emphasis.

Thứ ba, cũng hãy ghi nhớ rằng, cũng như trong đời sống cá nhân có những thời kỳ khi tầm nhìn bị che khuất, thung lũng phải được băng qua, và các vì sao bị sương mù che lấp, thì liên quan đến các nhóm cũng sẽ thấy điều tương tự. Nhưng cũng hãy ghi nhớ rằng sau khi thung lũng được băng qua, đối với mọi người chí nguyện và mọi nhóm thật sự tinh thần, Núi Điểm Đạo được nhìn thấy và được leo lên; sau sự che khuất là tầm nhìn, và sau đêm là ngày. Trong các chu kỳ lớn ảnh hưởng đến các nhóm vũ trụ, điều này cũng có thể được thấy; trong các chu kỳ nhỏ hơn, chi phối các giống dân, điều tương tự xảy ra và cùng một định luật vẫn tồn tại trong mọi nhóm nhỏ hơn, xuống đến các nhóm sự sống bé nhỏ đang nắm quyền trong các hiện thể của con người. Điều này cần được nhấn mạnh.

Fourthly, do not permit yourselves to be discouraged. Discouragement is due to three causes. Paramountly it is due to the lowering of the vitality of the bodily organism. When such is the case, the astral body makes too strong a demand upon the physical, and in the endeavour to respond and in the sensed incapacity to do so adequately, lies one cause of the sense of discouragement. This often attacks those of you who are finely organised in the physical vehicle. The cure for this type of discouragement [342] is obvious, is it not? Rest and relaxation build anew, and give time for nature to adjust the trouble. The sun too revitalises with prana and this should be considered. After all, sound common sense is the special requirement, and also the realisation that one's work is adjusted to one's capacity, and not to the overwhelming need. Meditate on this.

Thứ tư, đừng để mình nản lòng. Sự nản lòng do ba nguyên nhân. Trước hết, nó do sự hạ thấp sinh lực của cơ cấu thân xác. Khi trường hợp này xảy ra, thể cảm dục đặt một đòi hỏi quá mạnh lên thể xác; và trong nỗ lực đáp ứng cùng cảm nhận về sự bất lực không thể làm điều đó một cách đầy đủ, có một nguyên nhân của cảm giác nản lòng. Điều này thường tấn công những ai trong các bạn có hiện thể hồng trần được tổ chức tinh tế. Phương thuốc cho loại nản lòng này [342] là hiển nhiên, phải không? Nghỉ ngơi và thư giãn xây dựng lại, và cho thiên nhiên thời gian điều chỉnh khó khăn. Mặt trời cũng tiếp sinh lực bằng sinh khí, và điều này nên được cân nhắc. Xét cho cùng, lẽ thường lành mạnh là điều đặc biệt cần thiết, cùng với sự nhận ra rằng công việc của một người được điều chỉnh theo năng lực của người ấy, chứ không theo nhu cầu quá sức. Hãy tham thiền về điều này.

Another basis for discouragement is the over-development of the concrete mind, which in its turn makes too great a demand upon the emotional nature, and consequently again upon the physical. Too great a capacity to see all around a subject, too disproportionate a comprehension of the world's need, and too quick an apprehension of the many issues involved in connection with some particular matter produce a violent vibration in the astral body. This leads to a shattering of the physical vehicle, and the result sensed we term discouragement. It is here that a sense of proportion must be cultivated, that the faculty of wise balancing enters, and that mental equilibrium must be achieved. The cure lies in the realisation that time, eternity, evolution (call it what you will) brings all things to pass, and that everything does not depend upon individual effort. It is possible for wise souls to hasten the good

Một nền tảng khác của sự nản lòng là sự phát triển quá mức của trí cụ thể, đến lượt nó đặt một đòi hỏi quá lớn lên bản chất cảm xúc, và do đó lại lên thể xác. Năng lực quá lớn để thấy mọi mặt quanh một đề tài, sự lĩnh hội quá mất cân xứng về nhu cầu của thế giới, và sự nắm bắt quá nhanh nhiều vấn đề liên quan đến một sự việc đặc thù nào đó tạo ra một rung động dữ dội trong thể cảm dục. Điều này dẫn đến sự chấn động của hiện thể hồng trần, và kết quả được cảm nhận ấy chúng ta gọi là sự nản lòng. Chính ở đây, Ý thức về tỉ lệ phải được vun trồng, năng lực cân bằng khôn ngoan phải đi vào, và sự quân bình trí tuệ phải đạt được. Phương thuốc nằm trong sự nhận ra rằng thời gian, vĩnh cửu, tiến hoá — gọi nó là gì tùy bạn — đưa mọi sự đến chỗ hoàn thành, và rằng mọi sự không lệ thuộc vào nỗ lực cá nhân. Các linh hồn minh triết có thể thúc đẩy công việc tốt đẹp, nhưng rốt cuộc kết quả vẫn chắc chắn. Nếu các linh hồn minh triết chưa xuất hiện,

work, but the end, nevertheless, is sure. If the wise souls are not forthcoming yet the force of evolution brings all things to pass, even if more slowly. Do not forget this, but when discouragement from mental sources settles down upon you, in quietness adjust yourself, and in contemplation sense the ultimate achievement of that great factor, Time.

mãnh lực của tiến hoá vẫn đưa mọi sự đến chỗ hoàn thành, dù chậm hơn. Đừng quên điều này; nhưng khi sự nản lòng từ các nguồn trí tuệ đổ xuống trên bạn, hãy trong tĩnh lặng điều chỉnh chính mình, và trong chiêm ngưỡng cảm nhận thành tựu tối hậu của yếu tố vĩ đại ấy: Thời gian.

A third cause lies in more occult realms, and is due to the balancing of the pairs of opposites. When the pendulum swings—as it must and does—towards that which we call dark, evil, and undesirable, it produces in those of you who are oriented towards the light a tension which results in discomfort in all the bodies, and is specially [343] sensed as depression by the physical body. The more sensitive your body, the greater your responsiveness to this form of temptation. It is one of the things which specially hinders the aspirant. It renders him negative and receptive from the form side, and slows down his vibration. It prevents achievement and his service to the world suffers in consequence. The cure for discouragement does not lie in cultivating a violent counter vibration. It lies in the wise use of the mental body, and in a capacity to reason logically and to see the cause of the conditions, which lies either in your own personality or in your environment. Thus poise will he attained. It lies also in the appreciation of Time as a solvent as aforesaid. It lies also in the stilling of the concrete mind and a subsequent linking up with the soul and, via the soul, with the egoic group and consequently with the Master. It must never be forgotten that contact with the Master is made in this order, and that he who comes more and more under the guidance of the soul is he

Một nguyên nhân thứ ba nằm trong các lĩnh vực huyền bí hơn, và do sự cân bằng của các cặp đối cực. Khi con lắc dao động — như nó phải và vẫn làm — hướng về điều mà chúng ta gọi là tối tăm, tà ác và không đáng mong muốn, nó tạo ra nơi những ai trong các bạn hướng về ánh sáng một sự căng thẳng, dẫn đến khó chịu trong mọi thể, và đặc biệt [343] được thể xác cảm nhận như sự trầm uất. Thể xác của bạn càng nhạy cảm, sự đáp ứng của bạn đối với hình thức cám dỗ này càng lớn. Đó là một trong những điều đặc biệt cản trở người chí nguyện. Nó khiến y trở nên âm và dễ tiếp nhận từ phía hình tướng, và làm chậm rung động của y. Nó ngăn cản thành tựu, và sự phụng sự của y đối với thế giới do đó chịu tổn hại. Phương thuốc cho sự nản lòng không nằm trong việc vun trồng một rung động đối kháng dữ dội. Nó nằm trong việc sử dụng thể trí một cách khôn ngoan, và trong năng lực suy luận hợp lý, thấy nguyên nhân của các tình trạng, vốn nằm hoặc trong phàm ngã của bạn hoặc trong môi trường của bạn. Nhờ vậy sự quân bình sẽ đạt được. Nó cũng nằm trong sự thẩm nhận Thời gian như một dung môi, như đã nói ở trên. Nó cũng nằm trong việc làm lặng trí cụ thể và sau đó liên kết với linh hồn, rồi qua linh hồn với nhóm chân ngã, và do đó với Chân sư. Không bao giờ được quên rằng sự tiếp xúc với Chân sư được thực hiện theo trình tự này, và rằng người nào ngày càng ở dưới sự hướng dẫn của linh hồn thì người ấy ngày càng đi vào tâm thức của Chân sư mình.

who more and more enters into the consciousness of his Master.

Then having with unselfish intent linked up with the Master, there comes next the deliberate and concentrated effort to work with pure dispassion, and with no desire to see the fruit of action. This process, long continued and pursued with patience, will result eventually in the attaining of an equilibrium which nothing can disturb.

Khi ấy, sau khi với ý định vô ngã đã liên kết với Chân sư, tiếp theo sẽ đến nỗ lực có chủ đích và tập trung để làm việc với sự vô chấp thuần khiết, và không có ham muốn thấy quả của hành động. Tiến trình này, nếu được tiếp tục lâu dài và theo đuổi với kiên nhẫn, cuối cùng sẽ dẫn đến việc đạt được một sự quân bình mà không gì có thể khuấy động.

I would like to state that there are five things which those who choose the path of occultism need to cultivate, and that the group should specially seek to attain. They are as follows:

Tôi muốn nói rằng có năm điều mà những ai chọn con đường huyền bí học cần vun trồng, và nhóm nên đặc biệt tìm cách đạt tới. Chúng như sau:

1. Consecration of motive.

1. Sự thánh hiến động cơ.

2. Utter fearlessness.

2. Sự hoàn toàn vô úy.

3. The cultivation of the imagination, balanced wisely by the reasoning faculty. [344]

3. Sự vun trồng Sự tưởng tượng, được cân bằng một cách khôn ngoan bởi năng lực lý trí. [344]

4. A capacity to weigh the evidence wisely, and to accept only that which is compatible with the highest instinct and intuition.

4. Một năng lực cân nhắc bằng chứng một cách minh triết, và chỉ chấp nhận điều gì tương hợp với bản năng cao nhất và trực giác.

5. A willingness to experiment.

5. Một sự sẵn lòng thực nghiệm.

These five tendencies, coupled with purity of life and regulation of thought will lead to the sphere of achievement. Remember too that it is not purposed that you should find out all the knowable, but only just as much of it as may be employed wisely for the illumination of the race and of those whom you can each, in your own place, influence.

Năm khuynh hướng này, kết hợp với đời sống thanh khiết và sự điều chỉnh tư tưởng, sẽ dẫn đến lĩnh vực thành tựu. Cũng hãy nhớ rằng mục đích không phải là các bạn khám phá mọi điều khả tri, mà chỉ vừa đủ phần nào có thể được sử dụng một cách minh triết cho sự soi sáng nhân loại và những người mà mỗi bạn, tại vị trí riêng của mình, có thể gây ảnh hưởng.

A real problem, as you all realise, lies in the achieving of utter fearlessness. All fear, doubt, and worry have to be eliminated. If this can be done the development of the inner point of contact and the knowledge of how to tap the sources of inspiration will increase in a wonderful manner. So many close the sources of information through an uncontrolled emotional nature. The astral body can be controlled. How?

Một vấn đề thật sự, như tất cả các bạn đều nhận ra, nằm ở việc đạt được sự hoàn toàn vô úy. Mọi sợ hãi, nghi ngờ và lo âu đều phải được loại bỏ. Nếu điều này có thể thực hiện, thì sự phát triển của điểm tiếp xúc bên trong và tri thức về cách khai thông các nguồn cảm hứng sẽ gia tăng một cách kỳ diệu. Rất nhiều người khép lại các nguồn thông tin do bản chất cảm xúc không được kiểm soát. Thể cảm dục có thể được kiểm soát. Bằng cách nào?

1. By direct inhibition. This method can be used to advantage by beginners, but it is not the best method to follow. It reacts on the physical body, leads to congestion in the astral body, and to a similar condition in the etheric vehicle. It often produces headache, congestion of the liver and other disorders.

1. Bằng sự ức chế trực tiếp. Phương pháp này có thể được người sơ cơ sử dụng một cách hữu ích, nhưng đó không phải là phương pháp tốt nhất để theo. Nó phản tác dụng trên thể xác, dẫn đến sự sung huyết trong thể cảm dục, và đến một tình trạng tương tự trong hiện thể dĩ thái. Nó thường tạo ra đau đầu, sung huyết gan và các rối loạn khác.

2. By a direct realisation of the issues at stake and the consciousness that, for a pupil of the Master, nothing comes to pass but what can lead to increased knowledge and development, and greater usefulness in service. Fear with many is not based on timidity (a paradoxical statement!) but is often based on a mental condition, such as pride. Those who are becoming polarised in the mental body, find their fears allied to the intellect. They are therefore harder to overcome than the fears of a person polarised in the astral body. The latter can bring the [345] intellect to bear on the elimination of fear in the astral body. The mental types have to call directly on the Ego, for always the higher must be called in to deal with the lower. Hence the necessity for always keeping the channel clear. Do not crush out fear. Force it out by the dynamic power of substitution. This leads to my third suggestion that students in the group should cure the fear habit by—

2. Bằng sự nhận ra trực tiếp những vấn đề hệ trọng đang được đặt ra và bằng tâm thức rằng, đối với một môn sinh của Chân sư, không điều gì xảy đến mà không thể dẫn tới tri thức và sự phát triển gia tăng, cùng sự hữu dụng lớn hơn trong phụng sự. Với nhiều người, sợ hãi không đặt nền trên sự nhút nhát (một phát biểu nghịch lý!), mà thường đặt nền trên một tình trạng trí tuệ, chẳng hạn như kiêu hãnh. Những ai đang trở nên phân cực trong thể trí thấy rằng những nỗi sợ của mình liên kết với trí năng. Vì vậy, chúng khó vượt qua hơn những nỗi sợ của một người phân cực trong thể cảm dục. Người sau có thể đem [345] trí năng tác động vào việc loại bỏ sợ hãi trong thể cảm dục. Những người thuộc loại trí tuệ phải trực tiếp kêu gọi Chân ngã, vì cái cao luôn phải được triệu thỉnh để xử lý cái thấp. Do đó có sự cần thiết phải luôn giữ cho vận hà được trong sáng. Đừng đè nén sợ hãi. Hãy xua nó ra bằng quyền năng năng động của sự thay thế. Điều này dẫn tới gợi ý thứ ba của tôi rằng các

đạo sinh trong nhóm nên chữa thói quen sợ hãi bằng—

3. A direct method of relaxation, concentration, stillness and flushing the entire personality with pure white light. Proceed in the following manner:

3. Một phương pháp trực tiếp gồm thư giãn, tập trung, tĩnh lặng và tuôn tràn toàn bộ phàm ngã bằng ánh sáng trắng tinh khiết. Hãy tiến hành theo cách sau:

You are, we will say, in a state of panic; suggestions of great unpleasantness are crowding in; your imagination is running riot, and your mind enforces the riot. Forget not that the fears of an emotional person are not so potent as yours. Having a strong mental body, you clothe your fear reactions with mental matter, highly vitalised, which causes a powerful thoughtform to be created. This circulates between you and the feared event. Realising this you will proceed to seek quietness. You will relax your physical body, endeavour to quiet your astral body as far as may be, and to steady the mind. Then visualizing yourself (the personality), the soul and the Master—He, as the apex of the triangle, —you will with deliberation call down a stream of pure white light, and, pouring it through your lower vehicles, you will cleanse away all that hinders. Continue this process until you realise that the needed work is accomplished. At first you may have to do it many times. Later just once will suffice, and later still the whole process may be needless, for you will have achieved conquest.

Giả sử các bạn đang ở trong trạng thái hoảng loạn; những gợi ý về điều rất khó chịu đang ùa vào; sự tưởng tượng của các bạn đang nổi loạn, và thể trí của các bạn củng cố cuộc nổi loạn ấy. Đừng quên rằng những nỗi sợ của một người cảm xúc không mạnh như của các bạn. Vì có một thể trí mạnh, các bạn khoác cho các phản ứng sợ hãi của mình bằng chất liệu cõi trí được tiếp sinh lực mạnh mẽ, điều này khiến một hình tư tưởng đầy quyền lực được tạo ra. Nó luân chuyển giữa các bạn và biến cố bị sợ hãi. Nhận ra điều này, các bạn sẽ tiến hành tìm kiếm sự yên tĩnh. Các bạn sẽ thư giãn thể xác, cố gắng làm lặng thể cảm dục hết mức có thể, và làm vững thể trí. Rồi, khi hình dung chính mình (phàm ngã), linh hồn và Chân sư—Ngài, như đỉnh của tam giác—các bạn sẽ thận trọng kêu gọi một dòng ánh sáng trắng tinh khiết tuôn xuống, và khi đổ nó qua các hiện thể thấp của mình, các bạn sẽ tẩy sạch mọi điều cản trở. Hãy tiếp tục tiến trình này cho đến khi các bạn nhận ra rằng công việc cần thiết đã hoàn tất. Lúc đầu, các bạn có thể phải làm điều đó nhiều lần. Về sau, chỉ một lần là đủ, và về sau nữa, toàn bộ tiến trình có thể không còn cần thiết, vì các bạn đã đạt được sự chinh phục.

This applies to the fears connected with the personality. You use the love aspect, flooding yourself with love and light. The legitimate fears which arise [346] from things connected with the circumstances of the work to be done, and from the knowledge of materialised obstructions to the work must

Điều này áp dụng cho những nỗi sợ liên quan đến phàm ngã. Các bạn sử dụng phương diện bác ái, làm tràn ngập chính mình bằng tình thương và ánh sáng. Những nỗi sợ chính đáng phát sinh [346] từ các sự việc liên quan đến hoàn cảnh của công việc phải làm, và từ tri thức về những chướng ngại đã hiện hình đối với công việc, phải

be treated somewhat differently. Here again a definite method must be followed:

được xử lý hơi khác. Ở đây, một lần nữa, cần theo một phương pháp xác định:

Still the physical body.

Làm yên thể xác.

Quiet by temporary inhibition the astral body.

Làm lặng thể cảm dục bằng sự ức chế tạm thời.

Link up with the Ego, and definitely reason out the proper method of procedure in meeting the difficulty. Having exhausted all the higher rational methods and having clearly seen your course of action, you then —

Liên kết với Chân ngã, và suy luận dứt khoát về phương pháp tiến hành đúng đắn trong việc đối diện với khó khăn. Sau khi đã dùng hết mọi phương pháp lý trí cao hơn và đã thấy rõ đường lối hành động của mình, bấy giờ các bạn—

Raise your vibration as high as may be and call down, from intuitional levels, added light on the difficulty. If your intuition and reasoning faculty produce harmony and thus show the way out, then proceed. As an occult fact past all controversy, you know that naught can now happen but what is for the best. You are sure of guidance, and he who sees thus the end from the beginning makes no error.

Nâng rung động của mình lên cao nhất có thể và kêu gọi thêm ánh sáng từ các cấp độ trực giác tuôn xuống trên khó khăn. Nếu trực giác và năng lực lý luận của các bạn tạo ra sự hài hòa và nhờ đó chỉ ra lối thoát, thì hãy tiến hành. Như một sự kiện huyền bí vượt ngoài mọi tranh cãi, các bạn biết rằng nay không điều gì có thể xảy ra ngoại trừ điều tốt đẹp nhất. Các bạn chắc chắn về sự hướng dẫn, và người nào thấy được kết cục ngay từ khởi đầu như thế thì không phạm sai lầm.

A third class of fears—which aspirants contact more and more as they grow in strength and usefulness in service—is based on the realisation of the forces that are working against the Plan and hindering the work to be done. Occult attacks and occult powers, warring militantly against the aspirant will occur; they may make their power felt in one or other of the vehicles and —in rare cases—where the aspirant is important enough, on all at once. Sometimes they will be attacks directed against the individual worker, sometimes against groups of workers. To counter them you employ the first method with the following additions and changes. You link

Một loại sợ hãi thứ ba—mà những người chí nguyện tiếp xúc ngày càng nhiều khi họ tăng trưởng về sức mạnh và sự hữu dụng trong phụng sự—đặt nền trên sự nhận ra các mãnh lực đang hoạt động chống lại Thiên Cơ và cản trở công việc phải làm. Các cuộc tấn công huyền bí và các quyền năng huyền bí, chiến đấu dữ dội chống lại người chí nguyện, sẽ xảy ra; chúng có thể khiến quyền năng của chúng được cảm nhận trong một hay một số hiện thể, và—trong những trường hợp hiếm hoi—khi người chí nguyện đủ quan trọng, trong tất cả cùng một lúc. Đôi khi chúng sẽ là những cuộc tấn công nhằm vào người hoạt động cá nhân, đôi khi nhằm vào các nhóm người hoạt động. Để chống lại

yourself up either as an individual or forming one of a group with your own soul and *with the Lodge of Masters,* [347] not simply with your own Master, but with the Brotherhood for which you are working. Then when stillness has been achieved, you visualise those Masters of whom you know, and raising your vibration higher still, you connect up, if possible, with the Chohans, with the Christ and the Manu, according to the line, religious or political, with which you may be working, and along which the attack will come. You then pour through the linking chain, and through all the vehicles, a stream of violet light. This method is only for use when the need is dire and the necessity great. The reason for caution lies in the etheric vehicle, which responds most violently to the colour violet.

chúng, các bạn sử dụng phương pháp thứ nhất với những bổ sung và thay đổi sau đây. Các bạn liên kết chính mình, hoặc với tư cách cá nhân, hoặc như một thành viên của một nhóm, với linh hồn của chính mình và *với Đoàn Chân sư,* [347] không chỉ với Chân sư của riêng mình, mà với Huynh Đệ Đoàn mà các bạn đang làm việc cho. Rồi khi đã đạt được sự tĩnh lặng, các bạn hình dung những Chân sư mà mình biết, và nâng rung động của mình lên cao hơn nữa, nếu có thể, các bạn liên kết với các Chohan, với Đức Christ và Đức Manu, tùy theo đường lối tôn giáo hay chính trị mà các bạn có thể đang hoạt động, và theo đó cuộc tấn công sẽ đến. Sau đó các bạn tuôn qua chuỗi liên kết ấy, và qua mọi hiện thể, một dòng ánh sáng tím. Phương pháp này chỉ dùng khi nhu cầu thật cấp bách và sự cần thiết thật lớn. Lý do phải thận trọng nằm ở hiện thể dĩ thái, vốn đáp ứng dữ dội nhất với màu tím.

With these precautions in mind the fear vibration can be faced and eventually eliminated. Fears fall into two categories for the worker: —Fear of what the future holds, and, secondly, doubt as to the outcome of any effort. With most people it is a combination of the two. Most aspirants have no basic doubt as to the ultimate issue, but they do doubt at times the working out of those issues in the present time, and they shrink back also from the path of endeavour, knowing—and rightly knowing—that it leads through trial and loneliness to the Feet of the Hierophant. They are likewise distressed by troubles and high vibrations which seem to emanate from high spiritual sources. Strong vibrations will come with ever increasing frequency, and as the race progresses in evolution the vibrations will wax stronger and their reactions must be dealt with in wisdom.

Với những phòng bị này trong trí, rung động sợ hãi có thể được đối diện và cuối cùng bị loại bỏ. Đối với người hoạt động, các nỗi sợ rơi vào hai phạm trù: sợ điều tương lai nắm giữ, và thứ hai, nghi ngờ về kết quả của bất cứ nỗ lực nào. Với đa số người, đó là sự kết hợp của cả hai. Hầu hết những người chí nguyện không có nghi ngờ căn bản về kết cuộc tối hậu, nhưng đôi khi họ nghi ngờ việc thực hiện những kết cuộc ấy trong hiện tại, và họ cũng lùi lại trước con đường nỗ lực, vì biết—và biết đúng—rằng con đường ấy dẫn qua thử thách và cô đơn đến dưới Chân Đấng Chủ Lễ Điểm Đạo. Họ cũng đau khổ bởi những rắc rối và những rung động cao dường như xuất phát từ các nguồn tinh thần cao. Những rung động mạnh sẽ đến với tần suất ngày càng tăng, và khi nhân loại tiến bộ trong tiến hoá, các rung động sẽ mạnh thêm và các phản ứng của chúng phải được xử lý bằng minh triết.

Two things manifest when the spiritual vibration is exceedingly potent. All good aspirations and synchronous high vibrations are stimulated and, secondly, all that we term "evil" is likewise stimulated. Aspirants should bear this carefully in mind. There may demonstrate such a factor as a crime wave, but there will also demonstrate an increasing number of groups that stand for [348] spiritual endeavor and high aspiration. The effect of the heightening of the vibration on you, the aspirant, may manifest in various ways also. It may result in bodily fatigue and this must be dealt with —not so much by sleep and by rest, though a just proportion of them is necessary—but above all by a change of vibration, of recreation and of amusement. Secondly, it results frequently in a profound depression, in an utter sinking of the heart as the future is faced. Face that future, however, and remember that what the future holds is not revealed, but that "joy cometh in the morning". It results also in a sensitiveness of the astral body that is, perhaps, even more hard to bear. This must be dealt with by the individual as best he may, bearing in mind the suggestions that I have given him. It results also in a permanent stimulation of the atoms in the various vehicles and their coherent, stabilized vibration. It lifts a little nearer to the goal, though perhaps the aspirant may not realize it.

Hai điều biểu lộ khi rung động tinh thần cực kỳ mạnh mẽ. Mọi khát vọng tốt đẹp và những rung động cao tương ứng được kích thích, và thứ hai, mọi điều mà chúng ta gọi là "ác" cũng được kích thích. Những người chí nguyện nên ghi nhớ kỹ điều này. Có thể biểu lộ một yếu tố như là làn sóng tội phạm, nhưng cũng sẽ biểu lộ số lượng ngày càng tăng các nhóm đại diện cho [348] nỗ lực tinh thần và khát vọng cao cả. Tác động của sự nâng cao rung động trên các bạn, người chí nguyện, cũng có thể biểu lộ theo nhiều cách. Nó có thể đưa đến sự mệt mỏi của thân thể, và điều này phải được xử lý—không hẳn bằng giấc ngủ và nghỉ ngơi, dù một tỉ lệ thích đáng của chúng là cần thiết—mà trên hết bằng sự thay đổi rung động, bằng giải trí và tiêu khiển. Thứ hai, nó thường đưa đến một sự chán nản sâu xa, một sự trĩu nặng hoàn toàn của trái tim khi đối diện với tương lai. Tuy nhiên, hãy đối diện với tương lai ấy, và nhớ rằng điều tương lai nắm giữ không được mặc khải, nhưng "niềm hoan hỉ đến vào buổi sáng". Nó cũng đưa đến một sự nhạy cảm của thể cảm dục, có lẽ còn khó chịu đựng hơn. Điều này phải được cá nhân xử lý hết sức có thể, ghi nhớ những gợi ý mà tôi đã trao cho y. Nó cũng đưa đến sự kích thích thường xuyên các nguyên tử trong các hiện thể khác nhau và rung động cố kết, ổn định của chúng. Nó nâng người chí nguyện đến gần mục tiêu hơn một chút, dù có lẽ y không nhận ra điều đó.

Everything depends upon the pupil's ability to grasp the inner meaning of all events. His entire progress upon the Path rests upon his attitude in making the teaching his own. It is only as we transmute the lessons on the inner planes into practical knowledge that they become part of our own experience and are no longer theoretical. Expansion of consciousness should be an ever increasing practical experience. Theories are of no

Mọi sự tùy thuộc vào năng lực của môn sinh trong việc nắm bắt ý nghĩa bên trong của mọi biến cố. Toàn bộ sự tiến bộ của y trên Đường Đạo dựa vào thái độ của y trong việc biến giáo huấn thành của chính mình. Chỉ khi chúng ta chuyển hoá các bài học trên các cõi bên trong thành tri thức thực tiễn, chúng mới trở thành một phần kinh nghiệm của chính chúng ta và không còn là lý thuyết. Sự mở rộng tâm thức nên là một kinh nghiệm

value until we have changed them into fact. Hence the value of meditating on an ideal. In the meditation our thoughts vibrate temporarily to the measure of the conception, and in time that vibration becomes permanent.

thực tiễn ngày càng gia tăng. Các lý thuyết không có giá trị cho đến khi chúng ta biến chúng thành sự kiện. Do đó có giá trị của việc tham thiền về một lý tưởng. Trong tham thiền, các tư tưởng của chúng ta rung động tạm thời theo mức độ của quan niệm ấy, và theo thời gian rung động đó trở nên bền vững.

Those who, with open eyes, enter on occult training need indeed to count the cost. The reward at the end is great, but the path is rough and the true occultist walks it alone. The capacity to stand alone, to assume responsibility, [349] and then to carry all through single-handed, and to brave evil for the sake of the good achieved is the mark of a White Brother. Be prepared then for loneliness, for dangers of a dim and obscure character, and expect to see your life spent for no reward that touches the personality. It is only as the consciousness expands, and one finds one's true position in the cosmic whole that the reward becomes apparent; but cease from fear, and know that the personality is only temporary, and what matter if it suffer? Some good gained for the universal Brotherhood, some law explained and demonstrated in the life of every day, may make the Master say eventually (yes, eventually, after all is over) well done! Let your eyes therefore look straight on. Turn not to the right hand nor to the left. The path leads upward and on to greater rapidity of vibration and to greater sensitiveness. Seek the point of balance in your work and keep that balance, for the years hold much work, much pressure and much suffering.

Những ai, với đôi mắt mở, bước vào sự huấn luyện huyền bí quả thật cần tính đến cái giá phải trả. Phần thưởng ở cuối đường là lớn lao, nhưng con đường thì gồ ghề và nhà huyền bí học chân chính bước đi trên đó một mình. Năng lực đứng một mình, đảm nhận trách nhiệm, [349] rồi một tay gánh vác tất cả, và can đảm đối diện với điều ác vì lợi ích của điều thiện đã đạt được, là dấu hiệu của một Huynh đệ Chánh đạo. Vậy hãy chuẩn bị cho sự cô đơn, cho những nguy hiểm có tính chất mờ tối và không rõ ràng, và hãy trông đợi thấy đời mình được tiêu dùng mà không có phần thưởng nào chạm đến phàm ngã. Chỉ khi tâm thức mở rộng, và con người tìm thấy vị trí đích thực của mình trong toàn thể vũ trụ, phần thưởng mới trở nên hiển nhiên; nhưng hãy chấm dứt sợ hãi, và biết rằng phàm ngã chỉ là tạm thời, và có quan trọng gì nếu nó đau khổ? Một điều thiện nào đó đạt được cho Huynh Đệ Đoàn phổ quát, một định luật nào đó được giải thích và chứng minh trong đời sống hằng ngày, cuối cùng có thể khiến Chân sư nói (đúng vậy, cuối cùng, sau khi tất cả đã kết thúc): tốt lắm! Vậy hãy để mắt các bạn nhìn thẳng phía trước. Đừng rẽ sang phải hay sang trái. Con đường dẫn lên cao và tiến tới sự nhanh hơn của rung động cùng sự nhạy bén lớn hơn. Hãy tìm điểm quân bình trong công việc của các bạn và giữ sự quân bình ấy, vì những năm tháng phía trước chứa đựng nhiều công việc, nhiều áp lực và nhiều đau khổ.

Are you strong enough to see the world's woe, to see disaster and yet keep joyful? Can you be a partner in the work of furthering the evolution of the race and see the necessity for trouble and for discipline and yet not move to stem the tide of sorrow? Picked and tried souls are being trained all over the world at the present time. The Masters are overwhelmed with the work and Their time is over-occupied. They give what They can but on the individual aspirant depends the use made of that which is given.

Các bạn có đủ mạnh để thấy nỗi thống khổ của thế giới, thấy tai họa mà vẫn giữ được sự hoan hỉ không? Các bạn có thể là cộng sự trong công việc thúc đẩy tiến hoá của nhân loại, thấy sự cần thiết của rắc rối và kỷ luật, mà vẫn không động lòng ngăn chặn dòng triều đau buồn không? Những linh hồn được chọn lọc và thử thách đang được huấn luyện khắp thế giới vào lúc này. Các Chân sư đang bị tràn ngập bởi công việc và thời gian của Các Ngài bị chiếm dụng quá mức. Các Ngài ban cho những gì Các Ngài có thể, nhưng việc sử dụng điều được ban tùy thuộc vào từng người chí nguyện cá nhân.

Those of us who watch and guide on the inner side of life realize more than perhaps you who bear the burden and heat of physical plane existence know. We know your physical disabilities and some day may be able to help definitely in the building up of strong bodies for world service. Now—such is the astral miasma—it is well nigh impossible for you, our struggling brethren, [350] to have good health; the karma of the world prohibits it. The astral corruption and the foul cesspools of the lower levels of the mental plane infect all, and lucky is he who escapes. We watch with tenderness all of you, who, with weak and sensitive bodies, struggle, work, fight, fail, continue and serve. Not one hour of service, given in pain and tension, not one day's labor followed with racked nerves, with head tired and with heart sick, is allowed to pass unnoticed. We know and we care, yet, we may do naught that you, struggling in the field of the world, can do of that which is needed. The world's karma engulfs each of you at this epoch. If you could but realize it, the time is short, and rest, joy and peace are on their way.

Những Chúng Tôi, những Đấng quan sát và hướng dẫn ở mặt bên trong của sự sống, nhận ra nhiều điều hơn có lẽ các bạn, những người gánh chịu gánh nặng và sức nóng của sự tồn tại trên cõi hồng trần, biết được. Chúng Tôi biết những khiếm khuyết thể xác của các bạn, và một ngày nào đó có thể giúp đỡ một cách xác định trong việc xây dựng những thân thể mạnh mẽ cho phụng sự thế gian. Hiện nay—vì chướng khí cảm dục như thế—hầu như không thể nào để các bạn, các huynh đệ đang phấn đấu của Chúng Tôi, [350] có sức khỏe tốt; nghiệp quả của thế giới ngăn cấm điều đó. Sự băng hoại cảm dục và những hố ô uế của các cấp thấp thuộc cõi trí lây nhiễm tất cả, và may mắn thay cho người nào thoát khỏi. Chúng Tôi quan sát với lòng trìu mến tất cả các bạn, những người, với các thân thể yếu ớt và nhạy cảm, đang phấn đấu, làm việc, chiến đấu, thất bại, tiếp tục và phụng sự. Không một giờ phụng sự nào được trao trong đau đớn và căng thẳng, không một ngày lao động nào tiếp nối với thần kinh rã rời, đầu mệt mỏi và tim đau buồn, lại được phép trôi qua mà không được ghi nhận. Chúng Tôi biết và Chúng Tôi quan tâm, tuy vậy, Chúng Tôi không thể làm điều mà các bạn, đang phấn đấu trong cánh đồng thế gian, có thể làm đối với điều cần thiết.

Nghiệp quả của thế giới nhấn chìm mỗi người trong các bạn vào kỷ nguyên này. Giá như các bạn có thể nhận ra điều đó, thời gian thì ngắn, và nghỉ ngơi, hoan hỉ cùng bình an đang trên đường đến.

The half-gained victory, the days lived through with a certain measure of success, yet with an unachieved ideal, the minutes of exhaustion of soul and body when the emptiness of everything, even of service itself, seems the only noticeable thing, the weeks and months of endeavor and of struggle against apparently insuperable odds, against the stupendous power of the forces of evolution, against the roaring tide of the world's ignorance, —all are known. Take comfort in the assurance that love rules all; take courage from the realization that the Hierarchy stands.

Chiến thắng mới đạt được một nửa, những ngày đã sống qua với một mức độ thành công nào đó nhưng với lý tưởng chưa thành tựu, những phút giây kiệt quệ của linh hồn và thân thể khi sự trống rỗng của mọi sự, ngay cả của chính việc phụng sự, dường như là điều duy nhất đáng chú ý, những tuần và tháng nỗ lực và chiến đấu chống lại những nghịch cảnh dường như không thể vượt qua, chống lại quyền năng phi thường của các mãnh lực tiến hoá, chống lại dòng triều gầm thét của sự vô minh thế giới—tất cả đều được biết đến. Hãy tìm sự an ủi trong niềm xác tín rằng tình thương cai quản tất cả; hãy lấy can đảm từ sự nhận ra rằng Thánh Đoàn vẫn đứng vững.

Those who are to teach the world more about the Masters and who are being trained to be focal points of contact are put through a very drastic disciplining. They are tested in every possible way and taught much through bitter experience. They are taught to attach no importance to recognition. They are trained not to judge from the appearance but from the inner vision. Capacity to recognize the Master's purpose and the ability to love are counted of paramount importance. Aspirants who seek to be chosen for work as disciples must lose all desire for the things of self and must be willing at any [351] cost to pay the price of knowledge. If proof is to be given to the world of the subjective realm of reality it will be bought with the heart's blood, for only "in the blood of the heart" can power be safely gained and wisely wielded. As you go on and, as aspirants, study the hidden laws of

Những ai sẽ dạy thế giới nhiều hơn về các Chân sư và đang được huấn luyện để trở thành các điểm hội tụ tiếp xúc, phải trải qua một kỷ luật rất nghiêm khắc. Họ được thử thách bằng mọi cách có thể và được dạy nhiều qua kinh nghiệm cay đắng. Họ được dạy không xem trọng sự công nhận. Họ được huấn luyện không phán đoán theo vẻ ngoài mà theo linh thị bên trong. Năng lực nhận ra mục đích của Chân sư và khả năng yêu thương được xem là có tầm quan trọng tối thượng. Những người chí nguyện tìm cách được chọn cho công việc với tư cách đệ tử phải mất hết mọi ham muốn đối với những điều thuộc về cái tôi và phải sẵn lòng, bằng bất cứ [351] giá nào, trả cái giá của tri thức. Nếu bằng chứng phải được trao cho thế giới về cõi thực tại chủ quan, thì nó sẽ được mua bằng máu của trái tim, vì chỉ "trong máu của trái tim" quyền năng mới có thể được đạt được một cách an toàn và vận dụng một

nature, you will realize the need for the price paid. The spiritual unfoldment of the disciple's character must keep pace with his inner knowledge. This knowledge grows in three ways:

cách minh triết. Khi các bạn tiến bước và, với tư cách những người chí nguyện, nghiên cứu các định luật ẩn tàng của thiên nhiên, các bạn sẽ nhận ra sự cần thiết của cái giá đã trả. Sự khai mở tinh thần của Tính cách đệ tử phải theo kịp tri thức bên trong của y. Tri thức này tăng trưởng theo ba cách:

1. By definite expansions of consciousness, which open up to the disciple a realization of the points to be attained. This produces in his mind a formulation of what lies ahead to be grasped and is the first step towards acquirement. An aspirant is definitely taken on the inner planes and shown by a more advanced chela what is the work to be done, much in the same way as a pupil is shown by his master the lesson to be learned.

1. Bằng những mở rộng tâm thức xác định, mở ra cho đệ tử sự nhận ra các điểm phải đạt tới. Điều này tạo ra trong thể trí của y một sự định hình về điều nằm phía trước cần được nắm bắt, và là bước đầu tiên hướng tới sự thủ đắc. Một người chí nguyện được đưa một cách xác định lên các cõi bên trong và được một đệ tử tiến bộ hơn chỉ cho thấy công việc phải làm, phần nào giống như một môn sinh được thầy của mình chỉ cho bài học phải học.

2. The next step is the mastering of the lesson and the working out in meditation and experiment of the truths sensed. This is a lengthy process, for all has to be assimilated and made part and parcel of the disciple's very self before he can go on. It resembles the working out of a sum—figure by figure, line by line, the working out being carried forward until the answer is achieved. This work is done both on the inner planes and on the physical. In the Hall of Learning the pupil is taught nightly for a short time before proceeding with any work of service. This teaching he brings over into his physical brain consciousness in the form of a deep interest in certain subjects, and in an increasing aptitude to think concretely and abstractly on the various occult matters that are occupying his attention. He attempts to experiment and tries various methods of studying the laws and in process of time arrives at results that are of value to him. Time passes and as he appropriates and knows more, his knowledge takes a synthetic form and he becomes [352] ready

2. Bước kế tiếp là làm chủ bài học và khai triển trong tham thiền cùng thực nghiệm những chân lý đã cảm nhận. Đây là một tiến trình lâu dài, vì tất cả phải được đồng hóa và trở thành một phần trọn vẹn của chính bản ngã đệ tử trước khi y có thể tiếp tục. Nó giống như việc giải một bài toán—từng con số, từng dòng một, công việc giải được tiếp tục cho đến khi đạt được đáp án. Công việc này được thực hiện cả trên các cõi bên trong lẫn trên cõi hồng trần. Trong Phòng Học Tập, môn sinh được dạy mỗi đêm trong một thời gian ngắn trước khi tiến hành bất cứ công việc phụng sự nào. Giáo huấn này y mang xuống tâm thức bộ não hồng trần của mình dưới hình thức một mối quan tâm sâu sắc đối với một số chủ đề nhất định, và trong một năng khiếu ngày càng tăng để suy nghĩ cụ thể và trừu tượng về các vấn đề huyền bí khác nhau đang chiếm sự chú ý của y. Y cố gắng thực nghiệm và thử nhiều phương pháp nghiên cứu các định luật, và theo thời gian đạt được những kết quả có giá trị đối với y. Thời gian trôi qua, và khi y chiếm hữu và biết nhiều hơn, tri thức của y mang hình

to teach and to impart to others the residue of knowledge of which he is sure.

thức tổng hợp, và y trở nên [352] sẵn sàng dạy dỗ và truyền đạt cho người khác phần tri thức còn lại mà y chắc chắn.

3. In teaching others comes further knowledge. The definition of truth in teaching crystallises the facts learnt, and, in the play of other minds, the aspirant's own vibration becomes keyed up to ever higher planes, and thus fresh intuition and fresh reaches of truth pour in.

3. Trong việc dạy người khác, tri thức thêm nữa sẽ đến. Việc định nghĩa chân lý trong giảng dạy kết tinh các sự kiện đã học, và trong sự tương tác của những thể trí khác, rung động của chính người chí nguyện được nâng lên tới các cõi ngày càng cao hơn, và như thế trực giác mới cùng những tầm với mới của chân lý tuôn vào.

When one lesson has, in this way, been mastered, a further one is set, and when a pupil has learnt a particular series of lessons he graduates and passes an initiation. The whole group he teaches is benefited by his step forward, for every disciple carries those he instructs along with him in a curious indefinable sense. The benefit to the unit reacts upon the whole. A Master carries His disciples on and up with Him in a similar manner. The matter is abstruse and largely one of the secrets of the law of vibratory expansion. The initiation of the Logos has a universal effect.

Khi một bài học đã được làm chủ theo cách này, một bài học khác được đặt ra, và khi một môn sinh đã học xong một loạt bài học đặc thù, y tốt nghiệp và vượt qua một cuộc điểm đạo. Toàn bộ nhóm mà y dạy được lợi ích nhờ bước tiến của y, vì mỗi đệ tử mang theo những người y huấn luyện cùng tiến với mình theo một ý nghĩa kỳ lạ khó định nghĩa. Lợi ích đối với đơn vị tác động trở lại trên toàn thể. Một Chân sư cũng mang các đệ tử của Ngài tiến lên và đi lên với Ngài theo một cách tương tự. Vấn đề này sâu kín và phần lớn là một trong những bí mật của định luật mở rộng rung động. Cuộc điểm đạo của Thượng đế có một tác động phổ quát.

You are right in your assumption that the probationary path corresponds to the later stages of the period of gestation. At the first initiation what is called in the New Testament "the babe in Christ" starts upon the pilgrimage of the path. The first initiation simply stands for commencement. A certain structure of right living, of thinking and of conduct has been attained; the form that the Christ is to occupy has been constructed and now that form is to be vivified and indwelt. The Christ life enters and the form becomes alive. Therein lies the difference between theory and making that theory a part of yourself. You can have a

Các bạn đúng trong giả định rằng Con Đường Dự Bị tương ứng với các giai đoạn sau của thời kỳ thai nghén. Ở lần điểm đạo thứ nhất, điều trong Tân Ước gọi là "hài nhi trong Đức Christ" bắt đầu cuộc hành hương trên con đường. Lần điểm đạo thứ nhất chỉ đơn giản biểu thị sự khởi đầu. Một cấu trúc nhất định của đời sống đúng đắn, tư tưởng và hành vi đúng đắn đã đạt được; hình tướng mà Đức Christ sẽ chiếm ngự đã được kiến tạo, và nay hình tướng ấy phải được làm cho sinh động và được cư ngụ. Sự sống Đức Christ đi vào và hình tướng trở nên sống động. Chính trong đó có sự khác biệt giữa lý thuyết và việc biến lý thuyết ấy thành một phần của chính các

perfect picture or image but it lacks the life. You have a person who has modelled his life on the divine as far as he can. He has a good copy yet something is lacking. What is this something? The manifestation of the indwelling Christ. The germ has been there but it has lain dormant. Now it is fostered and brought to birth, and the first initiation is [353] attained. Much then remains to be done. The analogy is complete. Many years were spent by the disciple Jesus between the birth and baptism. The remaining three initiations were taken in three years. You have the same situation on the path of the aspirant.

bạn. Các bạn có thể có một bức tranh hay hình ảnh hoàn hảo nhưng nó thiếu sự sống. Các bạn có một người đã mô phỏng đời mình theo điều thiêng liêng hết mức y có thể. Y có một bản sao tốt, nhưng vẫn thiếu điều gì đó. Điều đó là gì? Sự biểu lộ của Đức Christ nội tại. Mầm đã có ở đó nhưng vẫn nằm yên. Nay nó được nuôi dưỡng và đưa đến sự sinh ra, và lần điểm đạo thứ nhất [353] được đạt tới. Khi ấy còn nhiều điều phải làm. Sự tương đồng là trọn vẹn. Nhiều năm đã trôi qua đối với đệ tử Jesus giữa lúc sinh ra và phép rửa. Ba cuộc điểm đạo còn lại được trải qua trong ba năm. Các bạn có cùng tình huống trên con đường của người chí nguyện.

The second initiation marks the crisis of the control of the astral body. After baptism there remain the three temptations, demonstrating the complete control of the three lower vehicles. Then comes the Transfiguration, followed by knowledge of the future and complete self-abnegation. Therefore, you have the following:

Lần điểm đạo thứ hai đánh dấu cuộc khủng hoảng của việc kiểm soát thể cảm dục. Sau phép rửa vẫn còn ba cám dỗ, chứng minh sự kiểm soát hoàn toàn ba hiện thể thấp. Rồi đến cuộc Biến hình, tiếp theo là tri thức về tương lai và sự tự quên mình hoàn toàn. Do đó, các bạn có những điều sau:

1. The moment of conception—i.e. individualization.

1. Khoảnh khắc thụ thai—tức là biệt ngã hóa.

2. Nine months gestation—i.e. the wheel of life.

2. Chín tháng thai nghén—tức là bánh xe sự sống.

3. First initiation—i.e. the birth hour.

3. Lần điểm đạo thứ nhất—tức là giờ sinh ra.

The path is, therefore, a path on which steady expansion of consciousness is undergone with increasing sensitivity to the higher vibrations. This works out at first as sensitiveness to the inner voice and this is one of the most necessary faculties in a disciple. The Great Ones are looking for those who can rapidly obey the inner voice of their soul. The times are critical and all aspirants are urged also to render themselves sensitive to the voice of their

Do đó, con đường là một con đường trên đó diễn ra sự mở rộng tâm thức đều đặn với sự nhạy bén ngày càng tăng đối với các rung động cao hơn. Điều này lúc đầu biểu hiện thành sự nhạy bén với tiếng nói bên trong, và đây là một trong những năng lực cần thiết nhất nơi một đệ tử. Các Đấng Cao Cả đang tìm kiếm những ai có thể nhanh chóng vâng theo tiếng nói bên trong của linh hồn mình. Thời điểm đang nguy cấp, và mọi người chí nguyện cũng được thúc giục làm

Master as well. His time is fully occupied and disciples must train themselves to be sensitive to His impression. A slight hint, a pointed finger, a hurried suggestion, may be all that He has time to give, and each disciple must be upon the watch. The pressure upon Them is great now that They are moving closer to the physical plane. More souls are conscious of Them than when They worked on mental levels only and They also, working on denser planes, are finding conditions more difficult. The devas and disciples, aspirants and those upon the probationary path are being gathered around Them now and are being organized into groups with special work assigned. Some souls can work only in mass [354] formation, banded together and unified by a common aspiration. Such are the majority of Christians, for instance, in the churches. These, knowing not the laws of occultism, and only sensing the inner truth, work on broad lines of preparation. They are aided by bands of lesser devas or angels who suggest, guide and control.

cho mình nhạy bén với tiếng nói của Chân sư mình. Thời gian của Ngài bị chiếm dụng hoàn toàn, và các đệ tử phải tự huấn luyện để nhạy bén với ấn tượng của Ngài. Một gợi ý nhẹ, một ngón tay chỉ hướng, một lời đề nghị vội vã, có thể là tất cả những gì Ngài có thời gian để trao, và mỗi đệ tử phải luôn canh chừng. Áp lực trên Các Ngài hiện nay rất lớn khi Các Ngài đang tiến gần hơn đến cõi hồng trần. Nhiều linh hồn có ý thức về Các Ngài hơn so với khi Các Ngài chỉ hoạt động trên các cấp độ cõi trí, và chính Các Ngài, khi làm việc trên các cõi đậm đặc hơn, cũng thấy các điều kiện khó khăn hơn. Các thiên thần và đệ tử, người chí nguyện và những người trên Con Đường Dự Bị hiện đang được quy tụ quanh Các Ngài và được tổ chức thành các nhóm với công việc đặc biệt được giao. Một số linh hồn chỉ có thể làm việc trong đội hình quần chúng [354], liên kết với nhau và được thống nhất bởi một khát vọng chung. Chẳng hạn, đó là đa số tín hữu Ki-tô trong các giáo hội. Những người này, không biết các định luật của huyền bí học, và chỉ cảm nhận chân lý bên trong, làm việc theo các đường lối chuẩn bị rộng lớn. Họ được các nhóm thiên thần thấp hơn trợ giúp, những vị này gợi ý, hướng dẫn và kiểm soát.

Others more advanced work in smaller groups. They idealize more and in them you see the thinkers and leaders of social reform, of humanitarian regeneration and of church leadership, either Christian or Oriental. The higher devas guide them, the blue and yellow devas, as the former group are guided by the blue and rose.

Những người khác tiến bộ hơn làm việc trong các nhóm nhỏ hơn. Họ lý tưởng hóa nhiều hơn, và trong họ các bạn thấy những nhà tư tưởng và lãnh đạo của cải cách xã hội, của sự tái sinh nhân đạo và của sự lãnh đạo giáo hội, dù thuộc Ki-tô giáo hay phương Đông. Các thiên thần cao hơn hướng dẫn họ, các thiên thần xanh lam và vàng, cũng như nhóm trước được các thiên thần xanh lam và hồng hướng dẫn.

Back of them stand the still more advanced —the aspirants, probationers and disciples of the world. They work singly or in twos or threes and never in groups exceeding nine—

Đứng phía sau họ là những người còn tiến bộ hơn—những người chí nguyện, dự bị đệ tử và đệ tử của thế giới. Họ làm việc đơn lẻ hoặc theo cặp đôi hay bộ ba, và không bao giờ

the occult significance of these numbers being necessary to the success of their work. Great white and gold devas attend their labours.

trong các nhóm vượt quá chín người—ý nghĩa huyền bí của các con số này là cần thiết cho sự thành công của công việc họ. Các thiên thần lớn màu trắng và vàng phụ giúp những lao tác của họ.

Back again of these three groups stand the Masters and the devas of the formless levels —a Great Brotherhood, pledged to serve humanity.

Lại phía sau ba nhóm này là các Chân sư và các thiên thần của những cấp độ vô hình tướng—một Huynh Đệ Đoàn Vĩ Đại, đã nguyện phụng sự nhân loại.

Movements are being set on foot to transmute, if possible, the labours of destruction into constructive work. The time is critical, for a pause has come in the work of the destroyers. There is opportunity for the tide to turn and for the re-building of the body social.

Các phong trào đang được khởi sự để, nếu có thể, chuyển hoá những lao tác hủy diệt thành công việc xây dựng. Thời điểm đang nguy cấp, vì một khoảng dừng đã đến trong công việc của những kẻ hủy diệt. Có cơ hội để dòng triều xoay chuyển và để tái thiết cơ cấu xã hội.

It is for this reason that each one of you needs to make a fresh dedication of himself to the work of the redemption. Personalities must be submerged. Aspirants must live harmlessly in thought and word and deed. In this way each one of you will provide a pure channel, will become an outpost for the consciousness of the Master and provide a centre of energy through which the Brotherhood can work.

Chính vì lý do này mà mỗi người trong các bạn cần thực hiện một sự hiến dâng mới của chính mình cho công việc cứu chuộc. Các phàm ngã phải được chìm xuống. Những người chí nguyện phải sống vô tổn hại trong tư tưởng, lời nói và hành động. Bằng cách này, mỗi người trong các bạn sẽ cung cấp một vận hà thanh khiết, sẽ trở thành một tiền đồn cho tâm thức của Chân sư và cung cấp một trung tâm năng lượng qua đó Huynh Đệ Đoàn có thể làm việc.

The prime problem of the aspirant is to dominate the emotional nature. Then he stands victor on the field of [355] Kurukshetra; the clouds have rolled away, and henceforth he can walk in the light. Let it here be remembered that this very freedom to walk in the light carries with it its own problems. You ask how this can be? Let me give one simple, yet (I think you will find) convincing argument.

Vấn đề chính yếu của người chí nguyện là chế ngự bản chất cảm xúc. Khi ấy y đứng như người chiến thắng trên chiến trường [355] Kurukshetra; mây đã tan đi, và từ đó về sau y có thể bước đi trong ánh sáng. Ở đây hãy nhớ rằng chính sự tự do được bước đi trong ánh sáng này mang theo những vấn đề riêng của nó. Các bạn hỏi điều này có thể như thế nào? Hãy để tôi đưa ra một lập luận đơn giản, nhưng tôi nghĩ các bạn sẽ thấy có sức thuyết phục.

When a man literally walks in the light of his soul and the clear light of the sun pours through him—revealing the Path, —it reveals at the same time the Plan. Simultaneously however, he becomes aware of the fact that the Plan is very far as yet from consummation. The dark becomes more truly apparent; the chaos and misery and failure of the world groups stand revealed; the filth and dust of the warring forces are noted, and the whole sorrow of the world bears down upon the astounded, yet illuminated, aspirant. Can he stand this pressure? Can he become indeed acquainted with grief and yet rejoice forever in the divine consciousness? Has he the ability to face what the light reveals and still go his way with serenity, sure of the ultimate triumph of good? Will he be overwhelmed by the surface evil and forget the heart of Love which beats behind all outer seeming? This situation should ever be remembered by the disciple, or he will be shattered by that which he has discovered.

Khi một người thật sự bước đi trong ánh sáng của linh hồn mình và ánh sáng trong trẻo của mặt trời tuôn qua y—mặc khải Đường Đạo—đồng thời nó cũng mặc khải Thiên Cơ. Tuy nhiên, cùng lúc ấy, y trở nên ý thức về sự kiện rằng Thiên Cơ vẫn còn rất xa mới hoàn tất. Bóng tối trở nên thật sự rõ ràng hơn; sự hỗn loạn, khốn khổ và thất bại của các nhóm thế giới hiện lộ; sự ô uế và bụi bặm của các mãnh lực giao chiến được ghi nhận, và toàn bộ nỗi buồn của thế giới đè nặng lên người chí nguyện kinh ngạc nhưng đã được soi sáng. Y có thể chịu được áp lực này không? Y có thể thật sự quen thuộc với đau khổ mà vẫn mãi vui mừng trong tâm thức thiêng liêng không? Y có khả năng đối diện với điều ánh sáng mặc khải mà vẫn đi con đường của mình với sự tĩnh lặng, chắc chắn về chiến thắng tối hậu của điều thiện không? Liệu y sẽ bị cái ác bề mặt áp đảo và quên mất trái tim Tình thương đang đập phía sau mọi sắc tướng bên ngoài không? Tình huống này đệ tử phải luôn ghi nhớ, nếu không y sẽ bị nghiền nát bởi điều y đã khám phá.

But with the advent of the light, he becomes aware of a new (for him) form of energy. He learns to work in a new field of opportunity. The realm of the mind opens up before him, and he discovers that he can differentiate between the emotional nature and the mental. He discovers also that the mind can be made to assume the position of the controller, and that the sentient forces respond with obedience to mental energies. “The light of reason” brings this about—light that is always present in man but which only becomes significant and potent when seen and known, either phenomenally or intuitionally.

Nhưng với sự xuất hiện của ánh sáng, y trở nên ý thức về một hình thức năng lượng mới đối với y. Y học làm việc trong một lĩnh vực cơ hội mới. Cõi của thể trí mở ra trước y, và y khám phá rằng y có thể phân biệt giữa bản chất cảm xúc và bản chất trí tuệ. Y cũng khám phá rằng thể trí có thể được khiến đảm nhận vị trí của người kiểm soát, và các mãnh lực cảm thọ đáp ứng bằng sự vâng phục đối với các năng lượng trí tuệ. “Ánh sáng của lý trí” đem điều này đến—ánh sáng luôn hiện diện trong con người nhưng chỉ trở nên có thâm nghĩa và mạnh mẽ khi được thấy và được biết, hoặc theo hiện tượng hoặc theo trực giác.

[356]

[356]

Much false teaching is going about these days in connection with the mind and the soul. It might be summed up in the teaching of one school which shall be nameless, as follows:

Ngày nay có nhiều giáo huấn sai lạc đang lưu hành liên quan đến thể trí và linh hồn. Nó có thể được tóm lược trong giáo huấn của một trường phái không cần nêu tên, như sau:

Nature is cruel and selective. She works by the Law of the survival of the fittest; in the process of selection, millions of lives are sacrificed and much birthing of forms comes to naught. Hence the achieving of soul life is a rare event. Few people have souls and only a few therefore possess immortality and go hence to their own place of power to return no more. The rest are lost, submerged and swallowed up in the general process of nature, and the human kingdom as a whole is a dead loss except for a few emerging and significant figures which the past and the present produce. They have achieved through the sacrifice of the many.

Thiên nhiên tàn nhẫn và có tính chọn lọc. Nàng hoạt động theo Định luật sinh tồn của kẻ thích nghi nhất; trong tiến trình chọn lọc, hàng triệu sự sống bị hy sinh và nhiều sự sinh ra của các hình tướng trở nên vô ích. Do đó, việc đạt được đời sống linh hồn là một biến cố hiếm hoi. Ít người có linh hồn, và vì vậy chỉ một số ít sở hữu sự bất tử và đi từ đây đến nơi quyền năng riêng của họ để không còn trở lại. Phần còn lại bị mất đi, bị chìm ngập và nuốt chửng trong tiến trình chung của thiên nhiên, và toàn thể giới nhân loại là một tổn thất hoàn toàn ngoại trừ một vài nhân vật đang xuất hiện và có thâm nghĩa mà quá khứ và hiện tại tạo ra. Họ đã đạt được thông qua sự hy sinh của số đông.

But the reaction of men themselves to this teaching is an adequate answer. The sense of immortality, the surety of an eternal future, the innate belief in God, the revelation of the light, the achieving of a wisdom which helps and aids is not the prerogative of the Senecas, of the St. Pauls, of the Akbars of the race. It is found (and sometimes in its purest form) in the humblest peasant. Words of wise counsel fall from the lips of the illiterate, and a knowledge of God and a belief in the soul's immortality are discovered to be latent in the hearts of the most unlikely and oft of the most sinful. But when the highly evolved and the most intelligent of the race discover in themselves the divine Flame, and awaken the power of the supreme Controller, seated at the heart of their being, they are very apt to place themselves in a higher category than other people, and to classify those who do not

Nhưng phản ứng của chính con người đối với giáo huấn này là một câu trả lời đầy đủ. Ý thức về sự bất tử, niềm chắc chắn về một tương lai vĩnh cửu, niềm tin bẩm sinh vào Thượng đế, sự mặc khải của ánh sáng, việc đạt được một minh triết trợ giúp và nâng đỡ, không phải là đặc quyền của các Seneca, các Thánh Phao-lô, các Akbar của nhân loại. Nó được tìm thấy, và đôi khi trong hình thức tinh khiết nhất, nơi người nông dân khiêm hạ nhất. Những lời khuyên minh triết rơi từ môi người thất học, và tri thức về Thượng đế cùng niềm tin vào sự bất tử của linh hồn được phát hiện là tiềm tàng trong trái tim của những người ít ngờ nhất và thường là tội lỗi nhất. Nhưng khi những người tiến hoá cao và thông minh nhất của nhân loại khám phá trong chính mình Ngọn Lửa thiêng liêng, và đánh thức quyền năng của Đấng Kiểm Soát tối thượng ngự nơi trái tim bản thể họ, họ rất dễ đặt mình vào một phạm trù

have their mental grasp of the differentiations of the evolutionary development as differing so widely from them as not to deserve the name of Sons of God. They regard all not working in mental energy as lacking souls [357] and hence as lacking eternal persistence as individuals. This is only a glamour of the mind, is part of the great heresy of separateness, and indicates faintly the coming period wherein the mind will be as dominant and as misleading as is the sentient body at this time.

cao hơn những người khác, và phân loại những ai không có sự nắm bắt trí tuệ như họ về các biến phân của sự phát triển tiến hoá là khác biệt với họ đến mức không xứng đáng với danh hiệu Các Con của Thượng đế. Họ xem tất cả những ai không làm việc trong năng lượng trí tuệ là thiếu linh hồn [357] và do đó thiếu sự bền tồn vĩnh cửu như những cá nhân. Điều này chỉ là một ảo cảm của thể trí, là một phần của Đại Tà thuyết về sự chia rẽ, và chỉ ra một cách mờ nhạt thời kỳ sắp đến, khi thể trí sẽ thống trị và gây lầm lạc cũng như thể cảm thọ hiện nay.

Let us therefore study the types of mental energy with which the individual has to work and see how this great heresy of separateness and the "fallacy of repudiation", as it is sometimes called, can be offset.

Vì vậy, chúng ta hãy nghiên cứu các loại năng lượng trí tuệ mà cá nhân phải làm việc với, và xem cách thức Đại Tà thuyết về sự chia rẽ này, cùng "sai lầm của sự phủ nhận", như đôi khi được gọi, có thể được hóa giải.

One of the first things we have to remember as we consider these types of energy is that their trend and work can be grasped more easily in a larger sense in relation to humanity than can their effects in an individual use of mental energy. Only a few human beings are as yet consciously using this type of force and only a few can therefore understand what it really entails. Increasingly men will come, as units, into possession of their intellectual heritage but, numerically speaking, scarce one in ten thousand is utilising this inherent power and knowingly functioning in his mental body.

Một trong những điều đầu tiên chúng ta phải nhớ khi xem xét các loại năng lượng này là khuynh hướng và công việc của chúng có thể được nắm bắt dễ hơn theo nghĩa rộng trong liên hệ với nhân loại, hơn là các tác động của chúng trong việc cá nhân sử dụng năng lượng trí tuệ. Chỉ một số ít con người hiện nay đang sử dụng loại mãnh lực này một cách có ý thức, và vì vậy chỉ một số ít có thể thấu hiểu nó thật sự bao hàm điều gì. Ngày càng nhiều người, với tư cách các đơn vị, sẽ đi vào quyền sở hữu di sản trí tuệ của mình, nhưng xét về số lượng, hiếm có một người trong mười ngàn đang sử dụng quyền năng cố hữu này và hoạt động một cách biết rõ trong thể trí của mình.

When however we look at humanity as a whole and cast our eyes back over the past racial development, we can see how mental energy has had a most definite effect and has produced outstanding results. The use of two factors differentiates man from the

Tuy nhiên, khi chúng ta nhìn nhân loại như một toàn thể và ngoái mắt nhìn lại sự phát triển của nhân loại trong quá khứ, chúng ta có thể thấy năng lượng trí tuệ đã có một tác động rất rõ rệt và đã tạo ra những kết quả nổi bật. Việc sử dụng hai yếu tố phân biệt con

animal, whether he uses them consciously or unconsciously. Both are latent in the animal but man is the only entity in the three worlds who can *consciously* reap benefit from them. One of these factors is *pain*, and the other is the faculty of *discrimination.* Through the means of pain and a subsequent process of analysis, of relation plus memory and visualisation, man has learnt what to avoid and what to cultivate. This works in the realm of physical plane happenings and of sensory experience. Through discrimination as to ideas and as to thought currents, man has learnt to decide upon what to base his activities in all departments [358] of human affairs, even though he has but an imperfect grasp as to the true nature of ideas and his application of the truths sensed is quite imperfect. That he often chooses unwisely, that the ideas governing group conduct are not of the highest, that public opinion is proverbially moulded by personal and selfish interests may be only too sadly true. Nevertheless—through pain and learning to utilise the power of choice in the realm of ideas—man is steadily forging ahead towards full liberty and full control of the earth, which it is his right to inherit. The Old Commentary says in relation to these two characteristics of man something that conveys much of beauty, couched in symbolic language. The phrases run as follows and it must be borne in mind whilst pondering upon them that water symbolises sentiency or astral reaction, and fire is the symbol of the mentality.

người với con vật, dù y sử dụng chúng một cách có ý thức hay vô thức. Cả hai đều tiềm tàng trong con vật, nhưng con người là thực thể duy nhất trong ba cõi thấp có thể *một cách có ý thức* gặt hái lợi ích từ chúng. Một trong hai yếu tố này là *đau khổ*, và yếu tố kia là năng lực *phân biện.* Thông qua phương tiện đau khổ và một tiến trình tiếp theo gồm phân tích, liên hệ cộng với ký ức và sự hình dung, con người đã học điều gì phải tránh và điều gì phải vun trồng. Điều này hoạt động trong phạm vi các biến cố trên cõi hồng trần và kinh nghiệm giác quan. Thông qua sự phân biện về các ý tưởng và các dòng tư tưởng, con người đã học cách quyết định điều gì làm nền tảng cho các hoạt động của mình trong mọi ngành [358] của những sự vụ nhân loại, dù y chỉ có sự nắm bắt chưa hoàn hảo về bản chất thật của các ý tưởng và việc y áp dụng các chân lý đã cảm nhận thì khá bất toàn. Việc y thường chọn lựa thiếu minh triết, việc các ý tưởng chi phối hành vi nhóm không phải là những ý tưởng cao nhất, việc dư luận quần chúng thường được uốn nắn bởi các lợi ích cá nhân và ích kỷ—tất cả điều này có thể chỉ quá buồn thay là đúng. Tuy nhiên—thông qua đau khổ và việc học sử dụng quyền năng chọn lựa trong cõi của các ý tưởng—con người đang đều đặn rèn đường tiến tới tự do trọn vẹn và sự kiểm soát trọn vẹn Trái Đất, điều mà y có quyền thừa hưởng. Cổ Luận nói về hai đặc tính này của con người bằng những lời truyền đạt nhiều vẻ đẹp, được diễn đạt trong ngôn ngữ biểu tượng. Các câu như sau, và khi suy ngẫm về chúng, cần ghi nhớ rằng nước tượng trưng cho cảm thọ hay phản ứng cảm dục, còn lửa là biểu tượng của trí tuệ.

"The assuaging waters cool. They slowly bring relief, abstracting form from all that can be touched. The quivering fever heat of long repressed desire yields to the cooling

"Những dòng nước xoa dịu làm mát. Chúng chậm rãi đem lại sự nhẹ nhõm, rút hình tướng ra khỏi mọi điều có thể được chạm đến. Cơn sốt run rẩy của ham muốn bị kìm nén lâu ngày nhường chỗ cho thức uống làm mát. Nước và đau khổ phủ định lẫn nhau.

draught. Water and pain negate each other. Long is the process of the cooling draught.

Tiến trình của thức uống làm mát thì dài lâu.

"The burning fire releases all that blocks the way of life. Bliss comes and follows after fire, as fire upon the waters. Water and fire together blend and cause the great Illusion. Fog they produce and mist and steam and noise, veiling the Light, hiding the Truth and shutting out the Sun.

"Ngọn lửa thiêu đốt giải phóng mọi điều chặn đường sự sống. Chí phúc đến và theo sau lửa, như lửa trên nước. Nước và lửa cùng hòa trộn và gây nên Ảo tưởng lớn lao. Chúng tạo ra sương mù, hơi mù, hơi nước và tiếng động, che phủ Ánh sáng, giấu kín Chân lý và ngăn khuất Mặt trời.

"The fire burns fiercely. Pain and the waters disappear. Cold, heat, the light of day, the radiance of the rising sun and perfect knowledge of the Truth appear.

"Ngọn lửa cháy dữ dội. Đau khổ và nước biến mất. Lạnh, nóng, ánh sáng ban ngày, vẻ rạng rỡ của mặt trời mọc và tri thức hoàn hảo về Chân lý xuất hiện.

"This is the path for all who seek the light. First form, and all its longing. Then pain. Then the assuaging waters and the appearance of a little fire. The fire grows, and heat is then active within the tiny sphere and does its fiery work. Moisture likewise is seen; dense fog, and to the pain is added sad bewilderment, for they who use the fire of mind during the early stage are lost within a light illusory.

"Đây là con đường cho tất cả những ai tìm kiếm ánh sáng. Trước hết là hình tướng, và mọi khao khát của nó. Rồi đau khổ. Rồi những dòng nước xoa dịu và sự xuất hiện của một ngọn lửa nhỏ. Ngọn lửa lớn dần, và sức nóng khi ấy hoạt động trong khối cầu nhỏ bé và thực hiện công việc bốc lửa của nó. Độ ẩm cũng được thấy; sương mù đậm đặc, và thêm vào đau khổ là sự hoang mang buồn bã, vì những ai sử dụng lửa của trí tuệ trong giai đoạn đầu bị lạc trong một ánh sáng hư ảo.

"Fierce grows the heat; next comes the loss of power to suffer. When this stage has been outgrown, there comes [359] the shining of the unobstructed sun and the clear bright light of truth. This is the path back to the hidden Centre.

"Sức nóng trở nên dữ dội; tiếp đến là sự mất đi khả năng cảm thấy đau khổ. Khi giai đoạn này đã được vượt qua, bấy giờ [359] có sự chiếu rạng của mặt trời không bị che khuất và ánh sáng trong trẻo, rực rỡ của chân lý. Đây là con đường trở về Trung Tâm ẩn tàng.

"Use pain. Call for the fire, oh, pilgrim in a strange and foreign land. The waters wash away the mud and slime of nature's growth. The fires burn the hindering forms which seek to hold the pilgrim back and so they bring release. The living waters, as a river, sweep the pilgrim to the Father's Heart. The

"Hãy sử dụng đau khổ. Hãy kêu gọi lửa, hỡi người hành hương trong một vùng đất xa lạ và dị quốc. Những dòng nước rửa sạch bùn và nhớt của sự tăng trưởng trong thiên nhiên. Những ngọn lửa thiêu rụi các hình tướng cản trở tìm cách giữ người hành hương lại, và như thế chúng đem lại giải thoát. Những dòng nước sống động, như

fires destroy the veil hiding the Father's Face."

một con sông, cuốn người hành hương đến Trái Tim của Cha. Những ngọn lửa hủy diệt bức màn che giấu Thánh Nhan của Cha."

Perhaps one of the first things that every student has to learn, as he seeks to grasp the nature and use of mind, is that public opinion has to give place to individual consciousness of right, and that then that individual consciousness has to be so employed and concentrated that it is seen in its right proportion as that living germ which can expand into the divine flower of the Son of Mind, the Manasaputra, and as the thread which leads back into the realm of the Universal Mind. This thread and this consciousness, when followed, will lead the individual into the Council Chamber wherein the plan and the purpose of the great Life will stand revealed, and wherein all human selfishness and self-seeking fade out in the clear light of the Will of God. Through right understanding and right use and control of the astral nature and a comprehension of the nature of the sentient consciousness, man can penetrate into the very heart of God Himself and know past all controversy that all is well, for all is Love. Through right use of the mind, and through correct understanding of the nature of the intellect, man can enter into the mind of God and know that all is well, for all is planned, and divine purpose is steadily working out its objectives.

Có lẽ một trong những điều đầu tiên mà mọi đạo sinh phải học, khi y tìm cách nắm bắt bản chất và cách sử dụng thể trí, là dư luận quần chúng phải nhường chỗ cho tâm thức cá nhân về điều đúng, và rồi tâm thức cá nhân ấy phải được sử dụng và tập trung đến mức nó được thấy trong tỉ lệ đúng của nó như mầm sống có thể mở rộng thành bông hoa thiêng liêng của Con của Trí Tuệ, Manasaputra, và như sợi dây dẫn trở về cõi của Vũ Trụ Trí. Sợi dây này và tâm thức này, khi được theo, sẽ dẫn cá nhân vào Phòng Hội Đồng, nơi Thiên Cơ và mục đích của Sự sống vĩ đại sẽ hiện lộ, và nơi mọi sự ích kỷ cùng tự lợi của con người phai biến trong ánh sáng trong trẻo của Ý Chí của Thượng Đế. Thông qua sự thấu hiểu đúng, sự sử dụng và kiểm soát đúng bản chất cảm dục, cùng một sự lĩnh hội bản chất của tâm thức cảm thọ, con người có thể thâm nhập vào chính trái tim của Thượng đế và biết, vượt ngoài mọi tranh cãi, rằng tất cả đều tốt đẹp, vì tất cả đều là Tình thương. Thông qua việc sử dụng đúng thể trí, và thông qua sự thấu hiểu đúng bản chất của trí năng, con người có thể đi vào trí của Thượng đế và biết rằng tất cả đều tốt đẹp, vì tất cả đều đã được hoạch định, và Thiên Ý đang đều đặn thực hiện các mục tiêu của nó.

The work of the Atlantean Adepts was to impress upon the world consciousness the fact that God is Love. This is a symbolic expression of the truth as is the use of the word God. The work of the Aryan Adepts is to impress upon the world consciousness that God is Will. To do [360] this for the human family, They work with the intellect so as to bring it into control, to subordinate

Công việc của các Chân sư Atlantis là in sâu vào tâm thức thế giới sự kiện rằng Thượng đế là Tình thương. Đây là một cách diễn đạt biểu tượng của chân lý, cũng như việc dùng từ Thượng đế. Công việc của các Chân sư Arya là in sâu vào tâm thức thế giới rằng Thượng đế là Ý chí. Để làm [360] điều này cho gia đình nhân loại, Các Ngài làm việc với trí năng để đưa nó vào sự kiểm soát, để đặt

other forms to the mind and through the mind to reveal to man the vision of what is and what will be. Man is therefore brought into line with the esoteric head centre of the one Life. In the animal kingdom, through the development of sentiency and its allied unfoldment through pain, They are bringing those types of forms into line with the heart centre in Nature. This is a phrase conveying a truth which cannot be more clearly expressed until man has become more inclusive in his consciousness. Through colour in the vegetable Kingdom those forms of divine manifestation are also brought into vibratory contact with that centre of force in Nature which is analogous to the throat centre in man.

các hình thức khác dưới quyền thể trí, và thông qua thể trí mặc khải cho con người tầm nhìn về điều đang là và điều sẽ là. Do đó con người được đưa vào sự chỉnh hợp với trung tâm đầu huyền bí của Sự sống duy nhất. Trong giới động vật, thông qua sự phát triển cảm thọ và sự khai mở liên hệ của nó qua đau khổ, Các Ngài đang đưa những loại hình tướng ấy vào sự chỉnh hợp với trung tâm tim trong Thiên nhiên. Đây là một cụm từ truyền đạt một chân lý không thể được diễn tả rõ ràng hơn cho đến khi con người trở nên bao gồm hơn trong tâm thức của mình. Thông qua màu sắc trong giới thực vật, những hình tướng biểu lộ thiêng liêng ấy cũng được đưa vào tiếp xúc rung động với trung tâm mãnh lực trong Thiên nhiên tương ứng với trung tâm cổ họng nơi con người.

In using these words I refer primarily to the Life which is expressing itself through our planet, to our planetary Logos, but the idea can (needless to say) be progressed to include the great Life of which our planetary Logos is but a reflection and an expression. Man, the brain of nature; the animals, the expression of the heart; the vegetable world, the expression of the creative force or of the throat centre; these three kingdoms in nature forming, in a peculiar manner, correspondences to the three higher centres in man, as the three kingdoms on the involutionary arc correspond to the three lower centres, and the mineral kingdom—abstruse as the idea may seem to those of you who have not the consciousness of the life-aspect—corresponding to the solar plexus, the great clearing house between that which is above and that which is below.

Khi dùng những lời này, tôi chủ yếu nói đến Sự sống đang biểu lộ chính nó qua hành tinh của chúng ta, đến Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta; nhưng ý tưởng này, dĩ nhiên, có thể được mở rộng để bao gồm Sự sống vĩ đại mà Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chỉ là một phản ảnh và một biểu hiện. Con người, bộ não của thiên nhiên; các loài vật, biểu hiện của trái tim; thế giới thực vật, biểu hiện của mãnh lực sáng tạo hay của trung tâm cổ họng; ba giới này trong thiên nhiên, theo một cách đặc biệt, tạo thành các tương ứng với ba trung tâm cao nơi con người, cũng như ba giới trên cung giáng hạ tiến hoá tương ứng với ba trung tâm thấp, và giới kim thạch—dù ý tưởng này có thể có vẻ sâu kín đối với những ai trong các bạn chưa có tâm thức về phương diện sự sống—tương ứng với tùng thái dương, trạm trung chuyển lớn giữa cái ở trên và cái ở dưới.

These analogies change as time progresses. In Lemurian days, viewing it as a kingdom

Những tương đồng này thay đổi theo thời gian. Vào thời Lemuria, xét như một giới

in nature, humanity expressed the solar plexus aspect, whilst the animal kingdom stood for the sacral centre, and the centre at the base of the spine was symbolised by the vegetable [361] kingdom. In the middle of the Atlantean period, when certain great changes and experiments were wrought, a shift in the entire process took place; certain egos came in, as you know, as related in the *Secret Doctrine* and in a *Treatise on Cosmic Fire*, and a tremendous stepping forward became possible through their efforts. The chitta or mind-stuff became more vibrant and now we have the period of its intensest activity in the concrete sense.

trong thiên nhiên, nhân loại biểu hiện phương diện tùng thái dương, trong khi giới động vật tượng trưng cho trung tâm xương cùng, và trung tâm ở đáy cột sống được biểu tượng bằng giới thực vật [361]. Vào giữa thời kỳ Atlantis, khi một số thay đổi và thí nghiệm lớn được thực hiện, một sự chuyển dịch trong toàn bộ tiến trình đã diễn ra; như các bạn biết, một số chân ngã đã nhập vào, như được kể trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, và nhờ nỗ lực của họ, một bước tiến vượt bậc đã trở nên khả hữu. Chitta, hay chất liệu cõi trí, trở nên rung động mạnh hơn, và hiện nay chúng ta đang ở thời kỳ hoạt động mãnh liệt nhất của nó theo nghĩa cụ thể.

We are told in the esoteric teaching that all three aspects of Divinity are themselves triple, and hence we can divide the energy of mind as far as humanity is concerned into three aspects also. We have therefore:

Trong giáo huấn huyền bí, chúng ta được dạy rằng cả ba phương diện của thiên tính tự thân đều là tam phân, và do đó, xét riêng đối với nhân loại, chúng ta cũng có thể chia năng lượng của trí tuệ thành ba phương diện. Vì vậy, chúng ta có:

1. The lower concrete mind, called the chitta or mind-stuff in the *Yoga Sutras of Patanjali.*

1. Hạ trí cụ thể, được gọi là chitta hay chất liệu cõi trí trong *Kinh Du-già của Patanjali.*

2. The abstract mind, or that aspect of the mind which is related to the world of ideas.

2. Trí trừu tượng, hay phương diện của trí tuệ liên hệ với thế giới của các ý tưởng.

3. The intuition or pure reason which is for man the highest aspect of the mentality.

3. Trực giác hay lý trí thuần khiết, vốn đối với con người là phương diện cao nhất của trí năng.

These three find their overshadowing or enveloping field of expression in the third aspect of the Logos, which we call the Universal Mind, the active intelligent Deity. The lines of force from these three lower aspects lead back (if one may use so inadequate an expression) on to the third plane, as the astral lines of force lead back to the second or monadic plane, though as far as man's consciousness is concerned they

Ba phương diện này tìm thấy lĩnh vực biểu hiện được phủ bóng hay bao bọc của chúng trong phương diện thứ ba của Thượng đế, mà chúng ta gọi là Vũ Trụ Trí, Thượng đế hoạt động thông tuệ. Các đường mãnh lực từ ba phương diện thấp này dẫn trở về — nếu có thể dùng một cách diễn đạt bất toàn như thế — đến cõi thứ ba, cũng như các đường mãnh lực cảm dục dẫn trở về cõi thứ hai hay cõi chân thần, mặc dù xét theo tâm thức con

only lead back to the buddhic or intuitional plane.

người, chúng chỉ dẫn trở về cõi Bồ đề hay cõi trực giác.

It is interesting to note that just as the Monad, impelled by desire, produces that form of life which we call the personality, so the mind aspect, as part of the purpose working out through the Universal Mind, in its form produces that manifestation which we call a Manasaputra, the great Son of Mind on the mental plane. Hence it is the mind principle in humanity which brings into [362] manifestation the egoic body, the causal vehicle, the karana sarira, the twelve-petalled lotus. We are of course talking entirely in terms of the form aspect here. The reason for this lies back on the cosmic planes, whereon the planetary Logos has His life. From the cosmic astral plane comes the impulse which produces form existence and concrete expression—for all form-taking is the result of desire. From the cosmic mental plane comes the will-to-be in time and space, which produces the seven groups of egoic lives and the third outpouring.

Điều đáng chú ý là cũng như chân thần, bị thúc đẩy bởi dục vọng, tạo ra hình thức sự sống mà chúng ta gọi là phàm ngã, thì phương diện trí tuệ, như một phần của mục đích đang vận hành qua Vũ Trụ Trí, trong hình tướng của nó tạo ra sự biểu hiện mà chúng ta gọi là một Manasaputra, Con của Trí Tuệ vĩ đại trên cõi trí. Do đó, chính nguyên khí trí tuệ trong nhân loại đưa vào [362] biểu hiện thể chân ngã, hiện thể nguyên nhân, karana sarira, hoa sen mười hai cánh. Dĩ nhiên, ở đây chúng ta hoàn toàn đang nói theo phương diện hình tướng. Lý do của điều này nằm sâu trên các cõi vũ trụ, nơi Đức Hành Tinh Thượng Đế có sự sống của Ngài. Từ cõi cảm dục vũ trụ phát ra xung lực tạo nên sự hiện hữu trong hình tướng và sự biểu hiện cụ thể — vì mọi sự khoác lấy hình tướng đều là kết quả của dục vọng. Từ cõi trí vũ trụ phát ra ý chí-hiện tồn trong thời gian và không gian, tạo nên bảy nhóm sự sống chân ngã và lần tuôn đổ thứ ba.

It will be seen then inferentially, how the right use of energy by the initiate puts him en rapport not only with the higher planes of the solar system but also with those cosmic planes whereon our Logos has His Personality aspect, using these words in symbolic fashion. The right use of physical energy by the initiate gives him the 'freedom' of the cosmic physical plane. The right use of astral energy gives him power on the cosmic astral, and the correct use of mental energy gives him entrance on to the cosmic mental. Inferentially then, the three higher centres in man when functioning perfectly play their part in this work of carrying energies from these exalted spheres into the field of activity of the initiate and of

Do đó, có thể suy ra rằng việc sử dụng đúng năng lượng của điểm đạo đồ đặt y trong mối liên hệ hòa điệu không chỉ với các cõi cao hơn của hệ mặt trời, mà còn với những cõi vũ trụ nơi Thượng đế của chúng ta có phương diện Phàm ngã của Ngài, dùng những từ này theo nghĩa biểu tượng. Việc sử dụng đúng năng lượng hồng trần của điểm đạo đồ đem lại cho y "quyền tự do" trên cõi hồng trần vũ trụ. Việc sử dụng đúng năng lượng cảm dục đem lại cho y quyền năng trên cõi cảm dục vũ trụ, và việc sử dụng đúng năng lượng trí tuệ cho y lối vào cõi trí vũ trụ. Do đó, có thể suy ra rằng ba trung tâm cao hơn trong con người, khi hoạt động hoàn hảo, góp phần vào công việc này: chuyển các năng lượng từ những cõi cao cả ấy vào lĩnh vực hoạt động của điểm đạo đồ,

being doorways into realms hitherto closed to him.

Each centre or chakra is composed of three concentric interblending whorls or wheels which in the spiritual man upon the probationary path move slowly in one direction, but gradually quicken their activity as he nears the portal of the Path of Initiation. On initiation, the centre of the chakra (a point of latent fire) is touched, and the rotation becomes intensified, and the activity, fourth dimensional. It is difficult to express these ideas in words that can be comprehended by the uninitiated, but the effect could be described as a changing from a measured turn to one of a scintillating radiation, a 'wheel [363] turning upon itself', as the ancient Scriptures express it. Hence, when by purification, conformity to rule, and an aspiration that brooks no hindrance and that ceases not for pain, the aspirant has caused his centres to pulsate and to rotate, then—and only then—can the Master lead him into the Presence of the Hierophant. The Initiator then, with full knowledge of the disciple's ray and of his sub-ray, both egoic and personal, and recognising any karma that still may cling, touches the centre or centres which are in line for vivification, and the hidden fire will then rush up and become focalised. Remember always that in the vivification of a centre there is always a corresponding vitalisation of the analogous head centre, till eventually the seven centres in the body and the seven centres in the head rotate in unison. Remember also that just as the four minor rays pass into the three major rays, so the four minor centres carry on the correspondence and pass into pralaya, finding their focal point in the throat centre. Thus you will have the three centres—head, heart and throat—carrying the inner fire,

và trở thành những cửa ngõ dẫn vào các cảnh giới trước kia còn khép kín đối với y.

Mỗi trung tâm hay luân xa được cấu thành bởi ba vòng xoáy hay bánh xe đồng tâm đan hòa vào nhau; nơi con người tinh thần trên Con Đường Dự Bị, chúng chuyển động chậm rãi theo một hướng, nhưng dần dần gia tăng hoạt động khi y đến gần cổng của Con Đường Điểm Đạo. Khi điểm đạo, trung tâm của luân xa — một điểm lửa tiềm tàng — được chạm đến, và sự xoay chuyển trở nên mãnh liệt hơn, còn hoạt động thì mang tính chiều thứ tư. Thật khó diễn đạt những ý tưởng này bằng lời sao cho người chưa được điểm đạo có thể hiểu được, nhưng hiệu quả có thể được mô tả như sự chuyển đổi từ một vòng quay đều đặn sang một sự tỏa chiếu lấp lánh, một "bánh xe [363] tự xoay quanh chính nó", như các Kinh văn cổ diễn tả. Vì vậy, khi nhờ thanh luyện, tuân hợp quy luật, và một khát vọng không chấp nhận trở ngại nào, không ngừng lại trước đau khổ, người chí nguyện đã khiến các trung tâm của mình rung nhịp và xoay chuyển, thì khi ấy — và chỉ khi ấy — Chân sư mới có thể dẫn y vào sự hiện diện của Đấng Chủ Lễ Điểm Đạo. Bấy giờ, Đấng Điểm đạo, với tri thức đầy đủ về cung và cung phụ của đệ tử, cả chân ngã lẫn phàm ngã, và nhận biết bất kỳ nghiệp quả nào còn có thể bám víu, chạm vào trung tâm hay các trung tâm đang đến kỳ được tiếp sinh lực, và khi ấy ngọn lửa ẩn tàng sẽ vọt lên và trở nên tập trung. Hãy luôn nhớ rằng trong sự tiếp sinh lực cho một trung tâm, luôn có một sự tiếp sinh lực tương ứng cho trung tâm đầu tương tự, cho đến cuối cùng bảy trung tâm trong thân thể và bảy trung tâm trong đầu cùng xoay chuyển đồng bộ. Cũng hãy nhớ rằng cũng như bốn cung phụ hòa nhập vào ba cung chính, thì bốn trung tâm phụ cũng tiếp nối sự tương ứng ấy và đi vào Giai kỳ qui nguyên, tìm thấy điểm tập trung của chúng nơi trung tâm cổ họng. Như vậy, các bạn sẽ có ba trung tâm — đầu, tim

with the three major head centres vibrating in unison also.

và cổ họng — mang ngọn lửa bên trong, đồng thời ba trung tâm chính trong đầu cũng rung động đồng bộ.

I realise that this is all intricate and technical. It has its place and value however, and much that here is communicated will find its usefulness when you are all passed over to the other side and a fresh band of aspirants will follow in your footsteps. The training of the mental body has a value, and many evade such technicalities, hiding behind an emphasis upon the life side of truth, all due to an inherent mental laziness. This that you now receive is but the A. B. C. of esotericism. Waste not time however in too detailed deduction. All that is now possible is a broad general outline, patient reserve, a willingness to recognise physical brain limitations and the accepting of an hypothesis. Believe these hypotheses possible unless your intuition revolts or they are contradicted [364] by past teaching given by other of the Lodge's Messengers. I do not dogmatise to you. I only in these instructions give you certain information, — the correctness of which I leave the future to demonstrate. I simply ask that you make record and in the coming years much that may now seem peculiar or mayhap even contradictory will be elucidated, slowly unravelled, and more easily comprehended. A little knowledge leads to much confusion unless laid aside for future use when the years of instruction have increased the store.

Tôi nhận ra rằng tất cả điều này đều phức tạp và kỹ thuật. Tuy nhiên, nó có vị trí và giá trị của nó, và nhiều điều được truyền đạt ở đây sẽ tỏ ra hữu ích khi tất cả các bạn đã chuyển sang phía bên kia và một đoàn người chí nguyện mới sẽ theo dấu chân các bạn. Việc rèn luyện thể trí có giá trị, và nhiều người lảng tránh những chi tiết kỹ thuật như thế, ẩn mình sau sự nhấn mạnh vào phương diện sự sống của chân lý, tất cả đều do một sự lười biếng trí tuệ cố hữu. Điều các bạn đang nhận hiện nay chỉ là phần vỡ lòng của huyền bí học. Tuy nhiên, đừng phí thời gian vào sự suy diễn quá chi tiết. Tất cả những gì hiện nay có thể làm là một phác thảo tổng quát rộng rãi, sự dè dặt kiên nhẫn, thiện chí nhận ra các giới hạn của bộ não hồng trần và sự chấp nhận một giả thuyết. Hãy tin rằng các giả thuyết này có thể đúng, trừ khi trực giác của các bạn phản kháng hoặc chúng mâu thuẫn [364] với giáo huấn trước đây do các Sứ giả khác của Thánh đoàn trao truyền. Tôi không áp đặt giáo điều lên các bạn. Trong các huấn thị này, tôi chỉ trao cho các bạn một số thông tin, mà tính chính xác của nó tôi để tương lai chứng minh. Tôi chỉ yêu cầu các bạn ghi nhận, và trong những năm tới, nhiều điều hiện nay có thể có vẻ kỳ lạ hoặc có lẽ thậm chí mâu thuẫn sẽ được làm sáng tỏ, dần dần được tháo gỡ, và được thấu hiểu dễ dàng hơn. Một ít tri thức sẽ dẫn đến nhiều rối rắm nếu không được gác lại để dùng về sau, khi những năm tháng huấn luyện đã làm tăng thêm kho dự trữ.

To return to our theme: —The heart centre in man opens the door into what is called "the heart of the Sun." The throat centre opens the way into full understanding of the path of the physical Sun and all true

Trở lại chủ đề của chúng ta: Trung tâm tim trong con người mở cánh cửa vào cái được gọi là "trái tim của Mặt Trời". Trung tâm cổ họng mở đường vào sự thấu hiểu trọn vẹn về con đường của Mặt Trời hồng trần, và mọi

astrologers must eventually have that centre functioning. The head centre opens the way to the central spiritual Sun, each passing, via the planetary correspondence, to one of the cosmic planes.

nhà chiêm tinh chân chính cuối cùng phải có trung tâm ấy hoạt động. Trung tâm đầu mở đường đến Mặt trời Tinh thần Trung Ương, mỗi trung tâm đi qua sự tương ứng hành tinh để đến một trong các cõi vũ trụ.

Thus we have a summation of technicalities, and of facts, which are (under the Law of Analogy) of purely academic interest and no more. Even those of us who are initiate know practically nothing of the cosmic planes beyond the cosmic physical. Our consciousness is only beginning to be solar, and we are labouring in our small measure to overcome those planetary limitations which hold us back from solar knowledge and life. For aspirants who have not even a knowledge of what planetary consciousness signifies, the above information has only one value and that is, that it emphasises the synthetic nature of the great plan and the fact that the smallest unit is an integral part of the whole. It enforces the idea that energy is a life fluid circulating throughout the entire body of the Logos, and vivifying therefore even the tiniest atom in that whole. It is valuable to endeavour to grasp the picture and to vision the wonder of what is transpiring. It is waste of time, nevertheless, to [365] ponder upon the cosmic astral plane, for instance, when even the plane of the ego (the fifth subplane of the cosmic physical plane, counting from above downwards) is as yet inaccessible to the average man and is the goal for all his aspiration and meditation.

Như vậy, chúng ta có một sự tổng kết các chi tiết kỹ thuật và các sự kiện, vốn — dưới định luật tương đồng — chỉ có giá trị học thuật thuần túy, không hơn. Ngay cả những người trong chúng tôi đã được điểm đạo cũng hầu như không biết gì về các cõi vũ trụ vượt ngoài cõi hồng trần vũ trụ. Tâm thức của chúng tôi chỉ mới bắt đầu trở nên thái dương, và chúng tôi đang nỗ lực trong mức độ nhỏ bé của mình để vượt qua những giới hạn hành tinh đang cản trở chúng tôi khỏi tri thức và sự sống thái dương. Đối với những người chí nguyện thậm chí còn chưa biết tâm thức hành tinh hàm ý điều gì, thông tin trên chỉ có một giá trị: nó nhấn mạnh bản chất tổng hợp của Thiên Cơ vĩ đại và sự kiện rằng đơn vị nhỏ nhất là một phần không thể tách rời của toàn thể. Nó củng cố ý tưởng rằng năng lượng là một lưu chất sự sống lưu chuyển khắp toàn bộ thân thể của Thượng đế, và do đó tiếp sinh lực ngay cả cho nguyên tử nhỏ bé nhất trong toàn thể ấy. Thật có giá trị khi cố gắng nắm bắt bức tranh và hình dung điều kỳ diệu của những gì đang diễn ra. Tuy nhiên, sẽ là phí thời gian khi [365] suy ngẫm về cõi cảm dục vũ trụ chẳng hạn, trong khi ngay cả cõi của chân ngã — cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần vũ trụ, tính từ trên xuống — hiện vẫn chưa thể tiếp cận đối với con người trung bình, và là mục tiêu của mọi khát vọng cùng tham thiền của y.

For man, therefore, the Universal Mind can best be grasped as it expresses itself through what we call the concrete mind, the abstract mind, and the intuition or pure reason.

Do đó, đối với con người, Vũ Trụ Trí có thể được nắm bắt tốt nhất khi nó biểu hiện qua cái chúng ta gọi là trí cụ thể, trí trừu tượng, và trực giác hay lý trí thuần khiết.

The concrete mind is the form building faculty. Thoughts are things. The abstract mind is the pattern building faculty, or the mind which works with the blue prints upon which the forms are modelled. The intuition or pure reason is the faculty which enables man to enter into contact with the Universal Mind and grasp the plan synthetically, to seize upon divine Ideas or isolate some fundamental and pure truth.

Trí cụ thể là năng lực kiến tạo hình tướng. Tư tưởng là sự vật. Trí trừu tượng là năng lực kiến tạo mô hình, hay trí tuệ làm việc với các bản thiết kế mà theo đó các hình tướng được tạo mẫu. Trực giác hay lý trí thuần khiết là năng lực giúp con người tiếp xúc với Vũ Trụ Trí và nắm bắt Thiên Cơ một cách tổng hợp, nắm lấy các Ý tưởng thiêng liêng hoặc tách ra một chân lý căn bản và thuần khiết nào đó.

The goal of all the work of an aspirant is to understand those aspects of the mind with which he has to learn to work. His work therefore might be summed up as follows:

Mục tiêu của toàn bộ công việc của một người chí nguyện là thấu hiểu những phương diện của trí tuệ mà y phải học cách làm việc với chúng. Vì vậy, công việc của y có thể được tóm lược như sau:

1. He has to learn to think; to discover that he has an apparatus which is called the mind and to uncover its faculties and powers. These have been well analysed for us in the first two books of the Yoga Sutras of Patanjali.

1. Y phải học suy nghĩ; khám phá rằng y có một bộ máy được gọi là thể trí, và phát hiện các năng lực cùng quyền năng của nó. Những điều này đã được phân tích kỹ cho chúng ta trong hai quyển đầu của Kinh Du-già của Patanjali.

2. He has to learn next to get back of his thought processes and form building propensities and discover the ideas which underlie the divine thought-form, the world process, and so learn to work in collaboration with the plan and subordinate his own thought-form building to these ideas. He has to learn to penetrate into the world of these divine ideas and to study the "pattern of things in the Heavens" as it is called in the Bible. He [366] must begin to work with the blue prints upon which all that is, is modelled and moulded. He becomes then a student-symbolist, and from being an idolater he becomes a divine idealist. I use these words in their true sense and connotation.

2. Kế đó, y phải học cách đi vào phía sau các tiến trình tư tưởng và các khuynh hướng kiến tạo hình tướng của mình, để khám phá những ý tưởng nằm dưới hình tư tưởng thiêng liêng, tiến trình thế giới, và nhờ vậy học cách làm việc cộng tác với Thiên Cơ, đồng thời đặt việc kiến tạo hình tư tưởng riêng của mình dưới sự chi phối của những ý tưởng ấy. Y phải học cách thâm nhập vào thế giới của các ý tưởng thiêng liêng này và nghiên cứu "mô hình của vạn vật trên các tầng trời", như được gọi trong Kinh Thánh. Y [366] phải bắt đầu làm việc với các bản thiết kế mà theo đó mọi sự hiện hữu đều được tạo mẫu và khuôn đúc. Khi ấy, y trở thành một đạo sinh biểu tượng học, và từ một kẻ thờ ngẫu tượng, y trở thành một nhà lý tưởng thiêng liêng. Tôi dùng những từ này theo ý nghĩa và hàm ý chân thật của chúng.

3. From that developed idealism, he must progress even deeper still, until he enters the realm of pure intuition. He can then tap truth at its source. He enters into the mind of God Himself. He intuits as well as idealises and is sensitive to divine thoughts. They fertilise his mind. He calls these intuitions later, as he works them out, ideas or ideals, and bases all his work and conduct of affairs upon them.

3. Từ chủ nghĩa lý tưởng đã phát triển ấy, y phải tiến sâu hơn nữa, cho đến khi đi vào cảnh giới của trực giác thuần khiết. Khi ấy, y có thể chạm đến chân lý ngay tại nguồn. Y đi vào chính Trí của Thượng đế. Y trực nhận cũng như lý tưởng hóa, và trở nên nhạy bén với các tư tưởng thiêng liêng. Chúng làm phong nhiêu trí tuệ của y. Về sau, khi triển khai chúng, y gọi những trực nhận này là các ý tưởng hay lý tưởng, và đặt toàn bộ công việc cùng cách điều hành sự vụ của mình trên nền tảng đó.

4. Then follows the work of conscious thought-form building, based upon these divine ideas, emanating as intuitions from the Universal Mind. This goes forward through meditation.

4. Rồi tiếp theo là công việc kiến tạo hình tư tưởng một cách có ý thức, dựa trên những ý tưởng thiêng liêng ấy, vốn xuất phát như các trực giác từ Vũ Trụ Trí. Điều này tiến hành qua tham thiền.

Every true student knows that this involves *concentration* in order to focus or orient the lower mind to the higher. Temporarily the normal thought-form building tendencies are inhibited. Through *meditation* which is the mind's power to hold itself in the light, and in that light become aware of the plan, he learns to "bring through" the needed ideas. Through *contemplation* he finds himself able to enter into that silence which will enable him to tap the divine mind, wrest God's thought out of the divine consciousness and to *know*. This is the work before each aspirant and hence the necessity of his understanding the nature of his mental problem, the tools with which he must perforce work, and the use he must make of what he learns and gains through right use of the mental apparatus.

Mọi đạo sinh chân chính đều biết rằng điều này bao hàm *sự tập trung* để quy tụ hay định hướng hạ trí về phía thượng trí. Tạm thời, các khuynh hướng kiến tạo hình tư tưởng thông thường bị ức chế. Nhờ *tham thiền*, vốn là quyền năng của thể trí giữ chính nó trong ánh sáng, và trong ánh sáng ấy trở nên nhận biết Thiên Cơ, y học cách "đưa xuyên qua" các ý tưởng cần thiết. Nhờ *chiêm ngưỡng*, y thấy mình có khả năng đi vào sự tĩnh lặng cho phép y chạm đến trí tuệ thiêng liêng, giành lấy tư tưởng của Thượng đế từ tâm thức thiêng liêng và *biết*. Đây là công việc trước mắt mỗi người chí nguyện, và do đó cần thiết y phải thấu hiểu bản chất vấn đề trí tuệ của mình, các công cụ mà y buộc phải làm việc với chúng, và cách sử dụng những gì y học được và đạt được nhờ việc dùng đúng bộ máy trí tuệ.

How is this to be done? How bring through and how build afterwards?

Điều này phải được thực hiện như thế nào? Làm sao đưa xuyên qua và sau đó kiến tạo?

[367]

[367]

No matter how small or unimportant an individual thinker may be, yet in cooperation with his brethren, he wields a mighty force. Only through the steady strong right thinking of the people and the understanding of the correct use of mental energy can progressive evolution go forward along the desired lines. Right thinking depends upon many things, and it might be useful to state some of them very simply:

Dù một người tư tưởng cá nhân có nhỏ bé hay không quan trọng đến đâu, nhưng khi cộng tác với các huynh đệ của mình, y vận dụng một mãnh lực hùng mạnh. Chỉ nhờ tư tưởng đúng đắn, vững mạnh và bền bỉ của quần chúng, cùng sự thấu hiểu việc sử dụng đúng năng lượng trí tuệ, tiến hoá tiến bộ mới có thể đi tới theo những đường hướng mong muốn. Tư tưởng đúng đắn tùy thuộc vào nhiều điều, và có thể hữu ích khi nêu một số điều thật đơn giản:

1. An ability to sense the vision. That involves a capacity in a faint measure to realise the archetype on which the Lodge is endeavouring to fashion the race. It involves cooperation in the work of the Manu, and the development of abstract as well as synthetic thought, the flashing forth of the intuition. The intuition wrests from the high places a touch of the ideal plan as it lies latent in the mind of the Logos. As men develop this capacity, they will touch sources of power that are not on mental levels at all but which constitute those from which the mental plane itself draws sustenance.

1. Khả năng cảm nhận tầm nhìn. Điều đó bao hàm năng lực, dù còn mờ nhạt, để nhận ra nguyên mẫu mà Thánh đoàn đang cố gắng dùng để định hình nhân loại. Nó bao hàm sự cộng tác trong công việc của Đức Manu, và sự phát triển tư tưởng trừu tượng cũng như tổng hợp, sự lóe sáng của trực giác. Trực giác giành lấy từ những nơi cao một nét chạm của Thiên Cơ lý tưởng khi nó còn tiềm tàng trong trí của Thượng đế. Khi con người phát triển năng lực này, họ sẽ chạm đến những nguồn quyền năng vốn hoàn toàn không ở trên các cấp độ cõi trí, nhưng chính là những nguồn mà cõi trí tự nó rút dưỡng chất từ đó.

2. Then, having sensed the vision and glimpsed a fraction of the beauty (how little men see is astounding!) in your hands lies the opportunity to bring down to the mental plane as much of the plan as you possibly can. Nebulous and faint at first is your grasp after it, yet it will begin to materialise. Seldom at first will you find that you can contact it, for the vision comes through the medium of the causal body and few can hold that high consciousness for a long time. But the struggle to apprehend will lead to results, and little by little the idea will seep through to the concrete levels of the mental plane. Then it becomes a concrete thought,

2. Rồi, sau khi đã cảm nhận tầm nhìn và thoáng thấy một phần vẻ đẹp — con người thấy được ít ỏi đến kinh ngạc! — trong tay các bạn có cơ hội đem xuống cõi trí càng nhiều phần của Thiên Cơ càng tốt. Lúc đầu, sự nắm bắt của các bạn về nó còn mơ hồ và yếu ớt, nhưng nó sẽ bắt đầu hiện hình. Ban đầu, hiếm khi các bạn thấy mình có thể tiếp xúc với nó, vì tầm nhìn đến qua trung gian của thể nguyên nhân, và ít người có thể giữ được tâm thức cao ấy trong một thời gian dài. Nhưng nỗ lực nắm bắt sẽ đưa đến kết quả, và từng chút một ý tưởng sẽ thấm xuống các cấp độ cụ thể của cõi trí. Khi ấy, nó trở thành một tư tưởng cụ thể, một điều có

something that can be definitely visualised and appropriated as a basis for thought.

thể được hình dung rõ ràng và được tiếp nhận làm nền tảng cho tư tưởng.

3. This accomplished, what comes next? A period of gestation, a period wherein you build your thought-form of as much of the vision as you can bring through into [368] your consciousness. Slowly must this be done, for a stable vibration and a well built form is desired. Hurried work leads nowhere. As you build there will gradually be sensed a longing, a desire to see this vision brought to earth, and see it becoming known to others among the sons of men. Then you vitalise the thoughtform with the power of your will, you seek to make it *be*; the rhythm becomes heavier and slower, the material built into your form is necessarily coarser, and you find that your thought-form of the vision is clothed in matter of the mental and astral planes.

3. Khi điều này hoàn tất, điều gì tiếp theo? Một thời kỳ thai nghén, một giai đoạn trong đó các bạn xây dựng hình tư tưởng của mình từ phần tầm nhìn mà các bạn có thể đưa xuyên qua vào [368] tâm thức. Điều này phải được làm chậm rãi, vì điều được mong muốn là một rung động ổn định và một hình tướng được kiến tạo tốt. Công việc vội vàng không dẫn đến đâu. Khi các bạn xây dựng, dần dần sẽ cảm nhận được một niềm khao khát, một ước muốn thấy tầm nhìn này được đưa xuống Trái Đất và trở nên được biết đến bởi những người khác trong số những người con của nhân loại. Khi ấy, các bạn tiếp sinh lực cho hình tư tưởng bằng quyền năng ý chí của mình, các bạn tìm cách làm cho nó *hiện tồn*; nhịp điệu trở nên nặng hơn và chậm hơn, chất liệu được đưa vào hình tướng của các bạn tất nhiên thô hơn, và các bạn thấy rằng hình tư tưởng về tầm nhìn của mình được khoác trong vật chất của cõi trí và cõi cảm dục.

4. Happy the disciple who can bring the vision nearer still to humanity, and work it into existence on the physical plane. Remember this, that the materialisation of any aspect of the vision on the physical plane is never the work of one man. Only when it has been sensed by the many, only when they have worked at its material form can their united efforts draw it into outer manifestation. Thus you see the value of educating public opinion; it brings the many helpers to the aid of the few visionaries. Always the Law holds good;—in descent, differentiation. The two or three sense the plan intuitively; then the rhythm they set up with their thought sweeps the mental plane matter into activity; thinkers seize hold of

4. Hạnh phúc thay đệ tử nào có thể đưa tầm nhìn đến gần nhân loại hơn nữa, và làm cho nó hiện hữu trên cõi hồng trần. Hãy nhớ điều này: sự hiện hình của bất kỳ phương diện nào của tầm nhìn trên cõi hồng trần không bao giờ là công việc của một người. Chỉ khi nhiều người đã cảm nhận được nó, chỉ khi họ đã làm việc với hình tướng vật chất của nó, thì những nỗ lực hợp nhất của họ mới có thể kéo nó vào sự biểu hiện bên ngoài. Như vậy, các bạn thấy giá trị của việc giáo dục công luận; nó đem nhiều người trợ giúp đến hỗ trợ cho số ít những người có tầm nhìn. Định luật luôn đúng: trong sự giáng xuống có biến phân. Hai hoặc ba người cảm nhận Thiên Cơ bằng trực giác; rồi nhịp điệu mà họ thiết lập bằng tư tưởng của mình cuốn vật chất cõi trí vào hoạt động; các nhà

the idea. This is a hard thing to learn and difficult to do but the reward is great.

tư tưởng nắm lấy ý tưởng. Đây là điều khó học và khó làm, nhưng phần thưởng thì lớn lao.

To those who wrestle, strive, and hold on, the joy is doubled when the materialisation comes. The joy of contrast will be yours, for knowing the past of darkness you will revel in the light of fruition; the joy of tried and tested companionship will be yours, for years will have proved to you who are your chosen associates, and in community of suffering will come the strengthened link; the joy of peace after victory will be yours, for to the tired warrior the fruits of achievement and rest are doubly sweet; the joy of participation in the Masters' [369] plan will be yours, and all is well that associates you closely with Them; the joy of having helped to solace a needy world, of having brought light to darkened souls, of having healed in some measure the open sore of the world's distress, will be yours, and in the consciousness of days well spent, and in the gratitude of salvaged souls, comes the deepest joy of all, —the joy a Master knows when He is instrumental in lifting a brother up a little higher on the ladder. This is the joy that is set before you all—and not so very far ahead it lies. So work, not *for* joy but *towards* it; not for reward, but from the inner need to help; not for gratitude, but from the urge that comes from having seen the vision and realisation of the part you have to play in bringing that vision down to earth.

Đối với những ai vật lộn, nỗ lực và kiên trì, niềm hoan hỉ được nhân đôi khi sự hiện hình xảy đến. Niềm hoan hỉ của tương phản sẽ thuộc về các bạn, vì khi biết quá khứ của bóng tối, các bạn sẽ vui sướng trong ánh sáng của sự thành tựu; niềm hoan hỉ của tình bạn đồng hành đã được thử thách và chứng nghiệm sẽ thuộc về các bạn, vì năm tháng sẽ chứng tỏ cho các bạn ai là những cộng sự được chọn, và trong cộng đồng khổ đau, mối liên kết sẽ được củng cố; niềm hoan hỉ của bình an sau chiến thắng sẽ thuộc về các bạn, vì đối với chiến sĩ mệt mỏi, hoa trái của thành tựu và nghỉ ngơi ngọt ngào gấp bội; niềm hoan hỉ được tham dự vào Thiên Cơ của các Chân sư [369] sẽ thuộc về các bạn, và mọi điều liên kết các bạn chặt chẽ với Các Ngài đều tốt lành; niềm hoan hỉ vì đã giúp an ủi một thế giới thiếu thốn, đã đem ánh sáng đến cho những linh hồn tối tăm, đã phần nào chữa lành vết thương hở của nỗi khổ thế gian, sẽ thuộc về các bạn; và trong tâm thức về những ngày tháng đã được dùng tốt, cùng trong lòng biết ơn của những linh hồn được cứu vớt, có niềm hoan hỉ sâu xa nhất trong tất cả — niềm hoan hỉ mà một Chân sư biết khi Ngài là khí cụ nâng một huynh đệ lên cao hơn một chút trên chiếc thang. Đây là niềm hoan hỉ được đặt trước tất cả các bạn — và nó không nằm quá xa phía trước. Vì vậy, hãy làm việc, không phải *vì* niềm hoan hỉ mà *hướng tới* nó; không phải vì phần thưởng, mà do nhu cầu bên trong muốn giúp đỡ; không phải vì lòng biết ơn, mà do thôi thúc phát sinh từ việc đã thấy tầm nhìn và nhận ra phần việc các bạn phải đóng trong việc đưa tầm nhìn ấy xuống Trái Đất.

It is helpful to differentiate between happiness, joy and bliss:

Sẽ hữu ích khi phân biệt giữa hạnh phúc, sự hoan hỉ và chí phúc:

First, *happiness*, which has its seat in the emotions, and is a personality reaction.

Thứ nhất, *hạnh phúc*, có chỗ trú trong các cảm xúc và là một phản ứng của phàm ngã.

Second, *joy*, which is a quality of the soul and is realised in the mind, when alignment takes place.

Thứ hai, *sự hoan hỉ*, là một phẩm tính của linh hồn và được nhận biết trong trí tuệ khi sự chỉnh hợp diễn ra.

Third, *bliss*, which is the nature of the Spirit and about which speculation is fruitless until the soul realises its oneness with the Father. This realisation follows upon an earlier stage wherein the personal self is atoned with the soul. Therefore speculation and analysis as to the nature of bliss is profitless to the average man whose metaphors and terminologies must perforce be personal and related to the world of the senses. Does the aspirant refer to his happiness or joy? If he refers to the latter it must come as the effect of group consciousness, of group solidarity, of oneness with all beings, and may not be interpreted in terms of happiness after all. Happiness comes when the personality is meeting with those conditions which satisfy it in one part or other of its lower nature; it comes when there is a sense of physical [370] well being, of contentment with one's environment or surrounding personalities, or of satisfaction with one's mental opportunities and contacts. Happiness is the goal of the separated self.

Thứ ba, *chí phúc*, là bản chất của Tinh thần, và mọi suy đoán về nó đều vô ích cho đến khi linh hồn nhận ra sự hợp nhất của mình với Đấng Cha. Sự nhận ra này theo sau một giai đoạn trước đó, trong đó bản ngã phàm nhân được hợp nhất với linh hồn. Vì vậy, suy đoán và phân tích về bản chất của chí phúc là vô ích đối với con người trung bình, vì các ẩn dụ và thuật ngữ của y buộc phải mang tính cá nhân và liên hệ với thế giới của giác quan. Người chí nguyện đang nói đến hạnh phúc hay sự hoan hỉ của mình? Nếu y nói đến điều sau, thì nó phải đến như kết quả của tâm thức nhóm, của sự đoàn kết nhóm, của sự hợp nhất với mọi hữu thể, và rốt cuộc không thể được diễn giải theo nghĩa hạnh phúc. Hạnh phúc đến khi phàm ngã gặp được những điều kiện thỏa mãn nó trong một phần nào đó của bản chất thấp; nó đến khi có cảm giác an lành về hồng trần [370], sự hài lòng với môi trường hay những phàm ngã chung quanh, hoặc sự thỏa mãn với các cơ hội và tiếp xúc trí tuệ của mình. Hạnh phúc là mục tiêu của bản ngã tách biệt.

When however we seek to live as souls, the contentment of the lower man is discounted and we find joy in our group relationships and in bringing about those conditions which lead to the better expression of the souls of those we contact. This bringing of joy to others in order to produce conditions in which they may better express themselves may have a physical effect as we seek to better their material conditions, or an emotional effect as our presence brings to

Tuy nhiên, khi chúng ta tìm cách sống như các linh hồn, sự mãn nguyện của phàm nhân bị giảm giá trị, và chúng ta tìm thấy sự hoan hỉ trong các mối quan hệ nhóm của mình, cũng như trong việc tạo ra những điều kiện dẫn đến sự biểu hiện tốt hơn của linh hồn nơi những người chúng ta tiếp xúc. Việc đem sự hoan hỉ đến cho người khác nhằm tạo ra các điều kiện trong đó họ có thể biểu hiện chính mình tốt hơn có thể có hiệu quả hồng trần, khi chúng ta tìm cách cải thiện điều

them peace and uplift, or an intellectual result as we stimulate them to clarity of thought and understanding. But the effect upon ourselves is joy, for our action has been selfless and non-acquisitive, and not dependent upon the aspirant's circumstance or worldly state. Much happiness is necessarily foregone when ill-health makes its pressure felt, as the environment is difficult and the "accumulated karma of many births" presses down, or as the troubles of the family, nation or race weigh upon the sensitive personality. The happiness of youth or the self-centred contentment of the selfish insulated person (hiding himself behind the shield of his protective desires) must not be confounded with joy.

kiện vật chất của họ; hoặc có hiệu quả cảm xúc, khi sự hiện diện của chúng ta đem đến cho họ bình an và nâng đỡ; hoặc có kết quả trí tuệ, khi chúng ta kích thích họ đạt đến sự sáng rõ trong tư tưởng và thấu hiểu. Nhưng hiệu quả đối với chính chúng ta là sự hoan hỉ, vì hành động của chúng ta đã vô ngã và không chiếm hữu, không tùy thuộc vào hoàn cảnh hay địa vị thế gian của người chí nguyện. Nhiều hạnh phúc tất yếu phải được từ bỏ khi bệnh tật tạo áp lực, khi môi trường khó khăn và "nghiệp quả tích lũy của nhiều kiếp" đè nặng, hoặc khi những rắc rối của gia đình, quốc gia hay giống dân đè lên phàm ngã nhạy cảm. Hạnh phúc của tuổi trẻ hay sự mãn nguyện tập trung vào bản thân của người ích kỷ bị cô lập — ẩn mình sau tấm khiên của các dục vọng tự vệ — không được lẫn lộn với sự hoan hỉ.

It is a platitude as well as an occult paradox to say that in the midst of profound personality distress and unhappiness, the joy of the soul may be known and felt. Such however is the case, and it is for this the student must aim. Some people are happy because they shut their eyes to truth, or are self-hypnotised, hiding themselves within a shell of illusion. But the aspirant has frequently reached the stage wherein his eyes are wide open; he has learnt to speak truth to himself, and has built up no separating wall between himself and [371] others. He is awake and alive; he is sensitive and frequently suffering. He wonders why apparently what the world calls happiness and peace have left him, and asks what is to be the outcome.

Nói rằng giữa nỗi đau khổ và bất hạnh sâu xa của phàm ngã, sự hoan hỉ của linh hồn vẫn có thể được biết và cảm nhận, vừa là một lời sáo ngữ vừa là một nghịch lý huyền bí. Tuy nhiên, sự thật là như vậy, và đó là điều đạo sinh phải nhắm tới. Một số người hạnh phúc vì họ nhắm mắt trước chân lý, hoặc tự thôi miên, ẩn mình trong một lớp vỏ ảo tưởng. Nhưng người chí nguyện thường đã đạt đến giai đoạn mắt y mở rộng; y đã học nói sự thật với chính mình, và không dựng lên bức tường chia cách giữa mình và [371] người khác. Y tỉnh thức và sống động; y nhạy cảm và thường xuyên đau khổ. Y tự hỏi vì sao dường như điều thế gian gọi là hạnh phúc và bình an đã rời bỏ y, và hỏi kết quả sẽ là gì.

We who watch and guide on the inner side, watch with loving care all of you who struggle in the thick of the fray. We are like the General Headquarters Staff who follow the course of the battle from a secure

Chúng tôi, những người quan sát và hướng dẫn ở phía bên trong, dõi theo bằng sự chăm sóc đầy tình thương tất cả các bạn đang vật lộn giữa cuộc giao tranh ác liệt. Chúng tôi giống như Bộ tham mưu tổng hành dinh,

eminence. In our security lies your ultimate success, for we hold in our hands the solution of many problems, and apply that solution when the battle goes contrary. One thing always would I have you remember. It is of vital importance. It is this statement, that in the destruction of the form lies hid the secret of all evolution. Think not this is truism. You will see it in constant application and need to be prepared for its demonstration. The Masters utilize the form to the uttermost; They seek to work through it, imprisoning the life in confining walls for just as long as the purpose is served and the race instructed through that form. Then the time comes that the form no longer serves the purpose intended, when the structure atrophies, crystallises and becomes easily destructible. Its destruction then becomes the matter of greatest concern and usefulness, and it goes, whilst a new form takes its place. Watch and see if this be not so. Always the building of the form, always its utilisation for as long as possible, always the destruction of the form when it hinders and cramps the expanding light, always then the rapid reconstruction of a new form. Such has been the method since the commencement of the aeon.

theo dõi diễn tiến trận chiến từ một cao điểm an toàn. Trong sự an toàn của chúng tôi có thành công tối hậu của các bạn, vì chúng tôi nắm trong tay lời giải cho nhiều vấn đề, và áp dụng lời giải ấy khi trận chiến trở nên bất lợi. Tôi luôn muốn các bạn ghi nhớ một điều. Điều đó có tầm quan trọng thiết yếu. Đó là lời khẳng định này: trong sự phá hủy hình tướng ẩn giấu bí mật của mọi tiến hoá. Đừng nghĩ đây chỉ là một chân lý hiển nhiên. Các bạn sẽ thấy nó được áp dụng thường xuyên và cần chuẩn bị cho sự biểu lộ của nó. Các Chân sư sử dụng hình tướng đến mức tối đa; Các Ngài tìm cách làm việc qua nó, giam giữ sự sống trong những bức tường hạn định chừng nào mục đích còn được phụng sự và nhân loại còn được dạy dỗ qua hình tướng ấy. Rồi đến lúc hình tướng không còn phục vụ mục đích đã định, khi cấu trúc teo tóp, kết tinh và trở nên dễ bị phá hủy. Khi ấy sự phá hủy nó trở thành vấn đề có mối quan tâm và công dụng lớn nhất, và nó ra đi, trong khi một hình tướng mới thay thế. Hãy quan sát và xem chẳng phải đúng là như vậy sao. Luôn luôn là việc xây dựng hình tướng, luôn luôn là việc sử dụng nó lâu nhất có thể, luôn luôn là việc phá hủy hình tướng khi nó cản trở và bó hẹp ánh sáng đang mở rộng, và rồi luôn luôn là sự tái kiến tạo nhanh chóng một hình tướng mới. Phương pháp đã như vậy từ khi khởi đầu kỷ nguyên.

In the infancy of the race the forms endured for a long time. Evolution moved more slowly, but now on the upward trend of all things, the form has but short duration. It lives vitally for a brief period; it moves with rapidity and then is succeeded by another form. This [372] rapidity will increase not decrease as the consciousness or inner expansion of the life of the race vibrates ever to a faster and lighter rate of rhythm.

Trong thời thơ ấu của nhân loại, các hình tướng tồn tại trong một thời gian dài. Tiến hoá vận hành chậm hơn, nhưng nay, trên khuynh hướng đi lên của vạn vật, hình tướng chỉ có thời hạn ngắn. Nó sống mạnh mẽ trong một giai đoạn ngắn; nó chuyển động nhanh chóng rồi được thay thế bằng một hình tướng khác. Tốc độ này [372] sẽ tăng lên chứ không giảm đi, khi tâm thức hay sự mở rộng bên trong của sự sống nhân loại rung động với một nhịp điệu ngày càng nhanh hơn và nhẹ hơn.

It is necessary likewise that you arrive at the realization that one of the principal objects of endeavor at the present time on the part of those whom you call the Elder Brothers of the race, is to stimulate, purify and coordinate the etheric body. This etheric body is not only the transmitter of prana but is the medium for all the energies which we are considering. Its importance also lies in other directions:

Cũng cần thiết để các bạn đi đến nhận thức rằng một trong những mục tiêu chính của nỗ lực hiện nay nơi những Đấng mà các bạn gọi là Huynh Trưởng của nhân loại là kích thích, thanh luyện và phối hợp thể dĩ thái. Thể dĩ thái này không chỉ là bộ truyền dẫn prana, mà còn là môi giới cho mọi năng lượng mà chúng ta đang xem xét. Tầm quan trọng của nó cũng nằm ở những phương diện khác:

a. Being of physical plane matter, literally, etheric consciousness is the next step ahead for the race. This will demonstrate at first as the ability to see etherically and to cognize etheric matter.

a. Vì nó đúng nghĩa là vật chất cõi hồng trần, nên tâm thức dĩ thái là bước kế tiếp phía trước của nhân loại. Điều này lúc đầu sẽ biểu lộ như khả năng thấy bằng dĩ thái và nhận biết vật chất dĩ thái.

b. It is the field of exploration immediately ahead of the modern scientist. In ten years time, many medical practitioners will be recognizing it as a fact of nature.

b. Nó là lĩnh vực khảo sát ngay trước mắt nhà khoa học hiện đại. Trong mười năm nữa, nhiều nhà y học sẽ nhận ra nó như một sự kiện của thiên nhiên.

c. Most of the diseases that the physical body suffers from at present have their roots in the etheric body. There are few, if any, purely physical diseases. Disease has its source in astral and etheric conditions.

c. Phần lớn các bệnh mà thể xác hiện nay phải chịu đều có gốc rễ trong thể dĩ thái. Có rất ít, nếu có, bệnh tật thuần túy hồng trần. Bệnh tật có nguồn gốc trong các điều kiện cảm dục và dĩ thái.

d. The secret of safe and sane clairvoyance and clairaudience depends upon the purification of the etheric vehicle.

d. Bí mật của thông nhãn và thông nhĩ an toàn, lành mạnh tùy thuộc vào sự thanh luyện hiện thể dĩ thái.

e. The etheric emanations of people can be great contaminators. In the purification, therefore, of this body lies the secret of a sweeter and saner humanity.

e. Các phát xạ dĩ thái của con người có thể là những tác nhân ô nhiễm lớn. Vì vậy, trong sự thanh luyện thể này có bí mật của một nhân loại dịu lành và lành mạnh hơn.

Hence, the importance of the etheric. There are many other reasons which will later be emphasized. In beginning to form your ideas on the subject, however, it is the part of wisdom to adhere to wide generalities until

Do đó có tầm quan trọng của dĩ thái. Có nhiều lý do khác về sau sẽ được nhấn mạnh. Tuy nhiên, khi bắt đầu hình thành các ý tưởng của mình về chủ đề này, điều minh triết là bám vào những khái quát rộng rãi

the whole matter has taken clear shape in your mind.

cho đến khi toàn bộ vấn đề đã có hình dạng rõ ràng trong trí các bạn.

Work on the etheric body, however, from the standpoint of the Hierarchy is not confined only to the bodies of men. It is a planetary process. The etheric body of [373] the earth itself is being subjected to a definite stimulation. The spirit of the earth, that mysterious entity—not the planetary Logos—is being vivified in a new sense and in his vivification many interesting developments eventuate. In three ways this is being attempted:

Tuy nhiên, công việc trên thể dĩ thái, xét từ quan điểm của Thánh đoàn, không chỉ giới hạn vào các thể của con người. Đó là một tiến trình hành tinh. Thể dĩ thái của [373] chính Trái Đất đang chịu một sự kích thích xác định. Tinh linh địa cầu, thực thể huyền bí ấy — không phải Đức Hành Tinh Thượng Đế — đang được tiếp sinh lực theo một nghĩa mới, và trong sự tiếp sinh lực của y, nhiều phát triển thú vị xảy ra. Điều này đang được cố gắng theo ba cách:

1. By an increased rate of vibration of the etheric atoms, caused by the coming in of the ceremonial ray. This must not be pictured as a sudden and violent change. From the standpoint of the human student the rate of increase is apparently so slow and gradual as to be inappreciable. Nevertheless, the stimulation exists, and in the course of centuries will be recognized.

1. Bằng một tốc độ rung động gia tăng của các nguyên tử dĩ thái, do sự đi vào của cung nghi lễ gây nên. Điều này không nên được hình dung như một thay đổi đột ngột và dữ dội. Từ quan điểm của đạo sinh nhân loại, tốc độ gia tăng dường như chậm và dần dần đến mức không thể nhận thấy. Tuy vậy, sự kích thích vẫn tồn tại, và trong dòng nhiều thế kỷ sẽ được nhận biết.

2. By the play of certain astral forces on the etheric body that leads to slow but definite changes in the internal structure of the atom, the coming into consciousness of another of the spirillae and a general tightening up of the whole cosmos of the atom.

2. Bằng sự tác động của một số mãnh lực cảm dục lên thể dĩ thái, dẫn đến những thay đổi chậm nhưng xác định trong cấu trúc nội tại của nguyên tử, sự đi vào tâm thức của một loa tuyến khác, và một sự siết chặt chung của toàn bộ vũ trụ nhỏ của nguyên tử.

3. By the use on the inner planes by the Mahachohan of one of the powerful talismans of the seventh ray.

3. Bằng việc Đức Mahachohan sử dụng trên các cõi bên trong một trong những linh phù quyền năng của cung bảy.

The spirit of the earth, it might be noted, is of slow and gradual arousing. He is on the involutionary arc and passes on to the evolutionary in some dim and distant future. Therefore, he will not carry us with him. He but serves our purpose now, offering us a home within his body, yet

Cần lưu ý rằng tinh linh địa cầu đang được đánh thức một cách chậm rãi và dần dần. Y ở trên cung giáng hạ tiến hoá và sẽ chuyển sang cung thăng thượng tiến hoá trong một tương lai mờ xa. Vì vậy, y sẽ không mang chúng ta theo cùng y. Hiện nay y chỉ phục vụ mục đích của chúng ta, cho chúng ta một

remaining dissociated from us. The devas of the ethers from this very stimulation are consequently hastening forward in evolution and approximating also nearer to their ideal.

mái nhà trong thân thể của y, nhưng vẫn tách biệt với chúng ta. Do chính sự kích thích này, các thiên thần của dĩ thái đang tiến nhanh trong tiến hoá và cũng tiến gần hơn đến lý tưởng của họ.

In all I have said anent the etheric body of men, anent the planet, anent the spirit of the earth, the crux of the whole situation lies in the fact that the five rays at this time have the seventh ray as their predominating ray. The seventh ray is the ray that controls the etheric and the devas of the ethers. It controls the seventh sub-plane of all planes but it dominates at this time the seventh sub-plane of the physical plane. Being in the fourth [374] round also, when a ray comes into definite incarnation, it not only controls on planes of the same number but has a special influence on the fourth sub-plane. Note how this works at this time in the three worlds:

Trong tất cả những gì tôi đã nói về thể dĩ thái của con người, về hành tinh, về tinh linh địa cầu, điểm then chốt của toàn bộ tình thế nằm ở sự kiện rằng năm cung hiện nay có cung bảy làm cung chủ đạo của chúng. Cung bảy là cung kiểm soát dĩ thái và các thiên thần của dĩ thái. Nó kiểm soát cõi phụ thứ bảy của mọi cõi, nhưng hiện nay nó thống trị cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần. Vì chúng ta cũng đang ở cuộc tuần hoàn thứ tư [374], nên khi một cung đi vào lâm phàm xác định, nó không chỉ kiểm soát trên các cõi có cùng số, mà còn có ảnh hưởng đặc biệt trên cõi phụ thứ tư. Hãy lưu ý cách điều này vận hành hiện nay trong ba cõi thấp:

1. The fourth ether, the lowest of the ethers, is to be the next physical plane of consciousness. Etheric matter is even now becoming visible to some, and will be entirely visible at the end of this century to many.

1. Dĩ thái thứ tư, thấp nhất trong các dĩ thái, sẽ là cõi hồng trần kế tiếp của tâm thức. Vật chất dĩ thái ngay hiện nay đang trở nên hữu hình đối với một số người, và sẽ hoàn toàn hữu hình đối với nhiều người vào cuối thế kỷ này.

2. The fourth sub-plane of the astral holds the majority of men when they pass over and consequently much work on the greatest number can therefore be accomplished.

2. Cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục giữ đa số con người khi họ chuyển sang bên kia, và do đó có thể thực hiện nhiều công việc đối với số đông nhất.

3. The fourth mental sub-plane is the plane of devachan.

3. Cõi phụ thứ tư của cõi trí là cõi thiên đường.

The Founding of the Hierarchy

The various energies which play upon the human being and produce his unfoldment

Các năng lượng khác nhau tác động lên con người và tạo nên sự khai mở của y cấu thành

constitute his field of experience. Those two words—unfoldment and experience—should ever be linked, for each produces the other. As one is subjected to experience in the form world, a paralleling unfoldment of consciousness is carried forward. As that unfoldment produces constant changes in realisation and a consequent constant reorientation to a new state of awareness, it necessarily leads to new experience—experience of fresh phenomena, of new states of being, and of dimensional conditions hitherto unknown. Hence the frequent reaction of the disciple to the fact that for him, as yet, there is no point of peace. Peace was the objective of the Atlantean aspirant. Realisation is that of the Aryan disciple. He can never be static; he can never rest; he is constantly adjusting himself to new conditions; constantly learning to function therein, and then subsequently finding them pass away to give place, in their turn, to new. This goes on until the consciousness is stabilised in the Self, in the One. Then the initiate [375] knows himself to be the onlooking Unity watching the phenomenal phantasmagoria of life in form.

lĩnh vực kinh nghiệm của y. Hai từ ấy — sự khai mở và kinh nghiệm — luôn phải được liên kết, vì mỗi bên tạo ra bên kia. Khi một người chịu tác động của kinh nghiệm trong thế giới hình tướng, một sự khai mở song hành của tâm thức được tiến hành. Khi sự khai mở ấy tạo ra những thay đổi liên tục trong nhận thức và do đó một sự tái định hướng liên tục đến một trạng thái nhận biết mới, nó tất yếu dẫn đến kinh nghiệm mới — kinh nghiệm về các hiện tượng mới, các trạng thái hiện tồn mới, và những điều kiện chiều kích trước kia chưa biết. Do đó có phản ứng thường xuyên của đệ tử trước sự kiện rằng đối với y, cho đến nay, không có điểm bình an nào. Bình an là mục tiêu của người chí nguyện Atlantis. Nhận thức là mục tiêu của đệ tử Arya. Y không bao giờ có thể tĩnh tại; y không bao giờ có thể nghỉ ngơi; y liên tục tự điều chỉnh với các điều kiện mới; liên tục học cách hoạt động trong đó, và rồi sau đó thấy chúng qua đi để nhường chỗ, đến lượt chúng, cho những điều kiện mới. Điều này tiếp diễn cho đến khi tâm thức được ổn định trong Bản Ngã, trong Đấng Duy Nhất. Khi ấy điểm đạo đồ [375] biết mình là Hợp Nhất đang quan sát, chứng kiến cảnh huyễn hiện tượng của sự sống trong hình tướng.

He passes from one sense of unity to a sense of duality, and from thence again into a higher unity. First, the Self identifies itself with the form aspect to such an extent that all duality disappears in the illusion that the Self is the form. We have then the form constituting apparently all that there is. This is followed by the stage wherein the indwelling Self begins to be aware of Itself as well as of the form, and we talk then in terms of the higher and the lower self; we speak of the self and its sheaths, and of the self and the not-self. This dualistic stage is that of the aspirant and of the disciple, up to the time of his training for the third initiation. He begins with a knowledge that

Y chuyển từ một cảm thức hợp nhất sang một cảm thức nhị nguyên, và từ đó lại đi vào một hợp nhất cao hơn. Trước hết, Bản Ngã đồng hoá với phương diện hình tướng đến mức mọi nhị nguyên biến mất trong ảo tưởng rằng Bản Ngã chính là hình tướng. Khi ấy chúng ta có hình tướng dường như cấu thành tất cả những gì hiện hữu. Tiếp theo là giai đoạn trong đó Bản Ngã nội tại bắt đầu nhận biết Chính Nó cũng như hình tướng, và khi ấy chúng ta nói theo các thuật ngữ chân ngã và phàm ngã; chúng ta nói về bản ngã và các lớp vỏ của nó, về bản ngã và phi-ngã. Giai đoạn nhị nguyên này là giai đoạn của người chí nguyện và của đệ tử, cho đến thời điểm y được huấn luyện cho lần điểm đạo thứ ba. Y

he is a spiritual entity confined in a form. His consciousness for a long period of time remains predominantly that of the form. Gradually this changes, —so gradually that the aspirant learns the lesson of endurance (even to the point of enduring the not-self!) until there comes a life of balance, wherein neither preponderates. This produces in the man a state of apparent negativity and inertia which may last for one life or two, and he seems to accomplish little in either direction. This is, for workers, a valuable hint in their dealings with people. Then the point of balance changes, and the soul appears to dominate from the standpoint of influence, and the entire consciousness aspect begins to shift into the higher of the two aspects. Duality however, still persists, for the man is sometimes identified with his soul and sometimes with his form nature; this is the stage wherein so many most earnest disciples are at this time to be found. Little by little however he becomes "absorbed" in the soul, and thus comes en rapport with all aspects of the soul in all forms until the day dawns when he realises that there is nothing but soul and then the higher state of unity supervenes.

bắt đầu với tri thức rằng y là một thực thể tinh thần bị giam trong một hình tướng. Trong một thời gian dài, tâm thức của y vẫn chủ yếu là tâm thức của hình tướng. Dần dần điều này thay đổi — chậm đến mức người chí nguyện học bài học chịu đựng, thậm chí đến mức chịu đựng phi-ngã, cho đến khi xuất hiện một đời sống quân bình, trong đó không bên nào chiếm ưu thế. Điều này tạo ra trong con người một trạng thái thụ động và trì trệ bề ngoài, có thể kéo dài một hay hai kiếp, và y dường như đạt được rất ít theo cả hai hướng. Đây là một gợi ý có giá trị cho những người hoạt động trong cách họ xử lý con người. Rồi điểm quân bình thay đổi, và linh hồn dường như thống trị xét theo phương diện ảnh hưởng, và toàn bộ phương diện tâm thức bắt đầu chuyển sang phương diện cao hơn trong hai phương diện. Tuy nhiên, nhị nguyên vẫn tồn tại, vì con người lúc thì đồng hoá với linh hồn, lúc thì với bản chất hình tướng của mình; đây là giai đoạn mà hiện nay rất nhiều đệ tử chí thành nhất đang ở trong đó. Tuy nhiên, từng chút một, y trở nên "được hấp thu" vào linh hồn, và nhờ vậy đi vào mối liên hệ hòa điệu với mọi phương diện của linh hồn trong mọi hình tướng, cho đến khi bình minh ló rạng lúc y nhận ra rằng không có gì ngoài linh hồn, và khi ấy trạng thái hợp nhất cao hơn xuất hiện.

[376]

[376]

These points need consideration and are valuable, for there are schools of thought (such as the Vedanta and other mystical groups of thinkers) which emphasise the life aspect and appear to negate duality. Other schools (such as the Theosophical, in spite of denial) teach the fact of the self and the not-self, and hence can be interpreted in terms of duality. Both are right and both need each other. It should be remembered that in the

Những điểm này cần được xem xét và có giá trị, vì có những trường phái tư tưởng — như Vedanta và các nhóm tư tưởng thần bí khác — nhấn mạnh phương diện sự sống và dường như phủ nhận nhị nguyên. Các trường phái khác — như Thông Thiên Học, bất chấp sự phủ nhận — dạy sự kiện về bản ngã và phi-ngã, và do đó có thể được diễn giải theo nhị nguyên. Cả hai đều đúng và cả hai đều cần nhau. Cần nhớ rằng trong tiến

process of manifestation we work from a relative unity, through duality, to another unity, in the following way:

trình biểu hiện, chúng ta làm việc từ một hợp nhất tương đối, qua nhị nguyên, đến một hợp nhất khác, theo cách sau:

1. The unity of form, wherein the self is identified apparently with the form, and is absorbed in form life.

1. Sự hợp nhất của hình tướng, trong đó bản ngã dường như đồng hoá với hình tướng và bị hấp thu vào sự sống hình tướng.

2. Duality, with a fluctuating shift backward and forward between the self and the form, the focus of consciousness being sometimes in one and sometimes in the other.

2. Nhị nguyên, với một sự chuyển dịch dao động qua lại giữa bản ngã và hình tướng, tiêu điểm của tâm thức khi thì ở bên này, khi thì ở bên kia.

3. The unity of the soul, wherein naught but soul is seen to exist, and only *being* is registered in consciousness.

3. Sự hợp nhất của linh hồn, trong đó không gì ngoài linh hồn được thấy là hiện hữu, và chỉ *hiện tồn* được ghi nhận trong tâm thức.

Thus it will be found that both schools are right, and that the dualistic concept is a step upon the way to essential union with the One Life.

Như vậy sẽ thấy rằng cả hai trường phái đều đúng, và quan niệm nhị nguyên là một bước trên đường dẫn đến sự hợp nhất cốt yếu với Sự Sống Duy Nhất.

It should be remembered that just as the battle ground (the kurukshetra) for the *aspirant* or probationer is the astral plane, so the battle ground for the *disciple* is the mental plane. There is *his* kurukshetra. The aspirant has to learn to control his emotional psychic nature through right control of the mind, and this Krishna seeks to emphasise as he trains Arjuna to take the next step towards right vision. The disciple has to carry forward this mental attention, and, through right use of the mind, achieve a higher realisation, and bring into active use a still higher factor, —that of the intuition.

Cần nhớ rằng cũng như chiến trường (kurukshetra) của *người chí nguyện* hay người dự bị là cõi cảm dục, thì chiến trường của *đệ tử* là cõi trí. Ở đó là kurukshetra của *y*. Người chí nguyện phải học kiểm soát bản chất thông linh cảm xúc của mình bằng sự kiểm soát đúng đắn thể trí, và điều này Đức Krishna tìm cách nhấn mạnh khi huấn luyện Arjuna tiến bước kế tiếp hướng tới tầm nhìn đúng. Đệ tử phải tiếp tục sự chú tâm trí tuệ này, và nhờ sử dụng đúng thể trí, đạt được một nhận thức cao hơn, đồng thời đưa vào hoạt động một yếu tố còn cao hơn nữa — yếu tố trực giác.

In himself, the aspirant repeats the racial unfoldment, [377] and re-enacts the racial drama; and to comprehend this certain facts about that drama and the work of the

Trong chính mình, người chí nguyện lặp lại sự khai mở của nhân loại, [377] và tái diễn vở kịch của nhân loại; và để thấu hiểu điều này, cần nắm bắt một số sự kiện về vở kịch ấy và

Hierarchy should be grasped and I here enumerate them:

công việc của Thánh đoàn, tôi xin liệt kê ở đây:

1. The movement for the spreading of the Secret Doctrine is eighteen million years old.

1. Phong trào truyền bá Giáo Lý Bí Nhiệm đã có tuổi đời mười tám triệu năm.

2. Only four of the original Instigators still remain with us. The work (impulsive and controlling) lies now in the hands of three groups of lives, if it may be so expressed:

2. Chỉ còn bốn trong số các Đấng Khởi Xướng ban đầu vẫn ở với chúng ta. Công việc — thúc đẩy và kiểm soát — hiện nằm trong tay ba nhóm sự sống, nếu có thể diễn đạt như vậy:

a. In the hands of those of our Earth Humanity who have equipped themselves so as to serve.

a. Trong tay những vị thuộc Nhân loại Trái Đất của chúng ta, những người đã tự trang bị để phụng sự.

b. In the hands of certain Existences who have come into our earth scheme of evolution from other planetary schemes.

b. Trong tay một số Đấng Hiện Tồn đã đi vào hệ hành tinh tiến hoá của Trái Đất chúng ta từ các hệ hành tinh khác.

c. In the hands of a large number of devas of superhuman evolution.

c. Trong tay một số lượng lớn các thiên thần thuộc tiến hoá siêu nhân loại.

These in their aggregate, form the occult Hierarchy of the planet, working in three main divisions, and in seven groups as outlined in many Theosophical books and summarized in *Initiation, Human and Solar.*

Những Đấng này, trong tổng thể, hợp thành Thánh Đoàn huyền bí của hành tinh, hoạt động trong ba phân bộ chính và trong bảy nhóm như đã được phác họa trong nhiều sách Thông Thiên Học và được tóm lược trong *Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương.*

3. In the very early stages, this Hierarchy was called by various names; among others it was called the Temple of Ibez.

3. Trong những giai đoạn rất sơ khai, Thánh Đoàn này được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau; trong số đó, Thánh Đoàn được gọi là Đền Ibez.

4. Let us consider the founding of the Temple of Ibez. To do this it will be necessary to consider the period of the coming of the White Brotherhood to earth and the immediate problem before Them; this will involve the recognition of certain facts that have never been adequately considered. It is an acknowledged fact in

4. Chúng ta hãy xem xét việc thành lập Đền Ibez. Để làm điều này, cần phải xét đến thời kỳ Huynh đệ Đoàn Chánh đạo đến Trái Đất và vấn đề trước mắt đặt ra cho Các Ngài; điều này sẽ đòi hỏi phải thừa nhận một số sự kiện chưa bao giờ được xem xét đầy đủ. Trong huyền bí học, sự kiện được thừa nhận là đối với nhân loại trên Trái Đất chúng ta, sự

occultism that for our earth humanity the advent of the occult Hierarchy was epochal; it brought about two things:

giáng lâm của Thánh Đoàn huyền bí là một biến cố mở ra kỷ nguyên; sự kiện ấy đem lại hai điều:

The definite crystallization of that group soul which is now called thefourth or human kingdom. [378]

Sự kết tinh rõ rệt của hồn nhóm hiện nay được gọi là giới thứ tư hay giới nhân loại. [378]

The arousing of manas or mind in animal man in a triple way.

Sự khơi dậy manas hay trí tuệ trong người thú theo một cách tam phân.

a. By the direct incarnation of certain members of the White Brotherhood, in which way They brought in the new and necessary factors by transmission to their children.

a. Bằng sự nhập thể trực tiếp của một số thành viên Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, nhờ đó Các Ngài đưa vào các yếu tố mới và cần thiết qua sự truyền trao cho con cái của Các Ngài.

b. By the definite implantation of what is called in the occult Scriptures “the spark of mind” in animal man. This is simply a pictorial way of picturing the creation, by a direct act, of the necessary mental unit or mental apparatus of thought, within the causal or spiritual body.

b. Bằng sự cấy đặt xác định điều được gọi trong Kinh sách huyền bí là “tia lửa của trí tuệ” vào người thú. Đây chỉ là một cách diễn tả bằng hình ảnh về việc tạo ra, bằng một hành động trực tiếp, đơn vị hạ trí hay bộ máy trí tuệ cần thiết của tư tưởng, bên trong thể nguyên nhân hay thể tinh thần.

c. By the gradual stimulation of the mental faculty in animal man, and the steady vitalisation of the latent germ of mind until it flowered forth as manifested mind.

c. Bằng sự kích thích dần dần quan năng trí tuệ trong người thú, và sự tiếp sinh lực đều đặn cho mầm trí tuệ tiềm tàng cho đến khi nó nở hoa thành trí tuệ biểu hiện.

This covered a vast period of time, and though the Brotherhood made its headquarters at Shamballa and directed its activities from there, it was found necessary during the first sub-race of the Atlantean Root Race to make certain efforts, if the evolution of the race was to proceed according to plan. Students of these mysteries need to remember that though Shamballa is spoken of as existing in physical matter and as occupying a definite location in space, the physical matter referred to is etheric, the Lord of the World

Điều này bao trùm một thời kỳ vô cùng dài, và mặc dù Huynh đệ Đoàn đặt tổng hành dinh tại Shamballa và từ đó điều khiển các hoạt động của mình, trong giống dân phụ thứ nhất của giống dân gốc Atlantis, người ta thấy cần phải thực hiện một số nỗ lực nhất định nếu sự tiến hoá của nhân loại phải diễn tiến theo Thiên Cơ. Các đạo sinh của những bí nhiệm này cần nhớ rằng mặc dù Shamballa được nói đến như đang tồn tại trong vật chất hồng trần và chiếm một vị trí xác định trong không gian, vật chất hồng trần được nói đến ở đây là dĩ thái; Đức Chúa

and His assistants of the higher degrees occupying bodies formed of etheric matter.

Tể Thế Giới và các phụ tá của Ngài thuộc những cấp độ cao hơn sử dụng các thể được tạo thành bằng vật chất dĩ thái.

5. It was decided about seventeen million years ago (the coming of the Hierarchy and the founding of Shamballa being about eighteen and a half million years ago) to have on the dense physical plane an organization and a headquarters for the mysteries, and to have a band of Adepts, and Chohans who would function in dense physical bodies and thus meet the need of the rapidly awakening humanity. [379]

5. Khoảng mười bảy triệu năm trước, quyết định đã được đưa ra rằng phải có trên cõi hồng trần đậm đặc một tổ chức và một tổng hành dinh cho các bí nhiệm, cùng một đoàn các chân sư và Chohan hoạt động trong các thể hồng trần đậm đặc, và như thế đáp ứng nhu cầu của nhân loại đang thức tỉnh nhanh chóng. Sự giáng lâm của Thánh Đoàn và việc thành lập Shamballa xảy ra khoảng mười tám triệu rưỡi năm trước. [379]

6. The first outpost for the Shamballa Fraternity was the original temple of Ibez and it was located in the centre of South America, and one of its branches at a much later period was to be found in the ancient Maya institutions, and the basic worship of the Sun as the source of life in the hearts of all men. A second branch was later established in Asia, and of this branch the Himalayan and southern Indian adepts are the representatives, though the work is materially changed. At a later date than the present, discoveries will be made, revealing the reality of the old form of hierarchical work; ancient records and monuments will be revealed, some above ground and many in subterranean fastnesses. As the mysteries of Central Asia in the land stretching from Chaldea and Babylon through Turkestan to Manchuria, including the Gobi desert, are opened up, it is planned that much of the early history of the Ibezhan workers will be revealed.

6. Tiền đồn đầu tiên của Huynh đệ đoàn Shamballa là Đền Ibez nguyên thủy, được đặt tại trung tâm Nam Mỹ; và một trong các chi nhánh của nó, vào một thời kỳ muộn hơn nhiều, có thể được tìm thấy trong các thiết chế Maya cổ xưa, cùng sự tôn thờ căn bản Mặt Trời như nguồn sự sống trong tâm của mọi người. Một chi nhánh thứ hai về sau được thiết lập tại Á Châu, và các chân sư vùng Hy Mã Lạp Sơn cùng miền nam Ấn Độ là những vị đại diện của chi nhánh này, mặc dù công việc đã thay đổi đáng kể. Vào một thời điểm muộn hơn hiện tại, những khám phá sẽ được thực hiện, mặc khải thực tại của hình thức công việc Thánh Đoàn xưa kia; các biên niên cổ và di tích cổ sẽ được phát lộ, một số trên mặt đất và nhiều di tích trong các cứ điểm dưới lòng đất. Khi những bí nhiệm của Trung Á, trong vùng đất trải dài từ Can Đê và Ba-bi-lon qua Turkestan đến Mãn Châu, bao gồm sa mạc Gobi, được mở ra, thì theo kế hoạch, phần lớn lịch sử sơ khai của những người hoạt động Ibez sẽ được mặc khải.

We might here note the fact that the word Ibez is literally in the nature of an acrostic veiling the true name of the planetary Logos of the earth, one of Whose principles is

Ở đây chúng ta có thể ghi nhận sự kiện rằng từ Ibez, theo nghĩa đen, có bản chất của một từ ghép chữ đầu che giấu danh xưng chân thật của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái

working in Sanat Kumara, making Him thus a direct incarnation of the planetary Logos and an expression of His divine consciousness. These four letters are the first letters of the real names of the four Avatars on the four globes of our earth chain who have embodied four of the divine principles. The letters I B E Z are not the true Sensar letters, if such an inaccurate expression can be used of an ideographic language, but are simply a Europeanized distortion. The true meaning is only conveyed at the fourth initiation when the nature of the planetary Logos is revealed and His four Avatars are definitely contacted through the direct mediatory work of Sanat Kumara.

Đất, một trong các nguyên khí của Ngài đang hoạt động trong Đức Sanat Kumara, do đó khiến Ngài trở thành một sự nhập thể trực tiếp của Đức Hành Tinh Thượng Đế và một biểu hiện của tâm thức thiêng liêng của Ngài. Bốn chữ cái này là các chữ cái đầu của những danh xưng chân thật của bốn Đấng Hóa Thân trên bốn bầu hành tinh thuộc Dãy Địa Cầu của chúng ta, những Đấng đã hiện thân bốn nguyên khí thiêng liêng. Các chữ cái I B E Z không phải là những chữ Sensar chân thật, nếu có thể dùng một cách diễn đạt thiếu chính xác như thế về một ngôn ngữ biểu ý, mà chỉ là một sự bóp méo theo kiểu châu Âu. Ý nghĩa chân thật chỉ được truyền đạt ở lần điểm đạo thứ tư, khi bản chất của Đức Hành Tinh Thượng Đế được mặc khải và bốn Đấng Hóa Thân của Ngài được tiếp xúc một cách xác định qua công việc trung gian trực tiếp của Đức Sanat Kumara.

7. A word now as regards the work of the Ibezhan adepts and Their mysteries; it is necessary here to point [380] out that the whole trend of Their work was in a way different and necessarily so, to that of the adepts at this time. Their objective was to stimulate mysticism and the stimulating of the kingdom of God within the human atom. The nature of Their work is most difficult for the average man of this time to comprehend, owing to the different state of his consciousness. The Ibezhan adepts had to deal with a humanity which was in its infancy, whose polarization was most unstable, and whose coordination was very imperfect. There was very little mentality to be found and men were practically altogether astral; they functioned even more consciously on the astral plane than on the physical, and it was part of the work of these early adepts, working under instruction from Shamballa to develop the energy centres of the human unit, stimulate the

7. Bây giờ xin nói một lời về công việc của các chân sư Ibez và các bí nhiệm của Các Ngài; ở đây cần chỉ [380] ra rằng toàn bộ xu hướng công việc của Các Ngài theo một cách nào đó khác với xu hướng của các chân sư hiện nay, và tất yếu phải như vậy. Mục tiêu của Các Ngài là kích thích Thần bí học và khơi dậy Thiên Giới bên trong nguyên tử con người. Bản chất công việc của Các Ngài rất khó để con người trung bình thời nay thấu hiểu, do trạng thái tâm thức của y khác biệt. Các chân sư Ibez phải làm việc với một nhân loại còn trong thời thơ ấu, có sự phân cực rất bất ổn và sự phối hợp còn rất bất toàn. Trí tuệ hầu như rất ít, và con người thực tế gần như hoàn toàn cảm dục; họ hoạt động trên cõi cảm dục còn có ý thức hơn trên cõi hồng trần, và một phần công việc của các chân sư sơ khai này, hoạt động theo chỉ thị từ Shamballa, là phát triển các trung tâm năng lượng của đơn vị con người, kích thích bộ não và làm cho y có ngã thức trọn vẹn trên cõi hồng trần. Mục tiêu của Các Ngài là đem

brain and make him fully self-conscious on the physical plane. Their objective was to bring about a realization of the kingdom of God within, and little attention was paid (in Their training of Their disciples) to the bringing about of the realization of God in nature or in other units. It was necessary in those days to employ methods more definitely physical than are permissible now, and these methods of physical stimulation were employed and the laws of energy as they work through the various centres were taught until the time came when another big change was made in the hierarchical methods, and the door from the animal kingdom into the human was closed and the door of initiation was opened. It was felt at that time that man was then self-centered enough and individualized enough to permit of a drastic change in method and practice. All this took a vast period of time and it is the remnants of the earlier Temple practices which have come down to us in degraded phallic teaching, in Tantrik magic and the practices of Hatha Yogis. The infant humanity of Lemurian and early Atlantean days had to be taught what they [381] were by means of symbols and methods which to us would be crude, impossible and of a nature which the race should have transcended for many millions of years.

lại sự nhận biết Thiên Giới bên trong, và trong việc huấn luyện các đệ tử của Các Ngài, rất ít chú ý được dành cho việc đem lại sự nhận biết Thượng đế trong thiên nhiên hay trong các đơn vị khác. Vào những ngày ấy, cần phải dùng những phương pháp có tính hồng trần rõ rệt hơn những gì hiện nay được phép, và các phương pháp kích thích hồng trần này đã được sử dụng; các định luật năng lượng, khi chúng hoạt động qua các trung tâm khác nhau, đã được giảng dạy cho đến khi thời điểm đến, một thay đổi lớn khác được thực hiện trong các phương pháp của Thánh Đoàn, cánh cửa từ giới động vật vào giới nhân loại được đóng lại và cánh cửa điểm đạo được mở ra. Vào thời điểm ấy, người ta cảm thấy rằng con người khi đó đã đủ tập trung vào bản thân và đủ biệt ngã hóa để cho phép một thay đổi triệt để trong phương pháp và thực hành. Tất cả điều này trải qua một thời kỳ vô cùng dài, và những tàn dư của các thực hành Đền thờ thuở ban đầu đã truyền xuống chúng ta trong giáo huấn sinh thực khí suy đồi, trong huyền thuật Tantra và các thực hành của những hành giả Hatha Yoga. Nhân loại thơ ấu của thời Lemuria và đầu Atlantis phải được dạy cho biết họ [381] là gì bằng các biểu tượng và phương pháp mà đối với chúng ta sẽ là thô sơ, bất khả và thuộc loại mà nhân loại lẽ ra đã phải vượt qua từ nhiều triệu năm trước.

8. At the time the door of initiation was opened, many millions of years ago the Lodge came to two decisions:

8. Vào thời điểm cánh cửa điểm đạo được mở ra, nhiều triệu năm trước, Thánh đoàn đi đến hai quyết định:

That individualisation must cease until man had not only coordinated the physical and astral bodies and could think self-consciously but until he had also transcended the physical and the astral. When he is becoming group-conscious, then the door into the kingdom of self-consciousness will again be opened.

Rằng sự biệt ngã hóa phải chấm dứt cho đến khi con người không những đã phối hợp các thể xác và thể cảm dục, và có thể suy nghĩ bằng ngã thức, mà còn phải vượt lên trên thể xác và thể cảm dục. Khi y đang trở nên có tâm thức nhóm, lúc ấy cánh cửa vào giới ngã thức sẽ lại được mở ra.

That the path of mysticism must lead eventually to the occult path, and that plans must be made to impart teaching, and mysteries must be organized which would reveal the nature of God in all that is seen, and not only in man. Man must be taught that though an individual, he is but part of a greater whole and that his interests must be made subservient to those of the group. Gradually the teaching was re-organized, and the curriculum increased; little by little the mysteries were developed as the people became ready for them until we have the marvelous Schools of the Mysteries of Chaldea, Egypt, Greece and many others.

Rằng con đường của Thần bí học rốt cuộc phải dẫn đến con đường huyền bí, và phải lập kế hoạch để truyền đạt giáo huấn; các bí nhiệm phải được tổ chức để mặc khải bản chất của Thượng đế trong tất cả những gì được thấy, chứ không chỉ trong con người. Con người phải được dạy rằng mặc dù là một cá nhân, y chỉ là một phần của một toàn thể lớn hơn và các lợi ích của y phải được đặt dưới lợi ích của nhóm. Dần dần, giáo huấn được tổ chức lại và chương trình học được mở rộng; từng chút một, các bí nhiệm được phát triển khi con người trở nên sẵn sàng với chúng, cho đến khi chúng ta có các Trường Bí nhiệm kỳ diệu của Can Đê, Ai Cập, Hy Lạp và nhiều nơi khác.

9. Three things might be mentioned:

9. Có thể nêu ba điều:

a. The relatively low point of evolution of many men and their naturally physical polarization.

a. Điểm tiến hoá tương đối thấp của nhiều người và sự phân cực hồng trần tự nhiên của họ.

b. The work of the black adepts and the followers of the left hand path. When the Ibezhan adepts (again under instructions from the Masters at Shamballa) began to withdraw into the Temples, to make the mysteries more difficult of attainment and to work against abuses and distortions, a number of Their erstwhile followers, many of great power and knowledge, fought Them and thus we have one of the causes of the appearing of [382] black and white magic, and one of the reasons of the purifying waters of the flood being deemed necessary.

b. Công việc của các chân sư hắc đạo và những người đi theo tả đạo. Khi các chân sư Ibez, một lần nữa theo chỉ thị từ các Chân sư tại Shamballa, bắt đầu rút vào các Đền, khiến các bí nhiệm trở nên khó đạt hơn và hoạt động chống lại các lạm dụng cùng những bóp méo, một số môn đồ trước kia của Các Ngài, nhiều người có quyền năng và tri thức lớn, đã chống lại Các Ngài; và như thế chúng ta có một trong các nguyên nhân của sự xuất hiện [382] của hắc thuật và chánh thuật, cũng như một trong các lý do khiến những dòng nước thanh tẩy của trận Đại hồng thủy được xem là cần thiết.

c. The powerful thought-forms built up in the early Ibezhan mysteries and which (particularly in America) are as yet undestroyed. This gigantic “Dweller on the

c. Các hình tư tưởng đầy quyền lực được xây dựng trong các bí nhiệm Ibez sơ khai, và cho đến nay, đặc biệt tại châu Mỹ, vẫn chưa bị phá hủy. Kẻ Chận Ngõ khổng lồ này của tất

Threshold" of all the true Mysteries has to be slaughtered before the aspirant can pass on.

cả các Bí nhiệm chân chính phải bị tiêu diệt trước khi người chí nguyện có thể tiến lên.

10. The work of the Ibezhan adepts and the mysteries of the Temple of Ibez are still persisting and are being carried on by the masters and adepts in physical incarnation throughout the world. They teach the meaning of the psyche, the ego or the soul and of the human unit, so that the man may indeed be what he is, a God walking on earth, his lower nature (physical, astral and mental) completely controlled by the soul or the love aspect, and this not in theory but in deed and truth.

10. Công việc của các chân sư Ibez và các bí nhiệm của Đền Ibez vẫn còn tồn tại và đang được các Chân sư cùng các chân sư trong sự nhập thể hồng trần trên khắp thế giới tiếp tục thực hiện. Các Ngài dạy ý nghĩa của tâm hồn, của chân ngã hay linh hồn và của đơn vị con người, để con người quả thật có thể là điều y vốn là: một Thượng đế bước đi trên Trái Đất, với bản chất thấp của y, tức hồng trần, cảm dục và trí tuệ, hoàn toàn được linh hồn hay Phương diện Bác ái kiểm soát, và điều này không phải trong lý thuyết mà trong hành động và chân lý.

When this is the case, the physical body will have no lure for the real man, the emotional nature and desire body will no longer lead astray nor will the mind shut out that which is true and spiritual, but the God will use the three bodies as vehicles of service to the race. Then will the human kingdom be transcended and man pass into the spiritual kingdom, there to have further lessons just as infant humanity when passing out of the animal kingdom was trained and taught its functions and work by the Ibezhan teachers.

Khi điều này xảy ra, thể xác sẽ không còn sức quyến rũ đối với con người chân thật; bản chất cảm xúc và thể dục vọng sẽ không còn dẫn y lạc đường, và thể trí cũng sẽ không che khuất điều chân thật và tinh thần; nhưng Thượng đế sẽ dùng ba thể như các vận cụ phụng sự nhân loại. Khi ấy giới nhân loại sẽ được vượt qua và con người sẽ đi vào giới tinh thần, ở đó để học thêm những bài học, cũng như nhân loại thơ ấu, khi thoát ra khỏi giới động vật, đã được các huấn sư Ibez huấn luyện và dạy dỗ về các chức năng và công việc của mình.

In Atlantean days, the goal that the Hierarchy of Teachers set before Themselves was the awakening in man of the love nature, as a step towards the awakening of the heart centre. To do this, the Teachers at that time were Themselves focussed (deliberately and of intent) in the heart centre, and chose to work entirely through that centre, subordinating Their mental equipment and [383] the mental energy They could use to the need of the time, They kept Their mental force in abeyance when training the initiates until the time the third

Trong thời Atlantis, mục tiêu mà Thánh Đoàn các Huấn sư đặt ra cho Chính Các Ngài là sự khơi dậy nơi con người bản chất bác ái, như một bước hướng tới sự khơi dậy trung tâm tim. Để làm điều này, các Huấn sư thời ấy Chính Các Ngài tập trung, một cách cố ý và có chủ đích, trong trung tâm tim, và chọn hoạt động hoàn toàn qua trung tâm ấy, đặt trang bị trí tuệ của Các Ngài và [383] năng lượng trí tuệ Các Ngài có thể sử dụng ở vị trí phụ thuộc trước nhu cầu của thời đại; Các Ngài giữ mãnh lực trí tuệ của mình trong trạng thái tạm hoãn khi huấn luyện các

initiation was reached. In our race, the condition is reversed. The Hierarchy is working now entirely on mental levels, though basing all endeavour upon past achievements in connection with the heart centre. Up to the third initiation therefore, disciples have to endeavour to work entirely with mental energy in an effort to control, master and use it. Their attempt is concentrated then upon transmitting (from egoic levels) the will aspect of the soul. That will has to be imposed upon the personality until it has become the automaton of the soul. Then the intuition takes control, and energies from the intuitional or buddhic plane begin to make their impact upon the form nature, the personality. Prior to this period of intuitional control, there are many lives wherein the intuition may begin to play its part, and the student learns the meaning of illumination. Until after the third initiation, however, it is the iilumined mind which is the dominant factor, and not the pure intuitive perception, or pure reason. After this great initiation, which marks a definite transition out of the form consciousness, the initiate can function at will on the plane of the intuition, and the mind is steadily relegated into the background till it becomes a part of the instinctual apparatus—as much a part of the subconscious instinctual nature as is the instinctual nature which the materialistic psychologist so much stresses. Intuitive perception, pure vision, direct knowledge, and an ability to utilise the *undifferentiated* energies of the Universal Mind are the main characteristics of the Aryan adepts. I use the word 'undifferentiated' in the sense of freedom from multiplicity; certain main distinctions will still be found to exist. The will of the soul, regarding that soul as having [384] its place on one of the seven Rays, is superseded by the will of the Whole.

điểm đạo đồ, cho đến khi đạt đến lần điểm đạo thứ ba. Trong nhân loại của chúng ta, tình trạng đã đảo ngược. Thánh Đoàn hiện nay hoạt động hoàn toàn trên các cấp độ cõi trí, mặc dù đặt mọi nỗ lực trên nền tảng những thành tựu quá khứ liên hệ với trung tâm tim. Do đó, cho đến lần điểm đạo thứ ba, các đệ tử phải nỗ lực hoạt động hoàn toàn với năng lượng trí tuệ trong cố gắng kiểm soát, làm chủ và sử dụng nó. Khi ấy nỗ lực của họ tập trung vào việc truyền dẫn, từ các cấp độ chân ngã, phương diện ý chí của linh hồn. Ý chí ấy phải được áp đặt lên phàm ngã cho đến khi phàm ngã trở thành bộ máy tự động của linh hồn. Khi ấy trực giác nắm quyền kiểm soát, và các năng lượng từ cõi trực giác hay cõi Bồ đề bắt đầu tác động lên bản chất hình tướng, tức phàm ngã. Trước thời kỳ kiểm soát bằng trực giác này, có nhiều kiếp sống trong đó trực giác có thể bắt đầu đóng vai trò của nó, và đạo sinh học ý nghĩa của sự soi sáng. Tuy nhiên, cho đến sau lần điểm đạo thứ ba, chính thể trí được soi sáng là yếu tố chi phối, chứ không phải tri giác trực giác thuần túy hay lý trí thuần khiết. Sau cuộc điểm đạo vĩ đại này, vốn đánh dấu một chuyển tiếp xác định ra khỏi tâm thức hình tướng, điểm đạo đồ có thể hoạt động theo ý muốn trên cõi trực giác, và thể trí đều đặn bị đẩy lùi vào hậu cảnh cho đến khi nó trở thành một phần của bộ máy bản năng, cũng là một phần của bản chất bản năng tiềm thức như bản chất bản năng mà nhà tâm lý học duy vật nhấn mạnh rất nhiều. Tri giác trực giác, tầm nhìn thuần khiết, tri thức trực tiếp và khả năng sử dụng các năng lượng *chưa biến phân* của Vũ Trụ Trí là những đặc tính chính của các chân sư Arya. Tôi dùng từ "chưa biến phân" theo nghĩa thoát khỏi tính đa tạp; một số phân biệt chính vẫn còn được thấy là tồn tại. Ý chí của linh hồn, nếu xem linh hồn ấy như có [384] vị trí trên một trong bảy Cung, được thay thế bởi ý chí của Toàn Thể.

These are words meaning but little, or having at best only a theoretical significance to students in this group. When I say to you that the will which is transmitted through the medium of the controlled mind is embodied in seven types of energy, and to these seven types, there are corresponding types of humanity, you say doubtless that that is clear and not so difficult to grasp. Yet do you indeed understand? Seven types of energy, and seven types of responsive mentalities, dependent upon the seven ray types! In this statement, we note the differentiations of the soul aspect as grasped by the mind. These are the seven differentiations which take the place of the multiplicity of differences into which the form aspect falls. They are, nevertheless, distinctions and differentiations, and persist in their hold over man until the third initiation. By them he is swept into certain major activities and life tendencies, according to his particular ray. These are mental distinctions. All souls on the mental plane take the forms of the solar Angels, of the divine Sons of mind. Hence we have these groupings, and hence the focussing of the energies through which the Plan of the Ages works out through seven main departments.

Đây là những lời có rất ít ý nghĩa, hoặc may lắm chỉ có thâm nghĩa lý thuyết đối với các đạo sinh trong nhóm này. Khi tôi nói với các bạn rằng ý chí được truyền dẫn qua trung gian của thể trí đã được kiểm soát được hiện thân trong bảy loại năng lượng, và rằng tương ứng với bảy loại này có bảy loại nhân loại, hẳn các bạn sẽ nói rằng điều đó rõ ràng và không quá khó nắm bắt. Nhưng các bạn có thật sự thấu hiểu không? Bảy loại năng lượng, và bảy loại tâm trí đáp ứng, tùy thuộc vào bảy loại cung! Trong phát biểu này, chúng ta ghi nhận những biến phân của phương diện linh hồn như thể trí nắm bắt. Đây là bảy biến phân thay thế cho tính đa tạp của những khác biệt mà phương diện hình tướng rơi vào. Tuy nhiên, chúng vẫn là các phân biệt và biến phân, và tiếp tục nắm giữ quyền lực trên con người cho đến lần điểm đạo thứ ba. Nhờ chúng, y bị cuốn vào một số hoạt động và khuynh hướng sống chính yếu nào đó, tùy theo cung riêng của y. Đây là những phân biệt trí tuệ. Tất cả các linh hồn trên cõi trí mang hình tướng của các Thái dương Thiên Thần, của các Con thiêng liêng của Trí Tuệ. Vì thế chúng ta có những nhóm này, và vì thế có sự tập trung các năng lượng mà qua đó Thiên Cơ của các Thời Đại được thực hiện qua bảy bộ phận chính.

At a later stage, when certain great transitions in consciousness have taken place and the form has lost its hold, even these divisions disappear, and the plan is seen as a whole, the Life is known in its essential oneness, and the term, monad, begins to have some real significance.

Ở một giai đoạn về sau, khi một số chuyển tiếp lớn trong tâm thức đã xảy ra và hình tướng đã mất quyền nắm giữ, ngay cả những phân chia này cũng biến mất; Thiên Cơ được thấy như một toàn thể, Sự sống được biết trong nhất tính cốt yếu của nó, và thuật ngữ chân thần bắt đầu có một thâm nghĩa thật sự nào đó.

Students must always remember that all distinctions and categories are mental productions, and are due to the modifications of the thinking principle, and

Các đạo sinh phải luôn nhớ rằng mọi phân biệt và phạm trù đều là sản phẩm của trí tuệ, và do những biến đổi của nguyên khí tư tưởng cũng như do sự kiểm soát hình tướng

to the control of form by mental energy. As the central Thinker of the Universe works through the power of [385] thought, the problem of surmounting these distinctions and differences is well nigh insuperable until such time as the aspirant comes under complete control of the second aspect of divinity, and passes out of the domination of the third or matter aspect. But up to the third initiation even the second aspect (the aspect of love) implies duality, for it is inherent in love itself. Ever there is the Lover and the loved, the Desirer and the desired, the Seeker and the sought. It is only as the first aspect, that of energising unifying Life (which sweeps all forms and all dualities into one great synthesis) is sensed at the third initiation, that the words I have here dictated convey any practical meaning or realisation.

bằng năng lượng trí tuệ mà có. Vì Đấng Tư Tưởng trung tâm của Vũ Trụ hoạt động qua quyền năng của [385] tư tưởng, vấn đề vượt qua những phân biệt và khác biệt này hầu như không thể khắc phục cho đến khi người chí nguyện hoàn toàn đi vào dưới sự kiểm soát của phương diện thứ hai của thiên tính, và thoát khỏi sự thống trị của phương diện thứ ba hay phương diện vật chất. Nhưng cho đến lần điểm đạo thứ ba, ngay cả phương diện thứ hai, tức phương diện bác ái, cũng hàm ý nhị nguyên, vì điều này vốn cố hữu trong chính bác ái. Luôn luôn có Người Yêu và kẻ được yêu, Người Khao Khát và điều được khao khát, Người Tìm Kiếm và điều được tìm kiếm. Chỉ khi phương diện thứ nhất, phương diện của Sự sống hợp nhất hóa và tiếp sinh lực, vốn cuốn mọi hình tướng và mọi nhị nguyên vào một tổng hợp vĩ đại duy nhất, được cảm nhận ở lần điểm đạo thứ ba, thì những lời tôi đã đọc cho ghi ở đây mới truyền đạt bất kỳ ý nghĩa thực tiễn hay sự chứng nghiệm thật sự nào.

Let us simplify matters, if we can, by three clear statements; in them we will sum up the work the disciple accomplishes, as he struggles with and masters the energies of the mental world.

Nếu có thể, chúng ta hãy đơn giản hóa vấn đề bằng ba phát biểu rõ ràng; trong đó chúng ta sẽ tóm lược công việc mà đệ tử hoàn thành khi y vật lộn với các năng lượng của thế giới cõi trí và làm chủ chúng.

1. Work on the mental plane produces realisation of duality. The disciple seeks to blend and merge the soul with its vehicle and to do this consciously. He seeks to fuse them into a unity. He aims at the realisation that, here and now, they are ONE. The unification of the self and of the not-self is his objective. The first step in this direction is taken when he begins to cease identifying himself with the form, and recognises (during this transitional period) that he is a duality.

1. Công việc trên cõi trí tạo ra sự nhận biết về nhị nguyên. Đệ tử tìm cách hòa trộn và hợp nhất linh hồn với vận cụ của nó, và làm điều này một cách có ý thức. Y tìm cách dung hợp chúng thành một nhất thể. Y nhắm đến sự nhận biết rằng, ở đây và bây giờ, chúng là MỘT. Mục tiêu của y là sự hợp nhất của ngã và phi-ngã. Bước đầu tiên theo hướng này được thực hiện khi y bắt đầu ngừng đồng hóa mình với hình tướng, và trong thời kỳ chuyển tiếp này, nhận ra rằng y là một nhị nguyên.

2. The mind, rightly used, becomes therefore a recorder of two types of energy or of two aspects of the manifestation of the One Life. It records and interprets the world of phenomena. It records and interprets the world of souls. It is sensitive to the three worlds of human evolution. It becomes equally sensitive to the kingdom of the soul. It is the great mediating principle, in this interim of dual recognition.

2. Do đó, thể trí, khi được sử dụng đúng đắn, trở thành bộ ghi nhận hai loại năng lượng hay hai phương diện của sự biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất. Nó ghi nhận và diễn giải thế giới hiện tượng. Nó ghi nhận và diễn giải thế giới của các linh hồn. Nó nhạy cảm với ba cõi của tiến hoá nhân loại. Nó cũng trở nên nhạy cảm ngang như thế với giới của linh hồn. Trong khoảng thời gian tạm thời của sự nhận biết nhị nguyên này, nó là nguyên khí trung gian vĩ đại.

3. Later, the soul and its instrument become so unified and at-one that duality disappears, and the soul knows [386] itself to be all that is, all that has been and all that will be.

3. Về sau, linh hồn và khí cụ của nó trở nên hợp nhất và đồng nhất đến mức nhị nguyên biến mất, và linh hồn biết [386] chính mình là tất cả những gì đang là, tất cả những gì đã là và tất cả những gì sẽ là.

There is a curious and ancient Atlantean chant which is no longer used but in those far off times was chanted by the initiate who took the third initiation—the consummating initiation of that period. It goes as follows. The translation of the symbols in which it was written necessitates the loss of rhythm and potency.

Có một bài tụng Atlantis cổ xưa và kỳ lạ hiện nay không còn được sử dụng, nhưng trong những thời xa xưa ấy đã được điểm đạo đồ xướng lên khi y nhận lần điểm đạo thứ ba, cuộc điểm đạo hoàn tất của thời kỳ đó. Bài ấy như sau. Việc dịch các biểu tượng trong đó bài ấy được viết tất yếu làm mất đi nhịp điệu và quyền năng.

“I stand between the Heavens and Earth! I vision God; I see the forms God took. I hate them both. Naught do they mean to me, for one I cannot reach, and for the lower of the two I have no longer any love.

“Tôi đứng giữa các Cõi Trời và Trái Đất! Tôi thấy linh ảnh về Thượng đế; tôi thấy những hình tướng mà Thượng đế đã khoác lấy. Tôi ghét cả hai. Chúng chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi, vì một điều thì tôi không thể vươn tới, còn điều thấp hơn trong hai điều ấy thì tôi không còn chút tình thương nào.

“Torn I am. Space and its Life I cannot know, and so I want it not. Time and its myriad forms I know too well. Pendant I hang betwixt the two, desiring neither.

“Tôi bị xé đôi. Không gian và Sự sống của nó, tôi không thể biết, và vì thế tôi không muốn nó. Thời gian và vô vàn hình tướng của nó, tôi biết quá rõ. Tôi treo lơ lửng giữa hai điều ấy, không khao khát điều nào.

“God from high Heaven speaks. There is a change. I hear with ear attentive, and,

“Thượng đế từ Cõi Trời cao phán. Có một sự thay đổi. Tôi lắng tai chăm chú nghe, và

listening, turn my head. That which is visioned, yet visioning could not reach, is nearer to my heart. Old longings come again, yet die. Old chains with clamour snap. Forward I rush.

trong khi lắng nghe, tôi quay đầu lại. Điều được thấy trong linh ảnh, nhưng việc thấy linh ảnh vẫn không thể vươn tới, nay gần với tâm tôi hơn. Những khát vọng cũ lại trở về, nhưng rồi tàn lụi. Những xiềng xích cũ gãy tung trong tiếng vang dội. Tôi lao về phía trước.

"Myriads of voices speak and halt me in my tracks. The thunder of the sounds of earth shuts out the voice of God. I turn me on my forward path, and vision once again the long held joys of earth, and flesh and kin. I lose the vision of eternal things. The voice of God dies out.

"Vô số tiếng nói cất lên và chặn tôi lại trên đường. Tiếng sấm của các âm thanh trần thế che lấp tiếng nói của Thượng đế. Tôi quay lại trên con đường tiến tới của mình, và một lần nữa thấy linh ảnh về những niềm vui trần thế, xác thịt và thân quyến đã được giữ lâu ngày. Tôi đánh mất linh ảnh về những điều vĩnh cửu. Tiếng nói của Thượng đế tắt lịm.

"Torn again am I, but only for a little time. Backward and forward shifts my little self, e'en as a bird soars into heaven and settles back again upon the tree. Yet God, in His high place, outlasts the little bird. Thus do I know that God will victor be and later hold my mind and me in thrall.

"Tôi lại bị xé đôi, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn. Cái ngã nhỏ bé của tôi dao động lui tới, như một con chim bay vút lên trời rồi lại đậu xuống cây. Nhưng Thượng đế, nơi chốn cao của Ngài, tồn tại lâu hơn con chim nhỏ. Vì thế tôi biết rằng Thượng đế sẽ chiến thắng và về sau sẽ giữ thể trí tôi và tôi trong quyền chế ngự của Ngài.

*

*

"Hark to the joyous paean that I chant; the work is done. My ear is deaf to all the calls of earth, except to that small voice of all the hidden souls within the outer forms, for they are as myself; with them I am at-one.

"Hãy lắng nghe khúc ca hân hoan tôi xướng lên; công việc đã hoàn tất. Tai tôi điếc trước mọi tiếng gọi của trần gian, ngoại trừ tiếng nói nhỏ bé ấy của mọi linh hồn ẩn kín bên trong các hình tướng bên ngoài, vì họ cũng như tôi; cùng họ tôi đồng nhất.

"God's voice rings clear and in its tones and overtones the little voices of the little forms dim and fade out. I dwell within a world of unity. I know all souls are one.

"Tiếng nói của Thượng đế vang lên rõ ràng, và trong các âm điệu cùng âm bội của nó, những tiếng nói nhỏ bé của các hình tướng nhỏ bé mờ dần rồi tắt lịm. Tôi an trú trong một thế giới hợp nhất. Tôi biết mọi linh hồn là một.

“Swept am I by the universal Life and as I sweep upon [387] my onward way—the way of God—I see all lesser energies die out. I am the One; I, God. I am the form in which all forms are merged. I am the soul in which all souls are fused. I am the Life, and in that Life, all little lives remain.”

“Sự Sống vũ trụ cuốn tôi đi, và khi tôi lướt trên [387] con đường tiến tới của mình, con đường của Thượng đế, tôi thấy mọi năng lượng nhỏ hơn tắt lịm. Tôi là Đấng Duy Nhất; tôi, Thượng đế. Tôi là hình tướng trong đó mọi hình tướng được hợp nhất. Tôi là linh hồn trong đó mọi linh hồn được dung hợp. Tôi là Sự Sống, và trong Sự Sống ấy, mọi sự sống nhỏ bé đều tồn tại.”

These words, chanted in the ancient formulas on peculiar and selected notes, were most potent and brought definite results in certain ancient ceremonies that have long since died out.

Những lời này, được xướng trong các công thức cổ xưa trên những âm điệu đặc biệt và được chọn lọc, rất mạnh mẽ và đem lại những kết quả xác định trong một số nghi lễ cổ xưa đã từ lâu biến mất.

To the three concise statements above made we might add a fourth as follows:

Với ba phát biểu ngắn gọn đã nêu trên, chúng ta có thể thêm một phát biểu thứ tư như sau:

4. When the chitta, or mind stuff, is swept into activity by abstract ideas (the embodied thoughts of the divine mind, carrying the energy of their creator and consequently the cause of phenomenal effects in the three worlds) and when to this is added divine understanding and synthetic apprehension of the will and purpose of God, then the three aspects of mind are unified. These we touched upon earlier, and called them:

4. Khi chitta, hay chất trí, bị cuốn vào hoạt động bởi các ý tưởng trừu tượng, tức những tư tưởng được hiện thân của Trí thiêng liêng, mang năng lượng của đấng sáng tạo ra chúng và do đó là nguyên nhân của các hiệu quả hiện tượng trong ba cõi; và khi thêm vào điều này là sự thấu hiểu thiêng liêng cùng sự lĩnh hội tổng hợp về Ý Chí và Thiên Ý của Thượng đế, thì ba phương diện của thể trí được hợp nhất. Chúng ta đã đề cập đến những phương diện này trước đây, và gọi chúng là:

1. Mind stuff, or chitta.

1. Chất trí, hay chitta.

2. Abstract mind.

2. Trí trừu tượng.

3. Intuition or pure reason.

3. Trực giác hay lý trí thuần khiết.

These have to be unified in the consciousness of the aspirant. When this

Những điều này phải được hợp nhất trong tâm thức của người chí nguyện. Khi điều này

has happened, the disciple has built the bridge (the antaskarana) which links:

1. The spiritual triad.

2. The causal body.

3. The personality.

When this is done the egoic body has served its purpose, the solar Angel has done its work, and the form side of existence is no longer needed, as we understand and utilise it, as a medium of experience. The man enters into the consciousness of the Monad, the ONE. The causal body [388] disintegrates; the personality fades out, and illusion is ended. This is the consummation of the Great Work, and another Son of God has entered into the Father's home. That he may go out from there into the world of phenomena in order to work with the Plan is probable, but he will not need to undergo the processes of manifestation as humanity does. He can then construct, for the work, his body of expression. He can work through and with energy as the Plan dictates. Note these last words, for they hold the key to manifestation.

Our study of the energies which have been brought to our attention as we studied Rule X has brought us to a consideration of:

Personality Energy: emanating from:

a. Coordinated man.

b. Dominant human beings.

xảy ra, đệ tử đã xây cây cầu, tức antahkarana, liên kết:

1. Tam Nguyên Tinh Thần.

2. Thể nguyên nhân.

3. Phàm ngã.

Khi điều này hoàn tất, thể chân ngã đã phục vụ xong mục đích của nó, Thái dương Thiên Thần đã hoàn tất công việc của mình, và phương diện hình tướng của sự tồn tại không còn cần thiết nữa, như chúng ta thấu hiểu và sử dụng nó, với tư cách là một phương tiện kinh nghiệm. Con người đi vào tâm thức của Chân thần, Đấng Duy Nhất. Thể nguyên nhân [388] tan rã; phàm ngã phai mờ, và ảo tưởng chấm dứt. Đây là sự hoàn tất của Công Trình Vĩ Đại, và một Con của Thượng đế khác đã bước vào nhà của Cha. Y có thể từ đó đi ra vào thế giới hiện tượng để làm việc với Thiên Cơ, điều ấy là khả hữu, nhưng y sẽ không cần trải qua các tiến trình biểu hiện như nhân loại. Khi ấy, vì công việc, y có thể kiến tạo thể biểu hiện của mình. Y có thể hoạt động qua năng lượng và với năng lượng theo như Thiên Cơ quy định. Hãy lưu ý những lời sau cùng này, vì chúng nắm giữ chìa khóa của sự biểu hiện.

Nghiên cứu của chúng ta về các năng lượng đã được đưa ra cho chúng ta chú ý khi chúng ta học Quy luật Mười đã dẫn chúng ta đến việc xem xét:

Năng lượng Phàm ngã: phát xuất từ:

a. Con người đã phối hợp.

b. Những con người chi phối.

c. Groups: such as

1. The Hierarchy of Adepts.

2. The integrating Group of Mystics of the New Age.

This will be an important consideration, for this group of mystics is gaining each year in potency.

Planetary Energies: emanating from:

a. The seven planets.

b. The Earth.

c. The Moon.

Only a few things can be noted about this section of energies and about the next, for this is a series of Instructions for the aspirant and not a treatise on energy.

Solar Energies: emanating from:

a. The physical sun.

b. Cosmic sources.

In all thoughts concerning these energies it should be remembered that they are passed to us through, or rather [389] constitute the bodies of, certain lives whom we call the devas, in their greater and lesser groups, and that therefore we are all the time working in the bodies of lives and hence influencing them. Some of you therefore who have made a study of *A Treatise on Cosmic Fire* may find

c. Các nhóm, chẳng hạn như

1. Thánh Đoàn các Chân sư.

2. Nhóm các Nhà thần bí đang tích hợp của Kỷ Nguyên Mới.

Đây sẽ là một điều cần xem xét quan trọng, vì nhóm các nhà thần bí này mỗi năm đều gia tăng quyền năng.

Các Năng lượng Hành tinh: phát xuất từ:

a. Bảy hành tinh.

b. Trái Đất.

c. Mặt Trăng.

Chỉ có thể ghi nhận một vài điều về phần năng lượng này và về phần tiếp theo, vì đây là một loạt Huấn thị dành cho người chí nguyện chứ không phải một khảo luận về năng lượng.

Các Năng lượng Thái dương: phát xuất từ:

a. Mặt trời hồng trần.

b. Các nguồn vũ trụ.

Trong mọi tư tưởng liên quan đến các năng lượng này, cần nhớ rằng chúng được truyền đến chúng ta qua, hay đúng hơn [389] cấu thành các thể của, một số sự sống mà chúng ta gọi là các thiên thần, trong các nhóm lớn hơn và nhỏ hơn của họ; và do đó, chúng ta luôn luôn hoạt động trong các thể của các sự sống, và vì thế ảnh hưởng đến họ. Vì vậy, một số bạn đã nghiên cứu *Luận về Lửa Vũ*

it of value to note the following items of information:

1. The lowest types of devas or builders on the evolutionary Path are violet devas; next come the green, and, last of all, the white devas. These are all dominated by a fourth and special group. These control the exoteric processes of physical plane existence.

2. It must not be forgotten, however, that, on a lower scale of the evolutionary ladder, are other groups of lives, wrongly entitled devas, which work in obedience to the law, and are controlled by the higher entities. There are, for instance, the denser forms of gaseous life, termed often salamanders, the elementals of the fire. These are directly under the control of the Lord Agni, Lord of the mental plane, and, in this mental age, we have the element of fire entering into the mechanics of living as never before. Eliminate the products which are controlled by heat and you will bring our civilisation to a stop; you will bring all means of transportation to an end and all modes of lighting; you would throw all manufactories into the discard. Basically again, these fiery lives, are found in all that burns, and in the warmth that holds all life formation on earth and causes the flourishing of all living things.

3. Under the Law of Correspondences the mental plane has an analogy in the third subplane of the physical plane, the plane into which science is now entering. Mind has, for its main expression in the material world what we call our scientific civilisation.

Trụ có thể thấy hữu ích khi ghi nhận các điểm thông tin sau:

1. Các loại thiên thần hay đấng kiến tạo thấp nhất trên Đường Đạo thăng thượng tiến hoá là các thiên thần màu tím; kế đến là màu xanh lục, và sau cùng là các thiên thần màu trắng. Tất cả những vị này đều chịu sự chi phối của một nhóm thứ tư và đặc biệt. Nhóm này kiểm soát các tiến trình ngoại môn của sự tồn tại trên cõi hồng trần.

2. Tuy nhiên, không được quên rằng ở một nấc thang thấp hơn của thang tiến hoá còn có các nhóm sự sống khác, bị gọi sai là thiên thần, vốn hoạt động trong sự tuân phục định luật và chịu sự kiểm soát của các thực thể cao hơn. Chẳng hạn, có những hình thức đậm đặc hơn của sự sống khí, thường được gọi là salamander, các hành khí của lửa. Những sự sống này trực tiếp ở dưới sự kiểm soát của Đức Agni, Chúa Tể của cõi trí; và trong thời đại trí tuệ này, chúng ta có nguyên tố lửa đi vào cơ chế của đời sống hơn bao giờ hết. Hãy loại bỏ những sản phẩm được kiểm soát bằng nhiệt, và các bạn sẽ khiến nền văn minh của chúng ta dừng lại; các bạn sẽ chấm dứt mọi phương tiện vận chuyển và mọi phương thức chiếu sáng; các bạn sẽ khiến mọi nhà máy bị loại bỏ. Về căn bản, những sự sống lửa này cũng được tìm thấy trong tất cả những gì cháy, và trong hơi ấm duy trì mọi sự hình thành sự sống trên Trái Đất, khiến mọi sinh vật phát triển hưng thịnh.

3. Theo định luật tương ứng, cõi trí có một sự tương đồng nơi cõi phụ thứ ba của cõi hồng trần, cõi mà khoa học hiện đang bước vào. Trí tuệ có biểu hiện chính của nó trong thế giới vật chất nơi điều chúng ta gọi là nền văn minh khoa học của mình.

4. Agni rules on the mental plane, and has domination likewise on the third subplane of the etheric planes. He [390] is the Lord of the fifth or mental plane, counting from above downwards, if one must employ these terms for the sake of symbolism. For this world cycle, Agni is the dominating influence, though Indra, Lord of the buddhic or intuitional level has a subtle control which is steadily waxing stronger. All humanity is striving towards the fourth plane of union between the three higher and the three lower, but, at this present moment, the plane of mind or of fire is the most important.

4. Agni cai quản trên cõi trí, và cũng có quyền chi phối trên cõi phụ thứ ba của các cõi dĩ thái. Ngài [390] là Chúa Tể của cõi thứ năm hay cõi trí, nếu tính từ trên xuống dưới, nếu người ta phải dùng các thuật ngữ này vì mục đích biểu tượng. Đối với chu kỳ thế giới này, Agni là ảnh hưởng chi phối, mặc dù Indra, Chúa Tể của cấp độ Bồ đề hay trực giác, có một sự kiểm soát vi tế đang đều đặn trở nên mạnh hơn. Toàn thể nhân loại đang nỗ lực hướng tới cõi thứ tư của sự hợp nhất giữa ba cõi cao và ba cõi thấp, nhưng ngay lúc hiện tại, cõi trí hay cõi lửa là quan trọng nhất.

5. We need to remember that just as in particular incarnations, men are focussed or polarised in various bodies—sometimes the astral and sometimes the mental—so at this time one might infer that our planetary Logos Himself is focussed in His mental body. He, it has been said, is striving towards the fourth cosmic initiation, which makes possible *our* attainment of the fourth Initiation, for He carries us forward with Him, and, on our particular level, we achieve as cells in His Body.

5. Chúng ta cần nhớ rằng cũng như trong các lần nhập thể riêng biệt, con người tập trung hay phân cực trong các thể khác nhau, đôi khi thể cảm dục và đôi khi thể trí, thì vào lúc này, người ta có thể suy ra rằng chính Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang tập trung trong thể trí của Ngài. Người ta đã nói rằng Ngài đang nỗ lực hướng tới lần điểm đạo vũ trụ thứ tư, điều khiến cho sự đạt đến lần Điểm Đạo thứ tư *của chúng ta* trở nên khả hữu, vì Ngài mang chúng ta tiến tới cùng Ngài, và trên cấp độ riêng của chúng ta, chúng ta thành tựu như các tế bào trong Thân thể của Ngài.

6. As time progresses, Indra will swing into control and the age of air will be ushered in. More and more as the buddhic principle manifests and at-one-ment is achieved shall we see this age of air coming into being. A corroboration of this can be seen in the gradual control by men of the air. In an esoteric sense, all in the future will become *lighter,* more rarefied and more etherealized. I am choosing my words with care.

6. Khi thời gian tiến triển, Indra sẽ bước vào quyền kiểm soát và thời đại của khí sẽ được mở ra. Càng ngày, khi nguyên khí Bồ đề biểu hiện và sự hợp nhất được thành tựu, chúng ta sẽ càng thấy thời đại của khí đi vào hiện hữu. Một sự chứng thực cho điều này có thể được thấy trong việc con người dần dần kiểm soát không khí. Theo nghĩa huyền bí, trong tương lai, mọi sự sẽ trở nên *nhẹ hơn,* thanh loãng hơn và dĩ thái hóa hơn. Tôi đang chọn lời của mình một cách cẩn trọng.

7. “Our God is a consuming Fire” refers primarily to Agni, the controlling factor in this age. The devas of the fire will play an increasingly important part in all earth processes. To them is given the work of inaugurating the New Age, the new world and civilisation and the new continent. The last great transition was governed by Varuna.

7. “Thượng đế của chúng ta là một Lửa thiêu đốt” chủ yếu ám chỉ Agni, yếu tố kiểm soát trong thời đại này. Các thiên thần của lửa sẽ đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong mọi tiến trình trên Trái Đất. Họ được giao công việc mở đầu Kỷ Nguyên Mới, thế giới và nền văn minh mới, cùng lục địa mới. Cuộc Chuyển tiếp vĩ đại gần nhất do Varuna chi phối.

8. Agni controls not only the fires of the earth and rules the mental plane but he is definitely associated with [391] the work of arousing the sacred fire, the kundalini. Note how the correspondence works out. A great part of the fifth root-race, three-fifths perhaps, stand close to the Probationary Path, and with the coming in of the new age and the advent of the Christ in due time and in His own place (note the care with which I express this; dogmatic assertions in terms of men’s concrete minds are inadvisable) many will find it possible to make the adequate extra effort, entailed in the taking of the first major Initiation. They will begin to pass from the fifth to the fourth plane. The Lord of Fire will achieve his peculiar work for this cycle by arousing the fire of kundalini in the large numbers of those who are ready. This will be begun in this century, and carried forward actively for the next one thousand years.

8. Agni không những kiểm soát các ngọn lửa của Trái Đất và cai quản cõi trí, mà Ngài còn liên hệ một cách xác định với [391] công việc khơi dậy lửa thiêng, kundalini. Hãy lưu ý cách sự tương ứng diễn ra. Một phần lớn của giống dân gốc thứ năm, có lẽ ba phần năm, đứng gần Con Đường Dự Bị; và với sự đi vào của kỷ nguyên mới, cùng sự giáng lâm của Đức Christ đúng thời và đúng vị trí của Ngài, hãy lưu ý sự cẩn trọng trong cách tôi diễn đạt điều này, vì những khẳng định giáo điều theo ngôn ngữ của trí cụ thể nơi con người là điều không nên, nhiều người sẽ thấy có thể thực hiện nỗ lực bổ sung thích đáng, vốn được đòi hỏi trong việc nhận lần Điểm Đạo chính yếu thứ nhất. Họ sẽ bắt đầu chuyển từ cõi thứ năm sang cõi thứ tư. Chúa Tể của Lửa sẽ hoàn thành công việc đặc thù của Ngài cho chu kỳ này bằng cách khơi dậy lửa kundalini nơi số lượng lớn những người đã sẵn sàng. Điều này sẽ được bắt đầu trong thế kỷ này, và được tiếp tục một cách tích cực trong một nghìn năm tới.

In your work you may later be shown—all depends upon your aptitude—methods of approach to these dominating forces, but this will come subjectively and *not* through magical work and formulas. The attainment of a right vibration will work automatically in the production of right conditions and right rapports.

Trong công việc của các bạn, về sau các bạn có thể được chỉ cho thấy, mọi sự tùy thuộc vào năng lực của các bạn, các phương pháp tiếp cận những mãnh lực chi phối này; nhưng điều này sẽ đến một cách chủ quan và *không* thông qua công việc huyền thuật và các công thức. Việc đạt được một rung động đúng đắn sẽ tự động tạo ra những điều kiện đúng đắn và những mối tương giao đúng đắn.

I would again point out that we shall not waste time in planetary intricacies and the interplay of solar energies, but will concern ourselves with the laws of practical spiritual living. I seek but to give a few thoughts which have relation to the coming age, and which will enable man to go forward to that glorious heritage which is his and into which he must inevitably enter under the good Law and through the experience of rebirth. Through rebirth he learns to dominate and utilise form correctly.

Tôi muốn một lần nữa chỉ ra rằng chúng ta sẽ không lãng phí thời gian vào những phức tạp hành tinh và sự tương tác của các năng lượng thái dương, mà sẽ quan tâm đến các định luật của đời sống tinh thần thực tiễn. Tôi chỉ tìm cách đưa ra một vài tư tưởng có liên hệ với kỷ nguyên sắp đến, và sẽ giúp con người tiến tới di sản vinh quang vốn là của y, di sản mà y tất yếu phải bước vào dưới Định luật lành và qua kinh nghiệm tái sinh. Qua tái sinh, y học cách chi phối và sử dụng hình tướng một cách đúng đắn.

All forms, in themselves, are not expressions of a personality. To warrant the term, three types of energy must be present, three types, fused, blended and coordinated into one functioning organism. A personality is therefore a blend of mental energy, of emotional energy and of vital force, and these three are masked, hidden [392] or revealed (note this terminology) by an outer shell or form of dense physical matter. This outer crust is in itself a form of negative energy. The result of this union of three energies in an objective form is self-consciousness. Their fusion produces that sense of individuality, which justifies the use of the word 'I', and which relates all occurrences to a self. Where this central conscious entity exists, utilising the mind, reacting sensuously through the emotional body and energising the dense physical (via

Tự chúng, mọi hình tướng không phải là các biểu hiện của một phàm ngã. Để xứng đáng với thuật ngữ ấy, ba loại năng lượng phải hiện diện, ba loại được dung hợp, hòa trộn và phối hợp thành một cơ thể hoạt động duy nhất. Do đó, phàm ngã là một sự hòa trộn của năng lượng trí tuệ, năng lượng cảm xúc và mãnh lực sinh lực; và ba loại này được che đậy, ẩn giấu [392] hay mặc khải, hãy lưu ý thuật ngữ này, bởi một lớp vỏ hay hình tướng bên ngoài bằng vật chất hồng trần đậm đặc. Lớp vỏ ngoài này tự nó là một hình thức năng lượng âm. Kết quả của sự hợp nhất ba năng lượng này trong một hình tướng khách quan là ngã thức. Sự dung hợp của chúng tạo ra ý thức về tính cá biệt, điều biện minh cho việc dùng từ "tôi", và liên hệ mọi biến cố với một cái ngã. Nơi nào thực thể hữu thức trung tâm này tồn tại, sử dụng thể trí, phản ứng bằng cảm giác qua thể cảm xúc

the vital body) then one has a personality. It is self-conscious existence in form. It is awareness of identity in relation to other identities, and this is equally true of God or man. It is a sense of identity, however, which persists only during the creative process, and for as long as the matter aspect and the consciousness aspect present the eternal duality of nature. In our evolutionary development it is not realised in the sub-human forms; it is realised in the human kingdom, and is realised but merged into and negated by the greater forms and consciousness which we call the superhuman.

và tiếp năng lượng cho thể xác đậm đặc qua thể sinh lực, nơi đó có một phàm ngã. Đó là sự tồn tại có ngã thức trong hình tướng. Đó là sự nhận biết về bản sắc trong tương quan với các bản sắc khác, và điều này đúng như nhau đối với Thượng đế hay con người. Tuy nhiên, đó là một ý thức về bản sắc chỉ tồn tại trong tiến trình sáng tạo, và chừng nào phương diện vật chất cùng phương diện tâm thức còn trình bày nhị nguyên vĩnh cửu của thiên nhiên. Trong sự phát triển tiến hoá của chúng ta, nó không được nhận biết trong các hình tướng dưới nhân loại; nó được nhận biết trong giới nhân loại, và được nhận biết nhưng hòa nhập vào và bị phủ định bởi các hình tướng cùng tâm thức lớn hơn mà chúng ta gọi là siêu nhân loại.

Personality is that state of awareness which has its conditioning factor in the mind stuff, but this can be transcended when that mind stuff no longer controls. As the individual mind stuff is an integral part of the Universal Mind, and as the principle of mind is inherent in all forms, the sense of individuality and of self-awareness is always eternally possible. In the higher states of consciousness, it is however, eventually relegated to a subordinate position. God, for instance, can always and eternally be aware of that reality which constitutes the self, and which governs the integrity of the solar system, and of the solar interplay with other systems, but the consciousness of divinity and the awareness of the solar Deity is not primarily occupied with selfhood. That—as a result of past world periods and experience—lies below the threshold of the divine consciousness, and has [393] become as much a part of the cosmic instinctual nature as are any of the human instinctual attributes. The focus of the Eternal Attention (if I may use so unusual a phrase where words are necessarily almost worthless!) lies in realms of awareness

Phàm ngã là trạng thái nhận biết có yếu tố tác động của nó trong chất trí, nhưng điều này có thể được vượt qua khi chất trí ấy không còn kiểm soát nữa. Vì chất trí cá nhân là một phần không thể tách rời của Vũ Trụ Trí, và vì nguyên khí trí tuệ vốn cố hữu trong mọi hình tướng, ý thức về tính cá biệt và về sự tự nhận biết luôn luôn là điều khả hữu vĩnh viễn. Tuy nhiên, trong các trạng thái tâm thức cao hơn, cuối cùng nó bị đẩy xuống một vị trí phụ thuộc. Chẳng hạn, Thượng đế luôn luôn và vĩnh viễn có thể nhận biết thực tại cấu thành cái ngã, và chi phối tính toàn vẹn của hệ mặt trời cũng như sự tương tác thái dương với các hệ khác; nhưng tâm thức của thiên tính và sự nhận biết của Thái dương Thượng đế không chủ yếu bận tâm đến tính ngã. Điều đó, như kết quả của các thời kỳ và kinh nghiệm thế giới quá khứ, nằm dưới ngưỡng của tâm thức thiêng liêng, và đã [393] trở thành một phần của bản chất bản năng vũ trụ chẳng khác gì bất cứ thuộc tính bản năng nào của con người. Tiêu điểm của Sự Chú Tâm Vĩnh Cửu, nếu tôi có thể dùng một cụm từ khác thường như thế trong khi lời lẽ tất yếu gần như vô giá trị, nằm trong các cõi nhận biết vượt ngoài sự

beyond our comprehension. They lie as far beyond our ken as the awareness of a Master of the Wisdom lies beyond the ken of an ant or a mouse. It is therefore fruitless for us to dwell upon it. For us, there is the achieving of personality, or of a full registration or awareness of the indwelling self; there lies then the utilisation of that personality, and its sacrifice eventually to group good, with a consequent merging of the self in the one Self and the fusion of the individual soul (consciously and willingly) in the Oversoul.

thấu hiểu của chúng ta. Chúng nằm xa ngoài tầm biết của chúng ta cũng như sự nhận biết của một Chân sư Minh Triết nằm ngoài tầm biết của một con kiến hay một con chuột. Do đó, việc chúng ta dừng lại nơi điều ấy là vô ích. Đối với chúng ta, có sự thành tựu phàm ngã, hay sự ghi nhận hoặc nhận biết đầy đủ về cái ngã nội tại; rồi đến việc sử dụng phàm ngã ấy, và cuối cùng hiến dâng nó cho điều thiện của nhóm, với hệ quả là sự hòa nhập của cái ngã vào Bản Ngã duy nhất và sự dung hợp của linh hồn cá nhân, một cách có ý thức và tự nguyện, vào đại hồn.

'I am'—the cry of every human being; 'I am That', —the cry of every personality, who realises his selfhood and uses his personality in order to express the will of the indwelling entity, the true person. 'I am that I am'—the cry of the individual soul as it is lost in the whole and realises its oneness with the soul or self of all.

"Tôi là", tiếng kêu của mọi con người; "Tôi là Cái Đó", tiếng kêu của mọi phàm ngã nhận biết tính ngã của mình và dùng phàm ngã của mình để biểu hiện ý chí của thực thể nội tại, con người chân thật. "Tôi là Cái Tôi là", tiếng kêu của linh hồn cá nhân khi nó mất hút trong toàn thể và nhận biết nhất tính của mình với linh hồn hay bản ngã của tất cả.

The characteristics of the individual who is beginning to function as a personality might be briefly enumerated as follows. They are simple and clear and preeminently selfish. Let it not be forgotten that the primitive step on the way to selfhood of necessity is selfishness. Let it be equally well remembered that the prime hindrance to the advanced and highly evolved personality is selfhood, or the prolongation of the selfish attitude. The characteristics therefore are in their sequential development as follows:

Các đặc tính của cá nhân bắt đầu hoạt động như một phàm ngã có thể được liệt kê ngắn gọn như sau. Chúng đơn giản và rõ ràng, và nổi bật là ích kỷ. Đừng quên rằng bước nguyên thủy trên đường đi đến tính ngã tất yếu là sự ích kỷ. Cũng cần nhớ rõ rằng trở ngại chính đối với phàm ngã tiến bộ và tiến hoá cao là tính ngã, hay sự kéo dài thái độ ích kỷ. Do đó, các đặc tính trong sự phát triển tuần tự của chúng là như sau:

1. The ability to say I am, I wish, I desire, I will.

1. Khả năng nói: tôi là, tôi muốn, tôi khao khát, tôi quyết chí.

2. The consciousness of being in the centre of one's tiny universe. "Around me the Heavens move and the stars in their courses revolve" is the motto of this stage. [394]

2. Tâm thức về việc ở trung tâm của vũ trụ nhỏ bé của mình. "Quanh tôi, các Cõi Trời chuyển động và các vì sao xoay vần theo quỹ

đạo của chúng" là khẩu hiệu của giai đoạn này. [394]

3. The sense of drama and the capacity to visualise oneself as the centre of one's environment.

3. Ý thức về kịch tính và năng lực hình dung chính mình như trung tâm của môi trường quanh mình.

4. The sense of responsibility and the aptitude to regard the surrounding members of the human family as dependent upon one.

4. Ý thức về trách nhiệm và khuynh hướng xem các thành viên chung quanh trong gia đình nhân loại như lệ thuộc vào mình.

5. The sense of importance—the outgrowth of the above. This demonstrates in power and influence where there is a real and steadily awakening entity behind the 'persona', and in braggadocio and bombast where a small selfish creature functions.

5. Ý thức về tầm quan trọng—kết quả phát sinh từ những điều trên. Điều này biểu lộ thành quyền năng và ảnh hưởng khi có một thực thể chân thật và đang thức tỉnh đều đặn đứng sau "mặt nạ phàm ngã", và thành sự khoác lác cùng phô trương khi một sinh vật nhỏ bé ích kỷ đang hoạt động.

6. The power to use the entire equipment so that the mind and brain function synchronously and the emotional nature is thereby subordinated, inhibited or controlled. This involves the steady growth of the power to use thought.

6. Quyền năng sử dụng toàn bộ trang bị sao cho thể trí và bộ não hoạt động đồng bộ, nhờ đó bản chất cảm xúc được đặt vào vị trí phụ thuộc, bị ức chế hoặc được kiểm soát. Điều này bao hàm sự tăng trưởng đều đặn của quyền năng sử dụng tư tưởng.

7. Capacity to live a coordinated life so that the entire man functions and is guided by purpose (expressing the energy of will), by desire (expressing the energy of the emotional or psychic nature), and by vitality which swings the physical vehicle into line with purpose and desire.

7. Năng lực sống một đời sống được phối hợp, sao cho toàn thể con người hoạt động và được dẫn dắt bởi mục đích, vốn biểu lộ năng lượng của ý chí; bởi dục vọng, vốn biểu lộ năng lượng của bản chất cảm xúc hay thông linh; và bởi sinh lực, vốn đưa hiện thể hồng trần chỉnh hợp với mục đích và dục vọng.

8. Power to influence, sway, guide and hold others within the range of individual purpose and desire.

8. Quyền năng ảnh hưởng, chi phối, hướng dẫn và giữ người khác trong phạm vi mục đích và dục vọng cá nhân.

When this stage has been reached the three energies which constitute a personality have been successfully fused and merged and the

Khi giai đoạn này đã đạt tới, ba năng lượng cấu thành một phàm ngã đã được dung hợp và hòa nhập thành công, và bộ máy hay khí

mechanism or instrument of the indwelling self is a usable and valuable asset. The man is a potent personality and becomes the centre of a group; he finds himself to be a focal point for other lives, and is an influential magnetic individual, swaying others, coordinating human units into groups, and organisms. He becomes the head of organizations and of parties, of religious and political bodies and of nations in some cases. Thus do the dominant personalities come into being and find themselves; they discover thus the distinction [395] between the centre of power, the self, and the equipment; they finally become conscious of vocation in the true sense of the term.

cụ của bản ngã nội tại trở thành một tài sản hữu dụng và có giá trị. Con người là một phàm ngã mạnh mẽ và trở thành trung tâm của một nhóm; y thấy mình là tiêu điểm cho những sự sống khác, và là một cá nhân có từ tính, đầy ảnh hưởng, chi phối người khác, phối hợp các đơn vị nhân loại thành những nhóm và những cơ cấu. Y trở thành người đứng đầu các tổ chức và các đảng phái, các đoàn thể tôn giáo và chính trị, và trong vài trường hợp là các quốc gia. Như vậy các phàm ngã thống trị xuất hiện và tự tìm thấy chính mình; bằng cách đó họ khám phá sự phân biệt [395] giữa trung tâm quyền năng, bản ngã, và trang bị; cuối cùng họ trở nên có ý thức về thiên chức theo đúng nghĩa của từ này.

It should be noted that this sequential development is paralleled by an inner growth of soul awareness, though the mode of expression of that inner growth is largely dependent upon the ray upon which the spiritual Entity is found.

Cần lưu ý rằng sự phát triển tuần tự này được song hành bởi một sự tăng trưởng bên trong của nhận thức linh hồn, dù phương thức biểu hiện của sự tăng trưởng bên trong ấy phần lớn tùy thuộc vào cung mà Thực Thể tinh thần đang ở trên đó.

One point should be here noted and upon this point aspirants should exercise care. The usual connotation of the words 'spiritual growth' is largely that of religious growth in understanding. A man is deemed spiritual if he is interested in the world Scriptures, if he is a Church member and if he lives a saintly life. But this is no true definition for it is not sufficiently comprehensive. It has grown out of the impress set upon human thought and terminologies by the Piscean Age, and through the influence of the sixth ray, and the work of the Christian Church—all most necessary and all inherent in the great plan, but which (divorced from their eternal context) lead to the over-emphasis of certain divine expressions, and the overlooking of

Ở đây cần lưu ý một điểm, và người chí nguyện nên thận trọng về điểm này. Ý nghĩa thông thường của các từ "tăng trưởng tinh thần" phần lớn là sự tăng trưởng tôn giáo trong thấu hiểu. Một người được xem là tinh thần nếu y quan tâm đến các Thánh kinh thế giới, nếu y là thành viên của một Giáo hội và nếu y sống một đời sống thánh thiện. Nhưng đây không phải là một định nghĩa đúng, vì nó chưa đủ bao quát. Nó đã phát sinh từ dấu ấn mà Kỷ nguyên Song Ngư đặt lên tư tưởng và thuật ngữ của nhân loại, qua ảnh hưởng của cung sáu và công việc của Giáo hội Cơ Đốc—tất cả đều hết sức cần thiết và đều vốn nằm trong Thiên Cơ vĩ đại, nhưng khi bị tách khỏi bối cảnh vĩnh cửu của chúng, chúng dẫn đến sự nhấn mạnh quá mức một vài biểu hiện thiên liêng, và bỏ qua những biểu

other as vital manifestations of the divine consciousness.

lộ khác cũng thiết yếu không kém của tâm thức thiêng liêng.

The true significance of the words 'spiritual growth' is far wider and more inclusive than their manifestation through the medium of religious and mystical literature and organisations for the imparting of metaphysical truth. Power, purpose and will are divine qualities and expressions, and show themselves with equal clarity through a Mussolini or through a Pope. In both cases the mechanism of expression modifies and steps down the qualities and serves as a handicap. A potent personality may function in any field of human expression and his work will warrant the word spiritual just in so far as it is based on high idealism, the greatest good of the largest number, and self-sacrificing endeavour. [396] these three —idealism, group service and sacrifice—are characteristics of those personalities who are becoming increasingly sensitive to the soul aspect, the qualities of that soul being knowledge, love and sacrifice.

Thâm nghĩa chân thật của các từ "tăng trưởng tinh thần" rộng hơn và bao gồm hơn rất nhiều so với sự biểu lộ của chúng qua phương tiện văn chương và tổ chức tôn giáo, thần bí nhằm truyền đạt chân lý siêu hình. Quyền năng, mục đích và ý chí là những phẩm tính và biểu hiện thiêng liêng, và chúng tự biểu lộ rõ ràng như nhau qua một Mussolini hay qua một Giáo hoàng. Trong cả hai trường hợp, bộ máy biểu hiện đều điều chỉnh và hạ thấp các phẩm tính ấy, đồng thời đóng vai trò như một chướng ngại. Một phàm ngã mạnh mẽ có thể hoạt động trong bất cứ lĩnh vực biểu hiện nào của nhân loại, và công việc của y sẽ xứng đáng với từ tinh thần chừng nào nó đặt nền trên chủ nghĩa lý tưởng cao cả, lợi ích lớn nhất cho số đông nhất, và nỗ lực tự hi sinh. [396] Ba điều này —chủ nghĩa lý tưởng, phụng sự nhóm và hi sinh—là các đặc tính của những phàm ngã đang ngày càng nhạy cảm với phương diện linh hồn; các phẩm tính của linh hồn ấy là tri thức, bác ái và hi sinh.

This is why the emphasis in all schools of true esotericism is laid on *motive.* People who are strongly individual and are developing a group consciousness inevitably, in some life, find their way into esoteric schools and have to be guided in such a manner that the soul nature enfolds, overpowers and uses the personality.

Đó là lý do trong mọi trường phái huyền bí học chân chính, trọng tâm được đặt vào *động cơ.* Những người có cá tính mạnh và đang phát triển tâm thức nhóm tất yếu, trong một kiếp sống nào đó, sẽ tìm đường vào các trường phái nội môn và phải được hướng dẫn sao cho bản chất linh hồn bao bọc, chế ngự và sử dụng phàm ngã.

The outstanding characteristics of those personalities who are not as yet soul-centered or controlled, are dominance, ambition, pride and a lack of love to the whole, though they frequently possess love for those who are necessary to them or to their comfort.

Những đặc tính nổi bật của các phàm ngã chưa tập trung nơi linh hồn hoặc chưa được linh hồn kiểm soát là sự thống trị, tham vọng, kiêu hãnh và thiếu tình thương đối với toàn thể, dù họ thường có tình thương đối với những ai cần thiết cho họ hoặc cho sự tiện nghi của họ.

You have therefore in the sequential development of humanity the following stages:

Vì vậy, trong sự phát triển tuần tự của nhân loại, các bạn có những giai đoạn sau:

1. That of the animal consciousness.

1. Giai đoạn của tâm thức động vật.

2. The emotionally polarised individual, selfish and governed by desire.

2. Cá nhân phân cực cảm xúc, ích kỷ và bị dục vọng chi phối.

3. The two above stages, plus a growing intellectual grasp of environing conditions.

3. Hai giai đoạn trên, cộng thêm sự nắm bắt trí tuệ đang tăng trưởng về các điều kiện bao quanh.

4. The stage of responsibility to family or friends.

4. Giai đoạn trách nhiệm đối với gia đình hoặc bạn bè.

5. The stage of ambition and of longing for influence and power in some field of human expression. This leads to fresh endeavor.

5. Giai đoạn tham vọng và khát khao ảnh hưởng cùng quyền năng trong một lĩnh vực biểu hiện nào đó của nhân loại. Điều này dẫn đến nỗ lực mới.

6. The coordinating of the personality equipment under the above stimulus.

6. Sự phối hợp trang bị của phàm ngã dưới kích thích nói trên.

7. The stage of influence, selfishly used and frequently destructive, because the higher issues are not registered as yet.

7. Giai đoạn ảnh hưởng, được sử dụng một cách ích kỷ và thường có tính phá hoại, vì các vấn đề cao hơn chưa được ghi nhận.

8. The stage of a steadily growing group awareness. This is viewed:

8. Giai đoạn nhận thức nhóm tăng trưởng đều đặn. Điều này được nhìn nhận:

a. As a field of opportunity

a. Như một lĩnh vực cơ hội

b. As a sphere of service. [397]

b. Như một phạm vi phụng sự. [397]

c. As a place wherein sacrifice for the good of all becomes gloriously possible.

c. Như một nơi mà sự hi sinh vì lợi ích của tất cả trở nên khả hữu một cách huy hoàng.

This latter stage puts a man upon the path of discipleship, which includes, needless to say,

Giai đoạn sau cùng này đặt con người lên Con Đường Đệ Tử, vốn dĩ nhiên bao gồm cả giai đoạn trước đó, tức dự bị hay thử thách.

that of the earlier phase, probation or testing.

The problem consists in ascertaining upon which step of the ladder and in which phase one finds oneself at any particular time. Behind each human being stretches a long series of lives and some are now headed towards the stage of dominant selfish personality expression and are making themselves individuals in full conscious awareness. This is, for them, as much a step forward as is discipleship for all of you. Others are already personalities and are beginning to experiment with the energy flowing through them and to gather around themselves those people who vibrate to their note and for whom they definitely have a message. Hence the myriads of small groups all over the world, working in every known field of human expression. Others have passed beyond that stage and are becoming decentralised from the personality expression in the three worlds of human life and are motivated by an energy which is the higher aspect of the personality energy. No longer do they work and plan and struggle to express their personalities and to make their individual impact upon the world or to gather magnetically around themselves a group of people who look up to them and thus feed the springs of their pride and ambition and who make them both influential and important. They are beginning to see things in a newer and truer perspective. In the light of the Whole, the light of the little self fades out, just as the light that is inherent in every atom of the body is gathered together and obliterated in the light of the soul when that blazes forth in all its glory.

When this stage of selflessness, of service, of subordination [398] to the One Self, and of

Vấn đề nằm ở chỗ xác định mình đang ở nấc thang nào và trong giai đoạn nào vào bất cứ thời điểm cụ thể nào. Sau lưng mỗi con người trải dài một chuỗi dài các kiếp sống, và một số hiện đang hướng tới giai đoạn biểu hiện phàm ngã thống trị và ích kỷ, đang làm cho chính mình trở thành những cá nhân trong nhận thức có ý thức trọn vẹn. Đối với họ, đây cũng là một bước tiến như địa vị đệ tử đối với tất cả các bạn. Những người khác đã là các phàm ngã và đang bắt đầu thử nghiệm với năng lượng tuôn chảy qua họ, đồng thời quy tụ quanh mình những người rung động theo âm điệu của họ và những người mà họ dứt khoát có một thông điệp dành cho. Do đó có vô số nhóm nhỏ trên khắp thế giới, hoạt động trong mọi lĩnh vực biểu hiện đã biết của nhân loại. Những người khác đã vượt qua giai đoạn đó và đang trở nên phi tập trung khỏi sự biểu hiện phàm ngã trong ba cõi thấp của đời sống nhân loại, và được thúc đẩy bởi một năng lượng vốn là phương diện cao hơn của năng lượng phàm ngã. Họ không còn làm việc, hoạch định và đấu tranh để biểu hiện phàm ngã của mình, để tạo ấn tượng cá nhân lên thế giới, hoặc để quy tụ bằng từ tính quanh mình một nhóm người ngưỡng mộ họ, qua đó nuôi dưỡng nguồn mạch kiêu hãnh và tham vọng của họ, khiến họ vừa có ảnh hưởng vừa quan trọng. Họ bắt đầu thấy sự vật trong một viễn cảnh mới hơn và chân thật hơn. Trong ánh sáng của Toàn Thể, ánh sáng của tiểu ngã mờ dần, cũng như ánh sáng vốn có trong mỗi nguyên tử của thân thể được quy tụ lại và bị xóa nhòa trong ánh sáng của linh hồn khi ánh sáng ấy bừng lên trong toàn bộ vinh quang của nó.

Khi giai đoạn vô ngã, phụng sự, quy phục [398] Đại Ngã Duy Nhất và hi sinh cho nhóm

sacrifice to the group becomes the objective, a man has reached the point where he can be received into that group of world mystics and knowers and group workers which is the physical plane reflection of the planetary Hierarchy.

trở thành mục tiêu, con người đã đạt đến điểm mà y có thể được tiếp nhận vào nhóm các nhà thần bí thế giới, các thức giả và những người hoạt động nhóm, vốn là phản ảnh trên cõi hồng trần của Thánh Đoàn hành tinh.

The New Group of World Servers

We have spoken often of the integrating group of knowers who are beginning to function upon the earth, gathered together in loose formation and held by the inner spiritual tie and not by any outer organisation. The planetary Hierarchy has always existed and from time immemorial and right down the ages those sons of men who have fitted themselves for work and who have measured up to the requirements, have found their way into the ranks of those who stand behind the world evolution and guide the destinies of the little ones.

Chúng ta đã thường nói về nhóm các thức giả đang tích hợp và bắt đầu hoạt động trên Trái Đất, được quy tụ trong một hình thức lỏng lẻo và được giữ lại với nhau bởi mối liên hệ tinh thần bên trong chứ không bởi bất cứ tổ chức bên ngoài nào. Thánh Đoàn hành tinh luôn luôn hiện hữu, và từ thời xa xưa cho đến suốt các thời đại, những người con của nhân loại nào đã tự làm cho mình thích hợp với công việc và đáp ứng các yêu cầu, đều đã tìm được đường vào hàng ngũ của những Đấng đứng sau sự tiến hoá thế giới và hướng dẫn vận mệnh của những kẻ bé nhỏ.

Their grades and works are theoretically known, and names of some have been given out to the masses, —at what cost and personal sacrifice those masses will never know. With the Hierarchy of adepts I do not propose to deal. The books upon the subject are easily available and should be read with the needed reservations as to symbolical interpretations and the limiting effects of words.

Các cấp bậc và công việc của Các Ngài được biết đến về mặt lý thuyết, và tên của một số vị đã được công bố cho quần chúng—với cái giá và sự hi sinh cá nhân nào thì quần chúng ấy sẽ không bao giờ biết. Tôi không có ý định bàn đến Thánh Đoàn các chân sư. Những sách viết về đề tài này rất dễ tìm và nên được đọc với sự dè dặt cần thiết về các diễn giải biểu tượng và những giới hạn do ngôn từ gây ra.

An event is however transpiring upon earth which is, in its way, as momentous and as important as that crisis in Atlantean times when the physical, vital and astral bodies were coordinated and formed a functioning unit. Then the 'yoga of devotion' or bhakti yoga was initiated for the training of the aspirants at that time. A physical plane replica (as far as such a replica was then possible) was organised of those who could

Tuy nhiên, một biến cố đang diễn ra trên Trái Đất, theo cách riêng của nó, trọng đại và quan trọng như cuộc khủng hoảng trong thời Atlantis, khi các thể xác, thể sinh lực và thể cảm dục được phối hợp và tạo thành một đơn vị hoạt động. Khi ấy, "yoga của sùng tín" hay Bhakti Yoga được khởi xướng để huấn luyện những người chí nguyện thời đó. Một bản sao trên cõi hồng trần, trong chừng mực một bản sao như thế khi ấy có thể có, được tổ

work devotedly and who could learn, through the use of ceremonial and pictures, some mode of activity which would carry on the hierarchical work on earth and thus constitute a training [399] school for those who later would be admitted into the ranks of the Hierarchy. The remnants of this Atlantean group remain with us in the modern Masonic movements, and the work of the Hierarchy was thus perpetuated in sign and symbol. There has thus been preserved in the consciousness of the race a pictorial representation of a momentous planetary condition which worked out in the human family in this threefold coordination. But it was primarily objective. Form and symbol, tool and furniture, temple and tone, office and externalities were the prominent factors; they veiled the truth and therefore preserved the 'outer and visible form of an inner and spiritual' reality. Only those were, in those days, allowed to participate in these mysteries and work who felt within themselves the longing and desire for the mystical vision, and who loved deeply and were devoted to the spiritual ideal. They were not required to possess active mentalities, and their intellectual powers were practically nil. They liked and needed authority: they learnt through ceremonial; they were devoted to the Great Ones Whose names and forms stood behind the office holders in the esoteric lodges. Mind entered not in. This must be remembered. There were no personalities.

chức gồm những người có thể làm việc với lòng sùng tín và có thể học, qua việc sử dụng nghi lễ và hình ảnh, một phương thức hoạt động nào đó nhằm tiếp tục công việc của Thánh Đoàn trên Trái Đất, và như vậy tạo thành một trường huấn luyện [399] cho những người về sau sẽ được nhận vào hàng ngũ của Thánh Đoàn. Những tàn dư của nhóm Atlantis này còn lại với chúng ta trong các phong trào Tam Điểm hiện đại, và công việc của Thánh Đoàn do đó được duy trì qua dấu hiệu và biểu tượng. Nhờ vậy, trong tâm thức của nhân loại, một sự trình bày bằng hình ảnh về một tình trạng hành tinh trọng đại đã được bảo tồn; tình trạng ấy đã được thể hiện trong gia đình nhân loại qua sự phối hợp tam phân này. Nhưng nó chủ yếu mang tính khách quan. Hình tướng và biểu tượng, công cụ và vật dụng, đền thờ và âm điệu, chức vụ và các yếu tố bên ngoài là những nhân tố nổi bật; chúng che phủ chân lý và do đó bảo tồn "hình tướng bên ngoài và hữu hình của một thực tại bên trong và tinh thần". Vào những ngày ấy, chỉ những ai cảm thấy trong chính mình niềm khao khát và dục vọng hướng tới linh ảnh thần bí, và những ai yêu thương sâu sắc cũng như sùng tín lý tưởng tinh thần, mới được phép tham dự vào các bí nhiệm và công việc này. Họ không bị đòi hỏi phải có trí tuệ hoạt động, và quyền năng trí tuệ của họ hầu như bằng không. Họ thích và cần uy quyền; họ học qua nghi lễ; họ sùng tín Các Đấng Cao Cả mà danh xưng và hình tướng đứng sau những người giữ chức vụ trong các hội quán nội môn. Trí tuệ không tham dự. Điều này phải được ghi nhớ. Khi ấy chưa có các phàm ngã.

Today, in the world, another great moment of crisis has arrived. I refer not to the present world condition, but to the state of the human consciousness. Mind has arrived at a functioning power, personalities are coordinated. The three aspects of man are being blended; another formation or

Ngày nay, trong thế giới, một thời điểm khủng hoảng vĩ đại khác đã đến. Tôi không nói đến tình trạng thế giới hiện nay, mà nói đến trạng thái của tâm thức nhân loại. Trí tuệ đã đạt đến một quyền năng hoạt động, các phàm ngã đã được phối hợp. Ba phương diện của con người đang được hòa trộn; một

precipitation from the Hierarchy of adepts has become possible. On the physical plane, without any exoteric organisation, ceremonials, or outer form, there is integrating—silently, steadily and powerfully—a group of men and women who will supersede eventually the previous hierarchical effort. They will supersede all churches, all groups, and all organisations and will [400] eventually constitute that oligarchy of elect souls who will govern and guide the world.

sự hình thành hay ngưng tụ khác từ Thánh Đoàn các chân sư đã trở nên khả hữu. Trên cõi hồng trần, không có bất cứ tổ chức ngoại môn, nghi lễ hay hình tướng bên ngoài nào, đang tích hợp—âm thầm, đều đặn và mạnh mẽ—một nhóm những người nam và nữ cuối cùng sẽ thay thế nỗ lực trước đây của Thánh Đoàn. Họ sẽ thay thế tất cả các giáo hội, mọi nhóm và mọi tổ chức, và [400] cuối cùng sẽ tạo thành tầng lớp ưu tuyển gồm các linh hồn được chọn, những người sẽ cai quản và hướng dẫn thế giới.

They are being gathered out of every nation, but are gathered and chosen, not by the watching Hierarchy or by any Master, but by the power of their response to the spiritual opportunity, tide and note. They are emerging out of every group and church and party, and will therefore be truly representative. This they do, not from the pull of their own ambition and prideful schemes, but through the very selflessness of their service. They are finding their way to the top in every department of human knowledge, not because of the clamour they make about their own ideas, discoveries and theories, but because they are so inclusive in their outlook and so wide in their interpretation of truth that they see the hand of God in all happenings, His imprint upon all forms and His note sounding forth through every channel of communication between the subjective reality and the objective outer form. They are of all races; they speak all languages; they embrace all religions, all sciences and all philosophies. Their characteristics are synthesis, inclusiveness, intellectuality and fine mental development. They own to no creed, save the creed of Brotherhood, based on the one Life. They recognise no authority, save that of their own souls, and no Master save the group they seek to serve, and humanity whom they deeply love. They have no

Họ đang được quy tụ từ mọi quốc gia, nhưng được quy tụ và tuyển chọn không bởi Thánh Đoàn đang quan sát hay bởi bất cứ Chân sư nào, mà bởi quyền năng đáp ứng của họ trước cơ hội, dòng triều và âm điệu tinh thần. Họ đang xuất hiện từ mọi nhóm, mọi giáo hội và mọi đảng phái, và vì thế sẽ thật sự có tính đại diện. Họ làm điều này không do sức lôi kéo của tham vọng và những mưu đồ kiêu hãnh của chính họ, mà nhờ chính sự vô ngã trong phụng sự của họ. Họ đang tìm đường lên vị trí hàng đầu trong mọi ngành tri thức của nhân loại, không phải vì tiếng ồn ào họ tạo ra quanh các ý tưởng, khám phá và lý thuyết của riêng mình, mà vì họ có cái nhìn bao gồm đến thế và có sự diễn giải chân lý rộng lớn đến thế, nên họ thấy bàn tay của Thượng đế trong mọi sự kiện, dấu ấn của Ngài trên mọi hình tướng và âm điệu của Ngài vang lên qua mọi kênh giao tiếp giữa thực tại nội tại và hình tướng bên ngoài khách quan. Họ thuộc mọi giống dân; họ nói mọi ngôn ngữ; họ ôm trọn mọi tôn giáo, mọi khoa học và mọi triết học. Các đặc tính của họ là tổng hợp, tính bao gồm, trí năng và sự phát triển trí tuệ tinh tế. Họ không thừa nhận tín điều nào, ngoại trừ tín điều về tình huynh đệ, đặt nền trên Sự sống duy nhất. Họ không công nhận uy quyền nào, ngoại trừ uy quyền của chính linh hồn họ, và không có Chân sư nào ngoài nhóm mà họ tìm cách phụng sự, cùng nhân loại mà họ yêu thương

barriers set up around themselves, but are governed by a wide tolerance, and a sane mentality and sense of proportion. They look with open eyes upon the world of men and recognise those whom they can lift and to whom they can stand as the Great Ones stand, —lifting, teaching and helping. They recognize their peers and equals, and know each other when they meet and stand shoulder to shoulder with their fellow workers in the work of salvaging humanity. It does not matter if their terminologies differ, their interpretations of symbols [401] and scriptures vary, or their words are few or many. They see their group members in all fields—political, scientific, religious, and economic—and give to them the sign of recognition and the hand of a brother. They recognise likewise Those who have passed ahead of them upon the ladder of evolution and hail Them Teacher, and seek to learn from Them that which They are so eager to impart.

sâu sắc. Họ không dựng lên rào chắn quanh mình, mà được cai quản bởi một sự khoan dung rộng lớn, một trí tuệ lành mạnh và Ý thức về tỉ lệ. Họ nhìn thế giới con người bằng đôi mắt mở rộng và nhận ra những người mà họ có thể nâng đỡ, và đối với những người ấy họ có thể đứng như Các Đấng Cao Cả đang đứng—nâng đỡ, giảng dạy và trợ giúp. Họ nhận ra những người ngang hàng và tương đương với mình, biết nhau khi gặp gỡ, và kề vai sát cánh với các bạn đồng sự trong công việc cứu vớt nhân loại. Việc thuật ngữ của họ khác nhau, cách diễn giải biểu tượng [401] và thánh kinh của họ khác nhau, hay lời nói của họ ít hoặc nhiều, đều không quan trọng. Họ thấy các thành viên trong nhóm mình ở mọi lĩnh vực—chính trị, khoa học, tôn giáo và kinh tế—và trao cho họ dấu hiệu nhận biết cùng bàn tay của một huynh đệ. Họ cũng nhận ra Những Đấng đã đi trước họ trên thang tiến hoá, tôn Các Ngài là Huấn sư, và tìm cách học từ Các Ngài điều mà Các Ngài rất thiết tha truyền đạt.

This group is a product of the past and upon that past I will touch; I will also indicate the present situation and forecast somewhat the general lines along which their association and future work will run. That such a group is forming is true and holds a good augury for the coming decades. In quiet and subtle ways they are already making their presence felt but theirs is as yet primarily a subjective influence.

Nhóm này là sản phẩm của quá khứ, và tôi sẽ chạm đến quá khứ ấy; tôi cũng sẽ chỉ ra tình hình hiện tại và phác họa đôi chút những đường nét tổng quát theo đó sự liên kết và công việc tương lai của họ sẽ diễn tiến. Việc một nhóm như thế đang hình thành là điều chân thật và là một điềm lành cho các thập niên sắp tới. Bằng những cách âm thầm và tinh tế, họ đã bắt đầu làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận, nhưng ảnh hưởng của họ hiện vẫn chủ yếu là ảnh hưởng nội tại.

Let us begin with the past. About the year 1400, the Hierarchy of Masters was faced with a difficult situation. As far as the work of the second ray was concerned (which had to do with the impartation of spiritual truth) there had come to be what I might call a complete exteriorisation of that truth. The

Chúng ta hãy bắt đầu với quá khứ. Vào khoảng năm 1400, Thánh Đoàn các Chân sư đối diện với một tình huống khó khăn. Đối với công việc của cung hai, vốn liên quan đến việc truyền đạt chân lý tinh thần, đã xuất hiện điều mà tôi có thể gọi là sự ngoại hiện hoàn toàn của chân lý ấy. Hoạt động

activity of the first ray had also brought about an intense differentiation and crystallisation among the nations and governments of the world. These two conditions of concrete orthodoxy and political differences persisted for many generations and are still manifesting. Today we have a similar condition both in the world of religion and in that of politics. This is true whether one is considering India or America, China or Germany, or whether one is studying the history of Buddhism with its many sects, Protestantism with its myriads of warring groups, or the many schools of philosophy in the orient or the occident. The condition is widespread, and the public consciousness tremendously diversified, but this state of affairs marks the summation [402] of the period of separativeness and the end, before so many centuries, of this intense distinctiveness of thought.

của cung một cũng đã đem lại một sự biến phân và kết tinh mạnh mẽ giữa các quốc gia và chính phủ trên thế giới. Hai tình trạng chính thống cứng nhắc và khác biệt chính trị này đã kéo dài qua nhiều thế hệ và vẫn còn đang biểu lộ. Ngày nay chúng ta có một tình trạng tương tự cả trong thế giới tôn giáo lẫn trong thế giới chính trị. Điều này đúng dù người ta đang xét Ấn Độ hay Hoa Kỳ, Trung Quốc hay Đức, hoặc đang nghiên cứu lịch sử Phật giáo với nhiều tông phái, đạo Tin Lành với vô số nhóm xung đột, hay nhiều trường phái triết học ở phương Đông hoặc phương Tây. Tình trạng này lan rộng, và tâm thức công chúng vô cùng đa dạng, nhưng trạng thái sự việc này đánh dấu sự tổng kết [402] của thời kỳ chia rẽ, và trong không quá nhiều thế kỷ nữa, sẽ là sự kết thúc của tính dị biệt mãnh liệt này trong tư tưởng.

After noting and watching this trend of affairs for another one hundred years, the Elder Brothers of the race called a conclave of all departments about the year 1500 A.D. Their object was to determine how the urge to *integration,* which is essentially the keynote of our universal order, could be hastened, and what steps could be taken to produce that synthesis and unification in the world of thought which would make possible the manifestation of the purpose of the divine Life which had brought all into being. When the world of thought is unified, then the outer world will fall into a synthetic order. It should be remembered here that the Masters think in large terms and work in the wider cycles of evolutionary endeavour. The tiny and temporary cycles, the small ebb and flow of the cosmic processes do not engage Their attention in the first instance.

Sau khi ghi nhận và quan sát xu hướng sự việc này thêm một trăm năm nữa, các Huynh Trưởng của nhân loại đã triệu tập một mật nghị gồm mọi ngành vào khoảng năm 1500 sau Công nguyên. Mục tiêu của Các Ngài là xác định làm thế nào xung lực hướng tới *sự tích hợp,* vốn về bản chất là chủ âm của trật tự vũ trụ chúng ta, có thể được đẩy nhanh, và những bước nào có thể được thực hiện để tạo ra sự tổng hợp và hợp nhất trong thế giới tư tưởng, nhờ đó làm cho mục đích của Sự sống thiêng liêng, Đấng đã đưa tất cả vào hiện hữu, có thể biểu lộ. Khi thế giới tư tưởng được hợp nhất, thế giới bên ngoài sẽ đi vào một trật tự tổng hợp. Ở đây cần nhớ rằng các Chân sư tư duy trong những tầm mức rộng lớn và làm việc trong các chu kỳ rộng hơn của nỗ lực tiến hoá. Các chu kỳ nhỏ bé và tạm thời, những đợt lên xuống nhỏ của các tiến trình vũ trụ không phải là điều trước hết thu hút sự chú ý của Các Ngài.

At this conclave They had three things to do:

1. To view the divine plan on as large a scale as possible, and refresh Their minds with the vision.

2. To note what influences or energies were available for use in the large endeavour to which They were pledged.

3. To train the men and women who were then probationers, chelas and initiates so that in due time They could have a satisfactory band of assistants on whom They could in future centuries rely.

They had, in connection with these aspirants, two problems:

1. They had to deal with the failure on the part of even the most advanced disciples to preserve continuity of consciousness, a failure even now manifested by even initiates. [403]

2. The Masters found the minds and brains of chelas curiously insensitive to the higher contacts, and this again is a condition which still prevails. The chelas, then as now, possessed aspiration, a desire to serve humanity, devotion and occasionally a fair mental equipment, but that telepathic sensitivity, that instinctive response to hierarchical vibration, and that freedom from the lower psychism which are the needed prerequisites to intensive intelligent work were singularly lacking. For that matter, they are still distressingly so. Telepathic sensitivity is decidedly on the increase as a result of world conditions and the evolutionary trend, and this is (for the workers on the inner plane) a most encouraging sign, but love of psychic

Tại mật nghị này, Các Ngài phải làm ba việc:

1. Nhìn Thiên Cơ thiêng liêng trên quy mô rộng nhất có thể, và làm mới lại tâm trí Các Ngài bằng tầm nhìn ấy.

2. Ghi nhận những ảnh hưởng hay năng lượng nào sẵn có để sử dụng trong nỗ lực lớn lao mà Các Ngài đã cam kết.

3. Huấn luyện những người nam và nữ khi ấy là người dự bị, đệ tử và điểm đạo đồ, để đúng thời, Các Ngài có thể có một đội ngũ phụ tá thỏa đáng mà Các Ngài có thể dựa vào trong các thế kỷ tương lai.

Liên quan đến những người chí nguyện này, Các Ngài có hai vấn đề:

1. Các Ngài phải xử lý sự thất bại ngay cả nơi các đệ tử tiến bộ nhất trong việc duy trì tính liên tục của tâm thức, một thất bại hiện nay vẫn còn biểu lộ ngay cả nơi các điểm đạo đồ. [403]

2. Các Chân sư nhận thấy thể trí và bộ não của các đệ tử lạ lùng thay lại thiếu nhạy cảm với các tiếp xúc cao hơn, và đây cũng là một tình trạng vẫn còn phổ biến. Các đệ tử, khi ấy cũng như bây giờ, có khát vọng, có dục vọng phụng sự nhân loại, có lòng sùng tín và đôi khi có một trang bị trí tuệ khá tốt, nhưng sự nhạy cảm viễn cảm, sự đáp ứng bản năng với rung động của Thánh Đoàn, và sự tự do khỏi thông linh thấp—những điều kiện tiên quyết cần thiết cho công việc trí tuệ chuyên sâu—lại thiếu vắng một cách đặc biệt. Về mặt này, chúng vẫn còn thiếu hụt một cách đáng buồn. Sự nhạy cảm viễn cảm chắc chắn đang gia tăng do kết quả của các tình trạng thế giới và xu hướng tiến hoá, và đây là một dấu hiệu rất đáng khích lệ đối với những người hoạt động trên cõi nội giới; nhưng lòng yêu

phenomena and failure to differentiate between the vibrations of the various grades of hierarchical workers still greatly hinder the work.

thích các hiện tượng thông linh và sự thất bại trong việc phân biệt giữa các rung động của nhiều cấp bậc người hoạt động trong Thánh Đoàn vẫn còn cản trở công việc rất nhiều.

You might here ask and rightly so: What is this plan? When I speak of the plan I do not mean such a general one as the plan of evolution or the plan for humanity which we call by the somewhat unmeaning term of soul unfoldment. These two aspects of the scheme for our planet are taken for granted, and are but modes, processes and means to a specific end. The plan as at present sensed, and for which the Masters are steadily working, might be defined as follows: —It is the production of a subjective synthesis in humanity and of a telepathic interplay which will eventually annihilate time. It will make available to every man all past achievements and knowledges, it will reveal to man the true significance of his mind and brain and make him the master of that equipment and will make him therefore omnipresent and eventually open the door to omniscience. This next development of the plan will produce in man an understanding [404] —intelligent and cooperative—of the divine purpose for which the One in Whom we live and move and have our being has deemed it wise to submit to incarnation. Think not that I can tell of the plan as it truly is. It is not possible for any man, below the grade of initiate of the third degree, to glimpse it and far less understand it. The development of the mechanism whereby a disciple may be en rapport with Those responsible for the working out of the plans, and the capacity to know (and not just dimly sense) that tiny aspect of the whole which is the immediate step ahead and with which cooperation is possible, that can be achieved by all disciples and should be held as the goal before all

Ở đây các bạn có thể hỏi, và hỏi như vậy là đúng: Thiên Cơ này là gì? Khi tôi nói đến Thiên Cơ, tôi không muốn nói đến một điều tổng quát như kế hoạch tiến hoá hay kế hoạch dành cho nhân loại, điều mà chúng ta gọi bằng thuật ngữ hơi thiếu ý nghĩa là sự khai mở linh hồn. Hai phương diện này của cơ đồ dành cho hành tinh chúng ta được xem như điều hiển nhiên, và chỉ là các phương thức, tiến trình và phương tiện hướng tới một mục tiêu cụ thể. Thiên Cơ như hiện nay được cảm nhận, và vì đó các Chân sư đang làm việc đều đặn, có thể được định nghĩa như sau: đó là việc tạo ra một sự tổng hợp nội tại trong nhân loại và một sự giao lưu viễn cảm cuối cùng sẽ tiêu hủy thời gian. Nó sẽ làm cho mọi thành tựu và tri thức quá khứ trở nên sẵn có đối với mỗi người; nó sẽ mặc khải cho con người thâm nghĩa chân thật của thể trí và bộ não của y, làm cho y trở thành chủ nhân của trang bị ấy, và do đó làm cho y trở nên hiện diện khắp nơi, cuối cùng mở cửa đi vào toàn tri. Sự phát triển kế tiếp này của Thiên Cơ sẽ tạo ra nơi con người một sự thấu hiểu [404]—thông minh và hợp tác—về Thiên Ý mà vì đó Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu đã xem việc chịu lâm phàm là điều minh triết. Đừng nghĩ rằng tôi có thể nói về Thiên Cơ như nó thật sự là. Không người nào dưới cấp điểm đạo đồ lần thứ ba có thể thoáng thấy nó, lại càng không thể thấu hiểu nó. Sự phát triển bộ máy nhờ đó một đệ tử có thể liên thông hòa hợp với Những Đấng chịu trách nhiệm thực hiện các kế hoạch, và năng lực biết, chứ không chỉ cảm nhận mơ hồ, phương diện nhỏ bé của toàn thể vốn là bước kế tiếp trước mắt và có thể hợp tác với nó—điều ấy có thể được mọi

aspirants. With the exception of probationary disciples who are not as yet sufficiently stable in their endeavour, all can therefore strive towards achieving continuity of consciousness and at awakening that inner light which, when seen and intelligently used, will serve to reveal other aspects of the Plan and specially that one to which the illumined knower can respond and usefully serve.

đệ tử thành tựu và nên được giữ làm mục tiêu trước mọi người chí nguyện. Ngoại trừ các đệ tử dự bị chưa đủ ổn định trong nỗ lực của họ, tất cả do đó có thể phấn đấu để đạt được tính liên tục của tâm thức và để đánh thức ánh sáng bên trong; ánh sáng ấy, khi được thấy và được sử dụng một cách thông minh, sẽ phụng sự việc mặc khải các phương diện khác của Thiên Cơ, đặc biệt là phương diện mà thức giả được soi sáng có thể đáp ứng và phụng sự hữu ích.

To bring this about has been the objective of all training given during the past 400 years, and from this fact you can vision the utter patience of the Knowers of the race. They work slowly and with deliberation, free from any sense of speed, towards Their objective, but—and herein lies the immediate interest of what I have to communicate—They do have a time limit. This is based upon the Law of Cycles. It concerns the operation of certain periods of opportunity which necessarily have their term. During these times of opportunity, forces, influences, and energies are temporarily at work, and of these the Masters seek to make use.

Đem lại điều này đã là mục tiêu của mọi huấn luyện được trao trong 400 năm qua, và từ sự kiện này các bạn có thể hình dung sự kiên nhẫn tuyệt đối của các Thức giả của nhân loại. Các Ngài làm việc chậm rãi và có chủ ý, không bị bất cứ cảm thức vội vã nào chi phối, hướng tới mục tiêu của Các Ngài; nhưng—và chính trong đây có mối quan tâm trước mắt của điều tôi phải truyền đạt—Các Ngài quả có một giới hạn thời gian. Điều này đặt nền trên Định luật Chu Kỳ. Nó liên quan đến sự vận hành của một số thời kỳ cơ hội nhất định, vốn tất yếu có kỳ hạn của chúng. Trong các thời kỳ cơ hội này, các mãnh lực, ảnh hưởng và năng lượng tạm thời hoạt động, và các Chân sư tìm cách sử dụng chúng.

Looking ahead, during the conclave to which I have made reference, the assembled Servers of the race noted the future coming in of the Aquarian age, with its distinctive energies and its amazing opportunities. These [405] They noted and They sought to prepare man for that period which would approximate 2500 years, and which could if duly utilised, bring about the unification, consciously and intelligently, of mankind, and so produce the manifestation of what I prefer to call “scientific brotherhood” in contradistinction to the sentimental connotation of the term now so prevalent.

Nhìn về phía trước, trong mật nghị mà tôi đã nhắc đến, các Người Phụng Sự nhân loại quy tụ đã ghi nhận sự xuất hiện tương lai của Kỷ nguyên Bảo Bình, với những năng lượng đặc thù và những cơ hội kỳ diệu của nó. Những điều này [405] Các Ngài đã ghi nhận, và Các Ngài tìm cách chuẩn bị con người cho thời kỳ ấy, vốn sẽ kéo dài khoảng 2500 năm, và nếu được sử dụng đúng mức, có thể đem lại sự hợp nhất của nhân loại một cách có ý thức và thông minh, nhờ đó tạo ra sự biểu lộ của điều tôi thích gọi là “tình huynh đệ khoa học”, để phân biệt với sắc thái tình cảm của thuật ngữ này hiện nay quá phổ biến.

It appeared to Them at that time that it would be necessary to do two things before the coming potencies of the Aquarian age could profitably be employed. First of all, humanity must have its consciousness elevated to the mental plane; it must be expanded so that it included not only the world of emotion and of feeling but also that of the intellect. The minds of men must be made widely and generally active, and the entire level of human intelligence must be raised. It was necessary, secondly, that something should be done to break down the barriers of separateness, of isolation and of prejudice which were keeping men apart from each other and which They foresaw would increasingly do so. Cycle by cycle, men were becoming more and more wrapped up in their own selves—satisfaction and exclusiveness, and racial pride. The result of this would lead inevitably to wide cleavages and the erection of world barriers between nation and nation, and between race and race.

Vào thời điểm đó, đối với Các Ngài, dường như cần phải làm hai điều trước khi các quyền năng sắp đến của Kỷ nguyên Bảo Bình có thể được sử dụng một cách hữu ích. Trước hết, tâm thức của nhân loại phải được nâng lên cõi trí; nó phải được mở rộng để bao gồm không chỉ thế giới của xúc cảm và cảm giác, mà cả thế giới của trí năng. Thể trí của con người phải được làm cho hoạt động rộng rãi và phổ quát, và toàn bộ cấp độ trí thông minh của nhân loại phải được nâng cao. Thứ hai, cần phải làm một điều gì đó để phá vỡ các rào chắn của sự chia rẽ, cô lập và định kiến vốn đang giữ con người tách rời nhau, và Các Ngài thấy trước rằng những rào chắn ấy sẽ ngày càng làm như vậy. Chu kỳ này qua chu kỳ khác, con người ngày càng bị cuốn chặt hơn vào chính bản thân mình—sự tự mãn, tính biệt lập và niềm kiêu hãnh chủng tộc. Kết quả của điều này tất yếu sẽ dẫn đến những chia rẽ rộng lớn và việc dựng lên các rào chắn thế giới giữa quốc gia với quốc gia, và giữa giống dân với giống dân.

This determination of the members of the Hierarchy to train the minds of men more rapidly and to build towards a more synthetic unity brought them to a decision which involved the formation of group units, and brought about the emergence of those groups of workers and thinkers who, through their activities, have so largely governed and moulded our world for the past three or four centuries. We have therefore, dating from this conclave, the inauguration of definite and specific group work along clearly defined lines, with each group standing [406] for some peculiar presentation of truth and for some aspect of the knowledge of reality.

Quyết tâm này của các thành viên Thánh Đoàn nhằm huấn luyện thể trí của con người nhanh chóng hơn và xây dựng hướng tới một sự hợp nhất tổng hợp hơn đã đưa Các Ngài đến một quyết định bao hàm việc hình thành các đơn vị nhóm, và đem lại sự xuất hiện của những nhóm người hoạt động và tư tưởng gia mà qua các hoạt động của họ, đã phần lớn chi phối và định hình thế giới chúng ta trong ba hoặc bốn thế kỷ qua. Vì vậy, kể từ mật nghị này, chúng ta có sự khởi đầu của công việc nhóm xác định và chuyên biệt theo những đường lối được định rõ, mỗi nhóm đứng [406] cho một cách trình bày chân lý đặc thù nào đó và cho một phương diện nào đó của tri thức về thực tại.

These groups fall generally into four major divisions; cultural, political, religious, and

Các nhóm này nói chung rơi vào bốn phân ngành chính: văn hóa, chính trị, tôn giáo và

scientific. In more modern times three other groups have definitely emerged; they are the philosophical, the psychological, and the financial groups. Philosophers have, of course, always been with us, but they have been for the most part isolated units who have founded schools characterised by partisanship and separativeness. Now there are no outstanding figures as in the past, but groups who represent certain ideas. It is of profound importance that the work of these seven groups of thinkers be recognised as part of the hierarchical programme, designed to produce a certain situation, to bring about certain preparatory conditions, and as playing a definite part in the work of world evolution as far as humanity is concerned.

khoa học. Trong thời hiện đại hơn, ba nhóm khác đã xuất hiện một cách rõ rệt; đó là các nhóm triết học, tâm lý học và tài chính. Dĩ nhiên, các triết gia luôn luôn hiện diện với chúng ta, nhưng phần lớn họ là những đơn vị cô lập, sáng lập các trường phái mang đặc tính phe phái và chia rẽ. Ngày nay không còn những nhân vật nổi bật như trong quá khứ, mà là các nhóm đại diện cho những ý tưởng nhất định. Việc công nhận công việc của bảy nhóm tư tưởng gia này như một phần của chương trình Thánh Đoàn là điều có tầm quan trọng sâu xa; chương trình ấy được hoạch định nhằm tạo ra một tình huống nhất định, đem lại những điều kiện chuẩn bị nhất định, và đóng một vai trò xác định trong công việc tiến hoá thế giới xét trong phạm vi nhân loại.

Under the influence of the different rays as they cycled in and out of activity, little groups of men emerged, played their part in *group formation,* and disappeared, often unaware of their inherent synthesis and of their co-workers. As can be seen in any intelligent historical retrospect, the work that they did for the race and their contribution to the pageant of the progress of mankind stands out with clarity. I have not the time to take this procession of groups, each custodian of a special contribution, and trace for you the work they did or the subjective impulses under which they worked. I can but indicate the trend of their endeavour, and leave to some illumined student of history the delineation of the golden thread of their spiritual work as they raised the mental standard of the race and put man en rapport with the world in which he lived, opening his eyes not only to the nature of matter and of form but also to the hidden depths of his own being. Through their activities we [407] now have a humanity in close relation, though not at-

Dưới ảnh hưởng của các cung khác nhau khi chúng luân phiên đi vào và ra khỏi hoạt động, những nhóm nhỏ con người đã xuất hiện, đóng vai trò của họ trong *sự hình thành nhóm,* rồi biến mất, thường không nhận biết sự tổng hợp vốn có của họ và những người đồng sự của họ. Như có thể thấy trong bất cứ cuộc hồi cố lịch sử thông minh nào, công việc họ đã làm cho nhân loại và đóng góp của họ vào đoàn rước tiến bộ của nhân loại nổi bật một cách rõ ràng. Tôi không có thời gian để đi theo đoàn nối tiếp các nhóm này, mỗi nhóm là người gìn giữ một đóng góp đặc biệt, và truy nguyên cho các bạn công việc họ đã làm hay các xung lực nội tại dưới đó họ đã hoạt động. Tôi chỉ có thể chỉ ra xu hướng nỗ lực của họ, và để cho một đạo sinh lịch sử được soi sáng nào đó phác họa sợi chỉ vàng của công việc tinh thần của họ khi họ nâng chuẩn mực trí tuệ của nhân loại và đặt con người vào sự liên thông hòa hợp với thế giới mà y sống trong đó, mở mắt y không chỉ đối với bản chất của vật chất và hình tướng, mà còn đối với những chiều sâu ẩn kín của chính bản thể y. Qua các hoạt động của họ, [407] giờ đây chúng ta có một nhân loại ở

one, and a humanity characterised by three things:

trong mối liên hệ gần gũi, dù chưa hợp nhất, và một nhân loại được đặc trưng bởi ba điều:

1. An amazing interrelation and intercommunication, of which the radio, the press, modern transportation, and the telephone and telegraph are the servants.

1. Một sự tương quan và truyền thông lẫn nhau đáng kinh ngạc, mà truyền thanh, báo chí, vận tải hiện đại, điện thoại và điện báo là những người phục vụ.

2. A wide-spread philanthropic enterprise, and the growth of the sense of responsibility for one's brother, which was totally unknown in the year 1500. Movements such as the Red Cross, educational foundations, hospitals, and the present economic relief measures to be found in every country are its exoteric manifestations.

2. Một công cuộc bác ái rộng khắp, và sự tăng trưởng của ý thức trách nhiệm đối với huynh đệ của mình, điều hoàn toàn chưa được biết đến vào năm 1500. Những phong trào như Hội Chữ thập đỏ, các quỹ giáo dục, bệnh viện và các biện pháp cứu trợ kinh tế hiện nay có mặt ở mọi quốc gia là những biểu lộ ngoại môn của nó.

3. A division of the entire human family, consciously or unconsciously, into two basic groups: first, those who stand for the old order of things, who are reactionary, and separative. They represent separative nationalism, boundaries, servitude, and servile obedience; they exemplify religious sectarianism and dependence upon authority. They are against all modern innovations and progress. Secondly, those who vision a unified world wherein love of God means love of one's neighbour, and where the motives underlying all religious, political and educational activities are characterised by a world consciousness and the welfare of the entire body and not of the part.

3. Sự phân chia toàn bộ gia đình nhân loại, một cách có ý thức hoặc vô ý thức, thành hai nhóm căn bản: trước hết, những người đứng về trật tự cũ của sự vật, những người phản động và chia rẽ. Họ đại diện cho chủ nghĩa quốc gia chia rẽ, các biên giới, sự nô dịch và sự vâng phục nô lệ; họ tiêu biểu cho tinh thần giáo phái tôn giáo và sự lệ thuộc vào uy quyền. Họ chống lại mọi đổi mới và tiến bộ hiện đại. Thứ hai, những người hình dung một thế giới hợp nhất, trong đó tình thương đối với Thượng đế có nghĩa là tình thương đối với người lân cận, và nơi các động cơ nằm dưới mọi hoạt động tôn giáo, chính trị và giáo dục được đặc trưng bởi tâm thức thế giới và phúc lợi của toàn thể nhân loại, chứ không phải của một phần.

The unification to which the forward looking people aspire does not involve the neglect of any part, but it does involve the care and nurture of each part in order that it may contribute to the well being of the entire organism. It involves, for instance, the right government and proper development of every national unit so that it can adequately perform its international duties,

Sự hợp nhất mà những người hướng về tương lai khát vọng không bao hàm việc bỏ bê bất cứ phần nào, nhưng bao hàm sự chăm sóc và nuôi dưỡng từng phần để nó có thể đóng góp cho phúc lợi của toàn bộ cơ cấu. Chẳng hạn, nó bao hàm sự cai quản đúng đắn và phát triển thích hợp của mỗi đơn vị quốc gia, để đơn vị ấy có thể thực hiện đầy đủ các bổn phận quốc tế của mình, và như

and thus form part of a world brotherhood of nations. [408] This concept does not even involve the formation of a world state, but it does involve the development of a universal public consciousness which realises the unity of the whole, and thus produces the determination that each must be for all and all for each as it has been said. Only in this way can there be brought about an international synthesis which will be characterised by political and national unselfishness. This universal state of mind will not again inevitably involve the founding of a world or universal religion. It requires simply the recognition that all formulations of truth and of relief are only partial in time and space, and are temporarily suited to the temperaments and conditions of the age and race. Those who favour some particular approach to the truth will nevertheless achieve the realisation that other approaches and other modes of expression and terminologies, and other ways of defining deity can be equally correct and in themselves constitute aspects of a truth which is greater and vaster than man's present equipment can grasp and express. Even the Great Ones Themselves but dimly sense reality and though They are aware of deeper underlying purposes than are Their chelas, yet even They see not the ultimate goal. They too are forced to use such unmeaning terms in Their teaching as Absolute Reality, and Ultimate Realisation.

vậy tạo thành một phần của tình huynh đệ thế giới giữa các quốc gia. [408] Khái niệm này thậm chí không bao hàm việc hình thành một nhà nước thế giới, nhưng nó bao hàm sự phát triển của một tâm thức công chúng phổ quát, nhận ra sự hợp nhất của toàn thể, và do đó tạo ra quyết tâm rằng mỗi người phải vì tất cả và tất cả vì mỗi người, như đã nói. Chỉ bằng cách này mới có thể đem lại một sự tổng hợp quốc tế được đặc trưng bởi tinh thần vị tha chính trị và quốc gia. Trạng thái tâm trí phổ quát này cũng không tất yếu bao hàm việc sáng lập một tôn giáo thế giới hay phổ quát. Nó chỉ đòi hỏi sự công nhận rằng mọi công thức về chân lý và niềm tin đều chỉ là một phần trong thời gian và không gian, và tạm thời thích hợp với khí chất cùng điều kiện của thời đại và giống dân. Những người ủng hộ một cách tiếp cận đặc thù nào đó đối với chân lý tuy vậy sẽ đạt đến nhận thức rằng những cách tiếp cận khác, những phương thức biểu hiện và thuật ngữ khác, cũng như những cách định nghĩa Thượng đế khác, đều có thể đúng như nhau và tự chúng cấu thành các phương diện của một chân lý lớn lao và bao la hơn trang bị hiện tại của con người có thể nắm bắt và biểu đạt. Ngay cả Chính Các Đấng Cao Cả cũng chỉ cảm nhận thực tại một cách mờ nhạt, và dù Các Ngài nhận thức được những mục đích sâu xa hơn nằm bên dưới so với các đệ tử của Các Ngài, tuy vậy ngay cả Các Ngài cũng chưa thấy mục tiêu tối hậu. Các Ngài cũng buộc phải dùng trong giáo huấn của mình những thuật ngữ thiếu ý nghĩa như Thực Tại Tuyệt Đối và Chứng Nghiệm Tối Hậu.

Hence, during the past three centuries, group after group has appeared and played its part, and we today reap the benefit of their accomplishment. Under the cultural group for instance we find emerging the poets of the Elizabethan age, and the musicians of Germany and of the Victorian

Do đó, trong ba thế kỷ vừa qua, nhóm này sau nhóm khác đã xuất hiện và đóng vai trò của mình, và ngày nay chúng ta gặt hái lợi ích từ thành tựu của họ. Chẳng hạn, dưới nhóm văn hóa, chúng ta thấy xuất hiện các nhà thơ thời Elizabeth, và các nhạc sĩ của Đức cũng như thời Victoria. Các nhóm nghệ

era. Groups of artists are likewise to be found, giving us the famous schools which are the glory of Europe. Two famous groups, one cultural and the other political, also played their parts, the one producing the Renaissance and the other bringing about the French Revolution. The effects of their work are still [409] to be felt, for the modern humanistic movement with its emphasis upon the past which is completed in the present, and its search for the roots of man's equipment in the earlier trends, harks back to the Renaissance. Revolution and the determination to fight for the divine rights of man find their prime inaugurating influence and impetus in the revolution in France. Revolt, the formation of political parties, the class warfare which is so rampant today and the splitting of every country into warring political groups, though sporadic always, have become universal during the past two hundred years, and are all the results of the group activity started by the Masters. Men have grown thereby and have learnt how to think, and even though they may think wrongly and may initiate disastrous experiments, the ultimate good is inevitable and unavoidable. Temporary discomforts, passing depressions, war and bloodshed, penury and vice may lead the unthinking into the depths of pessimism. But those who know and who sense the inner guiding hand of the Hierarchy are aware that the heart of humanity is sound and that out of the present chaos and perhaps largely because of it, there will emerge those competent to deal with the situation and adequate to the task of unification and synthesis. This period has been occultly called the "age of restoration of what has been broken by the fall". The time has come when the separate parts can be reunited and the whole stand together again in its earlier perfection.

sĩ cũng được tìm thấy, đem lại cho chúng ta những trường phái nổi tiếng vốn là vinh quang của châu Âu. Hai nhóm nổi tiếng, một thuộc văn hóa và một thuộc chính trị, cũng đã đóng vai trò của họ; nhóm này tạo ra thời Phục hưng, nhóm kia đem lại Cách mạng Pháp. Các hiệu quả của công việc họ vẫn còn [409] được cảm nhận, vì phong trào nhân văn hiện đại, với sự nhấn mạnh vào quá khứ được hoàn tất trong hiện tại, và cuộc tìm kiếm các gốc rễ trang bị của con người trong những xu hướng trước kia, đều quay về thời Phục hưng. Cách mạng và quyết tâm đấu tranh cho các quyền thiêng liêng của con người tìm thấy ảnh hưởng và xung lực khởi đầu chính yếu của chúng trong cuộc cách mạng ở Pháp. Sự nổi dậy, sự hình thành các đảng phái chính trị, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay đang lan tràn mạnh mẽ, và việc chia rẽ mỗi quốc gia thành các nhóm chính trị xung đột—dù luôn luôn rời rạc—đã trở nên phổ quát trong hai trăm năm qua, và tất cả đều là kết quả của hoạt động nhóm do các Chân sư khởi xướng. Nhờ đó con người đã lớn lên và đã học cách tư duy; và dù họ có thể tư duy sai lầm và khởi xướng những thử nghiệm tai hại, điều thiện tối hậu vẫn là điều tất yếu và không thể tránh khỏi. Những khó chịu tạm thời, những suy thoái thoáng qua, chiến tranh và đổ máu, bần cùng và tội lỗi có thể dẫn những người không suy nghĩ vào vực sâu của bi quan. Nhưng những ai biết và cảm nhận bàn tay hướng dẫn bên trong của Thánh Đoàn đều nhận thức rằng trái tim của nhân loại là lành mạnh, và từ hỗn độn hiện tại, có lẽ phần lớn nhờ chính nó, sẽ xuất hiện những người có năng lực xử lý tình hình và đủ sức đảm đương nhiệm vụ hợp nhất và tổng hợp. Thời kỳ này đã được gọi một cách huyền bí là "thời đại phục hồi những gì đã bị phá vỡ bởi sự sa ngã". Thời điểm đã đến khi các phần riêng rẽ có thể được tái hợp nhất, và toàn thể lại đứng cùng nhau trong sự hoàn thiện ban đầu của nó.

The religious groups have likewise been many, —so many that their enumeration is hopeless. We have the groups of Catholic mystics who are the glory of the occident, there are also the protesting Lutherans, Calvinists and Methodists, the Pilgrim Fathers—those sour and earnest men—the Huguenot and Moravian martyrs, and the thousands of modern sects in every group. These have all served their purpose and have led man to the [410] point of revolt and away from acquiescence in authority. They have driven man to the stage of thinking for himself by the force of their unique example. They stood for freedom and the personal right to know.

Các nhóm tôn giáo cũng nhiều như vậy—nhiều đến mức không thể liệt kê. Chúng ta có các nhóm nhà thần bí Công giáo, vốn là vinh quang của phương Tây; cũng có các tín đồ Tin Lành Luther, Calvin và Methodist, các Giáo phụ Hành hương—những con người khắc khổ và nghiêm nghị ấy—các tử đạo Huguenot và Moravia, cùng hàng ngàn giáo phái hiện đại trong mỗi nhóm. Tất cả những nhóm này đã phụng sự mục đích của mình và đã dẫn con người đến [410] điểm nổi dậy, rời khỏi sự phục tùng uy quyền. Họ đã đẩy con người đến giai đoạn tự suy nghĩ bằng sức mạnh của tấm gương độc đáo của họ. Họ đứng về tự do và quyền cá nhân được biết.

These latter groups have acted largely under the influence of the sixth and second rays. The cultural emerged under that of the fourth ray, whilst the first ray has impelled the political activities which have brought such changes in the nations. Under the fifth and third ray impulses, groups of scientific investigators have arisen, working with the forces and energies that constitute the divine Life, dealing with the outer garment of God, searching from without towards the within, and demonstrating to man his essential unity with all creation and his relationship, intrinsic and vital, with all forms of life. The names of the individuals in any group are legion and of relatively no importance. It is the group and its interrelated work that counts. It is interesting to note that in the scientific group the underlying unity is particularly noticeable, for its members are singularly free from sectarianism and selfish competition. This cannot be said of the religious and political groups.

Các nhóm sau này phần lớn đã hoạt động dưới ảnh hưởng của cung sáu và cung hai. Nhóm văn hóa xuất hiện dưới ảnh hưởng của cung bốn, trong khi cung một đã thúc đẩy các hoạt động chính trị đem lại những thay đổi như thế trong các quốc gia. Dưới các xung lực cung năm và cung ba, các nhóm nhà nghiên cứu khoa học đã trỗi dậy, làm việc với các mãnh lực và năng lượng cấu thành Sự sống thiêng liêng, bàn đến lớp áo bên ngoài của Thượng đế, tìm kiếm từ bên ngoài hướng vào bên trong, và chứng minh cho con người sự hợp nhất thiết yếu của y với toàn thể sáng tạo, cũng như mối liên hệ nội tại và thiết yếu của y với mọi hình tướng sự sống. Tên tuổi của các cá nhân trong bất cứ nhóm nào cũng vô số và tương đối không quan trọng. Chính nhóm và công việc liên hệ lẫn nhau của nó mới là điều đáng kể. Thật thú vị khi lưu ý rằng trong nhóm khoa học, sự hợp nhất nền tảng đặc biệt rõ rệt, vì các thành viên của nó đặc biệt tự do khỏi tinh thần giáo phái và cạnh tranh ích kỷ. Điều này không thể nói về các nhóm tôn giáo và chính trị.

In relation to the many nations and the myriads of men on earth, these moulding groups under the various divisions are few in number. Their personnel, their contribution to the growth of human expression, and their place in the plan can quite easily be traced. The point to be emphasised is that these have all been motivated from the inner subjective side of life; they have come forth under a divine urge and with a specific work to accomplish; they have all been composed in the primary stage of disciples and initiates of the lesser degrees; they have all been subjectively guided step by step by their own souls, which have, in their turn, been cooperating consciously with the Hierarchy of Knowers. This has [411] been the case even when the individual man has been totally unaware himself or his place in the group and that group's divine mission. Let it be remembered also that *there has not been a single failure,* though again and again the individual has not been cognisant of success. The mark of these workers is that they build for posterity. That those who have followed them have failed, and that those who have responded to this work have not been true to the ideal is disastrously true, but the initial group has uniformly achieved. This surely negates pessimism and demonstrates the exceeding potency of the subjective activity.

Liên quan đến nhiều quốc gia và vô số con người trên Trái Đất, các nhóm định hình này dưới nhiều phân ngành khác nhau là ít về số lượng. Nhân sự của họ, đóng góp của họ cho sự tăng trưởng của biểu hiện nhân loại, và vị trí của họ trong Thiên Cơ đều có thể được truy nguyên khá dễ dàng. Điểm cần được nhấn mạnh là tất cả các nhóm này đều đã được thúc đẩy từ phương diện nội tại chủ quan của sự sống; họ đã xuất hiện dưới một xung lực thiêng liêng và với một công việc chuyên biệt phải hoàn thành; trong giai đoạn đầu, tất cả họ đều gồm các đệ tử và điểm đạo đồ thuộc các cấp thấp hơn; tất cả họ đều được hướng dẫn một cách nội tại, từng bước một, bởi chính linh hồn của họ, những linh hồn ấy đến lượt mình đã hợp tác có ý thức với Thánh Đoàn các Thức giả. Điều này [411] vẫn đúng ngay cả khi cá nhân con người hoàn toàn không tự biết về chính mình, về vị trí của mình trong nhóm, hay về sứ mệnh thiêng liêng của nhóm ấy. Cũng cần nhớ rằng *không hề có một thất bại nào,* dù hết lần này đến lần khác cá nhân không nhận biết thành công. Dấu hiệu của những người hoạt động này là họ xây dựng cho hậu thế. Việc những người đi theo họ đã thất bại, và những người đáp ứng công việc này đã không trung thành với lý tưởng, là điều tai hại nhưng đúng; tuy nhiên nhóm ban đầu thì luôn luôn thành tựu. Chắc chắn điều này phủ nhận chủ nghĩa bi quan và chứng minh quyền năng vượt trội của hoạt động nội tại.

The three groups to which I earlier referred require a word of comment. Their work is curiously different to that of the other groups and their ranks are recruited from all the ray groups, though the members of the third group (that of the financiers) are found primarily upon the seventh ray, that of ceremonial organisation. In the order of their emergence, they are the groups of

Ba nhóm mà tôi đã nhắc đến trước đó cần một lời nhận xét. Công việc của họ khác biệt một cách lạ lùng với công việc của các nhóm khác, và hàng ngũ của họ được tuyển mộ từ mọi nhóm cung, dù các thành viên của nhóm thứ ba, tức nhóm các nhà tài chính, chủ yếu được tìm thấy trên cung bảy, cung của tổ chức nghi lễ. Theo thứ tự xuất hiện của họ, đó là các nhóm triết gia, nhà tâm lý học và doanh nhân.

philosophers, psychologists and business men.

The group of philosophers of more modern date are already powerfully moulding thought, whilst the ancient schools of Asiatic philosophers are just beginning to influence western ideas. Through analysis, correlation and synthesis, the thought power of man is developed and the abstract mind can be unified with the concrete. Through their work therefore that interesting sensitivity of man, with its three outstanding characteristics of instinct, intellect and intuition is brought to a condition of intelligent coordination. Instinct relates man to the animal world, intellect unites him to his fellow men, whilst the intuition reveals to him the life of divinity. All these three are the subject matter of philosophical investigation, for the theme of the philosophers is the nature of reality and the means of knowledge.

Nhóm các triết gia thuộc thời hiện đại hơn đã và đang định hình tư tưởng một cách mạnh mẽ, trong khi các trường phái cổ xưa của các triết gia Á châu chỉ mới bắt đầu ảnh hưởng đến tư tưởng phương Tây. Qua phân tích, tương quan và tổng hợp, quyền năng tư tưởng của con người được phát triển, và trí trừu tượng có thể được hợp nhất với trí cụ thể. Do đó, qua công việc của họ, sự nhạy cảm thú vị ấy của con người, với ba đặc tính nổi bật là bản năng, trí năng và trực giác, được đưa vào một trạng thái phối hợp thông minh. Bản năng liên hệ con người với giới động vật, trí năng hợp nhất y với đồng loại, trong khi trực giác mặc khải cho y sự sống của thiên tính. Cả ba điều này đều là đối tượng của nghiên cứu triết học, vì chủ đề của các triết gia là bản chất của thực tại và các phương tiện của tri thức.

The two most modern groups are the psychologists [412] who work under the Delphic injunction “Man, know thyself”, and the financiers who are the custodians of the means whereby man can live upon the physical plane. These two groups necessarily, and in spite of apparent divergences and differences are more synthetic in their foundational aspects, than any of the others. One group concerns itself with mankind, with the varying types of humanity the mechanism employed, and man’s urges, characteristics, and with the purpose—apparent or hidden—of his being. The other group controls and orders the means whereby he exists, controlling all that can be converted into energy and constituting a dictatorship over all modes of intercourse, commerce and exchange. They control the multiplicity of form-objects

Hai nhóm hiện đại nhất là các nhà tâm lý học [412], những người làm việc dưới huấn lệnh Delphi: “Hỡi con người, hãy tự biết mình”, và các nhà tài chính, những người giữ gìn các phương tiện nhờ đó con người có thể sống trên cõi hồng trần. Hai nhóm này tất yếu, và bất chấp những dị biệt cùng khác biệt bề ngoài, có tính tổng hợp trong các phương diện nền tảng hơn bất cứ nhóm nào khác. Một nhóm quan tâm đến nhân loại, đến các kiểu loại khác nhau của con người, đến bộ máy được sử dụng, đến các thôi thúc, đặc tính của con người, và đến mục đích—hiển lộ hay ẩn tàng—của sự hiện hữu của y. Nhóm kia kiểm soát và sắp đặt các phương tiện nhờ đó y tồn tại, kiểm soát tất cả những gì có thể chuyển thành năng lượng và thiết lập một nền độc tài trên mọi phương thức giao tiếp, thương mại và trao đổi. Họ kiểm soát vô số đối tượng hình tướng mà con

which modern man regards as essential to his mode of life. Money, as I have before said, is only crystallised energy or vitality, —what the oriental student calls pranic energy. It is a concretisation of etheric force. It is therefore vital energy externalised, and this form of energy is under the direction of the financial group. They are the latest group in point of date, and their work (it should be borne in mind) is most definitely planned by the Hierarchy. They are bringing about effects upon the earth which are most far reaching.

người hiện đại xem là thiết yếu đối với lối sống của mình. Như Tôi đã nói trước đây, tiền chỉ là năng lượng hay sinh lực đã kết tinh—điều mà đạo sinh phương Đông gọi là năng lượng prana. Nó là sự cụ thể hóa của mãnh lực dĩ thái. Do đó, nó là năng lượng sống đã ngoại hiện, và hình thức năng lượng này nằm dưới sự chỉ đạo của nhóm tài chính. Họ là nhóm mới nhất xét theo thời điểm xuất hiện, và công việc của họ, cần ghi nhớ điều này, được Thánh Đoàn hoạch định một cách hết sức rõ ràng. Họ đang tạo ra trên Trái Đất những hiệu quả có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất.

Now that centuries have elapsed since the conclave in the sixteenth century, these external groups have played their part and performed most notable service. The results achieved have reached a stage where they are internationally effective, and their influence is not confined to one nation or race. The Hierarchy is now faced with another situation which requires careful handling. They must gather up and weld together the various threads of influencing energy and the differing trends of thought power which the work of the groups since the year 1500 has produced. They have also now to offset some of the effects which are tending towards a further differentiation. [413] This must inevitably be so when force is brought into contact with the material world. Initial impulses have in them potency both for good and for evil. As long as the form remains of secondary importance and relatively negligible, we call it good. Then the idea and not its expression controls. As time elapses and the energy of the thought makes its impact upon matter and lesser minds seize upon the particular type of energy or are vitalised by it, then evil begins to make its presence felt. This finally demonstrates as selfishness, separateness,

Nay, khi nhiều thế kỷ đã trôi qua kể từ mật nghị vào thế kỷ mười sáu, các nhóm bên ngoài này đã đóng vai trò của mình và đã thực hiện sự phụng sự hết sức đáng kể. Những kết quả đạt được đã đến một giai đoạn mà chúng có hiệu lực quốc tế, và ảnh hưởng của chúng không còn giới hạn trong một quốc gia hay một giống dân nào. Thánh Đoàn giờ đây đối diện với một tình thế khác đòi hỏi phải xử lý cẩn trọng. Các Ngài phải gom lại và hàn gắn với nhau những sợi dây khác nhau của năng lượng ảnh hưởng, cùng những khuynh hướng khác nhau của quyền năng tư tưởng mà công việc của các nhóm từ năm 1500 đã tạo ra. Các Ngài cũng phải hóa giải một số hiệu quả hiện đang có khuynh hướng dẫn đến sự biến phân xa hơn. [413] Điều này tất yếu phải như vậy khi mãnh lực được đưa vào tiếp xúc với thế giới vật chất. Những xung lực ban đầu chứa trong chúng quyền năng vừa hướng thiện vừa hướng ác. Chừng nào hình tướng vẫn còn giữ vị trí thứ yếu và tương đối không đáng kể, chúng ta gọi điều đó là thiện. Khi ấy ý tưởng, chứ không phải biểu hiện của nó, nắm quyền kiểm soát. Khi thời gian trôi qua và năng lượng của tư tưởng tác động lên vật chất, và những thể trí thấp hơn nắm lấy loại năng lượng đặc thù ấy hoặc được nó tiếp sinh lực, thì sự ác bắt đầu khiến sự hiện diện của nó

pride and those characteristics which have produced so much harm in the world.

được cảm nhận. Cuối cùng điều này biểu hiện thành tính ích kỷ, sự chia rẽ, kiêu hãnh và những đặc tính đã gây quá nhiều tai hại trong thế giới.

About seventeen years ago the Masters met and came to a momentous decision. Just as it had been decided at the earlier conclave to gather out of the inchoate masses of men, groups of workers along various lines, and set them the task of elevating humanity and expanding the human consciousness, so now it was felt wise to gather out of the many groups, a group which should contain (as does the Hierarchy itself) men of all races, of all types and tendencies. This group has a specific mission, and some of the facts about it might be stated as follows:

Khoảng mười bảy năm trước, các Chân sư đã nhóm họp và đi đến một quyết định trọng đại. Cũng như trong mật nghị trước kia đã quyết định rút ra từ những khối quần chúng còn hỗn độn của nhân loại các nhóm người hoạt động theo nhiều đường lối khác nhau, và giao cho họ nhiệm vụ nâng cao nhân loại cũng như mở rộng tâm thức con người, thì nay các Ngài thấy rằng nên rút ra từ nhiều nhóm một nhóm có thể bao gồm, như chính Thánh Đoàn, những người thuộc mọi giống dân, mọi kiểu loại và khuynh hướng. Nhóm này có một sứ mệnh đặc thù, và một số sự kiện về nhóm ấy có thể được nêu như sau:

It is first of all an attempt at an externalisation of the Hierarchy upon the physical plane, or a small working replica of this essentially subjective body. Its members are all in physical bodies but must work entirely subjectively, thus utilising the inner subjective apparatus and the intuition. It is to be composed of men and women of all nations and ages, but each one must be spiritually oriented, all must be conscious servers, all must be mentally polarised and alert, and all must be inclusive.

Trước hết, đó là một nỗ lực nhằm ngoại hiện Thánh Đoàn trên cõi hồng trần, hay là một bản sao nhỏ đang hoạt động của đoàn thể vốn thiết yếu mang tính chủ quan này. Các thành viên của nhóm đều ở trong thể xác nhưng phải làm việc hoàn toàn trên bình diện chủ quan, do đó sử dụng bộ máy chủ quan bên trong và trực giác. Nhóm này phải được cấu thành bởi những người nam và nữ thuộc mọi quốc gia và mọi lứa tuổi, nhưng mỗi người phải có định hướng tinh thần; tất cả phải là những người phụng sự có ý thức, tất cả phải phân cực trí tuệ và tỉnh thức, và tất cả phải bao gồm.

One of the essential conditions imposed upon the personnel of the group is that they must be willing to work without recognition, on the subjective levels. They must work behind the scenes as do the Great Ones. Its members [414] therefore must be free from all taint of ambition, and from all pride of race and of accomplishment. They must be also sensitively aware of their

Một trong những điều kiện thiết yếu được đặt ra cho nhân sự của nhóm là họ phải sẵn lòng làm việc mà không cần được công nhận, trên các cấp độ chủ quan. Họ phải làm việc phía sau hậu trường như các Đấng Cao Cả vẫn làm. Do đó, các thành viên của nhóm [414] phải thoát khỏi mọi vết nhơ của tham vọng, cũng như mọi kiêu hãnh về giống dân và thành tựu. Họ cũng phải nhạy bén nhận

fellowmen and of their thoughts and conditioning environment.

biết đồng loại, tư tưởng của đồng loại và môi trường tác động lên họ.

It is a group that has no exoteric organisation of any kind, no headquarters, no publicity, no group name. It is a band of obedient workers and servers of the WORD —obedient to their own souls and to group need. All true servers everywhere therefore belong to this group, whether their line of service is cultural, political, scientific, religious, philosophical, psychological or financial. They constitute part of the inner group of workers for humanity, and of the world mystics, whether they know it or not. They will be thus recognised by their fellow group members when contacted in the casual ways of world intercourse.

Đó là một nhóm không có bất kỳ tổ chức ngoại môn nào, không có trụ sở, không có quảng bá, không có tên nhóm. Đó là một đoàn thể gồm những người hoạt động và phụng sự vâng phục LINH TỪ—vâng phục linh hồn của chính họ và nhu cầu của nhóm. Vì vậy, mọi người phụng sự chân chính ở khắp nơi đều thuộc về nhóm này, dù đường lối phụng sự của họ là văn hóa, chính trị, khoa học, tôn giáo, triết học, tâm lý hay tài chính. Họ cấu thành một phần của nhóm người hoạt động bên trong cho nhân loại, và của các nhà thần bí thế giới, dù họ biết điều đó hay không. Họ sẽ được các thành viên đồng nhóm nhận ra khi tiếp xúc trong những cách thức giao lưu thông thường của thế gian.

This group gives to the word “spiritual” a wide significance; they believe it to mean an inclusive endeavour towards human betterment, uplift and understanding; they give it the connotation of tolerance, international synthetic communion, religious inclusiveness, and all trends of thought which concern the esoteric development of the human being.

Nhóm này gán cho từ “tinh thần” một thâm nghĩa rộng; họ tin rằng nó hàm ý một nỗ lực bao gồm hướng tới sự cải thiện, nâng cao và thấu hiểu con người; họ gán cho nó sắc thái của lòng khoan dung, sự hiệp thông tổng hợp quốc tế, tính bao gồm tôn giáo, và mọi khuynh hướng tư tưởng liên quan đến sự phát triển huyền bí của con người.

It is a group therefore without a terminology or Bible of any kind; it has no creed nor any dogmatic formulations of truth. The motivating impulse of each and all is love of God as it works out in love for one’s fellow man. They know the true meaning of brotherhood, without distinction of race. Their lives are lives of willing service, rendered with utter selflessness and without any reservations.

Do đó, đó là một nhóm không có thuật ngữ hay kinh điển thuộc bất kỳ loại nào; nhóm không có tín điều cũng không có bất cứ công thức giáo điều nào về chân lý. Xung lực thúc đẩy từng người và tất cả là tình thương đối với Thượng đế khi nó biểu lộ thành tình thương đối với đồng loại. Họ biết ý nghĩa đích thực của tình huynh đệ, không phân biệt giống dân. Đời sống của họ là đời sống phụng sự tự nguyện, được thực hiện với sự vô ngã hoàn toàn và không chút dè giữ.

The personnel of the group is known only to the Elder Brothers of the race, and no register of names is kept, and there are only three main requirements:

Nhân sự của nhóm chỉ được các Huynh Trưởng của nhân loại biết đến; không có sổ ghi danh, và chỉ có ba yêu cầu chính:

1. A certain amount of at-one-ment between the soul and its mechanism is essential, and that inner triplicity, [415] usually dormant in the majority, of soul-mind-brain must be in alignment and active.

1. Một mức độ nhất thể hóa nào đó giữa linh hồn và bộ máy của nó là thiết yếu, và bộ ba bên trong, [415] thường còn ngủ yên nơi đa số, gồm linh hồn-thể trí-bộ não, phải được chỉnh hợp và hoạt động.

2. The brain has to be telepathically sensitive in two directions and at will. It must be aware of the world of souls and also of the world of men.

2. Bộ não phải nhạy cảm viễn cảm theo hai hướng và theo ý chí. Nó phải nhận biết thế giới của các linh hồn và cả thế giới của con người.

3. There must also exist a capacity for abstract or synthetic thought. This will enable a man to leap over racial and religious barriers. When this is present also there is an assured belief in the continuity of life and its correlation to the life after death.

3. Cũng phải có năng lực tư duy trừu tượng hay tổng hợp. Điều này sẽ giúp con người vượt qua các rào cản giống dân và tôn giáo. Khi năng lực này hiện diện, cũng có một niềm tin chắc chắn vào tính liên tục của sự sống và mối tương quan của nó với đời sống sau khi chết.

To sum up the situation, it must be noted that the groups in the past have stood for certain aspects of truth and have demonstrated certain ray characteristics. The new group will express all the aspects and have in it members on all the rays. The majority of the workers in the many groups have carried forward certain details of the plan, and added their quota of energy to the forward urge of humanity, but they have for the most part done this without any true understanding of what they were accomplishing, and without any real comprehension of that body-soul relationship which leads to really intelligent work, unless we except a few prominent mystics such as Meister Eckhart. They have been primarily groups of personalities, with that added touch of genius which indicates a

Tóm lại tình thế, cần lưu ý rằng các nhóm trong quá khứ đã đại diện cho một số phương diện của chân lý và đã biểu hiện một số đặc tính cung. Nhóm mới sẽ biểu lộ mọi phương diện và có trong đó các thành viên thuộc mọi cung. Phần lớn những người hoạt động trong nhiều nhóm đã đưa tới trước một số chi tiết của Thiên Cơ, và đã thêm phần năng lượng của họ vào xung lực tiến tới của nhân loại; nhưng phần lớn họ đã làm điều này mà không có sự thấu hiểu chân chính về điều họ đang hoàn thành, và không có sự lĩnh hội thật sự về mối quan hệ giữa thân thể và linh hồn vốn dẫn đến công việc thật sự sáng suốt, trừ khi chúng ta loại ra một vài nhà thần bí nổi bật như Meister Eckhart. Về căn bản, họ là những nhóm phàm ngã, với thêm nét chạm của thiên tài cho thấy một tiếp xúc nào đó với linh hồn. Nhóm hiện

certain contact with the soul. The group that is now in process of formation is composed of those who are aware of the fact of the soul, and have established a soul intercourse that is real and lasting; they look upon the mind, emotions and body nature as simply an equipment whereby human contacts can be established, and their work, as they see it, is to be carried forward through the medium of this equipment, acting under the direction of the soul. They are therefore living souls, working through personalities, and not personalities actuated by occasional soul impulses. The members of the many groups were all somewhat one-sided [416] and their talents ran along some specific line. They demonstrated a capacity to write as Shakespeare, to paint like a da Vinci, to produce musical masterpieces like a Beethoven, or to bring about world changes like a Napoleon. But the new type of group worker is a rounded out individual, with a capacity to do almost anything to which he sets his hand, but with a basic impulse to work on thought levels more than on the physical plane. He is therefore of use to the Hierarchy as he can be used in a variety of ways, for his flexibility and experience, and his stability of contact can be all subordinated to the group requirements.

đang trong tiến trình hình thành được cấu thành bởi những người nhận biết sự kiện về linh hồn, và đã thiết lập một sự giao lưu linh hồn có thật và bền vững; họ xem thể trí, cảm xúc và bản chất thân thể chỉ như một trang bị nhờ đó có thể thiết lập các tiếp xúc nhân loại, và công việc của họ, như họ nhìn thấy, phải được đưa tới trước thông qua phương tiện của trang bị này, hoạt động dưới sự chỉ đạo của linh hồn. Do đó, họ là những linh hồn sống, làm việc thông qua các phàm ngã, chứ không phải những phàm ngã được thúc đẩy bởi những xung lực linh hồn thỉnh thoảng xuất hiện. Các thành viên của nhiều nhóm trước kia đều có phần phiến diện [416] và tài năng của họ chạy theo một đường lối đặc thù nào đó. Họ biểu hiện năng lực viết như Shakespeare, vẽ như da Vinci, tạo ra những kiệt tác âm nhạc như Beethoven, hoặc đem lại những biến đổi thế giới như Napoleon. Nhưng kiểu người hoạt động nhóm mới là một cá nhân toàn diện, có năng lực làm hầu như bất cứ việc gì mà y bắt tay vào, nhưng với xung lực căn bản là làm việc trên các cấp độ tư tưởng hơn là trên cõi hồng trần. Do đó, y hữu dụng đối với Thánh Đoàn vì y có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau; tính linh hoạt, kinh nghiệm và sự ổn định trong tiếp xúc của y đều có thể được đặt dưới các yêu cầu của nhóm.

The true exponent of this new group type will of course not appear for many decades. He will be a true Aquarian with a universal touch, an intense sensitivity, a highly organised mental apparatus, an astral equipment which is primarily responsive to the higher spiritual vibrations, a powerful and controlled energy body, and a sound physical body, though not robust in the ordinary use of the term.

Dĩ nhiên, người biểu đạt chân chính của kiểu nhóm mới này sẽ chưa xuất hiện trong nhiều thập kỷ. Y sẽ là một người Bảo Bình đích thực với một nét phổ quát, một sự nhạy bén mãnh liệt, một bộ máy trí tuệ được tổ chức cao, một trang bị cảm dục chủ yếu đáp ứng với các rung động tinh thần cao hơn, một thể năng lượng mạnh mẽ và được kiểm soát, cùng một thể xác lành mạnh, dù không cường tráng theo nghĩa thông thường của từ này.

What then is the present situation in connection with the integrating group of mystics? Let me be somewhat explicit.

Vậy tình thế hiện nay liên quan đến nhóm các nhà thần bí đang tích hợp là gì? Hãy để Tôi trình bày khá rõ ràng.

In every European country, in the United States of America, and in parts of Asia and South Africa are to be found certain disciples, usually unrecognised in the world at large, who are *thinking truth*. Let me call your attention to that phrase. The most important workers in this new group and those who are closest to the Great Ones are those whose daily thought life is oriented by the new ideal. That this thought life of theirs may work out in definite esoteric activities may be true, but they are first of all and always those who live in and work from the "high and secret place". Their influence is wielded silently and quietly and they lay no emphasis upon their personalities, upon their own views and ideas, [417] or upon their methods of carrying forward the work. These possess a full realisation of their own limitations, but are not handicapped thereby, but proceed to think through into objective manifestation that aspect of the vision which it is their mission to vivify into form. They are necessarily cultured and widely read, for in these difficult transitional times they have to cultivate a world grasp of conditions and possess a general idea of what is going on in the different countries. They possess in truth no nationality in the sense that they regard their country and their political affiliations as of paramount importance. They are equipped to organise, slowly and steadily, that public opinion which will eventually divorce man from religious sectarianism, national exclusiveness, and racial biases.

Ở mỗi quốc gia châu Âu, tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, và tại một số vùng của châu Á và Nam Phi, có thể tìm thấy một số đệ tử, thường không được thế giới rộng lớn công nhận, đang *suy tư chân lý*. Hãy để Tôi lưu ý các bạn đến cụm từ ấy. Những người hoạt động quan trọng nhất trong nhóm mới này, và những người gần gũi nhất với các Đấng Cao Cả, là những người mà đời sống tư tưởng hằng ngày được định hướng bởi lý tưởng mới. Đời sống tư tưởng ấy của họ có thể biểu lộ thành những hoạt động huyền bí rõ rệt; điều đó có thể đúng, nhưng trước hết và luôn luôn, họ là những người sống trong và làm việc từ "nơi cao cả và kín nhiệm". Ảnh hưởng của họ được vận dụng âm thầm và lặng lẽ, và họ không nhấn mạnh vào phàm ngã của mình, vào quan điểm và ý tưởng riêng của mình, [417] hay vào các phương pháp đưa công việc tiến tới. Những người này có sự nhận biết đầy đủ về các giới hạn của chính mình, nhưng không bị chúng làm trở ngại; họ tiếp tục suy tư để đưa vào biểu hiện khách quan phương diện của tầm nhìn mà sứ mệnh của họ là tiếp sinh lực cho nó thành hình tướng. Tất yếu họ phải có văn hóa và đọc rộng, vì trong những thời kỳ chuyển tiếp khó khăn này, họ phải vun bồi một sự nắm bắt toàn cầu về các tình trạng và có một ý niệm tổng quát về những gì đang diễn ra trong các quốc gia khác nhau. Thật ra, họ không có quốc tịch theo nghĩa xem đất nước và các liên kết chính trị của mình là điều quan trọng bậc nhất. Họ được trang bị để tổ chức, chậm rãi và vững chắc, dư luận công chúng vốn cuối cùng sẽ tách con người khỏi óc giáo phái tôn giáo, tính biệt lập quốc gia và các thiên kiến giống dân.

One by one, here and there they are being gathered out and are gathering to them those who are free from the limitations of past political, religious and cultural theories. They, the members of the one group, are organising these forward looking souls into groups which are destined to bring in the new era of peace and of good will. These latter who are being influenced by the group members are as yet only a few thousands among the millions of men, and out of the four hundred accepted disciples working in the world at this time, only about 156 are equipped by their thought activity to form part of this slowly forming group. These constitute the nucleus of what will be some day a dominant force. During the next twenty-five years their influence will become potent enough to attract political attention, provided those of you who have seen the vision of a *powerful subjective body of thinking Souls* can speak the needed words, and outline those concepts which will hasten the work of integration, and put the units in this group in touch with one another. Do your utmost to see that this is done and [418] make this the message and keynote of the work you all do wherever you are.

Từng người một, ở đây và ở đó, họ đang được rút ra và đang thu hút về mình những người thoát khỏi các giới hạn của những lý thuyết chính trị, tôn giáo và văn hóa trong quá khứ. Họ, các thành viên của nhóm duy nhất, đang tổ chức những linh hồn hướng về tương lai này thành các nhóm được định sẵn để đưa vào kỷ nguyên mới của hòa bình và thiện chí. Những người sau này, đang chịu ảnh hưởng của các thành viên nhóm, hiện vẫn chỉ là vài nghìn người giữa hàng triệu người; và trong số bốn trăm đệ tử được chấp nhận đang làm việc trong thế giới vào lúc này, chỉ khoảng một trăm năm mươi sáu người được trang bị bằng hoạt động tư tưởng của họ để trở thành một phần của nhóm đang hình thành chậm rãi này. Họ cấu thành hạt nhân của điều một ngày kia sẽ là một mãnh lực chi phối. Trong hai mươi lăm năm tới, ảnh hưởng của họ sẽ trở nên đủ mạnh để thu hút sự chú ý chính trị, với điều kiện những ai trong các bạn đã thấy tầm nhìn về một *đoàn thể chủ quan mạnh mẽ gồm các Linh hồn biết suy tư* có thể nói ra những lời cần thiết, và phác họa những khái niệm sẽ thúc đẩy công việc tích hợp, đồng thời đặt các đơn vị trong nhóm này tiếp xúc với nhau. Hãy làm hết sức mình để thấy rằng điều này được thực hiện, và [418] hãy biến điều này thành thông điệp và chủ âm của công việc mà tất cả các bạn thực hiện, bất cứ ở đâu.

What should therefore be the work of the immediate present? Let me outline the programme as far as I can.

Vậy công việc của hiện tại trước mắt phải là gì? Hãy để Tôi phác thảo chương trình trong mức độ Tôi có thể.

The first thing to be done is to strengthen the ties and establish firmly the link between yourselves and all those whom you recognise as possible working disciples in the new group. To do this, acquaint yourselves with the work of the leaders of groups in the various countries of the world —such as Switzerland, the United States,

Điều đầu tiên cần làm là củng cố các mối dây và thiết lập vững chắc liên kết giữa chính các bạn với tất cả những người mà các bạn nhận ra là những đệ tử hoạt động khả hữu trong nhóm mới. Để làm điều này, hãy làm quen với công việc của các nhà lãnh đạo nhóm tại các quốc gia khác nhau trên thế giới—như Thụy Sĩ, Hoa Kỳ, Hà Lan, Đức và Anh. Từ

Holland, Germany and Great Britain. From their reaction to the vision of this new age type of work you can then make a temporary decision. Watch them at their work. Note the emphasis laid by them upon personalities. If personal ambition seems to govern their activities, if their position is one of a determination to work in the group of mystics because of its novelty or because it gives them a certain standing or because it intrigues their imagination or gives them scope for gathering people around them, then proceed no further, but—preserving silence—leave time and the law to correct their attitude.

phản ứng của họ đối với tầm nhìn về kiểu công việc của kỷ nguyên mới này, các bạn có thể đưa ra một quyết định tạm thời. Hãy quan sát họ trong công việc. Hãy ghi nhận sự nhấn mạnh mà họ đặt lên phàm ngã. Nếu tham vọng cá nhân dường như chi phối các hoạt động của họ, nếu lập trường của họ là quyết tâm làm việc trong nhóm các nhà thần bí vì tính mới lạ của nó, hoặc vì nó đem lại cho họ một địa vị nào đó, hoặc vì nó kích thích sự tưởng tượng của họ, hoặc cho họ phạm vi để quy tụ người khác quanh mình, thì đừng tiến xa hơn; nhưng—giữ im lặng—hãy để thời gian và định luật sửa chữa thái độ của họ.

Secondly, be receptive towards those who seek you out and seem to vibrate to the same note. When I say you, I mean the group to which you all subjectively belong. They will come if you work with decision and sound out the note of unity so clearly that they are in no doubt as to your motives and your disinterested activity. Some of the 156 who form the present nucleus will be known to you and will work in unison with you, though maybe not in your peculiar field of action.

Thứ hai, hãy tiếp nhận những người tìm đến các bạn và dường như rung động cùng một âm điệu. Khi Tôi nói "các bạn", Tôi muốn nói đến nhóm mà tất cả các bạn thuộc về một cách chủ quan. Họ sẽ đến nếu các bạn làm việc với sự quyết đoán và xướng lên âm điệu hiệp nhất rõ ràng đến mức họ không còn nghi ngờ gì về động cơ và hoạt động vô tư của các bạn. Một số trong một trăm năm mươi sáu người cấu thành hạt nhân hiện tại sẽ được các bạn biết đến và sẽ làm việc hòa hợp với các bạn, dù có thể không trong lĩnh vực hoạt động đặc thù của các bạn.

The picture to be held before your eyes is that of a vast network of groups, working along the many possible lines, but having at their heart or behind them—working silently and persistently influencing through soul contact—one or more members of the new slowly emerging [419] group. These focal points through which the Hierarchy is now seeking to work stand together telepathically and exoterically they must work in the completest understanding, preserving always an attitude of non-interference, and leaving each worker free to teach his own group as he sees fit. The terms

Hình ảnh cần được giữ trước mắt các bạn là hình ảnh một mạng lưới rộng lớn gồm các nhóm, hoạt động theo nhiều đường lối khả hữu, nhưng nơi trung tâm hoặc phía sau họ —làm việc âm thầm và bền bỉ gây ảnh hưởng thông qua tiếp xúc linh hồn—có một hoặc nhiều thành viên của nhóm mới đang chậm rãi xuất hiện [419]. Những tiêu điểm này, qua đó Thánh Đoàn hiện đang tìm cách làm việc, đứng cùng nhau bằng viễn cảm; và trên bình diện ngoại môn, họ phải làm việc trong sự thấu hiểu trọn vẹn nhất, luôn giữ thái độ không can thiệp, và để mỗi người hoạt động được tự do dạy nhóm riêng của mình theo

used, the methods employed, the types reached, the truths taught, the discipline of life demonstrated concern no one but the working disciple.

cách y thấy thích hợp. Các thuật ngữ được dùng, các phương pháp được áp dụng, các kiểu người được tiếp cận, các chân lý được dạy, kỷ luật đời sống được biểu hiện—tất cả những điều này không liên quan đến ai ngoài người đệ tử đang hoạt động.

The members of this group of new age workers will, however, possess certain general characteristics. They will impose no enforced dogmas of any kind, and will lay no emphasis upon any doctrine or authorities. They are not interested in having any personal authority nor do they rest back upon traditional authority, whether religious, scientific, cultural or any other form of imposed truth. Modes of approach to reality will be recognised and each will be free to choose his own. No discipline will be imposed by these workers upon those who seek to cooperate with them. The ideas of any one person or leader as to how the units in his particular sphere of activity should live and work, should meditate and eat, will be regarded as of no special value. The members of this new group work esoterically with souls, and deal not with the details of the personality lives of the aspirants they seek to inspire.

Tuy nhiên, các thành viên của nhóm những người hoạt động kỷ nguyên mới này sẽ sở hữu một số đặc tính chung. Họ sẽ không áp đặt bất kỳ giáo điều cưỡng bức nào, và sẽ không nhấn mạnh vào bất kỳ học thuyết hay thẩm quyền nào. Họ không quan tâm đến việc có bất kỳ thẩm quyền cá nhân nào, cũng không dựa vào thẩm quyền truyền thống, dù là tôn giáo, khoa học, văn hóa hay bất kỳ hình thức chân lý áp đặt nào khác. Các phương thức tiếp cận thực tại sẽ được công nhận, và mỗi người sẽ tự do chọn phương thức của riêng mình. Những người hoạt động này sẽ không áp đặt kỷ luật nào lên những người tìm cách cộng tác với họ. Các ý tưởng của bất kỳ cá nhân hay nhà lãnh đạo nào về việc các đơn vị trong lĩnh vực hoạt động riêng của y nên sống và làm việc, nên tham thiền và ăn uống như thế nào, sẽ được xem là không có giá trị đặc biệt. Các thành viên của nhóm mới này làm việc một cách huyền bí với các linh hồn, và không đề cập đến các chi tiết trong đời sống phàm ngã của những người chí nguyện mà họ tìm cách truyền cảm hứng.

This is a basic rule and will serve to eliminate many worthy aspirants from this group of world servers now in process of forming. The tendency to impose one's own point of view indicates a lack of understanding and it will rule many out.

Đây là một quy luật căn bản và sẽ giúp loại khỏi nhóm những Người Phụng Sự Thế Gian hiện đang hình thành này nhiều người chí nguyện xứng đáng. Khuynh hướng áp đặt quan điểm riêng của mình cho thấy sự thiếu thấu hiểu, và điều đó sẽ loại nhiều người ra ngoài.

Again, the young and promising aspirants must be sought out and carefully inculcated with the trend of the new ideals. They must

Một lần nữa, cần tìm ra những người chí nguyện trẻ tuổi và đầy hứa hẹn, rồi cẩn thận truyền vào họ khuynh hướng của những lý

be taught to look for the divine and the good in all—both people and circumstances. Breadth of vision must be developed and that [420] wide horizon pointed out which will enable the aspirants to live through this transitional period which is now with us, so that when they reach middle life they will stand as pillars of strength in the new world. Do not narrow them down to the ancient disciplines and teach them not to lay emphasis upon diet, celibacy, times and seasons, and so distract their attention away from the newer and sacred art of being and the wonder of living as a soul.

tưởng mới. Họ phải được dạy tìm kiếm điều thiêng liêng và điều thiện trong tất cả—cả con người lẫn hoàn cảnh. Tầm nhìn rộng phải được phát triển và chân trời [420] rộng lớn ấy phải được chỉ ra, nhờ đó những người chí nguyện có thể sống xuyên qua giai đoạn chuyển tiếp hiện đang ở cùng chúng ta, để khi đến tuổi trung niên, họ sẽ đứng như những trụ cột sức mạnh trong thế giới mới. Đừng thu hẹp họ vào những kỷ luật cổ xưa và hãy dạy họ đừng nhấn mạnh vào chế độ ăn uống, đời sống độc thân, thời điểm và mùa tiết, để rồi làm phân tán sự chú ý của họ khỏi nghệ thuật mới mẻ và thiêng liêng của sự hiện tồn, cũng như khỏi điều kỳ diệu của việc sống như một linh hồn.

Forget not that when a man is living as a soul and his entire personality is therefore subordinated to that soul, unselfish purpose, purity of life, conformity to law and the setting of a true example of spiritual living will normally and automatically follow. Food, for instance, is frequently a matter of climatic expediency and of taste, and that food is desirable which keeps the physical body in condition to serve the race. Again, a divine son of God can surely function as freely and as effectively when in the married state as in the celibate; he will however brook no prostitution of the powers of the body to the grosser satisfactions, nor will he offend against established custom, nor lower the standard which the world has set for its highest and best. The issues have been confused and the emphasis has been too often laid upon the physical acts and not upon the life of the actor. When the attention is fixed upon the soul, the physical plane life will be rightly handled. It will be realised that there is greater hindrance to the growth of the man in spiritual being through a critical attitude or a state of self satisfaction than by the eating of meat.

Đừng quên rằng khi một người đang sống như một linh hồn và toàn thể phàm ngã của y do đó được đặt dưới linh hồn ấy, thì mục đích vô kỷ, sự thanh khiết của đời sống, sự tuân hợp định luật và việc nêu một gương mẫu chân thật về đời sống tinh thần sẽ diễn ra một cách bình thường và tự động. Chẳng hạn, thực phẩm thường là vấn đề thích nghi với khí hậu và khẩu vị, và loại thực phẩm đáng dùng là loại giữ cho thể xác ở trong tình trạng có thể phụng sự nhân loại. Lại nữa, một Con của Thượng đế thiêng liêng chắc chắn có thể hoạt động tự do và hiệu quả trong tình trạng hôn nhân cũng như trong đời sống độc thân; tuy nhiên, y sẽ không dung thứ việc lạm dụng các quyền năng của thể xác vào những thỏa mãn thô trược hơn, cũng sẽ không xúc phạm phong tục đã được thiết lập, hay hạ thấp tiêu chuẩn mà thế giới đã đặt ra cho những gì cao nhất và tốt đẹp nhất. Các vấn đề đã bị lẫn lộn, và sự nhấn mạnh thường quá được đặt lên các hành vi hồng trần chứ không phải lên đời sống của người hành động. Khi sự chú ý được cố định vào linh hồn, đời sống cõi hồng trần sẽ được xử lý đúng đắn. Người ta sẽ nhận ra rằng thái độ phê phán hay trạng thái tự mãn gây trở ngại lớn hơn cho sự tăng trưởng của con

người trong hiện tồn tinh thần so với việc ăn thịt.

Two rules of life activity must be taught the young aspirant:

Hai quy luật của hoạt động đời sống phải được dạy cho người chí nguyện trẻ tuổi:

He must be taught to focus on constructive activity and to refrain from pulling down the old order of living. He must be set to building for the future, and to thinking along the new lines. He must be warned not to waste time in attacking that which is undesirable, but must instead [421] bend all his energies to creating the new temple of the Lord through which the glory may be manifested. In this way public attention will gradually be focussed upon the new and beautiful, and the old established creations will fall into decay for lack of attention and so disappear.

Y phải được dạy tập trung vào hoạt động xây dựng và tránh phá đổ trật tự sống cũ. Y phải được đặt vào việc xây dựng cho tương lai và suy tư theo những đường lối mới. Y phải được cảnh báo đừng lãng phí thời gian tấn công những gì không đáng mong muốn, mà thay vào đó phải [421] dồn toàn bộ năng lượng của mình vào việc tạo dựng đền thờ mới của Chúa Tể, qua đó vinh quang có thể được biểu hiện. Bằng cách này, sự chú ý của công chúng sẽ dần dần được tập trung vào cái mới và đẹp đẽ, còn các sáng tạo cũ đã được thiết lập sẽ suy tàn vì thiếu sự chú ý và do đó biến mất.

He must be taught also that partisanship is in no way a sign of spiritual development. He will not therefore use the words *anti* this or *pro* that. Such terms automatically breed hatred and attack, and effort to resist change. They put the user on the defensive. Every class of human beings is a group of brothers. Catholics, Jews, Gentiles, occidentals and orientals are all the sons of God.

Y cũng phải được dạy rằng tinh thần phe phái không hề là dấu hiệu của sự phát triển tinh thần. Do đó, y sẽ không dùng các từ *chống* điều này hay *ủng hộ* điều kia. Những thuật ngữ như thế tự động sinh ra hận thù và tấn công, cũng như nỗ lực chống lại sự thay đổi. Chúng đặt người sử dụng vào thế phòng thủ. Mọi lớp người đều là một nhóm huynh đệ. Người Công giáo, người Do Thái, người ngoại giáo, người phương Tây và người phương Đông đều là các Con của Thượng đế.

As regards the future of this world group of which we have been speaking much depends upon two things.

Về tương lai của nhóm thế giới này mà chúng ta đã nói nhiều, rất nhiều điều tùy thuộc vào hai điều.

First, it is necessary for all those isolated disciples working in every country in the world, to become aware of one another and then to enter into telepathic rapport. This may seem to you to be a wonderful but impractical vision. I assure you that this is

Thứ nhất, tất cả những đệ tử cô lập đang làm việc trong mọi quốc gia trên thế giới cần nhận biết lẫn nhau, rồi bước vào mối hòa điệu viễn cảm. Điều này có thể dường như là một tầm nhìn kỳ diệu nhưng không thực tiễn đối với các bạn. Tôi bảo đảm với các bạn

not so. The work of establishing this rapport may indeed be slow, but it is an inevitable effect of the growing sensitivity of all the souls who are working in the field of the world. The first indication of it is that instinctive recognition of those who constitute part of this group when they meet and contact each other in the ways of world intercourse. There comes to them an immediate flashing forth of the light, an instantaneous electrical interplay, a sudden sensing of a similarity of vision and of objective, or a vital opportunity to aid in and to cooperate with each other in the work in which it is realized that all are interested.

rằng không phải vậy. Công việc thiết lập mối hòa điệu này quả thật có thể chậm, nhưng đó là một hiệu quả tất yếu của sự nhạy bén ngày càng tăng nơi tất cả các linh hồn đang làm việc trong lĩnh vực của thế giới. Dấu hiệu đầu tiên của nó là sự nhận biết theo bản năng đối với những người cấu thành một phần của nhóm này khi họ gặp gỡ và tiếp xúc với nhau trong các cách thức giao lưu của thế gian. Nơi họ xuất hiện một sự lóe sáng tức thời, một tương tác điện lực tức khắc, một cảm nhận đột ngột về sự tương đồng trong tầm nhìn và mục tiêu, hoặc một cơ hội sống động để trợ giúp và cộng tác với nhau trong công việc mà họ nhận ra rằng tất cả đều quan tâm.

Working disciples everywhere when they meet each other will know at once that their work is identical, and will advise with each other as to where cooperation and [422] supplementary endeavour may be possible. In about thirty years the interrelation between the units in this group (scattered as they may be all over the world) will be so close that daily they will meet each other at a set time and in the secret place. This only becomes possible when the triplicity of soul-mind-brain are all aligned in the individual and when each aspect of it can be simultaneously in touch with members of the group. At present all the souls of the group of mystics do work in unison; a number have succeeded in bringing the soul and the mind also into a close and established relation, but as yet the lowest aspect of this aligned and linking triangle, the physical brain, remains totally unresponsive to the waves of force emanating from the higher aspects of the disciples engaged thus in laying the foundations of the new age civilisation.

Các đệ tử hoạt động ở khắp nơi, khi gặp nhau, sẽ biết ngay rằng công việc của họ là đồng nhất, và sẽ bàn bạc với nhau xem nơi nào có thể có sự cộng tác và [422] nỗ lực bổ trợ. Trong khoảng ba mươi năm nữa, mối tương quan giữa các đơn vị trong nhóm này, dù họ có thể rải rác khắp thế giới, sẽ gần gũi đến mức hằng ngày họ sẽ gặp nhau vào một thời điểm ấn định và tại nơi kín nhiệm. Điều này chỉ trở nên khả hữu khi bộ ba linh hồn-thể trí-bộ não đều được chỉnh hợp trong cá nhân, và khi mỗi phương diện của bộ ba ấy có thể đồng thời tiếp xúc với các thành viên của nhóm. Hiện nay, tất cả các linh hồn của nhóm các nhà thần bí đều làm việc hòa hợp; một số đã thành công trong việc đưa linh hồn và thể trí vào một mối liên hệ gần gũi và được thiết lập; nhưng cho đến nay, phương diện thấp nhất của tam giác đã chỉnh hợp và liên kết này, tức bộ não hồng trần, vẫn hoàn toàn không đáp ứng với các làn sóng mãnh lực xuất lộ từ các phương diện cao hơn của những đệ tử đang tham gia như vậy vào việc đặt nền móng cho nền văn minh kỷ nguyên mới.

It is therefore largely a matter of perfecting the mechanism of the brain so that it can rightly register and correctly transmit the soul impressions and the group purposes and recognitions. This involves:

Do đó, phần lớn vấn đề là hoàn thiện bộ máy của bộ não để nó có thể ghi nhận đúng đắn và truyền đạt chính xác các ấn tượng của linh hồn, các mục đích và nhận biết của nhóm. Điều này bao gồm:

1. The awakening into conscious activity of the centre between the eyebrows, called by the oriental student, the ajna centre.

1. Đánh thức trung tâm giữa hai chân mày, được đạo sinh phương Đông gọi là trung tâm ajna, vào hoạt động có ý thức.

2. The subordinating then of the activity of this centre to that of the head centre, so that the two vibrate in unison. This produces the establishment of three things:

2. Sau đó, đặt hoạt động của trung tâm này dưới hoạt động của trung tâm đầu, để hai trung tâm rung động hòa hợp. Điều này tạo ra sự thiết lập ba điều:

a. Direct conscious alignment between soul-mind-brain.

a. Sự chỉnh hợp trực tiếp có ý thức giữa linh hồn-thể trí-bộ não.

b. The appearance of a magnetic field which embraces both the head centres and so definitely affects the pineal gland and the pituitary body.

b. Sự xuất hiện của một trường từ tính bao gồm cả hai trung tâm đầu, và do đó tác động rõ rệt lên tuyến tùng và tuyến yên.

c. The recognition of this field of dual activity in two ways: as of a light in the head, an interior radiant sun, or as a dynamic centre of energy [423] through which the will or purpose aspect of the soul can make itself felt.

c. Sự nhận biết trường hoạt động kép này theo hai cách: như một ánh sáng trong đầu, một mặt trời rạng rỡ bên trong, hoặc như một trung tâm năng lượng năng động [423] qua đó phương diện ý chí hay mục đích của linh hồn có thể khiến chính nó được cảm nhận.

3. The development of a facility which will enable a man to:

3. Sự phát triển một khả năng sẽ cho phép con người:

a. Use the mind in any direction he chooses, turning it externally towards the world of phenomena, or internally towards the world of spiritual being.

a. Sử dụng thể trí theo bất kỳ hướng nào y chọn, xoay nó ra bên ngoài về phía thế giới hiện tượng, hoặc vào bên trong về phía thế giới hiện tồn tinh thần.

b. Produce consciously and at will a corresponding responsiveness in the physical brain, so that it can register

b. Tạo ra một cách có ý thức và theo ý chí một sự đáp ứng tương ứng trong bộ não hồng trần, để nó có thể ghi nhận chính xác

accurately any information coming from the physical world, and the emotional or astral world.

bất kỳ thông tin nào đến từ thế giới hồng trần, và từ thế giới cảm xúc hay cõi cảm dục.

c. Discriminate intelligently between all these spheres of sentient activity.

c. Phân biện một cách sáng suốt giữa tất cả các lĩnh vực hoạt động cảm tri này.

This will all be eventually covered by a new psychological approach which will emerge out of the old and be a blend of the mechanical schools, the introspective and the more purely oriental position, plus the conclusions of two new schools which will shortly arise but which are as yet too small to warrant a name. They are in the embryo stage. One school will deal with the energy aspects of the individual and his responsiveness to the energy of the universe in which he is immersed; the other will consider man as a unit of electricity. Both will be quite one-sided but the contributions of the various schools will some day be unified into one synthetic presentation.

Tất cả điều này cuối cùng sẽ được bao quát bởi một cách tiếp cận tâm lý học mới, vốn sẽ xuất hiện từ cái cũ và là một sự hòa hợp giữa các trường phái cơ giới, trường phái nội quan và lập trường thuần phương Đông hơn, cộng thêm các kết luận của hai trường phái mới sẽ sớm phát sinh nhưng hiện vẫn còn quá nhỏ để đáng được đặt tên. Chúng đang ở giai đoạn phôi thai. Một trường phái sẽ đề cập đến các phương diện năng lượng của cá nhân và sự đáp ứng của y với năng lượng của vũ trụ trong đó y đang được bao bọc; trường phái kia sẽ xem con người như một đơn vị điện lực. Cả hai sẽ khá phiến diện, nhưng những đóng góp của các trường phái khác nhau một ngày kia sẽ được thống nhất thành một trình bày tổng hợp duy nhất.

The second requirement which will establish relation between the working disciples in this group is the capacity to preserve a constant and sequential recollection of both the inner and the outer life. We call it continuity of consciousness, and by this we mean the power to be fully aware of all happenings in all spheres and departments of man's being during the entire twenty-four hours of the day. As yet this is far from being the [424] case. There is no real awareness of existence during the hours of sleep. The dream life as related is as full of illusion as any of the more definitely lower psychic experiences. The slowly growing interest in dreams from the standpoint of psychology and the investigation of their probable source are the first weak attempts towards establishing the

Yêu cầu thứ hai sẽ thiết lập mối liên hệ giữa các đệ tử hoạt động trong nhóm này là năng lực duy trì một sự hồi tưởng liên tục và tuần tự về cả đời sống bên trong lẫn bên ngoài. Chúng ta gọi đó là sự liên tục của tâm thức, và bằng điều này chúng ta muốn nói đến quyền năng nhận biết đầy đủ mọi sự kiện trong mọi lĩnh vực và bộ phận của bản thể con người suốt toàn bộ hai mươi bốn giờ trong ngày. Hiện nay điều này vẫn còn xa mới là [424] trường hợp thực tế. Không có nhận biết thật sự về sự tồn tại trong những giờ ngủ. Đời sống mộng, như được thuật lại, đầy ảo tưởng chẳng kém bất kỳ trải nghiệm thông linh thấp hơn rõ rệt nào. Sự quan tâm đang tăng chậm đối với giấc mộng từ quan điểm tâm lý học, và việc khảo sát nguồn gốc khả hữu của chúng, là những nỗ lực yếu ớt đầu tiên hướng tới việc thiết lập sự nhận biết

awareness on a really scientific basis. There is as yet no conscious registering of mental activity during such times, for instance, as when the emotional body holds the centre of the stage. With what is the mind occupied during a long period of emotional upset? It has, we know, its own life and its laws. Again, what are the activities of the soul when the personality is occupied exclusively with its own affairs? Is it impossible for you to vision a time when the development of consciousness will have reached the stage where there will be a sentient reaction in all the departments of man's nature and all of it recorded by the brain? Already men are aware both of physical plane activity and emotional aliveness simultaneously. That is for the majority a common and ordinary condition. Where two activities can be registered at once, why not three or even four? Such is the future ahead for the race, and the disciples, actively employed, will be the first to express and demonstrate this extended consciousness.

trên một nền tảng thật sự khoa học. Cho đến nay vẫn chưa có sự ghi nhận có ý thức về hoạt động trí tuệ trong những thời điểm như khi thể cảm dục chiếm vị trí trung tâm. Thể trí bận rộn với điều gì trong một giai đoạn dài xáo trộn cảm xúc? Chúng ta biết rằng nó có đời sống riêng và các định luật riêng. Lại nữa, các hoạt động của linh hồn là gì khi phàm ngã chỉ bận rộn với những việc riêng của nó? Các bạn có thấy không thể hình dung một thời điểm khi sự phát triển tâm thức đã đạt đến giai đoạn mà sẽ có một phản ứng cảm tri trong mọi bộ phận của bản chất con người, và tất cả đều được bộ não ghi nhận? Con người đã nhận biết đồng thời cả hoạt động cõi hồng trần lẫn sức sống cảm xúc. Đối với đa số, đó là một tình trạng thông thường và bình thường. Khi hai hoạt động có thể được ghi nhận cùng lúc, tại sao không phải là ba hoặc thậm chí bốn? Đó là tương lai phía trước của nhân loại, và các đệ tử đang hoạt động tích cực sẽ là những người đầu tiên biểu lộ và chứng minh tâm thức mở rộng này.

Thus telepathic interplay and extended sentiency must be developed and are closely interlinked with each other.

Do đó, tương tác viễn cảm và năng lực cảm tri mở rộng phải được phát triển, và chúng liên kết chặt chẽ với nhau.

I have therefore pointed out the immediate future development of the individual disciple. What lies ahead in the immediate future for the group?

Vì vậy, Tôi đã chỉ ra sự phát triển tương lai trước mắt của từng đệ tử cá nhân. Điều gì nằm phía trước trong tương lai gần đối với nhóm?

First of all, a preliminary period of emergence into the public consciousness, and thus of making its presence felt. This will be done through the steady communication of the new ideals and the constant emphasis laid upon the essential oneness of all humanity. It will [425] be the result of the uniformity and inclusiveness of the note sounded by one here and another there. During this stage there must be no

Trước hết là một giai đoạn sơ khởi của việc xuất hiện trong tâm thức công chúng, và do đó làm cho sự hiện diện của nhóm được cảm nhận. Điều này sẽ được thực hiện qua sự truyền đạt đều đặn các lý tưởng mới và sự nhấn mạnh liên tục vào tính nhất thể thiết yếu của toàn thể nhân loại. Nó sẽ [425] là kết quả của sự đồng nhất và tính bao gồm trong âm điệu được xướng lên bởi người này ở đây và người kia ở đó. Trong giai đoạn này,

hurried work and no precipitate action of any kind. The growth of the group and of its ideas will be slow and sure. The group exists already. It has not to be formed and organised, and there is therefore for none of you the assuming of any sense of responsibility nor the organising of any activity desired to lure these disciples, who have chosen thus to work subjectively, into publicity. Such are not the methods approved by the Elder Brothers of the race, nor is it the way that They Themselves work.

không được có công việc vội vã và không được có hành động hấp tấp thuộc bất kỳ loại nào. Sự tăng trưởng của nhóm và các ý tưởng của nhóm sẽ chậm rãi và chắc chắn. Nhóm đã tồn tại rồi. Nó không cần được thành lập và tổ chức; do đó không ai trong các bạn phải gánh lấy bất kỳ cảm thức trách nhiệm nào, cũng không phải tổ chức bất kỳ hoạt động nào nhằm lôi kéo những đệ tử đã chọn làm việc một cách chủ quan như vậy ra trước công chúng. Đó không phải là những phương pháp được các Huynh Trưởng của nhân loại chấp thuận, cũng không phải là cách mà chính Các Ngài làm việc.

Know each of you for yourselves whether you stand for the new position, the new attitude towards work, and for the subjective method. Decide once and for all whether you prefer to work in the old exoteric ambitious manner, building and vitalising an organisation, and so producing all the mechanism which goes with such a method of work. Remember that such groups are still greatly needed and are useful. It is not yet the new age and the little ones must not be left exposed to the new forces, nor turned out bereft of the nursery to which they naturally belong.

Mỗi người trong các bạn hãy tự biết liệu mình có đại diện cho lập trường mới, thái độ mới đối với công việc, và phương pháp chủ quan hay không. Hãy quyết định dứt khoát một lần cho tất cả liệu các bạn thích làm việc theo cách ngoại môn cũ đầy tham vọng, xây dựng và tiếp sinh lực cho một tổ chức, và như vậy tạo ra toàn bộ bộ máy đi kèm với phương pháp làm việc ấy. Hãy nhớ rằng những nhóm như thế vẫn còn rất cần thiết và hữu dụng. Kỷ nguyên mới chưa đến, và những người bé nhỏ không được để trơ trọi trước các mãnh lực mới, cũng không được đưa ra ngoài trong tình trạng bị tước mất vườn ươm mà họ tự nhiên thuộc về.

Should the new mode of work appeal to you, see to it that the personality is subordinated, that the life of meditation is kept paramount in importance, that sensitivity to the subjective realm is cultivated, and any necessary outer activities are handled from within outwards. Avoid a purely mystical introspection or its opposite extreme, an over-emphasised organising spirit, remembering that a life of truly occult meditation must inevitably produce outer happenings, but that these objective results are produced by an inner growth and not by

Nếu phương thức làm việc mới hấp dẫn các bạn, hãy bảo đảm rằng phàm ngã được đặt dưới, đời sống tham thiền được giữ ở vị trí quan trọng tối thượng, sự nhạy bén với cõi giới chủ quan được vun bồi, và mọi hoạt động bên ngoài cần thiết được xử lý từ bên trong ra bên ngoài. Hãy tránh một sự nội quan thuần thần bí, hoặc cực đoan đối nghịch của nó là một tinh thần tổ chức bị nhấn mạnh quá mức; hãy nhớ rằng một đời sống tham thiền huyền bí chân chính tất yếu phải tạo ra những sự kiện bên ngoài, nhưng những kết quả khách quan này được tạo ra

an outer activity. An ancient Scripture teaches this truth in the following terms: [426]

bởi một sự tăng trưởng bên trong chứ không phải bởi một hoạt động bên ngoài. Một Kinh văn cổ dạy chân lý này bằng những lời sau: [426]

"When the sun progresses into the mansion of the serving man, the way of life takes the place of the way of work. Then the tree of life grows until its branches shelter all the sons of men. The building of the Temple and the carrying of the stones cease. The growing trees are seen; the buildings disappear. Let the sun pass into its appointed place, and in this day and generation attend ye to the roots of growth."

"Khi mặt trời tiến vào cung nhà của người phụng sự, con đường của đời sống thay thế con đường của công việc. Khi ấy cây sự sống lớn lên cho đến khi các cành của nó che chở tất cả những người con của nhân loại. Việc xây dựng Đền Thờ và việc khuân đá chấm dứt. Những cây đang lớn được nhìn thấy; các tòa nhà biến mất. Hãy để mặt trời đi vào nơi đã định của nó, và trong ngày cùng thế hệ này, các ngươi hãy chăm lo cho các rễ của sự tăng trưởng."

Little groups will spring up here and there whose members respond to the new note and whose growth into the world group will be watched over by one or more working disciples. But these latter do not organise the groups; they grow as a man in this place and another in that place awakens to the new vision or comes into incarnation in order to take his place in the work and bring in the new era. These groups will demonstrate no sense of separateness; they will be unaware of personal or of group ambition; they will recognise their unity with all that exists, and will stand before the world as examples of pure living, constructive building, creative activity subordinated to the general purpose, beauty and inclusiveness. Perhaps in the early stages of integration, the words friendliness and cooperativeness best describe them. They are not interested in dogmas or doctrines and have no shibboleths. Their outstanding characteristic will be an individual and group freedom from a critical spirit. This non-criticism will not grow out of an inability to see error, or failure to measure up to an idea; falsity, impurity and weakness

Các nhóm nhỏ sẽ nảy sinh ở đây và ở đó, với các thành viên đáp ứng với âm điệu mới, và sự tăng trưởng của họ vào nhóm thế giới sẽ được một hoặc nhiều đệ tử hoạt động trông nom. Nhưng những đệ tử sau này không tổ chức các nhóm; các nhóm ấy tăng trưởng khi một người ở nơi này và một người khác ở nơi kia thức tỉnh trước tầm nhìn mới, hoặc lâm phàm để đảm nhận vị trí của mình trong công việc và đưa vào kỷ nguyên mới. Các nhóm này sẽ không biểu hiện cảm thức chia rẽ; họ sẽ không nhận biết tham vọng cá nhân hay tham vọng nhóm; họ sẽ công nhận sự hợp nhất của mình với tất cả những gì hiện hữu, và sẽ đứng trước thế giới như những tấm gương của đời sống thanh khiết, xây dựng kiến tạo, hoạt động sáng tạo được đặt dưới mục đích chung, vẻ đẹp và tính bao gồm. Có lẽ trong những giai đoạn đầu của sự tích hợp, các từ thân thiện và hợp tác mô tả họ đúng nhất. Họ không quan tâm đến giáo điều hay học thuyết và không có những khẩu hiệu phân biệt. Đặc tính nổi bật của họ sẽ là sự tự do cá nhân và nhóm khỏi tinh thần phê phán. Sự không phê phán này sẽ không phát sinh từ việc không có khả năng thấy sai lầm, hay không nhận ra sự không

will be recognised for what they are, but when noted will only serve to evoke a loving helpfulness.

đạt tới một lý tưởng; giả dối, bất tịnh và yếu đuối sẽ được nhận biết đúng như chúng là, nhưng khi được ghi nhận, chúng chỉ nhằm gợi lên một sự trợ giúp đầy tình thương.

Little by little these groups will come to know each other and to meet with one another at set times and places. They will come to these mutual conferences with no desire to impress one another and with no thought of relative numerical strength; they will demonstrate no ambition to increase their ranks. How should they when [427] they know themselves all to be members of the one world Group? They have no teaching to give of a doctrinal nature and will not seek to demonstrate learning. They will meet solely to discuss modes of world helpfulness, the formation of a platform so universal and composed of such basic truths that it can be presented under all the varying methods and utilise the many terminologies. They will endeavour to employ each other's terms, and to familiarise themselves with each other's approach to reality and symbology.

Dần dần, các nhóm này sẽ biết nhau và gặp gỡ nhau vào những thời điểm và địa điểm ấn định. Họ sẽ đến các hội nghị hỗ tương này mà không có mong muốn gây ấn tượng với nhau và không có ý nghĩ về sức mạnh tương đối theo số lượng; họ sẽ không biểu hiện tham vọng gia tăng hàng ngũ của mình. Làm sao họ có thể như thế khi [427] họ biết tất cả chính mình đều là thành viên của một Nhóm thế giới duy nhất? Họ không có giáo huấn mang tính giáo điều để trao truyền và sẽ không tìm cách phô bày học thức. Họ sẽ gặp nhau chỉ để thảo luận các phương thức trợ giúp thế giới, việc hình thành một nền tảng phổ quát đến mức và được cấu thành bởi những chân lý căn bản đến mức nó có thể được trình bày dưới mọi phương pháp khác nhau và sử dụng nhiều hệ thuật ngữ. Họ sẽ cố gắng dùng thuật ngữ của nhau, và làm cho mình quen thuộc với cách tiếp cận thực tại và biểu tượng học của nhau.

Little by little also the special contribution and note of each group will be recognised and where a need exists for just that special approach and the particular note or method of interpretation in any part of the world, there will be an immediate and united impulse to facilitate the work that that special group could do in that place.

Dần dần, đóng góp và âm điệu đặc thù của mỗi nhóm cũng sẽ được công nhận; và nơi nào trên thế giới có nhu cầu đối với chính cách tiếp cận đặc thù ấy cùng âm điệu hay phương pháp diễn giải riêng ấy, thì sẽ có một xung lực tức thời và hợp nhất nhằm tạo thuận lợi cho công việc mà nhóm đặc thù ấy có thể làm tại nơi đó.

These groups, with the one subjective group of conscious living souls behind them, will be too busy with world service and interests to waste time on trifling non-essentials. They will not have the time to play around with group names and insignia and badges and the technicalities of fraternities when they meet together. World needs, world

Các nhóm này, với một nhóm chủ quan duy nhất gồm các linh hồn sống có ý thức đứng phía sau, sẽ quá bận rộn với phụng sự thế giới và các mối quan tâm thế giới đến nỗi không lãng phí thời gian vào những điều không thiết yếu tầm thường. Họ sẽ không có thời gian để đùa chơi với tên nhóm, huy hiệu, phù hiệu và các chi tiết kỹ thuật của

opportunities, and the rapid development of the consciousness of mankind and the initiation of humanity into the spiritual realities will so engross their attention that they will have no interest in purely physical plane arrangements, nor in laying the emphasis upon their own personal growth. They will be well aware that response to world need in service and the life of focussed meditation will promote their growth. Their eyes are not upon themselves, upon their own good characters, or upon their individual accomplishments.

những hội huynh đệ khi họ gặp nhau. Nhu cầu thế giới, cơ hội thế giới, sự phát triển nhanh chóng của tâm thức nhân loại và sự điểm đạo nhân loại vào các thực tại tinh thần sẽ thu hút sự chú ý của họ đến mức họ sẽ không quan tâm đến các sắp đặt thuần túy thuộc cõi hồng trần, cũng không nhấn mạnh vào sự tăng trưởng cá nhân của chính mình. Họ sẽ ý thức rõ rằng sự đáp ứng nhu cầu thế giới trong phụng sự và đời sống tham thiền tập trung sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng của họ. Mắt họ không hướng vào chính họ, vào tính cách tốt đẹp của riêng họ, hay vào các thành tựu cá nhân của họ.

Later as a result of their telepathic relationship and their united conferences, there may emerge certain esoteric groups and schools for development in order more rapidly to equip them for world service. In these schools [428] modes of meditation, the intensification of vibration and the laws of the universe will be taught, and the right use of colour and of sound. But all will be subordinated to the idea of service and the uplift of humanity. Also the schools referred to in *Letters on Occult Meditation* will gradually come into being.

Về sau, như kết quả của mối liên hệ viễn cảm và các hội nghị hợp nhất của họ, có thể xuất hiện một số nhóm và trường phái huyền bí nhằm phát triển, để trang bị cho họ nhanh hơn cho sự phụng sự thế giới. Trong các trường phái này [428] sẽ được dạy các phương thức tham thiền, sự tăng cường rung động và các định luật của vũ trụ, cùng việc sử dụng đúng đắn màu sắc và âm thanh. Nhưng tất cả sẽ được đặt dưới ý tưởng phụng sự và nâng cao nhân loại. Các trường phái được nói đến trong *Thư Về Tham thiền Huyền môn* cũng sẽ dần dần đi vào hiện hữu.

But what use is it for me to forecast the future in more explicit terms and hold out a picture of an intriguing quality when at the present time the integration of the group of world mystics and its close welding is not an accomplished fact?

Nhưng Tôi có ích gì khi tiên báo tương lai bằng những lời rõ ràng hơn và đưa ra một bức tranh có tính hấp dẫn, trong khi vào lúc hiện tại, sự tích hợp của nhóm các nhà thần bí thế giới và sự hàn gắn chặt chẽ của nhóm ấy vẫn chưa phải là một sự kiện đã hoàn thành?

World unity, brotherhood in its true sense, the growth of telepathic interplay, the elimination of the non-essentials which serve to separate the thoughts of men and bring about separateness on the physical plane, and the laying of a true emphasis

Sự thống nhất thế giới, tình huynh đệ theo ý nghĩa chân thật của nó, sự tăng trưởng của tương tác viễn cảm, sự loại bỏ những điều không thiết yếu vốn khiến tư tưởng của con người bị chia rẽ và tạo ra sự chia rẽ trên cõi hồng trần, và việc đặt một sự nhấn mạnh

upon the fundamentals of the Ageless Wisdom, the manifestation of a true understanding, the bringing about of at-one-ment with the soul, the recognition of those who belong to the group of world Saviours—this is the immediate work to be done and this must engross your attention.

chân thật lên các nền tảng của Minh Triết Ngàn Đời, sự biểu hiện của một sự thấu hiểu chân thật, việc đem lại sự nhất thể hóa với linh hồn, sự công nhận những người thuộc về nhóm các Đấng Cứu Thế của thế giới—đây là công việc trước mắt phải được thực hiện, và điều này phải thu hút trọn sự chú ý của các bạn.

This and this alone warrants the expenditure of all that any of you have to give—love and life, time and money.

Điều này, và chỉ điều này, xứng đáng với sự dâng hiến tất cả những gì bất kỳ ai trong các bạn có thể trao—tình thương và sự sống, thời gian và tiền bạc.

This and this alone justifies your existence and calls forth from all of you who respond to the vision that utter self-sacrifice which is so rare and so far-reaching in its effects. The casting of all that one has at the feet of the Lord of Life in order that the work of world salvage may go forward, the elimination out of one's life of all that can possibly hinder, the giving of all that one has until it hurts to give, the ruling of one's life on the basis of surrender, asking oneself all the time: What can I relinquish in order that I may help more adequately?—that and more than that lies ahead of all of you who hear the call and respond to the need and opportunity. [429]

Điều này, và chỉ điều này, biện minh cho sự hiện hữu của các bạn và kêu gọi từ tất cả các bạn, những người đáp ứng với tầm nhìn, sự hi sinh bản thân hoàn toàn vốn hiếm hoi và có hiệu quả sâu rộng đến thế. Việc đặt tất cả những gì mình có dưới chân Chúa Tể Sự Sống để công việc cứu vớt thế giới có thể tiến tới, việc loại bỏ khỏi đời mình tất cả những gì có thể cản trở, việc cho đi tất cả những gì mình có cho đến khi sự cho đi gây đau đớn, việc điều hành đời sống mình trên nền tảng của sự phó thác, luôn tự hỏi: Tôi có thể từ bỏ điều gì để có thể giúp đỡ đầy đủ hơn?—điều đó, và còn hơn thế nữa, nằm phía trước tất cả các bạn là những người nghe tiếng gọi và đáp ứng nhu cầu cùng cơ hội. [429]

Let me tell you this—this group now in process of forming, will in time develop its own "yoga" and school of training which will gradually supersede that of the raja yoga and bhakti yoga schools. The method of training will only be given to those who have trained the mind and learnt to control the emotions. Hence the key to what is now going on. The mode of training will be no easy short cut to the goal. Only the intelligent can attain it and only coordinated personalities will be eligible to the teaching. The keynote of the new yoga will be

Hãy để Tôi nói với các bạn điều này—nhóm hiện đang trong tiến trình hình thành này, theo thời gian, sẽ phát triển "yoga" riêng và trường huấn luyện riêng của mình, vốn sẽ dần dần thay thế các trường phái Raja Yoga và Bhakti Yoga. Phương pháp huấn luyện sẽ chỉ được trao cho những người đã huấn luyện thể trí và học cách kiểm soát các cảm xúc. Do đó có chìa khóa cho những gì hiện đang diễn ra. Phương thức huấn luyện sẽ không phải là con đường tắt dễ dàng đến mục tiêu. Chỉ những người sáng suốt mới có thể đạt được nó, và chỉ những phàm ngã đã

synthesis; its objective will be conscious development of the intuitive faculty. This development will fall into two categories: first, the development of the intuition and of true spiritual perception, and secondly, the trained utilisation of the mind as an interpreting agent.

phối hợp mới đủ điều kiện nhận giáo huấn. Chủ âm của yoga mới sẽ là sự tổng hợp; mục tiêu của nó sẽ là sự phát triển có ý thức của năng lực trực giác. Sự phát triển này sẽ rơi vào hai loại: thứ nhất, sự phát triển của trực giác và nhận thức tinh thần chân thật; và thứ hai, việc sử dụng thể trí đã được huấn luyện như một tác nhân diễn giải.

In the book *Agni Yoga,* some of the teaching to be given has filtered through but only from the angle of the will aspect. No book has as yet made its appearance which gives in any form whatsoever the "yoga of synthesis". We have had "bhakti yoga" or union through devotion. Raja Yoga is now receiving emphasis, which is union through the mind. It sounds like a redundancy to speak of union through synthesis, but it is not so. It is union through identification with the whole—not union through realisation or through vision. Mark well this distinction, for it holds the secret of the next step for the personalities of the race. *The Bhagavad Gita* gives us primarily the key to the yoga of devotion. Patanjali teaches us the yoga of the mind. In the Gospel story we have the portrayal of realisation, but the key or the secret of identification is still withheld. It lies in the custody of a few in this integrating group of mystics and knowers and will be wrought out into manifestation in the furnace of their individual experience and thus given to the world. But the time is not yet. The group must grow in strength and knowledge and in intuitive perception. [430]

Trong sách *Agni Yoga,* một phần giáo huấn sắp được trao truyền đã thấm lọc qua, nhưng chỉ từ góc độ phương diện ý chí. Chưa có quyển sách nào xuất hiện để trình bày, dưới bất cứ hình thức nào, "yoga của sự tổng hợp". Chúng ta đã có "Bhakti Yoga", hay sự hợp nhất qua sùng tín. Raja Yoga hiện đang được nhấn mạnh, tức là sự hợp nhất qua thể trí. Nói đến sự hợp nhất qua tổng hợp nghe có vẻ như lặp thừa, nhưng không phải vậy. Đó là sự hợp nhất qua việc đồng hoá với toàn thể — chứ không phải sự hợp nhất qua chứng nghiệm hay qua tầm nhìn. Hãy ghi nhớ rõ sự phân biệt này, vì trong đó ẩn chứa bí mật của bước kế tiếp dành cho các phàm ngã của nhân loại. *Chí Tôn Ca* chủ yếu trao cho chúng ta chìa khóa của yoga sùng tín. Patanjali dạy chúng ta yoga của thể trí. Trong câu chuyện Phúc Âm, chúng ta có sự mô tả về chứng nghiệm, nhưng chìa khóa hay bí mật của sự đồng hoá vẫn còn được giữ kín. Nó nằm trong sự gìn giữ của một số ít người trong nhóm tích hợp này gồm các nhà thần bí và các thức giả, và sẽ được tôi luyện thành sự biểu hiện trong lò lửa kinh nghiệm cá nhân của họ, rồi nhờ đó được trao cho thế gian. Nhưng thời điểm ấy chưa đến. Nhóm phải tăng trưởng về sức mạnh, tri thức và tri giác trực giác. [430]

You ask me: What keeps a man from becoming a member of such a group? I tell you with emphasis that four things only keep a man from affiliation.

Bạn hỏi tôi: Điều gì ngăn một người trở thành thành viên của một nhóm như thế? Tôi nói với bạn một cách nhấn mạnh rằng chỉ có bốn điều ngăn một người khỏi sự liên kết ấy.

First: an uncoordinated personality. This involves necessarily an untrained mind and a feeble intellect.

Thứ nhất: một phàm ngã thiếu phối hợp. Điều này tất yếu bao hàm một thể trí chưa được rèn luyện và một trí năng yếu ớt.

Second: a sense of separateness, of distinction, and of being set apart or different from one's fellow men.

Thứ hai: cảm thức về sự tách biệt, về sự khác biệt, và về việc mình bị đặt riêng ra hay khác với đồng loại.

Third: the possession of a creed. No matter how good a formula of beliefs it may be, it inevitably produces exclusiveness. It bars some out.

Thứ ba: việc sở hữu một tín điều. Dù công thức niềm tin ấy tốt đẹp đến đâu, nó cũng không tránh khỏi tạo ra tính độc hữu. Nó ngăn một số người ở bên ngoài.

Fourth: pride and ambition.

Thứ tư: kiêu hãnh và tham vọng.

You ask again: How shall one qualify? The rules are simple, and are three in number. First, learn to practice harmlessness; then desire nothing for the separated self, and thirdly look for the sign of divinity in all. Three simple rules, but very hard to accomplish.

Bạn lại hỏi: Làm thế nào để đủ điều kiện? Các quy luật rất đơn giản, và gồm ba điều. Thứ nhất, học thực hành tính vô tổn hại; rồi không ham muốn điều gì cho bản ngã tách biệt; và thứ ba, tìm dấu hiệu của thiên tính trong tất cả. Ba quy luật đơn giản, nhưng rất khó thực hiện.

Behind this group of mystics, which includes thinkers in every department of human thought (let me reiterate the word *thinkers)* and of human knowledge stands the Hierarchy of Masters and in between these two groups stand also a band of teachers, of whom I am one. These act as intermediaries and as transmitters of energy. May I repeat and beg you to attend, that this group which is slowly forming is gathered out of every imaginable group of thinking and intelligent men. As yet, and this may surprise a few, there are not very many occultists (so-called) among them. This is due to the fact that the occultists are numerically few in relation to the masses of humanity, and also to their tendency to be sectarian, exclusive and self-righteous. Selfless humanitarian workers are there; political leaders and economists and

Đằng sau nhóm các nhà thần bí này, vốn bao gồm những nhà tư tưởng trong mọi lĩnh vực tư tưởng nhân loại — xin để tôi nhắc lại chữ *những nhà tư tưởng* — và trong mọi lĩnh vực tri thức nhân loại, là Thánh đoàn các Chân sư; và giữa hai nhóm này cũng có một đoàn các huấn sư, trong đó tôi là một. Những vị này hoạt động như các trung gian và các tác nhân truyền dẫn năng lượng. Tôi xin lặp lại và khẩn thiết yêu cầu bạn lưu tâm rằng nhóm đang chậm rãi hình thành này được quy tụ từ mọi nhóm có thể hình dung được gồm những người biết suy nghĩ và có trí tuệ. Cho đến nay, và điều này có thể làm một số người ngạc nhiên, không có nhiều nhà huyền bí học — gọi là như thế — ở trong nhóm ấy. Điều này là vì các nhà huyền bí học về số lượng thì ít so với đại khối nhân loại, và cũng vì khuynh hướng của họ thường có tính bè phái, độc hữu và tự cho mình là

scientific workers in the world's laboratories are also there; churchmen and religious adherents from all the [431] world religions are there and the practical mystics and a few occultists. The true occultist is rare.

đúng. Trong nhóm có những người hoạt động nhân đạo vô ngã; cũng có các nhà lãnh đạo chính trị, các nhà kinh tế và các nhà khoa học làm việc trong các phòng thí nghiệm của thế giới; có các giáo sĩ và tín đồ tôn giáo thuộc tất cả các tôn giáo [431] thế giới, cùng các nhà thần bí thực tiễn và một vài nhà huyền bí học. Nhà huyền bí học chân chính rất hiếm.

The group is and will be kept entirely subjective. Its members are linked telepathically, or they recognise each other through the quality of the work they are doing in the outer world and the inclusiveness of the note they sound. It is inspired from above by the souls of its members and the Great Ones, and is energised into activity by the need of humanity itself. It is composed of living conscious souls, working through coordinated personalities. Its symbol is a golden triangle enclosing an even-armed cross with one diamond at the apex of the triangle. This symbol is never reproduced in form at all. It shines above the heads of all who are in the group and cannot be seen by anyone (not even a clairvoyant) except a group member, and then only if—for purposes of work—his recognition needs stimulation. The motto of the group is *The Glory Of The One.*

Nhóm này đang và sẽ được giữ hoàn toàn ở bình diện chủ quan. Các thành viên của nhóm được liên kết bằng viễn cảm, hoặc họ nhận ra nhau qua phẩm tính của công việc họ đang làm trong thế giới bên ngoài và tính bao gồm của âm điệu mà họ xướng lên. Nhóm được cảm hứng từ trên cao bởi linh hồn của các thành viên và bởi Các Đấng Cao Cả, và được tiếp năng lượng để hoạt động bởi chính nhu cầu của nhân loại. Nhóm gồm những linh hồn sống động và có ý thức, hoạt động qua các phàm ngã đã phối hợp. Biểu tượng của nhóm là một tam giác vàng bao quanh một thập giá có các nhánh bằng nhau, với một viên kim cương ở đỉnh tam giác. Biểu tượng này tuyệt đối không bao giờ được tái tạo thành hình tướng. Nó tỏa sáng phía trên đầu của tất cả những ai ở trong nhóm, và không ai có thể thấy được — ngay cả một người thông nhãn — ngoại trừ một thành viên của nhóm, và khi ấy chỉ khi, vì mục đích công việc, sự nhận biết của y cần được kích thích. Khẩu hiệu của nhóm là *Vinh Quang của Đấng Duy Nhất.*

More I may not tell you now, but this will give you some idea of the reality of the work that is going on. It may serve as an incentive to fresh effort on the part of all working to equip themselves for selfless service.

Hiện nay tôi không thể nói thêm với bạn, nhưng điều này sẽ cho bạn một ý niệm nào đó về thực tại của công việc đang diễn ra. Nó có thể dùng như một động lực thúc đẩy nỗ lực mới nơi tất cả những ai đang cố gắng tự trang bị cho mình để phụng sự vô ngã.

We are to take up now a very brief consideration of two types of energy of a

Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến một cách rất ngắn gọn hai loại năng lượng thuộc loại chủ

major kind, which are, in themselves, composed and blended of coordinating energies. The subject matter is therefore of so advanced a nature that it is useless for the aspirant to give much time to its study. Volumes would be necessitated likewise if all that could be said were written, and it will only be possible in this book to outline some broad generalisations, and to indicate certain facts of interest. The main reason that it profits us not to study these energies too closely is because the planetary Spirit or Logos and the planetary Entity are the two forms in active manifestation which respond most forcibly to the impact of these energies. The human being responds, and that only subconsciously, [432] because (in his form nature) he constitutes a part of the planetary expression.

yếu, vốn tự chúng được cấu thành và hòa trộn bởi các năng lượng phối hợp. Vì vậy, đề tài này có bản chất quá cao siêu đến nỗi người chí nguyện dành nhiều thời gian nghiên cứu nó cũng không ích lợi gì. Tương tự, nếu viết ra tất cả những gì có thể nói, sẽ cần đến nhiều bộ sách; và trong quyển sách này chỉ có thể phác họa một vài khái quát rộng lớn và chỉ ra một số sự kiện đáng quan tâm. Lý do chính khiến việc nghiên cứu các năng lượng này quá sát sao không đem lại lợi ích cho chúng ta là vì Chân Linh Hành Tinh hay Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thực Thể Hành Tinh là hai hình tướng trong biểu hiện hoạt động đáp ứng mạnh mẽ nhất với tác động của các năng lượng này. Con người cũng đáp ứng, và chỉ đáp ứng một cách tiềm thức, [432] bởi vì, trong bản chất hình tướng của mình, y cấu thành một phần của sự biểu lộ hành tinh.

The planetary Spirit is a Being Who, ages ago, passed through the state of consciousness which we call the human state and has left it far behind. He (using the personal pronoun simple for the sake of terminological clarity) has an origin which lies outside the solar system altogether; his life is focussed in the planet; his consciousness lies in realms beyond the concept of the highest adept in our planetary Hierarchy. The planetary Entity is the sum total of the forms which constitute the form through which the planetary Spirit is manifesting, and therefore is the synthesis of the planetary physical, astral and mental elementals. For the purposes of our consideration, this Entity is the sum total of all physical, mental, astral and mental forms, which, blended and fused, constitute our planet. Each is the embodiment of energy, and these two major streams which produce the form and the consciousness aspects of our planetary existence make their impact on the human

Chân Linh Hành Tinh là một Đấng mà từ nhiều thời đại trước đã đi qua trạng thái tâm thức mà chúng ta gọi là trạng thái nhân loại, và đã bỏ nó lại rất xa phía sau. Ngài — dùng đại từ nhân xưng đơn giản vì sự rõ ràng trong thuật ngữ — có nguồn gốc nằm hoàn toàn bên ngoài hệ mặt trời; sự sống của Ngài tập trung trong hành tinh; tâm thức của Ngài nằm trong những cõi giới vượt ngoài quan niệm của vị chân sư cao nhất trong Thánh đoàn hành tinh của chúng ta. Thực Thể Hành Tinh là tổng thể các hình tướng cấu thành hình tướng mà qua đó Chân Linh Hành Tinh đang biểu hiện, và vì thế là sự tổng hợp của các hành khí hồng trần, cảm dục và trí tuệ của hành tinh. Vì mục đích xem xét của chúng ta, Thực Thể này là tổng thể của tất cả các hình tướng hồng trần, trí tuệ, cảm dục và trí tuệ, vốn khi được hòa trộn và dung hợp sẽ cấu thành hành tinh của chúng ta. Mỗi hình tướng là hiện thân của năng lượng, và hai dòng chảy chủ yếu này, vốn tạo ra các phương diện hình tướng và tâm thức của sự tồn tại hành tinh chúng

being. The life of the planetary Spirit makes its impact via the soul; and the life of the planetary Entity is registered through the medium of the personality mechanism.

ta, tác động lên con người. Sự sống của Chân Linh Hành Tinh tác động qua linh hồn; còn sự sống của Thực Thể Hành Tinh được ghi nhận qua trung gian bộ máy phàm ngã.

The duality of these energies is primarily astral-buddhic, and the bias of the life forces and the general trend of the impulses influencing humanity in this great cycle are the attractive energy of the intuitional nature of the planetary Logos, and the potent force of the astral (desire) body. In other words, the astral elemental, which embodies the desire nature of the planetary Logos is exceedingly potent, particularly in this present cycle, but the strength of the spiritual and intuitional nature of the One in Whom we live and move and have our being is steadily increasing. On the one hand, you have the devastating expression of the wild hunt for pleasure, of sex and of the crime incident to the satisfying of desire. [433] This characterises our present civilisation and is now at its height; it may be said that it is even on the decline, little as you may sense it. At the same time, there is found the open door of initiation. Both these opportunities (if I might so term them) are found simultaneously present, but the strength of the one is weakening, and the trend towards the other is growing. Thus the way out can be seen.

Nhị nguyên của các năng lượng này chủ yếu là cảm dục–Bồ đề, và khuynh hướng của các mãnh lực sự sống cùng chiều hướng chung của các xung lực ảnh hưởng đến nhân loại trong chu kỳ lớn này là năng lượng hấp dẫn của bản chất trực giác nơi Đức Hành Tinh Thượng Đế, và mãnh lực hùng mạnh của thể cảm dục, tức thể ham muốn. Nói cách khác, hành khí cảm dục, vốn hiện thân bản chất ham muốn của Đức Hành Tinh Thượng Đế, vô cùng mạnh mẽ, đặc biệt trong chu kỳ hiện nay; nhưng sức mạnh của bản chất tinh thần và trực giác nơi Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện tồn đang gia tăng đều đặn. Một mặt, bạn có sự biểu lộ tàn phá của cuộc săn đuổi khoái lạc cuồng loạn, của tính dục và của tội ác phát sinh từ việc thỏa mãn ham muốn. [433] Điều này đặc trưng cho nền văn minh hiện tại của chúng ta và hiện đang ở đỉnh điểm; có thể nói rằng nó thậm chí đang suy giảm, dù bạn có thể ít cảm nhận được điều ấy. Đồng thời, cánh cửa điểm đạo đang rộng mở. Cả hai cơ hội này — nếu tôi có thể gọi như vậy — đều hiện diện đồng thời, nhưng sức mạnh của cái này đang suy yếu, còn khuynh hướng hướng về cái kia đang tăng trưởng. Như thế, lối thoát có thể được nhìn thấy.

In the above paragraph, the dominant planetary urges present in evolution are summed up and man's reaction to them noted.

Trong đoạn trên, các thôi thúc hành tinh chi phối đang hiện diện trong tiến hoá đã được tóm lược, và phản ứng của con người đối với chúng đã được ghi nhận.

Solar energies have also a dual effect. First, there is what we might call the *pranic* effect, which is the result of the impact of solar force, emanating from the physical sun. This produces definite results upon the objective

Các năng lượng thái dương cũng có một tác động nhị phân. Thứ nhất, có điều chúng ta có thể gọi là tác động *prana*, vốn là kết quả của sự va chạm của mãnh lực thái dương phát xuất từ mặt trời hồng trần. Điều này tạo

forms, and these are termed physical or vital. These enter the human body via the spleen and also via a centre found between the shoulder blades; this centre is between the throat centre and the heart centre in the spinal column, but nearer the heart than the throat. Secondly, there are energies which emanate from what is esoterically called "the heart of the sun"; these sweep through one or other of the planets in seven great streams and pour into the soul of man and produce that sensitivity which we call awareness. These seven types of energy produce the seven types of souls or rays, and in this thought you find the secret of soul unity. During manifestation, owing to the seven types of energy impacts, playing upon the matter of space, one finds the seven types of soul, the seven fields of expression, and the seven grades of consciousness and of ray characteristics. These differentiations as you well know are like the colouring that the prism takes when subjected to the rays of the sun, or to the tracery of pattern found in reflection upon a limpid pool. [434]

ra những kết quả xác định trên các hình tướng khách quan, và chúng được gọi là hồng trần hay sinh lực. Chúng đi vào thân thể con người qua lá lách và cũng qua một trung tâm nằm giữa hai xương bả vai; trung tâm này nằm giữa trung tâm cổ họng và trung tâm tim trong cột sống, nhưng gần tim hơn cổ họng. Thứ hai, có những năng lượng phát xuất từ điều được gọi một cách huyền bí là "trái tim của mặt trời"; các năng lượng này quét qua một trong các hành tinh thành bảy dòng chảy lớn, tuôn vào linh hồn con người và tạo ra sự nhạy cảm mà chúng ta gọi là sự nhận biết. Bảy loại năng lượng này tạo ra bảy loại linh hồn hay bảy cung, và trong ý tưởng này bạn tìm thấy bí mật của sự hợp nhất linh hồn. Trong thời kỳ biểu hiện, do bảy loại tác động năng lượng tác động lên vật chất của không gian, người ta thấy có bảy loại linh hồn, bảy trường biểu lộ, và bảy cấp độ tâm thức cùng các đặc tính cung. Như bạn biết rõ, các biến phân này giống như màu sắc mà lăng kính nhận lấy khi chịu tác động của các tia mặt trời, hoặc giống như những đường nét mô hình được thấy trong phản chiếu trên một hồ nước trong veo. [434]

Astrology and the Energies

To these two energies, a third group of energies must be added, and these are the basis of much of our astrological research. They emanate from the twelve constellations which form our solar zodiac. Their effect is infinite and the permutations of these three groups of energies lead to the infinite complication which we find in nature. The claims of the astrologers as to the reality of the energies playing upon the human organism can be seen to be true; their claims as to their capacity to interpret are for the most part unfounded. So little is really known by the highest intelligence on

Vào hai năng lượng này, phải thêm một nhóm năng lượng thứ ba, và chúng là nền tảng của phần lớn công trình nghiên cứu chiêm tinh của chúng ta. Chúng phát xuất từ mười hai chòm sao tạo thành hoàng đạo thái dương của chúng ta. Tác động của chúng là vô tận, và các hoán vị của ba nhóm năng lượng này dẫn đến sự phức tạp vô hạn mà chúng ta thấy trong thiên nhiên. Những khẳng định của các nhà chiêm tinh về thực tại của các năng lượng tác động lên cơ thể con người có thể được thấy là đúng; nhưng những khẳng định của họ về khả năng diễn giải thì phần lớn là không có cơ sở. Ngay cả

the planet; for, forget not, that the adepts utilise primarily the intuition. These energies leave their mark upon every form in every kingdom in nature, acting as a retrograding or a stimulating force. They carry one type of energy on to a fuller expression of the quality of any form, or hold another back from a developed manifestation.

trí tuệ cao nhất trên hành tinh cũng thật sự biết rất ít; vì đừng quên rằng các chân sư chủ yếu sử dụng trực giác. Các năng lượng này để lại dấu ấn trên mọi hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên, hoạt động như một mãnh lực làm thụt lùi hoặc kích thích. Chúng đưa một loại năng lượng đến sự biểu lộ đầy đủ hơn phẩm tính của một hình tướng nào đó, hoặc giữ một loại khác lại khỏi sự biểu hiện đã phát triển.

It is not opportune here to outline the nature of true astrology. That astrology is a science, and a coming science, is true. That astrology in its highest aspect and its true interpretation will enable man eventually to focus his understanding and to function rightly is equally true. That in the revelations that astrology will make in time to come will be found the secret of the true coordination between soul and form is also correct. But *that* astrology is not yet to be found. Too much is overlooked and too little known to make astrology the exact science that many claim it is. The claim will be fulfilled at some future date, but the time is not yet.

Ở đây chưa phải lúc để phác họa bản chất của chiêm tinh học chân chính. Chiêm tinh học là một khoa học, và là một khoa học sắp đến, điều đó đúng. Chiêm tinh học trong phương diện cao nhất và trong sự diễn giải chân thực của nó rốt cuộc sẽ giúp con người tập trung sự thấu hiểu và hoạt động đúng đắn, điều đó cũng đúng. Trong những mặc khải mà chiêm tinh học sẽ đem lại trong thời gian tới, người ta cũng sẽ tìm thấy bí mật của sự phối hợp chân chính giữa linh hồn và hình tướng, điều đó cũng chính xác. Nhưng chiêm tinh học *đó* hiện vẫn chưa có. Quá nhiều điều bị bỏ qua và quá ít điều được biết đến để khiến chiêm tinh học trở thành khoa học chính xác như nhiều người tuyên bố. Tuyên bố ấy sẽ được thành tựu vào một ngày tương lai, nhưng thời điểm ấy chưa đến.

Certain factors which astrologers should bear in mind, and certain conditions they are only too apt to forget, may however be briefly noted. For the sake of clear understanding we will simply tabulate a number of statements which should be studied with care by the [435] average investigator in this field. I cannot here write a treatise on the energies with which astrology should deal, sorely as such a treatise is needed.

Tuy nhiên, có thể ghi nhận vắn tắt một số yếu tố mà các nhà chiêm tinh nên ghi nhớ, và một số điều kiện mà họ rất dễ quên. Để thấu hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ chỉ liệt kê một số phát biểu mà nhà nghiên cứu trung bình trong lĩnh vực này cần học hỏi cẩn trọng. [435] Ở đây tôi không thể viết một khảo luận về các năng lượng mà chiêm tinh học nên bàn đến, dù một khảo luận như thế đang rất cần thiết.

Astrologers concern themselves primarily with three types of energy:

Các nhà chiêm tinh chủ yếu quan tâm đến ba loại năng lượng:

a. The energy of the constellation in which the Sun is posited at the time of birth.

a. Năng lượng của chòm sao trong đó Mặt Trời an vị vào thời điểm sinh.

b. The rising sign to which the man should respond.

b. Dấu hiệu mọc mà con người nên đáp ứng.

c. The moon which governs his form aspect, and particularly the physical form.

c. Mặt Trăng, vốn cai quản phương diện hình tướng của y, và đặc biệt là hình tướng hồng trần.

The energy of the particular constellation or sign in which a man is born is more deeply significant than has ever yet been suggested. It embodies or indicates his present problem, sets the pace or tempo of his life, and is related to the quality of his personality. It governs, if I may so express it, the rajasic or activity aspect of his life during incarnation.

Năng lượng của chòm sao hay dấu hiệu đặc thù trong đó một người được sinh ra có thâm nghĩa sâu xa hơn nhiều so với những gì từng được gợi ý. Nó hiện thân hay chỉ ra vấn đề hiện tại của y, đặt nhịp độ hay tiết tấu cho đời sống của y, và liên hệ với phẩm tính của phàm ngã y. Nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, nó cai quản phương diện rajas hay phương diện hoạt động của đời sống y trong khi nhập thể.

The ascendant or rising sign indicates the line along which his energy as a whole can flow if he is to fulfill the purpose of any incarnation. This, of course, if rightly handled. It holds the secret of his future, and in its symbolism and understanding he can find the clue to his life problem and an indication of what he can be and achieve. It presents to him the type of force which will enable him to succeed. This, when duly consummated, might be regarded as producing the sattvic, or harmony aspect of his life, for when it plays its part and is utilised, it produces harmony with the will of the soul during any particular incarnation.

Dấu hiệu mọc chỉ ra đường lối mà toàn bộ năng lượng của y có thể tuôn chảy nếu y muốn hoàn thành mục đích của bất cứ lần nhập thể nào. Dĩ nhiên, điều này chỉ đúng nếu được xử lý đúng đắn. Nó nắm giữ bí mật tương lai của y, và trong biểu tượng cùng sự thấu hiểu về nó, y có thể tìm thấy manh mối cho vấn đề đời sống của mình và một chỉ dẫn về điều y có thể trở thành và đạt được. Nó trình bày cho y loại mãnh lực sẽ giúp y thành công. Khi được hoàn tất đúng mức, điều này có thể được xem là tạo ra phương diện sattva, hay phương diện hài hòa của đời sống y, vì khi nó đóng vai trò của mình và được vận dụng, nó tạo ra sự hài hòa với ý chí của linh hồn trong bất cứ lần nhập thể đặc thù nào.

In the moon influence, we have indicated the native's *past*. It summarises the limitations and handicaps under which he must work, and therefore might be regarded

Trong ảnh hưởng của Mặt Trăng, chúng ta có chỉ dấu về *quá khứ* của người bản mệnh. Nó tóm lược những giới hạn và trở ngại mà y phải làm việc dưới chúng, và vì vậy có thể

as embodying the tamasic aspect of matter, or that which "holds back" and which—if permitted to influence unduly—will produce inertia. In the body with which man [436] is equipped lies hid the secret of past experience, and every lunar form through which we have to arrive at due expression is in itself the product or synthesis of all the past. Let me see if I can put the present truth about astrology in such simple guise that they who know naught of this intricate science may understand.

được xem là hiện thân phương diện tamas của vật chất, hay điều "giữ lại", và nếu được phép ảnh hưởng quá mức, sẽ tạo ra Quán tính. Trong thân thể mà con người [436] được trang bị có ẩn giấu bí mật của kinh nghiệm quá khứ, và mọi hình tướng nguyệt tính mà qua đó chúng ta phải đạt đến sự biểu lộ đúng mức tự nó là sản phẩm hay sự tổng hợp của toàn bộ quá khứ. Hãy để tôi xem liệu tôi có thể trình bày chân lý hiện tại về chiêm tinh học dưới hình thức đơn giản đến mức những ai không biết gì về khoa học phức tạp này cũng có thể thấu hiểu.

The birth month indicates the day of opportunity. The door stands open. The particular month in which a soul comes *into* incarnation is indicated to that soul by the month in which it passed *out* of incarnation in a previous life cycle. If it, for instance, died in the month governed by the sign Leo, it will return into incarnation in the same sign, picking up the thread of experience where it left it, and starting with the same type of energy and the peculiar equipment with which it passed away from earth life, plus the gain of thought and conscious onlooking. The quality of the energy and the nature of the forces to be manipulated during life are indicated to the soul in this way.

Tháng sinh chỉ ra ngày của cơ hội. Cánh cửa đứng mở. Tháng đặc thù mà một linh hồn đi *vào* nhập thể được chỉ ra cho linh hồn ấy bởi tháng mà nó đã đi *ra khỏi* nhập thể trong một chu kỳ đời sống trước. Chẳng hạn, nếu nó chết trong tháng do dấu hiệu Sư Tử cai quản, nó sẽ trở lại nhập thể trong cùng dấu hiệu ấy, tiếp nối sợi dây kinh nghiệm nơi nó đã bỏ lại, và bắt đầu với cùng loại năng lượng cùng trang bị đặc thù mà nó đã mang theo khi rời đời sống trần gian, cộng thêm phần thu hoạch của tư tưởng và sự quan sát có ý thức. Bằng cách này, phẩm tính của năng lượng và bản chất của các mãnh lực cần được vận dụng trong đời sống được chỉ ra cho linh hồn.

The rising sign, embodying another type of energy, should wax in strength during the incarnation, for it indicates the nature of the soul force that the incarnated son of God is seeking to wield through the medium of a particular personality, possessing certain characteristics.

Dấu hiệu mọc, vốn hiện thân một loại năng lượng khác, nên tăng trưởng về sức mạnh trong suốt lần nhập thể, vì nó chỉ ra bản chất của mãnh lực linh hồn mà người Con của Thượng đế đang nhập thể tìm cách sử dụng qua trung gian một phàm ngã đặc thù, có những đặc tính nhất định.

The influence of the moon is primarily physical. The prison of the soul is thus indicated. The handicaps to be met are thus secured; the type of body or of bodies

Ảnh hưởng của Mặt Trăng chủ yếu là hồng trần. Nhà tù của linh hồn do đó được chỉ ra. Những trở ngại cần đối diện do đó được xác định; loại thân thể, hay các thân thể, mà qua

through which the force of the native's sign and the quality of the energy which will bring him to his goal are thus defined. Through the medium of the lunar lords and what they have given him as the result of past experience down the ages must he express himself upon the physical plane.

đó mãnh lực của dấu hiệu bản mệnh và phẩm tính của năng lượng sẽ đưa y đến mục tiêu được định rõ. Qua trung gian các nguyệt tinh quân và những gì các vị ấy đã trao cho y như kết quả của kinh nghiệm quá khứ qua các thời đại, y phải biểu lộ chính mình trên cõi hồng trần.

Owing to the precession of the equinoxes, a situation is brought about in which a fourth type of force makes itself felt. The sun is, in reality, many degrees [437] away in the great round of the heavens from where it is stated to be, as far as the greater zodiac is concerned. This is, of course, from the standpoint of time. As the sweep of the sun through a constellation covers a period of approximately two thousand two hundred years, the shift in the course of the centuries is very slight, so slight that little difference would be noted in the casting of the planetary horoscope. In the casting of the horoscope of a solar system it would be of vital importance, but this is so far beyond the capacity of the wisest astrologer on our planet that discussion is immaterial.

Do sự tuế sai của các điểm phân, một tình trạng được tạo ra trong đó loại mãnh lực thứ tư tự khiến mình được cảm nhận. Trong thực tế, Mặt Trời cách nhiều độ [437] trên vòng lớn của bầu trời so với vị trí mà người ta nói nó đang ở, xét theo hoàng đạo lớn. Dĩ nhiên, điều này là từ lập trường thời gian. Vì vòng quét của Mặt Trời qua một chòm sao bao phủ một chu kỳ khoảng hai nghìn hai trăm năm, sự dịch chuyển trong dòng các thế kỷ rất nhỏ, nhỏ đến mức ít có khác biệt nào được ghi nhận khi lập lá số chiêm tinh hành tinh. Trong việc lập lá số của một hệ mặt trời, điều ấy có tầm quan trọng thiết yếu, nhưng điều này vượt quá xa khả năng của nhà chiêm tinh khôn ngoan nhất trên hành tinh chúng ta đến nỗi việc bàn luận là không cần thiết.

In casting the horoscope of a human being who is born in a particular month, however, it should be borne in mind (which it seldom is) that now the month and the sign do not coincide at all. The sun is really not in Leo, for instance, during the month of August. The correct interpretation therefore of a chart is largely psychometrical and dependent upon the thought-form of the constellation which has been built up for ages by the astrologers. Energy follows thought. For thousands of years certain types of energy and their consequent qualifying effects on substance and form have been considered to be thus and so. Therefore, thus they are, except in the case of the highly evolved, of the true aspirant

Tuy nhiên, khi lập lá số của một con người sinh ra trong một tháng đặc thù, cần ghi nhớ — điều này hiếm khi được thực hiện — rằng hiện nay tháng và dấu hiệu hoàn toàn không trùng khớp. Chẳng hạn, Mặt Trời thật ra không ở trong Sư Tử trong tháng Tám. Vì vậy, sự diễn giải đúng đắn một bản đồ sao phần lớn mang tính trắc tâm và tùy thuộc vào hình tư tưởng của chòm sao đã được các nhà chiêm tinh xây dựng qua nhiều thời đại. Năng lượng đi theo tư tưởng. Trong hàng nghìn năm, một số loại năng lượng và các tác động định phẩm theo sau của chúng trên chất liệu và hình tướng đã được xem là thế này hay thế nọ. Vì vậy, chúng là như vậy, ngoại trừ trong trường hợp người tiến hoá cao, người chí nguyện chân chính đã tự định

who has oriented himself, and is thus escaping from the wheel of existence and beginning to govern his stars, and so is no longer under their rule and domination.

hướng, và do đó đang thoát khỏi bánh xe hiện tồn, bắt đầu cai quản các vì sao của mình, và vì thế không còn ở dưới sự cai trị và thống trị của chúng nữa.

Astrology now deals primarily with the personality for whom the horoscope may be cast and with the events of the personality life. When, through meditation and service, plus the discipline of the lunar bodies, a man comes consciously and definitely under his soul ray, then he comes as definitely under the influence of one or other of the seven solar systems, as they focus their energy through one or other of the constellations and [438] subsequently one or other of the seven sacred planets. Eventually, there will be twelve sacred planets, corresponding to the twelve constellations, but the time is not yet. Our solar system, as you know, is one of seven. When a man has arrived at this point in evolution, birth months, mundane astrology, and the influences which play upon the form aspect become of less and less importance. This circle of solar systems affects paramountly the soul and it becomes the focal point of spiritual energies. This is the problem of the soul on its own plane, — responsiveness to these types of energy, and, of them, the personality is totally unaware.

Hiện nay, chiêm tinh học chủ yếu đề cập đến phàm ngã mà lá số có thể được lập cho y, và đến các biến cố trong đời sống phàm ngã. Khi, nhờ tham thiền và phụng sự, cộng với kỷ luật các thể nguyệt tính, một người đi vào một cách có ý thức và xác định dưới cung linh hồn của mình, thì y cũng đi vào một cách xác định dưới ảnh hưởng của một trong bảy hệ mặt trời, khi chúng tập trung năng lượng qua một trong các chòm sao và [438] sau đó qua một trong bảy hành tinh thiêng liêng. Rốt cuộc, sẽ có mười hai hành tinh thiêng liêng, tương ứng với mười hai chòm sao, nhưng thời điểm ấy chưa đến. Như bạn biết, hệ mặt trời của chúng ta là một trong bảy hệ. Khi một người đã đạt đến điểm tiến hoá này, các tháng sinh, chiêm tinh học trần tục, và những ảnh hưởng tác động lên phương diện hình tướng trở nên ngày càng ít quan trọng. Vòng tròn các hệ mặt trời này tác động tối thượng lên linh hồn, và linh hồn trở thành điểm tập trung của các năng lượng tinh thần. Đây là vấn đề của linh hồn trên cõi riêng của nó — sự đáp ứng với các loại năng lượng này — và về chúng, phàm ngã hoàn toàn không hay biết.

The signs which fall therefore into the four categories of earth, water, fire and air, concern primarily the man who lives below the diaphragm, and who utilises the lower four centres: —the centre at the base of the spine, the sacral centre, the solar plexus and the spleen. The inner group of seven major or systemic energies produce their effect upon the man who is living above the diaphragm, and work through the seven representative centres in the head. Four of them focus through the throat centre, the

Vì vậy, các dấu hiệu rơi vào bốn phạm trù đất, nước, lửa và khí chủ yếu liên quan đến người sống dưới hoành cách mô và sử dụng bốn trung tâm thấp: trung tâm ở đáy cột sống, trung tâm xương cùng, tùng thái dương và lá lách. Nhóm bên trong gồm bảy năng lượng chính hay thuộc hệ mặt trời tạo tác động của chúng trên người sống phía trên hoành cách mô, và hoạt động qua bảy trung tâm đại diện trong đầu. Bốn trong số đó tập trung qua trung tâm cổ họng, trung tâm tim, ajna và các trung tâm đầu. Ba năng

heart centre, the ajna and head centres. Three are held latent in the region of the head centres (the thousand petalled lotus) and only enter into functioning activity after the third initiation. It will be evident therefore how complicated from the standpoint of the horoscope (as well as of the individual problem) is this meeting of the energies of two types of constellations in the case of the man who is neither purely human nor purely spiritual. The ordinary horoscope is negated. The horoscope is not possible as yet of delineation. The only horoscope, which is basically and almost infallibly correct is that of the entirely low grade human being who lives entirely below the diaphragm and is governed by his animal nature alone.

lượng còn lại được giữ tiềm tàng trong vùng các trung tâm đầu — Hoa sen ngàn cánh — và chỉ đi vào hoạt động chức năng sau lần điểm đạo thứ ba. Vì vậy, từ lập trường lá số chiêm tinh — cũng như từ lập trường vấn đề cá nhân — rõ ràng là sự gặp gỡ của các năng lượng thuộc hai loại chòm sao trong trường hợp người không thuần là nhân loại cũng không thuần là tinh thần phức tạp đến mức nào. Lá số thông thường bị vô hiệu hóa. Lá số ấy hiện vẫn chưa thể được mô tả. Lá số duy nhất về căn bản và gần như không sai lầm là đúng là lá số của con người hoàn toàn ở cấp thấp, sống trọn vẹn dưới hoành cách mô và chỉ bị bản chất thú tính của mình cai quản.

Astrologers must remember also that there are several [439] undiscovered planets which are producing pulls and shifts and focussing streams of energy upon our earth which tend to complicate the problem still further. Pluto is one of them, and having now emerged into manifestation (or rather into recognition) to it will be assigned all the unexplained conditions. Pluto will be made the scapegoat for faulty astrology for a long time to come. This chart failed to work and be true because Pluto must be influential in it and we know little about Pluto. So the story will run. Yet Pluto has always been revolving around our sun and producing its effects. It governs however the death or cessation of old ideas and emotions, and its influence is therefore largely cerebral and in that you have the clue to its late discovery. Mankind is only on the verge of becoming mental. Its effects are felt first in the mental body. The names of the planets are not the result of arbitrary choice but the planets name themselves.

Các nhà chiêm tinh cũng phải nhớ rằng có một số [439] hành tinh chưa được khám phá đang tạo ra những lực kéo, những chuyển dịch, và đang tập trung các dòng năng lượng lên Trái Đất chúng ta, có khuynh hướng làm vấn đề thêm phức tạp. Sao Diêm Vương là một trong số đó, và vì nay đã xuất hiện vào biểu hiện — hay đúng hơn, vào sự nhận biết — nên mọi tình trạng chưa giải thích được sẽ được gán cho nó. Sao Diêm Vương sẽ bị biến thành vật tế thần cho chiêm tinh học sai lầm trong một thời gian dài sắp tới. Lá số này không vận hành và không đúng vì Sao Diêm Vương hẳn phải có ảnh hưởng trong đó, mà chúng ta biết rất ít về Sao Diêm Vương. Câu chuyện sẽ diễn ra như thế. Tuy nhiên, Sao Diêm Vương luôn quay quanh mặt trời của chúng ta và tạo ra các tác động của nó. Dù vậy, nó cai quản cái chết hay sự chấm dứt của các ý tưởng và cảm xúc cũ, và vì thế ảnh hưởng của nó phần lớn thuộc về não bộ; trong điều đó bạn có chìa khóa cho sự phát hiện muộn của nó. Nhân loại chỉ mới ở ngưỡng trở nên trí tuệ. Các tác động của nó trước hết được cảm nhận trong thể trí. Tên gọi của các hành tinh không phải là kết quả

của lựa chọn tùy tiện; chính các hành tinh tự đặt tên cho mình.

Astrologers will eventually find it necessary to cast three horoscopes or three charts: — one purely physical dealing with the body of nature; one primarily emotional, and dealing with the quality of the personality and with its sensitivity, or state of awareness; the third will be the chart of the mental impulses and conditions. It will be found that these three charts will take certain geometrical lines, the lines of energies will form patterns. These three charts, superimposed one upon the other, will give the personality diagram, the individual life pattern. Amazing symbolic charts and lineal forms will be found to emerge when this is done, and the "geometry of the individual" will grow out of this, for it will be found that each line will function in relation to another line, and the trends of the life energies will become apparent. Eventually, even in this department of knowledge, "the star will shine forth" This will constitute a new branch of psychology and its true exponent for [440] our age will duly be found. I but indicate the lines of the future astrology in order to safeguard the present.

Cuối cùng, các nhà chiêm tinh sẽ thấy cần thiết phải lập ba lá số hay ba bản đồ: một lá số thuần hồng trần, đề cập đến thân thể tự nhiên; một lá số chủ yếu thuộc cảm xúc, đề cập đến phẩm tính của phàm ngã và sự nhạy cảm của nó, hay trạng thái nhận biết; lá số thứ ba sẽ là bản đồ của các xung lực và điều kiện trí tuệ. Người ta sẽ thấy rằng ba bản đồ này sẽ đi theo những đường hình học nhất định; các đường năng lượng sẽ tạo thành những mô hình. Ba bản đồ này, khi chồng lên nhau, sẽ đem lại biểu đồ phàm ngã, mô hình đời sống cá nhân. Khi điều này được thực hiện, những bản đồ biểu tượng kỳ diệu và các hình thức tuyến tính sẽ được thấy xuất hiện, và "hình học của cá nhân" sẽ nảy sinh từ đó, vì người ta sẽ thấy rằng mỗi đường sẽ vận hành trong tương quan với một đường khác, và các khuynh hướng của những năng lượng đời sống sẽ trở nên hiển nhiên. Rốt cuộc, ngay cả trong ngành tri thức này, "ngôi sao sẽ tỏa sáng". Điều này sẽ cấu thành một nhánh mới của tâm lý học, và người trình bày chân chính của nó cho [440] thời đại chúng ta sẽ được tìm thấy đúng lúc. Tôi chỉ chỉ ra những đường nét của chiêm tinh học tương lai nhằm bảo vệ hiện tại.

One thing astrologers need at this time to do and that is to make due allowance for this transition period out of Pisces into Aquarius. This is seldom done, but it is evident that the tremendous turmoil incident to these transitions affects the individual chart, and frequently offsets individual destiny or karma. People are submerged in planetary and racial destinies, and their own tiny affairs are offset almost entirely and sometimes completely negated. It is not possible to cast the horoscope of the planet, and those who propose to do so are

Một điều mà các nhà chiêm tinh cần làm vào lúc này là xét đến đúng mức thời kỳ chuyển tiếp này từ Song Ngư sang Bảo Bình. Điều này hiếm khi được thực hiện, nhưng rõ ràng sự xáo trộn ghê gớm đi kèm các chuyển tiếp này ảnh hưởng đến lá số cá nhân, và thường hóa giải vận mệnh hay nghiệp quả cá nhân. Con người bị chìm ngập trong các vận mệnh hành tinh và giống dân, và những việc nhỏ bé riêng của họ hầu như bị hóa giải hoàn toàn, đôi khi bị phủ định trọn vẹn. Không thể lập lá số của hành tinh, và những ai đề nghị làm như vậy đang tự lừa dối mình và

deceiving themselves and others. The horoscope of the fourth kingdom in nature, of humanity, will eventually be cast, but it will be done by initiates, and there are no initiate astrologers working on the physical plane at this time. One hint here I give.

lừa dối người khác. Lá số của giới thứ tư trong thiên nhiên, tức nhân loại, rốt cuộc sẽ được lập, nhưng điều đó sẽ do các điểm đạo đồ thực hiện, và hiện nay không có nhà chiêm tinh điểm đạo đồ nào đang làm việc trên cõi hồng trần. Ở đây tôi trao một gợi ý.

The Sun was in Sagittarius when the first human tendencies struggled to the fore. The stage of animal man was completed and when Sagittarius was dominant (from our planetary standpoint—I am using words with care) the great event of individualisation took place. But the brain of the then human being failed to register what had happened. In the words of the *Old Commentary:*

Mặt Trời ở trong Nhân Mã khi những khuynh hướng nhân loại đầu tiên vùng lên phía trước. Giai đoạn người thú đã hoàn tất, và khi Nhân Mã chi phối — từ lập trường hành tinh của chúng ta; tôi dùng từ rất cẩn trọng — biến cố lớn của sự biệt ngã hóa đã diễn ra. Nhưng bộ não của con người lúc bấy giờ không ghi nhận được điều đã xảy ra. Theo lời của *Cổ Luận:*

"The sons of God shot forth like arrows from the bow. The forms received the impulse and lo! a God was born. The tiny babe knew not the great event."

"Các Con của Thượng đế phóng ra như những mũi tên từ cây cung. Các hình tướng nhận xung lực, và kìa, một Thượng đế được sinh ra. Đứa trẻ bé nhỏ không biết biến cố lớn lao ấy."

This took place twenty-one million years ago. Cycles passed and when at a later date the sun was in Leo (approximately eighteen million years ago) the first instances of coordination between brain and mind took place and the human being was definitely self-conscious. He registered his individuality. The figures for the first [441] date (though exactness is not possible in a system of mutation such as ours) are 21,688,345 years ago. These figures are useless at this time for they can neither be proved correct nor incorrect. Later investigation will prove their usefulness, when the nature of time is better understood. Sagittarius governs human evolution, for it symbolises progress towards a conscious goal. Leo governs the human consciousness in the human

Điều này xảy ra hai mươi mốt triệu năm trước. Các chu kỳ trôi qua, và vào một thời điểm sau đó, khi Mặt Trời ở trong Sư Tử — khoảng mười tám triệu năm trước — những trường hợp đầu tiên của sự phối hợp giữa bộ não và thể trí đã diễn ra, và con người trở nên xác định là có ngã thức. Y ghi nhận cá tính của mình. Các con số cho niên đại thứ nhất [441] — dù sự chính xác là không thể có trong một hệ thống biến đổi như hệ của chúng ta — là 21.688.345 năm trước. Những con số này hiện nay vô dụng, vì chúng không thể được chứng minh là đúng hay sai. Nghiên cứu về sau sẽ chứng minh tính hữu dụng của chúng, khi bản chất của thời gian được thấu hiểu hơn. Nhân Mã cai quản tiến hoá nhân loại, vì nó tượng trưng cho sự tiến tới một mục tiêu có ý thức. Sư Tử cai quản tâm thức nhân loại trong giới nhân loại, vì

kingdom for the energy pouring through it enables man to say "I am".

năng lượng tuôn qua nó giúp con người nói: "Tôi hiện hữu".

It might be of value if I here attempted a translation necessarily inadequate, of the key word of each sign. These fall into two categories as far as humanity is concerned. There is the key word for the form aspect and the keyword for the soul aspect. In the first case, the word is expressed; in the second it is consciously spoken by the soul. Translated into modern terms much is lost, but the underlying thought which directs the work of the emanating energies is of value. For our world period they are as follows:

Có thể sẽ hữu ích nếu ở đây tôi cố gắng đưa ra một bản dịch tất yếu không đầy đủ của chủ âm của mỗi dấu hiệu. Các chủ âm này rơi vào hai phạm trù xét theo nhân loại. Có chủ âm dành cho phương diện hình tướng, và có chủ âm dành cho phương diện linh hồn. Trong trường hợp thứ nhất, linh từ được biểu lộ; trong trường hợp thứ hai, nó được linh hồn xướng lên một cách có ý thức. Khi dịch sang các thuật ngữ hiện đại, nhiều điều bị mất đi, nhưng tư tưởng nền tảng điều khiển công việc của các năng lượng phát xuất thì có giá trị. Đối với chu kỳ thế giới của chúng ta, chúng như sau:

For the aspirant who progresses from Aries to Pisces and has therefore re-oriented himself we have:

Đối với người chí nguyện tiến từ Bạch Dương đến Song Ngư và do đó đã tự tái định hướng, chúng ta có:

Aries.....I come forth, and from the plane of mind I rule.

Bạch Dương.....Tôi xuất hiện, và từ cõi trí tôi cai quản.

Taurus.....I see, and when the eye is opened, all is illumined.

Kim Ngưu.....Tôi thấy, và khi con mắt được mở ra, tất cả đều được soi sáng.

Gemini.....I recognise my other self and in the waning of that self I grow and glow.

Song Tử.....Tôi nhận ra bản ngã kia của mình, và trong sự suy tàn của bản ngã ấy, tôi lớn lên và bừng sáng.

Cancer.....I build a lighted house and therein dwell.

Cự Giải.....Tôi xây một ngôi nhà được soi sáng và cư ngụ trong đó.

Leo.....I am That and That am I.

Sư Tử.....Tôi là Cái Đó và Cái Đó là tôi.

Virgo.....I am the Mother and the Child, I God, I matter am.

Xử Nữ.....Tôi là Mẹ và là Con, tôi là Thượng đế, tôi là vật chất.

Libra.....I choose the Way that leads between the two great lines of force. [442]

Thiên Bình.....Tôi chọn Con Đường dẫn giữa hai đường mãnh lực lớn. [442]

Scorpio.....Warrior I am, and from the battle I emerge triumphant.

Hổ Cáp.....Tôi là chiến sĩ, và từ trận chiến tôi bước ra khải hoàn.

Sagittarius.....I see the goal. I reach the goal and see another.

Nhân Mã.....Tôi thấy mục tiêu. Tôi đạt đến mục tiêu và thấy một mục tiêu khác.

Capricorn.....Lost am I in light supernal and on that light I turn my back.

Ma Kết.....Tôi mất hút trong ánh sáng thiên thượng, và với ánh sáng ấy, tôi quay lưng lại.

Aquarius.....Water of life am I, poured forth for thirsty men.

Bảo Bình.....Tôi là nước của sự sống, tuôn đổ cho những người khát.

Pisces.....I leave the Father's home and turning back, I save.

Song Ngư.....Tôi rời nhà Cha, và khi quay trở lại, tôi cứu độ.

From the standpoint of the form, the life proceeds in a reverse direction, and the work of nature is seen under the following words:

Từ lập trường của hình tướng, sự sống tiến hành theo chiều ngược lại, và công việc của thiên nhiên được thấy dưới những lời sau:

Pisces.....And the Word said: Go forth into matter.

Song Ngư.....Và Linh từ phán: Hãy đi vào vật chất.

Aquarius.....And the Word said: Let desire in form be ruler.

Bảo Bình.....Và Linh từ phán: Hãy để ham muốn trong hình tướng làm kẻ cai trị.

Capricorn.....And the Word said: Let ambition rule and the door stand wide.

Ma Kết.....Và Linh từ phán: Hãy để tham vọng cai quản và cánh cửa rộng mở.

Sagittarius.....And the Word said: Let food be sought.

Nhân Mã.....Và Linh từ phán: Hãy để thức ăn được tìm kiếm.

Scorpio.....And the Word said: Let Maya flourish and deception rule.

Hổ Cáp.....Và Linh từ phán: Hãy để ảo lực hưng thịnh và lừa dối cai quản.

Libra.....And the Word said: Let choice be made.

Thiên Bình.....Và Linh từ phán: Hãy để sự lựa chọn được thực hiện.

Virgo.....And the Word said: Let matter reign.

Xử Nữ.....Và Linh từ phán: Hãy để vật chất trị vì.

Leo.....And the Word said: Let other forms exist, I rule.

Sư Tử.....Và Linh từ phán: Hãy để các hình tướng khác hiện hữu, ta cai quản.

Cancer.....And the Word said: Let isolation be the rule and yet the crowd exists.

Cự Giải.....Và Linh từ phán: Hãy để sự cô lập là quy luật, nhưng đám đông vẫn hiện hữu.

Gemini.....And the Word said: Let instability do its work.

Song Tử.....Và Linh từ phán: Hãy để sự bất ổn làm công việc của nó.

Taurus.....And the Word said: Let struggle be undismayed. [443]

Kim Ngưu.....Và Linh từ phán: Hãy để cuộc đấu tranh không nản chí. [443]

Aries.....And the Word said: Let form again be sought.

Bạch Dương.....Và Linh từ phán: Hãy để hình tướng lại được tìm kiếm.

It will be noted that all these ideas concern the work of energy in some form or another and in the last grouping with the work of the so-called unregenerate selfish individual, full of desire for satisfaction. The group of mantric words used by the aspirant in the power of his own soul, are positive.

Cần lưu ý rằng tất cả những ý tưởng này đều liên quan đến công việc của năng lượng dưới hình thức này hay hình thức khác, và trong nhóm cuối cùng là công việc của cá nhân ích kỷ, được gọi là chưa cải hóa, đầy ham muốn được thỏa mãn. Nhóm các linh từ mantram mà người chí nguyện sử dụng trong quyền năng của chính linh hồn mình thì mang tính tích cực.

It seems needless to deal further with the various types of force and we shall now turn our attention to Rule XI.

Dường như không cần thiết phải bàn thêm về các loại mãnh lực khác nhau, và giờ đây chúng ta sẽ chuyển sự chú ý sang Quy luật XI.

RULE ELEVEN

Three things the worker with the law must now accomplish. First, ascertain the formula which will confine the lives within the ensphering wall; next, pronounce the words which will tell them what to do and where to carry that which has been made; and finally, utter forth the mystic phrase which will save him from their work.

Ba điều người làm việc với định luật bây giờ phải hoàn thành. Trước hết, xác định công thức sẽ giới hạn các sự sống trong bức tường bao quanh; tiếp theo, xướng các từ ngữ sẽ nói cho chúng biết phải làm gì và mang cái gì đã được tạo ra đến đâu; và cuối cùng, thốt ra cụm từ thần bí sẽ cứu y khỏi công việc của chúng.

Analysis of the Three Sentences—Phân tích Ba Câu

[447]

This rule is, as you know, the last of those governing work on the astral plane and the magical task of motivating those thought-forms which are to be the expression of some type of energy. We have considered the various energies with which men work and the power a man can wield through building thought-forms. We have seen also how a man can manipulate the various grades of matter until the embodied idea has clothed itself with mental matter and with astral matter. It is therefore a vital entity, on the verge of materialising upon the physical plane. Nothing, it should be noted, can now stop its emergence into objectivity except the expressed act of the will of its creator, for the form, being vitalised by that creator, is subject always to his will, until he has severed his connection with it by the utterance of the "mystic phrase". We will assume that emergence into effective existence is the decision and that the creative work is carried forward.

[447]

Như các bạn biết, quy luật này là quy luật cuối cùng trong những quy luật chi phối công việc trên cõi cảm dục và nhiệm vụ huyền thuật là thúc động những hình tư tưởng vốn sẽ là sự biểu lộ của một loại năng lượng nào đó. Chúng ta đã xem xét các năng lượng khác nhau mà con người vận dụng, và quyền năng mà một người có thể sử dụng qua việc kiến tạo các hình tư tưởng. Chúng ta cũng đã thấy cách một người có thể điều khiển các cấp độ khác nhau của vật chất cho đến khi ý tưởng được hiện thân đã khoác lấy vật chất cõi trí và vật chất cảm dục. Vì thế, nó là một thực thể sống động, đang ở ngưỡng hiện hình trên cõi hồng trần. Cần lưu ý rằng giờ đây không gì có thể ngăn chặn sự xuất hiện của nó vào tính khách quan, ngoại trừ hành động ý chí được biểu lộ của người sáng tạo ra nó; vì hình tướng, do được người sáng tạo ấy tiếp sinh lực, luôn luôn lệ thuộc vào ý chí của y, cho đến khi y cắt đứt mối liên hệ với nó bằng việc thốt ra "cụm từ thần bí". Chúng ta sẽ giả định rằng sự xuất hiện vào hiện hữu hữu hiệu là quyết định đã được chọn, và công việc sáng tạo được tiếp tục tiến hành.

It will here be noted that this work is either conscious or unconscious. In the unconscious building of thought-forms such as is the case with the average human being, many never produce the desired physical plane effects, and fail in their intended purpose. As long however, as man is animated by selfishness and by hatred, this is a beneficent thing. Fortunately for the human race, few people as yet work in mental matter. Most of them work with astral or desire matter and these forms are fluidic and changeable, and are powerful only through the faculty of persistence. There is an occult basis for [448] the statement that if one desires a thing for a sufficiently long period of time one will possess it. Such is the law governing the return to incarnation of the average human being. Lacking the one-pointedness of the mental plane matter as it is influenced by a concentrated mind, these desire forms fail to do the damage they otherwise might. Their effect is felt largely by the creator of these kama-manasic forms and not by his environing associates. The moment that the mind factor enters in and becomes dominant, that moment a man becomes dangerous or useful as the case may be—dangerous not only to himself but to those around him, or useful in the working out of the plan of evolution. He can then create thought-forms, capable of producing outward manifesting results and tangible effects. Given aspiration, however, and spiritual impulse, a man can become a true occultist, and produce organised results, and functioning organisms upon the physical plane. I use the word "organism" deliberately, for it will serve to convey the idea that any thought-form is regarded by us as a subjective and existing entity, clothed in subtle matter, and capable of manifestation. This is called popularly sometimes "the

Ở đây cần lưu ý rằng công việc này hoặc là có ý thức hoặc là vô thức. Trong việc kiến tạo vô thức các hình tư tưởng, như trường hợp của con người trung bình, nhiều hình tư tưởng không bao giờ tạo ra được các hiệu quả mong muốn trên cõi hồng trần, và thất bại trong mục đích đã định. Tuy nhiên, chừng nào con người còn được thúc đẩy bởi tính ích kỷ và lòng thù hận, thì điều này là một điều lành. May mắn cho nhân loại, cho đến nay rất ít người làm việc trong vật chất cõi trí. Phần lớn họ làm việc với vật chất cảm dục hay dục vọng, và các hình tướng này linh động, hay thay đổi, và chỉ có quyền năng nhờ năng lực kiên trì. Có một nền tảng huyền bí cho [448] lời khẳng định rằng nếu một người ham muốn một điều gì trong một thời gian đủ dài, y sẽ sở hữu nó. Đó là định luật chi phối sự trở lại nhập thể của con người trung bình. Vì thiếu tính nhất tâm của vật chất cõi trí khi nó chịu ảnh hưởng của một thể trí tập trung, các hình tướng dục vọng này không gây ra được sự tổn hại mà nếu khác đi chúng có thể gây ra. Hiệu quả của chúng phần lớn được cảm nhận bởi người sáng tạo ra các hình tướng trí-cảm này, chứ không phải bởi những người cộng sự bao quanh y. Ngay khoảnh khắc yếu tố thể trí bước vào và trở nên chiếm ưu thế, ngay khoảnh khắc ấy con người trở nên nguy hiểm hoặc hữu ích, tùy trường hợp—nguy hiểm không chỉ cho chính y mà còn cho những người chung quanh, hoặc hữu ích trong việc thực hiện thiên cơ tiến hóa. Khi ấy y có thể tạo ra các hình tư tưởng có khả năng tạo nên những kết quả biểu hiện ra bên ngoài và các hiệu quả hữu hình. Tuy nhiên, nếu có khát vọng và xung lực tinh thần, một người có thể trở thành một nhà huyền bí học chân chính, và tạo ra những kết quả có tổ chức cùng những cơ cấu sống vận hành trên cõi hồng trần. Tôi cố ý dùng từ "cơ cấu sống", vì nó sẽ giúp truyền đạt ý tưởng rằng mọi hình tư tưởng đều được chúng tôi xem như một thực thể

working out of an idea", or the "carrying through of a project"; it is termed at other times a "discovery", or an " invention", or something of that nature. All the time, quite unrealising it, man is talking in occult terms and evidencing an inner appreciation of the methods whereby all that has been thought (by God or man) comes into existence.

chủ quan và hiện hữu, khoác lấy vật chất tinh anh, và có khả năng biểu hiện. Điều này đôi khi thường được gọi là "việc triển khai một ý tưởng", hay "việc thực hiện một dự án"; lúc khác nó được gọi là một "khám phá", hay một "phát minh", hoặc điều gì đó thuộc loại ấy. Suốt thời gian đó, hoàn toàn không nhận ra, con người đang nói bằng những thuật ngữ huyền bí và biểu lộ một sự cảm nhận bên trong về các phương pháp nhờ đó mọi điều đã được tư tưởng đến, bởi Thượng đế hoặc con người, đi vào hiện hữu.

The embodied idea or thought (the former being potentially far more potent than the latter) has worked its way through to the verge of physical manifestation. Its creator who, in the case of a "white magician" is not an emotionally centred person, is consciously bringing it to the stage when its inner purpose and plan can be demonstrated. He holds the thought-form in his consciousness [449] and gives it shape and energy through the power of his own one-pointed mental focus.

Ý tưởng hay tư tưởng được hiện thân, trong đó cái trước tiềm tàng mạnh mẽ hơn cái sau rất nhiều, đã tự mở đường đến ngưỡng biểu hiện hồng trần. Người sáng tạo ra nó, trong trường hợp một "nhà huyền thuật chánh đạo", không phải là một người lấy cảm xúc làm trung tâm, đang có ý thức đưa nó đến giai đoạn mà mục đích và kế hoạch bên trong của nó có thể được chứng minh. Y giữ hình tư tưởng trong tâm thức của mình [449] và ban cho nó hình dạng cùng năng lượng nhờ quyền năng của sự tập trung trí tuệ nhất tâm của chính y.

We are told in the rule under consideration that the aspirant has three things to do:

Trong quy luật đang được xem xét, chúng ta được cho biết rằng người chí nguyện có ba điều phải làm:

1. Ascertain the formula which will crystallise the form he has built, much in the same way that we find architects and bridge builders reducing the desired form to a mathematical formula.

1. Xác định công thức sẽ kết tinh hình tướng mà y đã kiến tạo, gần giống như cách chúng ta thấy các kiến trúc sư và những người xây cầu quy giảm hình tướng mong muốn thành một công thức toán học.

2. Pronounce certain words which will give the form vitality and so carry it forth on to the physical plane.

2. Xướng một số lời nhất định sẽ ban sinh lực cho hình tướng, và nhờ đó đưa nó tiến ra cõi hồng trần.

3. Utter the phrase which will detach the thought-form from his aura and so save the drain upon his energies.

3. Thốt ra cụm từ sẽ tách rời hình tư tưởng khỏi hào quang của y, và nhờ đó cứu y khỏi sự hao tổn năng lượng.

It will be noted that the *formula* has relation to the thought-form, the *words of power* to the objective for which the form has been constructed, and the *mystic phrase* concerns the severing of the magnetic link which binds together the creator and his creation. One therefore concerns the form, another the soul embodied in the form (whose lowest characteristic is desire, the reflection of love) and the last the life aspect with which the creator has endowed the creation. We are consequently face to face again with the eternal triplicities of spirit, soul and body. It should be remembered that the Rules for Magic, as understood by the true esotericist, are as true of a created universe, solar system or planet as they are true of the tiny thought creations of a chela or aspirant.

Cần lưu ý rằng *công thức* liên hệ với hình tư tưởng, *các Quyền năng từ* liên hệ với mục tiêu mà hình tướng được kiến tạo để đạt tới, và *cụm từ thần bí* liên quan đến việc cắt đứt mối liên kết từ tính vốn ràng buộc người sáng tạo với tạo vật của y. Vì vậy, một điều liên quan đến hình tướng, điều khác đến linh hồn được hiện thân trong hình tướng, mà đặc tính thấp nhất là dục vọng, phản ánh của bác ái, và điều cuối cùng liên quan đến phương diện sự sống mà người sáng tạo đã phú cho tạo vật. Do đó, chúng ta lại đối diện với các bộ ba vĩnh cửu của tinh thần, linh hồn và thân thể. Cần nhớ rằng Các Quy Luật về Huyền Thuật, như nhà bí truyền học chân chính thấu hiểu, đúng đối với một vũ trụ, hệ mặt trời hay hành tinh được sáng tạo, cũng như đúng đối với những tạo tác tư tưởng nhỏ bé của một đệ tử hay người chí nguyện.

The first reaction of the average student on reading the above is to think immediately of the body nature as it expresses some type of energy. Thus duality is the thing noted and that which employs the thing is present in his mind. Yet one of the main necessities before occult aspirants at this time is to endeavour to think in [450] terms of the one Reality which is Energy itself and nothing else. Therefore it is of value to emphasize in our discussions of this abstruse subject the fact that spirit and energy are synonymous terms and are interchangeable. Only in the realisation of this can we arrive at the reconciliation of science and religion and at a true understanding of the world of active phenomena by which we are surrounded and in which we move.

Phản ứng đầu tiên của đạo sinh trung bình khi đọc những điều trên là lập tức nghĩ đến bản chất thân thể khi nó biểu lộ một loại năng lượng nào đó. Như vậy, điều được ghi nhận là nhị nguyên, và cái sử dụng điều ấy hiện diện trong thể trí của y. Tuy nhiên, một trong những nhu cầu chính yếu trước mắt các người chí nguyện huyền bí vào lúc này là cố gắng tư tưởng trong [450] các thuật ngữ của Thực Tại duy nhất, vốn chính là Năng Lượng và không gì khác. Vì vậy, trong các cuộc bàn luận của chúng ta về đề tài thâm áo này, việc nhấn mạnh sự kiện rằng tinh thần và năng lượng là những thuật ngữ đồng nghĩa và có thể thay thế cho nhau là điều có giá trị. Chỉ trong sự chứng nghiệm điều này, chúng ta mới có thể đạt đến sự hòa giải giữa khoa học và tôn giáo, và đến một sự thấu hiểu chân thực về thế giới của các hiện

tượng đang hoạt động bao quanh chúng ta và trong đó chúng ta vận hành.

The terms organic and inorganic are largely responsible for much of the confusion, and the sharp differentiation existing in the minds of many people between body and spirit, between life and form, have led to a refusal to admit the essential identity in nature of these two. The world in which we live is regarded by the majority as really solid and tangible, yet possessing some mysterious power lying concealed within it which produces movement, activity and change. This is of course putting it crudely but it suffices to sum up the unintelligent attitude.

Các thuật ngữ hữu cơ và vô cơ chịu trách nhiệm phần lớn cho nhiều sự lẫn lộn; và sự biến phân sắc bén hiện hữu trong thể trí của nhiều người giữa thân thể và tinh thần, giữa sự sống và hình tướng, đã dẫn đến việc từ chối thừa nhận sự đồng nhất căn bản về bản chất của hai điều này. Thế giới trong đó chúng ta sống được đa số xem là thật sự rắn chắc và hữu hình, nhưng lại sở hữu một quyền năng huyền bí nào đó ẩn giấu bên trong, tạo ra chuyển động, hoạt động và biến đổi. Dĩ nhiên, nói như vậy là thô sơ, nhưng đủ để tóm lược thái độ thiếu trí tuệ.

The orthodox scientist is largely occupied with structures, relationships, with the composition of form and with the activity produced by the component form parts and their interrelations and dependencies. The chemicals and elements and the functions and parts they play, and their mutual interactions as they compose all forms in all the kingdoms of nature are the subject of their investigation. The nature of the atom, of the molecule and the cell, their functions, the qualities of their force manifestations and the varying types of activity, the solving of the problem as to the character and nature of the energies—focalised or localised in the differing forms of the natural or material world—demand the consideration of the ablest minds in the world of thought. Yet the questions—What is Life? What is Energy? or What is the process of Becoming and the nature of Being? remain unanswered. The problem as to the why and the [451] wherefore is regarded as fruitless and speculative, almost insoluble.

Nhà khoa học chính thống phần lớn bận tâm đến các cấu trúc, các mối quan hệ, thành phần của hình tướng và hoạt động do các phần cấu thành hình tướng cùng những tương quan và phụ thuộc lẫn nhau của chúng tạo ra. Các hóa chất và nguyên tố, các chức năng và vai trò của chúng, cùng những tương tác lẫn nhau của chúng khi chúng cấu thành mọi hình tướng trong tất cả các giới của thiên nhiên, là đối tượng nghiên cứu của họ. Bản chất của nguyên tử, phân tử và tế bào, các chức năng của chúng, các phẩm tính trong những biểu hiện mãnh lực của chúng và các loại hoạt động khác nhau; việc giải quyết vấn đề về tính chất và bản chất của các năng lượng—được hội tụ hay định vị trong các hình tướng khác nhau của thế giới tự nhiên hay vật chất—đòi hỏi sự chú tâm của những thể trí ưu tú nhất trong thế giới tư tưởng. Tuy nhiên, các câu hỏi: Sự Sống là gì? Năng Lượng là gì? hay Tiến trình Đang Trở Thành và bản chất của Bản Thể là gì? vẫn chưa được trả lời. Vấn đề về lý do và căn nguyên [451] được xem là vô ích và tư biện, gần như không thể giải quyết.

Nevertheless, to the pure reason and through the correct functioning of the intuition, these problems can be solved and these questions answered. Their solution is one of the ordinary revelations and attainments of initiation. The only true biologists are the initiates of the mysteries, for they have an understanding of life and its purpose and are so identified with the life principle that they think and speak in terms of energy and its effects, and all their activities, in connection with the work of the planetary Hierarchy, are based on a few fundamental formulas which concern life as it makes itself felt through its three differentiations or aspects: —energy, force, matter.

Tuy vậy, đối với lý trí thuần túy và nhờ sự vận hành đúng đắn của trực giác, các vấn đề này có thể được giải quyết và các câu hỏi này có thể được trả lời. Sự giải quyết chúng là một trong những mặc khải và thành tựu thông thường của điểm đạo. Những nhà sinh học chân chính duy nhất là các điểm đạo đồ của các bí nhiệm, vì các vị ấy có sự thấu hiểu về sự sống và mục đích của nó, và đồng hóa với nguyên khí sự sống đến mức các vị ấy tư tưởng và nói năng bằng những thuật ngữ của năng lượng và các hiệu quả của nó; và mọi hoạt động của các vị ấy, liên hệ với công việc của Thánh đoàn hành tinh, đều dựa trên một vài công thức căn bản liên quan đến sự sống khi nó khiến chính nó được cảm nhận qua ba biến phân hay phương diện của nó: năng lượng, mãnh lực, vật chất.

It should be noted here that only as a man understands himself can he arrive at an understanding of that which is the sum total that we call God. This is a truism and an occult platitude, but when acted upon leads to a revelation which makes the present "Unknown God" a recognised Reality. Let me illustrate:

Ở đây cần lưu ý rằng chỉ khi con người thấu hiểu chính mình, y mới có thể đạt đến sự thấu hiểu về cái tổng thể mà chúng ta gọi là Thượng đế. Đây là một chân lý hiển nhiên và là một lời nói quen thuộc trong huyền bí học, nhưng khi được đem ra thực hành, nó dẫn đến một sự mặc khải khiến "Thượng đế Chưa Biết" hiện nay trở thành một Thực Tại được nhận biết. Hãy để tôi minh họa:

Man knows himself to be a living being and calls death that mysterious process wherein that something, which he commonly designates as the breath of life, is withdrawn. On its withdrawal, the form disintegrates. The cohesive vitalising force is gone, and this produces that falling apart into its essential elements of that which has hitherto been regarded as the body.

Con người biết mình là một sinh thể sống và gọi cái tiến trình huyền bí, trong đó một điều gì đó mà y thường gọi là hơi thở sự sống được rút lui, là cái chết. Khi nó rút lui, hình tướng tan rã. Mãnh lực cố kết và tiếp sinh lực đã ra đi, và điều này tạo ra sự phân rã thành các nguyên tố cơ bản của cái cho đến lúc ấy vẫn được xem là thể xác.

This life principle, this basic essential of being and this mysterious elusive factor is the correspondence in man of that which we call spirit or life in the macrocosm. Just as

Nguyên khí sự sống này, yếu tính căn bản này của hiện hữu và yếu tố huyền bí khó nắm bắt này, là tương ứng trong con người của điều mà chúng ta gọi là tinh thần hay sự

the life in man holds together, animates, vitalises and drives into activity the form and so makes of him a living being, so the life of God—as the Christian calls it—performs the same purpose in the universe and produces [452] that coherent, living, vital ensemble which we call a solar system.

sống trong Đại thiên địa. Cũng như sự sống trong con người giữ hình tướng lại với nhau, làm nó sinh động, tiếp sinh lực cho nó và thúc đẩy nó hoạt động, nhờ đó khiến y thành một sinh thể sống, thì sự sống của Thượng đế—như người Kitô hữu gọi—cũng thực hiện cùng mục đích ấy trong vũ trụ và tạo nên [452] tổng hợp cố kết, sống động và đầy sinh lực mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời.

This life principle in man manifests in a triple manner:

Nguyên khí sự sống này trong con người biểu hiện theo ba cách:

1. As the directional will, purpose, basic incentive. This is the dynamic energy which sets the being functioning, brings him into existence, sets the term of his life, carries him through the years, long or short, and abstracts itself at the close of his life cycle. This is the spirit in man, manifesting as the will to live, to be, to act, to pursue, to evolve. In its lowest aspect this works through the mental body or nature, and in connection with the dense physical makes itself felt through the brain.

1. Như ý chí định hướng, mục đích, động cơ căn bản. Đây là năng lượng năng động khiến sinh thể vận hành, đưa y vào hiện hữu, ấn định thời hạn đời sống của y, đưa y đi qua những năm tháng, dài hay ngắn, và tự rút lui vào cuối chu kỳ đời sống của y. Đây là tinh thần trong con người, biểu hiện như ý chí muốn sống, muốn hiện hữu, muốn hành động, muốn theo đuổi, muốn tiến hóa. Ở phương diện thấp nhất của nó, điều này hoạt động qua thể trí hay bản chất trí tuệ, và trong liên hệ với thể xác đậm đặc, nó khiến chính nó được cảm nhận qua bộ não.

2. As the coherent force. It is that significant essential quality which makes each man different, which produces that complex manifestation of moods, desires, qualities, complexes, inhibitions, feelings and characteristics which produce a man's peculiar psychology. This is the result of the interplay between the spirit or energy aspect, and the matter or body nature. This is the distinctive subjective man, his colouring, or individual note; this it is which sets the rate of vibratory activity of his body, produces his particular type of form, is responsible for the condition and nature of his organs, his glands, and his outer aspect. This is the soul and—in its lowest aspect—it works through the emotional or astral

2. Như mãnh lực cố kết. Đó là phẩm tính thiết yếu đầy thâm nghĩa khiến mỗi người khác biệt, tạo ra biểu hiện phức tạp của các tâm trạng, dục vọng, phẩm tính, phức cảm, ức chế, cảm giác và đặc điểm vốn tạo nên tâm lý riêng biệt của một người. Đây là kết quả của sự tương tác giữa phương diện tinh thần hay năng lượng, và bản chất vật chất hay thân thể. Đây là con người chủ quan đặc thù, sắc thái hay âm điệu cá nhân của y; chính điều này ấn định tốc độ hoạt động rung động của thể xác y, tạo ra loại hình tướng riêng của y, chịu trách nhiệm về tình trạng và bản chất của các cơ quan, các tuyến và phương diện bên ngoài của y. Đây là linh hồn và—ở phương diện thấp nhất—nó hoạt động qua bản chất cảm xúc hay cảm dục, và

nature and in connection with the dense physical, through the heart.

trong liên hệ với thể xác đậm đặc, qua trái tim.

3. As the activity of the atoms and cells of which the physical body is composed. It is the sum total of those little lives of which the human organs, comprising the entire man are composed. These have a life of their own and a consciousness which is strictly individual and identified. This aspect of the life principle works through [453] the etheric or vital body and in connection with the solid mechanism of the tangible form through the spleen.

3. Như hoạt động của các nguyên tử và tế bào cấu thành thể xác. Đó là tổng thể của những sự sống nhỏ bé mà các cơ quan của con người, hợp thành toàn bộ con người, được cấu tạo nên. Chúng có sự sống riêng của chúng và một tâm thức nghiêm ngặt cá biệt và đồng hóa. Phương diện này của nguyên khí sự sống hoạt động qua [453] thể dĩ thái hay thể sinh lực, và trong liên hệ với bộ máy rắn chắc của hình tướng hữu hình, qua lá lách.

It is not, of course, possible to give the mantric words and phrases which are mentioned in Rule XI. They would be profoundly incomprehensible to all but the initiate, and therefore need not engross our attention. It should be noted that much in these Instructions is in advance of modern thought and both these Instructions and the *Treatise on Cosmic Fire* will only be fully understood towards the end of this century.

Dĩ nhiên, không thể trao ra các lời và cụm từ mantram được đề cập trong Quy Luật XI. Chúng sẽ hoàn toàn không thể hiểu được đối với tất cả, ngoại trừ điểm đạo đồ, và vì vậy không cần chiếm lấy sự chú tâm của chúng ta. Cần lưu ý rằng nhiều điều trong các Huấn Thị này vượt trước tư tưởng hiện đại, và cả các Huấn Thị này lẫn *Luận về Lửa Vũ Trụ* sẽ chỉ được thấu hiểu trọn vẹn vào cuối thế kỷ này.

Let us consider this rule sentence by sentence, and arrive at that one of the interpretations which is the easiest for the average aspirant. All these rules can be read from the standpoint of intelligent man, and will mean but little; they can be read from the standpoint of the aspirant, and will then convey certain practical ideas which are susceptible of daily application and can be wrought out in the crucible of life experience. They will achieve meaning as the aspirant learns to handle energies, to work in mental matter and to cooperate creatively with the Purpose underlying the evolutionary plan. From the angle of vision of the disciple, these Rules carry certain potent instructions and will lead him to an understanding of the process of the creative

Chúng ta hãy xem xét quy luật này từng câu một, và đi đến một trong những diễn giải dễ nhất đối với người chí nguyện trung bình. Tất cả các quy luật này có thể được đọc từ quan điểm của con người có trí tuệ, và sẽ chỉ hàm nghĩa rất ít; chúng có thể được đọc từ quan điểm của người chí nguyện, và khi đó sẽ truyền đạt một số ý tưởng thực tiễn có thể áp dụng hằng ngày và có thể được thực hiện trong lò luyện của kinh nghiệm sống. Chúng sẽ đạt được ý nghĩa khi người chí nguyện học cách vận dụng các năng lượng, làm việc trong vật chất cõi trí và cộng tác một cách sáng tạo với Thiên Ý nằm bên dưới thiên cơ tiến hóa. Từ góc nhìn của đệ tử, các Quy Luật này mang một số huấn thị đầy quyền năng và sẽ dẫn y đến sự thấu hiểu về tiến trình của công việc sáng tạo trong thiên nhiên,

work in nature, which is necessarily sealed to the mind of the aspirant. As to the comprehension of the initiate, these words convey definite commands which only his illumined intuition can rightly interpret. With the higher grades of intelligences we need not concern ourselves. We will consider this Rule therefore solely from the angle of vision of the average aspirant, leaving other interpretations to those individuals who have the internal equipment which will enable them to understand.

điều tất yếu bị niêm kín đối với thể trí của người chí nguyện. Đối với sự lĩnh hội của điểm đạo đồ, những lời này truyền đạt các mệnh lệnh xác định mà chỉ trực giác đã được soi sáng của y mới có thể diễn giải đúng. Chúng ta không cần bận tâm đến các cấp trí tuệ cao hơn. Vì vậy, chúng ta sẽ xem xét Quy Luật này chỉ từ góc nhìn của người chí nguyện trung bình, để các diễn giải khác lại cho những cá nhân có trang bị nội tại giúp họ thấu hiểu.

I. Ascertain the formula which will confine the lives within the ensphering wall.

I. Xác định công thức sẽ giam giữ các sự sống trong bức tường bao quanh thành khối cầu.

All forms in nature, as we well know, are made up of [454] myriads of tiny lives, holding a certain measure of awareness, of rhythm, and of coherency according to the force of the Law of Attraction, utilized by the builder of the form. This is true both of the Macrocosm and of the infinite world of microcosmic lives, which are contained within the greater whole. Embryo solar systems, coming into being under the impulse of divine thought, are at first fluidic and nebulous, are shifting in outline and are held together loosely by the central nucleus of energy—another way of expressing the embodied idea. As time progresses, they pass on to other conditions, they take more definite form, they enter into peculiar relations with allied and neighbouring forms, and adjust themselves to varying relations of an internal nature with those forms, which in the earlier stage was not possible. Eventually we find a solar system such as ours and myriads of others—a solar system functioning as a sun with its revolving and rotating planets, preserving their differing orbits, holding their stated and relative positions, active as independent

Như chúng ta đều biết rõ, mọi hình tướng trong thiên nhiên được cấu thành bởi [454] vô số sự sống nhỏ bé, nắm giữ một mức độ nhận biết, nhịp điệu và cố kết nào đó tùy theo mãnh lực của Định luật Hấp Dẫn được đấng kiến tạo hình tướng sử dụng. Điều này đúng với cả Đại thiên địa lẫn thế giới vô tận của các sự sống tiểu thiên địa được chứa đựng trong toàn thể lớn hơn. Các hệ mặt trời phôi thai, đi vào hiện hữu dưới xung lực của tư tưởng thiêng liêng, lúc đầu linh động và mờ sương, đường nét thay đổi và được giữ lại với nhau một cách lỏng lẻo bởi hạt nhân năng lượng trung tâm—một cách khác để diễn đạt ý tưởng được hiện thân. Khi thời gian trôi qua, chúng chuyển sang những tình trạng khác, khoác lấy hình tướng xác định hơn, đi vào những mối quan hệ đặc thù với các hình tướng liên hệ và lân cận, và tự điều chỉnh theo những mối quan hệ khác nhau có tính nội tại với các hình tướng ấy, điều mà ở giai đoạn ban đầu là không thể. Cuối cùng, chúng ta thấy một hệ mặt trời như hệ của chúng ta và vô số hệ khác—một hệ mặt trời vận hành như một mặt trời với các hành tinh xoay quanh và tự quay, duy trì các quỹ đạo khác nhau, giữ các vị trí đã định

and inter-dependent organisms, and yet presenting, to the eye of the astronomer, a coherence, a unity and a structure that is unique in each case and yet which functions under cosmic law. It measures up to some vast purpose, conceived and held steadily in the Universal Mind, which is in its turn an aspect of that group-conscious and self-conscious entity who is the author of its being and the creator of its form.

và tương đối của chúng, hoạt động như những cơ cấu sống độc lập và tương thuộc, nhưng đồng thời, đối với mắt nhà thiên văn, trình hiện một sự cố kết, một sự hợp nhất và một cấu trúc độc nhất trong mỗi trường hợp, nhưng vẫn vận hành theo định luật vũ trụ. Nó đáp ứng một mục đích rộng lớn nào đó, được hình thành và nắm giữ vững vàng trong Vũ Trụ Trí, vốn đến lượt nó là một phương diện của thực thể có tâm thức nhóm và ngã thức, là tác giả của hiện hữu của nó và là đấng sáng tạo hình tướng của nó.

This one intelligent Life may be posited as creating in his meditation (or its, if you prefer, for what do words matter when all is futile to express reality as it is!) and consequently in his reflective mind, that which we call a thought-form. This thought-form has four main characteristics:

Có thể giả định rằng Sự sống thông tuệ duy nhất này sáng tạo trong tham thiền của Ngài, hay của Nó nếu các bạn thích, vì lời nói có nghĩa gì khi tất cả đều bất lực trong việc diễn đạt thực tại đúng như nó là, và do đó trong thể trí phản chiếu của Ngài, điều mà chúng ta gọi là một hình tư tưởng. Hình tư tưởng này có bốn đặc tính chính:

1. It is brought into being through the conscious use of the Law of Attraction. [455]

1. Nó được đưa vào hiện hữu nhờ việc sử dụng có ý thức Định luật Hấp Dẫn. [455]

2. It is formed of an infinite number of living entities who are attracted by the mind of the divine Creator and thus enter into relation with each other.

2. Nó được tạo thành từ vô số thực thể sống bị thể trí của Đấng Sáng Tạo thiêng liêng thu hút, và do đó đi vào liên hệ với nhau.

3. The form is the externalization of something that its Creator has:

3. Hình tướng là sự ngoại hiện của một điều mà Đấng Sáng Tạo của nó đã:

a. Visualized.

a. Hình dung.

b. Built intelligently and “coloured” or “qualified”, so as to meet the purpose for which it was intended.

b. Kiến tạo một cách thông tuệ và “nhuộm màu” hay “định phẩm”, để đáp ứng mục đích mà nó được dự định phục vụ.

c. Vitalized by the potency of his desire and the strength of his living thought.

c. Tiếp sinh lực bằng quyền năng dục vọng của Ngài và sức mạnh tư tưởng sống động của Ngài.

d. Held in shape as long as it is needed in order to perform its specific work.

d. Giữ trong hình dạng chừng nào nó còn cần thiết để thực hiện công việc riêng biệt của nó.

e. Connected to himself by a magnetic thread—the thread of his living purpose and the strength of his dominant will.

e. Nối kết với chính Ngài bằng một sợi dây từ tính—sợi dây của mục đích sống động của Ngài và sức mạnh của ý chí chủ đạo của Ngài.

4. This interior purpose, which has clothed itself in mental, astral and vital substance, is potent on the physical plane just as long as:

4. Mục đích nội tại này, vốn đã khoác lấy chất liệu cõi trí, cảm dục và sinh lực, có quyền năng trên cõi hồng trần chừng nào:

a. It remains consciously in its Creator's thought.

a. Nó vẫn còn ở trong tư tưởng có ý thức của Đấng Sáng Tạo của nó.

b. It "keeps its distance" occultly from its Creator. Many thought-forms remain futile as they are "too close" to their Creator.

b. Nó "giữ khoảng cách" theo nghĩa huyền bí với Đấng Sáng Tạo của nó. Nhiều hình tư tưởng vẫn vô hiệu vì chúng "quá gần" Đấng Sáng Tạo của chúng.

c. It can be directed in any desired direction, and under the law of least resistance, can find its own place, thus performing its desired function and carrying out the purpose for which it was created.

c. Nó có thể được hướng theo bất cứ chiều hướng mong muốn nào, và theo định luật ít trở ngại nhất, có thể tìm được vị trí riêng của nó, nhờ đó thực hiện chức năng mong muốn và thi hành mục đích mà nó đã được tạo ra để phục vụ.

The "formula" therefore might be regarded as the idea emanating from the divine Thinker; it might be defined as the dynamic purpose, the "thing" as the Thinker sees it and externalizes it in his mind, and visualizes it as the carrier of his intent. The mathematics which underlie the construction of a bridge, such as any of the great spans which signalize human achievement, convey [456] naught to the uninitiated, but to those who know and understand, they are the bridge itself, reduced to its essential terms. They are the bridge in latency, and in these mathematical formulas lie hid the purpose, the quality and

Vì vậy, "công thức" có thể được xem như ý tưởng xuất lộ từ Đấng Tư Tưởng thiêng liêng; nó có thể được định nghĩa là mục đích năng động, là "sự vật" như Đấng Tư Tưởng thấy nó và ngoại hiện nó trong thể trí của Ngài, rồi hình dung nó như vật mang ý định của Ngài. Toán học nằm bên dưới việc xây dựng một cây cầu, chẳng hạn bất cứ nhịp cầu lớn nào đánh dấu thành tựu của con người, chẳng truyền đạt [456] điều gì cho người chưa được điểm đạo; nhưng đối với những ai biết và thấu hiểu, chúng chính là cây cầu, được quy giảm thành các thuật ngữ thiết yếu của nó. Chúng là cây cầu ở trạng thái tiềm tàng, và trong các công thức toán

the form of the completed structure and its eventual usefulness. So it is with the concepts and the ideas which give birth to a thought-form. These occult formulas exist on the archetypal plane which (for the aspirant) is the plane of the intuition, though in reality it is a state of consciousness far higher still. These formulas underlie a world of forms and must be contacted by those who are duly equipped to work under the Great Architect of the Universe. There are, symbolically speaking, three great books of formulas. Note the words "symbolically speaking", and forget them not. There is first the Book of Life, read and eventually mastered by initiates of all degrees. There is the Book of Divine Wisdom, read by aspirants of all degrees, sometimes called the Book of Knowing Experience, and there is the Book of Forms which is compulsory reading for all in whom the intelligence is awakening to functioning activity. It is with the Book of Forms that we are now concerned.

học này ẩn giấu mục đích, phẩm tính và hình tướng của cấu trúc hoàn tất cùng tính hữu dụng sau cùng của nó. Đối với các quan niệm và ý tưởng sinh ra một hình tư tưởng cũng vậy. Các công thức huyền bí này hiện hữu trên cõi nguyên mẫu, cõi mà đối với người chí nguyện là cõi của trực giác, dù trong thực tại nó còn là một trạng thái tâm thức cao hơn rất nhiều. Các công thức này nằm bên dưới một thế giới hình tướng và phải được tiếp xúc bởi những ai được trang bị đúng mức để làm việc dưới quyền Kiến Trúc Sư Vĩ Đại của Vũ Trụ. Nói theo biểu tượng, có ba quyển sách lớn về các công thức. Hãy lưu ý những lời "nói theo biểu tượng", và đừng quên chúng. Trước hết có Sách Sự Sống, được các điểm đạo đồ thuộc mọi cấp đọc và cuối cùng làm chủ. Có Sách Minh Triết Thiêng Liêng, được các người chí nguyện thuộc mọi cấp đọc, đôi khi được gọi là Sách Kinh Nghiệm Hiểu Biết; và có Sách Hình Tướng, là sách đọc bắt buộc đối với tất cả những ai mà trí tuệ đang thức tỉnh vào hoạt động vận hành. Chính Sách Hình Tướng là điều chúng ta hiện đang quan tâm.

Patanjali speaks in one place of the "rain-cloud of knowable things" of which the soul is consciously aware. The aspirant, weary of the eternal round of his own futile and unimportant thoughts, seeks to tap the resources of this "rain cloud" and so precipitate upon the earth some of the thoughts of God. He seeks to work so that he can further the manifestation of the ideas of the Creator. To do this he has to fulfill certain initial requirements, which might be briefly stated as follows:

Ở một chỗ, Patanjali nói về "đám mây mưa của những điều khả tri" mà linh hồn có ý thức nhận biết. Người chí nguyện, mệt mỏi vì vòng quay bất tận của những tư tưởng vô ích và không quan trọng của chính mình, tìm cách khai thác các nguồn lực của "đám mây mưa" này, và nhờ đó ngưng tụ xuống Trái Đất một số tư tưởng của Thượng đế. Y tìm cách làm việc để có thể thúc đẩy sự biểu hiện các ý tưởng của Đấng Sáng Tạo. Để làm điều này, y phải hoàn thành một số yêu cầu ban đầu, có thể được nêu vắn tắt như sau:

1. Know the true meaning of meditation.

1. Biết ý nghĩa chân thực của tham thiền.

2. Align with facility the soul, the mind and the brain.

2. Chỉnh hợp dễ dàng linh hồn, thể trí và bộ não.

3. Contemplate, or function as the soul on its own plane. It then becomes possible for the soul to act [457] as the intermediary between the plane of divine ideas and the mental plane. You see how this matter of participation in the divine creative process works out as the objective of all true meditation work?

3. Chiêm ngưỡng, hay vận hành như linh hồn trên cõi riêng của nó. Khi đó, linh hồn có thể hoạt động [457] như trung gian giữa cõi của các ý tưởng thiêng liêng và cõi trí. Các bạn thấy vấn đề tham dự vào tiến trình sáng tạo thiêng liêng này được thực hiện như mục tiêu của mọi công việc tham thiền chân chính như thế nào?

4. Register the idea, received by the soul intuitively, and recognize the form which it should take. These last seven words are of vital importance.

4. Ghi nhận ý tưởng mà linh hồn tiếp nhận bằng trực giác, và nhận ra hình tướng mà nó phải khoác lấy. Bảy từ sau cùng ấy có tầm quan trọng thiết yếu.

5. Reduce the vague and misty idea to its essentials, discarding all vain imaginings and the formulations of the lower mind, so equipping oneself to leap readily into activity, and, through steadfastness in contemplation, receive accurately the vision of the inner structure, or of the subjective skeleton, if I may so term it, of the form which is to be.

5. Quy giảm ý tưởng mơ hồ và mờ sương về các yếu tính của nó, loại bỏ mọi tưởng tượng hão huyền và các tạo lập của hạ trí, nhờ đó trang bị cho chính mình để sẵn sàng lao vào hoạt động, và nhờ sự kiên định trong chiêm ngưỡng, tiếp nhận chính xác linh ảnh về cấu trúc bên trong, hay khung xương chủ quan, nếu tôi có thể gọi như vậy, của hình tướng sẽ thành hình.

6. This, as recorded consciously by the soul upon the mind, is as consciously registered by the mind, held steady in the light, and might be regarded as the reduction of the formula to the blue print. It is not the formula itself, but the secondary process. According to the strength, the simplicity and the clarity of the embodiment of the formula in a simple outlined structure, so will be the finally furnished building and the consequent form, which will confine within the periphery of the outer form itself the lives used in its construction.

6. Điều này, khi được linh hồn ghi nhận một cách có ý thức trên thể trí, thì cũng được thể trí ghi nhận một cách có ý thức, giữ vững trong ánh sáng, và có thể được xem như sự quy giảm công thức thành bản thiết kế. Nó không phải là chính công thức, mà là tiến trình thứ yếu. Tùy theo sức mạnh, sự đơn giản và sự rõ ràng của việc hiện thân công thức trong một cấu trúc phác thảo đơn giản, mà công trình sau cùng được hoàn thiện và hình tướng hệ quả sẽ tương ứng, hình tướng ấy sẽ giam giữ trong chu vi của chính hình tướng bên ngoài các sự sống được dùng trong việc kiến tạo nó.

This, in reality, resembles the stage of conception. Latent within the germ (the result of male-female interrelation) lie all the potencies and capacities of the finished

Trong thực tại, điều này giống với giai đoạn thụ thai. Tiềm ẩn trong mầm giống, là kết quả của tương quan nam-nữ, có tất cả các tiềm lực và khả năng của sản phẩm hoàn tất.

product. Latent within the idea which has been materially conceived, but which has been inspired by the Spirit aspect, lie hid the potencies of the finished thoughtforms. The matter aspect, represented by the mind, has been fecundated by the Spirit aspect, and the triplicity [458] will eventually be completed by the created form. But in the early stages there is as yet only the "formula"—the conceived idea, the latent yet dynamic concept. It is potent enough to draw to itself the essentials for growth and form, yet who shall say whether it will prove an abortion, a mediocre and feeble product, or a creation of real beauty and value?

Tiềm ẩn trong ý tưởng đã được thụ thai một cách vật chất, nhưng được phương diện Tinh thần truyền cảm hứng, có các tiềm lực của các hình tư tưởng hoàn tất. Phương diện vật chất, được thể trí đại diện, đã được phương diện Tinh thần thụ tinh, và bộ ba [458] cuối cùng sẽ được hoàn tất bởi hình tướng được sáng tạo. Nhưng trong các giai đoạn đầu, vẫn chỉ có "công thức"—ý tưởng được thụ thai, quan niệm tiềm tàng nhưng năng động. Nó đủ mạnh để thu hút về mình các yếu tính cần cho sự tăng trưởng và hình tướng; tuy nhiên ai có thể nói liệu nó sẽ chứng tỏ là một sự sẩy thai, một sản phẩm tầm thường và yếu ớt, hay một tạo vật có vẻ đẹp và giá trị thực sự?

Every externalized idea is, therefore, possessed of form, animated by desire, and created by the power of the mind. The desire plane is the one upon which the mind imposes its conceptions in order to produce the "idea incarnate", to clothe the idea in form. It is therefore the gestation ground. The mind previously has been the recipient of the archetypal idea, as grasped and visualized by the soul. In its turn the soul is the recipient of the formula as presented to it in the world of ideas. You have thus the "presented-idea", the "perceived-idea" and the "formulated-idea", and the idea working out into manifestation.

Vì vậy, mọi ý tưởng được ngoại hiện đều sở hữu hình tướng, được dục vọng làm cho sinh động, và được tạo ra bởi quyền năng của thể trí. Cõi dục vọng là cõi mà trên đó thể trí áp đặt các quan niệm của nó để tạo ra "ý tưởng nhập thể", để khoác cho ý tưởng hình tướng. Vì vậy, đó là nền đất thai nghén. Trước đó, thể trí đã là nơi tiếp nhận ý tưởng nguyên mẫu, như linh hồn nắm bắt và hình dung. Đến lượt mình, linh hồn là nơi tiếp nhận công thức khi nó được trình bày cho linh hồn trong thế giới các ý tưởng. Như vậy các bạn có "ý tưởng được trình hiện", "ý tưởng được tri nhận" và "ý tưởng được công thức hóa", cùng ý tưởng đang tự triển khai vào biểu hiện.

It is well to bear in mind that the following factors govern the emergence of the idea out of the Universal Mind into the world of tangible forms. These are:

Cần ghi nhớ rằng các yếu tố sau chi phối sự xuất hiện của ý tưởng từ Vũ Trụ Trí vào thế giới của các hình tướng hữu hình. Đó là:

1. The energies emanating from the archetypal plane. This plane is the focus of the attention of the highest group of Intelligences on our planet. Their consciousness can respond and be inclusive

1. Các năng lượng xuất lộ từ cõi nguyên mẫu. Cõi này là tiêu điểm chú tâm của nhóm các Trí Tuệ cao nhất trên hành tinh chúng ta. Tâm thức của Các Ngài có thể đáp ứng với và bao gồm lĩnh vực hoạt động này, nơi Trí của

to this sphere of activity whereon the Mind of God expresses itself, free from the limitations of what we understand as form. They are the custodians of the formula; they are the mathematicians who prepare the blue prints of the great Plan; they calculate the effects of the forces with which the work is carried forward, and the energies which must be manipulated; they allow for the strains and stresses to which the forms must be subjected under the impact of the life force, they deal with the cyclic impulses to which the evolutionary process must respond; they concern [459] themselves with the relation between the form aspect and the life urge.

Thượng đế tự biểu lộ, tự do khỏi những giới hạn của điều chúng ta thấu hiểu là hình tướng. Các Ngài là những vị bảo trì công thức; các Ngài là những nhà toán học chuẩn bị các bản thiết kế của Thiên Cơ vĩ đại; các Ngài tính toán các hiệu quả của những mãnh lực nhờ đó công việc được tiến hành, và các năng lượng phải được điều khiển; các Ngài dự liệu những sức căng và áp lực mà các hình tướng phải chịu dưới tác động của mãnh lực sự sống; các Ngài xử lý các xung lực chu kỳ mà tiến trình tiến hóa phải đáp ứng; các Ngài quan tâm [459] đến mối quan hệ giữa phương diện hình tướng và thôi thúc sự sống.

2. The intuitional state of awareness. On this level of consciousness, we find the Masters of the Wisdom carrying on Their work, and it is in this sphere of influence that They work with the greatest ease and facility, as much so as does normally intelligent man work on the physical plane. Their minds are constantly in touch with the archetypal minds, who are the custodians of the formulas, and They—taking the blue prints (I speak again in symbolic fashion), deal with the specifications, look for those suitable for the control of the work, and assemble the needed personnel. Among Their disciples They search until They find the one most suited to be the focal point of information on the physical plane, or the group most eligible to carry into manifestation the desired part of the Plan. They work with those so chosen, impressing upon their minds that eternal triplicity of idea-quality-form until the details begin to emerge, and the work of what is literally a "precipitation" can go forward.

2. Trạng thái nhận biết trực giác. Trên cấp độ tâm thức này, chúng ta thấy các Chân sư Minh Triết tiếp tục công việc của Các Ngài, và chính trong phạm vi ảnh hưởng này Các Ngài làm việc với sự dễ dàng và thuận tiện lớn nhất, cũng như con người thông tuệ bình thường làm việc trên cõi hồng trần. Thể trí của Các Ngài thường xuyên tiếp xúc với các thể trí nguyên mẫu, là những vị bảo trì các công thức; và Các Ngài—tiếp nhận các bản thiết kế, tôi lại nói theo lối biểu tượng—xử lý các quy cách, tìm những người thích hợp cho việc kiểm soát công việc, và tập hợp nhân sự cần thiết. Trong số các đệ tử của Các Ngài, Các Ngài tìm kiếm cho đến khi tìm được người thích hợp nhất để làm tiêu điểm thông tin trên cõi hồng trần, hoặc nhóm đủ điều kiện nhất để đưa phần mong muốn của Thiên Cơ vào biểu hiện. Các Ngài làm việc với những người được chọn như vậy, in sâu vào thể trí họ bộ ba vĩnh cửu của ý tưởng-phẩm tính-hình tướng, cho đến khi các chi tiết bắt đầu xuất hiện, và công việc đúng nghĩa là một sự "ngưng tụ" có thể tiến hành.

3. The activity of the mental state of consciousness. It is on the mental plane that

3. Hoạt động của trạng thái tâm thức cõi trí. Chính trên cõi trí mà phần lớn công việc này

much of this work is necessarily done, and here is reason sufficient for the development, on the part of the aspirant, of a trained intellect. The "rain cloud of knowable things" precipitates first of all on the mental plane, and a further precipitation goes forward when disciples and aspirants are the recipients. These latter, in their turn, seek to impress and guide the lesser workers and aspirants, who, karmically or by choice, lie within their radius of influence. Thus the "idea" presented is seized upon by many minds and the formula aspect of the great work has played its part.

nhất thiết được thực hiện, và đây là lý do đủ cho việc người chí nguyện phát triển một trí năng được rèn luyện. "Đám mây mưa của những điều khả tri" trước hết ngưng tụ trên cõi trí, và một sự ngưng tụ xa hơn diễn ra khi các đệ tử và người chí nguyện là những người tiếp nhận. Đến lượt mình, những người sau này tìm cách tạo ấn tượng và hướng dẫn những người hoạt động cấp dưới và các người chí nguyện, những người, do nghiệp quả hoặc do lựa chọn, nằm trong phạm vi ảnh hưởng của họ. Như vậy, "ý tưởng" được trình hiện được nhiều thể trí nắm lấy, và phương diện công thức của công việc vĩ đại đã đóng phần của nó.

It will be seen how this work is consequently and essentially *group work,* and is therefore only truly possible for those who have somewhat mastered the meditation [460] process, and can "hold the mind steady in the light". This light in reality streams forth from the Universal Mind and is of varying kinds and was (esoterically speaking) generated in a previous solar system and must be used and developed in this one.

Do đó, sẽ thấy rằng công việc này, về bản chất và tất yếu, là *công việc nhóm,* và vì vậy chỉ thật sự khả thi đối với những ai đã phần nào làm chủ tiến trình tham thiền [460] và có thể "giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng". Ánh sáng này trong thực tại tuôn ra từ Vũ Trụ Trí và có nhiều loại khác nhau; nói một cách huyền bí, nó đã được tạo sinh trong một hệ mặt trời trước và phải được sử dụng, phát triển trong hệ này.

In the words "the light of the intuition" we have conveyed to our minds that type of energy which embodies the purpose, the will of God, the Plan, as we regard it. In the words "the light of the soul", we have an expression which sums up the purpose, the plan, the will of those entities, who, incarnated in human form, and at times functioning out of the body, have the responsibility of materializing the divine concepts in the four kingdoms in nature. The human kingdom is, par excellence, the medium of expression for the Universal Mind, and when the sons of God in human form are perfected, the problems of the natural world will be solved in a large measure. The fully conscious sons of God, aware of themselves whilst in the

Trong những lời "ánh sáng của trực giác", chúng ta đã truyền đạt vào thể trí mình loại năng lượng hiện thân cho mục đích, Ý Chí của Thượng Đế, Thiên Cơ, như chúng ta nhìn nhận. Trong những lời "ánh sáng của linh hồn", chúng ta có một cách diễn đạt tóm lược mục đích, kế hoạch, ý chí của những thực thể, những vị nhập thể trong hình tướng con người và đôi khi vận hành ngoài thể xác, có trách nhiệm hiện hình các quan niệm thiêng liêng trong bốn giới của thiên nhiên. Giới nhân loại, một cách ưu việt nhất, là trung gian biểu lộ của Vũ Trụ Trí; và khi những người con của Thượng đế trong hình tướng con người được hoàn thiện, các vấn đề của thế giới tự nhiên sẽ được giải quyết ở mức độ lớn. Những người con của Thượng đế hoàn

human form (and they are few as yet), constitute literally the brain of the planetary life.

toàn có ý thức, nhận biết chính mình khi ở trong hình tướng con người, và hiện nay họ vẫn còn ít, thật sự cấu thành bộ não của sự sống hành tinh.

There is a truly occult significance to the words "to throw the light" upon a problem, a condition, or a situation. In its essential meaning it connotes the revelation of the presented idea, of the principle which underlies the outer manifestation. It is the recognition of the inner and spiritual reality which produces the outer and visible form. This is the keynote of all work in symbolism. The work of ascertaining the formulas, of drawing up the subjective charts or plans of intuitive impression and of intense activity on the mental plane is the sole work of the organized planetary hierarchy. The second phase of the work is carried on by those workers, who, co-operating consciously with the hierarchy, demonstrate the reality of that work in the three worlds of human evolution. They bring the germ of the idea, and the embryonic concept into outer and completed existence, [461] through the process of right thought, the awakening of desire, and the nurturing of right public opinion. They thus bring about the needed physical activity.

Có một thâm nghĩa huyền bí chân chính trong những lời "rọi ánh sáng" lên một vấn đề, một tình trạng hay một hoàn cảnh. Trong ý nghĩa thiết yếu, nó hàm ý sự mặc khải của ý tưởng được trình hiện, của nguyên khí nằm bên dưới biểu hiện bên ngoài. Đó là sự nhận biết thực tại bên trong và tinh thần, vốn tạo ra hình tướng bên ngoài và hữu hình. Đây là chủ âm của mọi công việc trong biểu tượng học. Công việc xác định các công thức, lập ra các biểu đồ hay kế hoạch chủ quan của ấn tượng trực giác, và hoạt động mãnh liệt trên cõi trí, là công việc riêng của Thánh đoàn hành tinh có tổ chức. Giai đoạn thứ hai của công việc được thực hiện bởi những người hoạt động, những người cộng tác có ý thức với Thánh đoàn, chứng minh thực tại của công việc ấy trong ba cõi giới của tiến hóa nhân loại. Họ đưa mầm giống của ý tưởng và quan niệm phôi thai vào hiện hữu bên ngoài và hoàn tất, [461] qua tiến trình tư tưởng đúng đắn, sự đánh thức dục vọng, và việc nuôi dưỡng công luận đúng đắn. Nhờ vậy, họ tạo ra hoạt động hồng trần cần thiết.

Aspirants, group leaders and thinkers in all parts of the globe can be available for this work, provided their minds are open and focussed. According to the simplicity of their approach to truth, according to the clarity of their thought, according to their group influence and state of inclusive awareness, and according also to their power for long sustained effort will be the approximation of the outer form to the inner idea and the spiritual subjective reality.

Các người chí nguyện, những vị lãnh đạo nhóm và những nhà tư tưởng ở mọi phần của địa cầu có thể sẵn sàng cho công việc này, miễn là thể trí của họ mở rộng và tập trung. Tùy theo sự đơn giản trong cách họ tiếp cận chân lý, tùy theo sự rõ ràng của tư tưởng họ, tùy theo ảnh hưởng nhóm và trạng thái nhận biết bao gồm của họ, và cũng tùy theo quyền năng nỗ lực bền bỉ lâu dài của họ, mà hình tướng bên ngoài sẽ xấp xỉ với ý tưởng bên trong và thực tại chủ quan tinh thần.

The point I seek to make is that the average reader of these Instructions has nothing to do with the formulas. They are grasped and understood by the great Knowers Who stand back of the evolutionary process and are responsible for its functional activity. The hierarchy of Masters, of the senior initiates, and disciples is proceeding steadily with that work but is dependent, under the Law, upon those on the physical plane who are to produce the outer forms. If they fail to respond, there will be delay or incorrect building; if they make mistakes, there will be lost time and energy, and again delay; if they lose interest and cease to work, or are primarily interested in their own affairs and personalities, the Plan will have to wait, and energy which would otherwise be made available for the solving of human problems and the guidance of humanity will have to find its outlet in other directions. There is never anything static in the creative process; energy which is flowing forth in the pulsation of the one Life, and its rhythmic and cyclic activity—never ending and never resting—must be somewhere utilized, and must find its way in some direction, often (when man fails in his duty) with catastrophic results. The problem of cataclysms, the cause, for instance, of the steadily increasing insect peril, will be [462] found to be related to the inflow of unused and unrecognized energy which is capable of right direction and right purpose and for the furthering of the Plan, if the aspirants and disciples of the world will shoulder their group responsibilities, submerge their personalities, and achieve true realization. Humanity must be more diligent and more intelligent in the working out of its true destiny and karmic obligations. When men are universally en rapport with the custodians of the plan and their minds and brains are illumined by the light of the

Điểm tôi muốn nêu rõ là người đọc trung bình của các Huấn thị này không liên quan gì đến các công thức. Chúng được các đại Thức Giả, những Đấng đứng phía sau tiến trình tiến hoá và chịu trách nhiệm về hoạt động chức năng của tiến trình ấy, nắm bắt và thấu hiểu. Thánh đoàn các Chân sư, các điểm đạo đồ cao cấp và các đệ tử đang đều đặn tiến hành công việc ấy, nhưng theo Định luật, công việc đó tùy thuộc vào những người trên cõi hồng trần, những người phải tạo ra các hình tướng bên ngoài. Nếu họ không đáp ứng, sẽ có sự trì hoãn hoặc việc kiến tạo sai lầm; nếu họ phạm sai lầm, thời gian và năng lượng sẽ bị mất, và lại có sự trì hoãn; nếu họ mất hứng thú và ngừng làm việc, hoặc chủ yếu quan tâm đến các việc riêng và phàm ngã của mình, Thiên Cơ sẽ phải chờ đợi, và năng lượng lẽ ra có thể được dùng để giải quyết các vấn đề nhân loại và hướng dẫn nhân loại sẽ phải tìm lối thoát theo những hướng khác. Không bao giờ có điều gì tĩnh tại trong tiến trình sáng tạo; năng lượng đang tuôn chảy trong nhịp đập của Sự Sống Duy Nhất, và trong hoạt động nhịp nhàng, chu kỳ của nó — không bao giờ chấm dứt và không bao giờ nghỉ ngơi — phải được sử dụng ở đâu đó, và phải tìm đường đi theo một hướng nào đó, thường là với những kết quả thảm khốc khi con người thất bại trong bổn phận của mình. Vấn đề các đại biến động, chẳng hạn nguyên nhân của mối nguy côn trùng ngày càng gia tăng đều đặn, sẽ [462] được thấy là liên hệ với dòng chảy vào của năng lượng không được sử dụng và không được nhận biết, vốn có thể được định hướng đúng đắn, hướng đến mục đích đúng đắn và thúc đẩy Thiên Cơ, nếu các người chí nguyện và đệ tử của thế gian chịu gánh vác các trách nhiệm nhóm của mình, đặt chìm các phàm ngã của mình xuống, và đạt đến sự nhận biết chân thực. Nhân loại phải chuyên cần hơn và thông minh hơn trong việc thực hiện thiên mệnh chân thật và các nghĩa vụ

intuition, of the soul and of the universal mind, when they can train themselves to respond intelligently to the timely impulses which cyclically emanate from the inner side of life, then there will be a steady adjustment between life and form and a rapid amelioration of world conditions. It is an interesting point to hear in mind that the first effect of the response of the more advanced of the sons of men to the formulas as translated and transmitted by the Knowers will be the establishing of right relations between the four kingdoms in nature, and right relations between units and groups in the human family. A step in this direction is being made. Relations between the four spheres of activity which we call human, animal, vegetable and mineral are now badly adjusted because the energy of matter is primarily the governing factor. In the human kingdom, the working of this energy demonstrates in what we call selfishness. In the animal kingdom, it demonstrates in what we call cruelty, though, where the sense of responsibility is nonexistent and only instinctual and temporary parental responsibility is found, there is no criticism to be given. In the vegetable kingdom this maladjustment expresses itself during this planetary period of misuse as disease.

nghiệp quả của mình. Khi con người ở khắp nơi hòa điệu với các vị bảo hộ Thiên Cơ, và thể trí cùng bộ não của họ được soi sáng bởi ánh sáng của trực giác, của linh hồn và của Vũ Trụ Trí; khi họ có thể tự rèn luyện để đáp ứng một cách thông minh với các xung lực đúng thời, vốn phát xuất theo chu kỳ từ mặt bên trong của sự sống, bấy giờ sẽ có một sự điều chỉnh đều đặn giữa sự sống và hình tướng, cùng một sự cải thiện nhanh chóng các điều kiện thế giới. Một điểm thú vị cần ghi nhớ là hiệu quả đầu tiên của sự đáp ứng nơi những người tiến bộ hơn trong những người con của nhân loại đối với các công thức, như đã được các Thức Giả chuyển dịch và truyền đạt, sẽ là việc thiết lập các liên hệ đúng đắn giữa bốn giới trong thiên nhiên, và các liên hệ đúng đắn giữa những đơn vị và các nhóm trong gia đình nhân loại. Một bước theo hướng này đang được thực hiện. Các liên hệ giữa bốn lĩnh vực hoạt động mà chúng ta gọi là nhân loại, động vật, thực vật và kim thạch hiện nay đang bị điều chỉnh rất tệ, bởi năng lượng của vật chất là yếu tố chi phối chủ yếu. Trong giới nhân loại, hoạt động của năng lượng này biểu hiện trong điều chúng ta gọi là lòng ích kỷ. Trong giới động vật, nó biểu hiện trong điều chúng ta gọi là sự tàn ác, dù ở nơi nào ý thức trách nhiệm không tồn tại, và chỉ có trách nhiệm cha mẹ mang tính bản năng và tạm thời, thì không có gì để phê phán. Trong giới thực vật, sự mất điều chỉnh này tự biểu lộ, trong chu kỳ hành tinh lạm dụng này, như bệnh tật.

This surprises you? Disease has its roots primarily in maladjustments and misdirected force in the vegetable kingdom; this affects the animal and mineral kingdoms [463] and subsequently the human. It is too far ahead for this to be demonstrated, but when this condition is understood, it will be in that kingdom in nature that the attention of the investigators

Điều này làm các bạn ngạc nhiên chăng? Bệnh tật có gốc rễ chủ yếu trong những mất điều chỉnh và mãnh lực bị định hướng sai trong giới thực vật; điều này ảnh hưởng đến giới động vật và giới kim thạch [463] và sau đó đến giới nhân loại. Còn quá sớm để chứng minh điều này, nhưng khi tình trạng này được thấu hiểu, chính trong giới ấy của thiên nhiên mà sự chú ý của các nhà nghiên cứu

must be focussed, and the eradication of disease will eventually find its solution.

phải được tập trung, và cuối cùng việc diệt trừ bệnh tật sẽ tìm thấy lời giải của nó.

II. Pronounce the words which will tell them what to do and where to carry that which has been made.

II. Hãy phát âm những lời sẽ bảo cho chúng biết phải làm gì và phải mang điều đã được tạo ra đi đâu.

Let us remember in connection with this Rule that it is only potent in so far as the "worker with the Law" is en rapport with the inner reality within himself, with the soul. It is essential that through him, in full waking consciousness, the soul should be functioning. It is the soul who pronounces the words. It is the soul who utters forth the mystic phrase, but it is the soul as controller or ruler of the mechanism, of the form-apparatus. This control is only possible where there is alignment of the brain and mind and soul. Again, it is necessary to remember that this Rule, being an expression of the creative work, applies to all creative process, whether macrocosmic or microcosmic, whether we are dealing with God as the creator of the solar system, with the soul as the creator of the human mechanism, or with the man as he attempts to master the technique of the magical work and so become a creator of forms in his own little sphere. All have to work out the true significance of the Rule, for God works under the law of His Being, and this Law demonstrates to us as the laws of nature.

Liên quan đến Quy luật này, chúng ta hãy nhớ rằng nó chỉ có uy lực trong mức độ "người hoạt động với Định luật" hòa điệu với thực tại bên trong nơi chính mình, với linh hồn. Điều thiết yếu là qua y, trong tâm thức tỉnh thức trọn vẹn, linh hồn phải đang hoạt động. Chính linh hồn phát âm các lời. Chính linh hồn thốt ra cụm từ thần bí, nhưng đó là linh hồn với tư cách là chủ thể kiểm soát hay cai quản bộ máy, tức bộ máy-hình tướng. Sự kiểm soát này chỉ có thể có khi bộ não, thể trí và linh hồn được chỉnh hợp. Một lần nữa, cần nhớ rằng Quy luật này, vì là một biểu hiện của công việc sáng tạo, áp dụng cho mọi tiến trình sáng tạo, dù thuộc Đại thiên địa hay Tiểu thiên địa, dù chúng ta đang đề cập đến Thượng đế với tư cách Đấng sáng tạo hệ mặt trời, đến linh hồn với tư cách Đấng sáng tạo bộ máy nhân loại, hay đến con người khi y cố gắng làm chủ kỹ thuật của công tác huyền thuật và nhờ đó trở thành một nhà sáng tạo hình tướng trong phạm vi nhỏ bé của riêng mình. Tất cả đều phải thực hiện thâm nghĩa chân thật của Quy luật, vì Thượng đế hoạt động dưới định luật của Bản Thể Ngài, và Định luật này biểu hiện với chúng ta như các định luật của thiên nhiên.

The ideas of ordered activity and of a conscious and purposeful goal are bound up in the phrase we are considering. The builder of any form is first of all a controller of lives and the arbiter of the destinies of certain entities. In this thought we have light thrown upon the subject of free will and upon the Law of Cause and Effect. It must not be forgotten however that the

Các ý tưởng về hoạt động có trật tự và về một mục tiêu có ý thức, có chủ đích, được gắn liền trong cụm từ mà chúng ta đang xem xét. Đấng kiến tạo bất kỳ hình tướng nào trước hết là một chủ thể kiểm soát các sự sống và là người phân xử số phận của một số thực thể nhất định. Trong tư tưởng này, chúng ta có ánh sáng chiếu rọi lên đề tài ý chí tự do và Định luật Nhân Quả. Tuy nhiên, không được

mystery of causes lies hid in past universes —all, in their day, the "forms indwelt by God". For us there can be no such [464] thing as pure cause, but only the working out of major effects. Just as for us such a reality as pure reason is totally incomprehensible and unattainable, so with pure cause. These factors antedate our solar system and therefore speculation about them remains unrewarded, except in so far as it tends to develop the mental apparatus. This solar system is a system of effects, which in their turn generate causes. Only in the human family and only among those human beings who are consciously using mind power are any causes of any kind being generated. All causes, being initiated by a mind of some kind, functioning consciously and thinking clearly, posit a Thinker, and this is profoundly the position of the occult sciences. Our solar system is a thought-form but one having real existence just as long as thought persists. All that is forms part of the current of ideas emanating from the divine Thinker. All thoughts are part of a divine stream. The mass of people think not, and so do not generate causes that must in due time produce their effect.

quên rằng bí nhiệm của các nguyên nhân nằm ẩn trong các vũ trụ quá khứ — tất cả, vào thời của chúng, đều là "những hình tướng có Thượng đế ngự bên trong". Đối với chúng ta, không thể có [464] điều gì gọi là nguyên nhân thuần túy, mà chỉ có sự triển khai của các hiệu quả lớn. Cũng như đối với chúng ta, một thực tại như lý trí thuần túy hoàn toàn không thể thấu hiểu và không thể đạt tới, nguyên nhân thuần túy cũng vậy. Các yếu tố này có trước hệ mặt trời của chúng ta, và do đó mọi suy đoán về chúng vẫn không đem lại kết quả, ngoại trừ trong chừng mực nó có khuynh hướng phát triển bộ máy trí tuệ. Hệ mặt trời này là một hệ thống của các hiệu quả, mà đến lượt chúng lại sinh ra các nguyên nhân. Chỉ trong gia đình nhân loại, và chỉ nơi những con người đang sử dụng quyền năng thể trí một cách có ý thức, mới có bất kỳ nguyên nhân thuộc loại nào được tạo ra. Tất cả các nguyên nhân, vì được khởi phát bởi một loại thể trí nào đó đang hoạt động có ý thức và suy nghĩ rõ ràng, đều giả định có một Chủ Thể Tư Duy, và đây chính là lập trường sâu xa của các khoa học huyền bí. Hệ mặt trời của chúng ta là một hình tư tưởng, nhưng là hình tư tưởng có sự hiện hữu thực sự bao lâu tư tưởng còn tiếp diễn. Tất cả những gì hiện hữu đều là một phần của dòng ý tưởng phát xuất từ Chủ Thể Tư Duy thiêng liêng. Mọi tư tưởng đều là một phần của một dòng chảy thiêng liêng. Đại đa số con người không tư duy, và do đó không tạo ra các nguyên nhân mà đến đúng lúc phải sản sinh hiệu quả của chúng.

You ask, where then the truth of the statement made in many occult modern books that the trend of life or cycle of lives indicates necessarily the future, and that the causes initiated in one life work out as effects in another? Where lives are predominantly emotional and are physically oriented, it is not a particular life that sets

Các bạn hỏi: vậy đâu là chân lý trong lời khẳng định, được nêu trong nhiều sách huyền bí hiện đại, rằng chiều hướng của một đời sống hay chu kỳ các đời sống tất yếu chỉ ra tương lai, và rằng các nguyên nhân được khởi phát trong một đời sẽ được triển khai như các hiệu quả trong một đời khác? Nơi nào các đời sống chủ yếu mang tính cảm xúc

the pace but the group of lives, simultaneously interacting with each other, predisposes the future along certain lines. This is eternally true of all human beings at a certain level of conscious development where they are swayed by mass ideas, moulded unthinkingly by tradition and public opinion, are frankly immersed in selfish interests, and are not "taking hold" of conditions themselves but are being carried forward on the tide of evolution. It is a form of group activity (groups governed by the vibration of physical and astral forms) which produces the [465] characteristics and tendencies which cause the situation and environing circumstances. In this realization lies hid the secret of racial and national karma and conditions. In these groups, the ordinary feeling, active man is immersed, and out of this immersion he must find his way by discovering and using his mind. Instinct must give place to intellect. For cycles of lives, groups of souls incarnate through the pull of the material forms towards which they are attracted. These attractive energies have earlier been utilized by the soul—finally being discarded and disintegrated. It is the potency of form which in the first case draws the soul into incarnation, for in the first half of the evolutionary process matter—highly organized in a previous solar system—is the dominant factor. Later, we know, spirit mounts on the shoulder of matter. The mass interplay of spirit and matter is now so potent that one of the major experiences that a soul undergoes is the achieving of the stage wherein the pull of matter begins to wane and the soul learns to detach itself. This is the experience through which humanity is now passing—again a group activity on a higher turn of the spiral.

và được định hướng về hồng trần, thì không phải một đời sống riêng biệt ấn định nhịp tiến, mà chính nhóm các đời sống, đồng thời tương tác với nhau, khiến tương lai nghiêng theo một số đường hướng nhất định. Điều này vĩnh viễn đúng đối với mọi con người ở một cấp độ phát triển tâm thức nhất định, nơi họ bị chi phối bởi các ý tưởng quần chúng, bị truyền thống và công luận uốn nắn mà không suy xét, thật sự chìm đắm trong các lợi ích ích kỷ, và không tự mình "nắm lấy" các điều kiện mà bị cuốn theo dòng thủy triều của tiến hoá. Đó là một hình thức hoạt động nhóm, gồm các nhóm được điều khiển bởi rung động của các hình tướng hồng trần và cảm dục, sản sinh ra [465] những đặc tính và khuynh hướng tạo nên hoàn cảnh và các điều kiện bao quanh. Trong sự nhận biết này ẩn giấu bí mật của nghiệp quả và các điều kiện của giống dân và quốc gia. Trong các nhóm này, con người bình thường, cảm xúc và hoạt động, bị chìm đắm; và khỏi sự chìm đắm ấy, y phải tìm đường thoát ra bằng cách khám phá và sử dụng thể trí của mình. Bản năng phải nhường chỗ cho trí năng. Qua nhiều chu kỳ đời sống, các nhóm linh hồn nhập thể bởi sức hút của các hình tướng vật chất mà họ bị hấp dẫn đến. Những năng lượng hấp dẫn này trước đó đã được linh hồn sử dụng — cuối cùng bị loại bỏ và tan rã. Chính quyền năng của hình tướng, trong trường hợp đầu tiên, lôi kéo linh hồn vào nhập thể, vì trong nửa đầu của tiến trình tiến hoá, vật chất — đã được tổ chức cao trong một hệ mặt trời trước — là yếu tố chi phối. Về sau, như chúng ta biết, tinh thần vươn lên trên vai vật chất. Sự tương tác đại chúng giữa tinh thần và vật chất hiện nay mạnh mẽ đến mức một trong những kinh nghiệm lớn mà linh hồn trải qua là đạt đến giai đoạn trong đó sức hút của vật chất bắt đầu suy giảm và linh hồn học cách tách rời chính mình. Đây là kinh nghiệm mà nhân loại hiện đang đi qua — lại là một hoạt

động nhóm trên một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc.

Large generalizations are indeed safer than the detailed and oft erroneous information anent the rules governing the taking and relinquishing of form, found in much of our puerile literature, but e'en these generalizations should be regarded with much distrust. All that can be posited is that, under the Law of Cause and Effect, spirit and matter coalesced and the worlds were made. Governed by the same law, forms were created and became material expressions of the life urge. They were swept in and out of manifestation according to a rhythmic cyclic beat, initiated in still earlier solar systems, than the one immediately preceding ours. Groups of forms appeared and disappeared, and were governed [466] almost entirely by their group coherence and vibration. So the life progressed through the elemental or involutionary kingdoms, through the three lower kingdoms in nature and on into the human kingdom.

Những khái quát rộng lớn quả thật an toàn hơn các thông tin chi tiết và thường sai lầm về các quy luật chi phối việc tiếp nhận và từ bỏ hình tướng, được thấy trong nhiều tài liệu non nớt của chúng ta; nhưng ngay cả những khái quát này cũng nên được nhìn với nhiều dè dặt. Tất cả những gì có thể nêu ra là, dưới Định luật Nhân Quả, tinh thần và vật chất đã kết hợp, và các thế giới được tạo thành. Được chi phối bởi cùng một định luật, các hình tướng được tạo ra và trở thành những biểu hiện vật chất của xung lực sự sống. Chúng bị cuốn vào và ra khỏi biểu hiện theo một nhịp đập chu kỳ, nhịp nhàng, đã được khởi phát trong các hệ mặt trời còn sớm hơn cả hệ ngay trước hệ của chúng ta. Các nhóm hình tướng xuất hiện và biến mất, và hầu như hoàn toàn bị chi phối [466] bởi sự cố kết nhóm và rung động nhóm của chúng. Như thế, sự sống tiến triển qua các giới hành khí hay các giới giáng hạ tiến hoá, qua ba giới thấp trong thiên nhiên và đi vào giới nhân loại.

In the lower human stages and in the stage of animal man, the same group activity reigns, only (as in the involutionary kingdoms) becoming smaller and smaller groups as the individual units achieve—one by one—the status of truly self-conscious individuals, and begin to work as souls. Then they not only become creators, with the power of standing alone, with the faculty of clear thinking and accurate visualization, but demonstrate also that they are the possessors of the creative art or faculty of creative imagination. They pass through life after life of self-sufficiency in which the personality is developed and used; then they begin to find their subjective group which will eventually take the place of

Trong các giai đoạn nhân loại thấp và trong giai đoạn người thú, cùng một hoạt động nhóm vẫn ngự trị, chỉ khác là các nhóm ấy, như trong các giới giáng hạ tiến hoá, trở nên ngày càng nhỏ hơn khi từng đơn vị cá nhân, lần lượt từng người một, đạt đến địa vị những cá nhân thật sự có ngã thức, và bắt đầu hoạt động như các linh hồn. Khi đó họ không chỉ trở thành những nhà sáng tạo, với quyền năng đứng một mình, với năng lực tư duy rõ ràng và hình dung chính xác, mà còn chứng tỏ rằng họ là những người sở hữu nghệ thuật sáng tạo hay năng lực của Sự tưởng tượng sáng tạo. Họ đi qua đời này sang đời khác trong sự tự túc, trong đó phàm ngã được phát triển và sử dụng; rồi họ bắt đầu tìm thấy nhóm nội tại của mình, nhóm

the outer material groups in their consciousness. Thus they regain again group existence, only this time in full awareness and control.

cuối cùng sẽ thay thế các nhóm vật chất bên ngoài trong tâm thức của họ. Như thế, họ lại giành lại đời sống nhóm, chỉ khác là lần này trong nhận biết trọn vẹn và trong sự kiểm soát.

In the group with which they find themselves subjectively affiliated, will be found those who have worked with them in the earlier mass state, so that they work in close association with those who have been nearest to them and who have been linked with them in the great life cycle.

Trong nhóm mà họ thấy mình liên kết một cách nội tại, sẽ có những người đã từng làm việc với họ trong trạng thái quần chúng trước kia, đến nỗi họ hoạt động trong sự liên kết mật thiết với những người đã gần gũi nhất với họ và đã được nối kết với họ trong chu kỳ sự sống vĩ đại.

There are certain names given to these stages in the occult archives which are suggestive and illuminating; they are of course symbolic. It might be of interest if I gave some of these ancient cryptic utterances which convey three items of information, namely, the name of the stage, its esoteric colour, and its symbol. I would like to point out, however, that these intriguing pieces of information which I at times convey and which some of the students seem to regard as of vital importance are of [467] far less importance than the injunction to live kindly, speak words of gentleness and of wisdom, and practice self-forgetfulness. The occult data is read and noted, the familiar instructions are skipped and overlooked. We, who work with aspirants, smile oft at the foolishness and lack of judgment evinced by those we teach. Say to a student: Practice with steadfastness the law of loving-kindness, and he will say that indeed he will attempt to do, but within himself the very familiarity of the injunction palls and is deemed, at best, a needed platitude. Say to the student: I will give you some occult phrases or some items of information anent the Great Ones, and with keenness, with excitement, and with smug self-satisfaction and with a pleased

Có một số danh xưng được đặt cho các giai đoạn này trong các văn khố huyền bí, vừa gợi ý vừa soi sáng; dĩ nhiên chúng mang tính biểu tượng. Có lẽ sẽ thú vị nếu tôi đưa ra một vài phát ngôn cổ xưa, bí nhiệm này, vốn truyền đạt ba mục thông tin, đó là tên của giai đoạn, màu sắc huyền bí của nó, và biểu tượng của nó. Tuy nhiên, tôi muốn chỉ ra rằng những mẩu thông tin hấp dẫn này, mà đôi khi tôi truyền đạt và một số đạo sinh dường như xem là có tầm quan trọng thiết yếu, lại [467] kém quan trọng hơn rất nhiều so với huấn lệnh hãy sống nhân ái, nói những lời dịu dàng và minh triết, và thực hành sự quên mình. Dữ liệu huyền bí được đọc và ghi chú; các huấn thị quen thuộc bị bỏ qua và xem nhẹ. Chúng tôi, những người làm việc với các người chí nguyện, thường mỉm cười trước sự khờ dại và thiếu phán đoán được biểu lộ bởi những người chúng tôi dạy. Hãy nói với một đạo sinh: Hãy thực hành bền bỉ định luật của lòng từ ái; y sẽ nói rằng quả thật y sẽ cố gắng làm như vậy, nhưng trong chính y, sự quá quen thuộc của huấn lệnh khiến nó trở nên nhạt nhẽo và, tốt nhất, bị xem là một câu sáo ngữ cần thiết. Hãy nói với đạo sinh ấy: Tôi sẽ trao cho bạn một vài cụm từ huyền bí hoặc một số mục thông tin liên quan đến Các Đấng Cao Cả; và với sự háo hức, hào hứng, tự mãn kiêu hãnh

curiosity, he prepares for the important revelation. Yet the earlier injunction is the conveyer of occult information and indicates a law which—if rightly followed—leads to release and liberation. The latter concerns phenomena and the knowledge of it leads not the weary pilgrim to the gates of heaven. Some of you need this reminder.

cùng tò mò thích thú, y chuẩn bị đón nhận sự mặc khải quan trọng. Thế nhưng huấn lệnh trước mới là vật truyền đạt thông tin huyền bí và chỉ ra một định luật mà, nếu được theo đúng, sẽ dẫn đến sự thoát ly và giải thoát. Điều sau liên quan đến các hiện tượng, và tri thức về nó không dẫn người lữ khách mỏi mệt đến các cổng trời. Một số các bạn cần lời nhắc nhở này.

Those stages which precede the human are omitted as none who will read these words possess the equipment to comprehend their inner sense. We will begin therefore with the stages in the human kingdom.

Những giai đoạn trước nhân loại được bỏ qua, vì không ai đọc những lời này có đủ trang bị để thấu hiểu ý nghĩa bên trong của chúng. Do đó, chúng ta sẽ bắt đầu với các giai đoạn trong giới nhân loại.

Stage I

Giai đoạn Một

The life has climbed the stairway long through daily use of form. Through the lesser three, with progress slow, the long path has been travelled. Another door stands open now. The words sound forth: "Enter upon the way of real desire."

Sự sống đã leo lên chiếc thang dài qua việc sử dụng hình tướng hằng ngày. Qua ba giới thấp, với bước tiến chậm, con đường dài đã được đi qua. Một cánh cửa khác nay đang mở. Những lời vang lên: "Hãy bước vào con đường của dục vọng chân thực."

The life, that only knows itself as form, enshrouds itself in vivid red, the red of known desire, and through the red all longed-for forms approach, are grasped and held, used and discarded, until the red changes to rose [468] and rose to palest pink, and pink to white. Forth flowers then the pure white rose of life.

Sự sống, vốn chỉ biết chính nó như hình tướng, tự bao phủ trong màu đỏ rực rỡ, màu đỏ của dục vọng đã biết; và xuyên qua màu đỏ ấy, mọi hình tướng được khao khát tiến đến, bị nắm lấy và giữ lại, được sử dụng rồi bị loại bỏ, cho đến khi màu đỏ chuyển thành màu hồng [468] và màu hồng thành hồng phớt nhạt nhất, rồi hồng phớt thành trắng. Bấy giờ hoa hồng trắng tinh khiết của sự sống nở ra.

The tiny rose of living life is seen in bud; not yet the full blown flower.

Đóa hồng nhỏ bé của sự sống đang sống được thấy trong nụ; chưa phải là bông hoa nở trọn.

Stage II

Giai đoạn Hai

The picture changes form. Another voice, coming from close at hand utters another phrase. The life continues on its way. “Enter the field where children play and join their game.” Awakened to the game of life, the soul passes the gate.

Bức tranh đổi dạng. Một tiếng nói khác, đến từ gần bên, thốt ra một cụm từ khác. Sự sống tiếp tục con đường của nó. “Hãy bước vào cánh đồng nơi trẻ thơ vui chơi và tham gia trò chơi của chúng.” Được đánh thức trước trò chơi của sự sống, linh hồn đi qua cổng.

The field is green and on its broad expanse the many forms of the one moving Life disport themselves; they weave the dance of life, the many patterned forms God takes. The soul enters “the playground of the Lord” and plays thereon until he sees the star with five bright points, and says: “My Star.”

Cánh đồng xanh tươi, và trên khoảng rộng lớn của nó, nhiều hình tướng của một Sự Sống đang vận động nô đùa; chúng dệt nên vũ điệu của sự sống, những hình tướng đa dạng mà Thượng đế khoác lấy. Linh hồn bước vào “sân chơi của Chúa” và chơi ở đó cho đến khi y thấy ngôi sao có năm điểm sáng, và nói: “Ngôi Sao của tôi.”

The star is but a point of light, not yet a radiant sun.

Ngôi sao chỉ là một điểm sáng, chưa phải một mặt trời rực rỡ.

Stage III

Giai đoạn Ba

The way of red desire fails. It loses its allure. The playground of the sons of God no longer holds appeal. The voice which has twice sounded from out the world of form sounds now within the heart. The challenge comes: “Prove thine own worth. Take to thyself the orange ball of thy one-pointed purpose.” Responsive to the sounded word, the living soul, immersed in form, emerges from the many forms and hews its onward way. The way of the destroyer comes, the builder and again the tearer down of forms. The broken forms hold not the power to satisfy. The soul’s own form is now the great desire, and thus there comes the entering of the playground of the mind.

Con đường của dục vọng đỏ thẫm thất bại. Nó mất đi sức quyến rũ. Sân chơi của những người con của Thượng đế không còn hấp dẫn. Tiếng nói đã hai lần vang lên từ thế giới hình tướng nay vang trong tim. Lời thách thức đến: “Hãy chứng tỏ giá trị của chính ngươi. Hãy nhận lấy quả cầu cam của mục đích nhất tâm của ngươi.” Đáp ứng với lời đã vang lên, linh hồn sống động, chìm đắm trong hình tướng, trồi lên khỏi nhiều hình tướng và tự mở đường tiến tới. Con đường của kẻ phá hủy đến, của đấng kiến tạo và lại của kẻ phá bỏ các hình tướng. Các hình tướng tan vỡ không còn quyền năng thỏa mãn. Hình tướng riêng của linh hồn nay là dục vọng lớn lao, và như thế có sự bước vào sân chơi của thể trí.

But in these dreams and fantasies, at times a vision comes—a vision of a folded lotus flower, close petalled, [469] tightly sealed,

Nhưng trong những giấc mơ và ảo ảnh này, đôi khi một linh ảnh xuất hiện — linh ảnh về một hoa sen khép lại, các cánh hoa đóng kín, [469] niêm kín chặt chẽ, chưa có hương

lacking aroma yet, but bathed in cold blue light.

thơm, nhưng được tắm trong ánh sáng xanh lạnh.

Orange and blue in some more distant time will blended be, but far off yet the date. Their blending bathes the bud in light and causes future opening. Let the light shine.

Màu cam và màu xanh trong một thời xa hơn sẽ được hòa quyện, nhưng ngày ấy còn xa. Sự hòa quyện của chúng tắm nụ hoa trong ánh sáng và gây nên sự khai mở tương lai. Hãy để ánh sáng chiếu rọi.

Stage IV

Giai đoạn Bốn

Into the dark the life proceeds. A different voice seems to sound forth. “Enter the cave and find your own; walk in the dark and on your head carry a lighted lamp.” The cave is dark and lonely; cold is it and a place of many sounds and voices. The voice of the many sons of God, left playing on the playground of the Lord, make their appeal for light. The cave is long and narrow. The air is full of fog. The sound of running water meets the rushing sound of wind, and frequent roll of thunder.

Sự sống tiến vào bóng tối. Một tiếng nói khác dường như vang lên. “Hãy bước vào hang động và tìm người của ngươi; hãy đi trong bóng tối và trên đầu ngươi mang một ngọn đèn sáng.” Hang động tối tăm và cô độc; nó lạnh lẽo và là nơi có nhiều âm thanh cùng tiếng nói. Tiếng nói của nhiều người con của Thượng đế, bị bỏ lại vui chơi trên sân chơi của Chúa, cất lời kêu gọi ánh sáng. Hang động dài và hẹp. Không khí đầy sương mù. Âm thanh nước chảy gặp tiếng gió rít, và tiếng sấm thường vang rền.

Far off, dim and most vaguely seen, appears an oval opening, its color blue. Stretched athwart this space of blue, a rosy cross is seen, and at the centre of the cross, where four arms meet, a rose. Upon the upper limb, a vibrant diamond shines, within a star five-pointed.

Xa xa, mờ nhạt và được thấy hết sức lờ mờ, hiện ra một cửa mở hình bầu dục, màu xanh. Trải ngang khoảng không xanh ấy, một thập giá hồng được thấy, và ở trung tâm của thập giá, nơi bốn nhánh gặp nhau, có một đóa hồng. Trên nhánh trên, một viên kim cương rung động tỏa sáng, nằm trong một ngôi sao năm cánh.

The living soul drives forward towards the cross which bars his way to life, revealed and known.

Linh hồn sống động thúc mình tiến về phía thập giá đang chắn đường y đến sự sống, đã được mặc khải và được biết.

Not yet the cross is mounted and therefore left behind. But onward goes the living soul, eyes fixed upon the cross, ears open to the wailing cries of all his brother souls.

Thập giá chưa được leo lên và do đó chưa bị bỏ lại phía sau. Nhưng linh hồn sống động vẫn tiến tới, mắt cố định trên thập giá, tai mở ra trước những tiếng khóc than của mọi linh hồn huynh đệ của y.

Stage V

Out into radiant life and light! The cave is left behind; the cross is overturned; the way stands clear. The word sounds clear within the head and not within the heart. "Enter again the playground of the Lord and this time lead the games." The way upon the second [470] tier of stairs stands barred, this by the soul's own act. No longer red desire governs all the life, but now the clear blue flame burns strong. Upon the bottom step of the barred Way he turns back and passes down the stairs on to the playground, meeting dead shells built in an earlier stage, stepping upon forms discarded and destroyed, and holding forth the hands of helpfulness. Upon his shoulder sits the bird of peace; upon his feet the sandals of the messenger.

Not yet the utter glory of the radiant life! Not yet the entering into everlasting peace! But still the work, and still the lifting of the little ones.

Here in symbolic form we have pictures of human life and progress, of life in form and growing through the building process which marks the creative work. It is only a bald translation of some mantric phrases, and of some basic symbols, and must in no way be considered to be anything except indicative of a process, veiled and couched so that only those who know can understand. Esotericists will understand that these five stages cover the life period of every form, no matter whether the creator is cosmic, planetary or human.

Every form is built by an impulsive spark of life, emanated by a creator, and growing

Giai đoạn Năm

Bước ra vào sự sống và ánh sáng rạng rỡ! Hang động bị bỏ lại phía sau; thập giá bị lật ngược; con đường mở rõ. Linh từ vang rõ trong đầu chứ không trong tim. "Hãy bước vào lại sân chơi của Chúa, và lần này hãy dẫn dắt các trò chơi." Con đường trên tầng [470] thang thứ hai bị chắn lại, điều này do chính hành động của linh hồn. Dục vọng đỏ thẫm không còn chi phối toàn bộ sự sống nữa, mà nay ngọn lửa xanh trong sáng cháy mạnh. Trên bậc thấp nhất của Con Đường bị chắn, y quay lại và đi xuống các bậc thang đến sân chơi, gặp những lớp vỏ chết đã được xây dựng trong một giai đoạn trước, bước lên các hình tướng đã bị loại bỏ và phá hủy, và đưa ra đôi tay trợ giúp. Trên vai y đậu con chim hòa bình; nơi chân y là đôi dép của sứ giả.

Chưa phải vinh quang trọn vẹn của sự sống rạng rỡ! Chưa phải sự bước vào an bình vĩnh cửu! Nhưng vẫn còn công việc, và vẫn còn việc nâng đỡ những kẻ bé nhỏ.

Ở đây, trong hình thức biểu tượng, chúng ta có những bức tranh về đời sống và tiến bộ của nhân loại, về sự sống trong hình tướng và sự tăng trưởng qua tiến trình kiến tạo vốn đánh dấu công việc sáng tạo. Đây chỉ là một bản chuyển dịch sơ lược của một vài cụm mantram và một số biểu tượng căn bản, và tuyệt đối không được xem là gì khác ngoài sự chỉ dẫn về một tiến trình, được che phủ và diễn đạt sao cho chỉ những người biết mới có thể thấu hiểu. Các nhà bí truyền học sẽ thấu hiểu rằng năm giai đoạn này bao trùm chu kỳ sống của mọi hình tướng, bất kể đấng sáng tạo là vũ trụ, hành tinh hay nhân loại.

Mọi hình tướng đều được xây dựng bởi một tia lửa sự sống thôi thúc, phát xuất từ một

stage by stage under the law of accretion—an aspect of the law of attraction, which is the law of life. This law cooperates with the Law of Cause and Effect, which, as we know, is the law governing matter. Cause, attraction or desire, accretion and effect—these four words govern the construction of any thought-form. When the latter is a completed entity, it is an effect built by accretion under the power of an organized cause.

đấng sáng tạo, và tăng trưởng từng giai đoạn dưới định luật bồi tụ — một phương diện của định luật hấp dẫn, vốn là định luật của sự sống. Định luật này hợp tác với Định luật Nhân Quả, mà như chúng ta biết, là định luật chi phối vật chất. Nguyên nhân, hấp dẫn hay dục vọng, bồi tụ và hiệu quả — bốn từ này chi phối việc kiến tạo bất kỳ hình tư tưởng nào. Khi hình tư tưởng ấy là một thực thể hoàn tất, nó là một hiệu quả được xây dựng bằng sự bồi tụ dưới quyền năng của một nguyên nhân có tổ chức.

The race has evolved now to a point where we think of effects primarily in terms of quality rather than in terms of matter. A thought-form exists for us in order [471] to produce an effect. The raison d'être of all forms we have come to feel is to express some subjective quality which will give us the key to its creator's purpose. Ponder on these words. Hence, we find in this Rule XI that the purpose of the word pronounced is to tell the lives which constitute the form "what to do and where to carry that which has been made." Thus we find the idea of purpose, activity and goal.

Nhân loại nay đã tiến hoá đến một điểm mà chúng ta nghĩ về các hiệu quả chủ yếu theo phẩm tính hơn là theo vật chất. Một hình tư tưởng hiện hữu đối với chúng ta nhằm [471] tạo ra một hiệu quả. Chúng ta đã dần cảm nhận rằng lý do hiện hữu của mọi hình tướng là để biểu lộ một phẩm tính nội tại nào đó, phẩm tính ấy sẽ trao cho chúng ta chìa khóa đến mục đích của đấng sáng tạo nó. Hãy suy ngẫm những lời này. Vì thế, trong Quy luật Mười Một này, chúng ta thấy rằng mục đích của linh từ được phát âm là để bảo cho các sự sống cấu thành hình tướng "phải làm gì và phải mang điều đã được tạo ra đi đâu". Như vậy, chúng ta thấy có ý tưởng về mục đích, hoạt động và mục tiêu.

There is no need for me to add to the vast amount of literature which has been put forth or to emphasize the significance of purpose in connection with such a thoughtform as a solar system, a planet, a kingdom in nature or a human being. In some respects this subjective triplicity of purpose, activity and goal is well known and in others it is of too high and too inscrutable a nature for us to deal with in these Instructions and wander into the realms of speculation. With the goal, religion has long sought to deal; with the activity aspect, the scientist is now attempting to deal; and with

Tôi không cần thêm vào khối lượng văn liệu bao la đã được đưa ra, hoặc nhấn mạnh thâm nghĩa của mục đích liên quan đến một hình tư tưởng như hệ mặt trời, một hành tinh, một giới trong thiên nhiên hay một con người. Theo một vài phương diện, bộ ba nội tại này gồm mục đích, hoạt động và mục tiêu đã được biết rõ; theo những phương diện khác, nó có bản chất quá cao và quá bí hiểm để chúng ta bàn đến trong các Huấn thị này và lang thang vào các lãnh vực suy đoán. Từ lâu, tôn giáo đã tìm cách bàn đến mục tiêu; nhà khoa học nay đang cố gắng bàn đến phương diện hoạt động; còn các nhà

the Will of God the most advanced thinkers and philosophers are constantly speculating. Only when man submits himself to the discipline of his own spiritual will and controls the activity of the lives within his form nature and so orients himself to the goal as it progressively makes its appeal to his vision, will he arrive at a true understanding of the plan, which constitutes the will of God as far as human beings can grasp it.

tư tưởng và triết gia tiến bộ nhất thì không ngừng suy đoán về Ý Chí của Thượng Đế. Chỉ khi con người tự đặt mình dưới kỷ luật của ý chí tinh thần của chính y, kiểm soát hoạt động của các sự sống bên trong bản chất hình tướng của y, và nhờ đó tự định hướng về mục tiêu khi mục tiêu ấy dần dần kêu gọi tầm nhìn của y, bấy giờ y mới đạt đến sự thấu hiểu chân thật về Thiên Cơ, vốn cấu thành Ý Chí của Thượng Đế trong phạm vi con người có thể nắm bắt.

But with the thought-forms which he is beginning to create as he daily learns to think, we can concern ourselves for it is the first lesson soon to be learnt in the magical work. The creator in mental matter has:

Nhưng chúng ta có thể quan tâm đến các hình tư tưởng mà y bắt đầu tạo ra khi hằng ngày học cách tư duy, vì đó là bài học đầu tiên sắp được học trong công tác huyền thuật. Đấng sáng tạo trong chất liệu cõi trí phải:

a. To learn to build intelligently.

Một là, học cách kiến tạo một cách thông minh.

b. To give the impulse, through right speech which will animate that which he has built, and so enable the thought-form to convey the intended idea. [472]

Hai là, trao xung lực, thông qua lời nói đúng đắn, để làm linh hoạt điều y đã xây dựng, và nhờ đó khiến hình tư tưởng có thể truyền đạt ý tưởng được dự định. [472]

c. To send out his thought-form correctly oriented to his goal, and so truly directed that it will reach the objective and accomplish its sender's purpose.

Ba là, phóng xuất hình tư tưởng của mình, được định hướng đúng đắn đến mục tiêu của y, và được hướng dẫn chính xác đến mức nó sẽ đạt tới mục tiêu và hoàn thành mục đích của người phóng xuất nó.

The necessity for clear thinking and the elimination of idle, destructive and negative thoughts becomes increasingly apparent as the aspirant progresses upon his way. As the power of the mind increases and as the human being differentiates his thought increasingly from mass thought, he inevitably builds thought substance into form. It is at first automatic and unconscious. He cannot help so doing, and fortunately, for the race, the forms

Nhu cầu tư duy rõ ràng và loại bỏ các tư tưởng vô ích, phá hoại và tiêu cực trở nên ngày càng hiển nhiên khi người chí nguyện tiến bước trên đường mình. Khi quyền năng của thể trí gia tăng và khi con người ngày càng phân biệt tư tưởng của mình với tư tưởng quần chúng, y tất yếu xây dựng chất liệu tư tưởng thành hình tướng. Lúc đầu việc ấy là tự động và vô thức. Y không thể không làm như vậy, và may thay cho nhân loại, các hình tướng được kiến tạo quá yếu

constructed are so feeble that they are largely innocuous, or so in line with mass thought that they are negligible in their effect. But as man evolves his power and his capacity to harm or to help increases, and unless he learns to build rightly and correctly to motivate that which he has built he will become a destructive agency and a centre of harmful force—destroying and harming not only himself, as we shall see shortly, but equally hurting and harming those who vibrate to his note.

nên phần lớn vô hại, hoặc quá phù hợp với tư tưởng quần chúng nên hiệu quả của chúng không đáng kể. Nhưng khi con người tiến hoá, quyền năng và khả năng gây hại hay giúp đỡ của y gia tăng; và nếu y không học cách kiến tạo đúng đắn, cũng như đặt động cơ đúng đắn cho điều y đã xây dựng, y sẽ trở thành một tác nhân phá hoại và một trung tâm của mãnh lực có hại — không chỉ hủy hoại và làm tổn thương chính mình, như chúng ta sẽ sớm thấy, mà còn gây tổn thương và hại đến những người rung động theo âm điệu của y.

Granted all this you might appositely inquire: Are there some simple rules which the earnest and sincere beginner could apply to this science of building and which are so clear and concise that they will produce the needed effect? There are, and I will state them simply so that the beginner will, if he follows them, escape the dangers of black magic, and learn to build in line with the plan. He will, if he follows the rules I give, avoid the intricate problem which he has himself blindly constructed and which will indeed shut out the light of day, darken his world, and imprison him in a wall of forms which will embody for him his own peculiar great illusion.

Thừa nhận tất cả những điều này, các bạn có thể hỏi một cách thích đáng: Có những quy luật đơn giản nào mà người sơ cơ nghiêm túc và chân thành có thể áp dụng vào khoa học kiến tạo này, những quy luật rõ ràng và súc tích đến mức chúng sẽ tạo ra hiệu quả cần thiết chăng? Có, và tôi sẽ trình bày chúng một cách đơn giản để người sơ cơ, nếu y noi theo, sẽ tránh được các nguy hiểm của Hắc thuật và học cách kiến tạo phù hợp với Thiên Cơ. Nếu y noi theo các quy luật tôi đưa ra, y sẽ tránh được vấn đề phức tạp mà chính y đã mù quáng xây dựng, và điều đó quả thật sẽ che khuất ánh sáng ban ngày, làm tối thế giới của y, và giam giữ y trong một bức tường hình tướng, vốn đối với y sẽ hiện thân cho ảo tưởng lớn lao riêng biệt của chính y.

These rules may sound too simple for the learned aspirant but for those who are willing to become as little children they will be found to be a safe guide into truth [473] and will eventually make them able to pass the tests for adeptship. Some are couched in terms symbolic, others are necessarily blinds, still others express the truth just as it is.

Các quy luật này có thể nghe quá đơn giản đối với người chí nguyện uyên bác, nhưng đối với những ai sẵn lòng trở nên như trẻ thơ, chúng sẽ được thấy là một hướng dẫn an toàn vào chân lý [473] và cuối cùng sẽ khiến họ có khả năng vượt qua các thử thách để đạt địa vị chân sư. Một số được diễn đạt bằng ngôn ngữ biểu tượng, số khác tất yếu là những màn che, lại có số khác biểu lộ chân lý đúng như nó là.

1. View the world of thought, and separate the false out of the true.

1. Hãy quan sát thế giới tư tưởng, và tách điều giả khỏi điều thật.

2. Learn the meaning of illusion, and in its midst locate the golden thread of truth.

2. Hãy học ý nghĩa của ảo tưởng, và giữa lòng nó hãy định vị sợi dây vàng của chân lý.

3. Control the body of emotion for the waves that rise upon the stormy seas of life engulf the swimmer, shut out the sun and render all plans futile.

3. Hãy kiểm soát thể cảm xúc, vì những đợt sóng nổi lên trên biển đời bão tố sẽ nhấn chìm người bơi, che khuất mặt trời và làm mọi kế hoạch trở nên vô ích.

4. Discover that thou hast a mind and learn its dual use.

4. Hãy khám phá rằng ngươi có một thể trí và học cách sử dụng kép của nó.

5. Concentrate the thinking principle, and be the master of thy mental world.

5. Hãy tập trung nguyên khí tư duy, và trở thành chủ nhân của thế giới trí tuệ của ngươi.

6. Learn that the thinker and his thought and that which is the means of thought are diverse in their nature, yet one in ultimate reality.

6. Hãy học rằng chủ thể tư duy, tư tưởng của y, và cái là phương tiện của tư tưởng, khác nhau trong bản chất, nhưng là một trong thực tại tối hậu.

7. Act as the thinker, and learn it is not right to prostitute thy thought to the base use of separative desire.

7. Hãy hành động như chủ thể tư duy, và học rằng không đúng khi đem tư tưởng của ngươi làm công cụ cho việc sử dụng thấp hèn của dục vọng chia rẽ.

8. The energy of thought is for the good of all and for the furtherance of the Plan of God. Use it not therefore for thy selfish ends.

8. Năng lượng của tư tưởng là vì lợi ích của tất cả và vì sự thúc đẩy Thiên Cơ của Thượng đế. Vì vậy, đừng dùng nó cho các mục đích ích kỷ của ngươi.

9. Before a thought-form is by thee constructed, vision its purpose, ascertain its goal, and verify the motive.

9. Trước khi ngươi kiến tạo một hình tư tưởng, hãy hình dung mục đích của nó, xác định mục tiêu của nó, và kiểm chứng động cơ.

10. For thee, the aspirant on the way of life, the way of conscious building is not yet the goal. The work of cleaning out the atmosphere of thought, of barring fast the

10. Đối với ngươi, người chí nguyện trên con đường sự sống, con đường kiến tạo có ý thức chưa phải là mục tiêu. Công việc làm sạch bầu khí quyển tư tưởng, khóa chặt các cánh

doors of thought to hate and pain, to fear, and jealousy and low desire, must first precede the conscious work of building. See to thy aura, oh traveler on the way.

cửa tư tưởng trước hận thù và đau khổ, trước sợ hãi, ghen tị và dục vọng thấp hèn, trước hết phải đi trước công việc kiến tạo có ý thức. Hãy chăm nom hào quang của ngươi, hỡi lữ khách trên đường.

11. Watch close the gates of thought. Sentinel desire. [474] Cast out all fear, all hate, all greed. Look out and up.

11. Hãy canh giữ kỹ các cổng của tư tưởng. Hãy canh chừng dục vọng. [474] Hãy trục xuất mọi sợ hãi, mọi hận thù, mọi tham lam. Hãy nhìn ra ngoài và hướng lên.

12. Because the life is mostly centered on the plane of concrete life, thy words and speech will indicate thy thought. To these pay close attention.

12. Vì sự sống phần lớn được tập trung trên cõi của đời sống cụ thể, lời nói và ngôn từ của ngươi sẽ chỉ ra tư tưởng của ngươi. Hãy chú ý kỹ đến chúng.

13. Speech is of triple kind. The *idle words* will each produce effect. If good and kind, naught need be done. If otherwise, the paying of the price cannot be long delayed.

13. Lời nói có ba loại. *Những lời vô ích* mỗi lời đều sẽ tạo ra hiệu quả. Nếu tốt lành và tử tế, không cần làm gì. Nếu ngược lại, việc trả giá không thể bị trì hoãn lâu.

The *selfish words*, sent forth with strong intent, build up a wall of separation. Long time it takes to break that wall and so release the stored-up, selfish purpose. See to thy motive, and seek to use those words which blend the little life with the large purpose of the will of God.

Những lời ích kỷ, được phóng ra với ý định mạnh mẽ, xây dựng một bức tường chia rẽ. Phải mất thời gian dài để phá vỡ bức tường ấy và nhờ đó giải phóng mục đích ích kỷ đã tích chứa. Hãy xem xét động cơ của ngươi, và tìm cách sử dụng những lời hòa nhập sự sống nhỏ bé với mục đích lớn lao của Ý Chí của Thượng Đế.

The *word of hate*, the cruel speech which ruins those who feel its spell, the poisonous gossip, passed along because it gives a thrill —these words kill the flickering impulses of the soul, cut at the roots of life, and so bring death.

Lời hận thù, lời nói tàn nhẫn hủy hoại những người cảm nhận bùa lực của nó, chuyện ngồi lê độc hại được truyền đi vì nó đem lại sự kích thích — những lời ấy giết chết các xung lực lập lòe của linh hồn, chặt đứt gốc rễ của sự sống, và như thế đem lại cái chết.

If spoken in the light of day, just retribution will they bring; when spoken and then registered as lies, they strengthen that illusory world in which the speaker lives and holds him back from liberation.

Nếu được nói ra trong ánh sáng ban ngày, chúng sẽ đem lại sự báo ứng công bằng; khi được nói ra rồi được ghi nhận như những lời dối trá, chúng củng cố thế giới ảo tưởng trong đó người nói sống và giữ y lại khỏi sự giải thoát.

If uttered with intent to hurt, to bruise and kill, they wander back to him who sent them forth and him they bruise and kill.

Nếu được thốt ra với ý định làm tổn thương, làm bầm dập và giết chết, chúng sẽ quay trở lại với người đã phóng chúng ra, và chính y bị chúng làm bầm dập và giết chết.

14. The idle thought, time selfish thought, the cruel hateful thought if rendered into word produce a prison, poison all the springs of life, lead to disease, and cause disaster and delay. Therefore, be sweet and kind and good as far as in thee lies. Keep silence and the light will enter in.

14. Tư tưởng vô ích, tư tưởng ích kỷ, tư tưởng tàn nhẫn đầy hận thù, nếu được chuyển thành lời, sẽ tạo ra một nhà tù, đầu độc mọi nguồn mạch của sự sống, dẫn đến bệnh tật, và gây nên tai họa cùng trì hoãn. Vì vậy, hãy dịu dàng, tử tế và tốt lành hết mức trong khả năng ngươi. Hãy giữ im lặng và ánh sáng sẽ đi vào.

15. Speak not of self. Pity not thy fate. The thoughts of self and of thy lower destiny prevent the inner [475] voice of thine own soul from striking upon thine ear. Speak of the soul; enlarge upon the plan; forget thyself in building for the world. Thus is the law of form offset. Thus can the rule of love enter upon that world.

15. Đừng nói về bản thân. Đừng thương hại số phận của ngươi. Các tư tưởng về bản thân và về định mệnh thấp của ngươi ngăn tiếng nói [475] bên trong của chính linh hồn ngươi chạm đến tai ngươi. Hãy nói về linh hồn; hãy nói rõ thêm về Thiên Cơ; hãy quên mình trong việc kiến tạo cho thế giới. Như thế, định luật của hình tướng được hóa giải. Như thế, quy luật của tình thương có thể đi vào thế giới ấy.

These simple rules will lay right foundations for the carrying forward of the magical work, and will render the mental body so clear and so powerful that right motive will control and true work in building will be possible.

Những quy luật đơn giản này sẽ đặt các nền tảng đúng đắn cho việc tiến hành công tác huyền thuật, và sẽ khiến thể trí trở nên trong sáng và mạnh mẽ đến mức động cơ đúng đắn sẽ kiểm soát, và công việc chân thật trong kiến tạo sẽ trở nên khả hữu.

Much of the significance of this rule must remain theoretical, and be considered as holding a challenge until such time as the real magical work of thought-form building becomes universally possible. The *formula*, as we have seen, will remain unknown to all save the members of the Hierarchy of Adepts for long ages to come. The *directional words* are capable of ascertainment, but only to those who are working consciously under the guidance of their own souls, and who,

Phần lớn thâm nghĩa của quy luật này phải còn mang tính lý thuyết, và được xem như một thách thức cho đến khi công tác huyền thuật thực sự của việc kiến tạo hình tư tưởng trở nên khả hữu một cách phổ quát. *Công thức*, như chúng ta đã thấy, sẽ vẫn không được biết đến đối với tất cả, ngoại trừ các thành viên của Thánh đoàn Chân sư, trong nhiều thời đại dài sắp tới. *Những lời định hướng* có thể được xác định, nhưng chỉ bởi những ai đang làm việc một cách có ý

through mind control merging into deep meditation, can manipulate the matter of thought and become "knowing creators." These can, and do, speak the impulsive words which bring into being those new forms and organisms, those expressions of ideas and those organisations which live their life cycle and serve their purpose, and so come, duly, to their timely and appointed end. These creators are the leaders and organisers, the teachers and the guides in all phases of human living. Their sound does go forth into all lands and their note is internationally recognised. Hundreds of such names are easily remembered and spring unhidden to the mind. They live in the memory of the multitude and that which lives is the sound of their accomplishment, be that good or bad.

thức dưới sự hướng dẫn của chính linh hồn mình, và qua sự kiểm soát thể trí hòa nhập vào thiền định sâu xa, có thể vận dụng vật chất của tư tưởng và trở thành "những nhà sáng tạo hiểu biết". Những người này có thể, và thật sự, nói ra những lời thôi thúc đem vào hiện hữu các hình tướng và cơ cấu mới, những biểu hiện của các ý tưởng và những tổ chức sống trọn chu kỳ đời sống của mình, phụng sự mục đích của mình, và như thế, đúng lúc, đi đến kết thúc hợp thời và được ấn định. Những nhà sáng tạo này là các nhà lãnh đạo và tổ chức, các huấn sư và người hướng dẫn trong mọi giai đoạn của đời sống nhân loại. Âm thanh của họ quả thật vang đi khắp mọi vùng đất, và âm điệu của họ được nhận biết trên bình diện quốc tế. Hàng trăm danh xưng như thế dễ dàng được nhớ đến và tự nhiên hiện lên trong thể trí. Họ sống trong ký ức của quần chúng, và điều sống còn chính là âm thanh của thành tựu của họ, dù tốt hay xấu.

But in the sentence which we must consider we find portrayed a universal function, even though it is as yet [476] carried forward for the most part unconsciously. The words to be dealt with are as follows:

Nhưng trong câu mà chúng ta phải xem xét, chúng ta thấy được phác họa một chức năng phổ quát, dù cho hiện nay nó vẫn [476] phần lớn được tiến hành một cách vô thức. Những lời cần được bàn đến như sau:

III. Finally, to utter forth the mystic phrase which will save him from their work.

III. Cuối cùng, thốt ra cụm từ thần bí sẽ cứu y khỏi công việc của chúng.

Therefore it appears that at the close of the magical work of creation, a phrase must be enunciated which effects a salvation and produces a liberation of a dual kind, —a liberation of the creating agent from the form which he has created, and the emancipation of that form from the control of the one who has brought it into being.

Vì vậy, có vẻ như vào lúc kết thúc công tác huyền thuật của sáng tạo, phải phát ra một cụm từ tạo nên sự cứu thoát và đem lại một sự giải phóng kép — sự giải phóng tác nhân sáng tạo khỏi hình tướng mà y đã tạo ra, và sự giải thoát hình tướng ấy khỏi sự kiểm soát của kẻ đã đưa nó vào hiện hữu.

It is obvious that already the nature of speech in relation to embodied ideas is being somewhat understood. Study the method of

Hiển nhiên là bản chất của lời nói trong mối liên hệ với các ý tưởng được hiện thân trong hình tướng đã bắt đầu được thấu hiểu phần

talk which is now the main factor employed to "launch an idea." Note how all inventions (which are neither more nor less than embodied concepts) come into exoteric being on the physical plane through the power of the spoken word, and consider also with care the occult significance underlying all conferences, all meetings, all consultations, and all discussions which concern themselves with the launching of some idea or set of ideas upon the sea of public necessity. May it not be possible that under the modes of activity employed by the advertising agencies and the constant training given to salesmen in the use of the spoken word as a means of approach to the public in order to sell an idea, we shall find the first distorted indications of the emanations of those mystic phrases which will bring into being the creation of the soul in all fields of creative enterprise?

nào. Hãy nghiên cứu phương pháp đàm luận hiện nay vốn là yếu tố chính được dùng để "phóng xuất một ý tưởng". Hãy lưu ý cách mọi phát minh, vốn chẳng hơn chẳng kém các khái niệm được hiện thân trong hình tướng, đi vào sự hiện hữu bên ngoài trên cõi hồng trần nhờ quyền năng của lời nói; và cũng hãy suy xét cẩn trọng thâm nghĩa huyền bí nằm bên dưới mọi hội nghị, mọi cuộc họp, mọi cuộc tham vấn và mọi cuộc thảo luận liên quan đến việc phóng xuất một ý tưởng hay một tập hợp ý tưởng lên biển nhu cầu của công chúng. Phải chăng có thể rằng, bên dưới các phương thức hoạt động mà những cơ quan quảng cáo sử dụng, và sự huấn luyện thường xuyên dành cho những người bán hàng trong việc dùng lời nói như một phương tiện tiếp cận công chúng nhằm bán một ý tưởng, chúng ta sẽ tìm thấy những dấu hiệu đầu tiên, tuy bị biến dạng, của các xuất lộ từ những cụm từ thần bí vốn sẽ đưa vào hiện hữu sự sáng tạo của linh hồn trong mọi lĩnh vực của hoạt động sáng tạo?

The training of public opinion, the utilisation of catch words and slogans, the tendency to embody the concepts of campaigners in trite and apposite phrases are part of the growing realisation as to the magical work. All these means are employed blindly and without true realisation; they constitute a part of the emerging activities of a humanity which is on the verge of real creative work, [477] the principles of which are not yet understood nor scientifically applied. But they do point the way, and under the simplification which marks the return to synthesis, we shall have the cessation of speech and the utilisation of simpler forms. Under the evolutionary urge, we have had the creative Sound, the Word, Speech. The latter, in its turn, has been differentiated into words, phrases, sentences, paragraphs, books, until we now have the era wherein this differentiation is

Việc rèn luyện dư luận công chúng, việc sử dụng các câu nói bắt tai và khẩu hiệu, khuynh hướng hiện thân các khái niệm của những người vận động trong các câu nói sáo mòn nhưng thích hợp, tất cả đều là một phần của sự nhận biết ngày càng tăng về công việc huyền thuật. Mọi phương tiện này được sử dụng một cách mù quáng và không có sự chứng nghiệm chân thật; chúng cấu thành một phần trong các hoạt động đang xuất hiện của một nhân loại đang ở ngưỡng cửa của công việc sáng tạo đích thực, [477] các nguyên lý của công việc ấy vẫn chưa được thấu hiểu cũng như chưa được áp dụng một cách khoa học. Nhưng chúng thật sự chỉ đường, và dưới sự đơn giản hóa vốn đánh dấu sự trở về với tổng hợp, chúng ta sẽ có sự chấm dứt của lời nói và việc sử dụng các hình thức đơn giản hơn. Dưới thúc đẩy tiến hoá, chúng ta đã có Âm thanh sáng tạo, Linh từ, Lời nói. Đến lượt mình, Lời nói đã được

at its height, and we have speeches at all hours of the day and night; we have the utilisation of the public platform to reach the public ear, and of the radio to reach all classes and races of humanity in an effort to mould public opinion and bring certain ideas and concepts into the public consciousness. We have the publication of books literally in their millions, and all playing their part in the same great work, and we have as yet both methods of communication being prostituted to the selfish ends and ambitious purposes of those who speak and write. Yet there are a few true creators who are endeavouring to make their sound heard, to speak those mystical words which will enable humanity to see the vision. Thus will be dispersed eventually the clouds of thought-forms which at this time shut out the clear light of God.

biến phân thành các từ, cụm từ, câu, đoạn văn, sách vở, cho đến nay chúng ta có một thời đại trong đó sự biến phân này đạt đến cực điểm; chúng ta có những bài diễn thuyết vào mọi giờ trong ngày và đêm; chúng ta có việc sử dụng diễn đàn công cộng để đến với tai nghe của công chúng, và máy thu thanh để đến với mọi giai cấp và mọi giống dân của nhân loại, trong nỗ lực uốn nắn dư luận công chúng và đưa một số ý tưởng cùng khái niệm nhất định vào tâm thức công chúng. Chúng ta có việc xuất bản sách theo nghĩa đen là hàng triệu cuốn, tất cả đều đóng phần của mình trong cùng một công việc vĩ đại ấy; và cho đến nay, cả hai phương pháp giao tiếp này vẫn đang bị lạm dụng cho những mục tiêu ích kỷ và những mục đích tham vọng của những người nói và viết. Tuy nhiên, vẫn có một vài nhà sáng tạo chân chính đang cố gắng làm cho âm thanh của mình được nghe thấy, nói ra những lời thần bí sẽ giúp nhân loại nhìn thấy tầm nhìn. Như vậy, cuối cùng các đám mây hình tư tưởng hiện đang che khuất ánh sáng trong trẻo của Thượng đế sẽ được xua tan.

The subject is too large for me to elaborate in this *Treatise*. I but seek to make suggestions which will carry to the intelligent reader some idea of the enormous progress which has been made in the magical work. In this way he will be enabled to go forward with optimism knowing that hitherto all has been good inasmuch as man has progressed in knowledge. Out of the present welter of speech and of words, of lectures and of books, a few clear concepts will surely emerge which will find an echo in the hearts of men. Thus also will men be led on into the new age, wherein "talk will die out and books come to naught" for the lines of subjective communication [478] will lie open. Men will recognise that noise acts as a deterrent to telepathic intercourse. The written word will not be needed either, for

Chủ đề này quá rộng để tôi triển khai trong *Khảo luận* này. Tôi chỉ tìm cách đưa ra những gợi ý có thể truyền đến độc giả thông minh một ý niệm nào đó về tiến bộ to lớn đã đạt được trong công việc huyền thuật. Bằng cách này, y sẽ có thể tiến tới với tinh thần lạc quan, biết rằng cho đến nay mọi sự đều tốt đẹp trong chừng mực con người đã tiến bộ trong tri thức. Từ tình trạng hỗn độn hiện tại của lời nói và ngôn từ, của các bài giảng và sách vở, chắc chắn sẽ xuất hiện một vài khái niệm trong sáng, những khái niệm sẽ tìm được tiếng vang trong lòng người. Như vậy, con người cũng sẽ được dẫn vào kỷ nguyên mới, trong đó "lời nói sẽ tàn lụi và sách vở trở nên vô nghĩa", vì các đường giao tiếp nội tại [478] sẽ mở ra. Con người sẽ nhận ra rằng tiếng ồn tác động như một trở ngại đối với sự giao lưu viễn cảm. Lời viết cũng sẽ

men will use symbols of light and colour to supplement through the eye what the subjective hearing has recorded. But that day is not yet, even though the radio and television are the first steps in the right direction.

không còn cần thiết, vì con người sẽ dùng các biểu tượng ánh sáng và màu sắc để bổ sung qua mắt những gì thính giác nội tại đã ghi nhận. Nhưng ngày ấy vẫn chưa đến, dù máy thu thanh và truyền hình là những bước đầu theo đúng hướng.

Putting the truth as simply as possible we might state that through the complexity of much speech-making and book-writing, ideas are now enabled to take form and so run through their cycle of activity. But this method is as unsatisfactory in the field of knowledge as is the ancient tallow dip in the field of illumination. Electric light has superseded it, and some day the true telepathic communication and vision will take the place of speech and of writings.

Trình bày chân lý một cách đơn giản nhất, chúng ta có thể nói rằng, qua tính phức tạp của nhiều bài diễn thuyết và nhiều tác phẩm được viết ra, các ý tưởng hiện nay có thể khoác lấy hình tướng và nhờ đó đi hết chu kỳ hoạt động của chúng. Nhưng phương pháp này trong lĩnh vực tri thức cũng bất toàn chẳng khác nào cây đèn mỡ xưa trong lĩnh vực soi sáng. Ánh sáng điện đã thay thế nó, và một ngày nào đó, Giao tiếp viễn cảm cùng tầm nhìn chân thật sẽ thay thế lời nói và chữ viết.

Carrying the same concepts into the field of real esoteric work we have the worker in thought-matter building his thought-form and "confining the lives" which express and respond to his idea within a "ring-pass-not". This latter persists for as long as his mind attention and hence his ensouling energy is directed upon it. We have him pronouncing the words which will enable his thought-form to do its work, fulfill the mission for which it has been constructed, and carry out the purpose for which it was created. All that has been given out hitherto in connection with the words used in the creative work is the sevenfold sacred Word, AUM. This, when rightly used *by the soul on the mental plane* vitalises and expedites all thought-forms, and so produces successful enterprise. It is interesting to note that in Atlantean days, the word used was TAU, enunciated explosively and so forcefully, that the thought-forms thus energised and expedited acted inevitably like a boomerang, and returned to the one who sent them

Khi đưa cùng các khái niệm ấy vào lĩnh vực của công việc huyền bí đích thực, chúng ta có người hoạt động trong chất liệu tư tưởng, xây dựng hình tư tưởng của mình và "giam giữ các sự sống" vốn biểu lộ và đáp ứng ý tưởng của y bên trong một "vòng-giới-hạn". Vòng giới hạn này tồn tại chừng nào sự chú ý của thể trí y, và do đó năng lượng phú linh của y, còn được hướng vào nó. Chúng ta có y phát âm những lời sẽ giúp hình tư tưởng của y thực hiện công việc của nó, hoàn thành sứ mệnh mà vì đó nó được xây dựng, và thi hành mục đích mà vì đó nó được tạo ra. Tất cả những gì cho đến nay đã được đưa ra liên quan đến các lời được dùng trong công việc sáng tạo là Linh từ thiêng liêng thất phân, AUM. Khi được sử dụng đúng cách *do linh hồn trên cõi trí*, Linh từ này tiếp sinh lực và thúc đẩy mọi hình tư tưởng, nhờ đó tạo nên hoạt động thành công. Điều thú vị cần lưu ý là vào thời Atlantis, linh từ được sử dụng là TAU, được phát âm một cách bùng nổ và mạnh mẽ đến nỗi các hình tư tưởng được truyền năng lượng và thúc đẩy như vậy đã

forth. This word TAU is likewise, in its symbolic form, the [479] symbol of reincarnation. It is desire for form which produces the use of form and causes cyclic and constant rebirth in form. It was the constant use of the TAU likewise, which brought about the final overwhelming with water, which swept away the ancient Atlantean civilisation; the few who used the AUM in those days were not potent enough to offset the force of desire. The mind bodies of the race could not respond to that newer creative sound. Humanity was still swept entirely by longing and desire to such an extent that the united desire for possessions and for the enjoyment of form drove men esoterically "into the waters". Desire for form still forces upon humanity the constant process of rebirth until such time as the TAU influence is exhausted and the AUM sound can dominate. The former influence is however weakening, and the AUM is increasing in potency until it will be the dominating factor. To this latter sound, the word of the Soul must eventually succeed, until AUM in its turn is entirely superseded.

tác động tất yếu như một vật ném quay trở lại, và trở về với người đã phóng chúng ra. Linh từ TAU này, trong hình thức biểu tượng của nó, cũng là [479] biểu tượng của sự tái sinh. Chính dục vọng đối với hình tướng tạo ra việc sử dụng hình tướng và gây nên sự tái sinh theo chu kỳ và liên tục trong hình tướng. Cũng chính việc sử dụng thường xuyên TAU đã đưa đến sự ngập lụt cuối cùng bằng nước, quét sạch nền văn minh Atlantis cổ xưa; số ít người dùng AUM trong những ngày ấy không đủ mạnh để hóa giải mãnh lực của dục vọng. Các thể trí của nhân loại không thể đáp ứng âm thanh sáng tạo mới hơn ấy. Nhân loại vẫn hoàn toàn bị cuốn đi bởi khát vọng và dục vọng đến mức dục vọng hợp nhất về sở hữu và về sự hưởng thụ hình tướng đã đẩy con người, xét một cách huyền bí, "vào trong nước". Dục vọng đối với hình tướng vẫn còn áp đặt lên nhân loại tiến trình tái sinh liên tục, cho đến khi ảnh hưởng TAU cạn kiệt và âm thanh AUM có thể thống trị. Tuy nhiên, ảnh hưởng trước đang suy yếu, còn AUM đang gia tăng quyền năng cho đến khi nó trở thành yếu tố thống trị. Cuối cùng, Linh từ của Linh hồn phải kế tiếp âm thanh sau này, cho đến khi chính AUM đến lượt nó cũng hoàn toàn bị thay thế.

The sound of many waters (which is the symbolic way of expressing the TAU influence) will cease, and the time will come, as we are assured in the Christian Bible, when there "will be no more sea". Then the sound of the AUM which is symbolically spoken of as the "roaring of a blazing fire", and which is the sound of the mental plane will take its place. The word of the soul cannot be given except in the secret place of initiation. It has its own peculiar vibration and note, but this cannot be conveyed until such time as the AUM is used with correctness. Just as the TAU, carrying the note of desire and of the urge to have and to be, was misused and carried its civilisations

Âm thanh của nhiều dòng nước, vốn là cách biểu tượng để diễn tả ảnh hưởng TAU, sẽ chấm dứt; và thời điểm sẽ đến, như chúng ta được bảo đảm trong Kinh Thánh Cơ Đốc, khi "sẽ không còn biển nữa". Khi ấy âm thanh AUM, được nói đến một cách biểu tượng như "tiếng gầm của lửa cháy rực", và là âm thanh của cõi trí, sẽ thay thế nó. Linh từ của linh hồn không thể được trao truyền ngoại trừ trong nơi bí mật của điểm đạo. Nó có rung động và âm điệu riêng biệt của nó, nhưng điều này không thể được truyền đạt cho đến khi AUM được sử dụng đúng đắn. Cũng như TAU, mang âm điệu của dục vọng và của thúc đẩy muốn có và muốn hiện tồn, đã bị lạm dụng và đưa các nền văn minh của nó

to disaster, so AUM can also be misused and can carry its civilisations into the fire. This is the truth which really underlies the misunderstood Christian teaching anent hell-fire and the lake of fire. They portray symbolically the end of the age [480] when the mental plane civilisations will come to a cataclysmic end, as far as the form aspect is concerned just as the earlier civilisations came to a watery consummation.

đến thảm họa, AUM cũng có thể bị lạm dụng và có thể đưa các nền văn minh của nó vào lửa. Đây là chân lý thật sự nằm bên dưới giáo lý Cơ Đốc bị hiểu sai về lửa địa ngục và hồ lửa. Chúng mô tả một cách biểu tượng sự kết thúc của thời đại [480] khi các nền văn minh của cõi trí sẽ đi đến một kết thúc đại họa, xét theo phương diện hình tướng, cũng như các nền văn minh trước kia đã đi đến sự hoàn tất bằng nước.

One hint here I will give, and one that is oft overlooked. On the mental plane, time is not; therefore the time equation enters not into the idea of a final ending by fire. There is no setting of a time for a disaster or a catastrophe. The full effect will take place in the realm of the mind, and may it not be said that even now the fire of anxiety, of foreboding, of worry, and of fear is burning up our thoughts and engrossing our mental attention? Its work is to purify and cleanse, so, let the AUM do its work and let all of you who can, employ it with frequency and with right thought so that the world purification may proceed apace. Much must be burned and consumed which bars the way for the emergence of the new ideas, the new archetypal forms. These will eventually dominate the new age and make it possible for the word of the soul to sound forth and be heard exoterically.

Ở đây tôi sẽ đưa ra một gợi ý, và đó là điều thường bị bỏ qua. Trên cõi trí không có thời gian; vì vậy, phương trình thời gian không đi vào ý tưởng về một kết thúc cuối cùng bằng lửa. Không có việc ấn định thời điểm cho một tai họa hay một thảm biến. Hiệu quả trọn vẹn sẽ diễn ra trong lĩnh vực của thể trí; và chẳng phải có thể nói rằng ngay cả hiện nay, ngọn lửa của lo âu, của linh cảm dữ, của phiền muộn và của sợ hãi đang thiêu đốt các tư tưởng của chúng ta và chiếm trọn sự chú ý trí tuệ của chúng ta sao? Công việc của nó là thanh lọc và tẩy sạch; vậy hãy để AUM làm công việc của nó, và tất cả các bạn nào có thể, hãy sử dụng nó thường xuyên và với tư tưởng đúng đắn, để sự thanh lọc thế giới có thể tiến triển nhanh chóng. Nhiều điều phải bị thiêu đốt và tiêu hủy, những điều đang chặn đường cho sự xuất hiện của các ý tưởng mới, các hình tướng nguyên mẫu mới. Cuối cùng, chúng sẽ thống trị kỷ nguyên mới và khiến cho Linh từ của linh hồn có thể vang lên và được nghe thấy bên ngoài.

I realize that that which I have imparted here is difficult of comprehension, but the paragraphs above dictated hold warning for the careless and much instruction for the earnest seeker after light.

Tôi nhận ra rằng điều tôi đã truyền đạt ở đây khó thấu hiểu, nhưng các đoạn văn được đọc cho ghi lại ở trên chứa đựng lời cảnh báo cho kẻ bất cẩn và nhiều chỉ dẫn cho người thành tâm tìm kiếm ánh sáng.

There are two aspects of this phrase which we are considering with which I seek briefly to deal. There are many which I might take

Có hai phương diện của cụm từ mà chúng ta đang xem xét, và tôi muốn đề cập ngắn gọn đến chúng. Có nhiều phương diện tôi có thể

up, but two will suffice to carry practical suggestion, and to indicate ideas which aspirants everywhere would do well to grasp. The thought of salvation from the effect of form-embodied ideas must be considered, and I would like also to cover the idea of "a saving-from" under two headings. The aspirant has to be saved from the thought-forms built daily during his mental life, and a soul in incarnation has also to be saved from the form attachments which during the ages have [481] grown and strengthened, and from which he has to be released through the process we call death. We will therefore divide our subject as follows:

bàn đến, nhưng hai phương diện sẽ đủ để đưa ra gợi ý thực tiễn và chỉ ra những ý tưởng mà người chí nguyện ở khắp nơi nên nắm bắt. Tư tưởng về sự cứu thoát khỏi hiệu quả của các ý tưởng đã nhập vào hình tướng phải được xem xét; và tôi cũng muốn bao quát ý tưởng về "sự cứu thoát khỏi" dưới hai đề mục. Người chí nguyện phải được cứu khỏi các hình tư tưởng được xây dựng hằng ngày trong đời sống trí tuệ của y; và một linh hồn đang nhập thể cũng phải được cứu khỏi các ràng buộc với hình tướng, những ràng buộc đã [481] lớn mạnh và thêm vững chắc qua các thời đại, và khỏi đó y phải được giải thoát qua tiến trình mà chúng ta gọi là cái chết. Vì vậy, chúng ta sẽ chia chủ đề của mình như sau:

I. Salvation from the power exerted by the thought-forms we have ourselves created.

I. Sự cứu thoát khỏi quyền năng do các hình tư tưởng mà chính chúng ta đã tạo ra tác động.

II. Salvation from the power of the threefold body which the soul has built, through the magical release called death.

II. Sự cứu thoát khỏi quyền năng của thân thể tam phân mà linh hồn đã xây dựng, nhờ sự giải phóng huyền thuật được gọi là cái chết.

It is with the latter that I wish primarily to deal, but certain things must be said concerning the power of thought-forms, and concerning their danger, and the mode whereby they can be rendered innocuous.

Chính với điều sau tôi chủ yếu muốn đề cập, nhưng cần phải nói một số điều liên quan đến quyền năng của các hình tư tưởng, đến mối nguy hiểm của chúng, và phương thức nhờ đó chúng có thể trở nên vô hại.

Salvation from our Thought-forms—Giải Thoát Khỏi Các Hình Tư Tưởng của Chúng Ta

I speak now for aspirants, who, through concentration and meditation, are gaining power in thought. I speak for the thinkers of the world, who, through their one-pointed application and devotion to business, to science, to religion or to the varying modes of human activity have oriented the mind (not the emotions but the mentality) to some line of constant action which is

Giờ đây tôi nói với những người chí nguyện, những người nhờ tập trung và tham thiền đang đạt được quyền năng trong tư tưởng. Tôi nói với các nhà tư tưởng của thế giới, những người nhờ sự chuyên chú nhất tâm và sự tận tụy của mình đối với kinh doanh, khoa học, tôn giáo hoặc các phương thức hoạt động khác nhau của con người, đã định hướng thể trí, không phải cảm xúc mà là trí

necessarily a part of the divine activity in the large sense.

năng, theo một đường hoạt động liên tục nào đó, vốn tất yếu là một phần của hoạt động thiêng liêng theo nghĩa rộng.

It is right here, in the use of thought, that the difference between black and white magic can be seen. Selfishness, ruthlessness, hatred, and cruelty characterise the worker in mental substance whose motives are, for many lives, centred around his own aggrandisement, focussed on his personal acquisition of possessions, and directed entirely to the attainment of his own pleasure and satisfaction, no matter what the cost to others. Such men are happily few, but the way to such a point of view is easy to achieve, and many need to guard themselves lest they tread unthinkingly the way towards materiality.

Chính ở đây, trong việc sử dụng tư tưởng, có thể thấy sự khác biệt giữa Hắc thuật và Chánh Thuật. Sự ích kỷ, tàn nhẫn, thù hận và độc ác đặc trưng cho người hoạt động trong chất liệu cõi trí mà động cơ của y, qua nhiều kiếp sống, tập trung quanh việc gia tăng quyền thế của bản thân, hướng vào việc thủ đắc của cải cho cá nhân, và hoàn toàn nhằm đạt được khoái lạc cùng sự thỏa mãn của riêng y, bất kể cái giá phải trả cho người khác. May thay, những người như thế rất ít; nhưng con đường dẫn đến quan điểm như vậy rất dễ đạt được, và nhiều người cần tự canh giữ để khỏi vô tình bước trên con đường hướng về vật chất tính.

A gradual and steady growth in group consciousness and responsibility, a submergence of the wishes of the [482] personal self and the manifestation of a loving spirit characterise those who are oriented towards the life side of the divine whole. It might be said that human beings fall into three main groups:

Sự tăng trưởng dần dần và vững chắc trong tâm thức nhóm và trách nhiệm, sự chìm lắng các ước muốn của [482] bản ngã cá nhân, và sự biểu hiện của một tinh thần yêu thương, đặc trưng cho những ai được định hướng về phía sự sống của toàn thể thiêng liêng. Có thể nói rằng con người rơi vào ba nhóm chính:

1. The vast majority, who are neither good nor bad, but simply unthinking and entirely submerged in the evolutionary tide, and in the work of developing a true self consciousness, and the needed equipment.

1. Đại đa số, những người không tốt cũng không xấu, mà chỉ đơn giản là không suy nghĩ và hoàn toàn bị chìm ngập trong dòng triều tiến hoá, cũng như trong công việc phát triển một ngã thức chân thật và trang bị cần thiết.

2. A small, a very small number, who are definitely and consciously working on the side of materiality or (if you prefer so to express it) on the side of evil. Potent are they on the physical plane, but their power is temporal and not eternal. The law of the universe, which is the law of love, is

2. Một số ít, rất ít, những người đang làm việc một cách rõ rệt và có ý thức về phía vật chất tính, hoặc nếu các bạn thích diễn đạt như thế, về phía điều ác. Họ có quyền năng trên cõi hồng trần, nhưng quyền năng của họ thuộc thời gian chứ không vĩnh cửu. Định luật của vũ trụ, tức định luật của bác ái, vĩnh

eternally against them, and out of the seeming evil good will come.

viễn chống lại họ; và từ điều ác có vẻ như vậy, điều thiện sẽ xuất hiện.

3. A goodly number who are the pioneers into the kingdom of the soul, who are the exponents of the new age ideas, and the custodians of that aspect of the Ageless Wisdom which is next to be revealed to mankind. This group is constituted of the unselfish and intelligent men and women in every field of human endeavour, of the aspirants and disciples, of the initiates who sound the note for the various groups and types, and of the Occult Hierarchy itself. The influence of this band of mystics and knowers is exceedingly great and the opportunity to work in cooperation with it at this time is easier of attainment than at any other time in racial history.

3. Một số khá đông là những người tiên phong đi vào giới của linh hồn, là những người trình bày các ý tưởng của kỷ nguyên mới, và là những người gìn giữ phương diện của Minh Triết Ngàn Đời sắp được mặc khải cho nhân loại. Nhóm này được cấu thành bởi những người nam và nữ vô ngã và thông minh trong mọi lĩnh vực nỗ lực của con người, bởi những người chí nguyện và các đệ tử, bởi các điểm đạo đồ xướng lên âm điệu cho những nhóm và kiểu loại khác nhau, và bởi chính Thánh đoàn Huyền môn. Ảnh hưởng của đoàn thể các nhà thần bí và các thức giả này vô cùng lớn lao, và cơ hội làm việc trong sự hợp tác với đoàn thể ấy vào lúc này dễ đạt được hơn bất cứ thời điểm nào khác trong lịch sử nhân loại.

The first group is unthinking; the two other groups are beginning to think and to employ the laws of thought. It is with the use of thought by the aspirant that I seek to deal. Much about thought will be found in *A Treatise on Cosmic Fire* [483], but I intend to give some practical ideas and suggestions which will help the average aspirant to work as he should.

Nhóm thứ nhất không suy nghĩ; hai nhóm kia đang bắt đầu suy nghĩ và sử dụng các định luật của tư tưởng. Chính việc sử dụng tư tưởng của người chí nguyện là điều tôi muốn bàn đến. Nhiều điều về tư tưởng sẽ được tìm thấy trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* [483], nhưng tôi dự định đưa ra một số ý tưởng và gợi ý thực tiễn sẽ giúp người chí nguyện trung bình làm việc như y phải làm.

Let us remember first of all that no aspirant, no matter how sincere and devoted, is free from faults. Were he free, he would be an adept. All aspirants are still selfish, still prone to temper and to irritability, still subject to depression and even at times to hatred. Oft that temper and hatred may be aroused by what we call just causes. Injustice on the part of others, cruelty to human beings and to animals, and the hatreds and viciousness of their fellow men do arouse in them corresponding reactions, and cause them much suffering and delay.

Trước hết, chúng ta hãy nhớ rằng không một người chí nguyện nào, dù chân thành và tận tụy đến đâu, lại không có lỗi lầm. Nếu y không có lỗi lầm, y đã là một chân sư. Mọi người chí nguyện vẫn còn ích kỷ, vẫn còn dễ nóng giận và cáu kỉnh, vẫn còn chịu sự chi phối của buồn nản và đôi khi cả thù hận. Thường khi, sự nóng giận và thù hận ấy có thể bị khơi dậy bởi những gì chúng ta gọi là các nguyên nhân chính đáng. Sự bất công từ phía người khác, sự tàn ác đối với con người và thú vật, những thù hận và sự độc ác của đồng loại họ thật sự khơi dậy trong họ

One thing must ever be remembered. If an aspirant evokes hatred in an associate, if he arouses him to temper, and if he meets with dislike and antagonism, it is because he himself is not entirely harmless; there are still in him the seeds of trouble, for it is a law in nature that we get what we give, and produce reactions in line with our activity be it physical, emotional or mental.

những phản ứng tương ứng, và gây cho họ nhiều đau khổ cùng trì hoãn. Một điều luôn phải được ghi nhớ. Nếu một người chí nguyện gợi lên thù hận nơi một người cộng sự, nếu y khiến người ấy nổi nóng, và nếu y gặp sự không ưa cùng đối kháng, đó là vì chính y chưa hoàn toàn vô tổn hại; trong y vẫn còn các hạt giống của rắc rối, vì đó là một định luật trong thiên nhiên rằng chúng ta nhận được những gì mình cho đi, và tạo ra các phản ứng phù hợp với hoạt động của mình, dù là hồng trần, cảm xúc hay trí tuệ.

There are certain types of men who do not come under this category. When a man has reached a stage of high initiation, the case is different. The seed ideas he seeks to convey, the work he is empowered to do, the pioneering enterprise he is endeavouring to carry forward, may—and often do—call forth from those who sense not the beauty of his cause and the rightness of the truth he enunciates, a hatred and a fury which causes him much trouble and for which he is not personally responsible. This antagonism comes from the reactionaries and the devotees of the race and it should be remembered that it is largely impersonal even though focussed on him as the representative of an idea. But with these high souls I deal not, but with students of the Ageless Wisdom who are learning not only that they seldom think, but that when they do they are oft thinking [484] wrongly, for they are forced into a thought activity by reactions which have their seat in their lower nature, and are based on selfishness and lack of love.

Có một số kiểu người không thuộc phạm trù này. Khi một người đã đạt đến một giai đoạn điểm đạo cao, trường hợp sẽ khác. Các ý tưởng hạt giống mà y tìm cách truyền đạt, công việc y được trao quyền để thực hiện, hoạt động tiên phong y đang cố gắng tiến hành, có thể, và thường thật sự, gợi lên nơi những người không cảm nhận được vẻ đẹp của chính nghĩa y và sự đúng đắn của chân lý y tuyên thuyết, một thù hận và cuồng nộ gây cho y nhiều rắc rối mà y không chịu trách nhiệm cá nhân. Sự đối kháng này đến từ những kẻ phản động và những người sùng tín trong nhân loại; cần nhớ rằng nó phần lớn mang tính phi cá nhân, dù được tập trung vào y như đại diện của một ý tưởng. Nhưng tôi không bàn đến các linh hồn cao cả này, mà bàn đến các đạo sinh của Minh Triết Ngàn Đời, những người đang học không chỉ rằng họ hiếm khi suy nghĩ, mà còn rằng khi họ suy nghĩ, họ thường suy nghĩ [484] sai lầm, vì họ bị buộc vào hoạt động tư tưởng bởi các phản ứng có gốc rễ trong bản chất thấp của họ, và đặt nền trên ích kỷ cùng thiếu bác ái.

There are three lessons which every aspirant needs to learn:

Có ba bài học mà mỗi người chí nguyện cần học:

First, that every thought-form which he builds is built under the impulse of some

Thứ nhất, mọi hình tư tưởng mà y xây dựng đều được xây dựng dưới xung lực của một

emotion or of some desire; in rarer cases it may be built in the light of illumination and embody, therefore, some intuition. But with the majority, the motivating impulse which sweeps the mind-stuff into activity is an emotional one, or a potent desire, either good or bad, either selfish or unselfish.

cảm xúc nào đó hoặc một dục vọng nào đó; trong những trường hợp hiếm hơn, nó có thể được xây dựng trong ánh sáng của sự soi sáng và do đó hiện thân một trực giác nào đó. Nhưng với đa số, xung lực thúc đẩy cuốn chất liệu cõi trí vào hoạt động là một xung lực cảm xúc, hoặc một dục vọng mạnh mẽ, dù tốt hay xấu, dù ích kỷ hay vô ngã.

Secondly, it should be borne in mind that the thoughtform so constructed will either remain in his own aura, or will find its way to a sensed objective. In the first case, it will form part of a dense wall of such thoughtforms which entirely surround him or constitute his mental aura, and will grow in strength as he pays it attention until it is so large that it will shut out reality from him, or it will be so dynamic and potent that he will become the victim of that which he built. The thought-form will be more powerful than its creator, so that he becomes obsessed by his own ideas, and driven by his own creation. In the second case, his thought-form will find its way into the mental aura of another human being, or into some group. You have here the seeds of evil magical work and the imposition of a powerful mind upon a weaker. If it finds its way into some group, analogous impulsive forms (found within the group aura) will coalesce with it, having the same vibratory rate or measure. Then the same thing will take place in the group aura as has taken place within the individual ring-pass-not, — the group will have around it an inhibiting wall of thought-forms, or it will be obsessed by some idea. Here we have the clue to all sectarianism, to all fanaticism, and to some forms of insanity, both group and individual. [485]

Thứ hai, cần ghi nhớ rằng hình tư tưởng được kiến tạo như vậy hoặc sẽ ở lại trong hào quang của chính y, hoặc sẽ tìm đường đến một mục tiêu được cảm nhận. Trong trường hợp thứ nhất, nó sẽ tạo thành một phần của bức tường đậm đặc gồm những hình tư tưởng như thế, hoàn toàn bao quanh y hoặc cấu thành hào quang cõi trí của y; và nó sẽ tăng trưởng sức mạnh khi y chú ý đến nó, cho đến khi nó lớn đến mức che khuất thực tại khỏi y, hoặc trở nên năng động và mạnh mẽ đến mức y trở thành nạn nhân của chính điều y đã xây dựng. Hình tư tưởng sẽ mạnh hơn người tạo ra nó, khiến y bị ám ảnh bởi chính các ý tưởng của mình và bị thúc đẩy bởi chính sáng tạo của mình. Trong trường hợp thứ hai, hình tư tưởng của y sẽ tìm đường vào hào quang cõi trí của một người khác, hoặc vào một nhóm nào đó. Ở đây các bạn có những hạt giống của công việc huyền thuật tà vạy và sự áp đặt của một thể trí mạnh lên một thể trí yếu hơn. Nếu nó tìm đường vào một nhóm nào đó, các hình thức xung động tương tự, vốn được tìm thấy trong hào quang của nhóm, sẽ hợp nhất với nó, vì có cùng tốc độ hay mức độ rung động. Khi ấy, điều tương tự sẽ diễn ra trong hào quang của nhóm như đã diễn ra bên trong vòng-giới-hạn của cá nhân: nhóm sẽ có quanh nó một bức tường ngăn cản gồm các hình tư tưởng, hoặc sẽ bị một ý tưởng nào đó ám ảnh. Ở đây chúng ta có chìa khóa của mọi chủ nghĩa bè phái, mọi cuồng tín, và một số hình thức điên loạn, cả nhóm lẫn cá nhân. [485]

Thirdly, the creator of the thought-form (in this case an aspirant) remains responsible. The form remains linked to him by his living purpose and therefore the karma of the results, and the ultimate work of destroying that which he has built must be his. This is true of every embodied idea, the good as well as the bad. The creator of all of them is responsible for the work of his creation. The Master Jesus, for instance, has still to deal with the thought-forms which we call the Christian Church, and has much to do. The Christ and the Buddha have still some consummating work to carry through, though not so much with the forms which embody Their enunciated principles, as with the souls who have evolved through the application of those principles.

Thứ ba, người tạo ra hình tư tưởng, trong trường hợp này là một người chí nguyện, vẫn chịu trách nhiệm. Hình tướng vẫn liên kết với y bằng mục đích sống động của y; vì vậy nghiệp quả của các kết quả, và công việc cuối cùng là phá hủy điều y đã xây dựng, phải là của y. Điều này đúng với mọi ý tưởng được hiện thân, cả tốt lẫn xấu. Người tạo ra tất cả chúng chịu trách nhiệm về công việc của sáng tạo mình. Chẳng hạn, Chân sư Jesus vẫn còn phải xử lý các hình tư tưởng mà chúng ta gọi là Giáo hội Cơ Đốc, và Ngài còn nhiều việc phải làm. Đức Christ và Đức Phật vẫn còn một số công việc hoàn tất phải thực hiện, tuy không quá nhiều với các hình thức hiện thân những nguyên lý Các Ngài đã tuyên thuyết, cho bằng với các linh hồn đã tiến hoá qua việc áp dụng những nguyên lý ấy.

With the aspirant, however, who is still learning to think, the problem is different. He is still prone to use thought matter to embody his mistaken apprehension of the real ideas; he is still apt to express his likes and dislikes through the power of thought; he is still inclined to use the mind stuff to make possible his personality desires. To this every sincere aspirant will bear witness.

Tuy nhiên, với người chí nguyện vẫn đang học suy nghĩ, vấn đề lại khác. Y vẫn còn dễ dùng chất liệu tư tưởng để hiện thân sự lĩnh hội sai lầm của mình về các ý tưởng thực; y vẫn còn có khuynh hướng biểu lộ điều mình thích và không thích bằng quyền năng của tư tưởng; y vẫn còn nghiêng về việc dùng chất liệu cõi trí để làm cho các dục vọng phàm ngã của mình có thể thành tựu. Mọi người chí nguyện chân thành đều sẽ làm chứng cho điều này.

Much concern is being felt among many of you as to the guarding of thoughts and the protection of formulated ideas. Some thoughts are ideas, clothed in mental matter and keep their habitat on the plane of thought matter. Such are the abstract conceptions and the scarcely sensed facts of the inner occult or mystic life that pass through the mind of the thinker. They are not so difficult to guard, for their vibrations are so high and light that few people have the power to clothe them adequately in

Nhiều bạn đang cảm thấy nhiều lo lắng về việc canh giữ các tư tưởng và bảo vệ các ý tưởng đã thành hình. Một số tư tưởng là các ý tưởng được khoác trong chất liệu cõi trí và giữ nơi cư ngụ của chúng trên cõi chất liệu tư tưởng. Đó là các quan niệm trừu tượng và những sự kiện chỉ mơ hồ được cảm nhận của đời sống huyền môn hoặc thần bí bên trong, những điều đi qua thể trí của nhà tư tưởng. Chúng không quá khó để canh giữ, vì các rung động của chúng cao và nhẹ đến nỗi ít người có quyền năng khoác cho chúng một

mental matter, and those few are so very scarce that the risk of such statements being unwisely promulgated is not very great.

cách thích đáng bằng chất liệu cõi trí; và số ít ấy lại quá hiếm, nên nguy cơ những phát biểu như thế bị truyền bá thiếu khôn ngoan không lớn lắm.

Then there are the communications involved in occult teaching. The circle of those who apprehend them is widening somewhat and these thought-forms frequently [486] take to themselves astral matter from the desire in the heart of the student to verify, corroborate, and share with the group whose knowledge is as vital as his. Sometimes this is possible, and sometimes not. If prohibited what is the method of protection then? Largely a refusing to allow the matter of the astral plane to adhere to the mental thought-form. Fight the matter out on the desire level, and inhibit that type of matter from formulating. Where no desire to speak exists, and where the striving is to prevent the gathering of the material around the nucleus, another thought-form is built up, one that intervenes and protects.

Kế đó là các truyền đạt liên quan đến giáo huấn huyền môn. Vòng tròn những người lĩnh hội chúng đang mở rộng phần nào, và các hình tư tưởng này thường [486] tự thu hút lấy chất liệu cảm dục từ dục vọng trong tim của đạo sinh muốn kiểm chứng, xác nhận và chia sẻ với nhóm mà tri thức của họ cũng thiết yếu như tri thức của y. Đôi khi điều này có thể thực hiện, và đôi khi thì không. Nếu bị cấm, phương pháp bảo vệ khi ấy là gì? Chủ yếu là từ chối cho phép chất liệu của cõi cảm dục bám vào hình tư tưởng cõi trí. Hãy xử lý chất liệu ấy trên cấp độ dục vọng, và ngăn chặn loại chất liệu đó kết hình. Nơi nào không có dục vọng nói ra, và nơi nào nỗ lực là ngăn chất liệu tụ lại quanh hạt nhân, thì một hình tư tưởng khác được xây dựng, một hình tư tưởng can thiệp và bảo vệ.

Still another type of thought-form comes forth, —the most prevalent and the one that causes the most trouble. These are the facts of information, the detailed material, the news (if so you like to call it), the basis of what may degenerate into gossip, that concerns either your work, administrative or otherwise, and that which concerns other people. How shall you prevent your mind from transmitting to another facts such as these? These are facts that have their origination in physical plane occurrence, and therein lies the difficulty. The inner facts of the occult life, and those that originate on the mental plane are not so difficult to hide. They do not come your way till your vibrations are keyed high enough for them, and as a rule, when that is so,

Lại còn một loại hình tư tưởng khác xuất hiện, loại phổ biến nhất và gây nhiều rắc rối nhất. Đó là các dữ kiện thông tin, chất liệu chi tiết, tin tức, nếu các bạn muốn gọi như vậy, nền tảng của điều có thể thoái hóa thành chuyện ngồi lê đôi mách, liên quan hoặc đến công việc của các bạn, hành chính hay mặt khác, hoặc đến những người khác. Làm thế nào các bạn ngăn thể trí mình truyền đến người khác những dữ kiện như thế? Đây là các dữ kiện có nguồn gốc trong sự việc xảy ra trên cõi hồng trần, và chính trong đó có khó khăn. Các sự kiện bên trong của đời sống huyền môn, và những sự kiện phát sinh trên cõi trí, không quá khó để che giấu. Chúng không đến với các bạn cho đến khi các rung động của các bạn được điều chỉnh đủ cao cho chúng; và theo quy luật,

character of sufficient stability and wisdom goes alongside. But it is not thus with a physical plane fact. What must be done? The other thoughts descend from above; these latter work upwards from the physical plane and are increased in vitality by the knowledge of the many, often of the many unwise. One kind starts nebulously on the mental plane, and only the higher type of mind can formulate it, and clothe it with matter in geometrical precision, and such a mind usually has the wisdom that refuses to clothe it in astral plane matter. Not so with the physical plane fact. It [487] is a vital entity, robed in material of the astral plane and the mental plane when first you meet and contact it. Will you vitalise it, or will you arrest it? Arrest it by a rush and wave of love for the party implicated, that envelops the thought-form and sends it back to the originator, borne on the wings of a surge of astral plane matter, strong enough to sweep through and around, mayhap disintegrating, but most certainly returning it harmlessly to the sender. Perhaps it is an evil piece of information, a lie or item of gossip. Devitalise it by love, break it in pieces by the power of a counter thought-form of peace and harmony.

khi điều đó xảy ra, tính cách có đủ ổn định và minh triết sẽ đi kèm. Nhưng với một sự kiện trên cõi hồng trần thì không như vậy. Cần phải làm gì? Các tư tưởng kia đi xuống từ bên trên; còn các tư tưởng sau này hoạt động đi lên từ cõi hồng trần và được tăng cường sinh lực bởi sự biết đến của nhiều người, thường là nhiều người thiếu khôn ngoan. Một loại bắt đầu một cách mơ hồ trên cõi trí, và chỉ loại thể trí cao hơn mới có thể kết hình nó, khoác cho nó chất liệu với độ chính xác hình học; và một thể trí như thế thường có minh triết từ chối khoác cho nó chất liệu của cõi cảm dục. Không như vậy với sự kiện trên cõi hồng trần. Nó [487] là một thực thể sống động, khoác trong chất liệu của cõi cảm dục và cõi trí khi các bạn mới gặp và tiếp xúc với nó. Các bạn sẽ tiếp sinh lực cho nó, hay sẽ chặn nó lại? Hãy chặn nó bằng một luồng trào và làn sóng bác ái dành cho người liên quan, bao bọc hình tư tưởng ấy và gửi nó trở lại người khởi phát, được mang trên đôi cánh của một đợt dâng chất liệu cõi cảm dục đủ mạnh để quét xuyên qua và bao quanh, có thể làm tan rã, nhưng chắc chắn trả nó về cho người gửi một cách vô hại. Có lẽ đó là một mẩu thông tin xấu, một lời dối trá hay một chuyện ngồi lê đôi mách. Hãy làm nó mất sinh lực bằng bác ái, phá vỡ nó thành từng mảnh bằng quyền năng của một hình tư tưởng đối lập về bình an và hòa hợp.

Or again, it may be true, some sad or evil occurrence or deed of some mistaken brother. What then is there to do? Truth cannot be devitalised or disintegrated. The Law of Absorption will aid you here. Into your heart you absorb the thought-form you encounter and there transmute it by the alchemy of love. Let me be practical and illustrate, for the matter is of importance.

Hoặc nữa, nó có thể là sự thật, một biến cố hay hành vi buồn thảm hoặc xấu xa của một huynh đệ lầm lạc nào đó. Khi ấy phải làm gì? Sự thật không thể bị làm mất sinh lực hay bị làm tan rã. Định luật Hấp Thụ sẽ giúp các bạn ở đây. Vào trong tim mình, các bạn hấp thụ hình tư tưởng mà các bạn gặp, và tại đó chuyển hoá nó bằng thuật luyện kim của bác ái. Hãy để tôi thực tiễn và minh họa, vì vấn đề này quan trọng.

Some brother comes to you and tells to you a fact about another brother—a fact involving what the world would call wrongdoing on that brother's part. You who know so much more than the average man of the street, will realise that that so called wrongdoing may be but the working out of karma, or have its basis in a good motive wrongly construed. You add not to the talk, you do not hand on the information, as far as you are concerned the thought-form, built around the fact, has wandered into what you call a cul-de-sac.

Một huynh đệ nào đó đến với các bạn và kể cho các bạn một sự kiện về một huynh đệ khác, một sự kiện liên quan đến điều mà thế gian sẽ gọi là hành vi sai trái về phía huynh đệ ấy. Các bạn, những người biết nhiều hơn người bình thường ngoài phố, sẽ nhận ra rằng cái gọi là hành vi sai trái ấy có thể chỉ là sự vận hành của nghiệp quả, hoặc có nền tảng trong một động cơ tốt bị hiểu sai. Các bạn không thêm vào lời bàn, các bạn không truyền tiếp thông tin; xét về phía các bạn, hình tư tưởng được xây dựng quanh sự kiện ấy đã đi vào điều các bạn gọi là một ngõ cụt.

What do you then? You build a counter stream of thoughts which (on a wave of love) you send your apparently erring brother: thoughts of kindly assistance, of courage and aspiration, and of a wise application of the lessons to be learnt from the deed he has accomplished. Use not force, for strong thinkers must not unduly influence other minds, but a gentle stream of [488] wise transmuting love. We have here three methods, none strictly occult, for those later shall be imparted, but methods available for the many.

Vậy các bạn làm gì? Các bạn xây dựng một luồng tư tưởng đối lập, và trên một làn sóng bác ái, các bạn gửi nó đến huynh đệ dường như lầm lỗi của mình: những tư tưởng về sự trợ giúp thân ái, về lòng can đảm và khát vọng, và về sự áp dụng khôn ngoan các bài học cần được rút ra từ hành vi y đã thực hiện. Đừng dùng mãnh lực, vì các nhà tư tưởng mạnh không được ảnh hưởng quá mức đến các thể trí khác, mà hãy dùng một luồng dịu dàng của [488] bác ái minh triết có sức chuyển hoá. Ở đây chúng ta có ba phương pháp, không phương pháp nào hoàn toàn huyền môn, vì những phương pháp huyền môn ấy sẽ được truyền đạt về sau, nhưng là những phương pháp khả dụng cho số đông.

1. The thought form kept to the mental levels, i.e. the inhibiting of astral plane matter.

1. Hình tư tưởng được giữ lại ở các cấp độ cõi trí, tức là sự ngăn chặn chất liệu cõi cảm dục.

2. The thought-form broken up and disintegrated by a stream of love-force well-directed.

2. Hình tư tưởng bị phá vỡ và làm tan rã bởi một luồng mãnh lực bác ái được hướng dẫn đúng đắn.

3. The absorbing of the thought-form, and the formulation of a counter-thought of loving wisdom.

3. Sự hấp thụ hình tư tưởng, và việc kết hình một tư tưởng đối lập của minh triết yêu thương.

Inhibition—Disintegration—Absorption

There are three main penalties which attach to the wrong use of thought substance, and from these the aspirant must learn to save himself, and to avoid those activities; eventually this will make the process of salvation unnecessary.

1. A potent thought-form can act like a boomerang. It can return, charged with increased velocity, to the one who sent it on its mission. A strong hatred, clothed in mental matter, can return to its creator charged with the energy of the hated person, and can hence work havoc in the life of the aspirant. Hate not, for hatred returns ever from whence it came. There is a depth of truth in the ancient aphorism: "Curses, like chickens, come home to roost."

A potent desire for material acquisition will eventually return bringing inevitably that which has been desired, only to find in the majority of cases that the aspirant no longer aches for possession, but regards it as an incubus, or, in the meantime, already possesses more than he needs and is satiated and knows not what to do with all that he has gained.

A potent thought-form embodying an aspiration for spiritual illumination or for recognition by the Master may bring such a flood of light as to blind the aspirant, and make him consequently the possessor of a wealth of spiritual energy for which he is unready, and which he [489] cannot use. Again, it may attract to the aspirant a thought-form of one of the Great Ones, and thus swing him deeper into the world of

Ngăn chặn—Làm tan rã—Hấp thụ

Có ba hình phạt chính gắn liền với việc sử dụng sai chất liệu tư tưởng, và khỏi những điều này người chí nguyện phải học cách tự cứu mình, đồng thời tránh các hoạt động ấy; cuối cùng, điều này sẽ làm cho tiến trình cứu thoát trở nên không cần thiết.

1. Một hình tư tưởng mạnh mẽ có thể tác động như một vật ném quay trở lại. Nó có thể trở về, được tích điện với tốc độ tăng thêm, với người đã phái nó đi thi hành sứ mệnh. Một thù hận mạnh mẽ, khoác trong chất liệu cõi trí, có thể trở về với người tạo ra nó, được tích điện bằng năng lượng của người bị thù ghét, và do đó có thể gây tàn phá trong đời sống của người chí nguyện. Đừng thù ghét, vì thù hận luôn trở về nơi nó đã xuất phát. Có một chiều sâu chân lý trong châm ngôn cổ: "Lời nguyền, như gà con, cuối cùng cũng về chuồng."

Một dục vọng mạnh mẽ đối với sự thủ đắc vật chất cuối cùng sẽ trở về, tất yếu mang theo điều đã được ham muốn, chỉ để thấy rằng trong đa số trường hợp, người chí nguyện không còn đau đáu muốn sở hữu nữa, mà xem nó như một gánh nặng đè nén; hoặc trong thời gian đó, y đã sở hữu nhiều hơn mức y cần, đã chán ngấy và không biết phải làm gì với tất cả những gì y đã đạt được.

Một hình tư tưởng mạnh mẽ hiện thân khát vọng về sự soi sáng tinh thần hoặc về sự công nhận của Chân sư có thể mang đến một trận lũ ánh sáng đến mức làm mù người chí nguyện, và vì thế khiến y trở thành sở hữu chủ của một khối năng lượng tinh thần mà y chưa sẵn sàng, và y [489] không thể sử dụng. Lại nữa, nó có thể thu hút đến người chí nguyện một hình tư tưởng của một trong Các Đấng Cao Cả, và như vậy cuốn y sâu hơn

illusion and of astralism. Hence the need for humility, for a longing to serve and a resulting self-forgetfulness if one is to build truly and correctly. Such is the law.

vào thế giới ảo tưởng và tình trạng cảm dục. Vì thế cần có sự khiêm nhường, lòng khao khát phụng sự và kết quả là sự quên mình, nếu một người muốn xây dựng một cách chân thật và đúng đắn. Định luật là như vậy.

2. A thought-form can also act as a poisoning agent, and poison all the springs of life. It may not be potent enough to swing out of its creator's aura (very few thought-forms are), and find its goal in another aura there to gather strength and so return from whence it came, but it may have a vitality of its own which can devastate the life of the aspirant. A violent dislike, a gnawing worry, a jealousy, a constant anxiety and a longing for something or someone may act so potently as an irritant or poison that the entire life is spoilt, and service is rendered futile. The entire life is embittered and devitalised by the embodied worry, hatred or desire. All relationships with other people are rendered equally futile or even definitely harmful, for the worried or suspicious aspirant spoils the home circle or his group of friends by his inner poisonous attitude, governed by an idea. His relation to his own soul and the strength of the contact with the world of spiritual ideas is at a standstill, for he cannot progress onward and is held back by the poison in his mental system. His vision becomes distorted, his nature corroded, and all his relationships impeded by the wearing, nagging thoughts which he has himself embodied in form and which have a life so powerful that they can poison him. He cannot rid himself of them no matter how hard he tries or how clearly he sees (theoretically) the cause of his trouble. This is one of the commonest forms of difficulty, for it has its seat in the selfish personal life, and is ofttimes so fluidic that it seems to defy direct action.

2. Một hình tư tưởng cũng có thể tác động như một tác nhân đầu độc, và đầu độc mọi nguồn mạch của sự sống. Nó có thể không đủ mạnh để văng ra khỏi hào quang của người tạo ra nó, rất ít hình tư tưởng có thể làm được như vậy, và tìm thấy mục tiêu của nó trong một hào quang khác, tại đó gom thêm sức mạnh rồi trở về nơi nó đã xuất phát; nhưng nó có thể có một sinh lực riêng có khả năng tàn phá đời sống của người chí nguyện. Một sự không ưa mãnh liệt, một nỗi lo âu gặm nhấm, một sự ghen tị, một nỗi bất an thường trực và một khao khát đối với một điều gì hay một người nào đó có thể tác động mạnh mẽ như một chất kích thích hoặc chất độc đến mức toàn bộ đời sống bị hủy hoại, và sự phụng sự trở nên vô hiệu. Toàn bộ đời sống bị làm đắng cay và mất sinh lực bởi nỗi lo, thù hận hoặc dục vọng đã được hiện thân. Mọi mối quan hệ với người khác đều trở nên vô hiệu như nhau, hoặc thậm chí rõ ràng có hại, vì người chí nguyện đầy lo âu hoặc nghi ngờ làm hỏng vòng gia đình hay nhóm bạn hữu của mình bằng thái độ độc hại bên trong, do một ý tưởng chi phối. Mối liên hệ của y với linh hồn của chính mình và sức mạnh của sự tiếp xúc với thế giới các ý tưởng tinh thần bị đình trệ, vì y không thể tiến tới và bị giữ lại bởi chất độc trong hệ thống trí tuệ của mình. Tầm nhìn của y trở nên méo mó, bản chất của y bị ăn mòn, và mọi mối quan hệ của y bị cản trở bởi các tư tưởng dai dẳng, quấy nhiễu mà chính y đã hiện thân trong hình tướng, và chúng có một sự sống mạnh đến mức có thể đầu độc y. Y không thể tự giải thoát khỏi chúng, dù cố gắng đến đâu hay thấy rõ về mặt lý thuyết nguyên nhân của rắc rối mình đến mức nào. Đây là một trong những hình thức khó khăn thông

thường nhất, vì nó có gốc rễ trong đời sống cá nhân ích kỷ, và thường linh động đến mức dường như thách thức hành động trực tiếp.

3. The third danger against which the aspirant must [490] guard himself is becoming obsessed by his own embodied ideas, be they temporarily right or basically wrong. Forget not that all right ideas are temporary in nature and must eventually take their place as partial rights and give place to the greater truth. The fact of the day is seen later as part of a greater fact. A man can have grasped some of the lesser principles of the Ageless Wisdom so clearly and be so convinced of their correctness that the bigger whole is forgotten and he builds a thought-form about the partial truth which he has seen which can prove a limitation and keep him a prisoner and hold him back from progress. He is so sure of his possession of truth that he can see the truth of no one else. He can be so convinced of the reality of His own embodied concept of what the truth may be that he forgets his own brain limitations and that the truth has come to him via his own soul and is consequently coloured by his ray, being subsequently built into form by his personal separative mind. He lives but for that little truth; he can see no other; he forces his thought-form on other people; he becomes the obsessed fanatic and so mentally unbalanced, even if the world regards him as sane.

3. Mối nguy thứ ba mà người chí nguyện phải [490] tự canh giữ là bị ám ảnh bởi chính các ý tưởng được hiện thân của mình, dù chúng tạm thời đúng hay căn bản sai. Đừng quên rằng mọi ý tưởng đúng đều có bản chất tạm thời, và cuối cùng phải nhận vị trí của chúng như những chân lý đúng từng phần, rồi nhường chỗ cho chân lý lớn hơn. Sự kiện của ngày hôm nay về sau được thấy như một phần của một sự kiện lớn hơn. Một người có thể nắm bắt một số nguyên lý nhỏ hơn của Minh Triết Ngàn Đời một cách rõ ràng đến mức, và tin chắc vào sự đúng đắn của chúng đến mức, toàn thể lớn hơn bị quên lãng; và y xây dựng một hình tư tưởng quanh chân lý từng phần mà y đã thấy, một hình tư tưởng có thể trở thành giới hạn, giam giữ y như tù nhân và kìm hãm y khỏi tiến bộ. Y quá chắc chắn về việc mình sở hữu chân lý đến nỗi không thể thấy chân lý của bất cứ ai khác. Y có thể quá tin chắc vào thực tại của khái niệm được hiện thân của chính y về điều chân lý có thể là, đến mức y quên các giới hạn của bộ não mình và quên rằng chân lý đã đến với y qua linh hồn của chính y, do đó bị tô màu bởi cung của y, rồi sau đó được xây dựng thành hình tướng bởi thể trí cá nhân chia rẽ của y. Y sống chỉ vì chút chân lý nhỏ ấy; y không thể thấy điều nào khác; y áp đặt hình tư tưởng của mình lên người khác; y trở thành kẻ cuồng tín bị ám ảnh và do đó mất quân bình trí tuệ, dù thế gian xem y là lành mạnh.

How shall a man guard himself from these dangers? How shall he rightly build? How shall he preserve that balance which will enable him to see truth, judge rightly, and so preserve his mental contact with his soul and with the souls of his fellow men?

Làm thế nào một người tự canh giữ khỏi những mối nguy này? Làm thế nào y xây dựng đúng đắn? Làm thế nào y duy trì được sự quân bình giúp y thấy chân lý, phán đoán đúng, và nhờ đó duy trì sự tiếp xúc trí tuệ với

linh hồn của mình và với linh hồn của đồng loại?

First and foremost, by the constant practice of Harmlessness. This involves harmlessness in speech and also in thought and consequently in action. It is a positive harmlessness, involving constant activity and watchfulness; it is not a negative and fluidic tolerance.

Trước hết và trên hết, bằng việc thực hành thường xuyên tính vô tổn hại. Điều này bao hàm tính vô tổn hại trong lời nói cũng như trong tư tưởng, và do đó trong hành động. Đó là một tính vô tổn hại tích cực, bao hàm hoạt động và sự tỉnh thức thường xuyên; nó không phải là một sự khoan dung tiêu cực và linh động.

Secondly, by a daily guarding of the doors of thought, and a supervision of the thought life. Certain lines of thought will not be permitted; certain old thought habits will be offset by the institution of constructive creative [491] thinking; certain preconceived ideas (note the esoteric value of that phrase), will be relegated to the background so that the new horizons will be visioned and the new ideas can enter. This will entail a daily, hourly watchfulness, but only until ancient habits have been overcome and the new rhythm established. Then the aspirant will discover that the mind is so focussed on the new spiritual ideas that the old thought-forms will fail to arrest the attention; they will die of inanition. There is encouragement in this thought. The first three years' work will be the hardest. After that the mind will be engrossed by the ideas and not by the thought-form.

Thứ hai, bằng việc hằng ngày canh giữ các cánh cửa của tư tưởng, và giám sát đời sống tư tưởng. Một số đường lối tư tưởng sẽ không được phép tồn tại; một số thói quen tư tưởng cũ sẽ được hóa giải bằng việc thiết lập tư duy sáng tạo có tính xây dựng [491]; một số ý tưởng định kiến sẵn có — hãy lưu ý giá trị huyền bí của cụm từ ấy — sẽ được đẩy lùi vào hậu cảnh để những chân trời mới được linh thị và các ý tưởng mới có thể đi vào. Điều này sẽ đòi hỏi sự tỉnh thức hằng ngày, hằng giờ, nhưng chỉ cho đến khi các thói quen xưa cũ đã được vượt qua và nhịp điệu mới được thiết lập. Khi đó, người chí nguyện sẽ khám phá rằng thể trí tập trung đến mức vào các ý tưởng tinh thần mới đến nỗi những hình tư tưởng cũ không còn thu hút được sự chú ý; chúng sẽ chết vì thiếu nuôi dưỡng. Trong tư tưởng này có sự khích lệ. Công việc trong ba năm đầu sẽ là khó khăn nhất. Sau đó, thể trí sẽ bị cuốn hút bởi các ý tưởng, chứ không phải bởi hình tư tưởng.

Thirdly, by refusing to live in one's own thought world and by entering the world of ideas and the stream of human thought currents. The world of ideas is the world of the soul, and of the higher mind. The stream of human thoughts and of opinions is that of the public consciousness and of the lower mind. The aspirant must function free in

Thứ ba, bằng việc từ chối sống trong thế giới tư tưởng riêng của mình và bằng cách đi vào thế giới của các ý tưởng cùng dòng chảy các luồng tư tưởng nhân loại. Thế giới của các ý tưởng là thế giới của linh hồn và của thượng trí. Dòng chảy các tư tưởng và ý kiến của nhân loại là dòng chảy của tâm thức công chúng và của hạ trí. Người chí nguyện phải

both worlds. Note this with care. The thought is not that he must function freely, which involves more the idea of facility but that he must function as a free agent in both worlds. Through constant daily meditation he does the first. Through wide reading and sympathetic interest and understanding he accomplishes the second.

hoạt động như một tác nhân tự do trong cả hai thế giới. Hãy lưu ý điều này một cách cẩn thận. Ý tưởng ở đây không phải là y phải hoạt động một cách dễ dàng, điều hàm ý nhiều hơn về sự thuận tiện, mà là y phải hoạt động như một tác nhân tự do trong cả hai thế giới. Nhờ tham thiền hằng ngày và đều đặn, y thực hiện điều thứ nhất. Nhờ đọc rộng, quan tâm với thiện cảm và thấu hiểu, y hoàn thành điều thứ hai.

Fourthly, he must learn to detach himself from his own thought creations, and leave them free to accomplish the purpose for which he intelligently sent them forth. This fourth process falls into two parts:

Thứ tư, y phải học cách tách rời mình khỏi các tạo tác tư tưởng của chính mình, và để chúng tự do hoàn thành mục đích mà y đã thông minh phóng chúng ra. Tiến trình thứ tư này chia thành hai phần:

1. By the use of a mystic phrase he severs the link which holds an embodied idea in his thought-aura.

1. Bằng việc sử dụng một cụm từ thần bí, y cắt đứt mối liên kết đang giữ một ý tưởng đã nhập thể trong hào quang tư tưởng của y.

2. By detaching his mind from the idea, once he has sent it on its mission, he learns the lesson of the B*hagavad Gita* and "works without attachment".

2. Bằng cách tách thể trí của y khỏi ý tưởng, một khi y đã phái nó đi thực hiện sứ mệnh, y học bài học của *Chí Tôn Ca* và "làm việc không chấp trước".

These two points will vary according to the growth and status of the aspirant. Each has, for himself, to formulate [492] his own "severing phrase", and each has for himself, alone and unaided, to learn to look away from the three worlds wherein he works in his effort to push his idea of the work to be done. He has to teach himself to withdraw his attention from the thought-form he has built, wherein that idea is embodied, knowing that as he lives as a soul, and as spiritual energy pours through him so his thought-form will express the spiritual idea and accomplish its work. It is held together by the life of the soul, and not by personality desire. The tangible results are ever dependent upon the strength of the spiritual impulse animating his idea, which is

Hai điểm này sẽ thay đổi tùy theo sự trưởng thành và địa vị của người chí nguyện. Mỗi người phải tự mình tạo lập [492] "cụm từ cắt đứt" của riêng mình, và mỗi người phải tự mình, một mình và không được trợ giúp, học cách quay cái nhìn khỏi ba cõi giới nơi y làm việc trong nỗ lực thúc đẩy ý tưởng của mình về công việc cần làm. Y phải tự dạy mình rút sự chú ý khỏi hình tư tưởng mà y đã xây dựng, trong đó ý tưởng ấy được nhập thể, biết rằng khi y sống như một linh hồn, và khi năng lượng tinh thần tuôn chảy qua y, thì hình tư tưởng của y sẽ biểu lộ ý tưởng tinh thần và hoàn thành công việc của nó. Nó được giữ lại với nhau bởi sự sống của linh hồn, chứ không phải bởi dục vọng của phàm ngã. Các kết quả hữu hình luôn tùy thuộc vào sức mạnh của xung lực tinh thần đang

embodied in his thought-form. His work lies in the world of ideas and not in physical effects. Automatically the physical aspects will respond to the spiritual impulse.

làm linh hoạt ý tưởng của y, vốn được nhập thể trong hình tư tưởng của y. Công việc của y nằm trong thế giới của các ý tưởng chứ không nằm trong các hiệu quả hồng trần. Các phương diện hồng trần sẽ tự động đáp ứng với xung lực tinh thần.

Salvation from Death—Giải Thoát Khỏi Cái Chết

We come now to the second phase of our study of the final words of Rule XI. We have dealt with salvation from the dangers incident to the creation of thoughtforms by a human being who has learnt, or is learning, to create on the mental plane. Much could have been said from the standpoint of the inability of the majority of students to think with clarity. Clear thinking involves capacity to dissociate oneself, temporarily at least, from all reactions and activities of an emotional nature. As long as the astral body is in a state of restless movement, and its moods and feelings, its desires and emotions are powerful enough to attract attention, positive pure thought processes are not possible. Until the time comes when there is a more general appreciation of the value of concentration and of meditation, and until the nature of the mind and its modifications are more universally understood, any further teaching on the subject would be futile.

Giờ đây chúng ta đi đến giai đoạn thứ hai trong việc nghiên cứu những lời cuối của Quy luật XI. Chúng ta đã đề cập đến sự cứu thoát khỏi những hiểm nguy gắn liền với việc tạo ra các hình tư tưởng bởi một con người đã học, hoặc đang học, cách sáng tạo trên cõi trí. Có thể nói rất nhiều từ lập trường về sự bất lực của đa số đạo sinh trong việc suy nghĩ rõ ràng. Tư duy rõ ràng bao hàm khả năng tách mình ra, ít nhất là tạm thời, khỏi mọi phản ứng và hoạt động thuộc bản chất cảm xúc. Bao lâu thể cảm dục còn ở trong trạng thái chuyển động bất an, và các tâm trạng, cảm xúc, dục vọng cùng xúc cảm của nó còn đủ mạnh để thu hút sự chú ý, thì các tiến trình tư tưởng thuần khiết và tích cực không thể có được. Cho đến khi đến lúc người ta biết trân trọng rộng rãi hơn giá trị của định trí và tham thiền, và cho đến khi bản chất của thể trí cùng các biến thái của nó được thấu hiểu phổ quát hơn, thì mọi giáo huấn thêm nữa về đề tài này đều sẽ vô ích.

In these Instructions I have sought to give an indication [493] of the first steps in esoteric psychology, and have dealt primarily with the nature and mode of training of the astral body. Later on in this century, the psychology of the mind, its nature and modifications may be handled in more detail. But the time is not yet.

Trong các Huấn thị này, Tôi đã tìm cách đưa ra một chỉ dẫn [493] về những bước đầu trong Tâm Lý Học Nội Môn, và chủ yếu đã đề cập đến bản chất cùng phương thức huấn luyện thể cảm dục. Về sau trong thế kỷ này, tâm lý học của thể trí, bản chất và các biến thái của nó, có thể được xử lý chi tiết hơn. Nhưng thời điểm ấy chưa đến.

Our subject now is salvation from the body nature through the process of death.

Đề tài của chúng ta hiện nay là sự cứu thoát khỏi bản chất thân thể thông qua tiến trình cái chết.

Two things must be borne in mind as we seek to study the means of this salvation:

Có hai điều cần được ghi nhớ khi chúng ta tìm cách nghiên cứu phương tiện của sự cứu thoát này:

First, by the body nature I mean the integrated personality, or the human equipment of physical body, vital or etheric vehicle, the matter (or mode of being) of the desire nature, and the mind stuff. These constitute the sheaths or outer forms of the incarnated soul. The consciousness aspect is sometimes focussed in one and sometimes in another, or is identified with the form or with the soul. The average man works with facility and self-consciousness in the physical and astral bodies. The intelligent and highly evolved man has added to these two the conscious control of his mental apparatus, though only in certain of its aspects, such as the memorising or analysing faculties. He has also, in some cases, succeeded in unifying these three into a consciously functioning personality. The aspirant is beginning to understand something of the principle of life which is animating the personality, whilst the disciple is utilising all three, because he has coordinated or aligned the soul, the mind, and the brain and is therefore beginning to work with his subjective apparatus or energy aspects.

Trước hết, khi nói đến bản chất thân thể, Tôi muốn nói đến Phàm ngã tích hợp, hay trang bị con người gồm thể xác, vận cụ sinh lực hay dĩ thái, chất liệu — hay phương thức hiện hữu — của bản chất dục vọng, và chất liệu cõi trí. Những điều này cấu thành các lớp vỏ hay các hình tướng bên ngoài của linh hồn đang nhập thể. Phương diện tâm thức đôi khi tập trung trong lớp này, đôi khi trong lớp khác, hoặc đồng hóa với hình tướng hay với linh hồn. Người bình thường hoạt động dễ dàng và có ngã thức trong thể xác và thể cảm dục. Người thông minh và tiến hóa cao đã thêm vào hai thể này sự kiểm soát có ý thức đối với bộ máy trí tuệ của mình, dù chỉ trong một số phương diện của nó, như các năng lực ghi nhớ hay phân tích. Trong một vài trường hợp, y cũng đã thành công trong việc hợp nhất ba yếu tố này thành một phàm ngã hoạt động có ý thức. Người chí nguyện đang bắt đầu thấu hiểu đôi chút về nguyên khí sự sống vốn làm linh hoạt phàm ngã, trong khi người đệ tử đang sử dụng cả ba, bởi vì y đã phối hợp hay chỉnh hợp linh hồn, thể trí và bộ não, và do đó đang bắt đầu làm việc với bộ máy chủ quan hay các phương diện năng lượng của mình.

Secondly, this salvation is brought about through a right understanding of the mystical experience we call death. This is to be our theme, and the subject is so immense that I can only indicate certain lines along which the aspirant may think, and posit certain premises which he can later elaborate. We shall confine ourselves also

Thứ hai, sự cứu thoát này được đem lại nhờ sự thấu hiểu đúng đắn về kinh nghiệm thần bí mà chúng ta gọi là cái chết. Đây sẽ là chủ đề của chúng ta, và đề tài này rộng lớn đến mức Tôi chỉ có thể chỉ ra một số đường hướng mà người chí nguyện có thể suy nghĩ, và nêu lên một số tiền đề mà về sau y có thể

primarily to the *death* of the physical body. [494]

khai triển. Chúng ta cũng sẽ tự giới hạn chủ yếu vào cái *chết* của thể xác. [494]

Let us first of all define this mysterious process to which all forms are subject and which is frequently only the dreaded end—dreaded because it is not understood. The mind of man is so little developed that fear of the unknown, terror of the unfamiliar, and attachment to form have brought about a situation where one of the most beneficent occurrences in the life cycle of an incarnating Son of God is looked upon as something to be avoided and postponed for as long a time as possible.

Trước hết, chúng ta hãy định nghĩa tiến trình huyền bí này, mà mọi hình tướng đều phải chịu, và thường chỉ được xem như một kết thúc đáng sợ — đáng sợ vì nó không được thấu hiểu. Thể trí của con người còn phát triển quá ít đến nỗi nỗi sợ điều chưa biết, sự kinh hoàng trước điều xa lạ, và sự bám chấp vào hình tướng đã tạo nên một tình trạng trong đó một trong những biến cố phúc lành nhất trong chu kỳ sống của một Con của Thượng đế đang nhập thể lại bị xem như điều cần tránh né và trì hoãn càng lâu càng tốt.

Death, if we could but realise it, is one of our most practised activities. We have died many times and shall die again and again. Death is essentially a matter of consciousness. We are conscious one moment on the physical plane, and a moment later we have withdrawn onto another plane and are actively conscious there. Just as long as our consciousness is identified with the form aspect, death will hold for us its ancient terror. Just as soon as we know ourselves to be souls, and find that we are capable of focussing our consciousness or sense of awareness in any form or on any plane at will, or in any direction within the form of God, we shall no longer know death.

Nếu chúng ta có thể nhận ra, cái chết là một trong những hoạt động mà chúng ta thực hành nhiều nhất. Chúng ta đã chết nhiều lần và sẽ còn chết đi chết lại. Về bản chất, cái chết là một vấn đề của tâm thức. Trong khoảnh khắc này chúng ta có ý thức trên cõi hồng trần, và khoảnh khắc tiếp theo chúng ta đã rút lui sang một cõi khác và có ý thức hoạt động ở đó. Bao lâu tâm thức của chúng ta còn đồng hóa với phương diện hình tướng, cái chết sẽ còn giữ đối với chúng ta nỗi kinh hoàng cổ xưa của nó. Ngay khi chúng ta biết mình là linh hồn, và nhận thấy rằng chúng ta có khả năng tùy ý tập trung tâm thức hay cảm thức nhận biết của mình trong bất kỳ hình tướng nào, trên bất kỳ cõi nào, hoặc theo bất kỳ hướng nào trong hình tướng của Thượng đế, chúng ta sẽ không còn biết đến cái chết nữa.

Death for the average man is the cataclysmic end, involving the termination of all human relations, the cessation of all physical activity, the severing of all signs of love and of affection, and the passage (unwilling and protesting) into the unknown and the dreaded. It is analogous to leaving a lighted

Đối với người bình thường, cái chết là sự kết thúc mang tính thảm họa, bao hàm sự chấm dứt mọi quan hệ nhân loại, sự ngưng lại của mọi hoạt động hồng trần, sự cắt đứt mọi dấu hiệu của tình thương và tình cảm, và sự đi vào điều chưa biết và đáng sợ trong trạng thái không muốn và phản kháng. Nó tương

and a warmed room, friendly and familiar, where our loved ones are assembled, and going out into the cold and dark night, alone and terror stricken, hoping for the best and sure of nothing.

tự như rời khỏi một căn phòng sáng đèn và ấm áp, thân thiện và quen thuộc, nơi những người thân yêu của chúng ta tụ họp, rồi đi ra ngoài vào đêm tối lạnh lẽo, một mình và đầy kinh hãi, hy vọng điều tốt đẹp nhất mà không chắc chắn điều gì.

But people are apt to forget that every night, in the hours of sleep, we die to the physical plane and are alive and functioning elsewhere. They forget that they have already achieved facility in leaving the physical body; [495] because they cannot as yet bring back into the physical brain consciousness the recollection of that passing out, and of the subsequent interval of active living, they fail to relate death and sleep. Death, after all, is only a longer interval in the life of physical plane functioning; one has only "gone abroad" for a longer period. But the process of daily sleep and the process of occasional dying are identical, with the one difference that in sleep the magnetic thread or current of energy along which the life force streams is preserved intact, and constitutes the path of return to the body. In death, this life thread is broken or snapped. When this has happened, the conscious entity cannot return to the dense physical body and that body lacking the principle of coherence, then disintegrates.

Nhưng người ta dễ quên rằng mỗi đêm, trong những giờ ngủ, chúng ta chết đối với cõi hồng trần và sống, hoạt động ở nơi khác. Họ quên rằng họ đã đạt được sự dễ dàng trong việc rời khỏi thể xác; [495] vì họ chưa thể đem trở lại vào tâm thức bộ não hồng trần ký ức về sự ra đi ấy, và về khoảng thời gian sống động sau đó, nên họ không liên hệ được cái chết với giấc ngủ. Xét cho cùng, cái chết chỉ là một khoảng gián đoạn dài hơn trong đời sống hoạt động trên cõi hồng trần; người ta chỉ "đi xa" trong một thời gian dài hơn. Nhưng tiến trình ngủ hằng ngày và tiến trình thỉnh thoảng chết đi là đồng nhất, với một khác biệt duy nhất: trong giấc ngủ, sợi dây từ tính hay dòng năng lượng dọc theo đó sinh lực tuôn chảy vẫn được giữ nguyên vẹn, và tạo thành con đường trở về với thể xác. Trong cái chết, sinh mệnh tuyến này bị đứt hay bị cắt lìa. Khi điều này xảy ra, thực thể có ý thức không thể trở về thể xác đậm đặc, và thể xác ấy, thiếu nguyên khí cố kết, khi đó tan rã.

It should be remembered that the purpose and will of the soul, the spiritual determination to be and to do, utilises the thread soul, the sutratma, the life current, as its means of expression in form. This life current differentiates into two currents or two threads when it reaches the body, and is "anchored", if I might so express it, in two locations in that body. This is symbolic of the differentiations of Atma, or Spirit, into its two reflections, soul and body. The soul,

Cần nhớ rằng mục đích và ý chí của linh hồn, quyết tâm tinh thần để hiện hữu và hành động, sử dụng sợi dây linh hồn, tức sinh mệnh tuyến, dòng sinh lực, như phương tiện biểu lộ của nó trong hình tướng. Dòng sinh lực này biến phân thành hai dòng hay hai sợi dây khi nó đến thể xác, và được "neo lại", nếu Tôi có thể diễn đạt như vậy, tại hai vị trí trong thể xác ấy. Điều này tượng trưng cho các sự biến phân của Atma, hay Tinh thần, thành hai phản chiếu của nó: linh hồn và

or consciousness aspect, that which makes a human being a rational, thinking entity, is "anchored" by one aspect of this thread soul to a "seat" in the brain, found in the region of the pineal gland. The other aspect of the life which animates every atom of the body and which constitutes the principle of coherence or of integration, finds its way to the heart and is focussed or "anchored" there. From these two points, the spiritual man seeks to control the mechanism. Thus functioning on the physical plane becomes possible, and objective existence becomes a temporary mode of expression. The soul, seated in the brain, makes man an intelligent rational entity, self-conscious and self-directing; [496] he is aware in varying degree of the world in which he lives, according to the point in evolution and the consequent development of the mechanism. That mechanism is triple in expression. There are first of all the nadis and the seven centres of force; then the nervous system in its three divisions: cerebro-spinal, sympathetic, and peripheral; and then there is the endocrine system, which might be regarded as the densest aspect or externalisation of the other two.

thân thể. Linh hồn, hay phương diện tâm thức, cái làm cho một con người trở thành một thực thể có lý trí và biết suy nghĩ, được "neo" bởi một phương diện của sợi dây linh hồn này vào một "chỗ ngồi" trong bộ não, nằm ở vùng tuyến tùng. Phương diện kia của sự sống, vốn làm linh hoạt mọi nguyên tử của thể xác và cấu thành nguyên khí cố kết hay tích hợp, tìm đường đến trái tim và được tập trung hay "neo" ở đó. Từ hai điểm này, con người tinh thần tìm cách kiểm soát bộ máy. Nhờ vậy, việc hoạt động trên cõi hồng trần trở nên khả hữu, và sự tồn tại khách quan trở thành một phương thức biểu lộ tạm thời. Linh hồn, an tọa trong bộ não, làm cho con người trở thành một thực thể thông minh, có lý trí, có ngã thức và tự hướng dẫn; [496] y nhận biết ở những mức độ khác nhau về thế giới trong đó y sống, tùy theo điểm tiến hoá và sự phát triển hệ quả của bộ máy. Bộ máy ấy có biểu lộ tam phân. Trước hết là các tuyến lực và bảy trung tâm mãnh lực; kế đó là hệ thần kinh trong ba phân bộ của nó: não tủy, giao cảm và ngoại biên; rồi đến hệ nội tiết, có thể được xem như phương diện đậm đặc nhất hay sự ngoại hiện của hai hệ kia.

The soul, seated in the heart, is the life principle, the principle of self-determination, the central nucleus of positive energy by means of which all the atoms of the body are held in their right place and subordinated to the "will-to-be" of the soul. This principle of life utilises the blood stream as its mode of expression and as its controlling agency, and through the close relation of the endocrine system to the blood stream, we have the two aspects of soul activity brought together in order to make man a living, conscious, functioning entity, governed by the soul, and expressing

Linh hồn, an tọa trong trái tim, là nguyên khí sự sống, nguyên khí tự quyết, hạt nhân trung tâm của năng lượng dương nhờ đó mọi nguyên tử của thể xác được giữ đúng vị trí của chúng và được đặt dưới "ý chí hiện hữu" của linh hồn. Nguyên khí sự sống này sử dụng dòng máu như phương thức biểu lộ và như cơ quan kiểm soát của nó, và thông qua mối liên hệ mật thiết giữa hệ nội tiết với dòng máu, chúng ta có hai phương diện của hoạt động linh hồn được đem lại với nhau để khiến con người thành một thực thể sống động, có ý thức, đang hoạt động, được linh hồn cai quản, và biểu lộ mục đích của linh

the purpose of the soul in all the activities of daily living.

hồn trong mọi hoạt động của đời sống hằng ngày.

Death, therefore, is literally the withdrawal from the heart and from the head of these two streams of energy, producing consequently, complete loss of consciousness and disintegration of the body. Death differs from sleep in that *both* streams of energy are withdrawn. In sleep only the thread of energy, which is anchored in the brain is withdrawn, and when this happens the man becomes unconscious. By this we mean that his consciousness or sense of awareness is focussed elsewhere. His attention is no longer directed towards things tangible and physical but is turned upon another world of being and becomes centred in another apparatus or mechanism. In death, both the threads are withdrawn or unified in the life thread. Vitality ceases to penetrate through the medium of the blood stream and the heart fails to function [497] just as the brain fails to record, and thus silence settles down. The house is empty. Activity ceases except that amazing and immediate activity which is the prerogative of matter itself and which expresses itself in the process of decomposition. From certain aspects, therefore, that process indicates man's unity with everything that is material; it demonstrates that he is part of nature itself and by nature we mean the body of the one life in whom "we live and move and have our being". In those three words—living, moving and being—we have the entire story. *Being* is awareness, self consciousness and self-expression and of this man's head and brain are the exoteric symbols. *Living* is energy, desire in form, coherence and adhesion to an idea and of this the heart and the blood are the exoteric symbols. *Moving* indicates the integration and response of the existing, aware, living entity into the universal activity, and of this

Do đó, cái chết, theo nghĩa đen, là sự rút lui khỏi trái tim và khỏi đầu của hai dòng năng lượng này, và hệ quả là tạo ra sự mất hoàn toàn tâm thức cùng sự tan rã của thể xác. Cái chết khác với giấc ngủ ở chỗ *cả hai* dòng năng lượng đều được rút lui. Trong giấc ngủ, chỉ sợi dây năng lượng được neo trong bộ não là được rút lui, và khi điều này xảy ra, con người trở nên vô thức. Bằng điều này, chúng ta muốn nói rằng tâm thức hay cảm thức nhận biết của y được tập trung ở nơi khác. Sự chú ý của y không còn hướng về những điều hữu hình và hồng trần, mà quay sang một thế giới hiện hữu khác và trở nên tập trung trong một bộ máy hay cơ chế khác. Trong cái chết, cả hai sợi dây đều được rút lui hoặc hợp nhất trong sinh mệnh tuyến. Sinh lực ngừng thâm nhập qua trung gian dòng máu và trái tim không còn hoạt động [497] cũng như bộ não không còn ghi nhận, và như thế sự im lặng lắng xuống. Ngôi nhà trống rỗng. Hoạt động chấm dứt, ngoại trừ hoạt động kỳ diệu và tức thời vốn là đặc quyền của chính vật chất và biểu lộ qua tiến trình phân hủy. Do đó, xét từ một số phương diện, tiến trình ấy cho thấy sự hợp nhất của con người với mọi điều thuộc vật chất; nó chứng minh rằng y là một phần của chính thiên nhiên, và bởi thiên nhiên chúng ta muốn nói đến thân thể của sự sống duy nhất trong đó "chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu". Trong ba từ ấy — sống, chuyển động và hiện hữu — chúng ta có toàn bộ câu chuyện. *Hiện hữu* là nhận biết, ngã thức và tự biểu lộ, và đầu cùng bộ não của con người là các biểu tượng ngoại môn của điều này. *Sống* là năng lượng, dục vọng trong hình tướng, sự cố kết và sự gắn bó với một ý tưởng, và trái tim cùng máu là các biểu tượng ngoại môn của điều này. *Chuyển động* chỉ sự tích hợp và đáp ứng của thực thể đang hiện hữu, đang nhận biết, đang sống đối với

the stomach, pancreas and liver are the symbols.

hoạt động phổ quát, và dạ dày, tụy cùng gan là các biểu tượng của điều này.

It is interesting, though incidental to our subject, to bear in mind that in cases of imbecility and idiocy and in that stage of old age which we call senile decay, the thread which is anchored in the brain is withdrawn, whilst that which conveys the life impulse or urge remains still anchored in the heart. There is life but no intelligent awareness; there is movement but no intelligent direction; in the case of senile decay, when there has been a high grade apparatus utilized in life, there may be the appearance of intelligent functioning but that is an illusion due to old habit and to old established rhythm but not to coordinated coherent purpose.

Điều thú vị, dù chỉ là phụ đối với đề tài của chúng ta, là cần ghi nhớ rằng trong các trường hợp đần độn và ngu si, cũng như trong giai đoạn tuổi già mà chúng ta gọi là suy thoái lão niên, sợi dây được neo trong bộ não đã được rút lui, trong khi sợi dây truyền xung lực hay thôi thúc sự sống vẫn còn neo trong trái tim. Có sự sống nhưng không có nhận biết thông minh; có chuyển động nhưng không có sự hướng dẫn thông minh; trong trường hợp suy thoái lão niên, khi trong đời sống đã từng sử dụng một bộ máy thuộc cấp độ cao, có thể có vẻ ngoài của hoạt động thông minh, nhưng đó là một ảo tưởng do thói quen cũ và nhịp điệu đã thiết lập từ lâu, chứ không phải do mục đích phối hợp và cố kết.

It must be noted also that death is, therefore, undertaken at the direction of the ego, no matter how unaware a human being may be of that direction. The process works automatically with the majority, for when the soul withdraws its attention the inevitable reaction on the physical plane is death, either by the abstraction of the [498] dual threads of life and reason energy, or by the abstraction of the thread of energy which is qualified by mentality, leaving the life stream still functioning through the heart but no intelligent awareness. The soul is engaged elsewhere and occupied on its own plane with its own affairs.

Cũng cần lưu ý rằng, do đó, cái chết được thực hiện theo sự chỉ dẫn của chân ngã, bất kể một con người có thể không nhận biết đến mức nào về sự chỉ dẫn ấy. Đối với đa số, tiến trình này vận hành tự động, vì khi linh hồn rút sự chú ý của nó, phản ứng tất yếu trên cõi hồng trần là cái chết, hoặc bằng sự rút lấy [498] hai sợi dây của sự sống và năng lượng lý trí, hoặc bằng sự rút lấy sợi dây năng lượng được phẩm định bởi trí tuệ, để lại dòng sự sống vẫn hoạt động qua trái tim nhưng không có nhận biết thông minh. Linh hồn đang bận rộn ở nơi khác và lo việc riêng trên cõi riêng của nó.

In the case of highly developed human beings we often find a sense of pre-vision as to the death period; this is incident upon egoic contact and awareness of the wishes of the ego. It involves sometimes a knowledge of the very day of death, coupled to a preservation of self-determination up to the

Trong trường hợp những con người phát triển cao, chúng ta thường thấy có một cảm thức tiên kiến về thời kỳ chết; điều này gắn liền với sự tiếp xúc chân ngã và sự nhận biết các ý muốn của chân ngã. Đôi khi nó bao hàm sự biết rõ chính ngày chết, đi kèm với việc duy trì quyền tự quyết cho đến khoảnh

final moment of withdrawal. In the case of initiates there is much more than this. There is an intelligent understanding of the laws of abstraction and this enables the one who is making the transition to withdraw consciously and in full waking awareness out of the physical body and so to function on the astral plane. This involves the preservation of continuity of consciousness so that no hiatus occurs between the sense of awareness on the physical plane and that of the after death state. The man knows himself to be as he was before, though without an apparatus whereby he can contact the physical plane. He remains aware of the states of feeling and of the thoughts of those he loves, though he cannot perceive or contact the dense physical vehicle. He can communicate with them on the astral plane or telepathically through the mind if they and he are en rapport, but communication that involves the use of the five physical senses of perception lies necessarily out of his reach. It is useful to remember, however, that astrally and mentally the interplay can be closer and more sensitive than ever before for he is freed of the handicap of the physical body. Two things, however, militate against this interplay: one is the grief and violent emotional upset of those left behind and, in the case of the average human being, the other is the man's own ignorance [499] and bewilderment as he stands faced by what are to him new conditions, though they are really old conditions, if he could but realize it. Once men have lost the fear of death and have established an understanding of the after-death world which is not based on hallucination and hysteria or on the conclusions (oft unintelligent) of the average medium, who speaks under the control of his own thought-form (built by himself and the circle of sitters), we shall have the process of death properly

khắc cuối cùng của sự rút lui. Trong trường hợp các điểm đạo đồ, còn có nhiều hơn thế. Có một sự thấu hiểu thông minh về các định luật của sự rút lấy, và điều này cho phép người đang thực hiện chuyển tiếp rút lui một cách có ý thức và trong trạng thái tỉnh thức trọn vẹn ra khỏi thể xác, rồi hoạt động trên cõi cảm dục. Điều này bao hàm việc duy trì tính liên tục của tâm thức, để không có khoảng đứt đoạn nào xảy ra giữa cảm thức nhận biết trên cõi hồng trần và cảm thức của trạng thái sau khi chết. Con người biết mình vẫn là chính mình như trước, dù không còn một bộ máy nhờ đó y có thể tiếp xúc với cõi hồng trần. Y vẫn nhận biết các trạng thái cảm xúc và các tư tưởng của những người y yêu thương, dù y không thể nhận thức hay tiếp xúc với vận cụ hồng trần đậm đặc. Y có thể giao tiếp với họ trên cõi cảm dục hoặc bằng viễn cảm qua thể trí nếu họ và y ở trong sự hòa hợp cảm ứng, nhưng sự giao tiếp bao hàm việc sử dụng năm giác quan tri giác hồng trần tất yếu nằm ngoài tầm với của y. Tuy nhiên, hữu ích khi nhớ rằng về mặt cảm dục và trí tuệ, sự tương tác có thể gần gũi và nhạy bén hơn bao giờ hết, vì y đã được giải thoát khỏi sự cản trở của thể xác. Tuy nhiên, có hai điều chống lại sự tương tác này: một là nỗi đau buồn và sự xáo trộn cảm xúc dữ dội của những người ở lại, và trong trường hợp con người bình thường, điều kia là sự vô minh [499] và hoang mang của chính người ấy khi y đối diện với những điều kiện đối với y là mới, dù thật ra chúng là những điều kiện cũ, nếu y chỉ có thể nhận ra điều đó. Một khi con người đã mất đi nỗi sợ cái chết và đã thiết lập một sự thấu hiểu về thế giới sau khi chết không dựa trên ảo giác và kích động cuồng loạn, cũng không dựa trên các kết luận — thường thiếu thông minh — của đồng tử trung bình, người nói dưới sự kiểm soát của chính hình tư tưởng của mình, do bản thân y và vòng người tham dự xây dựng, thì chúng ta sẽ có tiến trình cái chết được kiểm soát đúng đắn. Tình trạng

controlled. The condition of those left behind will be carefully handled so that there is no loss of relationship and no false expenditure of energy.

của những người ở lại sẽ được xử lý cẩn thận, để không có sự mất mát quan hệ và không có sự tiêu hao năng lượng sai lầm.

There is a big difference now between the scientific method of bringing people into incarnation and the perfectly blind and oft frightened and surely ignorant way in which we usher them out of incarnation. I seek today to open the door in the occident to a newer and more scientific method of handling the process of dying, and let me make myself perfectly clear. What I have to say in no way abrogates modern medical science with its palliatives and skill. All I plead for is a sane approach to death; all I seek to make is a suggestion that when pain has worn itself out and weakness has supervened, the dying person be permitted to prepare himself, even if apparently unconscious, for the great transition. Forget not that it takes strength and a strong hold on the nervous apparatus to produce pain. Is it impossible to conceive of a time when the act of dying will be a triumphant finale of life? Is it impossible to vision the time when the hours spent on the death bed may be but a glorious prelude to a conscious exit? When the fact that the man is to discard the handicap of the physical sheath may be for him and those around him the long waited for and joyous consummation? Can you not visualize the time when instead of tears and fear and the refusal to recognize the inevitable, the dying person and [500] his friends would mutually agree on the hour and that nothing but happiness would characterize the passing? That in the minds of those left behind the thought of sorrow will not enter and death beds will be regarded as happier occasions than births and marriages? I tell you, that before so very

Hiện nay có một khác biệt lớn giữa phương pháp khoa học trong việc đưa con người vào lâm phàm và cách hoàn toàn mù quáng, thường đầy sợ hãi và chắc chắn vô minh mà chúng ta tiễn họ ra khỏi lâm phàm. Hôm nay, Tôi tìm cách mở cánh cửa ở phương Tây cho một phương pháp mới hơn và khoa học hơn trong việc xử lý tiến trình chết, và hãy để Tôi nói thật rõ. Điều Tôi phải nói không hề bác bỏ khoa học y học hiện đại với các phương tiện giảm đau và kỹ năng của nó. Tất cả những gì Tôi kêu gọi là một cách tiếp cận lành mạnh đối với cái chết; tất cả những gì Tôi tìm cách đưa ra là một gợi ý rằng khi đau đớn đã tự cạn kiệt và sự yếu sức đã ập đến, người sắp chết nên được phép chuẩn bị cho chính mình, ngay cả khi bề ngoài dường như vô thức, cho cuộc chuyển tiếp lớn lao. Đừng quên rằng cần có sức mạnh và sự nắm giữ mạnh mẽ trên bộ máy thần kinh mới tạo ra được đau đớn. Có phải không thể hình dung một thời điểm khi hành động chết đi sẽ là đoạn kết khải hoàn của đời sống? Có phải không thể linh thị thời điểm khi những giờ nằm trên giường chết chỉ là khúc dạo đầu huy hoàng cho một cuộc ra đi có ý thức? Khi sự kiện con người sắp loại bỏ chướng ngại của lớp vỏ hồng trần có thể là sự viên thành hoan hỉ và được chờ đợi từ lâu đối với y và những người chung quanh y? Các bạn không thể hình dung thời điểm khi thay vì nước mắt, sợ hãi và sự từ chối nhận ra điều không thể tránh khỏi, người sắp chết và [500] bạn bè của y sẽ cùng đồng thuận về giờ phút ấy, và chỉ có hạnh phúc đặc trưng cho sự ra đi đó sao? Rằng trong tâm trí của những người ở lại, tư tưởng buồn đau sẽ không đi vào, và giường chết sẽ được xem là những dịp hạnh phúc hơn cả sinh nở và hôn lễ? Tôi nói với các bạn rằng, chẳng bao lâu nữa điều này sẽ

long this will be deeply so for the intelligent of the race, and little by little for all.

sâu sắc là như vậy đối với những người thông minh trong nhân loại, và dần dần đối với tất cả mọi người.

You say there are as yet only beliefs as to immortality and no sure evidences. In the accumulation of testimony, in the inner assurances of the human heart, in the fact of belief in eternal persistence as an idea in the minds of men lies sure indication. But indication will give place to conviction and knowledge before another hundred years has elapsed, for an event will take place and a revelation be given to the race which will turn hope into certainty and belief into knowledge. In the meantime, let a new attitude to death be cultivated and a new science of death be inaugurated. Let it cease to be the one thing we cannot control and which inevitably defeats us and let us begin to control our passing over to the other side, and to understand somewhat the technique of transition.

Các bạn nói rằng cho đến nay chỉ có những niềm tin về sự bất tử và không có bằng chứng chắc chắn. Trong sự tích lũy chứng ngôn, trong những xác tín bên trong của trái tim con người, trong sự kiện niềm tin vào sự tồn tại vĩnh cửu như một ý tưởng trong tâm trí con người, có một chỉ dấu chắc chắn. Nhưng chỉ dấu sẽ nhường chỗ cho xác tín và tri thức trước khi một trăm năm nữa trôi qua, vì một biến cố sẽ xảy ra và một sự mặc khải sẽ được ban cho nhân loại, điều sẽ biến hy vọng thành chắc chắn và niềm tin thành tri thức. Trong khi chờ đợi, hãy vun trồng một thái độ mới đối với cái chết và khởi lập một khoa học mới về cái chết. Hãy để nó không còn là điều duy nhất mà chúng ta không thể kiểm soát và điều tất yếu đánh bại chúng ta, và hãy bắt đầu kiểm soát sự vượt qua của chúng ta sang phía bên kia, cũng như thấu hiểu đôi chút về kỹ thuật chuyển tiếp.

Before I take up this subject in greater detail I would like to make reference to the “web in the brain”, which is intact for the majority but is non-existent for the illumined seer.

Trước khi Tôi bàn đề tài này chi tiết hơn, Tôi muốn nhắc đến “mạng lưới trong não”, vốn còn nguyên vẹn đối với đa số nhưng không tồn tại đối với nhà thông nhãn đã được soi sáng.

In the human body, as you know, we have an underlying, interpenetrating vital body which is the counterpart of the physical, which is larger than the physical and which we call the etheric body or double. It is an energy body and is composed of force centres and nadis or force threads. These underlie or are the counterparts of the nervous apparatus—the nerves and the nerve ganglia. In two places in the human vital body there are *orifices of exit* for the life force. One opening is in the solar plexus and

Trong thân người, như các bạn biết, chúng ta có một thể sinh lực nền tảng, thâm nhập lẫn nhau, là Đối phần của thể xác, lớn hơn thể xác, và chúng ta gọi nó là thể dĩ thái hay bản sao dĩ thái. Đó là một thể năng lượng và được cấu thành bởi các trung tâm mãnh lực cùng các tuyến lực hay sợi dây mãnh lực. Những thứ này nằm bên dưới hoặc là Đối phần của bộ máy thần kinh — các dây thần kinh và các hạch thần kinh. Ở hai nơi trong thể sinh lực của con người có các *lỗ thoát ra* cho sinh lực. Một lỗ mở nằm ở tùng thái dương và lỗ kia ở

the other is in the brain at the top of the head. Protecting [501] both is a closely woven web of etheric matter, composed of interlacing strands of life energy.

trong não, tại đỉnh đầu. Bảo vệ [501] cả hai là một mạng lưới chất liệu dĩ thái được dệt chặt chẽ, gồm những sợi năng lượng sự sống đan xen vào nhau.

During the process of death, the pressure of the life energy beating against the web produces eventually a puncturing or opening. Out of this the life force pours as the potency of the abstracting influence of the soul increases. In the case of animals, of infants and of men and women who are polarized entirely in the physical and astral bodies, the door of exit is the solar plexus and it is that web which is punctured, thus permitting the passing out. In the case of mental types, of the more highly evolved human units, it is the web at the top of the head in the region of the fontanelle which is ruptured, thus again permitting the exit of the thinking rational being.

Trong tiến trình cái chết, áp lực của năng lượng sự sống đập vào mạng lưới cuối cùng tạo ra một lỗ thủng hay lỗ mở. Từ đó sinh lực tuôn ra khi quyền năng của ảnh hưởng rút lấy từ linh hồn gia tăng. Trong trường hợp động vật, trẻ sơ sinh, và những người nam và nữ hoàn toàn phân cực trong thể xác và thể cảm dục, cửa thoát ra là tùng thái dương, và chính mạng lưới ấy bị chọc thủng, nhờ đó cho phép sự ra đi. Trong trường hợp các kiểu người trí tuệ, những đơn vị nhân loại tiến hóa cao hơn, chính mạng lưới ở đỉnh đầu, trong vùng thóp đầu, bị phá vỡ, nhờ đó một lần nữa cho phép thực thể có lý trí và biết suy nghĩ thoát ra.

In psychics and in the case of mediums and lower seers (clairvoyant and clairaudient people) the solar plexus web is permanently ruptured early in life and easily therefore they pass in or out of the body, going into trance, as it is called, and functioning on the astral plane. But for these types there is no continuity of consciousness and there seems no relation between their physical plane existence and the happenings which they relate whilst in trance and of which they usually remain totally unaware in the waking consciousness. The whole performance is below the diaphragm and is related primarily to animal sentient life. In the case of conscious clairvoyance and in the work of the higher psychics and seers there is no trance, obsession or mediumship. It is the web in the brain which is punctured and the opening in that region permits the inflow of light, information and inspiration; it confers also the power to pass into the

Trong những người thông linh, và trong trường hợp các đồng tử cùng các nhà thông nhãn thấp — những người thông nhãn và thông nhĩ — mạng lưới tùng thái dương bị rách vĩnh viễn từ sớm trong đời, và do đó họ dễ dàng đi vào hoặc đi ra khỏi thể xác, bước vào trạng thái xuất thần, như người ta gọi, và hoạt động trên cõi cảm dục. Nhưng đối với các kiểu người này, không có tính liên tục của tâm thức, và dường như không có mối liên hệ nào giữa sự tồn tại trên cõi hồng trần của họ với các sự việc mà họ thuật lại trong khi xuất thần, những điều mà thường họ hoàn toàn không nhận biết trong tâm thức tỉnh thức. Toàn bộ hoạt động này nằm bên dưới cơ hoành và chủ yếu liên hệ với đời sống cảm tri của động vật. Trong trường hợp thông nhãn có ý thức, và trong công việc của những người thông linh và nhà thông nhãn cao hơn, không có xuất thần, ám ảnh hay đồng cốt. Chính mạng lưới trong não bị chọc thủng, và lỗ mở trong vùng ấy cho phép ánh

state of Samadhi which is the spiritual correspondence to the trance condition of the animal nature.

sáng, thông tin và cảm hứng tuôn vào; nó cũng ban năng lực đi vào trạng thái đại định, vốn là tương ứng tinh thần của trạng thái xuất thần thuộc bản chất động vật.

In the process of death these are, therefore, the two main exits: the solar plexus for the astrally polarized, [502] physically biased human being and therefore of the vast majority, and the head centre for the mentally polarized and spiritually oriented human being. This is the first and most important fact to remember and it will easily be seen how the trend of a life tendency and the focus of the life attention determine the mode of exit at death. It can be seen also that an effort to control the astral life and the emotional nature and to orient one's self to the mental world and to spiritual things has a momentous effect upon the phenomenal aspects of the death process.

Do đó, trong tiến trình cái chết, đây là hai lối ra chính: tùng thái dương dành cho con người phân cực cảm dục, [502] thiên về hồng trần, và vì thế dành cho đại đa số; và trung tâm đầu dành cho con người phân cực trí tuệ và hướng về tinh thần. Đây là sự kiện đầu tiên và quan trọng nhất cần ghi nhớ, và có thể dễ dàng thấy rằng xu hướng của khuynh hướng đời sống và tiêu điểm của sự chú ý trong đời sống quyết định phương thức thoát ra khi chết như thế nào. Cũng có thể thấy rằng nỗ lực kiểm soát đời sống cảm dục và bản chất cảm xúc, đồng thời định hướng bản thân về thế giới trí tuệ và các sự việc tinh thần, có một ảnh hưởng trọng đại đối với các phương diện hiện tượng của tiến trình cái chết.

If the student is thinking clearly, it will be apparent to him that one exit concerns the spiritual and highly evolved man, whilst the other concerns the low grade human being who has scarcely advanced beyond the animal stage. What then of the average man? A third exit is now in temporary use; just below the apex of the heart another etheric web is found covering an orifice of exit. We have, therefore, the following situation:

Nếu đạo sinh suy nghĩ rõ ràng, y sẽ thấy hiển nhiên rằng một lối ra liên quan đến con người tinh thần và tiến hóa cao, trong khi lối kia liên quan đến con người cấp thấp, hầu như chưa tiến xa hơn giai đoạn động vật. Vậy còn người bình thường thì sao? Hiện nay có một lối ra thứ ba đang được sử dụng tạm thời; ngay bên dưới đỉnh của trái tim có một mạng lưới dĩ thái khác che phủ một lỗ thoát ra. Do đó, chúng ta có tình trạng như sau:

1. The exit in the head, used by the intellectual type, by the disciples and initiates of the world.

1. Lối ra ở đầu, được kiểu người trí thức, các đệ tử và các điểm đạo đồ của thế gian sử dụng.

2. The exit in the heart, used by the kindly, well-meaning man or woman who is a good citizen, an intelligent friend and a philanthropic worker.

2. Lối ra ở tim, được người nam hay người nữ tử tế, có thiện chí, là công dân tốt, người bạn thông minh và người hoạt động nhân đạo sử dụng.

3. The exit in the region of the solar plexus, used by the emotional, unintelligent, unthinking man and by those whose animal nature is strong.

This is the first point in the new information which will slowly become common knowledge in the West during the next century. Much of it is already known by thinkers in the East and is in the nature of a first step towards a rational understanding of the death process.

The second point to be grasped is that there can be a technique of dying and a training given during life which will lead up to the utilization of that technique.

As regards the training to which a man can submit himself I will give a few hints which will be found to [503] convey a new meaning to much work now being done by all aspirants. The Elder Brothers of the race who have guided humanity through long centuries, are now busy preparing people for the next great step to be taken. This step will bring in a continuity of consciousness which will do away with all fear of death and link the physical and astral planes in such a close relation that they will in reality constitute one plane. Just as an at-one-ment has to be brought about between the various aspects of man, so a similar unification has to take place in connection with the various aspects of the planetary life. The planes have to be at-one-ed as well as soul and body. This has already been largely accomplished between the etheric plane and the dense physical plane. Now it is being rapidly carried forward between the physical and the astral.

3. Lối ra ở vùng tùng thái dương, được người cảm xúc, thiếu thông minh, không suy nghĩ, và những người có bản chất động vật mạnh sử dụng.

Đây là điểm đầu tiên trong thông tin mới sẽ dần dần trở thành tri thức phổ biến ở phương Tây trong thế kỷ tới. Phần lớn điều này đã được các nhà tư tưởng ở phương Đông biết đến, và có bản chất như một bước đầu hướng tới sự thấu hiểu hợp lý về tiến trình cái chết.

Điểm thứ hai cần nắm bắt là có thể có một kỹ thuật chết và một sự huấn luyện được trao trong đời sống, dẫn đến việc sử dụng kỹ thuật ấy.

Liên quan đến sự huấn luyện mà một người có thể tự mình tuân theo, Tôi sẽ đưa ra một vài gợi ý, những gợi ý sẽ được thấy là [503] truyền đạt một ý nghĩa mới cho nhiều công việc hiện đang được mọi người chí nguyện thực hiện. Các Huynh Trưởng của nhân loại, những Đấng đã hướng dẫn nhân loại qua nhiều thế kỷ dài, hiện đang bận rộn chuẩn bị con người cho bước lớn tiếp theo cần thực hiện. Bước này sẽ đem lại tính liên tục của tâm thức, điều sẽ loại bỏ mọi sợ hãi về cái chết và liên kết cõi hồng trần với cõi cảm dục trong một mối quan hệ gần gũi đến mức chúng thực sự sẽ cấu thành một cõi duy nhất. Cũng như một sự hợp nhất phải được tạo ra giữa các phương diện khác nhau của con người, thì một sự hợp nhất tương tự cũng phải diễn ra liên quan đến các phương diện khác nhau của sự sống hành tinh. Các cõi phải được hợp nhất cũng như linh hồn và thân thể. Điều này phần lớn đã được hoàn thành giữa cõi dĩ thái và cõi hồng trần đậm đặc. Giờ đây, nó đang được nhanh chóng thúc đẩy giữa cõi hồng trần và cõi cảm dục.

In the work being done by seekers in all departments of human thought and life, this unification is proceeding and in the training now suggested to earnest and sincere aspirants, there are other objectives than just the one of producing soul and body at-one-ment. No emphasis, however, is laid upon them, owing to the ability of man unduly to emphasize the wrong objectives. It might well be asked if it is possible to give a simple set of rules that would be followed now by all who seek to establish such a rhythm that life itself is not only organized and constructive, but when the moment for vacating the outer sheath arrives, there will be no problem nor difficulty. I will, therefore, give you four simple rules that link up with much that all students are now doing:

Trong công việc đang được những người tìm kiếm thực hiện trong mọi lĩnh vực tư tưởng và đời sống nhân loại, sự hợp nhất này đang tiến hành; và trong sự huấn luyện hiện được đề nghị cho những người chí nguyện nghiêm túc và chân thành, còn có các mục tiêu khác ngoài mục tiêu duy nhất là tạo ra sự hợp nhất giữa linh hồn và thân thể. Tuy nhiên, không nhấn mạnh vào chúng, do khả năng của con người là nhấn mạnh quá mức vào các mục tiêu sai lầm. Có thể đặt câu hỏi rằng liệu có thể đưa ra một bộ quy luật đơn giản mà hiện nay tất cả những ai tìm cách thiết lập một nhịp điệu như thế sẽ noi theo, để đời sống tự nó không chỉ có tổ chức và có tính xây dựng, mà khi khoảnh khắc rời bỏ lớp vỏ bên ngoài đến, sẽ không có vấn đề hay khó khăn nào. Do đó, Tôi sẽ trao cho các bạn bốn quy luật đơn giản liên kết với nhiều điều mà mọi đạo sinh hiện đang làm:

1. Learn to keep focussed in the head through visualization and meditation and through the steady practice of concentration; develop the capacity to live increasingly as the king seated on the throne between the eyebrows. This is a rule that can be applied to the every day affairs of life. [504]

1. Hãy học cách giữ sự tập trung trong đầu thông qua sự hình dung và tham thiền, cũng như qua việc thực hành định trí đều đặn; hãy phát triển khả năng ngày càng sống như vị vua ngồi trên ngai giữa hai lông mày. Đây là một quy luật có thể được áp dụng vào các công việc hằng ngày của đời sống. [504]

2. Learn to render heart service and not an emotional insistence on activity directed towards handling the affairs of others. This involves, prior to all such activity, the answering of two questions: —Am I rendering this service to an individual as an individual, or am I rendering it as a member of a group to a group? Is my motive an egoic impulse, or am I prompted by emotion, ambition to shine and love of being loved or admired? These two activities will result in the focussing of the life energies above the diaphragm and so negate the attractive power of the solar plexus. Hence, that centre

2. Hãy học cách thực hiện sự phụng sự bằng trái tim, chứ không phải sự khăng khăng đầy cảm xúc về hoạt động nhằm xử lý công việc của người khác. Điều này bao hàm, trước mọi hoạt động như vậy, việc trả lời hai câu hỏi: — Tôi đang thực hiện sự phụng sự này cho một cá nhân với tư cách là một cá nhân, hay tôi đang thực hiện nó với tư cách là một thành viên của một nhóm đối với một nhóm? Động cơ của tôi là một xung lực chân ngã, hay tôi bị thúc đẩy bởi cảm xúc, tham vọng tỏa sáng và sự yêu thích được yêu hoặc ngưỡng mộ? Hai hoạt động này sẽ dẫn đến việc tập trung các năng lượng sự sống bên

will become increasingly inactive and there will not be so much danger of puncturing the web in that locality.

trên cơ hoành và do đó phủ định quyền năng thu hút của tùng thái dương. Vì thế, trung tâm ấy sẽ ngày càng trở nên bất hoạt, và sẽ không còn nhiều nguy cơ chọc thủng mạng lưới ở vị trí đó.

3. Learn, as you go to sleep, to withdraw the consciousness to the head. This should be practiced as a definite exercise as one falls to sleep. One should not permit oneself to drift off to sleep, but should endeavor to preserve the consciousness intact until there is a conscious passing out onto the astral plane. Relaxation, close attention, and a steady drawing upwards to the center in the head should be attempted, for until the aspirant has learned to be steadily aware of all processes in going to sleep and to preserve at the same time his positivity, there is danger in this work. The first steps must be taken with intelligence and followed for many years until facility in the work of abstraction is achieved.

3. Hãy học, khi đi vào giấc ngủ, cách rút tâm thức về đầu. Điều này nên được thực hành như một bài tập xác định khi người ta chìm vào giấc ngủ. Người ta không nên để mình trôi dạt vào giấc ngủ, mà nên cố gắng giữ tâm thức nguyên vẹn cho đến khi có một sự đi ra có ý thức lên cõi cảm dục. Cần cố gắng thực hiện sự thư giãn, sự chú ý sát sao, và sự kéo lên đều đặn về trung tâm trong đầu; vì cho đến khi người chí nguyện đã học cách liên tục nhận biết mọi tiến trình trong khi đi vào giấc ngủ và đồng thời giữ vững tính tích cực của mình, vẫn có nguy hiểm trong công việc này. Những bước đầu phải được thực hiện với trí thông minh và được theo đuổi trong nhiều năm cho đến khi đạt được sự dễ dàng trong công việc rút lấy.

4. Record and watch all phenomena connected with the withdrawing process, whether followed in the meditation work or in going to sleep. It will be found, for instance, that many people wake with an almost painful start just as they have dropped asleep. This is due to the slipping out of the consciousness through a web which is not adequately clear and through an orifice which is partially closed. Others may hear an intensely loud snap in the region of the head. This is caused by the vital airs in the head of which we are not usually aware and is produced [505] by an inner aural sensitivity which causes awareness of sounds always present but not usually registered. Others will see light as they fall asleep, or clouds of colour, or banners and streamers of violet, all of which are etheric phenomena. These phenomena which are of

4. Hãy ghi nhận và quan sát mọi hiện tượng liên quan đến tiến trình rút lui, dù được theo dõi trong công việc tham thiền hay khi đi vào giấc ngủ. Chẳng hạn, người ta sẽ thấy rằng nhiều người thức dậy với một cú giật mình gần như đau đớn ngay khi họ vừa chìm vào giấc ngủ. Điều này là do tâm thức trượt ra qua một mạng lưới chưa đủ thông suốt và qua một lỗ mở còn đóng một phần. Những người khác có thể nghe một tiếng tách cực lớn trong vùng đầu. Điều này do các luồng khí sinh lực trong đầu, mà thường chúng ta không nhận biết, gây ra, và được tạo nên [505] bởi một sự nhạy cảm thính giác bên trong, khiến ta nhận biết các âm thanh vốn luôn hiện diện nhưng thường không được ghi nhận. Những người khác sẽ thấy ánh sáng khi chìm vào giấc ngủ, hoặc các đám mây màu, hoặc các dải và luồng màu tím, tất cả đều là các hiện tượng dĩ thái.

no real moment, are all related to the vital body, to pranic emanations, and to the web of light.

Những hiện tượng này, vốn không có tầm quan trọng thực sự, đều liên quan đến thể sinh lực, đến các phát xạ prana, và đến mạng lưới ánh sáng.

The carrying on of this practice and the following of these four rules over a period of years will do much to facilitate the technique of the death bed, for the man who has learned to handle his body as he falls asleep, has an advantage over the man who never pays any attention to the process.

Việc duy trì thực hành này và theo đúng bốn quy luật ấy trong một thời kỳ nhiều năm sẽ giúp rất nhiều cho kỹ thuật nơi giường chết, vì người đã học cách xử lý thân thể của mình khi đi vào giấc ngủ có lợi thế hơn người không bao giờ chú ý đến tiến trình ấy.

In relation to the technique of dying it is only possible for me at this time to make one or two suggestions. I deal not here with the attitude of the attendant watchers, I deal only with those points which will make for an easier passing over of the transient soul.

Liên quan đến kỹ thuật chết, vào lúc này Tôi chỉ có thể đưa ra một hoặc hai gợi ý. Ở đây Tôi không đề cập đến thái độ của những người túc trực chăm sóc; Tôi chỉ đề cập đến những điểm sẽ giúp cho sự vượt qua của linh hồn tạm trú được dễ dàng hơn.

First, let there be silence in the chamber. This is, of course, frequently the case. It must be remembered that the dying person may usually be unconscious. This unconsciousness is apparent but not real. In nine hundred cases out of a thousand the brain awareness is there, with a full consciousness of happenings, but there is a complete paralysis of the will to express and complete inability to generate the energy which will indicate aliveness. When silence and understanding rule the sick room, the departing soul can hold possession of its instrument with clarity until the last minute and can make due preparation.

Trước hết, hãy để có sự im lặng trong căn phòng. Dĩ nhiên, điều này thường là như vậy. Cần nhớ rằng người sắp chết thường có thể vô thức. Sự vô thức này là bề ngoài chứ không thật sự. Trong chín trăm trường hợp trên một nghìn, nhận biết của bộ não vẫn có đó, với tâm thức đầy đủ về các sự việc đang xảy ra, nhưng có sự tê liệt hoàn toàn của ý chí biểu lộ và sự bất lực hoàn toàn trong việc tạo ra năng lượng để chỉ ra rằng còn sống. Khi sự im lặng và thấu hiểu cai quản phòng bệnh, linh hồn đang ra đi có thể giữ quyền sở hữu công cụ của mình một cách rõ ràng cho đến phút cuối và có thể chuẩn bị thích đáng.

Later, when more anent colour is known, only orange lights will be permitted in the sick room of a dying person, and these will only be installed with due ceremony when there is assuredly no possibility of recovery. Orange aids the focussing in the head, just as red stimulates [506] the solar plexus and

Sau này, khi người ta hiểu biết nhiều hơn về màu sắc, chỉ những ánh sáng màu cam mới được phép dùng trong phòng bệnh của người sắp chết, và chúng chỉ được đặt vào với nghi lễ thích đáng khi chắc chắn không còn khả năng hồi phục. Màu cam hỗ trợ sự tập trung trong đầu, cũng như màu đỏ kích thích [506] tùng thái dương và màu xanh lá

green has a definite effect upon the heart and life streams.

có một ảnh hưởng rõ rệt đối với tim và các dòng sự sống.

Certain types of music will be used when more in connection with sound is understood, but there is no music as yet which will facilitate the work of the soul in abstracting itself from the body, though certain notes on the organ will be found effective. At the exact moment of death, if a person's own note is sounded, it will coordinate the two streams of energy and eventually rupture the life thread, but the knowledge of this is too dangerous to transmit yet and can only later be given. I would indicate the future and the lines along which future occult study will run.

Một số loại âm nhạc sẽ được sử dụng khi người ta thấu hiểu nhiều hơn về âm thanh, nhưng hiện chưa có thứ âm nhạc nào có thể hỗ trợ công việc của linh hồn trong việc tự rút ra khỏi thể xác, dù một số âm điệu trên đại phong cầm sẽ được thấy là hữu hiệu. Vào đúng khoảnh khắc chết, nếu âm điệu riêng của một người được xướng lên, nó sẽ phối hợp hai dòng năng lượng và cuối cùng làm đứt sinh mệnh tuyến; nhưng tri thức này hiện còn quá nguy hiểm để truyền đạt và chỉ về sau mới có thể được trao. Tôi muốn chỉ ra tương lai và những đường hướng mà việc nghiên cứu huyền bí trong tương lai sẽ theo đó tiến hành.

It will be found also that pressure on certain nerve centers and on certain arteries will facilitate the work. (This science of dying is held in custody, as many students know, in Tibet.) Pressure on the jugular vein and on certain big nerves in the region of the head and on a particular spot in the medulla oblongata will be found helpful and effective. A definite science of death will inevitably later be elaborated, but only when the fact of the soul is recognized and its relation to the body has been scientifically demonstrated.

Người ta cũng sẽ thấy rằng việc tạo áp lực lên một số trung tâm thần kinh và một số động mạch sẽ hỗ trợ công việc ấy. Khoa học về sự chết này được gìn giữ tại Tây Tạng, như nhiều đạo sinh đã biết. Áp lực lên tĩnh mạch cảnh, lên một số dây thần kinh lớn trong vùng đầu, và lên một điểm đặc biệt ở hành tủy sẽ được thấy là hữu ích và hiệu quả. Một khoa học xác định về sự chết chắc chắn về sau sẽ được khai triển, nhưng chỉ khi sự kiện về linh hồn được công nhận và mối liên hệ của nó với thể xác đã được chứng minh một cách khoa học.

Mantric phrases will also be employed and definitely built into the consciousness of the dying person by those around him, or employed deliberately and mentally by himself. The Christ demonstrated their use when he cried aloud, "Father, into Thy hands I commend my spirit." And we have another instance in the words, "Lord, now lettest Thou Thy servant depart in peace." The steady use of the Sacred Word chanted in an undertone or on a particular key (to which

Các cụm mantram cũng sẽ được sử dụng và được xây dựng rõ rệt vào tâm thức của người sắp chết bởi những người chung quanh y, hoặc được chính y sử dụng một cách chủ ý và bằng trí tuệ. Đức Christ đã chứng minh cách dùng chúng khi Ngài lớn tiếng kêu: "Lạy Cha, con phó thác tinh thần con trong tay Cha." Và chúng ta có một trường hợp khác trong những lời: "Lạy Chúa, giờ đây xin để tôi tớ Ngài ra đi bình an." Việc đều đặn dùng Linh từ Thiêng Liêng, được xướng

the dying man will be found to respond) may later constitute also a part of the ritual of transition accompanied by the anointing with oil, as preserved in the Catholic Church. Extreme unction has an occult, scientific basis. The top of the [507] head of the dying man should also symbolically point towards the East and the feet and the hands should be crossed. Sandalwood only should be burned in the room and no incense of any other kind permitted, for sandalwood is the incense of the first or destroyer ray and the soul is in process of destroying its habitation.

bằng giọng trầm hoặc theo một chủ âm đặc biệt mà người sắp chết sẽ được thấy là đáp ứng, về sau cũng có thể trở thành một phần của nghi thức chuyển tiếp, đi kèm với việc xức dầu như được duy trì trong Giáo hội Công giáo. Phép xức dầu sau cùng có một nền tảng huyền bí và khoa học. Phần đỉnh [507] đầu của người sắp chết cũng nên hướng tượng trưng về phương Đông, và bàn chân cùng bàn tay nên được đặt chéo. Chỉ nên đốt gỗ đàn hương trong phòng, và không được phép dùng bất kỳ loại hương nào khác, vì đàn hương là hương của cung một, tức cung hủy diệt, và linh hồn đang trong tiến trình phá hủy nơi cư ngụ của mình.

This is all I can at this time communicate on the subject of death for the consideration of the general public. But I conjure all of you to push the study of death and its technique as far as possible and to carry forward occult investigation of this matter.

Đó là tất cả những gì vào lúc này tôi có thể truyền đạt về đề tài sự chết để công chúng suy xét. Nhưng tôi khẩn cầu tất cả các bạn hãy đẩy mạnh việc nghiên cứu sự chết và kỹ thuật của nó đến mức tối đa có thể, và hãy tiến hành việc khảo cứu huyền bí về vấn đề này.

RULE TWELVE

The web pulsates. It contracts and expands. Let the magician seize the midway point and thus release those "prisoners of the planet" whose note is right and justly tuned to that which must be made.

Mạng lưới đập nhịp. Nó co lại và giãn ra. Hãy để nhà huyền thuật nắm bắt điểm ở giữa và như vậy giải phóng những "tù nhân của hành tinh" mà âm điệu đúng và được điều chỉnh chính xác với cái phải được tạo ra.

Interludes and Cycles— Các khoảng lặng và các chu kỳ

[511]

[511]

We now come to the four rules which concern the physical plane. In many ways their understanding is far more difficult than was the case in the other rules, in just the same way that practical application is far harder than theorising. We can frequently think with clarity and desire rightly but the working out into physical plane manifestation of the subjective ideas, under law and constructively, is never an easy thing to do. It is however just at this point that a white magician begins to do his real work, and it is just here that he encounters failure and finds that his inner grasp of reality does not necessarily result in correct creative activity. In *A Treatise on Cosmic Fire*, there will be found certain points of interest for us to consider, and I would like to quote a few words from them:

Giờ đây chúng ta đi đến bốn quy luật liên quan đến cõi hồng trần. Theo nhiều phương diện, việc thấu hiểu chúng khó khăn hơn nhiều so với các quy luật khác, cũng như việc áp dụng thực tiễn luôn khó hơn nhiều so với việc lý thuyết hóa. Chúng ta thường có thể suy nghĩ rõ ràng và khao khát đúng đắn, nhưng việc thể hiện các ý tưởng chủ quan ra thành sự biểu hiện trên cõi hồng trần, một cách đúng định luật và có tính xây dựng, không bao giờ là điều dễ làm. Tuy nhiên, chính tại điểm này mà một nhà huyền thuật chánh đạo bắt đầu thực hiện công việc thật sự của mình, và chính tại đây y gặp thất bại, rồi nhận ra rằng sự nắm bắt bên trong của y về thực tại không nhất thiết đưa đến hoạt động sáng tạo đúng đắn. Trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, có một số điểm đáng quan tâm để chúng ta suy xét, và tôi muốn trích dẫn vài lời từ đó:

"It might be useful here to remember that in the work of creation the white magician avails himself of the current ray influences. When the fifth, third and seventh rays are in power, either coming in, at full meridian, or passing out, the work is much easier than when the second, sixth or fourth are dominant. At the present time, the seventh ray, as we know is rapidly dominating, and it

"Ở đây có thể hữu ích nếu nhớ rằng trong công việc sáng tạo, nhà huyền thuật chánh đạo tận dụng các ảnh hưởng cung đang lưu hành. Khi cung năm, cung ba và cung bảy đang có quyền lực, dù đang đi vào, ở chính ngọ trọn vẹn, hay đang đi ra, công việc sẽ dễ dàng hơn nhiều so với khi cung hai, cung sáu hoặc cung bốn chiếm ưu thế. Vào lúc hiện tại, cung bảy, như chúng ta biết, đang

is one of the easiest of the forces with which man has to work. Under this ray it will be possible to build a new structure for the rapidly decaying civilisation, and to erect the new temple desired for the religious impulse. Under its influence the work of the numerous unconscious magicians will be much facilitated." Pages 1021-1022.

nhanh chóng trở nên chủ đạo, và đó là một trong những mãnh lực dễ dàng nhất để con người làm việc cùng. Dưới cung này, sẽ có thể xây dựng một cấu trúc mới cho nền văn minh đang suy tàn nhanh chóng, và dựng lên ngôi đền mới mà xung lực tôn giáo mong muốn. Dưới ảnh hưởng của nó, công việc của vô số nhà huyền thuật vô thức sẽ được hỗ trợ rất nhiều." Trang 1021-1022.

It is apparent therefore that the day of opportunity is with us, and that the coming generation can, if it so wishes, perform the magical work with many of the factors [512] present which will tend to produce satisfactory results. The fifth ray is passing out, but its influence can still be felt; the third ray is at full meridian, and the seventh ray is rapidly coming into right activity. Much will consequently occur to make man successful, provided he can preserve constantly a right orientation, purity of motive and of life, a stabilised and receptive emotional body and that inner alignment which will make his personality a true vehicle for his soul or self.

Do đó, rõ ràng là ngày cơ hội đang ở cùng chúng ta, và thế hệ sắp tới, nếu muốn, có thể thực hiện công việc huyền thuật với nhiều yếu tố [512] hiện diện có xu hướng tạo ra những kết quả thỏa đáng. Cung năm đang đi ra, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn còn có thể được cảm nhận; cung ba đang ở chính ngọ trọn vẹn, và cung bảy đang nhanh chóng đi vào hoạt động đúng đắn. Vì thế, nhiều điều sẽ xảy ra để giúp con người thành công, miễn là y có thể thường xuyên giữ một định hướng đúng, sự trong sạch về động cơ và đời sống, một thể cảm dục ổn định và tiếp nhận, cùng sự chỉnh hợp bên trong khiến phàm ngã của y trở thành một vận cụ chân thật cho linh hồn hay bản ngã của y.

A very interesting analogy works out as we study the words: "The web pulsates. It contracts and expands". The underlying thought is that of pulsation, of diastole and systole, of ebb and flow, of cyclic activity, of the day of opportunity and the night of inactivity, of inflow and output, and of those many appearances and disappearances which mark the sweep of all lives in all kingdoms and dimensions. This day and night cycle which is the inevitable mark of manifested existence has to be recognised. One of the things which every disciple has to learn (putting the truth in the simplest terms) is to achieve that wisdom which is based on a knowledge of when to work and when to refrain, and on an understanding of

Một sự tương đồng rất thú vị hiện ra khi chúng ta nghiên cứu những lời: "Mạng lưới đập nhịp. Nó co lại và giãn ra." Tư tưởng nền tảng là tư tưởng về sự rung nhịp, về trương nở và co thắt, về thủy triều lên xuống, về hoạt động chu kỳ, về ngày cơ hội và đêm bất hoạt, về dòng chảy vào và dòng tuôn ra, cùng nhiều lần xuất hiện và biến mất vốn đánh dấu nhịp quét của mọi sự sống trong mọi giới và mọi chiều kích. Chu kỳ ngày và đêm này, dấu hiệu tất yếu của hiện tồn biểu hiện, phải được nhận biết. Một trong những điều mà mọi đệ tử phải học, nếu diễn đạt chân lý bằng những thuật ngữ đơn giản nhất, là đạt được minh triết đặt nền trên tri thức về khi nào nên làm việc và khi nào nên kiềm lại, cũng như trên sự thấu hiểu những thời kỳ

those periods or interludes which are characterised by speech and by silence. It is here that mistakes are made and here that many workers fail to make good.

hay khoảng lặng được đặc trưng bởi lời nói và sự im lặng. Chính tại đây các sai lầm được tạo ra, và chính tại đây nhiều người hoạt động không thể thành công.

This entire rule might be given in the following paraphrase which will merit careful thought and which I will elucidate somewhat.

Toàn bộ quy luật này có thể được diễn đạt lại như sau; cách diễn đạt này đáng được suy ngẫm cẩn trọng, và tôi sẽ làm sáng tỏ đôi chút.

God breathes and His pulsating life emanates from the divine heart and manifests as the vital energy of all forms. It flows, pulsating in its cycles, throughout all nature. This constitutes the divine inhalation and exhalation. Between this breathing out and the breathing in comes a period of silence and the moment for effective work. If disciples can learn to utilise these interludes, they can then release the "prisoners of the planet," which [513] is the objective of all magical work, performed during this world period.

Thượng đế thở, và sự sống rung nhịp của Ngài xuất lộ từ trái tim thiêng liêng và biểu hiện thành năng lượng thiết yếu của mọi hình tướng. Nó tuôn chảy, rung nhịp theo các chu kỳ của nó, xuyên suốt toàn bộ thiên nhiên. Điều này tạo thành sự hít vào và thở ra thiêng liêng. Giữa sự thở ra và sự hít vào này có một thời kỳ im lặng và khoảnh khắc cho công việc hữu hiệu. Nếu các đệ tử có thể học cách sử dụng những khoảng lặng này, họ sẽ có thể giải thoát những "tù nhân của hành tinh", điều [513] vốn là mục tiêu của mọi công việc huyền thuật được thực hiện trong thời kỳ thế giới này.

With the manner in which this One Life of the solar system works in these vast interludes of meditative silence, called technically a pralaya, we need not concern ourselves. The activity of the Universal Mind and its comprehensive purpose can only be perceived when each son of God enters consciously into his divine heritage. The mode of working by means of which our planetary Life utilises the cycles of silence concerns Him alone, and it must be remembered that each planetary Logos has a different pulsation, a varying periodic interlude, and His Own unique method of procedure.

Chúng ta không cần bận tâm đến cách thức Sự Sống Duy Nhất này của hệ mặt trời làm việc trong những khoảng lặng bao la của sự im lặng thiền định, được gọi theo thuật ngữ là Giai kỳ qui nguyên. Hoạt động của Vũ Trụ Trí và mục đích bao quát của nó chỉ có thể được nhận biết khi mỗi Con của Thượng đế đi vào di sản thiêng liêng của mình một cách có ý thức. Phương thức làm việc nhờ đó Sự Sống Hành Tinh của chúng ta sử dụng các chu kỳ im lặng chỉ liên quan đến riêng Ngài; và cần nhớ rằng mỗi Đức Hành Tinh Thượng Đế có một nhịp rung khác nhau, một khoảng lặng chu kỳ khác nhau, và phương pháp hành động độc đáo của riêng Ngài.

What does concern the student of these Instructions however is how he can himself attain a definite constructive activity in his

Tuy nhiên, điều liên quan đến đạo sinh của các Huấn thị này là làm thế nào chính y có thể đạt được một hoạt động xây dựng xác

interludes. These interludes, for the purpose of our discussion, fall into three categories:

định trong các khoảng lặng của mình. Các khoảng lặng này, xét theo mục đích cuộc thảo luận của chúng ta, rơi vào ba loại:

1. Life interludes, or those periods wherein the spiritual man is out of incarnation and has withdrawn into the egoic consciousness. These, for the little evolved, are practically nonexistent; they cycle in and out of incarnation with amazing rapidity. The physical plane analogy of this rapidity of activity is to be found in the intense rushing to and fro of the ordinary man as he meets the exigencies of existence and also in the difficulty he evidences in patience and in waiting and in achieving the meditative poise. As growth takes place, the periods of withdrawal from incarnation steadily lengthen, until the point is reached when the periods out of physical manifestation greatly exceed those spent in outer expression. Then the interlude dominates. The periods of outgoing (exhalation) and of inbreathing (inhalation) are relatively brief and—the point to be emphasised—these two periods are coloured and controlled by the purposes of the soul, formulated and recorded on the mind during the interlude between the two more active stages of experience. [514] The inner life, slowly developed during the cyclic interludes, becomes the dominating factor. The man gradually becomes subjective in his attitude and the physical plane expression is primarily then the result of the inner thought life and not so much the result of reaction to physical plane occurrences and the restlessness of the desire nature.

1. Các khoảng lặng của sự sống, tức những thời kỳ trong đó con người tinh thần ở ngoài sự lâm phàm và đã rút vào tâm thức chân ngã. Đối với những người ít tiến hóa, các khoảng lặng này thực tế không tồn tại; họ luân phiên vào và ra khỏi sự lâm phàm với tốc độ đáng kinh ngạc. Sự tương đồng trên cõi hồng trần của tốc độ hoạt động này được thấy trong sự lao tới lao lui mãnh liệt của người bình thường khi y đối diện với những đòi hỏi cấp bách của hiện tồn, cũng như trong khó khăn mà y bộc lộ về sự kiên nhẫn, sự chờ đợi và việc đạt được thế quân bình thiền định. Khi sự tăng trưởng diễn ra, các thời kỳ rút khỏi sự lâm phàm đều đặn kéo dài, cho đến khi đạt tới điểm mà các thời kỳ ở ngoài sự biểu hiện hồng trần vượt xa những thời kỳ trải qua trong sự biểu lộ bên ngoài. Khi ấy khoảng lặng chiếm ưu thế. Các thời kỳ đi ra ngoài, tức thở ra, và đi vào trong, tức hít vào, tương đối ngắn; và điểm cần nhấn mạnh là hai thời kỳ này được nhuộm màu và kiểm soát bởi các mục đích của linh hồn, được hình thành và ghi nhận trên thể trí trong khoảng lặng giữa hai giai đoạn kinh nghiệm hoạt động hơn. [514] Đời sống bên trong, được phát triển chậm rãi trong các khoảng lặng chu kỳ, trở thành yếu tố chi phối. Con người dần dần trở nên chủ quan trong thái độ của mình, và sự biểu lộ trên cõi hồng trần khi ấy chủ yếu là kết quả của đời sống tư tưởng bên trong, chứ không còn nhiều là kết quả của phản ứng trước các biến cố trên cõi hồng trần và sự bất an của bản chất ham muốn.

2. The ebb and flow of daily life during a particular incarnation will also demonstrate its interludes, and these the aspirant has to learn to recognise and to utilise. He has to

2. Sự lên xuống của đời sống hằng ngày trong một kiếp lâm phàm đặc biệt cũng sẽ biểu lộ các khoảng lặng của nó, và người chí nguyện phải học cách nhận ra và sử dụng

register the distinction between intense outgoing activity, periods of withdrawal, and interludes wherein the outer life seems static and free from active interest. This he must do if he is to avail himself fully of the opportunity which life experience is intended to furnish. The whole of life is not concentrated in one furious continuous stretch of rushing forth to work, nor is it comprehended in one eternal siesta. It has normally its own rhythmic beat and vibration and its own peculiar pulsation. Some lives change their rhythm and mode of activity every seven years; others alter every nine or eleven years. Still others work under shorter cycles and have months of strenuous endeavour followed by months of apparent non-effort. Some people again are so sensitively organised that, in the midst of work, events and circumstances are so staged that they are forced into a temporary retirement wherein they assimilate the lessons learnt during the preceding period of work.

chúng. Y phải ghi nhận sự phân biệt giữa hoạt động hướng ngoại mãnh liệt, các thời kỳ rút lui, và những khoảng lặng trong đó đời sống bên ngoài dường như tĩnh tại và không có mối quan tâm hoạt động. Y phải làm điều này nếu muốn tận dụng trọn vẹn cơ hội mà kinh nghiệm sống được dự định cung cấp. Toàn bộ đời sống không tập trung trong một dải liên tục điên cuồng lao ra làm việc, cũng không được bao hàm trong một giấc ngủ trưa vĩnh viễn. Bình thường, nó có nhịp đập và rung động riêng, cùng sự rung nhịp đặc thù của nó. Một số đời sống thay đổi nhịp điệu và phương thức hoạt động mỗi bảy năm; những đời sống khác thay đổi mỗi chín hoặc mười một năm. Lại có những đời sống khác làm việc dưới các chu kỳ ngắn hơn, có những tháng nỗ lực căng thẳng tiếp theo bởi những tháng dường như không nỗ lực. Lại có một số người được tổ chức nhạy bén đến mức, giữa lúc làm việc, các biến cố và hoàn cảnh được sắp đặt sao cho họ bị buộc phải tạm thời lui vào ẩn dật, nơi họ đồng hóa các bài học đã học được trong thời kỳ làm việc trước đó.

Two groups of human beings work with apparently no physical plane ebb and flow, but manifest steadily an urge to work. These are people who are so little evolved and so low down (if one might thus express it) on the ladder of evolution and so predominantly animal that there is no mental reaction to circumstances but simply a response to the call of physical needs, and the use of time for the satisfaction of desire. This never lets up [515] and therefore there is little that can be called cyclic in their expression. They include the unthinking toiler and the uncivilised man. Then there are those men and women who are on the opposite scale, and have climbed relatively high on the ladder of progress. These are so emancipated from the purely physical and are so aware of the nature of desire that they

Hai nhóm nhân loại làm việc dường như không có sự lên xuống trên cõi hồng trần, nhưng đều đặn biểu hiện một xung lực làm việc. Đó là những người tiến hóa quá ít và ở quá thấp, nếu có thể nói như vậy, trên nấc thang tiến hóa, và còn quá trội về tính thú vật đến nỗi không có phản ứng trí tuệ trước hoàn cảnh, mà chỉ đơn giản đáp ứng lời gọi của các nhu cầu hồng trần và sử dụng thời gian để thỏa mãn ham muốn. Điều này không bao giờ giảm [515] xuống, và vì thế có rất ít điều có thể gọi là chu kỳ trong sự biểu lộ của họ. Họ bao gồm người lao công không suy nghĩ và người chưa văn minh. Rồi có những người nam và nữ ở cực đối lập, đã leo tương đối cao trên nấc thang tiến bộ. Họ đã được giải phóng khỏi cái thuần túy hồng trần đến mức, và ý thức rõ bản chất của ham muốn đến mức, họ đã học được cách duy trì

have learnt to preserve a continuous activity —based on discipline and service. They work consciously with cycles and understand somewhat their nature. They know the divine art of abstracting their consciousness into that of the soul in contemplation and can control and wisely guide their work in the world of men. This is the lesson which all disciples are learning and this is the high achievement of the initiates and trained workers of the race.

một hoạt động liên tục đặt nền trên kỷ luật và phụng sự. Họ làm việc với các chu kỳ một cách có ý thức và thấu hiểu phần nào bản chất của chúng. Họ biết nghệ thuật thiêng liêng của việc rút tâm thức mình vào tâm thức của linh hồn trong chiêm ngưỡng, và có thể kiểm soát cũng như hướng dẫn công việc của mình trong thế giới con người một cách minh triết. Đây là bài học mà mọi đệ tử đang học, và đây là thành tựu cao cả của các điểm đạo đồ và những người hoạt động được rèn luyện của nhân loại.

3. The third type of interlude, and the one with which we are here primarily concerned as we consider the magical work on the physical plane, is the interlude achieved and utilised during the meditation process. With this the student must familiarise himself, for otherwise he will be unable to work with power. This interlude or period of intense silence differentiates itself into two parts:

3. Loại khoảng lặng thứ ba, và là loại mà ở đây chúng ta chủ yếu quan tâm khi xét công việc huyền thuật trên cõi hồng trần, là khoảng lặng đạt được và sử dụng trong tiến trình tham thiền. Đạo sinh phải làm quen với điều này, vì nếu không y sẽ không thể làm việc với quyền năng. Khoảng lặng hay thời kỳ im lặng mãnh liệt này tự phân biệt thành hai phần:

There is first of all the interlude which we call contemplation. I would remind you of the definition given in a book by Evelyn Underhill which describes contemplation as “an interlude between two activities”. This period of silence succeeds upon the activity (found so difficult by the beginner) of making the alignment between soul-mind-brain, of quieting the emotional body, and of achieving that concentration and meditation which will serve to focus and reorient the mind upon a new world, and place it within the sphere of influence of the soul. It is analogous to the period of inhalation. In this cycle, the outgoing consciousness is gathered in and lifted up. When success crowns this effort, the consciousness then [516] slips out of what we call the personality, the mechanism aspect, and becomes a changed consciousness. The soul on its own plane

Trước hết có khoảng lặng mà chúng ta gọi là chiêm ngưỡng. Tôi muốn nhắc các bạn về định nghĩa được đưa ra trong một quyển sách của Evelyn Underhill, mô tả chiêm ngưỡng là “một khoảng lặng giữa hai hoạt động”. Thời kỳ im lặng này theo sau hoạt động, vốn rất khó đối với người mới bắt đầu, là tạo sự chỉnh hợp giữa linh hồn, thể trí và bộ não; làm yên lặng thể cảm dục; và đạt được sự tập trung cùng tham thiền sẽ giúp quy tụ và tái định hướng thể trí vào một thế giới mới, đồng thời đặt nó vào trong phạm vi ảnh hưởng của linh hồn. Nó tương đồng với thời kỳ hít vào. Trong chu kỳ này, tâm thức hướng ngoại được thu gom lại và nâng lên. Khi nỗ lực này đạt thành công, tâm thức khi ấy [516] trượt ra khỏi điều chúng ta gọi là phàm ngã, phương diện bộ máy, và trở thành một tâm thức đã biến đổi. Linh hồn trên cõi riêng của nó trở nên hoạt động, và thể trí cùng bộ não nhận biết hoạt động này. Từ lập

becomes active and of this activity the mind and brain are aware. From the standpoint of personality activity, an interlude takes place. There is a point of inspired waiting. The mechanism is entirely quiescent. The mind is held steady in the light and the soul in the meantime thinks, as is its habit, in unison with all souls, taps the resources of the Universal Mind, and formulates its purposes in line with the universal plan. This cycle of recorded soul activity is followed by what might be called the process of exhalation. The interlude comes to an end; the waiting mind again becomes active and in so far as it has been rightly oriented and held in a purely receptive attitude, it becomes the interpreter and instrument of the soul, which has now turned the "light of its countenance upon the attentive personality". Through that medium it can now work out the plans formulated in the interlude of contemplation. The emotional nature is swept by desire to make objective the plans with which the reoriented mind seeks to colour its experience, and subsequently the brain receives the transmitted impression and the physical plane life is then adjusted so that those plans can properly materialise. This of course delineates a mechanism, trained and adjusted and rightly responsive—a rare thing indeed to find. The second part of the interlude only becomes possible when the first or contemplative interlude has been achieved.

trường hoạt động của phàm ngã, một khoảng lặng diễn ra. Có một điểm chờ đợi được cảm hứng. Bộ máy hoàn toàn yên tĩnh. Thể trí được giữ vững trong ánh sáng, và trong khi đó linh hồn suy tư, như thói quen của nó, trong sự hòa hợp với mọi linh hồn, khai thác các nguồn lực của Vũ Trụ Trí, và hình thành các mục đích của nó phù hợp với Thiên Cơ phổ quát. Chu kỳ hoạt động linh hồn được ghi nhận này được tiếp nối bởi điều có thể gọi là tiến trình thở ra. Khoảng lặng kết thúc; thể trí đang chờ đợi lại trở nên hoạt động, và trong chừng mực nó đã được định hướng đúng và được giữ trong một thái độ tiếp nhận thuần khiết, nó trở thành người diễn dịch và khí cụ của linh hồn, vốn giờ đây đã hướng "ánh sáng của dung nhan mình lên phàm ngã đang chú tâm". Qua trung gian ấy, linh hồn giờ đây có thể thực hiện các kế hoạch đã được hình thành trong khoảng lặng chiêm ngưỡng. Bản chất cảm dục được thúc đẩy bởi ham muốn làm cho các kế hoạch ấy trở nên khách quan, những kế hoạch mà thể trí đã tái định hướng tìm cách dùng để nhuộm màu kinh nghiệm của nó; và sau đó bộ não tiếp nhận ấn tượng được truyền xuống, rồi đời sống trên cõi hồng trần được điều chỉnh để các kế hoạch ấy có thể hiện hình đúng đắn. Dĩ nhiên, điều này phác họa một bộ máy đã được rèn luyện, điều chỉnh và đáp ứng đúng đắn, một điều quả thật hiếm thấy. Phần thứ hai của khoảng lặng chỉ trở nên khả hữu khi khoảng lặng thứ nhất, hay khoảng lặng chiêm ngưỡng, đã được đạt tới.

The disciple who is seeking to cooperate with the Hierarchy of Masters and to manifest this cooperation by active participation in Their work on the physical plane has to learn to work not only through the contemplative realisation but through a scientific utilisation of the interludes, developed in breathing, between points of inhalation and exhalation in the purely

Đệ tử đang tìm cách hợp tác với Thánh Đoàn các Chân sư và biểu hiện sự hợp tác này bằng việc tham gia tích cực vào công việc của Các Ngài trên cõi hồng trần phải học cách làm việc không chỉ qua sự chứng nghiệm chiêm ngưỡng, mà còn qua việc sử dụng một cách khoa học các khoảng lặng được phát triển trong hơi thở, giữa các điểm hít vào và thở ra theo nghĩa thuần túy hồng trần của [517]

physical sense of [517] the term. This is the true science and objective of pranayama. The brain consciousness is necessarily involved. The interlude between breaths is only capable of right use when a man has achieved the power to follow the interlude of contemplation affecting the soul and the mind and the brain. Just as the mind has been held in the light, and has been receptive to the soul impression so the brain has to be held receptive to impression from the mind.

thuật ngữ ấy. Đây là khoa học chân thật và mục tiêu của pranayama. Tâm thức bộ não tất yếu có liên quan. Khoảng lặng giữa các hơi thở chỉ có thể được sử dụng đúng khi con người đã đạt được quyền năng theo dõi khoảng lặng chiêm ngưỡng tác động đến linh hồn, thể trí và bộ não. Cũng như thể trí đã được giữ trong ánh sáng và đã tiếp nhận ấn tượng của linh hồn, bộ não cũng phải được giữ để tiếp nhận ấn tượng từ thể trí.

One interlude therefore (from the standpoint of the united soul and personality) takes place *after* the period of soul inhalation, when the outgoing consciousness has been gathered inward, and the other takes place at the close of that interlude when the soul again becomes outgoing consciously to the objective world; exhalation takes the place of inhalation and also has its interlude. The disciple has to learn facility in utilising these two soul interludes—one of which produces effects upon the mind, and the other upon the brain.

Do đó, một khoảng lặng, xét từ lập trường của linh hồn và phàm ngã hợp nhất, diễn ra *sau* thời kỳ hít vào của linh hồn, khi tâm thức hướng ngoại đã được thu gom vào trong; và khoảng lặng kia diễn ra vào cuối khoảng lặng ấy, khi linh hồn lại một lần nữa hướng ra thế giới khách quan một cách có ý thức; sự thở ra thay thế sự hít vào và cũng có khoảng lặng của nó. Đệ tử phải học sự thành thạo trong việc sử dụng hai khoảng lặng của linh hồn này, một khoảng lặng tạo ra các hiệu quả trên thể trí, và khoảng lặng kia trên bộ não.

There is, as always, a physical plane analogy of this process of divine inhalation and exhalation with its two interludes of silence and of thought. Let me again reiterate the consequences of these interludes. In the higher interlude, abstract or divine thought impresses the soul and is transmitted to the waiting mind; in the other, the mind, through concrete thought and an attempt to embody divine thought in form, impresses the brain and produces action through the medium of the physical body.

Như luôn luôn, có một sự tương đồng trên cõi hồng trần đối với tiến trình hít vào và thở ra thiêng liêng này, cùng hai khoảng lặng của im lặng và tư tưởng. Hãy để tôi một lần nữa nhắc lại các hệ quả của những khoảng lặng này. Trong khoảng lặng cao hơn, tư tưởng trừu tượng hay thiêng liêng in dấu lên linh hồn và được truyền đến thể trí đang chờ đợi; trong khoảng lặng kia, thể trí, qua tư tưởng cụ thể và nỗ lực thể hiện tư tưởng thiêng liêng trong hình tướng, in dấu lên bộ não và tạo ra hành động qua trung gian của thể xác.

Students of occultism who have demonstrated their devotion and their

Các đạo sinh huyền bí học đã chứng minh được sự sùng tín và thế quân bình trí tuệ của

mental poise, and who (to use the ancient formula of the schools of meditation) have kept the five commandments and the five rules, and have achieved right poise, can begin to use the interludes between the two aspects of physical breathing for intense activity and the use of the power of will to produce magical effects. [518] The consciousness, focussed in the brain and having participated in the work of contemplation can now proceed to the work of materialising the plan upon the physical plane by the focussed energy of will, used in the silence by the conscious man. As can be seen, these breathing interludes are also two in number, after inhalation and after exhalation and the more experienced the disciple, the longer will be the interlude and the greater the opportunity therefore for focussed magical work and for the utterance of those words of power which will make divine purpose to *be*.

mình, và những người, dùng công thức cổ xưa của các trường tham thiền, đã giữ năm giới luật và năm quy luật, đồng thời đạt được thế quân bình đúng, có thể bắt đầu sử dụng các khoảng lặng giữa hai phương diện của hơi thở hồng trần cho hoạt động mãnh liệt và việc sử dụng quyền năng của ý chí để tạo ra các hiệu quả huyền thuật. [518] Tâm thức, được tập trung trong bộ não và đã tham dự vào công việc chiêm ngưỡng, giờ đây có thể tiến đến công việc hiện hình Thiên Cơ trên cõi hồng trần bằng năng lượng tập trung của ý chí, được con người hữu thức sử dụng trong im lặng. Như có thể thấy, các khoảng lặng của hơi thở này cũng có hai loại, sau khi hít vào và sau khi thở ra; và đệ tử càng kinh nghiệm, khoảng lặng càng dài, và do đó cơ hội cho công việc huyền thuật tập trung cùng việc xướng những Quyền năng từ khiến Thiên Ý *hiện tồn* càng lớn.

It would not be right nor proper for me to enlarge here upon the work of utilising these "midway points", as they are called in Rule XII, which the magician seizes and which he employs in constructive work. In them he consciously uses energy, directing it as he sees fit; in them, he consciously comes in contact with those forces and lives which he can employ and command to bring to him what he requires for the furtherance of spiritual purposes and for the work of constructing those forms and organisms which may be needed; in them, he goes forward with the work of releasing the "prisoners of the planet"; and in them he becomes conscious of his fellow workers, of the group of world mystics, and of the hierarchy of souls.

Sẽ không đúng cũng không thích hợp để tôi mở rộng ở đây về công việc sử dụng các "điểm ở giữa" này, như chúng được gọi trong Quy luật Mười Hai, những điểm mà nhà huyền thuật nắm lấy và sử dụng trong công việc xây dựng. Trong chúng, y sử dụng năng lượng một cách có ý thức, điều hướng nó theo cách y thấy thích hợp; trong chúng, y tiếp xúc một cách có ý thức với những mãnh lực và sự sống mà y có thể sử dụng và chỉ huy để đem đến cho mình những gì y cần cho việc thúc đẩy các mục đích tinh thần và cho công việc xây dựng những hình tướng cùng cơ cấu có thể cần thiết; trong chúng, y tiến tới với công việc giải thoát những "tù nhân của hành tinh"; và trong chúng, y trở nên ý thức về các bạn đồng công của mình, về đoàn các nhà thần bí thế giới, và về thánh đoàn các linh hồn.

In Instructions such as these, which are to be read by the general public it would be most unwise to give more explicit directions. Enough has been left unsaid to make it impossible for any but a deeply learned student to arrive at the necessary correlations which will enable him to carry forward the "work of the interludes", in which alone magical work can be done. You might ask: Why is this so? Why are the secrets of the breath so carefully guarded? Because the efficacy of black magic is found right here. There is a point where both black and white magic employ necessarily one similar stage in the work. [519] Certain men, with potent wills and clear and trained minds, but animated by purely selfish purpose, have learnt to use the lower of the two soul interludes—that which concerns the relation of mind and brain. Through an intense application and a knowledge of the science of the centres they have been enabled to work out their selfish plans and to impose their will and mental authority upon the "prisoners of the planet". Thus they have wrought much harm. They have no desire to participate in the higher interlude wherein the soul is active, and the mind responsive. The intellectual activity and the responsiveness of the brain to mind impression is all that concerns them. Both white and black magicians, as you see, employ the lower interlude, and both know the significance of the physical breathing interludes. But the white magician works from the soul level out into the manifested world and seeks to carry out the divine plan, whilst the black magician works from the level of the intellect as he seeks to achieve his own separative ends. The difference is not only that of motive, but also of alignment and the radius of the consciousness and its field of expansion. Hence you will see why such extreme

Trong những Huấn thị như thế này, vốn được dành cho công chúng đọc, sẽ là điều hết sức thiếu minh triết nếu đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng hơn. Đã có đủ điều chưa được nói ra để khiến bất cứ ai, trừ một đạo sinh uyên thâm sâu xa, không thể đạt đến những tương quan cần thiết giúp y tiến hành "công việc của các khoảng lặng", nơi duy nhất mà công việc huyền thuật có thể được thực hiện. Các bạn có thể hỏi: Tại sao lại như vậy? Tại sao những bí mật của hơi thở được canh giữ cẩn trọng đến thế? Bởi vì hiệu lực của hắc thuật được tìm thấy ngay tại đây. Có một điểm nơi cả hắc thuật lẫn Chánh Thuật tất yếu sử dụng một giai đoạn tương tự trong công việc. [519] Một số người, với ý chí mạnh mẽ và thể trí rõ ràng, được rèn luyện, nhưng được thúc động bởi mục đích hoàn toàn ích kỷ, đã học cách sử dụng khoảng lặng thấp hơn trong hai khoảng lặng của linh hồn, tức khoảng lặng liên quan đến mối quan hệ giữa thể trí và bộ não. Nhờ áp dụng mãnh liệt và nhờ tri thức về khoa học các trung tâm, họ đã có thể thực hiện các kế hoạch ích kỷ của mình, và áp đặt ý chí cùng uy quyền trí tuệ của họ lên các "tù nhân của hành tinh". Như vậy họ đã gây ra nhiều tổn hại. Họ không có mong muốn tham dự vào khoảng lặng cao hơn, nơi linh hồn hoạt động và thể trí đáp ứng. Hoạt động trí năng và sự đáp ứng của bộ não đối với ấn tượng của thể trí là tất cả những gì họ quan tâm. Như các bạn thấy, cả nhà huyền thuật chánh đạo lẫn nhà hắc thuật đều sử dụng khoảng lặng thấp hơn, và cả hai đều biết thâm nghĩa của các khoảng lặng trong hơi thở hồng trần. Nhưng nhà huyền thuật chánh đạo làm việc từ cấp độ linh hồn hướng ra thế giới biểu hiện và tìm cách thực hiện Thiên Cơ, trong khi nhà hắc thuật làm việc từ cấp độ của trí năng khi y tìm cách đạt được các mục tiêu chia rẽ của riêng mình. Sự khác biệt không chỉ là ở động cơ, mà còn ở sự chỉnh hợp, ở bán kính của tâm thức và lĩnh vực mở rộng của nó. Do đó,

caution is evidenced by all true teachers, as they endeavor to teach the nature of the magical work. Only the tested and the true, only the unselfish and the pure can be given the full instructions. All can be given the information concerning the major interludes of soul-mind and mind-brain. Only a few can as yet be trusted with the significant information concerning the minor interludes, carried on in the physical body between breaths and in the brain consciousness.

các bạn sẽ thấy vì sao mọi huấn sư chân chính đều biểu lộ sự thận trọng cực độ khi họ cố gắng giảng dạy bản chất của công việc huyền thuật. Chỉ những người đã được thử thách và chân thật, chỉ những người vô kỷ và trong sạch mới có thể được trao những huấn thị đầy đủ. Tất cả đều có thể được trao thông tin về các khoảng lặng chính yếu của linh hồn-thể trí và thể trí-bộ não. Hiện nay chỉ một số ít có thể được tin cậy với thông tin quan trọng về các khoảng lặng nhỏ hơn, diễn ra trong thể xác giữa các hơi thở và trong tâm thức bộ não.

One other point might be of interest before I proceed to speak of the "prisoners of the planet" and the work to be done with them.

Một điểm khác có thể đáng quan tâm trước khi tôi tiếp tục nói về những "tù nhân của hành tinh" và công việc cần làm với họ.

Humanity at this time is passing through a cycle of excessive activity. For the first time in human history [520] this activity embraces mankind on a large scale in the entire three aspects of the personality consciousness. The physical bodies, the emotional and mental states of consciousness are all in a condition of potent upheaval. This unified triple activity is increased by a cycle of equally intense planetary activity, due to the coming in of a new age, the passing of the sun into a new sign in the Zodiac and the preparation consequently going on to fit man to work easily with the new forces and energies playing upon him. At the centre of human life, the integrating group of new World Servers must meet therefore a very real need. Their work must primarily be to keep such a close link with the soul of humanity —made up of all souls on their own level of being—through their own organised soul activity that there will always be those who can "work in the interludes" and so keep the plan progressing and the vision before the eyes of those who cannot as yet themselves

Nhân loại vào lúc này đang trải qua một chu kỳ hoạt động quá mức. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, [520] hoạt động này bao trùm nhân loại trên quy mô lớn trong toàn bộ ba phương diện của tâm thức phàm ngã. Các thể xác, các trạng thái tâm thức cảm dục và cõi trí đều đang ở trong một tình trạng biến động mạnh mẽ. Hoạt động tam phân hợp nhất này được gia tăng bởi một chu kỳ hoạt động hành tinh cũng mãnh liệt như vậy, do sự đi vào của một kỷ nguyên mới, sự chuyển của mặt trời vào một dấu hiệu hoàng đạo mới, và do đó là sự chuẩn bị đang diễn ra để làm cho con người thích hợp làm việc dễ dàng với các mãnh lực và năng lượng mới đang tác động lên y. Vì vậy, tại trung tâm của đời sống nhân loại, nhóm tích hợp gồm những Người Phụng Sự Thế Gian mới phải đáp ứng một nhu cầu rất thực. Công việc của họ trước hết phải là giữ một liên kết gần gũi với linh hồn của nhân loại, được hợp thành bởi mọi linh hồn trên cấp độ hiện tồn riêng của họ, thông qua hoạt động linh hồn có tổ chức của chính họ, để luôn luôn có những người có thể "làm việc trong các khoảng lặng" và nhờ đó giữ cho Thiên Cơ tiến triển,

enter into the high and secret place. They have, as I oft times have said, to learn to work subjectively, and this they must do in order to preserve—in this cycle of activity and exoteric expression—the power, latent in all, to withdraw into the centre. They constitute the door, speaking symbolically. Capacities and powers can die out for lack of use; the power of divine abstraction and the faculty to find what has been called "the golden path which leads to the clear pool and from thence to the Temple of Retreat" must not be lost. This is the first work of the Group of World Mystics, and they must keep the path open and the way clear of obstructions. Otherwise white magic might temporarily die out and the selfish purposes of the form nature assume undue control. This dire event happened in Atlantean days and the then group of workers had to withdraw from all external activity and "abstract the divine mysteries, hiding them away from the curious and the unworthy."

đồng thời giữ tầm nhìn trước mắt những người chưa thể tự mình đi vào nơi cao cả và bí mật. Như tôi đã nhiều lần nói, họ phải học cách làm việc một cách chủ quan; và họ phải làm điều này để duy trì, trong chu kỳ hoạt động và biểu lộ ngoại môn này, quyền năng tiềm tàng nơi tất cả là rút vào trung tâm. Nói theo biểu tượng, họ tạo thành cánh cửa. Các năng lực và quyền năng có thể lụi tàn vì thiếu sử dụng; quyền năng trừu xuất thiêng liêng và khả năng tìm ra điều đã được gọi là "con đường vàng dẫn đến hồ nước trong, và từ đó đến Đền Ẩn Tu" không được để mất. Đây là công việc đầu tiên của Đoàn các Nhà Thần Bí Thế Giới, và họ phải giữ cho con đường mở rộng và lối đi sạch mọi chướng ngại. Nếu không, Chánh Thuật có thể tạm thời lụi tàn và các mục đích ích kỷ của bản chất hình tướng có thể nắm quyền kiểm soát quá mức. Biến cố thảm khốc này đã xảy ra trong thời Atlantis, và nhóm người hoạt động khi ấy đã phải rút khỏi mọi hoạt động bên ngoài và "rút các huyền nhiệm thiêng liêng vào trong, cất giấu chúng khỏi kẻ tò mò và người bất xứng."

[521]

[521]

Now a new attempt is being made to free the "prisoners of the planet". The Hierarchy, through the Group of World Servers now in process of formation is seeking to externalise itself, and to restore the mysteries to humanity to whom they truly belong. If the attempt is to succeed it is basically necessary that all of you who have sensed the vision or seen a part of the intended plan should re-dedicate yourselves to the service of humanity, should pledge yourselves to the work of aiding to the utmost of your ability (ponder those words and search out their significance) all world servers, and should sacrifice your time and give of your money to further the endeavor

Giờ đây một nỗ lực mới đang được thực hiện để giải thoát những "tù nhân của hành tinh". Thánh Đoàn, thông qua Đoàn Người Phụng Sự Thế Gian hiện đang trong tiến trình hình thành, đang tìm cách ngoại hiện chính mình và khôi phục các huyền nhiệm cho nhân loại, vốn là những điều thật sự thuộc về nhân loại. Nếu nỗ lực này muốn thành công, về căn bản điều cần thiết là tất cả các bạn, những người đã cảm nhận tầm nhìn hoặc thấy một phần của Thiên Cơ được dự định, phải tái thánh hiến mình cho việc phụng sự nhân loại, phải cam kết với công việc hỗ trợ tất cả những Người Phụng Sự Thế Gian đến mức tối đa trong khả năng của mình (hãy suy ngẫm những lời này và tìm ra thâm

of the Great Ones. Rest not, above all, from your meditation work; keep the inner link; think truth at all times. The need and the opportunity are great and all possible helpers are being called to the forefront of the battle. All can be used in some way, if the true nature of sacrifice is grasped, if skill in action is developed and if work without attachment is the effort of each and all of you.

nghĩa của chúng), và phải hy sinh thời gian cũng như đóng góp tiền bạc để thúc đẩy nỗ lực của Các Đấng Cao Cả. Trên hết, đừng ngừng nghỉ công việc tham thiền của các bạn; hãy giữ liên kết bên trong; hãy suy nghĩ chân lý vào mọi lúc. Nhu cầu và cơ hội đều lớn lao, và mọi người trợ giúp có thể đều đang được kêu gọi ra tuyến đầu của trận chiến. Tất cả đều có thể được sử dụng theo một cách nào đó, nếu bản chất chân thật của sự hy sinh được nắm bắt, nếu sự khéo léo trong hành động được phát triển, và nếu làm việc không dính mắc là nỗ lực của mỗi người và của tất cả các bạn.

The Prisoners of the Planet— Những tù nhân của hành tinh

Having dealt with the work of the magician in his own interior consciousness and with the need for him to learn the importance of seizing the "midway point" in his work of using the interludes, both major and minor, we come now to the consideration of the objective of all his work, that is if he is a true white magician. It is stated clearly that this is to release the "prisoners of the planet". It would profit us therefore to study who these prisoners are and what is the mode of their release to be employed by the working disciple.

Sau khi đã đề cập đến công việc của nhà huyền thuật trong tâm thức nội tại của chính y, và đến nhu cầu y phải học tầm quan trọng của việc nắm lấy "điểm ở giữa" trong công việc sử dụng các khoảng lặng, cả chính yếu lẫn thứ yếu, giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét mục tiêu của toàn bộ công việc của y, nếu y là một nhà huyền thuật chánh đạo chân thật. Điều được nêu rõ là mục tiêu ấy là giải thoát những "tù nhân của hành tinh". Do đó, sẽ hữu ích cho chúng ta nghiên cứu những tù nhân này là ai và phương thức giải thoát họ mà đệ tử đang hoạt động phải sử dụng là gì.

These prisoners of the planet fall into two major groups, which embody necessarily certain subdivisions. Inclusively they constitute all forms of life that we usually call subhuman, but these words must be given a [522] wider connotation than is normally the case. They must be extended to include all lives which are embodied in forms.

Những tù nhân của hành tinh này rơi vào hai nhóm chính, tất yếu bao hàm một số phân nhóm. Theo nghĩa bao gồm, họ tạo thành mọi hình tướng sự sống mà chúng ta thường gọi là dưới nhân loại, nhưng những lời này phải được trao một [522] hàm nghĩa rộng hơn bình thường. Chúng phải được mở rộng để bao gồm mọi sự sống được thể hiện trong các hình tướng.

The two divisions are as follows:

Hai phân bộ như sau:

First, the substance of all forms, or the multiplicity of tiny atomic lives which, through the power of thought, are drawn into the form aspect through which all existences or all souls, mineral, vegetable, animal and the animal body of man, express themselves. This opens up a wide horizon and covers practically the work of creation on the physical plane so that we cannot even touch upon it. Under the Law of Magnetic Attraction and owing to the impulsive activity of the Universal Mind as it works out the purposes of the solar Logos or of the planetary Logos these constituents of the matter of space, these atoms of substance, are drawn together, manipulated in a rhythmic manner and held together in form. Through this mode of creation, existences come into manifestation, participate in the experience of their particular cycle, whether it is ephemeral, like the life of a butterfly or relatively permanent like the ensouling life of the planetary deity, and vanish. The two aspects concerned, spirit and matter, are brought thus into a close rapport, and necessarily exert an effect upon each other. Matter, so-called, is energised or "lifted up" in the occult sense of the term by its contact with spirit so-called. Spirit, in its turn, is enabled to enhance its vibration through the medium of its experience in matter. The bringing together of these two divine aspects results in the emergence of a third, which we call the soul, and through the medium of the soul, spirit develops a sentiency and a conscious awareness and capacity to respond which remains its permanent possession when the divorce between the two comes around eventually and cyclically.

Thứ nhất, chất liệu của mọi hình tướng, hay vô số những sự sống nguyên tử nhỏ bé, vốn nhờ quyền năng của tư tưởng được hút vào phương diện hình tướng mà qua đó mọi hiện tồn hay mọi linh hồn, khoáng vật, thực vật, động vật và thể thú vật của con người, tự biểu lộ. Điều này mở ra một chân trời rộng lớn và thực tế bao trùm công việc sáng tạo trên cõi hồng trần, đến mức chúng ta thậm chí không thể chạm đến nó. Dưới Định luật Hấp Dẫn Từ Tính và do hoạt động xung động của Vũ Trụ Trí khi nó thực hiện các mục đích của Đức Thái dương Thượng đế hoặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế, các thành tố này của vật chất không gian, các nguyên tử chất liệu này, được kéo lại với nhau, được điều khiển theo một cách nhịp nhàng và được giữ lại với nhau trong hình tướng. Qua phương thức sáng tạo này, các hiện tồn đi vào biểu hiện, tham dự vào kinh nghiệm của chu kỳ riêng của chúng, dù phù du như đời sống của một con bướm hay tương đối thường tồn như sự sống phú linh của Thượng đế hành tinh, rồi biến mất. Hai phương diện liên quan, tinh thần và vật chất, như vậy được đưa vào một mối tương quan gần gũi, và tất yếu tác động lên nhau. Cái gọi là vật chất được tiếp năng lượng hay được "nâng lên" theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy bởi sự tiếp xúc của nó với cái gọi là tinh thần. Đến lượt mình, tinh thần có thể tăng cường rung động của nó qua trung gian kinh nghiệm của nó trong vật chất. Sự đưa hai phương diện thiêng liêng này lại với nhau dẫn đến sự xuất hiện của một phương diện thứ ba, mà chúng ta gọi là linh hồn; và qua trung gian của linh hồn, tinh thần phát triển một sự cảm biết, một nhận thức hữu thức và năng lực đáp ứng, vốn vẫn là sở hữu thường tồn của nó khi sự phân ly giữa hai phương diện cuối cùng và theo chu kỳ xảy đến.

Much anent this will be found in *A Treatise on Cosmic Fire* [523] and there is no need for me to repeat myself here. This second treatise is intended to be more practical and generally useful. It deals primarily with the training of the aspirant so that he can, in his turn, act as a conscious creator, and as he works serve the higher ends of the Life which enfolds him. Thus he aids in the materialising of the plans of God. The training of the aspirant, the indicating to him of possible trends and lines of evolution, and the definition of the underlying purpose is all that it is wise to impart at the present stage in which the average aspirant finds himself. This has been attempted in these Instructions and there has been given also some new teaching anent the emotional vehicle. In the next century, when man's equipment is better developed and when a truer meaning of group activity is available, it will be possible to convey more information, but the time is not yet. All that is possible for me is to grope for those feeble words which will somewhat clothe the thought. As they clothe it they limit it and I am guilty of creating new prisoners who must ultimately be released. All books are prison houses of ideas, and only when speech and writing are superseded by telepathic communication and by intuitive interplay will the plan and the technique of its expression be grasped in a clearer fashion. I talk now in symbols; I manipulate words in order to create a certain impression; I construct a thought-form which, when dynamic enough, can impress the brain of a transmitting agent, such as yourself. But, as I do so, I know well how much must be left unrelated and how seldom it is possible to do more than point out a cosmology, macrocosmic or microcosmic, which will suffice to convey a temporary picture of divine reality.

Nhiều điều về vấn đề này sẽ được thấy trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* [523] và tôi không cần lặp lại mình ở đây. Luận thư thứ hai này được dự định có tính thực tiễn hơn và hữu ích rộng rãi hơn. Nó chủ yếu đề cập đến việc rèn luyện người chí nguyện để đến lượt mình, y có thể hành động như một người sáng tạo có ý thức, và khi làm việc, phụng sự các mục tiêu cao hơn của Sự Sống bao bọc y. Như vậy y hỗ trợ việc hiện hình các Thiên Cơ của Thượng đế. Việc rèn luyện người chí nguyện, việc chỉ ra cho y các khuynh hướng và đường hướng tiến hóa khả dĩ, và việc xác định mục đích nền tảng là tất cả những gì minh triết cho phép truyền đạt ở giai đoạn hiện nay, nơi người chí nguyện trung bình đang tự thấy mình. Điều này đã được cố gắng thực hiện trong các Huấn thị này, và cũng đã có một số giáo huấn mới được trao về vận cụ cảm dục. Trong thế kỷ tới, khi trang bị của con người được phát triển tốt hơn và khi một ý nghĩa chân thật hơn của hoạt động nhóm trở nên sẵn có, sẽ có thể truyền đạt thêm thông tin; nhưng thời điểm ấy chưa đến. Tất cả những gì tôi có thể làm là dò tìm những lời yếu ớt có thể phần nào khoác áo cho tư tưởng. Khi khoác áo cho nó, chúng giới hạn nó, và tôi mắc lỗi tạo ra những tù nhân mới mà cuối cùng phải được giải thoát. Mọi quyển sách đều là nhà tù của các ý tưởng, và chỉ khi lời nói cùng chữ viết được thay thế bởi giao tiếp viễn cảm và sự tương tác trực giác, Thiên Cơ và kỹ thuật biểu lộ nó mới được nắm bắt theo một cách rõ ràng hơn. Giờ đây tôi nói bằng biểu tượng; tôi điều khiển các lời để tạo ra một ấn tượng nhất định; tôi xây dựng một hình tư tưởng mà, khi đủ linh động, có thể in dấu lên bộ não của một tác nhân truyền đạt, chẳng hạn như chính bạn. Nhưng khi làm như vậy, tôi biết rõ có biết bao điều phải để lại chưa được thuật ra, và hiếm khi nào có thể làm nhiều hơn là chỉ ra một vũ trụ luận, đại thiên địa

hay tiểu thiên địa, đủ để truyền đạt một hình ảnh tạm thời về thực tại thiêng liêng.

I talk to you of laws, and I seek to formulate them intelligently but I am dealing really with those divine impulses which emanate from a cosmic Creator and become laws as they produce effects in the matter of space, meeting [524] therein practically no resistance. Other divine impulses which also cyclically stream forth have not as yet carried such a strong vibration, and have not therefore been as powerful as the vibration of the combined substance affected. These latter are those impulses to which we give the name spiritual, and which we look forward to seeing established as the laws of the new era, and which will then supersede or coalesce with the present laws of the universe. Together they will bring in the new synthetic world.

Tôi nói với các bạn về các định luật, và tôi tìm cách hình thành chúng một cách thông minh; nhưng thật ra tôi đang bàn đến những xung lực thiêng liêng xuất lộ từ một Đấng Sáng Tạo vũ trụ và trở thành các định luật khi chúng tạo ra các hiệu quả trong vật chất không gian, nơi chúng hầu như [524] không gặp sự kháng cự nào. Những xung lực thiêng liêng khác, cũng tuôn tràn ra theo chu kỳ, đến nay vẫn chưa mang một rung động mạnh như vậy, và do đó chưa mạnh bằng rung động của chất liệu kết hợp đã chịu ảnh hưởng. Những xung lực sau này là những xung lực mà chúng ta gọi là tinh thần, và chúng ta mong thấy chúng được thiết lập thành các định luật của kỷ nguyên mới, khi đó chúng sẽ thay thế hoặc hợp nhất với các định luật hiện tại của vũ trụ. Cùng nhau, chúng sẽ đưa vào thế giới tổng hợp mới.

But how can the whole be comprehended by the part? How can the entire plan be noted by a soul which sees as yet but a tiny fraction of the structure? Bear this steadily in mind as you study and ponder these Instructions and remember that, in the light of the future knowledge of humanity, all that is here conveyed is like a fifth reader in grammar school to the text books utilised by a college professor. It will serve however to graduate the aspirant out of the Hall of Learning into the Hall of Wisdom, if he uses the information given.

Nhưng làm sao phần có thể thấu hiểu toàn thể? Làm sao toàn bộ Thiên Cơ có thể được ghi nhận bởi một linh hồn hiện chỉ thấy một phần rất nhỏ của cấu trúc? Hãy luôn ghi nhớ điều này khi các bạn nghiên cứu và suy ngẫm các Huấn thị này, và hãy nhớ rằng, dưới ánh sáng tri thức tương lai của nhân loại, tất cả những gì được truyền đạt ở đây giống như sách đọc lớp năm trong trường phổ thông so với các giáo trình được một giáo sư đại học sử dụng. Tuy nhiên, nếu người chí nguyện sử dụng thông tin được trao, nó sẽ giúp y tốt nghiệp khỏi Phòng Học Tập để đi vào Phòng Minh triết.

Learn to be telepathic and intuitive. Then these forms of words and these ideas, clothed in form, will not be needed. You can then stand face to face with naked truth, and live and work in the terrain of *ideas* and not in the world of *forms*.

Hãy học cách trở nên viễn cảm và trực giác. Khi ấy, những hình thức ngôn từ này và những ý tưởng này, được khoác lấy hình tướng, sẽ không còn cần thiết nữa. Khi ấy, bạn có thể đứng mặt đối mặt với chân lý trần trụi, và sống cùng làm việc trong địa hạt của

ý tưởng, chứ không phải trong thế giới của *hình tướng*.

So we leave the vast expanse of lives, covered by the unmeaning phrase "atomic substance," and pass on secondly to a consideration of those prisoners of the planet which can be more easily contacted, whose general plight can be more specifically understood, and who stand in a closer relation to man. Men are not yet equipped to comprehend the nature of those units of electrical energy which embody what we call the soul of all things and which has been termed the "anima mundi"—the life and soul of the One in whom all embodied existences live and move and have their being. [525]

Vì vậy, chúng ta rời khỏi vùng bao la của các sự sống, vốn được bao phủ bởi cụm từ vô nghĩa "chất liệu nguyên tử", và kế đến chuyển sang xem xét những tù nhân của hành tinh có thể được tiếp xúc dễ dàng hơn, có cảnh ngộ chung có thể được thấu hiểu cụ thể hơn, và đứng trong mối liên hệ gần gũi hơn với con người. Nhân loại chưa được trang bị để thấu hiểu bản chất của những đơn vị năng lượng điện vốn thể hiện điều mà chúng ta gọi là linh hồn của muôn vật, và điều đã được gọi là "linh hồn thế giới" — sự sống và linh hồn của Đấng Duy Nhất, trong Ngài mọi hiện hữu nhập thể đều sống, vận động và hiện hữu. [525]

To do this, it will be necessary to understand somewhat the part that the fourth kingdom in nature plays in relation to the whole, and the purpose for which that aggregate of forms which we call the human family exists. We must study this from the standpoint of the relation of the fourth kingdom to the whole, and not from the standpoint of man's own individual progressive development and the part he plays as a human unit within the ring-pass-not of the human family. We will use the word humanity, and speak of its mission and function in the big scheme and the working out of the plan. We will infer a humanity which is composed of all the sons of men. It includes on the one hand the hierarchy of adepts who have deliberately incarnated on the physical plane in order to work within the limits of the human kingdom, and on the other we find the undeveloped types which are more animal than human. Between these two extremes we find the many and varied types, the developed and the undeveloped, the

Để làm điều này, cần phải thấu hiểu phần nào vai trò mà giới thứ tư trong thiên nhiên đảm nhiệm trong quan hệ với toàn thể, và mục đích vì đó mà tập hợp các hình tướng mà chúng ta gọi là gia đình nhân loại hiện hữu. Chúng ta phải nghiên cứu điều này từ lập trường quan hệ của giới thứ tư với toàn thể, chứ không phải từ lập trường phát triển tiến bộ cá nhân của riêng con người và vai trò y đảm nhiệm như một đơn vị nhân loại bên trong vòng-giới-hạn của gia đình nhân loại. Chúng ta sẽ dùng từ nhân loại, và nói về sứ mệnh cùng chức năng của nó trong kế hoạch tổng thể và trong việc thực hiện Thiên Cơ. Chúng ta sẽ hàm ý một nhân loại được hợp thành bởi tất cả những người con của nhân loại. Một mặt, nó bao gồm Thánh đoàn các chân sư đã cố ý lâm phàm trên cõi hồng trần để làm việc trong các giới hạn của giới nhân loại; mặt khác, chúng ta thấy những kiểu người chưa phát triển, còn mang tính thú hơn là tính người. Giữa hai cực đoan này, chúng ta thấy nhiều kiểu loại đa dạng, phát triển và chưa phát triển, thông

intelligent and the unintelligent—all who are covered by the word man.

minh và kém thông minh — tất cả những ai được bao hàm trong từ con người.

Humanity constitutes a centre of energy within the cosmos, capable of three activities.

Nhân loại cấu thành một trung tâm năng lượng trong vũ trụ, có khả năng thực hiện ba hoạt động.

I. First of all, humanity is responsive to the inflow of spiritual energy. This pours into it from the cosmos, and speaking symbolically these energies are basically three in number:

I. Trước hết, nhân loại đáp ứng với dòng năng lượng tinh thần tuôn vào. Dòng này đổ vào nhân loại từ vũ trụ, và nói theo biểu tượng, những năng lượng này về căn bản có ba loại:

1. Spiritual energy, as we inadequately term it. This emanates from God the Father and reaches humanity from the level of what is technically called the monadic plane, from the archetypal sphere, the highest source of which a man can become conscious. To this type of energy there are few so equipped that they can respond. It is for the majority practically nonexistent. I use the words "God the Father" in the sense of the One Self-Existent Life, or Absolute Being.

1. Năng lượng tinh thần, như chúng ta gọi một cách bất toàn. Năng lượng này phát xuất từ Thượng đế Cha và đến với nhân loại từ cấp độ của điều được gọi một cách kỹ thuật là cõi chân thần, từ khối cầu nguyên mẫu, nguồn cao nhất mà con người có thể trở nên hữu thức. Rất ít người được trang bị đến mức có thể đáp ứng với loại năng lượng này. Đối với đa số, nó hầu như không hiện hữu. Tôi dùng các từ "Thượng đế Cha" theo nghĩa Sự Sống Duy Nhất Tự Hữu, hay Bản Thể Tuyệt Đối.

2. Sentient energy—the energy which makes man a [526] soul. It is the principle of awareness, the faculty of consciousness, that something, inherent in matter (when brought into relation with spirit), which awakens responsiveness to an outer and far-reaching field of contacts. It is that which eventually develops in man a recognition of the whole, of the self, and which leads him to self-determination and self-realisation. When these are developed, as they are not in the subhuman kingdoms, a man can become aware of the first type of energy, mentioned above. This energy of sentient consciousness comes from the second aspect of deity, from the heart of the sun, just as the first, technically but symbolically speaking, emanates from the central spiritual sun. The

2. Năng lượng cảm tri — năng lượng khiến con người trở thành một [526] linh hồn. Đó là nguyên khí của sự nhận biết, năng lực của tâm thức, một điều gì đó cố hữu trong vật chất khi được đưa vào quan hệ với tinh thần, đánh thức sự đáp ứng với một trường tiếp xúc bên ngoài và rộng lớn. Đó là điều cuối cùng phát triển nơi con người sự nhận biết về toàn thể, về bản ngã, và dẫn y đến sự tự quyết và tự chứng nghiệm. Khi những điều này được phát triển, như chúng chưa được phát triển trong các giới dưới nhân loại, con người có thể trở nên nhận biết loại năng lượng thứ nhất đã nói ở trên. Năng lượng của tâm thức cảm tri này đến từ phương diện thứ hai của Thượng đế, từ trái tim của mặt trời, cũng như loại thứ nhất, nói một cách kỹ thuật nhưng biểu tượng, phát xuất từ Mặt

parallel to these two types of force in a human being is the nervous energy working through the nervous system with headquarters in the brain, and the life energy which is seated in the heart.

trời Tinh thần Trung Ương. Sự tương ứng với hai loại mãnh lực này trong một con người là năng lượng thần kinh hoạt động qua hệ thần kinh với trung tâm đặt trong bộ não, và năng lượng sự sống đặt nơi tim.

3. Pranic energy, or vitality. This is that vital force, inherent in matter itself and in which all forms are immersed, as they constitute functioning parts of the greater form. To this all forms respond. This type of energy comes from the physical sun and works actively upon the vital bodies of every form in the natural world, including the physical form of humanity itself.

3. Năng lượng prana, hay sinh lực. Đây là mãnh lực sinh động, cố hữu trong chính vật chất và trong đó mọi hình tướng đều được ngâm mình, vì chúng cấu thành những bộ phận hoạt động của hình tướng lớn hơn. Mọi hình tướng đều đáp ứng với nó. Loại năng lượng này đến từ mặt trời hồng trần và tác động tích cực lên các thể sinh lực của mọi hình tướng trong giới tự nhiên, kể cả chính hình tướng hồng trần của nhân loại.

In the terminology of the Ageless Wisdom, these three are called electric fire, solar fire, and fire by friction, and their purpose in relation to each other is summed up for us in the words of *The Secret Doctrine* as follows:

Trong thuật ngữ của Minh Triết Ngàn Đời, ba loại này được gọi là Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát, và mục đích của chúng trong quan hệ với nhau được tóm lược cho chúng ta trong những lời của *Giáo Lý Bí Nhiệm* như sau:

"Matter is the Vehicle for the manifestation of Soul on this plane of existence, and Soul is the Vehicle on a higher plane for the manifestation of Spirit and these three are a Trinity, synthesized by Life which pervades them all." S. D. I. 80.

"Vật chất là Vận cụ cho sự biểu hiện của Linh hồn trên cõi hiện hữu này, và Linh hồn là Vận cụ trên một cõi cao hơn cho sự biểu hiện của Tinh thần; và ba điều này là một Tam Vị, được tổng hợp bởi Sự Sống thấm nhuần tất cả." Giáo Lý Bí Nhiệm I. 80.

Humanity, being the meeting-place for all the three types of energy, constitutes therefore a "midway point," [527] in the consciousness of the Creator. This "midway point" has to be seized by the active creating agent in some such manner as the aspirant has to learn to seize his midway points in the tiny bit of magical and creative work which he is seeking to carry forward. Humanity is intended to be the medium wherein certain activities can be instituted. It is in reality the brain of the planetary Deity, its many units being analogous to the brain cells in the

Vì là nơi gặp gỡ của cả ba loại năng lượng, nhân loại do đó cấu thành một "Điểm ở giữa" [527] trong tâm thức của Đấng Sáng Tạo. "Điểm ở giữa" này phải được tác nhân sáng tạo tích cực nắm bắt theo một cách nào đó tương tự như người chí nguyện phải học cách nắm bắt những điểm ở giữa của mình trong phần nhỏ bé của công việc huyền thuật và sáng tạo mà y đang tìm cách tiến hành. Nhân loại được dự định là phương tiện trong đó một số hoạt động có thể được thiết lập. Thực ra, nó là bộ não của Thượng đế Hành Tinh, nhiều đơn vị của nó tương tự

human apparatus. Just as the human brain, made up of an infinite number of sentient responsive cells, can be suitably impressed when quiescence has been achieved, and can become the medium of expression for the plans and purposes of the soul, transmitting its ideas via the mind, so the planetary Deity, working under the inspiration of the Universal Mind, can impress humanity with the purposes of God and produce consequent effects in the world of phenomena.

như các tế bào não trong bộ máy con người. Cũng như bộ não con người, được hợp thành bởi vô số tế bào cảm tri và đáp ứng, có thể được ghi ấn thích đáng khi sự tĩnh lặng đã đạt được, và có thể trở thành phương tiện biểu đạt các kế hoạch và mục đích của linh hồn, truyền đạt các ý tưởng của linh hồn qua thể trí, thì Thượng đế Hành Tinh, hoạt động dưới cảm hứng của Vũ Trụ Trí, có thể ghi ấn lên nhân loại các mục đích của Thượng đế và tạo ra những hiệu quả tương ứng trong thế giới hiện tượng.

The members of the hierarchy represent those who have achieved peace and quiescence, and can be impressed; aspirants and disciples represent those brain cells which are beginning to fall into the larger divine rhythm. They are learning the nature of responsiveness. The mass of men are like the millions of unused brain cells which the psychologists and scientists tell us we possess but do not employ. This analogy you can think out in greater detail for yourself, but even superficially it will be apparent to you that when this point is grasped, the purpose for which humanity exists, the objective before the group of world mystics and workers, and the ideal set before the individual aspirant, are the same as in the individual meditation; the achieving of that focussed attention and mental quiet wherein reality can be contacted, the true and the beautiful can be registered, divine purpose can be recorded, and it becomes possible to transmit to the phenomenal form, upon the physical plane, the needed energy whereby the subjective [528] realisation can be materialised. The aspirant does this in connection with his own soul purpose if he is successful in his endeavour; the disciple is learning to do this in relation to group purpose, and the initiate cooperates with the planetary purpose. These constitute the inner group of vitally alive

Các thành viên của Thánh đoàn đại diện cho những người đã đạt được bình an và tĩnh lặng, và có thể được ghi ấn; những người chí nguyện và đệ tử đại diện cho các tế bào não đang bắt đầu hòa vào nhịp điệu thiêng liêng lớn hơn. Họ đang học bản chất của sự đáp ứng. Quần chúng nhân loại giống như hàng triệu tế bào não chưa được dùng đến mà các nhà tâm lý học và khoa học gia nói rằng chúng ta sở hữu nhưng không sử dụng. Bạn có thể tự mình suy ngẫm phép tương đồng này chi tiết hơn, nhưng ngay cả một cách hời hợt cũng sẽ rõ ràng với bạn rằng khi điểm này được nắm bắt, mục đích vì đó nhân loại hiện hữu, mục tiêu trước mắt nhóm các nhà thần bí và người hoạt động thế gian, và lý tưởng đặt trước người chí nguyện cá nhân, đều giống như trong tham thiền cá nhân: đạt được sự chú tâm tập trung và sự yên lặng trí tuệ, trong đó thực tại có thể được tiếp xúc, điều chân thật và đẹp đẽ có thể được ghi nhận, Thiên Ý có thể được ghi khắc, và có thể truyền đến hình tướng hiện tượng trên cõi hồng trần năng lượng cần thiết nhờ đó sự chứng nghiệm chủ quan [528] có thể hiện hình. Người chí nguyện làm điều này liên quan đến mục đích linh hồn của chính mình nếu y thành công trong nỗ lực; đệ tử đang học làm điều này trong quan hệ với mục đích nhóm, và điểm đạo đồ hợp tác với mục đích hành tinh. Những người này cấu thành nhóm bên trong của các tế bào não sống

brain cells in the planetary brain, the entire human group, and it is evident that the more powerful their united vibration and the clearer the light which they reflect and transmit, the more rapidly will the present inert mass of human cells be brought into activity. The occult hierarchy is to the planetary Life what the light in the head is to the average awakened disciple, only on so much vaster a scale, and with such an adequate inner alignment that students such as those who read these Instructions cannot understand the true significance of the words. The point to be grasped is that through humanity on the physical plane, the nature of reality will be revealed; the true and the beautiful will be manifested; the divine plan will eventually work out, and that energy be transmitted to all forms in nature which will enable the inner spiritual reality to emerge.

động mãnh liệt trong bộ não hành tinh, tức toàn thể nhóm nhân loại; và hiển nhiên rằng rung động hợp nhất của họ càng mạnh mẽ, ánh sáng họ phản chiếu và truyền dẫn càng trong sáng, thì khối tế bào nhân loại hiện đang trì trệ càng nhanh chóng được đưa vào hoạt động. Thánh đoàn huyền bí đối với Sự Sống hành tinh cũng như ánh sáng trong đầu đối với đệ tử thức tỉnh trung bình, chỉ ở một quy mô bao la hơn nhiều, và với một sự chỉnh hợp bên trong thích đáng đến mức các đạo sinh đọc những Huấn thị này không thể thấu hiểu thâm nghĩa thật sự của các lời ấy. Điểm cần nắm bắt là: qua nhân loại trên cõi hồng trần, bản chất của thực tại sẽ được mặc khải; điều chân thật và đẹp đẽ sẽ được biểu hiện; Thiên Cơ cuối cùng sẽ được thực hiện, và năng lượng ấy sẽ được truyền đến mọi hình tướng trong thiên nhiên, nhờ đó thực tại tinh thần bên trong có thể xuất lộ.

II. The second type of activity of which man is capable is an intense progressive and spiral development within the human ring-pass-not. This sentence covers the mode of development and the entire procedure of unfoldment of all the evolving units that we call men. With this I seek not here to deal. The history of the human structural growth, the entire field of the unfolding human consciousness and the history of all races and peoples that have lived or are living upon our planet can be dealt with under this heading. It concerns the use humanity has made of all the energies available within the natural world of which it is a part, inherent in the fourth kingdom itself and coming to it also from the world of spiritual realities. [529]

II. Loại hoạt động thứ hai mà con người có khả năng thực hiện là một sự phát triển mãnh liệt, tiến bộ và xoắn ốc bên trong vòng-giới-hạn của nhân loại. Câu này bao hàm phương thức phát triển và toàn bộ tiến trình khai mở của tất cả các đơn vị đang tiến hoá mà chúng ta gọi là con người. Tôi không tìm cách bàn đến điều này ở đây. Lịch sử tăng trưởng cấu trúc của nhân loại, toàn bộ lĩnh vực khai mở tâm thức con người và lịch sử của mọi chủng tộc cùng các dân tộc đã sống hoặc đang sống trên hành tinh chúng ta đều có thể được bàn đến dưới đề mục này. Nó liên quan đến cách nhân loại đã sử dụng mọi năng lượng sẵn có trong thế giới tự nhiên mà nó là một phần, vốn cố hữu trong chính giới thứ tư và cũng đến với nó từ thế giới của các thực tại tinh thần. [529]

III. The third type of activity which should occupy the attention of humanity, and one as yet little understood, is that it should act

III. Loại hoạt động thứ ba nên chiếm sự chú ý của nhân loại, và hiện còn ít được thấu hiểu, là nhân loại phải hoạt động như một

as a transmitting centre of spiritual forces—soul force and spiritual energy united and combined—to the prisoners of the planet and to the lives, held in embodied existence in the other kingdoms of nature. Human beings are apt to be primarily concerned with their higher group relations, with their return to the Father's home, and with the trend which we call "upwards" and away from the phenomenal world. They are principally occupied with the finding of the centre within the form aspect, that which we call the soul, and, having found it, with the work then of acquainting themselves with that soul and thus finding peace. This is right and in line with divine intention but it is *not* all of the plan for man, and when this remains the prime objective, a man is dangerously near falling into the snare of spiritual selfishness and separateness.

trung tâm truyền dẫn các mãnh lực tinh thần — mãnh lực linh hồn và năng lượng tinh thần được hợp nhất và phối hợp — đến các tù nhân của hành tinh và đến những sự sống bị giữ trong hiện hữu nhập thể trong các giới khác của thiên nhiên. Con người thường có khuynh hướng chủ yếu quan tâm đến các quan hệ nhóm cao hơn của mình, đến sự trở về nhà Cha, và đến xu hướng mà chúng ta gọi là "hướng thượng" và rời xa thế giới hiện tượng. Họ chủ yếu bận tâm với việc tìm thấy trung tâm bên trong phương diện hình tướng, điều chúng ta gọi là linh hồn, và khi đã tìm thấy nó, với công việc làm quen với linh hồn ấy và nhờ đó tìm được bình an. Điều này là đúng và phù hợp với ý định thiêng liêng, nhưng nó *không* phải là toàn bộ Thiên Cơ dành cho con người; và khi điều này vẫn là mục tiêu chính yếu, con người ở rất gần nguy cơ sa vào cạm bẫy của sự ích kỷ và chia rẽ tinh thần.

When the centre is found by any human being and he becomes at-one with, and enters into relation with his soul, then he automatically shifts his position in the human family and—again speaking in symbols—finds himself part of the centre of light and understanding which we call, esoterically, the occult hierarchy, the cloud of witnesses, the disciples of the Christ, and other names according to the trend of the disciple's convictions. This hierarchy is also attempting to externalise itself in the form of the group of World Workers, and when a man has found his soul and the principle of unity is sufficiently revealed to him he shifts also into this more exoteric group. All who find the centre do not as yet link up with both the interior and exterior groups. Then he is pledged to the magical work, to the salvaging of souls, to the releasing of the prisoners of the planet. This is the goal for humanity as a whole, and when all the sons of men have attained the objective, these

Khi bất kỳ con người nào tìm thấy trung tâm và y trở nên hợp nhất với, cũng như bước vào quan hệ với linh hồn của mình, thì y tự động chuyển vị trí của mình trong gia đình nhân loại và — lại nói theo biểu tượng — thấy mình là một phần của trung tâm ánh sáng và thấu hiểu mà chúng ta gọi, một cách huyền bí, là Thánh đoàn huyền bí, đám mây các nhân chứng, các đệ tử của Đức Christ, và những tên gọi khác tùy theo khuynh hướng xác tín của đệ tử. Thánh đoàn này cũng đang cố gắng ngoại hiện chính mình trong hình thức nhóm Những Người Hoạt Động Thế Gian, và khi một người đã tìm thấy linh hồn mình và nguyên khí hợp nhất được mặc khải đủ cho y, y cũng chuyển vào nhóm có tính ngoại môn hơn này. Không phải tất cả những ai tìm thấy trung tâm đều đã liên kết với cả hai nhóm bên trong và bên ngoài. Bấy giờ y được hiến dâng cho công việc huyền thuật, cho việc cứu vớt các linh hồn, cho việc giải thoát các tù nhân của hành tinh. Đây là mục tiêu của toàn thể nhân loại, và khi tất cả

prisoners will be released. [530] The reason for this will be that the magical work will be carried forward intelligently and perfectly and human beings in group formation will act as transmitters of pure spiritual energy, which will vivify every form in every kingdom in nature.

những người con của nhân loại đã đạt được mục tiêu, các tù nhân này sẽ được giải thoát. [530] Lý do là vì công việc huyền thuật sẽ được tiến hành một cách thông minh và hoàn hảo, và con người trong đội hình nhóm sẽ hoạt động như những người truyền dẫn năng lượng tinh thần thuần khiết, năng lượng này sẽ làm sinh động mọi hình tướng trong mọi giới của thiên nhiên.

In considering the problem of the prisoners of the planet and their eventual release, it must be remembered that one of the forces which lie back of the entire evolutionary scheme is that of the Principle of Limitation. This is the primary impulse which brings about the act of creation, and is intimately linked with that of will and its lower reflection, desire. Will is desire, formulated so clearly and carried so powerfully to an intelligent climax that the mode of its materialisation is grasped with such accuracy and energised with such intent that the result is inescapable. But pure will is only possible to a coordinated thinker, to truly self-conscious entities. Desire is instinctual or rather inherent in all forms, for all forms and organisms constitute part of some primary thinker and are influenced by the powerful intent of that primary force.

Khi xem xét vấn đề các tù nhân của hành tinh và sự giải thoát cuối cùng của họ, cần nhớ rằng một trong những mãnh lực nằm phía sau toàn bộ hệ thống tiến hoá là Nguyên khí Giới hạn. Đây là xung lực nguyên sơ đưa đến hành vi sáng tạo, và liên hệ mật thiết với ý chí cùng phản ánh thấp hơn của nó là dục vọng. Ý chí là dục vọng được định thức rõ ràng đến mức, và được đưa đến cao điểm thông minh một cách mạnh mẽ đến mức, phương thức hiện hình của nó được nắm bắt với độ chính xác như vậy và được tiếp năng lượng với chủ đích như vậy đến nỗi kết quả là không thể tránh khỏi. Nhưng ý chí thuần khiết chỉ có thể có nơi một người tư tưởng phối hợp, nơi các thực thể thật sự tự ý thức. Dục vọng có tính bản năng, hay đúng hơn là cố hữu trong mọi hình tướng, vì mọi hình tướng và cơ cấu đều cấu thành một phần của một Đấng Tư Tưởng nguyên sơ nào đó và chịu ảnh hưởng bởi chủ đích mạnh mẽ của mãnh lực nguyên sơ ấy.

The Principle of Limitation therefore is the outcome of the purposeful will and formulated desire of some thinking Being, and governs consequently the form-taking process of all incarnated lives. This Principle of Limitation controls the scope of an incarnation, sets its measure and rhythm, determines the radius of its influence, and brings about that illusory appearance of reality which we call manifestation.

Do đó, Nguyên khí Giới hạn là kết quả của ý chí có mục đích và dục vọng đã được định thức của một Đấng Tư Tưởng nào đó, và vì thế chi phối tiến trình khoác lấy hình tướng của mọi sự sống nhập thể. Nguyên khí Giới hạn này kiểm soát phạm vi của một kiếp nhập thể, ấn định mức độ và nhịp điệu của nó, xác định bán kính ảnh hưởng của nó, và tạo ra vẻ ngoài ảo tưởng của thực tại mà chúng ta gọi là sự biểu hiện.

The “prisoners of the planet” fall into two categories:

Các “tù nhân của hành tinh” rơi vào hai loại:

1. Those lives which act under the influence of a conscious purpose, and who “limit the life that is in them” for a time. They consciously take form, knowing the end from the beginning. These Beings in their turn fall into three main groups. [531]

1. Những sự sống hoạt động dưới ảnh hưởng của một mục đích có ý thức, và “giới hạn sự sống ở trong họ” trong một thời gian. Họ khoác lấy hình tướng một cách có ý thức, biết điểm kết thúc ngay từ khởi đầu. Đến lượt mình, các Đấng này rơi vào ba nhóm chính. [531]

a. The Being Who is the life of our planet, the One in Whom we live and move and have our being. This being, or sum total of organised lives is sometimes called the planetary Logos, sometimes the Ancient of Days, sometimes God, and sometimes the One Life.

a. Đấng là sự sống của hành tinh chúng ta, Đấng Duy Nhất trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu. Đấng này, hay tổng thể các sự sống có tổ chức, đôi khi được gọi là Đức Hành Tinh Thượng Đế, đôi khi là Đấng Thái Cổ, đôi khi là Thượng đế, và đôi khi là Sự Sống Duy Nhất.

b. Those lives who constitute the Principle of Limitation in a kingdom of nature. The Life that is, for instance, expressing itself through the medium of the animal kingdom is a self-conscious intelligent entity, working in full awareness of intent and objective, and limiting his sphere of activity in order to provide due opportunity and expression for the myriad lives that find their life and being and sustenance in him. See you how the law of sacrifice runs throughout creation.

b. Những sự sống cấu thành Nguyên khí Giới hạn trong một giới của thiên nhiên. Chẳng hạn, Sự Sống đang biểu đạt chính mình qua phương tiện của giới động vật là một thực thể thông minh tự ý thức, hoạt động trong sự nhận biết trọn vẹn về chủ đích và mục tiêu, và giới hạn phạm vi hoạt động của mình để cung cấp cơ hội và sự biểu đạt thích đáng cho vô số sự sống tìm thấy sự sống, bản thể và dưỡng chất của chúng trong Ngài. Bạn có thấy định luật hy sinh vận hành xuyên suốt sáng tạo như thế nào không?

c. The sons of mind, human souls, solar Angels, the divine sons of God who in full self-consciousness work out certain well seen ends through the medium of the human family.

c. Những người con của trí tuệ, các linh hồn nhân loại, các Thái dương Thiên Thần, những người con thiêng liêng của Thượng đế, những Đấng trong ngã thức trọn vẹn thực hiện một số mục đích đã thấy rõ qua phương tiện của gia đình nhân loại.

2. Those lives who are limited in form because they are not self-conscious but are unconscious constituent parts of a greater

2. Những sự sống bị giới hạn trong hình tướng vì chúng không tự ý thức, mà là những thành phần vô thức của một hình

form. They have not yet evolved to the point where they are self-conscious entities.

tướng lớn hơn. Chúng chưa tiến hoá đến điểm trở thành những thực thể tự ý thức.

It might be said that this second category includes all existences, but the line of demarcation between self-produced limitation and unrealised form-taking lies entirely in the realm of consciousness. Some lives are prisoners and know it. Others are prisoners and know it not. The clue to suffering lies right here in the realm of mind. Pain and agony, rebellion and the conscious urge towards betterment and the changing of conditions are only found where what we call individuality is present, where the "I" complex is controlling, and where a self-conscious entity is functioning. There is of course [532] the equivalent to pain in kingdoms below the human, but it enters into another differentiation. It is not self-related. Subhuman forms of life suffer and undergo discomfort and are subject to the throes of death but they lack memory and prevision, and possess not that mental apprehension which will enable them to relate past and present and anticipate the future. They are exempt from the agony of foreboding. Their entire reaction to what are called evil conditions is so different to that of humanity that it is difficult for us to grasp it. The *Old Commentary* describes these two groups in the following terms:

Có thể nói rằng loại thứ hai này bao gồm mọi hiện hữu, nhưng đường ranh giới giữa sự tự tạo giới hạn và việc khoác lấy hình tướng mà chưa nhận biết hoàn toàn nằm trong lĩnh vực tâm thức. Một số sự sống là tù nhân và biết điều đó. Những sự sống khác là tù nhân mà không biết. Chìa khóa của đau khổ nằm ngay đây, trong lĩnh vực của thể trí. Đau đớn và thống khổ, phản kháng và xung lực có ý thức hướng tới sự cải thiện và thay đổi các điều kiện chỉ được tìm thấy nơi điều chúng ta gọi là cá tính hiện diện, nơi phức cảm "tôi" đang kiểm soát, và nơi một thực thể tự ý thức đang hoạt động. Dĩ nhiên [532] có điều tương đương với đau đớn trong các giới dưới nhân loại, nhưng nó thuộc về một biến phân khác. Nó không quy về bản ngã. Các hình thức sự sống dưới nhân loại chịu đau khổ, trải qua khó chịu và chịu các cơn hấp hối của cái chết, nhưng chúng thiếu ký ức và khả năng dự kiến, và không sở hữu sự lĩnh hội trí tuệ cho phép chúng liên hệ quá khứ với hiện tại và dự đoán tương lai. Chúng được miễn khỏi nỗi thống khổ của sự lo sợ trước. Toàn bộ phản ứng của chúng đối với những điều được gọi là điều kiện xấu khác với phản ứng của nhân loại đến mức chúng ta khó nắm bắt được. *Cổ Luận* mô tả hai nhóm này bằng những lời sau:

"The Sons of God, who know and see and hear (and knowing, know they know) suffer the pain of conscious limitation. Deep in the inmost depths of conscious being, their lost estate of liberty eats like a canker. Pain, sickness, poverty and loss are seen as such, and from them every son of God revolts. He knows that in himself, as once he was before he entered prisoner into form, he knew not pain. Sickness and death, corruption and disease, they touched him not. The riches of

"Các Con của Thượng đế, những Đấng biết, thấy và nghe, và khi biết thì biết rằng mình biết, chịu nỗi đau của sự giới hạn có ý thức. Sâu trong tận đáy sâu thẳm nhất của bản thể có ý thức, tình trạng tự do đã mất của các Ngài ăn mòn như một chứng loét. Đau đớn, bệnh tật, nghèo khổ và mất mát được thấy đúng như thế, và mọi Con của Thượng đế đều phản kháng chống lại chúng. Ngài biết rằng trong chính mình, như Ngài từng là trước khi bước vào hình tướng như một tù

the universe were his, and naught he knew of loss.

nhân, Ngài không biết đau đớn. Bệnh tật và cái chết, mục nát và chứng bệnh, chúng không chạm đến Ngài. Những của cải của vũ trụ là của Ngài, và Ngài không biết gì về mất mát.

"The lives that enter into form alone with lives self-conscious, the deva lives which build the forms indwelt by all the Sons of God, they know not pain or loss or poverty. The form decays, the other forms retire, and that which is required to nourish and keep strong the outer, lacks. But lacking also will and planned intent, they feel no aggravation and know no clear revolt."

"Những sự sống đi vào hình tướng cùng với các sự sống tự ý thức, các sự sống thiên thần kiến tạo những hình tướng được tất cả Các Con của Thượng đế cư ngụ, chúng không biết đau đớn, mất mát hay nghèo khổ. Hình tướng suy tàn, các hình tướng khác rút lui, và điều cần thiết để nuôi dưỡng và giữ cho bên ngoài mạnh mẽ thì thiếu vắng. Nhưng vì cũng thiếu ý chí và chủ đích có hoạch định, chúng không cảm thấy sự bức bách và không biết sự phản kháng rõ ràng."

A word about pain might be in place here, though I have naught of an abstruse nature to communicate anent the evolution of the human hierarchy through the medium of pain. The devas do not suffer pain as does mankind. Their rate of rhythm is steadier although in line with the Law. They learn through application to the work of building and through incorporation into the form of that which is built. They grow through appreciation [533] of and joy in the forms built and the work accomplished. The devas build and humanity breaks and through the shattering of the forms man learns through discontent. Thus is acquiescence in the work of the greater Builders achieved. Pain is that upward struggle through matter which lands a man at the Feet of the Logos; pain is the following of the line of the greatest resistance and thereby reaching the summit of the mountain; pain is the smashing of the form and the reaching of the inner fire; pain is the cold of isolation which leads to the warmth of the central sun; pain is the burning in the furnace in order finally to know the coolness of the water of life; pain

Một lời về đau đớn có thể thích hợp ở đây, dù tôi không có điều gì thuộc bản chất thâm áo để truyền đạt liên quan đến sự tiến hoá của Huyền Giai nhân loại qua phương tiện đau đớn. Các thiên thần không chịu đau đớn như nhân loại. Tốc độ nhịp điệu của họ ổn định hơn, dù vẫn phù hợp với Định luật. Họ học qua việc áp dụng vào công việc kiến tạo và qua sự kết nhập vào hình tướng của điều được kiến tạo. Họ tăng trưởng qua sự trân trọng [533] và niềm hoan hỉ trong các hình tướng được kiến tạo và công việc đã hoàn thành. Các thiên thần kiến tạo, còn nhân loại phá vỡ; và qua sự đập vỡ các hình tướng, con người học bằng bất mãn. Nhờ vậy, sự thuận nhận công việc của các Đấng Kiến Tạo lớn hơn được đạt thành. Đau đớn là cuộc đấu tranh hướng thượng xuyên qua vật chất, đưa con người đến dưới Chân Thượng đế; đau đớn là việc đi theo con đường có sức kháng cự lớn nhất và nhờ đó đạt tới đỉnh núi; đau đớn là sự đập vỡ hình tướng và vươn tới lửa bên trong; đau đớn là cái lạnh của sự cô lập dẫn đến hơi ấm của mặt trời trung tâm; đau đớn là sự thiêu đốt trong lò lửa để cuối cùng biết được sự mát lành của nước sự sống; đau

is the journeying into the far country, resulting in the welcome to the Father's Home; pain is the illusion of the Father's disowning, which drives the prodigal straight to the Father's heart; pain is the cross of utter loss, that renders back the riches of the eternal bounty; pain is the whip that drives the struggling builder to carry to utter perfection the building of the Temple.

đớn là cuộc hành trình đến miền xa xôi, dẫn đến sự chào đón tại Nhà Cha; đau đớn là ảo tưởng về việc bị Cha từ bỏ, điều thúc đẩy đứa con hoang đàng đi thẳng vào trái tim Cha; đau đớn là thập giá của sự mất mát hoàn toàn, trả lại những của cải của nguồn ân phúc vĩnh cửu; đau đớn là roi thúc đẩy người kiến tạo đang vật lộn đưa công trình xây dựng Đền Thờ đến sự hoàn hảo tuyệt đối.

The uses of pain are many, and they lead the human soul out of darkness into light, out of bondage into liberation, out of agony into peace. That peace, that light and that liberation, with the ordered harmony of the cosmos are for all the sons of men.

Công dụng của đau đớn thì nhiều, và chúng dẫn linh hồn con người ra khỏi bóng tối vào ánh sáng, ra khỏi ràng buộc vào giải thoát, ra khỏi thống khổ vào bình an. Bình an ấy, ánh sáng ấy và sự giải thoát ấy, cùng với hòa điệu có trật tự của vũ trụ, dành cho tất cả những người con của nhân loại.

With the problem of limitation is closely linked that of liberation. Into the prison house of form enter all that live; some enter consciously and some unconsciously, and this we call birth, appearance, incarnation, manifestation. Immediately there sweeps into activity another law or the working out of an active principle which we call the Law of Cycles. This is the principle of periodic appearance—a beneficent operation of the lower wisdom of innate divinity, for it produces that sequence of the states of consciousness which we term Time. This produces therefore in the world field of awareness a [534] gradual and slow growth towards self-expression, self-appreciation, and self-realisation. To these principles of Limitation and of Cycles is added another principle, that of Expansion. This brings about the development of consciousness so that the latent germ of sentiency or of sensitive response to environment may be fostered in the living unit.

Với vấn đề giới hạn, vấn đề giải thoát liên kết chặt chẽ. Vào ngôi nhà tù của hình tướng, mọi sự sống đều đi vào; một số đi vào có ý thức và một số vô thức, và điều này chúng ta gọi là sinh ra, sắc tướng, nhập thể, biểu hiện. Ngay lập tức, một định luật khác, hay sự vận hành của một nguyên khí tích cực mà chúng ta gọi là Định luật Chu kỳ, tràn vào hoạt động. Đây là nguyên khí của sự xuất hiện theo chu kỳ — một hoạt động mang lại lợi ích của minh triết thấp hơn thuộc thiên tính bẩm sinh, vì nó tạo ra chuỗi các trạng thái tâm thức mà chúng ta gọi là Thời gian. Do đó, trong trường nhận biết của thế giới, điều này tạo ra một [534] sự tăng trưởng dần dần và chậm rãi hướng tới tự biểu đạt, tự trân trọng và tự chứng nghiệm. Vào các nguyên khí Giới hạn và Chu kỳ này, còn được thêm một nguyên khí khác, đó là nguyên khí Mở rộng. Nguyên khí này tạo nên sự phát triển của tâm thức để mầm tiềm ẩn của cảm tri hay sự đáp ứng nhạy bén với môi trường có thể được nuôi dưỡng trong đơn vị sống.

We have therefore three Principles:

Vì vậy, chúng ta có ba Nguyên khí:

1. The Principle of Limitation.

2. The Principle of Periodic Manifestation.

3. The Principle of Expansion.

These three Principles together constitute the factors underlying the Law of Evolution as men call it. They bring about the imprisonment of the Life in its various appearances or aspects; they produce the environing forms, and they lead the imprisoned lives on into ever more educational prison houses. Finally the time arrives when the Principle of Liberation becomes active and a transition is effected out of a prison house which cramps and distorts into one which provides adequate conditions for the next development of consciousness.

It is interesting here to note that death is governed by the Principle of Liberation, and not by that of Limitation. Death is only recognised as a factor to be dealt with by self-conscious lives and is only misunderstood by human beings, who are the most glamoured and deluded of all incarnated lives.

The next point to be noted is that each kingdom in nature acts in two ways:

1. As the liberator of the kingdom of forms which has not reached its particular stage of conscious awareness.

2. As the prison house of lives that have transmitted into it from the level of consciousness next beneath it. [535]

1. Nguyên khí Giới hạn.

2. Nguyên khí Biểu hiện Theo Chu kỳ.

3. Nguyên khí Mở rộng.

Ba Nguyên khí này cùng nhau cấu thành những yếu tố nằm dưới Định luật Tiến hoá, như con người gọi. Chúng đem lại sự giam giữ Sự Sống trong các sắc tướng hay phương diện khác nhau của nó; chúng tạo ra các hình tướng bao quanh, và dẫn các sự sống bị giam giữ tiến vào những ngôi nhà tù ngày càng có tính giáo dục hơn. Cuối cùng, thời điểm đến khi Nguyên khí Giải thoát trở nên hoạt động và một sự chuyển tiếp được thực hiện ra khỏi một ngôi nhà tù gây bó hẹp và méo mó, để bước vào một ngôi nhà tù cung cấp các điều kiện thích đáng cho sự phát triển kế tiếp của tâm thức.

Điều thú vị cần lưu ý ở đây là cái chết được chi phối bởi Nguyên khí Giải thoát, chứ không phải bởi Nguyên khí Giới hạn. Cái chết chỉ được nhận biết như một yếu tố cần được xử lý bởi các sự sống tự ý thức, và chỉ bị hiểu lầm bởi con người, vốn là những sự sống nhập thể bị ảo cảm và ảo tưởng nhiều nhất.

Điểm kế tiếp cần lưu ý là mỗi giới trong thiên nhiên hoạt động theo hai cách:

1. Như kẻ giải thoát cho giới hình tướng chưa đạt tới giai đoạn nhận biết có ý thức riêng của nó.

2. Như ngôi nhà tù của những sự sống đã chuyển vào đó từ cấp độ tâm thức ngay bên dưới nó. [535]

Let it be remembered always that each field of awareness in its boundaries constitutes a prison, and that the objective of all work of liberation is to release the consciousness and expand its field of contacts. Where there are boundaries of any kind, where a field of influence is circumscribed, and where the radius of contact is limited there you have a prison. Ponder on this statement for it holds much of truth. Where there is an apprehension of a vision and of a wide unconquered territory of contacts then there will inevitably be a sense of imprisonment and of cramping. Where there is realisation of worlds to conquer, of truths to be learnt, of conquests to be made, of desires to be achieved, of knowledges to be mastered, there you will have a festering sense of limitation, goading on the aspirant to renewed effort and driving the living entity on along the path of evolution. Instinct, governing the vegetable and animal kingdoms, develops into intellect in the human family. Later intellect merges into intuition and intuition into illumination. When the superhuman consciousness is evoked these two—intuition and illumination—take the place of instinct and of intelligence.

Hãy luôn nhớ rằng mỗi trường nhận biết, trong các ranh giới của nó, cấu thành một nhà tù, và mục tiêu của mọi công việc giải thoát là giải phóng tâm thức và mở rộng trường tiếp xúc của nó. Ở đâu có các ranh giới thuộc bất kỳ loại nào, ở đâu một trường ảnh hưởng bị giới hạn, và ở đâu bán kính tiếp xúc bị hạn chế, ở đó bạn có một nhà tù. Hãy suy ngẫm câu nói này, vì nó chứa đựng nhiều chân lý. Ở đâu có sự lĩnh hội một tầm nhìn và một lãnh thổ tiếp xúc rộng lớn chưa được chinh phục, ở đó chắc chắn sẽ có cảm giác bị giam giữ và bị bó hẹp. Ở đâu có sự chứng nghiệm về những thế giới cần chinh phục, những chân lý cần học, những chiến thắng cần đạt, những dục vọng cần thành tựu, những tri thức cần làm chủ, ở đó bạn sẽ có một cảm thức giới hạn nung nấu, thúc giục người chí nguyện nỗ lực mới và đẩy thực thể sống tiến lên dọc theo con đường tiến hoá. Bản năng, chi phối giới thực vật và giới động vật, phát triển thành trí năng trong gia đình nhân loại. Về sau, trí năng hòa nhập vào trực giác và trực giác vào soi sáng. Khi tâm thức siêu nhân được gợi lên, hai điều này — trực giác và soi sáng — thay thế cho bản năng và trí thông minh.

Illumination—what does that lead to? Straight to the summit of achievement, to the fulfillment of cyclic destiny, to the emergence of the radiant glory, to wisdom, power, God consciousness. These words however mean but little or nothing in comparison with a Reality which can only be sensed by any human being when his intuition is awakened and his mind illumined.

Soi sáng — điều đó dẫn đến đâu? Trực tiếp đến đỉnh cao thành tựu, đến sự hoàn tất định mệnh chu kỳ, đến sự xuất lộ của vinh quang rạng rỡ, đến minh triết, quyền năng, tâm thức Thượng đế. Tuy nhiên, những lời này chỉ có nghĩa rất ít hoặc không có nghĩa gì khi so với một Thực tại chỉ có thể được bất kỳ con người nào cảm nhận khi trực giác của y được đánh thức và thể trí của y được soi sáng.

Grasping these facts anent imprisonment how, to be practical, can a man become a releasing agent for the “prisoners of the

Sau khi nắm bắt những sự kiện này liên quan đến sự giam giữ, vậy một cách thực tiễn, làm thế nào con người có thể trở thành

planet"? What can humanity as a whole achieve along this line? What can the individual do?

một tác nhân giải thoát cho các "tù nhân của hành tinh"? Nhân loại như một toàn thể có thể đạt được điều gì theo hướng này? Cá nhân có thể làm gì?

The task of humanity fails primarily into three divisions of labour. Three groups of prisoners can be released [536] and will eventually find their way out of their prison house through the instrumentality of man. Already human beings are working in all three fields.

Nhiệm vụ của nhân loại về căn bản rơi vào ba phân bộ lao động. Ba nhóm tù nhân có thể được giải thoát [536] và cuối cùng sẽ tìm được đường ra khỏi ngôi nhà tù của họ qua công cụ là con người. Con người hiện đã đang làm việc trong cả ba lĩnh vực.

1. Prisoners within the human form. This involves working with one's fellow men.

1. Các tù nhân bên trong hình tướng con người. Điều này bao hàm việc làm việc với đồng loại của mình.

2. Prisoners within the animal kingdom, and already much is being done in this field.

2. Các tù nhân bên trong giới động vật, và đã có nhiều việc đang được thực hiện trong lĩnh vực này.

3. Prisoners within the forms of the vegetable world. A beginning has been made here.

3. Các tù nhân bên trong các hình tướng của giới thực vật. Một khởi đầu đã được thực hiện ở đây.

Much work is being accomplished by man for men, and through the agency of scientific, religious and educational endeavour, the human consciousness is steadily expanding until one by one the Sons of God are breaking through their limitations into the world of souls. In the retrospect of history, the picture of the emerging prisoner, Man, can be seen in clear delineation. Little by little he has mastered the planetary boundaries; little by little, he has grown from the stage of cave man to that of a Shakespeare, a Newton, a Leonardo da Vinci, an Einstein, a St. Francis of Assisi, to a Christ and a Buddha. The capacity of man to achieve in any field of human expression seems practically unlimited, and if the past few thousand years have seen such a stupendous growth, what shall we

Nhiều công việc đang được con người thực hiện cho con người, và qua tác nhân của nỗ lực khoa học, tôn giáo và giáo dục, tâm thức con người đang mở rộng đều đặn cho đến khi từng người một, Các Con của Thượng đế phá vỡ những giới hạn của mình để bước vào thế giới của các linh hồn. Khi nhìn lại lịch sử, bức tranh về tù nhân đang xuất lộ, Con Người, có thể được thấy với nét phác rõ ràng. Từng chút một, y đã làm chủ các ranh giới hành tinh; từng chút một, y đã tăng trưởng từ giai đoạn người hang động đến một Shakespeare, một Newton, một Leonardo da Vinci, một Einstein, một Thánh Francis thành Assisi, đến một Đức Christ và một Đức Phật. Năng lực thành tựu của con người trong bất kỳ lĩnh vực biểu đạt nhân loại nào dường như hầu như vô giới hạn; và nếu vài nghìn năm qua đã chứng kiến một sự tăng

see in the next five thousand years? If prehistoric man, little more than an animal, has grown into the genius, what unfoldment is not possible as more and more of innate divinity makes its presence felt? The superman is with us. What will the world manifest when *all* mankind is tending towards a concrete manifestation of superhuman powers?

trưởng phi thường như thế, chúng ta sẽ thấy gì trong năm nghìn năm tới? Nếu con người tiền sử, chỉ hơn thú vật một chút, đã tăng trưởng thành thiên tài, thì sự khai mở nào lại không thể có khi ngày càng nhiều thiên tính bẩm sinh làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận? Siêu nhân đang ở cùng chúng ta. Thế giới sẽ biểu hiện điều gì khi *toàn thể* nhân loại đang hướng tới một sự biểu hiện cụ thể của các quyền năng siêu nhân?

Man's consciousness is being released in varying directions and dimensions. It is expanding into the world of spiritual realities and beginning to embrace the fifth or spiritual kingdom, the kingdom of souls. It is interpenetrating, through scientific research, the world of [537] super-human endeavour, and investigating the many aspects of the Form of God, and of the forms that constitute the Form.

Tâm thức con người đang được giải phóng theo nhiều hướng và chiều kích khác nhau. Nó đang mở rộng vào thế giới của các thực tại tinh thần và bắt đầu bao gồm giới thứ năm hay giới tinh thần, giới của các linh hồn. Qua nghiên cứu khoa học, nó đang thâm nhập lẫn nhau với thế giới của [537] nỗ lực siêu nhân, và khảo sát nhiều phương diện của Hình Tướng Thượng đế, cũng như của các hình tướng cấu thành Hình Tướng ấy.

In touching upon the work of humanity in releasing the units of which it is constructed, and in releasing the prisoners in the vegetable and animal kingdoms, I want to point out two things, both of profound importance:

Khi đề cập đến công việc của nhân loại trong việc giải phóng các đơn vị cấu thành nó, và trong việc giải phóng các tù nhân trong giới thực vật và giới động vật, tôi muốn chỉ ra hai điều, cả hai đều có tầm quan trọng sâu xa:

First, in order to release the "prisoners of the planet" that come under the title of *subhuman,* man has to work under the influence of the *intuition*; when working to release his fellow men he has to know the meaning of *Illumination.*

Trước hết, để giải thoát các "tù nhân của hành tinh" thuộc danh xưng *dưới nhân loại*, con người phải làm việc dưới ảnh hưởng của *trực giác*; khi làm việc để giải thoát đồng loại, y phải biết ý nghĩa của *Soi sáng*.

When the true nature of Service is comprehended, it will be found that it is an aspect of that divine energy which works always under the destroyer aspect, for it destroys the forms in order to release. Service is a manifestation of the Principle of

Khi bản chất thật sự của Phụng sự được thấu hiểu, người ta sẽ thấy rằng nó là một phương diện của năng lượng thiêng liêng luôn hoạt động dưới phương diện hủy diệt, vì nó phá hủy các hình tướng để giải phóng. Phụng sự là một biểu hiện của Nguyên khí Giải thoát,

Liberation, and of this principle, death and service, constitute two aspects. Service saves, liberates and releases, on various levels, the imprisoned consciousness. The same statements can be made of death. But unless service can he rendered from an intuitive understanding of all the facts in the case, interpreted intelligently, and applied in a spirit of love upon the physical plane, it fails to fulfil its mission adequately.

và của nguyên khí này, cái chết và phụng sự cấu thành hai phương diện. Phụng sự cứu vớt, giải phóng và phóng thích, trên nhiều cấp độ khác nhau, tâm thức bị giam giữ. Những phát biểu tương tự có thể được đưa ra về cái chết. Nhưng trừ khi phụng sự có thể được thực hiện từ một sự thấu hiểu trực giác về tất cả các sự kiện trong trường hợp ấy, được diễn giải một cách thông minh, và được áp dụng trong tinh thần bác ái trên cõi hồng trần, nó không hoàn thành sứ mệnh của mình một cách thích đáng.

When the factor of spiritual illumination enters into that service, you have those transcendent Lights which have illumined the way of humanity and have acted like search-lights, thrown out into the great ocean of consciousness, revealing to man the Path he can and must go.

Khi yếu tố soi sáng tinh thần bước vào sự phụng sự ấy, bạn có những Ánh Sáng siêu việt đã soi sáng con đường của nhân loại và hoạt động như những đèn pha, chiếu ra đại dương bao la của tâm thức, mặc khải cho con người Đường Đạo mà y có thể và phải đi.

I would like to point out another thing. I have given no specific rules for releasing the prisoners of the planet. I have made no classification of the prisons and their prisoners, nor of methods of work nor of techniques of release.

Tôi muốn chỉ ra một điều khác. Tôi không đưa ra các quy luật cụ thể nào để giải thoát các tù nhân của hành tinh. Tôi không phân loại các nhà tù và tù nhân của chúng, cũng không phân loại các phương pháp làm việc hay các kỹ thuật giải thoát.

I urge only upon each and all who read these Instructions [538] the necessity for renewed effort to fit themselves for service by a conscious and deliberate effort to develop the intuition and to achieve illumination. Every human being who reaches the goal of light and wisdom automatically has a field of influence which extends both up and down, and which reaches both inwards to the source of light and outwards into the "fields of darkness". When he has thus attained he will become a conscious centre of life giving force, and will be so without effort. He will stimulate, energise and vivify to fresh efforts all lives that he contacts, be they his fellow aspirants, or an animal, or a

Tôi chỉ thôi thúc mỗi người và tất cả những ai đọc các Huấn thị này [538] về sự cần thiết của nỗ lực mới để tự chuẩn bị cho phụng sự bằng một nỗ lực có ý thức và chủ tâm nhằm phát triển trực giác và đạt được soi sáng. Mỗi con người đạt tới mục tiêu của ánh sáng và minh triết tự động có một trường ảnh hưởng trải rộng cả lên trên lẫn xuống dưới, vươn cả vào trong đến nguồn ánh sáng và ra ngoài vào "các cánh đồng bóng tối". Khi y đã đạt được như vậy, y sẽ trở thành một trung tâm có ý thức của mãnh lực ban sự sống, và sẽ như thế mà không cần nỗ lực. Y sẽ kích thích, tiếp năng lượng và làm sinh động mọi sự sống mà y tiếp xúc để hướng tới những nỗ lực mới, dù đó là các bạn chí nguyện đồng

flower. He will act as a transmitter of light in the darkness. He will dispel the glamour around him and let in the radiance of reality.

hành, hay một con vật, hay một đóa hoa. Y sẽ hoạt động như người truyền dẫn ánh sáng trong bóng tối. Y sẽ xua tan ảo cảm quanh mình và để hào quang của thực tại đi vào.

When large numbers of the sons of men can so act, then the human family will enter upon its destined work of planetary service. Its mission is to act as a bridge between the world of spirit and the world of material forms. All grades of matter meet in man, and all the states of consciousness are possible to him. Mankind can work in all directions and lift the subhuman kingdoms into heaven and bring heaven down to earth.

Khi số đông những người con của nhân loại có thể hành động như vậy, bấy giờ gia đình nhân loại sẽ bước vào công việc phụng sự hành tinh đã được định sẵn của mình. Sứ mệnh của nó là hoạt động như một cây cầu giữa thế giới tinh thần và thế giới của các hình tướng vật chất. Mọi cấp độ của vật chất gặp nhau trong con người, và mọi trạng thái tâm thức đều có thể có đối với y. Nhân loại có thể làm việc theo mọi hướng, nâng các giới dưới nhân loại lên thiên giới và đem thiên giới xuống Trái Đất.

RULE THIRTEEN

The magician must recognize the four; note in his work the shade of violet they evidence, and thus constructed the shadow. When this is so, the shadow clothes itself, and the four become the seven.

Nhà huyền thuật phải nhận ra bộ bốn; lưu ý trong công việc của mình sắc thái tím mà chúng thể hiện, và như vậy xây dựng cái bóng. Khi điều này được như vậy, cái bóng tự khoác quần áo, và bốn trở thành bảy.

The Quarternaries to be Recognised— Các Bộ Bốn Cần Được Nhận Biết

[541]

This rule is for me one of the most difficult to explain, the reason for this being threefold:

One: The number of people in physical incarnation at this time who can work in a truly creative manner and profit by the information given in this Rule is exceedingly few. Only to the white magician, and he experienced in his work, can the real interpretation be given. There is much danger in imparting the significance of these rules to those who are not qualified in themselves to work correctly. We will, therefore, consider the qualifications required of those who are entitled to this knowledge so that the student can begin to develop in himself that which may be lacking.

Two: The danger of minute and detailed instructions consists in the fact that were they now to be given to the world, we should be flooded with thought-forms and these thought-forms would be created in order to express purely selfish desire and mental matter would be swept into activity in line with the fancies and the whims of the undeveloped along spiritual lines. It must be remembered that every human thought,

[541]

Đối với tôi, quy luật này là một trong những quy luật khó giải thích nhất, lý do của điều này có ba phần:

Một: Số người đang lâm phàm trên cõi hồng trần vào lúc này có thể làm việc theo một cách thật sự sáng tạo và hưởng lợi từ thông tin được đưa ra trong Quy luật này là cực kỳ ít. Chỉ cho nhà huyền thuật chánh đạo, và là người đã có kinh nghiệm trong công việc của mình, sự diễn giải thật sự mới có thể được trao. Có nhiều nguy hiểm trong việc truyền đạt thâm nghĩa của các quy luật này cho những người tự thân chưa đủ tư cách để làm việc đúng đắn. Vì vậy, chúng ta sẽ xem xét các phẩm chất cần có nơi những người có quyền tiếp nhận tri thức này, để đạo sinh có thể bắt đầu phát triển nơi chính mình điều có thể còn thiếu.

Hai: Mối nguy của những chỉ dẫn tỉ mỉ và chi tiết nằm ở chỗ, nếu giờ đây chúng được trao cho thế gian, chúng ta sẽ bị tràn ngập bởi các hình tư tưởng; và những hình tư tưởng này sẽ được tạo ra để biểu lộ dục vọng hoàn toàn ích kỷ, còn chất liệu cõi trí sẽ bị cuốn vào hoạt động theo những tưởng tượng và thất thường của những người chưa phát triển theo đường hướng tinh thần. Cần nhớ rằng mọi tư tưởng của con người, dù là những tư

whether the potent mass thoughts or individual dynamic ideas, must eventually emerge objectively on the physical plane. This is an inevitable and unalterable rule and due consideration of this law which governs mental substance will show the danger of wrong thought and the power of right. The potency of human thought at this time is primarily of mass description, for few there are who can think creatively. Public opinion, mass ideas, the tendencies of human [542] desire and thought, are not at this time of the highest order, and the physical precipitation of these vague and inchoate thoughts distinguished by a vast similarity, and coloured by selfish intent and personal behest, and based upon likes and dislikes, prejudices and longings, can be seen in the most interesting precipitation. The vast assembly of insects which now haunt our planet and cause increasing concern to the scientist, agriculturist, and all those dealing with the welfare of the human animal, are the direct result of thought precipitation.

tưởng quần chúng mạnh mẽ hay những ý tưởng năng động cá nhân, cuối cùng đều phải xuất hiện một cách khách quan trên cõi hồng trần. Đây là một quy luật tất yếu và bất biến; và sự cân nhắc đúng mức định luật này, vốn chi phối chất liệu cõi trí, sẽ cho thấy mối nguy của tư tưởng sai lầm và quyền năng của tư tưởng đúng đắn. Quyền năng của tư tưởng nhân loại vào lúc này chủ yếu mang tính quần chúng, vì rất ít người có thể tư duy một cách sáng tạo. Công luận, các ý tưởng quần chúng, những khuynh hướng của dục vọng và tư tưởng nhân loại [542] hiện nay không thuộc trật tự cao nhất; và sự ngưng tụ hồng trần của những tư tưởng mơ hồ, chưa thành hình này — vốn nổi bật bởi một sự tương đồng rộng lớn, nhuốm màu ý định ích kỷ và mệnh lệnh cá nhân, dựa trên những ưa ghét, thành kiến và khát vọng — có thể được thấy trong một sự ngưng tụ hết sức đáng chú ý. Tập hợp khổng lồ các loài côn trùng hiện đang ám ảnh hành tinh chúng ta và gây mối quan tâm ngày càng tăng cho nhà khoa học, nhà nông học và tất cả những ai xử lý phúc lợi của con vật nhân loại, là kết quả trực tiếp của sự ngưng tụ tư tưởng.

I have not time to enlarge upon this fact, but I can assure you that as men learn to think with more unselfishness and with greater purity, and as malice and hatred and competition give place to brotherhood, kindness and cooperation, the insect pest, as it is now called, will most surely die out.

Tôi không có thời gian để nói rộng thêm về sự kiện này, nhưng tôi có thể bảo đảm với các bạn rằng khi con người học cách tư duy với nhiều tính vô ngã hơn và với sự tinh khiết lớn hơn, và khi ác ý, hận thù cùng cạnh tranh nhường chỗ cho tình huynh đệ, lòng tử tế và sự hợp tác, thì tai họa côn trùng, như hiện nay người ta gọi, chắc chắn sẽ dần biến mất.

Three: Another difficulty which I experience in elucidating these rules lies in the fact that it is today more easy to prove the fact that there is a realm of mind than it is to prove that there is a realm of the ether, even though scientists use the word widely. This

Ba: Một khó khăn khác mà tôi gặp phải khi làm sáng tỏ các quy luật này nằm ở chỗ, ngày nay việc chứng minh rằng có một cõi trí dễ hơn việc chứng minh rằng có một cõi dĩ thái, dù các nhà khoa học dùng rộng rãi từ này. Quy luật này liên quan đến bốn cấp độ của

rule concerns the four grades of etheric substance which constitute the etheric envelope of all forms in nature, from a mountain to an ant, and from a plant to an atom. Certain scientists recognize the fact of an etheric body, vast numbers do not, and from the standpoint of the masses of humanity, it remains unrecognized. That which lies closest to us and in our immediate foreground is often overlooked, and it has interested those of us who teach and guide to note how much emphasis is laid upon psychic and astral phenomena, and how little attention is paid to the more obvious and more easily discerned etheric forms and forces! Given a slight change in the present mode of visual focussing it will be found that the human eye is capable of including an entirely new field of perception and of awareness. Blindly men introvert their [543] consciousness and become aware of astral objects and that illusive world of ever changing forms in which we live and move and have our being, and yet, they fail to see that which lies immediately before them.

chất liệu dĩ thái, vốn cấu thành lớp bao dĩ thái của mọi hình tướng trong thiên nhiên, từ một ngọn núi đến một con kiến, và từ một cây cỏ đến một nguyên tử. Một số nhà khoa học thừa nhận sự kiện về một thể dĩ thái, còn số đông thì không; và xét theo quan điểm của đại chúng nhân loại, nó vẫn chưa được thừa nhận. Điều nằm gần chúng ta nhất và ngay trước tầm mắt chúng ta thường bị bỏ qua; và đối với những người trong chúng tôi, những người giảng dạy và hướng dẫn, thật đáng chú ý khi thấy người ta đặt quá nhiều nhấn mạnh lên các hiện tượng thông linh và cảm dục, trong khi lại quá ít chú ý đến những hình tướng và mãnh lực dĩ thái hiển nhiên hơn và dễ phân biện hơn! Nếu chỉ có một thay đổi nhẹ trong cách tập trung thị giác hiện nay, người ta sẽ thấy rằng mắt người có khả năng bao gồm một lĩnh vực tri nhận và nhận biết hoàn toàn mới. Con người mù quáng hướng nội tâm thức của mình [543] và trở nên nhận biết các đối tượng cảm dục cùng thế giới ảo huyễn của những hình tướng luôn biến đổi, trong đó chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu; thế nhưng họ lại không thấy điều nằm ngay trước mặt mình.

These three difficulties of:

1. Lack of qualification,

2. Dangers inherent in unconscious form-building.

3. Etheric blindness,

make it well nigh impossible for me to do full justice to this rule and to elucidate the work on etheric levels, and hence the relative brevity of the elucidation.

Ba khó khăn này:

1. Thiếu phẩm chất thích hợp,

2. Những nguy hiểm cố hữu trong việc kiến tạo hình tướng một cách vô thức.

3. Sự mù lòa dĩ thái,

khiến tôi hầu như không thể trình bày đầy đủ quy luật này và làm sáng tỏ công việc trên các cấp độ dĩ thái; do đó phần giải thích tương đối ngắn gọn.

In dealing with the subject of qualification and answering the question: What constitutes the equipment needed by a white magician? I would say one thing: —all students realize that certain requirements must be met if a man is to be entrusted with any measure of understanding of the technique of the Great Work. I take it for granted, however, that the *character* qualifications are not those to which our question refers. All aspirants know, and down the ages have been taught, that a clean mind and a pure heart, love of truth, and a life of service and unselfishness, are prime prerequisites, and where they are lacking, naught avails and none of the great secrets can be imparted. You might well say here: We have also been taught that there exist those who work in the four ethers and who undoubtedly perform magical deeds, yet who do not possess this essential purity and loving-kindness to which reference has been made. This is undoubtedly true; they belong to a group of workers in matter whom we call Black Magicians; they are highly developed intellectually and can motivate mental substance or mind stuff in such a manner that it can achieve objectivity on the physical plane and bring about their deep intent. About this group there is much misunderstanding and profound ignorance. It is perhaps as well, [544] for their destiny is tied up with the future race, the sixth, and their end and the cessation of their activities will come about in that far distant aeon which is technically called the Sixth Round. The final break or division between the so-called black and white forces, for this particular world cycle, will take place during the period of the sixth root race in the present round. Towards the close of the sixth root race, before the emergence of the seventh, we shall have the true Armageddon about which so much has been taught. A

Khi đề cập đến vấn đề phẩm chất thích hợp và trả lời câu hỏi: Trang bị cần thiết của một nhà huyền thuật chánh đạo gồm những gì? Tôi xin nói một điều: —mọi đạo sinh đều nhận ra rằng phải đáp ứng một số yêu cầu nhất định nếu một người được giao phó bất kỳ mức độ thấu hiểu nào về kỹ thuật của Công Trình Vĩ Đại. Tuy nhiên, tôi mặc nhiên cho rằng các phẩm chất về *tính cách* không phải là những điều mà câu hỏi của chúng ta muốn nói tới. Tất cả những người chí nguyện đều biết, và qua các thời đại đã được dạy, rằng một thể trí trong sạch và một trái tim tinh khiết, tình thương chân lý, cùng một đời sống phụng sự và vô ngã, là những điều kiện tiên quyết hàng đầu; và nơi nào thiếu chúng, không gì có hiệu quả và không một bí mật lớn lao nào có thể được truyền trao. Ở đây các bạn có thể nói: Chúng tôi cũng đã được dạy rằng có những người hoạt động trong bốn dĩ thái và chắc chắn thực hiện những hành vi huyền thuật, nhưng lại không sở hữu sự tinh khiết thiết yếu và lòng nhân ái mà ở đây đã nhắc đến. Điều này chắc chắn đúng; họ thuộc về một nhóm người hoạt động trong vật chất mà chúng ta gọi là các nhà hắc thuật; họ phát triển rất cao về mặt trí tuệ và có thể thúc đẩy chất liệu cõi trí theo cách khiến nó đạt đến tính khách quan trên cõi hồng trần và thực hiện ý định sâu kín của họ. Về nhóm này có rất nhiều hiểu lầm và vô minh sâu xa. Có lẽ như vậy cũng tốt, [544] vì số phận của họ gắn liền với giống dân tương lai, giống dân thứ sáu, và sự kết thúc của họ cùng sự chấm dứt các hoạt động của họ sẽ diễn ra trong thời đại rất xa xôi được gọi một cách chuyên môn là Cuộc Tuần Hoàn thứ sáu. Sự đoạn tuyệt hay phân chia cuối cùng giữa những mãnh lực được gọi là đen và trắng, đối với chu kỳ thế giới đặc thù này, sẽ diễn ra trong thời kỳ của giống dân gốc thứ sáu trong cuộc tuần hoàn hiện tại. Vào cuối giống dân gốc thứ sáu, trước khi giống dân thứ bảy xuất hiện,

small cycle, corresponding to this final battle and cleavage, will appear during the sixth subrace which is now in process of formation. The world war which has just taken place and our present cycle of separativeness and upheaval, do not constitute the real Armageddon. The war which is told to us in the Mahabharata and the present war had the roots of their trouble and the seeds of the disasters which they brought about, one in the lower and one in the higher astral world. Selfishness and desire of a low order were the impulses back of them both. The coming great division will have its roots in the mental world and will consummate in the sixth subrace. In the sixth root race it will have the seeds of portentous disaster in the coordinated triplicity of mind, astralism, and physical nature, which will bring about a climaxing moment for the planetary duality.

chúng ta sẽ có trận Armageddon thực sự mà về nó người ta đã giảng dạy rất nhiều. Một chu kỳ nhỏ, tương ứng với trận chiến và sự phân rẽ cuối cùng này, sẽ xuất hiện trong giống dân phụ thứ sáu hiện đang trong tiến trình hình thành. Cuộc thế chiến vừa diễn ra và chu kỳ hiện tại của chúng ta với sự chia rẽ và biến động không cấu thành Armageddon thật sự. Cuộc chiến được kể cho chúng ta trong Mahabharata và cuộc chiến hiện tại đều có gốc rễ của rắc rối và hạt giống của những tai họa mà chúng gây ra, một ở thế giới cảm dục thấp và một ở thế giới cảm dục cao. Tính ích kỷ và dục vọng thuộc trật tự thấp là các xung lực đằng sau cả hai. Sự phân chia lớn sắp đến sẽ có gốc rễ trong thế giới cõi trí và sẽ hoàn tất trong giống dân phụ thứ sáu. Trong giống dân gốc thứ sáu, nó sẽ có những hạt giống của tai họa trọng đại trong bộ ba được phối hợp của trí tuệ, cảm dục tính và bản chất hồng trần, điều này sẽ đưa tới một thời điểm cực điểm cho nhị nguyên hành tinh.

Beyond that we need not go, for the humanity of the sixth round will be so different in nature to ours and those who will differentiate into the black and the white forces will be so unlike what we now understand by the words, that we need not concern ourselves with that far distant problem.

Xa hơn thế chúng ta không cần đi, vì nhân loại của cuộc tuần hoàn thứ sáu sẽ khác với chúng ta đến mức những ai sẽ phân hoá thành các mãnh lực đen và trắng cũng sẽ khác xa điều hiện nay chúng ta hiểu qua các từ ấy; vì vậy chúng ta không cần bận tâm đến vấn đề rất xa xôi đó.

Let it be remembered that the true black magician (I refer not here to a person with a tendency to black magic) is a soulless entity. He is a being in whom the Ego is—as [545] we understand the term today—non-existent. It is oft overlooked and seldom grasped or told that they, therefore, do not exist in physical bodies. Their world is ever the world of illusion. They work, from the lower mental plane, on desire matter and on the sentient desire bodies of those on the

Hãy nhớ rằng nhà hắc thuật chân chính — ở đây tôi không nói đến một người có khuynh hướng hắc thuật — là một thực thể không có linh hồn. Y là một hữu thể trong đó Chân ngã — theo [545] cách chúng ta hiểu thuật ngữ này ngày nay — không hiện hữu. Người ta thường bỏ qua và hiếm khi nắm bắt hay nói ra rằng vì thế họ không tồn tại trong các thể xác. Thế giới của họ luôn là thế giới của ảo tưởng. Họ hoạt động từ cõi hạ trí, trên chất liệu dục vọng và trên các thể dục vọng

physical plane who are swept by delusion and held in the bonds of extreme selfishness and self-centeredness. What the ignorant call a black magician on the physical plane is only some man or woman sensitive to or en rapport with a true black magician on the astral plane. This relationship is only possible when there have been many lives of selfishness, low desire, perverted intellectual aspiration, and love of the lower psychism, and this only when the man has been held willingly in thrall by them. Such men and women are few and far between, for unadulterated selfishness is rare indeed. Where it exists, it is exceedingly potent, as are all one-pointed tendencies.

hữu cảm của những người ở cõi hồng trần, những người bị cuốn đi bởi mê lầm và bị giữ trong xiềng xích của tính ích kỷ cùng sự tập trung vào bản thân cực độ. Điều mà kẻ vô minh gọi là một nhà hắc thuật trên cõi hồng trần chỉ là một người nam hay nữ nhạy cảm với, hoặc có quan hệ tương thông với, một nhà hắc thuật chân chính trên cõi cảm dục. Mối quan hệ này chỉ có thể có khi đã có nhiều kiếp sống ích kỷ, dục vọng thấp, khát vọng trí tuệ bị xuyên tạc và lòng yêu thích thông linh thấp; và điều này chỉ xảy ra khi con người đã tự nguyện bị chúng chế ngự. Những người nam và nữ như thế rất hiếm, vì tính ích kỷ không pha tạp quả thật hiếm có. Ở đâu nó tồn tại, nó cực kỳ mạnh mẽ, như mọi khuynh hướng nhất tâm đều vậy.

The clue to the requirements of a more esoteric kind is given to us in Rule XIII. "The magician must recognize the four." He has presumably built up a fine character. He has educated himself for service. His aspiration is true and steady. He is living purely and unselfishly. He has mastered somewhat the meaning of meditation. He now has to begin to train himself in what is called "occult recognition."

Manh mối về các yêu cầu thuộc loại huyền bí hơn được trao cho chúng ta trong Quy luật XIII. "Nhà huyền thuật phải nhận ra bộ bốn." Giả định rằng y đã xây dựng được một tính cách tốt đẹp. Y đã tự giáo dục mình cho việc phụng sự. Khát vọng của y chân thật và kiên định. Y đang sống thanh khiết và vô ngã. Y đã phần nào làm chủ ý nghĩa của tham thiền. Giờ đây y phải bắt đầu rèn luyện mình trong điều được gọi là "sự nhận biết huyền bí."

This rule is a most interesting example of the many connotations and numerous correspondences which can be conveyed in a few simple words. We are told that he must "recognize the four". *The Treatise on Cosmic Fire* tells us:

Quy luật này là một ví dụ hết sức thú vị về nhiều hàm nghĩa và vô số tương ứng có thể được truyền đạt trong vài lời đơn giản. Chúng ta được bảo rằng y phải "nhận ra bộ bốn". *Luận về Lửa Vũ Trụ* nói với chúng ta:

"This means literally that the magician must be in a position to discriminate between the different ethers and to note the special hue of the different levels, thereby insuring a balanced building of the 'shadow.' He 'recognizes' them, in the occult sense; that is, he knows their note [546] and key and is

"Điều này theo nghĩa đen có nghĩa là nhà huyền thuật phải ở trong vị thế có thể phân biện giữa các dĩ thái khác nhau và ghi nhận sắc thái đặc biệt của các cấp độ khác nhau, nhờ đó bảo đảm việc kiến tạo cân bằng 'cái bóng.' Y 'nhận biết' chúng theo nghĩa huyền bí; tức là, y biết âm điệu [546] và chủ âm của

aware of the particular type of energy they embody. Enough emphasis has not been laid upon the fact that the three higher levels of the etheric plane are in vibratory communication with the three higher planes of the cosmic physical plane, and they (with their ensphering fourth level) have been called in the occult books 'the inverted Tetraktys.' It is this knowledge which puts the magician in possession of the three types of planetary force and their combination, or the fourth type, and thus releases for him that vital energy which will drive this idea into objectivity. As the different types of forces meet and coalesce, a dim shadowy form clothes itself upon the vibrating astral and mental sheath, and the idea of the solar Angel is attaining definite concretion."

chúng, và nhận biết loại năng lượng đặc thù mà chúng hiện thân. Người ta chưa nhấn mạnh đủ vào sự kiện rằng ba cấp độ cao hơn của cõi dĩ thái ở trong sự giao tiếp rung động với ba cõi cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ, và chúng — cùng với cấp độ thứ tư bao bọc chúng — đã được gọi trong các sách huyền bí là 'Tứ nguyên đảo ngược.' Chính tri thức này đặt nhà huyền thuật vào quyền sở hữu ba loại mãnh lực hành tinh và sự kết hợp của chúng, hay loại thứ tư, và nhờ đó giải phóng cho y năng lượng thiết yếu sẽ thúc đẩy ý tưởng này đi vào tính khách quan. Khi các loại mãnh lực khác nhau gặp nhau và hòa nhập, một hình tướng mờ tối, lờ mờ, khoác lấy lớp vỏ cảm dục và trí tuệ đang rung động, và ý tưởng của Thái dương Thiên Thần đang đạt tới sự cụ thể hóa xác định."

The obvious and most apparent meaning is, therefore, recognition of the four ethers, but this is in its turn dependent upon other meanings and based upon the recognition of other quaternaries. I would like to give a short *résumé* of some of the qualifications needed by the white magician and of some of the recognitions which will gradually emerge in his consciousness.

Do đó, ý nghĩa hiển nhiên và rõ ràng nhất là sự nhận biết bốn dĩ thái; nhưng điều này đến lượt nó lại phụ thuộc vào các ý nghĩa khác và dựa trên sự nhận biết những bộ bốn khác. Tôi muốn đưa ra một phần tóm lược ngắn về một số phẩm chất cần thiết nơi nhà huyền thuật chánh đạo và một số nhận biết sẽ dần dần xuất hiện trong tâm thức của y.

First, he must recognize "the four that constitute the One." In other words, the first quaternary that he must know and know well is that which he is essentially himself:

Trước hết, y phải nhận biết "bộ bốn cấu thành một toàn thể." Nói cách khác, bộ bốn đầu tiên mà y phải biết, và biết rõ, là điều y vốn là trong bản chất:

1. Physical body, sensitive emotional nature, mind and soul;

1. Thể xác, bản chất cảm xúc nhạy cảm, thể trí và linh hồn;

2. Soul, mind, brain and the outer world of forces;

2. Linh hồn, thể trí, bộ não và thế giới bên ngoài của các mãnh lực;

3. Spirit, soul and body within the great Whole.

3. Tinh thần, linh hồn và thân thể trong Toàn Thể Vĩ Đại.

This presupposes real spiritual attainment and the capacity, therefore, to function as a soul. Until this has been achieved, one can be an aspirant to the practice of white magic, but one is not yet a white magician.

Điều này giả định một thành tựu tinh thần thật sự và do đó là năng lực hoạt động như một linh hồn. Cho đến khi điều này đạt được, người ta có thể là một người chí nguyện đối với việc thực hành Chánh Thuật, nhưng chưa phải là một nhà huyền thuật chánh đạo.

Second, he must recognize "the city that stands foursquare." He must understand the meaning, of "man, the cube", and this in three ways: [547]

Thứ hai, y phải nhận biết "thành phố đứng vuông vức." Y phải thấu hiểu ý nghĩa của "con người, khối lập phương", và điều này theo ba cách: [547]

1. Himself as a human being;

1. Chính y như một con người;

2. His fellow man in relation to himself and the Whole;

2. Người đồng loại của y trong tương quan với chính y và với Toàn Thể;

3. The fourth kingdom in nature, the human kingdom, viewing that entire kingdom as an entity, an organized life functioning on the physical plane, indwelt by soul, animated by spirit.

3. Giới thứ tư trong thiên nhiên, giới nhân loại, khi nhìn toàn bộ giới ấy như một thực thể, một sự sống có tổ chức hoạt động trên cõi hồng trần, được linh hồn nội cư và được tinh thần làm sinh động.

This means, therefore, that as a man he is responsive to his kind and is aware also of the purpose of the kingdom to which he belongs. This can best be expressed in some wonderful words from an ancient writing in the Masters' Archives. It is said to date back to early Atlantean times. The material on which the writing is found is so old and so frail that all that the Masters themselves can touch and see is a precipitation made from it, the original being kept at Shamballa. It runs thus, with certain deletions, which it is wiser not to insert:

Do đó, điều này có nghĩa là với tư cách một con người, y đáp ứng với đồng loại của mình và cũng nhận biết Thiên Ý của giới mà y thuộc về. Điều này có thể được diễn đạt tốt nhất bằng một vài lời tuyệt diệu trích từ một bản văn cổ trong Văn khố của các Chân sư. Người ta nói nó có niên đại từ thời Atlantis sơ kỳ. Chất liệu trên đó bản văn được tìm thấy cổ xưa và mong manh đến mức tất cả những gì chính các Chân sư có thể chạm đến và nhìn thấy chỉ là một bản ngưng tụ được tạo ra từ nó, còn nguyên bản được lưu giữ tại Shamballa. Nó viết như sau, với một vài chỗ lược bỏ mà tốt hơn là không nên đưa vào:

"At the four corners of the square, the four angelic...are seen. Orange they are, but veiled

"Tại bốn góc của hình vuông, bốn vị thiên thần...được nhìn thấy. Các vị có màu cam, nhưng được che phủ trong ánh sáng hồng. Trong mỗi hình tướng, ngọn lửa vàng được

in rosy light. Within each form the yellow flame is seen and round each form the blue...

nhìn thấy và quanh mỗi hình tướng là màu xanh...

"Four words they utter forth, one for each human race, but not the sacred sound which bringeth forth the seventh. Two words have died away, four sound today. One sounds in realms so high that man can enter not as man. Thus are the seven words of man ringing around the square, passing from mouth to mouth.

"Bốn lời các vị thốt ra, mỗi lời dành cho một giống dân nhân loại, nhưng không phải âm thanh thiêng liêng vốn gọi ra giống dân thứ bảy. Hai lời đã tan biến, bốn lời vang lên hôm nay. Một lời vang trong các cảnh giới cao đến mức con người không thể bước vào như con người. Như thế, bảy lời của con người vang quanh hình vuông, truyền từ miệng này sang miệng khác.

"Each day of man the words take form and different seem. In...the words will be as follows:

"Mỗi ngày của con người, các lời ấy khoác lấy hình tướng và có vẻ khác nhau. Trong...các lời sẽ như sau:

"From out the North a word is chanted forth which means...be pure.

"Từ phương Bắc, một lời được xướng lên, có nghĩa là...hãy tinh khiết.

"From out the South the word peals out: I dedicate and...

"Từ phương Nam, lời vang dội: Tôi thánh hiến và...

"From out the East, bringing a light divine, the word comes swinging round the square: Love all.

"Từ phương Đông, mang theo một ánh sáng thiêng liêng, lời ấy xoay quanh hình vuông: Hãy thương yêu tất cả.

"From out the West, answer is thrown back: I serve."

"Từ phương Tây, lời đáp được ném trở lại: Tôi phụng sự."

This is a faint effort to express in English these ancient Atlantean phrases, older than Sanskrit or Senzar, and [548] known only to a mere handful of the members of the present hierarchy. But in the thoughts of purity, dedication, love and service, are summed up the nature and the destiny of man, and it should be remembered that they do not stand for so-called spiritual qualities, but for potent occult forces, dynamic in their incentive and creative in their result. This should be pondered on carefully by all aspirants. We have, consequently, with these

Đây là một nỗ lực mờ nhạt nhằm diễn đạt bằng tiếng Anh những câu cổ Atlantis này, cổ hơn tiếng Sanskrit hay Senzar, và [548] chỉ được biết bởi một nhóm rất nhỏ các thành viên của Thánh đoàn hiện nay. Nhưng trong các tư tưởng về sự tinh khiết, thánh hiến, tình thương và phụng sự, bản chất và vận mệnh của con người được tóm lược; và cần nhớ rằng chúng không đại diện cho các phẩm tính được gọi là tinh thần, mà cho những mãnh lực huyền bí mạnh mẽ, năng động trong sự thúc đẩy và sáng tạo trong kết quả. Tất cả những người chí nguyện nên suy

four, added to the first one, spiritual attainment, five of the qualifications of the white magician.

ngẫm kỹ điều này. Do đó, với bốn điều này, cộng thêm điều đầu tiên là thành tựu tinh thần, chúng ta có năm phẩm tính của nhà huyền thuật chánh đạo.

Third, the white magician must recognize the cross which stands in the Heavens upon which the cosmic Christ is crucified and on which the white magician, being a cell in the body of the cosmic Christ, is also crucified. Technically and astrologically speaking, in this present aeon he must understand the inner significance of Taurus, of Leo, of Scorpio and of Aquarius, for they are potent in our world cycle. He must, if I may express it symbolically, and yet at the same time accurately, be able to utter forth the achievement which is the goal of his endeavor in each of these four signs and under each of these four powers. In Taurus he must be able to say: "I seek illumination and am myself the light." In Leo he will say: "I know myself to be the one. I rule by Law." The word he will utter forth in Scorpio will be: "Illusion cannot hold me. I am the bird that flies with utter freedom." In Aquarius the words spoken will be: "I am the server, and I the dispenser am of living water."

Thứ ba, nhà huyền thuật chánh đạo phải nhận biết thập giá đứng trên Trời, trên đó Đức Christ vũ trụ bị đóng đinh, và trên đó nhà huyền thuật chánh đạo, là một tế bào trong thân thể của Đức Christ vũ trụ, cũng bị đóng đinh. Nói theo nghĩa chuyên môn và chiêm tinh, trong thời đại hiện nay y phải thấu hiểu thâm nghĩa bên trong của Kim Ngưu, Sư Tử, Hổ Cáp và Bảo Bình, vì chúng đầy quyền năng trong chu kỳ thế giới của chúng ta. Nếu tôi có thể diễn đạt một cách biểu tượng, nhưng đồng thời chính xác, y phải có khả năng thốt ra thành tựu vốn là mục tiêu nỗ lực của y trong mỗi một trong bốn dấu hiệu này và dưới mỗi một trong bốn quyền năng này. Trong Kim Ngưu, y phải có thể nói: "Tôi tìm kiếm sự soi sáng và chính tôi là ánh sáng." Trong Sư Tử, y sẽ nói: "Tôi biết mình là Đấng Duy Nhất. Tôi cai quản bằng Định luật." Lời y sẽ thốt ra trong Hổ Cáp là: "Ảo tưởng không thể giữ tôi. Tôi là con chim bay với tự do tuyệt đối." Trong Bảo Bình, những lời được nói sẽ là: "Tôi là người phụng sự, và tôi là người phân phát nước hằng sống."

These occult qualifications upon which I have thus lightly touched, must be closely studied by the aspirant and as he studies them and lives by these rules, various qualifications will emerge and will distinguish him. It must be remembered that all that I have here said has a different meaning on each plane and in relation [549] to the seven stages of consciousness as these express themselves in these seven fields of awareness.

Các phẩm chất huyền bí mà tôi đã chỉ chạm nhẹ đến đây phải được người chí nguyện nghiên cứu kỹ lưỡng; và khi y nghiên cứu chúng và sống theo các quy luật này, nhiều phẩm chất khác nhau sẽ xuất hiện và sẽ phân biệt y. Cần nhớ rằng tất cả những gì tôi đã nói ở đây đều có một ý nghĩa khác trên mỗi cõi và trong tương quan [549] với bảy giai đoạn của tâm thức khi chúng biểu lộ trong bảy lĩnh vực nhận biết này.

Finally, as far as the aspirant who reads these instructions is concerned, he must have transcended the four noble truths, learned the meaning of the four gospels, understood the significance and purpose of the four elements—earth, water, fire and air, and, esoterically speaking, passed as a Saviour through the four kingdoms. This latter phrase will only be really understood at the fourth initiation. When he has done this, he can say: "Desire holds me not, with freedom now I stand. I desire all and nothing. I live and die, am offered up and rise again: I come and go at will. Earth lies beneath my feet and water laves my form. The fire destroys that which impedes my way, and master of the air am I. Through all the world of forms my feet have passed. All now exists for me and I, the servant of the whole, persist."

Sau cùng, xét về người chí nguyện đang đọc những chỉ dẫn này, y phải đã vượt qua bốn chân lý cao quý, học được ý nghĩa của bốn phúc âm, thấu hiểu thâm nghĩa và mục đích của bốn nguyên tố — đất, nước, lửa và khí — và, nói một cách huyền bí, đã đi qua bốn giới như một Đấng Cứu Rỗi. Cụm sau cùng này chỉ thật sự được thấu hiểu ở lần điểm đạo thứ tư. Khi y đã làm điều này, y có thể nói: "Dục vọng không giữ được tôi; giờ đây tôi đứng trong tự do. Tôi ham muốn tất cả và không gì cả. Tôi sống và chết, được dâng hiến và sống lại; tôi đến và đi theo ý chí. Đất nằm dưới chân tôi và nước rửa hình tướng tôi. Lửa hủy diệt điều cản trở đường tôi, và tôi là chủ của khí. Qua toàn thể thế giới hình tướng, chân tôi đã đi qua. Giờ đây tất cả hiện hữu cho tôi, và tôi, người phụng sự của toàn thể, vẫn trường tồn."

Study these words and note how the concept of the ideal requirements which constitute the equipment of the white magician has steadily grown.

Hãy nghiên cứu những lời này và ghi nhận cách quan niệm về các yêu cầu lý tưởng cấu thành trang bị của nhà huyền thuật chánh đạo đã tăng trưởng đều đặn ra sao.

I could enlarge on many other quaternaries, but the few just quoted suffice to show some of the recognitions towards which the aspirant strives. The only other one which I will note is that referred to as the violet four, or the four types of energy which constitute the vital or etheric body of all forms in the natural world. Here again we have a higher three and a lower one, which ever indicates the three aspects or principles of divinity and the form through which these three must manifest. Spirit, soul and body express the same idea from another angle, added to that which is produced through their interaction. It must ever be remembered that from the point of view of Reality what we call the dense physical body, tangible and objective, is but an illusion. We are told

Tôi có thể nói rộng về nhiều bộ bốn khác, nhưng vài bộ vừa nêu đủ để chỉ ra một số nhận biết mà người chí nguyện đang phấn đấu hướng tới. Điều duy nhất khác mà tôi sẽ ghi nhận là điều được gọi là bốn màu tím, hay bốn loại năng lượng cấu thành thể sinh lực hay thể dĩ thái của mọi hình tướng trong thế giới tự nhiên. Ở đây một lần nữa chúng ta có một bộ ba cao và một cái thấp, điều luôn chỉ ra ba phương diện hay nguyên khí của thiên tính và hình tướng qua đó ba điều này phải biểu hiện. Tinh thần, linh hồn và thân thể diễn đạt cùng một ý tưởng từ một góc độ khác, cộng thêm điều được tạo ra qua sự tương tác của chúng. Cần luôn nhớ rằng từ quan điểm của Thực Tại, điều chúng ta gọi là thể xác đậm đặc, hữu hình và khách quan, chỉ là một ảo tưởng. Trong các bản văn cổ,

again and again in the ancient writings that it is not a principle. Why is this so? Because it is only an [550] *appearance* brought about by the merging of the higher three and the fourth, and this appearance is a fiction or a figment of the human mind. I speak not in parable; I utter only facts in nature and one that is slowly coming into mature consideration among the philosophers of both hemispheres. Both in the solar system, the macrocosm of the microcosm, and likewise in the microcosm, there are ever the three highest planes which embody the principles and produce the dynamic purpose, and which constitute the four levels of the etheric body of both God and man, viewing them from what we call the energy or physical angle. These four are reflected in the four levels of the etheric division of the physical plane as regards the physical body of all forms. These four etheric levels, or these four grades of vital substance constitute what is called the "true form" of all material objects or phenomena, and they are responsive to the four higher types of spiritual energy which we usually call divine. This relation between the prototypal trinity and its plane of merging and the etheric reflection is found in all forms according to the type of energy which predominates. In each of the four kingdoms in nature all four types are found, but the fourth etheric is found in fuller degree in the mineral kingdom than in the human, whilst the highest of the four ethers is found in greater proportion in the human than in the other three kingdoms. This which I tell you is apt to be found confusing by the neophyte for the words energy, dynamic purpose, vitality and etheric substance mean little to the beginner, but they serve to indicate some of the knowledge which the worker in white magic has to grasp. This I might illustrate, for instance, by stating that working in the mineral kingdom, the fourth kingdom in

chúng ta được nói đi nói lại rằng nó không phải là một nguyên khí. Vì sao lại như vậy? Vì nó chỉ là một [550] *sắc tướng* được tạo ra bởi sự hòa nhập của ba cái cao hơn và cái thứ tư; và sắc tướng này là một hư cấu hay sản phẩm của thể trí con người. Tôi không nói bằng dụ ngôn; tôi chỉ thốt ra những sự kiện trong thiên nhiên, và một sự kiện đang dần đi vào sự cân nhắc chín chắn nơi các triết gia ở cả hai bán cầu. Cả trong hệ mặt trời, đại thiên địa của tiểu thiên địa, và cũng như trong tiểu thiên địa, luôn có ba cõi cao nhất hiện thân các nguyên khí và tạo ra mục đích năng động, và chúng cấu thành bốn cấp độ của thể dĩ thái của cả Thượng đế lẫn con người, khi nhìn chúng từ góc độ năng lượng hay hồng trần mà chúng ta gọi như vậy. Bốn cấp độ này được phản ánh trong bốn cấp độ của phân bộ dĩ thái thuộc cõi hồng trần, xét theo thể xác của mọi hình tướng. Bốn cấp độ dĩ thái này, hay bốn phẩm cấp của chất liệu sinh lực, cấu thành điều được gọi là "hình tướng chân thực" của mọi vật thể hay hiện tượng vật chất; và chúng đáp ứng với bốn loại năng lượng tinh thần cao hơn mà chúng ta thường gọi là thiêng liêng. Mối liên hệ này giữa Tam vị nguyên mẫu và cõi hòa nhập của nó với phản ảnh dĩ thái được tìm thấy trong mọi hình tướng, tùy theo loại năng lượng chiếm ưu thế. Trong mỗi một trong bốn giới của thiên nhiên, cả bốn loại đều được tìm thấy; nhưng dĩ thái thứ tư được tìm thấy ở mức độ đầy đủ hơn trong giới kim thạch so với trong giới nhân loại, trong khi dĩ thái cao nhất trong bốn dĩ thái được tìm thấy với tỉ lệ lớn hơn trong giới nhân loại so với ba giới kia. Điều tôi nói với các bạn đây dễ làm người sơ cơ bối rối, vì các từ năng lượng, mục đích năng động, sinh lực và chất liệu dĩ thái có rất ít ý nghĩa đối với người mới bắt đầu; nhưng chúng giúp chỉ ra một phần tri thức mà người hoạt động trong Chánh Thuật phải nắm bắt. Chẳng hạn, tôi có thể minh họa điều này bằng cách nói rằng khi hoạt động trong giới kim thạch — giới thứ tư

nature from the standpoint of God, and the first from the standpoint of time and space, he will work with the fourth cosmic ether (buddhic energy) utilizing [551] ether of the fourth grade in his own body as the transmitting agent, and so on, in connection with the other three kingdoms in nature. One of the secrets not yet revealed, fortunately, is concerned with the question as to whether light violet is the colour of the highest or the lowest of the four and this will not be revealed for some time to come.

trong thiên nhiên theo quan điểm của Thượng đế, và giới thứ nhất theo quan điểm của thời gian và không gian — y sẽ làm việc với dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức năng lượng Bồ đề, bằng cách sử dụng [551] dĩ thái thuộc cấp độ thứ tư trong chính thân thể của mình làm tác nhân truyền dẫn; và tương tự như vậy trong liên hệ với ba giới khác trong thiên nhiên. Một trong những bí mật may mắn chưa được mặc khải liên quan đến câu hỏi liệu màu tím nhạt là màu của cấp cao nhất hay cấp thấp nhất trong bốn cấp, và điều này sẽ chưa được mặc khải trong một thời gian nữa.

The consideration of these various quaternaries which it is necessary that the white magician understand, and the qualifications which he must possess before he is permitted to carry forward the magical work, leads to the following question: Is there some basic formula or proposition which must govern the magical activity?

Việc xem xét các bộ bốn khác nhau này, những điều mà nhà huyền thuật chánh đạo cần thấu hiểu, cùng các phẩm chất mà y phải sở hữu trước khi được phép tiến hành công việc huyền thuật, dẫn đến câu hỏi sau: Có một công thức hay mệnh đề căn bản nào phải chi phối hoạt động huyền thuật không?

This question is, of course, too general and vague, but until the inclusiveness of the human mind is greater than is now the case, such questions will inevitably be asked. I can, however, give a short reply which holds in it the clue to the entire process. When correctly understood, it will govern the method of work and the thought life of the worker in white magic. My answer is this: Potencies produce precipitation. In those three words lies the entire story. They sum up the history of the Creator and the life story and environing conditions of every human being. They account for all that is, and lie back of the law of rebirth. These potencies are driven into activity by the power of thought and hence, in training them to be creators and in teaching them to govern and control their own destinies, the Teachers of the race begin with the mind

Dĩ nhiên, câu hỏi này quá tổng quát và mơ hồ; nhưng cho đến khi tính bao gồm của thể trí con người lớn hơn hiện nay, những câu hỏi như vậy chắc chắn sẽ được nêu ra. Tuy nhiên, tôi có thể đưa ra một câu trả lời ngắn, trong đó chứa manh mối của toàn bộ tiến trình. Khi được thấu hiểu đúng, nó sẽ chi phối phương pháp làm việc và đời sống tư tưởng của người hoạt động trong Chánh Thuật. Câu trả lời của tôi là: Các quyền năng tạo ra sự ngưng tụ. Trong ba từ ấy nằm trọn toàn bộ câu chuyện. Chúng tóm lược lịch sử của Đấng Sáng Tạo, cũng như câu chuyện đời sống và các điều kiện bao quanh của mỗi con người. Chúng giải thích tất cả những gì hiện hữu và nằm phía sau định luật tái sinh. Các quyền năng này được thúc đẩy vào hoạt động bởi quyền năng của tư tưởng; do đó, trong việc huấn luyện họ trở thành những người sáng tạo và dạy họ cai quản cùng kiểm

aspect of aspirants. They emphasize that which will govern the potencies; they deal with that which produces the objective form, which is qualified by them, is energized by them and which fulfills the purpose of the Thinker.

soát vận mệnh của chính mình, các Huấn sư của nhân loại bắt đầu với phương diện trí tuệ của những người chí nguyện. Các Ngài nhấn mạnh điều sẽ chi phối các quyền năng; các Ngài đề cập đến điều tạo ra hình tướng khách quan, điều được chúng ban phẩm tính, được chúng tiếp sinh lực và hoàn thành mục đích của Chủ Thể Tư Tưởng.

A thinker, then, is the essential factor, and it will become apparent to you, therefore, as you study these words, just what is going on in the world of today. The [552] trend of our modern civilization, in spite of all its mistakes and errors, is to produce thinkers. Education, books, travel, in its many and varied forms, enunciations of science and of philosophy, and the driving inner urge which we call religious, but which is, in fact, the drive towards truth and its mental verification—all these factors have one objective, and this is to produce thinkers. Given a real thinker, you have an incipient creator and (unconsciously at first, but consciously later on) one who will wield power in order to "precipitate" or cause to emerge objective forms. These forms will either be in line with Divine purpose and plan and, consequently, will further the cause of evolution, or they will be animated by personal intent, characterized by separated, selfish purpose, and constitute, therefore, part of the work of the retro-active forces and the material element. They will be of the nature of black magic.

Vậy, một chủ thể tư duy là yếu tố thiết yếu; và do đó, khi các bạn nghiên cứu những lời này, sẽ trở nên rõ ràng đối với các bạn chính xác điều gì đang diễn ra trong thế giới ngày nay. Khuynh hướng [552] của nền văn minh hiện đại của chúng ta, bất chấp mọi sai lầm và lệch lạc của nó, là tạo ra những chủ thể tư duy. Giáo dục, sách vở, du hành trong nhiều hình thức đa dạng, những tuyên bố của khoa học và triết học, cùng xung lực nội tâm thúc đẩy mà chúng ta gọi là tôn giáo, nhưng thực ra là động lực hướng tới chân lý và sự xác minh nó bằng trí tuệ — tất cả những yếu tố này đều có một mục tiêu, và mục tiêu đó là tạo ra những chủ thể tư duy. Khi có một chủ thể tư duy thật sự, các bạn có một người sáng tạo mới chớm; và lúc đầu một cách vô thức, nhưng về sau một cách hữu thức, người ấy sẽ vận dụng quyền năng để "ngưng tụ" hay khiến các hình tướng khách quan xuất hiện. Các hình tướng này hoặc sẽ phù hợp với mục đích và Thiên Cơ thiêng liêng, và do đó thúc đẩy sự nghiệp tiến hoá, hoặc chúng sẽ được làm sinh động bởi ý định cá nhân, mang đặc trưng bởi mục đích chia rẽ và ích kỷ, và vì thế cấu thành một phần công việc của các mãnh lực phản tiến hoá và yếu tố vật chất. Chúng sẽ mang bản chất của hắc thuật.

Again the four appear:

Một lần nữa, bốn điều xuất hiện:

1. The thinker.

1. Chủ thể tư duy.

2. The potency.

3. The quality of that potency.

4. The precipitation.

2. Quyền năng.

3. Phẩm tính của quyền năng ấy.

4. Sự ngưng tụ.

The Precipitation of Thought Forms— Sự Ngưng Tụ của các Hình Tư Tưởng

What is a precipitation? Many definitions could be given and most of them—being clothed in words—would lose much of their true significance, but some idea may be conveyed in the following terms:

Sự ngưng tụ là gì? Có thể đưa ra nhiều định nghĩa, và phần lớn các định nghĩa ấy — vì được khoác trong ngôn từ — sẽ mất đi nhiều thâm nghĩa chân thật của chúng; nhưng một ý niệm nào đó có thể được truyền đạt bằng những lời sau:

"A precipitation is an aggregation of energies arranged in a certain form, in order to express the idea of some creative Thinker, and qualified or characterized by the nature of his thought and held in that peculiar form as long as his thought remains dynamic."

"Một sự ngưng tụ là một tập hợp các năng lượng được sắp đặt trong một hình tướng nhất định, nhằm biểu lộ ý tưởng của một Chủ Thể Tư Tưởng sáng tạo nào đó, và được ban phẩm tính hay mang đặc trưng bởi bản chất tư tưởng của vị ấy, được giữ trong hình tướng đặc thù ấy chừng nào tư tưởng của vị ấy còn năng động."

These words are an attempt to express a symbol found in the same ancient book, or rather compilation, referred [553] to earlier, in our consideration of Rule XIII. Certainly these symbols emerging from the remote past constitute the working tools, if I might so express it, of the Thinkers Who guide our racial and planetary evolution. This particular symbol might be described as follows:

Những lời này là một nỗ lực nhằm diễn đạt một biểu tượng được tìm thấy trong cùng quyển sách cổ, hay đúng hơn là bộ sưu tập cổ, đã được nhắc [553] đến trước đây trong khi chúng ta xem xét Quy luật XIII. Chắc chắn những biểu tượng xuất hiện từ quá khứ xa xưa này cấu thành các công cụ làm việc, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, của các Chủ Thể Tư Tưởng đang hướng dẫn cuộc tiến hoá nhân loại và hành tinh của chúng ta. Biểu tượng đặc thù này có thể được mô tả như sau:

A blazing sun forms the background and at the very center of that sun appears an eye; projecting downwards toward the right from this eye pours forth a stream of energy in the form of a beam of light. It rays

Một mặt trời rực cháy làm nền, và ngay tại trung tâm của mặt trời ấy xuất hiện một con mắt; từ con mắt này, phóng xuống về phía bên phải, tuôn ra một dòng năng lượng dưới hình thức một tia sáng. Nó tỏa ra ngoài, mở

outward, widening towards the end, into a second circle and in that circle is a cross resembling what is called a Maltese cross. At the center of the cross is another eye and within the eye the Sacred Word. Between the arms of the cross forming, therefore, another cross, is the Swastika, the arms emerging from behind the Maltese cross. At the bottom of the page whereon this symbol is found are four geometrical forms. Some of these are referred to by H. P. B. and were taken by her from this ancient picture. They are well known but seldom applied by esotericists to the creative work. They are the cube, the five pointed star, the six pointed star and the eight sided diamond, superimposed one upon the other. They constitute, therefore, the base of the symbol. H. P. B. refers also to the point, the line and the circle, but these, with the triangle, have been exoterically applied to Deity and the manifested universe. Later these other forms will also be applied to God and to man, in the exoteric sense. But this will only be when the truths of the Ageless Wisdom are universally recognized.

rộng dần về phía cuối, đi vào một vòng tròn thứ hai; và trong vòng tròn ấy có một thập giá giống với điều được gọi là thập giá Malta. Tại trung tâm của thập giá có một con mắt khác, và trong con mắt là Linh từ Thiêng Liêng. Giữa các cánh của thập giá, do đó tạo thành một thập giá khác, là chữ vạn, với các cánh hiện ra từ phía sau thập giá Malta. Ở phần dưới của trang trên đó biểu tượng này được tìm thấy có bốn hình hình học. Một số hình này được H. P. B. nhắc đến và được bà lấy từ bức hình cổ này. Chúng được biết đến rộng rãi nhưng hiếm khi được các nhà bí truyền học áp dụng vào công việc sáng tạo. Chúng là khối lập phương, ngôi sao năm cánh, ngôi sao sáu cánh và viên kim cương tám mặt, chồng lên nhau. Vì thế, chúng cấu thành nền tảng của biểu tượng. H. P. B. cũng nhắc đến điểm, đường thẳng và vòng tròn; nhưng những hình này, cùng với tam giác, đã được áp dụng một cách ngoại môn vào Thượng đế và vũ trụ biểu hiện. Về sau, những hình khác này cũng sẽ được áp dụng cho Thượng đế và con người theo nghĩa ngoại môn. Nhưng điều này chỉ xảy ra khi các chân lý của Minh Triết Ngàn Đời được thừa nhận rộng khắp.

The laws of thought are the laws of creation, and the entire creative work is carried forward on the etheric level. This constitutes practically a second formula. The Creator of the solar system confines his attention to the work performed on what we call the four higher planes of our system. The lower three, constituting the cosmic dense physical plane, are in the nature of precipitation. [554] They are objective, because the matter of space responds to, or is attracted by the potency of the four higher etheric vibrations. These, in their turn, are motivated or swept into activity by the dynamic impact of the divine thought. There is a similar procedure where man is concerned. Just as soon as man becomes a

Các định luật của tư tưởng là các định luật của sáng tạo, và toàn bộ công việc sáng tạo được tiến hành trên cấp độ dĩ thái. Điều này thực tế cấu thành một công thức thứ hai. Đấng Sáng Tạo của hệ mặt trời giới hạn sự chú tâm của Ngài vào công việc được thực hiện trên điều chúng ta gọi là bốn cõi cao hơn của hệ chúng ta. Ba cõi thấp, cấu thành cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ, mang bản chất của sự ngưng tụ. [554] Chúng là khách quan, vì vật chất của không gian đáp ứng với, hay bị thu hút bởi, quyền năng của bốn rung động dĩ thái cao hơn. Đến lượt mình, những rung động này được thúc đẩy hay cuốn vào hoạt động bởi tác động năng động của tư tưởng thiêng liêng. Có một tiến trình tương tự liên quan đến con người. Ngay khi

thinker and can formulate his thought, desire its manifestation and can energize "by recognition" the four ethers, a dense physical manifestation is inevitable. He will attract by his pranic energy, coloured by desire high or low, and animated by the potency of his thought, just as much of the responsive matter in space as is needed to give body to his form.

con người trở thành một chủ thể tư duy và có thể định hình tư tưởng của mình, ham muốn sự biểu hiện của nó và có thể tiếp sinh lực cho bốn dĩ thái "bằng sự nhận biết", một sự biểu hiện hồng trần đậm đặc là điều tất yếu. Y sẽ thu hút, bằng năng lượng prana của mình, nhuốm màu bởi dục vọng cao hay thấp, và được làm sinh động bởi quyền năng tư tưởng của mình, đúng lượng vật chất đáp ứng trong không gian cần thiết để tạo phần thân vật chất cho hình tướng của y.

Much of this is dealt with in *A Treatise on Cosmic Fire* and as these Instructions are intended to deal with the inner development of the aspirant, I shall not carry these ideas further beyond prophesying that within fifty years the true significance of precipitations will be engrossing the attention of the scientists. Occult students would do well to give the subject careful thought. It can be approached in two ways. There is, first of all, the study of the objective world in which the individual aspirant finds himself. He will need to consider the fact that his body of manifestation is a precipitation, that it is a result of his potent thought and desire and of his "recognition" of the four ethers. He will need to understand that this form which he has created will persist just as long as the dynamic power of his thought holds it together, and that it will dissipate when he (occultly speaking) "takes his eye away". He will need to consider also that his environment is the result of the work of an aggregate of group thinkers—group to which he belongs. This concept can be traced back all the way from a family group to the group of egos who, closely interlinked, form a group on the higher level of the mental plane, and on again to the seven major thinkers of the universe, the Lords of the seven rays. These seven, in their turn, are [555] swept into activity by the three

Nhiều điều trong đây đã được đề cập trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*; và vì các Huấn Thị này nhằm đề cập đến sự phát triển bên trong của người chí nguyện, tôi sẽ không đưa các ý tưởng này đi xa hơn, ngoài việc tiên đoán rằng trong vòng năm mươi năm nữa, thâm nghĩa chân thật của các sự ngưng tụ sẽ thu hút sự chú ý của các nhà khoa học. Các đạo sinh huyền bí nên suy nghĩ cẩn trọng về chủ đề này. Có thể tiếp cận nó theo hai cách. Trước hết là nghiên cứu thế giới khách quan trong đó từng người chí nguyện thấy mình đang ở. Y sẽ cần xem xét sự kiện rằng thể biểu hiện của mình là một sự ngưng tụ, rằng nó là kết quả của tư tưởng và dục vọng mạnh mẽ của y, cũng như của sự "nhận biết" bốn dĩ thái của y. Y sẽ cần thấu hiểu rằng hình tướng mà y đã tạo ra này sẽ tồn tại chừng nào quyền năng năng động của tư tưởng y còn giữ nó kết hợp, và nó sẽ tan rã khi y, nói theo nghĩa huyền bí, "rời mắt đi". Y cũng sẽ cần xem xét rằng môi trường của mình là kết quả công việc của một tập hợp các chủ thể tư duy nhóm — nhóm mà y thuộc về. Quan niệm này có thể được truy ngược suốt từ một nhóm gia đình đến nhóm các chân ngã, vốn liên kết chặt chẽ với nhau, tạo thành một nhóm trên cấp độ cao hơn của cõi trí; rồi tiếp tục đến bảy chủ thể tư duy chính yếu của vũ trụ, các Chúa Tể của bảy cung. Đến lượt mình, bảy Đấng này [555] được cuốn vào hoạt động bởi ba nhà hoạt động huyền thuật tối thượng, Tam Vị biểu hiện. Đúng

supreme magical workers, the manifested Trinity. These Three, in due course, will be recognized as responsive to the thought of the One Creator, the Unmanifested Logos.

thời, Ba Đấng này sẽ được nhận biết là đáp ứng với tư tưởng của Đấng Sáng Tạo Duy Nhất, Thượng đế Không Biểu Hiện.

The word "recognition" is one of the most important in the language of occultism and holds the clue to the mystery of Being. It is related to karmic activity and on it the Lords of Time and Space depend. It is hard to illustrate this in simple terms, but it might be said that the problem of God Himself consists in this, that He must manifest a threefold recognition:

Từ "nhận biết" là một trong những từ quan trọng nhất trong ngôn ngữ của huyền bí học và chứa manh mối của bí nhiệm về Bản Thể. Nó liên hệ với hoạt động nghiệp quả và các Chúa Tể của Thời Gian và Không Gian nương vào nó. Thật khó minh họa điều này bằng những lời đơn giản, nhưng có thể nói rằng vấn đề của chính Thượng đế nằm ở chỗ này: Ngài phải biểu hiện một sự nhận biết tam phân:

1. Recognition of the past, which necessarily involves a recognition of that matter in space which is, through past association, already coloored by thought and purpose.

1. Nhận biết quá khứ, điều này tất yếu bao hàm sự nhận biết chất liệu trong không gian vốn, qua liên hệ quá khứ, đã được nhuộm màu bởi tư tưởng và mục đích.

2. Recognition of the four grades of lives which, again through past association, are capable of response to His new thought for the present and can, therefore, carry out His plans and work in collaboration with Him. They subject their individual purposes to the one divine plan.

2. Nhận biết bốn cấp độ của các sự sống vốn, một lần nữa qua liên hệ quá khứ, có khả năng đáp ứng với tư tưởng mới của Ngài cho hiện tại và do đó có thể thực hiện các Thiên Cơ của Ngài và làm việc trong sự cộng tác với Ngài. Chúng đặt các mục đích cá nhân của mình dưới một Thiên Cơ thiêng liêng duy nhất.

3. Recognition of the objective which exists in His Mind. This, in its turn, necessitates a one pointed focussing upon the goal and the holding of the purpose intact throughout the vicissitudes of the creative work, and in spite of the potency of the many divine Thinkers who have been attracted to Him by similarity of idea.

3. Nhận biết mục tiêu đang hiện hữu trong Trí của Ngài. Điều này, đến lượt nó, đòi hỏi một sự tập trung nhất tâm vào mục tiêu và giữ nguyên vẹn mục đích xuyên qua những thăng trầm của công việc sáng tạo, bất chấp quyền năng của nhiều Chủ Thể Tư Tưởng thiêng liêng đã bị thu hút đến với Ngài do sự tương đồng về ý tưởng.

It is hopeless to attempt to avoid the use of personal pronouns when talking pictorially and symbolically. If the student will bear in mind that such an attempt to reduce cosmic principles and concepts to words is in itself

Thật vô vọng nếu cố tránh việc dùng các đại từ nhân xưng khi nói bằng hình ảnh và biểu tượng. Nếu đạo sinh ghi nhớ rằng nỗ lực thu giảm các nguyên lý và quan niệm vũ trụ thành ngôn từ tự nó là điều lố bịch, và rằng

ridiculous and that the only possible thing to do is to present a picture, then no harm can eventuate. But the pictures change, as evolution proceeds upon its way, and [556] the picture of today will at a later date be deemed no better than a child's rough scrawl. A new picture will then be presented, simpler and more harmonious, and more beautiful, until it, in its turn, is deemed inadequate.

điều duy nhất có thể làm là trình bày một hình ảnh, thì sẽ không có tổn hại nào xảy ra. Nhưng các hình ảnh thay đổi khi tiến hoá tiếp tục con đường của nó, và [556] hình ảnh của hôm nay vào một ngày sau sẽ bị xem chẳng hơn gì nét nguệch ngoạc thô sơ của trẻ nhỏ. Khi ấy một hình ảnh mới sẽ được trình bày, đơn giản hơn, hài hòa hơn và đẹp đẽ hơn, cho đến khi đến lượt nó cũng bị xem là không đầy đủ.

The same recognitions, on a lesser scale, govern the activities of the solar Angel as he proceeds with the work of incarnation and of manifestation upon the physical plane. He has in his turn to recognize the matter of the three planes of human expression which are already, through past association, coloured by his vibration; he has to recognize the groups of lives with which he has had relation and with which he again must work. Finally, he has, throughout the tiny cycle of an incarnation, to hold his purpose steady and to see that each life carries that purpose forward into fuller manifestation and completion.

Những nhận thức tương tự, trên một quy mô nhỏ hơn, chi phối các hoạt động của Thái dương Thiên Thần khi Ngài tiến hành công việc nhập thể và biểu hiện trên cõi hồng trần. Đến lượt mình, Ngài phải nhận biết chất liệu của ba cõi biểu hiện nhân loại vốn đã, do liên hệ trong quá khứ, được nhuốm màu bởi rung động của Ngài; Ngài phải nhận biết các nhóm sự sống mà Ngài đã từng có liên hệ và nay lại phải cùng làm việc. Sau cùng, trong suốt chu kỳ nhỏ bé của một lần nhập thể, Ngài phải giữ vững mục đích của mình và bảo đảm rằng mỗi đời sống đều đưa mục đích ấy tiến tới sự biểu hiện và hoàn tất đầy đủ hơn.

The work of the human being also, as he endeavors to become a creative thinker, lies along analogous lines. His creative work will be successful if he can recognize the tendency of his mind as that tendency emerges through the medium of his present interests, for these have their roots in the past. It will be successful if he can recognize the vibration of the group of lives in line with whose thought his creative work must proceed, for unlike the Deity in the solar system, he cannot work sole and alone. And who shall say whether in those greater spheres of existence in which our Deity plays His part, He is any more free from cosmic group influences than the human individual is free from impression by his environing

Công việc của con người cũng vậy, khi y nỗ lực trở thành một tư tưởng gia sáng tạo, đi theo những đường lối tương đồng. Công việc sáng tạo của y sẽ thành công nếu y có thể nhận biết khuynh hướng của thể trí mình khi khuynh hướng ấy xuất hiện qua trung gian các mối quan tâm hiện tại của y, vì những mối quan tâm này có gốc rễ trong quá khứ. Công việc ấy sẽ thành công nếu y có thể nhận biết rung động của nhóm sự sống mà công việc sáng tạo của y phải tiến hành phù hợp với tư tưởng của nhóm ấy, vì không giống như Thượng đế trong hệ mặt trời, y không thể làm việc một mình và đơn độc. Và ai có thể nói rằng, trong những cõi hiện tồn rộng lớn hơn, nơi Thượng đế của chúng ta đóng vai trò của Ngài, Ngài có thoát khỏi các

impulses? He has to recognize the purpose for which he has deemed it wise to build a thought-form and he must hold that purpose steady and unimpaired throughout the whole period of objectivity. This we call one pointed attention, and this creative work is one of the, as yet unrecognized, goals of the meditation process. Hitherto the emphasis has been laid on the achieving of [557] a focussed attention and on the necessity, when that has been attained, of coming in touch with the soul, the spiritual thinker. But later decades will see the emerging of a technique of creation. When soul, mind and brain are unified and facility in unification has been achieved, further instructions will be given in the creative art. Meditation is the first basic lesson given when men have achieved the capacity to function on the mental plane.

ảnh hưởng nhóm vũ trụ hơn mức cá nhân con người thoát khỏi ấn tượng của những xung lực bao quanh y hay không? Y phải nhận biết mục đích mà vì đó y đã xem là khôn ngoan khi kiến tạo một hình tư tưởng, và y phải giữ mục đích ấy vững vàng, không suy suyển trong suốt toàn bộ thời kỳ khách quan hóa. Điều này chúng ta gọi là sự chú tâm nhất tâm, và công việc sáng tạo này là một trong những mục tiêu, cho đến nay vẫn chưa được nhận biết, của tiến trình tham thiền. Từ trước đến nay, trọng tâm đã được đặt vào việc đạt tới [557] sự chú tâm tập trung và vào sự cần thiết, khi điều đó đã đạt được, là tiếp xúc với linh hồn, tư tưởng gia tinh thần. Nhưng các thập niên về sau sẽ chứng kiến sự xuất hiện của một kỹ thuật sáng tạo. Khi linh hồn, thể trí và bộ não được hợp nhất, và khả năng hợp nhất đã đạt được, những chỉ dẫn xa hơn sẽ được ban về nghệ thuật sáng tạo. Tham thiền là bài học căn bản đầu tiên được trao khi con người đã đạt được năng lực hoạt động trên cõi trí.

Down the great cycle upon the wheel of rebirth "the idea of the solar Angel is attaining definite concretion". *A Treatise on Cosmic Fire,* p. 1024. Each life sees the initial purpose clarified and time is literally the length of a thought. This same basic truth underlies the creation of all forms on the physical plane, whether it is a thought-form embodying the urgent desire of a man for selfish acquisition or that thought-form which we call a group or an organization and which is animated by the unselfish purpose and embodies some disciple's mode of helping humanity. It underlies group work, regarding a group as an entity. If a group could appreciate the power of this fact, and "recognize" its opportunity, it could, by its one-pointed fixity of purpose and its focussed attention to the spiritual objective, perform miracles in salvaging the world. I here appeal to all who read these words to

Suốt chu kỳ lớn trên bánh xe tái sinh, "ý tưởng của Thái dương Thiên Thần đang đạt tới sự cụ thể hóa xác định". *Luận về Lửa Vũ Trụ,* tr. 1024. Mỗi đời sống chứng kiến mục đích ban đầu được làm sáng tỏ, và thời gian, theo nghĩa đen, là độ dài của một tư tưởng. Chân lý căn bản này cũng nằm bên dưới sự sáng tạo mọi hình tướng trên cõi hồng trần, dù đó là một hình tư tưởng thể hiện dục vọng bức thiết của con người muốn chiếm hữu ích kỷ, hay hình tư tưởng mà chúng ta gọi là một nhóm hoặc một tổ chức, được linh hoạt bởi mục đích vô vị kỷ và thể hiện phương thức của một đệ tử trong việc trợ giúp nhân loại. Nó nằm bên dưới công việc nhóm, khi xem một nhóm như một thực thể. Nếu một nhóm có thể thấu hiểu quyền năng của sự kiện này và "nhận biết" cơ hội của mình, thì nhờ sự cố định mục đích một cách nhất tâm và sự chú tâm tập trung vào mục tiêu tinh thần, nhóm ấy có thể thực hiện

reconsecrate themselves and to recognize the opportunity they have of an united effort towards world usefulness.

những điều kỳ diệu trong việc cứu vãn thế giới. Ở đây tôi kêu gọi tất cả những ai đọc các lời này hãy tự thánh hiến lại và nhận biết cơ hội mà họ có được trong một nỗ lực hợp nhất hướng tới sự hữu dụng cho thế giới.

It might be of use here if I expressed quite simply the requirements needed to bring about the manifestation of individual spiritual purpose or of group spiritual purpose. These can be summed up in three words:

Ở đây có thể hữu ích nếu tôi trình bày thật đơn giản những yêu cầu cần thiết để đưa mục đích tinh thần cá nhân hoặc mục đích tinh thần nhóm vào biểu hiện. Những điều này có thể được tóm lược trong ba từ:

1. Power.

1. Quyền năng.

2. Detachment.

2. Tách rời.

3. Non-criticism.

3. Không phê phán.

So often simple words are used because of [558] their every day connotation their true significance and esoteric value are lost.

Những từ đơn giản thường được dùng đến mức, vì [558] ý nghĩa hằng ngày của chúng, thâm nghĩa chân thật và giá trị huyền bí của chúng bị đánh mất.

Let me give you a few thoughts anent each of these, with application only to the creative work of white magic.

Hãy để tôi trao cho các bạn một vài tư tưởng về từng điều này, chỉ áp dụng vào công việc sáng tạo của Chánh Thuật.

Power is dependent for expression upon two factors:

Quyền năng tùy thuộc vào hai yếu tố để biểu lộ:

a. Singleness of purpose.

a. Tính duy nhất của mục đích.

b. Lack of impediments.

b. Sự thiếu vắng các chướng ngại.

Students would be amazed if they could see their motives as we see them who guide on the subjective side of experience. Mixed motive is universal. Pure motive is rare and where it exists there is ever success and achievement. Such pure motive can be entirely selfish and personal, or unselfish

Các đạo sinh sẽ kinh ngạc nếu họ có thể nhìn thấy các động cơ của mình như chúng tôi, những người hướng dẫn từ phía chủ quan của kinh nghiệm, nhìn thấy. Động cơ pha tạp là điều phổ biến. Động cơ thuần khiết là hiếm có, và nơi nào nó hiện hữu thì nơi đó luôn có thành công và thành tựu. Động cơ

and spiritual, and in between, where aspirants are concerned, mixed in varying degree. According, however, to the purity of intent and the singleness of purpose, so will be the potency.

thuần khiết như thế có thể hoàn toàn ích kỷ và cá nhân, hoặc vô vị kỷ và tinh thần; còn ở khoảng giữa, đối với những người chí nguyện, nó pha tạp theo nhiều mức độ khác nhau. Tuy nhiên, tùy theo sự thuần khiết của ý định và tính duy nhất của mục đích, quyền năng cũng sẽ như vậy.

The Master of all the Masters has said, "If thine eye be single, thy whole body shall be full of light". These words which He enunciated give us a principle underlying all the creative work and we can link up the idea which He clothed in words with the symbol I have earlier described in this *Treatise.* Power, light, vitality, and manifestation! Such is the true procedure.

Chân sư của tất cả các Chân sư đã nói: "Nếu mắt ngươi đơn nhất, toàn thân ngươi sẽ tràn đầy ánh sáng". Những lời Ngài tuyên thuyết trao cho chúng ta một nguyên lý nằm bên dưới mọi công việc sáng tạo, và chúng ta có thể liên kết ý tưởng mà Ngài đã khoác vào lời nói với biểu tượng tôi đã mô tả trước đây trong *Khảo luận* này. Quyền năng, ánh sáng, sinh lực và biểu hiện! Đó là tiến trình chân thật.

It will be obvious, therefore, why the manifested unit, man, is urged to be vital in his search and to cultivate his aspiration. When that aspiration is strong enough, he is then urged to achieve the capacity to "hold his mind steady in the light". When he can do this, he will achieve power and possess that single eye which will redound to the glory of the indwelling divinity. Before, however, he has mastered this process of development, he may not be trusted with power. The procedure is as follows: The individual aspirant begins to manifest somewhat soul purpose in his life on the physical plane. He is transmuting desire into aspiration and that aspiration [559] is vital and real. He is learning the meaning of light. When he has mastered the technique of meditation (and with this certain schools in existence at present are concerned) he can proceed to handle power, because he will have learned to function as a divine Thinker. He is now cooperative and is in touch with the divine Purpose.

Do đó, sẽ hiển nhiên tại sao đơn vị đã biểu hiện, tức con người, được thúc giục phải có sinh lực trong cuộc tìm kiếm của mình và phải vun bồi khát vọng. Khi khát vọng ấy đủ mạnh, y được thúc giục đạt tới năng lực "giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng". Khi y có thể làm điều này, y sẽ đạt được quyền năng và sở hữu con mắt đơn nhất ấy, điều sẽ làm rạng rỡ thiên tính nội tại. Tuy nhiên, trước khi y làm chủ tiến trình phát triển này, không thể giao quyền năng cho y. Tiến trình như sau: cá nhân người chí nguyện bắt đầu biểu hiện phần nào mục đích linh hồn trong đời sống của y trên cõi hồng trần. Y đang chuyển hoá dục vọng thành khát vọng, và khát vọng ấy [559] là sống động và chân thật. Y đang học ý nghĩa của ánh sáng. Khi y đã làm chủ kỹ thuật tham thiền, điều mà một số trường phái hiện đang tồn tại quan tâm đến, y có thể tiến tới việc vận dụng quyền năng, vì y đã học cách hoạt động như một Tư Tưởng Gia thiêng liêng. Giờ đây y có tính hợp tác và đang tiếp xúc với Thiên Ý.

As all true students know, however, the number of impediments is legion. Hindrances and obstacles abound. Singleness of purpose may occasionally be realized in high moments, but it does not abide with us always. There are the hindrances of physical nature, of heredity and environment, of character, of time and conditions, of world karma, as well as individual karma. What shall then be done? I have only one word to say and that is, *persist*. Failure never prevents success. Difficulties develop the strength of the soul. The secret of success is ever to stand steady and to be impersonal.

Tuy nhiên, như mọi đạo sinh chân chính đều biết, số lượng chướng ngại là vô kể. Những cản trở và trở ngại thì đầy dẫy. Tính duy nhất của mục đích đôi khi có thể được nhận ra trong những khoảnh khắc cao cả, nhưng nó không luôn ở lại với chúng ta. Có những chướng ngại thuộc bản chất hồng trần, di truyền và môi trường, tính cách, thời gian và hoàn cảnh, nghiệp quả thế giới, cũng như nghiệp quả cá nhân. Vậy phải làm gì? Tôi chỉ có một lời để nói, đó là: *kiên trì*. Thất bại không bao giờ ngăn cản thành công. Khó khăn phát triển sức mạnh của linh hồn. Bí quyết của thành công luôn là đứng vững và vô ngã.

The second requirement is *detachment*. The worker in white magic must hold himself free as much as he can from identifying himself with that which he has created or has attempted to create. The secret for all aspirants is to cultivate the attitude of the onlooker and of the silent watcher, and, may I emphasize the word *silent.* Much true magical work comes to naught because of the failure of the worker and builder in matter to keep silent. By premature speech and too much talk, he slays that which he has attempted to create, the child of his thought is still-born. All workers in the field of the world should recognize the need for silent detachment and the work before every student who reads these Instructions must consist in cultivating a detached attitude. It is a mental detachment which enables the thinker to dwell ever in the high and secret place and from that center of peace calmly and powerfully to carry out the work he has set before himself. He works in the world of men; he loves and comforts and serves; he pays no attention to his personality [560] likes and dislikes, or to his prejudices and attachments; he stands as a rock of strength and as a strong hand in the dark to all whom

Yêu cầu thứ hai là *tách rời*. Người hoạt động trong Chánh Thuật phải giữ cho mình được tự do hết mức có thể khỏi việc đồng hoá mình với điều y đã tạo ra hoặc đã cố gắng tạo ra. Bí quyết cho mọi người chí nguyện là vun bồi thái độ của người quan sát và của người canh chừng thầm lặng; và xin cho tôi nhấn mạnh từ *thầm lặng*. Nhiều công việc huyền thuật chân chính trở thành vô ích vì sự thất bại của người hoạt động và đấng kiến tạo trong vật chất trong việc giữ im lặng. Bằng lời nói quá sớm và quá nhiều chuyện, y giết chết điều y đã cố gắng tạo ra; đứa con của tư tưởng y bị chết non. Tất cả những người hoạt động trong lĩnh vực thế giới nên nhận biết nhu cầu về sự tách rời thầm lặng, và công việc trước mắt mỗi đạo sinh đọc các Huấn thị này phải là vun bồi một thái độ tách rời. Chính sự tách rời trí tuệ giúp tư tưởng gia luôn cư ngụ nơi cao cả và bí mật, và từ trung tâm bình an ấy, bình thản và đầy quyền năng thực hiện công việc y đã đặt ra cho mình. Y làm việc trong thế giới con người; y thương yêu, an ủi và phụng sự; y không chú ý đến những [560] ưa thích và không ưa thích của phàm ngã mình, cũng như các thành kiến và chấp trước của mình; y đứng như một tảng đá sức mạnh và như một bàn

he contacts. The cultivation of a detached attitude personally, with the attached attitude spiritually, will cut at the very roots of a man's life; but it will render back a thousandfold for all that it cuts away.

tay vững chắc trong bóng tối cho tất cả những ai y tiếp xúc. Việc vun bồi một thái độ tách rời về mặt cá nhân, cùng với một thái độ gắn bó về mặt tinh thần, sẽ cắt tận gốc rễ đời sống của con người; nhưng nó sẽ hoàn trả gấp nghìn lần cho tất cả những gì nó cắt bỏ.

Much has been written anent attachment and the need to develop detachment. May I beg all students in the urgency of the present situation to leave off reading and thinking about it aspirationally and to begin to practise it and to demonstrate it.

Đã có nhiều điều được viết về sự chấp trước và nhu cầu phát triển sự tách rời. Trong tình thế cấp bách hiện nay, tôi xin tất cả các đạo sinh hãy ngừng đọc và suy nghĩ về điều đó theo kiểu khát vọng, và hãy bắt đầu thực hành cũng như biểu hiện nó.

Non-criticism is the third requirement. What shall I say about that? Why is it regarded as so essential a requirement? Because criticism (analysis and, consequently, separativeness) is the outstanding characteristic of mental types and also of all coordinated personalities. Because criticism is a potent factor in swinging mental and emotional substance into activity and so making strong impress upon the brain cells and working out into words. Because in a sudden burst of critical thought, the entire personality can be galvanized into a potent coordination, but of a wrong kind and with disastrous results. Because criticism being a faculty of the lower mind can hurt and wound and no man can proceed upon the Way as long as wounds are made and pain is knowingly given. Because the work of white magic and the carrying out of hierarchical purpose meets with basic hindrances in the relations existing between its workers and disciples. In the pressure of the present opportunity there is no time for criticism to exist between workers. They hinder each other and they hinder the work.

Không phê phán là yêu cầu thứ ba. Tôi sẽ nói gì về điều đó? Tại sao nó được xem là một yêu cầu thiết yếu đến thế? Vì phê phán, tức phân tích và do đó là tính chia rẽ, là đặc điểm nổi bật của các loại người trí tuệ, cũng như của mọi phàm ngã đã được phối hợp. Vì phê phán là một yếu tố mạnh mẽ trong việc đưa chất liệu cõi trí và cảm xúc vào hoạt động, do đó tạo ấn tượng mạnh lên các tế bào não và biểu lộ thành lời nói. Vì trong một cơn bùng phát đột ngột của tư tưởng phê phán, toàn bộ phàm ngã có thể được kích hoạt vào một sự phối hợp mạnh mẽ, nhưng thuộc loại sai lầm và với những kết quả tai hại. Vì phê phán, là một quan năng của hạ trí, có thể làm tổn thương và gây đau đớn; và không ai có thể tiến bước trên Đường Đạo chừng nào các vết thương còn được tạo ra và nỗi đau còn được cố ý trao cho. Vì công việc của Chánh Thuật và việc thực hiện mục đích của Thánh Đoàn gặp những chướng ngại căn bản trong các mối quan hệ hiện hữu giữa những người hoạt động và các đệ tử của nó. Dưới áp lực của cơ hội hiện tại, không có thời gian cho sự phê phán tồn tại giữa những người hoạt động. Họ cản trở lẫn nhau và cản trở công việc.

I have upon me at this time a sense of urgency. I urge upon all those who read these Instructions to forget their likes and their dislikes and to overlook the personality [561] hindrances which inevitably exist in themselves and in all who work upon the physical plane, handicapped by the personality. I urge upon all workers the remembrance that the day of opportunity is with us and that it has its term. This present type of opportunity will not last forever. The pettiness of the human frictions, the failures to understand each other, the little faults which have their roots in personality and which are, after all, ephemeral, the ambitions and illusions must all go. If the workers would practise detachment, knowing that the Law works and that God's purposes must come to an ultimate conclusion and if they would learn never to criticize in thought or word, the salvaging of the world would proceed apace and the new age of love and illumination would be ushered in.

Vào lúc này, tôi mang trong mình một cảm thức cấp bách. Tôi thúc giục tất cả những ai đọc các Huấn thị này hãy quên đi những điều mình ưa thích và không ưa thích, và hãy bỏ qua những chướng ngại thuộc phàm ngã [561] vốn tất yếu tồn tại trong chính họ và trong tất cả những ai làm việc trên cõi hồng trần, bị phàm ngã làm hạn chế. Tôi thúc giục tất cả những người hoạt động nhớ rằng ngày cơ hội đang ở cùng chúng ta và rằng nó có kỳ hạn của nó. Loại cơ hội hiện tại này sẽ không kéo dài mãi mãi. Sự nhỏ nhen của những va chạm nhân loại, những thất bại trong việc thấu hiểu lẫn nhau, những lỗi nhỏ có gốc rễ trong phàm ngã và xét cho cùng chỉ là phù du, các tham vọng và ảo tưởng, tất cả đều phải ra đi. Nếu những người hoạt động thực hành sự tách rời, biết rằng Định luật vận hành và các mục đích của Thượng đế phải đi đến kết luận tối hậu; và nếu họ học cách không bao giờ phê phán trong tư tưởng hay lời nói, thì việc cứu vãn thế giới sẽ tiến hành nhanh chóng và kỷ nguyên mới của tình thương và sự soi sáng sẽ được mở ra.

RULE FOURTEEN

Webinar 14-1

The sound swells out. The hour of danger to the soul courageous draweth near. The waters have not hurt the white creator and naught could drown nor drench him. Danger from fire and flame menaces now, and dimly yet the rising smoke is seen. Let him again, after the cycle of peace, call on the Solar Angel.

Âm thanh vang dội. Giờ phút nguy hiểm đối với linh hồn quả cảm đang đến gần. Nước đã không làm tổn hại nhà sáng tạo chánh thuật, và không gì có thể nhấn chìm hay làm y ướt đẫm. Giờ đây, hiểm nguy từ lửa và ngọn lửa đang đe dọa, và làn khói bốc lên mới chỉ hiện ra lờ mờ. Sau chu kỳ bình an, hãy để y một lần nữa cầu gọi Thái dương Thiên Thần.

The Centres and Prana

Các Luân xa và Prana

[565]

[565]

The nearer we approach in our thought to the physical plane, the more difficulty is experienced by the magician, whether he be the solar Angel occupied with the magical work of manifestation, or an expert worker under the plan. This is due to two causes:

Trong tư tưởng, càng tiến gần cõi hồng trần, nhà huyền thuật càng trải nghiệm nhiều khó khăn hơn, dù đó là Thái dương Thiên Thần đang bận rộn với công việc huyền thuật của sự biểu hiện, hay một người hoạt động lão luyện dưới Thiên Cơ. Điều này do hai nguyên nhân:

1. The automatic response of dense physical matter to substance, remembering always that substance is force.

1. Sự đáp ứng tự động của vật chất hồng trần đậm đặc đối với chất liệu, luôn nhớ rằng chất liệu là mãnh lực.

2. The dangers incident to working with the fires or with the pranas of the Universe. This latter danger is that with which Rule XIV concerns itself.

2. Những hiểm nguy gắn liền với việc làm việc cùng các lửa hoặc cùng các prana của Vũ Trụ. Chính hiểm nguy sau này là điều Quy luật mười bốn đề cập đến.

There are many ways in which this Rule can be interpreted. We can study the work of the solar Angel as he approaches the dense physical plane to take incarnation and thus arrives at that critical point in his creative work wherein the threefold sheath is at the stage where it must, inevitably and unavoidably, make a contact with the matter

Có nhiều cách để diễn giải Quy luật này. Chúng ta có thể nghiên cứu công việc của Thái dương Thiên Thần khi Ngài đến gần cõi hồng trần đậm đặc để nhập thể, và như thế đạt tới điểm quyết định ấy trong công việc sáng tạo của Ngài, nơi lớp vỏ tam phân ở giai đoạn mà nó tất yếu và không thể tránh khỏi phải tiếp xúc với phương diện vật chất. Đó là

aspect. It is the stage during which, expressing this truth in occult terms, it is literally called upon to "clothe itself and disappear into the light of day." The spiritual man is now veiled by a mental or by a fire sheath. He is clothed "in a watery mist", which is an ancient way of referring to the great illusion. This term conveys not only the concept of the possession of an astral or watery body, but also presents to the mind the effect which that body must have upon the hidden solar Angel. The latter looks out through the fire and through [566] the mist and sees distortion and reflection. He sees that which must mislead.

giai đoạn mà, nếu diễn đạt chân lý này bằng thuật ngữ huyền bí, nó được gọi theo nghĩa đen là phải "khoác áo cho mình và biến mất trong ánh sáng ban ngày". Con người tinh thần giờ đây được che phủ bởi một lớp vỏ cõi trí hay lớp vỏ lửa. Y được khoác "trong một làn sương nước", đó là một cách cổ xưa để chỉ ảo tưởng lớn lao. Thuật ngữ này không chỉ truyền đạt quan niệm về việc sở hữu một thể cảm dục hay thể nước, mà còn trình bày cho thể trí hiệu quả mà thể ấy phải có đối với Thái dương Thiên Thần ẩn giấu. Ngài nhìn ra qua lửa và qua [566] làn sương, và thấy sự méo mó cùng phản chiếu. Ngài thấy điều tất yếu gây lầm lạc.

Besides the sheath of fire and the sheath of mist he has clothed upon himself an outer web of closely interlocking streams of force. These constitute his etheric or vital body, which is in the nature of a web or mesh of energy nadis, which, in their tens of thousands, are woven together and form in certain localities in this energy body various focal points of force, of which the most important are the seven centers. There are, however, many such focal points.

Ngoài lớp vỏ lửa và lớp vỏ sương, Ngài còn khoác lên mình một mạng lưới bên ngoài gồm những dòng mãnh lực đan xen chặt chẽ. Chúng tạo thành thể dĩ thái hay thể sinh lực của Ngài, vốn có bản chất như một mạng lưới hay tấm lưới các kinh mạch năng lượng; hàng chục nghìn kinh mạch ấy được dệt lại với nhau và tạo nên, tại một số vị trí trong thể năng lượng này, nhiều tiêu điểm mãnh lực khác nhau, trong đó quan trọng nhất là bảy trung tâm. Tuy nhiên, còn có nhiều tiêu điểm như thế.

When this clothing has been assumed by the solar Angel, a final stage is reached, and solar fire and fire by friction must be brought into contact with three "most ancient fires". These are the fires of the dense physical objective matter or of those material energy units which we normally cover by the words "gaseous, liquid and dense", a meaningless phrase and only of use to us, through its teaching of differentiation. These three ancient fires are an aspect of fire by friction.

Khi Thái dương Thiên Thần đã khoác lấy lớp áo này, một giai đoạn cuối cùng được đạt tới, và Lửa Thái dương cùng Lửa ma sát phải được đưa vào tiếp xúc với ba "lửa tối cổ". Đây là các lửa của vật chất khách quan hồng trần đậm đặc, hay của những đơn vị năng lượng vật chất mà chúng ta thường bao hàm bằng các từ "khí, lỏng và đặc", một cụm từ vô nghĩa và chỉ hữu dụng cho chúng ta qua việc nó dạy về sự biến phân. Ba lửa cổ xưa này là một phương diện của Lửa ma sát.

At this point is the hour of danger for the soul courageous. It is the hour wherein the

Tại điểm này là giờ nguy hiểm đối với linh hồn can đảm. Đó là giờ mà linh hồn phải đưa

soul must bring into at-one-ment the etheric body and the gaseous envelope which is the highest aspect of the dense physical sheath, the instrument of tangible organic manifestation.

thể dĩ thái và lớp bao khí, vốn là phương diện cao nhất của lớp vỏ hồng trần đậm đặc, tức khí cụ của sự biểu hiện hữu cơ hữu hình, vào sự hợp nhất.

We can also study this Rule from the point of view of the initiate who is occupied with the wielding of forces and who, through the power of his thought, may have created a thought-form. This thought-form he has clothed with an astral or desire sheath, deliberately vitalized with his energy, and now seeks to give it objective existence and send it forth to accomplish his purpose and his intent. The crucial moment in all creative work is ever to be found at this stage. It is the stage wherein the vibrant subjective form has to attract to itself that material which will give it organization upon the physical [567] plane. This fact has to be remembered, no matter what the magician is seeking to render objective. It refers equally to an organization, to a group or to a society; it may refer to the materialization of money or to the clothing or exteriorization of an idea. The moment of danger to the magician comes at this final stage. A point of fine discrimination is reached and the magician has to proceed now with caution. Many good plans fail to materialize and the reason lies right here. A plan is, after all, an idea let loose in time and space to seek a form and do its work. Many come to naught because their creator, or the creative mind from which they emanate, understands not this critical period. A right adjustment of forces has here to be arranged, so that neither too much energy is used in the work, nor too little. When too much energy is released through the medium of the vital body, then a fire blazes forth when the gaseous energy of the dense physical plane is brought in contact with vital etheric energy. Thus the embryo form is destroyed.

Chúng ta cũng có thể nghiên cứu Quy luật này từ quan điểm của điểm đạo đồ đang bận rộn với việc vận dụng các mãnh lực và, nhờ quyền năng tư tưởng của mình, có thể đã tạo ra một hình tư tưởng. Hình tư tưởng này, y đã khoác cho một lớp vỏ cảm dục hay dục vọng, cố ý tiếp sinh lực cho nó bằng năng lượng của mình, và giờ đây tìm cách ban cho nó sự hiện hữu khách quan, phóng nó ra để hoàn thành mục đích và ý định của mình. Khoảnh khắc quyết định trong mọi công việc sáng tạo luôn được tìm thấy ở giai đoạn này. Đó là giai đoạn mà hình tướng chủ quan rung động phải thu hút về phía mình chất liệu sẽ đem lại cho nó sự tổ chức trên cõi hồng trần [567]. Sự kiện này phải được ghi nhớ, bất kể nhà huyền thuật đang tìm cách khiến điều gì trở nên khách quan. Nó áp dụng như nhau cho một tổ chức, một nhóm hoặc một hội đoàn; nó có thể liên quan đến việc hiện hình tiền bạc, hoặc đến việc khoác áo hay ngoại hiện một ý tưởng. Khoảnh khắc nguy hiểm đối với nhà huyền thuật đến ở giai đoạn cuối cùng này. Một điểm phân biện tinh tế được đạt tới, và nhà huyền thuật giờ đây phải tiến hành với sự thận trọng. Nhiều kế hoạch tốt thất bại trong việc hiện hình, và lý do nằm chính tại đây. Xét cho cùng, một kế hoạch là một ý tưởng được thả vào thời gian và không gian để tìm kiếm một hình tướng và thực hiện công việc của nó. Nhiều kế hoạch trở thành vô ích vì người sáng tạo của chúng, hay thể trí sáng tạo mà từ đó chúng xuất lộ, không thấu hiểu thời kỳ quyết định này. Ở đây phải sắp đặt một sự điều chỉnh đúng đắn các mãnh lực, để không dùng quá nhiều năng lượng trong công việc, cũng không quá ít. Khi quá nhiều năng lượng được phóng thích qua trung gian thể

Where there is not sufficient energy, or adequate persistent attention, and when the thought of the magician wavers, then the idea comes to naught, then the infant is still-born, and nothing comes into objective manifestation. This has a literal correspondence on the physical plane. Many infants are still-born for this very reason that the solar Angel wavers in his intent and is not sufficiently interested. Many fine ideas equally fail to materialize or have no persistent living existence "in the light of day," because there was not sufficient energy to generate that spark of living flame which must ever burn at the center of all forms. The danger, therefore, is twofold:

sinh lực, thì một ngọn lửa bùng cháy khi năng lượng khí của cõi hồng trần đậm đặc được đưa vào tiếp xúc với năng lượng dĩ thái sinh lực. Như vậy hình tướng phôi thai bị hủy diệt. Nơi nào không có đủ năng lượng, hoặc không có sự chú tâm bền bỉ thích đáng, và khi tư tưởng của nhà huyền thuật dao động, thì ý tưởng trở thành vô ích, đứa trẻ bị chết non, và không điều gì đi vào sự biểu hiện khách quan. Điều này có một tương ứng theo nghĩa đen trên cõi hồng trần. Nhiều trẻ sơ sinh bị chết non vì chính lý do này: Thái dương Thiên Thần dao động trong ý định của Ngài và không đủ quan tâm. Nhiều ý tưởng tốt đẹp cũng thất bại trong việc hiện hình hoặc không có sự hiện hữu sống động bền bỉ "trong ánh sáng ban ngày", vì không có đủ năng lượng để tạo ra tia lửa của ngọn lửa sống động vốn luôn phải cháy tại trung tâm của mọi hình tướng. Do đó, hiểm nguy là nhị phân:

1. That of destruction by fire, owing to the expenditure of too much energy and the expression of too violent a purpose. [568]

1. Hiểm nguy bị hủy diệt bởi lửa, do việc tiêu hao quá nhiều năng lượng và sự biểu lộ của một mục đích quá mãnh liệt. [568]

2. That of death, through lack of vitality and because the "directed attention" of the magician is not of adequate strength and duration to bring the form into being. The occult law holds good that energy follows thought.

2. Hiểm nguy của sự chết, do thiếu sinh lực và vì "sự chú tâm được định hướng" của nhà huyền thuật không đủ mạnh và đủ lâu để đưa hình tướng vào hiện tồn. Định luật huyền bí vẫn đúng rằng năng lượng đi theo tư tưởng.

We could study this Rule from the standpoint of the aspirant, as he learns to work with energy and with the forces of nature, as he learns the significance and the purpose of the vital body, and gains power in the control of the vital fires or the pranas of his own little system. It seems to me that for our particular purpose, this line of approach would be of the most use. These Instructions are intended for those who are definitely interested in the way of *liberation from form,*

Chúng ta có thể nghiên cứu Quy luật này từ lập trường của người chí nguyện, khi y học cách làm việc với năng lượng và với các mãnh lực của thiên nhiên, khi y học thâm nghĩa và mục đích của thể sinh lực, và đạt được quyền năng trong việc kiểm soát các lửa sinh lực hay các prana của hệ nhỏ bé của chính mình. Đối với mục đích riêng của chúng ta, dường như đường lối tiếp cận này sẽ hữu ích nhất. Các Huấn thị này dành cho những ai dứt khoát quan tâm đến con đường

and who are seeking to prepare themselves to work in cooperation with the Great White Lodge. They are learning the first steps in the magical work and for them, therefore, an understanding of the fires and of the energies with which they must work, is of prime importance. We will, therefore, confine our attention to this phase of the great work and consider neither the work of the soul as it takes incarnation and manifests objectively through a form, nor with the work of the initiates, as they act as creative magicians under group impulse and through an intelligent understanding of the evolutionary plan. These Instructions are intended to be practical and to convey the teaching needed to those students who can read between the lines and who are developing the capacity to see the esoteric meaning behind the outer blinds and exoteric forms.

giải thoát khỏi hình tướng, và đang tìm cách chuẩn bị chính mình để làm việc trong sự hợp tác với Thánh đoàn. Họ đang học những bước đầu tiên trong công việc huyền thuật, và do đó, đối với họ, sự thấu hiểu về các lửa và các năng lượng mà họ phải làm việc cùng là điều quan trọng hàng đầu. Vì vậy, chúng ta sẽ giới hạn sự chú ý của mình vào giai đoạn này của công việc vĩ đại, và sẽ không xét đến công việc của linh hồn khi nó nhập thể và biểu hiện khách quan qua một hình tướng, cũng không xét đến công việc của các điểm đạo đồ khi họ hành động như những nhà huyền thuật sáng tạo dưới xung lực nhóm và qua một sự thấu hiểu thông minh về Thiên Cơ tiến hoá. Các Huấn thị này nhằm có tính thực tiễn và truyền đạt giáo huấn cần thiết cho những đạo sinh có thể đọc giữa các dòng chữ và đang phát triển năng lực nhìn thấy ý nghĩa huyền bí phía sau các màn che bên ngoài và các hình thức ngoại môn.

Webinar 14-2

We are now going to consider the pranas, and I would here quote some paragraphs from *The Light of the Soul* which give a description of these pranas. We find in Book II, Sutra 39 that there are five aspects of prana, [569] functioning through and, therefore, constituting the total etheric or vital body.

Giờ đây chúng ta sẽ xét đến các prana, và ở đây tôi muốn trích dẫn vài đoạn từ *Ánh Sáng của Linh Hồn* vốn mô tả các prana này. Chúng ta thấy trong Quyển hai, Kinh ba mươi chín rằng có năm phương diện của prana, [569] hoạt động xuyên qua và do đó cấu thành toàn bộ thể dĩ thái hay thể sinh lực.

"Prana is fivefold in its manifestations, thus corresponding to the five states of mind, the fifth principle, and to the five modifications of the thinking principle. Prana in the solar system works out as the five great states of energy which we call planes, the medium of consciousness....The five differentiations of prana in the human body are:

"Prana là ngũ phân trong các biểu hiện của nó, như vậy tương ứng với năm trạng thái của thể trí, nguyên khí thứ năm, và với năm biến thái của nguyên khí tư duy. Prana trong hệ mặt trời biểu lộ thành năm trạng thái năng lượng lớn mà chúng ta gọi là các cõi, tức trung gian của tâm thức... Năm biến phân của prana trong thân thể con người là:

"1. *Prana,* extending from the nose to the heart and having special relation to the mouth and speech, the heart and lungs.

"2. *Samana* extends from the heart to the solar plexus; it concerns food and the nourishing of the body through the medium of food and drink and has special relation to the stomach.

"3. *Apana* controls from the solar plexus to the soles of the feet; it concerns the organs of elimination, of rejection and of birth, thus having special relation to the organs of generation and of elimination.

"4. *Udana* is found between the nose and the top of the head; it has a special relation to the brain, the nose and the eyes, and when properly controlled produces the coordination of the vital airs and their correct handling.

"5. *Vyana* is the term applied to the sum total of pranic energy as it is distributed evenly throughout the entire body. Its instruments are the thousands of nadis or nerves found in the body, and it has a peculiar definite connection with the blood channels, the veins and arteries." (Pp. 329-330.)

"The etheric body is the force or vital body and it permeates every part of the dense vehicle. It is the background, the true substance of the physical body. According to the nature of the force animating the etheric body, according to the activity of that force in the etheric body, according to the aliveness or the sluggishness of the most important parts of the etheric body (the centers up the spine) so will be the corresponding activity of the physical body.

"1. *Prana,* trải dài từ mũi đến tim và có liên hệ đặc biệt với miệng và lời nói, tim và phổi.

"2. *Samana* trải dài từ tim đến tùng thái dương; nó liên quan đến thực phẩm và việc nuôi dưỡng thân thể qua trung gian thức ăn và thức uống, và có liên hệ đặc biệt với dạ dày.

"3. *Apana* kiểm soát từ tùng thái dương đến lòng bàn chân; nó liên quan đến các cơ quan bài tiết, thải bỏ và sinh sản, do đó có liên hệ đặc biệt với các cơ quan sinh dục và bài tiết.

"4. *Udana* được tìm thấy giữa mũi và đỉnh đầu; nó có liên hệ đặc biệt với bộ não, mũi và mắt, và khi được kiểm soát đúng đắn, nó tạo ra sự phối hợp của các sinh khí và sự vận dụng đúng đắn chúng.

"5. *Vyana* là thuật ngữ áp dụng cho tổng số năng lượng prana khi nó được phân phối đều khắp toàn thân. Các khí cụ của nó là hàng nghìn kinh mạch hay dây thần kinh trong thân thể, và nó có một mối liên hệ xác định đặc biệt với các mạch máu, tĩnh mạch và động mạch." (tr. 329-330.)

"Thể dĩ thái là thể mãnh lực hay thể sinh lực, và nó thấm nhập mọi phần của hiện thể đậm đặc. Nó là nền tảng, chất liệu chân thật của thể xác. Tùy theo bản chất của mãnh lực linh hoạt thể dĩ thái, tùy theo hoạt động của mãnh lực ấy trong thể dĩ thái, tùy theo sức sống hay sự trì trệ của những phần quan trọng nhất của thể dĩ thái, tức các trung tâm dọc cột sống, thì hoạt động tương ứng của thể xác cũng sẽ như vậy. Tương tự và theo nghĩa biểu tượng, tùy theo sự toàn vẹn của

Similarly and symbolically, according to the wholeness of the breathing apparatus, and according to the ability of that apparatus to oxygenate and render pure the blood, so will be the health or wholeness of the dense physical body." (pp. 218-219.)

bộ máy hô hấp, và tùy theo khả năng của bộ máy ấy trong việc bổ sung oxy và làm tinh sạch máu, thì sức khỏe hay sự toàn vẹn của thể xác đậm đặc cũng sẽ như vậy." (tr. 218-219.)

[570]

[570]

We find it also stated that the forces which make up the vital body or the various pranas of which it is constructed emanate:

Chúng ta cũng thấy được nêu rằng các mãnh lực tạo nên thể sinh lực, hay các prana khác nhau mà từ đó nó được kiến tạo, xuất lộ:

"a. From the planetary aura. In this case it is planetary prana, and so concerns primarily the spleen and the health of the physical body.

"a. Từ hào quang hành tinh. Trong trường hợp này, đó là prana hành tinh, và vì thế chủ yếu liên quan đến lá lách và sức khỏe của thể xác.

"b. From the astral world via the astral body. This will be purely kamic or desire force and will affect primarily the centers below the diaphragm.

"b. Từ thế giới cảm dục qua thể cảm dục. Đây sẽ thuần túy là mãnh lực dục vọng và sẽ tác động chủ yếu lên các trung tâm bên dưới hoành cách mô.

"c. From the universal mind or manasic force. This will largely be thought force and will go to the throat center.

"c. Từ Vũ Trụ Trí hay mãnh lực manas. Điều này phần lớn sẽ là mãnh lực tư tưởng và sẽ đi đến trung tâm cổ họng.

"d. From the ego itself, stimulating primarily the head and heart centers." (P. 220.)

"d. Từ chính chân ngã, chủ yếu kích thích các trung tâm đầu và tim." (tr. 220.)

We read also that "most people receive force only from the physical and astral planes, but disciples receive force also from the mental and egoic levels." Finally we read:

Chúng ta cũng đọc thấy rằng "đa số người chỉ nhận mãnh lực từ các cõi hồng trần và cảm dục, nhưng các đệ tử cũng nhận mãnh lực từ các cấp độ cõi trí và chân ngã." Cuối cùng chúng ta đọc:

"It may help the student if he realizes that the right control of prana involves the recognition that energy is the sum total of existence and of manifestation, and that the three lower bodies are energy bodies, each forming a vehicle for the higher type of energy and being themselves transmitters of

"Điều này có thể giúp ích cho đạo sinh nếu y nhận ra rằng sự kiểm soát đúng đắn prana bao hàm việc nhận biết rằng năng lượng là tổng số của sự hiện hữu và biểu hiện, và rằng ba thể thấp là các thể năng lượng, mỗi thể tạo thành một vận cụ cho loại năng lượng cao hơn và chính chúng cũng là các bộ

energy. The energies of the lower man are energies of the third aspect, the Holy Ghost or Brahma aspect. The energy of the spiritual man is that of the second aspect, the Christ force, or buddhi. The object of evolution in the human family is to bring this Christ force, the principle of buddhi, into full manifestation upon the physical plane and this through the utilization of the lower triple sheath." (P. 227.)

truyền năng lượng. Các năng lượng của phàm nhân là các năng lượng của phương diện thứ ba, phương diện Chúa Thánh Thần hay phương diện Brahma. Năng lượng của con người tinh thần là năng lượng của phương diện thứ hai, mãnh lực Đức Christ, hay Bồ đề. Mục tiêu của tiến hoá trong gia đình nhân loại là đưa mãnh lực Đức Christ này, nguyên khí Bồ đề, vào sự biểu hiện trọn vẹn trên cõi hồng trần, và điều này thông qua việc sử dụng lớp vỏ tam phân thấp." (tr. 227.)

This gives a general picture of the subject of our consideration and gives us the elementary facts upon which all our thoughts must be based. It becomes apparent, therefore, as we study the above that the aspirant has three things to do:

Điều này đem lại một bức tranh tổng quát về chủ đề chúng ta đang xét, và trao cho chúng ta những sự kiện sơ đẳng mà mọi tư tưởng của chúng ta phải dựa vào. Do đó, khi nghiên cứu những điều trên, rõ ràng người chí nguyện có ba việc phải làm:

First, he has to learn the nature of the energies or [571] pranas which have brought his magical creation, the physical body, into manifestation and which keep it in such a condition that he can or cannot rapidly achieve the spiritual objective of his soul. This lesson involves:

Trước hết, y phải học bản chất của các năng lượng hay [571] prana đã đưa tạo vật huyền thuật của y, tức thể xác, vào biểu hiện, và giữ nó trong một tình trạng khiến y có thể hoặc không thể nhanh chóng đạt được mục tiêu tinh thần của linh hồn mình. Bài học này bao hàm:

a. Arriving at a knowledge of those forces which are peculiarly potent in his life and which seem to direct his activities. This will bring to him the knowledge as to which centers of his etheric body are awakened and which are dormant. This all aspirants have to grasp before they really can apply themselves to the real training for discipleship.

a. Đạt tới sự hiểu biết về những mãnh lực đặc biệt mạnh mẽ trong đời sống của y và dường như điều khiển các hoạt động của y. Điều này sẽ đem đến cho y tri thức về những trung tâm nào trong thể dĩ thái của y đã thức tỉnh và những trung tâm nào còn ngủ yên. Tất cả những người chí nguyện phải nắm vững điều này trước khi họ thật sự có thể chuyên tâm vào việc huấn luyện đích thực cho địa vị đệ tử.

b. Grasping the relation between these forces of nature which he has appropriated for his own use and which constitute the sum total of his personal, mental, sentient and vital energies, and those same forces as they are

b. Nắm bắt mối liên hệ giữa các mãnh lực thiên nhiên này, mà y đã chiếm dụng cho mục đích riêng của mình và tạo thành tổng số các năng lượng cá nhân, trí tuệ, cảm giác và sinh lực của y, với chính những mãnh lực

found in the natural world and govern the manifestation of the Macrocosm.

ấy khi chúng được tìm thấy trong thế giới tự nhiên và chi phối sự biểu hiện của Đại thiên địa.

c. Learning to work with these energies in an intelligent manner in order to bring about three happenings:

c. Học cách làm việc với các năng lượng này một cách thông minh nhằm đem lại ba sự việc:

An harmonious cooperation with his own solar Angel, so that solar force may impose its rhythm upon the lunar forces.

Một sự hợp tác hài hòa với Thái dương Thiên Thần của chính y, để mãnh lực thái dương có thể áp đặt nhịp điệu của nó lên các mãnh lực thái âm.

An intelligent response to and affiliation with the group of World Servers who at any given time have undertaken the work of directing, by the power of their thought, the forces of nature and so leading the whole creative body forward along the line of divine intent.

Một sự đáp ứng thông minh và sự liên kết với nhóm những Người Phụng Sự Thế Gian, những người vào bất cứ thời điểm nào đã đảm nhận công việc điều khiển, bằng quyền năng tư tưởng của họ, các mãnh lực của thiên nhiên, và như thế dẫn toàn bộ tập hợp sự sống sáng tạo tiến tới theo đường lối của ý định thiêng liêng.

The production on the physical plane of a personality adequate for its creative task and capable of those forms of activity, emanating [572] from the mind, which will enable him to further the work of the directing agencies.

Sự tạo ra trên cõi hồng trần một phàm ngã thích hợp với nhiệm vụ sáng tạo của nó và có khả năng thực hiện những hình thức hoạt động, xuất lộ [572] từ thể trí, sẽ giúp y thúc đẩy công việc của các cơ quan điều khiển.

Second, learn to live as a soul and, therefore, free from identification with the body nature. This brings out three things:

Thứ hai, học sống như một linh hồn và do đó thoát khỏi sự đồng hoá với bản chất thân thể. Điều này làm nổi bật ba điều:

a. An ability to withdraw into the head consciousness and from that high place to direct the life of the personal self.

a. Khả năng rút vào tâm thức nơi đầu và từ nơi cao ấy điều khiển đời sống của cái tôi cá nhân.

b. The power to pass through the various centers in the body those universal forces and energies which are needed for world work. This has to be done consciously and in full awareness of the source from which they come, of the mode of their activity and

b. Quyền năng chuyển qua các trung tâm khác nhau trong thân thể những mãnh lực và năng lượng vũ trụ cần thiết cho công việc thế giới. Điều này phải được thực hiện một cách có ý thức và trong sự tỉnh biết đầy đủ về nguồn gốc mà chúng đến từ đó, phương thức

of the purpose for which they must be used. This involves also the understanding of which force is related to a center. This consequently involves the necessity to develop the centers, to bring them into a state of potency and to harmonize them into a unified rhythm.

hoạt động của chúng và mục đích mà vì đó chúng phải được sử dụng. Điều này cũng bao hàm sự thấu hiểu mãnh lực nào liên hệ với trung tâm nào. Do đó, điều này bao hàm nhu cầu phát triển các trung tâm, đưa chúng vào một trạng thái quyền năng và hòa điệu chúng thành một nhịp điệu hợp nhất.

c. The capacity, therefore, to work at will through the medium of any particular center. This is only possible when the soul can dwell as the Ruler on the "throne between the eyebrows" and when the Kundalini fire has been what is occultly called raised. This fire has to pass up through the spinal column and burn its way through the web which separates center from center on the "Golden Rod of Power."

c. Do đó, năng lực làm việc theo ý chí qua trung gian bất kỳ trung tâm đặc thù nào. Điều này chỉ có thể xảy ra khi linh hồn có thể cư ngụ như Đấng Cai Quản trên "ngai giữa hai chân mày" và khi lửa hỏa xà đã được nâng lên, theo cách gọi huyền bí. Lửa này phải đi lên qua cột sống và đốt đường xuyên qua mạng lưới ngăn cách trung tâm này với trung tâm khác trên "Thần Trượng Vàng của Quyền Năng".

Third, learn to study the reactions upon others of whatever energy he, through his personality, may be expressing, or which, if he be an initiate and, therefore, a conscious worker with the Plan, it may be his privilege to utilize or transmit. Through a close study of [573] his personal "effect" upon his fellowmen, as he lives amongst them, and as he thinks, speaks and acts, he learns the nature of that type of force which may flow through him. He can arrive, therefore, at an understanding of its type, its quality, its strength, and its speed. These four words warrant consideration and elucidation.

Thứ ba, học nghiên cứu các phản ứng nơi người khác đối với bất kỳ năng lượng nào mà y, qua phàm ngã của mình, có thể đang biểu lộ; hoặc năng lượng nào mà, nếu y là một điểm đạo đồ và do đó là một người hoạt động có ý thức với Thiên Cơ, y có đặc ân sử dụng hay truyền dẫn. Nhờ nghiên cứu sát sao [573] "tác động" cá nhân của mình lên đồng loại, khi y sống giữa họ, và khi y suy nghĩ, nói năng và hành động, y học được bản chất của loại mãnh lực có thể tuôn chảy qua y. Do đó y có thể đạt tới sự thấu hiểu về loại, phẩm tính, sức mạnh và tốc độ của nó. Bốn từ này đáng được xem xét và làm sáng tỏ.

A. The *type* of force as used by an aspirant will indicate to him its emanating source, and a study of it will begin to signify to him the Entity from which it has emanated. A knowledge of the type answers the question: Along what line of energy and upon what ray is this force to be found? A close watch upon this aspect of work will soon indicate to the aspirant:

A. *Loại* mãnh lực mà một người chí nguyện sử dụng sẽ chỉ cho y nguồn phát xuất của nó, và việc nghiên cứu nó sẽ bắt đầu biểu thị cho y Thực Thể mà từ đó nó đã xuất lộ. Tri thức về loại trả lời câu hỏi: Mãnh lực này được tìm thấy theo đường năng lượng nào và trên cung nào? Việc quan sát sát sao phương diện này của công việc sẽ sớm chỉ cho người chí nguyện:

1. upon what plane he himself may be working,

1. y có thể đang làm việc trên cõi nào,

2. the nature of his ray, egoic ray and personality ray. Only the initiate of the third degree can ascertain his monadic ray,

2. bản chất cung của y, cung chân ngã và cung phàm ngã của y. Chỉ điểm đạo đồ bậc ba mới có thể xác định cung chân thần của mình,

3. the particular tattva which may be involved,

3. tattva đặc thù có thể liên quan,

4. the center through which he may be transmitting the force.

4. trung tâm mà qua đó y có thể đang truyền dẫn mãnh lực.

It will be apparent, therefore, that a study of the types of energy is of practical usefulness and will tend to leave no part of the aspirant's nature untouched. Think for a minute of the lessons which can be learned by the man who submits the energy used in verbal expression, for instance, to the scrutiny of the Inner Ruler and who—after talking or after joining in the give and take of daily life—asks himself the questions: What was the type of energy used by me in my speech today? What was the force that I expended in my contacts with my fellowmen? You ask me if I can illustrate this for you? Now let me attempt to do so and so make simple what is deemed so oft to be abstruse and difficult. Let the student inquire [574] of himself whether the position he held mentally and whether the words which he spoke on any particular occasion were prompted by a desire to impose his will upon his hearers. This imposition of his will could be either right or wrong. When right, it would mean that he was speaking under the impulse of his spiritual will, that his words would be in line with soul purpose and intent and would be governed by love and, therefore, would be constructive, helpful and healing. His

Do đó, điều hiển nhiên là việc nghiên cứu các loại năng lượng có ích dụng thực tiễn và sẽ có khuynh hướng không để phần nào trong bản chất của người chí nguyện không được chạm tới. Hãy suy nghĩ trong một phút về những bài học mà con người có thể học được khi y đặt năng lượng được dùng trong sự diễn đạt bằng lời nói, chẳng hạn, dưới sự soi xét của Đấng Cai Quản Bên Trong, và sau khi nói chuyện hoặc sau khi tham gia vào sự trao đổi qua lại của đời sống hằng ngày, y tự hỏi: Hôm nay, trong lời nói của tôi, tôi đã dùng loại năng lượng nào? Mãnh lực nào tôi đã tiêu hao trong các tiếp xúc với đồng loại? Các bạn hỏi tôi liệu tôi có thể minh họa điều này cho các bạn không? Bây giờ, hãy để tôi thử làm điều đó, và nhờ vậy làm cho đơn giản điều thường bị xem là trừu tượng và khó hiểu. Hãy để đạo sinh tự hỏi [574] chính mình xem lập trường mà y giữ trong trí và những lời y nói ra trong một dịp đặc biệt nào đó có được thúc đẩy bởi một ham muốn áp đặt ý chí của y lên người nghe hay không. Sự áp đặt ý chí này có thể đúng hoặc sai. Khi đúng, điều đó có nghĩa là y đang nói dưới xung động của ý chí tinh thần của mình, rằng lời nói của y sẽ phù hợp với mục đích và ý định của linh hồn, và sẽ được chi phối bởi bác ái; do đó, chúng sẽ có tính xây dựng, hữu

attitude would be one of detachment and he would have no desire to take prisoner the mind of his brother. But if his words were prompted by self-will and by the desire to impose *his* ideas upon other people and so to shine in their presence, or to force them to agree with his conclusions, his method would then be destructive, dominating, aggressive, argumentative, forceful, rude or irritable, according to his personality trends and inclinations. This would indicate the right or the wrong use of first ray force.

ích và chữa lành. Thái độ của y sẽ là tách rời, và y sẽ không có ham muốn giam giữ thể trí của huynh đệ mình. Nhưng nếu lời nói của y được thúc đẩy bởi ý chí cá nhân và bởi ham muốn áp đặt các ý tưởng của *y* lên người khác, để nhờ đó tỏa sáng trước mặt họ, hoặc buộc họ đồng ý với các kết luận của y, thì phương pháp của y khi ấy sẽ có tính phá hoại, thống trị, công kích, tranh biện, cưỡng bách, thô lỗ hoặc cáu kỉnh, tùy theo các khuynh hướng và thiên hướng của phàm ngã y. Điều này sẽ cho thấy việc sử dụng đúng hay sai mãnh lực cung một.

Should the type of force he wields be that of the second ray, he can submit it to a similar analysis. He will then find it to be based on group love, service and compassion, or upon a selfish longing to be liked, on sentiment and on attachment. His words will indicate this to him if he will closely study them. Similarly, if he is using third ray force, in a *personal* manner, he will be devious in his propositions, subtle and elusive in his arguments, using manipulation in his relations with his fellowmen, or be an interfering busybody, actively engaged in running the world, in managing other people's lives for them, or in grasping so firmly the reins of government in his own self-interest that he will sacrifice everything and everybody in the work of furthering his own busy ends. If he is, however, a true disciple and aspirant, he will work with the Plan and will wield third ray force to bring about the loving purposes of the spiritual Reality. He will be busy and active and his word will carry [575] truth, and will lead to the helping of others, for they will be detached and true.

Nếu loại mãnh lực mà y vận dụng là mãnh lực cung hai, y có thể đặt nó dưới một sự phân tích tương tự. Khi ấy y sẽ thấy nó được đặt nền trên bác ái nhóm, phụng sự và lòng từ bi, hoặc trên một nỗi khao khát ích kỷ muốn được yêu thích, trên cảm tính và sự quyến luyến. Lời nói của y sẽ cho y thấy điều này nếu y chịu nghiên cứu chúng một cách kỹ lưỡng. Tương tự, nếu y đang dùng mãnh lực cung ba theo một cách *cá nhân*, y sẽ quanh co trong các đề nghị của mình, tinh vi và lẩn tránh trong các lập luận, dùng sự thao túng trong các quan hệ với đồng loại, hoặc trở thành một kẻ bận rộn hay can thiệp, tích cực lo điều hành thế giới, quản lý đời sống của người khác thay cho họ, hoặc nắm chặt dây cương cai quản vì quyền lợi riêng đến mức y sẽ hy sinh mọi sự và mọi người trong công việc thúc đẩy các mục tiêu bận rộn của riêng mình. Tuy nhiên, nếu y là một đệ tử và người chí nguyện chân chính, y sẽ làm việc với Thiên Cơ và sẽ vận dụng mãnh lực cung ba để đem lại các mục đích bác ái của Thực Tại tinh thần. Y sẽ bận rộn và năng động, và lời nói của y sẽ mang [575] chân lý, đồng thời sẽ dẫn đến việc giúp đỡ người khác, vì chúng sẽ tách rời và chân thật.

The Use of the Hands

Việc Sử Dụng Bàn Tay

It is of value here when we are dealing with the wielding of force to give a little information anent the use of the hands in such work. One of the Masters has said, "It is but with armed hand and ready either to conquer or perish that the modern mystic can hope to achieve his object." I intend to speak a few words about the hands, for there is more occult teaching hidden in these words than is apparent on the surface.

Ở đây, khi chúng ta đang bàn đến việc vận dụng mãnh lực, sẽ hữu ích nếu đưa ra một ít thông tin về việc sử dụng bàn tay trong công việc như thế. Một trong các Chân sư đã nói: "Chỉ với bàn tay được trang bị và sẵn sàng hoặc chinh phục hoặc diệt vong, nhà thần bí hiện đại mới có thể hy vọng đạt được mục tiêu của mình." Tôi dự định nói vài lời về đôi tay, vì trong những lời này có nhiều giáo huấn huyền bí ẩn giấu hơn điều có thể thấy trên bề mặt.

In one of the old books, available for the instruction of disciples these words are found:

Trong một trong các sách cổ, hiện có để giáo huấn các đệ tử, có những lời sau:

"The armed hand is an empty hand and this protects its possessor from the accusations of his enemies. It is a hand freed from the taint of the four symbolic evils—gold, lust, the dagger, and the finger of enticement."

"Bàn tay được trang bị là bàn tay trống không, và điều này bảo vệ người sở hữu nó khỏi những lời cáo buộc của kẻ thù. Đó là bàn tay đã được giải thoát khỏi vết nhơ của bốn điều ác biểu tượng: vàng, dục vọng, dao găm và ngón tay cám dỗ."

These words are most significant, and it might be well to study briefly the type of hands and their quality which are distinctive of disciples. In all forms of esoteric teaching the hands play a great part and this for four reasons:

Những lời này có ý nghĩa sâu xa nhất, và có lẽ nên nghiên cứu ngắn gọn loại bàn tay và phẩm tính của chúng, vốn là nét đặc trưng của các đệ tử. Trong mọi hình thức giáo huấn huyền bí, đôi tay giữ một vai trò lớn lao, và điều này vì bốn lý do:

1. They are the symbol of acquisitiveness.

1. Chúng là biểu tượng của tính chiếm hữu.

2. They are centres of force

2. Chúng là các trung tâm mãnh lực.

3. They are wielders of the sword.

3. Chúng là những khí cụ vận dụng thanh gươm.

4. They are, when employed unselfishly

4. Khi được sử dụng một cách vô ngã, chúng là:

a. Instruments of healing.

a. Các công cụ chữa lành.

b. Agencies whereby certain keys are turned.

b. Các tác nhân nhờ đó một số chìa khóa được xoay.

Viewing them as *symbols of acquisitiveness* it must be remembered that in the average man they are employed to "grasp and to hold" and to acquire that which the man wants for himself and for the satisfaction of his selfish desire. In spiritual man, the hands are still symbols of acquisitiveness but he only grasps that which [576] is needed for the helping of the group and releases at once towards that end that which he has thus acquired. The initiate holds nothing for himself; the saviour of the race may utilise all that is laid up in the divine storehouse but not for himself, only for those he seeks to help.

Khi xem chúng như *biểu tượng của tính chiếm hữu*, cần nhớ rằng nơi con người trung bình, chúng được dùng để "nắm lấy và giữ lại", và để chiếm hữu điều mà con người muốn cho chính mình và để thỏa mãn ham muốn ích kỷ của mình. Nơi con người tinh thần, đôi tay vẫn là biểu tượng của tính chiếm hữu, nhưng y chỉ nắm lấy điều [576] cần thiết để giúp đỡ nhóm, và lập tức phóng thích về mục đích đó điều mà y đã có được như thế. Điểm đạo đồ không giữ gì cho chính mình; vị cứu tinh của nhân loại có thể sử dụng tất cả những gì được cất giữ trong kho tàng thiêng liêng, nhưng không vì chính mình, mà chỉ vì những người y tìm cách giúp đỡ.

As *centres of force* the hands play a most potent part, and one that is little understood. It is an occult fact that the hands of a disciple (once he has acquired that acquisitiveness which is based on unselfish group work) become transmitters of spiritual energy. The "laying on of hands" is no idle phrase nor confined solely to the operations of the episcopate of any faith. The occult laying on of hands can be studied in four aspects:

Là *các trung tâm mãnh lực*, đôi tay giữ một vai trò mạnh mẽ nhất, nhưng ít được thấu hiểu. Một sự thật huyền bí là đôi tay của một đệ tử, một khi y đã đạt được tính chiếm hữu đặt nền trên công việc nhóm vô ngã, sẽ trở thành các bộ truyền dẫn năng lượng tinh thần. "Đặt tay lên" không phải là một cụm từ rỗng tuếch, cũng không chỉ giới hạn trong các nghi thức của hàng giám mục thuộc bất cứ tín ngưỡng nào. Việc đặt tay huyền bí có thể được nghiên cứu theo bốn phương diện:

1. *In healing*. In this case the force which flows through the hands comes from a dual source and via two etheric centres, the spleen and the heart.

1. *Trong chữa lành*. Trong trường hợp này, mãnh lực tuôn chảy qua đôi tay đến từ một nguồn kép và đi qua hai trung tâm dĩ thái: lá lách và tim.

2. *In the stimulation of any specific centre*. The energy employed in this case comes from the base of the spine, and the throat, and must be accompanied by appropriate words.

2. *Trong việc kích thích bất cứ trung tâm đặc biệt nào*. Năng lượng được dùng trong trường hợp này đến từ đáy cột sống và trung tâm cổ họng, và phải đi kèm với những lời thích hợp.

3. *In the work of linking a man up with his ego.* The force used here must be received from three etheric centres, the solar plexus, the heart, and the centre between the eyebrows.

3. *Trong công việc liên kết một người với chân ngã của y.* Mãnh lực được dùng ở đây phải được tiếp nhận từ ba trung tâm dĩ thái: tùng thái dương, tim và trung tâm giữa hai chân mày.

4. *In group work.* Here energy is utilised emanating from the ego, via the head centre, the throat centre and the base of the spine.

4. *Trong công việc nhóm.* Ở đây, năng lượng phát xuất từ chân ngã được sử dụng, qua trung tâm đầu, trung tâm cổ họng và đáy cột sống.

It will be apparent therefore that the Science of the Hands is a very real one and the disciple has to learn the nature of the forces in the different centres, how to transmit and unify them and then by an act of the will how to pass them outward through the chakras in the hands. The hands do their work either directly, or through the projection of a steady flow once the blended currents have been tapped, or indirectly, or by manipulation. Through [577] a knowledge of the law a disciple can not only utilise the current flowing through the centres of his own body, but can also combine them with the planetary or cosmic currents to be found in his environment. This is done unconsciously frequently by speakers who magnetically use the hands to any extent and the effects as seen by a clairvoyant are often amazing. When this work is done consciously a most potent factor is added to the equipment of any chela.

Do đó, điều hiển nhiên là Khoa Học về Đôi Tay là một khoa học rất thực, và đệ tử phải học bản chất của các mãnh lực trong những trung tâm khác nhau, cách truyền dẫn và hợp nhất chúng, rồi bằng một hành vi của ý chí, cách đưa chúng ra ngoài qua các luân xa trong đôi tay. Đôi tay thực hiện công việc của chúng hoặc trực tiếp, hoặc qua sự phóng chiếu một dòng chảy đều đặn một khi các luồng đã hòa trộn được khai thông, hoặc gián tiếp, hoặc bằng sự thao tác. Nhờ [577] tri thức về định luật, một đệ tử không chỉ có thể sử dụng dòng chảy qua các trung tâm của chính thân thể mình, mà còn có thể kết hợp chúng với các dòng hành tinh hoặc vũ trụ có trong môi trường của y. Điều này thường được thực hiện một cách vô thức bởi những diễn giả sử dụng đôi tay một cách từ tính ở một mức độ nào đó, và các hiệu quả, khi được một nhà thông nhãn nhìn thấy, thường rất đáng kinh ngạc. Khi công việc này được thực hiện một cách có ý thức, một yếu tố mạnh mẽ nhất được thêm vào trang bị của bất cứ đệ tử nào.

In this connection it must be borne in mind that the matter is a very abstruse one and that certain ray forces pass along the line of least resistance from left to right and others from right to left. Certain centres transmit their energies via the right hand and others

Trong mối liên hệ này, cần ghi nhớ rằng vấn đề này rất trừu tượng, và một số mãnh lực cung đi theo con đường ít trở ngại nhất từ trái sang phải, còn những mãnh lực khác từ phải sang trái. Một số trung tâm truyền dẫn năng lượng của chúng qua bàn tay phải, và những trung tâm khác qua bàn tay trái. Vì

via the left. Much knowledge is therefore required in order to work scientifically.

vậy, cần có nhiều tri thức để làm việc một cách khoa học.

I have no time to take up in detail the meaning of the hands as they *wield the sword,* save to point out that the sword as a symbol stands for many things:

Tôi không có thời gian bàn chi tiết về ý nghĩa của đôi tay khi chúng *vận dụng thanh gươm*, ngoại trừ chỉ ra rằng thanh gươm, với tư cách là một biểu tượng, tượng trưng cho nhiều điều:

1. The sharp, two-edged sword is the discriminative faculty which reaches to the roots of the chela's being and separates the real and true from the false and impermanent. It is wielded by the ego from the mental plane and is spoken of as the "Sword of cold blue steel."

1. Thanh gươm sắc bén hai lưỡi là năng lực phân biện, vươn tới tận gốc rễ bản thể của đệ tử và tách điều thực và chân thật ra khỏi điều giả dối và vô thường. Nó được chân ngã vận dụng từ cõi trí, và được nói đến như "Thanh gươm bằng thép xanh lạnh".

2. The sword of renunciation, or that double-bladed axe which the chela willingly applies to anything he considers as likely to hold him back from his goal. It is applied primarily to the things of the physical plane.

2. Thanh gươm của sự từ bỏ, hay chiếc rìu hai lưỡi mà đệ tử sẵn lòng áp vào bất cứ điều gì y xem là có thể giữ y lại khỏi mục tiêu. Nó được áp dụng chủ yếu vào các sự vật thuộc cõi hồng trần.

3. The sword of the Spirit is that weapon which in the hands of the disciple cuts down before the eyes of the group he is serving the obstacles which stand in the way of group progress. It is only wielded safely by those who have trained their arms to [578] wield the other swords and in the hands of an initiate is a most potent factor.

3. Thanh gươm của Tinh thần là vũ khí mà trong tay đệ tử, nó chặt đứt trước mắt nhóm mà y đang phụng sự những chướng ngại cản đường sự tiến bộ của nhóm. Nó chỉ được vận dụng an toàn bởi những người đã rèn luyện cánh tay mình để [578] vận dụng các thanh gươm khác, và trong tay một điểm đạo đồ, nó là một yếu tố mạnh mẽ nhất.

The *Old Commentary* to which reference has been oft times made says:

Cổ Luận, vốn đã nhiều lần được nhắc đến, nói rằng:

"The steel is needed for the transmission of the fire. When the force of the inner man is coupled with the energy transmitted through the chakras of the palms, it passeth down the shining blade and blendeth with the force of the One Who is the ALL. Thus is the Plan consumated."

"Thép cần thiết cho việc truyền dẫn lửa. Khi mãnh lực của con người bên trong được kết hợp với năng lượng được truyền qua các luân xa trong lòng bàn tay, nó đi xuống theo lưỡi sáng chói và hòa nhập với mãnh lực của Đấng là TẤT CẢ. Nhờ vậy, Thiên Cơ được hoàn thành."

And thus it might be added is the energy of the unit augmented by the force of the greater Whole.

Và như thế, có thể thêm rằng năng lượng của đơn vị được gia tăng bởi mãnh lực của Toàn Thể lớn lao hơn.

It is said in the occult books and likewise in *The Secret Doctrine* that all initiates must be healers; therefore, that all initiates use the palms of the hands in the work of healing. Only those therefore, who have wielded the sword dare lay the sword down and stand with empty hands, uplifted in blessing. Only the "armed hand" can safely be used in the work of salvation; only those who have "taken the kingdom of Heaven by force" and who are occultly known as the "Violent Ones" can take the heavenly supply and use it in the work of healing. This should be carefully borne in mind. The true healing force can only flow through those who in some degree either directly (by right of initiation or of advanced discipleship) or indirectly as being used on the inner side by some adept or advanced healer, are linked with the hierarchy. A man should know his status before he can rightly heal. This does not apply to those healers who are unconscious workers, being powerful transmitters of prana or solar vitality. Their name is legion and they do much good even though at times the energy they transmit serves to stimulate wrongly.

Trong các sách huyền bí, cũng như trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, có nói rằng mọi điểm đạo đồ đều phải là những người chữa lành; do đó, mọi điểm đạo đồ đều sử dụng lòng bàn tay trong công việc chữa lành. Vì vậy, chỉ những ai đã vận dụng thanh gươm mới dám đặt thanh gươm xuống và đứng với đôi tay trống không, giơ lên trong sự ban phước. Chỉ "bàn tay được trang bị" mới có thể được sử dụng an toàn trong công việc cứu độ; chỉ những ai đã "chiếm lấy Thiên Giới bằng mãnh lực" và được huyền bí học gọi là "Những Đấng Mãnh Liệt" mới có thể nhận lấy nguồn cung ứng thiên thượng và dùng nó trong công việc chữa lành. Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận. Mãnh lực chữa lành chân chính chỉ có thể tuôn chảy qua những người, ở một mức độ nào đó, hoặc trực tiếp do quyền điểm đạo hoặc địa vị đệ tử tiến cao, hoặc gián tiếp vì được một chân sư hay một nhà chữa lành tiến cao sử dụng ở nội giới, có liên kết với Thánh đoàn. Một người phải biết địa vị của mình trước khi y có thể chữa lành đúng đắn. Điều này không áp dụng cho những nhà chữa lành là người hoạt động vô thức, vốn là các bộ truyền dẫn mạnh mẽ của prana hay sinh lực thái dương. Họ đông vô số, và họ làm được nhiều điều tốt, dù đôi khi năng lượng họ truyền dẫn lại kích thích sai lầm.

As regards the *use of the hands in turning keys* I will simply give a hint. Only those hands can turn the key in the door of initiation who have learnt the art of the [579] centres", the significance of the hands in service, the wielding of the swords, and the four positions in which the hands are held in group service.

Về *việc dùng tay để xoay các chìa khóa*, tôi chỉ đơn giản đưa ra một gợi ý. Chỉ những bàn tay nào đã học được nghệ thuật của các [579] trung tâm, thâm nghĩa của đôi tay trong phụng sự, việc vận dụng các thanh gươm, và bốn vị thế trong đó đôi tay được giữ trong phụng sự nhóm, mới có thể xoay chìa khóa nơi cánh cửa điểm đạo.

Study, therefore, the type of force which you usually wield; know along what line of ray energy it comes and so arrive at a truer knowledge of yourself and of your own inner capacities, and ascertain likewise what types of energy you may lack and how your equipment can be duly rounded out.

Vì vậy, hãy nghiên cứu loại mãnh lực mà các bạn thường vận dụng; hãy biết nó đến theo tuyến năng lượng cung nào, và nhờ đó đạt đến một tri thức chân thật hơn về chính mình và về các năng lực bên trong của mình; đồng thời hãy xác định những loại năng lượng nào các bạn có thể còn thiếu, và cách trang bị của các bạn có thể được làm cho tròn đầy đúng mức.

B. The *quality* of the force used is necessarily dependent upon the ray from which it may emanate. You ask me to differentiate between the words *type and quality.* I would say that the type of force indicates the life aspect, whilst the quality indicates the consciousness aspect, and that both of them are aspects of the entity or the being who is the embodiment of a ray. The type will manifest primarily through what we might call dynamic direction and through its power to produce an effect. This has, of course, to be coupled to right quality and skill in action. The quality will be indicated more by its power of attractive approach. It has in it more of the magnetic aspect than the type has. Students can arrive at the quality of the force they may be using by noticing what they attract to themselves, both in circumstances, in people, and in the reactions which people show to what the student may say or do. In the type there is a preponderance of the will aspect, in the quality the desire aspect is primarily to be found. It is profoundly true that according to a man's desires so will be the forms of life which he will, like a magnet, attract to himself.

B. *Phẩm tính* của mãnh lực được dùng tất nhiên tùy thuộc vào cung mà từ đó nó có thể phát xuất. Các bạn yêu cầu tôi phân biệt giữa hai từ *loại và phẩm tính*. Tôi muốn nói rằng loại mãnh lực chỉ phương diện sự sống, trong khi phẩm tính chỉ phương diện tâm thức, và cả hai đều là các phương diện của thực thể hay hữu thể vốn là hiện thân của một cung. Loại sẽ biểu lộ chủ yếu qua điều mà chúng ta có thể gọi là sự định hướng năng động và qua quyền năng của nó trong việc tạo ra một hiệu quả. Dĩ nhiên, điều này phải được kết hợp với phẩm tính đúng đắn và kỹ năng trong hành động. Phẩm tính sẽ được biểu thị nhiều hơn bởi quyền năng tiếp cận có sức thu hút của nó. Trong nó có nhiều phương diện từ tính hơn so với loại. Các đạo sinh có thể đi đến phẩm tính của mãnh lực mà họ có thể đang sử dụng bằng cách quan sát những gì họ thu hút về phía mình, cả trong hoàn cảnh, nơi con người, và trong các phản ứng mà người khác biểu lộ trước điều đạo sinh có thể nói hoặc làm. Trong loại có sự vượt trội của phương diện ý chí; trong phẩm tính, phương diện ham muốn được thấy trước hết. Điều hết sức đúng là tùy theo các ham muốn của một người mà các hình tướng sự sống sẽ, như một nam châm, được y thu hút về phía mình.

C. The *strength* of a particular force brings us back to the Rule we are studying, for it involves in itself the factor of true persistence, and we have earlier seen that

C. *Sức mạnh* của một mãnh lực đặc thù đưa chúng ta trở lại với Quy Luật mà chúng ta đang nghiên cứu, vì trong chính nó có bao hàm yếu tố kiên trì chân thật, và trước đây

the emergence into functioning life and activity of any form is dependent upon the persistent attention of its [580] creator. Energy can be used dynamically or steadily and the effects of these two modes of the application of energy differ. One is primarily used in destructive work, and this is the dynamic method. There are, for instance, certain dynamic words of power which, when employed by the Creative Destroyers, bring about the destruction of forms. With these, however, aspirants have naught to do. Their important work is to learn the meaning of persistence and of *strength.* It is literally a time-persistence, and strength is beyond all other things the power to endure, to hold out, to stand steady, and to go forward undeterred. Study, therefore, most carefully the types dynamic, the quality magnetic, and the strength persistent of the forces which constitute your equipment. When you can wield, either destructively or constructively, either selfishly or selflessly, or in line with the Plan Universal, or the plan selfish and personal then you will work consciously and will knowingly tread the right or the left hand path.

chúng ta đã thấy rằng sự xuất hiện vào đời sống hoạt động và vận hành của bất cứ hình tướng nào đều tùy thuộc vào sự chú tâm bền bỉ của [580] đấng tạo ra nó. Năng lượng có thể được dùng một cách năng động hoặc đều đặn, và các hiệu quả của hai phương thức áp dụng năng lượng này khác nhau. Một phương thức được dùng chủ yếu trong công việc phá hủy, và đó là phương pháp năng động. Chẳng hạn, có một số Quyền năng từ năng động, khi được các Đấng Hủy Diệt Sáng Tạo sử dụng, sẽ đem lại sự hủy diệt các hình tướng. Tuy nhiên, những điều này không liên quan gì đến người chí nguyện. Công việc quan trọng của họ là học ý nghĩa của sự kiên trì và của *sức mạnh*. Theo nghĩa đen, đó là sự kiên trì theo thời gian, và trên hết mọi sự, sức mạnh là quyền năng chịu đựng, bền bỉ, đứng vững và tiến tới không nao núng. Vì vậy, hãy nghiên cứu một cách cẩn thận nhất loại năng động, phẩm tính từ tính, và sức mạnh bền bỉ của các mãnh lực cấu thành trang bị của các bạn. Khi các bạn có thể vận dụng, hoặc theo cách phá hoại hoặc xây dựng, hoặc ích kỷ hoặc vô ngã, hoặc phù hợp với Thiên Cơ Vũ Trụ, hoặc theo kế hoạch ích kỷ và cá nhân, khi ấy các bạn sẽ làm việc một cách có ý thức và sẽ bước đi một cách hiểu biết trên chánh đạo hoặc tả đạo.

D. The *speed* of the force used is dependent upon these three previous factors. Speed in this sense has no essential relation to time, though it is hard to find another word to use in the place of speed. It relates to the world of effects as they emanate from the world of causes. It has, perhaps, essentially a relation to truth, for the truer an impulse is and the clearer the understanding of the subjective purpose, so will the right direction and the impact of the force, follow automatically. Perhaps speed would be more correctly translated by the words “correct direction”, for where there is correct direction, true orientation, exact understanding of purpose

D. *Tốc độ* của mãnh lực được dùng tùy thuộc vào ba yếu tố trước đó. Tốc độ theo nghĩa này không có liên hệ cốt yếu với thời gian, mặc dù khó tìm một từ khác để dùng thay cho tốc độ. Nó liên quan đến thế giới các hiệu quả khi chúng phát xuất từ thế giới các nguyên nhân. Có lẽ, về bản chất, nó liên hệ với chân lý, vì một xung động càng chân thật và sự thấu hiểu mục đích chủ quan càng rõ ràng, thì hướng đi đúng và tác động của mãnh lực sẽ tự động theo sau. Có lẽ “tốc độ” sẽ được chuyển dịch chính xác hơn bằng các từ “hướng đi đúng”, vì nơi nào có hướng đi đúng, sự định hướng chân thật, sự thấu hiểu chính xác về mục đích và sự nhận biết loại

and recognition of the type of force required, then there is an instantaneous effect. When the soul has registered the desired quality and possesses the strength of the Timeless One and the persistence of the One Who is from the beginning, the process of force expression and the relation [581] between cause and effect is spontaneous and simultaneous, and not sequential. This can scarcely be understood by those who have not yet the consciousness of the eternal Now. But this spontaneous and simultaneous effect is the clue to the entire magical work and in these four words—type, quality, strength and speed—the story of the work of a White Magician is told. But more I dare not give and it is not permitted to me to speak more clearly. Few are yet fitted to be magicians and few (perhaps fortunately) have as yet all the seven centres awakened so that they can work freely on the seven planes and with the seven types of the seven ray energies.

mãnh lực cần thiết, thì nơi đó có hiệu quả tức thì. Khi linh hồn đã ghi nhận phẩm tính mong muốn và sở hữu sức mạnh của Đấng Vô Thời Gian cùng sự kiên trì của Đấng có từ ban đầu, thì tiến trình biểu lộ mãnh lực và mối liên hệ [581] giữa nguyên nhân và hiệu quả là tự phát và đồng thời, chứ không theo trình tự. Điều này hầu như không thể được thấu hiểu bởi những người chưa có tâm thức của Hiện Tại Vĩnh Cửu. Nhưng hiệu quả tự phát và đồng thời này là chìa khóa cho toàn bộ công việc huyền thuật, và trong bốn từ này: loại, phẩm tính, sức mạnh và tốc độ, câu chuyện về công việc của một nhà huyền thuật chánh đạo được kể lại. Nhưng tôi không dám trao thêm, và tôi không được phép nói rõ hơn. Ít người hiện nay đủ thích hợp để trở thành nhà huyền thuật, và ít người, có lẽ may thay, đã có đủ cả bảy trung tâm thức tỉnh để họ có thể làm việc tự do trên bảy cõi và với bảy loại năng lượng của bảy cung.

I would point out that these four aspects of energy can be studied by the aspirant in his own nature. On the physical plane he is apparently the initiating cause and as he works with these energies they will call forth a response and a reaction from those who feel the impact of them and who demonstrate their effect. It is true, therefore, is it not, that we work and live in a world of forces? We need no distant field or special domain in which to live and learn and work, for we dwell in a world of force and energy; we are ourselves constituted of force or energy units; and we wield force, knowingly or unknowingly, throughout the twenty-four hours of the day. The field of our occult training is the field of the world and the world of our peculiar circumstances and environment.

Tôi muốn chỉ ra rằng bốn phương diện năng lượng này có thể được người chí nguyện nghiên cứu trong chính bản chất của y. Trên cõi hồng trần, y dường như là nguyên nhân khởi phát, và khi y làm việc với các năng lượng này, chúng sẽ gợi lên một đáp ứng và một phản ứng từ những người cảm nhận tác động của chúng và biểu lộ hiệu quả của chúng. Do đó, có đúng chăng rằng chúng ta làm việc và sống trong một thế giới các mãnh lực? Chúng ta không cần một lĩnh vực xa xôi hay một phạm vi đặc biệt nào để sống, học hỏi và làm việc, vì chúng ta cư ngụ trong một thế giới của mãnh lực và năng lượng; chính chúng ta được cấu thành từ các đơn vị mãnh lực hay năng lượng; và chúng ta vận dụng mãnh lực, dù biết hay không biết, suốt hai mươi bốn giờ mỗi ngày. Lĩnh vực huấn luyện huyền bí của chúng ta là lĩnh vực của

thế giới, và là thế giới của các hoàn cảnh cùng môi trường đặc thù của chúng ta.

Webinar 14-3

The Treading of the Way

We have seen, as we have considered Rule XIV that, in the magical work, the critical point of objectivity has now been reached by the aspirant. He is endeavouring to become a magical creator and to accomplish two things:

1. Re-create his instrument or mechanism of contact, so that the solar Angel has a vehicle, adequate for [582] the expression of Reality. This involves, we noted, right type, quality, strength and speed.

2. Build those subsidiary forms of expression in the outer world through which the embodied Energy, flowing through the re-created sheaths, can serve the world.

In the first case, the aspirant is dealing with himself, working within his own circumference, and thus learning to know himself, to change himself and to rebuild his form aspect. In the other case, he is learning to be a server of the race, and to construct those forms of expression which will embody the new ideas, the emerging principles, and the new concepts which must govern and round out our racial progress.

Remember that no man is a disciple, in the Master's sense of the word, who is not a pioneer. A registered response to spiritual

Bước Đi Trên Đường Đạo

Khi xem xét Quy Luật XIV, chúng ta đã thấy rằng trong công việc huyền thuật, điểm then chốt của tính khách quan nay đã được người chí nguyện đạt đến. Y đang cố gắng trở thành một nhà sáng tạo huyền thuật và hoàn thành hai điều:

1. Tái tạo công cụ hay bộ máy tiếp xúc của mình, để Thái dương Thiên Thần có một vận cụ thích đáng cho [582] sự biểu lộ của Thực Tại. Như chúng ta đã ghi nhận, điều này bao hàm loại, phẩm tính, sức mạnh và tốc độ đúng đắn.

2. Xây dựng những hình tướng biểu lộ phụ trợ trong thế giới bên ngoài, qua đó Năng Lượng nhập thể, tuôn chảy qua các lớp vỏ đã được tái tạo, có thể phụng sự thế giới.

Trong trường hợp thứ nhất, người chí nguyện đang xử lý chính mình, làm việc trong chu vi của riêng mình, và nhờ đó học biết chính mình, thay đổi chính mình và tái kiến tạo phương diện hình tướng của mình. Trong trường hợp kia, y đang học trở thành một người phụng sự nhân loại, và kiến tạo những hình tướng biểu lộ sẽ làm hiện thân cho các ý tưởng mới, các nguyên lý đang xuất hiện, và các khái niệm mới vốn phải chi phối và làm tròn đầy sự tiến bộ của nhân loại chúng ta.

Hãy nhớ rằng không ai là đệ tử, theo nghĩa mà Chân sư dùng từ này, nếu người ấy không phải là một người tiên phong. Một

truth, a realised pleasure in forward-looking ideals, and a pleased acquiescence in the truths of the New Age do not constitute discipleship. If it were so, the ranks of disciples would be rapidly filled and this is sadly not the case. It is the ability to arrive at an understanding of the next realisations which lie ahead of the human mind which marks the aspirant, who stands at the threshold of accepted discipleship; it is the power, wrought out in the crucible of strenuous inner experience, to see the immediate vision and to grasp those concepts in which the mind must necessarily clothe it, which give a man the right to be a recognised worker with the plan (recognised by the Great Ones, if not recognised by the world); it is the achievement of that spiritual orientation, held steadily—no matter what the outer disturbance in the physical plane life may be —that signifies to Those Who watch and seek for workers, that a man can be trusted to deal with some small aspect of Their undertaken work; it is the capacity to submerge [583] and to lose sight of the personal lower self in the task of world guidance, under soul impulse, which lifts a man out of the ranks of the aspiring mystics into those of the practical, though mystically minded, occultists.

đáp ứng đã được ghi nhận đối với chân lý tinh thần, một niềm vui đã được nhận biết trong các lý tưởng hướng về phía trước, và sự thuận nhận vui vẻ các chân lý của Kỷ Nguyên Mới không cấu thành địa vị đệ tử. Nếu là như vậy, hàng ngũ đệ tử sẽ nhanh chóng được lấp đầy, và đáng buồn thay, sự thật không phải thế. Chính khả năng đi đến sự thấu hiểu các chứng nghiệm kế tiếp đang nằm phía trước thể trí nhân loại là điều đánh dấu người chí nguyện đang đứng tại ngưỡng cửa của địa vị đệ tử được chấp nhận; chính quyền năng, được rèn luyện trong lò thử thách của kinh nghiệm nội tâm căng thẳng, để thấy linh ảnh trước mắt và nắm bắt các khái niệm mà thể trí nhất thiết phải khoác lên nó, là điều đem lại cho một người quyền được là một người hoạt động được công nhận với Thiên Cơ, được Các Đấng Cao Cả công nhận, dù thế giới có thể không công nhận; chính sự đạt được định hướng tinh thần ấy, được giữ vững không lay chuyển, bất kể sự xáo trộn bên ngoài trong đời sống cõi hồng trần có thể là gì, là điều báo hiệu cho Những Đấng đang quan sát và tìm kiếm người hoạt động rằng một người có thể được tin cậy để xử lý một phương diện nhỏ nào đó trong công việc mà Các Ngài đảm trách; chính khả năng nhấn chìm [583] và đánh mất khỏi tầm nhìn phàm ngã cá nhân trong nhiệm vụ hướng dẫn thế giới, dưới xung động của linh hồn, là điều nâng một người ra khỏi hàng ngũ các nhà thần bí chí nguyện để bước vào hàng ngũ các nhà huyền bí học thực tiễn, dù có khuynh hướng thần bí.

This is an intensely practical work, on which we are engaged; it is likewise of such proportions that it will occupy all of a man's attention and time, even his entire thought life, and will lead him to efficient expression in his personality task (imposed by karmic limitation and inherited tendency) and to a steadfast application of the creative and magical work. Discipleship is a synthesis of

Đây là một công việc hết sức thực tiễn mà chúng ta đang dấn thân vào; đồng thời, nó có tầm vóc đến mức sẽ chiếm trọn mọi chú tâm và thời gian của một người, thậm chí toàn bộ đời sống tư tưởng của y, và sẽ dẫn y đến sự biểu lộ hữu hiệu trong nhiệm vụ phàm ngã của mình, vốn được áp đặt bởi giới hạn nghiệp quả và khuynh hướng thừa hưởng, cũng như đến sự áp dụng vững bền công

hard work, intellectual unfoldment, steady aspiration and spiritual orientation, plus the unusual qualities of positive harmlessness and the opened eye which sees at will into the world of reality.

việc sáng tạo và huyền thuật. Địa vị đệ tử là sự tổng hợp của lao động gian khổ, sự khai mở trí tuệ, khát vọng bền bỉ và định hướng tinh thần, cộng thêm các phẩm tính khác thường của tính vô tổn hại tích cực và con mắt đã mở, có thể tùy ý nhìn vào thế giới của thực tại.

Certain considerations should be brought to the notice of the disciple which—for the sake of clarity—we will tabulate. To become an adept it will be necessary for the disciple to:

Một số điều cần được đưa đến sự chú ý của đệ tử, và để rõ ràng, chúng ta sẽ liệt kê. Để trở thành một chân sư, đệ tử cần phải:

1. Enquire the Way.

1. Tìm hỏi Đường Đạo.

2. Obey the inward impulses of the soul.

2. Tuân theo các xung động bên trong của linh hồn.

3. Pay no attention to any worldly consideration.

3. Không chú ý đến bất cứ cân nhắc thế gian nào.

4. Live a life which is an example to others.

4. Sống một đời sống làm gương cho người khác.

These four requirements may sound at the first superficial reading as easy of accomplishment, but if carefully studied it will become apparent why an adept is a "rare efflorescence of a generation of enquirers." Let us take up each of these four points:

Bốn yêu cầu này khi đọc qua lần đầu có thể nghe như dễ thực hiện, nhưng nếu được nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rõ vì sao một chân sư là "bông hoa hiếm hoi của một thế hệ những người tìm hỏi". Chúng ta hãy bàn từng điểm trong bốn điểm này:

1. *Enquire the Way*. We are told by one of the Masters that a whole generation of enquirers may only produce one adept. Why should this be so? For two reasons:

1. *Tìm hỏi Đường Đạo*. Một trong các Chân sư cho chúng ta biết rằng cả một thế hệ những người tìm hỏi có thể chỉ tạo ra một chân sư. Vì sao lại như vậy? Vì hai lý do:

First, the true enquirer is one who avails himself of the wisdom of his generation, who is the best product of his own period and yet who remains unsatisfied and with the [584] inner longing for wisdom unappeased. To him there appears to be

Thứ nhất, người tìm hỏi chân chính là người tận dụng minh triết của thế hệ mình, là sản phẩm tốt đẹp nhất của thời kỳ mình, nhưng vẫn không thỏa mãn và nỗi [584] khao khát bên trong về minh triết vẫn chưa được xoa dịu. Đối với y, dường như có điều gì đó quan

something of more importance than knowledge and something of greater moment than the accumulated experience of his own period and time. He recognises a step further on and seeks to take it in order to gain something to add to the quota already gained by his compeers. Nothing satisfies him until he finds the Way, and nothing appeases the desire at the centre of his being except that which is found in the house of his Father. He is what he is because he has tried all lesser ways and found them wanting, and has submitted to many guides only to find them "blind leaders of the blind". Nothing is left to him but to become his own guide and find his own way home *alone*. In the loneliness which is the lot of every true disciple are born that self-knowledge and self-reliance which will fit him in his turn to be a Master. This loneliness is not due to any separative spirit but to the conditions of the Way itself. Aspirants must carefully bear this distinction in mind.

trọng hơn tri thức, và có điều gì đó trọng đại hơn kinh nghiệm tích lũy của chính thời kỳ và thời đại y. Y nhận ra một bước xa hơn ở phía trước và tìm cách thực hiện bước ấy để đạt được điều gì đó bổ sung vào phần đã được các bạn đồng hành của y đạt tới. Không điều gì thỏa mãn y cho đến khi y tìm thấy Đường Đạo, và không điều gì làm dịu niềm ham muốn nơi trung tâm bản thể y ngoại trừ điều được tìm thấy trong nhà của Cha y. Y là như thế vì y đã thử mọi con đường thấp hơn và thấy chúng thiếu sót, và đã phó mình cho nhiều người hướng dẫn chỉ để thấy họ là "những kẻ mù dẫn dắt người mù". Không còn gì cho y ngoài việc trở thành người hướng dẫn của chính mình và một mình tìm đường về nhà *đơn độc*. Trong sự cô độc vốn là số phận của mọi đệ tử chân chính, sự tự tri và tự lực được sinh ra, và những điều này đến lượt chúng sẽ làm cho y thích hợp để trở thành một Chân sư. Sự cô độc này không do bất cứ tinh thần chia rẽ nào, mà do chính các điều kiện của Đường Đạo. Người chí nguyện phải ghi nhớ cẩn thận sự phân biệt này.

Secondly, the true enquirer is one whose courage is of that rare kind which enables its possessor to stand upright and to sound his own clear note in the very midst of the turmoil of the world. He is one who has the eye trained to see beyond the fogs and miasmas of the earth to that centre of peace which presides over all earth's happenings, and that trained attentive ear which (having caught a whisper of the Voice of the Silence) is kept tuned to that high vibration and is thus deaf to all lesser alluring voices. This again brings loneliness and produces that aloofness which all less evolved souls feel when in the presence of those who are forging ahead.

Thứ hai, người tìm hỏi chân chính là người có lòng can đảm thuộc loại hiếm hoi, cho phép người sở hữu nó đứng thẳng và xướng lên âm điệu trong trẻo của chính mình ngay giữa cơn hỗn loạn của thế giới. Y là người có con mắt đã được rèn luyện để nhìn vượt qua sương mù và uế khí của Trái Đất đến trung tâm bình an vốn chủ trì mọi biến cố của Trái Đất, và có đôi tai chăm chú đã được rèn luyện, sau khi bắt được một tiếng thì thầm của Tiếng Nói của Im Lặng, vẫn giữ mình hòa điệu với rung động cao ấy và do đó điếc trước mọi tiếng gọi quyến rũ thấp hơn. Điều này lại đem đến sự cô độc và tạo ra sự cách biệt mà mọi linh hồn kém tiến hóa hơn cảm thấy khi ở trong sự hiện diện của những người đang tiến lên phía trước.

A paradoxical situation is brought about from the fact that the disciple is told to enquire the Way and yet there is none to tell him. Those who know the Way may not speak, knowing that the Path is constructed by the aspirant as the spinner spins its web out of the centre [585] of his own being. Thus only those souls flower forth into adepts in any specific generation who have "trodden the winepress of the wrath of God alone" or who (in other words) have worked out their karma alone and who have intelligently taken up the task of treading the Path.

Một tình trạng nghịch lý được tạo ra từ sự kiện rằng đệ tử được bảo phải tìm hỏi Đường Đạo, nhưng lại không có ai nói cho y biết. Những ai biết Đường Đạo không thể nói, vì biết rằng Đường Đạo được người chí nguyện kiến tạo như con nhện dệt tấm mạng của nó từ trung tâm [585] bản thể của chính mình. Do đó, chỉ những linh hồn nào trong bất cứ thế hệ đặc thù nào đã "một mình giẫm đạp bàn ép rượu của cơn thịnh nộ của Thượng đế", hay nói cách khác, đã tự mình giải quyết nghiệp quả của mình và đã thông minh đảm nhận nhiệm vụ bước đi trên Đường Đạo, mới nở hoa thành các chân sư.

2. *Obey the inward impulses of the soul.* Well do the teachers of the race instruct the budding initiate to practise discrimination and train him in the arduous task of distinguishing between:

2. *Tuân theo các xung động bên trong của linh hồn.* Các huấn sư của nhân loại đã dạy rất đúng khi chỉ dẫn điểm đạo đồ đang chớm nở thực hành phân biện và rèn luyện y trong nhiệm vụ gian khổ là phân biệt giữa:

a. Instinct and intuition.

a. Bản năng và trực giác.

b. Higher and lower mind.

b. Thượng trí và hạ trí.

c. Desire and spiritual impulse.

c. Ham muốn và xung động tinh thần.

d. Selfish aspiration and divine incentive.

d. Khát vọng ích kỷ và động lực thiêng liêng.

e. The urge emanating from the lunar lords, and the unfoldment of the solar Lord.

e. Sự thúc đẩy phát xuất từ các nguyệt tinh quân, và sự khai mở của nhật tinh quân.

It is no easy or flattering task to find oneself out and to discover that perhaps even the service we have rendered and our longing to study and work has had a basically selfish origin, and resting on a desire for liberation or a distaste for the humdrum duties of everyday. He who seeks to obey the impulses of the soul has to cultivate an accuracy of summation and a truthfulness with himself which is rare indeed these days. Let him say

Không dễ dàng hay dễ chịu chút nào khi khám phá ra chính mình và phát hiện rằng có lẽ ngay cả sự phụng sự mà chúng ta đã hiến dâng, cũng như niềm khao khát học hỏi và làm việc của chúng ta, về căn bản đã có nguồn gốc ích kỷ, và đặt nền trên ham muốn được giải thoát hoặc sự chán ghét những bổn phận tẻ nhạt hằng ngày. Người nào tìm cách tuân theo các xung động của linh hồn phải vun bồi một sự chính xác trong tổng

to himself "I must to my own Self be true" and in the private moments of his life and in the secrecy of his own meditation let him not gloss over one fault, nor excuse himself along a single line. Let him learn to diagnose his own words, deeds, and motives, and to call things by their true names. Only thus will he train himself in spiritual discrimination and learn to recognise truth in all things. Only thus will the reality be arrived at and the true self known.

kết và một sự chân thật với chính mình, điều quả thật hiếm có trong những ngày này. Hãy để y tự nói với mình: "Tôi phải chân thật với Chính Mình", và trong những khoảnh khắc riêng tư của đời sống y, trong sự kín nhiệm của chính sự tham thiền của y, y đừng che đậy một lỗi lầm nào, cũng đừng tự bào chữa theo bất cứ đường lối nào. Hãy để y học chẩn đoán lời nói, hành vi và động cơ của chính mình, và gọi sự vật bằng đúng tên của chúng. Chỉ như thế y mới tự rèn luyện trong sự phân biện tinh thần và học nhận biết chân lý trong mọi sự. Chỉ như thế mới đạt đến thực tại và biết được chân ngã.

3. Pay *no consideration to the prudential considerations of worldly science and sagacity*. If the aspirant has need to cultivate a capacity to walk alone, if he has to [586] develop the ability to be truthful in all things, he has likewise need to cultivate courage. It will be needful for him to run counter consistently to the world's opinion, and to the very best expression of that opinion, and this with frequency. He has to learn to do the right thing as he sees and knows it, irrespective of the opinion of earth's greatest and most quoted. He must depend upon himself and upon the conclusions he himself has come to in his moments of spiritual communion and illumination. It is here that so many aspirants fail. They do *not* do the very best they know; they fail to act in detail as their inner voice tells them; they leave undone certain things which they are prompted to do in their moments of meditation, and fail to speak the word which their spiritual mentor, the Self, urges them to speak. *It is in the aggregate of these unaccomplished details that the big failures are seen.*

3. *Không chú ý đến những cân nhắc thận trọng của khoa học và sự khôn ngoan thế gian*. Nếu người chí nguyện cần vun bồi khả năng bước đi một mình, nếu y phải [586] phát triển năng lực chân thật trong mọi sự, thì y cũng cần vun bồi lòng can đảm. Y sẽ cần thường xuyên và nhất quán đi ngược lại ý kiến của thế gian, và cả sự biểu lộ tốt đẹp nhất của ý kiến ấy. Y phải học làm điều đúng như y thấy và biết, bất kể ý kiến của những người vĩ đại nhất và được trích dẫn nhiều nhất trên Trái Đất. Y phải nương tựa vào chính mình và vào các kết luận mà chính y đã đi đến trong những khoảnh khắc giao cảm tinh thần và soi sáng. Chính ở đây rất nhiều người chí nguyện thất bại. Họ *không* làm điều tốt nhất mà họ biết; họ không hành động trong từng chi tiết như tiếng nói bên trong bảo họ; họ bỏ không làm một số điều mà họ được thúc đẩy làm trong những khoảnh khắc tham thiền, và không nói lời mà vị cố vấn tinh thần của họ, Chân Ngã, thôi thúc họ nói. *Chính trong tổng số những chi tiết chưa được hoàn thành này mà các thất bại lớn được nhìn thấy.*

There are no trifles in the life of the disciple and an unspoken word or unfulfilled action

Không có điều gì nhỏ nhặt trong đời sống của đệ tử, và một lời không nói ra hay một

may prove the factor which is holding a man from initiation.

hành động không được thực hiện có thể chứng tỏ là yếu tố giữ một người lại khỏi điểm đạo.

4. *Live a life which is an example to others.* Is it necessary for me to enlarge upon this? It seems as if it should not be and yet here again is where men fail. What after all is group service? Simply the life of example. He is the best exponent of the Ageless Wisdom who lives each day in the place where is the life of the disciple; he does not live it in the place where he thinks he should be. Perhaps after all the quality which produces the greatest number of failures among aspirants to adeptship is cowardice. Men fail to make good where they are because they find some reason which makes them think they should be elsewhere. Men run away, almost unrealising it, from difficulty, from inharmonious conditions, from places which involve problems, and from circumstances which call for action of a high sort and which are staged to draw out the best that is in a man, [587] provided he stays in them. They flee from themselves and from other people, instead of simply *living the life.*

4. *Sống một đời sống làm gương cho người khác.* Có cần tôi mở rộng về điều này không? Dường như không cần, nhưng ở đây một lần nữa chính là nơi con người thất bại. Rốt cuộc, phụng sự nhóm là gì? Đơn giản là đời sống nêu gương. Người diễn giải tốt nhất Minh Triết Ngàn Đời là người sống mỗi ngày tại nơi đời sống của đệ tử đang hiện hữu; y không sống đời sống ấy ở nơi y nghĩ rằng mình nên ở. Có lẽ, sau cùng, phẩm tính gây ra số lượng thất bại lớn nhất trong số những người chí nguyện đến địa vị chân sư là sự hèn nhát. Con người không làm tốt tại nơi họ đang ở vì họ tìm ra một lý do nào đó khiến họ nghĩ rằng họ nên ở nơi khác. Hầu như không nhận ra, con người chạy trốn khỏi khó khăn, khỏi các điều kiện bất hòa, khỏi những nơi liên quan đến vấn đề, và khỏi các hoàn cảnh đòi hỏi hành động thuộc loại cao cả, những hoàn cảnh được sắp đặt để rút ra điều tốt nhất có trong một người, [587] miễn là y ở lại trong đó. Họ chạy trốn khỏi chính mình và khỏi người khác, thay vì đơn giản *sống đời sống.*

The adept speaks no word which can hurt, harm or wound. Therefore he has had to learn the meaning of speech in the midst of life's turmoil. He wastes no time in self pity or self justification for he knows the law has placed him where he is, and where he best can serve, and has learnt that difficulties are ever of a man's own making and the result of his own mental attitude. If the incentive to justify himself occurs he recognises it as a temptation to be avoided. He realises that each word spoken, each deed undertaken and every look and thought has its effect for good or for evil upon the group.

Chân sư không nói lời nào có thể làm đau, gây hại hay gây thương tổn. Vì vậy, Ngài đã phải học ý nghĩa của lời nói ngay giữa cơn hỗn loạn của đời sống. Ngài không lãng phí thời gian vào sự tự thương hại hay tự biện minh, vì Ngài biết định luật đã đặt Ngài ở nơi Ngài đang ở, nơi Ngài có thể phụng sự tốt nhất, và Ngài đã học rằng khó khăn luôn do chính con người tạo ra và là kết quả của thái độ trí tuệ của chính y. Nếu động lực tự biện minh nảy sinh, Ngài nhận ra đó là một cám dỗ cần tránh. Ngài nhận biết rằng mỗi lời nói ra, mỗi việc làm được thực hiện, và mỗi ánh nhìn cùng tư tưởng đều có hiệu quả thiện hoặc ác đối với nhóm.

Is it not apparent therefore why so few achieve and so many fail?

Vì vậy, chẳng phải đã rõ vì sao rất ít người đạt được, còn rất nhiều người thất bại sao?

Webinar 14-4

The Awakening of the Centres— Sự Thức Tỉnh của các Trung Tâm

Speaking more technically and therefore warranting the use of the word *Instructions* in connection with this treatise for aspirants and disciples, it must be carefully borne in mind that the main task of the aspirant is the handling of energies, both in himself and in the world of physical phenomena and externalisation. This consequently involves an understanding of the centres and of their awakening. But understanding must come first, and the awakening at a much later date in the sequence of time. This awakening will fall into two stages:

Nói một cách kỹ thuật hơn, và do đó biện minh cho việc dùng từ *Giáo Huấn* liên quan đến khảo luận này dành cho người chí nguyện và đệ tử, cần ghi nhớ cẩn thận rằng nhiệm vụ chính của người chí nguyện là xử lý các năng lượng, cả trong chính y lẫn trong thế giới của các hiện tượng hồng trần và sự ngoại hiện. Vì vậy, điều này bao hàm sự thấu hiểu các trung tâm và sự thức tỉnh của chúng. Nhưng sự thấu hiểu phải đến trước, còn sự thức tỉnh đến muộn hơn nhiều trong trình tự thời gian. Sự thức tỉnh này sẽ rơi vào hai giai đoạn:

First, there is the stage wherein, by the practice of a disciplined life and by the purification of the thought life, the seven centres are automatically brought into a right condition of rhythm, vitality and vibratory activity. This stage involves no danger and there is no directed thought—in connection with the centres—permitted to the aspirant. By that I mean he is not allowed to concentrate his mind upon any one centre, nor may he seek to awaken or energise them. He must remain engrossed with the [588] problem of purifying the bodies in which the centres are found, which are primarily the astral, etheric and physical bodies, remembering ever that the endocrine system and the seven major glands, in particular, are the effectual externalisations of the seven major centres. In this stage, the aspirant is working all around the centres and is dealing with their environing matter and with the living substance which completely surrounds

Trước hết, có giai đoạn trong đó, nhờ thực hành một đời sống có kỷ luật và nhờ thanh lọc đời sống tư tưởng, bảy trung tâm tự động được đưa vào một trạng thái đúng đắn về nhịp điệu, sinh lực và hoạt động rung động. Giai đoạn này không hàm chứa nguy hiểm nào, và người chí nguyện không được phép có tư tưởng định hướng — liên quan đến các trung tâm. Nói như vậy, tôi muốn nói rằng y không được phép tập trung thể trí vào bất cứ một trung tâm nào, cũng không được tìm cách đánh thức hay tiếp sinh lực cho chúng. Y phải tiếp tục chuyên chú vào vấn đề [588] thanh lọc các thể trong đó các trung tâm được tìm thấy, mà chủ yếu là thể cảm dục, thể dĩ thái và thể xác, luôn nhớ rằng hệ nội tiết và, đặc biệt, bảy tuyến chính là những ngoại hiện hữu hiệu của bảy trung tâm chính. Trong giai đoạn này, người chí nguyện làm việc chung quanh các trung tâm và đang xử lý vật chất bao quanh chúng cũng như chất liệu sống hoàn toàn vây quanh chúng. Đây là tất cả những gì đa số

them. This is all that can be safely undertaken by the majority, and it is with this stage that the bulk of the aspirants in the world today are engaged and with which they must remain engaged for a long time to come.

người có thể đảm nhận một cách an toàn, và chính với giai đoạn này mà phần lớn những người chí nguyện trên thế giới hiện nay đang bận tâm, và họ phải còn tiếp tục bận tâm trong một thời gian dài sắp tới.

Secondly, there is the stage wherein the centres, through the effective work of the earlier stage, become what is esoterically called "released within the prison house"; they can now become the subject (under proper direction by a teacher) of definite methods of awakening and of charging, — the methods differing according to the ray, personality and egoic, of the aspirant. Hence the difficulty of the subject and the impossibility of giving general and blanket rules.

Thứ hai, có giai đoạn trong đó các trung tâm, nhờ công việc hữu hiệu của giai đoạn trước, trở thành cái mà một cách huyền bí được gọi là "được giải phóng trong nhà tù"; bấy giờ chúng có thể trở thành đối tượng, dưới sự hướng dẫn đúng đắn của một huấn sư, của những phương pháp đánh thức và nạp năng lượng xác định — các phương pháp khác nhau tùy theo cung, cung phàm ngã và cung chân ngã của người chí nguyện. Do đó có sự khó khăn của vấn đề và sự bất khả trong việc đưa ra những quy luật tổng quát, bao trùm.

It is interesting here to note, even though it has no bearing on the matter of personal training, that this method, first of a long period of purification and later of energising scientifically, is the one employed by the guiding hierarchy which stands behind world affairs. Steadily They have been working at the task of clarifying world matter, and bringing about world purification on a large scale. This is the first stage of the work and only became generally possible when man became a more truly thinking entity, during the past few centuries, on a wide level. This purification is going on now in all departments of human existence, for humanity now stands, or rather three-fifths of it stands, on the path of probation. Through welfare and uplift movements and the wide spread of sanitation, the work goes forward [589] on the physical plane; through political upheavals which reveal abuses; through economic discontent which is after all a striving to change that which is undesirable

Ở đây, điều đáng lưu ý, dù không liên quan đến vấn đề huấn luyện cá nhân, là phương pháp này — trước hết là một thời kỳ dài thanh lọc, rồi sau đó là tiếp sinh lực một cách khoa học — chính là phương pháp được Thánh đoàn hướng dẫn, đứng phía sau các sự vụ thế giới, sử dụng. Các Ngài đã bền bỉ làm việc trong nhiệm vụ làm trong sạch vật chất thế giới, và đem lại sự thanh lọc thế giới trên quy mô rộng lớn. Đây là giai đoạn thứ nhất của công việc, và chỉ trở nên khả hữu một cách phổ quát khi con người, trong vài thế kỷ qua, trở thành một thực thể tư duy chân thật hơn trên bình diện rộng. Sự thanh lọc này hiện đang diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống nhân loại, vì nhân loại hiện nay đứng, hay đúng hơn ba phần năm nhân loại đứng, trên Con Đường Dự Bị. Qua các phong trào phúc lợi và nâng cao đời sống, cùng sự lan rộng của vệ sinh công cộng, công việc tiến tới [589] trên cõi hồng trần; qua những biến động chính trị phơi bày các lạm dụng; qua sự bất mãn kinh tế, rốt cuộc là một nỗ lực nhằm thay đổi những gì không đáng

so as to give the human unit conditions of living which will lead to thought and from thought to soul control; through religious propaganda and the efforts of the many organisations and groups throughout the world which hold before the minds of men what I might symbolically call "the hope of Heaven" (using the word "Heaven" as a symbol of perfection and of purity), the work of this stage is going steadily forward. So successful has it been that now the filth and impurities which surround the world soul and which keep humanity from its true expression are known and recognised and there is consequently a steady drive towards betterment. All has been brought to the surface, and the result seems appalling and uncontrollable to those who only see the surface. But underneath, the deep river of purity and truth is flowing strong.

mong muốn để đem lại cho đơn vị nhân loại những điều kiện sống dẫn đến tư tưởng, và từ tư tưởng đến sự kiểm soát của linh hồn; qua tuyên truyền tôn giáo và các nỗ lực của nhiều tổ chức, đoàn thể trên khắp thế giới, vốn đặt trước thể trí của con người điều mà tôi có thể gọi một cách biểu tượng là "niềm hy vọng về Thiên Đàng", dùng từ "Thiên Đàng" như một biểu tượng của sự hoàn thiện và thanh khiết, công việc của giai đoạn này đang đều đặn tiến tới. Nó đã thành công đến mức hiện nay những dơ bẩn và bất tịnh bao quanh linh hồn thế giới, và ngăn cản nhân loại biểu lộ chân thật, đều được biết đến và nhận ra; do đó có một sức thúc đẩy bền bỉ hướng tới sự cải thiện. Tất cả đã được đưa lên bề mặt, và kết quả có vẻ kinh hoàng, không thể kiểm soát đối với những ai chỉ thấy bề mặt. Nhưng bên dưới, dòng sông sâu của sự thanh khiết và chân lý đang tuôn chảy mạnh mẽ.

One evidence of the success of the world movement towards pure living and the destruction of that which hinders is that the work of the second stage is now in process of initiation. The hierarchy, for the first time in world history, can now work directly with the centres in the body of humanity. Thus we have now the formation of the new Group of World Workers, who, in their totality throughout the world, constitute the heart centre and the "centre between the eyebrows" of the etheric body of the human family. Through the one, spiritual life can begin to flow in and vitalise all the centres, and through the other, the vision can be seen and the inner worlds sensed and known.

Một bằng chứng về sự thành công của phong trào thế giới hướng tới đời sống thanh khiết và sự hủy diệt những gì cản trở là công việc của giai đoạn thứ hai hiện đang bắt đầu tiến trình khai mở. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, Thánh đoàn nay có thể làm việc trực tiếp với các trung tâm trong thân thể nhân loại. Vì thế hiện nay chúng ta có sự hình thành của Đoàn Người Hoạt Động Mới của Thế Gian, mà trong toàn thể trên khắp thế giới, họ tạo thành trung tâm tim và "trung tâm giữa hai chân mày" của thể dĩ thái của gia đình nhân loại. Qua trung tâm này, sự sống tinh thần có thể bắt đầu tuôn vào và tiếp sinh lực cho tất cả các trung tâm; và qua trung tâm kia, tầm nhìn có thể được thấy, còn các cõi bên trong có thể được cảm nhận và nhận biết.

I would here like to point out two other matters, and so clarify the entire situation. There is much confusion on the subject of

Ở đây tôi muốn chỉ ra hai vấn đề khác, và nhờ vậy làm sáng tỏ toàn bộ tình thế. Có nhiều nhầm lẫn về chủ đề các trung tâm, và

the centres and much erroneous teaching [590] leading many astray and causing a great deal of misapprehension.

nhiều giáo huấn sai lạc [590] đang dẫn nhiều người lạc đường, gây nên rất nhiều hiểu lầm.

First, I would state that no work such as an effort to awaken the centres should ever be undertaken whilst the aspirant is aware of definite impurities in his life, or when the physical body is in poor condition or is diseased. Neither should it be undertaken when the pressure of external circumstances is such that there is no place or opportunity for quiet and uninterrupted work. It is essential that for the immediate and focussed work on the centres there should be the possibility of hours of seclusion and of freedom from interruption. This I cannot too strongly emphasise, and I do so in order to demonstrate to the eager student that at this period of our history there are few whose lives permit of this seclusion. This is however a most beneficent circumstance and not one to be deplored. Only one in a thousand aspirants is at the stage where he should begin to work with the energy in his centres and perhaps even this estimate is too optimistic. Better far that the aspirant serves and loves and works and disciplines himself, leaving his centres to develop and unfold more slowly and therefore more safely. Unfold they inevitably will and the slower and safer method is (in the vast majority of cases) the more rapid. Premature unfoldment involves much loss of time, and carries with it often the seeds of prolonged trouble.

Trước hết, tôi xin nói rằng không bao giờ nên thực hiện bất cứ công việc nào như nỗ lực đánh thức các trung tâm khi người chí nguyện còn nhận biết những bất tịnh rõ rệt trong đời sống của mình, hoặc khi thể xác ở trong tình trạng kém hay đang bệnh. Cũng không nên thực hiện điều đó khi áp lực của hoàn cảnh bên ngoài đến mức không có nơi chốn hay cơ hội cho công việc yên tĩnh, không bị gián đoạn. Điều thiết yếu là đối với công việc trực tiếp và tập trung trên các trung tâm, phải có khả năng dành nhiều giờ ẩn cư và thoát khỏi sự quấy nhiễu. Dù tôi nhấn mạnh điều này đến đâu cũng không phải là quá mức, và tôi làm như vậy để cho đạo sinh nhiệt thành thấy rằng, trong thời kỳ lịch sử hiện nay của chúng ta, chỉ có ít người mà đời sống cho phép sự ẩn cư này. Tuy nhiên, đây là một hoàn cảnh hết sức có lợi, chứ không phải điều đáng than tiếc. Chỉ một trong một nghìn người chí nguyện đang ở giai đoạn mà y nên bắt đầu làm việc với năng lượng trong các trung tâm của mình, và có lẽ ngay cả ước lượng này cũng còn quá lạc quan. Tốt hơn rất nhiều là người chí nguyện phụng sự, yêu thương, làm việc và tự rèn luyện kỷ luật, để các trung tâm của y phát triển và khai mở chậm hơn, và do đó an toàn hơn. Chúng tất yếu sẽ khai mở, và phương pháp chậm hơn, an toàn hơn, trong đại đa số trường hợp, lại là phương pháp nhanh hơn. Sự khai mở non sớm kéo theo nhiều mất mát thời gian, và thường mang trong nó những mầm mống của rắc rối kéo dài.

Over-stimulation of the brain cells is necessarily one of the results of the merging, by an act of will, of the fires which circulate in the human body. Such stimulation can

Sự kích thích quá độ các tế bào não tất yếu là một trong các kết quả của việc, bằng một hành vi của ý chí, hòa nhập các lửa lưu chuyển trong thân thể con người. Sự kích

produce insanity and the breaking down of the cellular structure of the brain, and through the over-activity of the cell life can also induce that internal friction between them which will eventuate in brain tumors and abscesses. This cannot be too strongly reiterated.

thích như thế có thể tạo ra điên loạn và sự suy sụp cấu trúc tế bào của bộ não, và qua hoạt động quá mức của đời sống tế bào cũng có thể gây ra sự ma sát nội tại giữa chúng, cuối cùng dẫn đến các khối u và áp-xe trong não. Dù nhắc lại điều này mạnh mẽ đến đâu cũng không phải là quá mức.

The underlying objective in all laya yoga work (or [591] work with the centres) is based upon the fact that the energy of the cells which compose the body or the matter aspect (called in *The Secret Doctrine*, and in *A Treatise on Cosmic Fire,* "fire by friction") must be blended with the fire of consciousness. This latter is the energy, present in matter yet different from the fire of matter itself, which underlies the entire nervous system and because it so underlies it produces sensitivity and awareness. It is the cause of response to contact and confers the ability to register and record impression, as you well know. This fire is technically called "solar fire", and when it blends with the fire of matter and with the "electric fire" of the highest divine aspect, then man's being comes into its fullest manifestation and the great work is completed. But it is a most dangerous undertaking, when induced before the mechanism is ready to deal with it.

Mục tiêu nền tảng trong mọi công việc laya yoga, hay [591] công việc với các trung tâm, dựa trên sự kiện rằng năng lượng của các tế bào cấu thành thân thể, hay phương diện vật chất, được gọi trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và trong *Luận về Lửa Vũ Trụ,* là "lửa ma sát", phải được hòa trộn với lửa của tâm thức. Loại lửa sau này là năng lượng hiện diện trong vật chất nhưng khác với lửa của chính vật chất; nó nằm dưới toàn bộ hệ thần kinh, và vì nằm dưới như thế nên tạo ra sự nhạy cảm và nhận biết. Nó là nguyên nhân của sự đáp ứng với tiếp xúc và ban cho khả năng ghi nhận, ghi lại ấn tượng, như các bạn đều biết rõ. Lửa này về mặt kỹ thuật được gọi là "Lửa Thái dương", và khi nó hòa trộn với lửa của vật chất và với "Lửa Điện" của phương diện thiêng liêng cao nhất, bấy giờ bản thể của con người đi vào sự biểu hiện đầy đủ nhất của nó, và công trình vĩ đại được hoàn tất. Nhưng đó là một việc làm hết sức nguy hiểm khi được khơi dậy trước khi bộ máy sẵn sàng xử lý nó.

This triple blending can only be safely undertaken by the highly organised and rounded-out person, and by one who has achieved the capacity to focus his attention in the head and from that high point direct the entire process of fusion. It involves the ability to withdraw the consciousness literally into the etheric body and yet at the same time to preserve—in full awareness—a point of contact in the head, and from that point direct the automaton, the physical body. It presupposes, if successful, certain

Sự hòa trộn tam phân này chỉ có thể được đảm nhận một cách an toàn bởi người đã được tổ chức cao và phát triển trọn vẹn, và bởi người đã đạt được khả năng tập trung sự chú ý của mình trong đầu, rồi từ điểm cao ấy điều khiển toàn bộ tiến trình dung hợp. Nó đòi hỏi khả năng rút tâm thức theo nghĩa đen vào thể dĩ thái, nhưng đồng thời vẫn duy trì, trong nhận biết đầy đủ, một điểm tiếp xúc trong đầu, và từ điểm ấy điều khiển cái máy tự động là thể xác. Nếu thành công, nó giả định một số điều kiện dĩ thái nhất

etheric conditions in the body. One of these is the process of burning through or destruction (partial or complete) of any obstructions found along the spinal cord which could prevent the free rising of the fire at the base of the spine, commonly called the kundalini fire, which lies quiescent, latent and potential in the lowest centre. This is "the sleeping serpent which must arise and uncoil".

định trong thân thể. Một trong những điều kiện này là tiến trình thiêu xuyên qua hoặc hủy diệt, từng phần hay toàn phần, mọi chướng ngại được tìm thấy dọc theo tủy sống, vốn có thể ngăn cản sự vươn lên tự do của lửa ở đáy cột sống, thường được gọi là lửa hỏa xà, vốn nằm yên, tiềm tàng và còn trong trạng thái khả hữu tại trung tâm thấp nhất. Đây là "con rắn ngủ phải trỗi dậy và tháo cuộn".

Each centre in the spine is separated from the one above it and the one below it by an interlaced protective [592] web which is composed of a curious blend of etheric and gaseous substance. This has to be burnt away and dissipated before there can be the free play of the fires of the body. A complete network of nadis and centres underlies and is the subtle counterpart of the nervous and endocrine systems. A little clear thinking therefore will demonstrate the need for excessive care, for there will obviously be a direct effect upon the external apparatus and this in its turn will definitely affect what the psychologists call "behaviour". There are four of these interlaced circular "webs" lying between the five centres found on the rod of the spinal column, such as follows: 0/0/0/0/0, and three are to be found in the head. These three bisect the head, and form a series of crosses, as follows:

Mỗi trung tâm trong cột sống được tách khỏi trung tâm ở trên nó và trung tâm ở dưới nó bằng một màng bảo vệ [592] đan xen, cấu thành từ một sự pha trộn kỳ lạ giữa chất liệu dĩ thái và chất khí. Màng này phải được thiêu rụi và làm tiêu tan trước khi các lửa của thân thể có thể hoạt động tự do. Một mạng lưới hoàn chỉnh gồm các tuyến vi tế và các trung tâm nằm bên dưới, và là đối phần tinh tế của hệ thần kinh và hệ nội tiết. Vì vậy, chỉ cần suy nghĩ sáng suốt đôi chút cũng sẽ cho thấy nhu cầu phải hết sức cẩn trọng, vì hiển nhiên sẽ có một tác động trực tiếp lên bộ máy bên ngoài, và đến lượt nó, điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến điều các nhà tâm lý học gọi là "hành vi". Có bốn "màng" tròn đan xen như thế nằm giữa năm trung tâm được tìm thấy trên trục của cột sống, như sau: 0/0/0/0/0, và ba màng được tìm thấy trong đầu. Ba màng này chia đôi đầu và tạo thành một loạt thập giá, như sau:

This is much like the cross upon the Union Jack, which has always had an esoteric significance for the student, and indicates a point in racial evolution. This cross in the head separates the ajna centre (the centre between the eyebrows) from the head centre, for it lies behind that centre in the forehead, and at the same time forms a protective shield between the ajna and throat centres.

Điều này rất giống thập giá trên quốc kỳ Anh, vốn luôn có một thâm nghĩa huyền bí đối với đạo sinh, và chỉ ra một điểm trong sự tiến hoá của nhân loại. Thập giá này trong đầu tách trung tâm ajna, tức trung tâm giữa hai chân mày, khỏi trung tâm đầu, vì nó nằm phía sau trung tâm ấy trong vùng trán, đồng thời tạo thành một tấm chắn bảo vệ giữa trung tâm ajna và trung tâm cổ họng.

These etheric webs are in reality disks, rotating or revolving at specific rates, which differ for the different centres, and according to the point in evolution of the system of centres concerned. Only when these webs are burnt away by the ascending and descending fires can the true centres really be seen. Many clairvoyants confuse the centres and their protective counterparts, for the latter have a radiance and light of their own.

Các màng dĩ thái này thực ra là những đĩa, xoay hay quay ở những tốc độ riêng biệt, khác nhau đối với các trung tâm khác nhau, và tùy theo điểm tiến hoá của hệ thống trung tâm liên quan. Chỉ khi các màng này bị thiêu rụi bởi các lửa đi lên và đi xuống thì các trung tâm chân thật mới thực sự có thể được thấy. Nhiều nhà thông nhãn lẫn lộn các trung tâm với các đối phần bảo vệ của chúng, vì những đối phần sau có ánh rạng và ánh sáng riêng.

As the life achieves an increasingly high vibration through purification and discipline, the fire of the soul, which is literally the *fire of mind,* causes the centres also to increase their vibration, and this increased activity sets up a contact with the protective "webs", or disks of pranic energy found on either side of them. Thus, [593] through the interplay, they are gradually worn away, so that in the course of time they become perforated, if I might use such an inadequate term. Many aspirants feel convinced that they have raised the kundalini fire at the base of the spine and are consequently making rapid progress, whereas all that they have accomplished is to burn or "rub through" the web at some point or other up the spine. A sensation of burning or of pain in any part of the spine, when not due to physiological causes, is, in the majority of cases, due to the piercing of one or other of the webs, through the activity of the centres allied to them. This happens very frequently in the case of women in connection with the solar plexus centre, and with men in connection with the sacral centre. Both these centres—as a result of evolutionary development—are exceedingly active and highly organised, for they are the expression of the physical creative nature and of the emotional body. A sense therefore of burning and of pain in the

Khi đời sống đạt được một rung động ngày càng cao hơn nhờ thanh lọc và kỷ luật, lửa của linh hồn, theo nghĩa đen là *lửa của trí tuệ,* cũng khiến các trung tâm gia tăng rung động của chúng; và hoạt động gia tăng này thiết lập một tiếp xúc với các "màng" bảo vệ, hay các đĩa năng lượng prana, được tìm thấy ở hai phía của chúng. Như vậy, [593] qua sự tương tác, chúng dần dần bị mài mòn, đến nỗi theo thời gian chúng trở nên bị xuyên thủng, nếu tôi có thể dùng một từ ngữ không thỏa đáng như thế. Nhiều người chí nguyện tin chắc rằng họ đã nâng lửa hỏa xà ở đáy cột sống lên và vì thế đang tiến bộ nhanh chóng, trong khi tất cả những gì họ đã làm được chỉ là thiêu hay "chà xuyên qua" màng tại một điểm nào đó dọc theo cột sống. Một cảm giác nóng rát hay đau ở bất kỳ phần nào của cột sống, khi không do nguyên nhân sinh lý, trong đa số trường hợp là do sự xuyên thủng một trong các màng, bởi hoạt động của các trung tâm liên kết với chúng. Điều này xảy ra rất thường xuyên nơi phụ nữ liên quan đến trung tâm tùng thái dương, và nơi nam giới liên quan đến trung tâm xương cùng. Cả hai trung tâm này, do kết quả của sự phát triển tiến hoá, đều cực kỳ hoạt động và được tổ chức cao, vì chúng là biểu hiện của bản chất sáng tạo hồng trần và của thể cảm xúc. Do đó, cảm giác nóng rát và đau ở lưng thường chỉ ra hoạt động quá mức trong một trung tâm, tạo ra các kết quả phá hoại

back indicates usually undue activity in a centre, which produces destructive results upon the protective apparatus, and is no true indication of spiritual unfoldment and superiority. It may indicate the latter, but it should be remembered that, where there is true spiritual growth, pain and danger are in this connection practically eliminated.

đối với bộ máy bảo vệ, và không phải là dấu hiệu chân thật của sự khai mở tinh thần hay tính ưu việt. Nó có thể chỉ ra điều sau, nhưng cần nhớ rằng nơi nào có sự tăng trưởng tinh thần chân thật, thì đau đớn và nguy hiểm trong mối liên hệ này hầu như bị loại trừ.

There has been much loose talk about the raising of the kundalini fire and much misapprehension in the matter. Let me assure you that it is most difficult to raise, and can only be done by a definite act of the will and through the intense mental focussing and concentrated attention of the man, seated on the throne of consciousness in the head. The Masonic tradition has the teaching clearly held in its beautiful ritual of the raising of the great Master-Mason. Only when there is united effort of a fivefold kind, and only after repeated failure, does the [594] vivifying life course through the entire body and bring to life the true man.

Đã có nhiều lời bàn lỏng lẻo về việc nâng lửa hỏa xà và nhiều hiểu lầm trong vấn đề này. Hãy để tôi bảo đảm với các bạn rằng nó cực kỳ khó nâng, và chỉ có thể được thực hiện bằng một hành vi xác định của ý chí, cũng như qua sự tập trung trí tuệ mãnh liệt và chú tâm cô đọng của con người, ngồi trên ngai của tâm thức trong đầu. Truyền thống Hội Tam Điểm đã giữ giáo huấn này một cách rõ ràng trong nghi lễ đẹp đẽ về sự nâng vị Đại Chân Sư Tam Điểm. Chỉ khi có nỗ lực hợp nhất thuộc loại ngũ phân, và chỉ sau nhiều lần thất bại lặp đi lặp lại, thì sự sống [594] tiếp sinh lực mới tuôn chảy qua toàn bộ thân thể và làm sống động con người chân thật.

The second point I would touch upon is that all this deeply esoteric work must only proceed under the direction of the skilled teacher. Platitudinously, the aspirant is told that “when the pupil is ready, the Master will appear”. He then settles comfortably back and waits, or focusses his attention upon an attempt to attract the attention of some Master, having apparently settled in his mind that he is ready or good enough. He naturally gives himself a spiritual prod at intervals, and attends spasmodically to the work of discipline and of purification. But steady and prolonged undeviating effort on the part of aspirants is rare indeed.

Điểm thứ hai tôi muốn đề cập là tất cả công việc huyền bí sâu xa này chỉ được tiến hành dưới sự hướng dẫn của huấn sư thiện xảo. Một cách sáo rỗng, người chí nguyện được bảo rằng “khi đệ tử sẵn sàng, Chân sư sẽ xuất hiện”. Rồi y thoải mái ngồi lại và chờ đợi, hoặc tập trung sự chú ý vào nỗ lực thu hút sự chú ý của một Chân sư nào đó, dường như đã quyết định trong trí mình rằng y đã sẵn sàng hay đủ tốt. Tự nhiên, thỉnh thoảng y thúc đẩy mình về mặt tinh thần, và chú ý thất thường đến công việc kỷ luật và thanh lọc. Nhưng nỗ lực bền bỉ, kéo dài, không lệch hướng của những người chí nguyện thật sự hiếm hoi.

It is indeed true that at the right moment the Master will appear, but the right

Quả thật, đúng là vào thời điểm thích hợp Chân sư sẽ xuất hiện, nhưng thời điểm thích

moment is contingent upon certain *self-induced* conditions. When the process of purification has become a life-long habit, when the aspirant can at will concentrate his consciousness in the head, when the light in the head shines forth and the centres are active, then the Master will take the man in hand. In the meantime he may have a vision of the Master, or he may see a thought-form of the Master, and may get much real good and inspiration from contact with the reflected reality, but it is not the Master and does *not* indicate the stage of accepted discipleship. Through the medium of the light of the soul, the soul can be known. Therefore seek the light of your own soul, and know that soul as your director. When soul contact is established, your own soul will, if I may so express it, introduce you to your Master. With all due reverence again may I add, that the Master waits not with eagerness to make your acquaintance. In the world of souls, your soul and His soul are allied, and know essential unity. But in the world of human affairs and in the process of the great work it should be remembered that when a Master [595] takes an aspirant into His group of disciples, that aspirant is, for a long time, a liability and oft a hindrance. Students over-estimate themselves quite often, even when repudiating such an idea; subjectively they have a real liking for themselves and are frequently puzzled as to why the Great Ones give them no sign, nor indicate Their watching care. They will not and They need not until such time as the aspirant has used to the full the knowledge which he has gained from lesser teachers, and from books and printed scriptures of the world. Students must attend to the immediate duty and prepare their mechanisms for service in the world, and should desist from wasting time and looking for a Master; they should achieve mastery where now they are

hợp tùy thuộc vào một số điều kiện *do chính mình tạo ra*. Khi tiến trình thanh lọc đã trở thành một thói quen suốt đời, khi người chí nguyện có thể tùy ý tập trung tâm thức mình trong đầu, khi ánh sáng trong đầu tỏa ra và các trung tâm hoạt động, bấy giờ Chân sư sẽ nhận con người ấy vào tay. Trong lúc đó, y có thể có một linh ảnh về Chân sư, hoặc có thể thấy một hình tư tưởng của Chân sư, và có thể nhận được nhiều điều tốt đẹp chân thật cùng cảm hứng từ sự tiếp xúc với thực tại phản chiếu; nhưng đó không phải là Chân sư và *không* chỉ ra giai đoạn của địa vị đệ tử được chấp nhận. Qua trung gian ánh sáng của linh hồn, linh hồn có thể được nhận biết. Vì vậy hãy tìm ánh sáng của chính linh hồn các bạn, và nhận biết linh hồn ấy như vị hướng dẫn của các bạn. Khi sự tiếp xúc với linh hồn được thiết lập, chính linh hồn của các bạn, nếu tôi có thể diễn đạt như thế, sẽ giới thiệu các bạn với Chân sư của mình. Với tất cả lòng tôn kính, tôi lại có thể thêm rằng Chân sư không háo hức chờ đợi để làm quen với các bạn. Trong thế giới của các linh hồn, linh hồn các bạn và linh hồn của Ngài liên kết với nhau và biết sự hợp nhất thiết yếu. Nhưng trong thế giới sự vụ nhân loại và trong tiến trình của công trình vĩ đại, cần nhớ rằng khi một Chân sư [595] nhận một người chí nguyện vào nhóm đệ tử của Ngài, người chí nguyện ấy trong một thời gian dài là một gánh nặng, và thường là một trở ngại. Các đạo sinh rất thường đánh giá quá cao chính mình, ngay cả khi bác bỏ ý tưởng như thế; về mặt chủ quan, họ thật sự ưa thích chính mình và thường bối rối không hiểu vì sao Các Đấng Cao Cả không ban cho họ dấu hiệu nào, cũng không biểu thị sự chăm sóc dõi theo của Các Ngài. Các Ngài sẽ không làm và cũng không cần làm như thế, cho đến khi người chí nguyện đã sử dụng trọn vẹn tri thức mà y đã thu nhận từ các huấn sư cấp thấp hơn, từ sách vở và kinh điển in ấn của thế giới. Các đạo sinh phải chú tâm vào bổn phận trước mắt và chuẩn bị các bộ máy của

defeated and in the life of service and of struggle they may then reach the point of such complete self-forgetfulness that the Master may find no hindrance in His approach to them.

mình cho phụng sự trong thế giới, và nên chấm dứt việc lãng phí thời gian để tìm kiếm một Chân sư; họ nên đạt quyền làm chủ ở nơi hiện nay họ đang bị đánh bại, và trong đời sống phụng sự cùng tranh đấu, bấy giờ họ có thể đạt tới điểm hoàn toàn quên mình đến mức Chân sư có thể không thấy trở ngại nào trong việc đến gần họ.

It will be apparent therefore from the above that I cannot give specific instructions as to the awakening of the centres and the burning of the etheric web which will result in the release of energy. Such information is too dangerous and too intriguing to be put in the hands of the general public, who are driven by desire for some new thing, and lack right poise and the needed mental development. The time has come however when the fact that there is an energy body underlying the nervous system must be recognized by the world at large, and when the nature of the seven centres, their structure and location should be grasped technically, and when the laws of their unfoldment should be widely known. But more than this cannot yet be safely given. The intricate nature of this science of the centres is too great for general usefulness. The teaching to be given in any particular case and the methods to be applied are dependent upon too many factors for a general rule and instruction to be given. The ray and type, the sex and point in [596] evolution must be considered and also the *balance* of the centres. By this I mean the consideration as to their over-development in one case and under development in another and as to whether there is a preponderance of the force below or above the diaphragm, or whether the main energy is concentrated in that central clearing house, the solar plexus. The quality and the brilliance of the light in the head has to be studied, for it indicates the measure of soul

Do đó, từ những điều trên sẽ rõ ràng rằng tôi không thể đưa ra các chỉ dẫn cụ thể về việc đánh thức các trung tâm và thiêu rụi màng dĩ thái, điều sẽ dẫn đến sự giải phóng năng lượng. Thông tin như thế quá nguy hiểm và quá hấp dẫn để đặt vào tay công chúng nói chung, những người bị thúc đẩy bởi ham muốn một điều mới mẻ nào đó, và thiếu sự thăng bằng đúng đắn cũng như sự phát triển trí tuệ cần thiết. Tuy nhiên, thời điểm đã đến khi sự kiện rằng có một thể năng lượng nằm dưới hệ thần kinh phải được thế giới nói chung công nhận, và khi bản chất của bảy trung tâm, cấu trúc và vị trí của chúng nên được nắm bắt về mặt kỹ thuật, cũng như khi các định luật chi phối sự khai mở của chúng nên được biết đến rộng rãi. Nhưng nhiều hơn thế thì hiện nay chưa thể được trao truyền một cách an toàn. Bản chất phức tạp của khoa học về các trung tâm này quá lớn đối với sự hữu ích phổ thông. Giáo huấn được trao trong bất kỳ trường hợp riêng nào và các phương pháp được áp dụng đều tùy thuộc vào quá nhiều yếu tố để có thể đưa ra một quy luật và chỉ dẫn tổng quát. Cung và loại, giới tính và điểm [596] tiến hoá phải được xem xét, cũng như *sự cân bằng* của các trung tâm. Bằng điều này, tôi muốn nói đến việc xem xét sự phát triển quá mức của chúng trong một trường hợp và sự kém phát triển trong một trường hợp khác, cũng như xem xét liệu có sự trội hơn của mãnh lực bên dưới hay bên trên cơ hoành, hoặc liệu năng lượng chính có tập trung trong trạm phân phối trung tâm ấy, tức tùng thái dương, hay không. Phẩm tính và độ rực rỡ của ánh sáng

control and the relative purity of the vehicles, and the various etheric "webs" have to be carefully dealt with, and also the rate of vibration of the web and the centre. A synchronisation has to be set up and this is most difficult to bring about. These are only a few of the points that the teacher has to note, and it is apparent therefore that only a teacher who has achieved synthetic vision and can see a man "whole," or as he really is, can give those instructions which will reverse the ancient rhythm of the centres, destroy without pain and danger the protective sheaths, and raise the kundalini fire from the base of the spine to the exit in the head.

trong đầu phải được nghiên cứu, vì nó chỉ ra mức độ kiểm soát của linh hồn và sự thanh khiết tương đối của các hiện thể; và các "màng" dĩ thái khác nhau phải được xử lý cẩn thận, cũng như tốc độ rung động của màng và của trung tâm. Một sự đồng bộ phải được thiết lập, và điều này hết sức khó thực hiện. Đây chỉ là một vài điểm mà huấn sư phải lưu ý, và do đó rõ ràng rằng chỉ một huấn sư đã đạt được tầm nhìn tổng hợp và có thể thấy một con người "toàn vẹn", hay như y thật sự là, mới có thể đưa ra những chỉ dẫn đảo ngược nhịp điệu cổ xưa của các trung tâm, phá hủy các lớp vỏ bảo vệ mà không gây đau đớn và nguy hiểm, và nâng lửa hỏa xà từ đáy cột sống lên đến lối thoát trong đầu.

Such teachers are found by the pupil when he has carried forward his life work under the direction of his soul, when he has grasped the theory of the science of the centres, and has mastered and controlled the astral nature and its corresponding centre, the solar plexus. The emphasis laid upon the dominance of the Christ principle by Christianity has laid a sure foundation for the work to be done. This truth is curiously substantiated in a study of the number "eight" in connection with the centres which, we are told, is the number of the Christ. There are eight centres if the spleen is counted, all of them are multiples of eight with the exception of the centre at the base of the spine which has four petals, one half of eight. In our day and in the Anglo Saxon mode of writing, the number eight is the basic symbol [597] of all the centres, for the petals are really in form like a number of superimposed eights. The word petal is purely pictorial and a centre is formed on this pattern. First, a circle, O; then two circles, touching each other and making therefore an 8. Then, as the petals increase in number, it is simply a growth of these

Những huấn sư như thế được đệ tử tìm thấy khi y đã tiến hành công việc đời mình dưới sự hướng dẫn của linh hồn mình, khi y đã nắm vững lý thuyết của khoa học về các trung tâm, và đã làm chủ, kiểm soát bản chất cảm dục cùng trung tâm tương ứng của nó là tùng thái dương. Sự nhấn mạnh mà Kitô giáo đặt lên quyền chủ trị của nguyên khí Đức Christ đã đặt một nền tảng chắc chắn cho công việc phải được thực hiện. Chân lý này được chứng thực một cách lạ lùng trong việc nghiên cứu con số "tám" liên quan đến các trung tâm, mà chúng ta được bảo rằng đó là con số của Đức Christ. Có tám trung tâm nếu tính cả lá lách; tất cả chúng đều là bội số của tám, ngoại trừ trung tâm ở đáy cột sống có bốn cánh hoa, tức một nửa của tám. Trong thời đại chúng ta và theo lối viết của người Anglo Saxon, con số tám là biểu tượng căn bản [597] của tất cả các trung tâm, vì các cánh hoa thật ra có hình dạng như nhiều số tám chồng lên nhau. Từ cánh hoa chỉ thuần túy mang tính hình ảnh, và một trung tâm được tạo thành theo mô hình này. Trước hết là một vòng tròn, O; rồi hai vòng tròn chạm nhau và do đó tạo thành một số 8. Sau đó, khi các cánh hoa tăng thêm

double circles, superimposed at differing angles one upon another until we arrive at the thousand-petalled lotus in the head.

về số lượng, đó chỉ đơn giản là sự phát triển của các vòng tròn kép này, chồng lên nhau ở những góc độ khác nhau, cho đến khi chúng ta đi đến Hoa sen nghìn cánh trong đầu.

These centres are, in the last analysis, twofold in function. They demonstrate the form building aspect of divinity and through their activity bring the outer form into manifestation; then towards the end of the evolutionary cycle—both in the macrocosm and the microcosm—they bring into expression the soul force and life and produce the incarnation of a fully revealed son of God, with all the powers and knowledge which divinity contains.

Rốt cuộc, các trung tâm này có chức năng nhị phân. Chúng biểu thị phương diện kiến tạo hình tướng của thiên tính, và qua hoạt động của chúng đưa hình tướng bên ngoài vào biểu hiện; rồi vào cuối chu kỳ tiến hoá, cả trong Đại thiên địa lẫn Tiểu thiên địa, chúng đưa mãnh lực và sự sống của linh hồn vào biểu lộ, và tạo ra sự nhập thể của một Con của Thượng đế được mặc khải đầy đủ, với tất cả các quyền năng và tri thức mà thiên tính chứa đựng.

RULE FIFTEEN

The fires approach the shadow, yet burn it not. The fire sheath is completed. Let the magician chant the words that blend the fire and water.

Các ngọn lửa tiếp cận cái bóng, nhưng không đốt cháy nó. Lớp vỏ lửa đã hoàn thành. Hãy để nhà huyền thuật xướng lên những lời kết hợp lửa và nước.

The Esoteric Sense—Giác Quan Bí Truyền

[601]

We come now to the consideration of the last rule for magic. As we cast our minds back over this long series of instructions certain basic lines of teaching stand out with exceptional clarity, casting lesser lines of instruction into the shade. Students would do well to remember that in the reading of any basic textbook (and this one is so regarded) a definite procedure should be adopted. The student should first of all read the textbook as a whole, in order to grasp its outstanding points, its main lines of teaching, and the three or four propositions upon which its entire structure is founded. Having grasped these, he can then begin to deal with, and to isolate, those subsidiary points which serve to elucidate and clarify the main essentials. After that, he can successfully deal with the details. Students therefore would find it of interest to review these instructions, and gather out of them the major points; then they can proceed to fill in the secondary teachings, and finally arrange the detailed data under the various heads which have emerged. This, when completed would constitute a synopsis of the book and would fix the knowledge it contains firmly in the student's memory.

[601]

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét quy luật cuối cùng về huyền thuật. Khi nhìn lại trong trí toàn bộ loạt chỉ dẫn dài này, một số đường nét giáo huấn căn bản nổi bật với sự sáng tỏ đặc biệt, khiến những đường nét chỉ dẫn thứ yếu lùi vào bóng tối. Các đạo sinh nên nhớ rằng trong việc đọc bất kỳ sách giáo khoa căn bản nào, và quyển này được xem như thế, cần áp dụng một trình tự xác định. Trước hết, đạo sinh nên đọc toàn bộ sách giáo khoa để nắm bắt các điểm nổi bật, các đường nét giáo huấn chính, và ba hay bốn mệnh đề trên đó toàn bộ cấu trúc của sách được xây dựng. Sau khi đã nắm được những điều này, y có thể bắt đầu đề cập đến và tách riêng những điểm phụ trợ vốn dùng để minh giải và làm sáng tỏ các yếu tố chính yếu. Sau đó, y có thể xử lý thành công các chi tiết. Vì vậy, các đạo sinh sẽ thấy hữu ích khi duyệt lại các chỉ dẫn này và rút ra từ đó các điểm chính; rồi họ có thể tiếp tục điền vào các giáo huấn thứ cấp, và sau cùng sắp xếp dữ kiện chi tiết dưới những đề mục khác nhau đã hiện ra. Khi hoàn tất, điều này sẽ tạo thành một bản tóm lược của quyển sách và sẽ khắc sâu tri thức mà nó chứa đựng vào ký ức của đạo sinh.

One of the main teachings which can be seen most clearly in all instructions of a truly esoteric character, concerns the *attitude* of the student of the occult. He is supposed to be dealing with things subjective and esoteric; he aims to be a worker in white magic. As such, he must assume and consistently hold the position of the Observer, detached from the mechanism of observation [602] and contact; he must recognise himself as essentially a spiritual entity, different in nature, objectives and methods of working from the bodies which he considers it wise to occupy temporarily and to employ. He must realise his unity and lines of contact with all similar workers and thus arrive at a conscious awareness of his position in the spiritual hierarchy of Beings. So much misinformation has been spread abroad and so much emphasis has been unwisely laid upon status and position in the so-called hierarchy of souls, that sane and balanced disciples now seek to turn their thoughts elsewhere and to eliminate as far as may be all thought of grades and spheres of activity. It is possible, in the swing of the pendulum, to swing too far in the opposite direction and to discount these stages of activity. Do not misunderstand me however; I do not suggest that an attempt be made to place people and to decide where they stand upon the evolutionary ladder. This has been most foolishly done in the past, with much dishonour to the subject, so much so that, in the minds of the public, the whole matter has fallen into disrepute. If these stages are regarded sanely for what they are—states of extended consciousness, and grades of responsibility—then the danger of personality reaction to the terms "accepted disciple, initiate, adept, master" would be negligible and much trouble would be eliminated. It must ever be remembered that individual status is rigidly kept to

Một trong các giáo huấn chính có thể được thấy rõ nhất trong mọi chỉ dẫn có tính chất thật sự nội môn liên quan đến *thái độ* của đạo sinh huyền bí học. Y được giả định là đang đề cập đến những điều chủ quan và nội môn; y nhắm đến việc trở thành một người hoạt động trong Chánh Thuật. Như vậy, y phải đảm nhận và luôn giữ vững vị thế của Người Quan Sát, tách rời khỏi bộ máy quan sát [602] và tiếp xúc; y phải nhận ra mình về bản chất là một thực thể tinh thần, khác về bản chất, mục tiêu và phương pháp làm việc so với các thể mà y thấy là khôn ngoan khi tạm thời chiếm hữu và sử dụng. Y phải nhận ra sự hợp nhất và các đường tiếp xúc của mình với tất cả những người hoạt động tương tự, và nhờ vậy đạt đến sự nhận biết có ý thức về vị trí của mình trong Thánh đoàn của các Đấng. Quá nhiều thông tin sai lạc đã được truyền bá, và quá nhiều nhấn mạnh thiếu khôn ngoan đã được đặt lên địa vị và vị trí trong cái gọi là thang bậc của các linh hồn, đến nỗi các đệ tử lành mạnh và quân bình hiện nay tìm cách hướng tư tưởng của mình sang nơi khác, và loại bỏ, trong mức có thể, mọi tư tưởng về cấp bậc và các lĩnh vực hoạt động. Trong sự dao động của con lắc, có thể đi quá xa theo hướng ngược lại và xem nhẹ các giai đoạn hoạt động này. Tuy nhiên, đừng hiểu lầm tôi; tôi không gợi ý rằng nên cố gắng đặt người này người kia vào vị trí nào đó và quyết định họ đứng ở đâu trên nấc thang tiến hoá. Điều này đã được làm một cách hết sức dại dột trong quá khứ, gây nhiều tổn hại cho chủ đề, đến mức trong trí công chúng, toàn bộ vấn đề đã rơi vào tình trạng mất uy tín. Nếu các giai đoạn này được nhìn nhận một cách lành mạnh đúng như chúng là — các trạng thái tâm thức mở rộng và các cấp độ trách nhiệm — thì nguy cơ phản ứng của phàm ngã đối với các thuật ngữ "đệ tử được chấp nhận, điểm đạo đồ, chân sư, Chân sư" sẽ không đáng kể và nhiều rắc rối sẽ được loại trừ. Phải luôn nhớ rằng

oneself, and the point of evolution (which may be truthfully recognised as lying ahead of that of the average citizen) will be demonstrated by a life of active unselfish service and by the manifestation of an illumined vision which is ahead of the racial idea.

địa vị cá nhân được giữ nghiêm ngặt cho chính mình, và điểm tiến hoá, vốn có thể được chân thật nhận ra là nằm trước điểm của công dân trung bình, sẽ được biểu thị bằng một đời sống phụng sự tích cực, không ích kỷ, và bằng sự biểu hiện của một tầm nhìn được soi sáng vượt trước ý tưởng của nhân loại.

In the gathering together in the world at this time of the new Group of World Workers, true caution must be preserved. Each worker is responsible for himself and his service and for no one else. It is wise to gauge and [603] approximate the evolutionary status, not upon claims made, but upon work accomplished and the love and wisdom shown. Judgment should be based upon an evidenced knowledge of the plan as it works out in the wise formulation of the nest step ahead for the human race; upon a *manifested esoteric sense,* and upon an influence or an auric power which is wide, constructive and inclusive.

Trong việc quy tụ trên thế giới vào lúc này Đoàn Người Hoạt Động Mới của Thế Gian, cần giữ sự thận trọng chân thật. Mỗi người hoạt động chịu trách nhiệm về chính mình, về sự phụng sự của mình, và không về ai khác. Sẽ là khôn ngoan khi đo lường và [603] ước định tình trạng tiến hoá, không dựa trên các lời tuyên bố, mà dựa trên công việc đã hoàn thành, cũng như tình thương và minh triết được biểu lộ. Sự phán đoán nên dựa trên một tri thức được chứng minh về Thiên Cơ khi nó diễn ra trong việc hình thành khôn ngoan bước kế tiếp trước mắt cho nhân loại; dựa trên một *giác thức nội môn được biểu hiện*, và dựa trên một ảnh hưởng hay quyền năng hào quang rộng lớn, có tính xây dựng và bao gồm.

You ask me to define more clearly what I mean by the words “esoteric sense”. I mean essentially the power to live and to function subjectively, to possess a constant inner contact with the soul and the world in which it is found, and this must work out subjectively through love, actively shown; through wisdom, steadily outpoured; and through that capacity to include and to identify oneself with all that breathes and feels which is the outstanding characteristic of all truly functioning sons of God. I mean, therefore, an interiorly held attitude of mind which can orient itself at will in any direction. It can govern and control the emotional sensitiveness, not only of the disciple himself, but of all whom he may

Các bạn yêu cầu tôi định nghĩa rõ hơn điều tôi muốn nói bằng các từ “giác thức nội môn”. Về căn bản, tôi muốn nói đến quyền năng sống và hoạt động một cách chủ quan, sở hữu sự tiếp xúc bên trong thường hằng với linh hồn và thế giới trong đó linh hồn được tìm thấy; và điều này phải được thể hiện một cách chủ quan qua tình thương được biểu lộ tích cực, qua minh triết được tuôn đổ bền bỉ, và qua khả năng bao gồm cũng như đồng hoá với tất cả những gì thở và cảm nhận — vốn là đặc tính nổi bật của tất cả các Con của Thượng đế đang hoạt động chân thật. Vì vậy, tôi muốn nói đến một thái độ trí tuệ được giữ bên trong, có thể tùy ý tự định hướng theo bất kỳ hướng nào. Nó có thể cai quản và kiểm soát sự nhạy cảm

contact. By the strength of his silent thought, he can bring light and peace to all. Through that mental power, he can tune in on the world thought, and upon the realm of ideas and can discriminate between and choose those mental agencies and those concepts which will enable him, as a worker under the plan, to influence his environment and to clothe the new ideals in that thought matter which will enable them to be more easily recognised in the world of ordinary everyday thinking and living. This attitude of mind will enable the disciple also to orient himself to the world of souls and in that high place of inspiration and of light, discover his fellow-workers, communicate with them and—in union with them—collaborate in the working out of divine intentions.

xúc cảm, không chỉ của chính đệ tử, mà của tất cả những người y có thể tiếp xúc. Bằng sức mạnh của tư tưởng thầm lặng, y có thể đem ánh sáng và bình an đến cho tất cả. Qua quyền năng trí tuệ ấy, y có thể bắt nhịp với tư tưởng thế giới và với cõi giới của các ý tưởng, đồng thời phân biện và chọn lựa những tác nhân trí tuệ cùng những khái niệm sẽ cho phép y, với tư cách một người hoạt động dưới Thiên Cơ, ảnh hưởng đến môi trường của mình và khoác cho các lý tưởng mới loại chất liệu tư tưởng giúp chúng được nhận ra dễ dàng hơn trong thế giới của tư duy và đời sống thường nhật. Thái độ trí tuệ này cũng sẽ cho phép đệ tử tự định hướng về thế giới của các linh hồn, và trong nơi cao cả của cảm hứng và ánh sáng ấy, khám phá các cộng sự của mình, giao tiếp với họ và, trong hợp nhất với họ, cộng tác vào việc thực hiện các ý định thiêng liêng.

This esoteric sense is the main need of the aspirant at [604] this time of the world history. Until aspirants have somewhat grasped it and can use it, they can never form part of the New Group; they can never work as white magicians, and these Instructions will remain for them theoretical and mainly intellectual, instead of being practical and effective.

Giác thức nội môn này là nhu cầu chính của người chí nguyện vào [604] thời điểm này của lịch sử thế giới. Cho đến khi những người chí nguyện phần nào nắm bắt được nó và có thể sử dụng nó, họ không bao giờ có thể trở thành một phần của Đoàn Mới; họ không bao giờ có thể hoạt động như những nhà huyền thuật chánh đạo, và những Huấn thị này đối với họ sẽ vẫn chỉ là lý thuyết, chủ yếu thuộc trí năng, thay vì thực tiễn và hữu hiệu.

To cultivate this inner esoteric sense, meditation is needed, and continuous meditation, in the early stages of development. But as time elapses and a man grows spiritually, this daily meditation will perforce give way to a steady spiritual orientation and then meditation as now understood and needed will no longer be required. The detachment between a man and his usable forms will be so complete, that he will live ever in the “seat of the

Để vun bồi giác thức nội môn bên trong này, cần có tham thiền, và trong các giai đoạn đầu của sự phát triển, cần tham thiền liên tục. Nhưng khi thời gian trôi qua và con người tăng trưởng về mặt tinh thần, việc tham thiền hằng ngày này tất yếu sẽ nhường chỗ cho một sự định hướng tinh thần bền bỉ, và khi đó tham thiền như hiện nay được hiểu và cần đến sẽ không còn được đòi hỏi nữa. Sự tách rời giữa con người và các hình tướng mà y có thể sử dụng sẽ hoàn toàn đến

Observer", and from that point and attitude will direct the activities of the mind and of the emotions and of the energies which make physical expression possible and useful.

mức y sẽ luôn sống trong "chỗ ngồi của Người Quan Sát", và từ điểm cùng thái độ ấy y sẽ điều khiển các hoạt động của thể trí, của các cảm xúc, và của những năng lượng làm cho sự biểu hiện hồng trần trở nên khả hữu và hữu ích.

The first stage in this development and culture of the esoteric sense consists in the holding of the attitude of constant detached observation.

Giai đoạn đầu trong sự phát triển và vun bồi giác thức nội môn này gồm ở việc giữ thái độ quan sát tách rời thường hằng.

The new Group of World Workers might well be regarded in its outer ranks as a trained body of organised observers. I would divide the group into three divisions and I do so in order that aspirants and chelas all over the world may be guided in their knowledge as to where they stand individually and may, in sincerity and truth, begin to work with intelligence. They can be thus aided to place themselves.

Đoàn Người Hoạt Động Mới của Thế Gian, ở các hàng ngũ bên ngoài, có thể được xem như một tập thể được huấn luyện gồm những nhà quan sát có tổ chức. Tôi sẽ chia đoàn này thành ba phân bộ, và tôi làm như vậy để những người chí nguyện và các đệ tử trên khắp thế giới có thể được hướng dẫn trong tri thức của họ về vị trí cá nhân của mình, và có thể, trong sự chân thành và chân thật, bắt đầu làm việc một cách thông minh. Nhờ vậy họ có thể được trợ giúp để tự đặt mình vào đúng vị trí.

First, there are the *Organised Observers.* These aspirants are learning to do two things. They are learning to practice that detachment which will enable them to live as souls in the world of daily affairs and to understand the real significance of the words: to work without attachment. They are also, secondly, those students of world affairs in one or other of the seven departments [605] earlier referred to when I brought the new group to the attention of the world. They are studying the signs of the times. They investigate the great drama of history in order to discover its main trend and so express to the ordinary academic world and to the thinkers of the race what they see and understand.

Trước hết, có những *Nhà Quan Sát Có Tổ Chức.* Những người chí nguyện này đang học làm hai điều. Họ đang học thực hành sự tách rời, điều sẽ cho phép họ sống như những linh hồn trong thế giới các sự vụ hằng ngày và thấu hiểu thâm nghĩa chân thật của các lời: làm việc mà không dính mắc. Thứ hai, họ cũng là những đạo sinh về các sự vụ thế giới trong một trong bảy lĩnh vực [605] đã được đề cập trước đây khi tôi đưa đoàn mới ra trước sự chú ý của thế giới. Họ đang nghiên cứu các dấu hiệu của thời đại. Họ khảo sát vở kịch lớn của lịch sử để khám phá xu hướng chính của nó, và nhờ vậy trình bày cho thế giới học thuật thông thường cũng như cho những nhà tư tưởng của nhân loại điều họ thấy và thấu hiểu.

Running all through human history is a triple thread and in the interplay of these three threads the story of evolution is to be found. One thread guides the thoughts of man as he deals with the development of the form aspect, with the racial trends, and it shows how undeviatingly the forms of races, of countries, and of the fauna and flora of our planetary life have kept pace with the needs of the slowly emerging sons of God. The second thread leads us to an understanding of the growth of consciousness, and indicates emergence from the instinctual stage into that of intellectual awareness, and on to that intuitional illumination which is the present goal of consciousness.

Xuyên suốt lịch sử nhân loại là một sợi dây tam phân, và trong sự tương tác của ba sợi dây này, câu chuyện của tiến hoá được tìm thấy. Một sợi dây dẫn dắt tư tưởng của con người khi y đề cập đến sự phát triển của phương diện hình tướng, với các xu hướng giống dân, và nó cho thấy các hình tướng của các giống dân, các quốc gia, cùng hệ động vật và thực vật của sự sống hành tinh chúng ta đã theo kịp một cách không lệch lạc như thế nào với các nhu cầu của những Con của Thượng đế đang dần dần xuất hiện. Sợi dây thứ hai dẫn chúng ta đến sự thấu hiểu về sự tăng trưởng của tâm thức, và chỉ ra sự xuất hiện từ giai đoạn bản năng sang giai đoạn nhận biết trí năng, rồi tiến tới sự soi sáng trực giác, vốn là mục tiêu hiện nay của tâm thức.

The third thread concerns the Plan itself and here we enter the realm of the truly unknown. What the plan is, and what the goal, is as yet totally unrealised except by the highest adept and the most exalted of the sons of God. Until the illumined mind and the power of intuitional response are developed in the human family, it is not possible for us to grasp the basic concepts which are to be found in the mind of God Himself. Until the highest point of the Mount of Initiation has been climbed, it is not possible to vision the Promised Land as it is. Until the limitations—the necessary limitations—of the three worlds have been surmounted and man can function as a free soul in the spiritual kingdom, that which lies beyond that kingdom must remain hid to man just as much as the human state of being and awareness remains a sealed book to the animal. This is a salutary and needed lesson which all disciples should grasp. [606]

Sợi dây thứ ba liên quan đến chính Thiên Cơ, và ở đây chúng ta bước vào lĩnh vực của điều thật sự chưa được biết. Thiên Cơ là gì, và mục tiêu là gì, cho đến nay vẫn hoàn toàn chưa được chứng nghiệm, ngoại trừ bởi vị chân sư cao nhất và những Con của Thượng đế được tôn cao nhất. Cho đến khi trí tuệ được soi sáng và quyền năng đáp ứng trực giác được phát triển trong gia đình nhân loại, chúng ta không thể nắm bắt các khái niệm căn bản được tìm thấy trong Trí của chính Thượng đế. Cho đến khi điểm cao nhất của Núi Điểm Đạo đã được leo lên, thì không thể nhìn thấy Miền Đất Hứa đúng như nó là. Cho đến khi các giới hạn, những giới hạn cần thiết của ba cõi thấp, đã được vượt qua và con người có thể hoạt động như một linh hồn tự do trong giới tinh thần, thì điều nằm bên kia giới ấy vẫn phải ẩn kín đối với con người, cũng y như trạng thái hiện hữu và nhận biết của con người vẫn là một quyển sách niêm phong đối với loài vật. Đây là một bài học lành mạnh và cần thiết mà tất cả các đệ tử nên nắm bắt. [606]

But observers of times and seasons can make rapid progress in intuitional growth if they persevere in their meditation, train their intellects, and endeavour always to think in terms of universals. Let them look at the historical retrospect as part of the emerging preparation which will inaugurate the future. Let them take heart of grace as they recognise the fact that the kingdom of souls is steadily becoming a physical plane phenomenon (do I speak paradoxically?) and will be known eventually as a kingdom of nature and considered so by the scientists before two centuries have passed away. These "Organised Observers" form the outer circle of the new group and their keynote is synthesis, the elimination of non-essentials and the organising of human knowledge. Working in the many fields of human awareness, they are distinguished by a non-sectarian spirit, and by an ability to deal with foundational essentials and to link up varying departments of human investigation into one organised and unified whole.

Nhưng những nhà quan sát thời kỳ và mùa vụ có thể tiến bộ nhanh chóng trong sự tăng trưởng trực giác nếu họ kiên trì trong tham thiền, rèn luyện trí năng, và luôn cố gắng tư duy theo các phổ quát. Hãy để họ nhìn lại lịch sử như một phần của sự chuẩn bị đang xuất hiện, điều sẽ mở màn cho tương lai. Hãy để họ vững lòng khi nhận ra sự kiện rằng giới linh hồn đang đều đặn trở thành một hiện tượng trên cõi hồng trần, tôi có đang nói nghịch lý chăng, và cuối cùng sẽ được biết đến như một giới của tự nhiên, cũng như được các nhà khoa học xem như thế trước khi hai thế kỷ trôi qua. Những "Nhà Quan Sát Có Tổ Chức" này tạo thành vòng ngoài của đoàn mới, và chủ âm của họ là sự tổng hợp, loại bỏ những điều không thiết yếu và tổ chức tri thức nhân loại. Hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhận biết của con người, họ được phân biệt bởi tinh thần không giáo phái, và bởi khả năng xử lý các yếu tố nền tảng chính yếu, cũng như liên kết các ngành khảo cứu khác nhau của con người thành một toàn thể có tổ chức và hợp nhất.

Second, the next group in the new Group of World Workers is that of the *telepathic communicators*. These are much fewer in number and are distinguished by their relatively close interrelation with each other. They are primarily a linking or a bridging group. They are gathered out of the more exoteric circle of the organised observers, but have a wider scope of service than they have, for they work in a more truly esoteric manner. They are in touch with each other, and with the organised observers, but they are likewise in touch with the group of men and women who stand at the very centre or heart of the world group. Their work is threefold and very difficult. Steadily they have to cultivate that detachment which characterises the soul which knows itself.

Thứ hai, nhóm kế tiếp trong Đoàn Người Hoạt Động Thế Gian mới là nhóm *các nhà giao tiếp viễn cảm*. Những người này ít hơn nhiều về số lượng và được phân biệt bởi mối tương liên tương đối mật thiết giữa họ với nhau. Trước hết, họ là một nhóm liên kết hay một nhóm bắt cầu. Họ được quy tụ từ vòng tròn ngoại môn hơn của các nhà quan sát có tổ chức, nhưng có phạm vi phụng sự rộng hơn những người ấy, vì họ làm việc theo một cách thật sự nội môn hơn. Họ tiếp xúc với nhau, và với các nhà quan sát có tổ chức, nhưng họ cũng tiếp xúc với nhóm những người nam và nữ đang đứng ngay tại trung tâm hay trái tim của nhóm thế giới. Công việc của họ có tính tam phân và rất khó khăn. Một cách bền bỉ, họ phải vun bồi sự tách rời vốn đặc trưng cho linh hồn biết

Steadily they take the knowledge and information accumulated by the organised observers and adapt it to the need of the world, and give out the teaching. They work effectively [607] but always from behind the scenes, and though they may be known in the world in this early stage of the work of the new group, and though they may be therefore recognised as teachers, writers and workers, later they will recede more and more into the background and will work through the outer circle. They will inspire them, and will place increasing responsibility upon their shoulders; they will nurture the growth of telepathic interplay in the world and thus weave those strands which will eventually bridge the present gap between the seen and the unseen and so make the new world possible —a world in which death as we know it will be abolished and a trained universal continuity of consciousness be established. That is why the emphasis is laid in training the members of this group in the new group, upon telepathic sensitivity. The members of this second circle of workers are taught to develop sensitiveness in three directions: to the thoughts of men in physical incarnation; to the minds of those who have passed over and who are still in mind bodies, and thirdly to the group of spiritual Beings who stand as the custodians of the evolutionary process and through whose hands the three threads of developing life steadily pass.

chính mình. Một cách bền bỉ, họ tiếp nhận tri thức và thông tin do các nhà quan sát có tổ chức tích lũy, rồi thích nghi nó với nhu cầu của thế giới, và truyền ra giáo huấn. Họ làm việc hữu hiệu [607] nhưng luôn luôn từ phía sau hậu trường; và dù ở giai đoạn đầu này của công việc của nhóm mới, họ có thể được biết đến trong thế gian, và do đó có thể được nhìn nhận là huấn sư, tác giả và người hoạt động, về sau họ sẽ ngày càng lui vào hậu cảnh và sẽ làm việc qua vòng tròn bên ngoài. Họ sẽ truyền cảm hứng cho những người ấy, và sẽ đặt trách nhiệm ngày càng lớn hơn lên vai họ; họ sẽ nuôi dưỡng sự tăng trưởng của tương tác viễn cảm trong thế giới, và như thế dệt nên những sợi dây cuối cùng sẽ bắt cầu qua khoảng cách hiện nay giữa cái hữu hình và cái vô hình, nhờ đó khiến thế giới mới trở thành khả hữu — một thế giới trong đó sự chết như chúng ta biết sẽ bị bãi bỏ, và một sự liên tục tâm thức phổ quát, được rèn luyện, sẽ được thiết lập. Chính vì vậy mà trong việc huấn luyện các thành viên của nhóm này trong nhóm mới, trọng tâm được đặt vào sự nhạy bén viễn cảm. Các thành viên của vòng tròn người hoạt động thứ hai này được dạy phát triển sự nhạy cảm theo ba hướng: đối với tư tưởng của con người trong kiếp lâm phàm hồng trần; đối với thể trí của những người đã chuyển sang bên kia và vẫn còn ở trong các thể trí; và thứ ba, đối với nhóm các Đấng Tinh Thần đang đứng như những vị bảo hộ tiến trình tiến hoá, và qua tay các Ngài, ba sợi dây của sự sống đang phát triển liên tục đi qua.

Their task is exceedingly hard, far harder than that of the first group and harder even than that of the last, for they lack as yet certain powers and needed experience. Their centre of consciousness is the intuition and not that of the synthesising intellect, and their state of awareness is wide and inclusive. They therefore can suffer more

Nhiệm vụ của họ cực kỳ khó khăn, khó hơn nhiều so với nhóm thứ nhất và thậm chí khó hơn nhóm cuối cùng, vì cho đến nay họ vẫn còn thiếu một số quyền năng và kinh nghiệm cần thiết. Trung tâm tâm thức của họ là trực giác chứ không phải trí năng tổng hợp, và trạng thái nhận biết của họ rộng lớn và bao gồm. Vì vậy, họ có thể đau khổ nhiều

than the majority, and few there are who are not at this stage too sensitive for their own comfort and too responsive to vibrations emanating from the form aspect in all three worlds. Their state of detachment is not yet complete. They *bridge,* and therefore support infinite problems and respond to world pain. They see, if I may so express it, too much, for theirs is not yet the privilege [608] of visioning with clarity the goal that lies two hundred years ahead. They sense the present need. They are responsive to the new tide of spiritual force which is flowing in. They carry the weight of humanity on their shoulders, and because they are somewhat coordinated, they live in all three worlds at once, and this few can do. They are aware of the urgency of the present opportunity and also of the apathy of the many and for these reasons they work under terrific pressure.

hơn đa số người khác, và hiếm có ai ở giai đoạn này mà không nhạy cảm đến mức chính họ không thể an ổn, và quá đáp ứng với những rung động phát xuất từ phương diện hình tướng trong cả ba cõi. Trạng thái tách rời của họ chưa hoàn toàn. Họ *bắt cầu,* và vì vậy gánh đỡ vô số vấn đề và đáp ứng với nỗi đau của thế giới. Nếu tôi có thể diễn đạt như thế, họ thấy quá nhiều, vì họ chưa có đặc ân [608] nhìn thấy rõ ràng mục tiêu nằm ở hai trăm năm phía trước. Họ cảm nhận nhu cầu hiện tại. Họ đáp ứng với làn sóng mới của mãnh lực tinh thần đang tuôn vào. Họ mang sức nặng của nhân loại trên vai, và vì họ đã được phối hợp phần nào, họ sống trong cả ba cõi cùng một lúc, và điều này rất ít người có thể làm. Họ nhận biết tính khẩn thiết của cơ hội hiện tại, cũng như sự lãnh đạm của số đông; và vì những lý do này, họ làm việc dưới một áp lực khủng khiếp.

Third, the innermost group of all is that of the members of the Hierarchy itself. I care not the least whether these liberated souls are recognised as Elder Brethren of the race, as Masters of the Wisdom, as the Cloud of Witnesses, as the Christ and His Church, as Supermen or under any terms which the inherited tendencies of humanity or tradition may choose to call them. They themselves care less. The petty quarrels as to their personalities and names and status matter not at all. But they are the intelligent forces of the planet; they express, because of their state of expanded consciousness, the Mind of God; they embody the intelligent principle, immutable and unchanging, and through them flows the energy which we call the Will of God, for lack of better understanding. They know far more of the plan than do the two outer circles in the new Group of World Workers, for they see clearly just what is the next step which planetary evolution will guide the race to take during

Thứ ba, nhóm nội tại nhất trong tất cả là nhóm gồm các thành viên của chính Thánh Đoàn. Tôi không hề quan tâm chút nào việc các linh hồn đã giải thoát này được nhìn nhận là các Huynh Trưởng của nhân loại, là các Chân sư Minh Triết, là Đám Mây Chứng Nhân, là Đức Christ và Giáo Hội của Ngài, là các Siêu nhân, hay dưới bất cứ danh xưng nào mà những khuynh hướng di truyền của nhân loại hoặc truyền thống có thể chọn để gọi các Ngài. Chính các Ngài còn ít quan tâm hơn nữa. Những tranh cãi nhỏ nhặt về phàm ngã, danh xưng và địa vị của các Ngài hoàn toàn không quan trọng. Nhưng các Ngài là những mãnh lực thông tuệ của hành tinh; do trạng thái tâm thức mở rộng của mình, các Ngài biểu lộ Trí của Thượng đế; các Ngài hiện thân nguyên khí thông tuệ, bất biến và không đổi thay, và qua các Ngài tuôn chảy năng lượng mà chúng ta gọi là Ý Chí của Thượng Đế, vì thiếu một sự thấu hiểu tốt hơn. Các Ngài biết về Thiên Cơ nhiều hơn rất nhiều so với hai vòng tròn bên ngoài trong

the next two hundred years. They do not occupy themselves with idle speculations as to the ultimate goal at the close of a world age. This may surprise you in view of the many speculations of the uninitiate. But so it is. They know that there is a time and a season for all things, and looking ahead and comprehending intuitively the goal for all kingdoms in the immediate future, all their united effort is bent to one end—the cultivating of the intuitional telepathic responsiveness of the Communicators who bridge the gap [609] between them and the physical world. These latter in their turn seek to employ the Observers, Knowers, Communicators, and Observers—all working in a close if oft-times unrealised unity, and all responsive (according to their degree) to the impulsion of the Mind and Will of the Logos, the solar Deity.

Đoàn Người Hoạt Động Thế Gian mới, vì các Ngài thấy rõ chính xác bước kế tiếp mà cuộc tiến hoá hành tinh sẽ hướng dẫn nhân loại thực hiện trong hai trăm năm tới. Các Ngài không bận tâm với những suy đoán vô ích về mục tiêu tối hậu vào lúc kết thúc một thời đại thế giới. Điều này có thể khiến các bạn ngạc nhiên, xét theo nhiều suy đoán của những người chưa được điểm đạo. Nhưng sự thật là như vậy. Các Ngài biết rằng mọi sự đều có thời điểm và mùa tiết của nó; và khi nhìn về phía trước, đồng thời thấu hiểu bằng trực giác mục tiêu dành cho mọi giới trong tương lai gần, toàn bộ nỗ lực hợp nhất của các Ngài đều hướng về một cứu cánh duy nhất — vun bồi khả năng đáp ứng viễn cảm bằng trực giác nơi các Nhà Giao Tiếp, những người bắt cầu qua khoảng cách [609] giữa các Ngài và thế giới hồng trần. Đến lượt mình, những người sau này tìm cách sử dụng các Nhà Quan Sát, các Thức Giả, các Nhà Giao Tiếp và các Nhà Quan Sát — tất cả đều làm việc trong một sự hợp nhất mật thiết, dù thường khi không nhận ra, và tất cả đều đáp ứng, tùy theo cấp độ của mình, với sự thúc đẩy của Trí và Ý Chí của Thượng đế, Thượng đế thái dương.

Beyond this triple group stand the Thrones, Principalities, and Powers with whom we need not concern ourselves. On the other side stands humanity torn by the disasters of the past world war, bewildered by the social, religious and economic pressure of the present, sensitive and responsive to the influences and energies pouring in on the new tide of the Aquarian Age; unable to understand and explain, and conscious only of a longing for liberty of thought and of physical condition, snatching at every chance to gain knowledge and so providing a fertile field wherein this new group can work.

Bên ngoài nhóm tam phân này là các Ngai Vị, các Chủ Quyền và các Quyền Năng mà chúng ta không cần bận tâm. Ở phía bên kia là nhân loại, bị xé nát bởi những tai họa của cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, hoang mang trước áp lực xã hội, tôn giáo và kinh tế của hiện tại, nhạy cảm và đáp ứng với các ảnh hưởng và năng lượng đang tuôn vào theo làn sóng mới của Kỷ Nguyên Bảo Bình; không thể thấu hiểu và giải thích, và chỉ ý thức về một niềm khao khát tự do tư tưởng và tự do trong điều kiện hồng trần, nắm lấy mọi cơ hội để đạt tri thức, và nhờ vậy cung cấp một cánh đồng màu mỡ trong đó nhóm mới này có thể làm việc.

We have seen that the objective of all inner training is to develop the esoteric sense, and to unfold that inner sensitive awareness which will enable a man to function, not only as a Son of God in physical incarnation but as one who also possesses that continuity of consciousness which will enable him to be interiorly awake as well as exteriorly active. This is accomplished through developing the power to be a trained Observer. I commend these words to all aspirants. It is persistence in the attitude of right observation that brings about detachment from form, a subsequent power to use form at will and with the end in view of furthering hierarchical plans and consequent usefulness to humanity. When this power to observe has been somewhat brought about, we then have the aspirant joining that intermediate group of trained Communicators who stand between the aforementioned groups (the exoteric groups and the group of spiritual workers on the subjective plane), interpreting the one to the other. It is well to remember that even the members [610] of the Hierarchy profit by the opinions and advice of those disinterested disciples who can be trusted to rightly recognise and interpret the need of the hour.

Chúng ta đã thấy rằng mục tiêu của mọi huấn luyện nội tâm là phát triển giác quan huyền bí, và khai mở sự nhận biết nhạy bén bên trong, điều sẽ cho phép con người hoạt động không chỉ như một Con của Thượng đế trong kiếp lâm phàm hồng trần, mà còn như một người sở hữu sự liên tục tâm thức, nhờ đó y có thể tỉnh thức bên trong cũng như hoạt động bên ngoài. Điều này được thành tựu qua việc phát triển quyền năng trở thành một Nhà Quan Sát Lão Luyện. Tôi xin khuyến nghị những lời này với tất cả những người chí nguyện. Chính sự kiên trì trong thái độ quan sát đúng đắn đem lại sự tách rời khỏi hình tướng, rồi sau đó là quyền năng sử dụng hình tướng theo ý chí, với mục đích xúc tiến các kế hoạch của Thánh Đoàn và do đó trở nên hữu ích cho nhân loại. Khi quyền năng quan sát này đã được tạo lập phần nào, bấy giờ chúng ta có người chí nguyện gia nhập nhóm trung gian gồm các Nhà Giao Tiếp được rèn luyện, những người đứng giữa các nhóm đã nói ở trên, tức các nhóm ngoại môn và nhóm những người hoạt động tinh thần trên cõi chủ quan, để diễn giải nhóm này cho nhóm kia. Cần nhớ rằng ngay cả các thành viên [610] của Thánh Đoàn cũng được lợi ích từ những ý kiến và lời khuyên của các đệ tử vô tư, những người có thể được tin cậy để nhận ra và diễn giải đúng nhu cầu của thời điểm.

When this stage has been reached and a man is in conscious touch with the plan then true magical work can begin. Men and women, who are beginning to live as souls, can undertake the magical work of the new age, and can inaugurate those changes and that rebuilding which will bring about the manifestation of the new heavens and the new earth, to which all the Scriptures of the world bear eloquent testimony. They can then work with forces in etheric matter and so bring into being those physical plane

Khi giai đoạn này đã đạt tới và một người có tiếp xúc hữu thức với Thiên Cơ, bấy giờ công việc huyền thuật chân chính có thể bắt đầu. Những người nam và nữ đang bắt đầu sống như các linh hồn có thể đảm nhận công việc huyền thuật của kỷ nguyên mới, và có thể khai mở những thay đổi cùng công cuộc tái thiết sẽ đem lại sự biểu hiện của trời mới và đất mới, điều mà mọi Kinh Điển của thế giới đều làm chứng một cách hùng hồn. Bấy giờ họ có thể làm việc với các mãnh lực trong vật chất dĩ thái, và như thế đưa vào hiện tồn

creations and organisations which will more adequately embody the life of God in the Aquarian Age which is now upon us. It is to this stage that Rule XV refers.

những sáng tạo và tổ chức trên cõi hồng trần, vốn sẽ hiện thân đầy đủ hơn sự sống của Thượng đế trong Kỷ Nguyên Bảo Bình hiện đang đến với chúng ta. Chính giai đoạn này là điều Quy luật XV đề cập đến.

These words mark the consummation of the magical work, and are equally true of the magical work of a solar Logos, of a planetary Logos, of an incarnating soul, or of that advanced human being who has learnt to work as a white magician under the plan of the great White Lodge. It, of course, refers to the work of those who through intellectual achievement have learnt to work as magicians but on what is called the black side, for the same rules of magical work hold good for both groups, though the motivating impulse differs. But with the work of the black magician we have naught to do. That which they do is powerful in transient effect, using the word transient in its cyclic sense; but these effects must in due time cease, and be subordinated to the claims and the work of the bringers of light and of life.

Những lời này đánh dấu sự viên mãn của công việc huyền thuật, và cũng đúng như nhau đối với công việc huyền thuật của một Thái dương Thượng đế, của một Hành Tinh Thượng Đế, của một linh hồn đang nhập thể, hay của một con người tiến hoá cao đã học làm việc như một nhà huyền thuật chánh đạo dưới Thiên Cơ của Thánh đoàn. Dĩ nhiên, nó cũng đề cập đến công việc của những người, nhờ thành tựu trí tuệ, đã học làm việc như các nhà huyền thuật nhưng ở phía được gọi là hắc đạo, vì cùng các quy luật của công việc huyền thuật đều có giá trị đối với cả hai nhóm, dù xung lực thúc đẩy khác nhau. Nhưng chúng ta không liên quan gì đến công việc của nhà hắc thuật. Những gì họ làm có hiệu quả mạnh mẽ nhưng tạm thời, dùng chữ tạm thời theo nghĩa chu kỳ của nó; song các hiệu quả này đến đúng thời phải chấm dứt, và phải phục tùng những đòi hỏi cùng công việc của những người mang ánh sáng và sự sống.

The shadow stage is the dim and uncertain period which is found prior to dense and concrete manifestation. It does not here refer to the shadow as the counterpart in physical manifestation of the soul. It refers to one of the intermediate stages in the creative process. [611] It is technically called the “stage of the waxing and the waning of the nebulae”, and this stage precedes the appearance of the more stabilised and relatively static exoteric form. In the formation of a solar system, this is recognised as a preliminary period and can be seen going on in the starry heavens. It indicates the stage wherein the Great

Giai đoạn bóng tối là thời kỳ mờ nhạt và bất định có trước sự biểu hiện đậm đặc và cụ thể. Ở đây nó không chỉ bóng tối như đối phần trong biểu hiện hồng trần của linh hồn. Nó chỉ một trong những giai đoạn trung gian trong tiến trình sáng tạo. [611] Về mặt kỹ thuật, nó được gọi là “giai đoạn tăng trưởng và suy giảm của các tinh vân”, và giai đoạn này đi trước sự xuất hiện của hình tướng ngoại môn ổn định hơn và tương đối tĩnh tại. Trong sự hình thành một hệ mặt trời, điều này được nhìn nhận như một thời kỳ sơ bộ và có thể được thấy đang diễn ra trong các tầng trời đầy sao. Nó chỉ giai đoạn trong đó Nhà Huyền Thuật Vĩ Đại mới chỉ

Magician is only in process of carrying forward His work; He has not yet finally chanted those mystic words or those spiritual sounds which will produce concretion and the tangible appearance of form.

đang trong tiến trình xúc tiến công việc của Ngài; Ngài chưa xướng dứt khoát những lời thần bí hay những âm thanh tinh thần sẽ tạo nên sự cụ thể hóa và sự xuất hiện hữu hình của hình tướng.

The *Secret Doctrine* refers to the three fires, and these are of ancient usage; the *Vishnu Purana* gives these fires exactly the same nomenclature as does H.P.B. who borrowed the terms from the ancient Scripture. Electric Fire, Solar Fire and Fire by Friction, when brought into conjunction, produce the manifested macrocosm and microcosm, and to this conjunction my earlier *Treatise on Cosmic Fire* referred. These fires are esoterically one fire but this fire produces, according to the witnessing consciousness (itself at varying stages of evolutionary development) the effect of differentiated fiery essence. This fiery essence can be known as Life itself, or as the "Self-shining Light," or it can be known as the active form inherent in the one substance which underlies all phenomena. In this final rule for magic the fires which are considered are those of matter itself which approach the shadow and (as the *Old Commentary* symbolically expresses it) "rise up from the second darkness at the call of the spirit of light and meet in their appointed place that which will absorb them and raise them to the fiery point from whence the fires of living light and radiant life have come."

Giáo Lý Bí Nhiệm đề cập đến ba loại lửa, và các loại lửa này đã được dùng từ thời cổ; *Vishnu Purana* gọi các loại lửa ấy bằng đúng cùng một danh pháp như bà Blavatsky, người đã mượn các thuật ngữ này từ Kinh Điển cổ. Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát, khi được đưa vào sự kết hợp, tạo nên đại thiên địa và tiểu thiên địa biểu hiện, và chính sự kết hợp này đã được đề cập trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* trước đây của tôi. Một cách huyền bí, các loại lửa này là một lửa duy nhất; nhưng lửa này tạo ra, tùy theo tâm thức chứng kiến, vốn tự nó ở những giai đoạn phát triển tiến hoá khác nhau, hiệu quả của tinh chất lửa đã biến phân. Tinh chất lửa này có thể được biết như chính Sự Sống, hoặc như "Ánh Sáng Tự Chiếu", hoặc có thể được biết như hình tướng hoạt động vốn nội tại trong chất liệu duy nhất nằm bên dưới mọi hiện tượng. Trong quy luật cuối cùng này về huyền thuật, những loại lửa được xét đến là các loại lửa của chính vật chất, vốn tiến gần đến bóng tối và, như *Cổ Luận* diễn đạt bằng biểu tượng, "trỗi dậy từ bóng tối thứ hai theo tiếng gọi của tinh thần ánh sáng, và gặp tại nơi đã định điều sẽ hấp thu chúng và nâng chúng lên điểm lửa mà từ đó các lửa của ánh sáng sống động và sự sống rạng ngời đã đến."

The Negation of the Great Illusion— Sự Phủ Định Đại Ảo Tưởng

The phrase in Rule XV which says "that blend the fire and water" has reference to the effect produced at the [612] point of condensation, after the great words bringing about that effect have been pronounced.

Cụm từ trong Quy luật XV nói rằng "hòa trộn lửa và nước" liên quan đến hiệu quả được tạo ra tại [612] điểm ngưng tụ, sau khi những lời vĩ đại đem lại hiệu quả ấy đã được phát âm. Quy luật này hầu như không thể giải thích,

This rule is almost incapable of explanation and it is not permitted to me to give to you the words that effect this process. Only some hints may be given which will serve to encourage the true aspirant to think and may, alas, only irritate the casual thinker who seeks easy and quick methods and formulas through which to work. Heat and moisture are present in the production of all forms of life, but the great mystery (and almost the final mystery to be explained to the adept) is how the merging of three fires can produce moisture or the watery element. This problem and this phenomenon constitute the basis of the Great Illusion to which the ancient books refer; through the agency of the combination, the enveloping maya is produced. There is, in reality, no such thing as water; the watery sphere, the astral plane, is, could you but realise it, an illusory effect and has no real existence. Yet—in time and space and to the understanding of the witnessing consciousness—it is more real than that which it hides and conceals. I cannot make this clearer in words. It is only possible to suggest to the intelligent student that the light of his soul (reflected in his mind) and the energy of form (as expressed in his etheric body) are for him, in the realm of temporary duality, his two basic realities. The watery nature of his astral experience in which these two aspects of divinity seem (again illusion, be it noted) to meet and work is but a glamorous phenomenon and in an occult sense is not based on fact. Any true aspirant knows that his spiritual progress can be gauged in terms of his freedom from this illusion and of his release into the clear air and pure light of his spiritual consciousness. In its consciousness, the animal kingdom works with the second of these two basic realities, and for it the life of the etheric body and the force which governs the animal or material nature are

và tôi không được phép trao cho các bạn những lời tạo nên tiến trình này. Chỉ có thể đưa ra một vài gợi ý nhằm khích lệ người chí nguyện chân chính suy tư, và than ôi, có thể chỉ làm người suy nghĩ hời hợt, vốn tìm kiếm những phương pháp và công thức dễ dàng, nhanh chóng để làm việc, cảm thấy bực bội. Nhiệt và ẩm hiện diện trong sự tạo thành mọi hình tướng của sự sống, nhưng huyền nhiệm lớn lao, và hầu như là huyền nhiệm cuối cùng được giải thích cho chân sư, là làm thế nào sự hòa nhập của ba loại lửa có thể tạo ra ẩm ướt hay nguyên tố nước. Vấn đề này và hiện tượng này tạo thành nền tảng của Ảo Tưởng Lớn Lao mà các sách cổ đề cập; thông qua tác nhân của sự kết hợp, ảo lực bao bọc được tạo ra. Trong thực tại, không có cái gọi là nước; cõi nước, tức cõi cảm dục, nếu các bạn có thể nhận ra, là một hiệu quả ảo tưởng và không có sự tồn tại thật. Tuy nhiên — trong thời gian và không gian, và đối với sự thấu hiểu của tâm thức chứng kiến — nó lại thật hơn điều mà nó che khuất và che giấu. Tôi không thể làm điều này rõ hơn bằng lời. Chỉ có thể gợi ý cho đạo sinh thông minh rằng ánh sáng của linh hồn y, phản chiếu trong thể trí y, và năng lượng của hình tướng, như được biểu lộ trong thể dĩ thái của y, đối với y, trong lĩnh vực nhị nguyên tạm thời, là hai thực tại căn bản của y. Bản chất nước của kinh nghiệm cảm dục của y, trong đó hai phương diện thiên tính này dường như, xin lưu ý rằng lại là ảo tưởng, gặp nhau và hoạt động, chỉ là một hiện tượng ảo cảm và, theo nghĩa huyền bí, không đặt nền trên sự kiện. Bất cứ người chí nguyện chân chính nào cũng biết rằng sự tiến bộ tinh thần của y có thể được đo bằng mức độ y thoát khỏi ảo tưởng này và được giải phóng vào bầu không khí trong sáng cùng ánh sáng tinh khiết của tâm thức tinh thần của y. Trong tâm thức của mình, giới động vật làm việc với thực tại thứ hai trong hai thực tại căn bản này, và đối với nó, sự sống của thể dĩ thái cùng mãnh lực chi phối

the [613] prime expression of truth. Yet the animal is beginning to sense dimly the world of illusion and possesses certain psychic powers and senses which recognise yet fail to interpret the astral plane. The veil of illusion is beginning to fail before the eyes of the animal but it knows it not. The human being has wandered for ages in the world of illusion, for it is of his own creating. Yet man in his turn, from the standpoint of consciousness, has contact with both the realities and learns little by little to dissipate the illusion by the steady growth of the radiant light of the soul. May I pause here to remind you that duality is only a stage on the evolutionary arc, leading eventually to the realisation of unity.

bản chất động vật hay vật chất là biểu hiện [613] chủ yếu của chân lý. Tuy nhiên, con vật đang bắt đầu cảm nhận lờ mờ thế giới ảo tưởng và sở hữu một số quyền năng cùng giác quan thông linh nhận ra nhưng không diễn giải được cõi cảm dục. Tấm màn ảo tưởng đang bắt đầu suy yếu trước mắt con vật, nhưng nó không biết điều đó. Con người đã lang thang qua nhiều thời đại trong thế giới ảo tưởng, vì đó là tạo vật của chính y. Tuy nhiên, đến lượt mình, xét từ lập trường tâm thức, con người có tiếp xúc với cả hai thực tại và dần dần học cách làm tiêu tan ảo tưởng nhờ sự tăng trưởng đều đặn của ánh sáng rạng ngời của linh hồn. Tôi xin dừng lại ở đây để nhắc các bạn rằng nhị nguyên chỉ là một giai đoạn trên cung tiến hoá, cuối cùng dẫn đến sự chứng nghiệm hợp nhất.

The veil of illusion resembles the moment before dawn when the world of familiar things is seen through the fogs and the streamers of mist which veil the world form and also veil the rising sun. Then we have that half-time, that mysterious and vague period when the real is hidden by the unreal; then we have that weird and distorted condition when forms are not seen as they truly are but lose their shape and colour and perspective. True vision is then impossible. The astral stage and the vast cycle of time in which the great illusion holds sway can therefore be judged, from the above symbolic approach, to be but temporary and transient. It is not the stage of a definitely divine manifestation; it is not the stage of pure undimmed awareness; it is not the stage of the perfected work. It is that period of time wherein the half-Gods walk; it is the time wherein truth is only dimly sensed, the vision only vaguely and occasionally seen; it is the stage of the half-realised Plan, and when one works on partial knowledge, difficulty and mistakes are bound to supervene. It is also the stage of distortion

Tấm màn ảo tưởng giống như khoảnh khắc trước bình minh, khi thế giới của những sự vật quen thuộc được nhìn thấy qua sương mù và những dải hơi mù che phủ hình tướng thế giới cũng như che phủ mặt trời đang mọc. Khi ấy chúng ta có một khoảng nửa chừng, một thời kỳ huyền bí và mơ hồ trong đó cái thật bị cái không thật che khuất; khi ấy chúng ta có một tình trạng kỳ dị và méo mó, trong đó các hình tướng không được thấy như chúng thật sự là, mà mất đi hình dạng, màu sắc và phối cảnh của chúng. Khi ấy tầm nhìn chân chính là điều không thể có. Do đó, giai đoạn cảm dục và chu kỳ thời gian rộng lớn trong đó ảo tưởng lớn lao nắm quyền có thể được phán đoán, từ cách tiếp cận biểu tượng trên, chỉ là tạm thời và thoáng qua. Đó không phải là giai đoạn của một biểu hiện thiêng liêng xác định; không phải là giai đoạn của sự nhận biết tinh khiết không bị lu mờ; không phải là giai đoạn của công trình hoàn thiện. Đó là thời kỳ trong đó các bán thần bước đi; là thời kỳ trong đó chân lý chỉ được cảm nhận lờ mờ, tầm nhìn chỉ được thấy mơ hồ và đôi khi; là giai đoạn của Thiên Cơ chỉ được nhận ra một phần, và

and of constant mutability: whilst it is in evidence we have the apparently ceaseless pulling hither and thither by forces, working blindly and seemingly without purpose. [614] As far as humanity is concerned, it is the time wherein man is enveloped in mist and fog, and lost in the miasmas arising out of the ground (symbol of the foundational nature of the animal kingdom). Yet at times this stage is seen to be unreal as the dawning light of the spiritual consciousness pierces through the surrounding darkness. It is the interlude between the dominance of the animal consciousness and that of the spiritual, and this interlude of astral illusion is only known in the human family. There is no astral plane except in the consciousness of the fourth kingdom in nature, for man is "under illusion" in a sense different to the conscious awareness of any other kingdom —subhuman or superhuman.

khi người ta làm việc dựa trên tri thức từng phần, khó khăn và sai lầm tất yếu sẽ phát sinh. Đó cũng là giai đoạn của sự méo mó và tính biến đổi liên tục: chừng nào nó còn hiển hiện, chúng ta còn có sự lôi kéo dường như không ngừng từ bên này sang bên kia bởi các mãnh lực, hoạt động một cách mù quáng và dường như không có mục đích. [614] Đối với nhân loại, đó là thời kỳ trong đó con người bị bao bọc trong sương mù và hơi mù, và lạc mất trong những khí độc bốc lên từ mặt đất, biểu tượng cho bản chất nền tảng của giới động vật. Tuy nhiên, đôi khi giai đoạn này được thấy là không thật, khi ánh sáng bình minh của tâm thức tinh thần xuyên qua bóng tối bao quanh. Đó là khoảng chuyển tiếp giữa sự thống trị của tâm thức động vật và tâm thức tinh thần, và khoảng chuyển tiếp của ảo tưởng cảm dục này chỉ được biết đến trong gia đình nhân loại. Không có cõi cảm dục ngoại trừ trong tâm thức của giới thứ tư trong thiên nhiên, vì con người "ở dưới ảo tưởng" theo một nghĩa khác với sự nhận biết hữu thức của bất cứ giới nào khác — dưới nhân loại hay siêu nhân loại.

I despair in making my meaning clear. How can one who is subject to the illusions of the senses, as are all human creatures, conceive of the state of consciousness of those who have freed themselves from the illusions of the astral plane or realise the state of awareness of those forms of life which have not yet developed astral consciousness? It is the dual nature of the mind which causes this illusion, for the mind of man presents to him the keys of the kingdom of heaven or locks upon him the door of entrance into the world of spiritual realities. It is the concretising unprincipled mind which brings about all the troubles of humanity. It is the sense of I-ness and the spirit of separative individuality which has brought humanity to its present condition, and yet even that is a part of the great developing

Tôi thật khó làm cho ý nghĩa của mình trở nên rõ ràng. Làm sao một người còn chịu chi phối bởi các ảo tưởng của giác quan, như tất cả các tạo vật nhân loại, có thể quan niệm được trạng thái tâm thức của những vị đã tự giải thoát khỏi các ảo tưởng của cõi cảm dục, hoặc nhận ra trạng thái nhận biết của những hình tướng sự sống chưa phát triển tâm thức cảm dục? Chính bản chất nhị phân của thể trí gây ra ảo tưởng này, vì thể trí của con người trao cho y các chìa khóa của Thiên Giới, hoặc khóa chặt cánh cửa, ngăn y đi vào thế giới của các thực tại tinh thần. Chính thể trí cụ thể hóa, vô nguyên khí, đã gây ra mọi rắc rối của nhân loại. Chính ý thức về cái tôi và tinh thần cá thể tính chia rẽ đã đưa nhân loại đến tình trạng hiện nay, tuy nhiên ngay cả điều đó cũng là một phần của tiến trình phát triển lớn lao. Chính tâm thức nhị

process. It is the consciousness of duality, and the subjectively realised and synchronously acknowledged sense of "I am God" and "I am form" which has plunged mankind into the great illusion.

nguyên, cùng cảm thức được chứng nghiệm chủ quan và đồng thời được thừa nhận về "Tôi là Thượng đế" và "Tôi là hình tướng", đã đẩy nhân loại chìm vào ảo tưởng lớn lao.

Yet it is this very illusion which renders up to man eventually the secret password into the kingdom of God and brings about his release. It is this maya itself which [615] serves to guide him into truth and knowledge; it is on the plane of the astral that the heresy of separateness has to be overcome, and it is on the field of Kurukshetra that the individual aspiring Arjuna, and the cosmic Arjuna learn the lesson that the knower and the known are one. The secret science of the Master of the Wisdom is the secret of how to dissipate the fogs and mist and darkness and gloom which are produced by the union of the fires in the early stages. The secret of the Master is the discovery that there is no astral plane; he finds that the astral plane is a figment of the imagination and has been created through the uncontrolled use of the creative imagination and the misuse of the magical powers. The work of the hierarchy is primarily to bring to an end the shadows and to dispel the moisture; the aim of the Masters is to let in the light of the soul and to show that spirit and matter are the two realities which constitute the unity and that it is only in time and in space and through the cyclic misuse of the magical and psychic powers that the astral plane of the great illusion has come into being and is now so real a thing that it is—in a certain sense—more real (to man) than the kingdom of light and the kingdom of form. In one most interesting sense it is true that because the human being is a soul and because the light of the soul is found within him and is gradually growing into fuller radiance this itself produces the illusion. Because of this

Tuy nhiên, chính ảo tưởng này cuối cùng lại trao cho con người mật khẩu bí mật vào Thiên Giới và đem lại sự giải thoát cho y. Chính ảo lực này [615] phục vụ để dẫn dắt y vào chân lý và tri thức; chính trên cõi cảm dục mà tà thuyết chia rẽ phải được khắc phục, và chính trên chiến trường Kurukshetra mà Arjuna cá nhân đang chí nguyện, cũng như Arjuna vũ trụ, học bài học rằng thức giả và cái được biết là một. Khoa học bí mật của Chân sư Minh Triết là bí quyết làm tiêu tan sương mù, hơi mù, bóng tối và u ám do sự hợp nhất của các lửa trong những giai đoạn đầu tạo ra. Bí mật của Chân sư là khám phá rằng không có cõi cảm dục; Ngài thấy rằng cõi cảm dục là một sản phẩm của sự tưởng tượng và đã được tạo ra do việc sử dụng không kiểm soát Sự tưởng tượng sáng tạo và việc lạm dụng các quyền năng huyền thuật. Công việc của Thánh Đoàn trước hết là chấm dứt các bóng tối và xua tan hơi ẩm; mục tiêu của các Chân sư là để ánh sáng của linh hồn đi vào và chỉ ra rằng tinh thần và vật chất là hai thực tại cấu thành sự hợp nhất, và chỉ trong thời gian và không gian, cùng qua việc lạm dụng các quyền năng huyền thuật và thông linh theo chu kỳ, mà cõi cảm dục của ảo tưởng lớn lao đã đi vào hiện tồn và nay trở thành một điều thật đến mức — theo một nghĩa nào đó — đối với con người, nó thật hơn giới ánh sáng và giới hình tướng. Theo một nghĩa rất thú vị, đúng là vì con người là một linh hồn, và vì ánh sáng của linh hồn được tìm thấy trong y và đang dần dần tăng trưởng thành sự rạng ngời đầy đủ hơn, chính điều này tạo ra ảo tưởng. Vì ảo tưởng này, công việc huyền thuật đã được tiến hành theo những đường hướng sai lạc, đặt nền trên những động cơ

illusion, the magical work has been carried forward along wrong lines and has been based on wrong motives and fitted into a scheme which is stronger than the average worker, for *the whole force of the world illusion is against all the efforts of the beginner in white magic.*

sai lạc và được lồng vào một hệ thống mạnh hơn người hoạt động trung bình, vì *toàn bộ mãnh lực của ảo tưởng thế giới chống lại mọi nỗ lực của người sơ cơ trong Chánh Thuật.*

The rules therefore end with the statement that the magician chants the words that "blend the fire and water"—but these are the rules for the aspirant. The rules for initiates of a paralleling kind end with the [616] words: "Let the initiate sound the note that unifies the fires". This is significant and of much encouragement to the beginner in the magical work. He is still perforce working on the astral plane and he cannot possibly avoid so doing for much time. The mark of growth for him is the steady withdrawal of his consciousness from that plane and his attainment of mental poise and of mental awareness, followed by creative work on the mental plane. There is an interesting and ancient proclamation found in the archives of the adepts which covers some of the stages in the magical work, couched of course in symbolic form:

Do đó, các quy luật kết thúc bằng lời tuyên bố rằng nhà huyền thuật xướng những lời "hòa trộn lửa và nước" — nhưng đây là các quy luật dành cho người chí nguyện. Các quy luật dành cho các điểm đạo đồ thuộc loại song song kết thúc bằng [616] những lời: "Hãy để điểm đạo đồ xướng âm điệu hợp nhất các lửa". Điều này có ý nghĩa và đem lại nhiều khích lệ cho người sơ cơ trong công việc huyền thuật. Y vẫn buộc phải làm việc trên cõi cảm dục, và trong một thời gian dài, y không thể nào tránh làm như vậy. Dấu hiệu tăng trưởng đối với y là sự rút lui đều đặn của tâm thức y khỏi cõi ấy, và sự đạt tới quân bình trí tuệ cùng sự nhận biết trí tuệ, tiếp theo là công việc sáng tạo trên cõi trí. Có một tuyên ngôn cổ xưa và thú vị được tìm thấy trong văn khố của các chân sư, bao hàm một số giai đoạn trong công việc huyền thuật, dĩ nhiên được diễn đạt bằng hình thức biểu tượng:

"Let the magician stand within the great world sea. Let him immerse himself in water and there let him stand his ground. Let him look down into the watery depths. Nothing is seen in form correct. Nothing appears but water. Beneath his feet it moves, around him, and above his head. He cannot speak; he cannot see. Truth disappears in water.

"Hãy để nhà huyền thuật đứng trong biển cả thế giới vĩ đại. Hãy để y ngâm mình trong nước và ở đó giữ vững lập trường. Hãy để y nhìn xuống những chiều sâu nước. Không có gì được thấy trong hình tướng đúng đắn. Không gì xuất hiện ngoài nước. Dưới chân y, nước chuyển động; quanh y và trên đầu y cũng vậy. Y không thể nói; y không thể thấy. Chân lý biến mất trong nước.

"Let the magician stand within the stream. Around him water flows. His feet stand firm on land and rock, but all the forms he sees are lost in the grey immensity of mist. The

"Hãy để nhà huyền thuật đứng trong dòng chảy. Quanh y, nước tuôn chảy. Chân y đứng vững trên đất và đá, nhưng mọi hình tướng y thấy đều mất hút trong sự bao la xám xịt

water is around his neck, but, feet on rock and head in air, he maketh progress. All is distortion still. He knows he stands, but where to go and how to go he knows not, nor understands. He sounds the words of magic, but muffled, dim and lost, the mist returns them to him, and no true note sounds forth. Around him are the many sounds of many forms, which swallow up his sound.

của sương mù. Nước ở quanh cổ y, nhưng với chân trên đá và đầu trong không khí, y tiến bước. Tất cả vẫn còn méo mó. Y biết mình đang đứng, nhưng đi đâu và đi như thế nào thì y không biết, cũng không thấu hiểu. Y xướng những lời huyền thuật, nhưng bị bóp nghẹt, mờ nhạt và lạc mất, sương mù trả chúng lại cho y, và không một âm điệu chân thật nào vang ra. Quanh y là nhiều âm thanh của nhiều hình tướng, nuốt chửng âm thanh của y.

"Let the magician stand in watery mist, free of the running stream. Some outlines dim appear. He sees a little distance on the Path. Flickers of light break through the clouds of mist and fog. He hears his voice; its note is clearer and more true. The forms of other pilgrims can be seen. Behind him is the sea. Beneath his feet is seen the stream. Around him mist and fog. Above his head no sky is seen nor sun.

"Hãy để nhà huyền thuật đứng trong sương nước, thoát khỏi dòng chảy đang tuôn. Một vài đường nét mờ nhạt xuất hiện. Y thấy được một khoảng ngắn trên Đường Đạo. Những tia sáng lập lòe xuyên qua các đám mây sương mù và hơi mù. Y nghe tiếng nói của mình; âm điệu của nó rõ hơn và chân thật hơn. Có thể thấy các hình tướng của những người hành hương khác. Phía sau y là biển cả. Dưới chân y là dòng chảy. Quanh y là sương mù và hơi mù. Trên đầu y không thấy bầu trời cũng không thấy mặt trời.

"Let the magician stand on higher ground, but in the rain. The drops pour down upon him; the thunder breaks; the lightning flashes in the sky. But as the rain pours down, [617] it dissipates the mist, it washes clean the form and clears the atmosphere.

"Hãy để nhà huyền thuật đứng trên vùng đất cao hơn, nhưng trong mưa. Những giọt mưa đổ xuống trên y; sấm nổ; chớp lóe trên bầu trời. Nhưng khi mưa đổ xuống, [617] nó làm tiêu tan sương mù, rửa sạch hình tướng và làm trong bầu khí quyển.

"Thus forms are seen and sounds are heard, though dim as yet, for loud the thunder roars and heavy is the sound of failing rain. But now the sky is seen; the sun breaks forth and in between the drifting clouds, expanses of the blue of heaven cheer the tired eyes of the disciple.

"Như thế các hình tướng được thấy và các âm thanh được nghe, dù vẫn còn mờ nhạt, vì tiếng sấm gầm vang và âm thanh của mưa rơi nặng nề. Nhưng giờ đây bầu trời được thấy; mặt trời ló dạng, và giữa những đám mây trôi dạt, các khoảng trời xanh làm vui đôi mắt mệt mỏi của người đệ tử.

"Let the magician stand upon the mountain top. Beneath him in the valleys and the plains, water and streams and clouds are seen. Above him is the blue of heaven, the

"Hãy để nhà huyền thuật đứng trên đỉnh núi. Bên dưới y, trong các thung lũng và đồng bằng, nước, dòng suối và mây được thấy. Trên y là bầu trời xanh, ánh rạng của

radiance of the rising sun, the pureness of the mountain air. Each sound is clear. The silence speaks with sound."

mặt trời đang mọc, sự tinh khiết của không khí núi cao. Mỗi âm thanh đều rõ ràng. Im lặng nói bằng âm thanh."

Then come the highly significant phrases which give the picture of the consummation:

Sau đó đến những cụm từ hết sức có ý nghĩa, đưa ra bức tranh về sự viên mãn:

"Let the magician stand within the sun, looking from thence upon the ball of earth. From that high point of peace serene let him sound forth the words that will create the forms, build worlds and universes and give his life to that which he has made. Let him project the forms created on the mountain top in such a way that they can cleave the clouds which circle round the ball of earth, and carry light and power. These shall dispel the veil of forms which hide the true abode of earth from the eye of the beholder."

"Hãy để nhà huyền thuật đứng trong mặt trời, từ đó nhìn xuống quả cầu Trái Đất. Từ điểm cao của sự an bình tĩnh lặng ấy, hãy để y xướng ra những lời sẽ tạo nên các hình tướng, xây dựng các thế giới và các vũ trụ, và trao sự sống của mình cho điều y đã làm ra. Hãy để y phóng chiếu các hình tướng được tạo ra trên đỉnh núi theo cách để chúng có thể xẻ đôi các đám mây bao quanh quả cầu Trái Đất, và mang ánh sáng cùng quyền năng. Những điều này sẽ xua tan tấm màn hình tướng che giấu trú xứ chân thật của Trái Đất khỏi mắt người quan sát."

Such is the end of the magical work. It involves the discovery that the astral plane and the astral light so-called are but the cinematographs created by man himself. What man has created he can also destroy.

Đó là sự kết thúc của công việc huyền thuật. Nó bao hàm sự khám phá rằng cõi cảm dục và cái gọi là ánh sáng cảm dục chỉ là những hình ảnh điện ảnh do chính con người tạo ra. Điều con người đã tạo ra, y cũng có thể phá hủy.

More as to the magical work I may not at this time give. The words that blend may not under any circumstances be given except under the oath of secrecy which governs automatically the pledged disciple; these oaths are given to no man but are rendered by the aspirant to his own soul when that soul has conveyed to him the words. He finds them for himself as the result of tireless effort and endeavour. He knows that these formulas are the prerogative of all souls and can only be known and safely used by those who have realised the Self as One. He therefore pledges himself never to reveal these [618] words to any one who is not

Về công việc huyền thuật, lúc này tôi không thể trao thêm. Những lời hòa trộn không thể, trong bất cứ hoàn cảnh nào, được trao ra ngoại trừ dưới lời thệ nguyện giữ bí mật, vốn tự động chi phối người đệ tử đã cam kết; những lời thệ nguyện này không được trao cho bất cứ ai, mà do người chí nguyện dâng lên linh hồn của chính mình khi linh hồn ấy đã truyền cho y những lời đó. Y tự mình tìm thấy chúng như kết quả của nỗ lực và cố gắng không mệt mỏi. Y biết rằng những công thức này là đặc quyền của mọi linh hồn, và chỉ có thể được biết cùng sử dụng an toàn bởi những ai đã chứng nghiệm Bản Ngã như Một. Vì vậy, y tự cam kết không bao giờ

functioning as a soul or who is wandering blinded in the vale of illusion. From this automatic response to knowledge by the knowers of the race, the Hierarchy of Adepts has gathered its personnel.

tiết lộ những [618] lời này cho bất cứ ai không hoạt động như một linh hồn, hoặc đang lang thang mù lòa trong thung lũng ảo tưởng. Từ sự đáp ứng tự động này đối với tri thức bởi những thức giả của nhân loại, Thánh Đoàn Chân Sư đã quy tụ nhân sự của mình.

A Call to Service— Một Lời Kêu Gọi Phụng Sự

In closing this treatise on the magical work of the individual aspirant I seek to do two things:

Khi khép lại khảo luận này về công việc huyền thuật của người chí nguyện cá nhân, tôi tìm cách làm hai việc:

1. Indicate the immediate goal for students in this century, and summarise time steps that they must take.

1. Chỉ ra mục tiêu trước mắt cho các đạo sinh trong thế kỷ này, và tóm lược các bước theo thời gian mà họ phải thực hiện.

2. Indicate the things which must be eliminated and overcome and the penalties which overtake the probationer and the disciple when mistakes are made and faults are condoned.

2. Chỉ ra những điều phải được loại bỏ và khắc phục, cùng các hình phạt giáng xuống người dự bị và đệ tử khi sai lầm được phạm phải và lỗi lầm được dung túng.

First of all, the immediate goal must be well recognised, if lost effort is to be avoided and real progress achieved. Many well-intentioned aspirants are prone to give undue time to their registered aspirations, and to the formulation of their plans for service. The world aspiration is now so strong and humanity is now so potently orienting itself towards the Path that sensitive people everywhere are being swept into a vortex of spiritual desire, and ardently long for the life of liberation, of spiritual undertakings and of recorded soul consciousness. Their recognition of their own latent possibilities is now so strong that they over-estimate themselves; they give much time to picturing themselves as the ideal mystic or in deploring their lack of spiritual achievement or their failure to achieve a sphere of service. Thus they

Trước hết, mục tiêu trước mắt phải được nhận biết rõ ràng, nếu muốn tránh nỗ lực lãng phí và đạt được tiến bộ thật sự. Nhiều người chí nguyện có thiện ý dễ dành quá nhiều thời gian cho những khát vọng mà họ ghi nhận, và cho việc hình thành các kế hoạch phụng sự của họ. Khát vọng thế giới hiện nay mạnh mẽ đến mức, và nhân loại hiện nay đang định hướng một cách đầy quyền năng về phía Đường Đạo đến mức, những người nhạy cảm ở khắp nơi đang bị cuốn vào một xoáy lốc của ham muốn tinh thần, và tha thiết khao khát đời sống giải thoát, các công cuộc tinh thần và tâm thức linh hồn được ghi nhận. Sự nhận biết của họ về các khả năng tiềm tàng của chính mình hiện nay mạnh đến mức họ đánh giá quá cao bản thân; họ dành nhiều thời gian để hình dung mình là nhà thần bí lý tưởng, hoặc than tiếc sự thiếu thành tựu tinh thần của

become lost, on the one hand, in the vague and misty realms of a beautiful idealism, of colourful hypotheses, and of delightful theories; on the other hand, they become engulfed in a dramatisation of themselves as centres of power in a field of fruitful service; they [619] draw up, mentally, plans for world endeavour to see themselves as the pivotal point around which that service will move; they frequently make an effort to work out these plans and produce an organisation, for instance on the physical plane, which is potentially valuable but equally potentially useless, even if not dangerous. They fail to realise that the motivating impulse is primarily due to what the Hindu teachers call a "sense of I-ness", and that their work is founded on a subjective egoism which must—and will—be eliminated before true service can be rendered.

mình, hay sự thất bại trong việc đạt được một lĩnh vực phụng sự. Như thế, một mặt, họ lạc mất trong những cõi mơ hồ và đầy sương mù của một chủ nghĩa lý tưởng đẹp đẽ, của các giả thuyết nhiều màu sắc và các lý thuyết thú vị; mặt khác, họ bị chìm ngập trong sự kịch tính hóa chính mình như những trung tâm quyền năng trong một lĩnh vực phụng sự phong phú; họ [619] vạch ra, trong trí, các kế hoạch cho nỗ lực thế giới để thấy mình là điểm then chốt quanh đó sự phụng sự ấy sẽ vận hành; họ thường cố gắng thực hiện các kế hoạch này và tạo ra một tổ chức, chẳng hạn trên cõi hồng trần, vốn có tiềm năng giá trị nhưng cũng có tiềm năng vô dụng, thậm chí nguy hiểm. Họ không nhận ra rằng xung lực thúc đẩy trước hết là do điều mà các huấn sư Ấn Độ gọi là "ý thức về cái tôi", và công việc của họ đặt nền trên một chủ nghĩa vị kỷ chủ quan, điều phải — và sẽ — bị loại bỏ trước khi sự phụng sự chân chính có thể được thực hiện.

This tendency to aspiration and to service is right and good and should be seen as forming part of the coming universal consciousness and equipment of the race as a whole. It is steadily coming to the surface owing to the growing strength of the Aquarian influence which (from about the year A.D. 1640) has been gaining in potency and is producing two effects: it is breaking down the crystallised old forms of the Piscean age, and is stimulating the creative faculties, as they express themselves in group concepts, and group plans. As all of you well know, this is the cause of the present disturbed conditions, and these conditions can be summed up in the words: *impersonalisation* wherein the state, group or groups are regarded as of more importance than the individual and his rights; *amalgamation*, which is the tendency to fuse, blend, and cohere and to produce that interrelation which must eventually

Khuynh hướng hướng tới khát vọng và phụng sự này là đúng và tốt, và nên được nhìn như hình thành một phần của tâm thức phổ quát đang đến cùng trang bị của toàn thể nhân loại. Nó đang liên tục trồi lên bề mặt nhờ sức mạnh ngày càng tăng của ảnh hưởng Bảo Bình, vốn từ khoảng năm 1640 sau Công nguyên đã gia tăng quyền năng và đang tạo ra hai hiệu quả: nó phá vỡ các hình tướng cũ đã kết tinh của Kỷ Nguyên Song Ngư, và kích thích các năng lực sáng tạo khi chúng biểu lộ trong các khái niệm nhóm và kế hoạch nhóm. Như tất cả các bạn đều biết rõ, đây là nguyên nhân của những tình trạng rối loạn hiện nay, và các tình trạng này có thể được tóm lược trong những từ: *phi cá nhân hóa*, trong đó nhà nước, nhóm hay các nhóm được xem là quan trọng hơn cá nhân và các quyền của y; *hợp nhất hóa*, tức khuynh hướng dung hợp, hòa trộn và cố kết, đồng thời tạo ra mối tương liên cuối cùng phải đánh dấu sự giao tiếp của

mark the intercourse of humanity and produce that "synthesis of all the single men", which Browning so truly remarks is the goal of the evolutionary process and marks the conclusion of the journey of the divine prodigal; and sensitive *intercommunication* between units, groups and combinations of groups, both on the subjective and objective sides of manifestation. In these three words—impersonalisation, amalgamation, and intercommunication—you [620] have summed up for you the outstanding phenomena which are appearing among us at this time. Students are urged to consider the plan as it is thus expressing itself, and to study these growing tendencies in human affairs. The fact that they are so prominent will appear, if the student will take the trouble to consider the panorama of history; he will then note that even the history of five hundred years ago will reveal to him the fact that at that time great individuals were the prominent factors, and that history is concerned largely with the doings of powerful personalities who cast their spell over their time and age; then isolation and separateness governed human affairs and every man fought for his own land and every man forgot his brother and lived selfishly; then there was little interrelation between different races or between human families, and there was no real means of communication, except that of personal contact, which was frequently impossible.

nhân loại và tạo nên "sự tổng hợp của mọi con người riêng lẻ", điều mà Browning đã nhận xét rất đúng là mục tiêu của tiến trình tiến hoá và đánh dấu kết thúc cuộc hành trình của người con hoang đàng thiêng liêng; và *giao thông liên lạc* nhạy bén giữa các đơn vị, các nhóm và các tổ hợp nhóm, trên cả hai mặt chủ quan và khách quan của sự biểu hiện. Trong ba từ này — phi cá nhân hóa, hợp nhất hóa và giao thông liên lạc — các bạn [620] có phần tóm lược những hiện tượng nổi bật đang xuất hiện giữa chúng ta vào lúc này. Các đạo sinh được thúc giục hãy xem xét Thiên Cơ như nó đang tự biểu lộ như vậy, và nghiên cứu những khuynh hướng đang tăng trưởng này trong các sự vụ của nhân loại. Sự kiện chúng nổi bật đến thế sẽ hiện ra nếu đạo sinh chịu khó xem xét toàn cảnh lịch sử; khi ấy y sẽ ghi nhận rằng ngay cả lịch sử năm trăm năm trước cũng sẽ tiết lộ cho y sự kiện rằng vào thời ấy, các cá nhân vĩ đại là những yếu tố nổi bật, và lịch sử phần lớn quan tâm đến hành động của những phàm ngã quyền lực, những người đã phủ sức hấp dẫn của họ lên thời đại của mình; khi ấy sự cô lập và chia rẽ chi phối các sự vụ nhân loại, mỗi người chiến đấu cho vùng đất của riêng mình, mỗi người quên huynh đệ mình và sống ích kỷ; khi ấy có rất ít tương liên giữa các giống dân khác nhau hoặc giữa các gia đình nhân loại, và không có phương tiện giao tiếp thật sự nào ngoài tiếp xúc cá nhân, điều thường khi là không thể.

Students should therefore ponder on these words which will be found to become of increasing importance during the next fifty years. This is far enough ahead for the average student to look and to plan, and in their recognition of this phase of the working out of the divine Purpose, they would do well to study their individual life

Do đó, các đạo sinh nên suy ngẫm về những lời này, vốn sẽ được thấy là ngày càng quan trọng trong năm mươi năm tới. Đây là khoảng đủ xa phía trước để đạo sinh trung bình nhìn và hoạch định; và trong sự nhận biết của họ về giai đoạn này của việc thực thi Thiên Ý, họ nên nghiên cứu biểu hiện đời

expression and to ask themselves the following questions:

sống cá nhân của mình và tự hỏi những câu hỏi sau:

1. Are they wasting time in mystical dreams, or are they occupied in a practical application of the sensed spiritual truths, thus making them part of their daily experience?

1. Họ có đang lãng phí thời gian trong những giấc mơ thần bí, hay đang bận rộn với việc áp dụng thực tiễn các chân lý tinh thần đã cảm nhận, nhờ đó biến chúng thành một phần trong kinh nghiệm hằng ngày của mình?

2. Do they find that their reaction to the growing impersonality of the age is one of resentment, or do they find that this relatively new attitude of personal detachment is tending to solve their own personal problems? [621]

2. Họ có thấy rằng phản ứng của mình trước tính phi cá nhân ngày càng tăng của thời đại là sự oán giận, hay họ thấy rằng thái độ tương đối mới này của sự tách rời cá nhân đang có khuynh hướng giải quyết các vấn đề cá nhân của chính họ? [621]

3. Can they register an increasing ability to sense the thoughts and ideas of others, and do they find that they are becoming more sensitive and therefore more able to swing into the great tide of intercommunication?

3. Họ có thể ghi nhận một khả năng ngày càng tăng trong việc cảm nhận tư tưởng và ý tưởng của người khác, và họ có thấy rằng mình đang trở nên nhạy cảm hơn, do đó có khả năng hơn để hòa vào làn sóng lớn của giao thông liên lạc hay không?

4. How much is the faculty of dramatisation governing their daily life? Do they find that they are the centre of the universe, which revolves automatically around them, or are they working at the problem of decentralising themselves and at absorption in the whole?

4. Năng lực kịch tính hóa đang chi phối đời sống hằng ngày của họ đến mức nào? Họ có thấy rằng mình là trung tâm của vũ trụ, vũ trụ ấy tự động xoay quanh họ, hay họ đang làm việc với vấn đề thôi lấy bản thân làm trung tâm và hòa mình vào toàn thể?

These and other questions which will arise may serve to indicate the responsiveness of the aspirant to the coming in of the new age.

Những câu hỏi này và những câu hỏi khác sẽ nảy sinh có thể dùng để chỉ ra khả năng đáp ứng của người chí nguyện đối với sự đi vào của kỷ nguyên mới.

In this treatise on individual development and on astral control, a vision has been given and a rule of life expounded which holds in it the needed instruction for the interlude between the two great ages—the Piscean and the Aquarian. A part of the underlying purpose has been expressed in words—a

Trong khảo luận này về sự phát triển cá nhân và về việc kiểm soát cõi cảm dục, một tầm nhìn đã được trao và một quy luật sống đã được giảng giải, trong đó chứa đựng giáo huấn cần thiết cho khoảng chuyển tiếp giữa hai thời đại lớn—Song Ngư và Bảo Bình. Một phần của mục đích nền tảng đã được diễn

purpose which is recognised by many all over the world and which is working out in practically every department of human life. It is subconsciously registered and intuitively followed by many who know nothing of the technicalities of the plan. Those who guide the human race are not particularly concerned as to the success of the emerging new conditions. That is most definitely assured, and the growth of human realisation and of the spiritual consciousness of non-separateness cannot be arrested. The problem is what means to continue to employ to bring these desired ends about in such a way that the form nature can be keyed up and prepared to handle its new responsibilities, and deal with its new knowledges without undue suffering and those painful cleavages and hours of agony which attract more attention than the more subtle and [622] successful growth of divine awareness. Every time there is a tendency towards synthesis and understanding in the world, every time the lesser is merged in the greater and the unit is blended in the whole, every time great and universal concepts make their impact upon the minds of the masses, there is a subsequent disaster and cataclysm and breaking down of the form aspect and of that which might prevent those concepts becoming physical plane facts. This is therefore the problem of the hierarchical workers: —how to avert the dreaded suffering and carry man along whilst the tidal wave of this spiritual realisation sweeps over the world and does its needed work. Hence the present call to service which is sounding like a trumpet in the ear of all attentive disciples.

đạt thành lời—một mục đích được nhiều người khắp thế giới nhận ra và đang thành tựu trong hầu như mọi ngành của đời sống nhân loại. Mục đích ấy được nhiều người ghi nhận trong tiềm thức và noi theo bằng trực giác, dù họ không biết gì về các chi tiết kỹ thuật của Thiên Cơ. Những Đấng hướng dẫn nhân loại không đặc biệt bận tâm về sự thành công của các điều kiện mới đang xuất hiện. Điều đó chắc chắn tuyệt đối, và sự tăng trưởng trong nhận biết của nhân loại cùng tâm thức tinh thần về tính bất phân ly không thể bị ngăn lại. Vấn đề là cần tiếp tục dùng những phương tiện nào để đem lại các mục tiêu mong muốn ấy theo cách khiến bản chất hình tướng có thể được nâng đúng âm điệu và chuẩn bị để đảm nhận các trách nhiệm mới, cũng như xử lý các tri thức mới của nó mà không chịu đau khổ quá mức, không trải qua những chia rẽ đau đớn và những giờ phút thống khổ vốn thu hút nhiều chú ý hơn sự tăng trưởng tinh tế hơn và [622] thành công hơn của nhận thức thiêng liêng. Mỗi khi có một khuynh hướng hướng tới sự tổng hợp và thấu hiểu trong thế giới, mỗi khi cái nhỏ hơn được hòa nhập vào cái lớn hơn và đơn vị được hòa vào toàn thể, mỗi khi những quan niệm lớn lao và phổ quát tác động vào trí tuệ của quần chúng, thì sau đó có tai họa, biến động và sự tan vỡ của phương diện hình tướng cùng những gì có thể ngăn các quan niệm ấy trở thành sự kiện trên cõi hồng trần. Do đó, đây là vấn đề của các người hoạt động thuộc Thánh Đoàn: làm thế nào để ngăn ngừa sự đau khổ đáng sợ và đưa con người tiến tới trong khi làn sóng thủy triều của sự nhận biết tinh thần này quét qua thế giới và thực hiện công việc cần thiết của nó. Vì thế, lời kêu gọi phụng sự hiện nay đang vang lên như tiếng kèn trong tai mọi đệ tử chú tâm.

This call to service usually meets with a response, but that response is coloured by the personality of the aspirant and tinctured

Lời kêu gọi phụng sự này thường gặp sự đáp ứng, nhưng sự đáp ứng ấy bị nhuộm màu bởi phàm ngã của người chí nguyện và bị pha

with his pride, and his ambition. Need is truly realised. The desire to meet the need is genuine and sincere; the longing to serve and lift is real. Steps are taken which are intended by the aspirant to enable him to fit in with the plan. But the trouble with which we on the inner side have perforce to deal is, that though there is no question as to willingness and desire to serve, the characters and temperaments are such that well nigh insuperable difficulties are presented. Through these aspirants we have to work, and the material they present gives us much trouble frequently.

lẫn với lòng kiêu hãnh cùng tham vọng của y. Nhu cầu thật sự được nhận biết. Ước muốn đáp ứng nhu cầu là chân thật và thành tâm; niềm khao khát phụng sự và nâng đỡ là có thật. Người chí nguyện thực hiện những bước đi mà y cho là sẽ giúp y hòa hợp với Thiên Cơ. Nhưng khó khăn mà chúng tôi ở phía bên trong buộc phải xử lý là: dù không hề nghi ngờ về thiện chí và ước muốn phụng sự, tính cách và khí chất của họ lại tạo ra những khó khăn gần như không thể vượt qua. Chúng tôi phải làm việc qua các người chí nguyện này, và chất liệu mà họ đưa ra thường gây cho chúng tôi nhiều phiền toái.

These latent characteristics often do not make their appearance until after the service has been undertaken. That they are there, the watching guides may suspect, but even they have not the right to withhold opportunity. When there is this delayed appearance the tragedy is that many others suffer besides the aspirant concerned. As the human fabric makes itself felt and stands out of the mist of idealism, of lovely plans and much talk and arranging, many are in the meantime attracted by synchronous [623] idealism, and gather around the server. When the hidden weaknesses appear, they suffer as well as he. The method of the Great Ones, which is to seek out those who have trained themselves somewhat in sensitive response and to work through them, carries with it certain dangers. The ordinary well-meaning aspirant is not in such danger as the more advanced and active disciple. He is in danger in three directions and can be swept off his feet in three ways:

Những đặc tính tiềm ẩn này thường chỉ xuất hiện sau khi công việc phụng sự đã được đảm nhận. Các vị hướng dẫn đang quan sát có thể nghi ngờ rằng chúng hiện hữu, nhưng ngay cả Các Ngài cũng không có quyền từ chối cơ hội. Khi sự xuất hiện ấy bị trì hoãn, bi kịch là ngoài người chí nguyện liên hệ, nhiều người khác cũng phải chịu khổ. Khi kết cấu nhân loại tự bộc lộ và nổi bật khỏi làn sương mù của chủ nghĩa lý tưởng, của các kế hoạch đẹp đẽ, của nhiều lời nói và sắp đặt, thì trong lúc ấy nhiều người bị thu hút bởi [623] chủ nghĩa lý tưởng đồng nhịp và tụ họp quanh người phụng sự. Khi các yếu điểm ẩn giấu xuất hiện, họ cũng chịu khổ như y. Phương pháp của Các Đấng Cao Cả—tức là tìm ra những người đã phần nào tự rèn luyện trong sự đáp ứng nhạy bén và làm việc qua họ—mang theo những nguy cơ nhất định. Người chí nguyện bình thường, có thiện chí, không ở trong nguy hiểm nhiều như đệ tử tiến bộ và hoạt động hơn. Y gặp nguy hiểm theo ba hướng và có thể bị cuốn bật khỏi chỗ đứng của mình theo ba cách:

1. His whole nature is under undue stimulation on account of his inner contacts and the spiritual forces with which he is in touch, and this carries with it real danger,

1. Toàn bộ bản chất của y bị kích thích quá mức do các tiếp xúc bên trong và các mãnh lực tinh thần mà y đang liên hệ, và điều này mang theo nguy hiểm thật sự, vì y hầu như

for he hardly knows as yet how to handle himself, and is scarcely aware of the risk entailed.

chưa biết cách xử lý chính mình và hầu như chưa nhận thức được nguy cơ kéo theo.

2. The people with whom he is working, in their turn, make his problem. Their greed, their adulation, and praise, and their criticism tend to becloud his way. Because he is not sufficiently detached and spiritually advanced, he walks bemused in a cloud of thought-forms, and knows it not. Thus he loses his way and wanders from the original intent and again he knows it not.

2. Những người mà y đang làm việc cùng, đến lượt họ, lại tạo nên vấn đề của y. Lòng tham, sự tôn sùng và khen ngợi, cũng như sự chỉ trích của họ có khuynh hướng làm mờ lối đi của y. Vì y chưa đủ tách rời và chưa tiến bộ về mặt tinh thần, y bước đi trong mê hoặc giữa một đám mây các hình tư tưởng mà không hay biết. Như thế y lạc đường, rời khỏi ý định ban đầu, và một lần nữa y không hay biết.

3. His latent weaknesses must emerge under the pressure of the work, and inevitably he will show signs of cracking at times, if I may use such a word. The personality faults become strengthened as he seeks to carry his particular form of service to the world. I refer to that service which is self-sought and formulated on a background of personal ambition and love of power, even if only partially recognised or not recognised at all. He is under strain naturally, and—like a man carrying a heavy load up a steep hill—he discovers points of strain, and evinces a tendency to break [624] down physically, or to lower his ideal so as to conform to weaknesses.

3. Các yếu điểm tiềm ẩn của y phải xuất hiện dưới áp lực của công việc, và tất yếu đôi khi y sẽ cho thấy dấu hiệu rạn nứt, nếu tôi có thể dùng từ ấy. Những lỗi lầm của phàm ngã trở nên mạnh hơn khi y tìm cách đem hình thức phụng sự riêng của mình đến với thế giới. Tôi đang nói đến loại phụng sự do tự mình tìm kiếm và được hình thành trên nền tảng của tham vọng cá nhân và lòng yêu quyền lực, dù điều ấy chỉ được nhận ra một phần hoặc hoàn toàn không được nhận ra. Tự nhiên y ở dưới sức căng, và—giống như một người mang gánh nặng lên một ngọn đồi dốc—y phát hiện các điểm căng thẳng và bộc lộ khuynh hướng suy [624] sụp về thể xác, hoặc hạ thấp lý tưởng của mình để phù hợp với các yếu điểm.

To all this must be added the strain of the period itself, and the general condition of unhappy humanity. This subconsciously has its effect on all disciples, and upon all who are now working in the world. Some are showing signs of physical pressure, though the inner life remains poised and normal, sane and rightly oriented. Others are breaking up emotionally and this produces two effects according to the point of development of the aspirant to service. He is

Vào tất cả những điều này phải thêm sức căng của chính thời kỳ hiện nay, và tình trạng chung của nhân loại bất hạnh. Điều này tác động trong tiềm thức đến mọi đệ tử và đến tất cả những ai hiện đang hoạt động trong thế giới. Một số người cho thấy dấu hiệu áp lực trên thể xác, dù đời sống bên trong vẫn quân bình, bình thường, lành mạnh và được định hướng đúng. Những người khác đang tan vỡ về mặt cảm xúc, và điều này tạo ra hai kết quả tùy theo điểm

either, through the strain, learning detachment, and this curiously enough is what might be called the "defense mechanism" of the soul in this present period of world unfoldment, or he is becoming increasingly nervous and is on the way to become a neurotic. Others, again, are feeling the pressure in the mental body. They become bewildered in some cases and no clear truth appears. They then work on without inspiration, and because they know it to be right and they also have the rhythm of work. Others are grasping opportunity as they see it and, to do so, fall back on innate self-assertion (which is the outstanding fault of the mental types) and build up a structure around their service, and construct a form which in reality embodies what they desire, what they think to be right, but which is separative and the child of their minds and not the child of their souls. Some, in their turn, more potent and more coordinated, feel the pressure of the entire personality; the versatile psychic nature responds both to need and to the theory of the plan; they realise their truly valuable assets and know they have somewhat to contribute. They are still, however, so full of what is called *personality* that their service is gradually and steadily stepped down to the level of that personality, and is consequently coloured by their personality reactions, their likes and dislikes, [625] and their individual life tendencies and habits. These eventually assert themselves and there is then a worker, doing good work but spoiling it all by this unrealised separateness and individual methods. This means that such a worker gathers to himself only those whom he can subordinate and govern. His group is not coloured by the impulses of the new age, but by the separative instincts of the worker at the centre. The danger here is so subtle that much care must be taken by a disciple in

phát triển của người chí nguyện phụng sự. Hoặc do sức căng, y đang học sự tách rời—và điều này, lạ thay, có thể được gọi là "cơ chế phòng vệ" của linh hồn trong thời kỳ khai mở hiện nay của thế giới—hoặc y ngày càng trở nên căng thẳng thần kinh và đang trên đường thành người loạn thần kinh. Lại có những người khác cảm thấy áp lực trong thể trí. Trong vài trường hợp, họ trở nên hoang mang và không thấy chân lý rõ ràng nào. Khi ấy họ tiếp tục làm việc mà không có cảm hứng, bởi vì họ biết đó là điều đúng, và cũng vì họ có nhịp điệu của công việc. Những người khác nắm lấy cơ hội như họ thấy, và để làm như vậy, họ dựa vào sự tự khẳng định bẩm sinh, vốn là lỗi nổi bật của các loại trí tuệ, rồi dựng lên một cấu trúc quanh công việc phụng sự của họ, kiến tạo một hình tướng mà trong thực tế hiện thân cho điều họ mong muốn, điều họ cho là đúng, nhưng lại có tính chia rẽ và là đứa con của thể trí họ, chứ không phải đứa con của linh hồn họ. Đến lượt một số người khác, mạnh mẽ hơn và phối hợp hơn, cảm thấy áp lực của toàn bộ phàm ngã; bản chất thông linh linh hoạt đáp ứng cả nhu cầu lẫn lý thuyết của Thiên Cơ; họ nhận biết những ưu điểm thật sự quý giá của mình và biết rằng họ có điều gì đó để đóng góp. Tuy nhiên, họ vẫn còn quá đầy cái gọi là *phàm ngã* đến nỗi công việc phụng sự của họ dần dần và đều đặn bị hạ xuống cấp độ của phàm ngã ấy, và vì thế bị nhuộm màu bởi các phản ứng phàm ngã, các điều họ thích và không thích, [625] cùng các khuynh hướng và thói quen của đời sống cá nhân. Cuối cùng những điều này tự khẳng định, và khi ấy có một người hoạt động đang làm công việc tốt nhưng làm hỏng tất cả bởi sự phân ly không được nhận biết này và bởi các phương pháp cá nhân. Điều đó có nghĩa là người hoạt động ấy chỉ thu hút về mình những ai y có thể đặt dưới quyền và cai quản. Nhóm của y không được nhuộm màu bởi các xung lực của kỷ nguyên mới, mà bởi các bản năng chia rẽ của người hoạt động ở

self-analysis. It is so easy to be glamoured by the beauty of one's own ideals and vision, and by the supposed rectitude of one's own position, and yet all the time be influenced subjectively by love of personal power, individual ambition, jealousy of other workers, and the many traps which catch the feet of the unwary disciple.

trung tâm. Nguy cơ ở đây tinh vi đến mức đệ tử phải hết sức cẩn trọng trong việc tự phân tích. Rất dễ bị ảo cảm bởi vẻ đẹp của các lý tưởng và tầm nhìn của chính mình, bởi tính đúng đắn giả định của lập trường riêng mình, trong khi suốt thời gian đó vẫn bị ảnh hưởng một cách chủ quan bởi lòng yêu quyền lực cá nhân, tham vọng cá nhân, sự ganh tị với các người hoạt động khác, và nhiều cạm bẫy bắt lấy đôi chân của đệ tử thiếu cảnh giác.

But if true impersonality is cultivated, if the power to stand steady is developed, if every situation is handled in a spirit of love and if there is a refusal to take hasty action and to permit separation to creep in, then there will be the growth of a group of true servers, and the gathering out of those who can materialise the plan and bring to birth the new age and its attendant wonders.

Nhưng nếu sự vô ngã chân thật được vun trồng, nếu năng lực đứng vững được phát triển, nếu mọi tình huống được xử lý trong tinh thần bác ái, và nếu có sự từ chối hành động vội vàng cũng như từ chối cho phép sự chia rẽ len vào, thì sẽ có sự tăng trưởng của một nhóm những người phụng sự chân thật, và sự quy tụ những người có thể hiện hình Thiên Cơ, khai sinh kỷ nguyên mới cùng các kỳ diệu đi kèm của nó.

To do this, there must be courage of the rarest kind. Fear holds the world in thrall, and no one is exempt from its influence. For the aspirant and for the disciple are two kinds of fear which require to be especially considered. The fears that we dealt with in the earlier part of the treatise, and the fears that are inherent, as you know, in existence itself are familiar to all of us. They have their root in the instinctual nature (economic fears, fears arising out of the sex life, physical fear and terror, fear of the unknown, with that dominating fear of death which colours so many lives) and have been the subject of much psychological investigation. With them I do not seek to deal. They are to be overcome by the life of the soul as it permeates and transforms the daily life, [626] and by the refusal of the aspirant to accord them any recognition. The first method builds towards future

Để làm được điều này, cần có lòng can đảm thuộc loại hiếm hoi nhất. Sợ hãi đang giam giữ thế giới, và không ai được miễn khỏi ảnh hưởng của nó. Đối với người chí nguyện và đệ tử, có hai loại sợ hãi cần được đặc biệt xem xét. Những nỗi sợ mà chúng ta đã bàn ở phần trước của khảo luận, và những nỗi sợ vốn có trong chính sự hiện hữu, như các bạn biết, đều quen thuộc với tất cả chúng ta. Chúng bắt rễ trong bản chất bản năng: các nỗi sợ kinh tế, các nỗi sợ phát sinh từ đời sống tính dục, sợ hãi và kinh hoàng về thể xác, sợ điều chưa biết, cùng nỗi sợ chết chi phối và nhuộm màu rất nhiều đời sống; và chúng đã là đề tài của nhiều cuộc nghiên cứu tâm lý. Tôi không tìm cách bàn đến chúng ở đây. Chúng phải được vượt qua bằng đời sống của linh hồn khi đời sống ấy thấm nhuần và chuyển đổi đời sống hằng ngày, [626] và bằng việc người chí nguyện từ chối dành cho chúng bất kỳ sự công nhận nào.

strength of character, and prevents the coming in of any new fears. They cannot exist when the soul is consciously controlling life and its situations. The second negatives the old thought forms and brings about eventually their destruction through lack of nourishment. A dual process is therefore carried forward, producing a genuine manifestation of the qualities of the spiritual man and a growing freedom from the thralldom of age-old fear concepts. The student finds himself becoming steadily detached from the prime governing instincts which have hitherto served to weld him into the general scheme of the elementary planetary life. It might be valuable here to point out that all the major instincts have their roots in that peculiar quality of the planetary life, —fear reactions, leading to activity of some kind. As you know the psychologists list five main and dominant instincts, and we will very briefly touch upon them.

Phương pháp thứ nhất xây dựng sức mạnh tính cách trong tương lai và ngăn không cho bất kỳ nỗi sợ mới nào đi vào. Chúng không thể tồn tại khi linh hồn có ý thức kiểm soát đời sống và các tình huống của nó. Phương pháp thứ hai phủ định các hình tư tưởng cũ và cuối cùng đem lại sự hủy diệt chúng do thiếu nuôi dưỡng. Vì thế một tiến trình kép được tiến hành, tạo ra sự biểu lộ chân thật các phẩm tính của con người tinh thần và một sự tự do ngày càng tăng khỏi ách nô lệ của các quan niệm sợ hãi lâu đời. Đạo sinh thấy mình dần dần tách rời khỏi các bản năng cai quản sơ khởi, vốn cho đến nay đã dùng để gắn kết y vào hệ thống chung của đời sống hành tinh sơ khai. Ở đây có thể hữu ích khi chỉ ra rằng tất cả các bản năng chính đều có gốc rễ trong phẩm tính đặc thù ấy của đời sống hành tinh—các phản ứng sợ hãi dẫn đến một loại hoạt động nào đó. Như các bạn biết, các nhà tâm lý học liệt kê năm bản năng chính và chi phối, và chúng ta sẽ đề cập rất vắn tắt đến chúng.

The instinct of self-preservation has its roots in an innate fear of death; through the presence of this fear, the race has fought its way to its present point of longevity and endurance. The sciences which concern themselves with the preservation of life, the medical knowledge of the day, and the achievements of civilised comfort have all grown out of this basic fear. All has tended to the persistence of the individual, and to his preserved condition of being. Humanity persists, as a race and as a kingdom in nature, as a result of this fear tendency, this instinctual reaction of the human unit to self-perpetuation.

Bản năng tự bảo tồn có gốc rễ trong nỗi sợ chết bẩm sinh; nhờ sự hiện diện của nỗi sợ này, nhân loại đã chiến đấu để đạt đến điểm trường thọ và sức chịu đựng hiện nay. Các ngành khoa học liên quan đến việc bảo tồn sự sống, tri thức y học ngày nay, và các thành tựu của tiện nghi văn minh đều phát triển từ nỗi sợ căn bản này. Tất cả đều hướng đến sự tồn tại bền bỉ của cá nhân và đến tình trạng hiện hữu được bảo tồn của y. Nhân loại tồn tại, như một giống loài và như một giới trong thiên nhiên, nhờ khuynh hướng sợ hãi này, phản ứng bản năng này của đơn vị nhân loại đối với sự tự duy trì.

The instinct of sex has its main root in the fear of separateness and of isolation, and in a revolt against separative unity on the physical plane, against aloneness; and it has

Bản năng tính dục có gốc rễ chính trong nỗi sợ phân ly và cô lập, trong sự nổi loạn chống lại tính hợp nhất chia rẽ trên cõi hồng trần, chống lại sự đơn độc; và nó đã đưa nhân loại

resulted in the carrying forward of the race and [627] the persistence and propagation of the forms through which the race can come into manifestation.

tiếp tục tiến lên, [627] đồng thời duy trì và truyền sinh các hình tướng qua đó nhân loại có thể đi vào biểu hiện.

The herd instinct can easily be seen to have its root in a similar reaction; for the sense of safety and for convinced assured security—based on numerical aggregations—men have always sought their own kind and herded themselves together for defense and for economic stability. Out of this instinctual reaction of the race as a whole, our modern civilisation is the result; its vast centres, its huge cities and its massed tenements have emerged, and we have modern herding, carried to the *n*th degree.

Bản năng bầy đàn có thể dễ dàng thấy là bắt rễ trong một phản ứng tương tự; vì cảm giác an toàn và vì sự bảo đảm chắc chắn—dựa trên các tập hợp đông đảo—con người luôn tìm kiếm đồng loại của mình và tụ họp lại với nhau để phòng vệ và để ổn định kinh tế. Từ phản ứng bản năng này của toàn thể nhân loại, nền văn minh hiện đại của chúng ta đã phát sinh; các trung tâm rộng lớn, các thành phố khổng lồ và những khu nhà ở dày đặc của nó đã xuất hiện, và chúng ta có sự tụ đàn hiện đại, được đẩy đến mức *tột cùng*.

The fourth great instinct, that of *self-assertion*, is also based on fear; it connotes the fear of the individual that he will fail of recognition and thus lose much that would otherwise be his. As time has progressed, the selfishness of the race has thus grown; its sense of acquisitiveness has developed and the power to grasp has emerged (the "will to power" in some form or another) until today we have the intense individualism and the positive sense of importance which have produced much of the modern economic and national troubles. We have fostered self-determination, self-assertion and self-interest until we are presented with a well-nigh insuperable problem. But out of it all, much good has come and will come, for no individual is of value until he realises that value for himself, and then with definiteness sacrifices the acquired values for the good of the whole.

Bản năng lớn thứ tư, tức *sự tự khẳng định*, cũng đặt nền trên sợ hãi; nó hàm ý nỗi sợ của cá nhân rằng y sẽ không được công nhận và do đó mất nhiều điều lẽ ra thuộc về y. Theo dòng thời gian, tính ích kỷ của nhân loại vì thế đã tăng trưởng; ý thức chiếm hữu của nó đã phát triển và năng lực nắm giữ đã xuất hiện, tức "ý chí quyền lực" dưới hình thức này hay hình thức khác, cho đến ngày nay chúng ta có chủ nghĩa cá nhân mãnh liệt và cảm thức tích cực về tầm quan trọng, vốn đã tạo ra nhiều rối ren kinh tế và quốc gia hiện đại. Chúng ta đã nuôi dưỡng sự tự quyết, sự tự khẳng định và lợi ích riêng cho đến khi đối diện với một vấn đề gần như không thể vượt qua. Nhưng từ tất cả điều đó, nhiều điều tốt đẹp đã đến và sẽ đến, vì không cá nhân nào có giá trị cho đến khi y tự nhận ra giá trị ấy cho chính mình, rồi sau đó dứt khoát hiến dâng các giá trị đã đạt được cho lợi ích của toàn thể.

The *instinct to enquire* in its turn is based on fear of the unknown, but out of this fear has emerged—as a result of age-long enquiry—our present educational and cultural

Đến lượt *bản năng tìm hiểu* đặt nền trên nỗi sợ điều chưa biết, nhưng từ nỗi sợ này—như kết quả của sự tìm hiểu qua nhiều thời đại—đã xuất hiện các hệ thống giáo dục và văn

systems and the entire structure of scientific investigation.

hóa hiện nay của chúng ta cùng toàn bộ cấu trúc nghiên cứu khoa học.

These tendencies, based on fear have (because man is divine) acted as a tremendous stimulation of his entire nature, and have carried him forward to his present point [628] of wide comprehension and usefulness; they have produced our modern civilisation with all its defects and yet with all its indicated divinity. Out of these instincts carried forward into infinity, and out of the process of their transmutation into their higher correspondences the full flower of soul expression will emerge. I would like to point out the following:

Các khuynh hướng này, đặt nền trên sợ hãi, bởi vì con người là thiêng liêng, đã tác động như một sự kích thích mạnh mẽ đối với toàn bộ bản chất của y và đã đưa y tiến tới điểm hiện nay [628] của sự thấu hiểu rộng rãi và tính hữu dụng; chúng đã tạo ra nền văn minh hiện đại của chúng ta với tất cả những khiếm khuyết của nó, nhưng cũng với tất cả thiên tính được chỉ ra của nó. Từ các bản năng này khi được đưa tiến vào vô hạn, và từ tiến trình chuyển hoá chúng thành các tương ứng cao hơn của chúng, đóa hoa trọn vẹn của sự biểu lộ linh hồn sẽ xuất hiện. Tôi muốn chỉ ra những điều sau:

The instinct of self-presentation finds its consummation in assured immortality, and of this the work undertaken by the spiritualists and psychic investigators right down the ages is the mode of approach and the inevitable guarantee.

Bản năng tự bảo tồn đạt đến sự viên mãn của nó trong tính bất tử chắc chắn, và công việc do các nhà thần linh học cùng các nhà nghiên cứu thông linh thực hiện suốt các thời đại là phương thức tiếp cận và sự bảo đảm tất yếu cho điều này.

The sex instinct has worked out and finds its logical consummation in the relationship—consciously realised—of the soul and the body. This is the keynote of mysticism and religion, which is today, as ever, the expression of the Law of Attraction, not as it expresses itself through physical plane marriage, but as it finds its consummation (for man) in the sublime marriage carried forward with conscious intent between the positive soul and the negative and receptive form.

Bản năng tính dục đã vận hành và tìm thấy sự viên mãn hợp lý của nó trong mối tương quan—được nhận biết một cách có ý thức—giữa linh hồn và thân thể. Đây là chủ âm của Thần bí học và tôn giáo, vốn ngày nay cũng như bao giờ là sự biểu lộ của Định luật Hấp Dẫn, không phải như nó biểu lộ qua hôn nhân trên cõi hồng trần, mà như nó đạt đến sự viên mãn, đối với con người, trong cuộc hôn phối cao cả được tiến hành với ý định có ý thức giữa linh hồn dương tính và hình tướng âm tính, tiếp nhận.

The herd instinct finds its divine consummation in an awakened group consciousness, which is evidenced today in the general tendency towards amalgamations, and the widespread fusing and blending which are going on

Bản năng bầy đàn tìm thấy sự viên mãn thiêng liêng của nó trong một tâm thức nhóm được thức tỉnh, điều đang được chứng minh ngày nay qua khuynh hướng chung hướng tới các sự hợp nhất, và sự dung hợp cùng hòa trộn rộng khắp đang diễn ra ở mọi

everywhere. It demonstrates in the ability to think in terms of internationalism, of universal concepts, which will eventually result in the establishing of universal brotherhood.

nơi. Nó biểu lộ trong năng lực suy nghĩ theo tinh thần quốc tế, theo các quan niệm phổ quát, điều cuối cùng sẽ dẫn đến việc thiết lập tình huynh đệ phổ quát.

The instinct of self-assertion, in its turn, has given to our modern civilisation its intense individualism, the cult of the personality, and the production of ancestor and hero-worship. It is leading, however, to the assertion of the Self, of the divine inner Ruler, and out of our newest science, psychology, will emerge a knowledge of the assertive and dominant spiritual Self, and lead [629] finally to the manifestation of the kingdom of souls on earth.

Đến lượt bản năng tự khẳng định đã đem lại cho nền văn minh hiện đại của chúng ta chủ nghĩa cá nhân mãnh liệt, sự sùng bái phàm ngã, và việc tạo ra sự thờ phụng tổ tiên cùng anh hùng. Tuy nhiên, nó đang dẫn đến sự khẳng định của Bản Ngã, của Đấng Cai Quản thiêng liêng bên trong; và từ khoa học mới nhất của chúng ta, Tâm Lý Học, sẽ xuất hiện tri thức về Bản Ngã tinh thần có tính khẳng định và chi phối, rồi cuối [629] cùng dẫn đến sự biểu lộ của giới linh hồn trên Trái Đất.

And what of the instinct to enquire? Transmuted into divine investigation and transformed by the application of the light of the soul in the realm of enquiry, we shall have humanity carried forward into the Hall of Wisdom and thus man will leave behind the experiences of the Hall of Knowledge. Our great educational centres will become schools for the development of intuitive perception and of spiritual awareness.

Còn bản năng tìm hiểu thì sao? Khi được chuyển hoá thành sự khảo cứu thiêng liêng và được chuyển đổi bằng việc áp dụng ánh sáng của linh hồn trong lĩnh vực tìm hiểu, chúng ta sẽ có nhân loại được đưa tiến vào Phòng Minh triết, và như thế con người sẽ bỏ lại phía sau các kinh nghiệm của Phòng Hiểu Biết. Các trung tâm giáo dục lớn của chúng ta sẽ trở thành những trường học để phát triển nhận thức trực giác và nhận thức tinh thần.

Bản năng	Sự tương ứng	Phương thức
Instinct	*Correspondence*	*Mode*
1. Tự bảo tồn	Bất tử	Nghiên cứu Thần linh học.
1. Self-preservation	*Immortality*	*Spiritualistic Research.*
2. Tính dục	Kết hợp tinh thần. Hợp nhất	Tôn giáo. Thần bí học.
2. Sex	*Spiritual union At-one-ment*	*Religion. Mysticism.*

3. Bầy đàn	Tâm thức nhóm	Tình huynh đệ.
3. Herd	*Group consciousness*	*Brotherhood.*
4. Tự Khẳng định	Sự khẳng định của Bản Ngã	Tâm lý học.
4. Self-Assertion	*Assertion of the Self*	*Psychology.*
5. Tìm hiểu	Trực giác	Giáo dục.
5. Enquiry	*Intuition*	*Education.*

The table above should be carefully studied by the student:

Đạo sinh nên nghiên cứu kỹ bảng trên:

Thus the fears which beset humanity, having their roots in instincts, seem nevertheless to be divine characteristics, misapplied and misused. When, however, they are rightly understood and used, and transmuted by the knowing soul, they produce awareness and are the source of growth and that which conveys to the dormant sou-—in time and space—the needed impulse, impetus and urge to progress which have carried man forward from the caveman stage and the prehistoric cycle, through the long period of history, and can be trusted today to carry him forward with increasing rapidity, as he now arrives at intellectual comprehension and can apply himself to the problem of progress in full awareness.

Như vậy, những nỗi sợ vây bủa nhân loại, tuy bắt rễ trong bản năng, dẫu vậy dường như lại là các đặc tính thiêng liêng bị áp dụng sai và sử dụng sai. Tuy nhiên, khi chúng được thấu hiểu và sử dụng đúng, được linh hồn hiểu biết chuyển hoá, chúng tạo ra nhận thức và là nguồn của tăng trưởng, cũng như là điều truyền cho linh hồn đang ngủ yên—trong thời gian và không gian—xung lực, động lực và thôi thúc cần thiết để tiến bộ, vốn đã đưa con người tiến lên từ giai đoạn người hang động và chu kỳ tiền sử, qua thời kỳ dài của lịch sử, và ngày nay có thể được tin cậy là sẽ đưa y tiến tới với tốc độ ngày càng nhanh, khi hiện nay y đạt đến sự thấu hiểu trí tuệ và có thể chuyên tâm vào vấn đề tiến bộ trong nhận thức đầy đủ.

Students need to realise more deeply that the whole process is a divine one, and that evil, so-called, is but an illusion and an inherent part of duality, giving place in [630] time and out of time to a divine unity. Evil is due to wrong perception and erroneous interpretation of that which is perceived.

Các đạo sinh cần nhận biết sâu xa hơn rằng toàn bộ tiến trình là một tiến trình thiêng liêng, và cái gọi là ác chỉ là một ảo tưởng và là một phần cố hữu của Nhị nguyên, nhường chỗ trong [630] thời gian và ngoài thời gian cho một sự hợp nhất thiêng liêng. Ác là do nhận thức sai và diễn giải sai điều được nhận

The achievement of true vision, plus right understanding, brings about freedom from the instinctual reactions and evokes that inner detachment which enables a man to walk at liberty in the kingdom of God.

thức. Việc đạt được tầm nhìn chân thật, cộng với sự thấu hiểu đúng, đem lại tự do khỏi các phản ứng bản năng và gợi lên sự tách rời bên trong, nhờ đó con người có thể bước đi tự do trong Thiên Giới.

But what of the two fears with which the aspirant has peculiar concern? What of the fear of public opinion, and fear of failure? These are two potent factors in the life of service, and hinder many.

Nhưng còn hai nỗi sợ mà người chí nguyện đặc biệt liên hệ thì sao? Còn nỗi sợ dư luận công chúng và nỗi sợ thất bại thì sao? Đây là hai yếu tố mạnh mẽ trong đời sống phụng sự, và cản trở nhiều người.

Those who are beginning to work in cooperation with the plan and are learning the significance of service are prone to fear that what they do will be criticised and misjudged, or fall a victim to the reverse idea that what they do will not be sufficiently liked, appreciated and understood. They demand liking and praise. They gauge success by numbers and by response. They dislike to have their motives impugned and misjudged, and rush violently into explanation; they are unhappy if their methods, the personnel of their group, and the way in which their service is rendered comes under the tongue of criticism. The false objectives of numbers, of power or of a formulated doctrine control them. Unless what they do measures up to the standards or conforms to the technique of the group of minds which surrounds them or appeals the most to them, they are unhappy and consequently frequently change their plans, alter their viewpoint, and lower their standard until it conforms to their immediate mass psychology, or their chosen counsellors.

Những người bắt đầu làm việc trong sự hợp tác với Thiên Cơ và đang học thâm nghĩa của phụng sự thường có khuynh hướng sợ rằng điều họ làm sẽ bị chỉ trích và phán xét sai, hoặc rơi làm nạn nhân của ý tưởng ngược lại rằng điều họ làm sẽ không được yêu thích, trân trọng và thấu hiểu đủ mức. Họ đòi hỏi sự yêu thích và lời khen. Họ đo lường thành công bằng số lượng và bằng sự đáp ứng. Họ không thích động cơ của mình bị nghi ngờ và phán xét sai, và lao vào giải thích một cách dữ dội; họ bất hạnh nếu các phương pháp của họ, nhân sự trong nhóm của họ và cách công việc phụng sự của họ được thực hiện trở thành đề tài cho lời chỉ trích. Các mục tiêu sai lầm về số lượng, quyền lực hoặc một giáo lý đã được công thức hóa kiểm soát họ. Trừ phi điều họ làm đạt đến các tiêu chuẩn hoặc phù hợp với kỹ thuật của nhóm trí tuệ bao quanh họ hay hấp dẫn họ nhất, họ bất hạnh và do đó thường xuyên thay đổi kế hoạch, đổi quan điểm và hạ thấp tiêu chuẩn của mình cho đến khi nó phù hợp với tâm lý quần chúng tức thời của họ hoặc các cố vấn mà họ đã chọn.

The true disciple sees the vision. He then seeks to keep so closely in touch with his soul that he can stand with steadiness whilst he endeavours to make that vision a reality; he aims to achieve what, from the

Đệ tử chân thật thấy tầm nhìn. Sau đó y tìm cách giữ tiếp xúc mật thiết đến mức với linh hồn mình, để y có thể đứng vững trong khi nỗ lực làm cho tầm nhìn ấy thành hiện thực; y nhắm đến việc đạt được điều mà theo quan

standpoint of the world seems to be impossible, knowing that the vision is not materialised through expediency and undue [631] adaptation of the suggested ideas of worldly or intellectual counsellors. Public opinion and the advice of those who are Piscean in their tendencies and not Aquarian are carefully considered but not unduly so, and when advice is found to be separative and tends to eliminate harmony, and produces a lack of brotherly love and understanding, it is discarded at once. When there is evidenced a constantly critical attitude towards other workers in the field of world service and where there is a capacity to see only selfishness and fault and to impute wrong motives and to believe evil, then the true aspirant refuses to be swayed and goes serenely on his way.

điểm thế gian dường như là bất khả, vì biết rằng tầm nhìn không hiện hình nhờ sự quyền biến và sự [631] thích nghi quá mức với các ý tưởng được đề nghị bởi các cố vấn thế tục hoặc trí thức. Dư luận công chúng và lời khuyên của những người có khuynh hướng Song Ngư chứ không phải Bảo Bình được cân nhắc cẩn thận nhưng không quá mức; và khi lời khuyên được thấy là có tính chia rẽ, có khuynh hướng loại trừ hòa hợp, tạo ra sự thiếu bác ái huynh đệ và thiếu thấu hiểu, thì nó bị gạt bỏ ngay. Khi một thái độ thường xuyên chỉ trích đối với các người hoạt động khác trong lĩnh vực phụng sự thế giới được bộc lộ, và khi có khả năng chỉ thấy ích kỷ và lỗi lầm, gán động cơ sai trái và tin vào điều ác, thì người chí nguyện chân thật từ chối bị lay chuyển và thanh thản đi tiếp con đường của mình.

In the coming cycle I emphatically tell you that the true work will be carried forward (the work of spiritually welding the world into a synthesis and the production of a recognised brotherhood of souls) only by those who refuse to be separative and whose words are watched so that no evil is spoken; these are the workers who see the divine in all and refuse to think evil and impute evil; they work with sealed lips; they deal not with their brothers affairs, nor reveal that which concerns them; their lives are coloured by understanding and by love; their minds are characterised by a trained spiritual perception and that spiritual awareness which employs a keen intellect as the corollary of a loving spirit.

Trong chu kỳ sắp tới, tôi nhấn mạnh nói với các bạn rằng công việc chân thật sẽ được tiến hành—công việc gắn kết thế giới về mặt tinh thần thành một sự tổng hợp và tạo ra một tình huynh đệ các linh hồn được công nhận—chỉ bởi những người từ chối chia rẽ và canh giữ lời nói của mình để không lời ác nào được thốt ra; đó là những người hoạt động thấy thiên tính trong tất cả và từ chối nghĩ điều ác cũng như gán điều ác; họ làm việc với đôi môi khép kín; họ không bàn đến việc của các huynh đệ mình, cũng không tiết lộ những gì liên quan đến họ; đời sống của họ được nhuộm màu bởi sự thấu hiểu và bác ái; thể trí của họ được đặc trưng bởi một nhận thức tinh thần đã được rèn luyện và bởi nhận thức tinh thần sử dụng một trí năng sắc bén như hệ quả của một tinh thần bác ái.

May I repeat in other words this theme, for its importance is vital and the effect of the work of these instruments on the world is immense. These men and women whose

Tôi xin lặp lại chủ đề này bằng những lời khác, vì tầm quan trọng của nó là thiết yếu và ảnh hưởng của công việc do các khí cụ này thực hiện đối với thế giới là bao la.

mission it is to inaugurate the New Age have learned the secret of silence; they are animated ceaselessly by a spirit of inclusive love; their tongues lead them not astray into the field of ordinary criticism, and they permit no condemnation of others; they are animated by the spirit of protection. To them will be committed the work of fostering the life of the New Age. [632]

Những người nam và nữ có sứ mệnh khai mở Kỷ Nguyên Mới này đã học được bí quyết của im lặng; họ không ngừng được linh hoạt bởi một tinh thần bác ái bao gồm; lưỡi của họ không dẫn họ lạc vào lĩnh vực chỉ trích thông thường, và họ không cho phép bất kỳ sự kết án nào đối với người khác; họ được linh hoạt bởi tinh thần che chở. Công việc nuôi dưỡng đời sống của Kỷ Nguyên Mới sẽ được giao phó cho họ. [632]

To those who have not yet reached this point in evolution and whose vision is not so clear, nor their natures so disciplined, there remains the important work, on a lower level, of working with their kind. Their attributes and qualities bring to them those who resemble them; they do not work in such loneliness and their work is more outwardly successful, though not always so.

Đối với những người chưa đạt đến điểm tiến hoá này, có tầm nhìn chưa rõ ràng như thế, và bản chất chưa được kỷ luật như thế, vẫn còn công việc quan trọng ở một cấp độ thấp hơn: làm việc với những người cùng loại với họ. Các thuộc tính và phẩm tính của họ thu hút đến với họ những người giống họ; họ không làm việc trong sự cô độc như vậy, và công việc của họ có vẻ thành công hơn ở bên ngoài, dù không phải lúc nào cũng thế.

It must be remembered that all work, in the sight of the Great Ones, is of equal importance. For those souls who are at the stage where a home or office provides sufficient experience, that is for them the supreme effort; their attempt to work is—on its own level—as great an achievement as to fulfill the destiny of a Christ or a Napoleon. Forget this not and seek to see life truly and not with its distinctions—men-made and dangerous. A disciple who has not yet the fuller vision of a more trained worker and who is only just learning the ABC of public work may, with all his failures and dense stupidities, be doing as well as an older disciple with his wider knowledge and experience.

Cần nhớ rằng mọi công việc, dưới mắt Các Đấng Cao Cả, đều có tầm quan trọng ngang nhau. Đối với những linh hồn đang ở giai đoạn mà một mái nhà hay một văn phòng cung cấp đủ kinh nghiệm, thì đó là nỗ lực tối thượng đối với họ; nỗ lực làm việc của họ—trên cấp độ riêng của nó—là một thành tựu lớn lao như việc hoàn thành số mệnh của một Đức Christ hay một Napoleon. Đừng quên điều này, và hãy tìm cách thấy đời sống một cách chân thật, chứ không qua các phân biệt do con người tạo ra và đầy nguy hiểm. Một đệ tử chưa có tầm nhìn đầy đủ hơn của một người hoạt động được rèn luyện nhiều hơn, và chỉ mới học những bước đầu của công việc công khai, với tất cả các thất bại và sự ngu độn nghiêm trọng của mình, có thể đang làm tốt ngang một đệ tử già dặn hơn với tri thức và kinh nghiệm rộng hơn của y.

To those of us who are working on the inner side, the workers in the world fall into three groups:

Đối với những người trong chúng tôi đang làm việc ở phía bên trong, các người hoạt động trong thế giới chia thành ba nhóm:

1. Those, few and far between, who are true Aquarians. These work under real difficulties, for their vision is beyond the grasp of the majority, and they meet often lack of understanding, frequent disappointment in their fellow workers, and much loneliness.

1. Những người, rất ít và rải rác, là các người Bảo Bình chân thật. Họ làm việc dưới những khó khăn thật sự, vì tầm nhìn của họ vượt ngoài sự nắm bắt của đa số, và họ thường gặp sự thiếu thấu hiểu, sự thất vọng thường xuyên về các bạn đồng sự, và nhiều cô độc.

2. Those who are straight Pisceans. These work with much greater facility and find a more rapid response from those around them. Their work is more doctrinal, less inclusive and coloured by the spirit of separation. They include the mass of [633] world workers in all the various departments of human thought and welfare.

2. Những người hoàn toàn thuộc Song Ngư. Họ làm việc dễ dàng hơn nhiều và tìm thấy sự đáp ứng nhanh hơn từ những người chung quanh. Công việc của họ có tính giáo điều hơn, ít bao gồm hơn và bị nhuộm màu bởi tinh thần chia rẽ. Họ bao gồm đại đa số [633] các người hoạt động thế giới trong mọi ngành khác nhau của tư tưởng và phúc lợi nhân loại.

3. Those Pisceans who are enough developed to respond to the Aquarian message, but who—as yet—cannot trust themselves to employ the real Aquarian methods of work and message.

3. Những người Song Ngư đã phát triển đủ để đáp ứng với thông điệp Bảo Bình, nhưng cho đến nay vẫn chưa thể tin cậy chính mình để sử dụng các phương pháp và thông điệp Bảo Bình thật sự.

For instance, they have in the political field, a sense of internationalism, but they cannot apply it when it comes to the understanding of others. They think they have a universal consciousness, but when it comes to a test, they discriminate and eliminate. They constitute a much smaller group than the true Pisceans and are doing good work and filling a much needed place. The problem they present however to the Aquarian worker lies in the fact that though they respond to the ideal and regard themselves as of the new age, they are not truly so. They

Chẳng hạn, trong lĩnh vực chính trị, họ có cảm thức về tinh thần quốc tế, nhưng họ không thể áp dụng nó khi cần thấu hiểu người khác. Họ nghĩ mình có một tâm thức phổ quát, nhưng khi gặp thử thách, họ phân biện và loại trừ. Họ tạo thành một nhóm nhỏ hơn nhiều so với những người Song Ngư chân thật, và đang làm công việc tốt cũng như lấp đầy một vị trí rất cần thiết. Tuy nhiên, vấn đề mà họ đặt ra cho người hoạt động Bảo Bình nằm ở chỗ: dù họ đáp ứng với lý tưởng và tự xem mình thuộc kỷ nguyên mới, họ thật sự không phải như vậy. Họ thấy một phần của tầm nhìn và đã nắm được lý

see a bit of the vision and have grasped the theory but cannot express it in action.

thuyết, nhưng không thể biểu lộ nó trong hành động.

Thus we have these three groups doing much needed work and reaching through their united undertakings the mass of people and fulfilling thus their dharma. One group works necessarily under the glamour of public opinion. The intermediate group has a most difficult task to perform, for where there is no clear vision the voice of their chosen environment and the voice of the inner group of world Knowers are often in conflict and they are pulled hither and thither as they respond first to one and then to the other. The group of those who respond more fully to the incoming Aquarian vibration register the voices of the leaders of the other two groups, but the voice of the guiding Masters and the voice of the group of world Masters serve to guide them unerringly forward.

Như vậy, chúng ta có ba nhóm này đang làm công việc rất cần thiết và, qua các nỗ lực hợp nhất của họ, chạm đến đại chúng và nhờ đó hoàn thành thiên chức của họ. Một nhóm tất yếu làm việc dưới ảo cảm của dư luận công chúng. Nhóm trung gian có một nhiệm vụ khó khăn nhất phải thực hiện, vì nơi nào không có tầm nhìn rõ ràng, tiếng nói của môi trường mà họ đã chọn và tiếng nói của nhóm bên trong gồm các thức giả thế giới thường xung đột, và họ bị kéo qua kéo lại khi đáp ứng lúc thì với bên này, lúc thì với bên kia. Nhóm những người đáp ứng đầy đủ hơn với rung động Bảo Bình đang đi vào ghi nhận tiếng nói của các nhà lãnh đạo thuộc hai nhóm kia, nhưng tiếng nói của các Chân sư hướng dẫn và tiếng nói của nhóm các Chân sư thế giới dẫn dắt họ tiến tới không sai lạc.

I have sought to explain the above modes and methods [634] of work, for the times are hard and clarity of thought is needed if the work is to go forward as desired. Even such triple distinctions as exist between the groups are themselves of a separative tincture, and it is yet impossible to preserve any idea in its true and synthetic relation. It is a gain when the many thousands of separative groups can be grouped into three comprehensive ones and the mind of the disciple be thus freed from the detailed analysis of the world situation among the workers with the Plan.

Tôi đã tìm cách giải thích các lối và phương pháp [634] làm việc trên, vì thời cuộc khó khăn và sự rõ ràng trong tư tưởng là cần thiết nếu công việc phải tiến lên như mong muốn. Ngay cả những phân biệt tam phân như đang tồn tại giữa các nhóm cũng tự chúng mang sắc thái chia rẽ, và hiện vẫn chưa thể bảo tồn bất kỳ ý tưởng nào trong mối tương quan chân thật và tổng hợp của nó. Đó là một lợi ích khi nhiều ngàn nhóm chia rẽ có thể được gom lại thành ba nhóm bao quát, và thể trí của đệ tử nhờ đó được giải phóng khỏi sự phân tích chi tiết tình hình thế giới giữa các người hoạt động với Thiên Cơ.

The second great test of the sensitive disciple is fear of failure. This is based on past experience (for all have failed), on a realisation of the immediate need and opportunity, and on an acute appreciation of

Thử thách lớn thứ hai của đệ tử nhạy bén là nỗi sợ thất bại. Điều này đặt nền trên kinh nghiệm quá khứ, vì tất cả đều đã thất bại; trên sự nhận biết về nhu cầu và cơ hội trước mắt; và trên sự đánh giá sắc bén về giới hạn

individual limitation and deficiency. It is the result oft times of a response to the lowered spiritual and physical vitality of the race today. Never before has there been a time when fear of failure has more widely haunted the human family. Another cause of this reaction is to be found in the fact that mankind *as a whole* and for the first time in the history of the race, senses the vision and has therefore a truer sense of relative values than ever before. Men know themselves to be divine, and this is becoming increasingly a universal realisation. Hence the present unrest and revolt from tramelling conditions. It is however a serious waste of time for a disciple to ponder upon a failure or to fear failing. There is no such thing as failure; there can only be loss of time. That in itself is serious in these days of dire world need, but the disciple must inevitably some day make good and retrieve his past failures. I need not point out that we learn by failure, for that is a well known truth, and is known as such by all who are attempting to live as souls. Nor need the disciple sorrow over the failures, apparent or real, of his fellow disciples. The *sense of time* produces glamour and disappointment, whereas the work goes truly [635] forward, and a lesson learnt by failure acts as a safeguard for the future. Thus it leads to rapid growth. An honest disciple may be momentarily glamoured, but in the long run nothing can really deter him. What are a few brief years in a comparative cycle of aeons? What is a second of time in a span of man's allotted seventy years? To the individual disciple they appear most important; to the onlooking soul, they seem as nothing at all. For the world perhaps, a temporary failure may connote delay in expected help, but that again is brief, and help will come from other sources, for the Plan goes unerringly forward.

và khiếm khuyết cá nhân. Nó thường là kết quả của một sự đáp ứng với sinh lực tinh thần và thể xác đã hạ thấp của nhân loại ngày nay. Chưa bao giờ có một thời kỳ mà nỗi sợ thất bại ám ảnh gia đình nhân loại rộng khắp hơn. Một nguyên nhân khác của phản ứng này được tìm thấy trong sự kiện rằng nhân loại *như một toàn thể*, và lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, cảm nhận được tầm nhìn và do đó có một cảm thức chân thật hơn bao giờ hết về các giá trị tương đối. Con người biết mình là thiêng liêng, và điều này ngày càng trở thành một nhận biết phổ quát. Vì thế có sự bất an hiện nay và sự nổi dậy chống lại các điều kiện trói buộc. Tuy nhiên, đối với một đệ tử, suy nghĩ mãi về một thất bại hoặc sợ thất bại là một sự lãng phí thời gian nghiêm trọng. Không có cái gọi là thất bại; chỉ có thể có sự mất thời gian. Tự điều đó đã nghiêm trọng trong những ngày thế giới đang có nhu cầu cấp bách này, nhưng một ngày nào đó đệ tử tất yếu phải thành công và khắc phục các thất bại quá khứ của mình. Tôi không cần chỉ ra rằng chúng ta học qua thất bại, vì đó là một chân lý ai cũng biết, và được mọi người đang cố gắng sống như các linh hồn công nhận là như vậy. Đệ tử cũng không cần buồn rầu về các thất bại, có vẻ như vậy hay thật sự, của các đệ tử đồng môn. *Cảm thức về thời gian* tạo ra ảo cảm và thất vọng, trong khi công việc thật sự vẫn [635] tiến lên, và một bài học học được qua thất bại tác động như một sự bảo vệ cho tương lai. Như thế nó dẫn đến tăng trưởng nhanh chóng. Một đệ tử chân thành có thể nhất thời bị ảo cảm, nhưng về lâu dài không gì thật sự có thể ngăn cản y. Vài năm ngắn ngủi có là gì trong một chu kỳ tương đối của nhiều đại kiếp? Một giây thời gian là gì trong khoảng đời bảy mươi năm được phân cho con người? Đối với đệ tử cá nhân, chúng có vẻ hết sức quan trọng; đối với linh hồn đang quan sát, chúng dường như chẳng là gì cả. Đối với thế giới, có lẽ một thất bại tạm thời có thể hàm ý sự trì hoãn trong sự

trợ giúp được mong đợi, nhưng điều đó cũng ngắn ngủi, và sự trợ giúp sẽ đến từ các nguồn khác, vì Thiên Cơ tiến tới không sai lạc.

May I in all earnest offer to you the paradoxical injunction to work with utter earnestness, and yet at the same time to refuse to work with such earnestness, and not to take yourself so earnestly? Those who stand on the inner side and study the work of the world aspirants today see an almost pitiful distress of individual deficiency, a sustained and strenuous effort on their part to "make themselves what they ought to be", and yet at the same time a distressing lack of proportion, and no sense of humour whatsoever. I urge upon you to cultivate both these qualities. Do not take yourself so seriously, and you will find that you will release yourself for freer and more potent work. Take the Plan seriously and the call to serve, but waste not time in constant self-analysis.

Tôi xin hết sức nghiêm túc đưa ra cho các bạn huấn thị có vẻ nghịch lý: hãy làm việc với sự nghiêm túc tuyệt đối, đồng thời từ chối làm việc với sự nghiêm trọng như thế, và đừng quá xem trọng chính mình. Những vị đứng ở phía bên trong và nghiên cứu công việc của các người chí nguyện thế giới ngày nay thấy một nỗi khổ gần như đáng thương về sự khiếm khuyết cá nhân, một nỗ lực bền bỉ và căng thẳng của họ nhằm "làm cho mình trở thành điều mình phải là", nhưng đồng thời cũng thấy một sự thiếu ý thức về tỉ lệ đáng buồn và hoàn toàn không có óc hài hước. Tôi thúc giục các bạn vun trồng cả hai phẩm tính này. Đừng quá nghiêm trọng với chính mình, và các bạn sẽ thấy mình được giải phóng để làm việc tự do hơn và mạnh mẽ hơn. Hãy nghiêm túc với Thiên Cơ và với lời kêu gọi phụng sự, nhưng đừng lãng phí thời gian trong sự tự phân tích liên tục.

Therefore the immediate goal for all aspiring disciples at this time can be seen to be as follows:

Do đó, mục tiêu trước mắt của mọi đệ tử chí nguyện vào lúc này có thể được thấy như sau:

1. An achievement of clarity of thought as to their own personal and immediate problems and primarily the problem as to their objective in service. This is to be done through meditation.

1. Đạt được sự rõ ràng trong tư tưởng về các vấn đề cá nhân và trước mắt của chính họ, và chủ yếu là vấn đề về mục tiêu của họ trong phụng sự. Điều này phải được thực hiện qua tham thiền.

2. The development of sensitivity to the new impulses which are flooding the world at this time. This is [636] to be brought about by loving all men more and through love and understanding contacting them with greater facility. Love reveals.

2. Phát triển sự nhạy bén đối với các xung lực mới đang tràn ngập thế giới vào lúc này. Điều này [636] phải được đem lại bằng cách yêu thương mọi người nhiều hơn, và qua bác ái cùng thấu hiểu mà tiếp xúc với họ dễ dàng hơn. Bác ái mặc khải.

3. The rendering of service with complete impersonality. This is done by eliminating personal ambition and love of power.

3. Thực hiện phụng sự với sự vô ngã hoàn toàn. Điều này được thực hiện bằng cách loại bỏ tham vọng cá nhân và lòng yêu quyền lực.

4. The refusal to pay attention to public opinion or to failure. This is done by the application of strict attention to the voice of the soul, and by an endeavour to dwell ever in the secret place of the Most High.

4. Từ chối chú ý đến dư luận công chúng hoặc thất bại. Điều này được thực hiện bằng cách chăm chú nghiêm ngặt vào tiếng nói của linh hồn, và bằng nỗ lực luôn trú trong nơi kín nhiệm của Đấng Tối Cao.

We have merged our first point as to the immediate goal and the steps to be taken to reach it with our second point as to conduct and the factors which must be eliminated. It only remains therefore to point out the penalties which will overtake the probationary disciple and the trained worker should he give way to the glamour and to the faults inherent in his nature and permit them to hinder his work and come between him and the visioned goal.

Chúng ta đã hòa nhập điểm thứ nhất của mình về mục tiêu trước mắt và các bước cần thực hiện để đạt đến nó với điểm thứ hai về cách hành xử và các yếu tố phải được loại bỏ. Do đó, chỉ còn lại việc chỉ ra các hình phạt sẽ giáng xuống đệ tử dự bị và người hoạt động đã được rèn luyện nếu y nhượng bộ ảo cảm và các lỗi lầm cố hữu trong bản chất của mình, để chúng cản trở công việc của y và chen vào giữa y với mục tiêu đã được thấy trong tầm nhìn.

It might be pointed out that there are three main points of danger in the life of service. I am not here dealing with the individual training of the disciple but with his life of service, and with the activities in which he is engaged as a worker. His temperament, equipment of characteristics (physical, emotional, and mental) do have a potent effect on his environment and on the people he seeks to help, and also his family background, his world training and his speech.

Có thể chỉ ra rằng có ba điểm nguy hiểm chính trong đời sống phụng sự. Ở đây tôi không bàn đến sự huấn luyện cá nhân của đệ tử, mà bàn đến đời sống phụng sự của y và các hoạt động mà y tham gia với tư cách một người hoạt động. Khí chất, trang bị đặc tính của y—hồng trần, cảm xúc và trí tuệ—thật sự có ảnh hưởng mạnh mẽ đến môi trường của y và đến những người y tìm cách giúp đỡ, nền tảng gia đình, sự huấn luyện trong thế giới và lời nói của y cũng có ảnh hưởng như vậy.

The first point of danger is his physical condition. On this I cannot enlarge beyond begging all disciples to act with wisdom to give themselves sufficient sleep, right food (which must vary for each individual), and those surroundings, if possible, which will enable them to work with the greatest

Điểm nguy hiểm thứ nhất là tình trạng thể xác của y. Về điều này, tôi không thể nói rộng hơn ngoài việc khẩn thiết yêu cầu mọi đệ tử hành động với minh triết: tự cho mình ngủ đủ, ăn uống đúng cách, điều này phải thay đổi tùy mỗi cá nhân, và nếu có thể, có những hoàn cảnh giúp họ làm việc dễ dàng nhất.

facility. The penalty for the infringing [637] of these suggestions works out in lack of power in service and in the growing thralldom of the physical body. Where the physical body is in poor condition, the disciple has to add the liabilities incident upon the bringing in of force which he finds himself unable to handle.

Hình phạt cho việc vi phạm [637] các gợi ý này biểu lộ thành sự thiếu quyền năng trong phụng sự và sự nô lệ ngày càng tăng đối với thể xác. Khi thể xác ở trong tình trạng kém, đệ tử phải cộng thêm các gánh nặng phát sinh từ việc đưa mãnh lực vào mà y thấy mình không thể xử lý.

The second point of danger is to be found in the astral illusion in which all humanity lives, and its power to glamour even experienced workers. I have considered this at length in this treatise, which is, as you know, a treatise on the control of the astral body and a right understanding of its laws. Only mental control, plus true spiritual perception, will suffice to pierce this illusory astral miasma, and reveal to the man that he is a spiritual entity in incarnation and in touch—through his mind—with the Universal Mind. The penalty which overtakes the disciple who persistently permits himself to be glamoured is obvious. His vision becomes fogged and misty and he "loses the sense of touch" as it is called in the old commentaries. He wanders "down the lanes of life and misses that straight highway which will lead him to his goal."

Điểm nguy hiểm thứ hai nằm trong ảo tưởng cảm dục mà toàn thể nhân loại đang sống trong đó, và trong quyền năng của nó có thể gây ảo cảm ngay cả cho những người hoạt động giàu kinh nghiệm. Tôi đã bàn đến điều này khá dài trong khảo luận này, vốn, như các bạn biết, là một khảo luận về sự kiểm soát thể cảm dục và sự thấu hiểu đúng đắn các định luật của nó. Chỉ sự kiểm soát trí tuệ, cộng với tri giác tinh thần chân chính, mới đủ để xuyên thủng lớp khí độc cảm dục đầy ảo tưởng này, và mặc khải cho con người rằng y là một thực thể tinh thần đang lâm phàm và đang tiếp xúc — qua thể trí của y — với Vũ Trụ Trí. Hình phạt giáng xuống người đệ tử cứ khăng khăng cho phép mình bị ảo cảm chi phối là điều hiển nhiên. Tầm nhìn của y trở nên mờ đục và sương phủ, và y "mất cảm thức tiếp xúc", như được gọi trong Cổ Luận. Y lang thang "xuống những lối nhỏ của đời sống và bỏ lỡ con đường lớn thẳng tắp sẽ dẫn y đến mục tiêu của mình."

The third danger (and one that is very prevalent at this time) is that of mental pride and consequent inability to work in group formation. The penalty for this is often a temporary success and an enforced working with a group, which has been devitalised of its best elements and which has in it only those people who feed the personality of the head of the group. Because of the emphasis upon his own ideas and his own methods of working, a disciple finds that his group lacks those factors and those

Nguy hiểm thứ ba, và là nguy hiểm rất phổ biến vào lúc này, là lòng kiêu hãnh trí tuệ và hậu quả là không có khả năng làm việc trong đội hình nhóm. Hình phạt cho điều này thường là một thành công tạm thời và một sự buộc phải làm việc với một nhóm đã bị rút mất sinh lực nơi những thành phần tốt đẹp nhất của nó, và trong đó chỉ còn những người nuôi dưỡng phàm ngã của người đứng đầu nhóm. Vì nhấn mạnh vào các ý tưởng riêng và các phương pháp làm việc riêng của mình, một đệ tử nhận thấy nhóm của y

people who would have rounded it out, who would have balanced his endeavour, and given to his undertaking those qualities which he himself lacks. This is, in itself, a sufficient punishment, and quickly brings the honest disciple to his senses. Let a disciple who is [638] intelligent, honest and basically true so err, and in time he will awaken to the fact that the group he has gathered around him are moulded by him or he is moulded by them; they are oft embodiments of himself and repeat him. The law works rapidly in the case of a disciple, and thus adjustments are speedily made.

thiếu những yếu tố và những con người lẽ ra đã làm cho nhóm ấy được trọn vẹn, đã quân bình nỗ lực của y, và đem lại cho công trình của y những phẩm tính mà chính y còn thiếu. Điều này, tự nó, là một hình phạt đầy đủ, và nhanh chóng đưa người đệ tử chân thật trở lại với sự tỉnh táo. Hãy để một đệ tử [638] thông minh, chân thật và căn bản trung thành phạm sai lầm như thế, rồi theo thời gian y sẽ tỉnh thức trước sự kiện rằng nhóm mà y đã quy tụ quanh mình hoặc bị y khuôn đúc, hoặc y bị họ khuôn đúc; họ thường là những hiện thân của chính y và lặp lại y. Định luật tác động nhanh chóng trong trường hợp của một đệ tử, và vì vậy những điều chỉnh được thực hiện mau lẹ.

I would like to point out to the student that, having with steadfastness gone forward he will discover that the exoteric and esoteric linking of the outer schools and inner school or rank of knowers of truth is so close that not one earnest student goes totally unrecognised. In the press of the work and in the burden and toil of the day's labours it is an encouragement to know that there are those who watch, and that every loving deed, every aspiring thought and every unselfish reaction is noted and known. Bear in mind, however, that it comes to the recognition of the Helpers through the increased vibration of the aspirant and not through a specific knowledge of the deed accomplished or the thought sent out. Those who teach are occupied with principles of truth, with vibratory rates and with the quality of the light to be seen. They are not aware of, nor have they the time to consider, specific deeds, words and conditions, and the sooner students grasp this and put out of their minds any hope of contacting a phenomenal individual whom they call a Master, with so much leisure, of such developed powers that he can occupy

Tôi muốn chỉ ra cho đạo sinh rằng, khi đã kiên định tiến tới, y sẽ khám phá rằng sự liên kết ngoại môn và nội môn giữa các trường phái bên ngoài với trường phái bên trong, hay hàng ngũ những thức giả của chân lý, mật thiết đến mức không một đạo sinh nghiêm túc nào hoàn toàn không được nhận biết. Giữa áp lực của công việc, trong gánh nặng và nhọc nhằn của lao động hằng ngày, thật là một niềm khích lệ khi biết rằng có những Đấng đang quan sát, và rằng mọi hành động đầy tình thương, mọi tư tưởng khát vọng và mọi đáp ứng vô ngã đều được ghi nhận và được biết đến. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ rằng điều đó đi đến sự nhận biết của các Đấng Trợ Giúp qua sự gia tăng rung động của người chí nguyện, chứ không qua một tri thức cụ thể về hành động đã hoàn tất hay tư tưởng đã được phóng ra. Những Đấng giảng dạy bận tâm đến các nguyên lý của chân lý, đến các mức độ rung động và đến phẩm tính của ánh sáng có thể được nhìn thấy. Các Ngài không biết, cũng không có thời gian để xem xét, những hành động, lời nói và hoàn cảnh cụ thể; và đạo sinh càng sớm nắm bắt điều này, cũng như loại khỏi thể trí mình mọi hy vọng tiếp xúc với một cá nhân hiện tượng mà họ gọi là Chân sư — có quá nhiều nhàn

himself with their trivial affairs in time and space, the more rapidly will they progress.

rỗi, có các quyền năng phát triển đến mức có thể bận tâm đến những việc vụn vặt của họ trong thời gian và không gian — thì họ sẽ càng tiến bộ nhanh chóng hơn.

Where, however, there is steady growth, an application to occult principles so that definite changes are produced in the bodies used, and an increasing radiatory light, it is known and recorded, and the aspirant is rewarded by increased opportunity to serve his fellowmen. They do not reward by commendation, by patting on the [639] head, or by expressing their pleasure in words. They are occupied in making knowers and masters out of everyday men and women by:

Tuy nhiên, nơi nào có sự tăng trưởng bền bỉ, có sự áp dụng các nguyên lý huyền bí để những thay đổi rõ rệt được tạo ra trong các thể được sử dụng, và có ánh sáng tỏa chiếu ngày càng tăng, thì điều đó được biết và được ghi nhận; và người chí nguyện được tưởng thưởng bằng cơ hội phụng sự đồng loại ngày càng lớn hơn. Các Ngài không tưởng thưởng bằng lời khen, bằng cách vỗ về trên [639] đầu, hay bằng cách bày tỏ sự hài lòng bằng lời nói. Các Ngài bận tâm đến việc biến những người nam và nữ bình thường thành các thức giả và những bậc làm chủ bằng cách:

1. Teaching them to know themselves.

1. Dạy họ biết chính mình.

2. Setting them free from authority by awakening interest and enquiry in their minds, and then indicating (not more than that) the direction in which the answer should be sought.

2. Giải phóng họ khỏi uy quyền bằng cách đánh thức sự quan tâm và tinh thần khảo cứu trong thể trí họ, rồi chỉ ra, không hơn thế, hướng mà trong đó câu trả lời nên được tìm kiếm.

3. Giving them those conditions which will force them to stand on their own feet and rely on their own souls and not on any human being, be he a beloved friend, teacher, or a Master of the Wisdom.

3. Trao cho họ những điều kiện buộc họ phải đứng trên đôi chân của chính mình và nương tựa vào linh hồn của chính mình, chứ không vào bất kỳ con người nào, dù y là một người bạn yêu quý, một huấn sư, hay một Chân sư Minh Triết.

I seek not to repeat myself. Most of the points that concern the work of the aspirant today I have considered earlier in this treatise. It remains now for all of you to study it with care. I close with an appeal to all who read these instructions to rally their forces, to renew their vows of dedication to the service of humanity, to subordinate their own ideas and wishes to the group good, to

Tôi không tìm cách lặp lại chính mình. Phần lớn các điểm liên quan đến công việc của người chí nguyện ngày nay, tôi đã bàn đến trước đó trong khảo luận này. Giờ đây, điều còn lại là tất cả các bạn hãy nghiên cứu nó một cách cẩn trọng. Tôi kết thúc bằng một lời kêu gọi gửi đến tất cả những ai đọc các huấn thị này: hãy tập hợp các mãnh lực của mình, hãy làm mới lại các lời thệ nguyện

take their eyes off themselves and fix them anew upon the vision, to guard their tongues from idle speech and criticism, from gossip and inuendo, and to read and study so that the work may go intelligently forward. Let all students make up their minds in this day of emergency and of rapid unfolding opportunity to sacrifice all they have to the helping of humanity. Now is the need and the demand. The urgency of the hour is upon us, and I call upon all of you whom I am seeking to help, to join the strenuous effort of the Great Ones. They are working day and night in an effort to relieve humanity and to offset those evils and disasters which are immanent in the present situation. I offer to you opportunity and I tell you that you are needed—even the very least of you. I assure you that groups of students, working in [640] unison and with deep and unfaltering love for each other, can achieve significant results.

hiến dâng cho việc phụng sự nhân loại, hãy đặt các ý tưởng và ước muốn riêng của mình dưới thiện ích của nhóm, hãy rời mắt khỏi chính mình và một lần nữa hướng chúng vào tầm nhìn, hãy giữ gìn lưỡi mình khỏi lời nói phù phiếm và phê bình, khỏi chuyện ngồi lê đôi mách và lời bóng gió, và hãy đọc cũng như học để công việc có thể tiến tới một cách thông minh. Hãy để tất cả đạo sinh quyết định trong ngày khẩn cấp này, và trong cơ hội đang khai mở nhanh chóng này, hy sinh tất cả những gì họ có cho việc trợ giúp nhân loại. Hiện nay là lúc có nhu cầu và đòi hỏi. Tính khẩn cấp của giờ phút đang đè nặng trên chúng ta, và tôi kêu gọi tất cả các bạn, những người mà tôi đang tìm cách trợ giúp, hãy tham gia vào nỗ lực mãnh liệt của Các Đấng Cao Cả. Các Ngài đang làm việc ngày đêm trong nỗ lực xoa dịu nhân loại và hóa giải những điều ác cùng các tai họa đang tiềm tàng trong tình hình hiện nay. Tôi trao cho các bạn cơ hội, và tôi nói với các bạn rằng các bạn là cần thiết — ngay cả người nhỏ bé nhất trong các bạn. Tôi bảo đảm với các bạn rằng các nhóm đạo sinh, làm việc trong [640] sự hòa hợp và với tình thương sâu xa, không lay chuyển dành cho nhau, có thể đạt được những kết quả đáng kể.

That each of you may so work, and that each of you may lose sight of self in the realisation of world need, is the earnest prayer and deepest aspiration of your brother, THE TIBETAN.

Mong rằng mỗi người trong các bạn có thể làm việc như thế, và mong rằng mỗi người trong các bạn có thể quên đi bản ngã trong sự nhận biết nhu cầu của thế giới — đó là lời cầu nguyện tha thiết và khát vọng sâu xa nhất của huynh đệ các bạn, Chân sư Tây Tạng.

ARCANE SCHOOL TRAINING

Training for new age discipleship is provided

by the *Arcane School.* The principles of the

Ageless Wisdom are presented through esoteric

meditation, study and service as a *way of life.*

Contact the publishers for information

www.lucistrust.org/arcaneschool

Việc huấn luyện cho địa vị đệ tử trong kỷ nguyên mới được cung cấp

bởi *Trường Arcane.* Các nguyên lý của

Minh Triết Ngàn Đời được trình bày thông qua

tham thiền nội môn, học tập và phụng sự như một *lối sống.*

Hãy liên hệ với nhà xuất bản để biết thêm thông tin

www.lucistrust.org/arcaneschool